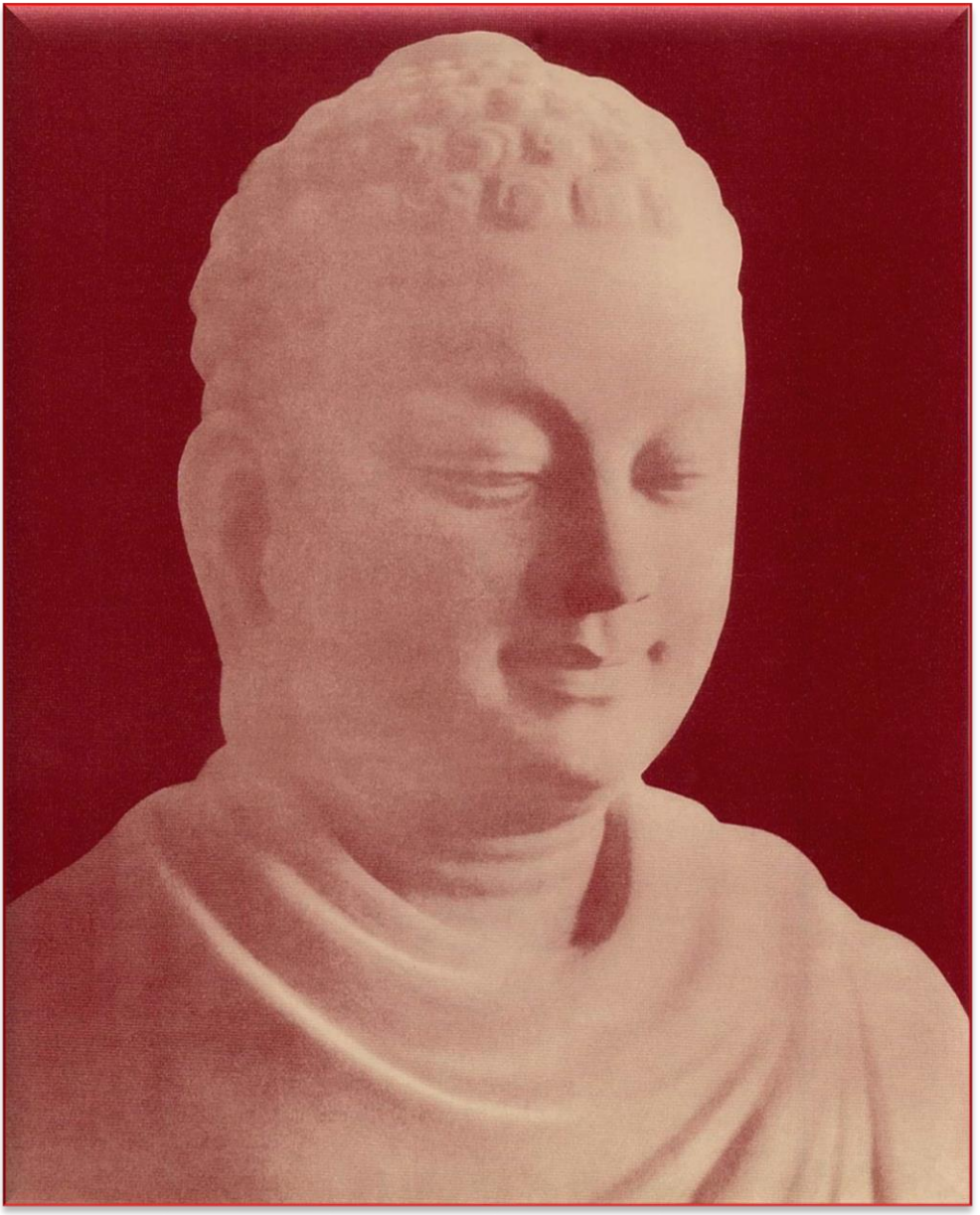


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 105

BỘ DU GIÀ

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 105

BỘ DU GIÀ
II

SỐ 1579

(QUYỂN 43 → 85)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬN DU GIÀ 2 - T105

SỐ 1579 3
LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA 3
QUYỂN 43 3
Phần Bản Địa: Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát 3
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già: Phẩm 13: Tĩnh Lự 3
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát. 7
Đoạn 1: Trì xứ du Già. Phẩm 14: Huệ 7
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ tát. 12
Đoạn 1: Trì Xứ du Già. Phẩm 15: Nhiếp sự. 12
QUYỂN 44 24
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 24
Đoạn 1: Trì xứ du Già: Phẩm 16: Cúng Dường Thân Cận Vô Thượng 24
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ tát. 39
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/1: Bồ Đề Phần 39
QUYỂN 45 45
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 45
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/2: Bồ Đề Phần 45
QUYỂN 46 62
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 62
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/3: Bồ Đề Phần 62
Phần Bản Địa - Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát 66
Đoạn 1: Trì Xứ Du Già. Phẩm 18: Công Đức của Bồ Tát 66
QUYỂN 47 84
Phần Bản địa: Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát 84
Đoạn 2: Trì Xứ Du Già Tùy Pháp Phẩm 1: Tướng Bồ Tát 84
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 88
Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 2: Phần 88
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 91
Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 3: Ý lạc tăng thượng 91
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 95
Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 4/1: Trụ 95
QUYỂN 48 107
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 107
Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 4/2: Trụ 107
Phần Bản địa. Địa thứ 15: Địa Bồ tát. 125
Đoạn 3: Trì xứ du già cứu cánh. Phẩm 1: Sinh 125

Phần Bản địa. Địa thứ 15: Địa Bồ tát. 127
Đoạn 3: Trì xứ du già cứu cánh Phẩm 2: Thâu nhận..... 127
QUYỂN 49 132
Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 132
Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh: Phẩm 3: Địa. 132
Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 135
Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 4: Hành 135
Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 138
Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 5/1: Kiến Lập 138
QUYỂN 50 149
Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 149
Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 5/2: Kiến Lập 149
Phần Bản Địa - Địa thứ 15: Địa Bồ Tát 163
Đoạn 4: Trì Xứ Du Già Thứ Lớp Phẩm: Phát Tâm Chánh Đẳng Bồ Đề.... 163
Phần Bản Địa Địa Thứ 16: Hữu Dư Y 166
Phần Bản Địa. Địa thứ 17: Vô Dư Y 169
QUYỂN 51 172
Phần Nhiếp Quyết Trạch: Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 172
QUYỂN 52 189
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 189
QUYỂN 53 204
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 204
QUYỂN 54 223
Phần Nhiếp Quyết Trạch: Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý. 223
QUYỂN 55 246
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 246
QUYỂN 56 268
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 268
QUYỂN 57 290
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý 290
QUYỂN 58 322
Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ 322
QUYỂN 59 344
Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ 344
QUYỂN 60 366
Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ 366
QUYỂN 61 385
Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ 385
QUYỂN 62 407

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Tam Ma Hí Đa 407
QUYỂN 63 421
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Tam-Ma-Hí-Đa 421
Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Phi Tam-Ma-Hí-Đa 431
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa có Tâm..... 432
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa không Tâm 435
QUYỂN 64 438
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ do Văn tạo Thành 438
QUYỂN 65 465
Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Huệ Do Tư Tạo Thành 465
QUYỂN 66 482
Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Huệ Do Tư Tạo Thành 482
QUYỂN 67 499
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ Do Tu Tạo Thành 499
Phần Nhiếp Quyết Trạch. 502
QUYỂN 68 517
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn..... 517
QUYỂN 69 536
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ Do Tư Tạo Thành 536
QUYỂN 70 557
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn..... 557
QUYỂN 71 581
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn..... 581
QUYỂN 72 599
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 599
QUYỂN 73 621
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 621
QUYỂN 74 639
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 639
QUYỂN 75 663
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 663
QUYỂN 76 686
Phần Nhiếp Quyết Trạch - Địa Bồ Tát 686
QUYỂN 77 703
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 703
QUYỂN 78 724
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 724
QUYỂN 79 752
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 752

QUYỂN 80 772
Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát..... 772
QUYỂN 81 797
Phần Gồm Thâu Giải Thích 1..... 797
QUYỂN 82 819
Phần Gồm Thâu Giải Thích 2..... 819
QUYỂN 83 837
Phần Gồm Thâu Dị Môn 1 837
QUYỂN 84 860
Phần Gồm Thâu Dị Môn 2 860
QUYỂN 85 881
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất..... 881

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 105

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

SỐ 1579

(QUYỂN 43 → 85)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1579

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

Tác giả: Bồ tát Di Lặc giảng thuật,
Bồ tát Vô Trước ghi. Hán dịch: Đời Đường,
Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 43

Phần Bản Địa: Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già: Phẩm 13: Tĩnh Lự

Thế nào là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Tụng nêu:

Tự tánh, Hết thảy, Nan
Tất cả môn, Thiện sĩ
Nhất Thiết chủng, Toại cầu
Hai đời vui, Thanh tịnh.
Chín thứ tướng như thế
Gọi lược nói Tĩnh lự.

Nghĩa là chín thứ tướng Tĩnh lự, gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ tát:

1. Tĩnh lự tự tánh.
2. Tĩnh lự hết thảy.
3. Tĩnh lự Nan hành.
4. Tĩnh lự tất cả môn.
5. Tĩnh lự Thiện sĩ.
6. Tĩnh lự Nhất Thiết chủng.
7. Tĩnh lự Toại cầu.
8. Tĩnh lự đời này đời khác vui.
9. Tĩnh lự Thanh tịnh.

Thế nào là Tĩnh lự Tự tánh của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với Tạng Bồ tát, trước hết là nghe, suy xét, với những diệu thiện thế gian xuất thế gian hiện có, tâm tánh một cảnh, tâm

chính thức an trụ, hoặc nơi phẩm Xa ma tha, hoặc nơi phẩm Tỳ bát xá na, cùng vận hành cả hai, chung nơi hai phẩm. Nên biết tức là Tĩnh lự tự tánh hiện có của Bồ tát.

Thế nào là Tĩnh lự hết thảy của Bồ tát? Tức Tĩnh lự nầy lược có hai thứ:

1. Tĩnh lự thế gian.
2. Tĩnh lự xuất thế gian.

Nên biết hai thứ nầy, theo chỗ ứng hợp lại có ba thứ: Một là: Tĩnh lự Hiện pháp lạc trụ.

Hai là: Tĩnh lự có thể dẫn đến công đức nơi đẳng trì của Bồ tát. Ba là: Tĩnh lự tạo lợi ích cho Hữu tình.

Nếu các Bồ tát, với Tĩnh lự hiện có, xa lìa hết thảy phân biệt, có thể sinh khinh an nơi thâm tâm, tịch tĩnh hết mực, xa lìa kiêu mạn, dứt bỏ vị Ái, trừ hết thảy tướng. Nên biết đó gọi là Tĩnh lự Hiện pháp lạc trụ của Bồ tát.

Hoặc các Bồ tát với Tĩnh lự hiện có, có thể dẫn đến, có thể an trụ nơi vô số đẳng trì thuộc chủng tánh của mười lực là hết sức thù thắng, không thể nghĩ bàn, lường tính. Đẳng trì như thế, tất cả hàng Thanh Văn và Độc giác đều không nhận biết về tên gọi, huống hồ là có thể nhập. Hoặc các Bồ tát, với Tĩnh lự hiện có, có thể dẫn đến, có thể an trụ nơi tất cả Nguyện trí không tranh, Vô ngại giải, Biến xứ, Thắng xứ, Giải thoát của Bồ tát, cùng với công đức hiện có của các hàng Thanh Văn. Nên biết đó gọi là Tĩnh lự có thể dẫn đến công đức Đẳng Trì của Bồ tát.

Tĩnh lự tạo lợi ích cho Hữu tình của Bồ tát có mười một thứ, như trước đã nói, nên biết. Nghĩa là các Bồ tát nương dựa nơi Tĩnh lự, đối với các Hữu tình có thể dẫn đến nghĩa lợi, theo các công việc của họ, cùng làm kẻ trợ giúp. Đối với Hữu tình bị khổ, có thể vì họ mà dứt trừ khổ, có thể nêu giảng đúng như lý. Đối với người có ân thì luôn biết ân biết huệ, hiện tiền báo đáp. Nơi các sự sợ hãi, có thể tạo sự cứu giúp, che chở. Ở nơi chốn mất mát tan hoại, có thể cởi mở mọi sầu khổ. Đối với hạng thiếu thốn, thì bố thí các vật dụng tài sản. Nơi các đại chúng thì khéo có thể giúp đỡ, dẫn dắt. Đối với các Hữu tình khéo thuận theo tâm chuyển. Nơi các bậc thật có đức, Bồ tát nên tán dương khiến hoan hỉ. Đối với kẻ có lỗi lầm thì có thể điều phục chính đáng, vì vật hiện chung thuộc về sợ hãi. Tất cả như thế gọi chung là Tĩnh lự hết thảy của Bồ tát.

Thế nào là Tĩnh lự Nan hành của Bồ tát?

Nghĩa là Tĩnh lự nầy lược có ba loại: Hoặc các Bồ tát đã có thể an trụ

nơi các Tĩnh lự ba dẫn phát từ khổ khéo thành thục hết mực là thù thắng, rộng lớn, theo chỗ vui muốn của mình, xả bỏ chỗ vui tối thắng nơi các Tĩnh lự, vì thương xót Hữu tình , nên cùng quán xét vô lượng sự việc lợi ích cho Hữu tình, vì để thành thụ các nghĩa lợi cho họ, nên tâm ý xét chọn, sanh trở lại nơi cõi dục. Nên biết đó gọi là Tĩnh lự nan hành thứ nhất của Bồ tát.

Hoặc các Bồ tát dựa nương nơi Tĩnh lự, có thể phát khởi vô lượng vô số thứ loại đẳng trì của Bồ tát là không thể nghĩ bàn, vượt quá hết thảy cảnh giới hành trì của hàng Nhị thừa. Nên biết đó gọi là Tĩnh lự nan hành thứ hai của Bồ tát.

Hoặc các Bồ tát dựa vào Tĩnh lự, nên mau chóng chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Nên biết đó gọi là Tĩnh lự Nan hành thứ ba của Bồ tát.

Thế nào là Tĩnh lự tất cả môn của Bồ tát? Nghĩa là Tĩnh lự nầy lược có bốn loại:

1. Tĩnh lự có Tầm có Tứ.
2. Tĩnh lự cùng hành với Hỷ.
3. Tĩnh lự cùng hành với Lạc.
4. Tĩnh lự cùng hành với Xả.

Thế nào là Tĩnh lự Thiện sĩ của Bồ tát? Tức Tĩnh lự nầy lược có năm loại:

1. Tĩnh lự không có Vị Ái.
2. Tĩnh lự cùng hành với Từ.
3. Tĩnh lự cùng hành với Bi.
4. Tĩnh lự cùng hành với Hỷ.
5. Tĩnh lự cùng hành với Xả.

Thế nào là Tĩnh lự Nhất thiết chủng của Bồ tát?

Nghĩa là Tĩnh lự nầy lược có sáu loại, bảy loại, gồm chung là mười ba loại.

Nói sáu thứ, tức:

1. Tĩnh lự thiện.
2. Tĩnh lự Biến hoá vô ký.
3. Tĩnh lự của phẩm Xa ma tha.
4. Tĩnh lự của phẩm Tỳ bát xá na.
5. Tĩnh lự tư duy đúng, kỹ về tự lợi lợi tha.
6. Tĩnh lự có thể dẫn đến uy lực công đức, uy lực của thần thông.

Nói bảy loại là:

1. Tĩnh lự duyên nơi danh.

2. Tĩnh lự duyên nơi Nghĩa.

3. Tĩnh lự duyên nơi tướng chỉ.

4. Tĩnh lự duyên nơi tướng khởi động.

5. Tĩnh lự duyên nơi tướng Xả.

6. Tĩnh lự trụ nơi duyên pháp lạc.

7. Tĩnh lự có thể tạo lợi ích cho kẻ khác.

Mười ba thứ như vậy gọi là Tĩnh lự Nhất thiết chủng của Bồ tát. Thế nào là Tĩnh lự Toại cầu của Bồ tát?

Nghĩa là Tĩnh lự nầy lược có tám loại:

1. Tĩnh lự đối với vô số tai hoạ như các thứ thuốc độc, các loại sương tuyết, mưa đá, các thứ khí nóng độc hại... đều có thể dứt trừ, có thể thành chỗ dựa của chú thuật.

2. Tĩnh lự, đối với cảnh giới cùng trái nghịch sanh ra các bệnh có thể dứt trừ.

3. Tĩnh lự, đối với những tai hoạ như mất mùa, đói khát, lúc hiện tiền, có thể hưng khởi, tạo ra mưa lớn cam lồ.

4. Tĩnh lự, đối với vô số nhân, phi nhân kia đã tạo ra các thứ sợ hãi nơi nước, đất liền, đều có thể cứu vớt chính đáng.

5. Tĩnh lự, đối với các Hữu tình thiếu thốn về thức ăn uống, bị lạc vào chốn đồng ruộng hoang vắng, có thể bố thí các thức ăn uống.

6, Tĩnh lự đối với các Hữu tình không có tài sản, địa vị, cần được hoá độ, có thể bố thí vô số của cải, ngôi vị.

7. Tĩnh lự, đối với các Hữu tình phóng dật trong mười phương, đều có thể chính tức khuyên can, dẫn dạy.

8. Tĩnh lự, đối với các Hữu tình theo chỗ sinh khởi các sự việc nên làm, đều có thể chính thức tạo ra.

Thế nào là Tĩnh lự đời nầy đời khác vui của Bồ tát? Tức Tĩnh lự nầy lược có chín thứ:

1. Tĩnh lự biến hiện thần thông điều phục Hữu tình.

2. Tĩnh lự biến hiện "Ký Thuyết" điều phục Hữu tình.

3. Tĩnh lự biến hiện sự dạy, khuyên điều phục Hữu tình.

4. Tĩnh lự đối với kẻ tạo ác, thị hiện cõi Ác.

5. Tĩnh lự đối với kẻ mất biện tài, có thể ban cho biện tài.

6. Tĩnh lự đối với kẻ mất niệm, có thể ban cho chánh niệm.

7. Tĩnh lự chế tạo, kiến lập Luận không điên đảo, tán dương Ma đát lý ca (Luận) vi diệu, có thể khiến cho chánh pháp trụ lâu.

8. Tĩnh lự, đối với các xứ nghiệp công xảo của thế gian, có thể dẫn đến nghĩa lợi, tạo lợi ích cho Hữu tình. Các thứ về sách vở, toán số, đo lường, in ấn... các vật dụng nuôi sống với đủ thứ loại sai biệt, đều có thể theo đấy mà tạo ra.

9. Tĩnh lự, đối với các Hữu tình sinh nơi cõi Ác cần ba hoá độ, vì muốn họ tạm thời dứt bỏ các khổ, nên phóng hào quang lớn toả chiếu tiếp xúc.

Thế nào là Tĩnh lự thanh tịnh của Bồ tát? Tức Tĩnh lự nầy lược có mười loại:

1. Tĩnh lự thanh tịnh do lìa các vị ái khiến thế gian tịnh.

2. Tĩnh lự thanh tịnh do xuất thế gian không có nhiễm ô.

3. Tĩnh lự thanh tịnh do Gia hạnh tịnh.

4. Tĩnh lự thanh tịnh do đạt được căn bản tịnh.

5. Tĩnh lự thanh tịnh do căn bản thắng tiến tịnh.

6. Tĩnh lự thanh tịnh do nhập, trụ xuất tự tại tịnh.

7. Tĩnh lự thanh tịnh do xả Tĩnh lự rồi trở lại chứng nhập tự tại tịnh.

8. Tĩnh lự thanh tịnh với thần thông biến hiện tự tại tịnh.

9. Tĩnh lự thanh tịnh do lìa tất cả kiến chấp tịnh.

10. Tĩnh lự thanh tịnh do tất cả phiền não chướng, sở tri chướng đều tịnh.

Tĩnh lự như vậy là vô lượng vô biên, có thể chứng đắc đạo quả đại Bồ đề của Bồ tát. Bồ tát dựa vào đấy, làm viên mãn Tĩnh lự Ba-la- mật-đa, có thể đối với quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng mau chóng đã chứng đắc, hiện chứng đắc, sẽ chứng đắc.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát.

Đoạn 1: Trì xứ du Già. Phẩm 14: Huệ

Thế nào là Huệ Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Tụng nêu:

Tự tánh, Hết thảy, Nan
Tất cả môn, Thiện sĩ

Nhất thiết chủng, Toại cầu
Hai đời vui, Thanh tịnh.

Chín thứ tướng như thế, là lược nói về Huệ.

Tức chín thứ Tướng Huệ gọi là Huệ Ba la mật đa của Bồ tát:

1. Huệ Tự tánh.
2. Huệ Hết thảy.
3. Huệ Nan hành.
4. Huệ Tất cả môn.
5. Huệ Thiện sĩ.
6. Huệ Nhất thiết chủng.
7. Huệ Toại cầu.
8. Huệ Đời nầy đời khác vui.
9. Huệ Thanh tịnh.

Thế nào là Huệ Tự tánh của Bồ tát?

Nghĩa là có thể ngộ nhập nơi tất cả đối tượng nhận thức. Đã ngộ nhập rồi thì lựa chọn, phân biệt các pháp, duyên khắp tất cả xứ năm minh cùng chuyển.

1. Xứ Nội minh.
2. Xứ Nhân minh.
3. Xứ Y phương minh.
4. Xứ Thanh minh.
5. Xứ Công nghiệp minh.

Nên biết đó tức là Tự tánh nơi tất cả Huệ của Bồ tát. Thế nào là Huệ hết thảy của Bồ tát?

Nên biết Huệ nầy lược có hai thứ:

1. Huệ Thế gian.
2. Huệ Xuất thế gian.

Hai loại nầy lược nói lại có ba thứ:

Mộ là: Huệ có thể ở nơi đối tượng nhận thức, theo sự nhận biết thông đạt chân thật.

Hai là: Huệ có thể đối với năm xứ minh như đã nói cùng trong ba Tụ thiện xảo quyết định.

Ba là: Huệ có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả Hữu tình. Nếu các Bồ tát, nơi tánh vô ngã của pháp lìa ngôn thuyết, hoặc nơi chân đế nhằm đạt giác

ngộ, hoặc nơi chân đế lúc chính thức tỉnh giác, hoặc nơi chân đế tỉnh giác trở về sau, với diệu Huệ hiện có tịch tĩnh tối thắng, hiện tiền sáng rõ, không có phân biệt, lìa các hý luận, đối với tất cả pháp tỏ ngộ tánh bình đẳng, nhập nơi tổng tương lớn, thấu đạt tất cả biên vực của đối tượng nhận thức, xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, thuận nhập Trung đạo. Đó gọi là Huệ có thể ở nơi đối tượng nhận thức theo chỗ giác ngộ thông đạt chân thật. Hoặc các Bồ tát nơi năm xứ minh thiện xảo quyết định, nói rộng như nơi phẩm Chủng Tánh của Lực ở trước, nên biết về tướng. Cùng ở trong ba Tụ, khéo léo quyết định. Nghĩa là đối với pháp tụ có thể dẫn đến nghĩa lợi, đối với pháp tụ có thể dẫn đến phi nghĩa lợi, đối với pháp tụ có thể dẫn đến phi nghĩa lợi phi phi nghĩa lợi, đều nhận biết đúng như thật. Nơi tám xứ ấy với diệu Huệ hiện có đều khéo léo thâu nhận, có thể mau chóng viên mãn tư lương của diệu trí rộng lớn vô thượng, nhanh chóng chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Huệ có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả Hữu tình có mười một thứ, như trước đã nêu, nên biết, tức diệu Huệ hiện có nơi bậc kia. Đó gọi là Huệ tạo lợi ích cho Hữu tình.

Thế nào là Huệ Nan hành của Bồ tát? Nên biết Huệ nầy lược có ba loại:

Nếu các Bồ tát có thể nhận biết pháp thâm diệu với Trí vô ngã, đó gọi là Huệ Nan hành thứ nhất.

Hoặc các Bồ tát có thể hiểu rõ về Trí phương tiện để điều phục Hữu tình , đó gọi là Huệ Nan hành thứ hai.

Hoặc các Bồ tát nhận biết rõ về tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức với Trí không chướng ngại, đó gọi là Huệ Nan hành thứ ba.

Thế nào là Huệ Tất cả môn của Bồ tát? Nên biết Huệ nầy lược có bốn loại:

Nghĩa là Huệ đối với Tạng Thanh văn và Tạng Bồ tát, với Huệ thắng diệu do văn, tư tạo thành, Bồ tát ở trong ấy có thể xét chọn chỗ nêu tạo tác, nên tuỳ chuyển, cùng chỗ không nên tạo tác, nên dừng dứt, thuộc về lực xét chọn, cùng vô lượng Huệ thuộc lực tu tập địa Tam ma hí đa.

Thế nào là Huệ Thiện sĩ của Bồ tát? Nên biết Huệ nầy lược có năm loại:

1. Huệ được tập thành do lắng nghe chánh pháp.
2. Huệ cùng hiện hành với bên trong tác ý đúng đắn.
3. Huệ cùng hiện hành với phương tiện hành tự lợi, lợi tha.
4. Huệ ở trong pháp trụ, pháp an lập của các pháp không điên đảo,

khéo quyết định.

5. Huệ xả bỏ phiền não.

Lại có môn khác:

1. Huệ vi tế: Ngộ nhập đối tượng nhận thức như Tánh hiện có.

2. Huệ hoàn bị: Ngộ nhập đối tượng nhận thức tận cùng Tánh hiện có.

3. Huệ câu sanh: Do tư lương của Trí từ đới trước tập thành.

4. Huệ cụ giáo: Lá các chúng Bồ tát đã nhập đại địa có thể ở nơi chư Phật, lãnh hội nghĩa pháp, thọ trì đầy đủ.

5. Huệ cụ chứng: Từ chỗ thâu nhận của địa Tịnh ý lạc cho đến địa cứu cánh.

Thế nào là Huệ Nhất thiết chủng của Bồ tát?

Nên biết Huệ nầy có sáu thứ, bảy thứ, tổng cộng là mười ba thứ:

- Sáu thứ Huệ là: Tức bốn Trí Khổ, Tập, Diệt đạo nơi các đế cùng hai Trí là Tận Trí, Vô sanh trí nơi quả vị cứu cánh. Đó gọi là sáu Huệ.

- Bảy thứ Huệ gồm:

1. Pháp Trí.

2. Loại Trí.

3. Trí Thế Tục.

4. Trí Thần Thông.

5. Trí Tướng.

6. Trí của mười Lực tiền hành.

7. Trí Chánh đạo lý trong bốn đạo lý. Thế nào là Huệ Toại cầu của Bồ tát?

Nên biết Huệ nầy lược có tám loại:

1. Trí dựa nơi pháp dị môn: đó là Huệ nơi pháp vô ngại của Bồ tát.

2. Trí dựa nơi pháp tướng: Đó là Huệ nơi nghĩa vô ngại của Bồ tát.

3. Trí dựa nơi pháp giải thích Từ: Đó là Huệ nơi giải thích Từ vô ngại của Bồ tát.

4. Trí dựa nơi câu sai biệt của phẩm loại pháp: Đó là Huệ nơi biệt tài vô ngại của Bồ tát.

5. Huệ hàng phục tất cả Luận nơi kẻ khác của Bồ tát.

6. Huệ thành lập tất cả Tự Luận của Bồ tát.

7. Huệ giáo huấn đúng đắn về việc tạo dựng sự nghiệp, của cải nơi

gia đình.

8. Huệ khéo lãnh hội vô số sự việc thuộc vương pháp thế gian. Thế nào là Huệ đời nầy đời khác vui của Bồ tát?

Nên biết Huệ nay lược có chín thứ: Nghĩa là các Bồ tát, nơi xứ Nội minh với Huệ có thể khéo thông sáng, khéo an trụ. Là Huệ đối với bốn xứ Minh còn lại (Y phương minh, Nhân minh, Thanh minh, Thế công nghiệp minh) đều có thể khéo thông sáng, không an trụ.

Tất cả Bồ tát đều dùng Huệ khéo thông tỏ nơi năm xứ Minh như thế làm chỗ nương dựa, đối với các Hữu tình khác ngu si, phóng dật, khiếp nhược cần được hoá độ, khiến họ siêng tu chánh hạnh, Bồ tát dùng Huệ thị hiện sự chỉ dạy, dẫn dắt, khen ngợi, khuyến khích, vui vẻ, an ủi.

Thế nào là Huệ thanh tịnh của Bồ tát? Nên biết Huệ nầy lược có mười thứ:

- Nơi nghĩa chân thật có hai thứ Huệ: Nghĩa là do đạt tận cùng Tánh hiện có, cùng như tánh hiện có chọn lấy nghĩa chân thật.

- Nơi nghĩa lưu chuyển có hai thứ Huệ: Nghĩa là chọn lấy nhân quả đúng đắn.

- Nơi nghĩa chấp thọ có hai thứ Huệ: Tức nhận biết rõ đúng như thật về điên đảo, không điên đảo.

- Nơi nghĩa phương tiện có hai thứ Huệ: Như nhận biết rõ đúng đắn như thật về chỗ nên làm, chỗ không nên làm.

- Nơi nghĩa cứu cánh, có hai thứ Huệ: Là nhận biết rõ đúng như thật về thanh tịnh và tạp nhiễm.

Năm nghĩa Huệ tịnh với mười thứ sai biệt như vậy, nên biết đó gọi là Huệ thanh tịnh tối thắng của Bồ tát.

Như thế là Bồ tát với vô lượng diệu Huệ, đã hết sức khéo quyết định, nên có thể chứng đắc quả Đại Bồ đề của mình. Bồ tát dựa vào đấy, có thể làm viên mãn Huệ Ba la mật đa, mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Lại nữa, sáu thứ Ba la mật đa như vậy, Đức Thế Tôn trong khắp các kinh đã giảng nói rộng. Nay ở đây, thâu gồm tại một xứ, để lược nói, nên biết. Nghĩa là Phật thuyết giảng trong kinh về Thí Ba la mật đa hiện có, cho đến huệ Ba la mật đa, hoặc nêu lên , hoặc giải thích, mọi sự giải thích ấy đều có ở đây. Hoặc về Thí tự tánh nói rộng cho đến hoặc Thí Thanh tịnh, hướng nhập, thâu nhận, như chỗ ứng hợp đều nên nhận biết rõ. Như vậy, về chỗ còn lại, như đã nêu giảng về Giới cho đến Huệ, hướng nhập, thâu nhận, như chỗ ứng hợp cũng nên nhận biết rõ.

Lại, các đức Như Lai, lúc còn là Bồ tát, vô lượng bản sanh tương ưng với khổ hạnh khó hành hiện có trong chỗ hành trì tất cả hạnh Bồ tát, nên biết hết thảy cùng tương ưng với Thí, nương dựa nơi Thí. Như nói về Thí, thì về Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Huệ, tương ưng, nương dựa nơi năm thứ ấy, nên biết cũng như vậy. Hoặc chỉ dựa nơi Thí, nói rộng cho đến hoặc chỉ dựa nơi Huệ. Hoặc cùng dựa cả hai, hoặc cùng dựa cả ba, hoặc cùng dựa nơi bốn, hoặc cùng dựa cả năm thứ, hoặc cùng dựa nơi tất cả sáu Ba-la-mật-đa, đều nên nhận biết rõ.

Sáu thứ Ba-la-mật-đa như thế, Bồ tát vì nhằm chứng đắc quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng, nên tinh tấn tu tập biển pháp bạch lớn, gọi là biển pháp bạch rộng lớn, là nhân của sự viên mãn hết thảy chủng loại của tất cả Hữu tình, gọi là Ao, suối báu lớn tuôn trào nước thí, tức như chỗ tích tập vô tư lương phước trí, không có quả khác nào có thể tương xứng, chỉ trừ đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Đoạn 1: Trì Xứ du Già. Phẩm 15: Nhiếp sự.

Thế nào là bốn thứ Nhiếp sự của Bồ tát? Tụng nêu:

Tự tánh, Hết thảy, Nan
Tất cả môn, Thiện sĩ
Nhất Thiết chủng, Toại cầu
Hai đời vui, Thanh tịnh.

Chín thứ tướng như thế. Là lược nói Nhiếp sự.

Nghĩa là chín thứ Tướng Nhiếp sự, gọi là bốn thứ Nhiếp sự của Bồ tát:

1. Nhiếp sự tự tánh.
2. Nhiếp sự Hết thảy
3. Nhiếp sự Nan hành.
4. Nhiếp sự Tất cả môn.
5. Nhiếp sự Thiện sĩ.
6. Nhiếp sự Nhất Thiết chủng.
7. Nhiếp sự Toại cầu.
8. Nhiếp sự đời nầy đời khác vui.
9. Nhiếp sự Thanh tịnh.

Thế nào là Ái ngữ tự tánh của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với các Hữu tình luôn vui thích tuyên thuyết lời vui vẻ hợp ý, lời chân thật, lời đúng pháp, thâu dẫn lời hợp nghĩa. Nên biết đó gọi là lược nói về tự tánh nơi Ái ngữ của Bồ tát.

Thế nào là Ái ngữ Hết thảy của Bồ tát? Nghĩa là Ái ngữ nầy lược có ba thứ:

1. Ái ngữ của Bồ tát nêu ra để an ủi. Do Ái ngữ nầy nên Bồ tát đối với nơi các Hữu tình luôn xa lìa buồn rầu, cau có. trước phát khởi lời thiện, dung mạo thư thái, mỉm cười, dùng mọi lời vui vẻ, thuận hợp để vấn an.

2. Ái ngữ của Bồ tát nêu ra để chúc mừng. Do Ái ngữ nầy nên Bồ tát hoặc thấy Hữu tình kia với vợ con, quyến thuộc, gia sản dồi dào, đầm ấm mà không tự biết. Như chỗ nên nhận biết, Bồ tát nêu bày rõ để chúc mừng. Hoặc biết về tín, giới, văn, xả, Huệ có tăng trưởng. Bồ tát cũng lại chúc mừng.

3. Ái ngữ của Bồ tát nêu đặt để tạo lợi ích thù thắng: do Ái ngữ nầy nên Bồ tát giảng nói về các thứ đức viên mãn, giáo pháp tương ưng, tạo lợi ích an lạc cho hết thảy Hữu tình, luôn hiện tiền dùng lời nói lợi ích thù thắng để tạo lợi ích. Đó gọi là chỗ sai biệt về Ái ngữ hết thảy của Bồ tát.

Thế nào là lược nói về Ái ngữ Hết thảy của Bồ tát như thế? Nên biết Ái ngữ nầy lược có hai loại:

1. Ái ngữ thuận theo phép tắc của thế gian.

2. Ái ngữ thuận với chánh pháp giáo hoá.

Hoặc là Ái ngữ an ủi, hoặc là Ái ngữ chúc mừng, nên biết đó gọi là Ai ngữ thuận theo phép tắc của thế gian.

Nếu là Ái ngữ tạo lợi ích thù thắng, nên biết đó gọi là Ai ngữ thuận theo chánh pháp giáo hoá.

Thế nào là Ái ngữ Nan hành của Bồ tát? Nên biết Ái ngữ nầy lược có ba loại:

Hoặc các Bồ tát đối với các thứ bạn ác, oán gia có thể giết hại, dùng tâm thiện tịnh, tân không uế trược, xét chọn mà nói, hoặc nói lời an ủi, hoặc nói lời chúc mừng, hoặc nói lời lợi ích thù thắng, nên biết đó gọi Ai ngữ nan hành thứ nhất của Bồ tát.

Hoặc các Bồ tát, ở chỗ các Hữu tình độn ăn, ngu tối bậc nhất, tâm không nghi hoặc, xét chọn mà nói vô số giáo pháp, nguyện nhận lấy sự mệt nhọc, khéo thâu giữ đúng như lý như pháp. Nên biết đó gọi là Ái ngữ nan hành thứ hai của Bồ tát.

Hoặc các Bồ tát, ở chỗ các Hữu tình dua nịnh, dối gạt đối với các bậc

tôn trưởng, Thân giáo sư, Quỹ phạm sư, là phước điền chân thật, hoặc hành theo hạnh tà, ác, đem tâm không giận trách, tâm không hận phiền, xét chọn mà nói: Hoặc nói lời an ủi, hoặc nói lời chúc mừng, hoặc nói lời lợi ích thù thắng, nên biết đó gọi là Ái ngữ nan hành thứ ba của Bồ tát.

Thế nào là Ái ngữ tất cả môn của Bồ tát? Nên biết Ái ngữ nầy lược có bốn loại:

1. Ái ngữ nhằm đoạn trừ các thứ ngăn che, hướng tới cõi thiện: Là nói pháp nên tạo tác lúc trước.

2. Ái ngữ xa lìa các thứ ngăn che, tâm hoà hợp thiện: Là nói hành pháp tương ưng như bốn Thánh đế tăng tiến.

3. Ái ngữ đối với hàng tại gia, xuất gia có nhiều phóng dật: thì khuyên can, chỉ dạy một cách thuận hợp, tạo phương tiện khiến họ lìa khỏi hành phóng dật, trụ nơi hành không phóng dật.

4. Ái ngữ đối với kẻ ở trong các pháp có nhiều nghi hoặc, vì khiến cho họ nơi vị lai lìa mọi nghi ngờ, nên vì họ giảng nói chánh pháp, luận nghĩa quyết định lựa chọn.

Thế nào là Ái ngữ Thiện sĩ của Bồ tát? Nên biết Ái ngữ nầy lược có năm loại:

Nghĩa là các Bồ tát vì nhằm hóa độ chúng sanh, nên có thể thuyết giảng các pháp của Như Lai và các Bồ tát: như pháp có nhân duyên, pháp có xuất ly, pháp có chỗ dựa, pháp có quyết đoán dũng mãnh, pháp có thần biến. Nếu pháp nêu giảng đạt được xứ có nhân, chế lập Học xứ, vì thế pháp ấy gọi là có nhân duyên. Hoặc pháp được nêu giảng, nơi chỗ thọ học có kẻ huỷ phạm, thì nêu bày để trở lại thanh tịnh. Do đó pháp ấy gọi là pháp xuất ly. Hoặc pháp được nêu giảng thuộc về bốn thứ nương dựa, nên thiết lập pháp luật chánh hành không điên đảo, vì thế pháp nầy gọi là chỗ dựa.

Hoặc pháp được thuyết giảng có thể hiển bày đúng đắn về hành không thối hoàn của tất cả khổ, do đấy pháp nầy gọi là có quyết đoán dũng mãnh. Hoặc pháp được giảng nói tạo ba thứ thần biến, hết thảy chỗ nêu bày đều không hư dối, vì thế pháp nầy gọi là có thần biến.

Thế nào là Ái ngữ Nhất Thiết chủng của Bồ tát?

Nên biết Ái ngữ nầy lược có sáu thứ, bảy thứ, tổng cộng là mười ba thứ:

Nói sáu thứ là:

1. Ái ngữ đối với pháp nên nghe theo thì mở bày khiến nghe.

2. Ái ngữ đối với pháp nên hạn chế thì ngăn chận.

3. Ái ngữ mở bày chỉ rõ về các pháp môn.

4. Ái ngữ mở bày chỉ rõ về pháp tướng thuận hợp.

5. Ái ngữ mở bày chỉ rõ ngôn từ của các pháp được giảng dạy không điên đảo.

6. Ái ngữ mở bày chỉ rõ về phẩm loại sai biệt của Pháp cú thuận hợp.

Nói bảy thứ là:

1. Ái ngữ an ủi, khuyến dụ.

2. Ái ngữ chúc mừng.

3. Ái ngữ đối với các Hữu tình khác, trong tất cả vật dụng sinh sống cùng hết thảy việc làm đều thiếu mong muốn, Bồ tát tận tình giúp đỡ.

4. Ái ngữ an ủi vô số sự kinh hãi.

5. Ái ngữ nêu bày các pháp thuộc về như lý.

6. Ái ngữ vì muốn khiến cho kẻ khác ra khỏi xứ bất thiện an trụ nơi xứ thiện, đạt được chánh kiến.

7. Ái ngữ thỉnh cầu kẻ khác có sức mạnh tạo lợi ích. Mười ba thứ Ai ngữ như thế, nên biết gọi là Ái ngữ Nhất Thiết chủng của Bồ tát.

Thế nào là Ái ngữ toại cầu của Bồ tát? Nên biết Ái ngữ nầy lược có tám loại:

Nghĩa là các Bồ tát dựa nơi bốn Tịnh ngữ, khởi tám Thánh ngữ.

Đó gọi là Ái ngữ Toại cầu của Bồ tát.

Bốn Tịnh ngữ là lìa vọng ngữ, lìa nói lời ly gián, thô ác, thêu dệt.

Tám Thánh ngữ: Nghĩa là thấy nói thấy, nghe nói là nghe, hiểu nói là hiểu, biết nói là biết. Không thấy nói là không thấy, không nghe nói là không nghe, không hiểu nói là không hiểu, không biết nói là không biết.

Thế nào là Ái ngữ hai đời vui của Bồ tát? Nên biết Ái ngữ nầy lược có chín loại:

1. Ái ngữ thuyết giảng chánh pháp đoạn trừ những nạn của hàng thân thuộc ưu sầu.

2. Ái ngữ giảng nói chánh pháp đoạn trừ những nạn về của cải, địa vị khiến ưu sầu.

3. Ái ngữ nêu giảng chánh pháp đoạn trừ những nạn về không bệnh khiến buồn sầu.

4. Ái ngữ giảng nói chánh pháp đoạn trừ các khổ do khó khăn về

Tịnh giới.

5. Ái ngữ nêu giảng chánh pháp đoạn trừ các khổ do khó khăn về chánh kiến.

6. Ái ngữ giảng nói chánh pháp khen ngợi về Tịnh giới viên mãn.

7. Ái ngữ nêu giảng chánh pháp khen ngợi về chánh kiến viên mãn.

8. Ái ngữ giảng nói chánh pháp khen ngợi về phép tắc viên mãn.

9. Ái ngữ nêu giảng chánh pháp khen ngợi về chánh mạng viên mãn.

Thế nào là Ái ngữ Thanh tịnh của Bồ tát?

Nên biết Ái ngữ nầy có hai mươi thứ: Nghĩa là hai mươi Tướng tuyên thuyết chánh pháp, như nơi phẩm Chủng tánh của lực đã nói ở trước.

Thế nào là Lợi Hành của Bồ tát?

Nghĩa là lợi hành nầy quảng diễn như Ái ngữ, nên biết về Tướng.

Nhưng có sai biệt: Tức các Bồ tát do tất cả phẩm nơi Ái ngữ sai biệt theo đấy mà nói về chỗ nghĩa hướng tới lợi hành, vì tạo lợi ích cho Hữu tình nên gọi là Lợi Hành.

Thế nào là Lợi Hành tự tánh của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát do Ai ngữ kia, vì các Hữu tình thị hiện chánh lý theo chỗ ứng hợp, nơi các việc học, thuận với nghĩa lợi hành pháp tuỳ pháp hành. Trong hành như thế, an trụ nơi tâm bi, tâm không ái nhiễm, khuyên dẫn, điều phục, kiến lập xứ an ổn. Đó gọi là lược nói về tự tánh của Lợi Hành.

Thế nào là Lợi Hành hết thảy của Bồ tát? Nên biết Lợi Hành nầy lược có hai loại:

1. Lợi Hành đối với các Hữu tình chưa thành thục, thì có thể thành thục.

2. Lợi Hành đối với các Hữu tình đã thành thục thì khiến Giải thoát.

Tức Lợi Hành nầy lại có ba môn:

Một là: Lợi Hành đối với lợi của Hiện pháp thì khuyến khích, dẫn dắt.

Hai là: Lợi Hành đối với lợi của Hậu pháp thì khuyên, dẫn.

Ba là: Lợi Hành đối với lợi của Hiện pháp, Hậu pháp đều khuyên dẫn.

- Lợi Hành đối với lợi của Hiện pháp khuyên, dẫn: Nghĩa là dùng pháp để khuyên, dẫn chính đáng, chiêu tập đức nghiệp, giữ gìn, làm tăng trưởng tài sản, ngôi vị. Nên biết đó gọi là Lợi Hành đối với lợi lạc của Hiện pháp khuyến khích, dẫn dắt. Do đấy có thể khiến từ nơi kẻ khác đạt được

tiếng khen rộng lớn, cùng hiện pháp lạc, vì vật dụng nuôi sống thâu nhận, an trụ nơi lạc.

- Lợi Hành đối với lợi lạc của Hậu pháp khuyên, dẫn: Nghĩa là chính thức khuyên, dẫn Hữu tình từ bỏ của cải, địa vị, thanh tịnh xuất gia, thọ hành khất thực để tự sinh sống. Nên biết đó gọi là Lợi Hành đối với lợi lạc của Hậu pháp khuyến khích, dẫn dắt. Do đấy có thể khiến quyết định đạt được hậu pháp an lạc.

- Lợi Hành đối với lợi lạc của Hiện pháp, Hậu pháp khuyên dẫn: Tức chánh thức khuyên, dẫn hàng tại gia hoặc hàng xuất gia lần lượt tu tập hướng tới lìa dục. Nên biết đó gọi là Lợi Hành đối với lợi lạc của Hiện pháp Hậu pháp khuyến khích, dẫn dắt. Do đấy, nên có thể khiến cho Hữu tình ở trong Hiện pháp đạt được thân tâm khinh an, trụ nơi an lạc. Ở trong Hậu pháp, hoặc sanh nơi tịnh thiên, hoặc ở nơi cảnh giới Niết bàn vô dư mà Bát Niết bàn.

Thế nào là Lợi Hành nan hành của Bồ tát? Nên biết Lợi Hành nầy lược có ba loại:

Hoặc các Bồ tát, trước chưa hành tạo nhân của thiện căn thù thắng, nay ở chỗ các Hữu tình có thể hành Lợi hành. Đó gọi là Lợi Hành nan hành thứ nhất. Vì sao? Vì các Hữu tình kia khó khuyến khích, dẫn dắt.

Hoặc các Bồ tát đối với những Hữu tình có nhân thiện, hiện tiền chấp trước về tài sản, địa vị rộng lớn, ác vật dụng đầy đủ. Bồ tát ở cho những Hữu tình ấy có thể hành Lợi hành. Đó gọi là Lợi Hành nan hành thứ hai. Vì sao? Vì các Hữu tình ấy ở nơi xứ phóng dật tham đắm buông lung.

Hoặc các Bồ tát đối với những ngoại đạo chấp theo dị đạo hành tà kiến tà hạnh, Bồ tát ở chỗ các chúng sanh ấy có thể hành Lợi hành. Đó gọi là Lợi Hành nan hành thứ ba. Vì sao? Vì các Hữu tình kia, đối với tông chỉ của mình ngu si chấp trước, đối với chánh pháp luật thì ghét bỏ.

Thế nào là Lợi Hành tất cả môn của Bồ tát? Nên biết Lợi Hành nầy lược có bốn loại:

Nghĩa là các Bồ tát, đối với các Hữu tình không tin, thì ở nơi Tín viên mãn, ân cần khuyến khích, dẫn dắt, cho đến kiến lập. Đối với các Hữu tình phạm giới, thì ở nơi Giới viên mãn ân cần khuyến khích, dẫn dắt, cho đến kiến lập. Đối với các Hữu tình ác Huệ, thì ở nơi Huệ viên mãn ân cần khuyến khích, dẫn dắt, cho đến kiến lập. Đối với các Hữu tình tham lam keo kiệt, thì Bồ tát ở nơi xả viên mãn ân cần khuyến khích, dẫn dắt, cho đến kiến lập.

Thế nào là Lợi Hành Thiện sĩ của Bồ tát? Nên biết Lợi Hành nầy lược

có năm loại:

Nghĩa là các Bồ tát, nơi nghĩa chân thật khuyên, dẫn Hữu tình. Nơi thời điểm ưng hợp khuyên dẫn Hữu tình. Nơi chỗ có thể thâu dẫn nghĩa lợi thắng diệu khuyên dẫn Hữu tình. Đối với các Hữu tình nên dịu dàng khuyên dẫn. Đối với các Hữu tình nên đem tâm Từ khuyên dẫn.

Thế nào là Lợi Hành Nhất Thiết chủng của Bồ tát?

Nên biết Lợi Hành nầy lược có sáu loại, bảy loại, tổng cộng là mười ba loại.

- Những gì là sáu loại? Nghĩa là cá Bồ tát: Hoặc các Hữu tình nên thâu nhận, thì chính thức thâu nhận, hoặc các Hữu tình nên điều phục, thì chính thức điều phục. Hoặc các Hữu tình tâm ý trái bỏ Thánh giáo thì khiến dứt trừ tâm ý giận phiền. Hoặc các Hữu tình trụ trong xứ, giới, thì khiến họ nhập nơi Thánh giáo. Hoặc các Hữu tình đã nhập Thánh giáo, thì chính thức ở nơi ba Thừa khiến họ thành thục. Hoặc các Hữu tình đã thành thục thì khiến họ đạt Giải thoát.

- Những gì là bảy loại? Nghĩa là các Bồ tát, đối với các Hữu tình được hoá độ đã một phần an xứ, thì nơi tư lương thiện khiến luôn giữ gìn, nuôi lớn, thì hoặc đối với việc xa lìa, hoặc đối với tâm tánh một cảnh, hoặc đối với hành làm thanh tịnh các chướng, hoặc đối với việc tu tập tác ý, đều chánh thức an xứ. Hoặc có các Hữu tình thuộc chủng tánh Như Lai, tức ở trong Thừa tối thượng của đạo quả chánh đẳng Bồ đế vô thượng, chính thức an xứ.

Thế nào là Lợi Hành Toại cầu của Bồ tát?

Nên biết Lợi Hành nầy lược có tám loại: Nghĩa là các Bồ tát nhận thấy các Hữu tình ở nơi chốn nên xấu hổ, vì bị không xấu hổ trói buộc, thì Bồ tát tạo phương tiện để cởi mở khiến họ lìa mọi trói buộc kia. Cũng vậy, ở nơi chốn nên hổ thẹn, vì bị không hổ thẹn trói buộc, hoặc bị hôn trầm trói buộc, hoặc bị thuỳ miên trói buộc, hoặc bị trạo cử trói buộc, hoặc bị ố tác trói buộc, hoặc bị Tật (Ganh ghét) Xan (Keo kiệt) trói buộc. Bồ tát đều dùng phương tiện để cởi mở, khiến các Hữu tình lìa hết buộc ràng.

Thế nào gọi là Lợi Hành đời nầy đời khác vui của Bồ tát? Nên biết Lợi Hành nầy lược có chín thứ:

Nghĩa là chư Bồ tát đối với những Hữu tình khác, dựa nơi Thân nghiệp thanh tịnh, khuyên khiến họ xa lìa tất cả hành sát sanh, khuyên khiến họ xa lìa các hành không cho mà lấy, khuyến khiến họ xa lìa tất cả Tốt -la-nhã, mê lệ da, cùng do Mạt-đà, phóng dật, xứ rượu.

Dựa nơi Ngữ nghiệp thanh tịnh, khuyên khiến họ xa lìa tất cả các

hành vọng ngữ, xa lìa các hành nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt.

Dựa nơi ý nghiệp thanh tịnh, khuyên khiến họ xa lìa tất cả các thứ tham dục sân hận tà kiến.

Thế nào là Lợi Hành Thanh tịnh của Bồ tát?

Nên biết Lợi Hành nầy lược có mười loại: Nghĩa là các Bồ tát, đối với những Hữu tình, dựa vào thanh tịnh bên ngoài có năm Lợi Hành, dựa vào thanh tịnh bên trong có năm Lợi Hành.

Thế nào là các Bồ tát đối với các Hữu tình, dựa vào thanh tịnh bên ngoài có năm thứ Lợi Hành? Đó là:

1. Lợi Hành không tội.
2. Lợi Hành không chuyển.
3. Lợi Hành lần lượt.
4. Lợi Hành biến hành.
5. Lợi Hành như ứng.

Nghĩa là các Bồ tát đối với những Hữu tình hành tạp ác, trước đã hành ác, hành có tội, hành tạp nhiễm, thì ở trong các pháp thiện có thể chính thức an xứ. Đó gọi là Lợi Hành không tội của Bồ tát đối với các Hữu tình.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình không ở nơi chẳng phải là Giải thoát, chẳng phải là định thanh tịnh, cầu đạt giải thoát chân thật, cầu đạt định thanh tịnh. Tức ở trong đó có thể khuyên dẫn đúng đắn. Đó gọi là Lợi Hành không chuyển của Bồ tát đối với các Hữu tình.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình quan sát kỹ, nhận biết hạng trí huệ kém, thì vì họ nêu giảng pháp cạn, tuỳ chuyển dạy trao khuyên bảo điều thô, gần. Nhận biết hạng trí huệ trung bình, thì họ nêu giảng pháp trung bình, tuỳ chuyển dạy trao khuyên bảo về xứ trung bình. Nhận biết hạng trí huệ rộng, thì họ vì nêu giảng pháp thâm diệu, tuỳ chuyển dạy trao khuyên bảo điều sâu kín, khiến họ lần lượt tu tập phẩm thiện. Đó gọi là Lợi Hành lần lượt của Bồ tát đối với các Hữu tình.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình, trừ bốn họ cho đến hàng trời Người, tuỳ theo năng lực mà hành các hành nghĩa lợi, cầu đạt lợi lạc, tức ở trong ấy theo loại mà khuyên, dẫn. Đó gọi là Lợi Hành Biến hành của Bồ tát đối với các Hữu tình.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình, hoặc ở nơi các phẩm pháp thiện của tự nghĩa, theo công năng sai biệt thượng trung hạ, mà có thể khuyên, dẫn. Cùng do công năng sai biệt của phương tiện mà có thể khuyên, dẫn

theo chỗ ứng hợp nơi các Hữu tình và phương tiện mà khuyên, dẫn. Đó gọi là Lợi Hành như ứng của Bồ tát đối với các Hữu tình.

Thế nào là các Bồ tát đối với các Hữu tình, dựa vào thanh tịnh bên trong có năm thứ Lợi Hành?

Nghĩa là các Bồ tát đối với các Hữu tình, khởi ý lạc đại bi rộng lớn, hiện tiền mà hành Lợi hành.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình tạo tác nghĩa lợi, tuy phải chịu nhiều mệt nhọc khổ cực, nhưng tâm luôn sanh hoan hỉ sâu xa, vì các Hữu tình mà hành lợi hành.

Lại, các Bồ tát tuy hiện an xứ, tài sản, địa vị viên mãn, tối thắng bậc nhất nhưng tự khiêm tốn như kẻ hầu hạ, giúp việc, cũng như người con hiếu, con của chiên đồ la, tâm nhún nhường, lìa bỏ mọi thứ kiêu mạn, ngã chấp, theo đấy, đối với các Hữu tình mà hành Lợi hành.

Lại, các Bồ tát đối với các Hữu tình, tâm không nhiễm ái, không có hư dối, thương xót chân thật mà hành Lợi hành.

Lại, các Bồ tát, đối với ác Hữu tình sinh khởi Tâm từ bi rốt ráo không thối chuyển, theo đấy mà hành Lợi hành.

Đó gọi là Bồ tát đối với các Hữu tình, dựa vào thanh tịnh bên trong có năm thứ Lợi Hành. Như thế là dựa vào sự thanh tịnh trong ngoài, mỗi thứ đều có năm Lợi Hành, gồm chung là mười Lợi Hành. Đó gọi là Lợi Hành thanh tịnh của Bồ tát.

Thế nào là đồng sự của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, hoặc ở nơi nghĩa, hoặc ở nơi thiện căn, đều khuyên kẻ khác thọ học. Tức đối với nghĩa ấy, đối với Thiện căn ấy, hoặc bằng hoặc thêm, tự hiện thọ học. Như thế là Bồ tát cùng với kẻ khác hành sự như nhau, nên gọi là đồng sự. Các Hữu tình được hoá độ nhận biết Bồ tát nầy đã tu tập đồng sự. Nên chính mình thọ học thiện căn, quyết định kiên cố không có thối chuyển. Vì sao? Vì Hữu tình đó suy nghĩ: "Bồ tát khuyên ta thọ học, nhất định vì nhằm tạo lợi ích an lạc cho Ta. Do Bồ tát nầy đã trao cho dạy cho ta!" Tức ở trong ấy tự hiện hành.

Không có trường hợp Hữu tình nhận biết không có lợi ích an lạc mà tự hiện hành, vì không phải các Bồ tát đồng sự đã khuyến khích, dẫn dắt Hữu tình như thế. Kẻ khác có thể cật vấn: Ông tự mình đối với phẩm thiện không thể thọ học. Vì sao đem phẩm thiện ân cần khuyên dẫn, dạy trao cho kẻ khác? Ông nên theo kẻ khác ân cần thưa nhận các việc dạy trao khuyên bảo.

Có các Bồ tát là đồng sự của kẻ khác nhưng không tự hiển bày cùng kẻ khác đồng sự.

Có các Bồ tát không phải là đồng sự của kẻ khác, nhưng tự hiển bày cùng kẻ khác đồng sự.

Có các Bồ tát là đồng sự của kẻ khác, cũng tự hiển bày cùng với kẻ khác đồng sự.

Có các Bồ tát không phải là đồng sự của kẻ khác, cũng không tự hiển bày cùng với kẻ khác đồng sự.

Trường hợp thứ nhất: Nghĩa là có Bồ tát cùng với công đức uy lực của các Bồ tát thảy đều bình đẳng, đối với đạo Bồ tát tự cho là công đức uy lực ngang bằng với thầy. Bồ tát ẩn giấu phần tự thiện nên không hiển bày uy lực công đức của chính mình.

Trường hợp thứ hai: Nghĩa là các Bồ tát thấy có Hữu tình tin hiểu thấp kém, ở nơi chỗ thâm diệu tâm sinh sợ hãi, nên chính thức xét chọn, vì muốn tạo phương tiện tạo hoá độ các Hữu tình kia, nên tự hiện bày thân mình cùng với hạng đồng pháp. Đó là hạng thấp kém như loài Chiên-đồ-la… Vì muốn tạo lợi ích, muốn trừ tai họa, muốn điều phục, hoá độ, nên suy xét về loài thấp kém kia, sanh trong chúng đồng phận ấy.

Trường hợp thứ ba: Là các Bồ tát thấy những Hữu tình được hoá độ thọ nhận thiện căn vẫn còn có dao động. Vì khiến trụ vững chắc nên hiện cùng với đồng sự hoặc bằng hoặc hơn.

Trường hợp thứ tư: Tức là các Bồ tát tự hành phóng dật, dứt bỏ sự việc vì kẻ khác.

Như vậy là đã nói về nhiều thứ Thí, Giới, nói rộng cho đến sau cùng là đồng sự. Trong ấy, các pháp Ba-la-mật-đa hiện có, có thể thành tựu tất cả pháp Phật. Các pháp nhiếp sứ hiện có, có thể thành thục hết thảy Hữu tình khác. Nên biết đó là lược nói về tác nghiệp tạo tất cả pháp thiện của Bồ tát.

Lại như trước đã nói, về nhiều thứ Thí, Giới, nói rộng cho đến sau cùng là đồng sự. Như thế là có rất nhiều sự hỗ trợ cho Bồ đề phần, với vô lượng pháp thiện. Do ba nhân duyên nên biết là hiện hành. Do hai nhân duyên nên biết là tối thắng. Do ba nhân duyên nên biết là thanh tịnh.

Nghĩa là do ba nhân duyên về thân ngữ ý, nên biết là hiện hành. Các pháp thiện kia do rộng lớn tức không có tạp nhiễu, nên biết là tối thắng, cũng gọi là vô thượng, cũng gọi là không chung. Ở đây nên biết do Hữu tình không sai biệt, do sự việc không sai biệt, do thời gian không sai biệt, nên gọi là rộng lớn.

Hữu tình không sai biệt: Nghĩa là các Bồ tát, nơi xứ sở của tất cả Hữu tình, khắp vì tất cả pháp giới Hữu tình, tu tập thiện căn như Thí... không phải là chuyên về mình.

Sự không sai biệt: nghĩa là các Bồ tát, nơi tất cả thiện căn như cùng Nhất Thiết chủng thí… tinh tấn thọ học.

Thời không sai biệt: Nghĩa là các Bồ tát thường không gián đoạn, không lìa gia hạnh, không bỏ phẩm thiện, hoặc ngày hoặc đêm nơi hiện pháp hậu pháp, tức do nhân thi ấy cùng với thiện căn thường hành không thay đổi. Nên biết trong ấy do bốn thứ tướng nên thành không tạp nhiễm. Nghĩa là các Bồ tát mang tâm hoan hỷ tu các pháp thiện. Do nhân duyên nầy nên không khổ không ưu, không có các biến đổi, hối tiếc.

Lại, các Bồ tát không tổn hại kẻ khác, không vướng mắc nơi kiến chấp, không hành tạp ác, tu hành vô lượng thiện căn như Thí…

Lại, các Bồ tát ẩn trọng khắp Thể, nơi vô lượng pháp thiện như ở đây, Thí Thiện sĩ, Giới Thiện sĩ hiện có, nói rộng cho đến đồng sự Thiện sĩ, hoặc tu tập nhiều, hoặc khéo thanh tịnh, hoặc hoàn toàn viên mãn, tức có thể chiêu cảm quả vị Như Lai, đối với các loài Hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, cùng với xứ phi tưởng phi phi tưởng, là tối tôn, tối thắng. Ơ đây, Thí nhất thiết chủng, Giới nhất thiết chủng hiện có, nói rộng cho đến đồng sự nhất thiết chủng, hoặc tu tập nhiều, hoặc khéo thanh tịnh, hoặc hoàn toàn viên mãn, tức có thể chiêu cảm quả vị Như Lai, ngồi nơi toà Bồ đề, tất cả các thứ ma oán đều không thể xúc não, đều không khuynh động. Ở đây, Thí đời nầy đời khác vui, Giới đời nầy đời khác vui hiện có, nói rộng cho đến đồng sự đời nầy đời khác vui, hoặc tu tập nhiều, hoặc khéo thanh tịnh, hoặc hoàn toàn viên mãn, tức có thể chiêu cảm quả vị Như Lai, với các pháp lạc của Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì đẳng chí tối thắng.

Ở đây, Thí thanh tịnh, Giới thanh tịnh hiện có, nói rộng cho đến đồng sự thanh tịnh, hoặc tu tập nhiều, hoặc khéo thanh tịnh, hoặc hoàn toàn viên mãn, tức có thể chiêu cảm quả vị Như lai với bốn Nhất Thiết chủng thanh tịnh, nghĩa là: đối tượng nương dựa tịnh, đối tượng duyên tịnh, Tâm tịnh, Trí tịnh. Cũng chiêu cảm quả vị Như Lai với ba thứ Bất hộ, mười lực, bốn vô sở uý, ba Niệm trụ, hết thảy pháp Phật bất cộng vô cùng thanh tịnh.

Như vậy là Bồ tát, với pháp thiện như Thí … , có thể chiêu cảm quả vị đến cứu cánh vô thượng, nên biết cũng chiêu cảm quả lưu chuyển trong sanh tử thuận với hạnh Bồ tát, ngoài ra còn chiêu cảm vô lượng vô biên quả khả ái, không tội.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 44

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì xứ du Già: Phẩm 16: Cúng Dường Thân Cận Vô Thượng

Thế nào là thân cận cúng dường, tu tập vô lượng của Bồ tát? Tụng nêu:

Cúng Tam bảo
Thân Thiện Hữu
Tu vô lượng
Là tối hậu.

Thế nào là Bồ tát, nơi trụ xứ của Như Lai, cúng dường Như Lai? Nên biết sự cúng dường nầy lược có mười thứ:

1. Cúng dường Thiết-lợi-la (Xá-lợi)
2. Cúng dường Chế-đa (Tháp)
3. Cúng dường Hiện tiền.
4. Cúng dường không hiện tiền.
5. Cúng dường tự tạo.
6. Cúng dường giáo tha.
7. Cúng dường tài kính.
8. Cúng dường rộng lớn.
9. Cúng dường không nhiễm.
10. Cúng dường Chánh hạnh.

Nếu các Bồ tát đích thân hiện cúng dường Sắc thân của Như Lai, đó gọi là cúng dường Thiết lợi la.

Hoặc các Bồ tát, vì đức Như Lai nên tạo ra tất cả hoặc Tháp miếu, hoặc trang thờ, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới, bày biện các vật để cúng dường. Đó gọi là Cúng dường hiện tiền.

Hoặc các Bồ tát, đối với thân Như Lai, hoặc ở nơi Chế-đa, đích thân

chiêu ngưỡng, bày biện vật cúng dường hiện tiền, phát khởi ý lạc tăng thượng cùng với tâm, tịnh tín cùng hiện hành với tâm, suy nghĩ: Nếu pháp tánh của một Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả Như Lai trong ba đời. Nếu pháp tánh nơi Tháp miếu của một Như Lai, tức là pháp tánh nơi tháp miếu của Như Lai hiện có trong hết thảy vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương. Vì thế, Ta nay cúng dường Như Lai hiện tại, tức là cúng dường tất cả Như Lai nơi ba đời. Cúng dường Tháp hiện tại tức là cúng dường hoặc Tháp miếu, hoặc trang thờ, hoặc đền đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới trong vô lượng vô biên tất cả thế giới khắp mười phương. Nên biết gọi là Bồ tát cúng dường hiện tiền, không hiện tiền tất cả Như Lai và Tháp miếu. Nếu các Bồ tát ở nơi tất cả Như Lai cùng Tháp miếu không hiện tiền, khởi tưởng về Như Lai, khắp tất cả vì Như Lai nơi ba đời, tất cả tháp miếu của Như Lai trong mười phương, bày biện cúng dường, nên biết gọi là Bồ tát chỉ cúng dường không hiện tiền đối với Phật cùng Tháp miếu. Hoặc các Bồ tát, sau khi Phật nhập Niết bàn, vì đức Như Lai nên tạo lập hình tượng, hoặc tháp, hoặc trang thờ, hoặc đền đài, tuỳ theo năng lực có thể tạo dựng một, hai, hoặc nhiều, cho đến trăm nghìn hay vô số. Như thế là Bồ tát ở nơi trú xứ của Như Lai, thiết lập sự cúng dường không hiện tiền rộng lớn, tất sẽ đạt được vô lượng quả đại phước đức, thâu nhận vô lượng Phạm phước lớn lao. Bồ tát do đấy nên có thể ở trong vô lượng kiếp, đại kiếp không bị đọa nơi cõi Ác. Do nhân duyên ấy, nên điều viên mãn tư lương của đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Ở đây, Bồ tát chỉ cúng dường hiện tiền Phật và Tháp, nên biết là đạt được quả phước rộng lớn. Hoặc chỉ cúng dường không hiện tiền Phật cùng Tháp miếu, nên biết là đạt được quả phước vô cùng rộng lớn. Nếu cùng cúng dường hiện tiền và không hiện tiền Phật cùng Tháp miếu, nên biết quả phước đạt được là tối đại, là không có gì hơn.

Hoặc Bồ tát, ở nơi trụ xứ của Như Lai hay nơi Tháp miếu, muốn thiết lập sự cúng dường, chính tự tay mình làm, không sai bảo, nhờ vả kẻ khác như tôi tớ, bạn bè, người thân… , không dựa vào nơi chốn phóng dật, biếng trễ để tạo lập sự cúng dường. Đó gọi là cúng dường tự tạo của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như-lai hoặc nơi Tháp miếu, muốn thiết lập sự cúng dường, không phải chỉ tự mình làm, mà cũng khuyên cha mẹ, vợ con, kẻ tôi tớ, bạn bè, thân thuộc… cùng tạo lập sự cúng dường. Hoặc khuyên các thành phần khác như quốc vương, vương tử, đại thần, Trưởng giả, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn, các Thương chủ giàu có nơi những thôn xóm, thành thị, cho đến tất cả nam nữ lớn nhỏ, hạng nghèo khổ, hạng chiêu Đồ la, cùng với các bậc Thân giáo giáo sư, Quỹ- phạm-sư, và các chúng đệ

tử, các bậc đồng phạm hạnh, các vị xuất gia, các chúng ngoại đạo, khiến họ ở nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi tháp miếu, tuỳ theo khả năng, tạo lập các sự cúng dường. Nên biết đó gọi là cúng dường gồm cả tự, tha của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát hiện có ít phần của cải vật dụng có thể cúng dường, hưng khởi tâm bi mẫn, nên suy xét ban cho các hữu tình nghèo khổ, ít phước, không sức, khiến họ ở nơi trụ xứ của Như-lai hoặc nơi Tháp miếu thực hiện cúng dường, nguyện cho họ nơi đời vị lai được nhận nhiều an lạc. Các Hữu tình kia có được những vật nầy, cúng dường Như Lai và Tháp miếu. Bồ tát ở đây tự mình không cúng dường. Nên biết đó gọi là cúng dường giáo tha của Bồ tát.

Ở đây, Bồ tát nếu chỉ tự cúng dường Phật cùng Tháp miếu, nên biết là đạt được quả phước rộng lớn. Nếu chỉ "giáo tha", nên biết quả phước đạt được là càng lớn rộng. Nếu có thể tự mình cúng dường cùng chỉ dạy kẻ khác cúng dường, nên biết quả phước đạt được là vô cùng lớn lao, là vô thượng. Nếu các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi Tháp miếu, dùng các vật dụng như y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc chữa bệnh, thưa kính, lễ bái, chấp tay, phụng nghinh, lại dùng đủ loại hương xông, hương bột, hương xoa, vòng hoa, nhạc hay, cờ phướn lọng đèn, ca tụng xưng tán, năm luân quy mạng, nhiễu quanh theo phía bên phải, để cúng dường. Hoặc lại phụng thí các thứ vật báu như Mạt ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, xà cừ, mã não. Hổ phách, vàng bạc… Hoặc lại phụng thí các vật dụng trang sức như Mạt ni, vòng nhẫn, xuyến… cho đến cúng thí các loại chuông báu. Hoặc bày khắp các vật báu lạ quy, hoặc kết dải tờ lụa báu… để cúng dường. Đó gọi là cúng dường tài kính của Bồ tát của Bồ tát nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi Tháp miếu.

Hoặc các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như-lai hay nơi Tháp miếu, trong thời gian dài bày biện các vật dụng cúng dường như cúng dường Tài kính đã nói ở trên. Hoặc nhiều vật dụng cúng dường. Hoặc vật dụng cúng dường đều thượng diệu. Hoặc hiện tiền, hoặc không hiện tiền. Hoặc tự mình làm, hoặc chỉ dạy người khác thực hiện. Hoặc tâm thuần tịnh, thắng giải mãnh liệt hiện tiền cúng dường. Tức đem những thiện căn đã được gieo trồng như thế, hồi hướng đến đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Bảy loại cúng dường như vậy gọi là cúng dường rộng lớn của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như-lai, hoặc nơi Tháp miếu, tự tay cúng dường, không mang tâm khinh mạn khiến kẻ khác cúng dường, không trụ nơi sự phóng dật, biếng nhác, bất kính mà hành cúng dường, không có tâm tản mạn, không có tâm tạp nhiễm mà hành cúng dường. Không nên ở

trước các vị quốc vương, đại thần, các bậc hào quý tin Phật, vì tài sản và sự tôn kính, trá bày vô số sự việc hư giả để cúng dường. Không dùng các vật bất tịnh để cúng dường. Sáu thứ như vậy gọi là cúng dường không nhiễm các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, với các thứ cúng dường như Tài kính, rộng lớn, không nhiễm như thế, lúc cúng dường Như-lai cùng Tháp miếu, hoặc tự sức mình tập hợp của cải, vật báu, hoặc theo chỗ cầu xin kẻ khác mà có được của cải, vật báu. Hoặc có được nhiều vật dụng, tài sản vật báu tự tại, có thể thực hiện đủ các loại cúng dường như thế rồi, đạt được các vật dụng tự tại. Bồ tát hoá ra hoá thân, hoặc một vị, hoặc hai vị, hoặc lại nhiều vị, cho đến trăm ngàn câu chi vị. Tất cả các vị Bồ tát hoá hiện nay đều ở nơi trụ xứ của Như-lai cùng nơi Tháp miếu, cung kính lễ bái. Lại từ nơi mỗi mỗi vị Hoá thân như vậy hoá ra nhiều tay, hoặc trăm tay, ngàn tay, hoặc nhiều hơn nữa. Hết thảy các tay ấy đều mang vô lượng hoa hương thượng diệu hơn cả Chư Thiên, cùng vô số châu báu khả ái thù thắng tung rải lên trụ xứ của Như-lai và nơi Tháp miếu.

Lại từ nơi tất cả các vị Hoá thân như thế hoá ra vô lượng âm thanh thượng diệu, tán thán công đức rộng lớn, sâu xa, chân thật của Như-lai. Lại từ nơi tất cả các vị Hoá thân như vậy, hoá ra vô lượng các vật dụng trang sức như vòng ngọc, xuyến v.v... vô số các thứ vật dụng cúng dường như cờ phướn lọng đèn … để cúng dường trụ xứ của Như -lai và nơi tháp miếu. Thực hiện các loại cúng dường như vậy rồi, đạt được nhiều vật dụng tự tại. Bồ tát thiết lập sự cúng dường đều thuộc tự tâm. Như vậy là Bồ tát lại không mang cầu Như-lai xuất thế. Vì sao? Vì do Bồ tát nầy đã chứng nhập nơi địa không thối chuyển, hết thảy cõi Phật đi đến cúng dường đều không bị trở ngại.

Lại, các Bồ tát hoặc không tự lực tích tập các thứ của cải, vật báu, cũng không từ nơi kẻ khác cầu xin để có được của cải, vật báu, cùng không có trụ xứ của Bồ tát đạt được của cải, vật báu và nhiều vật dụng tự tại để có thể thiết lập sự cúng dường. Nhưng nơi châu Thiệm bộ, hoặc nơi bốn châu lớn, hoặc ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, hoặc lại ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô số các thế giới trong mười phương với tất cả vật dụng cúng dường phẩm hạ trung thượng hiện có để cúng dường Như-lai. Bồ tát đối với những thứ ấy, do tâm tịnh tín cùng hiện hành với Thắng giải, nên tư duy đủ khắp, tuỳ hỷ với tất cả. Như thế là Bồ tát ít dùng công sức mà hưng khởi sự cúng dường rộng lớn vô lượng, thâu nhận tư lương Bồ đề lớn lao. Bồ tát đối với điều ấy, thường xuyên khởi tâm chân thiện,

khởi tâm hoan hỷ, nên siêng năng tu học.

Hoặc các Bồ tát, với từng ít thời gian, từng ít khoảnh khắc, cho đến thấp nhất như khoảnh khắc vắt sữa bò, đối khắp tất cả hữu tình nhỏ bé thấp kém, tu tập tâm từ bi hỉ xả cùng hiện hành, nơi tất cả hành tu tưởng vô thường, tưởng khô, tưởng vô ngã, đối với Niết bàn tu tưởng thắng lợi, đối với Phật pháp tăng, Ba-la-mật-đa, tu tập tùy niệm. Từng ít thời gian, từng ít thời gian, với từng khoảnh khắc, đối nơi tất cả pháp phát sanh Nhẫn trí tin hiểu về ít phần, về chỗ thấp kém của chúng. Pháp tánh lìa ngôn từ, chân như khởi không phân biệt, tâm trụ nơi vô tướng, huống chi ở đây hoặc vượt quá, hoặc tăng thêm. Như vậy là Bồ tát giữ gìn luật nghi Thi la, đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, các phần pháp Bồ đề siêng năng tinh tấn tu học. Cũng đối với tất cả pháp Ba la mật đa cùng các nhiếp sự chánh cần tu học. đó gọi là cúng dường chánh hạnh của Bồ tát nơi trụ xứ của Như-lai.

Cúng dường như thế là bậc nhất, là tối tượng, tối thắng, là vô thượng. Cúng dường như vậy là hơn hẳn các thứ cúng dường đã nói ở trước, gấp hàng trăm ngàn lần, cho đến gấp ô-ba-ni-sát-đàm lần. Do mười tướng ấy, nên biết đó gọi là cúng dường gồm đủ tất cả chủng loại đối với Như-lai. Như cúng dường Phật, thì cúng dường hoặc pháp hoặc tăng theo hỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Bồ tát, lúc ở nơi Tam bảo, do mười thứ tướng hưng khởi sự cúng dường, nên duyên với đức Như-lai phát khởi sáu thứ ý lạc tăng thượng:

1. Ý lạc tăng thượng về ruộng công đức lớn lao vô thượng.

2. Ý lạc tăng thượng về ân đức lớn lao vô thượng.

3. Ý lạc tăng thượng về bậc tôn quý trong tất cả các loài hữu tình không chân, hai chân, nhiều chân.

4. Ý lạc tăng thượng về việc giống như hoa ô-đàm vi diệu hết sức khó gặp.

5. Ý lạc tăng thượng về sự xuất hiện độc nhất nơi tam thiên đại thiên thế giới.

6. Ý lạc tăng thượng về hết thảy công đức thế gian xuất thế gian với tất cả nghĩa đầu viên mãn.

Do sáu thứ ý lạc tăng thượng ấy, nên ở nơi trú xứ của Như-lai, hoặc đối với trụ xứ của Phật pháp tăng, tư duy phần ít mà hưng khởi cúng dường hãy còn đạt được vô lượng công đức lớn, huống chi là tư duy nhiều. Lại nữa, Bồ tát thành tựu bao nhiêu tướng, để có thể làm thiện hữu. Do bao nhiêu thứ tướng thành thiện hữu đích thực? Thành tựu bao nhiêu tướng khiến tánh thiện hữu tạo nên chốn nương dựa, tin tưởng?

Lại có bao nhiêu loại thiện hữu nơi Bồ tát, ở chỗ hoá sanh làm công việc của thiện hữu?

Bồ tát có bao nhiêu loại thiện hữu thân cận. Do bao nhiêu thứ tướng ở nơi trụ xứ của thiện hữu lắng nghe chánh pháp. Do bao nhiêu thứ xứ, đối với trụ xứ của thiện hữu, lúc lắng nghe chánh pháp, đối với pháp sư thuyết giảng không tạo ý khác?

Nên biết Bồ tát thành tựu tám chi, nên có thể làm thiện hữu, các tướng viên mãn:

1. Trụ nơi giới. Ở trong luật nghi giới của các Bồ tát, hết sức khéo an trụ, không hề thiếu sót, hao hụt.

2. Đa văn, thành tựu Giác huệ.

3. Chứng đắc đầy đủ, do tu tạo thành, tuỳ một thắng thiện đạt đến Xa ma tha, Tỳ bát xá na.

4. Thương xót. Bên trong gồm đủ từ bi, có thể xả bỏ hiện pháp lạc trụ của chính mình, tinh tấn không biếng trễ, tạo lợi ích cho kẻ khác.

5. Vô úy. Lúc vì kẻ khác giảng nói chánh pháp, giáo hóa, không do sợ hãi khiến quên mất niệm, biện tài.

6. Gắng nhẫn. Đối với các sự việc như khinh chê, cười cợt, nói lời thô bỉ, hống trái của kẻ khác, hoặc ngôn từ phi ái, vô số hành ác khác thảy đều có thể nhẫn.

7. Không mệt mỏi. Sức lực dồi dào, có thể xét chọn nhiều. Lúc ở tại bốn chúng giảng nói chánh pháp, ngôn ngữ luôn lưu loát, tâm không chán mệt.

8. Khéo dùng lời. Lời nói hoàn toàn viên mãn, không huỷ hoại pháp tánh, biện biệt rõ ràng.

Hoặc các Bồ tát, gồm đủ năm thứ tướng, tương ưng với các đức nên có thể làm thiện hữu, mọi tạo tác không hư dối:

1. Đối với kẻ khác, trước hết nhằm cầu tạo lợi ích an lạc.

2. Đối với lợi ích an lạc ấy nhận biết rõ như thật, không điên đảo.

3. Nơi phương tiện thiện xảo, thuyết pháp thích hợp, theo các thứ thọ nhận, có đủ năng lực đã điều phục sự việc.

4. Tâm tạo lợi ích không chán mệt.

5. Đầy đủ đại bi bình đẳng. Đối với các hữu tình thuộc ba phẩm kém vừa hơn tâm không thiên lệch.

Hoặc các Bồ tát thành tựu năm tướng, khiến cho tánh thiện hữu tạo nên nơi chốn nương dựa, tin tưởng lại khiến cho kẻ khác ở xa nghe được

sinh khởi tin tưởng thanh tịnh tột bực, huống chi là ở gần, trông thấy.

1. Thắng diệu. Oai nghi viên mãn, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi đầy đủ, tất cả chi phần đều không loạn động.

2. Đôn hậu, nghiêm túc, ba nghiệp hiện hành dứt mọi trạo cử quấy động.

3. Không giả dối. Không lừa dối kẻ khác, nên suy xét giả trá hiện thành oai nghi nghiêm chỉnh.

4. Không ganh ghét. Trọn không đối với kẻ khác thuyết giảng giáo pháp để được sự cung kính, lợi dưỡng, sanh tâm không gắng nhẫn. Nhưng thường tự khuyên gắng thỉnh kẻ khác giảng nói pháp. Lại luôn khuyến khích những kẻ khác đối với trường hợp giảng nói pháp kia, rộng thí lợi dưỡng, cung kính. không có tâm dua nịnh, giả dối. Lại thường đối với mọi người tâm luôn thuần tịnh. Thấy kẻ kia nói pháp cùng có được của cải, sự cung kính thì sanh khởi tùy hỷ sâu xa. Như tự mình đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, tâm sanh hoan hỷ, thì thấy kẻ khác đạt được như vậy, tâm sanh hoan hỷ còn vượt quá hơn trước.

5. Kiệm ước. Rất ít để dành các vật dụng, đồ dùng. Theo chỗ có được liền xả thí.

Thiện hữu nơi Bồ tát do năm thứ tướng, ở nơi hoá sanh làm công việc của thiện hữu:

1. Có thể can ngăn.

2. Có thể khiến nhớ nghĩ.

3. Có thể chỉ dạy trao truyền.

4. Có thể khuyên bảo.

5. Có thể thuyết pháp.

Các trường hợp như vậy đã biện giải rộng, nên biết, như nơi địa thanh văn phần nói về chỉ dạy trao truyền khuyên bảo, nói rộng như nơi phẩm chủng tánh của lực ở trước.

Nên biết Bồ tát do bốn thứ tướng mới có thể làm thân cận thiện hữu một cách viên mãn:

1. Đối với thiện hữu có bệnh không bệnh, tùy lúc nên cúng dường, hầu hạ, luôn phát khởi sự yêu kính, tin tưởng thanh tịnh.

2. Đối với thiện hữu, theo lúc cung kính thăm hỏi, lễ bái, chấp tay nghênh tiếp, ân cần tu nghiệp hòa kính mà cúng dường.

3. Đối với thiện hữu tùy thời cúng dường đúng như pháp các thứ vật dụng cần thiết như y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh.

4. Đối với thiện hữu, hoặc chính thức nương dựa nơi nghĩa đúng như pháp, hoặc hợp hoặc lìa, theo đấy tự tại chuyển biến, không có nghiêng động. Hiển phát đúng như thật, tạo tâm phụng giáo, tùy thời đi đến chỗ thiện hữu, cung kính thừa hành, thỉnh hỏi, nghe nhận.

Hoặc các Bồ tát, lúc muốn nghe pháp, tạo lập năm thứ tưởng, nên từ thiện hữu lắng nghe chánh pháp:

1. Tạo tưởng quý báu. Nghĩa là khó đạt được.

2. Tạo tưởng về mắt. Có thể đạt được diệu huệ câu sanh rộng lớn, là nghĩa của tánh nhân.

3. Tạo tưởng về ánh sáng. Đã được mắt huệ câu sanh lớn rộng, nơi tất cả chủng loại đều nhận biết như thật, là nghĩa cùng soi chiếu.

4. Tạo tưởng về quả lớn, với công đức thù thắng, có thể đạt được niết bàn cùng diệu tích vô thượng của tam Bồ đề. Là nghĩa của tánh nhân.

5. Tạo tưởng không tội, vô cùng vừa y vui vẻ. Ở trong hiện pháp chưa được niết bàn cùng tam Bồ đề, đối với pháp, lựa chọn đúng như thật, hành chỉ quán đạt an lạc lớn, không tội. Là nghĩa của Tánh nhân. Hoặc các Bồ tát, lúc muốn theo thiện hữu lắng nghe giáo pháp,

đối với pháp sư thuyết giảng, do năm thứ xứ, nên không tạo ý khác, dùng tâm thuần tịnh thuộc về tai để lắng nghe pháp:

1. Đối với kẻ hủy hoại giới không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là phá giới, không trụ nơi luật nghi, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

2. Đối với việc hủy hoại tộc họ, không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là họ thấp kém, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

3. Đối với kẻ hủy hoại sắc không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là xấu xí, thô lậu, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

4. Đối với kẻ hủy hoại văn không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm, cho đây đối với ngôn từ không khéo trau chuốt, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp. Chỉ dựa nơi nghĩa, không nên dựa nơi văn.

5. Đối với kẻ hủy hoại sự đẹp đẽ, không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm, cho đây là lời nói thô ác, mang nhiều giận dữ, không dùng lời đẹp đẽ để nêu giảng các pháp, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

Như thế là Bồ tát, khi muốn nghe pháp, ở nơi năm xứ ấy, không nên tác ý, chỉ nên cung kính thâu nhận chánh pháp. Đối với pháp sư thuyết giảng chưa từng thấy có lỗi lầm.

Nếu có Bồ tát trí huệ kém cỏi, đối với pháp sư nêu giảng tâm sanh

giận trách, không muốn theo vị ấy lắng nghe chánh pháp. Nên biết hành đó là không cần tự lợi, thắng huệ thối thất.

Thế nào là Bồ tát tu bốn vô lượng Từ-Bi-Hỷ-Xã? Nghĩa là các Bồ tát lược có ba loại tu bốn vô lượng:

1. Tu vô lượng duyên với hữu tình.
2. Tu vô lượng duyên với pháp.
3. Tu vô lượng không duyên.

Nếu các Bồ tát đối với tất cả hữu tình thuộc ba tụ, an lập làm các loại khổ không lạc, có khổ có lạc. Nơi loại đầu tiên muốn cầu lạc: Bồ tát phát khởi ý lạc tăng thượng ban cho lạc, duyên khắp mười phương hữu tình an trụ nơi thắng giải không diên đảo, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đó gọi là tu từ duyên với hữu tình.

Hoặc các Bồ tát chỉ trụ nơi tưởng về pháp, với ý lạc tăng thượng chánh quán chỉ về pháp, giả nói là hữu tình, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đấy gọi là tu từ duyên với pháp.

Hoặc các Bồ tát, lại đối với các pháp xa lìa phân biệt, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đấy gọi là tu từ không duyên.

Như tu từ duyên với hữu tình, duyên với pháp và không duyên có ba thứ sai biệt, thì Từ Bi, Hỷ Xả, nên biết cũng thế.

Nếu các Bồ tát đối với hữu tình có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng dứt trừ khổ, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu bi cùng hành với tâm. Đó gọi là bi.

Hoặc các Bồ tát, đối với hữu tình có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng tùy hỷ, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu hỷ cùng hành với tâm. Đó gọi là hỷ.

Hoặc các Bồ tát đối với ba loại hữu tình không khổ không lạc, có khổ, có lạc như thế, tùy theo thứ lớp, phát khởi ý lạc tăng thượng xa lìa các hoặc si, sân, tham, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu xả cùng hành với tâm. Đó gọi là xả.

Ở đây, Bồ tát tu vô lượng như từ … duyên với hữu tình, nên biết về tướng cùng chung với ngoại đạo. Nếu duyên với pháp, nên biết về tướng là cùng chung với hai thừa, không chung với ngoại đạo. Nếu là không duyên: nên biết về tướng tức không chung với tất cả Thanh văn, độc giác, cùng các ngoại đạo.

Lại, ba thứ vô lượng của các Bồ tát, nên biết là thuộc về ý lạc an lạc, đó là Từ, Bi, Hỷ. Một loại vô lượng nên biết là thuộc về ý lạc tạo lợi ích,

đó là xả. Như vậy, tất cả vô lượng của Bồ tát gọi là "thương xót", do các Bồ tát thành tựu điều ấy nên gọi là thương xót.

Ở đây, Bồ tát đối với cảnh giới hữu tình quán thấy một trăm mười thứ khổ, nên nơi các hữu tình tu bi vô lượng. Những gì là một trăm mười thứ khổ?

Nghĩa là có một thứ khổ dựa nơi khổ của sự lưu chuyển không sai biệt, tất cả hữu tình thảy đều rơi vào nẻo khổ lưu chuyển.

Lại có hai thứ khổ:

1. Khổ của dục làm cội gốc. Nghĩa là sự việc đáng yêu thích hoặc biến đổi hoặc bị hoại sinh ra khổ.

2. Khổ sanh ra do dị thục của si. Nghĩa là thể thọ nhận tác động của khổ mãnh liệt. Tức nơi tự thể chấp ngã, ngã sở, do ngu si mê muội nên sanh oán thán hết mực. Vì nhân duyên nầy nên phải nhận lấy hai mũi tên thuộc về thọ: Là mũi tên về thọ của thân và mũi tên về thọ của tâm.

Lại có ba thứ khổ: Là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Lại có bốn thứ khổ:

1. Khổ vì biệt ly: Là khổ sanh ra do Ái biệt ly.

2. Khổ do đoạn hoại: Là khổ sanh do từ bỏ chúng đồng phận, chết.

3. Khổ tương tục: Là khổ sinh ra do từ đây về sau luôn luôn tử sanh lần lượt tiếp nối.

4. Khổ rốt ráo: Là khổ nơi năm thủ uẩn của các loài hữu tình nhất định cho là không có pháp Bát Niết bàn.

Lại có năm thứ khổ:

1. Khổ do tham dục trói buộc.

2. Khổ do sân hận trói buộc.

3. Khổ do hôn trầm thuỳ miên trói buộc.

4. Khổ do trạo cử-ố tác trói buộc.

5. Khổ do Nghi trói buộc.

Lại có sáu thứ khổ:

1. Khổ của nhân: Là hành tập nhân của cõi ác.

2. Khổ của quả: Là sanh nơi các cõi ác.

3. Khổ do cầu tìm của cải, địa vị.

4. Khổ do dốc sức giữ gìn.

5. Khổ do không biết chán đủ.

6. Khổ do biến hoại.

Sáu thứ như thế gọi chung là khổ.

Lại có bảy thứ khổ: Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét phải gặp nhau khổ, yêu thương phải biệt ly, khổ. Mong cầu mà không đạt được, khổ.

Lại có tám thứ khổ:

1. Khổ vì lạnh.
2. Khổ vì nóng.
3. Khổ vì đói.
4. Khổ vì khát.
5. Khổ vì không tự tại.
6. Khổ vì tự bức não. Nghĩa là các loại ngoại đạo như không biết hổ thẹn.
7. Khổ vì bị kẻ khác bức não.
8. Khổ do một loại oai nghi trụ trong nhiều thời gian.

Lại có chín thứ khổ:

1. Khổ do tự suy tổn.
2. Khổ do kẻ khác làm suy tổn.
3. Khổ do thân thuộc làm suy tổn.
4. Khổ do của cải, địa vị bị suy tổn.
5. Khổ do không bệnh bị suy tổn.
6. Khổ do Giới bị suy tổn.
7. Khổ do Kiến bị suy tổn.
8. Khổ nơi hiện pháp.
9. Khổ nơi hậu pháp.

Lại có mười thứ khổ:

1. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ăn.
2. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về uống.
3. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về đi lại.
4. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về y phục.
5. Khổ do thiếu thốn các vật dụng trang sức.
6. Khổ do thiếu thốn các vật dụng chứa đựng.
7. Khổ do thiếu thốn các vật dụng như hương xông, hương xoa, vòng hoa… để trang sức.
8. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ca múa kỹ nhạc.

9. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ánh sáng.

10. Khổ do thiếu thốn các vật dụng dành cho nam nữ hầu hạ.

Nên biết lại có chín thứ khổ khác:

1. Khổ tất cả.

2. Khổ rộng lớn.

3. Khổ tất cả môn.

4. Khổ do hành tà.

5. Khổ lưu chuyển.

6. Khổ do không theo dục.

7. Khổ do trái, hại.

8. Khổ do theo đuổi.

9. Khổ nhất thiết chủng.

Trong "Khổ tất cả" lại có hai loại:

1. Khổ sanh do nhân từ đời trước.

2. Khổ sanh ra do duyên hiện tại.

Trong Khổ rộng lớn lại có bốn thứ:

1. Khổ trong thời gian dài.

2. Khổ nơi bàng sanh.

3. Khổ nơi cõi quỷ.

4. Khổ thuộc về cõi thiện.

- Trong khổ do hành tà lại có năm thứ:

1. Khổ phát khởi do ở trong hiện pháp xúc phạm kẻ khác, kẻ ấy không tạo lợi ích.

2. Khổ phát khởi do thọ dụng thức ăn, cảnh giới không bình đẳng.

3. Khổ phát khởi do khổ nơi hiện pháp bức bách, tự nhiên tạo tác.

4. Khổ phát khởi do trụ nhiều nơi tác ý phi lý, bị phiền não và tuỳ phiền não trói buộc.

5. Khổ do phát khởi nhiều các thứ hành ác của thân ngữ ý, nên vị lai bị đọa vào các cõi ác.

Nơi khổ lưu chuyển lại có sáu thứ, luân chuyển bất định trong sanh tử, sinh khổ:

1. Bất định về tự thân.

2. Bất định về cha mẹ.

3. Bất định về vợ con.

4. Bất định về kẻ hầu người hạ.

5. Bất định về bạn bè, quan quyền, thân tuộc.

6. Bất định về tài sản, địa vị.

- Bất định về tự thân: Nghĩa là trước làm chủ, sau là kẻ nô bộc, lệ thuộc.

- Bất định về cha mẹ: Trước là cha mẹ cho đến thân tuộc, thời gian sau luân chuyển, trở lại làm kẻ oán hại, tri thức ác.

- Bất định về tài sản, địa vị: Tức trước là đại phú quý, sau trở thành nghèo hèn.

Trong khổ không theo dục lại có bảy thứ khổ:

1. Khổ do dục cầu sống lâu, không theo chỗ mong muốn, lại chết yểu.

2. Khổ do mong cầu đẹp đẽ, không theo chỗ mong muốn, lại sanh xấu xí.

3. Khổ do mong muốn sinh vào tộc họ cao sang, không theo chỗ mong muốn lại sinh nơi tộc họ thấp kém.

4. Khổ do mong cầu giàu có, không theo chỗ mong muốn, lại sinh bần cùng.

5. Khổ do mong muốn có sức mạnh lớn, không theo chỗ mong muốn, lại sinh yếu kém.

6. Khổ sanh do dục cầu nhận biết rõ về mọi cảnh giới của đối tượng nhận thức, nhưng không theo chỗ mong muốn, lại sanh ngu si vô trí hiện hành.

7. Khổ sanh do dục cầu hơn kẻ khác, nhưng không theo chỗ mong muốn, trái lại bị thua kẻ khác.

Nơi khổ do trái, hại, lại có tám thứ khổ:

1. Khổ sanh khởi do các sự việc tổn giảm nơi vợ con của những kẻ tại gia.

2. Khổ sanh khởi do các thứ phiền não như tham … tăng trưởng nơi những người xuất gia.

3. Khổ sanh khởi do mất mùa, đói khát.

4. Khổ sanh khởi do kẻ oán địch bức não.

5. Khổ sanh khởi do sự bức não ở các chốn hiểm nạn, đồng ruộng hoang vắng.

6. Khổ sanh khởi do bị lệ thuộc vào kẻ khác.

7. Khổ sanh khởi do các chi phần không đủ, bị tổn não.

8. Khổ sanh khởi do sự bức não của các việc giết hại, đánh đập xua đuổi.

Trong khổ do theo đuổi lại có chín thứ khổ: Dựa nơi tám pháp của thế gian có tám thứ khổ:

1. Khổ do pháp hoại, thời hoại.

2. Khổ do pháp tận, thời hết.

3. Khổ do pháp lão, thời già.

4. Khổ do pháp bệnh, thời bệnh.

5. Khổ do pháp chết, thời chết.

6. Khổ do không được lợi.

7. Khổ do không được tiếng khen.

8. Khổ do bị chê trách. Đó là tám thứ khổ.

9. Khổ do mong cầu.

Nơi "Khổ nhất thiết chủng" lại có mười thứ khổ:

Nghĩa là như trước đã nói: Chỗ đối trị của năm lạc có năm thứ khổ:

1. Khổ của nhân.

2. Khổ của thọ.

3. Khổ do không lạc.

4. Khổ do thọ không đoạn trừ.

5. Khổ sanh khởi do xuất ly, xa lìa an lạc của Bồ đề tịch tĩnh, là chỗ đối trị tầm kiết nơi phàm phu thuộc cõi dục.

Đó gọi là năm khổ. Lại có năm khổ:

1. Khổ do bức bách.

2. Khổ do thiếu thốn các thứ vật dụng.

3. Khổ do cảnh giới không bình đẳng.

4. Khổ do chỗ yêu thương bị biến hoại.

5. Khổ do các phẩm phiền não thô trọng trong ba cõi. Đó gọi là năm khổ.

Mười thứ khổ ấy (năm thứ trước và năm thứ nầy) nên biết gọi là khổ nhất thiết chủng.

Năm mươi lăm thứ khổ nêu trước cùng với năm mươi lăm thứ khổ nầy, tổng cộng là một trăm mười thứ khổ. Đó là cảnh giới thuộc đối tượng duyên nơi tâm bi của Bồ tát. Duyên nơi cảnh ấy, tâm bi của các Bồ tát sanh

khởi, tăng trưởng, tu tập viên mãn. Lại nữa, các Bồ tát, đối với uẩn khổ lớn, duyên nơi mười chín khổ, phát khởi đại bi. Những gì gọi là mười chín thứ khổ? Đó là:

1. Khổ do dị thục của ngu si.
2. Khổ thuộc về hành khổ.
3. Khổ cứu cánh.
4. Khổ của nhân.
5. Khổ của sanh.
6. Khổ do tự tạo bức não.
7. Khổ do Giới luật nghi bị suy tổn.
8. Khổ do kiến văn bị suy tổn.
9. Khổ do nhân kiến từ đời trước.
10. Khổ rộng lớn.
11. Khổ nơi địa ngục.
12. Khổ thuộc về cõi thiện.
13. Khổ sinh khởi do tất cả hành tà.
14. Khổ do tất cả lưu chuyển.
15. Khổ do không có trí huệ.
16. Khổ do tăng trưởng.
17. Khổ do theo đuổi.
18. Khổ do thọ nhận.
19. Khổ thô trọng.

Do bốn duyên nên Bi gọi là đại Bi:

1. Duyên nơi khổ sâu xa vi tế khó nhận rõ của các hữu tình làm cảnh sinh khởi.

2. Nơi thời gian dài tích tập mà thành. Nghĩa là các Bồ tát trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp tích tập mà thành.

3. Nơi đối tượng duyên tác ý mãnh liệt mà phát khởi. Nghĩa là các Bồ tát do tác ý về bi ấy nắm giữ, vì nhân duyên dứt trừ các khổ của hữu tình, hãy còn có thể từ bỏ trăm ngàn thân mạng, huống chi là một thân mạng và tài sản. Nơi tất cả chủng loại đối trị khổ lớn, vì các hữu tình nên đều có thể gắng nhẫn.

4. Hết sức thanh tịnh. Nghĩa là các Bồ tát đã đạt đến thanh tịnh của Bồ tát cứu cánh, cũng như các đức Như-lai đạt đến thanh tịnh của Như-lai Phật địa.

Lại, các Bồ tát do một trăm mười thứ khổ đã nêu ở trước, đối với các hữu tình, lúc tu tập tâm bi hiện có của tất cả Bồ tát. Lại có thể mau chóng chứng đắc ý lạc bi thanh tịnh, chứng nhập địa ý lạc tịnh các Bồ tát. Đối với các hữu tình đạt được tâm hết sức thâm hậu của Bồ tát. Đạt được tâm hết sức ái niệm, tâm muốn tạo ân, tâm không chán mệt, tâm thọ nhận thay khổ, tâm nhu hoà tự tại có thể gánh vác. Các thánh Thanh-văn đã chứng nhập được hiện quán về khổ đế rồi, đạt đến cứu cánh, đối với khổ cùng hành có sự chán lìa sâu xa nơi tâm tương tục mà chuyển. Không như Bồ tát đối với các hữu tình tâm bi hành trước, chánh quán gắn liền nơi một trăm mười thứ khổ uẩn hết sức lớn.

Bồ tát do chỗ tu bi như thế huân tu tâm, nên đối với các sự việc trong ngoài, không có một phần ít nào mà không thể xả bỏ. Không có luật nghi giới nào mà không thể học. Không có oán hại nào của kẻ khác mà không thể nhẫn. Không có tinh tấn nào mà không thể phát khởi. Không có tĩnh tự nào mà không thể chứng đạt. Không có diệu huệ nào mà không thể hội nhập. Do đó, đức Như-lai nếu có người thưa hỏi về Bồ đề của Bồ tát được kiến lập ở đâu, đều chính thức đáp là Bồ đề của Bồ tát được kiến lập nơi bi.

Như trước đã nói, mỗi mỗi thứ vô lượng đều có vô lượng đức viên mãn như ý của Bồ tát tùy chuyển, đều có thể thâu nhận vô lượng quả đáng yêu thích, đều có vô lượng chủng loại hoàn toàn diệu thiện, không tội, tuỳ chuyển. Nên biết Bồ tát tinh tấn tu tập vô lượng như thế, có thể đạt được bốn thứ công đức thắng lợi. Nghĩa là do tu tập vô lượng ấy nên trước hết là đạt được hiện pháp lạc trụ tối thắng, thâu nhận, làm tăng trưởng vô lượng tư lương phước đức tối thắng, có thể đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, đạt được ý lạc kiên cố, vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình nên ở trong sanh tử có thể gắng nhẫn thọ nhận tất cả khổ lớn.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/1: Bồ Đề Phần

Thế nào là Pháp Bồ đề phần của Bồ tát? Tụng nêu:

Hổ thẹn kiên lực trì
Không chán luận thế trí.
Chánh y vô ngại giải
Tư lương Bồ đề phần.

Chỉ quán tánh xảo tiện Đà-la-ni chánh nguyện Tam-ma-địa có ba

Pháp-ốp-đà-nam bốn.

Thế nào gọi là Hổ thẹn của Bồ tát? Nên biết Hổ thẹn lược có hai thứ:

1. Tự tánh

2. Y xứ (chốn nương dựa)

- Nói tự tánh: Nghĩa là các Bồ tát, đối với tội hiện hành có thể nhận biết đúng đắn mình là phi pháp, bên trong sanh xấu hổ. Đó gọi là Hổ, tức ở trong ấy có thể nhận biết đúng đắn. Bên ngoài, đối với sự kính nể của kẻ khác, sanh xấu hổ. Đó gọi là Thẹn. Bản tánh xấu hổ của Bồ tát là mãnh liệt, huống chi lại tu tập như thế. Nên biết đó gọi là Tự tánh

Hổ thẹn của Bồ tát.

- Nói chốn nương dựa (y xứ): Lược có bốn thứ:

Nếu các Bồ tát đối với chỗ nên làm, không theo đấy kiến lập nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ nhất.

Hoặc các Bồ tát, ở chỗ không nên làm, lại tùy thuận kiến lập nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ hai.

Hoặc các Bồ tát do che giấu điều ác của mình mà sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ ba.

Hoặc các Bồ tát, ở nơi chính mình sanh điều ác làm chỗ dựa để theo đuổi không bỏ nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ tư.

Như thế nên biết đó gọi là chốn nương dựa của Hổ thẹn nơi Bồ tát.

Thế nào là tánh lực trì kiên cố của Bồ tát? Nên biết Tánh nầy lược có hai loại:

1. Tự tánh

2. Chốn nương dựa.

- Nói tự tánh: Nghĩa là tánh có thể ngăn cấm tâm nhiễm ô, tánh hành tự tại không thuận theo phiền não, tánh gắng nhẫn chịu khổ, tánh dù có rất nhiều thứ sợ hãi mãnh liệt tuy hiện tiền, nhưng luôn gia hạnh đúng đắn, không nghiêng động, tánh tương ưng dũng mãnh có thể xét chọn đúng đắn. Vì thế thành tựu được tánh lực trì kiên cố. Như vậy gọi là tự tánh của tánh lực trì kiên cố.

Lược nói về tánh lực trì kiên cố của Bồ tát như thế, nên biết là có năm chốn nương dựa:

1. Gặp gỡ vô số khổ lớn nơi sanh tử luân chuyển với đủ loại hạnh tà của các hữu tình được hoá độ.

2. Vì tạo lợi ích cho các hữu tình nên thệ nguyện thọ nhận lưu

chuyển lâu dài trong sanh tử.

3. Gặp phải các thứ dị luận, bè nhóm tranh biện, vấn nạn, cùng ở nơi đại chúng tuyên dương nghĩa pháp.

4. Thệ nguyện thọ nhận tất cả học xứ ứng hợp của Bồ tát.

5. Lắng nghe giáo pháp rộng lớn, thâm diệu không thể nghĩ bàn. Đó gọi là chốn nương dựa của tánh lực trì kiên cố.

Thế nào là Tâm không chán mệt của Bồ tát?

Nên biết, Bồ tát do năm nhân duyên, nên ở trong tất cả gia hạnh chân chánh, tâm không chán mệt:

1. Tánh của Bồ tát tự có sức mạnh nên không chán mệt.

2. Bồ tát tức đối với tâm không chán mệt như thế, thường xuyên hành tập nên không chán mệt.

3. Bồ tát tạo phương tiện thâu nhận tinh tấn dũng mãnh, có thể chánh quán, tùy quán, chỗ đạt được trước sau lần lượt thù thắng nên không chán mệt.

4. Bồ tát thành tựu diệu huệ tăng thượng mãnh liệt, với lực xét chọn đúng đắn, nên không chán mệt.

5. Bồ tát đối với các hữu tình luôn có tâm bi mạnh mẽ, tâm hết sức thương xót thường hiện tiền nên không chán mệt.

- Thế nào là Bồ tát khéo nhận biết các luận?

Nghĩa là các Bồ tát đối với danh cú văn thân của năm xứ minh tương ưng với các pháp, từ nơi kẻ khác khéo thọ nhận ngôn từ, khéo thông suốt. Tức đối với diệu nghĩa của các pháp như thế, hoặc theo kẻ khác khéo lắng nghe, khéo quyết định, hoặc tự mình chuyên tinh, khéo lựa chọn, khéo suy xét. Bồ tát nhận biết về pháp nghĩa như thế, nên đối với pháp, đối với nghĩa là không quên mất, luôn luôn tinh tấn không bỏ gia hạnh.

Lại vì nhận biết rõ các pháp nghĩa khác càng về sau càng mới mẻ, thù thắng, sai biệt, tuy văn, tư đã đạt đến cứu cánh, nhưng do đấy nên lần lượt thành thục pháp nghĩa ấy, đạt được tịnh tín. Do hành tướng nầy nên biết Bồ tát đã nhận biết các luận, với trí viên mãn vô lượng không có điên đảo.

- Thế nào là Bồ tát khéo nhận biết về thế gian?

Nghĩa là Bồ tát đối với khắp thế gian của tất cả hữu tình đều nhận biết rõ đúng như thật. Thế gian như vậy là hết sức khó khăn, nguy hiểm, là rất ngu tối. Đó là tuy có sanh già và chết, luôn luôn chết sống, nhưng các hữu tình đối với nẻo sanh lão tử ấy cần xuất ly sớm mà không nhận biết như thật.

Lại, các Bồ tát nhận biết đúng như thật về thế gian của hữu tình có ác thứ uế trược khi thế gian uế trược tăng, không có các uế trược khi thế gian uế trược giảm. Nghĩa là dựa nơi năm ô trược:

1. Thọ mạng ô trược.
2. Hữu tình ô trược.
3. Phiền não ô trược.
4. Kiến giải ô trược.
5. Kiếp ô trược.

Như nơi thời nay, thọ mạng của con người là ngắn ngủi, tối đa không quá trăm năm. Thời xưa thì không như thế. Đó gọi là thọ mạng ô trược. Hoặc như thời nay, hữu tình đa phần không nhận biết về cha mẹ, không nhận biết về Sa-môn, Bà-la-môn, không nhận biết về các bậc gia trưởng là hàng đáng tôn kính, là người tạo nghĩa lợi, là người tạo việc làm. Đối với tội lỗi của đời nầy cùng tội lỗi của đời sau không thấy sợ hãi, không tu huệ thí, không tạo phước nghiệp, không thọ trai pháp, không thọ tịnh giới. Thời xưa thì không như thế. Đó gọi là hữu tình ô trược. Hoặc như nơi thời nay, hữu tình phần nhiều hành tập phi pháp, tham lam, không bình đẳng, hay sử dụng đao kiếm, binh khí, tranh chấp kiện tụng, hành nhiều dua nịnh, dối trá, vọng ngữ, thâu nhận pháp tà, có vô lượng thứ pháp ác bất thiện hiện hành có thể nhận biết rõ. Thời xưa thì không như thế, đó gọi là phiền não ô trược. Hoặc như nơi thời nay, hữu tình phần nhiều huỷ diệt chánh pháp, tạo lập rất nhiều chánh pháp tương tợ, hư vọng suy cầu pháp tà nghĩa tà, cho là điều trước tiên. Thời xưa thì không như thế. đó gọi là kiến giải ô trược.

Hoặc như nơi thời nay, lần lược tiến vào trung kiếp đói khát, hiện có rất nhiều hữu tình bị đói khát. Lần lược tiến vào trung kiếp bệnh tật, hiện có rất nhiều hữu tình bị tật bệnh. Lần lược tiến vào trung kiếp đao binh, hiện có rất nhiều hữu tình cùng nhau tàn hại do đao binh dấy khởi. Thời xưa thì không như thế, đó gọi là kiếp ô trược.

Như vậy gọi là Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về thế gian của hữu tình.

Lại nữa, các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về các khí thế gian, huỷ hoại, thành lập. Như chỗ sai biệt của khí thế gian huỷ hoại thành lập đều nhận biết rõ.

Lại nữa, các Bồ tát đối với thế gian ấy, đối với sự tập khởi của thời gian, đối với sự huỷ diệt của thế gian, đối với khả năng về hành tập đi đến nơi thế gian, đối với khả năng về hành diệt đi đến nơi thế gian, đối với vị

ái, tai họa cùng nẻo xuất ly của thế gian kia, đều nhận biết đúng như thật.

Lại nữa, các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về mắt cho đến ý, nơi các ẩn vô sắc, các sắc do bốn đại tạo thành nhân sĩ phu, chỉ có từng ấy giả danh tánh người, trong đó tưởng hiện có hoặc là ngã, hoặc là hữu tình, đấy chỉ có tưởng, trong đó tự hiệu hiện có chỉ là ngôn thuyết. Mắt của ngã thấy sắc, nói rộng cho đến ý của ngã nhận biết pháp, đấy cũng chỉ có ngôn thuyết của tự hiệu, trong ấy chỉ là ngôn ngữ thế tục hiện có. Nghĩa là trưởng lão này có tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế, ăn uống như thế, thọ nhận như thế, hoặc khổ hoặc vui, trường thọ như thế, trụ lâu như thế, tận cùng nơi biên vực của thọ lượng như thế, đây cũng chỉ có ngôn thuyết của thế tục. Bồ tát đối với các thứ ấy đều nhận biết như thật. Do các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về thế gian của hữu tình lưu chuyển sai biệt, hoặc khí thế gian lưu chuyển sai biệt, hoặc tám thứ tướng quán nghĩa của thế gian, hoặc thắng nghĩa hiện có của các thế gian. Vì thế gọi là khéo nhận biết về thế gian. Lại nữa, các Bồ tát nếu thấy các bậc niên đức cùng hành tôn thắng, có thể chính thức nghênh đón, trải toà mời ngồi, kính hỏi, lễ bái, chấp tay ân cần tu nghiệp hòa kính. Hoặc thấy bậc niên đức cùng hành tương tợ, có thể chính thức vấn an, đối đáp vui vẻ, dùng lời nói dịu dàng, tốt đẹp để cùng bàn luận, không dựa vào các thứ mạn mà tự so sánh.

Hoặc thấy các bậc niên đức cùng hành thấp kém, thì tùy theo năng lực khuyên họ tu tập thắng đức, hiển thật. Nếu là hạng ít đức, che giấu sự thật, có nhiều lỗi lầm, thì Bồ tát trọn không nêu bày khiến họ xấu hổ, cũng không khinh chê, khiến tâm họ thối thất. Biết họ có mong cầu hoặc của cải hoặc giáo pháp, Bồ tát trọn không quay mặt, cũng chẳng bực bội, cũng không quở trách chỗ lỗi lầm, không miệt thị chỗ sa sút của họ. Đối với tất cả các loài hữu tình nơi ba phẩm kém, vừa, hơn, nếu khi thấy họ, ý trước hết là hỏi thăm, an ủi, tán thán: Thiện tai! An xứ không điên đảo, có thể tuỳ theo năng lực, chính thức dùng của cải, giáo pháp để thâu tóm. Tuy Bồ tát ở nơi tôn thắng, nhưng đối với hữu tình hoàn toàn không có tánh ngang trái, không tự cho là báu lạ, cũng không kiêu ngạo. Chỗ tiếp nhận hữu tình mặc sức chu cấp. Có bệnh không bệnh đều không từ bỏ. Hai nghiệp thân ngữ đều luôn tuỳ thuận. Hoặc biết hoặc không biết, tâm luôn bình đẳng với tất cả. Là bạn là bè, không oán không hiềm. Đối với hết thảy hữu tình không nơi nương cậy, Bồ tát tùy theo năng lực, làm chỗ dựa, chỗ nương. Không nhờ vào môn di biệt để chỉ bày những sầu khổ của kẻ khác, khiến cho họ trong chốc lát trụ vào chốn không an vui. Hoặc có nhân duyên cần hiện bày nói năng hài hước thì xứng hợp lý mà làm, không phải là không xứng lý. Tuy gặp phải trường hợp giao tiếp hết sức thân mật thì về tuổi tác, công

việc ở đây cũng không trái, cách. Bồ tát cũng không cùng bàn bạc các thứ ngôn luận chẳng phải là điều nhân nghĩa, trọn không đối với kẻ khác mang tâm phẫn hận lâu dài. Giả như lại vừa dấy khởi, thì cũng không gạt bỏ chỗ kiêng nể kia. Nếu thân ngữ lại bị kẻ khác sỉ nhục, thì hoặc khéo xét chọn, hoặc dựa nơi chánh pháp, hoặc tự xét về lỗi lầm của mình mà tự mở bày, thông tỏ, không buộc tội cho kẻ khác, tâm luôn an tĩnh, không khinh thường, hấp tấp. Ba nghiệp phát khởi tất luôn xét kỹ, có thể xa mười bốn nghiệp cấu uế ẩn giấu nơi sáu phương. Xa bốn thứ bạn ác, gồm thâu bốn thứ bạn hành. Tất cả các việc như thế, nên biết như trong Khế Kinh Thi-khư-lạc-ca đã giảng nói đầy đủ.

Hoặc vì lợi ích của hiện pháp, sự việc, ý nghĩa tương ưng với của cải, địa vị, phát khởi thúc đẩy đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, bình đẳng nuôi sống thân mạng. Đối với các xứ nghiệp công xảo của thế gian Bồ tát đều đạt được thiện xảo. Không dua nịnh, không huyễn hoặc, tánh không dối gạt kẻ khác, đối với tội hiện có, tâm mang hổ thẹn sâu xa. Chánh hành đầy đủ, tôn trọng chánh hành, giữ gìn chánh hành. Có chỗ giao phó, gởi gắm, tức có thể tin dựa sâu xa. Đối với tài sản vật dụng của kẻ khác trọn không trái hẹn. Phân chia tài sản, tâm luôn bình đẳng, không giả trá. Vì tạo lợi ích cho thế gian nên biện chính thích ứng, nhanh nhẹn. Ở trong các sự việc nên làm, kẻ khác tìm đến thỉnh cầu đều vì họ mà trợ giúp. Đôn hậu, không động, không dựa cậy vào duyên khác, khéo mở mang sự nghiệp không phải là làm điều bất thiện. Nếu dẫn dắt đại chúng thì khuyên họ bỏ giới ác, khiến tu giới thiện, thành tựu tám thứ ngôn ngữ của bậc hiền thánh.

Bồ tát thành tựu các pháp như thế, như nơi thế gian nên nhận biết đúng đắn, như nơi thế gian nên hoạt động đúng đắn. Đối với hết thảy các việc như vậy đều nhận biết đúng như thật. Do đó gọi là khéo nhận biết về thế gian.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 45

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/2: Bồ Đề Phần

- Thế nào là Bồ tát tu tập về bốn y (bốn nơi nương dựa)?

Nghĩa là các Bồ tát vì cầu đạt nghĩa nên theo kẻ khác lắng nghe chánh pháp, không vì cầu văn từ hay đẹp của thế gian. Bồ tát cầu đạt nghĩa không vì cầu văn, nên lúc lắng nghe giáo pháp, tuy gặp ngôn âm thuyết pháp lưu loát, nhưng chỉ dựa nơi ý nghĩa, cung kính nghe nhận.

Lại, các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về sự thuyết giảng rộng lớn, sự thuyết giảng hạn chế. Nhận biết đúng như thật rồi, lấy lý làm chỗ dựa, không do nơi Bổ-đặc-già-la niên trưởng được nhiều người biết đến. Nếu là Phật, là Tăng thuyết pháp tức nên tin nhận, vì thế không dựa nơi Bổ-đặc-già-la (hữu tình, người). Như vậy Bồ tát lấy lý làm chỗ dựa, Bổ-đặc-già-la không phải là chỗ dựa nương, nên đối với nghĩa chân thật tâm không dao động, ở trong chánh pháp, các duyên khác không thể xâm đoạt.

Lại, các Bồ tát ở nơi trụ xứ của đức Như-lai đã phát sanh chánh tín sâu xa, đã sinh khởi sự thanh tịnh sâu xa, hoàn toàn trong lăng, chỉ dựa nơi kinh điển liễu nghĩa của Như-lai, không phải là kinh điển không liễu nghĩa. Kinh điển liễu nghĩa là chỗ dựa, nên đối với giáo pháp, giới luật do Phật giảng nói, không thể bị chiếm đoạt. Vì sao? Vì kinh không liễu nghĩa do Phật giảng nói là dựa nơi vô số môn để biện giải về nghĩa của bản tánh, vẫn chưa quyết định, hãy còn sanh nghi hoặc, không phải là liễu nghĩa. Nếu các Bồ tát đối với kinh liễu nghĩa không quyết định thì đối với giáo pháp, giới luật do Phật giảng nói vẫn có thể bị chiếm đoạt.

Lại, các Bồ tát đối với Trí chứng đắc đích thực, được xem là chân thật, không phải là đối với nghe, xét, chỉ là nghĩa của pháp thức, không phải là trí chứng đắc đích thực. Các Bồ tát ấy, nhận biết đúng như thật về chỗ nên nhận biết của trí thành tựu do tu tập, không phải là chỗ có thể thấu đạt của các thức do nghe (văn), xét (tư) tạo thành. Nhận biết đúng như thật rồi, nên lãnh hội nghĩa pháp hiện có vô số cùng thâm diệu do đức Như-lai thuyết

giảng, là hoàn toàn không chê bai, hủy báng. Đó gọi là Bồ tát tu tập đúng đắn về bốn y.

Dựa nơi chính bốn y, khéo tu tập nên hiển bày tóm lược về bốn lượng: Tức là nghĩa được nêu giảng, chánh lý, huệ do tu tập thành tựu của bậc đại sư và trí chứng đắc đích thực.

Lại, các Bồ tát, xem tất cả bốn y là hỗ nương dựa, tinh tấn phát khởi gia hạnh chân chánh, nên ở nơi đạo xuất yếu mở bày chỉ rõ một cách sáng tỏ, không có mê lầm.

Thế nào là Bồ tát tu tập bốn vô ngại giải của bậc Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, đối với tất cả pháp, tất cả dị môn, tận cùng nơi tánh hiện có, như tánh hiện có, dựa vào trí do tu tập tạo thành không có trở ngại, không có thối chuyển. Đó gọi là Pháp vô ngại giải của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, đối với tất cả pháp, tất cả ngôn từ được giải thích, tận cùng nơi tánh hiện có, như tánh hiện có, dựa nơi trí do tu tập tạo thành không có trở ngại, không có thối chuyển. Đó gọi là nghĩa vô ngại giải của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, đối với tất cả pháp, tất cả ngôn từ được giải thích, tận cùng nơi tánh hiện có, như tánh hiện có, dựa nơi trí do tu tập tạo thành, không bị trở ngại, không có thối chuyển. Đó gọi là từ vô ngại giải của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, đối với tất cả pháp, tất cả phẩm sai biệt, tận cùng nơi tánh hiện có, như tánh hiện có, dựa nơi trí do tu tập tạo thành, không bị trở ngại, không có thối chuyển. Đó gọi là biện vô ngại giải của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát dựa nơi vào bốn vô ngại giải của bậc Bồ tát ấy, nên biết là đạt được năm xứ thiện xảo tối thắng vô thượng. Đó là:

1. Thiện xảo về uẩn.
2. Thiện xảo về Giới.
3. Thiện xảo về Xứ.
4. Thiện xảo về duyên khởi.
5. Thiện xảo về phi xứ.

Bồ tát do bốn thứ hành tướng ấy, nên đối với tất cả pháp tự mình có thể hết sức khéo léo hiện bày "Chánh giác đẳng", cũng khéo vì người khác mở bày, chỉ rõ một cách thuận hợp.

Trên đây, không có ai tự mình có thể hết sức khéo léo hiện bày "Chánh giác đẳng", huống hồ là khéo vì kẻ khác mở bày, chỉ rõ một cách thuận hợp.

- Thế nào là tư lương Bồ đề của Bồ tát?

Nên biết tư lương Bồ đề như vậy lược có hai loại:

1. Tư lương về phước đức.

2. Tư lương về trí huệ.

Hai thứ tư lương nầy đã phân biệt rộng về nghĩa, như nơi phẩm tự lợi lợi tha đã nói ở trước, nên biết về tướng của chúng.

Lại, tư lương về phước đức và trí huệ nầy, Bồ tát nơi vô số đại kiếp thứ một đã tu tập, nên biết gọi là hạ. Nếu ở nơi vô số đại kiếp thứ hai đã tu tập, nên biết gọi là trung. Nếu nơi vô số đại kiếp thứ ba tiếp tục tu tập, nên biết gọi là thượng.

- Thế nào là Bồ tát đối với ba mươi bảy pháp Bồ đề phần tinh tấn tu tập?

Nghĩa là các Bồ tát nương dựa nơi bốn vô ngại giải của bậc Bồ tát, do diệu trí thuộc về phương tiện thiện xảo, đối với ba mươi bảy pháp Bồ đề phần nhận biết rõ như thật nhưng không tác chứng. Các Bồ tát nầy, đối khắp nghĩa lý sâu xa nơi ba mươi bảy pháp Bồ đề phần của hai thừa đều nhận biết đúng như thật.

Nghĩa là, đối với nghĩa lý sâu xa nơi ba mươi bảy thứ pháp phần Bồ đề của thừa văn và của đại thừa Bồ tát đều nhận biết đúng như thật.

Đối với nghĩa lý sâu xa nơi ba mươi bảy thứ pháp Bồ đề của thừa thanh văn, đã nhận biết rõ như thật, như nơi địa thanh văn đã nói ở trước, tất cả nên biết.

- Thế nào là Bồ tát đối với nghĩa sâu xa nơi ba mươi bảy thứ pháp phần Bồ đề của đại thừa nhận biết rõ đúng như thật?

Nghĩa là các Bồ tát có thể ở nơi thân tục ấy tuần tự quán về thân, không đối với thân ấy phân biệt có tánh, cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh. Lại nơi thân ấy xa lìa ngôn thuyết, tự tánh, pháp tánh đều nhận biết rõ như thật. Nên biết đó gọi là dựa nơi nghĩa lý sâu xa của thắng nghĩa, có thể ở nơi thân trụ ấy, tuần tự quán về thân tu tập niệm trụ.

Hoặc các Bồ tát, tùy thuận nơi vô lượng nghĩa lý sâu xa nơi diệu trí mà chuyển biến, nên biết gọi đó là dựa nơi nghĩa lý sâu xa của thế tục, có thể đối với thân trụ ấy tuần tự quán về thân, tu tập niệm trụ.

Như đối với thân trụ tuần tự quán về thân tu tập niệm trụ, tất cả niệm trụ còn lại, hết thảy pháp Bồ đề phần còn lại, nên biết cũng thế. như vậy là Bồ tát đối với các pháp như thân v.v... không phân biệt về khổ, không phân

biệt về tập, không phân biệt đây là chỗ tạo đoạn dứt diệt, không phân biệt đây là đạt được diệt nhân nơi đạo. Lại tức ở đây xa lìa tự tánh, pháp tánh của ngôn thuyết. Hoặc pháp tánh của khổ, hoặc pháp tánh của tập, hoặc pháp tánh của diệt, hoặc pháp tánh của đạo, đều nhận biết rõ đúng như thật. Nên biết đó gọi là dựa nơi nghĩa lý sâu xa của thắng nghĩa, tu tập Bồ đề phần, làm chỗ nương dựa, duyên nơi đế để tu tập.

Hoặc các Bồ tát tùy thuận nơi vô lượng, an lập nghĩa lý sâu xa nơi diệu trí mà chuyển biến. Nên biết đó gọi là dựa nơi nghĩa lý sâu xa của thế tục, duyên nơi đế để tu tập.

Ở đây, Bồ tát tức đối với các pháp không phân biệt, nên biết gọi là chỉ. Nếu đối với nghĩa lý sâu xa nơi thắng nghĩa của các pháp như trí chân thật, cùng ở nơi vô lượng, an lập nghĩa lý sâu xa nơi diệu trí của thế tục, nên biết đó gọi là quán.

Ở đây, Bồ tát lược có bốn hành, nện biết gọi là chỉ:

1. Hành trước trí tục, thắng nghĩa.
2. Quả của trí thế tục, thắng nghĩa.
3. Ở trong khắp tất cả tưởng hý luận, không có công dụng chuyển.
4. Tức ở nơi lìa ngôn thuyết như thế chỉ là sự.

Do không có tướng, không có phân biệt, nên tâm tịch tĩnh, hướng đến tánh bình đẳng của tất cả pháp, là tánh thật một vị.

Do bốn Hành ấy, là sự vận chuyển nơi đạo chỉ của các Bồ tát, lần lượt cho đến có thể chứng đắc chánh đẳng Bồ đề vô thượng, trí kiến viên mãn.

Ở đây, Bồ tát lược có bốn hành, nên biết gọi là Quán: Nghĩa là hành trước nơi đạo của bốn Hành chỉ, đối với tất cả pháp xa lìa tăng ích, không thuận chấp biên. Xa lìa tổn giảm không thuận chấp biên. Cùng tuỳ thuận với vô lượng sai biệt của các pháp, an lập nghĩa lý sâu xa nơi diệu Quán. Do bốn hành ấy, là sự vận chuyển nơi đạo Quán của các Bồ tát, lần lượt cho đến có thể chứng đắc chánh đẳng Bồ đề vô thượng, trí kiến viên mãn. Đó gọi là lược nói về chỉ Quán của Bồ tát.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo của Bồ tát?

Nên biết lược nêu có mười hai thứ. Dựa nơi bên trong, tu tập chứng đắc tất cả pháp Phật, có sáu thứ. Dựa vào sự thành thục tất cả hữu tình bên ngoài cũng có sáu thứ.

- Thế nào là dựa nơi bên trong, tu tập chứng đắc tất cả pháp Phật, có sáu thứ phương tiện thiện xảo? Đó là:

1. Bồ tát đối với các hữu tình, tâm bi cùng hành thương luyến không

bỏ.

2. Bồ tát đối với tất cả hành đều nhận biết khắp đúng như thật.

3. Bồ tát đối với chánh đẳng Bồ đề vô thượng luôn có diệu trí, tâm vui thích sâu xa.

4. Bồ tát thương luyến hữu tình làm hỗ nương dựa, nên không bỏ sanh tử.

5. Bồ tát đối với tất cả hành, nhận biết khắp đúng như thật, làm chỗ nương dựa, nên luân chuyển nơi sanh tử mà tâm không nhiễm.

6. Bồ tát vui thích về trí Phật làm chỗ nương dựa, nên tinh tấn vượt bậc.

Nên biết đó gọi là Bồ tát dựa nơi bên trong, tu tập chứng đắc tất cả pháp Phật, có sáu thứ phương tiện thiện xảo.

- Thế nào là dựa vào bên ngoài, thành thục tất cả hữu tình, có sáu thứ phương tiện thiện xảo? Đó là:

1. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, có thể khiến cho các hữu tình dùng ít thiện căn mà chiêu cảm vô lượng quả.

2. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát có thể khiến cho các hữu tình dùng ít công sức mà dẫn thâu vô lượng thiện căn rộng lớn.

3. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, đối với các hữu tình ghét bỏ thánh giáo của Phật, dứt trừ mọi phiền giận của họ.

4. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, đối với những hữu tình ở trong xứ là thánh giáo của Phật khiến họ hướng nhập.

5. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, đối với những hữu tình đã hướng nhập thánh giáo của Phật thì khiến họ thành thục.

6. Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, đối với những hữu tình đã hướng nhập thánh giáo của Phật thì khiến họ đạt được giải thoát.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo của Bồ tát có thể khiến cho các hữu tình dùng ít thiện căn mà chiêu cảm vô lượng quả? Nghĩa là phương tiện thiện xảo của các Bồ tát đã khuyên bảo các hữu tình xả bỏ các vật dụng nhỏ, kém, cho đến ít nhất chỉ là một nắm cơm thí cho ruộng xấu hẹp, thậm chí là loài bàng sanh xuẩn động. Hành thí rồi, hướng cầu đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Ruộng, vật của thiện căn như vậy tuy là thấp, nhưng do diệu lực của hồi hướng nên chiêu cảm vô lượng quả.

- Thế nào là Phương tiện thiện xảo của Bồ tát, khiến các hữu tình dùng ít công sức mà dẫn thâu vô lượng thiện căn rộng lớn?

Nghĩa là Phương tiện thiện xảo của các Bồ tát, hoặc có các loài hữu

tình tin hiểu thọ nhận trai giới tà vạy, cho đến trong một tháng đều không ăn… Bồ tát vì họ thuyết giảng tám chi thánh pháp trai giới, khiến các hữu tình ấy dứt bỏ việc thọ nhận trai giới tà hết sức khổ cực, chỉ chiêu cảm quả không đáng yêu thích, khuyên bảo khiến họ tu học, thọ nhận trai giới chân chánh, không quá khổ cực, mà chiêu cảm quả đáng yêu thích lớn.

Hoặc các hữu tình tự tu khổ hạnh, tinh tấn không biếng nhác, khởi phương tiện tà vạy muốn cầu giải thoát. Bồ tát vì họ thuyết giảng pháp trung đạo, khiến lìa bỏ hai biên hướng nhập trung đạo.

Hoặc các hữu tình cầu muốn được sanh lên cõi Trời, khởi phương tiện tà vạy, lao xuống từ núi cao, nhảy vào lửa, không ăn uống… Bồ tát vì họ giảng nói về tĩnh lự không điên đảo, khiến các hữu tình ấy, nơi hiện pháp lạc trụ, vị lai đạt được mọi thứ hỷ lạc không có các khổ não cũng thắng quả sanh thiên.

Hoặc các hữu tình tin nơi chú địa phệ ca của Bà-la-môn, vọng chấp nếu tinh tấn thọ trì đọc tụng tức đạt được cứu cánh. Bồ tát dùng phương tiện thanh tịnh khuyên bảo khiến họ đối với thánh giáo của Phật, thọ trì đọc tụng tư duy về nghĩa. Lại chánh thức vì kẻ khác, như vậy tuyên dương, mở bày chỉ rõ về diệu pháp tương ưng với tánh không vô cùng sâu xa do đức Như lai giảng nói, khiến các hữu tình ấy phát sanh sự chán lìa quyết định, phát sanh tin tưởng thanh tịnh mãnh liệt, chỉ do khoảng một sát-na như thế, chán lìa, tịnh tín cùng hiện hành nơi tâm thiện, hãy còn có thể thâu nhận thiện căn rộng lớn không thể nêu tính huống hồ là hành trì tương tục.

Lại, các Bồ tát đối với các vật dụng cúng dường hiện có của thế gian như vô số châu báu, các thứ hương quý… khởi tịnh tín cùng ý lạc tăng thượng, đối với Phật pháp tăng cúng dường thắng giải, cũng khuyên dẫn kẻ khác khiến hành trì cúng dường thắng giải như thế. Lại đối với tất cả sự cúng dường Phật pháp tăng nơi hết thảy thế giới trong mười phương, tức dùng sự tin tưởng thanh tịnh như thế cùng hành với ý lạc tăng thượng, duyên đủ khách và sanh tùy hỷ sâu xa, cũng khuyên dẫn kẻ khác sanh tùy hỷ ấy.

Lại, các Bồ tát thường xuyên tu tập niệm Phật, niệm Pháp, cho đến niệm Thiên, cũng khuyên dẫn kẻ khác khiến tu tập sáu niệm.

Lại, các Bồ tát ngôn ý phân biệt lễ bái Phật pháp tăng, cho đến khi mạng chung không có lường tín hư dối, cũng khuyên dẫn kẻ khác hành trì nghiệp lễ ấy.

Lại, các Bồ tát đối khắp hết thảy phước nghiệp của tất cả hữu tình trong mười phương thảy đều tùy hỷ, cũng khuyên dẫn kẻ khác tạo tùy hỷ

như thế.

Lại, các Bồ tát đối khắp tất cả hữu tình trong mười phương, nhập nơi ý lạc tăng thượng của tâm bi rộng lớn, nguyện đem tự thân đến thay cho các hữu tình họ nhận hết thảy mọi khổ não, cũng khuyên dẫn kẻ khác hưng khởi bi nguyện ấy.

Lại, các Bồ tát đối với tất cả lỗi lầm, tất cả quy phạm của quá khứ, hiện tại, do tâm tưởng ái lạc nhu hòa thanh tịnh, thuận theo Giới đã học, đối nơi trụ xứ của Chư Phật, Thế Tôn trong mười phương chỉ thành pháp lồ sám hối về dĩ vãng tu tập vị lai, cũng khuyên dẫn kẻ khác khiến thực hành việc ấy. Như vậy là thường xuyên phát lồ các điều đã phạm, ít dùng công sức mà hết thảy nghiệp chướng đều được giải thoát.

Lại, các Bồ tát đã gồm đủ thần thông, tâm được tự tại, đối khắp trụ xứ của Phật pháp tăng trong mười phương và hữu tình hỏa hiện vô số các sự việc thâu nhận vô lượng nhóm phước đức lớn.

Lại, Bồ tát thường xuyên tu tập từ bi hỷ xả, cũng khuyên dẫn kẻ khác tu tập như thế. Như vậy là Bồ tát dùng ít công sức mà dẫn thâu vô lượng thiện căn rộng lớn với các quả thắng diệu.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo của Bồ tát, đối với cá hữu tình kẻ ghét bỏ thánh giáo của Phật, khiến họ dứt trừ sâu hại? Những người đã trụ trong pháp Phật thì khiến tướng nhập, đã hướng nhập rồi thì khiến thành thục, đã thành thì khiến đạt được giải thoát?

Nghĩa là các Bồ tát, vì muốn thành tựu đầy đủ về nghĩa lợi của bốn loại hữu tình như thế, nên biết lược nói có sáu thứ phương tiện thiện xảo:

1. Phương tiện thiện xảo tùy thuận thông hợp.
2. Phương tiện thiện xảo cùng lập giáo ước chính yếu
3. Phương tiện thiện xảo ý lạc dị phần.
4. Phương tiện thiện xảo sanh khởi từ sự bức bách.
5. Phương tiện thiện xảo thi ân, báo ân.
6. Phương tiện thiện xảo thanh tịnh rốt ráo.

- Thế nào là Phương tiện thiện xảo tùy thiện thuận thông hợp của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với những hữu tình kia khắp vì họ thuyết pháp, trước hết nên tạo phương tiện tùy thuận, hiện hành thâu giữ hiền hòa, nhã nhặn, lại cũng hiện hành tùy chuyển với thí gần, trừ dứt chỗ sanh khởi giận hại đối với mình. Giận hại của họ được trừ bỏ nên sanh ác kính, ác kính sanh rồi thì đối với pháp phát khởi vui thích, sau đấy sẽ vì họ tuyên

thuyết chánh pháp. Pháp được nêu giảng, như chỗ thích hợp, dễ vào dễ hiểu, hợp thời, lần lượt không có điên đảo, có thể dẫn đến nghĩa lợi, gắng nhận, khó chống đối đối với các hữu tình ấy, trong sự việc điều phục, thành tựu tâm xót xa muốn tạo lợi ích tối thắng, vì tâm hiện thần thông ghi nhận, hiển bày, thuyết giảng chánh pháp như lý. Hoặc khiến thỉnh kẻ khác. Hoặc vì hữu tình hóa hiện vô số các sự việc thù thắng, khiến những hữu tình ấy đều được điều phục. Hoặc dẫn nghĩa lợi, nơi các luận hết sức tóm lược, có thể vì họ biện giải rộng. Hoặc dẫn đến nghĩa lợi, nơi các luận hết sức rộng lớn, có thể vì họ nêu bày tóm lược, khiến họ thọ trì, tạo sự nhớ nghĩ bằng cách nêu ra những vấn nạn.

Các hữu tình đối với pháp đã có thể thọ trì, lại tiến thêm là mở bày rộng về nghĩa chính yếu.

Lại, nơi nẻo hướng nhập, duyên khắp nơi tất cả môn Tam-ma-địa, có thể vì họ tùy thuận chỉ dạy khuyên bảo, thâu tóm lợi ích cho hữu tình khiến tu lợi hành. Hoặc các hữu tình đối với "tánh không" thâm diệu do Phật giảng, tương ưng với kinh điển, không hiểu nghĩa lý sâu xa nơi mật ý của Như-lai. Trong kinh ấy nói tất cả pháp đều không tự tánh, đều không có sự, không sanh không diệt. Nói tất cả pháp đều như hư không, đều như huyễn mộng, các hữu tình kia nghe như vậy rồi, về nghĩa lý sâu xa không thể hiểu rõ, tâm sanh sợ hãi, phỉ báng như vầy: "Tất cả các điều nơi kinh điển nói không phải là Phật nói".

Bồ tát vì các loại hữu tình ấy, dùng phương tiện thiện xảo hợp thông như lý. Trong kinh như thế, đức Như lai với mật ý nêu bày nghĩa lý sâu xa. Hòa hợp như thật, gồm thâu các hữu tình kia. Bồ tát lúc chính thức hợp thông như thế, vì họ nói rõ: kinh ấy không nói tất cả các pháp đều không hiện có. Chỉ nói các pháp là nói về tự tánh đều không hiện có. Vì thế nên nói: tất cả các pháp đều không có tự tánh. Tuy có sự việc được ngôn thuyết là "tất cả", dựa vào đấy nên các ngôn thuyết chuyển biến. Nhưng chỗ được nói kia có thể nói về tự tánh, căn cứ vào đệ nhất nghĩa thì không phải là tự tánh ấy, do đó nói: tất cả các pháp đều không có sự. Tất cả các pháp được nói là tự tánh, về lý đã như thế, từ xưa đến giờ đều không thật có, nên ở chỗ nào sanh, nơi chỗ nào diệt. Do vậy nên nói: tất cả các pháp không sanh không diệt. Ví như nơi không trung có rất nhiều sắc, sắc nghiệp co thể dung nạp được sắc nghiệp của tất cả sắc. Nghĩa là trong hư không hiện có vô số các sự vật hoặc qua hoặc lại, hoặc trụ hoặc khởi thu hẹp, mở rộng v.v... nếu như bấy giờ, các sắc sắc nghiệp thảy đều dứt trừ hết, tức lúc ấy chỉ là tánh vô sắc. Hư không thanh tịnh, tướng ấy hiển hiện. Như vậy, tức nơi hư không

tương tợ lìa mọi thứ ngôn thuyết. Có vô số ngôn thuyết tạo nên tà tưởng phân biệt, tùy theo hý luận chấp trước, tợ như sắc nghiệp chuyển biến. Lại tức tất cả ngôn thuyết với tà tưởng phân biệt như thế, tùy theo hý luận chấp trước giống như các sắc nghiệp, đều là giống với hư không, là chỗ dung nạp của sự việc lìa ngôn thuyết.

Hoặc khi Bồ tát dùng thánh trí vi diệu dứt trừ tất cả chỗ khởi tà tưởng phân biệt, tùy theo hý luận chấp trước của ngôn thuyết, bấy giờ Bồ tát là Thánh giả tối thắng, dùng thánh trí vi diệu, chứng đắc sự việc các pháp lìa ngôn thuyết. Chỉ có tự tánh của tất cả ngôn thuyết, không phải là tánh được hiển bày. Ví như hư không, tướng thanh tịnh hiện, cũng không vượt quá tự tánh khác ở đây có, nên lại tìm cầu. Do đó tuyên thuyết tất cả các pháp đều như hư không.

Lại như huyễn mộng, không phải như đã hiển hiện, như thật là có. Cũng không phải tất cả huyễn mộng về hình chất đều không thật có. Như vậy, các pháp không phải như ngôn thuyết của kẻ ngu thường hành tập theo thế lực hiện bày như thật là có. Cũng không phải tất cả các pháp theo thắng nghĩa, tự tánh là lìa ngôn từ, đều không có thật do phương tiện ấy nên ngộ nhập đạo lý: Tất cả các pháp chẳng phải là có, chẳng phải là không, cũng như huyễn mộng, tánh là không hai. Vì thế nêu rõ: Hết thảy các pháp đều như huyễn mộng. Như vậy, Bồ tát đối khắp pháp giới của tất cả các pháp, không lấy phần ít, không bỏ phần ít, không làm tổn giảm, không tạo tăng ích, không nơi hoại mất. Nếu pháp thật có, nhận biết là thật có. Nếu pháp thật không, nhận biết là thật không. Như chỗ nhận biết, theo như thế mà mở bày, chỉ rõ. Nên biết đó gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận thông hợp của Bồ tát.

- Thế nào là Phương tiện thiện xảo cùng lập giáo ước chính yếu?

Nghĩa là các Bồ tát nếu thấy hữu tình cần tìm các vật dụng nuôi thân như thức ăn uống… tức nên cùng họ lập giao ước cần thiết: các ông nếu có thể tri ân cha mẹ, cung kính cúng dường, cùng cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn…, nói rộng như trước, cho đến nếu có thể thọ trì tịnh giới, như vậy thì tôi sẽ tùy theo chỗ mong cầu của ông, cung cấp cho các vật dụng nuôi sống thân như thức ăn uống... Nếu ông không thể làm được thì tôi cũng không cấp thí.

Như thế, Bồ tát hoặc thấy có hữu tình tìm đến cầu mong được có các sự việc về ruộng đất nhà cửa, các sự việc về chợ búa, sự việc về vua quan, lãnh thổ, sự việc về tiền của, lúa gạo. Hoặc có hữu tình tìm đến cầu mong đạt được các xứ công nghiệp, các xứ minh. Hoặc có hữu tình tìm đến cầu

mong cùng làm bạn bè, cùng kết thông gia. Hoặc có hữu tình tìm đến mong tạo ấp hội, mong được giúp đỡ trong công việc làm ăn… Bồ tát cùng với họ lập giao ước. Các ông nếu có thể biết ân của cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng như trước. Được vậy thì tôi sẽ cung cấp cho về nhà cửa ruộng đất, nói rộng cho đến trợ giúp cho công việc làm ăn. Lại, các Bồ tát hoặc thấy có hữu tình phạm tội, hoặc bị kiện tụng, hoặc tạo vô số các việc không lợi ích nên bị kẻ khác bắt bớ, xử phạt đánh đập, nhục mạ, xua đuổi v.v... Bồ tát bấy giờ tùy theo năng lực, lập giao ước với họ. Các ông nếu có thể tri ân cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng như trước. Được vậy, tôi sẽ tạo phương tiện để cứu giúp khiến thoát khỏi nạn ấy.

Lại các Bồ tát hoặc thấy các hữu tình gặp những sự sợ hãi về vua quan, giặc cướp, nước lửa, người, phi nhân v.v... bấy giờ Bồ tát lập giao ước với họ như trước đã nói, cho đến như vậy tôi sẽ tạo phương tiện cứu giúp khiến tránh khỏi những lo sợ đó.

Lại, các Bồ tát hoặc thấy hữu tình mong muốn về chỗ yêu thương gặp gỡ cầu không xa lìa, Bồ tát bấy giờ lập giao ước với họ. Nếu các ông có thể tri ân cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng như trước. Như thế thì tôi sẽ tạo phương tiện khiến ông được toại nguyện.

Lại, các Bồ tát hoặc thấy các hữu tình khổ sở vì bệnh tật, nên cùng họ lập giao ước. Nếu các ông có thể tri ân cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng như trước. Được vậy thì tôi sẽ cứu giúp các ông thoát khỏi bệnh khổ, đạt được an lạc.

Các hữu tình kia đã được Bồ tát lập giao ước chính yếu như thế, nên đối với các phẩm thiện mau chóng thọ họ, đối với các phẩm ác mau chóng đoạn trừ. Bồ tát đều có thể làm họ toại nguyện. Nên biết đó gọi là Phương tiện thiện xảo cùng lập giáo ước chính yếu của Bồ tát.

- Thế nào là Phương tiện thiện xảo ý lạc dị phần của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát cùng với các hữu tình lập giao ước rồi, các hữu tình kia, đối với các sự việc như đã nêu trên, không như chỗ mong muốn, mau chóng tu tập. Bồ tát lúc này, đối với những điều đã hứa đều không cấp thí. Chỉ vì tạo lợi ích cho các hữu tình ấy, không phải do ý lạc gì khác mà không thí cho họ. Như vậy, nơi các xứ ách nạn, các xứ sợ hãi, đối với các hữu tình yêu thương gặp gỡ cầu không xa lìa, các hữu tình bị bệnh khổ bức bách tạm thời từ bỏ, chỉ vì nhằm tạo lợi ích cho các hữu tình ấy, chẳng phải vì ý lạc gì khác mà dứt bỏ, không cứu giúp.

Bồ tát như thế là đối với các hữu tình ấy lúc tạo phương tiện hiện hành nghiệp cứng rắn, chỉ vì tạo lợi ích, không phải với ý lạc gì khác. Lần

lượt vào thời gian khác khiến họ như chỗ mong muốn đoạn trừ các thứ ác, tu học các điều thiện, vì vậy theo phương tiện tạm thời từ bỏ.

Nếu các hữu tình, nơi trụ xứ của Bồ tát, tuy không mong cầu, cũng không có các nạn, nói rộng cho đến không có các bệnh khổ, nhưng cùng với Bồ tát trước vì thân tình. Bồ tát đối với họ tuỳ chỗ thích hợp khuyên dẫn, đoạn các pháp ác, tu các pháp thiện. Đó là khiến họ nhận biết về ân của cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng cho đến, nơi thi la tịnh tùy thuận thọ học. Nếu các hữu tình kia tuy mang ơn Bồ tát đã khuyên dẫn như thế, nhưng vẫn phóng túng, khinh xuất, không phụng hành. Bấy giờ Bồ tát tự hiện bày sự giận dữ, quở trách, chỉ muốn tạo lợi ích, không phải là ý lạc phẫn nộ. Đối với những chỗ tạo tác đều hiện bày trái ngược, chỉ nhằm tạo lợi ích, không phải là ý lạc chống đối. Hoặc nơi một loại, hiện bày các sự việc không lợi ích cùng với thế gian, cũng chỉ nhằm tạo lợi ích, chẳng phải là ý lạc tổn hại. Như vậy là các Bồ tát đối với những hữu tình, bên ngoài hiện bày những tạo tác, cùng với tướng ý lạc bên trong là không đồng phần. Do nhân duyên ấy nên theo phương tiện an xứ, khiến các hữu tình kia dần dần đoạn trừ các điều ác, dần dần tu các điều thiện. Do vậy, Bồ tát tạo phương tiện để điều phục hữu tình như thế gọi là phương tiện thiện xảo ý lạc dị phần của Bồ tát.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo sinh khởi từ sự bức bách của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát hoặc làm gia chủ, hoặc làm quốc vương, có được lực dụng tăng thượng, đối với những thân thuộc của mình, đối với các thần dân của mình có thể khuyên dạy đúng đắn. Như nên bố cáo: Các người thân thuộc của ta! Các thần dân của ta! Nếu đối với cha mẹ không biết ân, báo ân, nói rong cho đến kẻ huỷ phạm giới, ta sẽ ngưng việc cấp thí thường có về y phục, thức ăn uống, hoặc sẽ trị phạt. Hoặc các người thân thuộc của ta sẽ cùng nhau trái lìa. Hoặc các thần dân của ta vĩnh viễn bị bãi chức. Lập một sĩ phu mưu trí khéo léo, đối với mọi tạo tác của họ khiến luôn quan tâm dò xét. Do nhân ấy nên các hữu tình kia sợ hãi bị trị phạt, tức siêng đoạn trừ các ác, siêng tu các thiện xảo sanh khởi do bức bách.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, trước hết đối với hữu tình, tùy theo năng lực nhiều ít tạo tác ân huệ, hoặc thí những thứ cần dung, hoặc cứu giúp nơi các ách nạn, hoặc trừ diệt các thứ sợ hãi, hoặc tạo ra sự hội ngộ cho kẻ yêu thương, hoặc giúp lìa bỏ nơi chốn không yêu thích, hoặc chữa trị bệnh khổ khiến được an lạc. Các hữu tình kia nhận biết về sâu xa ân huệ, muốn báo

đức, Bồ tát bấy giờ, khuyên khiến họ tu thiện là nhận sự báo ân. Nói: các vị không phải đem các thứ tài sản thế gian đến để đền đáp là sự báo ân lớn. Các vị nếu có thể tri ân đối với cha mẹ, cung kính cúng dường, nói rộng cho đến thọ trì tịnh giới, như vậy mới gọi là việc báo ân đức lớn. Đồ tát đối với các hữu tình, trước thí ân huệ, khuyên khen tu thiện như vậy gọi là báo ân lớn. Do phương tiện này, nên khiến họ đối với pháp thiện tinh tấn tu học. Vì vậy gọi là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ tát.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo thanh tịnh rốt ráo của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát an trụ nơi địa đáo cứu cánh của Bồ tát, đối với đạo Bồ tát đã khéo thanh tịnh. Trước hết là hiện vãng sanh trong chúng đồng phận của cõi trời đổ sử đa. Vô lượng hữu tình suy niệm, nói: Bồ tát hiện là, nay đã sanh trong chúng đồng phận của trời đổ sử đa, không lâu sẽ hạ sanh nơi châu thiệm bộ, chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Nguyện do chúng ta sẽ được gặp vị ấy, chẳng phải là không gặp gỡ. Tùy theo xứ sanh của Bồ tát đó, nguyện khiến cho chúng ta cũng được sanh đến.

Như thế là khiến cho vô lượng hữu tình sanh khởi mong muốn vui thích chân chánh, vì tu tập nhiều mong muốn vui thích ấy.

Lại, Bồ tát này từ nơi chúng đồng phận của trời Đổ-sử-đa mất, sanh xuống nhân gian, sanh vào chốn cao quý hoặc gia đình vọng tộc, như vương gia hoặc đình quốc sư, từ bỏ những dục lạc thượng diệu của thế gian, không chút lưu luyến, thanh tịnh xuất gia, khiến các hữu tình khởi tâm tôn kính. Lại hiện thệ nguyện thọ nhận hạnh khổ khó làm, vì khiến cho các hữu tình tin hiểu khổ hạnh xả bỏ chỗ yêu thích.

Lại chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, khiến cho các hữu tình khác, đối với chỗ cùng hướng tới Bồ đề giải thoát, vui mừng thù thắng. Lại chứng đắc chánh đẳng giác vô thượng rồi, chưa vì hữu tình thuyết giảng chánh pháp liền, mà đợi phạm thiên vương đích thân đến đưa thỉnh, vì khiến cho các hữu tình, đối với chánh pháp khởi tâm tôn kính, suy niệm: Pháp được thuyết giảng nhất định là phải thù diệu. Nay Phạm vương hy vọng Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp ấy, nên đích thân tự đến thỉnh cầu.

Lại dùng Phật nhãn quan sát thế gian, chớ khiến cho hữu tình tạo sự hủy báng: Chỉ do phạm vương đích thân tới thưa thỉnh, vì kính phạm vương nên mới tuyên thuyết chánh pháp, không phải đối với hữu tình tự khởi tâm Bi, mới là chỗ tự ý phát khởi của hành vị tha, không phải tự mình có thể thấu rõ về căn cơ thích ứng. Vì nhằm dứt trừ một loại hữu tình tà chấp như thế, nên trước hết dùng Phật nhãn quan sát thế gian, sau đấy vì hữu tình nơi thế gian chuyển pháp luân vô thượng, chưa từng chuyển nơi tất cả thế gian.

Như vậy là lại tuyên thuyết chánh pháp, chế lập học xứ. Đó gọi là phương tiện thiện xảo thanh tịnh rốt ráo của Bồ tát. Do phương tiện thiện xảo được nêu bày này lại không có phương tiện thiện xảo nào khác được nói trên đây, hoặc vượt hơn, hoặc vi diệu bằng, vì thế gọi là thanh tịnh rốt ráo.

Như vậy là đã nói về sáu thứ phương tiện thiện xảo hoặc rộng của Bồ tát, có thể dứt trừ các thứ giận tức hiện có nơi các hữu tình ghét bỏ thánh giáo. Kẻ trụ trong thánh giáo thì khiến họ hướng nhập. Người đã hướng nhập thì khiến thành thục. Hạng đã thành thục thì khiến được giải thoát. Trừ điều này thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm. Đó gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ tát.

- Thế nào là Đà-la-ni vi diệu của Bồ tát?

Nên biết Đà-la-ni vi diệu như thế lược có bốn loại:

1. Đà-la-ni về pháp.
2. Đà-la-ni về nghĩa.
3. Đà-la-ni về chú.
4. Đà-la-ni có thể đạt được nhẫn của Bồ tát.

- Thế nào là Đà-la-ni về pháp của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đạt được lực trì của niệm huệ như thế. Do lực trì ấy, nên nghe những điều chưa từng nghe nói, chưa ôn tập, chưa khéo thông suốt về chỗ thâu giữ, ghi chép của danh cú văn thân, thứ lớp bị lẫn lộn, đã có thể thứ lớp kết tập vô lượng kinh điển, trải qua vô lượng thời gian có thể giữ gìn không quên. Đó gọi là Đà-la-ni về pháp của Bồ tát.

- Thế nào là Đà-la-ni về nghĩa?

Nghĩa là như trước đã nói. Chỗ khác biệt ở đây: Ở kia là pháp, ở đây là vô lượng nghĩa lý sâu xa, tâm chưa từng ôn tập, chưa khéo thông suốt trải qua vô lượng thời gian, có thể nhớ giữ không quên. Đó gọi là đà la ni về nghĩa của Bồ tát.

- Thế nào là Đà-la-ni về chú của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đạt được đẳng trì tự tại như thế, do sức gia bị của tự tại ấy, nên có thể dứt trừ các tai hoạ của hữu tình. Các chương câu của chú khiến cho chương cú kia thảy đều thầu nghiệm. Thần nghiệm bậc nhất không chút hư dối, có thể dứt trừ không phải là một mà là vô số tai họa. Đó gọi là Đà-la-ni về chú của Bồ tát.

- Thế nào là Đà-la-ni có thể đạt được nhẫn của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát thành tựu hành nhân tự nhiên kiên cố, đầy đủ diệu huệ, ở riêng nơi chốn vắng vẻ dứt mọi ngôn thuyết, từng không có vật

nhưng vẫn thấy đường mà đi, biết lượng ăn uống, không ăn uống các thứ uế tạp, chỉ ăn một loại, luôn hành tĩnh lự, về đêm thức nhiều ngủ ít. Đối với những giao pháp do Phật giảng nói đạt được nhẫn của Bồ tát. Về chương câu của các chú có thể tư duy kỹ. Như lời chú viết:

"Nhất chi, Mật chi Cát chi, kỳ sắc đế Bát đà nị, sa ha"

Tức đối với nghĩa nơi câu chương của chú như thế đều tư duy, lường tính, quan sát kỹ lưỡng. Vị ấy đối với nghĩa nơi câu chương của chú như vậy, chánh hành như vậy, không lãnh hội từ kẻ khác, tự nhiên thông đạt, nhận biết rõ câu chương của các chú như thế đều không có nghĩa là thành thật viên mãn, song chỉ là vô nghĩa. Nhận biết rõ như thật về nghĩa nơi câu chương ấy là vô nghĩa. Vì thế vượt quá đấy thì không cầu nghĩa khác, ngang đấy gọi là khéo léo thông đạt nghĩa nơi câu chương của chú. Vị ấy, đối với nghĩa nơi câu chương của chú như thế thông đạt đúng đắn rồi, tức tuỳ theo nghĩa ấy, không nghe theo kẻ khác, tự mình chính thức thông đạt tất cả pháp nghĩa. Tức là đối với nghĩa ấy thông đạt như vậy: Tất cả ngôn thuyết nêu bày về nghĩa nơi tự tánh của các pháp đều không thành thật. Chỉ có tự tánh lìa ngôn thuyết của các pháp là nghĩa của tự tánh. Vị ấy, đối với nghĩa tự tánh đó của các pháp chánh thức thông đạt rồi, vượt quá đấy thì không có nghĩa khác để có thể cầu, do nơi nghĩa ấy khéo thông tỏ, nên đạt được sự hoan hỉ rộng lớn, tối thắng. Vì Bồ tát này chứng đắc Đà-la-ni, nên nói đã đạt được câu chương của Đà-la-ni ấy, xác lập thắng nhẫn của Bồ tát. Được nhẫn này nên các Bồ tát ấy, không lâu sẽ đạt ý lạc tịnh thắng, dựa vào thắng giải phẩm thượng nơi hành địa thắng nhẫn mà chuyển. Nên biết đó gọi là Đà la ni có thể đạt được nhẫn của bậc Bồ tát hiện có của Bồ tát.

Ở đây, Đà-la-ni về pháp, Đà-la-ni về nghĩa của Bồ tát, nếu vượt qua vô số đại kiếp thứ một, là đã nhập nơi địa ý lạc thanh tịnh thù thắng, nên chỗ đạt được là quyết định, trụ vững, rộng lớn. Từ đấy trở xuống, hoặc do nguyên lực, hoặc dựa vào tĩnh lự, tuy có đạt được nhưng không quyết định, cũng không trụ vững, không rộng lớn.

Như nói về hai Đà-la-ni pháp nghĩa, thì đà-la-ni về chú nên biết cũng thế. Còn đà-la-ni có thể đạt được nhẫn của bậc Bồ tát, như trước đã giải thích, tức đạt được như thế. Nếu các Bồ tát gồm đủ bốn công đức, mới đạt được các đà-la-ni như thế, không phải thiếu một loại mà có thể đạt được. Bốn thứ công đức là:

1. Đối với các dục không hề tham vướng.

2. Đối với các sự việc thắng lợi của kẻ khác không sanh đố kỵ, không ganh ghét sự tốt đẹp của kẻ khác.

3. Đối với mọi sự cầu xin đã bố thí khắp, không hối tiếc.

4. Ở trong chánh pháp sanh vui thích sâu xa. Vui thích pháp là đối với tạng Bồ tát cùng Ma-đát-lý-ca (Luận) của tạng Bồ tát, tâm yêu thích sâu xa.

Thế nào là Bồ tát tu tập chánh nguyện? Nên biết nguyện này lược có năm loại:

1. Nguyện phát tâm.

2. Nguyện thọ sanh.

3. Nguyện sở hành.

4. Nguyện chánh.

5. Nguyện lớn.

Nếu các Bồ tát đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng kia đầu tiên phát tâm, đó gọi là Nguyện phát tâm.

Nếu các Bồ tát nguyện nơi vị lai vãng sanh trong lúc cõi thiện, tùy thuận tạo lợi ích cho hữu tình, đó gọi là Nguyện thọ sanh.

Hoặc các Bồ tát nguyện có thể xét chọn các pháp không điên đảo, nguyện nơi cảnh giới tu tập vô lượng pháp thiện thù thắng. Đó gọi là Nguyện sở hành.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai thâu nhận tất cả pháp thiện của bậc Bồ tát, thâu nhận hết thảy công đức hiện có hoặc chung hoặc riêng nơi chánh nguyện hiện có, đó gọi là Nguyện chánh.

Nguyện lớn của Bồ tát, nên biết tức xuất phát từ nơi nguyện chánh, nguyện này lại có mười thứ:

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, dùng tất cả loại vật dụng cúng dường thượng diệu để cúng dường vô lượng vô biên Như lai. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ một.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, thâu nhận, hộ trì chánh pháp hiện có của chư Phật thế tôn, truyền giữ pháp nhãn khiến không đoạn hoại. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ hai.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, từ thiên cung đổ sử đa giáng thần hạ sanh như trước đã nói, cho đến nhập tại Niết bàn. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ ba.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, hành tất cả loại chánh hành của bậc Bồ tát. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ tư.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, có thể thành thục khắp tất cả hữu tình. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ năm.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, ở tất cả thế giới đều có thể thị hiện. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ sáu.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, có thể tịnh tu khắp tất cả cõi Phật. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ bảy.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, hết thảy Bồ tát đều đồng một loại gia hạnh ý lạc hướng nhập đại thừa. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ tám.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai. Tất cả gia hạnh thuận hợp hiện có đều không hư dối. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ chín.

Hoặc các Bồ tát nguyện nơi vị lai, mau chóng chứng đắc quả vị Chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Nên biết đó gọi là Nguyện lớn thứ mười.

- Thế nào là Tam-ma-địa không của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát quán xét tất cả sự, xa lìa hết thảy ngôn thuyết, tự tánh, chỉ có tự tánh lìa ngôn thuyết của các pháp, tâm chính thức an trụ. Đó gọi là Tam-ma-địa không của Bồ tát.

- Thế nào là Tam-ma-địa vô nguyện của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát tức cùng tùy quán về tự tánh lìa ngôn thuyết nơi các sự hiện có, do phân biệt sai lạc nơi khởi phiền não, cùng thâu nhận các thứ khổ, đều bị vô lượng lỗi lầm làm nhiễm ô, nên nơi đời vị lai trước hết là không nguyện, tâm chánh thức an trụ. Đó gọi là Tam ma địa vô nguyện của Bồ tát.

- Thế nào là Tam-ma-địa vô tướng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát tức chánh tư duy về các sự hiện có, tự tánh là lìa ngôn thuyết, hết thảy các tướng phân biệt hý luận, đều vĩnh viễn diệt trừ, đạt tịch tĩnh, nhận biết rõ như thật, tâm chánh thức an trụ. Đó gọi là Tam ma địa vô tướng của Bồ tát.

Hỏi: Vì sao chỉ lập ba Tam-ma-địa, không hơn không thêm?

Đáp: Pháp có hai loại: Là có và không phải có. Hữu vi, vô vi gọi là có. Ngã và ngã sở gọi là chẳng phải có. Ở trong hữu vi có vô nguyện nên có thể chán nghịch. Nên biết là dựa vào đấy để kiến lập Tam ma địa vô nguyện. Ở trong vô vi nguyện đạt Niết bàn, nên thuộc về an lạc chân chánh. Nên biết dựa vào đấy để kiến lập Tam-ma-địa vô tướng.

Đối với sự không phải có, Bồ tát thấy chúng như thật là không phải có. Dựa vào chỗ thấy ấy, nên biết là kiến lập Tam-ma-địa không. Như vậy là Bồ tát ở trong ba thứ Tam-ma-địa ấy, tinh tấn tu học,

ở đấy kiến lập sự nhận biết rõ đúng như thật. Đối với các hành tướng khác nơi ba Tam-ma-địa đều ngộ nhập như thật, an lập nghĩa lý sâu xa. Ngộ

nhập như thật, tu tập về nghĩa lý sâu xa, nhận biết đúng như thật. Nghĩa là ở trong ấy, các chúng thanh văn tinh tấn tu học cùng chứng đắc viên mãn.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 46

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già Phẩm 17/3: Bồ Đề Phần

Lại có bốn thứ pháp Ốt-đà-nam (tụng), chư Phật Bồ tát vì muốn khiến cho hữu tình thanh tịnh nên thuyết giảng. Những gì gọi là bốn?

Tất cả các hành đều là vô thường. Đó gọi là pháp Ốt-đà-nam thứ nhất.

Tất cả các hành thảy đều là khổ. Đó gọi là pháp Ốt-đà-nam thứ hai.

Tất cả các hành đều không có ngã. Đó gọi là pháp ba.

Ốt-đà-nam thứ Niết bàn tịch tĩnh. Đó gọi là pháp Ốt-đà-nam thứ tư.

Chư Phật Bồ tát, phần nhiều vì hữu tình nên tuyên thuyết pháp, nghĩa tương ưng như thế. Do đó gọi là pháp Ốt-đà-nam.

Lại, từ nơi xa xưa, các bậc Mâu-ni-tôn, tâm luôn tịch tĩnh, nơi tất cả thời lần lượt tuyên thuyết. Vì thế gọi đấy là Ốt-đà-nam.

Lại, nẻo hành này có thể hướng tới sự sanh lớn. Cũng lại có thể hướng tới, xuất phát hữu thứ nhất. Do đó gọi đấy là Ốt-đà-nam.

- Thế nào là Bồ tát cùng tuỳ quan sát tất cả các hành đều là vô thường?

Nghĩa là các Bồ tát quán tự tánh ngôn thuyết của tất cả hành, nơi hết thảy thời thường không thật có. Các hành như vậy thường không thể thủ đắc, nên gọi là vô thường.

Lại, tức quán các sự lìa ngôn thuyết kia, do không nhận biết rõ chỗ chân thật của chúng, nên không biết là nhân sanh diệt có thể thủ đắc. Các hành như thế, tự tánh lìa ngôn thuyết, có sanh có diệt, nên gọi là vô thường.

Lại, các Bồ tát quán hành quá khứ đã sanh đã biệt. Do các hành kia không nhân có thể thủ đắc, cũng không tự tánh, vì thề, quán tánh của nhân ấy, tự tánh đều không thật có. Quán hành hiện tại đã sanh chưa diệt. Do nhân của các hành kia không thể thủ đắc đã cùng với quả, tự tánh có thể thủ đắc do chưa diệt. Ví thế quán tự tánh của chúng là có mà không có nhân. Quán hành vị lai chưa sanh chưa diệt. Do các hành kia sanh, vì thế quán chúng chỉ có tánh nhân mà không tự tánh. Bồ tát thấy rõ phần đoạn

các hành trong ba đời nối tiếp chuyển biến như thế rồi, cùng tùy quán thấy rõ mỗi mỗi sát na nơi các hành hữu vi đều có ba thứ tướng hữu vi, nơi sát-na sau lại có tướng hữu vi thứ bốn. Tức ở trong ấy hành của sát-na trước, tự tánh diệt mất, không gián đoạn, nên chẳng phải là trước. Các sát-na của hành, tự tánh sinh khởi, chánh quán là sanh. Các hành sanh rồi, tức thời chưa hoại, chánh quán là trụ. Hành đã sanh ấy, đối chiếu với các hành đã diệt ở trước, tự tánh của sát-na dị biệt, chánh quán là già. Từ các hành này sanh sát-na sau, tức các hành đã sanh ấy, tự tánh của sát na diệt mất, chánh quán là diệt. Bồ tát quán tự tánh của sát na nơi các hành đã sanh ấy, tức là tự tánh của sanh, trụ, lão, không thấy sanh… riêng có tự tánh. Quán thấy như thật sát na sau sanh, tức sát na của các hành như sanh… tự tánh diệt mất, nên không có tánh riêng. Bốn thứ tướng hữu vi như vậy thâu tóm chung các hành. Nói tóm lại, có hai phần được hiển bày:

1. Phần có được hiển bày.

2. Phần không có được hiển bày.

Ở đây, Đức Thế Tôn dựa nơi phần có để kiến lập một loại tướng hữu vi. Dựa nơi phần không để kiến lập tướng hữu vi thứ hai. Hai thứ trụ, dị cùng là phần có được hiển bày của các hành kiến lập tướng hữu vi thứ ba. Trong ấy, Bồ tát quán tất cả thời chỉ có các hành, trừ đấy ra, lại không có sanh trụ lão di diệt, thường có vật thật tự tánh thành tựu, vì sao? Vì các hành khi sanh chỉ tức là các hành có thể thủ đắc như thế, không có riêng sanh trụ lão diệt khác. Như vậy, các hành lúc trụ lão diệt, chỉ tức là các hành có thể thủ đắc như thế, không riêng có sanh trụ lão diệt khác. Lại, các Bồ tát dùng lý suy cầu vật thật như sanh…, cũng không thể thủ đắc. Suy cầu không thể thủ đắc như vậy, tức là nếu lìa các hành như sắc kia… là có sanh. Như vậy, sanh ấy cũng phải có sanh. Như thế tức nên có hai thứ sanh:

1. Sanh của hành.

2. Sanh của sanh.

- Sanh của hành như thế cùng với sanh kia là một hay là khác?

Nếu nói là một, nếu cho là một: Là chấp sanh thật có, tức là dư dối, vì nói riêng có sanh, là vật thật có, tức không hợp đạo lý. Nếu bảo là khác, như vậy tức nên không phải là hành sanh của sanh. Vì hành sanh của sanh ấy không hợp đạo lý.

Như nói về tướng sanh, thì nói rộng về tướng trụ, lão, diệt, nên biết cũng vậy, nghĩa là, nếu pháp diệt riêng có tự tánh là thành tựu thật, tức nên diệt ấy có sanh có diệt. Nếu khi diệt sanh, tất cả các hành đều nên đồng diệt. Như thế, tức nên dùng ít công sức, như nhập định diệt, các tâm, tâm

sở hết thảy đều diệt. Nếu lúc diệt diệt, tất cả các hành tuy đều đã diệt lại nên sanh trở lại, do diệt không. Vì thế nói diệt là có sanh có diệt, là không hợp đạo lý.

Lại, các thiện nam hoặc các thiện nữ, nơi tất cả thời luôn có vật thật, tự tánh thành tựu, quán là giả có, nhưng có thể tu chán lìa dục, đạt giải thoát, là không hợp đạo lý. Cùng với đấy trái ngược là hợp với đạo lý. Do hành tướng này, các Bồ tát ấy nhận biết rõ như thật, tất cả các hành đều là vô thường.

Lại, các Bồ tát, lúc quán hành vô thường nối tiếp mà chuyển, có thể làm chỗ dựa của ba thứ khổ:

1. Hành khổ.
2. Hoại khổ.
3. Khổ khổ.

Như thế là Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật tất cả các hành thảy đều là khổ.

Lại, các Bồ tát nhận biết rõ như thật về tất cả các pháp hữu vi, vô vi, có hai tánh vô ngã:

1. Tánh vô ngã của Bổ-đặc-già-la.
2. Tánh vô ngã của Pháp.

Tánh vô ngã của Bổ-đặc-già-la ở trong các pháp: Nghĩa là không phải tức pháp có, là Bổ-đặc-già-la có chân thật. Cũng không phải lìa pháp có, là riêng có Bổ-đặc-già-la chân thật, ở trong các pháp, tánh của pháp là vô ngã: Nghĩa là ở trong tất cả sự ngôn thuyết, hết thảy ngôn thuyết, tự tánh nơi các pháp đều không thật có. Như vậy các Bồ tát nhận biết rõ như thật: Tất cả các pháp đều không có ngã.

Lại, các Bồ tát quán tất cả hành, trước là nhân vĩnh viễn đoạn dứt, nên sau là diệt rốt ráo. Ngoài ra, rốt ráo không khởi không sanh, gọi là Niết bàn. Nên biết Niết bàn, về thể đã tịch tĩnh. Hết thảy các khổ đều rốt ráo dứt trừ, hết thảy phiền não đều rốt ráo diệt, đoạn. Như thế là Bồ tát chưa đạt được ý lạc thanh tịnh tăng thượng, các thanh văn thừa chưa thấy thánh đế tuy đối với Niết bàn phát khởi thắng giải, như vậy nên nói Niết bàn tịch tĩnh, nhưng đối với Niết bàn chưa lãnh hội đúng như thật, chưa thể trí kiến chuyển biến đúng đắn như thật. Tuy nhiên các vị kia cũng có tác ý như lý. Ví như con vua hoặc con trưởng giả, sanh ra lớn lên chưa ra khỏi vương cung, nội thất của trưởng giả. Vua và trưởng giả đều vì con trẻ của mình, giả tạo ra đủ các vật dụng vui chơi như xe hươu, xe bò, xe ngựa, xe voi để

ban cho con. Bấy giờ, con vua và con trưởng giả dùng các thứ ấy để vui chơi thỏa thích, tức đối với những hươu bò ngựa voi được giả tạo ra đó phát khởi tưởng chân thật vê hươu, bò, ngựa, voi. Về sau, một thời, vua và trưởng giả đều nhận biết con mình đã lớn dần, các căn thành thục, bèn nêu bày khen ngợi các loài vật Hươu, Bò, Ngựa, Voi chân thật. Lúc này, con vua và con trưởng giả nghe cha mình nói, khen như thế, liền nghĩ: Hôm nay vua cha cùng trưởng giả cha lại nêu bày khen ngợi không phải là bốn thứ xe Hươu, Bò, Ngựa, Voi hiện có của chúng ta.

Lại về thời gian sau, vua cùng trưởng giả đều nhận biết con mình đã thực sự khôn lớn, nên từ trong cung thất dẫn ra bên ngoài dạo chơi, chỉ cho con thấy các loài Hươu, Bò, Ngựa, Voi thật sự. Khi ấy hai người con thấy rồi, bên trong tự phát sanh huệ giải như thật. Đây là thứ xe Hươu, xe Bò, xe Ngựa, xe Voi thật nghĩa. Hai cha mình ngày đêm luôn vì chúng ta nêu bày tán thán về sự việc này, nhưng chỉ vì chúng ta không trí, nên đối với vật không như thật, chỉ là tương trợ, chỉ là ảnh tượng, lại phát khởi thắng giải chân thật. Do nhân duyên ấy nên đối với thắng giải trước, nhớ lại và dấy khởi trở thẹn. Như thế, cung thất là dụ cho ở nơi sanh tử. Nơi chốn sanh ra, nuôi dưỡng hai cậu bé là dụ cho Bồ tát chưa chứng đắc ý lạc thanh tịnh tăng thượng, cùng các thanh văn thừa chưa thấy đế. Hai người cha là dụ cho chư Phật cùng Bồ tát chứng nhập đại địa. Trước vì các con giả tạo ra các xe như xe Hươu, xe Bò, xe Ngựa, xe Voi… là dụ cho việc vì hành giả tuyên thuyết về tướng thô của Niết bàn. Tiếp sau vì họ nói, khen về các thứ xe Hươu… chân thật là dụ cho Phật, Bồ tát tự hiện chứng, thấy rõ Niết bàn chân thật. Như chỗ thấy rõ đối trước Bồ tát cùng thanh văn kia, nêu bày tán thán về công đức chân thật của Niết bàn. Các dụ còn lại các vị kia đã nghe cho nên chỉ dùng thuận theo âm thanh nơi giác huệ, đối với đức của Niết bàn ngày đêm thắng giải. Hoặc vào lúc ấy, tư lương thành thục, lần lượt tăng trưởng thành ý lạc tịnh tăng thượng. Bồ tát thấy đế, thanh văn đối với Niết bàn chân thật sanh trí hiện chứng. Tức bây giờ, từ nội tâm phát sanh huệ giải như thật về Niết bàn như thế. Hết thảy thanh văn, độc giác đã chứng. Chư Phật Bồ tát, trước đã nêu bày tán thán. Chúng ta trước do huệ giải của kẻ ngu, nơi sự vật không như thật, chỉ là tương tợ, chỉ là ảnh tượng, lại phát khởi thắng giải về Niết bàn chân thật, do nhân duyên ấy, nên đối với thắng giải trước cảm thấy xấu hổ, tức nương dựa nơi thắng giải như thật ở sau.

Lại như người bệnh đi tới chỗ thầy thuốc giỏi. Vì nhằm dứt trừ bệnh nên cầu được thuốc thích hợp, được rồi luôn dùng. Người bệnh đối với thuốc ấy, sanh khởi giải thắng sâu xa, sinh sự yêu thích hết mực, chỉ thấy

thuốc ấy là thật. Do nhân duyên này, bệnh trước dứt khỏi. Lại khởi bệnh khác, cần uống thứ thuốc khác. Lúc này, vị lương y nhận biết bệnh trước đã dứt, bệnh sau lại sanh, lại cần thứ thuốc khác, nên khuyên người bệnh bỏ thuốc trước, khiến uống thuốc khác. Người bệnh do ngu si không nhận biết, đối với thuốc được dùng lần trước, sanh tin tưởng sâu xa, khởi tưởng cho là thích hợp, không chịu bỏ đi. Khi đó, vị đại lương y vì kẻ bệnh kia nói rõ về tánh của thuốc trước sau. Đối với bệnh hiện có, thuốc trước không còn thích hợp. Thuốc sau mới là đúng thuốc nên dùng. Người bệnh tuy nghe lời nói của thầy thuốc nhưng không sanh thắng giải, vẫn chưa tin sâu lời giải thích của vị lương y.

Như thế, người bệnh là dụ cho các phàm phu, Bồ tát, thanh văn bị sự chấp giữ của bệnh phiền não. Đại lương y là dụ cho chư Như lai. Các thứ thuốc hay… là dụ cho việc tuyên thuyết các thứ giáo pháp, để chỉ dạy trao truyền khuyên bảo hoặc thượng thắng cùng cao vời tột bậc, hoặc thâm diệu, thù thắng cùng sâu xa hết mực, hoặc kém hoặc hơn cùng rất thù thắng. Các hạng kia tuy được nghe rồi nhưng không thể ngộ nhập, không sanh thắng giải, không thể tu tập pháp tùy pháp hành.

Các Bồ tát, thanh văn có sự tin tưởng thanh tịnh, đối với pháp Phật thuyết giảng không sanh nghi hoặc. Nhân nơi Phật nêu giảng dụ như chiến xa trang nghiêm đẹp đẽ, tất cả các chi đều hoàn toàn viên mãn. Người hành hoá pháp vô thượng như người khéo điều khiển xe, theo chỗ đất đi qua tùy chỗ nên đến, mau chóng tiến tới, không hề bị trở ngại.

Phần Bản Địa - Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già.
Phẩm 18: Công Đức của Bồ Tát

- Thế nào là công đức hiện có của Bồ tát? Tụng nêu:

Diệu kỳ, không diệu kỳ
Tâm bình đẳng, lợi ích
Báo ân cùng vui khen
Tánh gia hạnh không dối.

Nghĩa là các Bồ tát, đối với thừa chánh đẳng giác vô thượng, lúc riêng năng tu học, nên biết có năm pháp hết sức kỳ lạ, ít có. Những gì là năm?

1. Đối với các hữu tình, không nhân duyên mà sanh thân ái.

2. Chỉ vì tạo lợi ích cho các hữu tình, nên thường ở nơi sanh tử nhẫn chịu vô lượng khổ.

3. Đối với các hữu tình nhiều phiền não khó chế ngự, khéo có thể tạo phương tiện hiểu rõ, điều phục.

4. Đối với nghĩa lý chân thật hết sức khó lãnh hội, có thể tuỳ thuận ngộ nhập.

5. Gồm đủ đại uy thần lực không thể nghĩ bàn.

Năm thứ pháp hết sức kỳ diệu, Bồ tát hiện có như thế là không chung với tất cả hữu tình khác.

Lại, các Bồ tát thành tựu năm thứ pháp không kỳ diệu, nhưng gọi là thành tựu pháp kỳ diệu. Những gì là năm?

Nghĩa là các Bồ tát do nhân khổ của hành lợi tha, tức xem là an lạc của chính mình, vì thế Bồ tát luôn thọ nhận khắp nhân khổ của hành lợi tha. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ một, nhưng gọi là thành tựu pháp rất kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy khéo nhận biết rõ về lỗi lầm của sanh tử cùng công đức của Niết bàn, nhưng mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an lạc của chính mình. Vì thế, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh, nên thệ nguyện thọ nhận sinh tử. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ hai, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy khéo nhận biết rõ về vị an lạc của tĩnh lặng, nhưng vì mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an lạc của chính mình. Do đó, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình tăng thượng nên luôn siêng năng tạo phương tiện vì họ thuyết giảng chánh pháp. Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh, nên thệ nguyện thọ nhận sinh tử. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ ba, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát tuy tích tập thiện căn hiện có của sáu Ba-la-mật- đa, nhưng vì mong muốn khiến khắp các hữu tình thanh tịnh, xem là an lạc của chính mình. Do vậy, Bồ tát vì lực tăng thượng của hữu tình thanh tịnh nên dùng ý lạc thanh tịnh bố thí cho các hữu tình mà không mong cầu dị thục của quả thí. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ tư, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát lấy sự việc lợi tha xem là sự việc tư lợi. Do đó, Bồ tát luôn hiện thọ hành sự việc tạo lợi ích cho tất cả hữu tình. Đó gọi là Bồ tát thành tựu pháp không kỳ diệu thứ năm, nhưng gọi là thành tựu pháp hết sức kỳ diệu.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên biết là đối khắp hết thảy hữu tình tâm luôn bình đẳng. Đó là:

1. Bồ tát đầu tiên phát tâm, nguyện đạt đạo quả Bồ đề. Như vậy cũng là tạo lợi ích cho tất cả hữu tình, nên khởi tâm bình đẳng.

2. Bồ tát đối với các hữu tình luôn trụ nơi sự thương xót cùng hiện hành với tâm bình đẳng.

3. Bồ tát đối với các hữu tình, thâm tâm phát khởi sự yêu thương như một con cùng hiện hành ở tâm bình đẳng.

4. Bồ tát từ nơi các duyên đã sanh các hành, nhận biết sự việc của hữu tình nghĩ tưởng ấy rồi, biết rõ pháp tánh hiện có của một hữu tình, tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, do pháp bình đẳng cùng với tâm hiện hành, nên đối với các hữu tình trụ nơi tâm bình đẳng.

5. Bồ tát như ở nơi một hữu tình hành hạnh tạo lợi ích, thì đối với tất cả hữu tình hành hạnh tạo lợi ích cũng lại như vậy. Do lợi cùng với tâm ở nơi các hữu tình trụ vào tâm bình đẳng.

Do năm tướng ấy, nên các Bồ tát này đối với các hữu tình tâm luôn bình đẳng.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên đối với các hữu tình có thể tạo ra tất cả sự việc lợi ích. Những gì là năm? Đó là:

1. Nói, trao về chánh mạng để tạo lợi ích.

2. Đối với sự việc được tạo tác không tùy thuận có thể dẫn đến nghĩa lợi, Bồ tát nói, trao tùy thuận để tạo lợi ích.

3. Đối với các hữu tình không nơi nương nhờ, khổ sở bần cùng, Bồ tát khéo có thể vì họ làm chỗ nương nhờ để tạo lợi ích.

4. Nói, trao có thể đi tới con đường của cõi thiện để tạo lợi ích.

5. Nói, trao về ba thừa để tạo lợi ích.

Lại, các Bồ tát do năm thứ tướng, nên đối với các hữu tình có ân, hiện tiền báo đáp. Những gì là năm? Đó là:

1. Hữu tình an xứ khiến học đức của mình.

2. Tạo phương tiện an xứ, khiến học đức kẻ khác.

3. Hữu tình nghèo khổ không chốn nương dựa, tùy theo năng lực làm chỗ nương dựa cho họ.

4. Khuyên bảo khiến họ cúng dường chư Phật, Như lai.

5. Khiến họ, nơi trụ xứ của Phật được nghe thuyết giảng chánh pháp, thọ trì đọc tụng biên chép, cúng dường.

Lại, các Bồ tát ở năm thứ xứ thường nên vui, khen. Năm xứ ấy là:

1. Gặp Phật xuất thế, thường được thừa sự.

2. Nơi trụ xứ của chư Phật thường nghe sáu thứ Ba la mật đa nơi pháp của tạng Bồ tát.

3. Nơi tất cả chủng loại, luôn có uy lực để thành thục hữu tình.

4. Có thể đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng tinh tấn tu tập, mau chứng đắc.

5. Chứng đắc Bồ đề rồi, luôn khiến các đệ tử hòa hợp không tranh.

Lại, các Bồ tát do năm nhân duyên, nên đối với các hữu tình có thể tạo gia hạnh lợi ích không hư dối. Năm nhân duyên đó là:

Các Bồ tát đối với các hữu tình trước hết là nhằm tạo lợi ích an lạc. Đối với các hữu tình tạo lợi ích an lạc luôn nhận biết rõ như thật, không điên đảo. Tất cả nên gần gũi cùng dường như trong phẩm vô lượng đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, tụng nêu:

Gia hạnh không điên đảo
Thối chuyển cùng thắng tiến
Tương tợ công đức thật
Khéo điều phục hữu tình.

Nghĩa là các Bồ tát có năm gia hạnh, nên biết là thâu tóm khắp tất cả gia hạnh không điên đảo của Bồ tát. Năm gia hạnh đó là:

1. Gia hạnh tùy hộ.

2. Gia hạnh không tội.

3. Gia hạnh của lực xét chọn.

4. Gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng.

5. Gia hạnh gắn liền với quyết định.

- Thế nào là Gia hạnh tuỳ hộ của Bồ tát? Nên biết Gia hạnh nầy lược có năm thứ:

1. Tùy hộ thông duệ: Nghĩa là do trí câu sanh mau chóng thâu tóm các pháp.

2. Tùy hộ chánh niệm: Nghĩa là do chánh niệm nầy, nên theo chỗ pháp được thâu tóm, gìn giữ khiến không quên.

3. Tùy hộ chánh trí: Nghĩa là do chánh trí ấy, nên đối với pháp được gìn giữ khéo quán xét về nghĩa, chánh huệ thông đạt, xa lìa các nhân duyên của phần thối chuyển thuộc tuỳ thuận thông duệ, chánh niệm, giác huệ, gần hành các nhân duyên của phần tuỳ thuận trụ thắng.

4. Tùy hộ tự tâm: Tức có thể khéo gìn giữ các căn môn.

5. Tùy hộ tha tâm: Tức có thể đối với tha tâm tuỳ chuyển đúng đắn.

- Thế nào là Gia hạnh không tội của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với các pháp thiện hồi hướng tới đạo quả Bồ đề luôn thuận hợp, sáng tỏ vô lượng, không gián đoạn.

- Thế nào là Gia hạnh của lực xét chọn nơi Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi địa hành thắng giải, nên biết về tướng.

- Thế nào là Gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi địa ý lạc tịnh thắng cùng địa hành chánh hạnh, nên biết về tướng.

- Thế nào là Gia hạnh gắn liền với quyết định của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, tất cả đều ở nơi các địa: Địa quyết định, địa hành quyết định, địa đến cứu cánh, nên biết về tướng.

Năm thứ gia hạnh của Bồ tát như thế, thâu tóm khắp cả gia hạnh không điên đảo.

Lại, các Bồ tát thuận nơi pháp thối phần, nên biết có năm thứ. Đó là:

1. Không tôn kính chánh pháp cùng pháp sư thuyết pháp.

2. Phóng dật, biếng nhác.

3. Gần gũi, chấp trước đối với các phiền não.

4. đối với các hành ác thân cận, chấp trước.

5. Cùng với các Bồ tát khác so sánh hơn kém, khởi tăng thượng mạn, cùng với pháp khởi tăng thượng mạn điên đảo.

Lại, các Bồ tát thuận nơi pháp thắng phần, nên biết có năm.

Những gì là năm?

Nghĩa là cùng với các pháp của năm phẩm đen ở trước, thứ lớp trái ngược, nên biết về tướng.

Lại, các Bồ tát lược có năm thứ công đức tương tợ. Nên biết thật sự là lỗi lầm của Bồ tát. Đó là:

1. Nơi các hữu tình bạo ác, hủy phạm tịnh giới, do nhân duyên ấy nên Bồ tát không tạo tác lợi ích.

2. Trá hiện vô số oai nguy đầy đủ.

3. Ở trong các thứ văn từ, chú thuật thuận theo thế gian, các loại sách vở luận thuyết của ngoại đạo tương ưng, đạt được dự trí, cùng thông tỏ.

4. Tu tập các hành thiện như thí có tội…

5. Tuyên thuyết, kiến lập tương tợ chánh pháp, khiến lưu hành rộng khắp.

Lại, các Bồ tát lược có năm thứ công đức chân thật. Đó là:

1. Ở chỗ các hữu tình bạo ác, hủy phạm tịnh giới, do nhân duyên ấy nên khởi tâm bi thù thắng.

2. Bản tánh thành tựu đầy đủ oai nguy.

3. Đối với pháp tịnh diệu, chân thật do Phật thuyết giảng, hoặc giáo hoặc chứng, đều đạt được dự trí cùng thông tỏ hết thảy.

4. Tu tập các hạnh thiện như thí vô tội…

5. Mở bày chỉ rõ về chánh phát, ngăn, diệt tất cả các thứ tương tợ chánh pháp.

Lại, các Bồ tát lược có đối với mười xứ, điều phục thuận hợp các hữu tình được hoá độ. Những gì là mười xứ?

1. Xứ xa lìa hành ác.

2. Xứ xa lìa các dục.

3. Xứ chuyên tinh không phạm, phạm rồi có thể ra khỏi.

4. Xứ hộ trì đầy đủ tất cả các căn môn.

5. Xứ trụ nơi chánh tri.

6. Xứ lìa mọi ồn tạp.

7. Nơi xứ xa lìa, xa lìa tất cả tầm tư xấu ác.

8. Xứ xa lìa chướng ngại.

9. Xứ xa lìa tất cả phiền não trói buộc.

10. Xứ xa lìa tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền não.

Lại nữa, tụng nêu :

Các Bồ tát thọ ký
Gắn liền trong quyết định
Định tạo thường nên tạo
Là tối thắng, tối hậu.

Nghĩa là các Bồ tát lược do sáu tướng, nên được các Đức Như Lai, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, trao cho ký biệt (thọ ký).

- Những gì là sáu tướng?

1. Vị an trụ nơi chủng tánh, chưa phát tâm.

2. Vị đã phát tâm.

3. Vị hiện tiền.

4. Vị không hiện tiền.

5. Vị có định thời hạng.

Nghĩa là từng ấy thời gian sẽ chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

6. Vị không định thời hạn. Nghĩa là không nói rõ thời hạn quyết định mà thọ ký.

Lại, các Bồ tát lược có ba thứ gắn liền với quyết định đó là:

1. An trụ nơi chủng tánh, gắn liền với quyết định.

2. Phát tâm Bồ đề, gắn liền với quyết định.

3. Tu tập không hư dối gắn liền với quyết định.

- An trụ nơi chủng tánh, gắn liền với quyết định: Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi vị chủng tánh, nên gọi là Bồ tát gắn liền với quyết định. Vì sao? Vì do Bồ tát này hoặc gặp được thắng duyên, tất định có thể thực hiện đầy đủ việc tu tập, chứng đắc đẳng giác vô thượng.

- Phát tâm Bồ đề, gắn liền với quyết định: Nghĩa là có một loại các chủng Bồ tát, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, đã khởi tâm quyết định, sau đấy, cho đến chứng đắc đạo quả Bồ đề, không hề thối chuyển.

- Tu tập không hư dối gắn liền với quyết định: Nghĩa là các Bồ tát đã được tự tại, đối khắp tất cả hành tạo lợi ích cho hữu tình, như chỗ mong muốn của mình, hành tạo tu tập thuận hợp trọn không uổng phí.

Ở trong ba thứ gắn liền với quyết định ấy, dựa nơi vị gắn liền với quyết định sau cùng, chu Phật Như lai, quyết định thọ ký cho các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát lược có năm xứ, quyết định nơi chốn nên làm, nếu không hoàn thành, thì trọn không thể gánh vác, tu tập, chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Những gì là năm xứ? Đó là:

1. Pháp tâm Bồ đề.

2. Đối với các hữu tình sanh tâm thương xót sâu xa.

3. Luôn tinh tấn vượt bực.

4. Đối với các xứ minh, tạo phương tiện tu tập.

5. Không có chán mệt.

Lại, các Bồ tát đối với năm xứ, thường nên tạo tác. Năm xứ đó là:

1. Nơi xứ không phóng dật thường nên tạo tác.

2. Nơi chốn các hữu tình nghèo khổ, không chỗ nương dựa, thường nên vì họ tạo tác chỗ nương dựa.

3. Đối với các Đức Như lai thường nên cúng dường.

4. Thường nên nhận biết khắp các lỗi lầm, không lỗi lầm.

5. Tất cả sự tạo tác, hoặc hành hoặc trụ, trong các tác ý, tâm đại Bồ đề luôn là đứng đầu, dẫn đường.

Năm thứ như thế luôn là chỗ nên làm của các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát có mười thứ pháp, hết thảy Bồ tát đều cho là tối thắng, đặc biệt bậc nhất, kiến lập trong pháp tối thượng. Những gì là mười pháp?

1. Chủng tánh Bồ tát trong các chủng tánh là thù thắng bậc nhất.

2. Phát tâm đầu tiên, đối với các chánh nguyện là thù thắng tối thượng.

3. Tinh tấn, trí huệ, đối khắp tất cả Ba-la-mật-đa, là thù thắng bậc nhất.

4. Nhiếp sự ái ngữ, đối với các thứ nhiếp sự là thù thắng tột bậc.

5. Như lai. Thế tôn đối với các hữu tình là thù thắng tối thượng.

6. Bi mẫn đối với hữu tình, nơi các vô lượng là thù thắng bậc nhất.

7. Tĩnh tự thứ tư, đối với các tĩnh tự là thù thắng tột bậc.

8. Tam ma địa không, đối với ba đẳng trì là thù thắng bậc nhất.

9. Đẳng chí diệt tận, đối với các đẳng chí là thù thắng tột bậc.

10. Như trước đã nói, phương tiện thiện xảo thanh tịnh hiện có, đối khắp với tất cả phương tiện thiện xảo, là thù thắng tột cùng.

Lại nữa, tụng nêu:

Các nêu đặt, kiến lập
Tất cả pháp tầm tư
Cùng biết khắp như thật
Các vô lượng như vậy
Nói quả pháp thắng lợi
Tánh đại thừa gồm thâu
Bồ tát mười nên biết
Kiến lập các danh hiệu.

Nghĩa là các Bồ tát lược có bốn thứ nêu đặt kiến lập. Chỉ có Như Lai cùng các Bồ tát mới có thể nêu đặt, kiến lập đúng đắn, không phải tất cả những kẻ khác, hoặc trời hoặc người, hoặc các Sa-môn, hoặc các Bà-la-môn có thể kiến lập được, trừ khi được nghe rồi. Những gì là bốn?

1. Nêu đặt, kiến lập Pháp.

2. Nêu đặt, kiến lập Đế.

3. Nêu đặt, kiến lập Lý.

4. Nêu đặt, kiến lập Thừa.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập Pháp?

Nghĩa là Phật thuyết giảng mười hai phần Giáo như Tố-đáp-lãm… theo thứ lớp kết tập, đặt yên, chế lập. Đó gọi là nêu đặt kiến lập Pháp.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập Đế?

Nghĩa là vô lượng chủng loại, hoặc lập một đế, là nghĩa không hư vọng, chỉ có một đế, không có cái thứ hai. Hoặc lập hai đế:

1. Đế thế tục.
2. Đế thắng nghĩa.

Hoặc lập ba đế:

1. Đế tướng.
2. Đế ngữ.
3. Đế dụng.

Hoặc lập bốn đế:

1. Đế khổ.
2. Đế tập.
3. Đế diệt.
4. Đế đạo.

Hoặc lập năm đế:

1. Đế Nhân.
2. Đế Quả.
3. Đế Trí.
4. Đế Cảnh.
5. Đế Thắng.

Hoặc lập sáu đế:

1. Đế đế.
2. Đế vọng.
3. Đế nên nhận biết khắp.
4. Đế nên vĩnh viễn đoạn dứt.
5. Đế nên tác chứng.
6. Đế nên tu tập.

Hoặc lập bảy đế:

1. Đế vị ái.
2. Đế quá hoạn (lỗi lầm).

3. Đế xuất ly.
4. Đế pháp tánh.
5. Đế Thắng giải.
6. Đế Thánh.
7. Đế phi Thánh.

Hoặc lập tám đế:

1. Đế tánh Hành khổ.
2. Đế tánh hoại khổ.
3. Đế tánh khổ khổ.
4. Đế Lưu chuyển.
5. Đế Hoàn diệt.
6. Đế Tạp nhiễm.
7. Đế thanh tịnh.
8. Đế chánh gia hạnh.

Hoặc lập chín đế:

1. Đế vô thường.
2. Đế khổ.
3. Đế không.
4. Đế vô ngã.
5. Đế có ái.
6. Đế không có ái.
7. Đế phương tiện đoạn.
8. Đế Niết bàn Hữu dư y.
9. Đế Niết bàn Vô dư y.

Hoặc lập mười đế:

1. Đế khổ bức thiết.
2. Đế khổ vì tài sản địa vị thiếu thốn.
3. Đế khổ vì Giới không bình đẳng, hoà hợp.
4. Đế khổ vì yêu thương bị biến hoại.
5. Đế vì thô trọng.
6. Đế Nghiệp.
7. Đế Phiền não.
8. Đế lắng nghe chánh pháp tác ý như lý.

9. Đế chánh kiến.

10. Đế quả của chánh kiến.

Các loại như vậy gọi là nêu đặt, kiến lập Đế. Nếu phân biệt rộng, nên biết là vô lượng.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập lý?

Nghĩa là bốn đạo lý. Như trước đã phân biệt rộng, nên biết.

- Thế nào gọi là nêu đặt kiến lập thừa? Nghĩa là ba thừa:

- Thừa thanh văn.

- Thừa độc giác.

- Thừa lớn lao vô thượng.

Ba thừa như thế, mỗi mỗi thừa đều do bảy thứ hành tướng nêu đặt kiến lập. Đó gọi là nêu đặt kiến lập thừa.

- Bảy hành tướng của thừa Thanh-văn:

1. Đối với bốn thánh đế, huệ không điên đảo.

2. Huệ ấy là chỗ dựa.

3. Huệ ấy là đối tượng duyên.

4. Huệ ấy là loại bạn.

5. Huệ ấy là tạo nghiệp.

6. Huệ ấy là tư lương.

7. Huệ ấy đạt được quả.

Nên biết do bảy thứ hành tướng này nên nêu đặt kiến lập các thừa thanh văn được hoàn bị.

Như bảy thứ hành tướng nêu đặt kiến lập thừa thanh văn, thừa độc giác nên biết cũng thế.

- Bảy hành tướng của thừa lớn lao vô thượng:

1. Huệ xuất ly, duyên nơi sự lìa ngôn thuyết, chân như hiện có trong tất cả pháp, tánh bình đẳng không phân biệt.

2. Huệ này làm chỗ dựa.

3. Huệ này làm đối tượng duyên.

4. Huệ này làm loại bạn.

5. Huệ này làm tạo nghiệp.

6. Huệ này làm tư lương.

7. Huệ này đạt được quả.

Nên biết do bảy thứ hành tướng này, nên nêu đặt kiến lập đại thừa vô

thượng một cách hoàn bị. Chư Phật nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai cùng các Bồ tát hiện có đã nêu đặt kiến lập thuận hợp, hoặc đã tạo tác, hoặc sẽ tạo tác, hoặc đang tạo tác, tất cả đều do bốn thứ như thế. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm.

Lại, các Bồ tát vì đạt được bốn thứ nhận biết khắp đúng như thật, nên đối với pháp khởi bốn tầm tư. Những gì là bốn tầm tư?

1. Tầm tư về tên gọi.
2. Tầm tư về sự.
3. Tầm tư về giả lập tự tánh.
4. Tầm tư về giả lập sai biệt.

Bốn thứ như thế, nếu phân biệt rộng, nên biết như phẩm Nghĩa chân thật ở trước.

Lại, các Bồ tát lược có bốn thứ, đối với tất cả pháp nhận biết khắp như thật. Đó là:

1. Tầm tư về tên gọi, dẫn đến nhận biết khắp như thật.
2. Tầm tư về sự, dẫn đến nhận biết khắp như thật.
3. Tầm tư về giả lập tự tánh, dẫn đến nhận biết khắp như thật
4. Tầm tư về giả lập sai biệt, dẫn đến nhận biết khắp như thật.

Bốn thứ, nếu phân biệt rộng, nên biết như nơi phẩm nghĩa chân thật ở trước.

Lại, các Bồ tát, đối với năm thứ vô lượng có thể khởi tất cả tác dụng thiện xảo. Những gì là năm vô lượng? Đó là:

1. Vô lượng hữu tình giới.
2. Vô lượng thế giới.
3. Vô lượng Pháp giới.
4. Vô lượng cảnh giới được điều phục.
5. Vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục.

- Thế nào là Vô lượng hữu tình giới?

Nghĩa là sáu mươi bốn chúng các hữu tình, gọi là hữu tình giới. Như nơi ý địa ở trước đã nêu dẫn đầy đủ. Nếu dựa vào sự tương tục thì có vô biên sai biệt.

- Thế nào là Vô lượng thế giới?

Nghĩa là vô lượng thế giới nơi mười phương, với vô lượng danh hiệu mỗi mỗi đều sai biệt. Như thế giới này gọi là Sách-ha (ta bà). Phạm vương của thế giới này gọi là Sách-ha chủ. Tất cả như thế đều nên nhận biết rõ.

- Thế nào là Vô lượng pháp giới?

Nghĩa là pháp thiện, bất thiện, vô ký, các loại đạo lý sai biệt như vậy nên biết là vô lượng.

- Thế nào là Vô lượng cảnh giới được điều phục?

Nghĩa là hoặc có một loại cảnh giới được điều phục, tất cả hữu tình có thể điều phục, là đồng một loại.

Hoặc có hai loại cảnh giới được điều phục:

1. Hoàn toàn bị trói buộc.
2. Không hoàn toàn bị trói buộc.

Hoặc có ba loại cảnh giới được điều phục:

1. Độn căn.
2. Trung căn.
3. Lợi căn.

Hoặc có bốn loại cảnh giới được điều phục:

1. Sát-đế-lợi.
2. Bà-la-môn.
3. Phệ-xá.
4. Thú-đạt-la.

Hoặc có năm loại cảnh giới được điều phục:

1. Hành Tham.
2. Hành Sân.
3. Hành Si.
4. Hành Mạn.
5. Hành Tầm Tư.

Hoặc có sáu loại cảnh giới được điều phục:

1. Tại gia.
2. Xuất gia.
3. Chưa thành thục.
4. Đã thành thục.
5. Chưa giải thoát.
6. Đã giải thoát.

Hoặc có bảy loại cảnh giới được điều phục:

1. Khinh chê.
2. Ở giữa.

3. Trí hiển bày rộng.

4. Trí lược mở.

5. Nơi hiện điều phục.

6. Nơi sẽ điều phục.

7. Duyên dẫn đến phục.

Nghĩa là gặp duyên như vậy như vậy tức như vậy như vậy chuyển biến.

Hoặc có tám loại cảnh giới được điều phục: Tức là tám bộ chúng, từ sát đế lợi cho đến Phạm chúng.

Hoặc có chín loại cảnh giới được điều phục:

1. Nơi hành hoá của Như-lai.

2. Nơi hành hoá của Thanh văn, Độc giác.

3. Chốn hành hóa của Bồ tát.

4. Khó điều phục.

5. Dễ điều phục.

6. Điều phục bằng ngôn ngữ mềm dịu.

7. Điều phục bằng quở trách, xua đuổi.

8. Điều phục xa.

9. Điều phục gần.

Hoặc có mười loại cảnh giới được điều phục:

1. Địa ngục.

2. Bàng sanh.

3. Thế giới diễm ma.

4. Người, trời thuộc cõi dục.

5. Trung hữu.

6. Có sắc.

7. Không sắc.

8. Có tưởng.

9. Không tưởng.

10. Phi tưởng phi phi tưởng.

Như thế là lược nói về phẩm loại sai biệt có năm mươi lăm giới.

Nếu dựa vào đạo lý tương tục sai biệt, nên biết là vô lượng.

Hỏi: Vô lượng hữu tình giới và vô lượng cảnh giới được điều phục có sai biệt gì?

Đáp: Tất cả hữu tình hoặc trụ nơi chủng tánh, hoặc chẳng trụ nơi chủng tánh, không có sai biệt, gọi chung là vô lượng hữu tình giới. Chỉ trụ nơi chủng tánh, các phần vị ấy chuyển mới được gọi là vô lượng cánh giới được điều phục.

- Thế nào là vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục?

Nghĩa là như trước đã nói. Nên biết trong ấy cũng có vô lượng phẩm loại sai biệt.

Hỏi: Vì sao nói chung về năm vô lượng này theo thứ lớp như vậy?

Đáp: Do các Bồ tát chuyên tinh tu tập, tạo lợi ích cho các hữu tình, vì thế trước hết là nói về vô lượng hữu tình giới. Các hữu tình này dựa nơi xứ sở có thể được thọ nhận sự hoá độ, nên tiếp theo là nói về vô lượng thế giới. Các hữu tình ấy, tại nơi thế giới của mình, do vô số pháp hoặc nhiễm hoặc tịnh sai biệt có thể đạt được, do đấy, thứ ba là nói về vô lượng pháp giới. Tức quán trong hữu tình giới như thế, có các hữu tình có thể gắng nhận lãnh, hoặc có uy lực lớn có thể giải thoát rốt ráo các khổ. Vì vậy, thứ bốn là nói về vô lượng cảnh giới được điều phục. Chính do phương tiện thiện xảo như thế, khiến các hữu tình được giải thoát hoàn toàn, do đấy, thứ năm là nói về vô lượng cảnh giới của phương tiện điều phục. Thế nên nói: Bồ tát ở nơi năm thứ vô lượng này, có thể dấy khởi tất cả tác dụng thiện xảo.

Chư Phật Bồ tát vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp, nên biết có năm quả thắng lợi. Năm quả lớn đó là:

1. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sinh khởi pháp nhãn.

2. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, được dứt hết các lậu.

3. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp, liền đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng phát tâm chánh nguyện.

4. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát giảng nói chánh pháp, chứng đắc chánh pháp nhẫn tối thắng của bậc Bồ tát.

5. Một loại Hữu tình, lúc nghe Phật, Bồ tát thuyết giảng chánh pháp rồi, thọ trì đọc tụng, tu tập chánh hạnh, lần lược tạo phương tiện khiến mắt chánh pháp trụ lâu không diệt.

Năm loại như thế, nên biết gọi là Quả thắng lợi lớn của Chư Phật, Bồ tát nêu giảng chánh pháp.

Các Bồ tát nhân nơi bảy đại tánh cùng tương ưng, nên gọi là đại thừa,

những gì là bảy đại tánh? Đó là:

1. Đại tánh về pháp: Nghĩa là Tạng Bồ tát trong mười hai phần giáo thâu tóm giáo pháp phương quảng.

2. Đại tánh về pháp tâm: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng phát tâm chánh nguyện.

3. Đại tánh về thắng giải: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đối với đại tánh về pháp sanh tin hiểu thù thắng.

4. Đại tánh về ý lạc tăng thượng: Nghĩa là có một loại Hữu tình, đã vượt qua địa hành thắng giải, chứng nhập địa ý lạc tịnh thắng.

5. Đại tánh về Tư lương: Nghĩa là hai thứ Tư lương phước đức và trí huệ đều tu tập viên mãn, có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

6. Đại tánh về Thời: Nghĩa là trải qua ba vô số đại kiếp mới chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng.

7. Đại tánh về viên chứng: Tức đối tượng được chứng đắc là quả vị Bồ đề vô thượng. Do tự thể của Bồ đề viên chứng ấy, so với Tự thể của công đức viên chứng khác, hãy còn không sánh bằng huống hồ là có được hoặc hơn hoặc thêm. Nên biết ở đây, sáu thứ đại tánh nêu trước đều là nhân của đại tánh về viên chứng. Còn đại tánh về viên chứng là Quả của sáu thứ đại tánh nêu trước.

Có tám thứ pháp, có thể gồm thâu đầy đủ tất cả đại thừa:

1. Giáo pháp của Tạng Bồ tát.

2. Tức ở trong Tạng Bồ tát như thế, hiển bày giáo nghĩa của các pháp chân thật.

3. Tức ở trong Tạng Bồ tát như thế, hiển bày, chỉ rõ giáo pháp với uy lực rộng lớn, tối thắng, không thể nghĩ bàn của tất cả Chư Phật Bồ tát.

4. Đối với giáo pháp như trên đã nói, lắng nghe đúng như lý.

5. Tư duy như lý làm đầu, hướng tới ý lạc thù thắng.

6. Hướng tới ý lạc thù thắng làm đầu, nhập hướng tu hành.

7. Nhập tướng tu hành làm đầu, tu quả thành tựu viên mãn.

8. Tức do tu quả thành mãn như thế nên xuất ly rốt ráo.

Như thế là Bồ tát siêng năng tu học rồi, tức có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Những gì là Bồ tát siêng năng tu học rồi, có thể chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng? Nên biết Bồ tát lược có mười loại:

1. Trụ nơi chủng tánh.

2. Đã hướng nhập.

3. Ý lạc chưa tịnh.

4. Ý lạc đã tịnh.

5. Chưa thành thục.

6. Đã thành thục.

7. Chưa gắn liền với quyết định.

8. Đã gắn liền với quyết định.

9. Nhất sanh bổ xứ.

10. Trụ nơi Hữu sau cùng.

Ở đây, tức Bồ tát trụ nơi chủng tánh phát tâm tu học, gọi là đã hướng nhập. Tức đã hướng nhập cho đến chưa nhập địa ý lạc tịnh, gọi là ý lạc tịnh. Nếu đã được nhập, gọi là ý lạc đã tịnh.

Tức ý lạc đã tịnh cho đến chưa nhập địa đến cứu cánh, gọi là chưa thành thục. Nếu đã được nhập, gọi là đã thành thục.

Trong chưa thành thục cho đến chưa được nhập nơi địa quyết định, địa hành quyết định, gọi là chưa quyết định. Nếu đã được nhập, gọi là đã quyết định. Trong "Đã thành thục" lại có hai loại:

1. Nhất sanh sở hệ (Nhất sanh bổ xứ): Nghĩa là đời này không gián đoạn, sẽ chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

2. Trụ nơi Hữu sau cùng: Tức trụ nơi đời này có thể chứng đắc quả Bồ đề vô thượng.

Như vậy, như nói từ đầu tiên là trụ nơi chủng tánh, nói rộng cho đến có thể chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, mười loại Bồ tát đối với việc tu học của Bồ tát đều có thể tu học đúng đắn.

Như vậy, nói về tất cả Bồ tát, nên biết lại có các loại như thế, không có sai biệt, tùy theo đức mà giả gọi. Đó là, gọi Bồ-đề-tát-đỏa, Ma-ha-tát-đỏa, thành tựu Giác huệ, chiếu sáng tối thượng, tối thắng chân tử, tối thắng trụ trì. Có khả năng hàng phục khắp, mầm mống tối thắng, cũng gọi là dũng kiện. Cũng gọi là tối thánh, cũng gọi là thương chủ, cũng gọi là đại xưng. Cũng gọi là pháp sư.

Như vậy, vô lượng Bồ tát trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, nên biết mới có nội đức đều riêng, với vô lượng vô biên tưởng hiệu giả lập. Hoặc các Bồ tát hiện tiền tự xưng: ta là Bồ tát, nhưng đối với việc học của Bồ tát, không tu tập đúng đắn, nên biết đó gọi là Bồ tát tương tợ, không phải là Bồ tát chân thật. Nếu các Bồ tát hiện tiền tự xưng: ta là

Bồ tát đối với việc tu học của Bồ tát có thể tu hành đúng đắn, nên biết đó gọi là Bồ tát chân thật.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 47

Phần Bản địa: Địa Thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 2: Trì Xứ Du Già Tùy Pháp Phẩm 1: Tướng Bồ Tát

- Thế nào là các tướng của các Bồ tát chân thật? Tụng nêu:

Các Bồ tát chân thật
Năm thứ tướng nên biết
Tự tánh, chỗ dựa, quả
Thứ lớp gồm năm chuyển.

Nghĩa là các Bồ tát có năm thứ tướng của Bồ tát chân thật, nếu thành tựu thì gắn liền với số lượng Bồ tát. Đó là:

1. Thương xót.
2. Ái ngữ.
3. Dũng mãnh.
4. Huệ thí rộng khắp.
5. Có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý.

Năm pháp như thế, nên biết mỗi mỗi pháp đầu có năm chuyển:

1. Tự tánh.
2. Chỗ dựa.
3. Quả lợi.
4. Thứ lớp.
5. Cùng thâu tóm.

Ở đây nên biết, tự tánh của Thương xót lược có hai loại:

1. Tại ý lạc.
2. Tại chánh hành.

- Tại ý lạc: Nghĩa là các Bồ tát đối với các hữu tình luôn có ý lạc tạo lợi ích, ý lạc an lạc. Đó gọi là Thương xót.

- Tại chánh hành: Nghĩa là các Bồ tát đối với các hữu tình, như chỗ ý lạc, tuỳ theo năng lực, thân ngữ luôn tạo lợi ích. Đó gọi là Thương xót.

Tự tánh của Ái ngữ: Nghĩa là như trước đã nói: Hoặc nói lời an ủi, hoặc nói lời chúc mừng, hoặc nói lời Thắng ích. Nên biết như nơi phẩm nhiếp sự ở trước đã nói.

Tự tánh của dũng mãnh: Nghĩa là các Bồ tát luôn cương quyết, kiên cố, không hề khiếp nhược, có uy lực lớn.

Hoặc các Bồ tát tánh thí rộng lớn, tánh thí không nhiễm, đó gọi là tự tánh của Huệ thí rộng khắp.

Hoặc các Bồ tát hiện có bốn vô ngại giải cùng đối với chúng dẫn phát thuận hợp Trí Gia hạnh chân chánh, đó gọi là tự tánh của Tướng có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi Mật ý.

Nên biết, chỗ dựa của thương xót nơi Bồ tát lược có năm loại:

1. Hữu tình có khổ.
2. Hữu tình Hành ác.
3. Hữu tình phóng dật.
4. Hữu tình hành tà.
5. Hữu tình có phiền não tùy miên.

Hữu tình hiện có nơi địa ngục… đều bị khổ thọ bức bách liên tục mà chuyển. Như thế gọi là Hữu tình có khổ.

Hoặc lại có hữu tình tuy không phải là định khổ, nhưng phần nhiều nơi ba nghiệp thân ngữ ý đều hành ác. Ở trong các ác thích thú an trụ, tức những kẻ không luật nghi, như các kẻ nuôi mổ giết dê, heo gà… Đó gọi là hữu tình hành ác.

Hoặc lại có hữu tình tuy không phải là định khổ cùng hành ác, nhưng đối với các dục thì tham đắm thọ dụng, thích thú an trụ. Vô số tuồng chèo, ca múa, trào lộng, để tự vui thích…, đó là một loại thọ dục thế gian. Như thế gọi là hữu tình phóng dật.

Hoặc lại có hữu tình tuy không phải là định khổ, hành ác, phóng dật nhưng dựa vào vọng kiến tu tập các thứ khổ hạnh giải thoát. Nghĩa là bỏ các dục, ở nơi pháp luật nêu giảng điều ác, xuất gia… Như vậy gọi là hữu tình hành tà.

Hoặc lại có hữu tình tuy không phải là bốn loại kể trên, nhưng hoặc bị trói buộc hoàn toàn, hoặc không bị trói buộc hoàn toàn, do các tuỳ miên của những phiền não. Nghĩa là các phàm phu hiền thiện tu hành đúng đắn cùng các vị hữu học. Đó gọi là hữu tình có tùy miên phiền não.

Trên đây gọi là năm thứ chỗ dựa của thương xót hiện có nơi Bồ tát. do chỗ dựa nầy, do đối tượng duyên nầy mà thương xót chuyển biến.

Nên biết chỗ dựa của Ái ngữ nơi Bồ tát cũng có năm loại. Đó là:

1. Lời nói luận bàn đúng đắn.

2. Lời nói chúc mừng đúng đắn.

3. Lời nói an ủi chính đáng.

4. Lời nói mở rộng đúng đắn.

5. Lời nói nêu bày như lý.

Biện giải rộng như thế, nên biết như nơi phẩm nhiếp sự ở trước đã nói. Đó gọi là năm thứ chỗ dựa của ái ngữ hiện có nơi Bồ tát. do chỗ dựa nầy, do đối tượng duyên ấy nên ái ngữ chuyển biến.

Nên biết chỗ dựa của dũng mãnh nơi Bồ tát cũng có năm loại: đó là, như trước nơi phẩm Bồ đề phần đã nói về năm thứ chỗ dựa của tánh lực trì, kiên cố nơi Bồ tát. đấy là năm thứ chỗ dựa của dũng mãnh thuộc Bồ tát. Do chỗ dựa nầy, do đối tượng duyên ấy, nên dũng mãnh chuyển hợp.

Nên biết Huệ thí rộng khắp của Bồ tát cũng có năm chỗ dựa. Đó là:

1. Huệ thí thường xuyên.

2. Huệ thí hoan hỷ.

3. Huệ thí ân trọng.

4. Huệ thí không nhiễm.

5. Huệ thí không dựa.

Năm thứ như thế, như nơi phẩm thí ở trước đã biện biệt rộng.

Do chỗ dựa nầy, do đối tượng duyên ấy nên Huệ thí rộng khắp của Bồ tát chuyển hợp. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm. Nên biết, có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý của Bồ tát cũng có năm chỗ dựa. Đó là:

Đối với Khế kinh do Như lai thuyết giảng, thuận theo chỗ thâm diệu để hiển bày sự thâm diệu. Tánh không tương ưng với duyên tánh duyên khởi, nên biết đó gọi là chỗ dựa thứ nhất.

Đối với Tỳ-nại-da (luật) tạo phương tiện hủy phạm, khéo léo hoàn tịnh, nên biết đó gọi là chỗ dựa thứ hai.

Nơi Ma-đát-lý-ca (luận) nêu đặt kiến lập pháp tướng thuận hợp, nên biết đó gọi là chỗ dựa thứ ba.

Có thể hiển bày đúng đắn để dứt trừ ý nghĩa sâu xa khó lãnh hội nơi nghĩa của các pháp tướng, nên biết đó gọi là chỗ dựa thứ tư.

Đối với tất cả pháp, pháp nghĩa được giải thích, câu lời phẩm loại sai biệt, nên biết đó gọi là chỗ dựa thứ năm.

Do chỗ dựa nầy, do đối tượng duyên ấy, nên Bồ tát có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý mà chuyển hợp. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Bồ tát "thương xót", đối với các hữu tình, đầu tiên là có thể đoạn trừ các thứ oán hại, giận trách. Bồ tát thương xót đối khắp tất cả sự việc tạo lợi ích cho hữu tình, đều có thể tu tập, tạo tác, tâm không khiếp nhược, đối với gia hạnh ấy không hề chán mệt, trụ nhiều nơi thương xót, có thể gồm thâu không tội nơi hiện pháp lạc trụ cùng tạo lợi ích cho kẻ khác.

Lại, như Đức Thế Tôn đã nói, tu từ đạt được lợi lạc thù thắng. Nghĩa là nơi hiện thân, thuốc độc, đao gậy không thể gia hại. Như vậy tất cả thương xót của Bồ tát đều nên nhận biết rõ. Đó gọi là quả lợi nơi thương xót của Bồ tát.

Ái ngữ của Bồ tát, ở trong hiện pháp đoạn trừ bốn lỗi lầm của lời nói. Đó là nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, cùng nói lời thêu dệt. Do Ái ngữ nầy nên ở trong hiện pháp, có thể tự thâu nhận và thâu nhận kẻ khác, an ổn mà chuyển hợp.

Ái ngữ của Bồ tát, nơi đời vị lai, lời nói đôn hậu, lời nói tất được tin dùng. Đó gọi là quả lợi nơi Ái ngữ của Bồ tát.

Bồ tát dũng mãnh, ở trong hiện pháp có thể lìa tất cả tâm biếng trễ lười chác, luôn hoan hỉ, có thể thọ nhận luật nghi tịnh giới của Bồ tát. thọ rồi, trọn không hủy phạm, thối chuyển, có thể gắng nhẫn đúng đắn, thâu nhận mình, người. Nơi đời vị lai, hết thảy sự nghiệp được phát khởi của Bồ tát, bản tánh kiên cố, phàm chỗ hành tác, hoặc chưa thành tựu trọn không biếng trễ, thối chuyển. Đó gọi là quả lợi nơi dũng mãnh của Bồ tát.

Nên biết Bồ tát huệ thí rộng khắp, có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý đạt được quả lợi, nên biết như nơi phẩm uy lực, nói về chỗ sai biệt nơi uy lực của huệ thí, uy lực của Bát nhã. Đó gọi là hai thứ quả lợi của Bồ tát huệ thí rộng khắp và có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý. Đấy gọi là quả lợi nơi năm tướng của Bồ tát.

- Thế nào là thứ lớp nơi năm tướng như thế?

Nghĩa là các Bồ tát trước tu thương xót, thâu nhận hữu tình, đối với họ tâm luôn thương, nghĩ muốn tạo lợi ích. Tiếp theo tu Ái ngữ, khiến các hữu tình kia ra khỏi chốn bất thiện, an lập nơi xứ thiện, nêu giảng chánh lý, thâu nhận dạy khuyên. Sau đấy là tu dũng mãnh, đối với các loài hữu tình đã hướng nhập. Hoặc các hữu tình khởi những hạnh tà, vô số phiền não trong sự việc biến dị, đều có thể gắng nhẫn, vì không từ bỏ vô số các hữu tình trụ nơi hạnh tà hạnh chánh. Các Bồ tát nầy tu dũng mãnh rồi, một loại

hữu tình dùng của cải để thâu nhận, có thể khiến thành thục. Một loại hữu tình dùng giáo pháp để thâu nhận, có thể khiến thành thục. Một loại hữu tình dùng hai thứ của cải và giáo pháp để thâu nhận, có thể khiến thành thục. Do đó Bồ tát, tiếp sau là tu tập huệ thí rộng khắp và có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý. Nên biết Đó gọi là thứ lớp trước sau nơi năm tướng của Bồ tát.

Hỏi: Năm tướng của Bồ tát và sáu Ba la mật đa (đáo bỉ ngan: đến bờ kia) những tướng nào thuộc về Ba la mật đa nào?

Đáp: Thương xót của Bồ tát, nên biết là thuộc về Ba la mật đa tĩnh lự. Ái ngữ của Bồ tát thuộc về Ba la mật đa Thi la, Bát nhã. Dũng mãnh của Bồ tát là thuộc về Ba la mật đa tinh tấn, nhẫn nhục, Bát nhã. Huệ thí rộng khắp hiện có của Bồ tát tức thuộc về Ba la mật đa bố thí. có thể lãnh hội nghĩa lý thâm diệu nơi mật ý hiện có của Bồ tát, là thuộc về Ba la mật đa tĩnh lực, Bát nhã.

Năm tướng của Bồ tát chân thật như thế, nên biết mỗi tướng đều có năm chuyển. Đó là tự tánh, chỗ dựa, quả lợi, thứ lớp, cùng thâu tóm. Hết thảy đã phân biệt rộng, nên nhận biết như thật.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 2: Phần

Hai phần Bồ tát tại gia, xuất gia, có bao nhiêu thứ pháp, lúc tu học đúng đắn, mau chóng chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng?

Tụng nêu:

Hai phần các Bồ tát
Sự nghiệp đầu khéo tu
Thiện xảo nhiêu ích tha
Hồi hướng là sau cùng.

Nghĩa là các Bồ tát, hoặc là phẩm tại gia, hoặc là phần xuất gia, lúc chuyển hợp sai biệt, lược có bốn thứ pháp, nên biết khiến cho hai phần Bồ tát tại gia và xuất gia nầy siêng năng tu học đúng đắn, mau chóng chứng quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Bốn pháp đó là:

1. Khéo tu sự nghiệp.
2. Phương tiện thiện xảo.
3. Tạo lợi ích cho kẻ khác.
4. Hồi hướng thuận hợp.

- Thế nào là Bồ tát khéo tu sự nghiệp?

Nghĩa là các Bồ tát, đối với sáu Ba-la-mật-đa:

- Quyết định tu tập.

- Đều thật tu tập.

- Thường xuyên tu tập.

- Tu tập không tội.

- Thế nào là Bồ tát, đối với Ba-la-mật-đa thí quyết định tu tập? Nghĩa là các Bồ tát hiện có vô số tài sản, giáo pháp có thể bố thí,

những kẻ cầu xin hiện tiền, có ân không ân, có đức, có lỗi, không có sai biệt, đều nên bố thí. Hoặc nhân hoặc phi nhân, hoặc các Sa-môn, hoặc các Bà-la-môn, cùng những người khác ở thế gian không có như pháp, đều có thể khiến cho tâm thí thể hiện, hành động.

- Thế nào là Bồ tát đối với Ba-la-mật-đa thí đều thật tu tập?

Tức các Bồ tát hiện có vô số tài sản, giáo pháp có thể bố thí, những kẻ cầu xin hiện tiền, hết thảy đều thí cho, không có vật ít nào, đối với các hữu tình mà không thể xả thí. nơi thân mạng bên trong hãy còn có thể huệ thí, huống chi là các vật bên ngoài.

- Thế nào là Bồ tát đối với Ba-la-mật-đa thí thường xuyên tu tập?

Nghĩa là các Bồ tát đối với việc tu huệ thí không hề có chán mệt.

Nơi tất cả thời không có gián đoạn. Theo chỗ có được tức hành huệ thí, không hề tiếc lẫn.

- Thế nào là Bồ tát, đối với Ba-la-mật-đa tu tập không tội?

Nghĩa là các Bồ tát xa lìa các thứ thí tạp nhiễm, như nơi phẩm thí ở trước đã nói. Những pháp tu tập khác cũng không có thí tạp nhiễm. Như thế là Bồ tát đối với Ba-la-mật-đa thí đã có thể khéo tu tập. Như đối với Ba-la-mật-đa thí có thể khéo tu tập, thí chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy. Đó gọi là Bồ tát do bốn hành tướng, đối với sáu thứ của Bồ tát quyết định tu tập, đều thật tu tập, thường xuyên tu tập và tu tập không tội.

- Thế nào là phương tiện thiện xảo của Bồ tát?

Nên biết, phương tiện thiện xảo như thế lược có mười loại:

1. Phương tiện thiện xảo nhằm dứt trừ sân hận của các hữu tình ghét bỏ thánh giáo.

2. Phương tiện thiện xảo đối với các hữu tình trong xứ khiến họ hướng nhập.

3. Phương tiện thiện xảo đối với các hữu tình đã hướng nhập rồi thì

khiến họ thành thục.

4. Phương tiện thiện xảo đối với các hữu tình đã thành thục rồi thì khiến họ được giải thoát.

5. Phương tiện thiện xảo đối với tất cả dị luận của các thế gian.

6. Phương tiện thiện xảo có thể quan sát đúng đắn các Bồ tát thọ trì, hủy phạm luật nghi tịnh giới.

7. Phương tiện thiện xảo đối với các chánh nguyện.

8. Phương tiện thiện xảo đối với thừa thanh văn.

9. Phương tiện thiện xảo đối với thừa độc giác.

10. Phương tiện thiện xảo đối với đại thừa.

Tất cả phương tiện thiện xảo như thế, trong địa Bồ tát nầy, tùy theo nhiều chỗ thích hợp, như trước đã phân biệt rộng, nên nhận biết.

Mười thứ Phương tiện thiện xảo hiện có của Bồ tát như vậy có thể tạo năm sự. Nghĩa là do bốn thứ phương tiện thiện xảo trước, khiến các Bồ tát có thể an lập đúng đắn các hữu tình được hóa độ, nơi tự nghĩa lợi. Do phương tiện thiện xảo đối với tất cả dị luận của thế gian, khiến ác Bồ tát khéo có thể hàng phục mọi thứ dị luận.

Do phương tiện thiện xảo có thể quan sát đúng đắn các Bồ tát thọ trì, hủy phạm luật nghi tịnh giới, khiến các Bồ tát không phạm điều đã phạm, nếu phạm rồi thì mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Đối với các Bồ tát đã thọ luật nghi tịnh giới hoàn toàn thanh tịnh, các Bồ tát có thể khéo tu tập đạt thanh tịnh. Do phương tiện thiện xảo đối với chánh nguyện, khiến các Bồ tát có thể chứng đắc nghĩa lợi của tất cả sự việc đáng yêu thích nơi vị lai được viên mãn. Do phương tiện thiện xảo đối với ba thừa, khiến các Bồ tát đối với các hữu tình, tùy theo chủng tánh, căn cơ và thắng giải, nêu giảng pháp tương xứng, thuyết giảng thuận chánh lý. Đó gọi là mười thứ phương tiện thiện xảo, khiến các Bồ tát có thể tạo tác năm sự việc. Do năm sự việc nầy, có thể khiến cho Bồ tát nơi hiện pháp, vị lai, tất cả sự nghĩa đều đạt cứu cánh.

- Thế nào là Bồ tát tạo lợi ích cho kẻ khác?

Nghĩa là các Bồ tát dựa nơi bốn nhiếp sự, là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự, có thể ban cho một phần hữu tình được lợi ích. Có thể ban cho một phần hữu tình được an lạc. Có thể ban cho một phần hữu tình được hoá độ đạt lợi ích an lạc. Đó gọi là lược nói về Bồ tát tạo lợi ích hiện có cho kẻ khác. Nói rộng như nơi phẩm tự lợi lợi tha ở trước, nên biết về tướng.

- Thế nào là Bồ tát hồi hướng thuận hợp?

Nghĩa là các Bồ tát tích tập ba môn thiện căn hiện có, tức khéo tu tập sự nghiệp, tạo phương tiện thiện xảo, tạo lợi ích cho kẻ khác, nơi ba đời thâu giữ hết thảy. Dùng tâm thuần một vị tin tưởng tịnh diệu, hồi hướng cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Họ hoàn toàn không dùng thiện căn được tích tập ấy để mong cầu dị thục nơi quả khác của thế gian, chỉ trừ quả vị Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Đức Thế Tôn vì các Bồ tát của phần tại gia hoặc phần xuất gia hiện có giảng nói về các học pháp ứng hợp. Nên biết tất cả đều được gồm thâu nơi bốn thứ nầy. Nghĩa là khéo tu tập sự nghiệp, hành phương tiện thiện xảo, tạo lợi ích cho kẻ khác, hồi hướng thuận hợp. Do đó, các chúng Bồ tát, với bốn thứ pháp như thế, có thể tiếp cận, gần gũi với đạo quả Bồ đề vô thượng khó chứng đắc. Nên biết, các Bồ tát hiện có nơi ba đời, hoặc phần tại gia hoặc phần xuất gia, tinh tấn tu học, đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng kia, từng, sẽ, hiện chứng. Hết thảy đều do bốn pháp như thế. Trừ chúng ra thì không gì có thể vượt hơn hoặc tăng thêm.

Lại, các Bồ tát hoặc phần tại gia, hoặc phần xuất gia, tuy lại cũng đối với bốn pháp như thế, siêng năng tu học chân chánh, nhưng người xuất gia đối với người tại gia là rất khác biệt, là hơn hẳn. Vì sao? Nên biết là Bồ tát xuất gia, đối với việc thâu nhận các thứ lỗi lầm, sầu lo của cha mẹ, vợ con, thân thuộc đều được giải thoát. Bồ tát tại gia thì không như thế.

Lại nữa, tất cả Bồ tát xuất gia, đối với vô số sự việc khó khăn, cực nhọc, ưu khổ như làm nông, buôn bán, kinh doanh, quan chức, quan hệ với cha mẹ, thân thuộc, đều được giải thoát. Bồ tát tại gia thì không như thế.

Lại nữa, hết thảy Bồ tát xuất gia, hoàn toàn có thể hành trì phạm hạnh liên tục. Bồ tát tại gia thì không như thế.

Lại nữa, tất cả Bồ tát xuất gia, đối khắp hết thảy phần pháp Bồ đề mau chóng chứng đắc thông huệ, theo chỗ tu tập các pháp thiện ấy, đều có thể nhanh chóng đạt đến cứu cánh. Bồ tát tại gia thì không như thế.

Lại nữa, hết thảy Bồ tát xuất gia, đều quyết định an trụ nơi luật nghi thanh tịnh, phàm chỗ phát ngôn, chúng đều tin, phụng. Bồ tát tại gia thì không như vậy. Các loại như thế về vô lượng pháp thiện, nên biết, tất cả Bồ tát xuất gia, đối với người tại gia là hết sức khác biệt, hoàn toàn hơn hẳn.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 3: Ý lạc tăng thượng

- Thế nào là ý lạc tăng thượng của Bồ tát? Tụng nêu:

Bậc trí đối hữu tình
Có bảy tướng thương xót
Mười lăm ý lạc thắng
Tạo mười sự, nên biết.

Nghĩa là các Bồ tát đối với các hữu tình, thâm tâm phát khởi bảy tướng thương xót. Do các Bồ tát gồm đủ thương xót, nên gọi là ý lạc thiện, ý lạc cực thiện. Những gì gọi là bảy tướng thương xót? Đó là:

1. Thương xót không sợ hãi.
2. Thương xót như lý.
3. Thương xót không mệt mỏi.
4. Thương xót không cầu thỉnh.
5. Thương xót không nhiễm.
6. Thương xót rộng lớn.
7. Thương xót bình đẳng.

Tức là các Bồ tát đối với các hữu tình không sợ hãi mà khởi tâm thương xót hiện hành thuận theo ba nghiệp thân ngữ ý, tâm vui thích tạo lợi ích an lạc. Đó gọi là thương xót không sợ hãi của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, luôn thương xót đúng như lý mà chuyển hợp. Nghĩa là trọn không dùng phi pháp phi luật phi hành hiền thiện, cùng phi xứ để khuyên bảo, trao truyền cho hữu tình. Đó gọi là thương xót như lý của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, thương xót như thế, theo chỗ thích nghi, phát khởi tất cả sự nghiệp tạo lợi ích từng không chán mệt. Đó gọi là thương xót không mệt mỏi của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, không đợi cầu thỉnh, mà tự khởi thương xót để tạo lợi ích.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, không có tâm ái nhiễm mà khởi thương xót. Nghĩa là tạo lợi ích cho kẻ khác không cầu báo ân, cũng không trông mong các quả dị thục đáng yêu thích nơi vị lai. Đó gọi là thương xót không nhiễm của Bồ tát. Cũng gọi là thương xót không duyên của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, chỗ dấy khởi thương xót là rộng lớn, không phải là nhỏ hẹp.

Nói rộng lớn: Nghĩa là nơi trụ xứ của tất cả các hữu tình, tuy gặp phải mọi sự việc không lợi ích, nhưng Bồ tát không từ bỏ. Bồ tát tự thân thà chịu điều không yêu thích, trọn không đem điều ác nhắm tăng thêm cho người khác. Đó gọi là thương xót rộng lớn của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, hình tướng như thế, công đức như thế, tương ưng với tâm thương xót, đối khắp tất cả các loài hữu tình đều bình đẳng, bình bình đẳng của Bồ tát. Bồ tát cùng với bảy thứ hành tướng thương xót nầy tương ưng, gọi là ý lạc thiện, ý lạc cực thiện.

Nên biết ở đây, tịnh tín là trước hết, trạch pháp là đứng đầu, nơi thắng giải hiện có đối với các pháp Phật in rõ, quyết định. Đó gọi là ý lạc tăng thượng của Bồ tát.

Ý lạc tăng thượng của Bồ tát như thế, nên biết lược nói có mười lăm thứ. Đó là:

1. Ý lạc tối thượng.
2. Ý lạc ngăn chận.
3. Ý lạc Ba-la-mật-đa.
4. Ý lạc về nghĩa chân thật.
5. Ý lạc uy lực.
6. Ý lạc tạo lợi ích.
7. Ý lạc an lạc.
8. Ý lạc giải thoát.
9. Ý lạc kiên cố.
10. Ý lạc không hư vọng.
11. Ý lạc không thanh tịnh.
12. Ý lạc thanh tịnh.
13. Ý lạc khéo thanh tịnh.
14. Ý lạc nên điều phục.
15. Ý lạc cầu sanh.

Nghĩa là các Bồ tát đối với tam bảo là sự chân thật tối thượng khởi ý lạc thù thắng, đó gọi là ý lạc tối thượng của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với luật nghi tịnh giới đã thọ trì, khởi ý lạc thù thắng, đó gọi là ý lạc ngăn chận của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với việc tu chứng các pháp thí, nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, bát nhã, khởi ý lạc thù thắng, đó gọi là ý lạc Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các pháp chân như thắng nghĩa thâm diệu, đối với pháp vô ngã, Bổ-đặc-gia-la vô ngã, khởi ý lạc thù thắng, đó gọi là ý lạc về nghĩa chân thật của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với uy lực thần thông hoặc uy lực câu sanh không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ tát, khởi ý lạc thù thắng, đó gọi là ý lạc uy

lực của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, muốn đem các pháp thiện trao cho. Đó gọi là ý lạc tạo lợi ích của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình như thế, muốn đem những lợi ích để trao cho. Đó gọi là ý lạc tạo an lạc của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình như thế, tâm không ái nhiễm.

Lại đối với các dị thục đáng yêu thích nơi vị lai, tâm không bị ràng buộc. Đó gọi là ý lạc giải thoát của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, tâm luôn chuyên chú, từng không đổi khác. Đó gọi là ý lạc kiên cố của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối với các hữu tình, theo phương tiện tạo lợi ích, nơi quả vị đại Bồ đề theo phương tiện hướng chứng, trí không điên đảo cùng hiện hành với thắng giải. Đó gọi là ý lạc không hư vọng của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát đối nơi hành địa thắng giải hiện có tất cả ý lạc tăng thượng. Đó gọi là ý lạc không thanh tịnh của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát từ địa ý lạc tịnh thắng, cho đến địa hành quyết định, hiện có tất cả ý lạc tăng thượng. Đó gọi là ý lạc thanh tịnh của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát nơi địa đến cứu cánh, hiện có tất cả ý lạc tăng thượng. Đó gọi là ý lạc khéo thanh tịnh của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, nơi ý lạc không thanh tịnh, thì đấy tức gọi là ý lạc nên điều phục, do ý lạc nầy cần xét chọn.

Lại, các Bồ tát nơi ý lạc thanh tịnh, ý lạc khéo thanh tịnh, đây tức gọi là ý lạc câu sanh, do tánh của ý lạc nầy đã được thành tựu, ở trong chỗ dựa khéo an lập.

Mười lăm thứ ý lạc tăng thượng diệu thiện của Bồ tát như vậy, thuận theo tất cả địa, nói tóm lại là có thể tạo nên mười sự. Những gì là mười sự?

Nghĩa là ý lạc tối thượng của các Bồ tát, có thể đối với tam bảo thực hiện tất cả loại cúng dường tối thắng, đối khắp với hết thảy tư lương Bồ đề là bậc nhất, hơn hết.

Lại, ý lạc ngăn chận của các Bồ tát, có thể đối với luật nghi tịnh giới đã thọ, dù là nhân duyên gây khó khăn cho thân mạng cũng không cố ý hủy phạm, nếu như có phạm thì mau chóng sám hối dứt trừ.

Lại, ý lạc Ba-la-mật-đa của các Bồ tát, có thể đối với pháp thiện thường siêng năng tu tập, không trụ nơi phóng dật, luôn trụ nơi tối thắng, trụ nơi chốn không buông lung.

Lại, ý lạc nghĩa chân thật của các Bồ tát có thể vì hữu tình, do tâm

không nhiễm nên lưu chuyển nơi sanh tử, cũng không bỏ ý lạc tăng thượng về Niết bàn.

Lại, ý lạc uy lực của các Bồ tát, có thể đối với thánh giáo tỏ ngộ, thọ nhận pháp vị thuần tịnh thượng diệu. Lại có thể đối với việc tu hành khởi tưởng bền chắc, vui thích luôn trụ, không chỉ do nghe, suy xét liền sanh biết đủ.

Lại, ý lạc tạo lợi ích, ý lạc tạo an lạc, ý lạc giải thoát của các Bồ tát, có thể đối với tất cả sự nghiệp được tạo tác nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, tinh tấn tu tập tuy thường tu tập nhưng không chán mệt.

Lại, ý lạc kiên cố của các Bồ tát, có thể đối với vô số tinh tấn sáng tỏ, tinh tấn rộng lớn, phát khởi an trụ nơi gia hạnh tăng tiến, gia hạnh liên tục.

Lại, ý lạc không hư vọng của các Bồ tát, có thể đối với các thứ pháp thiện được dẫn khởi mau chứng thông huệ, không ở trong phần ít chứng đắc còn thấp kém, mỏng yếu sai biệt mà sanh biết đủ.

Lại, ý lạc nên điều phục của các Bồ tát có thể dẫn đến ý lạc câu sanh.

Lại, ý lạc câu sanh của các Bồ tát, có thể đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng nhanh chóng hướng chứng, có thể cùng với hành trời, người tạo các nghĩa lợi, đem lại lợi ích, an lạc. Ý lạc nên điều phục tức là ý lạc không thanh tịnh. Ý lạc câu sanh tức là ý lạc thanh tịnh và ý lạc khéo thanh tịnh, nên không nói riêng.

Đức Thế Tôn vì các Bồ tát hiện có, nơi nhiều thứ, vô số lần nêu giảng thiết lập, mở bày về ý lạc tăng thượng. Nên biết tất cả đều được gồm thâu nơi mười lăm ý lạc nầy. Vì thế, ý lạc diệu thiện nơi ba đời quá khứ hiện tại vị lai, các chúng Bồ tát, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, đều đã, hiện, sẽ chứng đắc. Tất cả đều do mười lăm ý lạc được nêu bày như thế. Trừ chúng ra thì không gì có thể vượt hơn hay tăng thêm.

Mười lăm ý lạc của Bồ tát như vậy có thể đạt được quả lợi Bồ đề hết sức lớn. Do đó Bồ tát nương nơi ý lạc nầy, mau chóng chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 4/1: Trụ

Như thế là khởi đầu từ chủng tánh đầy đủ, nói rộng cho đến nêu bày về chỗ tu học của Bồ tát, chánh cần tu học. Nói về các tướng của Bồ tát, chánh đẳng hiển hiện. Nơi phần gia hạnh của các Bồ tát, siêng năng tu tập

đúng đắn. Như nói về ý lạc của các Bồ tát, có thể trụ địa đắc thanh tịnh.

Các chúng Bồ tát lược có mười hai thứ trụ của bậc Bồ tát. Do mười hai thứ trụ của Bồ tát ấy thâu tóm khắp hết thảy trụ của các Bồ tát, thâu tóm khắp tất cả hành của Bồ tát. Lại có trụ thứ mười ba của Như lai. Do trụ nầy nên Bồ đề rộng lớn của đẳng giáo hiện tiền, gọi là trụ vô thượng.

Thế nào là mười hai trụ của Bồ tát? Tụng nêu:

Chủng tánh, thắng giải hành
Cực hỷ, Giới tăng thượng
Tâm tăng thượng, ba Huệ
Vô tướng, có công dụng.
Vô tướng, không công dụng
Cùng do vô ngại giải
Trụ Bồ tát tối thượng
Tối cực Như lai trụ.

Nghĩa là, mười hai thứ trụ của Bồ tát gồm:

- Trụ chủng tánh.
- Trụ thắng giải hành.
- Trụ cực hoan hỉ.
- Trụ giới tăng tượng.
- Trụ tâm tăng thượng.
- Trụ huệ tăng thượng.

Lại có ba thứ:

- Trụ huệ tăng thượng tương ưng với giác phần.
- Trụ huệ tăng thượng tương ưng với các đế.
- Trụ huệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi lưu chuyển dừng dứt.

Tức là các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về chủ thể quán xét và đối tượng được quán xét đều chân thật cùng với các loài hữu tình chân thật, do không trí nên các khổ lưu chuyển. Do có trí nên các khổ được dừng dứt.

Như thế là Bồ tát, do nơi ba môn, dùng huệ quan sát nên có ba thứ trụ huệ tăng thượng.

Lại có :

- Trụ có gia hạnh, có công dụng, đạo vô gián khuyết vận chuyển vô tướng.
- Trụ không gia hạnh, không công dụng, đạo vô gián khuyết vận

chuyển vô tướng.

- Trụ vô ngại giải.

- Trụ Bồ tát thành mãn tối thượng. Đó gọi là mười hai thứ trụ của Bồ tát.

Mười hai thứ trụ của Bồ tát như vậy, thâu tóm khắp tất cả trụ của các Bồ tát. thâu tóm khắp hết thảy hành của các Bồ tát.

Trụ Như lai: Nghĩa là vượt qua tất cả trụ của các Bồ tát, là trụ Bồ đề rộng lớn của đẳng giác hiện tiền.

Ở đây, trụ Như lai là sau cùng: Nơi phẩm kiến lập sau cùng thuộc xứ du già cứu cánh ở sau sẽ giảng nói đầy đủ.

Bồ tát hiện có mười hai thứ trụ như đã được an lập, nay sẽ thuyết giảng.

- Thế nào là trụ chủng tánh của Bồ tát? Thế nào là Bồ tát trụ nơi trụ chủng tánh?

Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi trụ chủng tánh, tánh tự nhiên hiền, tánh tự thành tựu công đức của Bồ tát, nên mọi hiện hành của mình cũng có hiển hiện. Do tánh hiền thiện tạo phương tiện thúc đẩy khiến đối với pháp thiện chuyển hợp, không phải là do xét chọn, có chỗ chế ngự, có chỗ giữ gìn. Nếu các Bồ tát trụ nơi trụ chủng tánh thì nhận giữ tất cả chủng tử của pháp Phật, ở trong tự thể, ở trong chỗ dựa đã có đầy đủ tất cả chủng tử của hết thảy pháp Phật.

Lại, các Bồ tát trụ nơi trụ chủng tánh, tánh lìa thô cấu, các thứ phiền não triền phẩm thượng không thể hiện khởi. Do thứ triền nầy nên tạo nghiệp vô gián hoặc đoạn dứt thiện căn, như nơi phẩm chủng tánh đã nói về trụ chủng tánh, tướng chủng tánh. Ở đây, trong trụ chủng tánh của Bồ tát cũng nên nói rộng, nên nhận biết như thật. Đó gọi là trụ chủng tánh của Bồ tát.

- Thế nào là trụ thắng giải hành của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát từ nơi mới hoát tâm cho đến chưa đạt được ý lạc thanh tịnh, tất cà các hành của Bồ tát hiện có, nên biết đều gọi là trụ thắng giải hành.

Lại, các Bồ tát trong trụ chủng tánh, đối với mười một trụ còn lại của các Bồ tát cùng trụ Như lai chỉ có nhân chuyển, thâu nhận nhân ấy, đối với trụ của các Bồ tát hiện có còn lại, hãy còn chưa phát khởi hướng tới, chưa được, chưa tịnh, huống chi là đối với trụ Như lai. Nếu các Bồ tát ở nơi trụ thắng giải hành, đối khắp tất cả trụ còn lại của Bồ tát cùng trụ Như lai đều gọi là phát khởi hướng tới, chưa được, chưa tịnh. tức ở nơi trụ thắng giải

hành như thế, cũng gọi là phát khởi hướng tới, cũng gọi là được, vì khiến thanh tịnh mà tu tập chánh hạnh.

Trụ thắng giải hành đã thanh tịnh rồi, thì trụ cực hoan hỷ trước đã phát khởi hướng tới, nay lại gọi là được, vì khiến thanh tịnh mà tu chánh hạnh. Trụ cực hoan hỷ đã thanh tịnh rồi, thì trụ giới tăng thượng, trước đã phát khởi hướng tới, nay lại gọi là được, vì khiến thanh tịnh mà tu chánh hạnh. Như vậy nói rộng, lần lượt cho đến trụ Bồ tát thành mãn tối thượng. Tức trụ nầy đã thanh tịnh rồi, từ đấy, nơi trụ Như lai không gián đoạn, trước đã phát khởi hướng tới, nên biết hiện tại là tức thì đạt được, tức thì thanh tịnh.

Trụ Như lai nầy đối với trụ Bồ tát, nên biết trong ấy có sai biệt như thế.

- Thế nào là trụ cực hoan hỷ của Bồ tát? Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi ý lạc tịnh thắng.

- Thế nào là trụ giới tăng thượng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi ý lạc tịnh thắng làm duyên, đạt được tương ưng với giới tánh.

- Thế nào là trụ tâm tăng thượng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát trụ nơi trụ giới tăng thượng thanh tịnh làm duyên, đạt được các thứ đẳng trì, đẳng chí của tĩnh lự thế gian.

- Thế nào là trụ tuệ tăng thượng tương ưng với giác phần của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát dùng trí thanh tịnh của thế gian dựa nơi đẳng trì làm chỗ nương dựa, vì nhận biết các đế, đối với ba mươi bảy phần pháp Bồ đề như chánh niệm trụ… phân biệt khéo léo mà trụ.

- Thế nào là trụ tuệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi lưu chuyển, dừng dứt của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, trụ nơi lực tăng thượng của đế, có thể nhận biết rõ, phân biệt, hiển thị, do không trí nên thổ cùng nhân khởi. Phân biệt, hiển thị, do có trí nên khổ cùng nhân diệt.

- Thế nào là trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng của Bồ tát? Nghĩa là các Bồ tát tức do lực tăng thượng nơi ba thứ trụ tuệ tăng thượng, nên có gia hạnh, có công dụng, không gián đoạn, không thiếu giảm, tuệ đối với tát cả pháp, chân như không phân biệt, tu trụ cùng hiện hành.

- Thế nào là trụ vô tướng, không gia hạnh không công dụng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, đối với trụ vô tướng ở trước tu tập nhiều rồi, tự

nhiên tạo vận chuyển không gián đoạn, không thiếu giảm, thuận thành mà trụ.

- Thế nào là trụ tâm vô ngại giải của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, do huệ khéo thanh tịnh, không động, dựa vào đẳng trì nên đạt được huệ rộng lớn, vì kẻ khác thuyết pháp, nương nơi vô thượng, có thể đối với nghĩa lý sâu xa của các pháp môn khác, giải thích ngôn từ sai biệt, lựa chọn mà trụ.

- Thế nào là trụ Bồ tát thành viên mãn tối thượng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát an trụ ở đấy, đối với đạo quả Bồ tát đã đạt đến cứu cánh, nơi quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng đã được đại pháp quán đảnh, hoặc là nhất sanh bổ xứ, hoặc là ở nơi thân sau cùng. Từ trụ nầy không gián đoạn, tức bấy giờ chứng đắc quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng, có thể hành tác tất cả Phật sự.

Lại, các Bồ tát nơi trụ thắng giải hành, đối với việc tu tập của Bồ tát, với những thư tạo tác nhỏ hẹp, có thiếu sót, không quyết định, chỗ đạt được có thối chuyển, hướng tới trụ cực hoan hỷ. Đối với việc tu tập của Bồ tát, với các thứ tạo tác rộng lớn, không thiếu sót, được quyết định, theo chỗ chứng đắc không có thối chuyển, như trụ cực hoan hỉ. Cho đến ba thứ trụ huệ tăng thượng nên biết cũng vậy.

Từ trụ vô tướng đầu, cho đến trụ Bồ tát thành viên mãn tối thượng, đối với việc tu tập của Bồ tát, với những thứ tạo tác vô lượng, không thiếu sót, được quyết định, theo chỗ đạt được trọn không thối chuyển.

Lại, các Bồ tát nơi trụ thắng giải hành, đối với Bồ tát tu vô tướng, nên biết là phát khởi hướng tới trụ cực hoan hỷ, trụ giới tăng thượng, trụ tâm tăng thượng, trụ huệ tăng thượng. Đối với Bồ tát tu vô tướng, nên biết là đạt được trụ vô tướng đầu. Đối với Bồ tát tu vô tướng, nên biết là chứng đắc viên mãn trụ vô tướng thứ hai.

Đối với Bồ tát tu vô tướng, nên biết là trụ vô ngại giải đạt thanh tịnh, là trụ Bồ tát thành mãn tối thượng. Nơi quả của Bồ tát tu vô tướng, nên biết là đã lãnh nhận.

Hỏi: Bồ tát của trụ thắng giải hành, khi chuyển hợp thì có hành tướng diện mạo gì?

Đáp: Bồ tát của trụ thắng giải hành lúc chuyển hợp, lực xét chọn hơn hẳn. Nơi chỗ tạo gia hạnh của các Bồ tát, do huệ phân biệt luôn luôn xét chọn mới có thể tu tập, chưa thể nhận giữ tánh, thành tựu đầy đủ những tạo tác, chưa đạt được sự nối tiếp bền chắc không thối chuyển như Bồ tát tu tập hơn hẳn. Cũng vậy, đối với quả tu tập thù thắng, là vô số vô ngại giải, thần

thông, giải thoát, đẳng trì,, đẳng chí, cũng chưa thể đạt được. Chưa thể vượt khởi năm thứ sợ hãi, tức sợ không sống được, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ cõi ác, sợ ở nơi đám đông. Đối với các việc nên làm tạo lợi ích cho hữu tình, cần thúc đẩy gắng tư duy mới có thể tu tập. Chưa thể nhận giữ tánh thương xót yêu nhớ. Hoặc vào một thời, đối với các hữu tình, do thân ngữ ý phát khởi tà hạnh. Hoặc vào một lúc, đối với các cảnh giới phát khởi tham chấp. Hoặc vào một thời, đối với các vật dụng nuôi sống hiện có lại tham lam keo kiệt, tin theo chư Phật, Bồ tát của kẻ khác mà hành chưa thể tự nội tâm nhận biết rõ ràng chân thật. Nghĩa là đối với Như lai hoặc pháp, hoặc tăng, hoặc nghĩa chân thật, hoặc sự việc của hữu tình, hoặc uy lực thần thông của chư Phật Bồ tát, hoặc nhân hoặc quả, hoặc nghĩa nên đạt được, hoặc phương tiện có được, hoặc nơi hành trì đều tin theo kẻ khác. Chỗ thành tựu nhỏ hẹp, trí chỉ do văn, tư tạo thành, không phải là vô lượng.

Lại, ở đây có lúc quên mất, có pháp quên mất tạo thành hành khổ trì thông của Bồ tát, đối với đạo quả đại Bồ đề không có sự mong muốn mãnh liệt, không có tinh tấn vượt bậc, không có tin tưởng thanh tịnh kiên cố sâu xa, đối với ba xứ có việc quên mất niệm:

Một là, đối với cảnh giới, sáu tuần sắc thanh hương vị xúc pháp vừa ý không vừa ý, hoặc vào một lúc, tâm do điên đảo nên quên mất chánh niệm.

Hai là, ở trong các thân thọ sanh, đã thọ sanh rồi quên mất đời trước.

Ba là, các pháp được thọ trì, tạo tác nêu giảng đều lâu, chậm, hoặc vào một lúc bị quên mất.

Nơi ba xứ ấy có việc quên mất niệm. Hoặc vào một thời có đầy đủ thông huệ, đối với các pháp có thể trọ trì, đối với nghĩa lý có thể ngộ nhập. Hoặc vào một thời thì không như thế.

Hoặc vào một thời có đầy đủ nhớ nghĩ. Hoặc vào một thời trở thành loại quên niệm. Đối với các hữu tình chưa thể nhận biết rõ đúng như thật, tạo phương tiện thiện xảo để điều phục. Đối với pháp Phật của chính mình cũng chưa thể nhận biết rõ đúng như thật để dẫn phát phương tiện thiện xảo. Vì kẻ khác giảng nói pháp dạy trao khuyên bảo gắng sức mà chuyển. Do gắng sức chuyển hợp nên nhận biết không như thật. Hoặc có khi dối bỏ, hoặc không dối bỏ. Như trong chỗ tối bắn tên, hoặc trúng hoặc không trúng, theo dục mà thành. Hoặc vào một lúc, đối với đạo quả đại Bồ đề, tuy đã phát tâm nhưng lại thối, bỏ. Hoặc vào một thời xả bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ tát trước đã thọ học vì không thể thọ học. Hoặc vào một thời, tuy siêng năng tu tập các sự việc tạo lợi ích cho hữu tình, nhưng giữa hừng sanh chán

mệt nên lại từ bỏ.

Do ý lạc nên muốn khiến tự mình an lạc. Do xét chọn nên muốn khiến kẻ khác an lạc. Đối với những trái phạm hiện có của các Bồ tát, nhận biết khắp nhiều phần, không phải luôn nhận biết khắp để đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo, do đấy, chỗ hủy phạm thường hiện hành. Hoặc vào một thời, nghe giảng nói về giáo pháp rộng lớn sâu xa thì sanh sợ hãi, tâm ý dao động, do dự, nghi hoặc. Đối với các hữu tình, xa lìa hết thảy tâm đại bi hiện hành, chỉ hiện tiền phần ít tâm tạo lợi ích an lạc, chưa thể đạt rộng lớn, chưa thể là vô lượng.

Như trên đã nói, trong tất cả việc học của Bồ tát viên mãn, chưa có thể học khắp. Nơi tất cả các tướng của Bồ tát viên mãn, đều chưa thành tựu. Trong tất cả gia hạnh chân chánh của hai phần Bồ tát viên mãn, đều chưa hiện diện. Ý lạc của Bồ tát cũng chưa thanh tịnh. Đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, tự cho là quá xa. Đối với Niết bàn chưa đạt ý lạc tăng thượng để an lập sâu, chắc. Như nơi sanh tử lưu chuyển trong thời gian dài, nên đối với các pháp Bồ đề phần diệu thiện, sáng rỡ, không động chưa thể thành tựu. Các loại như thế, nên biết đó gọi là các hành tướng của Bồ tát nơi trụ thắng giải hành khi chuyển hợp.

Các Bồ tát nầy, nơi trụ thắng giải hành, lúc chuyển hợp nơi nhẫn hạ, các hành tướng như trên đã nói, nên biết. Lúc chuyển hợp với nhẫn trung phẩm thượng, có các hành tướng như trên đã nói, nên biết. Lúc chuyển hợp với nhẫn thượng, phẩm trung, như trên đã nói. Nên biết là phẩm hạ thì tánh mỏng, ít. Tức khi chuyển hợp với nhẫn thượng như thế, có các hành tướng như trên đã nói, thứ lớp có thể khiến đoạn dứt hoàn toàn. Từ đấy không gián đoạn, nên biết là Bồ tát nhập nơi trụ cực hỷ, do trong trụ cực hỷ đạt được phương tiện, nên các pháp được nói ở trụ thắng giải hành đều không hiện có. Do các Bồ tát thành tựu như thế, nên chuyển hợp được gọi là ý lạc tịnh thắng. Bồ tát của trụ thắng giải hành lúc chuyển hợp, tuy có phần ít phương tiện thuộc phẩm hạ trung thượng, lần lượt đạt thắng giải thanh tịnh, nhưng chưa được gọi là ý lạc tịnh thắng. Vì sao? Vì do thắng giải nầy, là tùy theo nhiều loại tùy phiền não nhiễm ô mà chuyển. Bồ tát của trụ cực hỷ, lúc an trụ, thì tất cả thắng giải theo các tùy phiền não thảy đều dứt hẳn. Do lìa bỏ tùy phiền não, nên thắng giải thanh tịnh chuyển hợp.

Hỏi: Bồ tát của trụ cự hỷ, lúc chuyển hợp, nên biết về hành tướng dạng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu các Bồ tát từ trụ thắng giải hành nhập vào trụ cực hoan hỷ, trước hết đối với hoằng nguyện của Bồ tát nơi đạo quả chánh đẳng Bồ đề

vô thượng, chưa khéo thông đạt về tự tánh của Bồ đề, về phương tiện của Bồ đề, đa phần thuận theo duyên khác mà chuyển, không khéo quyết định trừ bỏ chúng, nên phát khởi sáu tướng mới hoàn toàn quyết định nội chứng tu tánh. Đại nguyện của Bồ tát vượt quá tất cả nguyện bạch tịnh khác, quả không chung là không gì sánh bằng. Là thế gian vượt quá tất cả cảnh giới của thế gian, tuỳ thuận cứu độ hết thảy hữu tình khổ, không chung với tất cả thanh văn độc giác. Tuy nơi một sát na sanh khởi nguyện ấy, nhưng pháp tánh tự như thế, nên có thể đạt được vô lượng pháp bạch của Bồ tát với quả đáng yêu thích.

Lại, đại nguyện nầy, tự tánh không biến đổi, là vô tận, đạt được rồi, thì không có nhân duyên khác nào khiến thối chuyển biến dị được.

Lại, là thắng phần, gắn liền với đạo quả Bồ đề hết sức lớn của biên vực sau cùng.

Bồ tát khéo quyết định nguyện như thế, cũng gọi là phát tâm.

Lại, Bồ tát phát tâm như vậy, lược do bốn tướng, phải nên nhận biết rõ bốn tướng đó là:

1. Bồ tát phát tâm, tướng như thế nào?
2. Phát tâm thì duyên, nghĩ nơi chỗ nào?
3. Phát tâm thì tướng trạng ra sao? Tự tánh dấy khởi thế nào?
4. Phát tâm có thắng lợi gì?

Do bốn tướng nầy nên sẽ nhận biết rõ về Bồ tát phát tâm. Nghĩa là các Bồ tát nơi trụ thắng giải hành, đã khéo tích tập tất cả thiện căn, đối với hành Bồ tát đã chính thức vượt khỏi, là lượt nói về tướng Bồ tát phát tâm.

Lại, các Bồ tát duyên nơi tất cả tư lương của Bồ đề nơi đời vị lai mau chóng thuận hợp viên mãn. Duyên nơi tất cả sự việc của Bồ tát tạo lợi ích cho hữu tình viên mãn. Duyên nơi đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, với tất cả chủng loại, tất cả pháp Phật viên mãn. Duyên nơi các sự việc do Phật tạo tác, là lượt nói về Bồ tát phát tâm duyên nghĩ như thế.

Lại, các Bồ tát, mau chóng, thuận hợp, phát khởi tất cả tư lương Bồ đề, tùy thuận nơi sự tạo tác của tất cả Bồ tát đối với các hữu tình. Tùy thuận nơi diệu trí tự nhiên không thầy, đạt được đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Tùy thuận khắp tất cả chủng loại sự nghiệp do chư Phật hành tác. Tùy thuận nơi tâm nguyện rộng lớn.

Lại, các Bồ tát phát khởi tâm ấy rồi, vượt quá địa phàm phu của Bồ tát, chứng nhập chánh tánh ly sanh của Bồ tát, sanh nơi nhà Như lai, thành con người đích thực của Phật, quyết định hướng tới đạo quả chánh đẳng Bồ

đề, quyết định nối tiếp thánh chủng của Như lai. Lại chính thức đạt được chứng tịnh như thật với rất nhiều hoan hỷ; đối với các hữu tình khác, xa lìa các thứ phẫn hại, tranh chấp; đối với tất cả chủng loại sự việc do Bồ tát thực hiện, tạo lợi ích cho chúng sanh; đối với tất cả chủng loại tư lương Bồ đề viên mãn; đối với tất cả chủng loại pháp Phật nơi đạo quả Bồ đề vô thượng; đối với tất cả chủng loại sự việc do Phật hành hóa, đều do ý lạc tăng thượng thanh tịnh, nương duyên với thắng giải để hướng nhập, đối với các pháp ấy mau chóng viên chứng. Tự quán thân mình có thể tùy thuận đúng đắn, lãnh hội, thấu tỏ như thế với rất nhiều hoan hỉ.

Lại tự quán thấy về diệu thiện rộng lớn, có thể dẫn đến nẻo xuất ly, thâu nhận lợi ích không nhiễm, không gì sánh, nên thân tâm hoan hỷ. Đối với vô thượng pháp thiện sáng rõ ấy thảy đều thành tựu.

Lại, tự nhận biết rõ mình với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng nay đã gần gũi. Nơi quả vị đại Bồ đề, ý lạc thù thắng của mình đã được thanh tịnh. ta nay đã lìa tất cả sự sợ hãi, do nhận duyên ấy nên vô cùng hoan hỉ. Do các Bồ tát đã có thể phát khởi tâm khéo quyết định, nên đối với năm thứ sợ hãi thảy đều đoạn trừ…

Lại, ở trong hiện pháp có thể dấy khởi tất cả tinh tấn của Bồ tát, lực tăng thượng của tín dẫn đường, nên đối với mười thứ đại nguyện về đời vị lai, như trước đã nói ở phẩm Bồ đề phần, nay tức nơi trụ cực hoan hỷ nầy có thể dẫn phát đầy đủ, do đạt được ý lạc thù thắng thanh tịnh.

Vì muốn cúng dường bậc đại sư pháp chủ, là phước điền chân thật tối thắng của hữu tình, vì thế dẫn phát đại nguyện thứ nhất.

Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng do bậc đại sư tuyên thuyết, thế nên dẫn phát đại nguyện thứ hai.

Vì nhằm khuyến thỉnh chuyển chánh pháp luân vi diệu chưa từng có, do đấy, dẫn phát đại nguyện thứ ba.

Vì muốn thuận theo bậc đại sư hành hạnh Bồ tát, do vậy nên dẫn phát đại nguyện thứ tư.

Vì nhằm thành thục các hữu tình la pháp khí, nên dẫn phát đại nguyện thứ năm.

Vì muốn đi đến quốc độ của chư Phật, phụng kiến Như lai, cung kính cúng dường, nghe nhận chánh pháp, do đó dẫn phát đại nguyện thứ sáu.

Vì nhằm tu trị, làm thanh tịnh quốc độ Phật của chính mình, thế nên dẫn phát đại nguyện thứ bảy.

Vì đối với tất cả xứ thọ sanh, thường không xa lìa chư Phật Bồ tát,

cùng với các Bồ tát luôn đồng một vị ý lạc gia hạnh, do đó nên dẫn phát đại nguyện thứ tám.

Vì luôn tạo lợi ích cho tất cả hữu tình từng không uổng phí, thế nên dẫn phát đại nguyện thứ chín.

Vì nhằm chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, làm các phật sự, do đó dẫn phát đại nguyện thứ mười. Phát nguyện :

"Như hữu tình giới lần lượt nối tiếp, trọn không đoạn, tận. Cũng như thế lần lượt nối tiếp, trọn không đoạn, tận, đại nguyện nầy của tôi, đời đời nối tiếp, cho đến cứu cánh là biên vực tận cùng của Bồ đề, thường không xa lìa, thường không quên mất, thường không chống trái". Tự thệ như vậy, tâm phát chánh nguyện, nên biết ở đây, trước là căn cứ theo sự việc nêu nguyện để khởi nguyện. Sau, tức căn cứ theo nguyện để phát khởi nguyện.

Mười thứ đại nguyện của Bồ tát như thế là đứng đầu, có thể sinh ra vô số trăm ngàn chánh nguyện. Như vậy là Bồ tát nơi đời vị lại, gồm đủ các đại nguyện, nên ở trong hiện pháp phát đại tinh tấn.

Lại có mười thứ pháp tịnh tụ trụ, do đấy có thể khiến cho trụ cự hoan hỷ mau được thanh tịnh, đó là:

1. Đối với pháp của chư Phật, sinh tin tưởng thanh tịnh sâu xa.

2. Quán đạo lý duyên khởi của các hữu tình, chứng đắc chỉ có thuần khổ uẩn lớn, nên phát khởi đại bi.

3. Quán thấy khổ uẩn rồi, tự thệ nguyện: Ta sẽ khiến cho các loài hữu tình kia giải thoát khỏi khổ uẩn lớn, đạt được an lạc bậc nhất, nên phát khởi đại từ.

4. Vì muốn cứu dứt tất cả khổ não, tự mình không luyến tiếc, do không luyến tiếc nên có thể xả bỏ hết thảy tài sản, thân mạng trong ngoài, đối với các hữu tình thực hành huệ thí.

5. Vì nhằm tạo lợi ích cho hữu tình, nên theo kẻ khác, siêng cầu pháp thế gian, xuất thế gian từng không chán, mệt.

6. Do không chán mệt, nên chứng đắc tất cả luận trí thanh tịnh, khéo nhận biết các luận.

7. Do khéo nhận biết các luận, nên ở chỗ các hữu tình kém, vừa, hơn, như chỗ ứng hợp mà tu chánh hạnh, khéo hiểu biết về thế gian.

8. Tức ở trong gia hạnh chân chánh như thế, nương nơi chánh hạnh như đúng thời, đúng phần lượng… để tu hổ thẹn.

9. Tức ở trong gia hạnh chân chánh như vậy, đạt được không thối chuyển, tánh lực trì kiên cố.

10. Đem các thứ lợi dưỡng thượng diệu, cung kính cùng với chánh hành, cúng dường đức Như lai.

Đó gọi là mười thứ pháp tịnh tu trụ, do đấy có thể khiến cho trụ cực hoan hỷ mau chóng được thanh tịnh. Đó là: Tịnh tín, Từ, Bi, Huệ xả. Không có chán mệt. Khéo nhận biết các luận. Khéo hiểu rõ về thế gian. Tu tập hổ thẹn. Tánh lực trì kiên cố. Cúng dường Như lai.

Lại, các Bồ tát, nơi mười pháp nầy, thọ học tùy chuyển, tu tập nhiều rồi, đối với chín thứ trụ còn lại của các Bồ tát như trụ giới tăng thượng…, theo Phật, Bồ tát, chuyên tinh thưa, cầu về nhất thiết chủng đạo với cả công đức, lỗi lầm, cùng đạo thần thông an lạc không hoại mất, khéo giữ lấy nẻo hành, đạt được tướng đẳng lưu, đối với tất cả trụ tự nhiên tăng tiến, chứng đắc đại Bồ đề, làm bậc đại đạo sư, dẫn dắt hết thảy hữu tình, vượt qua con đường hiểm nạn của quãng đồng ruộng hoang vắng sanh tử. Nên biết ở đây, các hành có thể hội nhập gọi là hành. Hoặc lúc chánh thức hội nhập gọi là đạt được (đắc). Nhập rồi, quả lợi thành tựu đầy đủ, viên chứng gọi là đẳng lưu.

Lại, các Bồ tát an trụ trong trụ nầy, do hai nhân duyên nên hiện thấy chư Phật. Hoặc do lắng nghe giảng nói về tạng Bồ tát. Hoặc do nội tâm phát khởi thắng giải, tin có vô số dị danh chư Phật Như lai, trong vô số dị danh về các thế giới khắp mười phương. Do sự tin tưởng thanh tịnh hiện rõ, cùng hiện hành nơi tâm cầu muốn được thấy. Cầu như thế rồi, tất được toại nguyện như thật. Nên biết gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại, tâm phát khởi chánh nguyện như vầy: Tùy ở trong các thế giới ấy có đức Phật xuất hiện, Ta sẽ vãng sanh tới chốn đó. Nguyện như vậy rồi, tất được toại nguyện như thật. Nên biết gọi là nhân duyên thứ hai.

Bồ tát do sự tin tưởng thanh tịnh bày rõ như thế, nên hiện thấy chư Phật. Do nguyện lực chân chánh nên hiện thấy chư Phật. Đã được thấy rồi, tùy theo năng lực, hưng khởi tất cả loại cung kính cúng dường. Ở nơi trụ xứ của đức Như lai lắng nghe chánh pháp, thọ trì thuận hợp, tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành, dùng bốn nhiếp sự để thành thục các hữu tình. Hết thảy thiện căn thảy đều hồi hướng tới đạo quả Bồ đề vô thượng. Do ba thứ nhân duyên thanh tịnh nầy, nên các thiện căn kia lại càng sáng sạch bội phần. Nghĩa là đối với Phật pháp tăng, cúng dường, tiếp nhận, dùng bốn nhiếp sự để thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, đem tất cả thiện căn hồi hướng đến Bồ đề, như thế cho đến vô lượng câu chi na dũ đa trăm ngàn đại kiếp. Ví như người thợ giỏi khéo điều hợp các công đoạn trong việc luyện vàng, cứ như vậy như vậy cùng được sáng sạch. Như thế, ý lạc tịnh thắng

nơi thiện căn hiện có của Bồ tát, do ba thứ nhân duyên thanh tịnh ấy duyên hợp chuyển đổi lại càng tươi sạch, nên biết cũng vậy.

Lại, trụ nơi các xứ sanh ấy, nhiều lần làm luân vương, làm vua châu thiệm bộ, có được tự tại lớn, xa lìa tất cả mọi cấu uế của bỏn xẻn hiện có, uy đức trùm khắp các hữu tình, điều phục mọi tham lam keo kiệt của họ, trong bốn nhiếp sự được thực hiện, tất cả đều không lìa Phật pháp tăng bảo, chứng đắc tất cả chủng loại Bồ đề, tát ý luôn phát thệ nguyện: Ta sẽ làm nơi chốn nương dựa, tạo mọi nghĩa lợi cho các hữu tình, là bậc tôn quý trong tất cả hữu tình. Hoặc vui thích phát khởi tinh tấn như vậy, từ bỏ hết thảy mọi thứ của cải, ngôi vị, qui ngưỡng thánh giáo của Phật, tịnh tín xuất gia, trong khoảng một sát na có thể chứng đắc hàng trăm Tam-ma-địa của bậc Bồ tát, dùng thiên nhãn thanh tịnh, có thể đối với vô số quốc độ của chư Phật, thấy trăm đức Như-lai.

Lại, tức đối với biến hóa trụ trì, Bồ tát trụ trì kia đều có thể hiểu rõ, dùng diệu lực của thần thông làm động hàng trăm thế giới. Thân cũng có thể phóng ra ánh sáng lớn chiếu tỏa khắp mọi nơi chốn, khiến mọi người cùng thấy. Hóa làm trăm loại để thành tựu đầy đủ cho trăm chủng loại hữu tình được hoá độ. Nếu muốn lưu lại thọ mạng, có thể trụ trăm kiếp. Nơi biên vực trước, sau đều thấy biết sự việc nơi trăm kiếp. Có thể hội nhập trong các pháp môn như uẩn giới xứ, nơi trăm pháp môn có thể xét chọn đúng đắn, hóa làm trăm thân, nơi mỗi mỗi thân điều có thể hiện trăm Bồ tát quyến thuộc vây quanh, từ đấy trở đi là các Bồ tát do nguyện lực, nên biết là vô lượng uy lực thần biên. Các chúng Bồ tát an trụ nơi trụ cực hoan hỉ như vậy, với nguyện lực tăng thượng có thể dẫn đến vô lượng chánh nguyện thù thắng. Chỗ tạo tác thần biến nơi chánh nguyện như thế, cho đến câu chi na dũ đa trăm ngàn đại kiếp cũng khó có thể tính được. Nên biết đó gọi là trụ cực hoan hỉ của Bồ tát. nghĩa là khéo quyết định, bốn tướng phát tâm, phát khởi tinh tấn dẫn phát chánh nguyện, tinh tấn pháp trụ, mở bày hiểu rõ các trụ khác, tu trị thiện căn, thọ sanh, uy lực. Hoặc nêu giảng rộng như nơi địa hoan hỷ của kinh thập địa đã nói.

Mười địa Bồ tát được tuyên thuyết rộng nơi kinh thập địa kia, tức ở đây, Ma-đát-lý-ca (luận) thuộc tạng Bồ tát đã nêu rõ về mười trụ của Bồ tát. như thứ lớp từ trụ cực hoan hỷ cho đến trụ Bồ tát thành mãn tối thượng, nên biết trong đó do có thể thâu giữ nghĩa Bồ tát, nên gọi là địa. Do có thể làm nghĩa của nơi chốn cứ trú, thọ dụng, nên gọi là trụ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 48

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 2: Trì xứ du Già Tùy Pháp Phẩm 4/2: Trụ

Hỏi: Bồ tát của trụ giới tăng thượng, khi chuyển hợp, nên biết là có những hành tướng, dạng mạo thế nào?

Đáp: Nếu các Bồ tát trước ở nơi trụ cực hoan hỷ, do mười thứ ý lạc của tâm nên đã đạt được ý lạc thanh tịnh. Những gì là mười thứ ý lạc của tâm? Đó là:

1. Ý lạc đối với tất cả các bậc sư trưởng là phước điền tôn quý không hành hư dối.

2. Ý lạc đối với Bồ tát đồng pháp, luôn nhu hòa, nhẫn nhục dễ dàng có thể cùng trụ.

3. Ý lạc hàng phục, thắng vượt mọi Ma sự của tất cả phiền não cùng tùy phiền não, tâm tự tại chuyển hợp.

4. Ý lạc đối với tất cả hành, thấy rõ lỗi lầm của chúng.

5. Ý lạc đối với đại Niết bàn, thấy rõ những lợi lạc thù thắng.

6. Ý lạc đối với các pháp Bồ đề phần diệu thiện, luôn siêng năng tu tập.

7. Ý lạc tức đối với sự tu tập ấy, vì thuận nên vui thích nơi chốn xa lìa hoặc.

8 . Ý lạc đối với những cung kính, lợi dưỡng, tôn vị có nhiễm của thế gian, không hề lưu luyến.

9. Ý lạc nhằm xa lìa thừa thấp, hướng chứng đại thừa.

10. Ý lạc muốn tạo tất cả nghĩa lợi cho hết thảy hữu tình.

Mười thứ ý lạc không điên đảo, dựa nơi tâm mà chuyển hợp, do đó gọi là ý lạc thanh tịnh. tức do mười thứ ý lạc như thế, thành phẩm thượng nên hết sức viên mãn. Các Bồ tát nầy chứng nhập nơi giới tăng thượng thứ hai. Ở trong trụ nầy, tánh giới đầy đủ, rất ít tà ác thuộc về nghiệp đạo, các thứ phạm giới xấu ác hãy còn không hiện hành, huống là nơi phẩm trung

thượng.

Lại, đối với mười thứ nghiệp đạo viên mãn, tự tánh hiển hiện, Bồ tát đầy đủ tánh giới như thế. Có thể dùng diệu huệ, đối với cõi thiện cõi ác, nhiễm, không nhiễm cùng các nghiệp hiện hành trong các thừa, hoặc nhân hoặc quả, tu chứng, an lập, nhận biết rõ như thật. Đối với quả dị thục và quả đẳng lưu nơi các nghiệp như thế, đều nhận biết rõ như thật. Tự mình có thể hiện đoạn trừ các nghiệp bất thiện. Tự mình có thể thọ nhận tất cả nghiệp thiện. Tức ở trong ấy, vui thích khuyên, dẫn kẻ khác, có thể khuyên dẫn đúng đắn. Đối với các hữu tình giới bị nhiễm ô do lỗi lầm của vô số nghiệp không bình đẳng hiện hành, hoặc hưng hoặc suy, đều không sai biệt. Hết thảy đều gắn liền với khổ của đệ nhất nghĩa, cùng trụ nơi khó khăn. Vô số khó khăn tạo bức bách rất đáng thương xót. Bồ tát đối với những bức bách kia, đạt được sự thương xót rộng lớn, do quán chiếu đúng như thật. Các Bồ tát nầy, an trụ nơi trụ giới tăng thượng như thế, thấy khắp thiện căn thanh tịnh của chư Phật, như trước nên biết. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như người thợ thiện xảo ở thế gian, dùng chỗ luyện vàng để đặt Ca-tứ-sa trong lửa, thường xuyên thiêu, luyện, lại càng sáng sạch. Thiện căn thanh tịnh của Bồ tát nên biết cũng vậy.

Ở trong trụ ấy, ý lạc của tâm tịnh thành tựu viên mãn, hướng nhập nơi xứ sanh, nhiều lần làm luân vương, làm vua bốn đại châu, do lực tự tại khiến nhiều hữu tình, dứt bỏ nghiệp đạo bất thiện, phạm giới, khuyên họ thọ hành các nghiệp đạo thiện. Nên biết uy lực vượt hơn mười thứ trước bội phần. Đó gọi là lược nói về trụ giới tăng thượng của Bồ tát. nghĩa là, ý lạc thanh tịnh. tánh giới đầy đủ, lìa tất cả loại cấu uế của việc hủy phạm giới. Hết thảy nhân quả của tất cả nghiệp đạo đều thông đạt, thấu rõ. Đối với các nghiệp tịnh đều có thể tự thọ hành. Cũng vui thích khuyên kẻ khác khiến họ thọ hành. Đối với các nghiệp của hữu tình giới, sinh khởi các khổ sở, khó khăn, Bồ tát đạt được sự thương xót lớn, do quán chiếu đúng như thật. Thiện căn thanh tịnh. thọ sanh, uy lực. Hoặc nêu giảng rộng như nơi địa ly cấu của kinh thập địa đã nói. Xa lìa tất cả mọi cấu uế của việc phạm giới, nên gọi là địa ly cấu. Do lìa tất cả mọi thứ phạm giới cấu uế, tức ở đây gọi là trụ giới tăng thượng. Địa ly cấu kia nên biết ở đây tức trụ giới tăng thượng.

Hỏi: Bồ tát của trụ tâm tăng thượng, khi chuyển hợp, nên biết có những hành tướng, dạng mạo thế nào?

Đáp: Nếu các Bồ tát, trước ở nơi trụ giới tăng thượng, đã được mười thứ ý lạc thanh tịnh, tác ý tư duy hiểu rõ, thông đạt. Lại do mười ý lạc tâm

tịnh khác, tác ý tư duy, thành tựu phẩm thượng nên hết sức viên mãn, vượt quá trụ giới tăng thượng, nhập nơi trụ tâm tăng thượng.

Những gì là mười ý lạc tâm tịnh tác ý tư duy? Đó là:

1. Tác ý tư duy: Ta đối với mười thứ ý lạc tâm tịnh đã được thanh tịnh.

2. Tác ý tư duy: Ta đối với mười thứ ý lạc tâm tịnh đã được thanh tịnh, nên có thể không thối chuyển.

3. Tác ý tư duy: Ta đối với tất cả pháp lậu hữu lậu, tâm không hướng nhập. Ở trong sự trái nghịch, có thể an trụ đúng đắn.

4. Tác ý tư duy: Ta có thể ở trong pháp ấy tu tập đối trị, nhận biết, an trụ đúng đắn.

5. Tác ý tư duy: Ta có thể đối với sự tu tập đối trị ấy không còn thối chuyển.

6. Tác ý tư duy: Ta đối với sự tu tập đối trị kiên cố như thế, nên không bị tất cả các pháp lậu hữu lậu, hết thảy Ma sự làm cho khuất phục.

7. Tác ý tư duy: Ta nay có thể đối với pháp Phật, tâm không khiếp nhược mà chuyển hợp.

8. Tác ý tư duy: Ta nay có thể đối với tất cả hạnh khổ không có khiếp nhược.

9. Tác ý tư duy: Tâm Ta hoàn toàn ở trong đại thừa sanh tin hiểu sâu xa, trọn không yêu thích thừa thấp kém khác.

10. Tác ý tư duy: Ta đối với tất cả sự việc tạo lợi ích cho hữu tình, tâm sanh yêu thích sâu xa.

Do mười thứ ý lạc tâm tịnh tác ý tư duy, nên có thể nhập nơi trụ tâm tăng thượng của Bồ tát. Bồ tát an trụ nơi trụ tâm tăng thượng, có thể do vô số hành tướng lỗi lầm hủy hoại tất cả hành, nên đối với các hành ấy thâm tâm chán lìa. Đối với diệu trí của Phật, có thể do vô số hành tướng thắng lợi nên thấy thắng lợi lớn.

Lại, ở trong ấy, có thể do một vị mong muốn thuần tịnh nên sanh ái mộ sâu xa. Đối với hữu tình giới, có thể do vô số hành tướng khổ não nên quán là có khổ. Đối với các hữu tình dấy khởi tâm bi thương tưởng, sanh tâm nương nơi nghĩa, đối với hết thảy hành không có phóng dật. Vì đạo quả đại Bồ đề, nên luôn tinh tấn vượt bậc. Đối với các hữu tình có thể khởi ý lạc bi mẫn rộng lớn. Quán phương tiện giải thoát các hữu tình khỏi các thứ khổ một cánh rốt ráo, chính là trí không chướng ngại đối với các triền của tất cả phiền não. Quán sự giải thoát ấy có thể chứng đắc viên mãn,

chính là huệ không phân biệt đối với tất cả phân biệt tạp nhiễm hiện hành của pháp giới sanh khởi đối trị. Quán có thể thành tựu đầy đủ ánh sáng của trí ấy chính là Tam-ma-địa thù thắng không điên đảo. Quán chỗ dẫn phát hết thảy đẳng trì, đẳng chí của tĩnh lự, đầu là trước tiên lắng nghe nơi tạng Bồ tát, đều do lãnh hội chánh pháp với lý duyên khởi. Quán thấy như thế rồi, phát đại tính tấn tìm cầu đa văn. Vì được nghe chánh pháp nên không tiếc thân mạng, không có tài sản, vật dụng yêu quý trong ngoài nào mà không thể xả bỏ. Không có bậc sư trưởng nào mà không nguyện thừa sự. Không có giáo pháp tôn quý nào mà không nguyện phụng hành. Không có thân khổ nào mà không nguyện thọ nhận. Hoặc nghe một bài tụng bốn câu của pháp Phật, thì hoan hỷ tột cùng, hơn cả việc có được khối châu báu lớn đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới. Nghe một câu pháp do Phật giảng nói, có thể dẫn đến chánh đẳng giác, có thể làm tịnh hạnh Bồ tát, thì hoan hỷ hết mực, hơn cả việc có được ngôi vị tôn quý của Đế thích, Phạm thiên, Hộ thế, chuyển luân vương.

Như có người bảo: "Nầy thiện nam, hãy lắng nghe! Ta có một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể dẫn đến chánh đẳng giác, có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ tát, ông muốn nghe chăng? Ông nay nếu có thể nhảy vào hầm lửa lớn, chịu khổ não lớn, ta sẽ vì ông mà nói! "

Bồ tát nghe rồi, vô cùng hoan hỷ, nói: Tôi có thể làm được. Tôi nếu được nghe nghĩa của một câu pháp như trước đã nói, thì giả sử hầm lửa lớn bằng cả tam thiên đại thiên thế giới, trong ấy đầy lửa cháy rực, tôi từ cõi Phạm thiên hãy còn buông thân nhảy vào, huống chi là hầm lửa nhỏ. Vì cầu pháp Phật, hãy còn phải ở lâu nơi đại địa ngục, chịu khổ não lớn, huống chi là khổ nhỏ khác mà không thể chịu được. Bồ tát phát khởi tinh tấn cầu chánh pháp như vậy rồi, lại có thể tư duy như lý, như thật, chính là tu tập đúng đắn về pháp tùy pháp hành, mới được gọi là tùy thuận pháp Phật, không phải chỉ lắng nghe âm thanh, văn tự mà được thanh tịnh.

Nhận biết như thế rồi, tức dựa vào chỗ lắng nghe, duyên đúng nơi pháp tướng, xa lìa các pháp dục ác bất thiện, nói rộng cho đến có thể đạt được bốn thứ tĩnh lự thế gian, bốn định vô sắc, cùng bốn vô lượng, năm thứ thần thông an trụ đầy đủ. Đã trụ nhiều rồi, trở lại dứt bỏ các đẳng trì, đẳng chí của tĩnh lự, do nguyện lực tự tại, trở lại nơi cõi dục, quán xét khắp các xứ, hoặc vì có thể tạo nghĩa lợi cho các hữu tình, hoặc có thể viên mãn pháp Bồ đề phần, tức nên sanh đến, chẳng phải chỉ do tự tại mà sanh nơi xứ ấy.

Bồ tát lìa dục tham như vậy, nên gọi là đoạn trừ sự trói buộc của dục. Dứt bỏ các đẳng trì, đẳng chí của tĩnh lự, nên gọi là đoạn trừ sự trói buộc

của hữu.

Bồ tát trước từ nơi địa thắng giải hành, đối với pháp chân như tu tập thắng giải, đã dứt trừ trói buộc của kiến, các thứ tham sân si tà vạy hoàn toàn không chuyển hợp, nên thấy khắp thiện căn thanh tịnh của chư Phật, như trước nên biết. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như người thợ luyện kim thiện xảo của thế gian khéo điều chỉnh các công đoạn luyện đốt, loại bỏ hết các thứ cấu uế, vàng ròng hiện bày xứng hợp cùng trụ. Thiện căn thanh tịnh của Bồ tát nên biết cũng vậy. Thọ sanh phần nhiều làm Thiên Đế Thích, khéo hóa độ hữu tình khiến lìa dục tham. Uy lực hiện có ở trong Trụ trước đã nói là ngàn số, nên biết ở đây có trăn ngàn số. Đó gọi là lược nói về trụ tâm tăng thượng của Bồ tát. nghĩa là, ý lạc của tâm tác ý tư duy thành mãn hướng nhập. Nơi tất cả hành thuộc các hữu tình giới cùng đại Bồ đề đều có thể thông đạt đúng đắn. Đối với phương tiện khiến các hữu tình thoát khổ, có thể tìm cầu chính đáng. Ở trong chánh pháp khởi đại cung kính, thỉnh vấn không mệt mỏi. Có thể tu tập đúng về pháp tùy pháp hành. Đối với các đẳng trì, đẳng chí của tĩnh lự thế gian, có thể dẫn phát có thể an trụ nơi vô lượng thần thông. Dứt bỏ các pháp kia, do nguyện lực tự tại, nên theo chỗ ưa thích mà thọ sanh. Thiện căn thanh tịnh. Thọ sanh, gồm đủ thần lực. Nếu nêu giảng rộng như nơi địa Phát Quang của kinh thập địa đã nói. Do phát khởi nghe, hành ánh sáng của chánh pháp, ánh sáng của đẳng trì được hiển bày, vì vậy địa nầy gọi là địa Phát Quang. Do nội tâm thanh tịnh, có thể phát sinh ánh sáng, vì thế gọi là trụ tâm tăng thượng. Vì nghĩa nầy nên gọi là Địa Phát Quang. Tức do nghĩa nầy, nên biết lại gọi là trụ tâm tăng thượng.

- Thế nào là Trụ huệ tăng thượng tương ưng với Giác phần của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát trước ở nơi trụ tâm tăng thượng, do cầu lực tăng thượng của đa văn, nên đã đạt được mười pháp Minh nhập. Do mười pháp Minh nhập nầy đều thành tựu phẩm thượng, nên hết sức viên mãn, vượt quá trụ tâm tăng thượng nhập nơi trụ huệ tăng thượng thứ nhất.

Mười pháp Minh nhập như thế, văn từ như nơi khế kinh đã nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là, hoặc giả thiết kia. Hoặc ở trong giả thiết. Hoặc do giả thiết ấy. Hoặc thắng nghĩa bình đẳng. Hoặc nhiễm phiền não, thanh tịnh, nên thành nhiễm thành tịnh. Hoặc do phiền não trói buộc nên nhiễm. Hoặc do thanh tịnh vô thượng nên tịnh. nên biết đó gọi là lược nói về nghĩa của mười pháp Minh nhập.

Các Bồ tát nầy trụ nơi trụ ấy, như khế kinh nói, không hủy hoại ý lạc,

mà lấy chúng làm thượng thủ, mười thứ hiện có, có thể thành thục trí, trí thánh thục pháp, thảy đều thành tựu, trưởng thành nơi nhà của Như lai, đạt được thể pháp kia, quán lực tăng thượng của tất cả chủng loại Bồ-đề-tát-đỏa, tu tập bốn niệm trụ, làm pháp đứng đầu nơi ba bảy pháp Bồ-đề-phần, như khế kinh nói. Do đối với pháp nầy, tạo phương tiện thâu nhận, siêng năng tu tập, nên mọi chấp trước của Tát-ca-da- kiến hết sức vi tế, hết thảy uẩn giới xứ cùng tất cả động loạn đều được dứt trừ rốt ráo, không còn hiện hành. Do sự đoạn trừ ấy nên tất cả các nghiệp được đức Như lai khen ngợi đều tùy chuyển như thật. Đã đạt được như thật nên tâm chuyển hợp lại càng tươi nhuận, như hoà, có thể hành trì. Tâm chuyển hợp ấy lại có vô số hành tướng đều khéo thanh tịnh.

Lại khéo biết ân, biết báo ân cùng ý lạc tùy thuận nơi vố số pháp bạch thảy đều thành tựu. Tìm cầu địa trên, có thể tu nghiệp đối trị phát khởi Tinh tấn lớn đạt được an trụ. Do nhân duyên nầy, nên ý lạc hiện có, ý lạc tăng thượng, thắng giải về tánh giới đều được viên mãn. Do nhân duyên nầy, nên hết thảy ngoại đạo, vô số quân ma oán địch của Thánh giáo, đều không thể xâm đoạt, không thể làm nghiêng động, nói rộng như trước, nên biết về tướng của chúng. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như người thợ thiện xảo ở thế gian, dùng vàng đã được luyện để tạo ra các vật dụng trang sức, không phải bị vàng chưa tạo các vật dụng trang sức khác xâm đoạt. Ở đây, thiện căn của Bồ tát không phải bị thiện căn hiện có của Bồ tát an trụ phàm trụ khác xâm đoạt. Như ngọc báu Mạt ni phóng ra ánh sáng không phải bị các ngọc báu khác có thể xâm đoạt. Ánh sáng được phóng ra như thế, tất cả các thứ gió, nước mưa ở thế gian đều không thể làm cho đoạn dứt. Ở đây, ánh sáng trí huệ hiện có của Bồ tát, tất cả hàng thanh văn, độc giác không thể xâm đoạt. Hết thảy loài Ma oán đều không thể làm cho đoạn diệt. Thọ sanh thường làm thiên vương Tô-dạ-ma, khéo hoá độ hữu tình khiến họ trừ diệt Tát-ca- da-kiến. Uy lực hiện có, ở trong trụ trước nói trăm ngàn số, nên biết ở đây nói câu chi số. Đó là lược nói về trụ huệ tăng thượng tương ưng với giác phần của Bồ tát. Nghĩa là pháp Minh nhập thành mãn nên được hội nhập. thành tựu trí, tu tập pháp Bồ-đề-phần. Tát-ca-da kiến cùng tất cả chấp trước động loạn đều dứt trừ. Nghiệp ngăn chận, nghiệp mở bày, xa lìa, gần gũi. Do nhân duyên nầy, nên tâm nhu hòa, công đức tùy thuận đều hưng thạnh. Dựa nới chỗ tìm cầu tu trị địa nghiệp, phát khởi đại tinh tấn. Do nhân duyên ấy, nên ý lạc hiện có ý lạc tăng thượng, thắng giải về tánh giới đều tịnh tu đối trị. Do nhân duyên nầy, nên mọi oán địch hiện có của Thánh giáo không thể xâm đoạt cùng làm cho nghiêng động. Thiện căn thanh tịnh. Thọ sanh. Uy lực. Nếu tuyên thuyết rộng, như nơi địa diệm huệ của kinh

thập địa đã nói. Ở trong địa ấy, pháp Bồ đề phần là ánh lửa của trí như thật, có thể thành ánh sáng tỏa chiếu của huệ chánh pháp. Do đó, địa nầy gọi là địa diệm huệ. Lại tức địa ấy, ở đây gọi là trụ huệ tăng thượng tương ưng với giác phần.

- Thế nào là trụ huệ tăng thượng tương ưng với các đế của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát trước ở nơi trụ huệ tăng thượng tương ưng với giác phần, đã được mười thứ ý lạc thanh tịnh bình đẳng, do ý lạc ấy thành tựu phẩm thượng, nên viện mãn cùng tột, vượt quá trụ huệ tăng thượng thứ nhất, chứng nhập trụ huệ tăng thượng thứ hai.

Mười thứ ý lạc thanh tịnh bình đẳng, văn từ hiện có như nơi khế kinh đã nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là vô đẳng giác, cùng với các giác bình đẳng, vượt quá các hữu tình giới còn lại cùng do các pháp như chỗ bình đẳng của chúng. Nên biết đó gọi là lược nói về nghĩa của mười thứ ý lạc thanh tịnh bình đẳng.

Bồ tát trụ trong trụ ấy phần nhiều mong cầu tánh thù thắng của trí. Đối với bốn thánh đế, do mười hành tướng nên nhận biết rõ như thật về tất cả văn từ như khế kinh nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là, dựa nơi sự tỏ ngộ kẻ khác, dựa nơi nội trí của chính mình. Dựa nơi xứ sở kết hợp, gọi là ở đây nói. Dựa nơi khế kinh điều phục bản mẫu, gọi là do đây nói. Dựa nơi tự tánh của các khổ hiện tại. Dựa nơi tánh sanh nhân khổ của vị lai. Dựa nơi tánh vô sanh của nhân dứt kia dứt. Dựa nơi sự tu tập tánh của phương tiện đoạn trừ, gọi là như ở đây nói. Nên biết đó gọi là lược nói về nghĩa hiện có của mười thứ hành tướng nơi trí của bốn thánh đế.

Bồ tát thiện xảo đối với đế như thế, nơi tất cả hành dùng huệ để chê trách đúng đắn. Đối với hữu tình giới tăng ý lạc bi mẫn, đối với biên vực trước sau, hữu tình ngu si với tà hạnh hiện có, có thể thông đạt đúng đắn. Vì muốn khiến cho hữu tình đạt giải thoát, nên thâu nhận tự lương phước trí rộng lớn, tâm phát chánh nguyện, cùng tức ở nơi ý lạc kia dẫn thâu huệ hành chánh niệm làm pháp đứng đầu, rất nhiều công đức thù thắng hiện có thảy đều tăng thạnh, các tác ý khác thảy đều xa lìa, dùng vô số phương tiện thành thục đề thành thục hữu tình, như khế kinh nói. Vô số các thứ hiện có, có thể tạo lợi ích cho hữu tình như các loại sách vở, luận nghị, in ấn, tính toán, các thứ công nghiệp, xứ minh, nơi tất cả ấy đều dẫn phát tâm bi mẫn sâu xa đối với các hữu tình. Lần lượt cho đến tạo phương tiện an lập nơi Bồ đề vi diệu, nên tùy thuận sự việc ngôn thuyết của thế gian. Vì muốn tạo phương tiện dứt trừ bần cùng, vì khiến cho các cảnh giới loạn động của thế gian, do người, phi nhân dấy khởi tai họa đều diệt. Vì thí các thứ vui đùa

vô tội đoạn trừ đủ các thứ vui đùa phi pháp kia. Các hữu tình mong cầu vô số vật dụng nuôi sống cùng chỗ ở. Vì nhằm cứu vớt các hữu tình bị vua quan, giặc cướp bức bách khổ não. Vì muốn mở bày, ngăn chận về thị xứ phi xứ với các gia hạnh. Vì nhằm an lập các sự việc lành, không lành khiến hữu tình lấy, bỏ. Vì chánh thức khuyến khích, tưởng lệ, nên ở trong hiện pháp khiến lần lượt không cùng mưu hại, cùng vì tuyên thuyết đạo thắng sanh thuận hợp nơi vị lai. Nên biết đó gọi là lược nói về nghĩa của công nghiệp, xứ minh có thể tạo lợi ích cho hữu tình. Ngoài ra, tất cả như trước đã nói, nên biết.

Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như người thợ thiện xảo của thế gian, dùng vàng đã luyện để tạo thành các vật dụng trang sức, dùng ngọc báu Mâu-sa-la gắn lên hoa tai, các thứ vàng khác hiện có đều không sánh bằng nên không thể xâm đoạt. Ở đây, thiên căn của Bồ tát, tất cả hành thanh văn, độc giác, Bồ tát nơi các địa khác đều không thể xâm đoạt. Lại như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tất cả phong luân đều không thể xâm đoạt, nhưng chỗ xoay chuyển thì cùng với gió ấy đồng. Như thế, ở đây, diệu huệ của Bồ tát, tất cả hàng thanh văn, độc giác đều không thể xâm đoạt, như vì chỗ tạo tác với thế gian thì cùng đồng.

Thọ sanh thì nhiều lần làm thiên vương Đổ-sử-đa, khéo hóa độ hữu tình khiến họ xả bỏ tất cả pháp tà của ngoại đạo. Uy lực hiện có nên biết ở đây nói ngàn câu chi số. Đó gọi là lược nói về trụ huệ tăng thượng tương ưng với các đế của Bồ tát. Đó là mười ý lạc thanh tịnh bình đẳng thành mãn nên được hội nhập. tạo phương tiện thiện xảo quan sát các đế tăng trưởng dần. Hủy hoại các hành, bi mẫn đối với các hữu tình dần thêm lớn. Tức vì nghĩa nầy, nên nuôi lớn tư lương phước trí rộng lớn. Tâm phát chánh nguyện, siêng năng gia hạnh. Hành niệm huệ cùng đức tăng ích. Tác ý trọn vẹn, do nhất thiết chủng loại thành thục hữu tình, siêng năng gia hạnh. Dẫn phát nghiệp công xảo của thế gian.

Thiện căn thanh tịnh. Thọ sanh, uy lực. Nếu nêu giảng rộng như nói địa cực nan thắng của kinh nhập địa đã nói. Nay trong địa này hiển bày Bồ tát đối với các thánh đế, diệu trí quyết định là hết sức khó có thể vượt hơn, do đó, địa nầy gọi là cực nan thắng. Tức do nghĩa ấy, nên biết ở đây gọi là trụ Huệ tăng thượng tương ưng với các đế.

- Thế nào là trụ huệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát trước ở nơi trụ huệ tăng thượng tương ưng với các đế, đã được mười thứ pháp tánh bình đẳng, thành tựu phẩm thượng nên

hết sức viên mãn, vượt quá trụ trước, được nhập nơi trụ nầy. Nghĩa là đối với tất cả pháp, do có tánh bình đẳng vô tướng của tự tánh thắng nghĩa, nên tánh bình đẳng vô tướng của ngôn thuyết tạo tác ảnh tượng. Tức do tướng nầy nên tánh bình đẳng tự nhiên không sanh, nhân tánh bình đẳng cũng không sanh. Tự nhiên cùng với nhân đều không sanh. Tánh bình đẳng vốn vắng lặng hoàn toàn, nên hiện có sự thể, có thể chọn lấy chánh trí. Tánh bình đẳng lìa các Hý luận. Tánh bình đẳng lìa tất cả tạo tác lấy bỏ. Tức ở đây là tánh bình đẳng giải thoát, lìa trói buộc của các thứ tạp nhiễm nơi phiền não, các khổ. Tánh bình đẳng của tạo tánh phân biệt chấp nơi cảnh giới như huyễn hoá. Tánh bình đẳng của tự tánh nơi trí không phân biệt về đối tượng hành hoá có không không hai. Nên biết đó gọi là lược phân biệt về nghĩa của mười thứ tánh bình đẳng của pháp. Như thế là Bồ tát trụ trong trụ ấy, đối với các Hữu tình tăng trưởng tâm bi, đối với đạo quả đại Bồ đề sanh khởi sự mong cầu, vui muốn mãnh liệt, đối với các thế gian hợp tan sanh diệt, dùng tất cả chủng loại duyên khởi để chánh quán, quán xét nhận biết rõ. Dựa nơi trí duyên khởi, có thể dẫn pháp ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Do nhân duyên ấy, nên các tưởng về tự, tha, người tạo tác, kẻ thọ nhận, có không hiện có đều không hoạt động trở lại. Bồ tát như vậy là khéo ở nơi thắng nghĩa thương nghĩ về Hữu tình, thông tỏ như lý về phiền não trói buộc, về duyên hòa hợp, về tự tánh của các pháp Hữu vi là yếu kém, lìa vô số lỗi lầm nhiễm ô của ngã, ngã sở mà chuyển hợp. Chẳng phải lìa các duyên hoà hợp của tất cả phiền não trói buộc. Do đó, ta nay vì tự phòng giữ, nên khiến các duyên hoà hợp của tất cả phiền não trói buộc thảy đều đoạn dứt, vì tạo lợi ích cho Hữu tình, tức không nên diệt trừ hoàn toàn tất cả Hữu vi.

Bồ tát trụ nơi trụ nầy, trí, Bi gắn liền, gọi là trí không chấp hiện tiền, trụ nơi Bát-nhã-ba-la-mật đa hiện tiền. Do trụ nầy, nên đối với tất cả hành của thế gian đều không nhiễm mà hành.

Lại, tức trụ nầy có nhẫn mãnh liệt, đối với địa thứ bảy có gia hạnh, hành nhẫn nơi biên vực tận cùng thuộc bậc Bồ tát, nên biết nhẫn ấy thuộc về nhẫn tùy thuận.

Lại, trí không chấp trước nầy hiện tiền, trụ nơi Bát-nhã-ba-la-mật- đa hiện tiền, có thể dẫn đến các duyên của Bồ đề. Đối với các hành hữu vi của thế gian trụ mà không trụ, tuy ở nơi tịnh diệt thấy rõ đức của sự tịch tĩnh mà cũng không trụ. Như vậy, trí phương tiện, bát nhã của Bồ tát luôn gắn liền, có thể hội nhập Tam-ma-địa không, khiến hàng mười, trăm, ngàn môn Tam-ma-địa đứng đầu đều hiện tiền. Như Tam-ma-địa không, Tam-ma-địa

vô tướng, vô nguyện, nên biết cũng thế. Do môn Tam-ma-địa đứng đầu nầy hiện tiền, nên ý lạc không hoại, nên đối với tất cả chủng loại Thánh giáo của chư Phật, hết thảy ngoại đạo cùng các quân ma là những oán địch của Thánh giáo đều không thể dẫn đoạt. Phần còn lại như trước đã nói.

Ở đây có sai biệt: nghĩa là như người thợ thiện xảo của thế gian, dùng vàng đã được luyện tạo ra các vật dụng trang sức, đem ngọc báu lưu ly gắn lên các vật kia, hết thảy vàng còn lại đều không thể xâm đoạt. Lại như ánh trăng đối với thân của các hữu tình có thể khiến vui thích, không phải bốn thứ phong luân có thể đoạn hoại. Ở đây cũng thế, ánh sáng trí huệ của Bồ tát, đối với phiền não nung đốt của hết thảy hữu tình đầu có thể dứt diệt. Tất cả ngoại đạo, quân ma oán địch đều không thể đoạn hoại. Thọ sanh phần nhiều làm thiên vương diệu hóa, khéo hóa độ hữu tình khiến họ dứt trừ tất cả tăng thượng mạn. Về uy lực hiện có, nên biết ở đây nói trăm ngàn câu chi số. Đó gọi là lược nói về trụ huệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi của Bồ tát. Nghĩa là: mười tánh bình đẳng của pháp, thành tựu viên mãn nên được nhập. Giác ngộ về duyên khởi, sanh môn giải thoát. Hết thảy tưởng tà đều không hiện hành. Tạo phương tiện thâu nhận sinh tử. Trí không chấp trước hiện tiền. Trụ nơi Bát-nhã-Ba-la-mật-đa hiện tiền. Chứng đắc vô lượng Tam-ma-địa. Chứng đắc ý lạc không hoại. Đối với thánh giáo của Phật không thể xâm đoạt. Rộng thấy chư Phật, thiện căn thanh tịnh. Thọ sanh, uy lực. Nếu nêu giảng rộng như nơi địa hiện tiền của kinh thập địa đã nói. Do trong địa nầy, trí không chấp trước hiện tiền, Bát-nhã-Ba-la-mật-đa trụ nơi hiện tiền, nên gọi là địa hiện tiền. Tức do nghĩa nầy, nên biết cũng gọi là trụ huệ tăng thượng tương ưng với Duyên khởi.

- Thế nào là Trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát đối với trụ huệ tăng thượng tương ưng với duyên khởi là trụ thứ sáu ở trước đã được mười thứ huệ phương tiện vi diệu dẫn phát, không chung với tất cả hữu tình của thế gian. Tức do huệ phương tiện vi diệu như thế dẫn phát, không chung với đạo thắng hành tăng tiến, thành tựu phẩm thượng nên vô cùng viên mãn, vượt quá trụ thứ sáu, được nhập vào trụ thứ bảy. Văn từ như vậy, như nơi kinh đã nói rộng , nên biết về tướng của nó. Nghĩa là, dựa vào nơi thế gian, có thể dấy khởi thâu nhận, làm hưng thạnh phước đức. Dựa nơi ý lạc tăng thượng tạo lợi ích an lạc cho hữu tình. Dựa nơi pháp Bồ đề phần càng về sau càng thắng tiến, là tư lương phước đức của đạo quả Bồ đề. Dựa vào chỗ không chung với hàng thanh văn, độc giác. Dựa nơi hữu tình giới, Pháp giới, các thế giới. Dựa nơi trí thân ngữ tâm của chư Như-lai. Nên biết đó gọi là lược nói về nghĩa của huệ

phương tiện vi diệu dẫn phát không chung nơi xứ của đạo thắng hành tăng tiến. Bồ tát cùng với huệ ấy tương ưng, nên có thể thông tỏ vô lượng vô số cảnh giới của Như-lai. Bồ tát cũng từ sự tương ưng ấy khởi hành không công dụng, vô tướng, không phân biệt không phân biệt khác, quán về vô lượng cảnh giới của chư Phật, khởi tinh tấn không gián đoạn, không khuyết giảm, tu học hết thảy oai nghi, hành trụ tác ý, tất cả phần vị đều không xa lìa đạo. Bồ tát ở trong mỗi mỗi sát na tâm, mười Ba-la-mật-đa luôn đứng đầu, hết thảy pháp Bồ đề phần đều viên mãn thù thắng. Các trụ dưới còn lại thì không như thế. Nghĩa là nơi trụ thứ nhất là trụ cực hoan hỷ, lấy đại nguyện chân chính làm đối tượng duyên thù thắng. Đối với trụ thứ hai, có thể dứt trừ đúng đắn mọi cấu uế của việc hủy phạm giới. Nơi trụ thứ ba chánh nguyện tăng trưởng, đạt được ánh sáng của pháp. Nơi trụ thứ tư, chánh thức hướng nhập đạo. Nơi trụ thứ năm, chính thức hội nhập hết thảy sự nghiệp của thế gian. Ở nơi trụ thứ sáu, hội nhập đúng đắn đạo lý duyên khởi thâm diệu. Nay tức trong trụ thứ bảy nầy phát khởi đầy đủ tất cả pháp Phật, giác chi viên mãn, nên Bồ tát của trụ nầy thuộc về hành gia hạnh viên mãn, hành diệu trí, thần thông thanh tịnh, nên có thể nhập nơi trụ thứ tám. Do Bồ tát ấy nơi trụ nầy không gián đoạn, nên có thể nhập vào trụ thứ tám là trụ cực thanh tịnh. Tức trụ thứ tám hoàn toàn thanh tịnh, nên trụ thứ bảy vẫn gọi là tạp. Là dẫn đường đi trước đối với trụ thanh tịnh. Nên nói trụ thứ bảy là không nhiễm ô. Do vẫn chưa đạt được thanh tịnh hoàn toàn, nên nói trụ nầy rơi vào xen tạp, nhiễm ô. Nay trọng trụ thứ tám nầy mọi thứ phiền não đứng đầu như tham… thảy đều đoạn trừ, nên biết trụ nầy không phải là có phiền não, không phải là lìa phiền não, mà hết thảy phiền não đều không hiện hành. Mong cầu trì Phật vẫn chưa đạt được, như thế là hành giả, ý lạc tăng thượng đã được thanh tịnh. Vô lượng thân ngữ ý nghiệp tùy chuyển, theo chỗ đức

Như lai khen chê về nghiệp, nói rộng như trước.

Nơi trụ thứ năm, đã dẫn khởi trí nghiệp công xảo của thế gian chuyển được viên mãn, ba ngàn thế giới cùng nhận làm thầy, chỉ trừ Bồ tát an trụ nơi trụ nầy và chư Như lai, ý lạc gia hạnh không gì sánh bằng. Đối với tất cả pháp Bồ đề phần như tĩnh lự… đều có thể hiện hành, do tu tập hành tướng hiện tiền, không phải do an trụ nơi phần vị dị thục. Như nơi trụ thứ tám, các Bồ tát nầy, với phương tiện như thế, có thể khéo xét chọn các Tam-ma-địa, dẫn phát hàng chục, trăm, ngàn thứ môn Tam- ma-địa, là Tam-ma-địa đứng đầu của Bồ tát. do đạt được Tam-ma-địa như thế, nên vượt qua tất cả cảnh giới Tam-ma-địa của hàng nhị thừa. Bồ tát như vậy là hết thảy đều được xa lìa, mọi phân biệt hiện hành, theo đuổi, khéo có thể

nhận biết rõ. Ba nghiệp thân ngữ ý thảy đều an trụ, nhưng không lìa bỏ việc tìm cầu gia hạnh thắng tiến dũng mãnh, nhớ nghĩ về hữu tình, vì nhằm mau chóng viên mãn đạo quả đại Bồ đề, nên lìa tất cả tướng, vô lượng thân ngữ ý nghiệp tùy chuyển, khéo léo tu trị, pháp nhẫn vô sanh hiển phát. Ở trong trụ nầy, do cảnh giới của huệ tự giác, nên vượt quá cảnh giới của hết thảy hàng nhị thừa. Còn trong sáu trụ kia chỉ do đối tượng duyên tăng thượng của pháp Phật nên vượt quá cảnh giới của tất cả hàng thanh văn, độc giác.

Lại, các Bồ tát trong trụ thứ sáu đã nhập diệt định, nay nơi trụ nầy, niệm niệm có thể hội nhập, nhưng hành nghiệp của Bồ tát ở đây là kỳ lạ, không thể nghĩ bàn. Nghĩa là luôn an trụ nơi thật tế mà đối với nẻo tịch diệt có thể không tác chứng. Bồ tát ấy, do trí của phương tiện khéo léo như thế dẫn khởi lực tăng thượng, nên có thể hành trì diệu hạnh của Bồ tát không chung với hết thảy hữu tình, tuy cùng tương tợ với thế gian nhưng không phải là tánh thế gian, như nơi kinh đã nói rộng. Nghĩa nêu chung ở đây, tức dựa vào phước nghiệp, thâu nhận vô số đồ chúng, thân thuộc cầu sanh sai biệt phát khởi ba trụ giải thoát thắng tiến, tin hiểu về thừa thấp, tạo phương tiện điều phục. Thọ dụng các dục, cầu dục chuyển hợp sai biệt. Các ngoại đạo theo tha tâm chuyển hợp, tùy đại chúng chuyển hợp. Phần còn lại như trước đã nói. Ở đây có sai biệt: tức như người thợ thiện xảo của thế gian, dùng vàng đã được luyện tạo ra các vật dụng trang sức, đem ngọc báu mạt ni điểm xuyết tạo nên vẻ sáng đẹp trội bật, các thứ vàng bạc châu báu khác nơi Châu Thiệm Bộ đều không thể xâm đoạt. Bồ tát trong trụ nầy thiện căn chuyển hợp càng thanh tịnh. tất cả thiện căn của hành Nhị thừa, cùng thiện căn của Bồ tát ở trụ dưới đều không thể xâm đoạt. Lại như ánh sáng mặt trời phần nhiều làm khô cạn những vùng ẩm thấp uế tạp nơi châu Thiệm Bộ, tất cả các thứ ánh sáng khác không thể xâm đoạt. Cũng vậy, ánh sáng trí huệ của Bồ tát ở đây da phần làm khô cạn các thứ phiền não độc hại của hết thảy hữu tình, như trước đã nói. Ánh sáng trí huệ hiện có của các thanh văn không thể xâm đoạt.

Về thọ sanh, nhiều lần làm thiên vương tha hóa tự tại, có thể trao cho tất cả hàng thanh văn độc giác phương tiện thiện xảo về hiện quán. Về uy lực hiện có nên biết đây là nói về câu chi trăm ngàn số. Đó gọi là lược nói về trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng của Bồ tát. Nghĩa là: Huệ của phương tiện thiện xảo dẫn khởi đạo thắng tiến của thế gian, thắng hạnh thành tựu viên mãn nên được hội nhập. Thông đạt cảnh giới của Phật, Như lai, khởi gia hạnh tinh tấn không gián đoạn, không thiếu sót. Nơi mỗi mỗi sát na viên chứng hết thảy pháp phần Bồ đề. An lập về nhiễm ô, không nhiễm ô, thuộc về hành có gia hạnh viên mãn. Dựa nơi ý lạc thanh tịnh,

hành nghiệp chuyển hợp, nên tất cả nghiệp công xảo của thế gian đều viên mãn. Đạt được vô lượng Tam-ma-địa không chung với tất cả hàng Nhị thừa. Sát-na, sát-na nhập định diệt. Hiện hành không chung với thế gian của tất cả hữu tình, thiện căn thanh tịnh. thọ sanh, uy lực. Nếu tuyên thuyết rộng thì như nơi địa Viễn Hành của kinh thập địa đã nói. Bồ tát của địa nầy thuộc về hành có gia hạnh viên mãn, nên gọi là địa Viễn Hành. Tức do nghĩa nầy, nên biết cũng gọi là trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng.

- Thế nào là trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát ở trong trụ vô tướng thứ nhất, đã được mười thứ trí nhập vào đệ nhất nghĩa của tất cả pháp, như kinh đã nói rộng. Tức dựa vào ba đời, như chỗ ứng hợp, xưa nay không sanh không khởi, không tướng. Dựa nơi tánh của nhân khác không thành không hoại. Dựa nơi các tự tánh của đệ nhất nghĩa hoàn toàn lìa ngôn ngữ, tự tánh của ngôn thuyết tạo tác, ảnh tượng. Do thể tướng nên cùng với tánh nhân đều không thật có. Tức do thể tánh tạp nhiễm như thế, tánh không lưu chuyển, tánh không dừng dứt, dựa nơi không trí tà chấp làm nhân, đối với các hữu, thể lìa ngôn thuyết, tất cả thời phần của vị đầu giữa sau đều làm nhiễm ô tánh bình đẳng. Dựa nơi chân như chứng nhập thuận hợp tánh bình đẳng không phân biệt nên có thể dứt trừ mọi tạp nhiễm. Ở đây, đó gọi là lược nói về nghĩa. Như thế là mười thứ trí hội nhập đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp, thành tựu phẩm thượng, hết sức viên mãn nên vượt quá trụ thanh tịnh xen tạp thứ bảy, được nhập nơi trụ thứ tám thuần thanh tịnh. An trụ trong trụ nầy, đối với pháp vô sanh, chứng đắc nhẫn thanh tịnh tối thắng bậc nhất của Bồ tát. Nghĩa nầy như thế nào? Tức các Bồ tát do bốn tầm tư, đối với tất cả pháp tầm tư đúng đắn rồi, hoặc khi đạt được bốn trí như thật, nhận biết rõ đúng như thật về hết thảy các pháp, bấy giờ tất cả tà chấp phân biệt thảy đều xa lìa, quán tất cả pháp, ở trong hiện pháp tùy thuận quán vô sanh về hết thảy tạp nhiễm. Bồ tát lúc trước, nơi tất cả tà chấp phân biệt hiện có, nhân đấy sanh các pháp, đối với đời vị lai, hết thảy đều không còn sinh trở lại.

Bốn tầm tư, bốn trí như thật ấy, nói rộng như nơi phẩm nghĩa chân thật ở trước. Trí như thật nầy, khởi đầu từ trụ thắng giải hành, cho đến trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng, chưa thanh tịnh hoàn toàn. Nay trong trụ nầy đã thanh tịnh tột cùng. Do đó nên nói, đối nơi pháp vô sanh, hứng đắc nhẫn thanh tịnh tột bậc, tối thắng đệ nhất của Bồ tát. Các Bồ tát nầy đạt được nhẫn ấy nên chứng đắc trụ thâm diệu. Trước ở trong trụ vô tướng thứ nhất, bốn thứ tai họa nay đều dứt trừ:

1. Đoạn trừ sự việc ở trong vô tướng có gia hạnh có công dụng.

2. Đoạn trừ sự việc đối với trụ thanh tịnh trên tinh tấn xét tìm, ham muốn.

3. Đoạn trừ sự việc đối với tất cả các thứ tạo lợi ích cho hữu tình có khả năng nhận lãnh, tinh tấn xét tìm, mến mộ.

4. Đoạn trừ các tưởng vi tế hiện hành hiện tiền. Do đó trụ nầy gọi là thanh tịnh tột bậc.

Lại, Bồ tát nầy, đối với trụ sâu xa, sanh khởi yêu thích hết mực. Tức ở trong dòng chảy của pháp môn như thế, mong được chư Như lai giác ngộ, khuyến khích, dẫn dắt, trao cho vô lượng sự việc dẫn phát môn trí thần thông. Như thế là mong Phật khuyên, dẫn giác ngộ, dẫn phát vô lượng phần thân diệu trí, đạt mười tự tại, nên tùy chỗ muốn trụ, có thể an trụ như ý, theo đấy trụ an lạc. Các tâm trụ như tĩnh lự, giải thoát… đều có thể an trụ như ý. Hoặc vừa tư duy về tất cả các vật dụng nuôi sống như các thức ăn uống, thảy đều thành tựu đầy đủ. Hết thảy minh xứ, công nghiệp của thế gian, như chỗ mong muốn đều có thể hiện hành. Đối khắp tất cả nghiệp có thể chiêu cảm sinh khởi, cùng với hết thảy nơi chốn thọ sanh, đều tùy theo chỗ mong muốn tự tại sanh đến. Theo chỗ yêu thích, tất cả sự nghiệp hiện bày thần thông đều có thể khởi tạo. Hết thảy diệu nguyện, theo chỗ mong cầu đều được xứng hợp. Tùy nơi sự vật phát khởi thắng giải, như chỗ mong muốn làm đều thành không khác. Theo chỗ nhằm nhận biết cảnh giới của đối tượng được nhận thức, đều nhận biết đúng như thật. Đối khắp hết thảy danh cú văn thân đều đạt được như cho mong muốn. Trong chỗ an lập đúng đắn tất cả các pháp đều được thiện xảo.

Bồ tát đạt được tự tại như vậy, từ đó trở đi, luôn đạt tự tại, mọi tạo tác đều được thắng lợi, nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng.

Lại có thể tử bỏ việc thấy chư Phật còn sơ lược, thường không gián đoạn, không lìa việc thấy Phật. Ngoài ra, các thiện căn hiện có đều thanh tịnh như vàng ròng, như ánh sáng. Bồ tát của trụ nầy, về uy lực, thọ sanh, với các sự việc thù thắng đều như kinh đã nói. Nên biết đó gọi là lược nói về trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng của Bồ tát. Nghĩa là: trí hội nhập đệ nhất nghĩa của tất cả pháp thành mãn được nhập, đắc pháp nhẫn vô sanh, đoạn trừ tất cả tại họa, đạt được trụ sâu xa của Bồ tát. Nơi dòng chảy của pháp môn, mong Phật trao cho vô lượng sự nghiệp dẫn phát môn trí, thần thông, ngộ nhập vô lượng phần thân trí, đạt được tự tại, lãnh nhận mọi thắng lợi, tự tại đã đạt được. Thiện căn thanh tịnh, thọ sanh, uy lự. Nếu nêu bày rộng, như nơi địa bất động của kinh thập địa đã nói. Ở trong địa

nầy xả bỏ đạo có gia hạnh có công dụng hiện có ở trước, tâm vượt lên nẻo không gia hạnh, không công dụng, tự nhiên mà chuyển theo đạo bất động thù thắng. Do đó, địa nầy gọi là địa bất động. Tức do nghĩa ấy, nên biết cũng gọi là trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng.

- Thế nào là trụ vô ngại giải của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, đối với trụ sâu xa không sanh biết đủ, lại đối với tánh thù thắng của trí tăng thượng yêu thích tùy nhập. Các Bồ tát nầy, ở trong các pháp, khởi gia hạnh về trí, nên vì kẻ khác thuyết giảng tất cả các thứ pháp, đối khắp tất cả chỗ tạo tác của pháp được nêu bày đều nhận biết đúng đắn như thật.

Ở đây, nên biết chỗ tạo tác của pháp được nêu giảng, nghĩa là đối với tất cả hành tiếp cận với mọi thứ phiền não, biết như đây là tạp nhiễm, như đây là thanh tịnh, do tạp nhiễm nầy, do thanh tịnh ấy, hoặc chỗ tạp nhiễm, hoặc chỗ thanh tịnh. Hoặc không phải là hoàn toàn, hoặc chung cả hai thứ. Như vậy, tất cả đều nhận biết đúng như thật.

Bồ tát như thế đều tạo phương tiện thiện xảo trong việc thuyết pháp, tạo phương tiện thiện xảo đối với chỗ tạo tác của pháp được nêu giảng, nơi tất cà chủng loại thành bậc đại pháp sư, đạt được vô lượng môn đà-la-ni. Đối với hết thảy chủng loại âm thanh, ngôn từ đều phân tích rõ ràng, đầy đủ, với biện tài thiện xảo vô tận, thành tựu pháp đà-la- ni như thế, tức có thể lãnh nhận.

Bồ tát do vô ngại giải thù thắng ấy dẫn phát ngôn từ, nên có thể an toạ nơi pháp tòa vi diệu như vậy, hoặc ở trong ấy, hoặc ở xứ ấy tuyên thuyết chánh pháp, tận cùng nơi môn hiện có. Do đó nên đối với các hữu tình tạo được mọi sự khuyến khích, dẫn dắt, an ủi, an lập. Mọi hành tác nầy thảy đều thành tựu. Tất cả đều được nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng.

Thiện căn thanh tịnh các sự việc thù thắng của uy lực, thọ sanh cũng được nói rộng như nơi kinh. Nên biết đấy gọi là lược nói về trụ vô ngại giải của Bồ tát. Nghĩa là: Đối với giải thoát tịch tĩnh thâm diệu không sanh biết đủ. Hội nhập nẻo thắng tiến. Ở trong các pháp khởi gia hạnh về trí. Tuyên thuyết chánh pháp. Mọi sự tạo tác ấy đều nhận biết đúng như thật. Đạt được bậc đại pháp sư không thể nghĩ bàn, thiện căn thanh tịnh, thọ sanh, uy lực. Nếu nêu giảng rộng thì như nơi địa thiện huệ của kinh Thập địa đã nói. Do trong địa nầy, ý lạc thanh tịnh tạo lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, đều đạt được huệ vô ngại giải của Bồ tát, do đấy khéo có thể tuyên thuyết chánh pháp. Vì thế địa nầy gọi là địa thiện huệ. Tức do nghĩa nầy, nên biết lại gọi là trụ vô ngại giải.

- Thế nào là trụ Bồ tát thành mãn tối thượng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát nơi trụ vô ngại giải, tất cả hành tướng đã thanh tịnh khắp, có thể làm pháp vương nhận pháp Quán đảnh, đạt được vô lượng vô số Tam-ma-địa thù thắng như ly cấu … tạo mọi hành tác nơi Trí Nhất Thiết Trí, sau pháp Quán đảnh thù thắng, Tam-ma-địa hiện tiền, nên đạt được diệu hòa tương xứng của tất cả Phật, với các quyến thuộc của thân, đạt được ánh sáng lớn soi chiếu qua lại khắp chốn. Hết thảy hành tướng nơi Trí Nhất Thiết Trí đều tuôn rưới nơi đảnh. Đã quán đảnh rồi, nên có thể dẫn dắt khắp các hữu tình được hóa độ, tạo phương tiện hành Phật sự, đạt giải thoát, đều đắc trí như thật. Đạt được vô lượng vô biên môn đà-la-ni giải thoát, với lực thần thông lớn, cùng đại niệm đại trí tăng thượng. Dẫn phát tăng thượng, nêu dạy an lập và đại thần thông. Dẫn phát tăng thượng về thiện căn thanh tịnh. Uy lực, thọ sanh, với các sự việc thù thắng, tất cả như nơi kinh đã nói. Nên biết đó gọi là lược nói về trụ Bồ tát thành mãn tối thượng. Nếu tuyên thuyết rộng, thì như nơi địa pháp vân của kinh Thập địa đã nói. Các Bồ tát ấy trụ trong địa nầy, các đạo Bồ tát đều được viên mãn, mọi tư lương Bồ đề đều hoàn bị khéo léo hết mực. Từ nơi trụ xứ đại pháp vân của các Như lai, có thể lãnh nhận tất cả loài hữu tình khó có thể tiếp nhận, tạo nên trận mưa pháp vi diệu tột cùng.

Lại, Bồ tát nầy tự như đám mây lớn, chưa hiện đẳng giác Bồ đề vô thượng. Nếu hiện đẳng giác Bồ đề vô thượng, tức có thể vì vô lượng vô biên hữu tình cùng tuôn xuống trận mưa pháp vi diệu không gì sánh bằng, dứt sạch hết thảy mọi phiền não trần cấu, có thể khiến cho vô số mầm mống thiên căn sanh trưởng, thành thục. Do đấy địa nầy gọi là địa pháp vân. Tức vì nghĩa ấy nên biết lại gọi là trụ Bồ tát thành mãn tối thượng.

Như thế là đã nói về các phần công đức nơi các trụ sau, không phải các trụ càng lùi về trước hết thảy đều không có, nhưng là ở phẩm hạ nên không thuộc về số lượng kia. Nên biết tức Bồ tát kia lần lượt tu tập thành phẩm trung, thượng, nơi các địa sau còn lại chứng đắc thành mãn, mới có thể kiến lập.

Lại, tức ở trong mỗi mỗi trụ nầy, trải qua nhiều câu chi trăm ngàn đại kiếp, hoặc hơn số lượng ấy mới có thể chứng đắc cùng thành tựu viên mãn. Nhưng nơi tất cả trụ đều trải qua chung là ba vô số đại kiếp mới được viên chứng. Nghĩa là trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, mới có thể vượt quá trụ thắng giải hành, thứ lớp chứng đắc Trụ Cực Hoan Hỷ. Đây là căn cứ theo sự tinh tấn dũng mãnh thường xuyên.

Lại trải qua vô số đại kiếp thứ hai, mới có thể vượt quá Trụ Cực Hoan

Hỷ, cho đến trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng, lần lượt chứng đắc trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng. Đây tức là quyết định, do Bồ tát ấy đạt được ý lạc thanh tịnh, quyết định siêng năng tinh tấn dũng mãnh.

Lại trải qua vô số đại kiếp thứ ba, mới có thể vượt quá trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng cùng trụ vô ngại giải, chứng đắc trụ Bồ tát thành mãn tối thượng.

Nên biết ở đây lược có hai loại vô số đại kiếp:

1. Phương tiện tính toán về thời gian vô lượng như ngày đêm, nửa tháng, một tháng… cũng được gọi là vô số đại kiếp.

2. Phương tiện tính toán đại kiếp vượt quá tất cả lượng của sự tính đếm, cũng gọi là vô số đại kiếp.

Nếu căn cứ theo vô số đại kiếp đã nói trước, thì cần do vô lượng vô số đại kiếp mới chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Nếu dựa theo vô số đại kiếp nói sau, thì chỉ trải qua ba vô số đại kiếp, tức chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng, không quá hạn lượng ấy. Nếu tu hành chân chánh, tinh tấn dũng mãnh nơi phẩm thượng tối thượng, hoặc có thể chuyển rất nhiều trung kiếp, hoặc có cho đến chuyển nhiều đại kiếp, nên biết quyết định không có chuyển nơi vô số đại kiếp.

Lại, do đã nói về mười hai trụ của các Bồ tát, trải qua thời lượng là ba vô số đại kiếp, có thể đoạn trừ tất cả phẩm phiền não chướng với những thô trọng hiện có, cùng đoạn trừ hết thảy phẩm sở trị chướng với những thô trọng hiện có. Ở trong ba trụ, nên biết có thể đoạn trừ phẩm phiền não chướng với những thô trọng hiện có. Nghĩa là trong Trụ Cực Hoan Hỷ, tất cả các phẩm phiền não, với những thô trong hiện có về cõi ác, thảy đều đoạn trừ vĩnh viễn. Hết thảy các phẩm phiền não thượng trung đều không hiện hành. Ở trong trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng, tất cả các thứ có thể gây chướng ngại cho pháp nhẫn vô sanh đều hoàn toàn thanh tịnh, các phẩm phiền não với những thô trọng hiện có thảy đều dứt trừ vĩnh viễn, tất cả phiền não đều không hiện tiền. Nơi trụ Bồ tát thành mãn tối thượng, nên biết hết thảy tập khí phiền não, tuỳ miên chướng ngại thảy đều đoạn dứt hẳn. Nhập trụ Như lai, nên biết, tất cả phẩm sở trị chướng, với những thô trọng hiện có cũng có ba loại:

1. Thô trọng ở nơi da.

2. Thô trọng nơi da ngoài.

3. Thô trọng nơi thịt.

Ở dây nên biết: Thô trọng ở nơi da, tại Trụ Cực Hoan Hỷ thảy đều đã

đoạn trừ. Thô trọng nơi da ngoài, tại trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng thảy đều đã đoạn dứt. Thô trọng nơi thịt, nơi trụ Như lai thảy đều đã đoạn trừ, đạt được trí cực thanh tịnh đối với tất cả chướng. Ở trong ba trụ, hai chướng phiền não và Sở tri đều vĩnh viễn đoạn trừ. Các trụ còn lại, như thứ lớp của chúng, tu tư lương đoạn dứt.

Tức ở trong mười ba trụ như vậy nên biết lược có mười một thứ thanh tịnh. nghĩa là, trong trụ thứ nhất là trụ chủng tánh, có chủng tánh thanh tịnh. nơi trụ thứ hai là trụ thắng giải hành có tín thắng giải tịnh.

Nơi trụ thứ ba là trụ Trụ Cực Hoan Hỷ có ý lạc thù thắng thanh tịnh. Ở trụ thứ tư là trụ Giới tăng thượng, có Giới tăng thượng tịnh. Nơi trụ thứ năm là trụ Tâm tăng thượng, có tâm tăng thương tịnh. Nơi ba trụ thứ sáu, bảy, tám là trụ huệ tăng thượng, có trí không điên đảo phát khởi thanh tịnh.

Ở trụ thứ chín, là trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng, có hành gia hạnh viên mãn thanh tịnh.

Nơi trụ thứ mười, là trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng, có chân trí thần thông dẫn phát thanh tịnh.

Nơi trụ thứ mười một là trụ vô ngại giải, có thể chính thức vì kẻ khác tuyên thuyết pháp nghĩa, vô ngại giải tịnh.

Ở trụ thứ mười hai, là trụ Bồ tát thành mãn tối thượng, có diệu trí hội nhập tất cả chủng loại, tất cả đối tượng nhận thức thanh tịnh.

Nơi trụ thứ mười ba là trụ Như lai, có tất cả phiền não chướng và sở tri chướng cùng các tập khí đều rốt ráo thanh tịnh.

Như đã nói trong phẩm công đức của Bồ tát ở trước, về tám pháp có thể gồm thâu cả đại thừa, nên biết được thâu tóm nơi mười ba trụ nầy. Nghĩa là, nơi trụ thứ nhất và trụ thứ hai, đối với tạng Bồ tát sanh tín thắng giải, nghe nhận, tư duy.

Trong trụ thứ ba, đạt được ý lạc thù thắng, hướng tới tướng tu hành trội bật nơi hành trước.

Nơi các trụ còn lại, cho đến trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng đạt được sự tu tập rộng lớn, thuộc về ba thứ tịnh hạnh trên. Bồ tát trong trụ nay tu quả thành mãn. Nên biết mười hai thứ trụ của Bồ tát, tùy theo thứ lớp, giống với trụ thanh văn. Như trụ tự chủng tánh của các thanh văn, nên biết trụ thứ nhất của Bồ tát cũng thế. Như các thanh văn hướng nhập chánh tánh ly sanh trụ gia hạnh, nên biết trụ thứ hai của Bồ tát cũng vậy.

Như các thanh văn đã nhập trụ chánh tánh ly sanh, nên biết trụ thứ ba của Bồ tát cũng thế.

Như các thanh văn đã được chứng tịnh vị được bậc thánh ưa thích, dứt trừ hết lậu trên, đạt trụ học giới tăng thượng, nên biết trụ thứ tư của Bồ tát cũng thế.

Như các thanh văn dựa nơi Học giới tăng thượng, dẫn phát Trụ Học tâm tăng thượng, nên biết trụ thứ năm của Bồ tát cũng vậy.

Như các thanh văn với chỗ đạt được trí của cá Thánh đế, trụ học huệ tăng thượng, nên biết các trụ thứ sáu, bảy, tám của Bồ tát cũng thế.

Như các thanh văn khéo quan sát về đối tượng nhận thức nơi trụ gia hạnh của Tam-ma-địa vô tướng, nên biết trụ thứ chín của Bồ tát cũng vậy.

Như các thanh văn thành tựu viên mãn trụ vô tướng, nên biết trụ thứ mười của Bồ tát cũng thế.

Như các thanh văn từ đây xuất rồi nhập nơi trụ xứ giải thoát, nên biết trụ thứ mười một của Bồ tát cũng vậy.

Như các thanh văn đầy đủ tất cả tướng nơi trụ A-la-hán, nên biết trụ thứ mười hai của Bồ tát cũng thế.

Phần Bản địa. Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Đoạn 3: Trì xứ du già cứu cánh. Phẩm 1: Sinh

Sanh của các Bồ tát lược có năm loại, thâu tóm tất cả sanh. Đối với tất cả trụ, tất cả Bồ tát thọ sanh không tội, tạo lợi ích an lạc cho hết thảy hữu tình. Những gì là năm loại?

1. Sanh trừ tai họa.
2. Sanh theo loài.
3. Sanh với uy thế lớn.
4. Sanh tăng thượng.
5. Sanh sau cùng.

- Thế nào là Sanh trừ tai họa của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát hoặc do lực của đại nguyện, hoặc do lực tự tại, đối với các ách nạn như mất mùa đói khổ, lúc đang hiện hành, vì khiến cho chúng sanh ít dùng công sức mà có được sự cứu giúp để sống còn, nên Bồ tát sanh trong chủng loại như cá lớn, thân hình rộng lớn, theo chỗ sanh ra dùng thịt của tự thân cung cấp cho tất cả chúng sanh đói khát, khiến họ được no đủ.

Đối với các chúng hữu tình bị nhiều bệnh tật lúc đang hiện hành, Bồ tát do diệu lực của đại nguyện đạt được tự tại, đem lực dụng của các minh

chú có thần nghiệm, thâu nhận thân lương dược vương rộng lớn, dứt trừ bệnh tật cho tất cả hữu tình.

Đối với các hữu tình bị nước lân cận tạo chiến tranh xâm chiếm, bức bách khổ não lúc đang hiện hành, Bồ tát do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, làm vị đại địa chủ, có đủ uy lực lớn, tạo phương tiện thiện xảo, dùng pháp để đối trị đúng đắn, dứt trừ khổ nạn binh đao kia.

Đối với các hữu tình cùng tranh chấp chống đối nhau, lúc đang hiện hành, Bồ tát do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, phát khởi lời nói thánh thực, tin tưởng, tạo sự hoà hiếu cho cả hai bên, dứt trừ mọi oán kết.

Đối với các chúng sanh gặp phải vua chúa hung ác dùng phi pháp để hành xử, bắt bớ, trị phạt, bức bách thân tâm, lúc đang hiện hành, Bồ tát do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, sanh nơi vương gia kia, hành tác như pháp vương, thương xót chúng sanh, dứt trừ mọi thứ khổ não bức bách.

Hoặc những hữu tình dấy khởi các tà kiến tạo các hành ác, theo một thiên xứ tin hiểu sâu xa, Bồ tát vì thương xót hữu tình nên do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, sanh nơi thiên xứ kia, tạo phương tiện để đoạn trừ tà kiến, hành ác. Đó gọi là lược nói về sanh trừ tai hoạ của Bồ tát. nếu tuyên thuyết rộng, do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, lấy đại bi làm đầu, đối khắp các xứ, thọ sanh đủ loại, nên biết là vô lượng.

- Thế nào là sanh theo loài của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, do diệu lực của đại nguyện đạt được lực tự tại, sinh nơi vô số loài thuộc cõi bàng sanh, sanh trong các loài trời, Rồng, dược-xoa, A-tố-lạc… lần lượt mưu hại, tranh giành, chống đối. Hoặc sanh trong hạng Bà-la-môn tà kiến. Hoặc sanh trong loại ưa thích hành ác. Hoặc sanh trong loại vui sống theo tà mạng. Hoặc sanh vào các loại hữu tình tham đắm hết mực các dục, tin hiểu các dục. Vì nhằm dứt trừ các thứ lỗi lầm kia, nên sanh trong đồng phận của các hữu tình ấy, làm kẻ đứng đầu, tạo phương tiện để giáo hoá dẫn dắt các hữu tình hành ác kia. Bồ tát không hành thì các hữu tình ấy không hành thiện. Bồ tát hiện hành vì muốn khiến cho các hữu tình hiện hành thiện, nên vì họ nêu giảng chánh pháp. Do Bồ tát nầy cùng với các hữu tình kia hiện hành không đồng phận, nên thuyết giảng chánh pháp, tạo phương tiện thiện xảo để dứt trừ mọi lỗi lầm hiện có nơi các hữu tình kia. Đó gọi là lược nói về sanh theo loài của Bồ tát. Nói rộng như trước, nên biết là vô lượng.

- Thế nào là sanh với uy lực thế lớn của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát từ bẩm tánh, lúc sanh đã chiêu cảm về thọ lượng, hình sắc, tộc họ, tự tại giàu sanh, các quả dị thục đều là thù thắng bậc nhất của thế gian. Chỗ tạo tác sự nghiệp của các quả dị thục ấy, nơi phẩm tự lợi, lợi tha đã quảng diễn. Đó gọi là lược nói về sanh từ uy thế lớn của Bồ tát. nếu tuyên thuyết rộng, thì trong các loại kia, Bồ tát thọ sanh với uy thế lớn, nên biết là vô lượng.

- Thế nào là sanh tăng thượng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát, khởi đầu từ trụ thứ nhất là cực hoan hỷ, cho đến trụ thứ mười là các Bồ tát thành mãn tối thượng, như trước đã nói về chỗ thọ sanh sai biệt, nay ở đây gọi là sanh tăng thượng.

Nghĩa là nơi trụ đầu tiên làm chuyển luân vương, làm vua châu thiệm bộ đạt tự tại lớn. Cho đến trụ thứ mười là các Bồ tát thành mãn tối thượng làm thiên vương đại tự tại, vượt hơn sắc cứu cánh, tất cả xứ sanh đều thù thắng tột bậc, chỉ có chúng Ma-ha-tát đã đạt được trụ thứ mười mới được sinh vào đây. Các Bồ tát kia, tức do chỗ chiêu cảm tăng thượng của Bồ-tát. Nếu quảng diễn, nên biết là vô lượng.

- Thế nào là sanh sau cùng của Bồ tát?

Nghĩa là các Bồ tát ở trong sự sanh nầy, tư lương về Bồ đề đã hết sức viên mãn. Hoặc sanh nơi gia đình đại quốc sư thuộc tộc hữu tình họ Bà-la-môn. Hoặc sanh nơi vương gia đại quốc thuộc tộc họ sát-đế-lợi. Có thể hiện thành đẳng giác Bồ đề vô thượng, rộng làm tất cả Phật sự.

Đó gọi là lược nói về sanh sau cùng của Bồ tát. Nếu tuyên thuyết rộng, nên biết là vô lượng.

Nếu các Bồ tát, đối với xứ sanh diệu thiện, nhân hiền, thanh tịnh của quá khứ, hiện tại, vị lai, đã, hiện và sẽ sanh, tất cả đều thuộc về năm thứ sanh nầy, trừ chúng ra thì không gì có thể hoặc vượt hơn, hoặc tăng thêm. Chỉ trừ việc thọ sanh của Bồ tát ở địa phàm phu. Vì sao? Vì ở đây, ý chọn lấy các chỗ thọ sanh là năm thứ sanh, là của Bồ tát có trí. Các thứ sanh như thế là chỗ nương dựa của quả đại Bồ đề, khiến các Bồ tát mau chóng chứng đắc đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Phần Bản địa. Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Đoạn 3: Trì xứ du già cứu cánh Phẩm 2: Thâu nhận.

Ở trong hạnh Bồ tát của tất cả Trụ, nên biết Bồ tát lược có sáu loại, đối với các Hữu tình thâu nhận thuận hợp. Những gì là sáu loại?

1. Thâu nhận nhanh khắp.
2. Thâu nhận tăng thượng.
3. Thâu nhận gồm giữ.
4. Thâu nhận trong thời gian dài.
5. Thâu nhận trong thời gian ngắn.
6. Thâu nhận sau cùng.

- Thế nào là Bồ tát đối với cá Hữu tình thân nhận nhanh khắp? Nghĩa là các Bồ tát lúc mới phát tâm, thâu nhận tất cả các Hữu tình giới đều làm quyến thuộc, suy niệm: Ta sẽ đối với các Hữu tình ấy, tùy theo năng lực, hành tác đem lại tất cả sự lợi ích, an lạc cho họ. Theo chỗ suy xét, đều hành trì như thế, đó gọi là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận nhanh pháp.

- Thế nào là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát, hoặc làm Gia chủ thâu nhận cha mẹ vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Hoặc làm quốc vương thâu nhận tất cả quan chức dưới quyền. Bồ tát phát khởi tưởng thâu nhận tăng thượng như thế rồi, đối với tượng được thâu nhận tùy nghi thục hiện, tùy theo nghiệp dụng thích hợp của Bồ tát mà hoạt động. Như làm gia chủ, đối với cha mẹ mình, tạo ra vô số phương tiện khuyên tu các pháp thiện, tùy lúc cúng dường từng không biếng trễ, khéo nhận biết về ân, khéo nhận biết báo đáp. Đối với cha mẹ, tâm hoàn toàn có thể tùy thuận. Nơi pháp nơi nghĩa, theo chỗ tự tại mà chuyển hợp. Đối với vợ con, người giúp việc… tùy lúc ban cho đúng như pháp các thứ y phục, thức ăn uống… Đối với các sự việc, trọn không bức bách, tuy có vi phạm nhưng có thể tha thứ, bỏ qua. Nếu họ bị bệnh tật phải nên chăm sóc, chữa trị. Nơi các việc thiện thì khuyên khiến tu tập. Tùy thời ban tặng các thứ của cải vật dụng thù thắng. Dùng ái ngữ để an ủi, không sanh tưởng đấy là hạng nô tỳ thấp kém. Luôn dưỡng nuôi, chỉ dạy đúng pháp.

Nếu tự thân hoặc làm quốc vương, không hành xử theo lối truất phế, trừng phạt, không dùng đao gậy mà có thể giáo hóa chân chánh. Dùng pháp, dùng tài sản để tạo lợi ích. Dựa nơi đất đai vốn có để tự hành tác thọ dụng, không dùng bạo lực để xâm lược, chiếm cứ lãnh thổ kẻ khác. Tùy theo năng lực đối với các vốn có để tự hành tác thọ dụng, không dùng bạo lực để xâm lược, chiếm cứ lãnh thổ kẻ khác. Tùy theo năng lực đối với các hữu tình, khuyên dứt bỏ các ác, chỉ dạy tu tập các thiện, xem các chúng sanh như cha đối với con. Nơi các hữu tình kia hãy còn ưa thích bố thí, huống chi là thân thuộc của mình mà không ban phát, cứu giúp. Lời nói luôn thành thật đúng đắn, không lừa dối, xa lìa mọi thứ giết hại, trói buộc, đánh đập, trị phạt, bức bách đoạn mạng… đó gọi là Bồ tát đối với các hữu tình thâu nhận tăng

thượng.

- Thế nào là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận gồm giữ? Nghĩa là các Bồ tát điều phục, hướng dẫn đúng đắn các đồ chúng,

nên biết đó gọi là lược nói về Bồ tát đối với các hữu tình thâu nhận gồm giữ. Nếu nói rộng thì do hai nhân duyên nên thâu nhận đồ chúng , gọi là Bồ tát đối với các hữu tình thâu nhận gồm giữ. Hai nhân duyên ấy là:

1. Dùng tâm không nhiễm để thâu nhận đúng đắn các đồ chúng.

2. Đối với nghĩa lợi của chính mình, chính thức chỉ dạy tu tập, không phải là gia hạnh tà vạy để cùng hãm hại.

Lại, đối với tất cả kẻ nên thâu nhận, Bồ tát với tâm luôn bình đẳng, không hề thiên lệch, cũng không đối với họ, tỏ ra keo kiệt tiếc dẫn về chánh pháp, không làm vị thầy mỏi mệt, cũng không đối với hữu tình mong cầu sự cung kính, cúng dường, hầu hạ. Các hữu tình ưa thích điều thiện nên tự tìm cầu, tạo tác, cũng không nên ngăn chận, vì muốn khiến cho tư lương phước đức được tăng trưởng.

Hoặc gặp những lúc khác, cũng về việc cúng dường, phụng sự của các hữu tình, nếu đối với ý nghĩa ấy họ chưa hiểu rõ thì mở bày chỉ dẫn khiến họ hiểu. Đã hiểu rõ thì chuyển hợp khiến thêm sáng sạch. Nếu sanh khởi nghi hoặc thì theo đấy mà đoạn trừ. Hoặc sanh ố tác (hối) thì khéo vì họ mà cởi mở. Nơi câu nghĩa thâm diệu thì dùng huệ để thông tỏ, nơi mọi thời gian, luôn vì họ mà mở bày, làm rõ. Đối với khổ, vui, cùng với họ chung đồng. Đối với những việc làm tạo của cải, lợi lạc của kẻ khác, Bồ tát luôn giúp họ thành tựu phẩm thượng, mở mang công việc còn hơn cả sự nghiệp của chính mình.

Đối với việc hủy phạm của kẻ khác, tùy lúc nêu bày khiến họ giác ngộ. Đúng thời, như lý, quở trách, xử trị. Nếu các hữu tình bị bệnh tật, hoặc có sầu lo, Bồ tát trọn không lìa bỏ họ. Khéo tạo phương tiện quyền xảo để cứu chữa bệnh tật, cởi mở lo sầu… Đối với họ, giới hạnh của Bồ tát hoặc bằng hoặc hơn, trọn không thua kém. Cũng không mong cầu lợi dưỡng, cung kính. Đầy đủ tâm bi không trạo cử, không loạn động. Giới luật, kiến giải, đúng phép tắc chánh mạng viên mãn. Dung mạo bình dị, xa lìa mọi cau có, nói năng nhã nhặn, vui vẻ, hỏi han, khen ngợi. Đối với các phẩm thiện thường xuyên tu tập. Không hành phóng dật, lìa mọi biếng nhác. Tức dùng sự việc nầy để rèn dạy đồ chúng. Cũng khiến cho nẻo hành chuyển của chính mình càng thêm thắng tiến. Đó gọi là Bồ tát đối với các hữu tình thâu nhận gồm giữ.

- Thế nào là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận trong thời gian

dài?

Nghĩa là các Bồ tát, ở trong phẩm hạ của trụ thành thục hữu tình, thâu nhận, tạo lợi ích. Nên biết đó gọi là thâu nhận trong thời gian dài, do trải qua thời gian lâu dài mới đạt được thanh tịnh.

- Thế nào là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận trong thời gian ngắn?

Nghĩa là các Bồ tát, ở trong phẩm trung của trụ thành thục hữu tình, thâu nhận tạo lợi ích. Nên biết đó gọi là thâu nhận trong thời gian ngắn, vì không trải qua thời gian lâu mới đạt được thanh tịnh.

- Thế nào là Bồ tát đối với các Hữu tình thâu nhận sau cùng?

Nghĩa là các Bồ tát, ở trong phẩm thượng của trụ thành thục hữu tình, thâu nhận tạo lợi ích. Nên biết đó gọi là thâu nhận sau cùng. Tức nơi đời nầy có thể đạt được thanh tịnh.

Đấy gọi là Bồ tát, đối với các hữu tình, lược có sáu thứ thâu nhận thuận hợp. Do sự thâu nhận nầy, nên Bồ tát trong ba đời, đối với các hữu tình, từng chính thức thâu nhận, hiện chánh thức thâu nhận, sẽ chánh thức thâu nhận.

Bồ tát, đối với các hữu tình có sáu thứ thâu nhận như thế, lúc chuyển đổi thuận hợp, nên biết là luôn gặp phải, lược có mười hai sự việc khó khăn. Bồ tát thông tuệ, đối với chúng nên nhận biết rõ, đúng. Mười hai sự việc khó khăn là:

1. Đối với các hữu tình nhiều lần vi phạm, hoặc trị phạt hoặc xả bỏ. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

2. Đối với các hữu tình xấu ác, vì nhằm điều phục nên tạo phương tiện hiện hành gia hạnh khổ cực, ngăn chặn ý lạc không sanh phiền não. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

3. Các vật hiện có thể bố thí thì quá ít, còn người đến cầu xin thì rất nhiều. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

4. Chỉ có một thân, còn hữu tình thì rất nhiều, với vô số sự việc, cùng lúc đến thỉnh cầu Bồ tát trợ giúp. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

5. Ở chốn phóng dật, hoặc trụ nơi diệu định đáng yêu thích của thế gian, hoặc sanh lên cõi trời trong thế giới an lạc khiến tâm thuận theo thiện. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

6. Luôn mong tạo tác đem lợi ích cho khắp Hữu tình, nhưng đối với sự việc này không có đủ năng lực.

7. Ở chỗ các Hữu tình ngu tối, dua nịnh, dối trá, ương bướng, hoặc vì họ giảng nói pháp, hoặc lại từ bỏ.

8. Thường đối với sanh tử thấy rõ những lỗi lầm lớn, vì hoá độ Hữu tình, nên không từ bỏ.

9. Chưa chứng ý lạc tăng thượng thanh tịnh, phần nhiều lo sợ mạng chung mất chánh niệm.

10. Chưa chứng ý lạc tăng thượng thanh tịnh, kẻ khác đến cầu xin các vật dụng đáng yêu thích bậc nhất.

11. Các loại Hữu tình với vô số kiến giải thắng giải dị biệt, hoặc giảng dạy riêng, hoặc từ bỏ chung.

12. Luôn hành trì hạnh hoàn toàn không phóng dật, nhưng không nên đoạn trừ tất cả phiền não. Đó gọi là Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn.

Nếu các Bồ tát gặp phải sự việc khó khăn như thế, hoặc ở trong ấy nên quán xét về nặng nhẹ, như chỗ ứng hợp mà tạo phương tiện. Hoặc ở trong đó nên lược chọn kỹ về Hữu tình. Hoặc ở trong ấy nên duyên dựa, dũng mãnh thâu nhận, nhân đấy mà chuyển. Hoặc phát chánh nguyện, hoặc chế ngự tâm không khiến lưu tán hoặc khiến tâm an trụ, xét chọn mạnh mẽ, không sanh chán mệt để tự an nhẫn. Hoặc hành phóng xả, hoặc phát khởi tinh tấn vượt bậc không biếng trễ. Hoặc tạo phương tiện thiện xảo mà tu tập đúng đắn. Bồ tát thành phương tiện thiện xảo để đối trị đúng đắn như thế, tuy gặp phải các sự việc khó khăn hiện tiền, nhưng không khiếp nhược tự có thể vượt khỏi.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 49

Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh: Phẩm 3: Địa.

Như trước đã nói trong mười ba trụ, nên biết tùy theo sự tu tập của Bồ tát mà kiến lập bảy địa. Sáu địa trước chỉ là địa Bồ tát. Địa thứ bảy, là một loại Bồ tát và Như lai, nên lập xen làm một địa. Những gì là bảy địa? Đó là:

1. Địa Chủng tánh.
2. Địa Thắng giải hành.
3. Địa ý lạc tịnh thắng.
4. Địa Hành chánh hạnh.
5. Địa Quyết định.
6. Địa hành quyết định.
7. Địa đạt đến cứu cánh.

Trong bảy thứ địa Bồ tát như thế, một thứ sau cùng gọi là địa xen tạp. Đối chiếu với trước: Trụ chủng tánh gọi là địa chủng tánh. Trụ thắng giải hành gọi là địa thắng giải hành. Trụ cực hoan hỷ gọi là địa ý lạc tịnh thắng. Trụ giới tăng thượng, trụ tâm tăng thượng, ba thứ trụ huệ tăng thượng, trụ vô tướng có gia hạnh có công dụng gọi là địa hành chánh hạnh. Trụ vô tướng không gia hạnh không công dụng gọi là địa quyết định. Bồ tát của địa nầy gắn liền trong quyết định thứ ba, nên trụ vô ngại giải gọi là địa hành quyết định. Trụ Bồ tát thành mãn tối thượng cùng trụ Như lai gọi là địa đạt đến cứu cánh.

Địa trụ Như lai, trong phẩm kiến lập Phật pháp ở sau, sẽ quảng diễn.

Hỏi: Bồ tát từ nơi địa thắng giải hành, lúc thuận nhập nơi địa ý lạc tịnh thắng, làm thế nào vượt qua các cõi ác… ?

Đáp: Các Bồ tát nầy, nương dựa vào Tĩnh lự thanh tịnh của thế gian, đối với địa thắng giải hành đã khéo tích tập tư lương Bồ đề. Đối với một trăm mười thứ khổ nơi các hữu tình đã nói ở trước, tu tập thương xót, tư

duy trọn vẹn. Do sự tu tập nầy làm nhân duyên, nên ở chỗ các hữu tình với sắc loại kia, đạt được ý lạc thương xót, cùng ý lạc từ bi. Do nhân duyên nầy, vì tạo lợi ích cho các hữu tình nơi cõi ác, nên thệ nguyện ở cõi ác như nhà cửa của mình. Phát khởi lời thệ nguyện:

Ta nếu chỉ trụ nơi xứ sở như thế, mới có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Cũng có thể nhẫn chịu, vì nhằm dứt trừ tất cả khổ của hữu tình, nên nghiệp nơi cõi ác của tất cả hữu tình do ý lạc thanh tịnh, đều nguyện tự thân thay thế họ để nhận lãnh các quả dị thục khổ. Vì nhằm khiến cho tất cả nghiệp ác hoàn toàn hiện hành, hết thảy nghiệp thiện luôn hiện hành, nên tâm phát chánh nguyện.

Bồ tát do tu tập Tĩnh lự thanh tịnh của thế gian như thế, với diệu lực của Bi nguyện, nên các phẩm phiền não với những thô trọng hiện có của tất cả cõi ác, nơi chỗ dựa của chúng đều được trừ diệt. Do có sự đoạn trừ nầy, nên Bồ tát không lâu, sẽ đạt được chuyển y, đối các nghiệp ác hiện có của các cõi ác, hoàn toàn không tạo. Nơi các cõi ác quyết định không đi đến. Đạt đến như thế, Bồ tát được gọi là vượt quá hết thảy cõi ác. Cũng gọi là vượt qua địa thắng giải hành, cũng gọi là nhập nơi địa ý lạc tịnh thắng.

Như nơi phẩm trụ ở trước đã nói về tín… có thể tu trị làm thanh tịnh mười pháp của các trụ. Nay ở đây nên biết, cũng có thể gọi là địa tu trị, làm thanh tịnh.

Mười pháp hiện có an lập như thế, về chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, nghĩa tóm lược theo thứ lớp đều nên nhận biết rõ. Nghĩa là mười thứ pháp của địa tịnh tu kia là chủ thể đối trị. Pháp của đối tượng được đối trị kia nên được an lập. Những gì là mười? Đó là: Tất cả chủng loại hoàn toàn chưa phát tâm, hoàn toàn chưa thọ trì học xứ của Bồ tát. Đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Tín, đối trị của các hữu tình kia, nên an lập nơi Tín.

Đối với các hữu tình có tâm tổn hại, đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Bi, đối trị các hữu tình kia, nên an lập nơi Bi.

Nơi các hữu tình có tâm sân hận, đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Từ, đối trị các hữu tình kia, nên an lập nơi Từ.

Đối với thân mạng, tài sản có chỗ luyến tiếc, đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Xả, đối trị các trường hợp kia, nên an lập nơi Xả.

Đối với các hữu tình mong cầu báo ân, thấy họ theo hạnh tà, tham vướng nơi lợi dưỡng, có nhiều hạnh tác, là pháp thuộc đối tượng được đối trị của không chán mệt, đối trị các trường hợp kia, nên an lập nơi không chán mệt.

Không có gia hạnh của phương tiện thiện xảo là pháp thuộc đối tượng được đối trị của khéo nhận biết Luận. Đối trị trường hợp kia nên an lập nơi khéo nhận biết Luận.

Tánh không nhu hòa, không đối với Tâm kẻ khác tùy thuận chuyển hợp. Đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của khéo nhận biết về tất cả thế gian. Đối trị trường hợp ấy nên an lập nơi khéo nhận biết tất cả thế gian.

Đối với việc tu tập pháp thiện, phóng dật, biếng nhác. Đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Hổ thẹn. Đối trị trường hợp ấy nên an lập nơi Hổ thẹn.

Đối với các khổ lớn của sanh tử trong thời gian dài, hết sức mãnh liệt, không gián đoạn, sanh khiếp nhược sâu xa. Nên biết đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của Tánh lực trì kiên cố. Đối trị các trường hợp kia nên an lập nơi Tánh lực trì kiên cố.

Nơi trụ xứ của bậc đại sư còn do dự nghi hoặc, nên biết đó gọi là pháp thuộc đối tượng được đối trị của sự cúng dường Như-lai. Đối trị trường hợp ấy nên an lập nơi sự cúng dường Như lai.

Như vậy là vừa nói về mười pháp được an lập của chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị. Thế nào lại gọi là nghĩa tóm lược? Tức mười pháp nầy lược hiển bày hai nghĩa:

1. Hiển bày, chỉ rõ về ý lạc thanh tịnh.
2. Hiển bày, chỉ rõ về gia hạnh thanh tịnh.

Nên biết, ba pháp trước là hiển bày chỉ rõ về ý lạc thanh tịnh của Bồ tát. bảy pháp còn lại là hiển bày về gia hạnh thanh tịnh của Bồ tát. mười pháp như vậy, thứ lớp ra sao? Nghĩa là các Bồ tát, đối với đạo quả đại Bồ đề, trước hết là sinh tin tưởng thanh tịnh sâu xa.

Tiếp theo, đối với các loài hữu tình có khổ, phát khởi tâm Bi. Lúc khởi tâm thương xót, thệ nguyện như vầy: Ta nên cứu độ tất cả hữu tình khiến họ đạt được an lạc, từ đấy khởi tâm Từ. Khởi tâm Từ rồi, nên có thể xả bỏ tất cả tài sản, thân mạng, không hề luyến tiếc. Không hề luyến tiếc rồi, tức vì nghĩa ấy nên tinh tấn gia hạnh, không có chán mệt. Do không chán mệt nên khéo nhận biết về các Luận. Khéo nhận biết các Luận, nên như thế gian chuyển hợp, tức nhận biết như vậy.

Nhận biết về thế gian rồi, nếu phiền não nơi chính mình đột nhiên hiện hành thì sanh khởi Hổ thẹn sâu xa. Sanh Hổ thẹn rồi thì không thuận theo phiền não, tự tại mà hành, liền có thể đạt được Tánh lực trì kiên cố. Do chánh thức đạt được Tánh ấy, nên đối với gia hạnh đúng đắn không hề

thối chuyển. Vô lượng pháp thiện nối tiếp tăng trưởng không ngừng, có thể đối với đức Như lai phụng hiến các thứ thượng diệu, cung kính hành cúng dường đúng đắn. Do đó, sau cùng là cúng dường Như lai.

Đấy gọi là thứ lớp tu chứng mười pháp. Nên biết mười thứ pháp thiện như thế, nơi tất cả địa đều có thể tu trị, tạo thanh tịnh.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 4: Hành

Bồ tát khởi đầu từ địa thắng giải hành, cho đến sau cùng là địa đạt đến cứu cánh, ở trong tất cả địa Bồ tát ấy, nên biết lược có bốn loại hành Bồ tát. Đó là:

1. Hành Ba-la-mật-đa.
2. Hành Pháp Bồ-đề-phần.
3. Hành Thần thông.
4. Hành thành thục hữu tình.

Trước nói sáu thứ Ba-la-mật-đa, cùng với phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, Nguyện Ba-la-mật-đa, Lực Ba-la-mật-đa, Trí Ba-la-mật đa, mười thứ Ba la mật đa như thế gọi chung là Hành Ba-la-mật-đa.

Như trước đã nói về mười hai Hành tướng nơi phương tiện thiện xảo. Nên biết đó gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa.

Như trước đã nói về năm thứ đại nguyện. Nên biết đó gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa.

Gia hạnh thanh tịnh hiện có nơi mười Lực. Nên biết đó gọi là Lực Ba-la-mật-đa.

Trí vi diệu thanh tịnh, đối với tất cả các pháp an lập nơi như thật.

Nên biết đó gọi là Trí Ba-la-mật-đa.

Nay ở đây, có thể chọn lấy Huệ thanh tịnh không phân biệt chuyển theo thắng nghĩa. Nên biết đó gọi là Huệ Ba-la-mật-đa.

Có thể chọn lấy Trí diệu thanh tịnh có phân biệt chuyển theo thế tục. Nên biết đó gọi là Trí Ba-la-mật-đa. Đấy là chỗ sai biệt của hai thứ.

Lại có môn khác. nghĩa là vô lượng trí, nên biết đó gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa.

Mong cầu Tánh của Trí càng về sau càng thù thắng, nên biết đó gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa.

Hết thảy ma oán không thể hủy hoại tánh đạo, nên biết đó gọi là Lực Ba-la-mật-đa.

Nhận biết rõ đúng như thật về tánh nơi cảnh của đối tượng nhận thức, nên biết đó gọi là Trí Ba-la-mật-đa.

Tất cả ba mươi bảy thứ pháp Bồ đề phần hiện có như bốn niệm trụ… bốn thứ Tầm Tư, bốn Trí như thật, đều như trước đã nói, gọi chung là Hành pháp Bồ đề phần của Bồ tát.

Như trong phẩm uy lực ở trước đã nêu bày về Bồ tát hiện có sáu thứ thần thông. Đó gọi là Hành thần thông của Bồ tát.

Như trước đã nói về hai thứ vô lượng:

1. Vô lượng về cảnh giới được điều phục.
2. Vô lượng về phương tiện giới điều phục.

Và như trong phẩm Thành thục đã nói, thành thục tất cả hữu tình.

Gọi chung là Hành thành thục hữu tình của Bồ tát.

Bốn thứ diệu Hành của Bồ tát như thế, nên biết là thâu tóm khắp hết thảy hành thiện nơi đối tượng hành hóa của Bồ tát.

Ở đây nên biết, mười pháp như Thí… trải qua ba A-tăng-kỳ đại kiếp, tu tập trong thời gian dài mới chứng đắc viên mãn, nên tự tánh thanh tịnh, Thể thù thắng, vượt quá thiện căn của hành Nhị Thừa nơi tất cả thế gian, thâu nhận quả Bồ đề tối thắng. Mười pháp như vậy, trải qua thời gian hết sức lâu dài mới có thể viên chứng. Tự tánh vô cùng thanh tịnh thù thắn, nên có thể đạt được diệu quả Bồ đề tột cùng. Do đó gọi là Ba-la-mật-đa.

Nên biết Ba-la-mật-đa như thế, do ba nhân duyên nên thứ lớp được kiến lập, ba nhân duyên ấy là:

1. Do đối trị.
2. Do sanh khởi.
3. Do Quả dị thục.

- Thế nào là Ba-la-mật-đa như thế, do đối trị nên thứ lớp được kiến lập?

Nghĩa là hành ác tham lam keo kiệt, đối với các hữu tình oán kết, bức não, biếng nhác, tán loạn, ám độn, ngu si, sáu pháp như thế có thể gây chướng ngại cho đạo Bồ đề. Sáu pháp như Thí … có thể đối trị chúng. Như chỗ ứng hợp, kiến lập sáu thứ Ba-la-mật-đa. Nên biết các Ba-la-mật-đa còn gọi là tức thuộc về đây. Như vậy gọi là do đối trị nên thứ lớp được kiến lập.

- Thế nào là Ba-la-mật-đa như thế, do sanh khởi nên thứ lớp được kiến lập?

Nghĩa là các Bồ tát, trước hết đối với tài sản, địa vị không còn luyến tiếc, bỏ các dục của gia đình, thọ Thi-la thanh tịnh. kính trọng Giới nên có thể nhẫn đối với mọi não hại của kẻ khác, không gây não hại cho họ. Thọ trì tịnh giới, tu tập nhẫn nhục rồi, giới tịnh không động, không gián đoạn, đối với các phẩm thiện siêng năng tu gia hạnh. Tu tập siêng năng tinh tấn như vậy, nên lìa các phóng dật, có thể tiếp cận diệu thiện, tâm tánh một cảnh, tâm đạt được định, nên có thể nhận biết rõ như thật, quán thấy tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức. Nên biết đó gọi là do sanh khởi nên thứ lớp được kiến lập.

- Thế nào là Ba-la-mật-đa như thế, do quả dị thục nên thứ lớp được kiến lập?

Nghĩa là các Bồ tát ở trong hiện pháp tinh tấn tu học các pháp thiện như Thí… Do nhân duyên ấy, nên nơi đời vị lai đạt được vô số của cải châu báu bên ngoài, không là không đầy đủ. Nên biết, đó gọi là lực nhân của Thí Ba la mật đa tạo nên. Đạt được năm tự thể viên mãn bên trong là do lực nhân của các Ba-la-mật-đa còn lại như giới tạo nên.

- Thế nào là năm tự thể viên mãn bên trong?

Nghĩa là cõi thiện gồm thâu hoặc trời hoặc người. Đối với các hữu tình khác có thọ mạng… thù thắng. Nên biết đó gọi là viên mãn thứ nhất.

Hoặc có câu sanh, đối với gia hạnh thiện thường không chán mệt. Có thể nhẫn nhục nơi mọi xúc não của kẻ khác, mà không gây xúc não cho họ. Nên biết đó gọi là viên mãn thứ hai.

Hoặc có câu sanh, đối khắp tất cả sự nghiệp được tạo tác luôn kiên cố dũng mãnh. Nên biết đó gọi là viên mãn thứ ba.

Hoặc có câu sanh, tánh Bạc trần cấu uế, nơi tự tâm kia có thể tự tại chuyển hợp. Tâm có khả năng đối khắp tất cả nghĩa mau chứng thông huệ. Nên biết đó gọi là viên mãn thứ tư.

Hoặc có câu sanh, nơi tất cả nghĩa, Huệ ấy luôn rộng lớn, nhanh nhẹn, thông sáng. Nên biết đó gọi là viên mãn thứ năm.

Đó gọi là quả dị thục nên thứ lớp Ba-la-mật-đa được kiến lập. Sáu thứ Ba-la-mật-đa, thứ lớp được kiến lập như vậy, do bốn thứ Ba-la-mật- đa trước, là tự tánh của tư lương, giữ gìn quyến thuộc, nên biết là tu học Giới tăng thượng của các Bồ tát viên mãn. Do Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nên biết là tu học Tâm tăng thượng của các Bồ tát viên mãn. Do Bát nhã Ba la mật đa, nên biết là tu học Huệ tăng thượng của các Bồ tát viên mãn.

Vượt quá ba thứ trên, tức không có Bồ tát học đạo có thể đạt được. Vì thế ba thứ ấy thâu tóm khắp đạo học của tất cả Bồ tát. do đấy nên kiến

lập Ba-la-mật-đa chỉ có sáu thứ. Trừ chúng ra thì không gì có thể vượt hơn hay tăng thêm.

Lại, các Bồ tát lược có bốn thứ sự việc nên làm, do đấy thâu tóm khắp mọi sự tạo tác. Những gì là bốn? Đó là:

1. Vì nhằm chứng đắc Bồ đề, nên tu tập các hành thiện.
2. Do sự tu tập ấy làm đầu, nên đạt được nghĩa chân thật.
3. Chứng đắc đầy đủ về uy lực.
4. Thành thục hữu tình.

Bốn thứ hành tác của Bồ tát như thế, nên biết là bốn hành đã đạt được nêu bày ở trước, theo như thứ lớp về sự tạo tác đã lập. Vì thế vượt quá đấy thì không kiến lập các hành khác.

Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 5/1: Kiến Lập

Dựa nơi Trụ Như lai, cũng dựa nơi địa Như lai đạt đến cứu cánh, chư Phật Thế Tôn có một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng gồm:

- 32 Tướng đại trượng phu của Như lai.
- 80 Vẻ đẹp kèm theo.
- 4 Nhất thiết chủng thanh tịnh.
- 10 Lực.
- 4 Vô sở úy.
- 3 Niệm trụ.
- 3 thứ không phải giữ gìn (bất hộ).
- Đại Bi, pháp không quên mất.
- Tập khí vĩnh viễn dứt trừ.
- Nhất thiết chủng diệu trí.
- Thế nào là ba mươi hai thứ tướng đại trượng phu của Như lai?
- Thế nào là tám mươi vẻ đẹp kèm theo (tùy hảo) của Như lai? Như nơi các kinh đã nêu bày đầy đủ.

Các tướng như vậy cùng với các vẻ đẹp kèm theo, nếu các Bồ tát khởi đầu lúc nhập nơi địa ý lạc tịnh thắng, đã được dị thục. Từ đấy trở lên, các tướng tùy hảo lần lượt đạt được thanh tịnh thù thắng. Nên biết cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ đề mới chính thức chứng đắc bốn pháp Phật bất cộng hiện có còn lại, như Nhất thiết chủng diệu thanh tịnh…, viên mãn thiện tịnh.

Nếu là hạnh thấp kém, thì trước khi là Bồ tát cũng đã thành tựu. Khởi đầu từ địa ý lạc tịnh thắng, hết thảy tư lương về Bồ đề hiện có không sai biệt, nên có thể chiêu cảm tất cả tướng cùng các tùy hảo.

Lại, hết thảy tư lương của Bồ đề nầy lược có hai loại. Nghĩa là các Bồ đề hoặc xa hoặc gần. Ở đây, xa nghĩa là lúc chưa đạt được quả dị thục của các tướng, tùy hảo. Gọi là gần: Tức lúc đầu tiên đạt được quả dị thục của các tướng tùy hảo. Hoặc từ trên đây lần lượt đạt được thanh tịnh thù thắng.

Lại, đức Bạc-già-phạm, do diệu lực hóa độ, vì chúng sanh nêu giảng tạo vô số hành nghiệp, chiêu cảm được quả của tướng tùy hảo như thế. Vì sao? Vì các hữu tình được hóa độ, đối với vô số các nghiệp ác hiện hành sanh ưa thích sâu xa. Như vậy, vô số nghiệp ác hiện hành là đối tượng được đối trị. Vô số nghiệp thiện chiêu cảm tướng tùy hảo là chủ thể đối trị. Các hữu tình kia nghe vô số quả lớn thù thắng với những lợi lạc hơn hẳn như vậy, nên đối với quả lớn có nhiều lợi lạc thù thắng như thế, sanh yêu thích sâu xa. Do nhân duyên nầy, sẽ lìa cá thứ ác, sẽ tu các pháp thiện. Thế nên, trong kinh đã nói rộng về các tướng ấy. Nghĩa là các Bồ tát, ở trong giới cấm, Nhẫn cùng Huệ xả, đã khéo an trụ, nên chiêu cảm được tướng khéo an trụ dưới bàn chân. Đối với cha mẹ hành vô số cúng dường. Đối với các thứ khổ não của những hữu tình, luôn hành vô số cứu giúp. Do hành nghiệp động chuyển như tới lui… nên chiêu cảm được tướng bánh xe có ngàn căm dưới bàn chân.

Đối với các hữu tình khác, xa lìa tâm tổn hại cùng không cho mà lấy. Nơi các bậc tôn trưởng luôn nói lời vấn an, cung kính lễ bái, chấp tay nghinh đón, tu nghiệp hòa kính, cùng có thể tự điều phục kiêu mạn, nên chiêu cảm được tướng đại trượng phu là ngón tay thon dài. Tức trên vừa nói về hành nghiệp chiêu cảm ba tướng, có thể chiêu cảm được chung về tướng gót chân, mu bàn chân dài, là chỗ dựa của ba tướng trước.

Do bốn Nhiếp sự tiếp nhận các bậc tôn trưởng, vì thế chiêu cảm được tướng tay chân có màng nối kết. Do phụng thí các bậc tôn trưởng y phục, hương xoa thân, vật dụng để tắm gội, vì thế chiêu cảm được tướng tay chân mềm mại.

Tu các pháp thiện không sanh biết đủ, khiến các pháp thiện lần lượt tăng trưởng, do đấy chiêu cảm được tướng khi đứng tay chạm đến đầu gối.

Tự mình đối với các chánh pháp thâu nhận đúng như thật khiến đạt được cứu cánh, rộng vì kẻ khác thuyết giảng, cùng vì họ khéo làm người thừa hành, vì thế chiêu cảm được tướng bắp chân như lộc vương. Đối với

chánh pháp lần lượt được hiển bày, liên tục tìm cầu. Với vô số nghiệp ác nơi thân ngữ ý đều có thể dứt bỏ. Đối với người đau ốm luôn tận tình chăm sóc cung cấp thuốc thang. Ăn uống luôn nhận biết lượng. Ở trong các dục từng không hèn kém. Do đó chiêu cảm được tướng thân không cong vạy. Đối với các hữu tình bị kẻ khác xua đuổi, không nơi nương dựa, dùng chánh pháp, dùng từ bi để thâu nhận. Tu tập hổ thẹn, bố thí y phục cho kẻ khác. Vì thế chiêu cảm được tướng nam căn ẩn kín…

Nên biết ba mươi hai thứ tướng đại trượng phu, tám mươi thứ tùy hảo như vậy, Bồ tát nếu ở trong địa chủng tánh thì chỉ có chủng tử dựa nơi thân mà trụ. Nếu Bồ tát ở tại địa thắng giải hành, khởi đầu tu tập có thể đạt được phương tiện. Bồ tát nếu ở trong địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh mới gọi là đạt được.

Bồ tát nếu ở nơi các địa trên còn lại, tướng hảo như thế là chuyển thắng thanh tịnh (càng ở địa trên thì càng thanh tịnh hơn). Nếu ở tại địa Như lai đạt đến cứu cánh, nên biết là tướng hảo thiện tịnh vô thượng.

Các tướng như thế là có sắc, nên các loài hữu tình thuộc phẩm hạ trung thượng đều dễ nhận biết rõ. Tuy có tất cả pháp Phật bất cộng, nhưng đều được gọi là Tướng đại trượng phu. Chỉ lập các thứ ấy làm tướng đại trượng phu.

Lại, tức ba mươi hai thứ tướng đại trượng phu như thế, do tánh của chỗ nương dựa nên có thể nhận giữ. Do hết sức thù diệu khiến đoan nghiêm, nên gọi là tùy hảo.

Lại, ở đây, nói tóm tắt: Lượng phước tích tụ của tất cả hữu tình với từng ấy phước tụ, có thể chiêu cảm nơi một lỗ chân lông của đức Như lai. Cho đến phước tụ tùy nhập nơi tất cả lỗ chân lông hiện có, với từng ấy phước tụ tùy nhập nơi tất cả tùy hảo hiện có tăng tới trăm lần, với từng ấy phước tụ có thể chiêu cảm được một tướng trong các tướng Như lai. Cho đến phước tụ tùy nhập nơi tất cả các tướng hiện có, trừ phần ô- sắt-nị-sa của tướng Bạch hào, tăng tới ngàn lần, với từng ấy phước tụ có thể chiêu cảm tướng Bạch hào my gian (lông mày) của Như lai. Cho đến phước tụ tùy nhập nơi Bạch hào tăng tới trăm ngàn lần, với từng ấy phước tụ có thể chiêu cảm tướng vô kiến đảnh, hiện ô-sắt-nị-sa phần nơi đảnh đầu của đức Như lai. Cho đến phước tụ tùy nhập nơi Bạch hào, tăng tới câu chi trăm ngàn lần, với từng ấy phước tụ có thể chiêu cảm các tướng tùy hảo của Như lai, ngoại trừ tướng đại pháp loa. Do "Pháp loa" ấy thuận theo Như lai nhằm phát khởi âm thanh lớn, có thể tuyên thuyết, bảo ban khắp các hữu tình được hóa độ trong vô lượng vô biên các thế giới. Như vậy là vô lượng

phước đức đã tu chứng viên mãn, nên có thể chiêu cảm tự thể vô thượng, không gì sánh, không thể nghĩ bàn, hiển bày khắp tất cả loại đều hết sức viên mãn.

Lại, khả năng chiêu cảm vô lượng nghiệp thiện của các tướng tùy hảo, nên biết lược do ba nhân duyên, vì thế gọi là vô lượng. Nghĩa là trải qua ba vô số đại kiếp, tu tập không gián đoạn mới chứng đắc viên mãn, nên gọi là thời gian vô lượng. Đối với các hữu tình tạo vô lượng lợi ích an lạc, do duyên lực của ý lạc tăng thượng tập thành, nên gọi là ý lạc diệu thiện vô lượng. Vô lượng phẩm loại sai biệt của nghiệp thiện tạo thành, nên gọi là phẩm vô lượng. Do đấy nói chung là vô lượng tư lương phước đức, tu tập viên chứng mới có thể sanh khởi các tướng tùy hảo của Như lai.

- Thế nào là bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh của Như lai? Đó là:

1. Chỗ dựa thanh tịnh của Nhất thiết chủng.
2. Đối tượng duyên thanh tịnh Nhất thiết chủng.
3. Tâm thanh tịnh Nhất thiết chủng.
4. Trí thanh tịnh Nhất thiết chủng.

- Thế nào là chỗ dựa thanh tịnh Nhất thiết chủng?

Nghĩa là tất cả phiền não với phẩm thô trọng cùng các thứ tập khí nơi chỗ dựa của tự thân đều vĩnh viễn diệt trừ trọn vẹn.

Lại, nơi tự thể như chỗ mong cầu của chính mình, trong giữ lấy, an trụ, xả bỏ, luôn tự tại chuyển hợp. Đó gọi là chỗ dựa thanh tịnh Nhất thiết chủng.

- Thế nào là đối tượng duyên thanh tịnh Nhất thiết chủng?

Nghĩa là nơi tất cả đối tượng duyên, với vô số hoặc biến hoặc hoá hoặc hiển hiện, đều tự tại chuyển hợp đó gọi là đối tượng duyên thanh tịnh Nhất thiết chủng.

- Thế nào là tâm thanh tịnh Nhất thiết chủng?

Nghĩa là như trước đã nói, tất cả tâm thô trận đa vĩnh viễn lìa, diệt. Lại, ở trong tâm, hết thảy các loại thiện căn đều được tích tập. Đó gọi là tâm thanh tịnh Nhất thiết chủng.

- Thế nào là trí thanh tịnh Nhất thiết chủng?

Tức như trước đã nói, hết thảy phẩm vô minh thô trọng đều hoàn toàn lìa diệt. Lại, hiện bày khắp trong tất cả cảnh của đối tượng nhận thức, trí không chướng ngại, trí tự tại chuyển hợp. Đó gọi là trí thanh tịnh Nhất thiết chủng.

- Thế nào là mười lực của Như lai? Đó là:

1. Lực trí của xứ, phi xứ.
2. Lực trí của tự nghiệp.
3. Lực trí của tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.
4. Lực trí của căn hơn kém.
5. Lực trí của vô số thắng giải.
6. Lực trí của vô số cảnh giới.
7. Lực trí của hành khắp các cõi.
8. Lực trí của túc trụ tùy niệm.
9. Lực trí về sanh tử.
10. Lực trí về lậu tận.

Mười thứ lực trí của Như lai như vậy, nên biết như nơi kinh thập lực đã nói rộng.

Ở đây nên biết, mọi sự nói năng, thuyết giảng, nêu bày, tất cả là như thật, đều không hư vọng, nên gọi là Như lai.

Quả tịnh, không tịnh, thảy đều bình đẳng, nhân nơi như thật chuyển hợp. Đó gọi là xứ. Cũng gọi là kiến lập. Cũng gọi là nương dựa. Cũng gọi là khởi.

Quả tịnh không tịnh, nhân không bình đẳng, cùng với trên trái nhau, đó gọi là phi xứ.

Trí xa lìa tất cả tăng thượng mạn, gọi là như thật. Hoặc nhất thiết trí, hoặc trí không vướng mắc, hoặc trí thanh tịnh, nên biết đó gọi là trí xa lìa tất cả tăng thượng mạn.

Như vậy, tất cả các câu nói về trí, nên biết như trước nên phẩm bồ đề vô thượng tối cực đã nói.

Thứ tự của số là đứng đầu nên gọi là đệ nhất. Do vô thượng, nên ban cho tất cả Hữu tình hết thảy các loại lợi ích, công năng tương ưng đầy đủ, nên hàng phục thắng vượt tất cả ma oán, với uy lực lớn nên gọi là lực.

Thâu nhận nhân như thật nên chứng đắc viên mãn. Như chỗ mong muốn đều có thể hiện hành, tự tại chuyển hợp, nên gọi là thành tựu Niết bàn tối thượng. Do vô thượng nên gọi là lớn. Tám chi thánh đạo được chứng đắc. Xa lìa hết thảy mọi sợ hãi về tai hoạ, nên gọi là bậc Tiên tôn.

Có thể tự nhận biết rõ, tự chứng đắc, nên gọi là tự nhận biết. Tự chứng đắc rồi, do tâm thương xót, nên rộng vì các Hữu tình mở bày, chỉ rõ, nên gọi là chuyển phạm luân. Vì sao? Nghĩa là các đức Như lai có Tăng ngữ ấy, gọi là Phạm, gọi là Tịch tĩnh, cũng gọi là thanh lương (trong mát), đầu

tiên có thể chuyển. Từ đấy về sau, luôn được nối tiếp, lần lượt như vậy, phạm kia được thúc đẩy vận hành cùng khắp trong tất cả chúng Hữu tình, nên gọi là Phạm luân. Tự hiển bày gắn liền với phần tối thượng, nêu bày về bậc đại sư viên mãn vô thượng, có thể thuyết giảng về đạo vô thượng ấy, đối trị tất cả tà đạo khác. Nơi các dị luận, oán địch của đạo hiện tiền đều không khiếp nhược, vì muốn hàng phục vượt hơn hết thảy luận khác, nhằm tuyên dương luận rộng lớn vô thượng, nên gọi là ở trong đại chúng chính thức gầm lên tiếng sư tử. Tóm lại, nên biết ở đây là hiển phát, biện rõ về pháp bất cộng: Hành tự lợi viên mãn, hành lợi tha viên mãn, hành tự lợi-lợi tha viên mãn.

Lại có môn khác: Về nghĩa tóm lược, tứ chỗ nêu chứng đắc, đã đạt được phương tiện thù thắng. Với phương tiện thù thắng này, nơi tất cả chúng hội, theo chỗ ưa muốn, hoặc trời, hoặc người, hết thảy từ nơi trụ xứ của mình. Đạt được phương tiện thù thắng như bệnh được dứt khỏi, nên biết là hiển bày về tự nhận biết. Đã được xứ an ổn lớn, như phương tiện để dứt trừ bệnh tật kia. Nên biết đây là hiển bày về chuyển Phạm luân, như ngăn chận tất cả thầy thuốc tà vạy. Tự xưng, làm rõ rồi, quyết định có thể trị lành các bệnh, nên biết đây là hiển bày ở trong đại chúng chính thức gầm vang tiếng sư tử.

Như có các nghiệp đã tạo, đã tăng, đã diệt, gọi là quá khứ. Hoặc có các nghiệp, chẳng phải là đã tạo, đã tăng, đã diệt, cũng không phải là đang làm, mà là sẽ làm, gọi là vị lai. Hoặc có các nghiệp chẳng phải là đã tạo, đã tăng, đã diệt, mà là đang tạo tác, đang làm, gọi là hiện tại. Phẩm loại sai biệt của các nghiệp như thế lại có ba thứ: Đó là Thân nghiệp, Ngữ nghiệp, Ý nghiệp. Pháp thọ phân biệt lại có bốn thứ, như trước đã nói rộng. Nghĩa là có pháp thọ đạt được hiện đời an lạc, nhưng đời sau nhận dị thục khổ, cho đến nói rộng.

Lại, các nghiệp này, nơi hiện pháp, vị lai, với gia hạnh có ích, không ích sai biệt, như chỗ ứng hợp, nên biết. Hoặc chỗ tạo nghiệp, dựa nơi phương sở ấy, gọi là Xứ. Hoặc chỗ tạo nghiệp, do số hữu tình, chẳng phải là số hữu tình, là sự việc được nương dựa. Đó gọi là Sự.

Hoặc nghiệp được tạo, do căn thiện hay do căn bất thiện, làm nhân duyên dấy khởi. Đó gọi là Nhân.

Hoặc nghiệp được tạo, chiêu cảm của quả tương ưng đáng yêu thích không đáng yêu thích, lỗi lầm, công đức. Đó gọi là dị thục.

Như thế là lược nói về tất cả thời phần, tất cả phẩm loại, tất cả phần vị gia hạnh sai biệt, tất cả phương sở, tất cả chỗ dựa, tất cả nhân duyên, tất

cả lỗi lầm cùng với công đức. Đối với hết thảy chủng loại sai biệt ấy đều nhận biết rõ đúng như thật, đó gọi là lực Trí thuộc tự nghiệp của Như lai. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Có bốn Tĩnh lự, có tám Giải thoát.

Tức do Tĩnh lự, Giải thoát như thế, nên tâm có thể nhận lãnh, tâm được tự tại, tùy theo sự việc được ưa thích, đều có thể thành tựu đầy đủ.

Hoặc tùy theo các thứ sắc loại sai biệt nơi tướng Tam-ma-địa mà khi nhập tịnh, nên biết, đó gọi là đẳng trì, đẳng chí. Như nói đức thế tôn tùy theo sắc loại nơi tướng Tam-ma-địa ấy mà lúc nhập tịnh, theo như tâm tịnh, ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp hết thảy cõi Phạm thế, với âm thanh vi diệu thuyết pháp, chỉ nghe tiếng nói nhưng đều không thấy, cho đến nói rộng.

Như vậy là đức Như lai, theo chỗ mong muốn, hiển bày chỉ rõ về các sự, nghĩa kia, hoặc cùng với thế gian, hoặc không cùng với thế gian. Tùy theo sắc loại ấy nơi tướng Tam-ma-địa, mà khi nhập định, có thể mau chóng hoàn thành.

Nên biết ở đây, tức do uy lực của Tĩnh lự, Giải thoát, nên tâm được tự tại. Tâm tự tại nên nương dựa nơi tâm, theo sự việc ưa thích, tất cả đều thành tựu đầy đủ.

Ngang với đây gọi là tất cả hành tác của người tu tập Tĩnh lự. Trừ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Đức Như lai đối với tất cả chủng loại được tạo tác của Tĩnh lự nầy, đều nhận biết đúng như thật, vì thề chỉ nói Tĩnh lự, Giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.

Lại, nếu lược nói về Tĩnh lự này, cùng có hai tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm gây chướng ngại nơi việc đạt được đều chưa đạt được. Nghĩa là không có gia hạnh của phương tiện thiện xảo cũng do các thứ ngăn che hiện hành từng loại.

2. Tạp nhiễm của tự địa trong việc đã đạt được chỗ nên đạt. Nghĩa là phiền não trói buộc cùng do Tùy miên.

Như vậy, thanh tịnh lại có bốn thứ, cùng với trên trái nhau, nên biết về tướng.

Lại, tức các Tĩnh lự như thế cùng vô số dẫn phát giả lập về danh tự, tùy theo sắc loại, an lập ứng hợp. Đó gọi là kiến lập.

Lại, tức các tĩnh lự như thế, cùng chứng đắc đầy đủ rồi, sau lại thắng tiến, tu tập viên mãn, đạt được theo chỗ mong muốn, không khó khăn, không trở ngại. Đó gọi là Thanh tịnh.

Đức Như lai, đối với như chỗ chưa đạt được, như chỗ đã đạt được ấy, ở trong chỗ đạt được, hoặc hơn hoặc kém, hoặc là giả danh, hoặc là biên vực tăng tiến hiện có, tất cả như vậy đều nhận biết đúng như thật, nên nói Như lai đối khắp tất cả Tĩnh lự, Giải thoát, đẳng trí, đẳng chí, đạt được Trí vô thượng.

Như chỗ đã thành thục, tu chứng viên mãn. Năm căn như Tín v.v... thành hạ trung thượng. Nên biết đó gọi là các căn hơn kém. Hoặc tin tưởng theo kẻ khác, lấy đó làm đầu. Hoặc quán các pháp, lấy đó là trước tiên, thành sự yêu thích có hạ, trung, thượng tức hiểu rõ, nên biết đó gọi là vô số thắng giải.

Nếu kiến lập rộng về vô số chủng tánh, hoặc chủng tánh hiện có của các Thanh văn, hoặc chủng tánh hiện có của độc giác, hoặc chủng tánh hiện có của các Như lai. Hoặc có vô số chủng tánh bất định. Hoặc đạo lý của Hành sai biệt như tham v.v..., cho đến tám mươi ngàn hành của Hữu tình, nên biết ở đây gọi là vô số cảnh giới. Hoặc tức các môn hướng nhập như thế, tùy thuận chánh hành. Như kẻ hành tham, tu tập quán bất tịnh, như nơi địa Thanh văn đã nêu rộng. Nên biết các loại ấy gọi là hành khắp các cõi. Lại có môn khác: Hành hướng đến tất cả năm cõi, nên biết những thứ ấy gọi là hành khắp các cõi.

Lại có môn khác: Nghĩa là dựa nơi vô số nhóm loại sai biệt, lại cùng mâu thuẫn với các thứ dị kiến, dị thục, tranh luận, cùng chống đối nhau. Lác loại ngoại đạo tức các hành hiện có của Sa-môn hoặc các Bà- la-môn, hoặc hết thảy phẩm loại sai biệt khác. Các hành hướng tới đời nầy đới khác, không tội. Nên biết những thứ ấy là hành khắp các cõi. Như nơi kinh Ca-la-ma đã nói rộng.

Hoặc ở trong vô số chúng hữu tình. Nghĩa là nơi phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, đủ loại danh dự giả nêu, an lập với phẩm loại sai biệt, trước tiên là theo tự thể hiện có của quá khứ. Trong tám loại câu ngôn thuyết sai biệt, tùy niệm sáu loại tóm lược về hành của đối tượng hành, có vô lượng loại Túc trụ tùy niệm.

Những gì gọi là tám câu ngôn thuyết? Đó là:

1. Tên gọi như vậy.
2. Sanh loại như vậy.
3. Chủng tánh như vậy.
4. Ăn uống như vậy.
5. Lãnh nhận khổ vui sai biệt như vậy.

6. Trường thọ như vậy.

7. Trụ lâu như vậy.

8. Biên vực của thọ lượng hiện có như vậy.

Những gì gọi là sáu thứ hành tóm lược tùy theo câu ngôn thuyết? Đó là:

1. Nêu gọi về giả danh.

2. Sắc loại sai biệt như Sát-đế-lợi …

3. Cha mẹ sai biệt.

4. Phương thứ ăn uống.

5. Hưng thịnh, suy tổn.

6. Thọ lượng sai biệt.

Do các thế gian dựa nương vào tám câu ngôn thuyết như thế, mà có sáu thứ hành tóm lược.

Đối với mình, đối với người, dấy khởi ngôn thuyết. Đây là tên ta, đây là tên người kia. Ta là Sát-đế-lợi, người kia là Sát-đế-lợi. Ta là Bà- la-môn, Phệ-xá, Thú-đạt-la, người kia là Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đạt- la. Đây là mẹ ta, đây là mẹ kẻ kia. Như nói về mẹ, cha cũng như thế. Ta ăn uống các sắc loại như thế. Đó là: Lạc, sữa, cơm cháo … Kẻ kia ăn uống các sắc loại như thế, cho đến nói rộng. Ta có sắc loại hưng suy sai biệt như thế mà chuyển hợp. Kẻ kia có sắc loại tuổi tác như thế. Đó là: hoặc còn trẻ, hoặc trung niên, hoặc già. Kẻ kia trụ với sắc loại tuổi tác như thế, cho đến nói rộng.

Chỉ có từng ấy là sáu thứ hành tóm lược trong tám loại câu ngôn thuyết sai biệt, trước tiên là theo Tự thể hiện có của quá khứ. Vượt quá số lượng ấy thì không có câu ngôn thuyết khác cùng hành tóm lược. Vì thế, chỉ ở nơi phẩm loại như vậy phát khởi tùy niệm, lai không có tăng thêm. Tức ở trong ấy, hoặc những hành tướng hiện có của ngôn, thuyết, hành. Hoặc những nêu bày hiện có của câu ngôn thuyết. Cùng tức ở đây thuận khởi nhớ nghĩ. Do đó, nói ngôn thuyết và tướng đều có thể tùy niệm.

Ở đây, Tĩnh lự gọi là Thiện trụ nhãn. Dựa vào nơi Tĩnh lự ấy nên là quả của Tĩnh lự ấy. Tĩnh lự ấy thâu nhận, nên gọi là Thiên nhãn. Là quả của Tĩnh lự viên mãn tột cùng, là khéo thanh tịnh nên gọi là rất thanh tịnh. ở nơi loài người, với danh tự hiện có đều không giống nhau, vì thế nên gọi là vượt quá loài người, nơi các trời thuộc dục giới, cũng có sinh đắc, gọi là tương tợ chuyển hợp. Thiên nhãn thanh tịnh trong cõi người cũng không. Các loài hữu tình, khi sắp qua đời, gọi là lúc chết, trụ lại Trung hữu gọi là lúc sanh.

Kẻ hướng tới nẻo tối tăm: do hai thứ tướng dấy khởi loạn như thế, ý sanh trung hữu, như màu đen của loài dê đen cùng bóng đêm tối mịt, nên gọi là sắc xấu.

Kẻ hướng tới nẻo sáng tỏ: do hai thứ tướng dấy khởi loạn như thế, ý sanh trung hữu, như đêm có ánh sáng cùng như loại áo trắng tinh của xứ Ba-la-nệ-tư, nên gọi là sắc đẹp.

Các thứ sắc xấu gọi lá kém. Các thứ sắc đẹp gọi là diệu.

Các thứ thấp kém, gọi là đi đến nẻo ác. Các thứ thắng diệu gọi là đi đến nẻo thiện.

Hủy hoại giới hiện có cùng dấy khởi điều ấy, gọi là gây tạo ba thứ hành ác của thân ngữ ý.

Có hai tà kiến:

1. Tà kiến do hủy hoại kiến tạo thành, phỉ báng tất cả cùng trụ nơi ý ấy.

2. Tà kiến do phẩm loại dị biệt tạo thành, phỉ báng thánh hiền.

Như vậy đều gọi là kẻ hủy báng Hiền thánh. Do tà kiến nên chấp trước nơi nhân tà cùng với quả tà, theo đấy làm duyên tạo tác nghiệp tà. Vì tạo nghiệp tà, nên mọi pháp thọ nhận hiện có, hoặc hiện thọ vui, nơi đời vị lai thọ dị thục khổ. Hoặc hiện thọ khổ, nơi đời vị lai cũng thọ dị thục khổ. Do vậy lại nói, khởi các tà kiến, theo pháp thọ nhân của nghiệp, kẻ kia tuy thành tựu vô số pháp thiện hiện có như vậy, nhưng chỉ do đấy nên đi đến nẻo ác. Thế nên nói, do nhân duyên nầy, hai thứ danh, sắc lại cùng trái lìa, gọi là Thân hoại. Trong tất cả trường hợp chết, người chết như vậy là rất thấp kém, nên gọi là "cực tử".

Vì nhằm khai thị tưởng về địa ngục, vì vậy nói đọa nơi nẻo hiểm ác.

Vì nhằm khai thị sự thể của tự tánh, vì vậy cần nói về địa ngục do hành phi pháp, hành không bình đẳng nên sanh đến cõi ấy, gọi là hiểm ác. Ở trong cõi ấy, tiếp xúc với các khổ trong thời gian dài, thọ nhận vô số khổ não mãnh liệt, không gián đoạn, thường xuyên xuất hiện, nên gọi là cõi ác, là rơi vào phần thấp, là hầm sâu, lớn, là khó cứu vớt, là thật đáng thương xót, là hết sức hèn kém. Gọi là đọa.

Do có thể phát khởi sự chán lìa thuộc phẩm thượng, vì thế chỉ nói đọa nơi địa ngục. Nên biết ở đây, hoặc do đời nầy, nếu được sanh rồi, thọ các khổ não. Hoặc thọ khổ rồi, lại khởi tự nghiệp còn lại, tạo tác vô số các khổ. Hết thảy các loại như thế đều do các tưởng ấy hiển bày chỉ rõ.

Cùng với trên trái nhau, theo chỗ ứng hợp với tất cả phẩm bạch, đều

nên nhận biết rõ.

Có sai biệt: Hành thiện làm đầu nơi các cõi hiện có gọi là cõi thiện,. Thọ nhận an lạc tột cùng nên gọi là thế giới an lạc.

Hết thảy các lậu, các Tùy miên hiện có đều vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, đạt được Tâm vô lậu thù thắng, Huệ vô lậu thù thắng, có thể đối trị, là thuộc về Tâm tăng thượng tối thắng, Huệ tăng thượng tối thắng. Do lậu đã dứt hết, nên gọi là Tâm Huệ vô lậu, giải thoát. Tức hai thứ Tâm Huệ giải thoát nầy, nơi hữu sau cùng gọi là Nội chứng.

Thần thông thừ sáu, do dựa nơi kiến đạo cùng dựa nơi Tu đạo là sự chứng đắc bên trong. Đã tự chứng rồi, nhận biết rõ dúng như thật, theo chỗ mong muốn, có thể vì kẻ khác giảng nói. Vì thế gọi là ở trong hiện pháp, tự chứng thông huệ đầy đủ. Mở bày giác ngộ với các câu sai biệt như: Sự sanh của Ta đã hết… nơi rộng như nơi phần "Nhiếp dị môn" ở sau, nên biết về tướng.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 50

Phần Bản Địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 3: Trì Xứ Du Già Cứu Cánh Phẩm 5/2: Kiến Lập

Như thế là đã giải thích riêng về mười lực của Phật, nay sẽ biện biệt chung. Tụng nêu:

Tự tánh cùng phân biệt
Bất cộng cũng bình đẳng
Tạo nghiệp cùng thứ lớp
Sai biệt là sau cùng.

Như vậy là nói về mười lực của Như lai:

- Tự tánh hiện có phải nên nhận biết rõ.
- Phân biệt hiện có phải nên nhận biết rõ.
- Bất cộng hiện có phải nên nhận biết rõ.
- Tạo nghiệp hiện có phải nên nhận biết rõ.
- Thứ lớp hiện có phải nên nhận biết rõ.
- Sai biệt hiện có phải nên nhận biết rõ.

Do bảy tướng ấy, nên biết là tóm lược về nghĩa nơi mười lực của Như lai.

- Thế nào là tự tánh nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là gồm có năm căn là Tự tánh. Do mười huệ hơn hẳn nên lại nói huệ là tự tánh của mười lực. Vì thế chỉ nói Trí lực xứ phi xứ, không nói Tín lực, không nói các lực khác. Như Trí lực xứ phi xứ, các lực khác nên biết cũng thế. Đó gọi là tự tánh nơi mười lực của Như lai.

- Thế nào là phân biệt nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là nếu lược nói do ba thứ phân biệt, nên biết là vô lượng.

1. Do thời phần phân biệt:

Tức gắn liền với ba đời quá khứ hiện tại vị lai, tất cả đối tượng nhận thứ đều tùy thuận ngộ nhập.

2. Do phẩm loại phân biệt:

Nghĩa là nơi mỗi mỗi các sự Hữu vi, hết thảy hành tướng của tự tướng cộng tướng đều tùy thuận ngộ nhập.

3. Do tương tục phân biệt:

Tức đối với tất cả hữu tình giới trong mười phương, hết thảy sự tương tục, hết thảy sự nghĩa, mỗi mỗi đều sai biệt, nên tuỳ thuận ngộ nhập.

Do ba thứ như thế phân biệt về mười lực của Như lai, nên biết là vô lượng. Đó gọi là phân biệt nơi mười lực của Như lai?

- Thế nào là Bất cộng nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là chỉ đức Như lai mới có mười lực nầy, không chung (Bất cộng) với tất cả hàng thanh văn, độc giác. Đó gọi là Bất cộng nơi mười lực của Như lai.

- Thế nào là Bình đẳng nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là mười lực nầy, tất cả Như lai thảy đều bình đẳng, thành tựu đầy đủ, nên gọi là bình đẳng không có sai biệt. Nếu căn cứ theo chỗ an trụ nhiều của các Như lai thì mười lực của Như lai như thế lần lượt có sai biệt. Nghĩa là, đức Như lai nầy trụ nhiều nơi lực nầy. Các đức Như lai khác lại trụ nơi lực khác. Đó gọi là Bình đẳng nơi mười lực của Như lai.

- Thế nào là Tạo nghiệp nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là lực trí xứ phi xứ hiện có của Như lai, ở trong các Nhân nhận biết đúng như thật về nhân. Ở trong các quả, nhận biết đúng như thật về quả. Cùng có thể hàng phục vô số tranh luận nơi tất cả Sa môn, Bà la môn về không nhận, nhân ác.

Lực trí Tự nghiệp hiện có của Như lai, nơi chỗ tạo nghiệp thọ dụng quả của chính mình đều nhận biết rõ như thật. Cùng có thể hàng phục vô số Tranh luận nơi tất cả Sa-môn, Bà-la-môn về thí, phước dời chuyển.

Lực trí Tĩnh lự giải thoát, đẳng trì đẳng chí hiện có của Như-lai, có thể hiện ba thứ thần biến, để giáo hoá, trao truyền thuận hợp các hữu tình được hoá độ. Cùng có thể hàng phục, khiến an trụ đối với vô số tranh luận nơi tất cả Sa môn Bà-la-môn về mâu thuẫn, phẩm khác, oán hại. Lực trí về căn hơn kém hiện có của Như lai, đối với các hữu tình, căn tánh thuộc phẩm hạ trung thượng bội phần sai biệt, đều nhận biết rõ đúng như thật, cùng có thể, theo chỗ ứng hợp, vì học thuyết giảng chánh pháp.

Lực trí vố số thắng giải hiện có của Như lai, đối với các hữu tình thuộc hạ trung thượng, cùng thắng giải tịnh, bất tịnh sai biệt, đều nhận biết rõ đúng như thật. Thắng giải Tịnh thì khiến tăng thượng dần. Thắng giải

bất tịnh thì khiến lìa bỏ dần.

Lực trí về vô số cảnh giới hiện có của Như lai, đối với các hữu tình nơi các cõi kém, vừa, diệu, bội phần sai biệt, đều nhận biết rõ đúng như thật. Đối với các hữu tình, có thể như căn tánh của họ, như ý lạc của họ, như tùy miên của họ, dựa nơi các thứ ấy hướng nhập trong môn, chỉ dạy trao truyền thuận hợp, an lập thích ứng.

Ở đây, đức Như lai vì các hàng thanh văn, dựa nơi các thứ ấy hướng nhật trong môn, cùng chỉ dạy trao truyền đúng đắn. Như địa thanh văn, tận cùng tất cả chủng loại, đều tuyên thuyết, hiển phát, biện biệt, nêu đặt, khai thị không gián đoạn.

Thế nào là đức Như lai chỉ dạy trao truyền cho tất cả các chúng Bồ tát mới tạo nghiệp đầu về tứ lương đẳng trì, thâu nhận, an lập, muốn tâm an trụ, khiến tâm được trụ?

Nghĩa là các đức Như lai đối với các chúng Bồ tát không dối trá, luôn cung kính quý trọng việc tạo nghiệp đầu tiên về tư lương đẳng trì, khởi đầu nêu bày việc chỉ dạy, trao truyền thuận hợp, bảo như vầy:

- Này thiện nam! Hãy đến đây! Ông nên ở yên, xa lìa mọi dụng cụ nằm ngồi, riêng một không hai, nơi bên trong tịch tĩnh, tư duy như lý. Cha mẹ của ông đã đặt tên cho ông. Hoặc các thân giáo sư, quỹ phạm sư đã đặt tên cho ông. Tư duy như vầy: Ta nay có phải là lìa tự tánh chân thật của sáu pháp xứ, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc ở giữa hoặc hai bên. Ở trong chỗ có ấy, danh tưởng nêu đặt giả lập như thế, theo ngôn thuyết chuyển hợp chăng?

Ông đã tư duy đúng đắn như thế rồi, nên đối với pháp ấy đều không thủ đắc, chỉ nên nhận biết đúng như thật như vậy. Chỉ nên đối với pháp khách có tưởng về khách chuyển hợp. Này thiện nam! Ông nơi bấy giờ, nếu đối với tên gọi của chính mình, chỉ có tướng về khách, đã sanh đã được. Lại nêu nơi nội tâm tư duy như lý, ở trong mắt của ông hiện có tạo lập tên gọi về mắt, tưởng về mắt, giả nêu đặt về mắt. Tư duy như vầy: Trong mắt nầy của ta, chỉ hai thứ có thể đạt được : Tức là tên gọi của mắt đã được đặt ra, tưởng về mắt, giả nêu đặt về mắt, nên đấy chỉ là sự, trong đó được giả lập nêu đặt về tên gọi, tưởng. Trừ chúng ra thì không có gì vượt hơn hoặc tăng thêm.

Ở trong mắt ấy, mọi nêu đặt, giả lập về mắt, tưởng về mắt, tên gọi của mắt được đặt ra, lại chẳng phải là mắt, ở đây chỉ có sự, được giả lập tên gọi, tưởng về mắt… Nên biết tự tánh cũng không phải là mắt. Vì sao? Vì hẳn phải ở trong ấy xa lìa mọi chỗ tạo lập tên gọi của mắt. Giả nêu đặt về

mắt, ít có mắt nhận biết mà có thể chuyển hợp. Nếu có sự nầy, thì thể là chân thật, hợp với tên gọi đã nêu. Không nên ở trong ấy lại đợi tên gọi của mắt mới Mắt nhận biết như thế mà chuyển hợp. Chỉ nên theo tự tánh, không do nơi lắng nghe, không do phân biệt. Vì chỗ lập danh của mắt chỉ đối với sự ấy có mắt nhận biết chuyển hợp. Nhưng không như thế thì không đợi tên gọi, lời nói, nhận biết chuyển hợp có thể đạt được. Vì thế ở đây chỉ đối với pháp khách mà có tên gọi của mắt, tưởng về mắt, giả nêu đạt về mắt thuộc nơi khách kia.

Ông đã đối với nội nhãn tư duy đúng như lý như thế. Lại đối với tưởng về mắt chỉ có tưởng về khách sẽ sanh sẽ được.

Như đối với mắt, thì đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nói rộng cho đến thấy nghe hiểu biết, đã được, đã cầu, hoặc đã tác ý theo tầm theo tứ. Tóm lại, đối khắp trong tưởng về tất cả các pháp, chỉ có tưởng về khách sẽ sanh sẽ được.

Như vậy, ông ở trong chính thân mình, với tưởng giả hiện có, có thể siêng năng, dứt trừ hết, nơi đạo gia hạnh nên thâu nhận đúng đắn, nói rộng cho đến tưởng giả hiện có trong hết thảy các pháp, có thể siêng năng dứt trừ sạch, nơi đạo gia hạnh nên thâu nhận đúng đắn. Ông do đối với tất cả đối tượng nhận thức, khéo quan sát nhận biết như thế, đối khắp trong tưởng về tất cả các pháp, dấy khởi chỉ là tưởng về khách. Hết thảy tưởng về hý luận hiện có nơi tất cả các pháp thường xuyên từ bỏ, do tâm không tướng, không phân biệt, chỉ giữ lấy nghĩa chuyển hợp. Ở trong sự nầy, nhiều tu tập an trụ. Ông nếu hành trì như vậy, nên dựa nơi diệu trí của Như lai với chủng tánh đẳng trì thanh tịnh, đạt được tâm tánh một cảnh không điên đảo. Như thế là các ông, hoặc ở nơi tác ý tư duy bất tịnh, đối với duyên tánh duyên khởi, hoặc đối với giới sai biệt, hoặc đối với niệm hơi thở, hoặc đối với Tĩnh lự thứ nhất, nói rộng cho đến, hoặc đối với phi tưởng phi phi tưởng xứ, vô lượng Bồ tát với Tĩnh lự, thần thông, đẳng trì, đẳng chí, tác ý tư duy, nơi tác ý ấy chớ nên lìa bỏ. Ông nếu tu tác ý thuận hợp của Bồ tát như thế, lần lượt cho đến sẽ đạt được quả vị chánh đẳng Bồ đề vô thượng, xuất ly rốt ráo, nên biết đó gọi là chánh hành khắp cõi của tất cả Bồ tát.

Như lai quá khứ, cũng vì các chúng Bồ tát mới tạo nghiệp, đã nêu bày đúng đắn về sự chỉ dạy trao truyền như thế. Như lai vị lai cũng vì các chúng Bồ tát mới tạo nghiệp, sẽ nêu bày đúng đắn về sự chỉ dạy trao truyền như vậy. Như lai hiện tại, cũng vì các chúng Bồ tát mới tạo nghiệp, hiện nêu đặt đúng đắn về sự chỉ dạy trao truyền như thế.

Các thanh văn, đối với tác ý nầy, lúc siêng năng tu tập, cũng có thể

mau chóng đạt được thông huệ thù thắng. Hoặc có thể đối với tác ý không điên đảo nầy, thông tỏ đúng như thật, nên có thể đạt được hiện quán các pháp.

Lực trí hành khắp cõi hiện có của Như lai, đối với hành có thể xuất ly, hành không xuất ly nơi tất cả khổ, đều nhận biết đúng như thật, cùng khiến lìa bỏ hành không xuất ly, có thể chính thức trao cho hành có thể xuất ly.

Lực trí túc trụ tùy niệm hiện có của Như lai, đối với các bản sự, bản sanh của đời trước, thường xuyên nhớ nghĩ, vì khiến cho các loài hữu tình được hóa độ, tâm sanh chán lìa, tâm sanh tịnh tín, nên chính thức vì họ tuyên thuyết. Cùng có thể hành phục mọi chấp trước về thường luận nơi tất cả Sa-môn, Bà-la-môn.

Lực trí về tử sanh hiện có của Như lai, đối với các đệ tử đã qua đời, đang trên nẻo thọ sanh, có thể chánh tức thọ lý, cùng có thể hàng phục mọi chấp trước về đoạn luận nơi tất cả Sa-môn, Bà-la-môn.

Lực trí dứt hết các lậu hiện có của Như lai, đối với tự giải thoát không nghi không hoặc, cùng có thể hàng phục tất cả Sa-môn Bà-la- môn đối với A-la-hán khởi tăng thượng mạn.

Đó gọi là Tạo nghiệp nơi mười lực của Như lai.

- Thế nào là Thứ lớp nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là các đức Như lai, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, lúc mới chứng đắc, liền chứng đắc tức thì tất cả mười lực. Chứng đắc tức thì rồi, về sau mới theo thứ lớp hiện tiền. Tức các đức Như lai, khi mới thành phật, trước tiên là khởi Lực trí xứ phi xứ, quan sát ác pháp, kiến lập tất cả nhân quả thuận hợp. Đã quan sát rồi, tiếp theo là khởi lực trí tự nghiệp. Nếu có mong cầu tức đối với quả dị thục thù thắng đáng yêu thích trong Giới đồng phận nơi cõi dục, thì tạo phương tiện vì học thuyết giảng, khiến xa lìa các nghiệp bất thiện, khiến hiện hành các nghiệp thiện hiện có. Tiếp đến là khởi lực trí tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, nếu các hữu tình mong cầu pháp lìa dục thế gian, thì chỉ dạy trao truyền cho họ, khiến hướng tới nẻo lìa dục thế gian, đạt được như thật.

Tiếp nữa là khởi bảy lực còn lại của Như lai. Nếu các hữu tình có mong cầu pháp lìa dục xuất thế gian, thì như chỗ ứng hợp, vì họ thuyết giảng, khiến hướng tới đạo lìa dục xuất thế gian. Nghĩa là ở đây, trước khởi lực trí về căn hơn kém, quán xét đúng như thật về căn trí của người mong cầu lìa dục xuất thế. Thứ đến dấy khởi lực trí về vô số thắng giải, quan sát như thật về ý lạc hiện có nơi căn trí làm đầu kia. Tiếp theo, khởi lực trí về

vô số Giới, quan sát đúng như thật về tùy miên hiện có của ý lạc làm đầu. Nhận biết rõ về căn trí, ý lạc cùng tùy miên rồi, sau đấy khởi lực trí hành khắp cõi, theo chỗ ứng hợp, khiến trong cửa hướng nhập nơi đối tượng duyên đều có thể hướng vào. Tiếp sau là dấy khởi lực trí túc trụ niệm và lực trí tử sanh. Hữu tình kia do chỗ ứng hợp nơi của hướng nhập của đối tượng duyên mà gia hạnh, thâu trụ tâm, tu tập thanh tịnh rồi, nghe nói về trung đạo, khiến xa lài Ta-cát-da-kiến, được xem là căn bản nơi biên chấp thường đoạn. Vì nhằm khiến cho các hữu tình vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, sau đấy khởi lực trí dứt hết các lậu. Nếu có hữu tình có thể nhận giữ, tạo phương tiện tu tập đúng đắn về lực Xa-ma-tha như thế, tuy chưa vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, nhưng do đạt được khiến chúng không hiện hành, nên khởi không tạo tác. Nếu khởi tăng thượng mạn thì khiến lìa bỏ tăng thượng mạn ấy. Đó gọi là một các giải thích về thứ lớp của mười lực.

Lại có cách giải thích khác về thứ lớp của mười lực. Nghĩa là các đức Như lai đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, lúc mới chứng đắc, đầu tiên là phát khởi lực trí xứ phi xứ khiến hiện tiền, đối khắp tất cả pháp duyên sanh, quan sát đạt diệu pháp trụ trí tối thắng, tức dựa nơi diệu pháp trụ trí như thế. Thứ đến khởi lực trí tự nghiệp quán phần tại gia, do các nghiệp ấy có vô số sai biệt, dựa nơi phần tại gia, cả ba thời đã hiện và sẽ tu chứng sai biệt. Quan sát phần tại gia như thế rồi, tiếp theo khởi lực Trí Tĩnh lự Giải thoát. Đẳng trì, đẳng chí, quán phần xuất gia. Nghĩa là ở trong phần xuất gia như thế, vì hữu tình có thể nói về chánh đạo xuất khổ lìa khổ chăng? Hay là không thể? Quán như vậy rồi chính thức nhận biết đều không. Quán xét các thế gian không có người cứu giúp, không có chốn quy y, do đại Bi, nên dùng Phật nhãn quán chiếu đúng như thật về tất cả thế gian. Đã quán chiếu rồi, tiếp sau là khởi lực trí về căn hơn kém, hiện tiền, nhận biết rõ về vô số hữu tình trụ tại thế gian, sanh ở đấy, lớn lên ở đấy, hoặc có kẻ độn căn, hoặc có kẻ trung căn, hoặc có kẻ lợi căn, hiện tiền nhận biết rồi, nên đối với việc thuyết pháp tâm ấy hướng nhập. sau đấy, như trước đã nói, tất cả lực trí còn lại, như lực trí về vô số thắng giải lần lượt hiện bày. Nên biết đó là cách giải thích thứ hai về thứ lớp của mười lực.

Lại có cách giải thích khác về thứ lớp của mười lực.

Nghĩa là các đức Như lai, đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, lúc mới chứng đắc, đầu tiên là phát khởi lực trí xứ phi xứ khiến được hiện tiền, quan sát tất cả pháp giới duyên sanh. Thứ đến khởi lực trí tự nghiệp, tức ở trong pháp duyên sanh như thế, quan sát, giả lập về danh,

tưởng của hữu tình nơi các hữu tình giới. Như thế là hữu tình tự tạo các nghiệp với các sắc loại như vậy. Quan sát đúng như thật về pháp giới, hữu tình giới như thế rồi, tiếp theo là khởi lực trí tĩnh lự giải thoát. Đẳng trì, đẳng chí, tức vì khiến các loài hữu tình như thế giải thoát mọi khổ, nên thị hiện ba loại thần biến thuận hợp mà chỉ dạy, trao truyền. Đã dạy, trao rồi, sau đấy khởi các lực còn lại, thư lớp như trước. Nhận biết về căn… rồi, đối với chánh đạo khiến hướng nhập. Sau đấy, tạo phương tiện khiến các hữu tình kia giải thoát các khổ. Đó là cách giải thích thứ ba về thứ lớp của mười lực.

- Thế nào là sai biệt nơi mười lực của Như lai?

Nghĩa là mười lực nầy lần lượt cùng đối chiếu, cũng có sai biệt, cũng không có sai biệt.

Lực trí xứ phi xứ so với lực trí tự nghiệp có sai biệt là gì?

Nếu nhận biết rõ đúng về nghiệp thiện, bất thiện, có thể chiêu cảm quả đáng yêu thích không đáng yêu thích hiện có. Nên biết đây là do Lực trí xứ phi xứ. Nếu nhận biết rõ đúng về các hữu tình có thể tạo nghiệp thiện, bất thiện, tức họ có thể nhận quả yêu thích, không yêu thích, mà không phải là thứ khác. Nên biết đây là do lực trí tự nghiệp.

Hoặc nhận biết rõ đúng về các hữu tình có thể tu tập tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tức họ có thể nhập các định như tĩnh lự, mà không phải là thứ khác. Nên biết đây là do lực trí tự nghiệp.

Hoặc nhận biết rõ đúng, tức dựa nơi các định như tĩnh lự… như thế, hiện ba thứ thần biến thuận hợp để chỉ dạy trao truyền cho các hữu tình được hoá độ. Nên biết đây là do lự trí tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.

Hoặc chánh thức soi chiếu giữ lấy Tâm câu sanh tương ưng như tín…, nên biết đây là do lực trí tĩnh lự giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.

Hoặc phân biệt đúng đắn, tức các hữu tình kia với các căn thuộc phẩm hạ trung thượng có vô số sai biệt, nên biết đây là do lực trí về căn hơn kém.

Hoặc chánh thức soi chiếu về vô số ý lạc trong các thứ pháp kia giữ lấy các căn làm đầu, nên biết đây là do lực trí về căn hơn kém.

Hoặc phân biệt đúng đắn, tức ý lạc kia có vô số sai biệt, nên biết đây là do lực trí về vô số thắng giải. Tức ý lạc ấy, nên biết phân biệt lược có sáu thứ:

1. Ý lạc không xuất ly: Nghĩa là ý lạc hiện có, đối với các trời đại tự tại, Na-la-diên, Phạm Thế… đều khác biệt, khởi tin hiểu.

2. Ý lạc xuất ly: Là ý lạc hiện có, đối với ba thừa, khởi sự tin hiểu.

3. Ý lạc thanh tịnh xa: Là ý lạc hiện có của sự thành thục an trụ nơi phẩm hạ trung.

4. Ý lạc thanh tịnh gần: Là ý lạc hiện có của sự thành tựu, an trụ nơi phẩm thượng.

5. Ý lạc tức ở nơi hiện pháp đạt được Niết bàn: Là ý lạc hiện có, khởi sự tin hiểu, do thừa thanh văn đạt được Niết bàn.

6. Ý lạc đối với đời vị lai đạt được Niết bàn: Là ý lạc hiện có, do đại thừa đạt được Niết bàn, khởi sự tin hiểu.

Hoặc soi chiếu đúng đắn, giữ lấy thắng giải, khởi chủng tử tương tợ, nên biết đây là do lực trí về vô số thắng giải.

Hoặc soi chiếu giữ lấy đúng đắn, tức chỗ sai biệt của chủng tử kia, phân biệt có vô lượng phẩm loại, nên biết đây là do lực trí về vô số cảnh giới.

Lại, tức cảnh giới ấy, nên biết phân biệt lược có bốn loại:

1. Chủng tử trụ nơi bản tánh.

2. Chủng tử tập khởi trước tiên.

3. Chủng tử có thể tu tập đối trị. Nghĩa là chủng tử hiện có của pháp có Bát Niết bàn.

4. Chủng tử không thể tu tập đối trị. Là chủng tử hiện có của pháp không có Bát Niết bàn.

Hoặc nhận biết rõ đúng về chủng loại hành tích hướng nhập, nên biết đây là do lực trí về vô số giới.

Hoặc phân biệt đúng, tức tất cả phẩm loại của hành tích ấy, hành tích như thế có thể khiến lìa nhiễm. Hành tích như thế có thể khiến đạt thanh tịnh rốt ráo. Hành tích như thế có thể khiến đạt thanh tịnh không rốt ráo. Nên biết đây là do lực trí hành khắp cõi.

Hoặc nhận biết đúng như thật về các tùy niệm của đời trước, về nhân nơi tất cả cõi cùng hành của đời trước, nên biết đây là do lực trí hành khắp cõi.

Hoặc nhận biết rõ đúng, như trước đã phân biệt về vô số tùy thuận nơi sáu thứ hành tóm lược của tám câu ngôn thuyết, nên biết đây là do lực trí túc trụ tùy niệm.

Hoặc nhận biết rõ đúng, dựa vào sự chết sống của hữu tình đời trước, nên biết đây là do lực trí túc trụ tùy niệm.

Hoặc quán thấy đúng đắn về sự chết sống của hữu tình đời sau, nên biết đây là do lực trí về tử sanh.

Hoặc nhận biết rõ đúng, nơi sự nghĩa của mình chưa được rốt ráo, tâm khéo giải thoát, ở trong hiện pháp chứng đắc Niết bàn, nên biết đây là do lực trí dứt sạch các lậu.

Đó gọi là mười lực của Như lai lần lượt cùng chiếu, cũng có sai biệt, cũng không sai biệt.

Như lai hiện có bốn vô úy, văn như nơi khế kinh đã nói, nên biết về tướng. Nghĩa là các đức Như lai, đối với bốn xứ, ở trong đại chủng tự xưng tán. Tức sở trì chướng vĩnh viễn giải thoát, ở trong tất cả chủng loại nơi tất cả pháp, hiện thành bình đẳng chánh giác, không chung với hành thanh văn. Đó là xứ thứ nhất.

Các phiền não chướng vĩnh viễn giải thoát, chứng đắc lậu tận chung với các thanh văn. Đó là xứ thứ hai.

Vì các loài hữu tình cầu giải thoát, khiến họ vượt quá các khổ, nên thuyết giảng đạo xuất ly. Đó là xứ thứ ba.

Tức đối với đạo có thể xuất ly bị chướng ngại, nêu giảng các pháp chướng ngại phải nên xa lìa. Đó là xứ thứ tư.

Đức Như lai, đối với bốn xứ như thế, theo nghĩa như thật, tự xưng tán rồi, sau đấy, kẻ khác đối với chỗ xưng tán về hai xứ trước của mình, hiện có thân ngữ nghiệp chống trái, nên khởi vấn nạn, hủy báng. Lại đối với chỗ xưng tán của mình về hai xứ sau, hiện có chống trái, trước sau đều trái ngược, rơi vào tướng phi lý mà đấy khởi vấn nạ, hủy báng. Nghĩa là, đối với thế gian có nhãn kiến, không có nhãn kiến. Có tha tâm trí, không có tha tâm trí. Như lai đối với xứ tự xưng tán, có thể đối trị các thứ vấn nạn hủy báng, đều không thấy có tướng nhân như thật. Do nhân duyên ấy, nên đối với bốn xứ có thể tự nhận biết rõ, thản nhiên không sợ, tâm không khiếp nhược, không hề nghi, lo, đều không kinh hãi. Lại, Phật là bậc đại sư, chỉ có từng ấy đáng nên xưng tán. Nghĩa là hành tự lợi cùng hành lợi tha đều hoàn toàn viên mãn. Nên biết ở đây, hai thứ xưng tán trước là hành tự lợi viên mãn, hai thứ xưng tán sau là hành lợi tha viên mãn trong ấy, đức Như lai, hoặc tự xưng tán, đối với tất cả pháp hiện đẳng giác, nên thành chánh đẳng giác. Nên biết chánh là so với các Bồ tát hướng tới đại thừa. Hoặc tự xưng tán về tất cả lậu đã dứt sạch, nên biết chánh là so với hữu tình hướng tới thừa thanh văn và độc giác. Hoặc lại xưng tán về đạo có thể xuất ly cùng các pháp chướng ngại, nên biết đều là sanh với các hữu tình hướng đến các thừa.

Như vậy, đức Như lai nêu giảng về câu kinh, nghĩa là ta vì các Bồ tát, Thanh văn thuyết giảng đạo xuất ly, cho đến nói rộng. Các vị kết tập, ở

trong chỗ kết tập tạng thanh văn, đã loại trừ chữ Bồ tát, ở trong chỗ kết tập tạng Bồ tát, chỉ mỗi tụng chữ Bồ tát ấy.

Đức Như lai hiện có ba niệm trụ, văn như nơi khế kinh đã nói nên biết về tướng.

Nghĩa là các đức Như lai, nơi đêm dài sanh tử, có mong muốn như vầy: Làm sao sẽ khiến cho các loài hữu tình ở trong hành thuận hợp nơi pháp-luật do ta khéo giảng nói, tùy trụ đúng như thật?

Như vậy là những mong muốn, ưa thích trong đêm dài sanh tử nơi bậc pháp chủ lúc hóa độ muôn loài, theo chỗ mong muốn ấy, hoặc toại nguyện hoặc không toại nguyện, đều không sanh tạp nhiễm, do ba Niệm trụ lượt hiển bày. Ba Niệm trụ nầy lại do ba chúng sai biệt kiến lập. Những gì là ba chúng?

Hoặc hết thảy hữu tình kia hoàn toàn là chánh hành. Đó là chúng thứ nhất. Hoặc tất cả hữu tình kia hoàn toàn là tà hành. Đó là chúng thứ hai. Hoặc trong chúng kia, một phần là chánh hành, một phần là tà hành. Đó là chúng thứ ba.

Đức Như lai hiện có ba thứ Bất hộ, văn như nơi khế kinh đã nói nên biết về tướng.

Nghĩa là các Đức Như lai, nói tóm tắt, đối với tất cả loại thô xấu được tạo tác, che giấu, đều vĩnh viễn đoạn trừ. Do ba thứ Bất hộ được hiển bày. Các A-la-hán do quên niệm, nên trong các thời gian vẫn còn có chút ít sự tạo tác thô xấu vô ký. Đức Như lai đối với tất cả các thứ ấy đều hoàn toàn không. Vì thế, Như lai đối với các đệ tử, như chỗ cần tạo lập, tức như tự tánh. Luôn tha thiết khuyên gắng, hiên hiện trách phạt. Các lúc lại hiện hành, đột nhiên thúc dục. Đối với các đệ tử không phòng hộ, lo nghĩ, đó là chớ cùng trụ với họ trong nhiều thời gian, biết rõ chỗ hành nơi ba nghiệp của mình bất tịnh, nhân nơi sự việc trước, tâm ý không vui. Do chỗ không thuận ấy nên sự việc chống trái. Hoặc mặt thì trách cứ mình, hoặc hướng tới kẻ khác nói.

Nên biết đức Như lai hiện có đại bi. Tất cả các thứ tướng, thảy đều như nơi phẩm cúng dường thân cận vô lượng ở trước đã nói. Nên biết đại bi của Như lai như vậy là vô lượng, vô thượng.

- Thế nào là pháp không quên mất của Như lai?

Nghĩa là các đức Như lai thường tùy thuận ghi, nhớ. Hoặc sự, hoặc xứ, hoặc như, hoặc thời có chỗ tạo tác. Đức Như lai tức nơi sự ấy, xứ ấy, như ấy, thời ấy đều tùy niệm đúng đắn. Đó gọi là pháp không quên mất của Như lai. Tức Như lai đối khắp tất cả sự nghiệp được tạo tác, đối khắp hết

thảy phương xứ sai biệt, đối khắp tất cả phương tiện được sử dụng, đối khắp hết thảy thời phần sai biệt, luôn nhớ nghĩ không quên mất, thường trụ nơi chánh niệm. Nên biết đó gọi là không quên mất.

- Thế nào là tập khí vĩnh viễn được dứt trừ của Như lai?

Nghĩa la các đức Như lai, hoặc ở nơi động chuyển, hoặc ở chỗ nhìn ngắm, hoặc ở nơi nói bàn, hoặc ở chốn an trụ, tợ như có phiền não dấy khởi, tạo nghiệp, nhưng đều không hiện hành. Đó gọi là tập khí đã vĩnh viễn dứt trừ của Như lai.

Các A-la-hán, tuy đã đoạn trừ phiền não, nhưng ở trong các trường hợp chuyển động, nhìn ngắm, nói bàn, an trụ còn có vô số tương tợ như có phiền não dấy khởi, tạo nghiệp.

- Thế nào là Nhất thiết chủng diệu trí của Như lai?

Nghĩa là các đức Như lai, nói tóm tắt, đối với ba tụ pháp hiện bày Đẳng chánh giác. Ba tụ pháp là:

1. Tụ pháp có thể dẫn đến nghĩa có.

2. Tụ pháp có thể dẫn đến nghĩa không.

3. Tụ pháp không phải có thể dẫn đến nghĩa có. Tụ pháp không phải có thể dẫn đến nghĩa không.

Nên biết ở đây, nếu các đức Như-lai đối với hai tụ pháp hai, ba như trên, ở chung trong hết thảy các pháp như vậy, trí không điên đảo, nên biết đó là Nhất thiết chủng trí của Như lai.

Nếu các đức Như lai, ở trong tất cả các pháp của tụ pháp có thể dẫn đến nghĩa có, trí không điên đảo, nên biết đó gọi là diệu trí của Như lai. Tức ở đây, hoặc Nhất thiết chủng trí, hoặc diệu trí, hợp chung làm một, gọi là Nhất thiết chủng diệu trí.

Tất cả như thế, gọi chung là một trăm bốn mươi thứ pháp Phật bất cộng của Như lai. Tức trong ấy, các tướng tùy hảo, tại hữu sau cùng nơi quả vị Bồ tát, đều đã chứng đắc thanh tịnh cực thiện.

Hoặc lúc Bồ tát an toạ nơi tòa Bồ đề, trụ nơi hữu sau cùng, đối với tư lương Bồ đề của đạo Bồ tát đã hoàn toàn viên mãn tột cùng. Bấy giờ không thầy, tu ba mươi bảy pháp Bồ đề phần, chứng đắc Sát-na thứ nhất, gọi là Tam-ma-địa của Trí không chướng ngại. Bồ tát ấy học đạo gồm thâu định kim cang dụ, từ đây, sát na thứ hai không gián đoạn chứng đắc tức thì toàn bộ các pháp Phật bất cộng. Nghĩa là, đầu tiên tức mười lực của Như lai, sau cùng là Nhất thiết chủng diệu trí, đều rất thanh tịnh tất là vô thượng.

Do đạt được trí ấy, nên đối khắp tất cả cảnh giới của đối tượng nhận

thức, trí không vướng mắc, không chướng ngại, thanh tịnh tối cực, không cấu uế, chuyển y, liền phát khởi tỏ ngộ, tư duy viên mãn, ý chuyển viên mãn, vượt quá tất cả hành của Bồ tát nơi địa Bồ tát, chứng nhập hết thảy hành của Như lai nơi địa Như lai. Tất cả các thứ thô trọng hiện có của phẩm sở trí chướng đều được đoạn trừ rốt ráo, nên được chuyển y thù thắng. Chuyển y như thế là vô thượng. Ngoài ra, tất cả cho đến Bồ tát chuyển y trong trụ thành mãn tối thượng, nên biết là hữu thượng.

Hỏi: Trí Bồ tát, Trí Như lai, tất cả đều an trụ nơi địa đạt đến cứu cánh. Làm sao có thể biết hai trí ấy có sai biệt?

Đáp: Như người có mắt sáng, cách nơi hạt thóc nhỏ cũng thấy các màu sắc hình tượng. Diệu trí của tất cả Bồ tát an trụ nơi địa đạt đến cứu cánh, đối với tất cả cảnh giới, nên biết cũng vậy. Như người có mắt sáng, nhìn thấy các hình, sắc đều không có chướng ngại, ngăn cách. Diệu trí của Như lai đối với hết thảy cảnh giới, nên biết cũng như vậy.

Như sự việc vẽ trên tấm vải tròn, các màu sắc rực rỡ, chỉ có sắc diệu sau cùng là chưa tô điểm trọn vẹn. Diệu trí của Bồ tát, nơi địa đạt đến cứu cánh nên biết cũng như vậy. Như sự việc vẽ trên tấm vải tròn, các màu sắc rực rỡ, sắc diệu sau cùng đã được tô điểm trọn vẹn. Diệu trí của Như lai, nên biết cũng vậy. Như người có mắt sáng, ở trong chỗ bóng tối ít, nhìn thấy các màu sắc. Diệu trí của Bồ tát nơi địa đạt đến cứu cánh, nên biết cũng vậy. Như người có mắt sáng, lìa tất cả tối tăm, nhìn thấy các màu sắc. Diệu trí của Như lai, nên biết cũng vậy. Như người có mắt sáng, từ xa nhìn thấy các màu sắc. Diệu trí của Bồ tát nơi địa đạt đến cứu cánh , nên biết cũng vậy.

Như người có mắt sáng, từ chỗ gần nhìn thấy các màu sắc. Diệu trí của Như lai, nên biết cũng vậy.

Như mắt của thầy thuốc mới vào nghề nhìn xem các sắc màu.

Diệu trí của Bồ tát nơi địa đạt đến cứu cánh , nên biết cũng vậy.

Như mắt hết sức thanh tịnh, nhìn xem các màu sắc. Diệu trí của Như lai, nên biết cũng vậy.

Như thân ở trong thai, thân của các Bồ tát nơi địa đạt đến cứu cánh, nên biết cũng vậy.

Như thân ra khởi thai, thân của chư Như lai, nên biết cũng vậy. Như A-la-hán, tâm hành lúc đã tỉnh giác, tâm hành của Như lai,

nên biết cũng vậy.

Như thể của đèn tối, thể trí của Bồ tát nơi địa đạt đến cứu cánh , nên

biết cũng vậy.

Như thể của đèn sáng, thể trí của Như lai, nên biết cũng vậy.

Do đấy nên biết: Hết thảy các chúng Bồ tát an trụ nơi địa đạt đến cứu cánh, so với diệu trí của các Như lai, thân tâm có sai biệt lớn. Như vậy, Như lai chứng đắc Bồ đề rồi, hiện hữu khắp tất cả cõi Phật nơi mười phương, có thể thực hiện khắp tất cả Phật sự. Thế nào gọi là tất cả Phật sự?

Nghĩa là Như lai tạo tác nơi sự nghiệp Như lai của các đức Như lai, lược có mười thứ. Nơi mỗi mỗi sự nghiệp Như lai được Như lai tạo tác như thế, có thể thành vô lượng sự việc lợi lạc cho hữu tình. Ngoại trừ chung thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm. Những gì là mười thứ Phật sự?

Nghĩa là các đức Như lai, đầu tiên tự hiện bày thân đại trượng phu, nhằm khiến cho hữu tình tâm phát khởi tịnh tín. Thân đại trượng phu, đối với việc sanh tịnh tín, là tối thắng. Đó gọi là sự việc được tạo tác thứ nhất. Sự việc được tạo tác như thế, các tướng tùy hảo là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai, khắp vì tất cả loài hữu tình phát khởi hết thảy loại gia hạnh chỉ dạy, trao truyền. Đó gọi là hành sự thứ hai của Như lai.

Hành sự như thế, do tất cả các thứ thanh tịnh là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai, có thể hành tác tất cả sự việc lợi lạc cho hữu tình, có thể đoạn trừ hết thảy các thứ nghi hoặc được phát sinh, đó gọi là hành sự thứ ba của Như-lai. Sự việc được hành tác như thế, mười lực của Như-lai là chỗ có thể thành tựu đầy đủ. Do trước đã nói về mười lực của Như lai, có thể thành tựu đầy đủ mọi nghĩa lợi của tất cả hữu tình, nên có khả năng nhận lãnh. Lại, nơi chỗ chứng đắc mười lực của Như-lai, có thể dấy khởi vấn nạn, chỉ có Như lai là có thể thấy, có thể giải thích, có thể hiểu rõ. Chỉ có Như-lai, đối với vấn nạn kia có thể chính thức đáp lại.

Lại, các đức Như-lai có thể hàng phục khắp tất cả luận của kẻ khác, có thể thành lập khắp tất cả tự luận. Đó gọi là Hành sự thứ tư của đức Như lai. Sự việc được hành tác như vậy, bốn vô sở úy là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như-lai hóa độ các hữu tình, đối với giáo pháp của Phật, họ hoặc an trụ đúng đắn, hoặc an trụ không đúng đắn. Như-lai đối với điều ấy tâm không tạp nhiễm. Đó gọi là hành sự thứ năm của đức Như-lai. Sự việc được hành tác như thế, ba thứ Niệm trụ là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai, như điều mình giảng nói tức hành tác như thế. Đó gọi là hành sự thứ sáu của đức Như lai. Hành sự như vậy, ba thứ Bất hộ

là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai, thường dùng Phật nhãn, nơi cả ngày đêm quan sát khắp thế gian. Đó gọi là hành sự thứ bảy của đức Như lai. Hành sự như thế, Đại bi của Như lai là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai luôn sẵn sàng đối với tất cả sự việc được tạo tác, không hề thối chuyển, xả bỏ. Đó gọi là hành sự thứ tám của đức Như lai. Sự việc được hành tác như thế, pháp không quên mất là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai hành xử mọi nghi thức, phép tắc, luôn tùy chuyển đúng như thật, không vượt trái tác dụng. Đó gọi là hành sự thứ chín của đức Như lai. Hành sự như vậy, các tập khí vĩnh viễn được dứt trừ là chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Lại, các đức Như lai, đối với tụ pháp có thể có thể dẫn đến vô nghĩa, đối với các tụ pháp không thể dẫn đến có nghĩa, cũng không thể dẫn đến vô nghĩa, Như lai vì các hữu tình tuyên thuyết, khai thị, hiển phát. Đó gọi là hành sự thứ mười của đức Như lai. Hành sự như thế, Nhất thiết chủng diệu trí chỗ có thể thành tựu đầy đủ.

Như vậy là, như trước đã nói về một trăm bốn mươi thứ pháp Phật bất cộng của Như lai, có thể tạo ra tất cả phật sự được hành tác của Như lai. Phật sự như thế, nếu phân biệt rộng thì không dễ có thể tính đếm, cho đến câu chi na dũ đa trăm ngàn đại kiếp nói cũng không thể hết.

Như vậy, chỗ nói về các đức Như lai trụ nơi địa của các Như lai, gọi là kiến lập. Vì sao? Vì dựa nơi trụ ấy, dựa nơi phẩm loại mong cầu ấy, các chúng Bồ tát đối với pháp Học của Bồ tát, có thể tu học đúng đắn. cũng dựa nơi trụ ấy mà có sự hứng đắc. Tức dựa nới trụ ấy, nên có thể thành tựu đầy đủ khắp hết thảy nghĩa lợi của tất cả hữu tình. Vì thế ở đây gọi là kiến lập.

Lại, tất cả pháp Phật được thuyết giảng, đối với sự việc lợi tha là luôn tùy thuận bậc nhất. Hết thảy các đức Như lai là sự hiển hiện của sự nghiệp lợi tha. Hàng Thanh văn, độc giác thì không như thế. Vì vậy gọi là pháp Phật bất cộng.

Lại, ở trong pháp của chư Phật như thế tự có pháp Phật. Tất cả hàng Nhị thừa đều không có được. Đó là đại bi, pháp không quên mất, Tập khí vĩnh viễn loại trừ, Nhất thiết chủng diệu trí, tự có pháp Phật, tuy có phần tương tợ đạt được, nhưng tất cả loại đều không viên mãn. Như lai, đối với tất cả các pháp ấy thảy đều chứng đắc, nơi tất cả loại không gì là không viên mãn, đều vượt hơn, đều thù thắng tột cùng. Do đó được gọi là "không

chung" (Bất cộng). Nên biết ở đây có nghĩa "độc nhất" là nghĩa không chung. Sự viên mãn như thế là hiển bày đạo tu học của tất cả Bồ tát cùng quả của đạo ấy, là địa Bồ tát, nói đủ về đạo tu học của hết thảy Bồ tát và quả của đạo tu học đó, là chốn dựa nương thật sự của hết thảy loại giáo pháp.

Lại, Địa Bồ tát nầy cũng gọi là Ma-đát-lý-ca Luận của Tạng Bồ tát. Cũng gọi là thâu tóm đại thừa. Cũng gọi là mở bày, chỉ rõ con đường hoại, chủng hoại. Cũng gọi là căn bản thanh tịnh của Trí không chướng ngại.

Nếu các hàng trời, người hiện có nơi thế gian, hoặc trời, hoặc người, hoặc các Sa-môn, Bà-la-môn, đối với địa Bồ-tát được nêu bày ấy, khởi sự tin hiểu chắc chắn, vui thích lãnh hội, thọ trì, tinh tấn tu học, rộng vì kẻ khác thuyết giảng, cho đến sao chép giữ gìn, cung kính cúng dường, thâm tâm yêu trọng, thì khối lượng phước đức đạt được, nói tóm tắt, như khối lượng phước đức đạt được của đức Bạc-già-phạm đối với tất cả kinh điển vi diệu thuộc Tạng Bồ tát, vui thích lãnh hội, tuyên thuyết, hiển bày phân biệt, thiết lập, khai thị, xưng tán. Hai khối lượng công đức ấy là như nhau, không khác. Vì sao? Vì địa Bồ tát nầy đã hiển bày, chỉ rõ về tất cả chỗ lược nêu, giải thích rộng các môn trong Tạng Bồ tát. Ở trong địa ấy có thể khai thị rộng giáo pháp. Tỳ-nại-da, cho đến rất nhiều Hữu tình được hóa độ, đối với chánh pháp ấy thọ trì, đọc tụng, pháp tuỳ pháp hành, an trụ, tăng trưởng, thắng tiến rộng lớn. Bấy giờ, tượng tợ chánh pháp không được hưng thạnh, chánh pháp không diệt. Nếu vào thời ấy, tượng tợ chánh pháp sẽ được hưng thạnh, tức có thể dẫn đến nghĩa thật, là chánh pháp hiện có sẽ mau chóng diệt hoại. Vì thế, ở trong địa Bồ tát này, khởi sự tin hiểu kiên cố, vui thích lãnh hội, thọ trì, cho đến nói rộng, khối lượng phước đức đạt được là vô lượng vô

Phần Bản Địa - Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 4: Trì Xứ Du Già Thứ Lớp
Phẩm: Phát Tâm Chánh Đẳng Bồ Đề

Như vậy là đã nói về nghĩa của địa Bồ tát.

- Thế nào là nên biết về thứ lớp ở đây?

Nghĩa là các Bồ tát, trước hết cần an trụ nơi chủng tánh Bồ tát, mới có thể chánh thức phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ đề vô thượng. Đã phát tâm rồi, mới tu tập đúng đắn hành tự lợi lợi tha. Lúc đang tu tập hành tự lợi lợi tha, thì đạt được phương tiện không tạp nhiễm. Không tạp nhiễm nên đạt

được phương tiện không chán mệt. Do không chán mệt nên đạt được phương tiện khiến các thiện căn tăng trưởng. Các thiện căn được tăng trưởng rồi, nên có thể chứng đắc quả vị Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Lại, đối với pháp gia hạnh của Hành tự lợi lợi tha như thế, với phương tiện không tạp nhiễm, phương tiện không chán mệt, phương tiện khiến thiện căn tăng trưởng, trong quá trình đạt được đạo quả Bồ đề, lúc sắp tu tập, trước hết là đối với chánh pháp thâm diệu rộng lớn, an lập tin hiểu. Lập tin hiểu rồi thì thưa cầu chánh pháp. Cầu đạt chánh pháp rồi, thì rộng vì kẻ khác thuyết giảng. Cũng ở nơi chánh hành, tự có thể thành tựu đầy đủ. Lúc thành tựu đầy đủ, hoặc do thuận theo điều nên làm, tức do đấy mà làm, như khiến cho phước đức, trí huệ tăng trưởng. Chỗ nên làm tức thực hiện như thế. Phước đức, trí huệ đã tăng trưởng rồi, nên đối với phương tiện không lìa bỏ sanh tử, có thể tu tập đúng đắn. Tức ở đây, lúc đang tu tập, có thể hành không tạp nhiễm nơi sanh tử. Nghĩa là ở đây, lúc chính thức tu hành, có thể đối với hành tự an lạc hành không chấp trước. Tức ở đây, khi đang hành trì, có thể đối với vô lượng khổ lớn của sanh tử, hay tu tập đúng đắn hành không chán mệt.

Do không chán mệt đối với sanh tử, nên có thể tìm cầu đúng đắn vô số dị luận, đối với hết thảy các luận đạt được vô sở úy. Khéo nhận biết về luận rồi, lại có thể biết rõ chỗ nên vì họ nêu giảng, chỗ có thể tuyên thuyết, nên thuyết giảng như thế.

Do trí ấy nên khéo nhận biết về thế gian. Bồ tát khéo nhận biết về các luận cùng thế gian như vậy rồi, lại có thể tìm cầu chánh pháp đúng như lý. Đã tìm cầu rồi, tức có khả năng đoạn trừ mọi thứ nghi hoặc của hết thảy hữu tình. Như thế là có thể đoạn trừ nghi hoặc của kẻ khác, khiến phước đức của chính mình lần lượt tăng trưởng. Tư lương phước đức dần được viên mãn, khiến cho trí huệ của chính mình cũng được tăng trưởng hơn. Tư lương trí huệ dần được viên mãn. Tức hai thứ tư lương đã viên mãn rồi, ở trong hành tướng của đế và việc tu tập thuận hợp pháp Bồ đề phần, có thể siêng năng tu trì, nơi các phương tiện tu tập có thể nhận biết rõ đúng. Tức hành trì chỗ tu chánh cần như thế, hồi hướng đến quả Bát Niết bàn đại thừa, không cầu quả Bát Niết bàn của nhị thừa.

Đã đạt được phương tiện thiện xảo như vậy, nên có thể đối với tất cả ngôn ngữ của Bồ tát đều lắng nghe, thọ trì, dựa nơi diệu lực tu tập, nên đối với các pháp hiện có, trước kia chưa nghe, hết thảy các thứ tướng đều có thể biện biệt rõ. Nơi Đà-la-ni, biện tài vô ngại đều được viên mãn. Vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả chướng ngại, nên tinh tấn tu tập ba môn giải thoát.

Tức ở đây, lúc đang tu tập, vì nhằm đoạn trừ tất cả tăng thượng mạn điên đảo của mình, người, nên siêng tu chánh hành. Như thế, có thể đối với tất cả các thứ tướng, chánh hành viên mãn. Chánh hành như thế được viên mãn rồi, thì đối với tất cả hữu tình cùng hàng nhị thừa đều là thù thắng. Đó là thù thắng của công đức chánh hành và thù thắng của công đức có thể xưng tán. Nên biết ở đây, thù thắng của công đức chánh hành, tức Bồ tát vì tự lợi, lợi tha nên siêng tu chánh hành, dùng sự việc lợi tha làm sự việc của chính mình. Hàng Thanh văn độc giác thì không như thế. Do các Bồ tát dùng sự việc lợi tha làm sự việc của chính mình, nên đối với hết thảy hữu tình khởi tâm bình đẳng như đối với chính mình. Vì khởi tâm bình đẳng như thế, nên đối với các hữu tình thường thí ân huệ không mong báo đáp.

Bồ tát lúc siêng năng tu hành như vậy, luôn đối với hữu tình phát khởi huy vọng, muốn khiến cho họ đạt được lợi ích an lạc. Do ý lạc tạo lợi ích an lạc ấy, nên thường khởi tạo gia hạnh không hư dối. Nên biết đó gọi là lần lượt dẫn phát công đức của chánh hành thù thắng.

Ở đây, thù thắng của công đức xưng tán, tức Bồ tát, đối với chỗ đạt được thọ ký của chư Phật, chứ không phải là hàng Nhị thừa. Được Phật thọ ký rồi, nên có thể an trụ nơi không thối chuyển. An trụ ở đấy, nên có thể đối với tất cả sự tạo tác, luôn quyết định hành tác, đạt được pháp không quên mất kiên cố. Pháp không quên mất kiên cố như thế, chư Phật, Bồ tát thiết lập tại nơi tất cả hữu tình là sự việc thiết lập tối thượng, đối khắp hết thảy sự việc nên làm đều không thối thất, nơi việc chưa đạt được cũng không thối thất. Lúc không thối thất, nên thường xuyên không gián đoạn, đối với hết thảy pháp thiện luôn khiến tăng trưởng liên tục như phần tháng có trăng sáng. Do các pháp thiện càng thêm tăng trưởng, nên bấy giờ Bồ tát được gọi là chân thật, không gọi là tương tợ. Vì được mang tên là Bồ tát chân thật nên đối với hết thảy chủng loại phương tiện điều phục tất cả Hữu tình đều nhận biết rõ đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật, nên hết thảy sự an lập đều được thiện xảo. Từ đấy tìm cầu, ở đấy tìm cầu, do đấy tìm cầu, đã tìm cầu rồi, do cứu cánh ấy nên đều an lập đúng đắn. Như vậy gọi là tất cả an lập đều được thiện xảo. Mọi sự an lập được thiện xảo rồi, lại đối với sự chỉ trao truyền, có thể đạt được thiện xảo. Đối với sự chỉ dạy trao truyền đều được thiện xảo, nên lại có thể đạt được vô lượng Tam-ma-địa vương của đối tượng duyên. Đạt được Tam-ma-địa như thế rồi nên có thể tuyên thuyết chánh pháp chân thật với vô số hành tướng. Lúc nêu giảng chánh pháp đều có thắng quả, có thể đối với nẻo xuất ly rốt ráo của đại thừa, do dựa nơi tánh lớn mà xuất ly, nên có thể thâu tóm đại thừa. Do đấy, nên lại ở trong phần vị xuất ly của đại thừa kia, đạt được tên gọi kia, tất cả

Bồ tát cùng chung. Tên gọi ấy, tất cả chư Phật, Bồ tát nơi thế gian đều cùng an lập, đều cùng xưng tán. Nên biết đó gọi là công đức thù thắng có thể xưng tán.

Do đạt được tên gọi thù thắng như thế, nên biết là đạt được các tướng của Bồ tát. Các tướng được hiện rõ việc thành tựu về tướng như thế, nên chánh hành hết thảy loại tướng nơi hai phần Bồ tát tại gia xuất gia, là nơi chốn có thể thành tựu đầy đủ. Ở trong hai phần ấy, có thể thành tựu đầy đủ rồi, chánh hành kiên cố nơi các phẩm thiện đạt được toàn bộ ý lạc tăng thượng.

Ý lạc như vậy, hoặc là chỗ nên thâu nhận của phẩm tại gia, hoặc là chỗ nên thâu nhận của phẩm xuất gia. Hoặc ở nơi phẩm thiện có thể an lập đúng đắn, cho đến an trụ. Từ đấy trở lên, nên tác ý tư duy, thọ nhận các Hữu, sanh nơi xứ sanh kia, luôn được gặp gỡ chư Phật, Bồ tát, cùng có thể tạo các sự việc lợi ích cho hết thảy Hữu tình, thường xuyên mong chư Phật. Bồ tát chỉ dạy trao truyền thuận hợp, nhận giữ phẩm thiện, lãnh thọ thù thắng, chứng đắc phần vị. Do lãnh thọ, nên đối với phần vị được chứng đắc, thâu nhận thù thắng, có thể xưng tán, có thể chính thức ở yên như nơi nhà cửa của mình.

Trụ nơi vị ấy rồi, có thể đối với phần vị càng về sau tất cả các thứ tướng càng thù thắng, giác huệ tăng tiến vượt bậc, lần lần cho đến đạt tới cứu cánh, nơi quãng trung gian không sanh biết đủ. Sự tăng tiến vượt bậc như thế chứng đắc rốt ráo. Từ đấy không cầu địa trên nào khác. Đã đạt đến biên vực tột cùng của cứu cánh nên gọi là đạt được vô thượng. Đó gọi là nghĩa thứ lớp của Địa Bồ tát.

Phần Bản Địa
Địa Thứ 16: Hữu Dư Y

Như thế là đã nói về địa Bồ tát.

- Thế nào là địa Hữu tình dư y? Nên biết địa nầy có ba thứ tướng:

1. Nêu đặt an lập địa.
2. Nêu đặc an lập về Tịch Tĩnh.
3. Nêu đặt an lập về nương dựa.

- Thế nào là nêu đặt an lập địa?

Nghĩa là địa Hữu dư y, trừ một phần của năm địa là địa không tâm, địa do Tu tạo thành, địa Thanh Văn, địa độc giác, địa Bồ tát. Trừ hoàn toàn một địa là địa vô dư y. các địa còn lại gọi là địa Hữu dư y. Đó gọi là nêu

đặt, an lập địa.

- Thế nào là nêu đặt, an lập về Tịch Tĩnh?

Nghĩa là do bốn thứ Tịch Tĩnh nên nêu đặt an lập Hữu dư y.

1. Do Tịch Tĩnh về khổ.
2. Do Tịch Tĩnh về phiền não.
3. Do Tịch Tĩnh không tổn não Hữu tình.
4. Do Tịch Tĩnh xả.

- Thế nào là Tịch Tĩnh về khổ? Nghĩa là Bí sô A-la-hán, các lậu đã vĩnh viễn dứt hết, các khổ của thân sau nơi đời vị lai sẽ có thảy đều đoạn trừ hoàn toàn, đã đạt được "Biến tri". Như cây Đa-la đã chặt đứt gốc rễ, thì ngọn không mọc trở lại. Do đạt được pháp không sanh nơi vị lai. Đó gọi là Tịch Tĩnh về khổ.

- Thế nào là Tịch Tĩnh về phiền não?

Nghĩa là Bí-sô A-la-hán, tham dục, sâu hận, ngu si đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên tất cả phiền não thảy đều đoạn dứt hoàn toàn, do đạt được pháp rốt ráo không sanh. Đó gọi là Tịch Tĩnh về phiền não.

- Thế nào là Tịch Tĩnh không tổn não hữu tình?

Nghĩa là Bí-sô A-la-hán, tham dục, sâu hận, ngu si đã dứt hết hoàn toàn, hết thảy phiền não thảy đều dứt sạch, không tạo các ác, tu tập các thiện. Đó gọi là Tịch Tĩnh không tổn não Hữu tình.

- Thế nào là Tịch Tĩnh xả?

Tức là Bí sô A-la-hán, các lậu đã vĩnh viễn dứt hết, nơi sáu hằng trụ, đa phần an trụ thường xuyên không gián đoạn. Nghĩa là mắt thấy sắc rồi không vui không buồn, an trụ trên xả, chánh niệm chánh tri. Như thế, tai nghe tiếng rồi, mũi ngửi hương rồi, lưỡi nếm vị rồi, thân biết xúc rồi, ý rõ pháp rồi, không vui không buồn, an trụ trên xả, chánh niệm chánh tri. Đó gọi là Tịch Tĩnh xả.

Tức dựa nơi bốn thứ tịch tĩnh như thế để nói về địa Hữu dư y, là tịch tĩnh tối cực, thanh lương tột cùng. Đó gọi là nêu đặt, an lập về tịch tĩnh.

- Thế nào là nêu đặt, an lập vê nương dựa? Nghĩa là có tám thứ nương dựa:

1. Nương dựa nêu đặt.
2. Nương dựa thâu nhận.
3. Nương dựa trụ trì.
4. Nương dựa lưu chuyển.

5. Nương dựa chướng ngại.

6. Nương dựa khổ não.

7. Nương dựa vui thích.

8. Nương dựa hậu biên.

- Thế nào là nương dựa nêu đặt?

Nghĩa là năm Thủ Mẩn. Do dựa vào đấy nên nêu đặt các tưởng về Ngã, Hữu tình, thọ mạng, sự sanh, có thể nuôi dưỡng, Bổ-đặc-già-la, ý sanh, Nho đồng v.v... Tưởng nhờ vào ngôn thuyết cùng dựa nơi đấy nên nêu đặt các tưởng về danh tự như thế, sanh loại như thế, chủng tánh như thế, ăn uống như thế, trụ lâu như thế, biên vực của thọ lượng như thế.

- Thế nào là nương dựa thâu nhận?

Nghĩa là bảy sự thâu nhận. Tức: cha mẹ, vợ con của mình. Nô tỳ, kẻ thừa hành, kẻ hầu, bạn bè, quyến thuộc.

Về bảy sự thâu nhận nầy, như nơi ý địa ở trước đã phân biệt rộng.

Dựa vào đấy để nhận biết rõ về các loài Hữu tình có chỗ thâu nhận.

- Thế nào là nương dựa trụ trì? Nghĩa là bốn thứ thực (Ăn) tức:

1. Đoạn thực.

2. Xúc thực.

3. Ý tư thực.

4. Thức thực.

Do dựa vào đấy nên Hữu tình đã sanh trụ lập, ứng phó. Lại có thể thâu giữ, nuôi dưỡng các Hữu tình cầu Hữu.

- Thế nào là nương dựa lưu chuyển?

Nghĩa là bốn thứ thứ trụ cùng mười hai duyên khởi. Bốn thứ thức trụ:

1. Thức trụ nẻo sắc.

2. Thức trụ nẻo thọ.

3. Thức trụ nẻo tưởng.

4. Thức trụ nẻo hành.

Mười hai duyên khởi: Vô minh duyên hành. Hành duyên thức.

Nói rộng cho đến sanh duyên Lão tử.

Do dựa vào đấy, nên các loài Hữu tình đối với năm nẻo sanh tử tuỳ thuận luân chuyển.

- Thế nào là nương dựa chướng ngại?

Nghĩa là các thiên ma tuỳ theo nơi chốn có Hữu tình tu pháp thiện

tức tìm đến trước họ tạo các chướng ngại.

- Thế nào là nương dựa khổ não?

Nghĩa là tất cả cõi dục đều gọi là nương dựa khổ não. Do dựa vào đấy nên khiến các Hữu tình lãnh nhận sầu khổ.

- Thế nào là nương dựa vui thích?

Nghĩa là an lạc của Tĩnh lự, đẳng chí gọi là nương dựa vui thích. Do dựa vào đấy nên các loài Hữu tình, hoặc tức ở đấy hiện nhập nơi định, hoặc sanh nơi kia, suốt đời lãnh nhận các vui thích hiện có của Tĩnh lự, đẳng chí.

- Thế nào là nương dựa hậu biên?

Nghĩa là các uẩn tương tục của A-la-hán. Do dựa vào đấy nên nói các A-la-hán nhận giữ thâu sau cùng.

Hỏi: Bí sô A-la-hán, các lậu đã vĩnh viễn dứt hết, trụ nơi địa Hữu dư y, nên nói cùng với bao nhiêu thứ nương dựa cùng tương ưng?

Đáp: Nên nói cùng với một thứ nương dựa hoàn toàn tương ưng. Tức là nương dựa Hậu biên. Cùng với sáu sự thâu nhận không cùng tương ưng, cùng với nương dựa lưu chuyển, nương dựa chướng ngại toàn bộ là không tương ưng. Cùng với các nương dựa còn lại là không phải tương ưng, không phải không tương ưng. Đó gọi là nêu đặt, an lập về nương dựa.

Phần Bản Địa.
Địa thứ 17: Vô Dư Y

Như vậy là đã nói về địa Hữu dư y.

- Thế nào là địa vô dư y: Nên biết địa nầy cũng có ba tướng:

1. Nêu đặt an lập địa.
2. Nêu đặt an lập về tịch diệt.
3. Nêu đặt an lập dị môn tịch diệt.

- Thế nào là nêu đặt an lập địa?

Nghĩa là một phần của năm địa còn lại ở trước, nên biết đấy tức thuộc về địa vô dư y. tức: Địa không tâm, địa do tu tạo thành, địa thanh văn, địa độc giác và địa Bồ tát.

- Thế nào là nêu đặt an lập về tịch diệt?

Nghĩa là do hai thứ tịch diệt, nên nêu đặt an lập địa vô dư y như thế.

1. Do tịch diệt tịch tĩnh.
2. Do tịch diệt không tổn não.

- Thế nào là Tịch diệt tịch tĩnh?

Nghĩa là trước hết, nơi địa Hữu dư y đạt được xúc chứng bốn thứ Tịch tĩnh. Nay, trong cảnh giới Niết bàn vô dư y, cũng có bốn thứ tịch tĩnh tối thắng:

1. Tịch tĩnh số giáo.
2. Tịch tĩnh dựa nơi tất cả.
3. Tịch tĩnh dựa vào khổ.
4. Tịch tĩnh dựa vào khổ sanh nghi, lo. Như nói:

Do tâm không thấp kém. Hay nhẫn thọ khổ cực Nẻo hướng đến giải thoát Ví như đèn tận diệt.

- Thế nào là tịch diệt không tổn não?

Nghĩa là cùng với tất cả chỗ dựa không tương ưng. Trái lìa với các khổ lưu chuyển, sanh khởi tất cả phiền não. Chuyển y hiển bày cảnh giới vô lậu chân thật. Như nói Bí sô vĩnh viễn tịch diệt, gọi là trụ nơi an lạc chân thật.

Lại, như nói: Thật có không sanh không khởi không tạo không làm, không cùng sanh khởi. Cũng có: có sanh có khởi có tạo có làm, có cùng sanh khởi.

Hoặc nên không có không sanh không khởi không làm, không cùng sanh khởi. Ta trọn không nói có sanh có khởi có tạo có làm, có cùng sanh khởi, có vĩnh viễn xuất ly.

Do thật có không sanh không khởi không tạo không làm không cùng sanh khởi, vì thế ta nói có sanh có khởi có tạo có làm, có cùng sanh khởi, có vĩnh viễn xuất ly. Đức thế tôn dựa vào mật ý nầy để nói về chỗ thâm diệu, rộng lớn, vô lượng vô số, đó là Tịch diệt. Do ở trong ấy gồm đủ công đức, khó nhận biết rõ, nên gọi là thâm diệu. Hết sức rộng lớn nên gọi là quảng đại. Không cùng tận nên gọi là vô lượng. Số lượng không thể tính đếm, nói không hai, nên gọi là vô số.

- Thế nào là ở đây số lượng không thể tính đếm? Nghĩa là có, chẳng phải có đều không thể nêu bày.

Tức sắc lìa sắc, không thể nêu bày. Tức thọ lìa thọ không thể nói hết. Tức tưởng lìa tưởng không thể nói hết. Tức Hành lìa Hành không thể nêu bày. Tức thức lìa thức không thể nêu bày. Vì sao? Do chân như thanh tịnh hiển bày hoàn toàn không cấu uế. Đó gọi là Tịch diệt không gây tổn não.

Hai thứ như thế gọi chung làm một, là nêu đặt an lập về tịch diệt.

- Thế nào là nêu đặt, an lập dị môn tịch diệt?

Nên biết ở đây, dị môn tịch diệt có vô lượng loại. Nghĩa là, gọi là

Thường, cũng gọi là Hằng, cũng gọi là trụ lâu, cũng gọi là không biến đổi, cũng gọi là pháp có, cũng gọi là nhà cửa, cũng gọi là bến bãi, cũng gọi là cứu hộ, cũng gọi là quy y, cũng gọi là chỗ hướng tới, cũng gọi là An ổn, cũng gọi là đạm bạc, cũng gọi là sự thiện, cũng gọi là An lành, cũng gọi là không chuyển, cũng gọi là không cấu uế, cũng gọi là khó thấy, cũng gọi là cam lồ, cũng gọi là không sầu lo, cũng gọi là không mất, cũng gọi là không rực rỡ, cũng gọi là không nóng bức, cũng gọi là không bệnh, cũng gọi là không động, cũng gọi là Niết bàn, cũng gọi là vĩnh viễn dứt tuyệt tất cả Hý luận.

Các loại như thế, nên biết gọi là dị môn tịch diệt. Đó gọi là nêu đặt, an lập về dị môn tịch diệt.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 51

Phần Nhiếp Quyết Trạch: Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về Phần Bản địa, tiếp theo là nói về sự quyết trạch (Quyết định lựa chọn) khéo léo của các địa. Do sự quyết trạch khéo léo này làm chỗ dựa, nên đối với tất cả địa khéo có thể hỏi đáp. Nay sẽ nói về sự quyết trạch của địa ý và địa Năm Thức thân.

Hỏi: Trước đã nêu về chỗ dựa của chủng tử, nghĩa là thức A-lại- da nhưng chưa thuyết minh về sự hiện hữu, về nhân duyên của sự hiện hữu với nghĩa phân biệt rộng. Do đâu không nói? Vì duyên gì nên biết có nghĩa phân biệt rộng? Làm sao nên biết?

Đáp: Do sự kiến lập này là Phật Thế Tôn đã ghi nhận là hết sức sâu kín, thế nên không nói. Như đức Thế Tôn nói:

Thức A-đà-na sâu, vi tế

Tất cả chủng tử như bộc lưu

Ta nơi phàm ngu không khai diễn Sợ họ phân biệt chấp làm ngã

Lại nữa, tụng nêu:

Chấp thọ, đầu, hiểu rõ
Chủng tử, nghiệp, thân thọ
Không tâm, định mạng chung
Không, đều chẳng hợp lý.

Do tám thứ tướng, nên chứng biết Thức A-lại-da quyết định là có. Nghĩa là nếu lìa sự nương dựa của A-lại-da thì sự chấp thọ không hợp đạo lý. Sự sanh khởi đầu tiên không hợp đạo lý, có tánh hiểu rõ không hợp đạo lý. Có tánh của chủng tử không hợp đạo lý. Sự sai biệt của nghiệp dụng không hợp đạo lý. Nhân thọ không hợp đạo lý. Xứ định không tâm chẳng hợp đạo lý. Thức khi mạng chung không hợp đạo lý.

Thế nào là nếu không có Thức A-lại-da làm chỗ nương dựa thì sự chấp thọ không hợp đạo lý? Do năm nhân. Những gì là năm?

Nghĩa là chỗ tạo hành nghiệp từ đời trước của Thức A-lại-da làm nhân chuyển thức như Nhãn v.v... đối với các duyên của đời hiện tại làm nhân, như nói căn cùng cảnh giới. Do lực của tác ý nên các chuyển thức sanh, cho đến nói rộng, đó là nhân thứ nhất.

Lại, sáu Thức Thân có tánh thiện, bất thiện v.v... có thể đạt được là nhân thứ hai.

Lại, sáu Thức Thân là loại thuộc về dị thục vô phú vô ký không thể nắm bắt là nhân thứ ba.

Lại, sáu Thức Thân đều dựa nơi sự riêng biệt mà chuyển, nơi mỗi mỗi sự nương tựa kia, thì mỗi mỗi thức ấy chuyển, tức chỗ dựa của thức ấy phải có chấp thọ, các phần còn lại không chấp thọ là không hợp đạo lý. Nếu cho là chấp thọ cũng không hợp đạo lý, vì xa lìa thức , đó là nhân thứ tư.

Lại, chỗ nương tựa nên thành thì thường xuyên chấp thọ lỗi lầm. Vì sao? Là do nhân thức kia, nơi một lúc chuyển, một lúc không chuyển. Các thức khác cũng vậy. Đó là nhân thứ năm.

Như thế, nghiệp đời trước cùng duyên hiện tại làm nhân, nên tánh thiện, bất thiện v.v... có thể đạt được. Còn chủng loại dị thục không thể đạt được, nên các thức đều có chỗ dựa riêng biệt mà chuyển, thường xuyên chấp thọ lỗi lầm của chỗ dựa nên không hợp đạo lý.

Do đâu, nếu không có thức A-lại-da thì sự sanh khởi đầu tiên không hợp đạo lý? Nghĩa là có vấn nạn: Nếu quyết định có thức A-lại- da thì nên có hai thức đồng thời sanh khởi? Đáp vấn nạn ấy: ông ở nơi không lỗi lầm, vọng sanh tưởng lỗi lầm, vì sao lại cho là có hai thức cùng lúc chuyển? Vì sao? Lại như có một người cùng lúc muốn thấy cho đến muốn biết, thuận theo có một thức sanh khởi đầu tiên là không hợp đạo lý. Do thức kia bấy giờ tác ý không khác. Căn, cảnh cũng vậy. Thế do nhân duyên nào thức không cùng chuyển.

Do đâu, nếu không có các thức cùng chuyển, cùng với thức như Nhãn v.v... đồng hành với ý thức, nhận biết rõ về thể tánh không thể đạt được? Nghĩa là hoặc có lúc nhớ nghĩ về cảnh thường được thọ nhận nơi quá khứ, bấy giờ ý thức hành không sáng rõ, không phải đối với hiện cảnh, lúc ý hiện hành có được tướng không sáng rõ như thề. Do đó, nên chấp nhận các thức cùng chuyển, hoặc chấp nhận tánh của ý thức không sáng rõ.

Do đâu, nếu không có thức A-lại-da thì có tánh của chủng tử không hợp đạo lý? Nghĩa là sáu thức thân lần lượt dị biệt. Vì sao? Vì từ thiện vô gián, sanh tánh bất thiện, bất thiện vô gián lại sanh tánh thiện. Từ hai vô gián, tánh vô ký sanh. Cảnh giới kém vô gián sanh cảnh giới trung. Cảnh

giới trung vô gián sanh cảnh giới diệu. Như vậy, cảnh giới diệu vô gián cho đến sanh cảnh giới kém. Hữu lậu vô gián sanh vô lậu. Vô lậu vô gián sanh Hữu lậu. Thế gian vô gián sanh xuất thế gian. Xuất thế gian vô gián sanh thế gian. Không phải tánh của chủng tử có tướng như thế nên hợp với đạo lý.

Lại, các thức kia, nơi thời gian dài gián đoạn, nên không lưu chuyển tương tục nơi thời gian dài. Thế nên đây cũng không hợp đạo lý.

Do đâu, nếu không có các thức cùng chuyển thì nghiệp dụng sai biệt không hợp đạo lý? Nghĩa là, nếu lược nói có bốn thứ nghiệp:

- Nghiệp phân biệt về vật dụng.
- Nghiệp phân biệt về chỗ dựa.
- Nghiệp phân biệt về Ngã.
- Nghiệp phân biệt về Cảnh.

Các thứ phân biệt nầy nơi từng sát na cùng chuyển có thể đạt được. Do đó, một thức nơi một sát na có nghiệp dụng sai biệt như thế, là không hợp lý.

Do đâu, nếu không có thức A-lại-da thì Thân thọ sai biệt không hợp đạo lý? Nghĩa là như có một người tư duy hoặc như lý hoặc không như lý, hoặc không tư duy lo nghĩ, hoặc tùy thuận tầm tứ, hoặc nơi xứ tâm định, hoặc không tại định. Bấy giờ, các lãnh thọ nơi thân dấy khởi không phải một mà là rất nhiều với vô số sai biệt. Thân thọ kia lẽ ra không có nhung hiệu có thể đạt được. Vì vậy, quyết định có thức A-lại- da.

Do đâu, nếu không có thức A-lại-da thì xứ định không tâm không hợp đạo lý? Nghĩa là, nhập định vô tưởng hoặc định diệt tận, nên như xả mạng, thức lìa nơi thân, không phải là không lìa nơi thân. Như đức Thế Tôn nói: "Nên nơi bấy giờ, thức không phải là không lìa nơi thân."

Do đâu, nếu không có thức A-lại-da thì thức khi mạng chung không hợp đạo lý? Nghĩa là, lúc lâm chung, hoặc từ phần thân trên, thức lìa bỏ dần, tiếp xúc lạnh dần khởi. Hoặc từ phần thân dưới, không phải là ý thức kia có lúc không chuyển. Nên biết chỉ có thức Lại da mới có thể nắm giữ thân. Ở đây nếu lìa bỏ, tức nơi phần thân sự tiếp xúc lạnh có thể đạt được. Thân không giác thọ, ý thức thì không như thế. Vì vậy, nếu không có thức A-lại-da thì không hợp đạo lý. Lại nữa, Tụng nêu:

Sở duyên nếu tương ưng
Lại cùng làm tánh duyên
Cùng với thức cùng chuyển
Nhiễm ô tạp, hoàn diệt.

Nếu lược nói về thức A-lại-da, do bốn thứ tướng kiến lập lưu chuyển, do một thứ tướng kiến lập Hoàn diệt.

- Thế nào là bốn thứ tướng để kiến lập lưu chuyển? Đó là:

- Kiến lập đối tượng duyên chuyển.

- Kiến lập tương ưng chuyển.

- Kiến lập cùng làm duyên tánh chuyển.

- Kiến lập Thức v.v... cùng chuyển, chuyển.

- Thế nào là một tướng kiến lập Hoàn diệt? Nghĩa là do kiến lập tạp nhiễm chuyển, nên cùng do kiến lập Hoàn diệt kia.

- Thế nào là tướng kiến lập đối tượng duyên chuyển? Nghĩa là nếu lược nói về thức A-lại-da, do nơi hai thứ cảnh của đối tượng duyên chuyển. Một là do phân biệt về chấp thọ bên trong. Hai là do phân biệt về tướng của vật dụng không phân biệt bên ngoài.

Phân biệt về chấp thọ bên trong: nghĩa là có thể phân biệt nhận biết rõ về tự tánh của Biến kế sở chấp vọng chấp tập khí, cùng với sắc căn, chốn nương dựa của căn. Đây là đối với cảnh giới hữu sắc. Nếu ở nơi vô sắc thì chỉ có phân biệt chấp thọ tập khí.

Phân biệt về tướng của vật dụng không phân biệt bên ngoài: nghĩa là có thể phân biệt, nhận biết rõ về chỗ nương dựa. Duyên nơi chấp thọ bên trong, nên thức A-lại-da, với tất cả thời không có gián đoạn nơi tướng của khí thế gian, ví như đèn được thắp sáng lúc sanh, bên trong đốt cháy hết chất cao đặc chấp thọ, bên ngoài phát khởi ánh sáng. Như thế, thức A-lại-da duyên nơi sự chấp thọ bên trong, duyên nơi tướng của khí thế gian bên ngoài. Đạo lý sanh khởi nên biết cũng vậy.

Lại nữa, thức A-lại-da duyên nơi cảnh vi tế, các vị thông huệ của thế gian cũng khó biết rõ.

Lại nữa, thức A-lại-da duyên nơi cảnh, không bỏ thời gian, không biến đổi, từ sát na chấp thọ đầu tiên, cho đến mạng chung đều phân biệt một vị mà chuyển.

Lại nữa, thức A-lại-da, đối với cảnh của đối tượng duyên niệm niệm sanh diệt, nên biết sát na lưu chuyển tương tục không phải một không phải thường.

Lại nữa, thức A-lại-da nên nói là ở trong cõi dục, duyên nơi cảnh chấp thọ nhỏ hẹp. Ở trong cõi sắc, duyên nơi cảnh chấp thọ rộng lớn. Ở nơi hai xứ không vô biên, thức vô biên của cõi vô sắc, duyên nơi vô lượng cảnh chấp thọ. Ở nơi xứ Vô sở hữu, duyên nơi cảnh chấp thọ vi tế. Ở nơi xứ Phi

tưởng phi phi tưởng, duyên nơi cảnh chấp thọ hết sức vi tế.

Như thế, phân biệt nhận biết về hai thứ đối tượng duyên, nên ở nơi cảnh của đối tượng duyên phân biệt vi tế, phân biệt tương tự, phân biệt về sát na. Phân biệt về đối tượng duyên chấp thọ nhỏ hẹp. Phân biệt về đối tượng duyên chấp thọ rộng lớn. Phân biệt về đối tượng duyên chấp thọ vô lượng. Phân biệt về đối tượng duyên chấp thọ vi tế. Phân biệt về đối tượng duyên chấp thọ hết sức vi tế. Nên biết đó là kiến lập tướng nơi đối tượng duyên của thức A-lại-da chuyển.

- Thế nào là kiến lập tướng tương ưng chuyển? Nghĩa là thức A-lại-da cùng với năm Biến hành nơi tâm tương ưng, pháp luôn cùng tương ưng. Đó là Tác ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Năm pháp như thế cũng chỉ thuộc về dị thục, hết sức vi tế, bậc thông huệ của thế gian cũng khó biết rõ. Cũng luôn là một loại duyên nơi cảnh mà chuyển.

Lại, thức A-lại-da tương ưng với Thọ, hoàn toàn không khổ không vui, thuộc về tánh vô ký. Nên biết hành tướng của tâm pháp khác cũng thế. Như vậy là tâm sở Biến hành tương ưng, một loại dị thục tương ưng. Hết sức vi tế chuyển tương ưng. Thường xuyên một loại duyên nơi cảnh mà chuyển tương ưng. Không khổ không vui tương ưng. Hoàn toàn vô ký tương ưng. Nên biết đó là kiến lập tướng tương ưng của thức A-lại- da chuyển.

- Thế nào kiến lập tướng cùng làm duyên nơi tánh chuyển? Nghĩa là thức A-lại-da cùng với các chuyển thức tạo hai duyên tánh: Một là làm chủng tử cho thức kia. Hai là làm chỗ dựa cho thức kia.

Làm chủng tử: Nghĩa là các chuyển thức lúc chuyển, với các thiện, bất thiện vô ký hiện có, tất cả đều dùng thức A-lại-da làm chủng tử.

Làm chỗ dựa: Nghĩa là do thức A-lại-da chấp thọ sắc căn, năm thứ thức thân mới dựa vào đấy mà chuyển, không phải là không chấp thọ. Lại do có thức A-lại-da nên có được Mạt-na. Do Mạt-na nầy làm chỗ nương dựa, nên ý thức được chuyển. Ví như nương dựa nơi năm căn như nhãn v.v..., năm thức thân chuyển, không phải là không năm căn. Ý thức cũng vậy. Không phải là không ý căn.

Lại nữa, các chuyển thức cùng với thức A-lại-da tạo hai duyên tánh: Một là ở trong hiện pháp có thể nuôi lớn chủng tử kia. Hai là ở trong hậu pháp, vì thức kia được sanh, gồm thâu, gieo trồng chủng tử ấy.

Ở trong hiện pháp nuôi lớn chủng tử kia: Nghĩa là như nương dựa nơi thức A-lại-da, các chuyển thức lúc chuyển với các thứ thiện, bất thiện vô ký như vậy nơi một sự nương dựa đồng sanh đồng diệt, huân tập nơi thức

A-lại-da. Do nhân duyên nầy, nên càng về sau chuyển thức với tánh thiện, bất thiện vô ký chuyển, lại chuyển tăng trưởng, lại chuyển mãnh liệt, lại chuyển sáng tỏ, mà chuyển.

Ở trong hậu pháp, vì thức kia được sanh, nên gồm thâu gieo trồng chủng tử ấy: Nghĩa là huân tập chủng tử kia, có thể dẫn thân dị thục vô ký của vị lai. Như thế là thức A-lại-da làm chủng tử, làm chỗ dựa cho thức kia, nuôi lớn chủng tử, thâu giữ gieo trồng chủng tử. Nên biết đó là kiến lập tướng cùng làm duyên tánh của thức A-lại-da và các chuyển thức chuyển.

Thế nào là kiến lập tướng cùng chuyển của thức A-lại-da và chuyển thứ chuyển? Nghĩa là thức A-lại-da, hoặc vào một lúc chỉ cùng với một thứ chuyển thức cùng chuyển, đó là Mạt-na. Vì sao? Vì do Mạt-na nầy, với hành tướng, tư lượng luôn cùng tương ưng với ngã kiến, mạn v.v... Hoặc có vị tâm, hoặc không có vị tâm, luôn cùng với thức A-lại-da một lúc cùng chuyển. Duyên nơi thức A-lại-da dùng làm cảnh giới, hành tướng, tư lượng chấp ngã khởi mạn. Hoặc vào một lúc cùng với hai chuyển thức cùng chuyển, đó là Mạt-na và ý thức. Hoặc vào một lúc cùng với ba chuyển thức cùng chuyển, đó là năm thức nhân lúc tùy một thứ chuyển. Hoặc vào một lúc cùng với bốn chuyển thức cùng chuyển, nghĩa là năm thức thân lúc tùy hai thứ chuyển. Hoặc có lúc cho đến cùng với bảy chuyển thức cùng chuyển. Nghĩa là năm thức thân lúc hòa hợp chuyển.

Lại nữa, ý thức nhiễm ô dùng Mạt-na làm chỗ nương dựa. Lúc Mạt-na kia chưa diệt, tướng phân biệt rõ bị trói buộc không được giải thoát. Mạt-na diệt rồi thì tướng trói buộc được giải thoát.

Lại nữa, ý thức có thể duyên nơi cảnh khác và duyên nơi tự cảnh. Duyên nơi cảnh khác: là duyên nơi cảnh giới thuộc đối tượng duyên của năm thức thân, hoặc tức thì hoặc không tức thì.

Duyên nơi tự cảnh: là duyên nơi pháp làm cảnh.

Lại nữa, thức A-lại-da hoặc vào một lúc cùng với khổ thọ lạc thọ, không khổ không lạc thọ cùng thời mà chuyển. Thọ này cùng với chuyển thức tương ưng, dựa nới ấy mà khởi. Nghĩa là ở trong cõi người, hoặc cõi trời dục giới, hoặc ở trong một phần nơi Quỷ, Bàng sanh cùng sinh thọ không khổ không lạc, cùng tương ưng với chuyển thức. Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ xen nhau cùng chuyển. Hoặc nơi Na-lạc-ca v.v..., bị kẻ khác xâm đoạt, thọ không khổ không lạc cùng với thuần khổ, không thọ xen tạp, cúng thời mà chuyển. Nên biết thọ ấy bị xâm đoạt, nên khó có thể nhận biết rõ. Như trong Na-lạc- ca v.v... hoàn toàn là khổ thọ cùng chuyển. Như vậy, nơi địa của ba Tĩnh lự dưới hoàn toàn là lạc thọ cùng

chuyển. Nơi địa của Tĩnh lự thứ tư, cho đến cõi hữu đảnh, hoàn toàn là không khổ không lạc thọ cùng chuyển.

Lại nữa, thức A-lại-da, hoặc vào một lúc cùng với chuyển thức tương ưng với các tâm sở thiện bất thiện vô ký đồng thời mà chuyển.

Như thế, thức A-lại-da tuy cùng với chuyển thức cùng lúc mà chuyển, cũng cùng với khách thọ, khách tâm sở thiện bất thiện vô ký cùng thời mà chuyển, nhưng không nên nói là cùng với chúng tương ưng. Vì sao? Vì do không cùng với chúng đồng duyên chuyển. Như nhãn thức cùng với nhãn căn cùng chuyển nhưng không tương ưng. Đây cũng như thế. Nên biết trong ấy là dựa nơi phần ít của đạo lý tương tự, nên được là thí dụ.

Lại như các tâm sở tuy tánh của chúng không có sai biệt, nhưng cùng khác nhau nên ở trong một thân, một lúc cùng chuyển cùng không trái nhau. Như vậy Thức A-lại-da cùng với các chuyển thức, ở trong một thân, một lúc cùng chuyển, nên biết lại cũng không trái nhau.

Lại như nơi một dòng thác có rất nhiều lớp sóng một lúc mà chuyển cùng không trái nhau.

Lại như nơi một mặt tấm gương thanh tịnh có nhiều ảnh hưởng cùng lúc mà chuyển cùng không trái nhau. Như vậy nơi một thức A- lại-da có nhiều chuyển thức một lúc cùng chuyển, nên là lại cùng cũng không trái nhau.

Lại như một Nhãn thức nơi một thời gian, nơi một sự cảnh, chỉ giữ lấy một loại sắc tướng không khác. Hoặc nơi một lúc tức thì giữ lấy không phải là một mà vô số sắc tướng. Như Nhãn thức đối với các sắc, thì Nhĩ thức đối với các âm thanh, Tỵ thức đối với các mùi hương, Thiệt thức đối với các vị, cũng vậy.

Lại như Thân thức, nơi một thời, nơi một sự cảnh, chỉ giữ lấy một loại tướng xúc không khác. Hoặc nơi một thời, tức thì giữ lấy không phải là một mà là vô số tướng xúc. Như vậy, ý thức phân biệt, nơi một thời gian hoặc giữ lấy một tướng của cảnh, hoặc giữ lấy không phải là một mà là vô số tướng của cảnh. Nên biết là đạo lý cũng không trái nhau.

Lại như trước nói Mạt-na cùng với thức A-lại-da cùng chuyển, cho đến chưa đoạn, nên biết cùng với bốn thức phiền não câu sanh tự nhiên một thời tương ưng. Nghĩa là Tát-ca-da thân kiến, ngã mạn, Ngã Ái cùng với Vô minh, bốn thứ phiền não nầy, hoặc đại địa định, hoặc địa bất định, nên biết hành luôn không cùng với thiện v.v… trái nhau, là tánh vô ký Hữu phú.

Như thế, thức A-lại-da, cùng với chuyển thức cùng chuyển, cùng với các thọ cùng chuyển, cùng với thiện v.v... cùng chuyển. Nên biết đó là kiến

lập tướng cùng chuyển của thức A-lại-da chuyển.

Thế nào là kiến lập tướng tạp nhiễm, hoàn diệt của thức A-lại- da? Nghĩa là lược nói thức A-lại-da là căn bản của tất cả tạp nhiễm. Vì sao? Vì do thức nầy là căn bản sanh khởi của Hữu tình thế gian, có thể sinh ra các căn, nơi chốn nương dựa của căn và chuyển thức v.v..., cũng là căn bản sinh khởi khí thế gian. Do có thể sanh khởi khí thế gian nên cũng là căn bản của Hữu tình cùng khởi, khiến hết thảy Hữu tình cùng hướng đến, cùng làm duyên tăng thượng. Vì sao? Vì không có Hữu tình cùng với Hữu tình khác cùng gặp nhau, đồng thời không sanh khổ vui v.v..., lại cùng thọ dụng. Do đạo lý nầy, nên biết giới Hữu tình cùng làm duyên tăng thượng. Lại, thức A-lại-da nầy có thể giữ lấy chủng tử của tất cả pháp, đối với đời hiện tại là thể của khổ đế, cũng là nhân sanh khổ đế của vị lai. Lại là nhân sanh Tập đế của hiện tại. Như vậy là có thể sinh Hữu tình thế gian, có thể sinh khí thế gian, là thể của khổ đế, nên có thể sanh ra khổ đế của vị lai, có thể sanh Tập đế của hiện tại. Nên biết thức A-lại-da là căn bản của tất cả tạp nhiễm.

Lại nữa, thức A-lại-da đã thâu giữ phần Thuận giải thoát cùng chủng tử của pháp thiện thuộc phần Thuận quyết trạch. Đây chẳng phải là nhân của Tập đế. Do thiện căn của phần Thuận giải thoát cùng với lưu chuyển trái nhau, nên thiện căn hiện có còn lại nơi thế gian nhân đấy sinh khởi, chuyển tăng lại sáng thịnh. Vì nhân duyên nầy nên chỗ thâu nhận chủng tử tự loại kia chuyển có công năng, chuyển có uy lực, tăng trưởng chủng tử mau được thành lập. Lại do chủng tử nầy nên các pháp thiện kia chuyển sanh sáng thạnh.

Lại nữa, có thể chiêu cảm các quả dị thục của vị lai chuyển tăng, chuyển thắng đáng yêu đáng thích.

Lại nữa, dựa vào tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da nầy, nên Bạt- Già-Phạm nói, có Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới, cho đến có ý giới, pháp giới, ý thức giới. Do ở trong thức A-lại-da có đủ thức loại Giới. Lại như kinh nói về dụ Ác xoa tụ, do ở trong thức A-lại-da có nhiều cảnh giới. Lại nữa, căn bản tạp nhiễm nơi thức A-lại-da nầy, do tu pháp thiện duyên nơi chuyển thức làm cảnh, tạo phương tiện tác ý tục tâm, có thể nhập vào hiện quán Thánh đế đầu tiên. Chẳng phải là người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa có được pháp nhãn, nhưng có thể thông đạt tất cả chủng tử nơi thức A-lại-da. Người chưa kiến đế nầy tu tập hành như vậy rồi, hoặc nhập Chánh tánh ly sanh của Thanh Văn, hoặc nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ tát, rõ về tất cả pháp nơi pháp giới chân thật, cũng có thể thông đạt thức A-lại-da.

Nên bấy giờ có thể quan sát chung về tất cả tạp nhiễm hiện có của tự nội. Cũng có thể nhận biết rõ về bên ngoài tự thân là tướng triền phược đã trói buộc. Bên trong là triền phược thô trọng đã trói buộc.

Lại nữa, người tu hành quán, do thức A-lại-da là cảnh giới của các Hành thuộc về tất cả Hý luận, nên tóm lược các Hành kia, ở trong thức A-lại-da gồm lại là một khối, một tích, một tụ. Làm một tụ rồi do duyên nơi Trí cảnh của chân như, tu tập, tu tập nhiều nên được chuyển

y. Chuyển y không gián đoạn nên nói là đã đoạn thức A-lại-da, do đoạn nên nói là đã đoạn hết thảy tạp nhiễm. Nên biết chuyển y do trái nhau, nên có thể vĩnh viễn đối trị thức A-lại-da.

Lại, thể của thức A-lại-da là vô thương, tánh có lấy nhận thủ, thọ. Còn chuyển y là thường, tánh không lấy nhận, nên duyên nơi cảnh của chân như là Thánh đạo mới có thê chuyển y.

Lại, thức A-lại-da luôn là chỗ tùy thuộc của tất cả thô trọng. Còn chuyển y là xa lìa rốt ráo hết thảy thô trọng hiện có.

Lại, thức A-lại-da là nhân của phiền não chuyển, là nhân của Thánh đạo không chuyển. Chuyển y là nhân của phiền não không chuyển, là nhân của Thánh đạo chuyển. Nên biết chỉ là kiến lập tánh của nhân, hoặc phải là tánh của nhân sanh.

Lại, thức A-lại-da khiến ở trong pháp thiện tịnh, vô ký không được tự tại. Chuyển y thì khiến ở trong tất cả pháp thiện tịnh vô ký có được tự tại lớn.

Lại, thức A-lại-da là tướng đoạn dứt. Nghĩa là do thức nầy chính thức đoạn dứt, nên xả bỏ hai thứ thủ. Thân kia tuy tục cũng như biến hóa. Vì sao? Vì nhân khổ của thân sau nơi vị lai đã đoạn, nên xả bỏ thủ của thân sau nơi vị lai. Ở trong hiện pháp, nhân của tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, nên xả bỏ thủ nơi chỗ dựa của tất cả tạp nhiễm thuộc hiện pháp. Hết thảy các thứ thô trọng đã hoàn toàn xa lìa, nên chỉ có mạng duyên tạm thời được trụ. Do có việc ấy nên trong Khế Kinh nói: "Bấy giờ chỉ thọ thân biên vực, thọ mạng biên vực, nói rộng cho đến tức nơi hiện pháp, tất cả chỗ thọ nhận đều hoàn toàn diệt tận. Kiến lập về căn bản tạp nhiễm như thế, nên hướng nhập nẻo thông đạt, tác ý tu tập. Kiến lập về chuyển y, nên biết là kiến lập tướng tạp nhiễm, hoàn diệt của thức A-lại-da.

Như vậy là đã dựa vào đạo lý thắng nghĩa, kiến lập danh nghĩa sai biệt của Tâm ý thức. Do đạo lý nầy, nên các Tâm ý thức nơi ba cõi, tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh nơi đạo lý, nên tùy thuận quyết định biết rõ. Lý của Tâm ý thức được hiển bày nơi chỗ khác, chỉ tùy theo chỗ Hữu tình hoá hiện

sai biệt. Vì Huệ anh nhi đã hóa hiện nên theo phương tiện mà nói khiến họ dễ được hội nhập.

Hỏi: Nếu thành tựu thức A-lại-da, thì cũng thành tựu chuyển thức chăng? Nếu như thành tựu chuyển thức thì cũng thành tựu thức A-lại-da chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

- Hoặc có trường hợp thành tựu thức A lại da, nhưng không phải là chuyển thức. Nghĩa là ngủ nghỉ không tâm, sầu muộn không tâm, nhập tịnh vô tưởng, nhập định diệt tận, sanh cõi trời vô tưởng.

- Hoặc có trường hợp thành tựu chuyển thức, không phải là thức A-lại-da. Nghĩa là A-la-hán, hoặc các bậc độc giác, Bồ tát không thối và chư Như Lai trụ nơi vị Hữu tâm.

- Hoặc có trường hợp cả hai cùng thành tựu. Nghĩa là các Hữu tình khác trụ nơi vị Hữu tâm.

- Hoặc có trường hợp cả hai đều không thành tựu. Nghĩa là A-la- hán, hoặc các độc giác, Bồ tát không thối chuyển, và chư Như -lai, nhập định diệt tận, ở nơi cảnh giới Bát-Niết-Bàn vô dư y.

Hỏi: Tự tánh của các pháp trong ngoài đều riêng biệt đều trụ nơi tự tướng, do nhân duyên gì, trong mười tám Giới chỉ có tự tánh của sáu thức giới được kiến lập? Các giới còn lại là trợ bạn của chỗ dựa, của đối tượng duyên nơi sáu thức giới kia mà được kiến lập?

Đáp: Do sáu thức giới, đối với mỗi mỗi niệm kia, nơi các phần vị chớp mắt, chốc lát, ngày đêm v.v... đều mau chóng chuyển biến. Nhờ vào mỗi mỗi duyên kia, nương nơi các căn như Nhãn v.v..., duyên nơi cảnh như Sắc v.v... ,dùng các tâm sở để làm trợ bạn, không phải một mà là rất nhiều, vô số sanh khởi. Do chỗ sanh của mỗi mỗi nương dựa kia, nên được các tên gọi ấy. Như lửa nương dựa vào mỗi mỗi duyên kia mà được đốt cháy, bấy giờ liền được mang các danh số kia. Do các thứ cỏ cây, phân bò, trấu lép, giấy bìa v.v... làm duyên, nên lửa mới có thể cháy, bấy giờ liền được mang các tên là lửa của cỏ, cho đến lửa của giấy bìa v.v... Như thế, Nhãn dùng sắc làm duyên, nên Nhãn thức được sanh, mang tên Nhãn thức. Như vậy cho đến gọi tên là ý thức, nói rộng nên biết. Các Giới khác như Nhãn v.v..., nếu tự tánh của chúng từ đầu sanh rồi, tức tự tánh kia sanh khởi tương tự, lần lượt nối tiếp tùy chuyển rốt ráo.

Lại, một loại thức nhờ vào các duyên kia, nên vô số tự tánh sai biệt sanh khởi. Do đó, tự tánh của thức giới được kiến lập. Các Giới còn lại, là chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn cho thức giới mà được kiến lập. Lại nữa,

sẽ biện biệt về thức thân biến tri (Nhận biết khắp)

Hỏi: Bí-sô tâm hành thanh tịnh, do bao nhiêu thứ tướng biến tri về tâm?

Đáp: Nếu lược nói là do ba thứ tướng:

1. Tướng yêu thích tạp nhiễm.
2. Tướng lỗi lầm của tạp nhiễm.
3. Tướng của phương tiện thiện xảo nơi tạp nhiễm hoàn diệt.

Thế nào là Bí-sô tâm hành thanh tịnh nhận biết khắp tướng yêu thích tạp nhiễm của tự tâm? Nghĩa là Bí-sô tâm hành thanh tịnh suy nghĩ như vậy: Nay tâm nầy của ta đối với các thứ tạp nhiễm, trong đêm dài sanh tử đã yêu thích chúng. Tự biết đã yêu thích các thứ tạp nhiễm rồi, liền từ nơi tánh có tham xuất ly, đối với tánh lìa tham khiến tâm dừng trụ. Bấy giờ tâm ấy, đối với tánh lìa tham không thể an trụ, cũng không yêu thích. Lại không có duyên khác, chỉ có mau chóng trở lại hướng nhập nẻo trôi tan, dong ruổi trong tánh có tham. Như từ nơi tánh có tham, thì từ nơi tánh có sâu, có si thấp kém, trạo cử, không tịch tĩnh, tán loạn xuất ly, nói rộng cho đến từ nơi tánh yêu thích trụ theo phóng dật, xuất ly cũng thế. Ở trong các pháp thiện luôn siêng năng tu tập khiến tâm an dừng. Bấy giờ tâm ấy, ở trong các pháp thiện thường siêng năng tu tập, không thể an trụ, cũng không yêu thích. Lại không có duyên dị biệt, chỉ có mau chóng trở lại hướng nhập nẻo trôi tan, dong ruổi, cho đến trong tánh yêu thích phóng dật. Như thế gọi là Bí-sô tâm hành thanh tịnh, nhận biết khắp về tướng yêu thích tạp nhiễm của tự tâm. Nhận biết khắp như vậy rồi, Bí-sô tâm hành thanh tịnh ấy lại có thể nhận biết khắp về tướng lỗi lầm của tạp nhiễm nơi tự tâm. Tức là khởi suy nghĩ: Nay ta khởi tâm ở tham nầy, có thể là tự hại, có thể là bị kẻ khác hại, có thể bị cả hai hại, có thể sanh tội nơi hiện pháp, có thể sanh tội nơi hậu pháp, có thể sanh tội nơi hiện pháp, hậu pháp. Lại có thể làm duyên sanh ưu khổ nơi thân tâm của pháp kia đã sanh. Như đối với tánh có tham, cho đến đối với tánh yêu thích phóng dật, nên biết cũng thế.

Lại khởi suy niệm: Tâm có tham nầy, cho đến tâm yêu thích phóng dật, có lỗi lầm tai họa, nên có bệnh dịch, có ngang trái, có tai vạ có khổ não. Nhận biết khắp về tướng lỗi lầm của tạp nhiễm nơi tự tâm như thế rồi, lại có thể nhận biết khắp về tướng của phương tiện thiện xảo nơi tạp nhiễm, hoàn diệt của tự tâm. Nghĩa là ta nay không nên tùy theo các thứ tạp nhiễm của chính mình, có các lỗi lầm, có bệnh dịch, ngang trái, tai họa, khổ não, tâm tự tại chuyển, tất nhiên tự tâm theo uy lực của ta tự tại mà chuyển. Đã nhận biết rõ như thế, ta nay không nên tùy thuận nơi tự tâm mà chuyển,

phải khiến tự tâm theo ta chuyển. Đã thường xuyên xét chọn khiến tâm có tham bỏ tánh có tham, trong tánh không tham yêu thích an trụ. Lại nữa, đối với các công đức thù thắng đã được thấy rõ kia, như thế cho đến khiến xả bỏ tánh yêu thích trụ nơi phóng dật, cho đến ở trong các pháp thiện luôn siêng năng tu tập, yêu thích an trụ. Lại nữa, đối với các công đức thù thắng đã thấy rõ, thường an trụ ở đấy. Hành như thế rồi, bấy giờ tâm ấy không do xét chọn, ở trong các pháp thiện luôn siêng năng tu tập, tự nhiên yêu thích an trụ. Đối với tánh yêu thích tạp nhiễm trước đây, sanh chán trách sâu xa. Do nhân duyên nầy, Bí-sô tâm hành thanh tịnh nhận biết rõ như thật về sự yêu thích tạp nhiễm của tự tâm, mau chóng hồi chuyển nơi tánh không thí dụ. Lại có thể khéo nhận biết về tâm tạp nhiễm như thế có tánh lỗi lầm. Lại có thể khéo nhận biết về phương tiện hoàn diệt của tâm tạp nhiễm như vậy. Do như thế nên Bí-sô tâm hành thanh tịnh nhanh chóng có thể chúng đắc tánh thanh tịnh của tâm vô thượng. Đó là các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Lại nữa, sẽ biện biệt về thiện xảo sai biệt của tâm cùng thiện xảo sai biệt của Tâm chuyển. Nghĩa là dựa vào nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, nên biết thiện xảo sai biệt của tâm, dựa nơi tự tánh của y tha khởi, nên biết thiện xảo sai biệt của tâm chuyển.

Lại nữa, nếu có thể thiện xảo huân tu tập thì được hai thứ thắng lợi:

1. Đối với thời gian của Quả xúc chứng an lạc.

2. Đối với thời gian của Nhân, tự tại mà chuyển. Lại nữa, Tâm ô trược xen tạp có ba thứ lỗi lầm:

1. Lỗi lầm của tác ý không như lý.

2. Lỗi lầm của Tùy miên.

3. Lỗi lầm do khởi triền phược.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: "Chỉ nên ở nơi tâm khéo phát khởi dũng mãnh sâu xa, quan sát như lý, trong niệm trụ nói. Chính nên ở nơi thân trụ, thân tuần tự quán, cho đến ở nơi pháp trụ, pháp tuần tự quán. Vậy mật ý ở đây là gì?

Đáp: Là nhằm hiện bày về bốn Niệm trụ, chỉ nên quan sát nơi Tâm. Nghĩa là quán tâm chấp thọ, quán tâm lãnh nạp, quán tâm phân biệt rõ, quán tâm nhiễm tịnh. Chính là quan sát chỗ chấp thọ của Tâm, chỗ lãnh nạp của Tâm, Tâm phân biệt cảnh, Tâm nhiễm tịnh, nên nói bốn Niệm trụ.

Lại nữa, có các Bí-sô trụ nơi ba chủng trụ, hành sáu chánh hành, nơi giáo pháp của bậc đại sư, đã hành tác nhiều. Nghĩa là trụ nơi Trụ giải thoát, trụ nơi trụ môn giải thoát, cùng trụ nơi pháp trụ của môn Giải thoát có thể dẫn dắt. Hành nơi hành vô gián. Hành nơi hành khéo thọ nhận tư duy. Hành

nơi hành sanh khởi thiện căn của sự tu tập đã dần khởi. Hành nơi hành lìa các thứ vị Ái phân biệt lựa chọn về đế. Hành nơi hành tức ở đấy không có Tăng thượng mạn. Hành nơi hành thọ dụng thanh tịnh chính đáng.

Lại nữa, có hai thứ xả thí:

1. Xả thí của người nhận.

2. Xả thí của người thí. Quả của thí cũng có hai loại:

1. Được giàu có, nhiều của cải.

2. Được đẳng lưu nầy là thọ dụng thắng giải. Lại nữa, nên biện luận về đạo lý chứng thành.

Hỏi: dựa vào đạo lý nào, nên biết chỗ tuyên thuyết chỉ từ vị lai, các hành tướng sanh không phải thật, không phải có?

Đáp: Nếu hành tướng của pháp vị lai thật có mà được sanh thì pháp nầy là chuyển nhưng nói là sanh chăng? Nghĩa là từ xứ của đời vị lai chuyển hướng đến xứ của đời hiện tại, là từ sanh chăng? Nghĩa là từ nơi đời vị lai, sanh nơi đời hiện tại. Vì làm duyên kia mà được sanh chăng? Nghĩa là nơi pháp vị lai trụ không biến đổi, dùng đấy làm duyên nơi đời hiện tại có pháp khác sinh. Vì có nghiệp dụng mà nói sanh chăng? Nghĩa là nơi vị lai vốn không nghiệp dụng, đến đời hiện tại mới có nghiệp dụng. Vì tướng viên mãn mà nói sanh chăng? Nghĩa là nơi vị lai tướng chưa viên mãn, đến đời hiện tại tướng mới viên mãn. Vì do tướng khác mà nói sanh chăng? Nghĩa là nơi vị lai có phần vị lai và có phần nhân, do hai thứ nầy về tướng có khác, sáu thứ như thế nơi các pháp sanh khởi đều không hợp lý. Vì sao? Vì không phải là không phương không xứ. Pháp có, từ phương khác chuyển hướng đến nghĩa phương khác. Cũng không phải pháp chưa sanh, chưa đã sanh mà có nghĩa tử. Nếu pháp kia làm duyên mà được sanh, tức pháp khác sanh, chẳng phải vị lai sanh. Ở đây đối với vị lai tức là chưa có.

Lại, tất cả pháp trong đệ nhất nghĩa đều không tác dụng, nên nghiệp dụng lìa tướng khác không thể thủ đắc, chỉ từ nơi tướng mà giả kiến lập. Nếu như có khác thì vị lai, hiện tại đồng thật có tướng, chỉ nói hiện tại riêng có nghiệp dụng, thì lý không thể thủ đắc. Lại, nghiệp dụng nầy, tức nên xưa không mà nay được sanh. Lại so với ngôn thuyết vi diệu của đức Thế Tôn tức thành trái nhau. Như nói các Hành phi thường phi hằng. Ông hiểu bày nghiệp dụng của các Hành là vô thường. Do nghĩa nầy nên Hành phải là thường, lại cùng với một tướng. Nếu cùng với phần khác được gọi là có, thì phần khác của tướng do đâu không có?

Lại cùng phần khác xưa không nay có, thì phần khác của tướng vì sao không thành xưa không nay có?

Lại, lìa tất cả hành tướng như sắc v.v... thì phần vị lai khác tất không thể nắm bắt, nên vị lai không có tướng quả, hiện tại mới có tướng quả sanh khởi.

Như vậy là đã biện luận về đạo lý chứng thành. Dựa vào đạo lý nầy nên biết chỗ tuyên thuyết về tất cả hành tướng của các pháp vị lai là chẳng phải thật, chẳng phải có, xưa không nay có. như đối với vị lai, thì quá khứ tùy chỗ ứng hợp cũng như thế. Do đạo lý nầy nên biết, chỗ tuyên thuyết không phải là thật không phải là có. Lại nữa, Hành của quá khứ là như thế nào? Nghĩa là tướng đã diệt mất, tự tánh đã bỏ. Hành của hiện tại là như thế nào? Nghĩa là tướng chưa diệt mất, tự tánh chưa bỏ, lúc sanh tạm trụ. Hành của vị lai là như thế nào? Nghĩa là nhân nơi hiện có, tự tướng chưa sanh, chưa được tự tánh.

Hỏi: Nếu các Hành vị lai kia, vốn không mà được sanh, thì Hoa đốm hư không, sừng thỏ, con của Thạch nữ vì sao không sanh?

Đáp: do Hoa đốm v.v... không có nhân sanh. Hết thảy các hành, mỗi mỗi đều sai biệt, quyết định là có nhân sanh.

Hỏi: Nếu tất cả Hành mỗi mỗi đều sai biệt là có nhân sanh, thì do đâu nên các hành không cùng thời tức thì sanh?

Đáp: Các Hành tuy đều có nhân sanh sai biệt, nhưng đều phải đợi duyên mới được sanh khởi. Nếu các Hành kia sanh duyên nơi hiện tiền, thì nhân của các hành ấy sanh các Hành kia. Thế nên các Hành tuy hiện có nhân, nhưng không có lỗi là cùng thời, tức thì sanh.

Lại nữa, ở đây thế nào gọi là nhân của các Hành ? Những gì gọi là Duyên? Nghĩa là đức Bạc-Già-Phạm nói: Duyên sanh các Hành lược có bốn thứ:

1. Nhân duyên.
2. Đẳng vô gián duyên.
3. Sở duyên duyên.
4. Tăng thượng duyên.

Một loại nhân duyên, cũng là nhân, cũng là duyên. Ba thứ kia chỉ là duyên, không phải là nhân.

Thế nào là Nhân duyên? Nghĩa là các sắc căn, chỗ dựa của căn và Thức. Hai thứ nầy lược nói, có thể nắm giữ chủng tử của tất cả các pháp, theo đuổi sắc căn có chủng tử của tất cả sắc căn cùng chủng tử của pháp sắc khác, chủng tử của tất cả tâm, tâm sở. Hoặc gắn liền với Thức có chủng tử của tất cả Thức, cùng chủng tử của pháp vô sắc khác, chủng tử của các

sắc căn, chủng tử của pháp sắc còn lại. Nên biết tự tánh của pháp sắc còn lại, chỉ là chỗ gắn liền tự chủng tử, trừ đại chủng sắc. Do chỗ gắn liền nơi chủng tử của hai thứ đại chủng sắc. Nghĩa là chủng tử của đại chủng và chủng tử của sắc được tạo. Tức chỗ lập nầy gắn liền với chủng tử sai biệt, nối tiếp, theo chỗ ứng hợp hướng về pháp được sanh. Đó là Nhân duyên.

Lại nữa, nếu các sắc căn cùng từ đại chủng, không phải là chỗ gắn liền của chủng tử thuộc tâm sở: Là nhập định diệt tận, nhập định vô tưởng, sanh nơi cõi trời vô tưởng, thời gian sau không thể lại sanh Thức v.v..., nhưng tất lại sanh. Do đó, nên biết, chủng tử của tâm, tâm sở gắn liền với sắc căn dùng đấy làm duyên nên có thể lại sanh.

Lại nữa, nếu các Thức không phải là chỗ gắn liền của chủng tử thuộc sắc: Là phàm phu sanh nơi cõi vô sắc, từ đấy thọ mạng hết nghiệp hết, chết rồi khi trở lại sanh nơi cõi dưới, vì là chủng tử của vô sắc nên không lại sanh, nhưng tất lại sanh, do vậy nên biết chủng tử của các sắc gắn liền nơi Thức, dùng đấy làm duyên nên pháp sắc lại sanh.

Lại nữa, nếu các phàm phu do đạo thế gian nhập nơi Tĩnh lự thứ một, hoặc được sanh nơi ấy, bấy giờ các pháp nhiễm ô của cõi dục và chủng tử của các pháp khác nơi cõi dục chỉ bị hàng phục, tổn hại (Tổn phục) chứ không thể vĩnh viễn loại bỏ. Vì sao? Vì do phàm phu này từ nơi định kia thối chuyển nơi pháp nhiễm của cõi dục lại hiện tiền nên từ Tĩnh lự thứ một chết rồi sanh trở lại cõi dục. Lại nữa, hàng phục, tổn hại lược nên có ba thứ:

1. Hàng phục, tổn hại (Tổn phục) bằng xa lìa.
2. Tổn phục bằng chán bỏ.
3. Tổn phục bằng pháp Xa-ma-tha.

- Thế nào là tổn phục bằng xa lìa? Nghĩa là như có một Hữu tình dứt bỏ pháp gia đình, hướng đến đời sống không gia đình, xa lìa vô số sự thọ dụng về các dục, thọ từ giới cấm, ở chỗ thọ từ giới cấm luôn xa lìa, gần gũi tu tập hoặc tu tập nhiều, do sự tu tập ấy nối tiếp không gián đoạn, nên đối với các vật dụng của dục, tâm không hướng nhập, tâm không phân tán, tâm không an trụ, tâm không yêu thích, cũng không phát khởi lực tăng Thượng kia để duyên nơi cảnh giới ấy khiến sanh phiền não. Như vậy gọi là Tổn phục bằng xa lìa.

- Thế nào là Tổn phục bằng chán bỏ?

Nghĩa là như có một Hữu tình, hoặc do tưởng lỗi lầm tai họa, hoặc do tưởng bất tịnh, hoặc do tưởng máu ứ đọng bầm sanh v.v..., hoặc do theo một tác ý như lý. Như vậy, nên chán bỏ phát dục, lìa chưa lìa dục, nhưng ở nơi các dục tu tập chán nghịch, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng.

Như thế gọi là Tổn phục bằng chán bỏ.

- Thế nào Tổn phục bằng pháp Xa-ma-tha?

Nghĩa là có một Hữu tình, do đạo thế gian nên được lìa dục của cõi dục, hoặc lìa dục của cõi sắc. Người kia, do pháp Xa-ma-tha (chỉ) nhận giữ Tâm tương tục, nên ở trong dục, sắc, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng. Như thế gọi là Tổn phục bằng pháp Xa-ma-tha.

Nếu đệ tử của bậc Thánh do đạo xuất thế gian lìa dục của cõi dục, cho đến lìa được dục đủ cả ba cõi. Bấy giờ, tất cả chủng tử của các pháp nhiễm ô nơi ba cõi thảy đều vĩnh viễn dứt bỏ vì sao? Vì do đệ tử của bậc Thánh ở trong hiện pháp, không còn nhận lành việc lại lấy khởi phiền não hiện tiền của địa dưới từ chỗ thối chuyển phần lìa dục. Hoặc sanh nơi địa trên, cũng không nhận lấy việc từ cõi ấy chết rồi, sanh trở lại cõi dưới. Như các hạt giống của loại lúa tẻ lúa mạch bên ngoài chúng đem để yên nơi hoàn toàn vắng vẻ, hoặc ở một vực dựng khô, tuy không sanh mầm nhưng không phải chúng không là hạt giống. Nếu bị lửa làm tổn hại thì bấy giờ hoàn toàn không thành hạt giống. Pháp nội nơi hạt giống bị tổn phục theo đạo lý dứt bỏ vĩnh viễn cũng thế. Nếu đệ tử của bậc Thánh lúc sắp nhập cảnh giới Niết bàn vô dư, tất cả chủng tử của các pháp thiện và vô ký hiện có đều bị tổn hại. Do chủng tử của pháp nhiễm ô đã diệt, nên không còn có thể chiêu cảm quả dị thục của vị lai, cũng lại không thể sanh quả của tự loại. Nên biết đó gọi là sự tổn phục thứ tư, tức là sự tổn phục loại bỏ vĩnh viễn các thứ trợ bạn.

Lại nữa, người bị trói buộc đủ, tâm khởi hiện có, hoặc cùng hành vui, hoặc cùng hành khổ, hoặc cùng hành không khổ không vui, tất cả tâm nầy đều là chỗ gắn liền của chủng tử vui, chủng tử khổ, chủng tử không vui không khổ. Nếu khởi tâm thiện hoặc tâm nhiễm ô, hoặc tâm vô ký, thì tất cả tâm nầy đều là chỗ theo đuổi của chủng tử thiện, chủng tử nhiễm ô, chủng tử vô ký.

Lại, các bậc hữu học không bị trói buộc đủ, tâm hiện có sanh hoặc tâm thiện thế gian, hoặc tâm xuất thế gian, hoặc tâm nhiễm ô, hoặc tâm vô ký, thì hết thảy tâm nầy đều là chỗ theo đuổi của chủng tử thuộc tất cả phiền não do tu đạo đoạn trừ. Do chưa đoạn trừ nên có lúc chúng có thể sanh. Cũng là chỗ theo đuổi của chủng tử thuộc các pháp còn lại. Lại, các bậc vô học, tất cả phiền não đã đoạn trừ vĩnh viễn, tâm hiện có sanh, hoặc tâm thiện thế gian, hoặc tâm xuất thế gian, hoặc tâm vô ký thì hết thảy tâm nầy đều đã vĩnh viễn lìa chủng tử của pháp nhiễm, chỉ còn lại sự gắn liền của chủng tử thuộc tất cả pháp thiện, vô ký, nối tiếp mà sanh.

Lại nữa, đạo lý của sự kiến lập chủng tử nầy nên biết lại dựa vào Thánh giáo chưa kiến lập Thức A-lại-da mà nói. Nếu đã kiến lập Thức A-lại-da, nên biết khi lược nói về chủng tử của các pháp, hết thảy đều dựa vào Thức A-lại-da.

Lại, các pháp kia nếu chưa đoạn trừ vĩnh viễn, hoặc không đoạn trừ, tùy chỗ ứng hợp, nên biết đều là sự gắn liền của chủng tử hiện có.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: Ta nói Bí sô A-la-hán, đối với bốn thứ pháp của tâm tăng thượng, trong hiện pháp an lạc trụ, tùy theo một thứ mà thối chuyển… Nếu tất cả chủng tử nhiễm ô kia đều đã hoàn toàn dứt trừ, thì vì sao lại khởi phiền não của địa dưới? Nếu không dấy khởi lại, thì vì sao vị ấy thối chuyển?

Đáp: Thối chuyển có hai loại:

1. Thối chuyển của đoạn.
2. Thối chuyển của Trụ.

Nói: "Thối chuyển của đoạn" chỉ là hàng phàm phu.

Nói: "Thối chuyển của Trụ" là các Thánh giả, cũng là phàm phu. Nếu dùng đạo thế gian đoạn trừ các phiền não, lại dấy khởi hiện tiền, nên biết bấy giờ là thối chuyển của đoạn nên thối chuyển. Cũng là thối chuyển của Trụ. Nếu dùng đạo xuất thế gian đoạn trừ phiền não xong, tâm mưu tìm việc thế gian, không chuyên tu tập, tác ý như lý. Do đấy, nên không thể trong khoảng giữa vẫn trụ trong hiện pháp lạc, luôn khởi hiện tiền như trước đã được. Về sau cũng như thế. Nhưng vị kia, nơi địa dưới đã đoạn trừ phiền não không còn hiện tiền. Như thế gọi là thối chuyển của Trụ nên thối chuyển, chẳng phải là thối chuyển của đoạn.

Lại, nếu đã đoạn hết thảy phiền não, thành A-la-hán, nhưng tất cả chủng tử của pháp nhiễm kia chưa vĩnh viễn dứt trừ, vì sao gọi là Quả A-la-hán, các lậu đã dứt hết hẳn, tâm hoàn toàn giải thoát? Nếu đã vĩnh viễn dứt trừ thì ở trong sự tương tục, chủng tử của hết thảy pháp nhiễm hoàn toàn không có. Hãy còn không nên khởi, không chánh tư duy, huống chi là các phiền não. Vì thế nên biết, do đạo xuất thế đoạn trừ các phiền não, nhất định là không có thối chuyển.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 52

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm
Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 2:

Lại nữa, Thế nào là đẳng vô gián duyên? Nghĩa là các Tâm Tâm sở bày vô gián khiến các Tâm Tâm sở kia sanh, nói các Tâm Tâm sở nầy làm duyên đẳng vô gián cho các Tâm Tâm sở kia. Nếu sáu thức nầy làm duyên đẳng vô gián cho sáu thức kia, từ chỗ thiết lập ở đấy gọi là ý căn, cũng gọi là ý xứ, cũng gọi là ý giới.

Thế nào là Sở Duyên duyên? Nghĩa là năm thức thân, dùng năm cảnh như sắc v.v... theo như thứ lớp làm Sở Duyên duyên (Làm duyên của đối tượng duyên). Hoặc ý thức dùng tất cả mười hai xứ trong ngoài làm Sở duyên duyên.

Thế nào là Tăng thượng duyên? Nghĩa là các xứ như Nhãn v.v... vì Nhãn thức cùng sanh khởi duyên tăng thượng. Hoặc tác ý nơi cảnh của đối tượng duyên, vì các thức dẫn phát duyên tăng thượng. Hoặc các Tâm Tâm sở lần lượt cùng làm, cũng sanh khởi duyên tăng thượng. Hoặc nghiệp tịnh, bất tịnh cùng với quả yêu thích không yêu thích nơi sau, và quả dị thục, vì chỗ tạo tác ở trước làm duyên tăng thượng. Như ruộng, phân bón, nước v.v..., cùng với các thứ mạ lúa làm duyên tăng thượng thành tựu. Hoặc các Trí công xảo kia, cùng với các xứ nghiệp công xảo của thế gian kia làm duyên tăng thượng cho nghiệp công xảo. Lại nữa, trong bốn duyên nầy, một loại Nhân duyên, so với pháp đã sanh có thể làm nhân sanh. Ba thứ duyên còn lại, đối với pháp đã sanh nên biết chỉ là nhân phương tiện. Do đó, các Hành kia sanh, lúc duyên phương tiện hiện tiền, chủng tử của các Hành kia liền có thể sanh khởi các Hành ấy. Thế nên các Hành không có nghĩa đồng thời sanh khởi tức thì. Nên biết, nương dựa vào bốn duyên như thế để kiến lập mười Nhân, như trong địa Bồ Tát đã nêu.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: "Các Hành quá khứ làm duyên sanh ý. Các Hành vị lai làm duyên sanh ý…" các Hành quá khứ, vị lai không phải

là có, vì sao đức Thế Tôn nói rõ các Hành kia làm duyên sanh ý? Nếu ý cũng duyên nơi cảnh sự không phải có mà được sanh, thì vì sao không trái với ngôn thuyết vi diệu? Như đức Thế Tôn nói: Do hai thứ duyên nên các thức được sanh. Những gì là hai? Nghĩa là Nhãn và Sắc. Như vậy nói rộng cho đến ý pháp.

Đáp: do có thể nắm giữ chỗ nghĩa không hành của năm thức thân. đức Phật Thế Tôn giả nói gọi là pháp, vì vậy nói duyên nơi ý và pháp ý thức được sanh.

Hỏi: do nhân duyên nào nên biết đức Phật Thế Tôn có mật ý ấy?

Đáp: Do ý thức kia cũng duyên nơi thúc khứ lai làm cảnh giới thế gian hiện có thể đạt được, không phải là thức của cảnh kia thuộc về pháp xứ. Lại, tánh có, an lập nghĩa có, có thể giữ lấy nghĩa có. Nếu tánh không thì an nghĩa không, có thể giữ vững nghĩa không, nên đều gọi là pháp. Do ý thức kia đối với nghĩa của Hữu tình, hoặc do nghĩa nầy mà được an lập, tức dùng nghĩa nầy nên khởi thức phân biệt nhận rõ nơi nghĩa của tánh không. Hoặc do nghĩa nầy mà được an lập, tức dùng nghĩa ấy để khởi thức phân biệt nhận rõ. Nếu nơi hai thứ không do hai nghĩa để khởi phân biệt nhận rõ, thì không nên nói ý duyên nơi tất cả nghĩa để giữ lấy tất cả nghĩa. Nếu như tạo ra thuyết nầy, tức nên trái hại với tất đàn đa của chính mình.

Lại, không nên nói như chỗ hiện có kia, không phải có cũng thế, là nói như lý. Thế nên ý thức như sự việc khứ lai không phải là tướng thật có, duyên nơi tướng ấy làm cảnh. Do đấy nên biết ý thức cũng duyên nơi chẳng phải có làm cảnh.

Lại có đạo lý của ngôn luận rộng lớn, do đấy chứng biết có duyên không thức. Nghĩa là, như ngôn thuyết vi diệu của đức Thế Tôn, hoặc trong hoặc ngoài và trung gian của hai thứ đều không có ngã. Ngã nầy không tánh, không phải thuộc về Hữu vi, không phải thuộc về Vô vi. Thức quán cộng tướng chẳng phải là không duyên nơi cảnh giới kia mà chuyển. Đây gọi là đạo lý của ngôn luận thứ nhất. Lại, đối với sắc hương vị xúc, như thế như thế sanh khởi, biến dị. Trong chỗ an lập, nên đặt các việc như ăn uống, xe cộ, y phục, vật dụng trang sức, nhà cửa, quân rừng v.v... Việc ăn uống v.v... nầy lìa sắc, hương v.v... đều không thật có. Tánh không có ấy không phải thuộc về Hữu vi, không phải thuộc về Vô vi. Thức quán tự tướng chẳng phải là không duyên nơi cảnh giới kia mà chuyển. Đó gọi là đạo lý của ngôn luận thứ hai.

Lại, Tà kiến bác bỏ, cho tất cả đều không thật có, Nghĩa là không có bố thí, không có thọ nhận, cũng không tế tự, nói rộng như trước. Nếu thí,

nhận, tế tự v.v... không tánh là có, tức kiến giải như thế nên chẳng phải là Tà kiến. Vì sao? Vì kiến giải kia đã thấy như thật, đã nói như thật. Ở đây nếu không có các tà kiến ấy, thì duyên nơi cảnh giới nầy, Thức nên không chuyển. Đó gọi là đạo lý của ngôn luận thứ ba. Lại, trong các Hành không thường, không hằng, thảy đều biến dịch, nơi các Hành ấy thường hằng không biến đổi, không tánh, không phải thuộc về Hữu vi, không phải thuộc về Vô vi, Thức quán cộng tưởng, không phải là không duyên nơi cảnh giới ấy mà chuyển. Nếu duyên nơi cảnh ấy mà Thức không chuyển, thì ở trong các Hành thường hằng chẳng biến đổi, không tánh, trí huệ không thể quan sát như thật. Nếu không quan sát nên không sanh chán bỏ, nếu không sanh chán bỏ nên không lìa lục. Nếu không lìa lục nên không giải thoát. Nếu không giải thoát, nên không vĩnh viễn đạt đến Niết bàn cứu cánh. Nếu có lý ấy, thì tất cả Hữu tình đều nên gắn kiền hoàn toàn với tạp nhiễm, không có kỳ hạn xuất ly. Đó gọi là đạo lý của ngôn luận thứ tư.

Lại, hành vị lai hãy còn không có sanh, huống chi có diệt. Nhưng đệ tử của bậc Thánh đối với hành vị lai không phải là không theo đấy quán sanh diệt mà trụ. Đó gọi là đạo lý của ngôn luận thứ năm. Do đấy chứng biết có duyên, không ý thức. Ngoài ra, còn có chủng loại đạo lý của ngôn luận như thế, chứng thành nhất định có duyên không thức, nên biết như vậy.

Hỏi: như đức Thế Tôn nói: "Có nghiệp quá khứ". Nếu Thể của nghiệp quá khứ là không, thì hiện thời không nên có một thứ thọ lãnh nạp tổn hại. Hoặc lại không nên có một thứ thọ lãnh nạp không tổn hại. Đấy là có mật ý gì?

Đáp: Nghiệp tịnh, bất tịnh trong đời quá khứ đã khởi đã diệt, có thể chiêu cảm quả yêu thích của vị lai. Chủng tử của nghiệp nầy thâu nhận, huân tập nơi các Hành nối tiếp lần lượt không dứt. Đức Thế Tôn vì nhằm hiểu bày sự nối tiếp như vậy, do đó đã nói: "Có nghiệp quá khứ".

Lại, đức Thế Tôn quán hai nghĩa, nên nói như thế. Một là nhằm ngăn chận ý của Luận giả về nhân không bình đẳng, để hiểu bày đạo lý nầy. Nghĩa là Luận giả kia vọng chấp cho là từ tự tánh của Trời đại tự tại, đế Thích Phạm Vương, nên trượng phu cùng hết thảy Hữu tình còn lại đều chuyển theo nẻo tịnh bất tịnh. Hai là nhằm ngăn chặn ý của Luận giả cho tất cả là không nhân, để hiểu bày đạo lý nầy. Nghĩa là Luận giả kia vọng chấp cho tất cả Hữu tình chuyển theo nẻo tịnh, bất tịnh đều không có nhân.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: Có Hành quá khứ, ở trong Hành ấy, chúng Thánh đệ tử gồm đủ đa văn của ta không lưu luyến an trụ. Có Hành vị lai,

ở trong Hành ấy, chúng Thánh đệ tử gồm đủ đa văn của ta không trông mong an trụ. Đây có mật ý gì?

Đáp: các Hành quá khứ cho quả nên có. Các Hành vị lai thâu tóm nhân nên có. vì sao? Vì các Hành hiện tại đã hiểu bày ba tướng:

1. Tánh của quả nơi quá khứ.
2. Tánh của nhân nơi vị lai.
3. Tự tướng nối tiếp không dứt.

Vì nhằm làm rõ lý nầy, nên đức Phật Thế Tôn đã nói như thế. Lại quán xét hai nghĩa nên nêu bày như vậy. Một là nhằm ngăn dứt chấp đối với pháp khứ lai cho là thật có, để hiểu bày đạo lý nầy. Nghĩa là nếu các Hành khứ lai, tánh tướng là thật có, thì không nên do tánh của khứ lai kia mà nói là có. Hai là nhằm ngăn dứt chấp bài bác cho là không, để hiển bày đạo lý nầy. Nghĩa là kiến giải kia vọng chấp cho như đời khứ lai, hiện tại cũng vậy, đều không thật có.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: "có cảnh giới quá khứ, có giới vị lai, có giới hiện tại". Đây là mật ý gì?

Đáp: Nếu đã cùng với chủng tử của quả nối tiếp, gọi là Giới quá khứ. Nếu chưa cùng với chủng tử của quả vị lai nối tiếp, gọi là Giới vị lai. Nếu chưa cùng với chủng tử của quả hiện tại nối tiếp, gọi là Giới hiện tại. Nên biết ở đây, như thế là mật ý. Nếu Bí-sô v.v... ở trong sự nối tiếp của chủng tử như vậy mà đạt được thiện xảo, gọi là ở trong tất cả các pháp kia, chứng đắc vô lượng vô số tự tánh thiện xảo của các Giới.

Lại nữa, vì sao nên biết sanh lão, trụ, vô thường, lìa uẩn như sắc v.v... không thật có riêng biệt. Nghĩa là đã ngăn chận chấp tánh thật có nơi các hành vị lai, nên biết là cũng ngăn chận chấp tánh thật có sanh. Vì sao? Vì sanh của đời vị lai tự nó không thật có, làm sao có thể sanh các Hành còn lại. Cũng chẳng phải đời hiện tại có thể sanh các Hành hiện tại. Do đấy tướng sanh có tên gọi sai biệt. Đó là các Hành hoặc sanh hoặc khởi. Nếu tánh hiện tại lìa sự sai biệt ấy, thì tướng khác của sanh nhất định không thể thủ đắc. Các bậc thông tuệ không nên nói: Tức do hiện tại khiến các Hành kia thành tánh hiện tại. Vì sao? Vì nếu nói như thế là các Hành sanh diệt nối tiếp nên biết nghĩa hiểu bày tức tánh hiện tại có thể thành hiện tại.

Lại, tất cả pháp mỗi mỗi đều có riêng nhân của tự chủng tử, đâu cần cho là có hàng phàm phu có thể sanh. Lại, tướng sanh nầy tức là do các Hành sanh chăng? Hay là do nhân của các Hành sanh? Nếu là các Hành sanh thì cho tướng sanh nầy có thể sanh các Hành, do có sanh nên các Hành được sanh, là không hợp đạo lý. Nếu là nhân của các Hành sanh, thì lúc các

Hành sanh, nơi mỗi mỗi Hành nên có hai sanh, là sanh và chủ thể sanh, là không hợp đạo lý. Như sanh, thì Lão trụ, vô thường, do đạo lý nầy, như chỗ ứng hợp nên biết. Vì vậy nên rõ, sanh v.v... ở trong các Hành là giả nêu đặt là có, do có nhân, nên các Hành chẳng phải là gốc. Tự tướng mới khởi gọi là sanh. Sau khởi các Hành cùng với trước sai biệt gọi là Lão. Tức phần vị sanh của các Hành kia tạm dừng, gọi là trụ. Sau sát na sanh, tướng của các Hành dứt gọi là diệt, cũng gọi là vô thường.

Hỏi: Nếu pháp Hữu vi, với bốn tướng Hữu vi là sanh lão trụ diệt có thể nắm bắt đầy đủ, do đâu đức Thế Tôn chỉ nói có ba thứ:

1. Sanh
2. Diệt
3. Trụ nơi tánh khác.

Đáp: Do tất cả hành nơi ba đời được hiển bày. Từ đời vị lai vốn không mà sanh. Vậy nên đức Thế Tôn, do đời vị lai, đối với pháp Hữu vi nói sanh là tướng Hữu vi. Tướng ấy đã sanh rồi rơi rụng lui về quá khứ, vậy nên đức Thế Tôn do đời quá khứ đối với pháp Hữu vi nói diệt là tướng Hữu vi. Pháp của đời hiện tại đã hiển bày hai tướng là trụ và dị. vì sao? Vì chỉ thời gian hiện tại có trụ có thể đạt được. Trước sau biến dị cũng chỉ là hiện tại. Do đấy, đức Thế Tôn nhân nơi đời hiện tại đối với pháp Hữu vi nói chung trụ, dị là một tướng Hữu vi.

Hỏi: Thánh đệ tử của Phật nên quán đầy đủ về ba tướng Hữu vi. vì sao chỉ nói chúng Thánh đệ tử ở trong các uẩn tùy quán sanh, diệt mà trụ? Không nói tùy quán tánh trụ dị?

Đáp: sanh cùng trụ dị được hiển bày cùng sanh. Thế nên hai tướng hợp làm một phần, kiến lập phẩm sanh, tức nói tùy quán một tướng sanh mà trụ. Đối với phần thứ hai kiến lập phẩm diệt, tức nói tùy quán một tướng diệt mà trụ.

Lại nếu do tướng nầy khởi tư duy chán lìa, nên nay ở trong ấy chỉ nói về tướng nầy. Nghĩa là trong các Hành quán về tướng vô thường, có thể dấy khởi chán bỏ, lìa dục, giải thoát, nên chỉ tư duy về tánh tướng vô thường. Tánh tướng vô thường xưa không nay có, có rồi trở lại không, đã hiện rõ. Xưa không nay có, đó gọi là sanh. Có rồi trở lại không, đó gọi là diệt.

Lại nữa, sai biệt của sanh có nhiều thứ. Nghĩa là sanh sát na, sanh tương tục, sanh tăng trưởng, sanh tâm sai biệt, sanh chốn đáng yêu thích, sanh chốn yêu thích, sanh thấp kém, sanh xứ trung, sanh thắng diệu, sanh hữu thượng, sanh vô thượng. Trong ấy, các Hành nơi từ sát na sát na đổi

thay mà khởi, gọi là sanh sát na. Nếu đủ các kiết, hoặc không đủ kiết, từ các tụ hữu tình kia diệt mất, rồi đi đến các tụ hữu tình khác, các uẩn nối tiếp sanh, gọi là sanh tương tục. Hoặc từ các phần vị trẻ thơ, đồng tử v.v... cho đến đi về phần vị lão suy, gọi là sanh tăng trưởng. Hoặc duyên nơi các cảnh giới kia, nơi những phần vị ngày đêm, sát-na, Lạp-phược, Mâu-hô-lật-đa v.v... thường xuyên dời đổi, không phải một mà là rất nhiều, vô số tâm khởi, hoặc tương ưng với vui, hoặc tương ưng với khổ, hoặc tương ưng với không khổ không vui. Hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham, nói rộng cho đến hoặc tâm khéo giải thoát, hoặc tâm không khéo giải thoát. Như thế gọi là sanh tâm sai biệt. Hoặc sanh trong các cỏi khổ như Na-lạc-na, Bàng sanh Ngạ quỷ, Như vậy gọi là sanh nơi không đáng yêu thích. Nếu sanh trong các cõi vui như người, trời, gọi là sanh nơi đáng yêu thích. Hoặc sanh trong cõi dục thấp kém, gọi là sanh nơi thấp kém. Nếu sanh trong cõi sắc xứ trung, gọi là sanh nơi xứ trung. Hoặc sanh nơi cõi vô sắc thắng diệu, gọi là sanh nơi chốn thắng diệu.

Lại có sai biệt: Nghĩa là đầu tiên nhập thai, gọi là sanh thấp kém. Lần thứ hai nhập thai, gọi là sanh xứ trung. Nhập thai sau cùng gọi là sanh thắng diệu.

Lại có sai biệt: Nghĩa là từ pháp nhiễm ô và quả nhiễm ô sanh gọi là sanh thấp kém. Nếu từ các pháp thiện và quả thiện sanh gọi là sanh thắng diệu. Trừ quả thiện bất thiện nơi pháp vô ký, sanh từ pháp vô ký còn lại, gọi là sanh xứ trung.

Nếu dựa theo giới sanh mà nói thì đầu tiên từ cõi dục, cho đến xứ vô sở hữu, gọi là hữu thượng sanh. Sanh nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng gọi là vô thượng sanh. Hoặc dựa theo sự nối tiếp sanh sát na tương tục sanh mà nói, trừ quả vị A-la-hán với thân sau cùng mạng chung, sanh từ các uẩn hiện có, từ tất cả quả vị khác với các Hành hiện có, gọi là sanh hữu thượng. Nếu sanh từ quả vị A-la-hán với thân sau cùng mạng chung với các Hành hiện có gọi là sanh vô thượng.

Lại nữa, sai biệt của lão (già) nên biết cũng có nhiều loại. Đó là thân lão, tâm lão, thọ mạng lão, lão của biến hoại, lão của tự thể chuyển biến. Trong ấy suy biến v.v... cho đến thân hoại, nói rộng như Kinh. Đó gọi là Thân lão. Hoặc Tâm tương ưng với Lạc thọ biến đổi, chuyển thành tâm tương ưng với khổ thọ. Hoặc tâm thiện biến đổi, chuyển thành Tâm nhiễm ô. Hoặc ở trong sự việc đáng yêu thích, tâm hy vọng biến đổi, chuyển thành Tâm hy vọng không kết quả. Đó gọi là Tâm lão. Hoặc đối với các phần vị ngày đêm, sát-na, Lạc-phược, Mâu- hô-lực-đa, luôn luôn dời đổi, thọ lượng

tổn giảm, dần dần chuyển diệt cho đến đều hết. Đó gọi là Thọ mạng lão hoặc các người giàu sang, hưng thạnh rồi khối chuyển hư mất. Sắc lực không bệnh, sung mãn vui thích đều biến đổi, đó gọi là Lão của biến hoại.

Hoặc từ trong tụ tăng thạnh của cõi thiện, tự thể mất rồi, sanh đến trong tụ thấp kém của cõi ác, tự thể sanh khởi đó gọi là Lão của tự thể chuyển.

Lại có một thứ lão làm duyên, có thể tạo thành tất cả thứ lão như trên đã nói. Đó là Lão nơi tánh của các Hành từng sát na, sát na chuyển dị. Lại nữa, sai biệt của trụ nên biết cũng có nhiều loại. Nghĩa là trụ sát na, trụ tương tục, trụ duyên nơi tương tục, trụ không tán loạn, trụ lập nơi quỹ phạm.

Nếu các Hành đã sanh, lúc sanh tạm dừng lại, gọi là trụ sát na. hoặc các Hữu tình, nơi các xứ kia, nơi các tự thể kia, do các thứ ăn uống kia làm chỗ nương dựa, cho đến thọ mạng trụ, trụ nơi lượng đại kiếp của khí thế gian bên ngoài. Đó gọi là Trụ tương tục. Hoặc là thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc, hoặc nơi pháp thiện, bất thiện, vô ký, cho đến đều duyên riêng nơi hiện tiền, trong từng ấy thời gian trụ. Đó gọi là Trụ duyên nơi tương tục. Hoặc các tâm định do Tam-ma-địa đang khởi, hiện tiền, đó gọi là Trụ không tán loạn.

Hoặc ở nơi các phương khác, vùng khác kia, thành nước, thôn xóm, kinh đô, vương cung, hoặc trong các đại chúng, nắm giữ pháp luật, buôn bán, chung ấp, kiến lập khuôn phép như xưa, theo đấy mà chuyển. Như thế gọi là trụ lập nơi quỹ phạm.

Lại nữa, sai biệt của vô thường nên biết cũng có nhiều loại. Đó là vô thường hoại diệt, vô thường sanh khởi, vô thường biến đổi, vô thường tan hoại, vô thường sẽ có, vô thường hiện đọa.

Nếu tất cả Hành sanh rồi liền diệt, đó gọi là vô thường hoại diệt. Hoặc hết thảy Hành xưa không nay có, đó gọi là vô thường sanh khởi. Hoặc các Hành khả ái, tướng dị hiện khởi, đó gọi là vô thường biến đổi. Hoặc các thứ vật dụng hoặc biến hoại, khả ái và phần vị tăng thượng trở nên ly tán, thối chuyển, hư mất, đó gọi là vô thường tan hoại. Tức bốn thứ vô thường ở nơi thời vị lai, gọi là vô thường sẽ có. Tức nơi đời hiện tại, lúc đang hiện tiền, gọi là vô thường hiện đọa.

Nếu là người thọ dụng dục trần, có nhiều phóng dật, thì chỉ có thể tư duy về vô thường biến đổi, vô thường tan hoại, vô thường hiện đọa, khởi rộng xót thương, than thở sầu lo, tiều tụy, nhưng đối với các Hành không thể chán lìa. Hoặc các ngoại đạo, tức đối với tánh của các thứ vô thường như thế, khởi nhiều tư duy, nhưng ít có thể tạo phương tiện chán bỏ, lìa

dục, chỉ ở nơi các Hành chán lìa một phần, không thể hoàn toàn. Nếu Thánh đệ tử, tư duy đầy đủ về tánh của các thứ vô thường, nơi hết thảy Hành, chán lìa rốt ráo, cho đến giải thoát.

Lại nữa, thế nào là đạt được thành tựu?

Nghĩa là nếu lược nói, sanh duyên nơi nhân tăng thạnh thâu nhận, gọi là đạt được, do đạo lý nầy nên biết đạt được là giả có. Nếu cho đạt được là thật có, thì đấy chính là nhân sanh các Hành, hay là nhân không lìa tan của các pháp? Nếu là nhân sanh các Hành, thì hoặc từ trước nay chưa được pháp nầy. Ở đây đã không có nhân sanh đạt được nên thường không sanh, do đấy nên cũng hoàn toàn không đạt được. Nếu là nhân không lìa tan của các pháp, thì hết thảy pháp thiện, bất thiện, vô ký đạt được đã cùng có, chúng tuy trái nhau nên tức thì hiện hành, do đó cả hai thứ đều không hợp lý.

Lại, nhân sanh, đó là thuộc về duyên riêng nhận lấy tự chủng của các pháp. Nhân không lìa tan, nghĩa là do duyên khác hiện tiền, nên duyên khác lìa tan. Hoặc ở trong duyên dẫn phát có uy lực tự tại, giả lập là đạt được, do sự tự tại ấy làm chỗ nương dựa, nên các sĩ phu, bổ-đặc- già-la hiện có, tuy các pháp kia đã khởi đã diệt, nếu mong muốn chúng lại hiện tiền nữa, liền có thể mau chóng dẫn phát các duyên khiến được sanh khởi. Thế nên cũng gọi đó là đạt được. Nên biết sự đạt được nầy lược có ba loại:

1. Thành tựu chủng tử
2. Thành tựu tự tại
3. Thành tựu hiện hành

Nếu các pháp nhiễm ô, các pháp vô ký hiện có sinh được, pháp thiện không do công dụng mà hiện hành, thì các chủng tử kia chưa bị Xa-ma-tha tổn phục, hoặc chưa bị Thánh đạo loại trừ vĩnh viễn, hoặc không bị tà kiến hủy hoại các thiện, như người đoạn thiện căn, như thế gọi là thành tựu chủng tử. Vì sao? Vì đạt đến chủng tử nầy là chưa bị tổn phục, chưa bị loại trừ vĩnh viễn. Bấy giờ các pháp nhiễm ô kia, hoặc hiện hành hoặc không hiện hành, đều gọi là thành tựu. Nên nếu gia hạnh đã sanh pháp thiện cùng một phần pháp vô ký sanh, duyên nơi chỗ thâu nhận chủng tử của nhân tăng thạnh, đó gọi là thành tựu tự tại. Nếu tự tướng của các pháp hiện tại hiện tiền chuyển, đó gọi là thành tựu hiện hành.

Lại nữa, thế nào là Mạng căn? Nghĩa là do nghiệp trước, nơi các xứ kia, đã sanh tự thể, lúc trụ hiện có với thế phần hạn lượng, gọi là mạng căn của thọ sanh khí. Đây lại có nhiều thứ sai biệt, đó là định chẳng định, tùy chuyển không tùy chuyển, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc có biên vực, hoặc không

có biên vực, hoặc do tự uy lực chuyển, hoặc không do tự uy lực chuyển. Trừ phần lượng thọ mạng của người thuộc Châu Thiệm Bộ, các xứ sanh còn lại thọ lượng đều quyết định. Châu Thiệm Bộ nầy, hoặc có thời gian thọ mạng dài rộng không có lượng, hoặc có thời kỳ thọ mạng ngắn ngủi, chẳng định. Người của Châu Bắc Câu lô thọ lượng tùy chuyển, như lượng quyết định tùy chuyển rốt ráo, không có trung yếu. Hết thảy xứ khác gọi là không tùy chuyển. Người của Châu Thiệm Bộ, thời kỳ thọ lượng mười tuổi gọi là thọ ít. Một phần băng sanh cũng gọi là thọ ít. vì sao? Vì một phần Bàng sanh thọ lượng có thể đạt được chỉ một ngày đêm. Hoặc có một phần, hoặc hai ngày đêm hoặc ba ngày đêm, cho đến thọ lượng tối đa có thể đạt được là mười ngày mười đêm. Hữu tình thọ sanh xứ phi tưởng phi phi tưởng gọi là thọ nhiều, trải qua tám vạn đại kiếp. Bậc A-la-hán v.v... gọi là thọ lượng có biên vực. Hoặc các bậc hữu học ở trong hiện pháp quyết định Bát Niết bàn, hoặc các phàm phu trụ nơi thân sau cùng cũng gọi là thọ lượng có biên vực. nên biết phần còn lại là thọ lượng không biên vực. Hoặc A-la-hán v.v..., hoặc chư Như lai, hoặc các Bồ tát, ở trong hành thọ, mạng căn hiện có dài ngắn tự tại, gọi là do tự uy lực chuyển. Nên biết số còn lại gọi là không do tự uy lực chuyển.

Lại nữa, thế nào là chúng đồng phận?

Nghĩa là nếu lược nói, Hữu tình thọ sanh nơi các xứ kia, đồng giới, đồng cõi, đồng sanh, đồng loại về phần vị, tánh, hình. Do các phần ấy cùng tánh tương tự, đó gọi là chúng đồng phận, cũng gọi là hữu tình đồng phận. Ở đây, hoặc có hữu tình do Giới đồng phận nên nói là đồng phận, nghĩa là đồng sanh nơi một Giới (cõi). Hoặc có hữu tình do nẻo (Thú) đồng phận, nên nói là đồng phận, nghĩa là đồng sanh nơi một nẻo. Hoặc có hữu tình do sanh đồng phận, nên gọi là đồng phận, nghĩa là đồng sanh nơi một đời. Hoặc có hữu tình do loại đồng phận nên gọi là đồng phận, nghĩa là đồng một chủng loại. Hoặc có hữu tình do phần vị, thể tánh, dung mạo, hình tướng, âm thanh, sự che chở, nuôi dưỡng mạng sống đồng phận, nên gọi là đồng phận. Hoặc có Hữu tình do lỗi lầm, công đức đồng phận, nên gọi là đồng phận. Như kẻ sát sanh, nói rộng cho đến các kẻ theo tà kiến so với tà kiến, người lìa sát sanh so với người lìa sát sanh, cho đến người chánh kiến so với người chánh kiến. Từ dự lưu cho đến A-la-hán, Độc giác so với dự lưu v.v... Bồ tát so với Bồ tát. Như Lai đối chiếu với Như-lai. Như thế lại cùng gọi là đồng phận.

Lại nữa, Thế nào là tánh phàm phu? Nghĩa là chủng tử của pháp do kiến đạo đoạn trong ba cõi, chỉ chưa dứt trừ vĩnh viễn số lượng ấy, gọi là

tánh phàm phu. Đây lại lược nêu có bốn loại:

1. Thuộc về chủng tánh không có pháp Bát-niết-bàn.
2. Thuộc về chủng tánh Thanh văn.
3. Gắn liền với chủng tánh Độc giác.
4. Gắn liền với chủng tánh Như lai.

Lại nữa, thế nào là hòa hợp? Nghĩa là có thể sanh các pháp, các nhân các duyên kia, tóm lược chung làm một gọi là hòa hợp. Tức ở đây cũng gọi là nhân đồng sự. Lại, sai biệt nầy tức hoặc có hòa hợp lãnh thọ, nghĩa là sáu xứ duyên nơi xúc, hoặc sắc v.v... duyên, hoặc tác ý v.v... duyên, hoặc xúc duyên thọ.

Hoặc có Hòa hợp dẫn sanh đời sau, Nghĩa là vô minh duyên hành v.v..., thọ duyên Ái, Ái duyên thủ, nói rộng cho đến sanh duyên Lão tử. Hoặc có Hòa hợp trụ Lục xứ, nghĩa là bốn cách ăn và mạng căn.

Hoặc có Hòa hợp thành tựu xứ công xảo, nghĩa là Trí công xảo cùng nghiệp tương ưng kia, có đủ tác dụng của sĩ phu.

Hoặc có Hòa hợp thanh tịnh, nghĩa là mười hai thứ tập hội không xen tạp, tức tự tha viên mãn.

Lại có hòa hợp của thế tục, nghĩa là các hữu tình nương cùng với lực tăng thượng của ý lạc, nên đều không mâu thuẫn, không tranh tụng cũng không trái lìa.

Lại nữa, thế nào là Danh thân? Nghĩa là dựa nơi các pháp để thiết lập tự tánh, thiết lập tự tướng, do phân biệt khắp, thuận theo ngôn thuyết chỉ kiến lập tưởng, đó gọi là Danh thân.

Thế nào là Cú thân? Nghĩa là tức dựa nơi tự tướng kia thiết lập các pháp hiện có, thiết lập sự sai biệt, kiến lập công đức, Lỗi lầm, tạp nhiễm, thanh tịnh, hý luận, đó gọi là Cú thân.

Thế nào là Văn thân? Nghĩa là chỗ nương dựa nơi tánh của Danh thân, Cú thân, với chữ thân hiện có, đó gọi là Văn thân.

Lại, ở trong tất cả sự việc của đối tượng nhận biết, đối tượng của giảng giải, tướng hết sức tóm lược là Văn, hoặc vừa là Danh, hoặc rộng là Cú. Nếu chỉ dựa nơi Văn thì chỉ có thể thấu đạt về âm vận mà thôi, không thể thấu đạt về sự nghĩa hiện có. Hoặc nương dựa nơi danh, thì có thể thấu đạt về tự tướng, tự tánh của các pháp kia, cũng có thể thấu đạt về âm vận hiện có, nhưng không thể thấu đạt về sự sai biệt sâu rộng của pháp được phân biệt, lựa chọn. Nếu nương dựa nơi Cú, nên biết tất cả đều có thể thông đạt. Lại, Danh Cú Văn nầy, nên biết là dựa vào năm minh xứ để phân biệt

kiến lập. Đó là Nội minh, Nhân minh, Thanh minh, Y phương minh và Thế gian công xảo sự nghiệp minh.

Lại nữa, thế nào là lưu chuyển?

Nghĩa là, tánh nhân quả của các hành tương tục không dứt, đó gọi là lưu chuyển. Lại, sự sai biệt của lưu chuyển nầy có nhiều loại. Hoặc có chủng tử lưu chuyển, nghĩa là có chủng tử nơi các pháp không hiện tiền. Hoặc có uy lực tự tại lưu chuyển, nghĩa là các pháp hiện hành có chủng tử đã bị loại trừ. Hoặc có lưu chuyển chủng quả, nghĩa là các pháp hiện hành có chủng tử được gieo trồng không bị tổn hại. Hoặc có lưu danh lưu chuyển, nghĩa là bốn uẩn không phải sắc. Hoặc có lưu sắc lưu chuyển, nghĩa là mười xứ có sắc trong ngoài và các sắc thuộc về các pháp xứ. Lại có lưu dục giới lưu chuyển, nghĩa là các Hành bị dục trói buộc. Lại có lưu vô sắc giới lưu chuyển, nghĩa là các Hành bị vô sắc ràng buộc. Lại có lưu lạc lưu chuyển, nghĩa là lạc thọ cùng với chốn nương dựa kia. như thế , lưu khổ lưu chuyển, lưu không khổ không lạc lưu chuyển nên biết cũng vậy. Lại có lưu thiện lưu chuyển, nghĩa là các Hành thiện. Lại có lưu bất thiện lưu chuyển, nghĩa là các Hành bất thiện. Lại có lưu vô ký lưu chuyển, nghĩa là các Hành vô ký. Lại có lưu thuận lưu chuyển, nghĩa là duyên khởi thuận. Lại có lưu nghịch lưu chuyển, nghĩa là duyên khởi nghịch.

Lại nữa, thế nào là Định dị?

Nghĩa là từ vô thỉ đến nay, tánh của vô số nhân quả quyết định sai biệt không có tạp loạn. Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, thì các pháp vẫn như thế. Lại, sự sai biệt của định dị nầy có nhiều loại. Hoặc có định dị lưu chuyển, Hoàn diệt, nghĩa là duyên khởi thuận nghịch. Hoặc có định dị của tất cả pháp, nghĩa là tất cả pháp thuộc về mười hai xứ không hơn không tăng. Hoặc có định dị lãnh thọ, nghĩa là tất cả thọ được gồm thâu trong ba thọ, không hơn không tăng. Hoặc có định dị trụ, nghĩa là trụ của tất cả phần nội cho đến thọ lượng, trụ của tất cả phần ngoại trải qua đại kiếp. Hoặc có định dị hình lượng, nghĩa là các hữu tình đối với các xứ sanh có sắc kia, đã thọ sanh thân với hình lượng quyết định cùng hình lượng quyết định của các phần ngoài nơi bốn đại châu.

Lại nữa, Thế nào là tương ưng? Nghĩa là các thứ pháp kia là cùng ngôn thuyết, là cùng kiến lập, là cùng mở bày các phương tiện thù thắng, đó gọi là tương ưng.

Lại, tương ưng nầy về sai biệt, phân biệt có bốn đạo lý: đó là đạo lý quán đãi, đạo lý tác dụng, đạo lý nhân thành và đạo lý pháp nhĩ. Các đạo lý nầy, nên biết như nơi địa Thanh văn v.v... đã phân biệt rộng.

Lại nữa, thế nào là Thế Tốc?

Nghĩa là tánh của các Hành tương ưng với sanh diệt chuyển vận mau chóng, đó gọi là thế tốc. Lại, Thế tốc nầy, về sai biệt có nhiều loại. Hoặc có Thế tốc của các Hành lưu chuyển, nghĩa là tánh sanh diệt của các Hành. Hoặc có Thế tốc của Hữu tình đi nơi đất nhẹ khỏe, nghĩa là như người, voi ngựa v.v... Lại có Thế tốc của hữu tình đi trên không, nghĩa là các loài chim bay, Dược xoa đi trên không, cùng chư Thiên v.v... Hoặc có Thế tốc của ngôn âm, nghĩa là các từ, vận nhanh nhẹn, sắc bén. Hoặc có Thế Tốc lưu nhuận, nghĩa là sự trôi chảy tràn trề, nhanh chóng của sông suối v.v... Hoặc có Thế Tốc của lửa đốt sáng rực, nghĩa là lửa đốt cháy tỏa sáng mạnh mẽ theo từng phần lửa chuyển. Hoặc có Thế tốc dẫn phát, nghĩa là như phóng tên, chuyển nhanh các viên, hòn v.v... Hoặc có Thế tốc của Trí huệ, nghĩa là người tu quán, với tánh của huệ lựa chọn nhanh chóng đối tượng nhận thức. Hoặc có Thế tốc của thần thông, nghĩa là các thần thông mau chóng như ý lực vận thân hiện có của bậc đại thần thông.

Lại nữa, thế nào là thứ lớp?

Nghĩa là ở trong các hành nối tiếp đều rung biệt, thứ lớp trước sau mỗi mỗi tùy chuyển. Đó gọi là thứ lớp.

Lại, thứ lớp nầy về sai biệt có nhiều loại. Hoặc có thứ lớp lưu chuyển, nghĩa là vô minh duyên Hành, nói rộng cho đến sanh duyên Lão tử. Hoặc có thứ lớp hoàn diệt, nghĩa là vô minh diệt nên Hành diệt, cho đến sanh diệt nên Lão tử diệt. Hoặc có thứ lớp của hàng tại gia xuất gia hành trụ, nghĩa là sáng sớm thức dậy, rửa ráy thân thể, mặc đủ y phục, lo liệu công việc, tắm gội thích hợp, thoa xức hương, dầu, tiếp tục ăn uống rồi mới ngủ nghỉ, đó là thứ lớp hành trụ của người tại gia. Hoặc sửa lại y phục, vì hành khất thực nên đi vào xóm làng, tuần tự mà đi, thọ thực như pháp, trở lại trụ xứ an tọa, ăn uống rửa tay, rửa sạch bát, rửa chân, vào thất thanh vắng đọc tụng kinh điển, tư duy như lý, ngày thì tọa thiền, kinh hành, tâm ý tịnh tu, đoạn trừ các chướng, đến gần giữa đêm sẽ ngủ nghỉ, cuối đêm về sáng lại mau chóng thức dậy, sửa lại y phục, thân quy về việc tu tập, đó là thứ lớp hành trụ của người xuất gia. Hoặc vào trong tăng chúng, tùy theo lớn nhỏ, tu pháp hòa kính, bày biện tòa giường, thứ lớp nhận thẻ phân chia ngọa cụ, nơi chốn lợi dưỡng cùng lo liệu mọi việc.

Hoặc có thứ lớp tăng trưởng, nghĩa là thứ lớp sanh khởi của tám phần vị như trẻ thơ, đồng tử v.v... Hoặc có thứ lớp hiện quán, nghĩa là ở trong bốn Thánh đế như khổ v.v... thứ lớp hiện quán. Hoặc có thứ lớp nhập định, nghĩa là theo thứ lớp nhập chín định thứ đệ. Hoặc có thứ lớp tu học, nghĩa

là lấy Giới học tăng thượng làm chỗ dựa, tiếp theo sanh tâm học tăng thượng. Lấy tâm học tăng thượng làm chỗ dựa, sau sanh Tuệ học tăng thượng.

Lại nữa, thế nào là Thời? Nghĩa là do lực tăng thượng hiện ra, lặn mất của vầng mặt trời, nên an lập, hiểu bày về thời tiết sai biệt. Lại do lực tăng thượng của các Hành sanh diệt, nên an lập, hiểu bày phần vị của thế gian sai biệt, gọi chung là thời. Thời nầy, về chỗ sai biệt lại có nhiều thứ. Nghĩa là các phần vị như mùa, năm, tháng, nửa tháng, ngày đêm, sát-na, lạp-phược, Mâu-hô-lật-đa v.v... cùng với ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Lại nữa, thế nào là Số? Nghĩa là an lập, hiểu bày sự vật đều riêng khác, tính toán về số lượng sai biệt. Đó gọi là Số. Số nầy, về chỗ sai biệt lại có nhiều loại. Nghĩa là một số hai số, từ đây trở đi đều gọi là nhiều số. Lại, biên vực của số gọi là A-tăng-xí-da, từ đấy trở đi hết thảy toán số là không thể chuyển. Thế nên Biên vực của số gọi là không thể tính đếm.

Lại nữa, chủng tử vì sao không loại bỏ các Hành để riêng có vật thật, gọi là chủng tử, cũng không phải là xứ khác. Nhưng vì các hành chủng tánh như thế, cùng sanh như thế, sắp bày như thế, gọi là chủng tử, cũng gọi là Quả. Nên biết ở đây, quả và chủng tử không cùng lẫn lộn. Vì sao? Vì nếu đối chiếu với các hành quá khứ tức đấy gọi là Quả. Nếu đối chiếu với các Hành vị lai thì đấy gọi là chủng tử. như thế, nếu lúc đối chiếu kia gọi là chủng tử thì bấy giờ không gọi đấy là Quả. Nếu lúc đối chiếu kia gọi là quả, thì bấy giờ không gọi đấy là chủng tử. Vì vậy nên biết, chủng tử và Quả không cùng lẫn lộn. Ví như các vật như lúa tẻ, lúa mạch hiện có chủng tử như mầm cành, lá v.v... ở trong vật kia mài, giã, phân tích để tìm chủng tử khác là hoàn toàn không thể được, cũng không phải là xứ khác. Nhưng các đại chủng, chủng tánh như vậy, cùng sanh như vậy, đặt bày như vậy, tức các vật như lúa tẻ lúa mạch, có thể vì chúng làm duyên, khiến chúng được sanh, gọi là chủng tử. Nên biết đạo lý ở đây cũng thế.

Hỏi: Trước đã nói về sự "tổn phục" chủng tử của pháp nhiễm còn sự tổn phục chủng tử của pháp thiện thì thế nào?

Đáp: Nếu thường chú trọng nhiều về hành tập thiện, trái với các pháp nhiễm ô, là sự "tổn phục" thứ nhất.

Hoặc chấp giữ tà kiến, hành tập nhiều theo tà kiến như các ngoại đạo, là sự tổn phục thứ hai. Hoặc hành tập nhiều theo tà kiến hủy báng như kẻ đoạn thiện căn, là sự tổn phục thứ ba. Hoặc có thể loại trừ vĩnh viễn chủng tử của pháp nhiễm, như trước đã nói, là sự tổn phục thứ tư.

Lại nữa, nếu lược nói về tất cả chủng tử, nên biết có chín thứ:

1. Đã cho quả.
2. Chưa cho quả.
3. Quả đang hiện tiền.
4. Quả không hiện tiền.
5. Phẩm hạ.
6. Phẩm trung.
7. Phẩm thượng.
8. Bị tổn phục.
9. Không bị tổn phục.

Nếu đã cho quả thì đấy gọi là Quả đang hiện tiền. Nếu quả đang hiện tiền thì đấy gọi là đã cho quả. Nếu chưa cho quả, thì đấy gọi là Quả không hiện tiền. Nếu Quả không hiện tiền thì đấy gọi là chưa cho Quả. Nếu trụ nơi bản tánh gọi là phẩm hạ. Nếu tu hoặc luyện pháp thiện, bất thiện chưa đạt đến cứu cánh, gọi là phẩm trung. Nếu tu hoặc luyện đạt đến cứu cánh, gọi là phẩm thượng. Tổn cùng không tổn như trước nên biết.

Lại nữa, tôi sẽ lược nói về sự an lập chủng tử.

Thế nào là lược nói về sự an lập chủng tử? Nghĩa là ở trong Thức A-lại-da, tập khí vọng chấp về tự tánh biến kế nơi tất cả các pháp, đó gọi là an lập chủng tử. Nhưng tập khí nầy là vật thật có, là có của thế tục, đối chiếu với pháp kia không thể nhất định nói là tướng khác hay chẳng khác. Cũng như chân như, tức ở đây cũng gọi là thô trọng biến hành.

Hỏi: Nếu tập khí nấy thâu gồm hết thảy chủng tử, lại gọi là thô trọng biến hành, thì các pháp xuất thế gian từ nơi chủng tử nào sanh? Nếu nói chủng tử của tự tánh thô trọng là chủng tử sanh thì không hợp đạo lý.

Đáp: các pháp xuất thế gian từ chủng tử của sở duyên duyên nơi chân như sanh. Chẳng phải là do chủng tử được tích tập của tập khí kia sanh ra.

Hỏi: Nếu không phải do chủng tử được tích tập của tập khí kia sanh ra, thì do nhân duyên nào nên kiến lập ba thứ chủng tánh Bổ-đặc- già-la sai biệt nơi pháp Bát-niết-bàn? vì sao? Vì tất cả đều có Sở duyên duyên của chân như.

Đáp: do có sai biệt về có chướng ngại, không có chướng ngại. Nếu ở trong Sở duyên duyên của chân như đã thông đạt, có chủng tử của chướng ngại cứu cánh, thì kiến lập làm chủng tánh Bổ-đặc-già-la của pháp không Bát-niết-bàn. Nếu không như thế thì kiến lập làm chủng tánh Bổ-đặc-già-la của pháp Bát-niết-bàn.

Nếu có chủng tử của Sở tri chướng cứu cành hiện bày nơi chỗ dựa,

không phải là chủng tử của Phiền não chướng, thì nơi một phần kia kiến lập Bổ-đặc-già-la của chủng tánh Thanh văn, một phần kiến lập Bổ-đặc-già-la của chủng tánh độc giác. Nếu không như thế thì kiến lập Bổ đặc-già-la của chủng tánh Như lai. Vì vậy không có lỗi. Nếu các pháp xuất thế gian sanh rồi tức liền tùy chuyển, nên biết là do chỗ nhận giữ của lực chuyển y. Nhưng sự chuyển y nầy cùng với Thức A-lại-da là cùng trái nhau đối trị Thức A-lại-da, gọi là Giới vô lậu lìa các Hý luận.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 53

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm
Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 3:

Lại nữa, thế nào là Biểu nghiệp? Nghĩa là lược có ba loại:

1. Nhiễm ô.
2. Thiện.
3. Vô ký.

Nếu đối với mười nghiệp đạo bất thiện của Thân ngữ ý đức không lìa lực tăng thượng hiện hành, thì Biểu nghiệp của Thân ngữ hiện có gọi là Biểu nghiệp nhiễm ô. Nếu tức đối với các nghiệp ấy thể nhận xa lìa, thì Biểu nghiệp của Thân ngữ hiện có gọi là Biểu nghiệp thiện. Nếu Biểu nghiệp của Thân ngữ hiện có là một phần của xứ công xảo, các đường oai nghi, thì gọi là Biểu nghiệp vô ký. Nếu không muốn biểu thị nơi kẻ khác, chỉ tự khởi tâm, ý bên trong xét chọn, không nên bày ngôn ngữ, chỉ phát ra pháp thiện, nhiễm ô, hiện hành nơi Biểu nghiệp của ý, thì gọi là Biểu nghiệp của ý.

Ở đây, chỉ có Thân, xứ khác diệt đối với xứ khác sanh, hoặc tức xứ nầy chỉ là biến dị sanh, gọi là Biểu nghiệp của Thân. Chỉ có ngữ âm, gọi là Biểu nghiệp của Ngữ. Chỉ có phát khởi tâm đạo tác tư duy, gọi là Biểu nghiệp của ý. Vì sao? Vì do tất cả Hành đều là sát na, từ phương khác kia dời đến phương khác là không hợp đạo lý. Lại, nếu lìa thì chỉ là các Hành sanh, còn tác dụng thật khác thì do nhãn, nhĩ, ý đều không thể thủ đắc. Vì thế nên biết, tất cả Biểu nghiệp đều là giả có.

Lại nữa, nếu có Hữu tình sanh nơi nhà không luật nghi, có chỗ phân biệt nhận rõ để tự phát tâm mong muốn. Nghĩa là ta sẽ dùng các sự việc của đời sống nầy để tự sinh sống. Lại, đối với sự việc của đời sống ấy, lại hay khởi tâm nhận lấy dục lạc. bấy giờ gọi là kẻ không Luật nghi. Do thuộc về không Luật nghi, nên tác ý không như lý hết sức nặng nề, nhưng chưa tạo thành chỗ sanh khởi sát sanh cùng nghiệp đạo bất thiện khác đã sanh

các nghiệp bất thiện, cho đến điều mong muốn cũng chưa hiện hành. Về sau nếu hiện hành, hoặc ít hoặc nhiều, tùy chỗ thuận hợp, trở lại hình thành các nghiệp bất thiện. Như sanh nơi nhà không Luật nghi, như thế, tùy là người nào, tùy do sự việc nào để khởi tâm quyết định mãnh liệt, nói rộng nên biết. Người nầy cho đến chưa bỏ tư duy luật nghi, nên từ đấy trở đi luôn được gọi là kẻ không luật nghi. Nơi mỗi mỗi ngày, tư duy bất thiện kia đã tích tập rộng, nên nghiệp bất thiện ấy hiện hành nhiều. Nên biết không phải là vận phước tăng trưởng vận hành.

Lại nữa, tư nguyện tà ác nầy luôn cùng với không tin, biếng nhác, quên niệm, tán loạn, Huệ ác cùng hành, có thể thọ nhận nghiệp kia, có thể phát khởi nghiệp kia. Từ đấy về sau, do chủng tử nên cùng hiện hành. Ở trong sự tương tục, hiện tại lúc chuyển, gọi là kẻ không luật nghi, cho đến nhân duyên xả, nhưng chưa xả chưa bỏ. Ở đây, nếu đối với sau nghiệp ác là quả không yêu thích, không tin không hiểu cũng không tùy nhập, đó gọi là không tin. Nếu tùy theo chỗ mong muốn nơi nghiệp ác kia vui thích mà chuyển, không thể siêng năng gắn sức dứt diệt nghiệp kia, đó gọi là Biếng nhác. Nếu cùng với lỗi lầm tương ưng, nơi pháp có tội không thể chi nhận rõ như thật là có tội, đó gọi là quên niệm. Nếu Tâm nhiễm ô tán loạn nối tiếp chuyển không an trụ, đó gọi là tán loạn. Nếu Tâm điên đảo nối tiếp mà chuyển, nơi các thứ lỗi lầm thấy là những công đức thù thắng, đó gọi là Huệ ác. Do lực tăng thượng của Giới luật ác, nên những tư duy bất thiện hiện có cùng hành với không tin bất thiện v.v..., hiện tại lúc chuyển gọi là Giới Ác. Nếu cũng với đây trái nhau, như chỗ thuận hợp, nên biết là có được Luật nghi. Tùy chuyển sai biệt, nghĩa là có khả năng nhận luật nghi mới có thể được thọ nhận. Ở đây hoặc có trường hợp do người khác, do mình, mà thọ nhận Luật nghi. Hoặc lại có một, chỉ tự nhiên thọ nhận, trừ luật nghi của Bí-sô. Vì sao? Vì do Luật nghi của Bí-sô không phải tất cả đều có thể thọ nhận. Nếu Luật nghi của Bí-sô không phải chính là từ nơi người khác thọ nhận, thì hoặc có thể xuất gia, hoặc không thể xuất gia. Người chỉ muốn xuất gia, tức nên tất cả túy nơi chỗ mong muốn tự nhiên xuất gia. Như thế thì Thánh giáo liền không, quỹ phạm cũng không, đối với pháp, luật khéo nên giảng mà có thể nhận biết rõ! Thế nên, luật nghi của Bí-sô không có nghĩa tự nhiên thọ nhận.

Hỏi: Nếu trừ Luật nghi của Bí-sô, phần Luật nghi còn lại, có người tự nhiên thọ nhận, do nhân duyên nào nên lại từ nơi người khác thọ nhận?

Đáp: Do có hai thứ xa lìa Giới ác, thọ nhận chi tùy hộ, đó là Hổ Thẹn. Nếu ở nơi xứ khác cùng đối với tự xứ, lúc tội hiện hành, sanh xấu hổ sâu

xa, như vậy, đối với việc lìa Giới ác, thọ nhận chi tùy hộ mới có thể thọ nhận đủ, nên từ nơi kẻ khác thọ nhận.

Nếu có Hổ (Tàm) đang hiện tiền, tất cũng có Thẹn (Quý), không phải có Thẹn (Quý) tất định là có Hổ (Tàm). Thế nên pháp Hổ (Tàm) là mạnh mẽ tối thắng. Nếu có người như chỗ thọ nhận của mình mà giữ gìn sâu xa, nên biết phước đức sanh khởi là như nhau, không sai khác.

Lại, nếu khởi tâm đi đến chỗ thầy, ân cần khuyến thỉnh, tạo phương tiện phát khởi các hành lễ kính, do oai nghi đúng đắn trụ ở trước thầy. Lại dùng ngôn ngữ biểu hiện chỗ mong muốn, tạo tác thắng nghĩa, đó gọi là Biểu nghiệp của Thân, Ngữ.

Biểu nghiệp của ý: Nghĩa là hai Hành trước, nếu tự nhiên thọ nhận, thì chỉ có Biểu nghiệp của ý. Nếu tư duy xa lìa cùng với không Luật nghi trái nhau, do lục tăng thượng của sự xa lìa, nên cùng với năm căn cùng hành, gọi là Luật nghi.

Lại nữa, nên biết do một trăm Hành gồm thâu mà thọ nhận Luật nghi. Nghĩa là đối với mười thứ nghiệp đạo bất thiện, lìa phần ít sát sanh, cho đến xa lìa phần ít tà kiến, đó gọi là mười Hành thứ nhất.

Nếu xa lìa phần nhiều sát sanh, cho đến xa lìa phần nhiều tà kiến, đó gọi là mười Hành thứ hai.

Nếu xa lìa toàn phần sát sanh, cho đến xa lìa toàn phần tà kiến, đó gọi là mười Hành thứ ba.

Nếu lìa bỏ sát sanh trong thời gian ít, cho đến lìa bỏ tà kiến cũng thế, nghĩa là hoặc một ngày một đêm, hoặc nửa tháng một tháng, hoặc đến một năm, đó gọi là mười Hành thứ tư.

Nếu lìa bỏ sát sanh trong thời gian nhiều, cho đến lìa bỏ tà kiến cũng thế, nghĩa là hơn một năm, không đến mạng chung, đó gọi là mười Hành thứ năm.

Nếu trọn đời lìa sát sanh, cho đến lìa tà kiến, đó gọi là mười Hành thứ sáu.

Nếu tự lìa sát sanh, cho đến tự lìa tà kiến, đó gọi là mười Hành thứ bảy.

Nếu đối với sự việc nầy, khuyên dẫn kẻ khác, đó gọi là mười Hành thứ tám.

Nếu tức đối với kẻ kia, dùng vô lượng môn để khen ngợi, tán dương, đó gọi là mười Hành thứ chín.

Nếu thấy người lìa sát sanh, cho đến thấy người lìa tà kiến, tâm sanh

vui thích sâu xa, hoan hỉ hết mực, đó gọi là mười Hành thứ mười.

Mười lần mười Hành như vậy gọi chung là một trăm Hành. Lượng phước đức sanh khởi nên biết cũng như thế.

Lại nữa, Luật nghi nên biết lược có tám thứ:

1. Luật nghi có thể dấy khởi.
2. Luật nghi thâu nhận.
3. Luật nghi phòng hộ.
4. Luật nghi hoàn dẫn.
5. Luật nghi phẩm hạ.
6. Luật nghi phẩm trung.
7. Luật nghi phẩm thượng.
8. Luật nghi Thanh tịnh.

Nếu chưa chính thức thọ nhận, trước khởi tâm nầy: "Ta sẽ nhất định thọ nhận". Như thế nên xa lìa. Đó gọi là Luật nghi có thể khởi.

Nếu lúc chánh thức thâu nhận Giới xa lìa, thì gọi là Luật nghi thâu nhận. Từ đấy trở về sau, tư duy về sự xa lìa ấy, do lực tăng thượng của năm căn thâu nhận, nên thường cùng với chủng tử kia cùng hành, nơi nhiều thời gian cũng cùng với sự hiện hành kia kết hợp. Tức do chỗ thâu tóm của năm căn nên khéo tư duy, như Luật nghi đã nhận ở trước phòng hộ mà chuyển. Vì tư duy nầy, nên hoặc nhân gần gũi bạn ác, hoặc nhân phiền não tăng nhiều, theo chỗ sanh khởi ác, hiện hành dục, tức liền xấu hổ, mau chóng lìa bỏ, chớ để chúng khiến mình trái vượt với giới đã thọ, sẽ bị đọa vào cõi Ác. Đó gọi là Luật nghi phòng hộ.

Nếu lúc mất niệm, các Ác hiện hành, tức liền mau chóng khiến niệm an trụ, thành khẩn tự trách phát lỗ chỗ phạm, trừ hết ưu hối. Về sau kiên trì gìn giữ Luật nghi đã thọ. Đó gọi là Luật nghi hoàn dẫn.

Hoặc đối với các nghiệp đạo Ác như sát sanh v.v... xa lìa phần ít, xa lìa trong thời gian ngắn, chỉ tự xa lìa không khuyên dẫn kẻ khác, không dùng vô lượng môn để khen ngợi tán dương, cũng không thấy những người đồng pháp lìa, tâm sanh vui thích hết sức hoan hỷ. Đó gọi là Luật nghi phẩm hạ. Nếu đối với các pháp ác xa lìa phần nhiều, xa lìa trong thời gian dài không đến hết đời, tự có thể xa lìa, cũng khuyên dẫn kẻ khác xa lìa. Nhưng đối với sự xa lìa ấy, không dùng vô lượng môn để khen ngợi tán dương. Thấy người đồng pháp không sanh tâm vui mừng sâu xa, hoan hỷ hết mực. Đó gọi là Luật nghi phẩm trung.

Nếu đối với các thứ Ác, tất cả phần, hết thảy thời tự có thể xa, cũng

khuyên dẫn kẻ khác xa lìa, dùng vô lượng môn để khen ngợi, tán dương, thấy người đồng pháp thì sanh tâm vui thích sâu xa, vô cùng hoan hỷ. Đó gọi là Luật nghi phẩm thượng.

Hoặc đối với Luật nghi đã thọ nhận ấy, có thể hành trì không thiếu, phạm, dùng làm chỗ nương dựa, tu tập không hối v.v..., cho đến nhập đầy đủ nơi Tĩnh lự thứ nhất, do hành Xa-ma-tha nên có năng lực tổn phục, tổn phục tất cả chủng tử phạm giới. Đó gọi là Luật nghi Tĩnh lự.

Như nơi Tĩnh lự thứ nhất, thì các Tĩnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, nên biết cũng như thế. Ở đây có sai biệt, do đối trị phần xa thuộc về đạo Xa-ma-tha chuyển sâu, "tổn phục" chủng tử của Giới Ác, nên biết đó gọi là Lực thanh tịnh.

Hoặc đối với Luật nghi Thi-la nầy hành trì không có thiếu, phạm, lại nương dựa nơi Luật nghi Tĩnh lự, nhập hiện quán đế, đắc quả Bất Hoàn. Bấy giờ, tất cả chủng tử của Giới Ác thảy đều dứt trừ vĩnh viễn. Nếu dựa vào định vị chí chứng đắc quả thứ nhất, khi ấy, hết thảy chủng tử của Giới Ác có thể dẫn đến cõi Ác thảy đều dứt bỏ hoàn toàn. Đây tức gọi là Giới được Bậc Thánh yêu thích. nên biết đó gọi là lực thanh tịnh thứ hai dẫn đến Luật nghi thanh tịnh. Tức ở đây cũng gọi là Luật nghi vô lậu.

Luật nghi vô lậu nầy, nếu lực chứng đắc quả A-la-hán, chỉ do chủ thể đối trị thanh tịnh là thù thắng nên hơn, không do đối tượng đối trị bị đoạn trừ là hơn nên hơn. Như vậy tám thứ lập chung chỉ là ba:

1. Luật nghi thọ nhận.
2. Luật nghi hành trì.
3. Luật nghi thanh tịnh.

Hai thứ trước là Thọ nhận, Phòng hộ, Hoàn dẫn là Hành trì. Ba loại Hạ, Trung, Thượng là chung cho thứ Thọ, Trì. Tĩnh lự, Vô lậu là thuộc về Thanh tịnh .

Hỏi: Do đâu đức Thế Tôn kiến lập ba thứ Luật nghi: Bí-sô, Cận sự, Cận trụ?

Đáp: Do ba nhân. Nghĩa là đối tượng hóa độ của Phật có ba chủng loại:

- Hoặc có loại có thể hành hai thứ: Hành lìa hạnh ác và Hành lìa dục.
- Hoặc có loại có thể hành một thứ: Hành lìa hạnh ác, không Hành lìa dục.
- Hoặc có loại không thể hành cả hai thứ.

Dựa vào loại được hóa độ thứ nhất, kiến lập Luật nghi Bí-sô. Dựa

vào loại được hóa độ thứ hai kiến lập Luật nghi cận sự. Vì sao? Vì người sống nơi gia đình bị bức bách hiện xứ trần tục, nên không thể hoàn toàn nối tiếp việc giữ gìn đầy đủ các Học xứ. Dựa vào loại được hóa độ thứ ba, kiến lập Luật nghi Cận trụ. Vì sao? Vì loại nầy không thể hành rốt ráo hai hành cùng lìa, chỉ nên khuyên dẫn, thâu nhận họ. Hai nhân chớ khiến họ tự cho là đã bỏ hết gánh nặng. Nghĩa là ba chi trước tu hành lìa ác, bốn chi sau tu hành lìa dục. Lìa phi phạm hạnh cùng tu cả hai thứ.

Hỏi: Luật nghi Bí-sô, Cận sự, Cận trụ, nên biết là đều do bao nhiêu chi gồm thâu?

Đáp: Luật nghi Bí-sô do bốn chi gồm thâu:

1. Chi thọ cụ túc.
2. Chi thọ Học xứ theo pháp.
3. Chi tùy hộ tâm kẻ khác.
4. Chi tùy hộ như Học xứ đã thọ.

Nếu tạo biểu, bạch yết ma thứ tư cùng thâu nhận tóm lược theo Học xứ Thô, đó gọi là Chi thọ cụ túc. Do đủ chi nầy nên gọi là Bí-sô đầu tiên gồm đủ giới Bí-sô. Từ đấy về sau, ở trong Tỳ-nại-da Biệt giải thoát, tùy thuận Thi-La của Bí-sô hiện có. Nếu vị ấy được dẫn dắt do nhiều Học xứ, tất cả đều được giữ gìn, phụng hành, do đấy, được gọi là người giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát, đó gọi là Chi thọ Học xứ theo pháp.

Do thành tựu hai chi ấy nên các phép tắc hiện có đều đầy đủ, chỗ hành trì cũng đầy đủ, đó gọi là Chi tùy hộ tâm kẻ khác.

Phép tắc đầy đủ, chỗ hành đầy đủ như nơi địa Thanh văn đã nói: Nếu đối với các tội vi tế cảm thấy sợ hãi sâu xa, nên ở trong các Học xứ đã thọ học, có thể không hủy phạm, nếu như phạm thì có thể ra khỏi. Nghĩa là do cảm thấy sợ hãi sâu xa cùng sự thông sáng, đó gọi là Chi tùy hộ như Học xứ đã thọ.

Luật nghi cần sự do ba chi gồm thâu:

1. Chi thọ nhận sự việc xa lìa sự tổn hại hơn hết đối với kẻ khác.
2. Chi trái vượt hành huân tu đã thọ nhận.
3. Chi không vượt pháp đã thọ.

Nếu xa lìa vĩnh viễn sự tổn hại mạng sống kẻ khác, tổn hại tài sản của kẻ khác, tổn hại thê thiếp của kẻ khác, đó gọi là chi thú nhất.

Xa lìa vọng ngữ là chi thứ hai. Xa lìa các nơi chốn phóng dật của các thứ rượu, là chi thứ ba. Lược nói về Luật nghi Cận trụ do năm chi gồm thâu:

1. Chi thọ nhận xa lìa sự tổn hại kẻ khác.
2. Chi thọ nhận xa lìa sự tổn hại mình, người.
3. Chi trái vượt hành huân tu đã thọ nhận.
4. Chi không vượt chánh niệm trụ đã thọ.
5. Chi không hoại chánh niệm.

Nếu có thể xa lìa việc tổn hại mạng sống kẻ khác, xa lìa việc tổn hại tài sản kẻ khác, đó gọi là chi thứ nhất. Lìa phi phạm hạnh là chi thứ hai. Vì sao? Vì do lìa pháp ấy tức không nhiễm tập nơi thê thiếp của mình, nên không tự tổn hại. Cũng không nhiễm tập nơi thê thiếp kẻ khác nên không tổn hại kẻ khác.

Xa lìa vọng ngữ là chi thứ ba. Trừ lìa các chốn phóng dật của các thứ rượu, lìa ba xứ còn lại là chi thứ tư. Vì sao? Vì do các xứ kia (xem ca múa kỹ nhạc, xoa hương thơm, mang vòng hoa, nằm giường cao, ăn uống phi thời) là chỗ luôn tập quen, nếu xa lìa chúng, thường xuyên tự nghĩ: Ta nay an trụ nơi trai giới quyết định, đối với tất cả sự hành trì, giữ vững chánh niệm.

Xa lìa các nơi chốn phóng dật của những thứ rượu, là chi thứ năm. Vì sao? Vì vị kia tuy đã an trụ nơi chi chánh ức niệm, nghĩa là ta nay trụ nơi trai giới quyết định, nếu bị các thứ rượu làm cho say tức phát cuồng loạn, không tự tại chuyển.

Ở đây, hoặc là Luật nghi Bí-sô-ni, hoặc là Luật nghi của Cần sách, Cần sách nữ chánh học, đều thuộc về nơi phẩm xuất gia, nên biết là thuộc về Luật nghi Bí-sô. Hoặc Luật nghi của Cận sự nữ ở nơi phẩm tại gia, là chỗ hiểu bày về Học tương tự, nên biết là thuộc về Luật nghi Cận sự.

Hỏi: Vì sao đức Thế Tôn, ở trong Luật nghi Bí-sô chế lập Luật nghi của hai chúng Bí-sô, Cần sách? Ở trong Luật nghi Bí-sô-ni chế lập Luật nghi của ba chúng Bí-sô-ni, Chánh học, Cần sách nữ?

Đáp: Do nơi "Mẫu ấp" kia có nhiều phiền não khiến thọ học dần Luật nghi Bí-sô-ni. Nếu đối với phần ít Học xứ của Cần sách nữ sanh vui mừng sâu xa, thì tiếp theo nên trao cho vị ấy Học xứ hiện có của Chánh học. Nếu đối với phần nhiều Học xứ của Chánh Học sanh yêu thích sâu xa, thì không nên trao ngay cho vị ấy Cụ túc, phải trải qua hai năm hành tập tu học, nếu càng yêu thích sâu xa, sau đấy sẽ trao cho vị ấy giới Cụ túc. Như vậy, nơi thời gian dài đối với Học xứ ít, tu học tích tập xong, tiếp theo mới có năng lực thọ trì rất nhiều Học xứ rộng lớn.

Sau đó, đối với Luật nghi Bí-sô-ni có thể tu học đầy đủ.

Hỏi: do đâu ở trong Luật nghi của Cần sách đã thêm Học xứ lìa cầm giữ vàng bạc, mà không phải đối với Luật nghi Cận trụ?

Đáp: Vì chúng Cần sách kia thuộc về chúng xuất gia. Phàm là người xuất gia thì đối với hai thứ xứ được xem là hết sức không tịnh diệu:

1. Là rơi vào biên dục lạc. Mọi việc làm, thọ nhận về vui đùa, trang sức nơi thân đều thuận theo chỗ vui thích.

2. Là chứa cất tài sản vật báu.

Vì nhằm đoạn trừ xứ không tịnh diệu thứ nhất, nên lập ra Học xứ xa lìa ca múa, kỹ nhạc cho đến ăn uống phi thời. Vì nhằm đoạn trừ xứ không tịnh diệu thứ hai, nên chế lập Học xứ xa lìa việc thọ nhận, nắm giữ vàng bạc, vì vàng bạc kia là căn bản của tất cả của cải vật báu, chúng lại là thứ hơn hết.

Hỏi: Do đâu ở trong Luật nghi Cần sách, Học xứ xa lìa ca múa kỹ nhạc cùng xoa hương thơm mang tràng hoa được chế lập làm hai chi, còn trong Luật nghi Cận trụ thì hợp làm một chi?

Đáp: Vì các người tại gia đối với xứ ấy không phải là "Bất như pháp", còn các vị xuất gia thì đấy là hết sức "Bất như pháp". Thế nên, đối với người tại gia theo phần khinh chế chung làm một Học xứ, nhằm khiến họ nếu vừa trái phạm thì liền tự thành khẩn trách cứ, hợp nhất phát lồ không do hai thứ. Còn các vị xuất gia, đối với một xứ nầy, theo phần trọng chế riêng làm hai chi, nhằm khiến chư vị nếu khởi trái phạm liền tự khẩn khoản trách cứ, hai thứ phát lồ không chỉ do một.

Hỏi: Do đâu không thuận cho các người Phiến-sá-ca, Bán-trạch- ca xuất gia và thọ giới cụ túc?

Đáp: Do hai loại người nầy, nếu cho ở trong chúng Bí-sô thì dự vào lỗi lầm của người nữ. Nếu để ở trong chúng Bí-sô-ni thì nhân sự tiếp xúc va chạm liền dự vào lỗi lầm của người nam. Do không nên cùng với hai chúng đồng cư, vì thế không cho họ xuất gia thọ giới cụ túc. Lại do hai loại nầy có nhiều phiền não, tánh nơi phiền não chướng là ngăn che toàn bộ, không thể phát khởi sự suy xét, lựa chọn. Như vậy, họ hãy còn không thể xét chọn khiến Giới uẩn thanh tịnh hiện hành, huống chi là sẽ chứng đắc pháp thù thắng hơn người. Do đó, không cho hai loại người kia xuất gia thọ giới cụ túc.

Hỏi: Do đâu hai loại ấy tuy thọ quy y, cũng có thể theo đấy thọ các Học xứ hiện có của cận sự nam, nhưng không được gọi là Cận sự nam?

Đáp: Cận sự nam, gọi là có thể thân cận, thừa hành các sự việc của chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Hai loại kia tuy có thể giữ gìn Luật nghi đã thọ,

nhưng không nên thường thân cận, thừa hành các sự việc nơi chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Hai chúng Bí-sô, Bí-sô-ni cũng lại không nên như Cận sự nam mà cùng thân thiện. Do đó hai loại kia không được gọi là Cận sự nam. Nhưng việc thọ nhận giữ gìn Học xứ hiện có, nên biết về phước đức cùng không sai khác.

Lại nữa, thế nào là chẳng phải Luật nghi, chẳng phải Bất Luật nghi?

Nghĩa là trừ nghiệp Luật nghi, bất Luật nghi như đã nói ở trước, mọi nghiệp của thân ngữ ý thiện, bất thiện hiện có, nên biết tất cả đều thuộc về nghiệp chẳng phải là Luật nghi chẳng phải là bất Luật nghi.

Hỏi: Những người có Luật nghi, hoặc do tự mình thọ, hoặc do người khác thọ. Nếu từ nơi người khác thọ, hoặc tự nhiên thọ, như vậy Luật nghi đã thọ với phước đức đạt được là có sai biệt hơn kém chăng?

Đáp: Nếu tâm bình đẳng thọ nhận, cũng hành trì như thế, nên biết là phước đức đạt được không có sai biệt.

Hỏi: Do những nhân duyên nào, tuy mong muốn thọ Luật nghi Bí sô mà không nên trao?

Đáp: Luật nghi Bí-sô lược do sáu Nhân:

1. Ý lạc bị tổn hại.
2. Chỗ dựa bị tổn hại.
3. Hình nam bị tổn hại.
4. Pháp bạch bị tổn hại.
5. Hệ thuộc nơi kẻ khác.
6. Vì giúp đỡ kẻ khác.

Nếu có người hoặc bị vua quan, giận dữ, chủ nợ bức bách, hoặc do sợ hãi bức bách, hoặc sợ không sống được. Người ấy suy nghĩ: "Ta ở nơi nhà nầy khó có thể sinh sống, còn các Bí-sô kia đời sống thật là dễ dàng. Ta nay nên đi đến trong chúng Bí-sô trá hiện tự thân cùng với họ đồng pháp, sẽ dễ sinh sống!". Kẻ kia do ý lạc dối trá như vậy, đã xuất gia rồi, tuy mang tâm sợ hãi nên giữ gìn, phụng hành theo một Học xứ, "chớ khiến các Bí-sô cho mình cùng trụ, biết ta phạm giới tất sẽ đuổi đi!". Nhưng kẻ kia, ý lạc đã bị tổn hại, nên không gọi là xuất gia thọ giới cụ túc. Như thế gọi là ý lạc bị tổn hại.

Hoặc lại có người, suy nghĩ như vầy: "Ta ở nơi gia đình lại khó có thể sinh sống, phải nên xuất gia thì mới dễ thọ dụng. Như các Bí-sô đã tu tập phạm hạnh, ta cũng tu tập như họ, cho đến cả đời cũng sẽ tu tập phạm hạnh. Người xuất gia như thế không gọi là ý lạc bị tổn hại, tuy không phải

thuần tịnh nhưng cũng được gọi là xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu thân họ mang các bệnh tật như ung nhọt v.v... như trong phần "Già pháp" đã nói về bệnh trạng. Như vậy gọi là chỗ nương dựa bị tổn hại. Do chỗ nương dựa của kẻ ấy bị tổn hại, nên tuy đã xuất gia nhưng không có năng lực để cúng dường, thừa hành các việc nơi sư trưởng. Kẻ ấy do không có năng lực như vậy nên đối với các việc cúng dường, phụng hành nơi sư trưởng như các vị đồng phạm hạnh cùng thọ nhận các vật thị tịnh tín như y phục, thức ăn uống của thí chủ thuần tịnh, hai thứ nầy là do hàng tịnh tín cúng dường, kẻ ấy hết sức khó khăn trong việc thọ nhận khiến các pháp thiện thối; giảm. Vì vậy người chỗ nương dựa bị tổn hại thì không nên xuất gia thọ giới cụ túc nếu là người Phiến-sá-ca và Bán-trạch-ca, gọi là hình nam bị tổn hại không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nên biết, nhân duyên như trước đã nói.

Lại, hạng Bán-trạch-ca lược có ba loại:

1. Bán-trạch-ca toàn phần.
2. Bán-trạch-ca một phần.
3. Bán-trạch-ca bị tổn hại.

Nếu có người khi sanh ra, nam căn đã không thành, đó gọi là Bán-trạch-ca toàn phần. Hoặc có người nửa tháng mới khởi "thế dụng" của nam căn. Hoặc có kẻ bị người khác phạm lỗi đối với mình. Hoặc lại thấy kẻ khác hành phi phạm hạnh thì "thế dụng" của nam căn mới khởi. Đó gọi là Bán-trạch-ca một phần. Hoặc bị dao v.v... làm tổn hại, hoặc bị tổn hại do bệnh, thuốc, chú thuật, lửa v.v..., trước được nam căn nay bị đoạn hoại, đã hoạn hoại rồi, thế dụng không chuyển, đó gọi là Bán- trạch-ca bị tổn hại. Loại Bán-trạch-ca đầu gọi là Bán-trạch-ca, cũng gọi là Phiến-sá-ca. Loại thứ hai chỉ là Bán trạch ca, không phải là Phiến-sá- ca. Loại thứ ba, nếu không bị kẻ khác phạm lỗi đối với mình thì chỉ là Phiến-sa-ca, không phải là Bán-trạch-ca. Nếu bị kẻ khác phạm lỗi đối với mình, gọi là Bán-trạch-ca, cũng là Phiến-sá-ca.

Tạo tác nghiệp vô gián, làm nhiễm ô Bí-sô-ni, là ngoại đạo tặc túc, hoặc tục riêng biệt hoặc tục không chung, đó gọi là pháp bạch bị tổn hại, không nên vì họ trao giới cụ túc. Vì sao? Vì những kẻ ấy, do không có hổ thẹn, là pháp cấu nhiễm tột bực, khiến cho các pháp bạch hiện có như Hổ Thẹn v.v... trở thành kém, mỏng hết mực.

Nếu các quan của vua bị vua ghét bỏ hoặc có người tạo các việc làm không thích hợp với vua. Hoặc bị chủ nợ bắt giữ. Hoặc là tôi tớ của kẻ khác. Hoặc bị kẻ khác cướp đem đi, trở thành người của họ. Hoặc có kiện tụng. Hoặc bị cha mẹ không hứa cho. Đó gọi là hệ thuộc nơi kẻ khác, không

nên vì họ trao cho giới cụ túc.

Nếu là người biến hóa thì nhằm giúp đỡ kẻ khác, không nên vì họ trao cho giới cụ túc. Vì sao? Vì hoặc có trường Rồng v.v... vì muốn thọ pháp, nên tự hóa làm Bí-sô cầu thọ giới cụ túc. Nếu liền vì kẻ ấy trao cho giới pháp thì khi ngủ nghỉ, kẻ kia bèn trở lại hình tướng cũ, lúc thức dậy thì thành hình tướng Bí-sô, giả tưởng Bí-sô. Nếu người giữ vườn, hoặc Cận sự nam đột nhiên đi đến thấy "thân hình rồng" của Bí-sô kia, liền đối với tất cả Bí-sô đích thật, khởi tâm ghét bỏ cho các Bí-sô đều là loài phiên nhân, ai có thể kính lễ, cúng dường cho họ y phục, thức ăn uống! Cho khiến cho kẻ khác có ác kiến như thế. Do đó vì tùy thuận giúp đỡ kẻ khác, không nên vì họ cho thọ giới cụ túc. Do sáu nhân nầy, không nên trao cho họ Luật nghi Bí-sô.

Lại trừ trường hợp thiếu giảm, có thể tác phát yết ma với A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-di trụ giới thanh tịnh, tăng chúng đầy đủ.

Hỏi: do những nhân duyên nào không nên trao Luật nghi Cận sự nam cho kẻ kia?

Đáp: lược nói do hai nhân:

1. Ý lạc bị tổn hại.
2. Hình nam bị tổn hại.

Nếu ý lạc bị tổn hại: Nên biết là tất cả đều không nên cho nhận. Nếu là Hình nam bị tổn hại: Thì hoặc có trường hợp cho thọ nhận, nhưng không được gọi là Cận sự nam, không nói nhân duyên đã biện giải đủ. Hoặc là Luật nghi cận trụ, nên biết chỉ do ý lạc bị tổn hại, là không nên cho nhận. Vì sao? Vì hoặc có trường hợp chỉ chuyển theo kẻ khác. Hoặc có trường hợp vì có được của cải, lợi dưỡng nên cung kính dối xưng muốn thọ Luật nghi cận trụ, nhưng kẻ ấy thực sự không có ý lạc cầu thọ nhận. nên biết đó gọi là ý lạc bị tổn hại. Nếu không có như chỗ nói về nhân duyên không nên cho thọ, nên biết là nên thọ, như

trước đã nói về các Luật nghi hiện có.

Hỏi: Có bao nhiêu nhân duyên, Luật nghi Bí-sô đã thọ rồi lại xả?

Đáp: hoặc do xả Học xứ. Hoặc do phạm tội căn bản. Hoặc do hình tướng mất đi, sanh hai hình. Hoặc do thiện căn bị đoạn dứt. Hoặc do lìa bỏ chúng đồng phận… nên Luật nghi Bí sô thọ nhận rồi lại xả bỏ. Nếu chánh pháp bị hủy hoại, chánh pháp ẩn mất, tuy không có Luật nghi Bí- sô mới thọ, nhưng trước đã thọ được, nên biết là không xả. Vì sao? Vì do bấy giờ là kiếp uế trược đang khởi, không một Hữu tình nào ý lạc bị tổn hại để có thể thọ cụ giới, huống chi là sẽ chứng đắc quả sa-môn.

Nếu là Luật nghi Cận sự nam, nên biết là do khởi tâm không đồng phần, do thiện căn bị đoạn, do lìa bỏ chúng đồng phận, nên thọ rồi lại xả. Hoặc khi chánh pháp ẩn mất, như đạo lý của Luật nghi Bí-sô nên biết Luật nghi Cận sự nam cũng thế.

Nếu là Luật nghi Cận trụ, nên biết là do mặt trời mọc trở về sau hoặc do tâm phát khởi không đồng phần, hoặc nơi giữa chừng lìa bỏ chúng đồng phận, nên tuy đã thọ được, tất lại hoàn xả.

Lại nữa, thế nào là Định vô tưởng định?

Nghĩa là đã lìa Tham của cõi Biến tịnh, chưa lìa tham nơi cõi trên, do tưởng xuất ly, tác ý làm đều trước tiên các Tâm Tâm sở chỉ diệt tĩnh, chỉ không chuyển. Đó gọi là Định vô tưởng. Đây là giả có, không phải là thật có vật. Nên biết sự sai biệt lược có ba loại:

1. Tu phẩm hạ.
2. Tu phẩm trung.
3. Tu phẩm thượng.

Nếu tu phẩm hạ: đối với thiện pháp bị thối chuyển không thể mau chóng hoàn dẫn hiện tiền. Hoặc Hữu tình sanh nơi cõi Vô tưởng đạt được "Y thân" (thân y báo) trong cõi Trời, nhưng không hoàn toàn thanh tịnh, uy quan rực rỡ, hình sắc rộng lớn không như Thiên chúng khác, nhất định sẽ mạng yểu.

Hoặc tu phẩm trung: Tuy hiện pháp bị thối chuyển, nhưng có thể mau chóng dẫn khởi trở lại hiện tiền. Nếu là Hữu tình sanh nơi cõi Vô tưởng thì "Y thân" được chiêu cảm trong cõi Trời tuy rất thanh tịnh, ánh sáng rực rỡ, hình sắc rộng lớn, nhưng không thanh tịnh rốt ráo tột cùng, tuy có mạng yểu giữa chừng mà không nhất định.

Nếu tu phẩm thượng: Tất không còn thối chuyển, hoặc là Hữu tình sanh cõi Vô tưởng thì "Y thân" được chiêu cảm trong cõi Trời là rất thanh tịnh, uy quan rực rỡ, hình sắc rộng lớn, lại đạt đến thanh tịnh rốt ráo tột cùng, không còn mạng yểu giữa chừng, thọ lượng trọn đủ sau mới qua đời.

Lại nữa, nếu do nhân ấy, duyên ấy, thì các Tâm Tâm sở sanh đắc thiện có diệt mất, đó gọi là Vô tưởng.

Lại nữa, thế nào là Định diệt tận?

Nghĩa là đã lìa tham của xứ Vô sở hữu, chưa lìa tham cõi trên, hoặc đã lìa do tưởng chừng dừng dứt, tác ý làm điều trước tiên, nên các tâm tâm sở chỉ diệt, tĩnh, chứ không chuyển. Đó gọi là Định Diệt Tận. Định này chỉ có thể diệt tĩnh Chuyển Thức, không thể diệt tĩnh Thức

A-lại-da. Nên biết Định nầy cũng là giả có, không phải là vật thật có. Về sai biệt, Định nầy lược có ba loại: Là tu phẩm hạ, tu phẩm trung, tu phẩm thượng như trước đã nói.

Nếu tu phẩm hạ, đối với các hiện pháp bị thối chuyển thì không thể mau chóng dẫn khởi trở lại hiện tiền. Nếu tu phẩm trung, hiện pháp bị thối chuyển, nhưng có thể nhanh chóng trở lại hiện tiền. Hoặc tu phẩm thượng: thì rốt ráo không thối chuyển. Thánh giả hữu học có thể giả nhập Định nầy, nghĩa là thân chứng bất hoàn. Thánh giả vô học cũng lại có thể nhập, nghĩa là bậc câu phẫn giải thoát. Định Vô tưởng nếu trước không phải là chỗ nhập của hàng hữu học và hàng vô học. Vì sao? Vì trong Định ấy không có Huệ hiện hành, chỉ có Tịch tĩnh thù thắng thù thắng trụ và sanh. Lại nữa, định nầy không thể chứng đắc các pháp thiện thù thắng chưa chứng đắc, do là xứ huyễn dối, ngăn cản.

Lại nữa, thế nào là hư không? Nghĩa là chỉ có các sắc không có đối tượng biểu bày. Đó gọi là hư không. Vì sao? Vì nếu nơi chốn hành đều không có đối tượng đạt được thì xứ phương ấy có tưởng Hư không chuyển. Do đó nên biết đấy chỉ là giả có, không phải là vật thật có.

Lại nữa, thế nào là Phi trạch diệt? Nghĩa là nếu pháp khác sanh duyên nơi hiện tiền, vì pháp khác sanh nên các pháp còn lại không được sanh, chỉ diệt chỉ tĩnh, gọi là Phi trạch diệt. Các pháp hiện có lúc này nên sanh, vượt qua lúc sanh nên pháp kia vào lúc ấy trọn không sanh trở lại. Vì thế, diệt ấy cũng là giả có, không phải là vật thật có. Vì sao? Vì Diệt ấy không có trong tự tướng khác có thể nắm bắt, nên chủng loại của pháp nầy không phải là Ly-hệ. Lại, ở nơi thời gian khác, gặp duyên thì có thể sanh. Do đó, Phi trạch diệt không phải là hoàn toàn quyết định. Hoặc hàng học kiến tích đối với hai loài noãn sanh, thấp sanh, chân Bắc-Câu-lô, trời Vô tưởng, hoặc nữ, Phiến-sá-ca, hoặc Bán- trạch-ca, vô hình, hai hình v.v... sanh, cùng nơi đời sau hoặc yêu thích hoặc nguyện mong đạt được phi trạch diệt, nên biết là hoàn toàn quyết định. Do học kiến tích từng không đối với đời sau khởi nguyện mong ràng buộc phát sanh hậu hữu, chỉ trừ các vị chưa vĩnh viễn dứt bỏ chủng tử Ái một cách rốt ráo.

Hỏi: do nhân duyên nào nên gọi là Tâm không tương ứng?

Đáp: Đây là tưởng giả, ở trong các sự việc dấy khởi ngôn thuyết, đối với hai thứ có sắc v.v... đều không cùng tương ứng. Như vậy nói rộng nơi đạo lý an lập, tất cả nên biết.

Như thế là đã nói về sáu thứ thiện xảo, nghĩa là thiện xảo của Uẩn cho đến thiện xảo của căn. Làm thế nào biết được các thiện xảo ấy đã kiến

lập rộng về nghĩa? Lại nữa, Tụng nêu:

Tự tánh nghĩa sai biệt
Thứ lớp, nhiếp, nương dựa.

Hỏi: Những gì là tự tánh của sắc?

Đáp: Lược có mười một thức. Nghĩa là do sắc xứ như Nhãn v.v... và sắc thuộc Pháp xứ. Lại gồm chung có hai loại: Nếu sắc làm chỗ dựa, gọi là Thân thọ. Nếu vô sắc làm chỗ dựa, gọi là Tâm thọ. Vì sao? Vì do năm căn trước đều là tánh của Sắc.

Hỏi: Nếu năm căn trước đều là tánh của Sắc, Thọ dựa vào nơi Nhãn v.v... gọi là Thân Thọ, vì sao Nhãn v.v... không phải chỉ là Thân?

Đáp: do dị biệt. Vì sao? Vì năm căn như nhãn v.v... lần lượt có tướng khác nhau.

Hỏi: Nếu căn như Nhãn v.v... do tướng dị biệt, nên không phải đều là thân tướng. Dựa nơi các thọ kia, do nhân duyên nào nên không phải là Thân thọ?

Đáp: Các căn có sắc khác không lìa Thân, nên căn cứ theo đấy mà mang tên. Đây lại có lỗi gì.

Hỏi: Nếu không lìa Thân nên không có lỗi, thì ý căn cũng thế, không lìa thân chuyển. Thọ dựa nơi ý căn nên gọi là Thân thọ, tức tất cả đều là thân thọ, không có Tâm thọ chăng?

Đáp: các căn có sắc nhất định không lìa Thân. Ý thì không như vậy, nên không có lỗi. Vì sao? Vì Hữu tình sanh nơi cõi Vô sắc, Ý căn lìa thân mà chuyển. Thế nên năm căn đã sinh các Thọ, hợp gọi là Thân thọ, chỉ dựa nơi ý thì riêng gọi là Tâm thọ, nên gọi chung là hai, tức Thân Thọ, Tâm Thọ. Lại, tất cả Thọ đều là tướng lãnh nạp.

Hỏi: những gì là Tự tánh của Tưởng?

Đáp: Đây cũng có sáu thứ, như trước nên biết. Lại, tướng có sáu thứ:

1. Tưởng có tướng.
2. Tưởng không tướng.
3. Tưởng hẹp nhỏ.
4. Tưởng rộng lớn.
5. Tưởng vô lượng.
6. Tưởng vô sở hữu.

Lại, lược có hai:

Một là Tưởng thế gian.

Hai là Tưởng xuất thế gian.

Tưởng hẹp nhỏ: là Tưởng về lãnh vực Dục. Tưởng rộng lớn: là Tưởng về lãnh vực Sắc. Tưởng vô lượng: là Tưởng về lãnh vực của xứ không, Thức vô biên. Tưởng vô sở hữu: là Tưởng về lãnh vực của xứ Vô sở hữu. Hết thảy những Tưởng nầy gọi là Tưởng có tướng. Tưởng không tướng: là Tưởng về cõi Hữu đảnh và Tưởng của tất cả hàng học, vô học xuất thế gian. Lại, tất cả Tưởng đều là tướng cùng hiểu biết.

Hỏi: Những gì là Tự tánh của Hành?

Đáp: Đây cũng có sáu thứ, như trước nên biết. Lại, tướng của Hành nầy do năm chủng loại khiến tâm tạo tác:

1. Làm cảnh tùy thuận tham dự.
2. Làm cho Hành kia gặp gỡ.
3. Làm cho Hành kia biệt ly.
4. Có thể phát khởi nghiệp tạp nhiễm.
5. Khiến tâm tự tại chuyển.

Lại, Tướng của Hành nầy lược có ba loại:

1. Hành thiện.
2. Hành bất thiện.
3. Hành vô ký.

Lại, tất cả Hành đều là tướng tạo tác. Hỏi: Những gì là tự tánh của Thức?

Đáp: lược có sáu thứ: Đó là Nhãn thức cho đến Ý thức. Tự tánh của Thức nầy, về sai biệt có ba loại:

1. Lãnh nhận sai biệt.
2. Chọn cảnh sai biệt.
3. Phần vị sai biệt.

Lãnh nhận sai biệt có ba. Chọn cảnh sai biệt có sáu. Phần vị sai biệt có ba. Như vậy, Thức uẩn về sai biệt gồm có mười tám tự tánh, nên biết đó gọi là tự tánh của Thức uẩn.

Lại nữa, nghĩa của uẩn là thế nào? Vì hiểu bày nghĩa gì nên kiến lập các uẩn? Nghĩa là Sắc hiện có hoặc quá khứ hiện tại vị lai, cho đến xa gần. Như sắc, cho đến Thức cũng thế. Như vậy, gồm thâu tóm lược chung về tất cả uẩn, nghĩa tích tụ là nghĩa của uẩn. Lại do các uẩn chỉ có đủ thứ loại danh tánh nơi các Hành, nên biết vì nhằm hiểu bày nghĩa của tánh vô ngã nên kiến lập các uẩn.

Lại nữa, thế nào là sự sai biệt của sắc uẩn? Lược nêu có sáu loại:

1. Do sự
2. Do tướng
3. Do Thức giữ lấy, không giữ lấy.
4. Do Thức không, chẳng không.
5. Do đối tượng hành của Tưởng.
6. Do biên vực.

Do sự: Nghĩa là các sắc hiện có đều là bốn đại chủng và do bốn đại chủng tạo ra.

Do Tướng: lược có ba thứ:

1. Sắc thanh tịnh.
2. Sắc thanh tịnh được chấp giữ.
3. Sắc của ý được chấp giữ.

Lại, tướng Biến ngại là cộng tướng của sắc.

Do Thức giữ lấy, không giữ lấy: Nghĩa là nếu Thức dựa nơi sự giữ lấy, gọi là Sắc chấp thọ. Đây lại là thế nào? Tức là chỗ nương gá của Thức với sự an nguy đồng hòa hợp sanh trưởng. Lại, đây dựa vào khả năng sinh khởi các Thọ. Cùng với đây trái nhau, thì không phải là Sắc chấp thọ.

Do Thức không chẳng không: tức nếu Thức chẳng không, gọi là Sắc đồng phần, do đấy cùng với nghĩa của Thức đồng chuyển. Nếu Thức là không, gọi là Sắc Bỉ đồng phận, giống như tự nối tiếp mà chuyển.

Do đối tượng Hành của Tưởng: Nghĩa là Tưởng duyên nơi Sắc lược có ba thứ:

1. Tưởng sắc
2. Tưởng có đối
3. Tưởng biệt dị.

Tưởng sắc cũng có ba:

1. Tướng có bóng sáng
2. Tướng căn cứ nơi phương xứ.
3. Tướng tích tập trụ.

Ba tướng như thế, tùy theo thứ lớp ấy, nơi đối tượng hành của ba Tưởng giữ lấy tướng xanh v.v... gọi là Tưởng Sắc. Có thể giữ lấy Hành ngăn ngại, gọi là Tưởng có đối. Có thể giữ lấy các thứ giả danh như nam, nữ, nhà, ruộng v.v... gọi là Tưởng biệt dị. Đó gọi là đối tượng hành của Tưởng có sai biệt.

Do Biên vực: Nghĩa là Biên vực của Sắc lược có hai loại:

1. Thuộc về cảnh giới thấp: Nghĩa là Sắc của lãnh vực

2. Thuộc về cảnh giới vừa: Là Sắc của lãnh vực Sắc, Dục. Nên biết ở đây, căn cứ theo nghiệp tăng thượng đã sanh các Sắc,

để nói cõi Vô sắc không có các Sắc, không phải dựa theo Sắc tự tại của

Định thù thắng mà nói. Vì sao? Vì do định thù thắng kia, đối với tất cả sắc đều được các định tự tại gia hạnh khiến hiện tiền. Nên biết sắc nầy gọi là sắc do định hết sức vi tế sanh ra.

Lại nữa, Thế nào là sự sai biệt của Thọ uẩn? Lược có năm thứ:

1. Do sự
2. Do tướng
3. Do sanh
4. Do quan sát
5. Do xuất ly.

Do sự: Là Lãnh nạp và thuận theo pháp Lãnh nạp.

Do tướng: Là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng có ba: Lạc thọ, Khổ thọ, Bất khổ bất lạc thọ.

Lạc thọ là Hoại khổ nên khổ. Khổ thọ là khổ khổ nên khổ. Bất khổ bất lạc thọ là Hành khổ nên khổ. Do nhân duyên nầy, nên các Thọ hiện có đều nói là Khổ. Đó gọi là Cộng tướng của Thọ.

Do sanh: Nghĩa là tất cả Thọ sanh ra mười sáu xúc. Những gì là mười sáu? Tức là Nhãn xúc cho đến Ý xúc là sáu xúc. Xúc có đối, Xúc Tăng ngữ, Xúc Thuận Lạc thọ, Xúc Thuận Khổ thọ, Xúc Thuận thọ không khổ không lạc, Xúc Ái, Xúc Sân, Xúc minh, Xúc vô minh, Xúc phi minh phi vô minh. Do chỗ dựa cùng cảnh được giữ lấy, nên kiến lập sáu xúc đầu và xúc có đối. Do phân biệt về cảnh nên kiến lập Xúc Tăng ngữ. Do lãnh nạp cảnh nên kiến lập ba xúc Thuận Lạc Thọ v.v... Do nhiễm tịnh nên kiến lập các xúc: Ái, Sân, Minh, Vô minh, Phi minh phi vô minh. Đó gọi là Thọ có sai biệt do sanh.

Sai biệt do quan sát:

Hết thảy Như lai ứng Chánh đẳng giác xuất hiện tại thế gian đều ở nơi các thọ khởi tám thứ Quán. Nghĩa là Thọ có bao nhiêu thứ? Cái gì làm tập của Thọ? Cái gì là diệt của Thọ? Cái gì là Tập của Thọ hướng đến Hành? Cái gì là diệt của Thọ hướng đến Hành? Cái gì là vị ái của Thọ? Cái gì là lỗi lầm của Thọ? Cái gì là nẻo xuất ly của Thọ?

Lúc quan như vậy thì nhận biết rõ như thật Thọ có ba loại tập của xúc nên là tập của thọ, nên biết như Kinh đã phân biệt nói rộng.

Tám thứ quan sát về các Thọ như vậy, nên biết là lược hiểu bày về tự tướng. Quán nhân chuyển của Hiện pháp. Quán hiện pháp kia diệt. Quán nhân chuyển của Hậu pháp. Quán hậu pháp kia diệt. Quán nhân chuyển của hai pháp kia. Quán hai pháp kia chuyển diệt. Quán Nhân và Quán Thanh tịnh, đó gọi là sai biệt do quan sát.

Sai biệt do xuất ly: Nghĩa là Tĩnh lự thứ nhất xuất ly của căn. Tĩnh lự thứ hai xuất ly khổ căn. Tĩnh lự thứ ba xuất ly Hỷ căn. Tĩnh lự thứ tư xuất ly lạc căn. Ở nơi giới vô tưởng xuất ly xả căn. Đó gọi là sai biệt do xuất ly.

Lại nữa, Thế nào là sự sai biệt của Tưởng uẩn? Lược nêu do năm thứ:

1. Do sự
2. Do tướng
3. Do điên đảo
4. Do không điên đảo
5. Do phân biệt.

Do sự: là giữ lấy tướng của đối tượng duyên cùng tùy thuận pháp ấy.

Do tướng: Tự tướng có sáu thứ, như trước nên biết. Tướng cùng hiểu biết là cộng tướng. Đó gọi là sai biệt do tướng.

Sai biệt do điên đảo: Nghĩa là các hạng ngu tối không có hiểu biết, theo đuổi vô minh khởi tác ý không như lý, nơi cảnh của đối tượng duyên, vô thường cho là thường, chấp giữ lấy tướng mà chuyển. Đó gọi là Tưởng điên đảo. Như đối với vô thường cho là thường, như vậy đối với khổ cho là vui, đối với bất tịnh cho là tịnh, đối với vô ngã cho là ngã. Tưởng điên đảo nầy, các người tại gia hay khởi tâm điên đảo, một phần các vị xuất gia có thể khởi kiến điên đảo, đó gọi là sai biệt do điên đảo.

Tưởng điên đảo ấy lại có sai biệt. Nghĩa là đối với bốn sự chấp giữ sai lạc về tướng kia, đó gọi là Tưởng điên đảo. Nếu do Tưởng cùng hiểu biết như thế nên đối với cảnh tham đắm, đó gọi là Tâm điên đảo. Hoặc do tướng cùng hiểu biết như thế nên có chấp trước, đối nơi sự điên đảo chấp chặt, nhận cho là có thể khai thị kiến lập, đó gọi là Kiến điên đảo.

Sai biệt do không điên đảo: Nghĩa là các bậc thông tuệ có chỗ hiểu rõ, tùy theo trí huệ sáng tỏ khởi tác ý như lý, đối với cảnh của đối tượng duyên, vô thường nhận biết là vô thường, khổ nhận biết là khổ v.v... giữ lấy tướng một cách đúng đắn mà chuyển. Đó gọi là Tướng, Tâm, Kiến không điên đảo. Như thế gọi là sai biệt do không điên đảo. Sai biệt do Phân biệt:

lược nêu có năm thứ Tướng phân biệt của Tưởng:

1. Phân biệt cảnh giới.
2. Phân biệt Lãnh nạp.
3. Phân biệt giả nêu.
4. Phân biệt hư vọng.
5. Phân biệt thật nghĩa.

Nếu ở nơi cảnh giới giữ lấy tướng tùy vị, gọi là phân biệt cảnh giới. Chấp giữ cành giới sanh ra các thọ, gọi là Phân biệt lãnh nạp. Đối với tự, tha, giữ lấy tướng. Với tên gọi như thế, loại như thế, họ như thế, cùng vô số ngôn thuyết thế gian, gọi là phân biệt giả nêu. Đối với các cảnh giới giữ lấy tướng điên đảo, gọi là Phân biệt hư vọng. Nếu đối với cảnh giới giữ lấy tướng không điên đảo, gọi Phân biệt thật nghĩa. Như vậy gọi chung là sai biệt của Tưởng Uẩn do phân biệt.

Lại nữa, thế nào là sự sai biệt của Hành Uẩn? Cũng do năm tướng:

1. Do cảnh giới.
2. Do phần vị.
3. Do tạp nhiễm.
4. Do thanh tịnh.
5. Do tạo tác.

Do cảnh giới: Là đối với Hành Uẩn lập sáu tư duy về Thân.

Do phần vị: Nghĩa là lập Hành bất tương ưng như sanh v.v... vì sanh v.v... kia chỉ có phần vị được hiển hiện.

Do tạp nhiễm: Nghĩa là nơi các Hành tạp nhiễm kiến lập phiền não và Tùy phiền não.

Do thanh tịnh: Nghĩa là nơi các Hành thanh tịnh kiến lập tín v.v...

Do tạo tác: Nghĩa là như trước nói về năm tướng tạo tác làm cảnh tùy thuận tham dự.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 54

Phần Nhiếp Quyết Trạch: Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý.

Đoạn 4:

Lại nữa, Thế nào là sự sai biệt của Thức uẩn? nên biết đây cũng có năm thứ:

1. Do an trụ
2. Do tạp nhiễm
3. Do chỗ dựa
4. Do nơi trụ
5. Do tướng khác

Thế nào là do An trụ? Nghĩa là người hành tập dục, các Thức cõi dục giữ lấy sắc trần bên ngoài, gọi là sắc an trụ. Hoặc cõi trời thanh tịnh, các Thức của sắc giới giữ lấy danh sắc bên trong, gọi là cùng an trụ. Thức của cõi vô sắc chỉ giữ lấy danh bên trong, gọi là danh an trụ. Đó gọi là sự sai biệt của Thức do An trụ.

Thế nào là sai biệt do tạp nhiễm? Nghĩa là các hạng ngu tối, do hai thứ môn nên Thức bị nhiễm ô:

1. Ở trong hiện pháp, do môn thọ dụng cảnh giới.
2. Ở trong hiện pháp, do môn sanh lão v.v... Đó gọi là Thức có sai biệt do tạp nhiễm.

Thế nào là sai biệt do chỗ dựa? Nghĩa là do sáu chỗ dựa khiến các Thức tùy chuyển. Tức dựa nơi sáu xứ như Nhãn v.v... sáu Thức Thân chuyển. Như ở thế gian, lửa dựa nơi trấu, phân bò, củi v.v... chuyển. Đó gọi là sự sai biệt của Thức do chỗ dựa.

Thế nào là sai biệt do nơi Trụ? Nghĩa là bốn Thức Trụ, như Kinh nói: "Có bốn chỗ dựa dùng làm đối tượng duyên khiến Thức an trụ".

Tức Thức tùy sắc trụ, duyên nơi sắc làm cảnh, nói rộng như nơi Kinh, cho đến: "Ta trọn không nói Thức nầy đi đến nơi phương đông, kể cả bốn

hướng. Nhưng ta chỉ nói ở trong hiện pháp tất lìa ảnh hưởng của dục, đạt sự tịch tĩnh vắng lặng, thanh tịnh, mát mẽ". Như thế là đã hiểu bày, trong Kinh đức Như Lai giảng nói về tướng của các Thức trụ.

Từ đây trở về sau, tôi sẽ nêu rõ về sự sai biệt của tướng ấy. Nghĩa là trong Kinh nầy lược hiểu bày về Thức trụ cùng tướng nhân duyên. Nhân duyên Thức trụ là hai thứ biên vực. Nhân duyên Thức trụ là hai thứ lặng dừng. Nên biết ở đây, nếu các sự phiền não, hoặc thuộc về phiền não kia, gọi là dựa lấy. Nên biết hai thứ ấy cũng gọi là đối tượng duyên, do tánh của đối tượng duyên nên có đối tượng duyên. Do tham ái kia là duyên của phiền não, gọi là hướng tới sự đã nắm giữ. Do bốn thứ trói buộc Thân như tham dục v.v... nên phát khởi Duyên của nghiệp gọi là duyên. Sự việc của đối tượng duyên là chỗ theo đuổi của hai tùy miên kia, nên gọi là kiến lập sự. Nếu các Bổ-đặc-già-la phàm phu chưa có được chán lìa để đối trị Hỷ, Ái, do Thức được thấm nhuần nên có thể giữ lấy, có thể làm viên mãn cho nội thân của vị lai. Do đấy, lần lượt có thể giữ lấy, có thể làm viên mãn, nhưng không thể dứt bỏ các tánh của phàm phu. Vì nơi nội thân có thể giữ lấy, có thể làm viên mãn, nên ở trong nẻo lưu chuyển quyết định nối tiếp. Đó gọi là Trụ. Nhân duyên của Trụ còn lại, như trước nên biết, đấy gọi là lược nói về Trụ và tướng nhân duyên. Thức của giới có sắc có đến có đi. Thức của giới không sắc có tử có sanh. Lại, hai thứ ấy trụ cho đến hết đời. Lại nữa, hai thứ ấy sanh trưởng, tăng tiến cùng với nghĩa rộng lớn, như trước đã nói, nên biết. Ngang với đây, gọi là Biên vực của Thức trụ cùng biên vực của nhân duyên trụ. Nếu lại thiết lập khác với đây, nên biết chỉ có sai biệt nơi văn tự, không phải sai biệt về nghĩa. Do cảnh giới của nghĩa còn lại là không. nếu kẻ khác chính thức vấn nạn thì không biết trả lời thế nào. Cũng do cảnh giới của nghĩa còn lại là không, nên hoặc lại có thể ở phần sau, tự nhiên quan sát như lý, nên tự mê muội cho là Tôi ngu si nên nói như vậy. Nếu là bậc thông huệ, thì đối với các Sắc Ái, cho đến triền tham thuộc về Hành ái, đều có thể đoạn lìa vĩnh viễn. Đối với bốn thứ triền trói buộc thân của phát nghiệp thuộc về phần phiền não, cũng có thể vĩnh viễn dứt trừ. Vì sao? Vì do chúng tại gia dựa vào hai thứ tham dục, giận dữ trói buộc, phát khởi các nghiệp, thâu nhận cảnh giới làm nhân, tổn hại Hữu tình làm nhân. Hoặc chúng xuất gia dựa vào Giới cấm thủ, ở đây thật sự chấp giữ hai thứ trói buộc phát khởi các nghiệp. Do Giới cấm thủ cũng như tham dục cầu sanh thiên. Ở đây thật sự chấp giữ cũng như sân hận dựa vào Niết bàn. Nên biết bốn thứ trói buộc thân chỉ ở nơi ý địa phân biệt sanh ra. Từ đấy trở về sau, do tu tập nhiều về đối trị thù thắng, nên lại có thể đoạn trừ hẳn hai thứ tùy miên là tham ái trói buộc thân. Do sự đoạn trừ nầy nên các cảnh như

sắc, thọ nơi đối tượng duyên của phiền não cũng không tương tục. Vì lìa trói buộc một cách rốt ráo do đối tượng duyên nầy không nối tiếp, nên Thức tùy miên đã vắng lặng hoàn toàn. Ở trong các Thức trụ như sắc, thọ v.v... không còn an trụ. Do Thức đối trị đã hoàn toàn thanh tịnh. Đó gọi là sự lặng dừng của nhân duyên Thức trụ.

Lại do nhân duyên của vị lai đã diệt, nên đối với phần nội thân không giữ lấy, không làm cho viên mãn, nên quyết định không có sự lưu chuyển nối tiếp. Đó gọi là sự dừng lặng của Thức trụ.

Lại nữa, Thức tịnh thuộc về đối trị gọi là Vô sở trụ. Do nhân duyên kia nên gọi là không sanh trưởng. Do khéo tu tập môn giải thoát không, nên gọi là không có đối tượng hành tác. Do khéo tu tập môn Giải thoát vô nguyện, nên gọi là biết đủ. Do khéo tu tập môn Giải thoát vô tướng, nên gọi là An trụ. Như thế, không sanh trưởng cho đến an trụ, gọi là giải thoát tột cùng.

Lại, đối với các Hành v.v... đều không chấp trước ngã và ngã sở. Do nhân duyên nầy, nên lúc sắc v.v... hoại cũng không sợ hãi. Do tướng mạo nầy hiểu bày tự thể kia đã được thanh tịnh. Lại do Thức kia hoàn toàn thanh tịnh, nên không đợi nhân khác tác động mà tự nhiên nhập nơi tịch diệt. Sự tương tục của Thức ấy đã đoạn dứt rốt ráo, nên đối với mười phương giới không còn làm chuyển, đối với thọ mạng và tử không mong cầu, gọi là lìa dục vĩnh viễn. Lại, các thọ hiện có là bóng cây của Thức bấy giờ chúng lại không có, nên gọi là vĩnh viễn lìa ảnh tượng. Các Thức hữu lậu ở trong hiện pháp đã diệt tận hoàn toàn, nên gọi là tịch diệt. Các Thức Vô lậu tùy theo thứ lớp, giải thoát của bậc hữu học gọi là tịch tĩnh, giải thoát của bậc vô học, gọi là trong mát. Mọi chỗ dựa còn lại đều hoàn toàn dứt trừ, nên nói là thanh tịnh.

Lại nữa, tự tánh của các Thức không nhiều, như đức Thế Tôn nói: Tánh của tất cả Tâm vốn thanh tịnh. Vì sao? Vì không phải tự tánh của Tâm hoàn toàn bất tịnh có thể sanh ra lỗi lầm. Như tất cả phiền não như tham v.v... cũng không riêng làm nhân duyên của phiền não, như sắc, thọ v.v... Vì sao? Vì tất không có riêng nơi tánh của Thức mà dấy khởi nhiễm Ái, như đối với sắc v.v... Thế nên, chỉ có mỗi Thức thì không lập Thức trụ, đó gọi là Thức uẩn có sai biệt do Trụ. Thế nào là sai biệt do tướng khác?

Nghĩa là có tâm tham, lìa tâm tham. Có Tâm sân, lìa Tâm sân v.v... như Kinh đã nói rộng. Cho đến Tâm không giải thoát, Tâm hoàn toàn giải thoát, đó gọi là sai biệt do một môn tướng khác.

Lại có căn cứ nơi tướng khác của cõi nên sai biệt. Nghĩa là cõi dục

có bốn Tâm:

1. Tâm thiện
2. Tâm bất thiện
3. Tâm Hữu phú vô ký
4. Tâm Vô phú vô ký

Cõi sắc có ba Tâm: Tức trừ Tâm bất thiện. Cõi vô sắc có ba Tâm: cũng trừ Tâm bất thiện. Vô lậu có hai Tâm: là hữu học và vô học.

Lại, Tâm Thiện của cõi lục có hai thứ: Là Gia hạnh và sanh đắc.

Tâm Vô phú vô ký có bốn thứ:

1. Tâm dị thục sanh
2. Tâm đường oai nghi
3. Tâm xứ công xảo
4. Tâm Biến hóa

Đây chỉ là sanh đắc, nghĩa là các hàng Trời, Rồng, dược xoa v.v..., nhưng không có Tâm tu quả. Ở trong cõi sắc không có Tâm xứ công xảo, cõi vô sắc cũng vậy. Nên biết Tâm thiện như cõi dưới, cõi trên cũng thế, tất cả xứ đều có.

Lại có căn cứ nơi tướng khác của chủng loại nên sai biệt. Nghĩa là cõi dục có năm Tâm:

1. Tâm do kiến khổ đoạn
2. Tâm do kiến tập đoạn
3. Tâm do kiến diệt đoạn
4. Tâm do kiến đạo đoạn
5. Tâm do tu đạo đoạn

Như cõi dục có năm Tâm, hai cõi sắc, vô sắc, đều có năm Tâm và Tâm Vô lậu, tổng cộng là mười sáu Tâm.

Về nghĩa sai biệt của Tâm nơi tướng khác thứ nhất, sẽ được phân biệt. Hết thảy Hữu tình lược có ba phẩm:

1. Phẩm chưa phát khởi hướng đến định.
2. Phẩm tuy đã phát khởi hướng đến, nhưng chưa đắc định.
3. Phẩm đã đắc định.

Loại nầy lại có hai thứ:

1. Không thanh tịnh
2. Rất thanh tịnh

Ở trong phẩm một, hoặc lúc khởi tâm nhiễm ô, do các Triền như tham v.v..., trói buộc Tâm ấy. Hoặc khi khởi Tâm thiện, vô ký, do các Triền như tham v.v... tạm thời xa lìa.

Nơi phẩm thứ hai, hoặc lúc khiến tâm nơi bên trong tĩnh lặng dừng dứt. Hoặc lúc mất niệm, nên đối với năm dục diệu, Tâm kia dong ruổi, phân tán. Hoặc khi hết sức tĩnh lặng, liền bị các Triền như Hôn trầm, Thùy miên che phủ nơi Tâm. Hoặc khi vì nhằm đoạn trừ chúng, nên đối với cảnh tịnh diệu, Tâm được an trụ. Hoặc lúc đối với cảnh kia, Tâm không an trụ chính đáng nên liền trạo cử, hoặc an trụ chính đáng nên không trạo cử. Do các sự ngăn che Hôn trầm, Trạo cử chưa đoạn dứt, nên đối với hai phẩm kia đều không tịch tĩnh. Do đã đoạn dứt nên Tâm được tịch tĩnh.

Hoặc do tác ý như lý, đã được Tĩnh lự căn bản, gọi là Tâm định. Nếu chưa đạt được, gọi là Tâm không định. Do đạo cứu cánh, nên gọi là Tâm khéo tu. Do đoạn trừ rốt ráo, nên gọi là Tâm hoàn toàn giải thoát. Cùng với đây trái nhau, gọi là Tâm không khéo tu, Tâm không giải thoát. Từ Tâm định trở đi, nên biết là phẩm thứ ba. Đó gọi là Thức uẩn có sai biệt do tướng khác.

Lại nữa, Thế nào là thứ lớp của các uẩn, tức nói về sai biệt. Đây lại có năm thứ nên biết.

1. Đối tượng tạo tác sanh khởi.
2. Đối tượng tạo tác đối trị.
3. Đối tượng tạo tác lưu chuyển.
4. Đối tượng tạo tác của Trụ.
5. Đối tượng tạo tác an lập.

Đối tượng tạo tác sanh khởi: Nghĩa là nhãn, sắc làm duyên, có thể sanh ra Nhãn thức, cho đến ý, pháp làm duyên, có thể sanh ra ý thức. Ở đây, trước nói sắc uẩn, tiếp theo nói Thức uẩn. Đấy tức là chỗ dựa của các Tâm sở. Do dựa nơi ấy nên các Tâm sở như Thọ v.v... sanh khởi theo thứ lớp. Kinh nói: ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc duyên nơi Thọ. Đó gọi là nói rõ về thứ lớp nơi đối tượng tạo tác sanh khởi của các uẩn.

Đối tượng tạo tác đối trị: Là nhằm đối trị bốn thứ điên đảo nên nói bốn niệm trụ. Nghĩa là đối với bất tịnh, điên đảo cho là tịnh, đối với khổ, điên đảo cho là vui, đối với vô ngã, điên đảo cho là ngã, đối với thường, điên đảo cho là thường. Ở đây, trước nói Sắc uẩn, tiếp đến nói Thọ uẩn, sau đấy nói Thức uẩn, sau hết nói hai uẩn là Tưởng và Hành, đó gọi là nói rõ về thứ lớp của đối tượng tạo tác đối trị nơi các uẩn.

Đối tượng tạo tác lưu chuyển: Là căn và cảnh giới làm chỗ dựa, ở trong hiện pháp do hai thứ uẩn nên thọ dụng cảnh giới khởi các tạp nhiễm, đó gọi là lãnh nạp cảnh giới cùng vạch rõ cảnh giới.

Do một thứ uẩn tạo tác tất cả nghiệp thiện bất thiện. Ở trong hậu pháp khởi hết thảy tạp nhiễm như sanh, lão v.v... Một thứ là đối tượng nhiễm nên nói sau cùng.

Đối tượng tạo tác của Trụ: Do bốn Thức trụ cùng thứ lớp của Thức mà nói, đó gọi là đối tượng tạo tác của Trụ.

Đối tượng tạo tác an lập: Nghĩa là nơi các thế gian cùng được thấy rồi, trước là hiểu biết vê sắc, thế nên trước lập sắc uẩn. Tiếp theo do Thọ uẩn nhận biết về các sự tiến thoái kia hoặc khổ hoặc vui, vì vậy nên kiến lập Thọ uẩn. Thứ đến do Tưởng uẩn, nhận biết về tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế, do đó nên lập Tưởng uẩn. Sau đấy, do Hành uẩn nhận biết các đối tượng ngu tối như thế, thông huệ như thế, do đấy nên lập Hành uẩn. Sau hết do Thức uẩn an lập nội ngã. Nghĩa là ở trong các uẩn an lập sự nhận thức phân biệt có khổ có vui, theo đấy khởi ngôn thuyết cùng mọi ngu, trí v.v... Đó gọi là nêu rõ về thứ lớp của đối tượng tạo tác an lập nơi các uẩn.

Lại nữa, nương dựa vào sự việc nơi các vật dụng của ngã và sự việc của ngã, nên nhận biết về thứ lớp được nêu rõ của các uẩn. Nghĩa là ngã dựa nơi Thân, đối với các cảnh giới thọ dụng khổ vui, đối với mình, đối với kẻ khác, tùy thuận dấy khởi ngôn thuyết, tức tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế. Hai thứ ấy dựa vào pháp, phi pháp mới được tích tập. Như vậy nên biết về sự việc nơi các vật dụng của ngã, nên biết Thức sau cùng là sự việc của ngã. Lại nữa, Sắc uẩn gồm thâu bao nhiêu uẩn, bao nhiêu Giới, Xứ, chi hữu, Xứ phi xứ, căn? Như Sắc uẩn, cho đến Thức uẩn cũng vậy.

- Nghĩa là Sắc uẩn gồm thâu: Toàn phần một uẩn.

Toàn phần mười Giới mười xứ. Phần ít của một giới một xứ.

Phần ít của sáu chi Hữu. Phần ít của Xứ phi xứ. Toàn phần bảy căn.

- Thọ uẩn gồm thâu: Toàn phần một uẩn.

Phần ít của một Giới một xứ.

Toàn phần một chi Hữu. Phần ít của ba chi Hữu. Phần ít của Xứ phi xứ. Toàn phần năm căn.

Phần ít của ba căn.

- Tưởng uẩn gồm thâu: Toàn phần một uẩn.

Phần ít của một Giới một xứ. Phần ít của ba chi Hữu.

Phần ít của Xứ phi xứ. Không gồm thâu các căn.

- Hành uẩn gồm thâu: Toàn phần một uẩn.

Phần ít của một Giới một xứ. Toàn phần bốn chi Hữu.

Phần ít của năm chi Hữu. Phần ít của Xứ phi xứ.

Toàn phần sáu căn. Phần ít của ba căn.

- Thức uẩn gồm thâu: Toàn phần một uẩn. Toàn phần bảy Giới. Toàn phần một xứ.

Toàn phần một chi Hữu. Phần ít của bốn chi Hữu. Phần ít của Xứ phi xứ.

Toàn phần một căn. Phần ít của ba căn.

Như thế có sáu thứ gồm thâu: đó là uẩn gồm thâu cho đến căn gồm thâu. Do đạo lý cùng gồm thâu nầy, nên lần lượt cùng gồm thâu, như chỗ ứng hợp nên biết. Lại có mười thứ gồm thâu khác, phải nên nhận biết rõ.

1. Gồm thâu của Giới: Nghĩa là các uẩn v.v... đều thuộc về chủng tử của mình.

2. Gồm thâu của Tướng: Nghĩa là các uẩn v.v... đều thuộc về tự tướng, cộng tướng.

3. Gồm thâu của Chủng loại: Nghĩa là các uẩn v.v... đều thuộc về toàn bộ chủng loại của mình.

4. Gồm thâu của Phần vị: Nghĩa là các uẩn v.v... đều thuộc về phần vị như thuận nơi lạc thọ v.v...

5. Gồm thâu của Không lìa nhau: Nghĩa là các uẩn v.v... do mỗi mỗi pháp cùng các thứ trợ bạn thâu tóm tất cả uẩn v.v...

6. Gồm thâu của Thời: Nghĩa là các uẩn v.v... nơi quá khứ hiện tại vị lai đều tự cùng gồm thâu.

7. Gồm thâu của Phương: Nghĩa là các uẩn v.v... ở phương nầy chuyển, hoặc dựa nơi ấy sanh, tức phương ấy gồm thâu.

8. Gồm thâu của toàn phần: Nghĩa là các uẩn v.v... đều thuộc về năm thứ v.v...

9. Gồm thâu của phần ít: Nghĩa là các uẩn v.v... mỗi mỗi thứ đều thuộc về phần ít sai biệt.

10. Gồm thâu của Thắng nghĩa: Tức các uẩn v.v... đều thuộc về Tướng của Chân như.

Như vậy, tất cả nghĩa gồm thâu của các uẩn tổng cộng có mười sáu.

Như uẩn, cho đến căn cũng thế.

Lại, do ba pháp gồm thâu tất cả pháp. Nghĩa là Sắc uẩn, Pháp giới và Ý xứ.

Lại nữa, nương dựa vào bao nhiêu xứ, Sắc uẩn chuyển biến? Nương dựa vào bao nhiêu xứ, bốn uẩn thuộc về danh (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) chuyển biến?

Nghĩa là dựa vào sáu xứ, Sắc uẩn chuyển biến:

1. Xứ kiến lập.
2. Xứ che giấu.
3. Xứ của cải, vật dụng.
4. Xứ của căn.
5. Xứ căn trụ.
6. Xứ có uy đức định rõ chốn hành.

Nương dựa vào bảy xứ, bốn uẩn thuộc về danh chuyển biến:

1. Lạc dục
2. Hy vọng
3. Cảnh giới
4. Tầm Tứ
5. Chánh tri
6. Phương tiện thanh tịnh
7. Thanh tịnh

Những kẻ thọ dụng dục, nương dựa vào bốn xứ. Các vị trụ nơi Luật nghi, tinh tấn hành trì: nương dựa vào một xứ. Người đã được định cận phần: nương dựa vào một xứ. Người an trụ nơi định căn bản: nương dựa vào một xứ. Bảy xứ như thế lược có bốn vị, nên biết.

Lại nữa, Tôi sẽ lần lượt, trước nói về phân biệt Sắc uẩn với mỗi mỗi nghĩa riêng, sau đấy nói về nghĩa phân biệt bốn uẩn thuộc về danh. Thế nào là phân biệt sắc uẩn? Tụng nêu:

Vật cực vi sanh khởi
An lập cùng lưu nghiệp
Sát na riêng chốn hành
Cùng xen khác tối hậu.

Hỏi: Nhãn trong Sắc uẩn thuộc về bao nhiêu vật?

Đáp: Nếu căn cứ vào tính chất cùng thâu tóm thì chỉ có một vật. Nghĩa là Sắc thanh tịnh dựa chỗ của Nhãn thức. Nếu căn cứ vào tính chất gồm

thâu không lìa nhau thì có bảy vật. Nghĩa là Nhãn ấy cùng với Thân, Địa, Sắc, Hương, Vị, Xúc. Nếu đều căn cứ vào chỗ gồm thâu của Giới, tức có mười vật, là bảy vật nơi Giới nầy cùng giới thủy, hỏa, phong.

Như Nhãn (mắt), thì Nhĩ, Tỷ, Thiệt nên biết cũng vậy. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là Sắc thanh tịnh, chỗ dựa của Nhĩ (tai), Nhĩ thức. Sắc thanh tịnh, chỗ dựa của Tỷ (mũi), Tỷ thức. Sắc thanh tịnh, chỗ dựa của Thiệt (lưỡi), Thiệt thức. Phần còn lại như trước đã nói.

Nếu là Thân, nên trừ bốn căn như Nhãn v.v... Vì sao? Vì do xa lìa chúng thì riêng Thân có thể đạt được. Về tướng ấy, tức Sắc thanh tịnh là chỗ dựa của Thân Thức. Nếu đối với hành tướng của sắc hương vị xúc bên ngoài, thì trừ tất cả căn. Hết thảy phần còn lại, như trước nên biết.

Âm thanh cùng với Thanh giới không thường xuyên có, nên nay sẽ nói riêng. Nếu ở nơi xứ ấy có âm thanh, nên biết xứ nầy lại tăng một lần, nên biết Thanh giới nơi tất cả xứ đều tăng.

Lại nữa, cảnh giới nơi đối tượng duyên của sắc v.v... như trong phần Bản địa đã phân biệt rộng. Hoặc trong phần xúc xứ đã nói về sắc được tạo, từ trơn nhẵn cho đến mạnh mẽ. Nên biết tức ở nơi phần vị của đại chủng giả thiết lập là có. Nghĩa là đối với tánh thanh tịnh của đại chủng, giả lập tánh trơn nhẵn. Đối với tánh chắc thật của đại chủng giả lập tánh nặng, đối với tánh không chắc thật không thanh tịnh của đại chủng, giả lập tánh thô nhám và tánh nhẹ. Đối với tánh chậm chạp, không thanh tịnh của đại chủng, giả lập tánh mềm. Do thủy cùng với phong hòa hợp sanh, nên giả lập có lạnh. Do sự nhận giữ thiếu sót, không bình đẳng, nên giả lập đói khát cùng sức yếu. Do không có chỗ thiếu sót, không có bất bình đẳng nên giả lập sức mạnh cùng no đủ. Do biến dị không bình đẳng, thác loạn không bình đẳng, nên giả lập bệnh. Do thời phần biến dị không bình đẳng, nên giả lập Già. Do mạng căn biến dị không bình đẳng, nên giả lập chết… do địa cùng thủy hòa hợp sanh nên giả lập sự dính, gắn…

Như vậy, tất cả nêu bày về các đại chủng tổng cộng có sáu vị:

1. Vị tịnh, bất tịnh.
2. Vị chắc chắn, không chắc chắn.
3. Vị chậm chạp.
4. Vị hòa hợp.
5. Vị không bình đẳng.
6. Vị bình đẳng.

Sáu vị như thế lại chia ra làm tám. Hoặc tám hoặc sáu đều bình đẳng,

nơi bình đẳng.

Lại nữa, tất cả sắc cho đến xúc đều được hai Thức nhận biết. Nghĩa là Tự Thức nhận biết và Ý Thức nhận biết, hoặc dần dần, hoặc tức thì. Năm căn như Nhãn v.v... thì một ý thức nhận biết.

Lại nữa, trong sắc giới, hương vị không hiện, nhưng nơi giới kia thì có. Vì sao? Vì hai thứ ấy đều thuộc về đoạn thực. Do không có hương vị nên hai Thức Tỷ Thiệt cũng không. Đây là căn cứ theo hiện hành mà nói, không phải căn cứ theo Giới.

như thế, trong tất cả Sắc thuộc về Sắc uẩn, có chín thứ là vật thật có. Trong số thuộc về xúc, bốn đại chủng là vật thật có, nên biết các phần còn lại chỉ là giả có.

Sắc thuộc về pháp xứ cũng có hai loại: Nghĩa là thật có và giả có. Nếu có uy đức, cảnh của đối tượng Hành là định cũng như biến hóa, thì sắc nơi cảnh của quả kia, cảnh kia, sự tương ưng với Thức kia là vật thật có. Nếu là sắc của Luật nghi, sắc của không Luật nghi đều là giả có. Lại, sắc nơi đối tượng Hành là Định, nếu dựa vào sự hệ thuộc ấy nơi định, tức do sự hệ thuộc nầy nên đại chủng được tạo.

Lại, sắc của định nầy chỉ là Hữu lậu, Vô lậu của thế gian do định sinh ra, không phải là xuất thế gian, do sắc của định ấy có hành Hý luận làm nhân của định. Lại chẳng phải tất cả tâm của định hiện có đều có thể sanh ra công năng của sắc nầy. Chỉ có một loại có thể dấy khởi hóa hiện. Nghĩa là không tư duy, song do thời gian trước đã tác ý dẫn dắt, nên lìa các tối tăm, khéo thanh tịnh hết mực, hiện tiền sáng rõ. Nên biết định ấy mới có thể sanh sắc. Nếu sức của định cố gắng thường xuyên tư duy, nhờ vào lực của thắng giải mà được nhận thấy, nên biết không thể sanh khởi sắc ấy. Lại nữa, sắc nầy tuy không phải là đối tượng hành của định xuất thế gian, nhưng do sức tăng thượng của định ấy, nên có một loại có thể hiện bày, nên biết sự việc nầy là không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Sắc của vật thật có nơi hai cõi dục, sắc có sai biệt gì?

Đáp: các Sắc của cõi Sắc là thanh tịnh tối thắng, có thể phát ra ánh sáng, lại rất vi tế, các căn của địa dưới đều không thể hành, lại không có khổ. Dựa vào các sắc kia, khổ thọ không sanh. Cõi Dục thì không như thế. Đó gọi là sai biệt.

Lại nữa, Sắc uẩn lược có sáu tướng, nên biết, đó là:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng

3. Tướng của chủ thể nương dựa, đối tượng nương dựa cùng hệ thuộc.

4. Tướng thọ dụng.

5. Tướng của Nghiệp.

6. Tướng vi tế.

Tự tướng: Như địa v.v... dùng sự bền chắc v.v... làm tướng. Nhãn v.v... dùng sắc thanh tịnh đều riêng biệt làm tướng.

Cộng tướng: là tất cả sắc đều có tướng biến ngại.

Tướng của chủ thể nương dựa, đối tượng nương dựa cùng hệ thuộc. Đại chủng là đối tượng nương dựa. Sắc được tạo là chủ thể nương dựa. Tướng Thọ dụng: là nội sắc xứ có sức tăng thượng được thọ dụng,

nên cảnh giới của sắc bên ngoài sanh khởi có sai biệt. Hoặc có sắc tụ chỉ có sự cứng chắc sanh. Hoặc chỉ có ẩm ướt, hoặc chỉ có nóng ấm, hoặc chỉ có động, hoặc hòa hợp sanh. Vì nhằm tùy thuận sự thọ dụng sai biệt của các sắc xứ bên trong.

Tướng của nghiệp: Nghĩa là các đại chủng như địa v.v... dùng sự nương giữ, thâu nhận, thành thục, tăng trưởng làm tướng. Lại có nghiệp khác, phần sau sẽ nói rộng.

Tướng vi tế: Nghĩa là tướng cực vi. Lại nữa, tánh vi tế lược có ba loại:

1. Tánh vi tế tổn giảm.

2. Tánh vi tế của chủng loại.

3. Tánh vi tế của Tâm tự tại chuyển.

Tánh vi tế tổn giảm: Là phân tích các sắc cho đến phần vị hết sức nhỏ, gọi là cực vi.

Tánh vi tế của chủng loại: Nghĩa là sắc như gió v.v... và sắc của Trung Hữu.

Tánh vi tế của Tâm tự tại chuyển: Là các sắc của hai cõi Sắc, Vô sắc. biết?

Hỏi: các sắc cực vi, do bao nhiêu thứ tướng để kiến lập, nên

Đáp: lược nêu do năm thứ tướng, hoặc kiến lập rộng như nơi phần Bản địa đã nói. Những gì là năm tướng?

1. Do phân biệt.

2. Do sai biệt.

3. Do đứng riêng.

4. Do trợ bạn.

5. Do không phần.

Do phân biệt nên kiến lập: Nghĩa là do giác huệ phân biệt, phân tích các sắc đến biên vực tận cùng để kiến lập cực vi, chẳng phải là do Thể vốn có. Thế nên, cực vi không sanh không diệt, cũng không phải sắc do cực vi tụ tập mà thành.

Do sai biệt nên kiến lập: lược nói về cực vi có mười lăm thứ. Nghĩa là các căn như Nhãn có năm cực vi. Cảnh giới như Sắc cũng có năm cực vi. Cực vi của địa v.v... lại có bốn thứ. Sắc của vật thật có thuộc về Pháp xứ, về cực vi có một thứ.

Do đứng riêng lẻ nên kiến lập: Là kiến lập tự tướng của sự cực vi.

Do trợ bạn nên kiến lập: Nghĩa là Tụ cực vi. Vì sao? Vì đối với xứ cực vi như một địa v.v... các cực vi khác hiện có cùng tụ nơi một xứ không lìa bỏ nhau. Thế nên, dựa vào đấy để lập Tụ cực vi.

Hỏi: do nhân duyên nào, các pháp có đối cùng ở một xứ không lìa bỏ nhau, nhưng không gọi là Tánh có đối?

Đáp: vì tùy thuận chuyển. Do các pháp ấy lần lượt cùng tùy thuận sanh, không cùng gây trở ngại. Lại do chủng loại nghiệp như thế, với chỗ chiêu cảm tăng thượng như vậy mà sanh. Vì sao? Vì tất cả sắc căn của tất cả sắc tụ cùng thọ dụng. Nếu khác với đây, thì trong hết thảy tụ không có sắc, như tất cả địa v.v... không cùng lìa bỏ. Nếu vậy, thì cảnh giới của các Thức như Nhãn v.v... liền không hiện hữu khắp trong tất cả tụ. Như vậy nên không thọ dụng đủ khắp. Do đó, nên biết nhất định có các Sắc cùng một xứ sở không lìa bỏ nhau. Lại có các Sắc, hoặc ở xứ nầy cùng gây tạo trở ngại, hoặc ở xứ nầy không cùng tạo trở ngại, như Sắc của Trung Hữu. Nhưng các Sắc kia tánh chẳng phải là không đối. Ở đây đạo lý nên biết cũng thế.

Do không phần nên kiến lập cực vi: Nghĩa là không phải cực vi kia lại có phần khác chẳng phải tánh tụ. Các Tụ cực vi có thể có phần vi tế. Nếu xứ cực vi tức chỉ là xứ nầy thì lại không có phần vi tế để phân tích.

Hỏi: như thế, chỗ nói về năm tướng cực vi, lại có năm mắt (Nhãn) là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Thánh Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn. Nên nói bao nhiêu Nhãn, dùng bao nhiêu cực vi làm cảnh của đối tượng hành?

Đáp: nên nói trừ Nhục nhãn, Thiên nhãn, các Nhãn còn lại dùng tất cả cực vi làm cảnh của đối tượng Hành. Vì sao? Vì do Thiên nhãn kia chỉ giữ lấy, trong tụ sắc các biểu hiện nơi hai biên trên dưới trước sau, hoặc sáng hoặc tối, tất không thể nhận lấy xứ sở cực vi. Do Thể của cực vi phải

dùng Huệ phân tích để kiến lập.

Hỏi: do đâu nói cực vi không sanh không diệt?

Đáp: do các tụ sắc lúc sanh đầu tiên là sanh toàn phần. Khi diệt sau cùng thì không đến phần vị cực vi, chỉ giữa chừng tận diệt, cũng như giọt nước.

Lại do năm tướng nên biết gọi là cực vi nghĩ bàn không như lý. Nghĩa là ở trong tụ sắc có các Cực vi theo tự tánh mà trụ. Nên biết đó gọi là Cực vi nghĩ bàn không như lý thứ nhất.

Hoặc cho là cực vi có sanh có diệt. Hoặc cho là cực vi cùng với cực vi khác hoặc hợp hoặc tan. Hoặc cho là các sắc đối với lượng cực vi được tích tập mà trụ. Hoặc cho là cực vi có thể sanh ra rất nhiều tụ sắc dị biệt. Nên biết đó gọi là cực vi nghĩ bàn không như lý thứ hai đến thứ năm. Vậy nên tạo phương tiện để cực vi được nghĩ bàn, tư duy như lý, đoạn trừ năm thứ nghĩ bàn phi lý nầy.

Lại nữa, kiến lập cực vi, nên biết có năm thứ lợi thù thắng.

Nghĩa là do phân tích một hợp tụ sắc, an lập theo phương tiện, thì nơi cảnh của đối tượng duyên liền có thể tu tập thanh tịnh rộng lớn, đó gọi là lợi thù thắng thứ nhất.

Lại có thể đoạn trừ dần Tát-ca-da kiến (Thân kiến), là lợi thù thắng thứ hai.

Như có thể đoạn trừ dần Thân kiến thì cũng có thể đoạn trừ dần kiêu mạn, đó là lợi thù thắng thứ ba.

Lại có thể hàng phục dần các triền phiền não, là lợi thù thắng thứ tư.

Lại có thể mau chóng dứt trừ các tướng, đó là lợi thù thắng thứ năm.

Các loại như thế phải nên tư duy như lý về cực vi.

Lại nữa, lược nêu về vật của sắc sanh nên biết có năm thứ:

1. Sanh do nương dựa.
2. Sanh do chủng tử.
3. Sanh do thâu nhận.
4. Sanh do tổn giảm.

- Thế nào là Sanh do nương dựa? Là đối với nơi chốn của đại chủng làm chỗ dựa, có các được tạo khác sanh khởi, nên nói: Sắc được tạo do bốn đại chủng tạo là đồng một xứ thân giữ nghĩa ấy. Lại, nếu ở trong chỗ tích tụ của sắc nầy có tự tướng của đại chủng cùng sắc được tạo có thể đạt được, nên biết trong ấy tức có pháp kia. Nếu đối với xứ ấy, tự tướng của pháp kia đều không thể đạt được, nên biết là xứ ấy không có pháp kia. Đó gọi là kiến

lập chung về tướng hữu phi hữu.

Hoặc có thuyết nói: Nơi xứ sở nầy, tự tướng của pháp kia tuy không thể thủ đắc, nhưng tất là có. Nay nên hỏi: ở đây, không thể thủ đắc cùng với có thể đạt được, thì pháp ấy là vật cùng có hoặc không cùng có? Nếu là vật cùng có thì vật đã là như nhau, nhưng không thể thủ đắc là không hợp đạo lý. Nếu là vật không cùng có, tức do lượng ấy nên nói vật không cùng có hay là căn cứ vào uy thế mà nói chăng? Nếu tức do lượng ấy nên nói không cùng có, thì phần ít tự tướng cũng không thể thủ đắc là không hợp lý. Nếu căn cứ vào uy thế mà nói không cùng có, thì lìa tự tướng kia lại có uy thể khác không thể thủ đắc, là không hợp đạo lý. Các loại như thế nên biết là sanh do nương dựa.

- Thế nào là Sanh do chủng tử?

Nghĩa là các sắc hiện có đều từ nơi tự chủng tử sanh ra, như tụ chắc cứng. Hoặc khi gặp duyên liền sanh ẩm ướt. Ẩm ướt gặp duyên lại sanh cứng chắc. Không nóng sanh nóng, nóng lại sanh lạnh. Không động sanh động, động sanh chẳng động. Như thế có những sai biệt như sắc đẹp sắc xấu, nên biết. Do như vậy v.v... nên tuy không có tự tướng nhưng có về giới. Từ nơi các tụ kia, các thứ sắc pháp kia sai biệt mà sanh. Các loại như vậy nên biết gọi là Sanh do chủng tử.

- Thế nào là Sanh do thế dẫn?

Nghĩa là lực tăng thượng của sắc căn bên trong nên phần bên ngoài nối tiếp sanh có sai biệt, tức là khí thế gian v.v... Lại do chỗ dẫn dắt của sức mạnh nơi nghiệp trước, nên các sắc xứ bên trong sanh khởi có sai biệt.

Lại nữa, chư Thiên hoặc dục hiện tiền, hoặc dục không hiện tiền, cùng các thứ vật dụng của cải hiện có thuộc Châu Bắc-câu-lô, nên biết phần nhiều do thế dẫn mà sanh, sai biệt mà chuyển. Trong cõi người, nối tiếp mà sanh chỉ có nơi Khí thế gian. Các loại như thế nên biết gọi là Sanh do Thế dẫn.

- Thế nào là Sanh do thâu nhận?

Nghĩa là gặp các thứ Duyên thâu nhận kia nên các sắc pháp kia lần lượt tăng thêm hơn hết mà sanh, cũng như nước thấm nhuần nơi các mầm cây. Các loại như thế nên biết gọi là Sanh do thâu nhận. Cùng với đấy trái nhau, nên biết gọi là Sanh do tổn giảm.

Lại nữa, các tụ sắc khi sanh như vô số vật bằng đá nghiền vụn, dùng nước hòa hợp trộn lẫn mà sanh, không phải như một đống hạt đậu, hạt lúa v.v... Vì sao? Vì tùy theo lực tăng thượng của nhân sanh kia, như thế mà sanh là có dụng.

Hỏi: nếu tất cả Hành đều từ chủng tử sanh ra, thì do nhân duyên nào nên nói các sắc được tạo là do các đại chủng tạo?

Đáp: do đại chủng kia biến dị mà biến dị, nên pháp ấy được kiến lập và nhận giữ. Tức do ba nhân duyên nên đại chủng biến dị khiến sắc được tạo biến dị mà chuyển:

1. Do dụng của sĩ phu
2. Do nghiệp được tạo tác.
3. Do định thù thắng.

Do dụng của sĩ phu: Nghĩa là do địa đại va chạm xô đẩy nên các vật dụng sai biệt, ruộng đất sai biệt, khiến các sắc được tạo biến dị có thể đạt được. Hoặc do nước thấm nhuần v.v..., do lửa làm cho chín, do gió làm khô ráo, khiến sắc được tạo biến dị có thể đạt được. Nên biết đó gọi là do dụng của sĩ phu nơi đại chủng kia khiến sắc được tạo biến dị mà sanh.

Do nghiệp được tạo tác: tùy theo uy lực của nghiệp, trước là đại chủng sanh, sau là tùy nơi lực ấy, sắc biến dị sanh. Đó gọi là do nghiệp được tạo tác.

Do định thù thắng: là lực của định thù thắng, nên trước khởi đại chủng, sau đấy sắc được tạo biến dị mà sanh. Nên biết đó gọi là do định thù thắng nên đại chủng biến dị, nhân đấy, sắc được tạo biến dị mà sanh.

Lại nữa, lược do năm duyên nên đại chủng hiện có khiến cho quả khác kia chuyển thành quả khác. Năm duyên ấy là:

1. Sức của đại chủng.
2. Dụng lực của sĩ phu.
3. Lực của minh chú.
4. Lực của thần thông.
5. Lực của nghiệp đã tạo.

Hỏi: Từ đấy chết rồi, do nhân duyên nào, tụ sắc của Trung hữu nối tiếp được sanh?

Đáp: nên biết sắc nầy dùng tự chủng tử làm nhân, chiêu cảm nghiệp sanh làm duyên.

Hỏi: do nhân nào được biết có Trung hữu?

Đáp: Từ đấy chết rồi, nếu các Tâm Tâm sở không có chỗ dựa, thì không có đạo lý chuyển đến phương khác, không nên như tiếng vang chỉ khiến lầm, lộn. Không nên như bóng nơi hình kia không mất. Cũng không nên nói như giữ lấy đối tượng duyên, không phải là đi, đến. Do những chỗ nói về thí dụ như thế là không hợp đạo lý. Vì thế nên biết nhất định có

Trung hữu. Các loại như vậy phải nên tư duy về sắc uẩn sanh khởi.

Lại nữa, sắc uẩn lúc sanh thì cái gì cũng đứng đầu trước hết, căn cứ vào xứ sở kia, dựa vào xứ sở nầy, các sắc còn lại chuyển biến? Nên biết đại chủng trước căn cứ nơi xứ sở, sau khi sắc khác được tạo, dựa vào xứ ấy mà chuyển. Chỉ các đại chủng nơi xứ sở ấy hiện tiền, làm chướng ngại tự tướng của sắc được tạo còn lại hiện hữu đủ khắp. Nên biết do uy lực kia nhận giữ nên có chỗ chiếm ngại. Lại nữa, các bốn đại chủng như địa v.v…, tùy theo thứ lớp kia nên hiểu bày tướng thô, nên biết. Nghĩa là địa giới và quả có thể duy trì các nghiệp tối thắng như lay động, thiêu đốt, trôi chảy của Thủy, Hỏa, Phong. Nương dựa nơi các nghiệp ấy nên mới được lưu chuyển. Lại nữa, các âm thanh vừa nói, phát ra rồi tức thì đoạn dứt, nên ở trong tụ sắc không luôn nối tiếp. Lại, âm thanh nầy, lúc dựa vào "chất" sanh, thì xứ của "chất" và bên ngoài cùng tức thì có thể đạt được. Tùy nơi chỗ được nghe, đối với nơi chốn ấy, hiện hữu đủ khắp tức thì dấy khởi như ánh sáng của ngọn lửa, chẳng phải dần dần sanh, lần lượt đi tới.

Lại nữa, Gió có hai loại: là luôn tương tục và không luôn tương tục. Các thứ gió luân hành gọi là luôn tương tục. Ở nơi không hành gọi là không luôn tương tục. Ở nơi vật hành, gọi là luôn thâu nhận. Lại nên biết, tính chất máy móc chuyển vận của gió gọi là luôn nối tiếp. Các thứ còn lại nên biết không phải là luôn nối tiếp.

Hỏi: những gì gọi là Không giới?

Đáp: Sáng, tối thuộc về sắc được tạo gọi là Không giới. Ở đây cũng có hai loại:

1. Luôn tương tục.
2. Không luôn tương tục.

Nếu nơi chốn cư trú của các Hữu tình thường tối thường sáng, gọi là luôn tương tục. Xứ khác không như thế là không luôn tương tục. Nên biết đây cũng là dựa vào tụ sắc.

Lại, Không giới nầy, nơi thuộc về ánh sáng gọi là thanh tịnh. Nơi chốn thuộc hang hốc gọi là không thanh tịnh.

Hỏi: các thứ dài ngắn v.v... được gọi là Hình sắc, nên nói là thật có hay là giả có?

Đáp: nên nói là giả có. Vì sao? Vì do tích tập mà trụ nên gọi là Hình, chỉ có các sắc tích tập có thể đạt được còn tướng của hình sắc khác không thể đạt được.

Lại, tất cùng đối đãi. Pháp đối đãi có tự tánh, tức pháp ấy liền có lỗi

lầm tạp loạn. Như chiếc xe v.v..., sự nhận biết kia có thể hủy hoại. Lại nữa, trong sắc của quả nơi định thù thắng thuộc về pháp xứ chỉ có tướng của hiển sắc. Vì sao? Vì đối với nhân sanh của hương v.v... kia đã thiếu, lại không công dụng. Như vậy, ở trong không hành nơi gió không có Hương v.v... cùng sanh, chỉ có sự giả hợp.

Lại, lìa chỗ phát khởi ánh sáng bên ngoài luân, các đại chủng còn lại cùng với hương v.v... đều không thể đạt được.

Lại, sắc của quả thuộc định thù thắng thuộc về pháp xứ, nên biết sắc nầy chỉ dựa vào định thù thắng, không dựa vào đại chủng. Nhưng từ duyên nơi chủng loại ảnh tượng kia, Tam-ma-địa phát khởi, nên cũng gọi là đại chủng kia đã tạo, không phải dựa vào pháp kia sanh, nên gọi là tạo.

Hỏi: ở trong sắc uẩn, có bao nhiêu pháp do kiến có đối nên trụ? Có bao nhiêu pháp do không kiến có đối nên trụ? Bao nhiêu pháp do không kiến không đối nên trụ?

Đáp: một do hai thứ, là đối tượng hành của Nhãn. Các thứ còn lại chỉ do có đối, trừ sắc thuộc về pháp xứ. nên biết sắc nầy là không kiến không đối. Các loại như thế phải nên tư duy an lập sắc uẩn.

Lại nữa, sắc uẩn do bao nhiêu thứ lưu mà tương tục chuyển. Tức là do ba thứ:

1. Lưu của đẳng lưu.
2. Lưu của dị thục sanh.
3. Lưu của sự nuôi lớn. Lưu của đẳng lưu lại có bốn thứ:

Một là: Lưu của đẳng lưu dị thục. Hai là: Lưu của đẳng lưu nuôi lớn. Ba là: Lưu của đẳng lưu biến dị.

Bốn là: Lưu của đẳng lưu bản tánh.

Lưu của dị thục sanh lại có hai loại:

1. Đầu tiên.
2. Nối tiếp.

Nghĩa là dị thục của nghiệp sanh và dị thục được sanh. Tức từ nơi nghiệp lực kia dẫn phát dị thục, thời gian sau chuyển.

Lưu của sự nuôi lớn cũng có hai loại:

1. Lưu nuôi lớn ở rộng khắp.
2. Lưu nuôi lớn cùng tăng thạnh.

Lưu của sự nuôi lớn thứ nhất chỉ nuôi lớn sắc, nên biết do ăn uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh, đẳng chí nuôi lớn các sắc. Lưu của sự nuôi lớn còn

lại nên biết cũng do ăn uống, chỗ dựa, tác ý tu thù thắng, nên thời gian dài thuần thục mà được nuôi lớn. Các pháp có sắc do hai thứ nuôi lớn mà được nuôi lớn. Các pháp vô sắc chỉ có cùng tăng thạnh gọi là nuôi lớn.

Lại, sắc của cõi dục do đủ bốn cách ăn và hết thảy nhân duyên môi lớn khác mà được nuôi lớn. Các sắc của cõi sắc không do đoạn thực, ngủ nghỉ, phạm hạnh mà được nuôi lớn.

Lại, các sắc căn nên biết do hai thứ lưu mà được lưu chuyển, do các sắc căn lìa sự nuôi lớn dị thục, ngoài lưu tương tục không khác với lưu của đẳng lưu.

Hỏi: sự nối tiếp của dị thục có lúc cũng có tăng trưởng rộng lớn có thể đạt được. Vì sao dị thục gồm thâu lưu không phải là nuôi lớn?

Đáp: do riêng có sự nối tiếp có thể thâu tóm, có thể giữ lấy lưu của đẳng lưu dị thục, nên hiện có tăng trưởng v.v... Nếu không phải sắc thuộc về căn, nên biết gồm ba thứ lưu. Các Tâm Tâm sở có Lưu của đẳng lưu, Lưu của dị thục sanh và Lưu nuôi lớn thứ hai đã nuôi lớn. Sắc thuộc về pháp xứ không có lưu của dị thục sanh, các thứ còn lại như nơi Tâm Tâm sở, nên biết.

Lại, trong cõi dục có đủ các sắc trong ngoài thành thục. Ở trong cõi sắc thì xa lìa Hương, Vị.

Lại, trong cõi dục các sắc căn thành thục hoặc đủ hoặc không đủ, ở trong cõi sắc các căn tất đủ.

Lại, các Thanh giới cũng có dị thục không phải âm thanh. Các loại như thế phải nên tư duy về nghĩa Lưu của sắc uẩn.

Lại nữa, địa giới thuộc về sắc uẩn có thể tạo bao nhiêu nghiệp cho đến Phong giới có thể làm bao nhiêu nghiệp? Nên biết tất cả đều làm năm nghiệp. Nghĩa là địa giới có thể làm nghiệp xúc chạm, biến hoại, nghiệp kiến lập và nghiệp nương dựa, nghiệp trái tổn, nghiệp thâu nhận.

Thủy giới có thể làm: nghiệp lưu nhuận, nghiệp thâu giữ, nghiệp tưới tắm, nghiệp trái tổn và nghiệp thâu nhận.

Hỏa giới có thể làm: nghiệp chiếu rõ, nghiệp thành thục, nghiệp thiêu đốt, nghiệp trái tổn và nghiệp thâu nhận.

Phong giới có thể làm: nghiệp phát động, nghiệp tùy chuyển, nghiệp tiêu khô, nghiệp trái tổn và nghiệp thâu nhận.

Lại, các đại chủng đối với sắc được tạo đã sanh, nên biết có thể tạo năm nghiệp. Nghĩa là nghiệp sanh khởi, nghiệp nương dựa, nghiệp kiến lập, nghiệp nhận giữ, nghiệp tăng trưởng.

Đối với sự biến dị kia, lúc sanh có thể làm việc đứng đầu dẫn đường. Biến dị sanh rồi cùng với pháp ấy ở yên, không lìa bỏ nhau, nên có thể làm chỗ dựa. Thâu nhận, tổn hại, an nguy cùng đồng có thể kiến lập pháp kia. Nắm giữ lượng gốc ấy khiến không thể tổn giảm nên có thể nhận giữ. Khiến pháp kia tích tập tăng tiến rộng lớn nên có thể tăng trưởng.

Hỏi: Sắc thiện, bất thiện nơi đối tượng hành của Nhãn, Nhĩ, chúng do nhân duyên nào thành tánh như thiện v.v… không phải là sắc khác?

Đáp: nếu lược nói thì do phẩm hạ trung thượng nơi ba thứ Tư có sai biệt:

1. Tư của gia hạnh.
2. Tư của quyết định.
3. Tư của đẳng khởi.

Do đấy, nên có thể khởi biểu nghiệp thân ngữ thiện, bất thiện. Nên biết Tư phẩm thượng làm chỗ nương dựa, nên có thể phát khởi nghiệp thiện, bất thiện.

Hỏi: dựa vào tụ sắc mà có vận động, nên nói là cùng với pháp ấy khác hay chẳng khác?

Đáp: nên nói là chẳng khác. Vì sao? Vì ở xứ sở kia hoặc sinh, chẳng sinh, hoặc diệt, chẳng diệt, nhưng có vận động đều có lỗi lầm có thể thấy rõ.

Hỏi: có Lỗi lầm gì?

Đáp: nếu nói sanh mà có động, liền vượt tướng sát-na. nếu nói không sanh thì nên không động. Nếu nói là diệt thì nên cùng với các thứ khác như nhau. Nếu bảo không diệt thì vượt tướng hành.

Lại, ở nơi xứ khác sanh khởi nhân duyên phân biệt có thể đạt được, do đó nên biết không có vận động riêng biệt là vật thật có thể đạt được. Các loại như vậy phải nên tư duy về chỗ tạo nghiệp của Sắc uẩn.

Lại nữa, hết thảy Sắc uẩn nên nói đều là tánh diệt của sát na. Vì sao? Vì các Hành vừa sanh tức thì hoại diệt, hiện có thể đạt được. Lại không nên cho nhân có thể sanh tức là nhân diệt, vì tướng ấy khác biệt. Lại, pháp sanh rồi thì nhân của sự dừng trụ khác không thể đạt được. Vì thế nên biết, tất cả các Hành đều tự nhiên diệt. Do đạo lý nầy nên nghĩa sát-na thành.

Nếu cho lửa v.v... là nhân hoại diệt thì không hợp đạo lý. Vì sao? Vì do lửa v.v... kia cùng với các Hành kia là cùng sanh cùng diệt, hiện có thể thủ đắc, nên chỉ có thể làm cho chúng sanh duyên biến dị, nói là có tác dụng. Lại cho hoại diệt là nhân hoại diệt, cũng không hợp đạo lý. Nếu lúc

pháp kia sanh tức có hoại diệt, liền thành lỗi lầm của sự đoạn hoại tương tục.

Lại, chỉ có tự tánh diệt hoại được gọi là diệt, nhưng nói có thể làm nhân diệt là không hợp đạo lý. Nếu nói riêng có tự tánh diệt hoại, lìa pháp ấy ra ngoài còn có riêng tướng diệt, rốt ráo không thể đạt được là không hợp đạo lý.

Nếu cho lửa v.v... là trợ bạn của diệt, mới có thể diệt, thì đối với đèn, ánh chớp v.v... cùng Tâm Tâm sở tự nhiên diệt không thể thủ đắc, là không hợp đạo lý.

Nếu cho pháp kia sanh có các công năng riêng biệt, sự sai biệt ấy không thể thủ đắc là không hợp đạo lý. Nếu cho hai thứ, ở một xứ sở có công năng diệt, tức nên hai thứ cùng ở nơi hai phần có công năng diệt, hoặc không có công năng, là có lỗi lầm, không hợp đạo lý. Các loại như thế phải nên tư duy về nghĩa sát na diệt của Sắc uẩn. Nghĩa là do nhân hoại diệt tự nhiên, nên ngăn chận chấp cho lửa v.v... là nhân diệt, ngăn chận chấp cho tướng diệt làm nhân diệt, ngăn chận chấp cho hai thứ là nhân diệt. Các loại như vậy đều nên nhận biết rõ.

Lại, tất cả Hành là quả của Tâm nên biết như Tâm đều là sát na diệt.

Lại nữa, sắc được tạo đối với các đại chủng nên nói là có tướng khác chăng? Nên nói là không có tướng khác chăng? Nghĩa là có tướng khác. Vì sao? Vì tướng khác có thể đạt được.

Ở đây, tướng khác, nghĩa là đối tượng hành của căn khác. Vì sao? Vì do sắc căn khác có thể giữ lấy đại chủng. Lại do căn khác giữ sắc được tạo. Lại có thể vận chuyển, hiện có thể đạt được. Nghĩa là từ hương thơm của các Hoa vận chuyển đến trong các hạt mè thế gian hiện có đạt được, không phải chất cứng chắc kia có thể vận chuyển.

Lại, biến dị không biến dị, hiện có thể đạt được. Nghĩa là trong việc sắc làm khô các thứ tô, lạc có sắc, vị v.v... biến dị sai biệt có thể đạt được, không phải là vật cứng chắc kia. Vì thế, nên biết đại chủng tạo sắc, về tướng có khác. Nếu đối với tướng khác mà cho là một, thì đối với các đại chủng cũng nên như thế chăng? Do các đại chủng về tướng lần lượt hỗ tương khác biệt, nên nếu chấp nhận như thế thì phải chăng chỉ có một đại chủng? Do đó, các sắc được tạo so với đại chủng kia nhất định là có tướng khác. Các loại như thế, phải nên tư duy về tướng riêng không phải riêng của các đại chủng sắc.

Lại nữa, các pháp thuộc về sắc, bao nhiêu là tánh của căn, bao nhiêu là tánh của đối tượng hành? Tức năm là tánh của căn, sáu là tánh của đối

tượng Hành.

Hỏi: Những gì là cảnh của đối tượng Hành? Là đối tượng Hành của căn?

Đáp: hoặc căn không phải cảnh, như trong phần Bản địa đã nói rộng. Nghĩa là do chốn nương dựa, hoặc do tướng, hoặc do phương, hoặc do thời, hoặc do sáng rõ không sáng rõ, hoặc do toàn sự việc, một phần sự việc.

Hỏi: do những nhân duyên nào nói các căn hoại, chẳng hoại? Đáp: do hai nhân duyên:

1. Do suy tổn.

2. Do hủy hoại hoàn toàn.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là không hoại. Lại, lược do bốn duyên khiến các căn biến dị:

1. Do duyên bên ngoài sanh. Nghĩa là do thọ dụng, thâu nhận làm tổn hoại cảnh giới bên ngoài. Hoặc do chỗ tăng, giảm của kẻ khác.

2. Do duyên bên trong sanh: Nghĩa là do tác ý đều khác biệt không như lý, sanh khởi các phiền não trói buộc như tham. Hoặc do tác ý như lý, sanh khởi Tam-ma-bát-đề v.v...

3. Do nghiệp duyên sanh: Nghĩa là do lực của duyên tăng thượng nơi nghiệp đời trước chiêu cảm được các căn đoan nghiêm hay xấu xí.

4. Do Tự thể biến dị sanh: Nghĩa là tự tướng của các căn kia sai biệt.

Hỏi: Do những nhân duyên nào, ý căn bị hủy hoại? Đáp: Do bốn nhân duyên:

1. Do sự tạo tác của Cái: Nghĩa là ở trong năm cái, tùy do một cái che phủ nơi tâm.

2. Do tán loạn tạo ra. Nghĩa là do các thứ quái dị nhiễm loạn nơi Tâm.

3. Do chưa chứng đắc tạo ra. Nghĩa là nội tâm kia cũng chưa chứng đắc Tĩnh lự, Vô sắc với công đức thuộc phẩm thù thắng, nhưng ở trong ấy đã phát khởi tác ý mạnh mẽ.

4. Do chưa thắng giải tạo ra. Nghĩa là đối với các việc đa văn, công xảo v.v..., tâm chưa thuần thục đã gượng ép nêu bày phương tiện.

- Thế nào là cảnh giới của sắc v.v... đối chiếu với các căn kia, gọi là hiện tiền? Nghĩa là sắc đối với Nhãn không phải là hợp, không phải tối tăm, không phải rất nhỏ, xa, cũng không phải có chướng ngại, gọi là hiện tiền, nhưng chủ yếu chính là có thấy, có sáng, không chướng ngại, nơi xứ có thể hành, mới gọi là hiện tiền.

Lại, đối với một nhãn, tuy sắc bị ngăn che, cũng gọi là hiện tiền. Âm thanh đối với Nhĩ căn cũng tất không phải là hợp, không phải là rất nhỏ, xa, được gọi là hiện tiền. Có chướng ngại, không chướng ngại, hoặc sáng hoặc tối, tại xứ có thể hành, đều gọi là Hiện tiền. Hương vị xúc, ba cảnh đối với Tỷ, Thiệt, Thân, chỉ hợp có khả năng giữ lấy tại xứ có thể Hành mới gọi là Hiện tiền.

Cảnh giới của đối tượng hành: nếu là các Thiên nhãn thì chỉ soi chiếu có kiến, có chướng ngại, không chướng ngại, hoặc sáng hoặc tối, hoặc gần hoặc xa, đều gọi là hiện tiền, nhưng tại xứ có thể hành, không phải xứ không thể hành.

Nếu là Thánh Huệ nhãn thì tất cả chủng loại sắc đều là đối tượng Hành.

Hỏi: như nơi phần Bản địa đã nói về sáu thứ tánh của đối tượng hành. Ở đây có sai biệt gì?

Đáp: Tánh của đối tượng Hành thứ nhất: là sắc thuộc về Hữu tình thế gian và sắc thuộc về Khí thế gian.

Tánh của đối tượng Hành thứ hai: Nghĩa là do ba tự tánh nên Tự tánh sai biệt: Tướng sai biệt, Tác dụng sai biệt, Phần vị sai biệt.

Sắc tướng sai biệt: Nghĩa là các sắc xanh vàng đỏ trắng v.v... cho đến nói rộng.

Tác dụng sai biệt: Nghĩa là tác dụng thuộc về Hữu biểu, Vô biểu, thuộc về Luật nghi, không Luật nghi phi Luật nghi phi bất Luật nghi.

Phần vị sai biệt: là sắc hợp ý không hợp ý, và xứ sắc thuận xả.

Thanh tướng sai biệt: Nghĩa chấp thọ đại chủng làm nhân, không phải chấp thọ đại chủng làm nhân. Chấp thọ, phi chấp thọ đại chủng làm nhân.

Tác dụng sai biệt: là Biểu nghiệp ngữ. Phần vị sai biệt: như trước nên biết.

Hương tướng sai biệt: là hương của Rễ, Thân, Vỏ, Hạt, Hoa, Lá, Quả.

Tác dụng sai biệt: Nghĩa là Hương Vị Xúc đều không có tác dụng.

Phần vị sai biệt: như trước nên biết.

Vị tướng sai biệt: Nghĩa là ngọt, đắng v.v... như trước đã nói. Xúc tướng sai biệt: cũng như trước đã nói về nhiều loại nên biết. Tánh của đối tượng Hành thứ ba: Nghĩa là sự sai biệt của các phương, hướng đông tây nam bắc v.v... nên biết.

Tánh của đối tượng Hành thứ tư: Nghĩa là sự sai biệt của quá khứ, hiện tại, vị lai, nên biết.

Tánh của đối tượng Hành thứ năm: là sự sai biệt của việc chọn lấy thật không thật, nên biết.

Tánh của đối tượng Hành thứ sáu: là chỗ sai biệt của việc giữ lấy một phần sự việc hoặc đầy đủ sự việc, nên biết.

Các loại như thế gọi là cảnh giới của các sắc hiện tiền sai biệt, nên biết.

Thế nào gọi là có thể sanh khởi tác ý? Nghĩa là do chỗ dựa không hư hoại, cảnh giới hiện tiền, nơi chốn khởi có thể dẫn phát Tâm sở. Các loại như thế, phải nên tư duy về tướng của đối tượng Hành nơi Sắc uẩn.

Lại nữa, tại cõi dục, dựa nơi thân cõi dục, phát khởi đại chủng của cõi sắc, các đại chủng kia hiện tiền. Vì sao cùng với sắc của cõi dưới cùng trụ? Vì xứ khác chăng, không phải xứ khác chăng? Nên nói như nước ở nơi cát, không phải là trụ nơi xứ khác. Các loại như thế phải nên tư duy về Sắc uẩn hỗ tương tạp trụ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 55

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 5:

Như vậy là đã xét chọn về Sắc uẩn. Tiếp theo, tôi sẽ nói về bốn uẩn vô sắc thuộc về Danh, theo chỗ ứng hợp kiến lập tướng, như nơi Phần Bản địa đã lập Tướng Nhất tâm, nay sẽ hiển bày trước.

Như đức Thế Tôn nói: "Nếu có chúng sanh nơi trú xứ của đức Như Lai chỉ phát một tâm cùng một lời nói: Đại sư Thiện Thệ! Đại sư Thiện Thệ! Phát tâm như vậy, ta hãy còn nói với người ấy đối với các pháp thiện đã tạo tác nhiều, huống chi là thân ngữ, như nơi tâm lượng tùy thuận phụng hành" Lại nói như vầy: "Do một tâm tịnh sẽ đi đến cõi thiện!" Các loại như thế, nên biết trong ấy dựa vào một tâm nối tiếp thuộc về sự chuyển đổi. Do tạo thế tục, gọi là phát một Tâm. Lại, dựa vào đạo lý nối tiếp của thế tục gọi là phát một lời nói và phát khởi thân nghiệp.

Hỏi: Có tâm phân biệt, tâm không phân biệt, nên nói là đồng duyên nơi cảnh hiện tại chăng, hay là không đồng duyên?

Đáp: Nên nói là đồng duyên nơi cảnh giới hiện tại. Vì sao? Vì do ba nhân. Nghĩa là hết sức sáng rõ, nên đối với pháp kia đã tác ý, cả hai dựa nơi sự nuôi dưỡng.

Hỏi: Tâm nhiễm lúc sanh, nên nói là do tự tánh nên nhiễm, hay là do tương ưng, do tùy miên?

Đáp: Nên nói là do tương ưng, do Tùy miên, không phải là do tự tánh. Nếu tự tánh kia là nhiễm ô, nên hoàn toàn bất tịnh như Tham v.v... Nếu cho như thế là lỗi lớn. Do tự tánh kia không nhiễm ô nên nói lúc tâm sanh, tự tánh thanh tịnh.

Hỏi: Các phiền não trói buộc ở trong hai thứ nhân nhiễm ô tâm, nên nói là những gì?

Đáp: Nên nói là tương ưng.

Hỏi: Ở đây những gì gọi là Tùy miên?

Đáp: Là các Uẩn phiền não với những thô trọng hiện có, tánh không an ổn. Lại nắm giữ các Hành khiến thành tánh khổ. Vì thế, bậc Thánh giả do Hành khổ nên hiện quán là khổ, ở trong các Hành an trụ nơi quán khổ. Quán như thế nào? Quán như chất độc, như nóng bức, như ung nhọt, cho đến nói rộng. Như nơi Địa có Tầm có Tứ đã nói. Nên quán như vậy.

Lại có ba thứ pháp nhiễm não tâm, nên biết là gồm thâu khắp tất cả phiền não cấu nhiễm. Đó là: Nghiệp nhiễm não, Thọ nhiễm não, Phiền não nhiễm não. Hai thứ nhiễm não đầu chỉ thuộc về cõi Dục. Loại nhiễm não thứ ba là chung cho cả ba cõi.

Hỏi: Những gì gọi là phiền não trói buộc tâm?

Đáp: Là tất cả Tùy miên.

Hỏi: Những gì gọi là nghiệp trói buộc?

Đáp: Ưa thích, tham đắm nơi sự việc, gọi là sự trói buộc của Nghiệp.

Lại, đối với ba xứ, tạo nghiệp chướng ngại, cũng gọi là Nghiệp trói buộc. Nghĩa là đối với tâm xuất ly, đối với sự vui mừng được xuất ly, đối với việc đạt được Thánh đạo.

Lại, thuận với dị thục nơi nghiệp ngăn ngại, cũng gọi là Nghiệp trói buộc. Lại, tạo nghiệp nguyên tà vạy, cũng gọi là Nghiệp trói buộc. Bốn thứ như thế, chia riêng thì có sáu, hợp chung làm bốn.

Hỏi: Các Thức lúc sanh, cùng với bao nhiêu Tâm sở Biến hành cùng khởi?

Đáp: Năm: Đó là: Tác ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư.

Hỏi: Lại cùng với bao nhiêu Tâm sở không biến hành cùng khởi?

Đáp: Pháp không biến hành tức có nhiều thứ.

Trội bật chỉ có năm:

Dục, Thắng giải, Niệm, Tam-ma-địa, Huệ.

Tác ý là thế nào? Nghĩa là có thể dẫn đến phát Tâm sở. Xúc là sao? Là nghĩa ba thứ nên có thể thâu nhận.

Thọ là sao? Là nghĩa ba thứ hòa hợp nên có thể lành nạp.

Tưởng là thế nào? Nghĩa là ba thứ hòa hợp nên thiết lập đối tượng duyên, giả hợp mà giữ lấy. Đây lại có hai loại: Một là Tưởng tùy giác. Hai là Tưởng ngôn thuyết tùy miên. Tưởng tùy giác: Là Tưởng của ngôn thuyết thiện của hàng Trời, người. Tưởng ngôn thuyết Tùy miên: Là Tưởng của ngôn thuyết bất thiện nơi các loại như trẻ con cho đến cầm thú.

Tu là thế nào? Là ba thứ hòa hợp nên khiến Tâm tạo tác. Nơi cảnh của Đối tượng duyên, theo đấy lãnh nạp, hòa hợp hay trái lìa.

Dục là thế nào? Là đối với các thứ cảnh giới kia, theo đấy hướng tới, mong muốn vui thích.

Thắng giải là sao? Là đối với các thứ cảnh giới kia, tùy thuận hướng đến, thừa nhận, khen ngợi.

Niệm là thế nào? Là đối với các thứ cảnh giới kia, tùy thuận hướng đến, ghi nhận rõ.

Tam-ma-địa là thế nào? Là đối với các thứ cảnh giới kia, tùy thuận hướng đến, để lường xét kỹ, dựa nơi tánh tâm một cảnh.

Huệ là thế nào? Là đối với các thứ cảnh giới kia, tùy thuận hướng đến, phân biệt, chọn lựa các pháp. Hoặc quan sát như lý, hoặc quan sát không như lý, hoặc quan sát không phải như lý không phải không như lý.

Lại nữa, Tác ý tạo nghiệp gì? Tức nơi đối tượng duyên dẫn dắt tâm là nghiệp.

Xúc tạo nghiệp gì? Lam chỗ dựa cho Thọ, Tưởng Tư, là Nghiệp. Thọ tạo nghiệp gì? Làm chỗ đối đãi cho Ái sanh, là nghiệp.

Tưởng tạo nghiệp gì? Là đối với đối tượng duyên khiến tâm lựa chọn, nên bày về ngôn thuyết, là nghiệp.

Tư tạo nghiệp gì? Là phát khởi tầm tứ về nghiệp Thân ngữ, là nghiệp.

Thắng giải tạo nghiệp gì? Nghĩa là đối với công đức, lỗi lầm của đối tượng duyên, hoặc cùng đối với cả hai, ấn chứng nắm giữ, là nghiệp.

Niệm tạo nghiệp gì? Nghĩa là đối với các chỗ suy xét, tạo tác, nói năng đều nhớ ghi, là nghiệp.

Tam-ma-địa tạo nghiệp gì? Làm chỗ dựa của Tứ, là nghiệp.

Huệ tạo nghiệp gì? Nghĩa là đối với đối tượng hành của ngôn luận, nhiễm ô hay thanh tịnh, tùy thuận khảo xét, là nghiệp.

Hỏi: Năm tứ Tâm sở không biến hành nầy, đối với sự cảnh nào đều riêng biệt sinh khởi?

Đáp: Như thứ lớp ấy, nơi đối tượng được yêu thích quyết định luôn hành tập quan sát bốn cảnh sự mà sanh. Tam-ma-địa, Huệ đối với cảnh sau cùng. Các thứ còn lại tùy theo thứ lớp, đối với ba cảnh trước.

Hỏi: Các pháp uẩn còn lại thuộc về danh, cùng với Tâm tương ưng nên nói là đột nhiên khởi, hay tìm cầu, hay quyết định?

Đáp: Nếu dựa vào loại Tâm kia, nên nói tức là loại ấy.

Hỏi: Như Kinh nói: "Bốn uẩn vô sắc nầy, nên nói là hòa hợp, không phải là không hòa hợp." Tức không thể nói các pháp như thế có thể phân tích khiến chúng sai biệt. Vì sao tướng khác của pháp ấy thành tựu , mà nói

là hòa hợp không sai biệt?

Đáp: Do hòa hợp có rất nhiều nên đối với cảnh của đối tượng duyên, thọ dụng, nhận hiểu mới được đầy đủ. Nếu không như thế, theo đấy thiếu một loại, thì đối với sự việc nên làm không thể viên mãn.

Hỏi: Các Tâm, Tâm sở gồm có bao nhiêu thứ tên gọi sai biệt?

Đáp: Tên gọi có rất nhiều. Nghĩa là có vô lượng sai biệt của có đối tượng duyên, Tương ưng có hành, có chỗ dựa v.v...

Hỏi: Do đâu Nhãn v.v... cũng có cảnh giới, nhưng chỉ nói cảnh giới ấy gọi là có đối tượng duyên không phải là Nhãn v.v...?

Đáp: Do Nhãn v.v... kia lìa cảnh đã được giữ lấy cũng được sanh khởi. Còn Tâm và Tâm sở thì không như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là tương ưng?

Đáp: Do sự v.v..., do xứ, so thời v.v..., do chỗ tạo tác v.v...

Hỏi: Thế nào gọi là có thành?

Đáp: Do một chủng loại nhờ vào nhiều chỗ dựa sai biệt mà chuyển. Tuy pháp Hữu vi là có nương dựa, nhưng không phải là nói về nương dựa như ở đây, chỉ là chỗ dựa thường xuyên làm lượng ấy.

Hỏi: Do đâu, vui so với khổ thọ, khổ so với Lạc thọ, hoặc vui hoặc khổ so với phi khổ vui, nói là cùng đối nhau?

Đáp: Do tự chủng loại, nhưng không đồng phần nên cùng đối nhau.

Hỏi: Vì sao Thọ không khổ không vui đối với vô minh kia nói là cùng đối nhau?

Đáp: Do so với các Thọ, tất cả phiền não đều là trợ bạn, nên cùng đối nhau?

Hỏi: Vì sao minh và vô minh gọi là cùng đối nhau?

Đáp: Vì chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị cùng đối nhau. Hỏi: Vì sao Minh cùng với Niết-bàn gọi là cùng đối nhau?

Đáp: Vì nhân quả tương thuộc nên cùng đối nhau.

Thế nào là kiến lập bốn uẩn vô sắc, tánh là Thiện, bất thiện vô ký?

Nghĩa là tất cả không sai biệt. Tụng nêu:

Xứ dựa cùng tự do
Tương ưng và Thế tục
Nhuyễn cùng sự sai biệt
Đức, Lỗi, năng sở thị

Hỏi: Xứ dựa nương của pháp thiện có bao nhiêu loại? Đáp: Lược nên có sáu:

Một: Thời quyết định Hai: Thời dừng dứt Ba: Thời tạo nghiệp Bốn: Thời thế gian thanh tịnh Năm: Thời xuất thế gian thanh tịnh Sáu: Thời thâu nhận chúng sanh

Hỏi: Những gì là Tự tánh?

Đáp: Nghĩa là: Tín, Hổ, Thẹn, Không tham, Không sân, Không si, Tinh tấn, Khinh an, Không phóng dật, Xả, Bất hại, các pháp như thế gọi là Tự tánh thiện.

Hỏi: Các pháp như thế, nghĩa cùng tương ưng làm sao nên biết?

Đáp: Nơi thời quyết định, có Tín tương ưng. Thời dừng dứt tạp nhiễm có Hổ và Thẹn hướng về mình, người. Thời nghiệp phẩm thiện chuyển, có không tham, không sân, không si, Tinh tấn. Thời đạo thế gian lìa đục, có khinh an. Thời đạo thế gian lìa dục có không phóng dật và Xả. Thời thâu nhận chúng sanh có Bất hại. Đây thuộc về Bi.

Hỏi: Các pháp thiện nầy, có bao nhiêu là thế tục, có bao nhiêu là vật thật có?

Đáp: Có ba là thế tục. Nghĩa là không phóng dật, Xả và Bất hại. Vì sao? Vì không phóng dật, Xả là phần của không tham, không sân, không si, Tinh tấn. Tức nghĩa của pháp lìa tạp nhiễm như thế kiến lập làm Xả. Nghĩa đối trị tạp nhiễm kiến lập làm không phóng dật. Bất hại tức là phần của Không sân nên không có vật thật riêng.

Hỏi: Những gì gọi là Thiện căn phẩm hạ?

Đáp: Là những thiện căn hiện có của địa bất định. Hoặc tại địa định mà có thể đối trị phiền não phẩm thượng.

Hỏi: Những gì gọi là thiện căn phẩm trung?

Đáp: Là thiện căn của thế gian nếu ở tại địa định. Hoặc có thể đối trị phiền não phẩm trung.

Hỏi: Những gì gọi là thiện căn phẩm thượng?

Đáp: Nghĩa là các thiện căn xuất thế gian hiện có. Hoặc có thể đối trị phiền não phẩm hạ.

Lại, các pháp thiện, hoặc do lực gia hạnh, hoặc do lực tập quen, hoặc do lực của tự tánh, hoặc do lực của điền sĩ, hoặc do lực thanh tịnh, nên biết thành phẩm thượng.

Hỏi: Thiện căn lúc sanh, dựa vào bao nhiêu thứ sự mà được sanh?

Đáp: nếu lược nêu thì dựa vào tám thứ sự:

1. Sự phước nghiệp do thí tạo thành.
2. Sự phước nghiệp do giới tạo thành.
3. Sự phước nghiệp do Tu tạo thành.
4. Sự do Văn tạo thành.
5. Sự do Tư tạo thành.
6. Sự do tu khác tạo thành.
7. Sự do phân biệt lựa chọn tạo thành.
8. Sự do thâu nhận Hữu tình tạo thành.

Nên biết ở đây tùy theo chỗ ứng hợp dựa vào các sự đã nêu. Hoặc nơi hiện pháp, hoặc đối với Hậu pháp, theo đấy hành một thứ tham, sân, ác kiến, nối tiếp nơi tâm, trước thành uế nhiễm, đã bị nhiễm rồi, do sự đối trị kia khiến ở nơi xứ nầy không còn tương ưng.

Hỏi: những gì gọi là sự sai biệt của pháp thiện?

Đáp: hoặc có một loại cho đến mười loại, như nơi phần Bản địa đã nêu bày rộng.

Lại, các pháp thiện hoặc có đối trị tạp nhiễm. Hoặc có tạp nhiễm lặng dứt. Hoặc có thâu nhận quả đáng yêu thích. Hoặc có thanh tịnh nối tiếp. Hoặc có dường linh miếu. Hoặc có thể thâu nhận Hữu tình. Các loại như thế là chỗ sai biệt của pháp thiện phải nên nhận biết rõ.

Lại nữa, pháp thiện không có lỗi lầm, có công đức gì? Công đức của pháp thiện có vô lượng loại. Nghĩa là có thể làm thanh tịnh tâm khiến lìa phiền não trói buộc và tùy miên. Khiến nơi đối tượng duyên không có điên đảo. Có thể khiến cho thiện căn kiên cố không thối chuyển. Khiến cho Hành đẳng lưu nối tiếp mà chuyển. Không bị tự hại. Không bị kẻ khác hại, không bị cả hai cùng hại. Hiện pháp không sanh tội. Hậu pháp không sanh tội. Hiện pháp hậu pháp không sanh tội. Có thể thọ nhận Hỷ lạc kia được sanh. Có thể dứt hết các khổ hiện có, sanh là đứng đầu. Lại có thể tăng trưởng Thắng giải về Niết bàn, có thể gần gũi cảnh giới ấy. Có thể khiến cho tài sản, ngôi vị không có thối mất. Ở nơi chúng hội luôn dũng mãnh, không hề sợ hãi. Uy danh rộng lớn truyền khắp mười phương. Được các bậc Thánh hiền khen ngợi tán dương. Khi sắp mạng chung không sanh lo, hối. Sau khi thân hoại, được sanh vào các cõi thiện, đối với các pháp thiện khiến không thối, mất. Có thể mau chóng thuận chứng nghĩa mình đã cầu đạt. Các loại như thế là vô lượng vô biên công đức của các pháp thiện, nên nhận biết rõ đầy đủ.

Thế nào là kiến lập sự đối trị của các pháp thiện? Do mười lăm thứ

nên kiến lập. Đó là:

1. Đối trị do chán bỏ.
2. Đối trị do đoạn trừ.
3. Đối trị do duy trì.
4. Đối trị do phần xa.
5. Đối trị phần dục hướng tới trói buộc.
6. Đối trị không phải dục hướng tới trói buộc.
7. Đối trị tùy miên.
8. Đối trị phiền não phẩm hạ.
9. Đối trị phiền não phẩm trung.
10. Đối trị phiền não phẩm thượng.
11. Đối trị tán loạn.
12. Đối trị gián hối.
13. Đối trị yếu kém.
14. Đối trị chế phục.
15. Đối trị ly hệ.

Lại nữa, các pháp nhiễm ô hiện rõ hai tướng:

1. Phiền não căn bản.
2. Phiền não tùy thuận.

Nay trước sẽ nói về Phiền não căn bản, sau sẽ phân biệt về Phiền não tùy thuận (Tùy phiền não).

Hỏi: Phiền não căn bản có bao nhiêu thứ chỗ dựa? Đáp: có sáu thứ:

1. Cùng với vô minh cùng hợp ý nơi cảnh giới tạp nhiễm.
2. Cùng với vô minh cùng không hợp ý nơi cảnh giới tạp nhiễm.
3. Cùng với tác ý không như lý kết hợp nơi cảnh giới tạp nhiễm.
4. Cùng với vô minh kết hợp nơi Hữu tình kém vừa hơn đều đối với năm thủ uẩn riêng bị, chưa bị điên đảo nơi công đức, điên đảo.
5. Cùng với vô minh, tác ý không như lý kết hợp nơi việc lắng nghe pháp không chân chánh.
6. Cùng với vô minh, tác ý không như lý kết hợp nơi việc lắng nghe chánh pháp, nhưng sanh biếng nhác.

Nên biết chỗ dựa đầu tiên là vui mừng hòa hợp. Chỗ dựa thứ hai là vui mừng biệt ly. Chỗ dựa thứ ba là đối nơi cảnh điên đảo. Chỗ dựa thứ tư là khinh miệt, kiêu mạn. Chỗ dựa thứ năm là hành pháp tà chấp. Chỗ dựa

thứ sáu là không tu chánh hạnh, không được Hoàn diệt.

Hỏi: Tự tánh phiền não có bao nhiêu thứ?

Đáp: có sáu thứ: Tham, Sân, Vô minh, Mạn, Kiến, Nghi. Hỏi: Phiền não nào cùng với Phiền não nào tương ưng?

Đáp: Vô minh cùng với tất cả, Nghi đều không thật có. Tham, Sân không hỗ tương. Đây hoặc cùng với Mạn, Kiến. Nghĩa là khi Ái nhiễm, hoặc đề cao, hoặc suy cầu. Như Ái nhiễm, giận ghét cũng thế. Mạn cùng với Kiến, hoặc lại tương ưng, nghĩa là lúc đề cao lại suy dẫn tà vạy.

Hỏi: các phiền não nầy, bao nhiêu thứ là Thế tục có, bao nhiêu thứ là vật thật có?

Đáp: Kiến là Thế tục có, là phần của Huệ. Các thứ còn lại là vật thật có, có riêng tánh của Tâm sở.

Hỏi: các phiền não nầy tại sao kiến lập ba phẩm thượng trung hạ?

Đáp: được đoạn trừ sau cùng gọi là phẩm hạ. Đoạn trừ ở giữa gọi là phẩm trung. Được đoạn trừ đầu tiên gọi là phẩm thượng. Lại do sáu nhân nên các phiền não thành phẩm thượng.

1. Phiền não do dâm dục sanh, tánh nhiều là phẩm thượng.

2. Phiền não do tập quen sanh, tánh nhiều là phẩm thượng.

3. Phiền não của xứ yên đủ, nghĩa là người có căn thành thục, tánh nhiều là phẩm thượng.

4. Phiền não không thể đối trị, nghĩa là người không có pháp Niết bàn, tánh nhiều là phẩm thượng.

5. Phiền não của gia hạnh không phải xứ, nghĩa là đối với các nơi chốn như phước điền tôn quý, tánh nhiều là phẩm thượng.

6. Phiền não có nghiệp, nghĩa là người đang phát khởi nghiệp, tánh nhiều là phẩm thượng.

Hỏi: lúc phiền não sanh. Do bao nhiêu sự phiền não mà được sanh?

Đáp: Tham do mười sự nên sanh:

1. Thủ uẩn.

2. Các kiến.

3. Chưa được cảnh giới.

4. Đã được cảnh giới.

5. Đã được thọ dụng cảnh giới quá khứ.

6. Hành ác.

7. Nam nữ.

8. Bạn thân.

9. Của cải, vật dụng.

10. Đời sau cùng không, có.

Hỏi: Tham nào đối với sự việc nào sanh?

Đáp: Tùy theo thứ lớp kia, mười Tham đối với mười sự sanh khởi. Những gì là mười Tham? Đó là: Tham sự, Tham kiến, Tham tham, Tham keo kiệt, Tham che nhăn (cái), Tham hành ác, Tham con cháu, Tham bạn thân, Tham của cải vật dụng, Tham có, không.

Sự của Sân cũng có mười thứ:

1. Thân mình.

2. Hữu tình được yêu thích.

3. Hữu tình không được yêu thích.

4. Oán thân nơi quá khứ.

5. Oán thân nơi vị lai.

6. Oán thân nơi hiện tại.

7. Cảnh không hợp lý.

8. Ganh ghét.

9. Hành tập từ trước.

10. Kiến giải của kẻ khác.

Sân cũng có mười thứ. Như thứ lớp kia, dựa vào đấy mà sanh. Căn cứ nơi sáu sự trước lập chín sự não, duyên nơi tất cả sân kia đều gọi là Sân của Hữu tình. Phần còn lại gọi là Sân của cảnh giới. Nếu không lấy nhẫn làm đầu, cũng là Sân của Hữu tình, hoặc là Sân của Hành tập từ trước, hoặc là Sân của Kiến. Mười Sân như thế lược có ba thứ:

1. Sân của Hữu tình.

2. Sân của Cảnh giới.

3. Sân của Kiến.

Vô minh dựa nơi bảy sự khởi:

1. Sự của thế gian.

2. Sự của thế gian an lập.

3. Sự vận chuyển.

4. Sự tối thắng.

5. Sự chân thật.

6. Sự thanh tịnh, tạp nhiễm.

7. Sự tăng thượng mạn.

Dựa nơi bảy sự nầy, khởi bảy vô tri, hoặc lại mười chín, nên biết đối với sự thứ nhất, do ba thứ môn nên sanh nghi hoặc, đối với sự thứ hai, do sáu thứ bên trong hoặc bên ngoài, hoặc cùng sanh các kiến như oán thân v.v... của Ngã, Ngã sở. Đối với sự thứ ba, do dị thục của nghiệp và cùng kết hợp sanh các kiến chấp về nhân ác, không nhân, người thọ nhận, người tạo tác. Đối với sự thứ tư là phỉ báng Tam bảo. Đối với sự thứ năm là phỉ báng các đế. Đối với sự thứ sáu là khởi hành giải tà vạy. Đối với sự thứ bảy là dựa nơi nghĩa tự đạt được khởi tăng thượng mạn.

Mạn dựa nơi sáu sự nên sanh khởi:

1. Hữu tình thua kém.
2. Hữu tình bằng nhau.
3. Hữu tình hơn hẳn.
4. Thủ uẩn bên trong.
5. Đã bị chưa bị điên đảo.
6. Công đức điên đảo.

Dựa nơi sáu sự nầy, sanh bảy thứ mạn. Nghĩa là Mạn, Quá mạn v.v... Nên biết hai mạn dựa nơi sự Hữu tình hơn hẳn sanh, các thứ còn lại đều dựa nơi một sự sanh.

Kiến dựa nơi hai sự nên sanh khởi:

1. Sự tăng ích.
2. Sự tổn giảm. Sự tăng ích có bốn thứ:

1. Tăng ích của ngã, Hữu tình.
2. Tăng ích của Tánh thường, Vô thường.
3. Tăng ích của phương tiện sanh tăng thượng.
4. Tăng ích của phương tiện giải thoát.

Sự tổn giảm cũng có bốn thứ:

1. Hủy báng Nhân.
2. Hủy báng Quả.
3. Hủy báng tác dụng.
4. Hủy báng sự thiện.

Nên biết trong ấy, cho là không có bố thí, cho đến cho không có hành diệu, hành ác, đó gọi là hủy báng Nhân. Cho không có quả dị thục nơi nghiệp của hành thiện, hành ác, đó gọi là hủy báng Quả. Cho không có thế gian nầy, cho đến không có hữu tình hóa sanh, đó gọi là hủy báng tác dụng.

Vì sao? Vì dụng của các sĩ phu ở đây là nghĩa tác dụng. Dụng của sĩ phu nầy lại có bốn thứ:

1. Dụng đi đến.
2. Dụng nắm giữ thai tạng.
3. Dụng dẫn đến chủng tử.
4. Dụng của nghiệp đời sau.

Nếu cho thế gian không có A-la-hán v.v... gọi là hủy báng sự thiện. dựa vào đấy, nêu rộng hoặc tóm lược làm tám sự, hai sự, sanh nơi năm kiến là Thân kiến, Biên chấp kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ và Tà kiến.

Lại dựa vào sáu mươi hai sự sanh Biên chấp kiến và Tà kiến. Nghĩa là sự chấp về biên vực trước, sự chấp về biên sau, như nơi Kinh đã nói rộng. Dựa nơi chỗ sai biệt của sự nầy, nên có sáu mươi hai kiến.

Nghi dựa vào sáu sự nên sanh:

1. Nghe pháp không chân chánh.
2. Thấy hành tà của Thầy.
3. Thấy chỗ tin, thọ có những sai biệt.
4. Tánh tự ngu tối.
5. Tánh của pháp sâu xa.
6. Giáo pháp rộng lớn.

Hỏi: những gì gọi là phiền não có sai biệt?

Đáp: tất cả sai biệt lược nêu có mười lăm thứ:

1. Phiền não của môn nội.
2. Phiền não của môn ngoại.
3. Phiền não do kiến đạo đoạn.
4. Phiền não do Tu đạo đoạn.
5. Phiền não đáng yêu thích thuộc về sự trói buộc.
6. Phiền não không đáng yêu thích thuộc về sự trói buộc.
7. Phiền não thuộc về tùy miên.
8. Phiền não thuộc phẩm hạ.
9. Phiền não thuộc phẩm trung.
10. Phiền não thuộc phẩm thượng.
11. Phiền não của phần vị tán loạn.
12. Phiền não của phần vị trạo hối.
13. Phiền não của phần vị yếu kém.

14. Phiền não của phần vị chế phục.

15. Phiền não của phần vị ly hệ.

Lại nữa, phiền não không có công đức, chỉ có nhiều lỗi lầm. Nghĩa là nơi phần vị bị vây buộc, tâm nhiễm ô nối tiếp, nói rộng như nơi Địa có Tầm có Tứ.

Lại nữa, phiền não không phải là Chủ thể đối trị, tuy nơi Kinh có nói: " Dựa nơi Ái đoạn Ái. Dựa nơi mạn đoạn mạn". Nhưng không phải là phiền não, chỉ có Tâm thiện được gia hạnh, mong cầu, đề cao về hành tướng cùng sự tương tợ ấy, giả nói là Ái, mạn.

Lại nữa, chỗ dựa của Tùy phiền não (Phiền não tùy thuận) nên biết lược có chín thứ:

1. Lần lượt cùng trụ.

2. Lần lượt cùng nêu lên.

3. Lợi dưỡng.

4. Tà mạng.

5. Không kính tôn sư.

6. Không nhẫn.

7. Hủy giới tăng thượng.

8. Hủy Tâm tăng thượng.

9. Hủy Huệ tăng thượng.

Lại nữa, Tự tánh của Tùy phiền não là thế nào? Nghĩa là: Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Siểm, Kiêu, Hại, Vô tàm (Không Hổ), Vô quý (Không Thẹn), Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giãi đãi (Biếng nhác), Phóng dật, Vong niệm, Tán loạn, Bất chánh tri, Ố tác, Thùy miên, Tầm, Tứ, như nơi phần Bản địa đã nêu bày rộng. Các loại như thế gọi là Tự tánh của Tùy phiền não. Ở đây, hai loại đầu nương nơi chỗ dựa thứ nhất mà sanh. Loại thứ ba, thứ tư, nương nơi chỗ dựa thứ hai. Loại thứ năm, thứ sáu nương nơi chỗ dựa thứ ba. Loại thứ bảy, thứ tám nương nơi chỗ dựa thứ tư. Loại thứ chín nương nơi chỗ dựa thứ năm. Loại thứ mười nương nơi chỗ dựa thứ sáu. Loại thứ mười một, mười hai nương nơi chỗ dựa thứ bảy. Mười hai loại còn lại nương vào hai chỗ dựa sau cùng mà sanh.

Nên biết trong ấy, Hủy Tâm tăng thượng, Hủy Huệ tăng thượng do ba môn nên chuyển:

1. Do hủy môn tướng chỉ.

2. Do hủy môn tướng cử.

3. Do hủy môn tướng xả.

Hôn trầm, Thùy miên do chỗ dựa thứ nhất sanh. Trạo cử, Ố tác do chỗ dựa thứ hai sanh. Bất tín cho đến Tầm, Tứ, cho chỗ dựa thứ ba sanh.

Lại nữa, Tùy phiền não lần lượt tương ưng như thế nào?

Nến biết Vô tàm (Không Hổ), Vô quý (Không Thẹn), tương ưng với tất cả thứ bất thiện. Bất tín, Giãi đãi, Phóng dật, Vong niệm, Tán loạn, Huệ ác cùng với tất cả tâm nhiễm ô tương ưng. Tùy niêm, Ố tác cùng tương ưng với tất cả pháp thiện bất thiện, vô ký. Các thứ còn lại nên biết cùng không tương ưng.

Lại nữa, Tùy phiền não bao nhiêu là Thế tục có, bao nhiêu là vật thật có? Nghĩa là Phẫn, Hận, Não, Tật, Hại là phần của Sân, nên đều là Thế tục có. Xan, Kiêu, Trạo cử là phần của Tham nên đều là Thế tục có. Phú, Cuống, Siểm, Hôn trầm, Thùy miên, Ố tác là phần của Si nên đều là Thế tục có. Vô tàm, Vô quý, Bất tín, Giãi đãi là vật thật có. Phóng dật là giả có, như trước nói. Vong niệm, Tán loạn, Huệ ác là phần của Si nên tất cả đều là Thế tục có. Hai thứ Tầm, Tứ là phần gia hạnh và phần Huệ của Tâm phát ngôn ngữ nên cùng là giả có.

Lại nữa, Tùy phiền não thành ba phẩm hạ trung thượng như thế nào? Nên biết là như nói về Phiền não căn bản.

Như vậy, Tùy phiền não, hoặc sự hoặc sai biệt, hoặc lỗi lầm, hoặc được đối trị, tùy chỗ ứng hợp, đều như nói về Phiền não căn bản, nên biết.

Lại nữa, chỗ dựa của các pháp Vô ký nên biết lược có bốn thứ: Nghĩa là do nghiệp dẫn dắt sanh, sanh rồi hoặc hành trụ, hoặc nuôi mạng, hoặc hành Tam-ma-địa sai biệt.

Lại nữa, tự tánh của chúng như thế nào? Nghĩa là uẩn do dị thục sanh, hoặc đường oai nghi và xứ công xảo thuộc về gia hạnh bình thường. Nếu là biến hóa thì thuộc về gia hạnh vui đùa.

Hỏi: các pháp Vô ký ấy lần lượt tương ưng như thế nào?

Đáp: đường oai nghi, xứ công xảo, hoặc vào một lúc lần lượt tương ưng, như đã nói. Hoặc có sự nghiệp thì lúc hành dễ làm, không phải đứng, ngồi, cũng không phải nằm yên. Cho đến hoặc có sự nghiệp, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm thảy đều dễ làm, như nơi Kinh đã nói rộng. Các thứ còn lại không có lần lượt tương ưng.

Hỏi: các pháp Vô ký ấy bao nhiêu là vật thật có, bao nhiêu là giả có?

Đáp: ở trong các uẩn thuộc về dị thục cùng gia hạnh sai biệt của Tâm mà thiết lập. Nên biết tất cả đều là Thế tục có.

Thế nào là các pháp ấy thành ba phẩm hạ trung thượng?

Nghĩa là dị thục sanh và đường oai nghi không mãnh liệt nên đều là phẩm hạ. Các xứ công xảo tánh mãnh liệt nên gọi là phẩm trung. Nên biết Biến hóa, tánh rất mãnh liệt nên gọi là phẩm thượng. Lại, bốn chủng loại đều có sai biệt. Nghĩa là nơi cõi Vô sắc, dị thục là phẩm hạ. Nơi cõi sắc, dị thục là phẩm trung. Nơi cõi dục, dị thục là phẩm thượng. Hoặc ngồi hoặc nằm là hạ. Oai nghi trụ là trung. Oai nghi hành là thượng.

Oai nghi mới tập nghiệp là công xảo bậc hạ. Đã tập quen là công xảo bậc trung. Có thể làm thầy là công xảo bậc thượng.

Tu Tam-ma-địa đạt được phẩm hạ, là Biến hóa bậc hạ. Tu Tam- ma-địa đạt được phẩm trung, là Biến hóa bậc trung. Tu Tam-ma-địa đạt được phẩm thượng, là Biến hóa bậc thượng. Các loại phẩm thượng trung hạ như vậy là sự sai biệt, nên biết.

Hỏi: các pháp Vô ký nầy, dựa vào sự nào sanh?

Đáp: nên biết lược nói là dựa vào mười hai sự, như nơi địa do Văn tạo thành đã nói.

Các pháp Vô ký sai biệt như thế nào? Nghĩa là năm nẻo của dị thục sanh đều riêng nên có năm thứ sai biệt. Hoặc oai nghi của đường oai nghi đều riêng nên có bốn thứ sai biệt. Hoặc là xứ công xảo với mười hai sự sai biệt, tức là mười hai thứ sai biệt. Phàm phu, Thanh văn, độc giác, Bồ tát, Như Lai đều sai biệt. Vì vui đùa, vì lợi tha nên thân ngữ biến hóa đều sai biệt. Nên biết Biến hóa có tám thứ sai biệt. Do sai biệt nầy, tức gồm thâu các sự khác nên không nói riêng.

Lại dị thục sanh hoàn toàn là Vô ký. Loại thứ hai, ba có hai thứ, có thể đạt được một. Nếu dựa vào kỹ nhạc do tâm nhiễm ô phát khởi oai nghi là tánh nhiễm ô. Nếu dựa vào tịch tĩnh tức là tánh thiện. Hoặc dựa vào nhiễm chấp phát khởi công xảo, là tánh nhiễm ô. Nếu do gia hạnh thiện khởi công xảo tức là tánh thiện. Vì dẫn dắt kẻ khác, hoặc vì tạo lợi ích cho các hữu tình nên khởi biến hóa, nên biết là thiện, không có nhiễm ô.

Lại nữa, năm uẩn như thế có bao nhiêu thứ thuộc về đế? Lại các đế ấy có bao nhiêu thứ thuộc về uẩn? Nên biết ba đế, năm uẩn lại cùng gồm thâu lẫn nhau. Diệt đế và các uẩn không cùng gồm thâu lẫn nhau. Do tánh của diệt đế là hiển bày sự tịch tĩnh kia.

Hỏi: như nơi địa Thanh văn đã nói, ở trong bốn đế có mười sáu Hành quán. Do đâu nơi Khổ đế làm bốn Hành quán?

Đáp: vì nhằm đối trị bốn thứ điên đảo. Nghĩa là một Hành đầu đối trị một điên đảo thứ nhất. Một Hành tiếp theo đối trị hai điên đảo tiếp theo.

Hai Hành sau đối trị một điên đảo sau.

Hỏi: do đâu, đối với Tập đế tạo bốn Hành quán?

Đáp: do có bốn thứ Ái. Bốn thứ Ái nầy nên biết là do sự sai biệt của Ái về Thường Lạc tịnh ngã, nên kiến lập sai biệt. Ái thứ nhất làm duyên kiến lập Ái về đời sau. Ái thứ hai, thứ ba làm duyên kiến lập Ái

Hỷ Tham cùng hành và Ái mong thích về các thứ kia. Ái sau cùng làm duyên để kiến lập một mình Ái. Nên biết Ái nầy luôn gắn liền với tự thể.

Lại, Ái là thế nào? Nghĩa là đối với tự thể luôn gần gũi, che chở, cất giữ.

Ái về đời sau là so? Là cầu lìm tự thể sai biệt của vị lai.

Ái hỷ tham cùng hành là thế nào? Nghĩa là đối với hiện tiền, hoặc đối với sắc thanh hương vị xúc pháp đáng yêu thích đã đạt được, khởi Ái tham đắm.

Ái trông mong các pháp kia là thế nào? Nghĩa là đối với sắc v.v... đáng yêu thích còn lại, khởi Ái mong cầu.

Hỏi : do đâu đối với diệt đế tạo bốn Hành quán? Đáp: do bốn thứ Ái diệt được hiển bày.

Hỏi: do đâu đối với đạo đế tạo bốn Hành quán? Đáp: do có thể chứng đắc bốn thứ Ái diệt kia.

Lại nữa, như nơi địa Thanh văn đã nói về mười thứ Hành tướng như Hoại v.v... Ở đây, thế nào là Vô sở đắc? Nghĩa là chỉ có căn, chỉ có cảnh giới. Chỉ có thọ được sanh do cảnh giới kia. Chỉ có Tâm được sanh do cảnh giới ấy. Chỉ có chấp ngã, ngã tưởng. Chỉ có chấp ngã, ngã kiến. Chỉ có ngã, ngôn thuyết hý luận của Ngã. Ngoại trừ bảy thứ nầy, thì ngã thật còn lại cùng biết rõ là không thể thủ đắc.

Không tự tại là thế nào? Nghĩa là các duyên sanh thuộc về tướng vô thường, khổ. Các Hành lìa tướng Ngã.

Hỏi: mười Hành tướng nầy, do Hành tướng nào gồm thâu Hoại khổ?

Đáp: do Hành tướng của Kiết cũng biến hoại tăng thượng đã dấy khởi ưu não. nên biết là tánh của Hoại khổ, chẳng phải chỉ là Biến hoại. Người đã lìa ưu não, tuy lại gặp chúng nhưng không bị hại.

Hỏi: những Hành tướng nào gồm thâu khổ khổ? Đáp: do Hành tướng không đáng yêu thích.

Hỏi: do những Hành tướng nào gồm thâu Hành khổ? Đáp: do Hành tướng không an ổn.

Lại nữa, như Kinh nói: sanh khổ cho đến lược thâu năm thủ uẩn khổ. Các tướng khổ như thế, có bao nhiêu thuộc về Hoại khổ? Là hai tướng giữa. Có bao nhiêu thuộc về Hành khổ? Là một tướng sau. Lại nữa, bẩy thứ đầu thuộc về Khổ Khổ. Chỗ đối trị phiền não tịnh diệu của chúng là thuộc về Hoại khổ. Một Hành sau cùng là thuộc về Hành khổ, do đức Thế Tôn nói " Tâm nhập nơi biến hoại" lại nói: "Do triền cái nên Tâm kia lãnh nhận, sanh các ưu khổ", nên biết phiền não là Hoại khổ, đạo lý khổ được thành hình. Lại nữa, như Kinh nói: có bốn thứ khổ:

1. Sanh khổ.
2. Duyên bên trong khổ.
3. Duyên bên ngoài khổ.
4. Thô trọng khổ.

Hỏi: Ở đây, Hành nào gồm thâu khổ nào? Khổ nào gồm thâu Hành nào?

Đáp: Hành thứ nhất, khổ thứ nhất lần lượt cùng gồm thâu. Tiếp đến có ba Hành cùng với khổ thứ ba lần lượt cùng gồm thâu. Một Hành sau cùng với khổ thứ tư lần lượt cùng gồm thâu. Trước đã nói về tự tánh của Ái có sai biệt, nên kiến lập bốn thứ Hành của Tập đế. Nên biết đã sanh bốn thứ khổ là quả sai biệt của hiện nay.

Lại nữa, mười sáu Hành nầy, bao nhiêu là Hành không? là hai, tức hai Hành sau của Khổ đế. Bao nhiêu là Hành Vô nguyện? Là sáu, tức là hai Hành trước của Khổ đế cùng bốn Hành của Tập đế. Bao nhiêu là Hành Vô tướng? Là bốn Hành của diệt đế. Bao nhiêu là Hành của nhân thanh tịnh được hiển bày? Là bốn Hành của Đạo đế.

Hỏi: chính là do Tưởng vô thường có thể trụ nơi Tưởng vô ngã. Vì sao ở đây trước nói về không?

Đáp: đây là căn cứ nơi Quán vô ngã đã sanh, do quán vô thường kiến lập vô nguyện. Do hai quán nầy trước sau lần lượt cùng tu trị.

Lại nữa, nói về thứ lớp của bốn Thánh đế. Nghĩa là, do đấy nên khổ, tức đây là đầu tiên. Như đây nên khổ, thì đây là thứ hai. Hai thứ nầy gồm thâu rốt ráo " Phẩm Hắc".

Do đấy nên vui, thì đây là thứ ba. Như đây nên vui đó là thứ tư. Hai thứ nầy gồm thâu trọn vẹn "Phẩm bạch". Ví như bệnh nặng, biết nguyên nhân của bệnh, bệnh được chữa khỏi do thuốc hay.

Lại có sai biệt. Nghĩa là như nơi thế gian gặp phải thứ lớp của khổ, nên biết là để kiến lập thứ lớp của Thánh đế. Vì sao? Vì như các người nơi

thế gian đã từng gặp khổ, tức ở xứ nầy trước là phát khởi tác ý. Tiếp theo là đối với nhân của khổ đã gặp phải. Thứ đến là đối với việc giải thoát khổ. Sau là đối với phương tiện giải thoát phát khởi tác ý.

Hỏi: Nghĩa của đế là thế nào?

Đáp: như chỗ nói về nghĩa của tướng không lìa bỏ. Do quán điều ấy nên đạt đến nghĩa thanh tịnh rốt ráo, là nghĩa của đế.

Hỏi: Nghĩa của Khổ đế là thế nào?

Đáp: Nghĩa của Hành đã sanh do phiền não.

Hỏi: Nghĩa của Tập đế là thế nào?

Đáp: là nghĩa có thể sanh ra Khổ đế.

Hỏi: Nghĩa của diệt đế là thế nào?

Đáp: là nghĩa của đế kia cùng đạt tịch tĩnh.

Hỏi: Nghĩa của đạo đế là sao?

Đáp: là nghĩa có thể thành tựu ba đế.

Hỏi: bốn Thánh đế như vậy là thuộc về Thế tục đế hay thuộc về Thắng nghĩa đế?

Đáp: là thuộc về Thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì ở trong các Hành thuận, khổ, vui, không khổ, không vui, do tự tướng sai biệt nên kiến lập Thế tục đế. Do cộng tướng kia là một vị khổ, nên biết là kiến lập Thắng nghĩa đế.

Hỏi: do duyên nào nên nói: Biết khắp về khổ đế, vĩnh viễn đoạn trừ Tập đế, Xúc chứng diệt đế, Tu tập đạo đế?

Đáp: do Khổ đế kia là chốn nương dựa của bốn điên đảo. Vì nhằm dứt trừ điên đảo nên phải biết khắp về khổ. đã biết khắp về khổ, tức biết khắp về Tập. Do Tập đế kia gồm thâu khổ đế, nên tuy đã biết khắp về khổ, nhưng vì Tập đế luôn theo đuổi, gắn liền, nên cần nói lần nữa: Vĩnh viễn đoạn trừ Tập đế.

Nói " Xúc chứng": là nghĩa hiện thấy. Do nơi diệt đế là hiện tiền nhận thấy nên không sanh sợ hãi bị Ái lạc thâu nhận. Vì thế nên tiếp theo nói: Xúc chứng diệt đế. Nếu siêng năng tu đạo mới có thể thành tựu đầy đủ về ba nghĩa đã nói. Do đó, sau cùng nói tu tập Đạo đế.

Hỏi: Hiện quán đế có bao nhiêu thứ? Đây lại là tướng gì?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa của Hiện quán. Đây tức ở trong các đế, trí huệ quyết định cùng nhân kia, tương ưng kia, pháp cùng có kia làm Thể. Đó gọi là Tướng Hiện quán. Đây lại có sáu thứ nên biết, như nơi địa có Tầm có Tứ đã nói.

Ở đây, thế nào gọi là Hiện quán thứ nhất? Nghĩa là đối với các đế quyết định tư duy.

Thế nào gọi là Hiện quán thứ hai? Nghĩa là ba thứ tịnh tín của trụ xứ Tam bảo. Do đối với nghĩa "báu" đã quyết định cùng trí huệ quyết định do Văn tạo thành.

Thế nào gọi là Hiện quán thứ ba? Nghĩa là Giới được bậc Thánh yêu thích, đối với nghiệp của nẻo Ác đã được Luật nghi quyết định không tạo tác.

Thế nào gọi là Hiện quán thứ tư? Nghĩa là ở trong đạo gia hạnh, trước là tích tập tư lương rất đầy đủ, lại tạo phương tiện thiện xảo để làm sáng tỏ tâm. Từ thiện căn nơi biên vực của phần thuận quyết trạch, không gián đoạn, có sự loại trừ bên trong thứ nhất, Hữu tình nhờ pháp duyên tâm sanh, có thể dứt trừ phiền não thô trọng thuộc phẩm hạ do kiến đạo đoạn trừ. Từ đây, không gián đoạn, sự loại trừ bên trong thứ hai, các pháp nhờ nơi pháp duyên tâm sanh, có thể diệt trừ phiền não thô trọng thuộc phẩm trung do kiến đạo đoạn. Từ đấy, sự loại trừ khắp thứ ba không gián đoạn, tất cả hữu tình với các pháp nhờ pháp duyên tâm sanh, có thể dứt trừ hết thảy phiền não thô trọng do kiến đạo đoạn.

Lại, hiện quán nầy tức là kiến đạo. Cũng gọi là đạo song vận. Trong đấy, tuy có ba tâm của phẩm Tỳ-bát-xá-na cùng ba tâm của phẩm Xa-ma-tha, nhưng do song vận hợp lập ba Tâm, vì ở trong một sát na, chỉ (Xa-ma-tha) Quán (Tỳ-bát-xá-na) cùng có thể đạt được. Nên biết các Tâm nầy chỉ duyên nơi cảnh của đế phi an lập.

Lại, hai Tâm trước, pháp trí tương ưng. Tâm thứ ba, loại trí tương ưng. Lại, tức do uy lực của Tâm ấy, nên đối với khổ v.v... đã an lập trong đế, có phần vị của Hiện quán thứ hai thanh tịnh, vô ngại, các Trí như khổ v.v... sanh. Nên biết, do dựa vào Trí nầy, nên bốn Trí Khổ Tập Diệt Đạo được thành lập. Tức ba Tâm trước cùng với phẩm Chỉ, Quán có thể chứng đắc. Phiền não do kiến đạo đoạn trừ được vắng lặng, nên có thể đạt được đạo xuất thế gian, vĩnh viễn dứt bỏ hết thảy phiền não cùng với sự việc đã dựa vào. Đó gọi là Trí hiện quán hiện quán về đế.

Thế nào gọi là Trí hiện quán biên hiện quán về đế?

Nghĩa là Trí đạt được sau hiện quán nầy gọi là Trí hiện quán biên. Nên biết Trí ấy là Tâm thứ ba không gián đoạn từ kiến đạo khởi mới hiện tiền, duyên nơi Trí đời trước, đã từng quan sát hai địa dưới trên cùng hai cảnh của đế tăng thượng, an lập. Giống với pháp loại Trí, Thế tục Trí gồm thâu chung thế gian, xuất thế gian, là Trí xuất thế gian đạt được sau. Như

thứ lớp ấy, nơi mỗi mỗi đế, hai thứ Trí sanh. Nghĩa là Trí có thể an nhẫn dục lạc và Trí quyết định hiện quán .

Như vậy, dựa vào hiện quán trước khởi rồi, ở trong các đế dưới trên, hai, hai Trí sanh. Đó gọi là Trí hiện quán biên hiện quán đế. Ở đây, Trí trước loại bỏ duyên pháp giả nên là không phân biệt. Trí sau gắn liền với duyên pháp giả nên là có phân biệt. Lại, Trí trước ở trong chỗ dựa nơi Chỉ có thể đoạn trừ thùy miên của phiền não do kiến đạo đoạn. Trí sau tư duy về đối tượng duyên nên khiến cho các phiền não đã đoạn trừ kia không khởi trở lại.

Lại, Trí trước có thể tiến đến đạo xuất thế đoạn trừ trong Tu đạo.

Trí thứ hai có thể tiến đến đạo thế xuất thế đoạn trừ. Không có đạo thuần là thế gian có thể loại bỏ vĩnh viễn Tùy miên. Do đạo thế gian là từng được tu tập, cùng nắm giữ, dẫn dắt nên cũng không thể dứt tuyệt các tướng, tức cũng không thể loại bỏ hoàn toàn các thứ thô trọng. Do đó đạo thế gian không có nghĩa dứt trừ vĩnh viễn các Tùy miên.

Thế nào gọi là Hiện quán rốt ráo?

Nghĩa là do đoạn trừ hoàn toàn các phiền não do Tu đạo đoạn, Tận trí, Vô sanh trí hiện có sanh khởi, hoặc hoàn toàn là xuất thế gian, hoặc chung cho cả thế gian, xuất thế gian. Ở trong hiện pháp hết thảy phiền não quyết định dứt trừ vĩnh viễn. Nơi đời vị lai, tất cả sự việc nương dựa vào đấy nhất định diệt hết. Đó gọi là Hiện quán rốt ráo.

Những gì gọi là Tận trí xuất thế? Nghĩa là nếu Trí đối với nẻo Tận không phân biệt.

Những gì gọi là Tận trí thế xuất thế? Nghĩa là nếu Trí đối với nẻo Tận có phân biệt.

Những gì gọi là Trí vô sanh xuất thế? Nghĩa là nơi đời nầy là dựa nơi nhân của sự diệt, ở trong đời vị lai là dựa nơi sự không sanh, Trí hiện có không phân biệt.

Những gì gọi là Trí vô sanh thế gian, xuất thế gian? Nghĩa là ở trong đời vị lai dựa nơi sự không sanh, Trí hiện có có phân biệt.

Lại nữa, có chủng tánh Bà-la-môn, kiến lập ba xứ là thật, làm Đế, nhưng các Bà-la-môn của chủng tánh kia, đối với ba xứ ấy đã trụ ba nơi lỗi lầm, tâm bị nhiễm ô. Dựa nơi đệ nhất nghĩa, họ đều thuộc về số phi phạm chí. Những gì là ba xứ? Đó là:

1. Nuôi mạng.
2. Tu phước.

3. An lập quả.

Là nuôi mạng: Nghĩa là các Bà-la-môn của chủng tánh kia, vì để sinh sống, nên đối trước thí chủ hoặc chú nguyện, hoặc khen ngợi, hoặc nêu thuật.

Chú nguyện: tức các Bà-la-môn của chủng tánh kia mong cầu tùy theo một thứ vật dụng nuôi sống, nên đi đến cung vua, hoặc đi đến nhà các vị quan lớn, nhà của các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Thương chủ v.v... giả bày chú nguyện, mong cho họ đều được những an lành, tai họa đều trừ diệt v.v...

Khen ngợi: vì mong cầu nên đi đến các nơi chốn kia giả nêu các lời nói khen ngợi về sức mạnh, về mưu kế diệt trừ kế oán địch, về của cải, địa vị v.v...

Nêu thuật: những Bà-la-môn kia vì mong cầu nên đi đến các nơi chốn như trên, dối bày tỏ, đề cao: các vị đã thành tựu tướng trượng phu hiền thiện, không lâu nhất định sẽ diệt hết các loại oán địch, mọi thứ tai họa nếu gặp phải đều được vượt qua, có đủ mọi an lành, không hề thối chuyển. Các gia đình thân hữu, gia đình thí chủ, luôn dành đủ sự cung kính cúng dường tốt đẹp nhất cho chủ vị. Do phương tiện như vậy để đạt được lợi dưỡng nên sanh khởi chấp trước sâu xa, nắm giữ vững chắc để thọ dụng

Về tu phước: tức các Bà-la-môn của chủng tánh ấy đã giảng nói: giết hại vô lượng chúng sanh để tế lễ là hưng khởi phước. Tế lễ đạt được quả của xứ thường.

Lại, thời gian thực hiện việc tế lễ, luôn có mặt các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ. Vì nhằm thâu nhận rất nhiều các vật dụng nuôi sống thượng diệu, đã đạt được rồi, các Bà-la-môn kia cho đấy là "Ngã sở", lần lượt cùng khởi Tâm khinh miệt. Nên biết là họ đã mắc phải ba lỗi lầm như thế.

Về an lập quả: tức các Bà-la-môn của chủng tánh kia, nói là Thân của chúng A-tố-lạc nên đáng sát hại, Thân của Trời là thường còn, chỉ có chủng tánh Bà-la-môn là tối thượng, các chủng tánh khác là thấp kém, nói rộng cho đến các Bà-la-môn do đại Phạm sanh ra, do đại Phạm hóa ra, là dòng dõi của đại Phạm.

Các Bà-la-môn của chủng tánh ấy tạo chấp như thế, lập luận như vậy, nên biết đó gọi là An lập quả.

Chủng tánh Bà-la-môn như thế, đối với ba xứ ấy, đã chấp giữ mãnh liệt, theo đấy hưng khởi ngôn luận, cho đó là thật là đế, các thứ khác đều là ngu vọng.

Những gì gọi là do ba lỗi lầm khiến tâm nhiễm ô? Đó là:

1. Lỗi lầm của ngôn ngữ.
2. Lỗi lầm của kiêu mạn.
3. Lỗi lầm của thắng giải.

Nếu đối với ba xứ ấy, ngữ nghiệp tà vạy chuyển hiện, nên biết đó gọi là lỗi lầm của ngôn ngữ. Nếu lại đối với ba xứ kia nêu đặt, kiến lập, tùy thuận phát khởi ngôn luận không chân chánh, so sánh với kẻ khác cho mình là hơn, hoặc bằng hoặc kém, đó gọi là lỗi lầm của kiêu mạn.

Hoặc lại đối với ba xứ ấy, không quán về lỗi lầm, công đức hoàn toàn tin nhận, tuy gặp chư Phật cùng đệ tử của chư Phật lúc đang giáo hóa, đối với xứ phi xứ không thể chánh trụ, cũng không thể chánh trụ đối với sự phân biệt khắp. Nơi các chánh hành không thể chánh trụ. Nơi luận của các bậc Trí cũng không thể chánh trụ. Nên biết đó gọi là lỗi lầm của Thắng giải.

Ba lỗi lầm nầy đều là do Ác kiến dấy khởi. Nếu có kẻ trụ nơi ba xứ ấy, gây tạo ba thứ lỗi lầm, thì tuy là chủng tánh Bà-la-môn, nhưng dựa vào đệ nhất nghĩa, họ đều thuộc về số lượng phi phạm chí.

Lại nữa, nếu có người kiến lập ba xứ làm đế, là thật đối với ba xứ ấy không tạo ba lỗi lầm khiến tâm bị nhiễm ô, thì kẻ ấy tuy không phải là chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc về số lượng Bà-la-môn đệ nhất nghĩa. Những gì là ba xứ kia? Đó là không nên hại tất cả chúng sanh, đó là xứ thứ nhất. Chỗ nói về xứ nầy chính là Đế, là thật, không có Hư vọng. Thế nên, đối với xứ thứ nhất nầy, không có lỗi lầm của ngôn ngữ khiến tâm nhiễm ô.

Lại kẻ ấy đối với xứ nầy không do ngôn luận về đế thật để so sánh với người khác, cho mình là hơn hoặc bằng v.v... Vì vậy, kẻ ấy đối với xứ nầy không có Lỗi lầm của kiêu mạn khiến tâm bị nhiễm ô.

Lại kẻ ấy đối với xứ nầy quán xét kỹ về lỗi lầm, công đức, quán đối tượng duyên kia có thể tăng thêm pháp thiện. Lại có thể thâu tóm, tạo lợi ích cho thân tâm an trụ nơi pháp lạc hiện tại vô tội. Đối với các hữu tình, trụ nhiều nơi tưởng Từ, ngày đêm tu học. Lại, ở nơi xứ nầy, không tin theo hành của người khác, bên trong tự nhận biết đúng đắn là đế, là thật, nhưng đối đế thật không chấp trước hư vọng. Do đó nên biết, kẻ ấy đối với xứ nầy không có lỗi lầm của Thắng giải khiến tâm bị nhiễm ô.

Như thế, hết thảy Hành vô thường, đó gọi là xứ thứ hai. Phần còn lại như trước đã nói.

Ở đây có sai biệt: đối với đế thứ hai nên nói: nơi tất cả Hành, trụ

nhiều vào quán sanh diệt, ngày đêm tu học, đối với đế thứ ba, nên nói: nơi hết thảy pháp, trụ nhiều vào tưởng vô ngã, vô ngã sở, ngày đêm tu học.

Nếu có hữu tình đối với ba xứ kia, không tạo ba lỗi lầm khiến tâm bị nhiễm ô, người ấy tuy không phải là chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc về số lượng Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Ba xứ như vậy, thành pháp đế thật của Bà-la-môn, lìa ba lỗi lầm, chỉ có Như-lai là bậc chân giác.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 56

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 6:

Hỏi: Phần vị của các Uẩn có bao nhiêu thứ?

Đáp: có nhiều thứ. Nghĩa là đạt được định Vô tưởng v.v... với Tâm không tương ưng hành, nói rộng như trước.

Hỏi: Dựa nơi phần vị nào để kiến lập được. Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị hiện hành tự tại của Nhân để kiến lập được, đây lại có ba thứ. Nghĩa là:

- Chủng tử thành tựu.

- Tự tại thành tựu.

- Hiện hành thành tựu.

Hỏi: Dựa nơi phần vị nào để kiến lập định vô tưởng, định Diệt Tận và Trời Vô tưởng? Ba loại ấy đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào việc đã lìa tham của cõi Biến Tịnh, chưa liền tham của cõi trên, nơi Tưởng xuất ly, trước hết là tác ý, gọi là phần vị diệt, kiến lập định vô tưởng. Đây lại có ba thứ:

Tự tánh: chỉ là thiện

Bổ-đặc-già-la: ở nơi hàng phàm phu nối tiếp.

Dấy khởi: Trước ở nay khởi, sau ở nơi Tĩnh lự thứ tư thuộc cõi Sắc, sẽ thọ nhận quả.

Dựa nơi sự đã lìa tham Xứ Vô sở hữu, với tưởng dừng dứt, tác ý làm đầu, gọi là phần vị diệt, kiến lập định Diệt Tận. Đây lại có ba thứ:

Tự tánh: chỉ là thiên.

Bổ-đặc-già-la: Nơi bậc Thánh nối tiếp, chung cho học, vô học,

Dấy khởi: Trước ở đây khởi, sau ở nơi cõi Sắc hiện tiền lần nữa, nhờ vào chỗ dựa của Sắc mới hiện tiền.

Đây là căn cứ theo giáo pháp chưa kiến lập thức A-lại-da. Nếu đã

kiến lập thì nơi tất cả đều được hiện tiền.

Dựa vào các hữu tình đã sanh trong cõi trời Vô Tưởng, gọi là phần vị diệt để kiến lập Trời Vô Tưởng. Đây cũng có 3 loại:

Tự tánh: là vô phú vô ký Bổ-đặc-già-la: chỉ là tánh phàm phu, vì cõi kia không phải là các thánh giả.

Dấy khởi: Nghĩa là có thể dẫn phát tư duy về định vô tưởng, có thể diệt quả dị thục kia.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Mạng căn. Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dưa vào phần vị quyết định lúc trụ của dị thục do nghiệp đã dẫn để kiến lập mạng căn. Đây có 3 thứ: Nghĩa là định, bất định, Ái chẳng phải là Ái và chỗ an lập như năm tháng số kiếp.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập chúng đồng phận? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa nơi phần vị tương tự của các hữu tình để lập chúng đồng phận. Đây lại có ba thứ:

- Đồng phận của chủng loại.
- Đồng phận của tự tánh.
- Đồng phận nuôi sống của sự nghiệp công xảo.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập sanh? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa nơi phần vị hiện tại để kiến lập sanh. Đây lại có ba thứ:

- Sanh sát na.
- Sanh tương tục.
- Sanh của phần vị.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Già. Đây lại có ba thứ:

- Già của tánh khác.
- Già của chuyển biến.
- Già của thọ dụng.

Hỏi: Dựa nơi phần vị nào để kiến lập Trụ? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Tức dựa vào phần vị sanh để kiến lập Trụ. Đây lại có ba thứ:

- Trụ của sát na.
- Trụ của nối tiếp.
- Trụ của lập chế.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Vô thường? Đây lại có bao

nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị sanh khởi rồi hoại diệt để kiến lập Vô thường. Đây lại có ba thứ:

- Vô thường của Hoại diệt.
- Vô thường của chuyển biến.
- Vô thường của biệt ly.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập danh Thân? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị giả ngôn thuyết để kiến lập danh Thân.

Đây lại có ba thứ:

- Danh thân của giả nêu.
- Danh thân của vật thật.
- Danh thân của chỗ cùng hiểu rõ không hiểu rõ về thế gian.

Như Danh thân, thì Cú thân, Văn thân, nên biết cũng thế.

Ở đây có sai biệt: Nghĩa là nêu rõ về Cú, giải thích về Cú, thuộc về âm vận, thuộc về chữ.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Tánh dị sanh? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị chưa sanh khởi tất cả Thánh pháp xuất thế gian để kiến lập Tánh dị sanh. Đây lại có ba thứ:

- Hệ thuộc cõi dục.
- Hệ thuộc cõi Sắc.
- Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Lưu chuyển? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị nhân quả tương tục để kiến lập lưu chuyển.

Đây lại có ba thứ:

- Lưu chuyển lần lượt của sát na.
- Lưu chuyển lần lượt sanh.
- Lưu chuyển lần lượt thanh tịnh, nhiễm ô.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Định dị? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị của tướng pháp biệt để kiến lập định dị.

Đây lại có ba thứ:

- Định dị của Tướng.

- Định dị của Nhân.

- Định dị của Quả.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Tương ưng? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị tương xứng của nhân quả để kiến lập tương ưng. Đây lại có ba thứ:

- Tương ưng hòa hợp.

- Tương ưng của phương tiện.

- Tương ưng của đạo lý xứng đáng đã tạo ra.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Thế tốc? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị lưu chuyển nhanh chóng để kiến lập Thế tốc. Đây lại có ba thứ:

- Thế tốc của các Hành.

- Thế tốc của Sĩ dụng.

- Thế tốc của Thần thông.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập thứ lớp? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị lưu chuyển của mỗi mỗi Hành để kiến lập thứ lớp. Đây lại có ba thứ:

- Thứ lớp lưu chuyển của Sát-na.

- Thứ lớp lưu chuyển của nội thân.

- Thứ lớp lưu chuyển của sự tạo tác được thành lập.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Thời? Đây lại có mấy thứ? Đáp: Dựa vào phần vị của Hành tương tục không dứt để kiến lập Thời. Đây lại có ba thứ là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập phương? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị thâu nhận các Sắc để kiến lập phương. Đây lại có ba thứ: trên, dưới, bên cạnh.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Số? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị nêu rõ về lượng bằng nhau của pháp để kiến lập Số. Đây lại có ba thứ: một số, hai số, nhiều số.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập Hòa hợp? Đây lại có mấy thứ?

Đáp: Dựa vào phần vị các Chi được tạo tác không thiếu để kiến lập Hòa hợp. Đây lại có ba thứ:

- Hòa hợp tập hội.

- Hòa hợp một nghĩa.

- Hòa hợp viên mãn.

Hỏi: Dựa vào phần vị nào để kiến lập không hòa hợp ? Đây lại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Cùng trái với Hòa hợp, nên biết là không hòa hợp, hoặc về phần vị, hoặc về sai biệt.

Hỏi: ở trong các Uẩn, có mấy uẩn do nghĩa nào là có sắc?

Đáp: Tức do tánh ấy trở lại nói về Tánh ấy. Nghĩa tự tánh của Sắc là nghĩa có Sắc. Một uẩn là có Sắc.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là có kiến?

Đáp: Nghĩa đối tượng Hành của Nhãn. Một phần của một uẩn là có kiến.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là có đối?

Đáp: Lần lượt cùng tiếp xúc, căn cứ vào nghĩa của xứ sở và nghĩa thô lớn, là nghĩa có đối. Nghĩa thô lớn: Nên biết là xa lìa ba thứ vi tế. Ba thứ vi tế nầy như trước đã nói, nên biết. Một phần của một uẩn là có đối.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là Hữu lậu?

Đáp: Do nghĩa đã tùy theo thô trọng, không phải là sự đối trị các phiền não đã sanh. Một phần của tất cả là Hữu lậu.

Lại có nghĩa Hữu lậu: Tức nếu là xứ phiền não có thể sanh bốn thứ lỗi lầm, là nghĩa Hữu lậu. Những gì gọi là bốn thứ lỗi lầm? Đó là:

1. Lỗi lầm do không tịch tĩnh.
2. Lỗi lầm do trong ngoài biến dị.
3. Lỗi lầm do phát khởi hành ác.
4. Lỗi lầm do thâu nhận nhân.

Nên biết Lỗi lầm thứ nhất trói buộc chỗ tạo tác hiện hành. Lỗi lầm thứ hai là các phiền não đã tạo luôn theo đuổi các sự việc phiền não. Lỗi lầm thứ ba là chỗ tạo ra nhân duyên của phiền não. Lỗi lầm thứ tư là dẫn phát sự tạo tác của đời sau.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là Hữu vi?

Đáp: Theo nghĩa của nhân đã sanh cùng nên sanh, tất cả là Hữu vi.

Hỏi: Do nghĩa nào có bao nhiêu uẩn là hữu tránh?

Đáp: Do nghĩa phần nhiều thuận theo giận dữ, mặc sức mà chuyển.

Một phần của tất cả là hữu tránh.

Hỏi: Do nghĩa nào bao nhiêu mấy uẩn là vị hữu ái?

Đáp: Do nghĩa phần nhiều thuận theo Ái kiến, mặc sức mà chuyển. Một phần của tất cả là vi Hữu ái.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là dựa nơi tham đắm?

Đáp: Do nghĩa phần nhiều thuận theo dục tham, mặc sức mà chuyển. Một phần của Hết thảy là dựa nơi tham đắm.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là thế gian?

Đáp: Do nghĩa là chỗ dựa của Hý luận. Một phần của hết thảy là thế gian.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là thuộc về Giới?

Đáp: Do nghĩa thế gian thuộc về ba cõi. Một phần của hết thảy là thuộc về Giới.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là quá khứ?

Đáp: Do nghĩa đã thọ dụng nhân quả. Tất cả là quá khứ. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là vị lai?

Đáp: Do nghĩa chưa thọ dụng. Tất cả là vị lai. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là hiện tại?

Đáp: Do nghĩa đã thọ dụng nhân, chưa thọ dụng quả. Hết thảy là hiện tại.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là nội?

Đáp: Do nghĩa sáu xứ cùng hệ thuộc nơi các uẩn kia. Một phần của một uẩn và toàn phần của bốn uẩn là nội.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là ngoại?

Đáp: là nghĩa trái với nội. Một phần của một uẩn là ngoại. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là thô?

Đáp: Do nghĩa tăng trưởng của tướng tích tụ không sáng sạch. Một phần của hết thảy là thô.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là vi tế?

Đáp: là nghĩa trái với thô. Một phần của tất cả là vi tế. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là kém?

Đáp: Do nghĩa vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô. Một phần của tất cả là kém.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là diệu?

Đáp: là nghĩa trái với kém. Một phần của hết thảy là diệu. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là xa?

Đáp: Do nghĩa nơi chốn đến đi, thời phương cách vượt. Một phần của tất cả là xa.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là gần?

Đáp: là nghĩa trái với xa. Một phần của tất cả là gần. Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Do nghĩa sanh nơi cõi ấy, chưa được đối trị, hoặc được rồi, ra khỏi chỗ hiện hành của ba thời. Một phần của tất cả là hệ thuộc cõi dục.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là hệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: do nghĩa đã được sự đối trị thuộc cõi Sắc, hoặc nhập định của cõi ấy, hoặc lại sanh nơi cõi ấy, chưa được sự đối trị của cõi trên, hoặc được rồi, ra khỏi chỗ hiện hành của ba thời. Một phần của tất cả là thuộc về cõi Sắc.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Do nghĩa đã được sự đối trị thuộc cõi Vô sắc, hoặc nhập định của cõi ấy, hoặc lại sanh nơi cõi ấy, chưa được sự đối trị của cõi trên, hoặc được rồi, ra khỏi chỗ hiện hành của ba thời. Một phần của tất cả là thuộc về cõi Vô sắc.

Lại có sai biệt: Tức là nghĩa Tam-ma-địa cùng với Khinh an và quyến thuộc của Tam-ma-địa cùng pháp không thuộc về quả kia, là hệ thuộc cõi dục. Do nghĩa phiền não của Sắc, cùng với chỗ thuộc về trái với cõi dục, là hệ thuộc cõi Sắc. Do nghĩa lìa phiền não của Sắc, chỗ thuộc về cõi Vô sắc, nên biết là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là thiện?

Đáp: Do nghĩa có thể chiêu cảm quả báo vui nơi vị lai và nghĩa phiền não khổ đã vĩnh viễn đối trị, đoạn trừ. Một phần của tất cả là thiện.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là bất thiện?

Đáp: Do nghĩa có thể chiêu cảm quả báo khổ nơi vị lai, cùng có thể phát khởi các Hành ác. Một phần của tất cả là bất thiện.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là Vô ký?

Đáp: Do nghĩa cùng trái nhau với cả hai phần trên (Thiện, Bất thiện). Một phần của tất cả là Vô ký.

Lại có sai biệt: Tức là nghĩa lìa lỗi lầm và nghĩa tùy thuận đối trị về công đức, lỗi lầm, là Thiện. Nghĩa trái với đấy là bất thiện. Nghĩa cùng trái với hai nghĩa trên là Vô ký.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là học?

Đáp: Do nghĩa thiện của phương tiện học. Một phần của tất cả là học.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là vô học?

Đáp: Do nghĩa thiện của cứu cánh học. Một phần của tất cả là vô học.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là phi học phi vô học?

Đáp: Do nghĩa của pháp vô ký lìa hai thứ thiện, nhiễm ô hiện có đã nêu trước. Một phần của hết thảy là phi học phi vô học.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là do kiến đạo đoạn?

Đáp: Do nghĩa Trí hiện quán hiện quán về đế với chỗ nên đoạn trừ. Một phần của hết thảy là do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là do Tu đạo đoạn?

Đáp: Do nghĩa từ sau hiện quán là Tu đạo đoạn. Một phần của tất cả là do Tu đạo đoạn.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là không đoạn?

Đáp: Do nghĩa hết thảy nhiễm ô đã đối trị, đã vĩnh viễn đoạn trừ và nghĩa đã đoạn. Một phần của tất cả là không đoạn.

Hỏi: Do nghĩa nào có mấy uẩn là Vô sắc v.v...?

Đáp: Do nghĩa trái với Sắc v.v... đã nói ở trước, nên biết là nghĩa của Vô sắc v.v...

Các loại như thế phải nên phân biệt về sự sai khác của các uẩn.

Hỏi: Như nói nghĩa tích tụ là nghĩa của uẩn. Vậy những gì gọi là nghĩa tích tụ?

Đáp: Nghĩa của Thể được vô số thứ kêu, gọi. Nghĩa cùng hợp lìa chuyển. Nghĩa một loại gồm chung, tóm lược. Nghĩa tăng ích tổn giảm. Các nghĩa như thế gọi là nghĩa của tích tụ.

Hỏi: Do duyên nào Sắc uẩn được gọi là Sắc?

Đáp: Do nghĩa đối với các phương sở kia được gieo trồng tăng trưởng, và nghĩa biến hoại nên gọi là Sắc. Nghĩa biến hoại nầy lại có hai thứ:

1. Nghĩa do tay v.v... xúc chạm nên biến hoại.
2. Nghĩa vô số tướng sai biệt của phương xứ.

Hỏi: Do đâu bốn uẩn vô sắc được gọi chung là Danh?

Đáp: Do nghĩa thuận hướng đến vô số cảnh của đối tượng duyên. Do nghĩa dựa nơi ngôn thuyết gọi là phân biệt về vô số cảnh của đối tượng duyên, nên nói là Danh.

Hỏi: các uẩn thuộc về cái gì? Vì nghĩa gì nên kiến lập sự gồm thâu ấy?

Đáp: thuộc về tự tánh không phải là Tha tánh. Vì nhằm nhận biết rõ khắp về vô số tự loại, thế nên kiến lập.

Hỏi: các pháp tương ưng với cái gì? Vì nghĩa gì nên kiến lập tương ưng?

Đáp: tương ưng với tha tánh, không phải là tự tánh. Vì nhằm nhận biết rõ khắp về pháp có nhiễm không nhiễm, hoặc tăng hoặc giảm của tâm thanh tịnh dựa nơi tự tánh, thế nên kiến lập. Có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn muốn khiến trong Danh chỉ Tâm là thật có, không phải là các Tâm sở. Điều nầy không hợp lý. Vì sao? Vì vừa nói các uẩn có năm thứ tánh không thành tựu.

Lại, nếu các vị kia cho vì phần vị sai biệt nên có năm tánh, thì chấp nơi phần vị sai biệt cũng có lỗi lầm. Vì sao? Vì các phần vị nầy lần lượt cùng hướng đến tác dụng sai khác, nên cho hoặc có hoặc không đều có lỗi. Nếu nói là có: thì do cùng khác tức nên có khác với Thể tánh của vật thật. Nếu nói là không: tức cho phần vị sai biệt là chẳng có gì cả.

Lại không nên cho như phần vị sai biệt của sáu Thức Thân. Vì sao? Vì do chỗ dựa, đối tượng duyên của sáu Thức Thân có sai biệt. Các phần vị nầy một xứ có thể đạt được là không hợp lý.

Hoặc cho là chuyển biến cũng không hợp lý. Vì sao? Vì đối với vật có sắc có thể chuyển biến, nên có được phần vị trước sau sai biệt, chẳng phải đối với vô sắc mà có, như sữa, lạc, sanh tô cùng khác.

Lại nhân duyên của Tâm không sai biệt, mà hành nơi phần vị sai biệt là không hợp đạo lý, đối với một sát na, tất không thể có được nhân duyên sai biệt khiến phần vị kia có sai biệt. Thế nên ông chấp nơi phần vị sai biệt là không hợp đạo lý, lại trái với giáo pháp.

Cho chỉ Tâm là thật có là không hợp đạo lý, là trái với những giáo pháp nào? Nghĩa là như Kinh nói: "Tham-Sân-Si cùng não hại, nhiễm ô nơi tâm khiến không giải thoát." Hỏi: ở đây thì trái nhau ở chỗ nào? Đáp: nếu cho chỉ có Tâm thì cả hai không cùng có. Tức là Tham v.v... không nên dựa vào Thức. Nếu ông lại cho do Thức luôn ở trước, cũng không hợp lý, vì lỗi không sai biệt như trước đã nói.

Lại nữa, Kinh nói: " Cùng sanh với Xúc là Thọ, Tưởng, Tư." Lại nơi các Kinh khác nói: "Các pháp như vậy là luôn cùng hòa hợp, không phải là không hòa hợp" Nên không thể nói nêu các pháp như thế là có thể phân tích khiến càng dị biệt. Lại, đức Phật Thế Tôn vì muốn thành lập nghĩa hòa hợp nầy nên nói về dụ ánh sáng của đèn. Do đó không thể lìa chỗ cùng sanh kia mà nói hòa hợp. Tuy Kinh lại nói: sáu Giới như thế gọi là Sĩ phu, nhưng là

"mật ý nêu bày" nên không có lỗi.

Hỏi: ở đây có mật ý gì? Đáp: chỉ nhằm làm rõ chỗ nói sắc động Tâm sở là chỗ dựa tối thắng. Nên biết đó gọi là mật ý của Kinh ấy. Lại có chỗ trái với Thánh giáo kia. Vậy có thể đạt được những Thánh giáo nào? Nghĩa là đức Thế Tôn nói ba thí dụ về Sữa, Lạc, Sanh tô. Hoặc có nơi chốn cho bốn đại chủng thô là Ngã. Hoặc có nơi chốn cho có ý của sắc sanh. Hoặc có nơi chốn cho tưởng vô sắc sanh. Ý của Kinh như thế há chỉ là đại chúng? Hoặc chỉ có Tâm, chỉ có Tưởng chăng? Vì vậy nên biết các Kinh như thế đều có mật ý. Nên Tâm cùng Tâm sở của bốn uẩn Vô sắc thuộc Danh lại cùng với đạo lý tương ưng thành tựu. Kệ thâu tóm nêu:

Năm thứ Tánh không thành
Phần vị sai, lỗi lầm
Nhân duyên không dị biệt
Cùng trái với Thánh giáo.

Như thế là đã quyết trạch (quyết đoán chọn lựa) về thiện xảo của tính chất sự uẩn, tính thiện xảo của sự giới nay sẽ quyết trạch.

Hỏi: những gì là Nhãn giới?

Đáp: nếu Nhãn chưa đoạn, hoặc lại đoạn rồi, mạng căn thâu nhận. Như Nhãn giới, cho đến ý thức giới và một phần của pháp giới, nên biết cũng vậy.

Hỏi: những gì là Sắc giới?

Đáp: Nếu sắc được sanh từ sự tăng thượng của Sắc ăn. Hoặc kia đối với đây làm tăng thượng, đó gọi là Sắc giới. Như Sắc giới, cho đến Xúc giới cũng thế.

Hỏi: mười tám giới nầy, bao nhiêu thứ là thật có, bao nhiêu thứ là giả có?

Đáp: Thật có: hoặc mười bảy, hoặc mười hai, sáu là một nên một là sáu. Đây là căn cứ nơi đạo lý thế tục để an lập.

Hỏi: nếu có Nhãn, cũng có Nhãn giới chăng? Nếu như có Nhãn giới thì cũng có Nhãn chăng?

Đáp: nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có Nhãn không phải là Nhãn giới. Nghĩa là Nhãn sau cùng của A-la-hán.

2. Hoặc có Nhãn giới không phải là Nhãn. Nghĩa là sanh nơi Giới có sắc, hoặc nhãn chưa sanh, hoặc sanh rồi mất. Hoặc không được Nhãn, hoặc Nhãn vô gián diệt. Hoặc các phàm phu sanh nơi cõi Vô sắc.

3. Hoặc có Nhãn cũng là Nhãn giới. Nghĩa là trừ từng ấy tướng.

4. Hoặc có không Nhãn cũng không Nhãn giới. Nghĩa là Nhãn của A-la-hán đã hoại mất, hoặc Nhãn không sanh. Hoặc sanh nơi cõi Vô sắc. Hoặc ở nơi giới Niết-bàn Vô dư y đã Bát-niết-bàn.

Như Nhãn giới, tất cả Nội giới tùy chỗ ứng hợp, nên biết cũng như thế.

Về Thân giới nên phân biệt. Nghĩa là không có trước nay thân không sanh. Phần còn lại theo chỗ ứng hợp nên nêu bày đầy đủ. Đối với bốn ngoại giới, theo chỗ thích hợp cũng nên nói đủ.

Hoặc là Thanh, Thanh giới, lúc đang nêu, đánh, nên nói là cùng có. Nếu không nêu, đánh thì nên nói là gắn liền với giới khác, chỉ là Giới, không phải là âm thanh.

Hỏi: mười tám Giới nầy, bao nhiêu thứ là đồng phận, bao nhiêu thứ là Bỉ đồng phận?

Đáp: Có Nhãn giới của Thức gọi là đồng phận. Nhãn giới còn lại gọi là Bỉ đồng phận. Như Nhãn giới, cho đến Thân giới cũng vậy. Chỉ trong các giới nội thuộc về Căn, suy lường về đồng phận, Bỉ đồng phận, không phải ở trong các giới ngoại như Sắc v.v... Nên biết, các pháp có đối tượng duyên của pháp giới được nói như Tâm giới. Các pháp không có đối tượng duyên, được nói như Sắc v.v...

Hỏi: Bao nhiêu giới hợp mà có thể giữ lấy? Bao nhiêu giới không hợp mà có thể giữ lấy?

Đáp: sáu thứ hợp, có thể giữ lấy, bốn thứ không hợp mà có thể giữ lấy, năm thứ cùng phần ít của một thứ không phải có thể giữ lấy. Một Giới hoặc hợp, không hợp, cả hai cùng có thể giữ lấy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là đối tượng giữ lấy, không phải là chủ thể giữ lấy? Bao nhiêu thứ cũng là chủ thể giữ lấy, cũng là đối tượng giữ lấy?

Đáp: Tất cả đều là đối tượng được giữ lấy. Nghĩa là năm thứ cùng phần ít của một thứ chỉ là đối tượng được giữ lấy. Mười hai thứ và phần ít của một thứ cũng là chủ thể giữ lấy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ do trợ bạn nên có thể giữ lấy? Bao nhiêu thứ là riêng có thể giữ lấy?

Đáp: mười thứ và phần ít của một thứ là do trợ bạn nên có thể giữ lấy. Một thứ và phần ít của một thứ là riêng có thể giữ lấy.

Hỏi: Bao nhiêu thứ chỉ hệ thuộc cõi dục? Chỉ hệ thuộc cõi Sắc?

Chỉ hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Bốn thứ chỉ hệ thuộc cõi dục. Chỉ hệ thuộc cõi Sắc và Vô sắc đều không có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ chỉ hệ thuộc cõi dục cõi sắc? Bao nhiêu thứ chỉ hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc?

Đáp: có mười một thứ chỉ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Chỉ hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc là không có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hệ thuộc chung nơi ba cõi? Đáp: Ba thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là chấp thọ? Bao nhiêu thứ không phải là chấp thọ?

Đáp: năm thứ là chấp thọ. Năm thứ chấp thọ chẳng phải là chấp thọ. Số còn lại hoàn toàn là phi chấp thọ. Vì sao? Vì do lìa nơi khả năng chấp thọ còn lại kia, thì chấp thọ đối với pháp kia là không thể được.

Thế nào là vô số Giới? Nghĩa là mười tám giới, lần lượt có tánh của tướng khác.

Thế nào là không phải một Giới? Tức vô lượng hữu tình của các Giới kia có vô số sai biệt nơi tánh của chỗ dựa, trụ.

Thế nào là vô lượng Giới? Nghĩa là gồm chung hai thứ kia, gọi là vô lượng giới. Như đức Phật Thế Tôn ở trong Tụ-Ác-xoa, nói: " Ta ở trong các Giới, trọn không nêu rõ về Giới có biên vực."

Tụng nêu:

"Những gì tánh thật có
Bốn cú và đồng phận
Giữ giới, chấp thọ, trái
Vô số chẳng phải một."

Hỏi: những gì là nghĩa của Giới?

Đáp: Nghĩa của Nhân, của chủng tử, của Bản tánh, của Chủng tánh, nghĩa của vi tế, của nhận giữ là nghĩa của Giới.

Hỏi: Do nơi nghĩa nào, Niết-bàn, Hư không cũng gọi là Giới?

Đáp: Do nghĩa pháp kia có thể nắm giữ khiến khổ không sanh, có thể duy trì lực dụng vận động như thân, nhãn v.v...

Hỏi: Vì để hiểu bày nghĩa gì mà kiến lập Giới?

Đáp: Vì để hiển bày nghĩa nhân duyên cùng hiển bày nghĩa thọ dụng của Căn, Cảnh, nên kiến lập Giới.

Hỏi: mười tám Giới nầy do cái gì để phân biệt? Đáp: nếu lược nói, nên biết là do sáu thứ:

1. Giới pháp: Nghĩa là pháp như Nhãn v.v... thì có Giới như Nhãn

v.v...

2. Giới tịnh: Nghĩa là các Giới hiện có của Bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh.

3. Giới bản tánh: Tức như đã nói về mười tám Giới. Từ vô thủy đến giờ, và nơi các đời về sau thì tánh ấy luôn thành tựu. Lại, Bổ-đặc- già-la trụ chủng tánh, chẳng trụ chủng tánh, từ vô thủy đến nay có pháp Niết-bàn, pháp không Niết-bàn, tánh ấy luôn thành tựu.

4. Giới huân tập: Nghĩa là các Giới nầy, trước đã được huân tập pháp tịnh, bất tịnh, nên ở trong sanh tử được tánh hơn kém, sanh nhân Niết bàn.

5. Giới đã cho quả: Tức các Giới nầy chiêu cảm quả đã diệt.

6. Giới chưa cho quả: Nghĩa là các Giới nầy chưa chiêu cảm được quả hoặc diệt hoặc chưa diệt.

Như vậy là lược nói về các Giới có sáu thứ để phân biệt. Nếu nói rộng thì có vô lượng.

Hỏi: mười tám Giới nầy, bao nhiêu thứ là có Sắc, bao nhiêu thứ là Vô sắc, cho đến bao nhiêu thứ là không đoạn?

Đáp: Như trước đã nói về phần tương ưng, thuận theo đấy mà kiến lập.

Hỏi: Như nói: mắt thấy các sắc, cho đến ý biết rõ các pháp. Vậy mắt v.v... nầy là "người thấy" cho đến là "người hiểu rõ" chăng? Hay là do Thức kia?

Đáp: Căn cứ nơi đạo lý Thắng nghĩa thì không phải là Mắt v.v... cũng không phải là Thức kia. Vì sao? Vì tự tánh của các pháp là do các duyên sanh, là sát na diệt, là không có tác dụng. Căn cứ vào đạo lý thế tục, thì mắt v.v... là tối thắng nên có thể ở nơi sắc kia lập "người thấy" v.v... Vì sao? Vì nếu có các căn như Mắt v.v... thì Thức mới quyết định sanh không có thiếu giảm. Hoặc có Thức hiện hành không phải là căn như mắt v.v..., hoặc thiếu không thiếu, đều có thể đạt được. Ở đây, nghĩa thật chỉ ở nơi "thấy" v.v... nên nói "người thấy" v.v...

Hỏi: mười tám Giới nầy, có bao nhiêu thứ lần lượt tuyên thuyết về nhân duyên? Đây lại là những gì?

Đáp: lược có hai thứ:

1. Ba thứ lần lượt tuyên thuyết về nhân duyên.

2. Sáu thứ lần lượt tuyên thuyết về nhân duyên.

- Thế nào là ba thứ lần lượt nêu rõ về nhân duyên? Nghĩa là chỗ dựa, cảnh giới, cùng dựa sai biệt. Vì sao? Vì do Thức cùng với Căn đồng nghĩa

của một xứ nên nói là "dựa nơi cảnh giới", là nghĩa của đối tượng duyên nên cũng gọi là dựa.

- Thế nào là sáu thứ lần lượt nêu rõ về nhân duyên?

Nghĩa là đối tượng hành kia có nhiều sai biệt, luôn luôn hành, nên trước nói về mắt v.v... là nhân duyên thứ nhất.

Lại, tùy theo tập tục của thế gian chuyển biến nên nói về thứ lớp kia. Do các thế gian trước cùng gặp nhau, tiếp đến là cùng hỏi han an ủi nhau, nên tiếp theo là bày biện các thức ăn uống. Sau đấy, hết ngày là đến đêm, sắp đặt, dọn trải những thứ ngọa cụ mềm mại đẹp đẽ, các chăn nệm gối đủ loại, có các thị nữ hầu hạ, là nhân duyên thứ hai.

Lại, do vui mừng sai khác làm chỗ dựa nên lần lượt tuyên thuyết, là nhân duyên thứ ba.

Lại, do sự thọ nhận thuộc về phần trang sức nơi thân không giống nhau nên lần lượt nêu bày. Những kẻ thọ dục tất dùng An-thiện-na v.v... (một loại thuốc dùng cho mắt) trước trang điểm nơi lông mày, mắt, tiếp theo là dùng các thứ vòng ngọc báu trang sức nơi tai, không phải nơi các căn khác. Đó là nhân duyên thứ tư.

Lại, dựa vào các việc như tạo nghiệp, ăn uống, tập dục v.v..., nên lần lượt nêu bày. Do các chúng sanh đều trước là dựa vào hai nghiệp thân ngữ hoặc tịnh hoặc bất tịnh tạo phương tiện để dốc tìm cầu, tiếp theo ăn theo lối đoạn thực, đã no say rồi thì học gần gũi các dục. Đó là nhân duyên thứ năm.

Lại, do sự tạo nghiệp sai biệt thâu nhận, nên lần lượt tuyên thuyết. Vì sao? Vì do mắt có thể trông thấy vô số các sắc, tới lui không lỗi, uy nghi không loạn, ghi, biết thân kẻ khác từng thấy hay không thấy. Và trong hàng thân, oán, biết rõ về nơi chốn, nêu bày về kẻ khác, khởi tưởng ngôn thuyết. Thấy các loại vui chơi như vũ nhạc, đấu vật v.v…, thọ nhận khắp vô số các thứ vui thích của thế gian nuôi lớn "y thân". Các loại như thế có vô lượng tác nghiệp của Nhãn giới. Do tai có thể nghe đủ loại âm thanh, nhân đấy tỏ ngộ vô số nghĩa lý nói về thiện, nói về ác, dấy khởi các ngôn luận. Nhân nghe vô số âm thanh vui vi diệu, thọ nhận rộng đủ các loại hỷ lạc của thế gian nuôi lớn "y thân". Các loại như vậy đều có tác nghiệp của Nhĩ giới. So với trước là hẹp, kém.

Tỷ giới có thể ngửi vô số các mùi hương, tìm hương mà đến, thọ nhận mọi vui mừng nuôi lớn "y thân". Những loại như thế, là có tác nghiệp của Tỷ giới, đối với trước là hẹp, kém.

Thiệt giới có thể nếm đủ các thứ vị, thọ nhận các thứ hỷ lạc nuôi lớn "y thân". Các loại như vậy đều có tác nghiệp của Thiệt giới, đối với trước

là hẹp, kém.

Thân giới có thể tiếp xúc vô số sự xúc chạm, thọ nhận các thứ vui thích, tuy có thể nuôi lớn "y thân", nhưng các vật dụng tạo nên an lạc kia, hoặc nơi một lúc lại bị tổn hại. Các loại như vậy đều có tác nghiệp của Thân giới. Hết sức là hẹp, kém. Đó gọi là lần lượt tuyên thuyết về nhân duyên thứ sáu.

Ở trong sáu thứ nhân duyên sai biệt như Mắt v.v…, ý hiện hành khắp nên được nêu rõ sau cùng, được gồm thâu trong thứ lớp nhân duyên như thế. Tụng nêu:

Rất nhiều thuận thế tục
Hỷ lạc và trang nghiêm
Tùy hai thứ tạo nghiệp
Nên thứ lớp tuyên thuyết.

Lại nữa, mười tám Giới nầy nên biết có thể thâu gồm tất cả giới khác đã được nói trong Kinh.

Hỏi: Người sanh nơi cõi sắc, ở nơi cảnh giới mà được lìa dục, do đâu lại sanh hai giới Tỷ, Thiệt?

Đáp: Vì khiến cho Thân là chỗ dựa được đoan nghiêm. Lại, trong cõi sắc, đối với hai thứ ấy là chưa lìa dục.

Hỏi: Sanh nơi Tĩnh lự thứ hai, hoặc sanh nơi địa trên, hoặc có Tầm có Tứ, Thức như Nhãn v.v... hiện tiền. Vì sao địa nầy không Tầm không Tứ hoặc không hiện tiền. Vì sao nơi địa kia các căn có sắc, có thể lãnh nhận cảnh giới của địa ấy?

Đáp: Do chủng tử của các Thức có Tầm có Tứ theo đuổi Tam-ma-địa không Tầm không Tứ, nên từ địa kia khởi rồi thì ở đây được hiện tiền. Lại, ở đây khởi rồi thì khi Thức hiện hành, lại bị sự theo đuổi của chủng tử đối với Tam-ma-địa không Tầm không Tứ. Thế nên địa nầy không phải hoàn toàn là không Tầm không Tứ. Do Hữu tình kia đối với các tầm tứ, vì tánh lìa dục mà ly dục, nên địa kia tuy gọi là không Tầm không Tứ, sự việc lại hiện hành ấy cũng không có lỗi.

Hỏi: Do đâu, Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, đều sanh hai phần, chứ không phải là Giới khác?

Đáp: Vì khiến cho chỗ nương dựa được đoan nghiêm.

Hỏi: Mắt, Tai và Mũi, lúc các Thức sanh là dựa nơi hai phần. Vậy nên nói là một hay nên nói là hai?

Đáp: Nên nói chỉ là một. Vì sao? Vì nếu một phần kia không bị

chướng ngại, không hoại, thì Thức sanh sáng tỏ. Nếu một phần ấy có chướng ngại, hoặc lại bị hoại mất, thì Thức sanh không sáng tỏ. Lại, Thức không phải là Sắc, nên không có nghĩa như sắc, do phương sở khác biệt thành hai phần.

Hỏi: Mắt cùng với Nhãn Thức, nếu là nhân quả thì vì sao cùng có?

Nếu là cùng có, thì vì sao được thành hai tánh nhân quả?

Đáp: Thức dựa nơi Mắt sanh, chẳng phải như đạo lý nhân quả của việc gieo mầm. Vì sao? Vì mắt cùng với Nhãn thức không phải là chánh nhân sanh, chỉ là nhân kiến lập, thế nên hai thứ ấy cùng thời mà có tánh nhân quả thành tựu. Cũng như đạo lý ánh sáng của ngọn đèn cháy sáng. Như Mắt cùng với Nhãn thức, Tai mũi lưỡi Thân cùng với các Thức kia nên biết cũng như thế. Nếu khác với đây, tuy có tự chủng nhưng không chỗ dựa, nên các Thức như Nhãn v.v... không thể sanh.

Hỏi: Nếu ở nơi cõi dục hoặc sanh hoặc trưởng, nên nói là Nhãn giới quyết định chuyển chăng?

Đáp: Quyết định chuyển. Như Nhãn giới, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới, Nhãn, Nhĩ, Thân Thức giới cũng vậy. Trừ Hương giới, Vị giới cùng với Thức giới kia, hết thảy giới còn lại cũng quyết định chuyển.

Ở nơi cõi Vô sắc hoặc sanh hoặc trưởng, trừ ý giới pháp giới, ý thức giới, định còn lại không chuyển, chỉ trừ các sắc đạt được tự tại, nên biết ba cõi đối với pháp ấy định chuyển.

Sự giới thiện xảo, như uẩn thiện xảo, cũng nên tuyên thuyết như Tụng đã nêu. Như Giới thiện xảo, Sự xứ thiện xảo, Tụng nêu tóm lược nên biết cũng thế.

Thế nào là Nhãn xứ? Nghĩa là như mắt đã được không bỏ, nơi Thể Vô gián không phải là pháp đoạn diệt.

Như tướng của Nhãn xứ thì tự tánh của xứ khác nên biết cũng vậy.

Hỏi: Xứ, Xúc xứ có sai biệt gì?

Đáp: Xứ như trước đã nói. Xúc xứ: Nghĩa là cùng với Xúc cùng kết hợp, hoặc có thể dẫn phát các Xúc không gián đoạn, tùy thuận các Xứ hiện có nơi Xúc.

Hỏi: Hoặc Nhãn cũng là Xứ chăng? Nếu là Xứ thì cũng là Nhãn chăng?

Đáp: Có Nhãn không phải là Xứ, nghĩa là nếu Nhãn đã được, không bỏ, nhưng là pháp đoạn diệt vô gián.

Có Xứ không phải là Nhãn, nghĩa là Xứ còn lại an trụ nơi tướng Xứ.

Có trường hợp cũng là Nhãn cũng là Xứ, nghĩa là hoặc Nhãn đã được không bỏ, cũng không phải là pháp đoạn diệt vô gián.

Có trường hợp không phải là Nhãn, không phải là Xứ, nghĩa là hoặc Nhãn không được, hoặc được rồi bỏ, cùng với Nhĩ v.v... không trụ nơi tướng của Xứ.

Hỏi: Hoặc Xứ cũng là Xúc xứ chăng? Nếu là Xúc xứ cũng là Xứ chăng?

Đáp: Các Xúc xứ tất là Xứ. Có Xứ không phải là Xúc xứ. Nghĩa là Mắt v.v... không cùng với Xứ hợp, cũng lại không thể dẫn phát Xúc vô gián, nhưng chẳng phải là pháp đoạn diệt vô gián. Nếu ở nơi cõi sắc, mũi lưỡi hiện có hoặc sanh hoặc trưởng, hoặc Hữu tình sanh trong cõi trời Vô tưởng, các căn hiện có, vào hết thảy thời, nên biết tất định không phải Xứ.

Hỏi: Xứ gọi là nghĩa gì? Vì nhằm hiểu bày nghĩa gì mà kiến lập Xứ?

Đáp: Nghĩa môn sanh trưởng của các Tâm, Tâm sở. Nghĩa duyên, Nghĩa phương tiện, Nghĩa tánh hòa hợp, Nghĩa đối tượng được nương dựa, Nghĩa xứ cư trú, do gọi là Nghĩa của Xứ. Vì nhằm hiển bày chỉ rõ nghĩa của ba thứ duyên là đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, nên kiến lập Xứ.

Phân biệt rộng về Xứ cùng thứ lớp, theo chỗ ứng hợp, như Giới nên biết.

Lại, đức Thế Tôn nói có tám Thắng xứ, nói rộng như nơi Kinh. Mười Biến xứ cũng như thế. Lại có bốn Xứ là Xứ không vô biên v.v... Lại có hai Xứ, là Xứ Vô tưởng, Xứ phi tưởng phi phi tưởng. Các pháp như thế là nói về tên của Xứ. Như đã nói về tướng, theo chỗ thích hợp đều thuộc về mười hai Xứ. Lại, chỗ nương dựa của Xứ, như Giới nên biết.

Lại nữa, thế nào gọi là pháp duyên sanh? Nghĩa là không có chủ tể, không có người tạo ra, không có người thọ nhận, không tự tác dụng, không được tự tại. Nhờ nhân mà sanh, dựa vào các duyên mà chuyển, vốn không mà có, có rồi tán diệt. Chỉ là pháp được hiển bày, chỉ là pháp là chủ thể làm thấm nhuần, chỉ là pháp đối tượng được thấm nhuần, thuộc về sự nối tiếp. Các tướng như thế gọi là pháp duyên sanh. Nên biết ở đây, nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sanh. Vô minh , tùy miên nầy không đoạn Hữu. Vô minh kia trói buộc Hữu. Vô minh nầy trói buộc sanh. Các Hành kia chuyển. Chủng tử của các Hành như thế không đoạn nên các Hành được sanh. Các Hành sanh nên có được Thức chuyển. Như thế, các chi duyên khởi còn lại, theo đạo lý lưu chuyển, như chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy.

Nên biết, chi Hữu, Sanh và Lão tử là pháp giả có. Các chi còn lại là

pháp thật có.

Lại, do năm tướng nên kiến lập Duyên khởi có sai biệt. Những gì là năm?

1. Chốn dựa của nhân dẫn các khổ.
2. Chốn dựa của nhân sanh các khổ.
3. Nhân dẫn các khổ.
4. Nhân sanh các khổ.
5. Các khổ sanh khởi.

Chốn dựa của nhân dẫn các khổ: Nghĩa là ở trong hiện pháp, danh sắc làm duyên sanh khởi sáu Xứ không đoạn không biết. Đây là đối tượng duyên cùng chỗ dựa. Hết thảy hàng phàm phu, nơi tự thể bên trong sanh khởi ngu tối. Đó gọi là Vô minh. Vô minh duyên nên tiếp sau là các Hành, cho đến thời sau có Xúc duyên thọ. Ở đây, sáu Xứ gọi là chốn dựa của Nhân dẫn cho Vô minh v.v...

Chốn dựa của nhân sanh các khổ: Nghĩa là các hàng phàm phu, ở trong hiện pháp, cho Xúc làm duyên nên các Thọ sanh khởi. Đây là chốn dựa. Đối với cảnh giới bên ngoài, phát khởi các Ái. Do Ái làm duyên nên tiếp sau có Thủ. Thủ làm duyên nên tiếp sau có Hữu. Như vậy, ba thứ nhân sanh như Ái, dùng Xúc duyên Thọ làm chốn dựa.

Nhân dẫn các khổ: Nghĩa là Vô minh duyên Hành, cho đến Xúc duyên Thọ. Trong hiện pháp, Thức làm đối tượng được huân tập của nghiệp phước, phi phước và bất động. Chỗ theo đuổi của chủng tử càng về sau có thể dẫn khởi sanh lão tử khổ của Thân Thức v.v... khác nơi vị lai. Thế nên nói đây là Nhân dẫn của các khổ kia.

Nhân sanh các khổ: Nghĩa là Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu. Đó gọi là nhân sanh của các khổ nơi vị lai. Tức chỗ tạo nghiệp từ đời trước là phiền não thâu nhận, sanh nơi đời vị lai dẫn đến hiện tiền, nên biết gọi là Hữu.

Các khổ sanh khởi: Nghĩa là Hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Như vậy gọi là các khổ sanh khởi. Tức Thức, danh sắc, sáu Xứ Xúc, Thọ, tánh của chủng tử trước, lúc tùy theo chỗ dựa, từng được mang tên Nhân dẫn của các khổ. Nay đã cho quả là sanh, lão tử lại được mang tên khổ.

Lại nữa, nên biết Vô minh là đối tượng được đối trị của Trí, riêng có Tâm sở che giấu làm tánh, chẳng phải chỉ là minh không, cũng chẳng phải là tà Trí. Vì sao? Vì nếu Vô minh kia chỉ là minh không có thì lẽ ra không thể lập phẩm Hạ trung thượng, do pháp vô tánh đều không có phẩm hạ

trung thượng dị biệt. Lại không thể lập Tùy miên Vô minh cùng với Triền có sai biệt, do pháp vô tánh, nơi tất cả thời, tướng ấy tương tự hiện tiền tùy chuyển không thể kiến lập. Lại, tâm thiện, nhiễm, vô ký của hàng phàm phu, nơi tất cả xứ thường lìa Huệ sáng. Nếu vô tánh ấy là vô minh, thì lẽ ra hết thảy Tâm đều là nhiễm ô.

Lại, pháp vô tánh không phải thuộc về Hữu vi, không phải thuộc về Vô vi. Đã không phải thuộc về Hữu vi, Vô vi, thì không thể là nhiễm cũng không là tịnh.

Lại, ở trong chỗ nối tiếp của Tâm lìa minh, nên nơi tất cả thời, minh không thể khởi. Lại không nên nói Vô minh diệt nên minh được sanh khởi. Vì sao? Vì không có pháp không mà có thể diệt.

Nếu chỉ tà trí là Vô minh: thì trừ các Trí thuộc Huệ sáng, tất cả Trí khác đều là Tà trí chăng? Vì chỉ Trí của tánh tà chấp nhiễm ô là tà Trí? Vì các phiền não tương ưng với Tà trí là tà Trí chăng? Nếu nói Trí đầu là Tà trí: thì Trí trong sự nối tiếp của tất cả hàng phàm phu đều nên là tà Trí. Hoặc thiện hoặc Vô ký, ở đây là không hợp đạo lý.

Nếu chỉ Trí của tánh tà chấp nhiễm ô là Tà Trí: thì lẽ ra chỉ năm kiến Tát-ca-da v.v... gọi là Trí của tánh nhiễm. Ở đây, không biết rõ đúng như thật về Hành tướng, đó gọi là Vô minh. Do có không nhận biết rõ như thật về Hành, nên tà chấp nơi sự tướng, đó gọi là kiến. Nghĩa là Tát-ca-da-kiến, do lực của Vô minh, nên chấp ngã, ngã sở. Các kiến khác, như vậy đều ở nơi sự của mình, tà chấp về Hành chuyển. Nhưng các kiến kia không lìa ngu si. Do si cùng với hành tướng của kiến đều khác, thế nên Trí của tánh năm nhiễm ô nầy, gọi là Vô minh là không hợp đạo lý.

Lại, nếu Vô minh cùng với tướng của các kiến không sai biệt thì đức Thế Tôn, ở trong bảy Tùy miên, ngoài Vô minh, đã lập Tùy miên kiến.

Lại, Phật Thế Tôn, từng không một xứ, đối trên các kiến, chỉ rõ tên gọi Vô minh.

Nếu các phiền não tương ưng với Tà Trí là Vô minh: Thì năm thứ Tà kiến như Tát-ca-da v.v... Trí là tự tánh. Thể của Trí không hai cùng có tương ưng, tức là các kiến nên cùng với Vô minh thường không tương ưng.

Lại, nếu sức của phiền não như tham v.v... khiến Trí tương ưng thành tánh ngu si, thì lẽ ra lực tăng thượng như Tham v.v... nên có ngu si, không phải là si tăng thượng. Si là đứng đầu, dẫn dắt, nên có tất cả phiền não như tham v.v...

Lại nên có thể nói, như Huệ tương ưng với các phiền não khác, do tương ưng nên thành nhiễm ô, không phải là tự tánh của pháp ấy, không

phải là Thể ngu si có thể thành tánh Si.

Lại như các tâm tâm sở tương ưng với các phiền não khác, không phải là tánh của phiền não, do đó nên biết riêng có Vô minh là tánh của tâm sở cùng tương ưng với Tâm. Như đức Thế Tôn nói: Hành có ba thứ là Thân Hành, Ngữ Hành và Ý Hành. Nên biết ở đây gió của hơi thở ra vào gọi là Thân Hành. Gió là đứng đầu dẫn dắt nên Thân nghiệp chuyển. Nghiệp được tạo tác do thân cũng gọi là Thân Hành.

Do ngu tối nên trước khởi thuận theo gió của thân nghiệp rồi, sau đấy mới khởi Thân nghiệp nhiễm ô. Như hơi thở vào ra có thể khởi Thân nghiệp nên gọi là Thân Hành. Như thế, Tầm Tứ cùng với các Ngữ nghiệp cùng gọi là Ngữ Hành. Thọ, Tưởng cùng với ý nghiệp cùng gọi là Ý Hành. Như vậy, tất cả nói chung là Thân Hành, Ngữ Hành, Ý Hành. Các Hữu tùy sanh nơi Giới nào, địa nào. Nên biết chi Hữu tức thuộc về đây.

Lại nữa, trong mười hai chi thuộc về hai nghiệp, là Hành và Hữu. Ba phiền não gồm thâu là Vô minh, Ái và Thủ. Nên biết các chi còn lại đều thuộc về Sự. Lại, trong hai nghiệp thì thứ nhất là thuộc về Dẫn nghiệp, tức là Hành. Nghiệp sau là thuộc về Sanh nghiệp, tức là Hữu. Trong ba phiền não thì thứ nhất có thể phát khởi Dẫn nghiệp, nghĩa là Vô minh. Thứ hai có thể phát khởi Sanh nghiệp, nghĩa là Ái, Thủ. Trong các chi còn lại thuộc về Sự, hai chi là thuộc về chi khổ của vị lai, tức Sanh, Lão Tử. Năm chi thuộc về nhân khổ của vị lai, nghĩa là trong hiện pháp từ Hành duyên Thức cho đến Xúc duyên Thọ. Lại, năm chi cũng tức thuộc về chi khổ của hiện tại. Do nhân của đời trước nay được sanh khởi, thuộc về dị thục của quả. Nghĩa là Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ. Lại, năm chi thuộc về quả của hiện tại cùng hai chi thuộc về quả của vị lai, gọi chung là duyên khởi thuộc về Quả. Nên biết các chi còn lại là Duyên khởi thuộc về Nhân.

Lại nữa, Vô tri (không hiểu biết) lược đối với năm xứ là Nhân có thể sanh:

1. Có thể sanh nghi.
2. Có thể sanh Ái.
3. Có thể sanh tin phi xứ.
4. Có thể sanh kiến.
5. Có thể sanh Tăng thượng mạn.

Vô tri hiện có đối với biên vực trước là có thể sanh nghi. Nghĩa là nghi như vậy: Ta đối với quá khứ là từng có chăng? Là từng không có chăng? Các nghi như vậy ở ba đời chuyển, như Kinh đã nói rộng. Quá khứ gọi là biên vực trước. Vị lai gọi là biên vực sau. Đối nơi đời vị lai là biên

vực trước. Hoặc nghi về quá khứ, nên biết nghi nầy do Vô tri của biên vực trước sanh ra. Nếu nghi về vị lai, nên biết nghi nầy do Vô tri của biên vực sau sanh. Hoặc đối với bên trong nghi hoặc: Nơi đây, các gì là hiện có? Ta là ai? Nay, hữu tình nầy từ đâu mà đến? Ở đây chết rồi sẽ đi đến nơi nào? Nên biết nghi nầy do Vô tri của biên vực trước sau sinh ra.

Lại, Vô tri đối với bên trong, Vô tri đối với bên ngoài, Vô tri đối với trong ngoài, nên biết là có thể sanh Ái của trong ngoài v.v... cùng Ái của đời sau, Ái của hỷ tham cùng hành, Ái của các thứ Hỷ lạc kia. Lại, nếu "Vô tri" đối với nghiệp, Vô tri đối với dị thục, Vô tri đối với dị thục của nghiệp, các Hữu tình nầy do đối với nghiệp tự tạo Vô tri làm duyên, nên ở trong các nơi chốn không chính đáng như cõi Trời Lỗ-đạt-la, Tỳ- sắt-nô, Thế chủ v.v... sanh Thắng giải sai lạc, quy y kính tin. Lại, nếu "Vô tri" đối với Phật v.v..., cho đến "Vô tri" đối với Đạo, nên biết là có thể sanh khởi các kiến chấp. Vì sao? Vì do đối với Tam bảo và Tứ đế không thông tỏ đúng đắn, tức có thể sanh khởi sáu mươi hai thứ kiến chấp. Khởi kiến chấp như thế, lập luận như thế, cho là không có bố thí, thọ nhận, cho đến nói rộng về các tà kiến hiện có.

Lại, nếu "Vô tri" đối với nhân, Vô tri đối với pháp thiện bất thiện do nhân sanh ra, nói rộng như nơi Kinh. Do Vô tri nầy nên ở trong con đường đi đến cõi thiện, ở trong phương tiện đi tới nẻo thiện, sinh tăng thượng mạn. Vì sao? Vì do đối với các pháp thiện, bất thiện, đối với quả yêu thích, không yêu thích, không nhận biết đúng như thật. Ở trong các phương tiện sai lầm, như tự nhịn đói, nhảy vào lửa, lao mình từ nơi núi cao xuống v.v... khởi tưởng phương tiện, hành các việc như vậy để cầu sanh thiên.

Lại, Vô tri hiện có ở trong sáu Xúc xứ không thông đạt đúng như thật, nên đối với việc chứng đắc quả Sa-môn khởi tăng thượng mạn. Vì sao? Vì do thật sự không có Trí thông tỏ đúng như thật nơi sáu Xúc xứ mà sanh tăng thượng mạn. Nên biết ở đây, hoặc khởi tăng thượng mạn đối với phương tiện sanh Thiên, hoặc khởi tăng thượng đối với quả Sa- môn, hợp chủng cả hai gọi là Tăng thượng mạn. Như thế Vô minh có thể sanh năm thứ tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm về Nghi.
2. Tạp nhiễm về Ái.
3. Tạp nhiễm về Tín giải.
4. Tạp nhiễm về Kiến.
5. Tạp nhiễm về Tăng thượng mạn.

Do tạp nhiễm về nghi tạo tạp nhiễm, nên hết thảy hàng phàm ngu đều

khởi nghi hoặc, tin thuận nơi kẻ khác, dẫn theo nẻo khác, nên ở trong hiện pháp thọ nhiều khổ não, không trụ nơi an ổn.

Do tạp nhiễm về Ái tạo tạp nhiễm nên dẫn khởi mọi thứ khổ lớn như lão bệnh tử v.v... của đời sau.

Do tạp nhiễm về tín giải tạo tạp nhiễm, nên hoặc cho là không nhân hoặc cho là nhân không bình đẳng như Trời Tự Tại v.v... là nhân chánh, bác bỏ cho không có tất cả sĩ dụng, theo những tin hiểu sai lầm như vậy mà trụ.

Do tạp nhiễm về kiến tạo tạp nhiễm, nên tùy ý tạo tác hết thảy hành ác, có thể chiêu cảm lấy khổ của các nẻo ác nơi vị lai.

Do tạp nhiễm về tăng thượng mạn tạo tạp nhiễm nên khiến cho lực định của sĩ phu không có quả hoặc quả khác.

Lại, Duyên khởi thiện xảo nầy như nơi Phần Bản địa đã phân biệt rộng nên có một số chi tiết ở đây không lập lại.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 57

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ưng và Địa Ý

Đoạn 7:

Như thế là đã nói về "Duyên khởi Thiện xảo". Phần thiện xảo của Xứ phi Xứ nay sẽ nói. Tụng nêu:

Thể hiển hiện đầu.
Môn sai biệt sau.

Hỏi: Những gì là Xứ?

Đáp: Đối với các thứ sự lý kia không có mâu thuẫn. Hỏi: Những gì là Phi Xứ?

Đáp: Nơi các thứ sự lý kia có trái nhau. Đó gọi là Thể của Xứ phi Xứ.

Hỏi: Do đâu đức Thế Tôn hiển bày, chỉ rõ về Xứ phi Xứ?

Đáp: Vì nhằm hiển bày chánh phương tiện thanh tịnh, nhiễm ô nơi Trí không hoại mất.

Hỏi: Nên dùng bao nhiêu môn để quan sát về Xứ phi Xứ?

Đáp: Dùng bốn môn. Do Đức Phật Thế Tôn chỉ dùng bốn môn để tuyên thuyết về tất cả Xứ phi Xứ. Bốn môn là:

1. Môn thành biện.
2. Môn hợp hội.
3. Môn chứng đắc.
4. Môn hiện hành.

Hỏi: Do duyên nào nên dùng bốn môn này nói về Xứ phi Xứ?

Đáp: Vì muốn thị hiện đầy đủ môn tất cả chủng sai biệt. Thế nào là tất cả chủng sai biệt? Nghĩa là dựa nơi môn thứ nhất: Môn thành biện, thì môn ấy không gồm thâu tướng sai biệt khác, tôi sẽ chỉ rõ. Nên biết, sai biệt nầy lược nêu có ba thứ:

1. Đối tượng tạo tác vượt các căn.
2. Đối tượng tạo tác vượt đại chủng.

3. Đối tượng tạo tác vượt tài sản.

Đối tượng tạo tác vượt các căn: Nghĩa là không xứ, không vị (phần vị), mắt có thể nghe âm thanh, ngửi mùi hương, nếm vị, nhận biết các xúc chạm v.v... tất không có điều ấy (Vô thị xứ), có thể thấy các sắc, thì có điều ấy (Thị xứ). Như nhãn căn, các Sắc căn còn lại, mỗi mỗi cùng đối chiếu, dụng vượt sai biệt như chỗ thích hợp, nên biết.

Đối tượng tạo tác vượt đại chủng: Nghĩa là không xứ không vị. Địa có thể tạo tác các dụng của thủy, hỏa, phong, tất không có điều ấy. Có thể tạo các dụng của địa, thì có điều ấy. Như thế, các đại chủng còn lại lần lượt cùng đối chiếu, dụng vượt sai biệt như chỗ thích hợp, nên biết.

Đối tượng tạo tác vượt tài sản: Nghĩa là không xứ không vị, từ loại khác gieo trồng sanh mầm của loại khác, tất không có điều ấy. Chỉ do tự chủng loại, thì có điều ấy. Không xứ không vị, vắt nặn sừng bò v.v... mà ra sữa, tất không có điều ấy. Nặn vắt bầu sữa của bò, được sữa, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, xay trộn bình nước mà sanh ra tô tất không có điều ấy. Xay trộn nơi Lạc sanh ra tô thì có điều ấy.

Không xứ không vị, ép cát thành dầu tất không có điều ấy. Ép hạt mè v.v... thành dầu thì có điều ấy.

Dùi cây ướt mà ra lửa, tất không có điều ấy. Dùi xát cây khô sanh ra lửa thì có điều ấy.

Các loại như vậy, phải nên quan sát về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ nhất.

- Thế nào là chỗ sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ hai?

Nghĩa là không xứ không vị, ánh sáng bóng tối, một lúc hoà hợp, tất không có điều ấy. Nếu có một xứ, không có xứ thứ hai, thì có điều ấy. Không xứ không vị, phần thô nơi lửa nước một lúc hòa hợp, tất không có điều ấy. Tùy chỉ có một loại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, hai tụ sắc thô cùng dựa vào một xứ, tất không có điều ấy. Nếu là một cực vi thì có điều ấy.

Không xứ không vị, đồng một chủng loại hai tâm tâm pháp cùng thời hợp hội, tất không có điều ấy. Mỗi mỗi mà sanh, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, cùng một chủng loại, hoặc thiện bất thiện, hoặc thiện vô ký, bất thiện vô ký, hoặc khổ hoặc vui cùng lúc hợp hội tất không có điều ấy. Tùy có một loại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, quả yêu thích không yêu thích cùng lúc hợp hội, tất không có điều ấy. Nếu tùy có một thứ thì có điều ấy.

Các loại như thế, phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ hai.

- Thế nào là chỗ sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ ba?

Nghĩa là không xứ không vị, Thạch nữ sanh con là không có điều ấy. Nếu không phải là Thạch nữ, sanh con, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, sanh Bán-trạch-ca có thể sanh nam nữ là không có điều ấy. Nếu các người đàn ông thì có điều ấy.

Không xứ không vị, người mắt mù thấy sắc, người tai điếc nghe âm thanh, kẻ mũi lưỡi bị hoại có thể ngửi nếm hương vị là không có điều ấy. Người có các căn không hoại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, chưa đủ tư lương, ở trong hiện pháp chứng đắc giải thoát rốt ráo của bậc Học, Vô học, là không có điều ấy. Đã đủ tư lương, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, chưa được Thánh đạo mà có thể chứng đắc Niết bàn cùng chứng Bồ đề Thanh Văn, Độc giác, hoặc chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, là không có điều ấy. Đã được Thánh đạo, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, hữu tình của cõi người, dùng cỏ v.v... của cõi Bàng sanh để ăn uống, để có đủ các chi phần kết hợp. Hoặc các thiên chúng, ăn uống như con người. Hoặc nơi cõi Sắc, Vô Sắc ăn uống các thứ đoạn thực v.v... là không có điều ấy. Cùng với các điều trên trái nhau, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, không xả bỏ thân hình Na-lạc-ca hiện có mà được thân người. Như thế, không xả bỏ thân hình còn lại mà được thân hình khác là không có điều ấy. Xả bỏ rồi mới được, thì có điều ấy.

Các loại như thế phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ ba.

- Thế nào là những sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ tư?

Nghĩa là không xứ không vị, đất bỏ tự tướng thành tướng của Giới khác, là không có điều ấy. Không bỏ tự tướng, thì có điều ấy. Như đất, các đại chủng còn lại, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, sanh trưởng nơi cõi dục, không được Thiên nhãn mà có thể thấy sắc của chư thiên, là không có điều ấy. Thấy sắc trong cõi người, thì có điều ấy. Như thế, các căn khác, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, người có tham ái, bị tham ái che phủ, tham ái chưa đoạn mà đối với của cải, lợi dưỡng tâm lìa nhiễm vướng là không có điều ấy. Như vậy, sân, si, theo chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, không đoạn trừ tất cả phiền, tùy phiền não trói buộc như tham v.v... mà tu bốn Niệm trụ là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Như tu bốn Niệm trụ, các pháp phần Bồ đề còn lại, nên biết cũng thế.

Không xứ không vị, nơi trụ xứ của Như Lai, không xả bỏ tâm tranh chấp, dục tranh chấp, kiến tranh chấp, nếu không được chấp thuận, mà có thể đối diện nhìn thấy Như Lai là không có điều ấy. Nếu xả bỏ, hoặc chấp thuận, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, tất cả bậc trí, nơi tất cả sự nhận thức, có cảnh được nhận biết mà không biết rõ, hoặc lại mất niệm, cho không phải là điều đã làm của bậc Nhất thiết trí, là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Không xứ không vị, các Bồ tát đã vào địa lớn, đối với các Hữu tình khởi tâm cố hại, hoặc tâm Bồ đề đang có thối chuyển, là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Các loại như thế phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ tư.

Lại nữa, lược có bốn Xứ, bốn phi Xứ, dựa vào đạo lý pháp nhĩ đã nói ở trước, nên quán xét đúng đắn. Nếu đối với các đạo lý đã nói như thế không cùng chống trái, nêu bày chỉ rõ trái với đây, thì đó gọi là Phi Xứ.

Bốn Xứ như thế, cùng với các Xứ phi Xứ đã nói ở trước hợp thành tám Xứ, phi Xứ thiện xảo.

Hỏi: Duyên khởi thiện xảo và Xứ phi Xứ thiện xảo có sai khác gì?

Đáp: Chỉ ở nơi Đạo lý nhân quả sanh khởi, chánh trí được hiển bày rõ, gọi là thiện xảo của duyên khởi. Còn nếu đối với tất cả lý không điên đảo, chánh trí được hiện rõ, gọi là thiện xảo của Xứ phi Xứ. Phần thiện xảo của Xứ phi Xứ còn lại, Văn ở đây không nói đến nữa.

Như thế là đã thuyết minh về thiện xảo của Xứ phi Xứ. Về thiện xảo của Căn nay sẽ nói. Tụng nêu:

Đầu, nghĩa ý kiến lập.
Phân biệt rộng là sau.

Hỏi: Những gì là nghĩa của Căn?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa của Căn.

Hỏi: Là nhằm hiểu bày nghĩa gì?

Đáp: Là nhằm hiểu bày nghĩa tối thắng đối với các thứ pháp, các thứ sự kia.

Vì sao kiến lập hai mươi hai căn? Nghĩa là có thể giữ lấy nghĩa tăng thượng của cảnh nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự an lập gia tộc nối tiếp không gián đoạn nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của phương tiện hoạt động nơi sự nghiệp thuộc tánh mạng nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng nghiệp quả nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của thế gian thanh tịnh nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của xuất thế gian thanh tịnh nên kiến lập ba căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh hiển bày nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh ẩn chìm nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng thời phần, biên vực nơi cảnh giới, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh giới phát sanh tạp nhiễm nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự an lập thanh tịnh nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự hiển bày việc thọ dụng cảnh giới của nội môn, nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự hiển bày việc thọ dụng cảnh giới của ngoại môn, nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng nội thân, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng ngoại cảnh cùng với nội thân phát sanh tạp nhiễm, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự đối trị tạp nhiễm, an lập thanh tịnh nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa nơi đoan nghiêm nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng có thể khiến cho sự nương dựa tùy chuyển tự tại, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa, an trụ, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa xuất sanh nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa giảm, tăng, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa giải thoát, nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của việc hiển bày sự hữu tình nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc sanh khởi sự hữu tình nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng khiến cho sự hữu tình hoặc trụ hoặc mất, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc làm rõ các hữu tình thọ dụng cảnh giới, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc làm rõ các hữu tình sanh khởi phương tiện thù thắng, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc hiển bày các hữu tình quyết định phương tiện thù thắng nên kiến lập ba căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày sự hữu tình nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm làm rõ về hữu tình tăng trưởng nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày thọ lượng của hữu tình tổn giảm dần, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm làm rõ sự hưng thạnh, suy tổn của hữu tình nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày về công đức và lỗi lầm của hữu tình, nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, dựa vào tên gọi như thế nên kiến lập sáu căn. Dựa vào chủng loại như thế, tánh như thế, nên kiến lập hai căn. Dựa vào sự ăn uống như thế, thọ khổ vui như thế, nên kiến lập năm căn. Dựa vào sự sống lâu như thế, trụ lâu như thế, biên vực của thọ lượng như thế nên kiến lập một căn. Nên biết các căn nầy dựa nơi phẩm tại gia để nêu đặt, kiến lập. Dựa nơi tín như thế, tinh tấn như thế, cho đến Huệ như thế, Hướng như thế, quả như thế, nên kiến lập tám căn. Nên biết các căn nầy là dựa nơi phẩm xuất gia để nêu đặt, kiến lập.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của việc dựa nơi sự tu hành phòng hộ căn môn, nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc có thể được xuất gia, chứng quả Sa-môn, nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự tích tập phẩm thiện, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của chánh tri mà hành, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của các đạo phương tiện để chứng quả Sa-môn, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc chứng quả Sa-môn, nên kiến lập ba căn. Kệ nêu:

Theo các cảnh giới chuyển.
Do hiển cùng nội môn.

Trang nghiêm hai Hữu tình. Giả thiết cùng phòng hộ.

Hỏi: Nhãn căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Đối với cảnh của các Sắc, đã thấy, đang thấy, sẽ thấy là nghiệp. Như thế thì Nhĩ căn cho đến Ý căn với chỗ tạo nghiệp hiện có, theo sự ứng hợp nên biết.

Hỏi: Nam căn, Nữ căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Thâu nhận năm tướng là cha, mẹ, vợ, con, thân thích quyến thuộc hiển hiện là nghiệp.

Hỏi: Mạng căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Khiến các hữu tình gắn liền với sự sống còn, trụ giữ trong số là nghiệp.

Hỏi: Căn thuộc về Thọ tạo những nghiệp gì?

Đáp: Khiến các Hữu tình lãnh nạp hết thảy sự hưng thịnh, suy tổn, là nghiệp.

Hỏi: Các căn như Tín v.v... tạo những nghiệp gì?

Đáp: Có thể sanh nơi nẻo thiện, cùng có thể làm viên mãn tư lương của Niết-bàn, là nghiệp.

Hỏi: Ba căn sau cùng tạo những nghiệp gì?

Đáp: Có thể ở nơi hiện pháp hướng chứng Niết-bàn, là nghiệp.

Hỏi: Các căn như thế, bao nhiêu thứ là thật có, bao nhiêu thứ là không thật có?

Đáp: Mười sáu thứ là thật có, các thứ còn lại là không thật có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Sắc?

Đáp: Có bảy thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm?

Đáp: Một thứ và phần ít của ba thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm pháp?

Đáp: Phần ít của mười ba thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Hữu vi?

Đáp: Tất cả là Hữu vi, không có căn là Vô vi. Hỏi: Hai căn nam, nữ, những gì là căn phần? Đáp: Thân ấy là căn phần.

Hỏi: Ba căn sau cùng, những gì là căn phần?

Đáp: Là chín căn phần, đó là Ý căn. Năm căn như Tín v.v... ba căn là Hỷ, Lạc, Xả.

Hỏi: Những gì là căn phần của Mạng căn?

Đáp: Ở đây không có tùy thuộc. Dựa vào nghiệp từ trước đã dẫn khởi thời lượng quyết định mà kiến lập, nên chỉ nói là giả có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là Thiện?

Đáp: Hoặc tám, hoặc năm và phần ít của sáu thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Bất thiện?

Đáp: Phần ít của sáu thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Vô ký?

Đáp: Tám thứ và phần ít của năm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có Dị thục?

Đáp: Một thứ và phần ít của mười thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không có Dị thục?

Đáp: Mười một thứ và phần ít của mười thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có trợ bạn của Dị thục?

Đáp: Ba căn sau cùng có thể hỗ trợ pháp Dị thục đáng yêu thích khiến chuyển sáng, thạnh, có thể chiêu cảm Dị thục quyết định nơi cõi người, Trời.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Dị thục?

Đáp: Một thứ và phần ít của chín thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là Dị thục của chủng tử?

Đáp: Hết thảy đều có.

Hỏi: Bao nhiêu thứ chẳng phải là Dị thục?

Đáp: Mười hai thứ và phần ít của chín thứ. Hỏi: Bao nhiêu thứ là Dị thục sanh?

Đáp: Tất cả thuộc về chủng tử, cũng là Dị thục sanh.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục?

Đáp: Bốn thứ và phần ít của mười lăm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Phần ít của mười lăm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Phần ít của tám thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Ba thứ và phần ít của chín thứ.

Hỏi: Địa vị chí, bao nhiêu thứ có thể chứng đắc?

Đáp: Mười một thứ căn.

Hỏi: Nếu địa vị chí có Hỷ căn thì vì sao không như địa của Tĩnh lự một kiến lập Hỷ?

Đáp: Do nơi địa kia, Hỷ có thể hoạt động.

Hỏi: Hỷ nơi địa kia có giáo pháp nào làm chứng?

Đáp: Như đức Thế Tôn nói: "Như thế là Bí-sô được hỷ lạc ly sanh làm thấm nhuần nơi thân, nhuần thắm cùng khắp, vui thích hiện bày khắp, không có phần ít nào mà không sung mãn. Như vậy gọi là Hỷ lạc ly sanh".

Ở đây, môn đầu nói về phần vị Vị chí, môn sau nói về phần Vị căn bản.

Hỏi: Địa của Tĩnh lự một, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười tám căn, địa của Tĩnh lự hai cũng thế.

Hỏi: Địa của Tĩnh lự ba, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười bảy căn.

Hỏi: Địa của Tĩnh lự bốn, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười sáu căn.

Hỏi: Địa của Xứ không Vô biên, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười một căn.

Như địa của Xứ không Vô biên, địa của Xứ Thức Vô biên, địa của Xứ Vô Sở Hữu nên biết cũng thế.

Hỏi: Địa của Xứ Phi tưởng Phi Phi tưởng, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Các căn thuộc về địa của Tĩnh lự một nên nói là Hữu lậu hay Vô lậu?

Đáp: Nên nói cả hai thứ.

Như các căn thuộc về Tĩnh lự một, cho đến các căn thuộc về địa của Xứ Vô sở hữu, nên biết cũng thế. Các căn thuộc về địa của Xứ Phi tưởng Phi Phi tưởng, nên nói là Hữu lậu. Đây cũng là căn cứ nơi chủng loại. Nếu căn cứ nơi sự tương tục, nên nói cả hai thứ.

Lại, do nhằm giải thoát các phiền não nên khiến các căn kia thành tánh Vô lậu. Như Hữu lậu, Vô lậu, thì nên đoạn, không nên đoạn, thế gian, xuất thế gian, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi dục, nên nói là thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có tất cả.

Hỏi: Sanh nơi Na-Lạc-Ca, thì có được bao nhiêu căn?

Đáp: Tám căn. Hiện hành, chủng tử đều có được.

Trừ ba thứ phần còn lại, hoặc có được, hoặc không có được. Ba thứ căn cứ nơi hiện hành thì không có được, căn cứ nơi chủng tử thì hoặc có được, nghĩa là pháp Bát-niết-bàn. Hoặc không có được, nghĩa là pháp không Bát-niết-bàn. Ba thứ khác, về Hiện hành thì không thành được, về chủng tử thì thành được.

Như sanh nơi cõi Na-Lạc-Ca, nơi cõi hoàn toàn khổ như Bàng sanh, Ngạ quỷ nên biết cũng thế. Nếu là Xứ thọ nhận khổ vui xen lẫn, thì ba thứ sau, hiện hành cũng được thành.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi người thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Như sanh trong cõi người, sanh nơi cõi Trời cũng vậy.

Hỏi: Những người căn thiếu thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ năm, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Những người đủ căn thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Hỏi: Những kẻ Bán-trạch-thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ năm, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Người nữ thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hai mươi mốt căn.

Hỏi: Người nam thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng gồm hai mươi mốt căn.

Hỏi: Những kẻ hai hình thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Kẻ đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ tám, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Người không đoạn thiện căn, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Hỏi: Các phàm phu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Mười chín căn, trừ ba thứ sau.

Hỏi: Những người kiến đế thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hai mươi mốt căn.

Hỏi: Bậc Vô học thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Bậc Hướng quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn? Đáp: Gồm có hai mươi căn.

Hỏi: Quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng gồm có hai mươi căn.

Như quả Dự lưu, Hướng quả Nhất lai, quả Nhất lai, Hướng Quả Bất Hoàn nên biết cũng thế.

Hỏi: Quả Bất Hoàn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn. Như quả Bất Hoàn, Hướng A-la-hán cũng vậy.

Hỏi: Quả A-la-hán thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi Sắc, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười tám căn.

Hỏi: Sanh nơi cõi Vô sắc, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười một căn.

Hỏi: Nếu lúc ở cõi dục mất, sanh lại nơi cõi dục, nên nói là bỏ bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Lại căn cứ nơi Sắc căn có được mà nói. Hoặc bỏ các căn thiếu, được các căn thiếu. Hoặc bỏ các căn thiếu, được các căn đủ. Hoặc bỏ các căn đủ, được các căn thiếu. Hoặc bỏ các căn kém, được các căn kém. Hoặc bỏ các căn kém, được các căn hơn. Hoặc bỏ các căn hơn, được các căn kém. Hoặc bỏ các căn hơn, được các căn hơn. Bỏ được hơn kém của ý căn, Mạng căn nên biết cũng thế.

Nếu các Thọ căn hơn kém, được bỏ, theo chỗ thích hợp cũng vậy. Đây là căn cứ nơi Quả Dị thục nên có sai biệt. Nếu các thiện căn căn cứ nơi Quả Đẳng lưu, thì bỏ căn kém lùi về trước, được căn hơn tiến dần về sau, không phải do sanh nên bỏ hơn được kém, tức do phương tiện tà vạy ở sau mới có nghĩa ấy. Ba căn sau cùng, nơi tất cả phần vị cùng trái nhau với sanh, thế nên không nói.

Hỏi: Lúc từ cõi Dục mất, sanh nơi cõi Sắc, bỏ bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Nên bỏ tất cả nơi địa dưới, nên được tất cả địa trên. Như lúc ở nơi cõi dục mất, sanh nơi cõi Sắc, lúc từ cõi dục mất, sinh nơi cõi Vô sắc, lúc từ nơi cõi Sắc mất, sanh nơi cõi Vô sắc, nên biết cũng thế.

Ba căn sau cùng, do phương tiện chứng đắc quả Sa-môn mà được, không do mất, sanh. Do chỗ nhận giữ sức tu tập từ trước, nên quả Đẳng lưu sau chuyển thạnh mà sanh. Lại có thể làm duyên sanh quả Dị thục khiến chuyển sáng, thạnh. Trong ấy Tụng nêu:

"Nghĩa thật cùng có sắc
Thiện cùng với Dị thục
Hoặc giới hoặc các địa
Cùng tử sanh, được, bỏ".

Hỏi: Bao nhiêu căn do nghĩa của cảnh giới gọi là có nghĩa? Bao nhiêu căn không phải?

Đáp: Hai mươi mốt căn gọi là có nghĩa, một căn không.

Hỏi: Bao nhiêu căn ở nơi phi sắc theo nghĩa trợ bạn chuyển?

Đáp: Bảy sắc căn.

Hỏi: Bao nhiêu Sắc, phi Sắc làm trợ bạn?

Đáp: Số căn có nghĩa còn lại.

Hỏi: Năm Sắc căn là nghĩa gì?

Đáp: Năm thứ như Sắc v.v... đều là biệt cảnh.

Hỏi: Căn thứ sáu là nghĩa gì?

Đáp: Là tất cả pháp.

Hỏi: Nam căn, Nữ căn là nghĩa gì?

Đáp: Nhân nơi dục tương ưng, tức thuộc về Xúc.

Hỏi: Năm thọ căn là nghĩa gì?

Đáp: Tùy thuận nơi xứ Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, tức nghĩa của sáu căn.

Hỏi: Tín căn là nghĩa gì?

Đáp: Nên được nên bỏ đối với cảnh giới hiện có.

Hỏi: Tinh tấn căn là nghĩa gì?

Đáp: Tức đối với hai thứ hoặc được hoặc bỏ đều không lo sợ.

Hỏi: Niệm căn là nghĩa gì?

Đáp: Đối với Văn, Tư, Tu, nhớ giữ không quên.

Hỏi: Định căn là nghĩa gì?

Đáp: Là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Huệ căn là nghĩa gì?

Đáp: Là đối tượng được nhận biết chân thật.

Hỏi: Vị tri Dục tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Người tu hiện quán đế, từ pháp thiện dục trở đi, ở trong tất cả đạo phương tiện, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa nầy.

Hỏi: Dĩ tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Từ quả Dự Lưu cho đến định Kim Cang dụ, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa nầy.

Hỏi: Cụ tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Từ đạo Vô học thứ nhất, cho đến giới Niết bàn vô dư, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa nầy.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn có sắc, là nghĩa có sắc?

Đáp: Bảy thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ Vô sắc, là nghĩa có sắc Vô sắc?

Đáp: Trừ Mạng căn, là tất cả căn còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn, phi hữu sắc phi Vô sắc, là nghĩa phi hữu sắc phi Vô sắc?

Đáp: Tức mạng căn nầy là pháp giả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có kiến, là nghĩa có kiến?

Đáp: Tất cả không phải là có kiến. Một thứ có sắc, do có kiến là nghĩa và một phần của phi hữu sắc còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có đối, là nghĩa có đối?

Đáp: Bẩy thứ có sắc và một phần của không sắc không đối còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Hữu lậu, là nghĩa Hữu lậu?

Đáp: Chỉ bảy thứ. Trừ hai căn sau cùng và khổ căn, ưu căn, các

Hữu lậu Vô lậu, do là nghĩa Hữu lậu Vô lậu, nên biết là Khổ căn. Hữu lậu Vô lậu, do là nghĩa Hữu lậu, là Ưu căn. Hữu lậu, do là nghĩa Hữu lậu Vô lậu, là Vị tri Dục tri căn. Nếu xa quả Sa-môn, thuộc về Hành của thế gian là Hữu lậu. Nếu gần quả Sa-môn, thuộc về Hành xuất thế gian là Vô lậu.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn là Hữu vi, là nghĩa Hữu vi?

Đáp: Tất cả là Hữu vi, tám thứ là nghĩa Hữu vi. Các Hữu vi còn lại là nghĩa Vô vi.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Hữu tránh, là nghĩa Hữu tránh (có tranh chấp)?

Đáp: Như nói về Hữu lậu, nên biết ở đây cũng thế.

Như nói về Hữu tránh, nên biết Hữu ái vị, dựa nơi sự tham đắm, thế gian xuất thế gian v.v... cũng vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, là nghĩa quá khứ?

Đáp: Trừ Căn hữu sắc và Khổ căn, là một phần có nghĩa còn lại. Nếu căn hữu sắc và khổ căn ở nơi quá khứ, là nghĩa chẳng phải quá khứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, là nghĩa hiện tại?

Đáp: Tức như đã nói về một phần, nên biết ở đây, tại quá khứ do là nghĩa vị lai. Lại, tức ở đây nơi hiện tại do là nghĩa quá khứ, vị lai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là hiện tại, là nghĩa hiện tại?

Đáp: Tất cả căn có sắc và khổ căn, cùng một phần đã nói ở trước. Lại một phần nầy tại vị lai, do là nghĩa quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu các Sắc căn tại vị lai, là nghĩa chẳng phải vị lai. Khổ căn cũng thế.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ căn hệ thuộc cõi dục? Là nghĩa hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Có bốn. Hai thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, là nghĩa hệ thuộc cõi Dục. Ba thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, là nghĩa hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Hai thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc cùng không hệ thuộc, là nghĩa hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, cõi Vô sắc cùng không hệ thuộc. Bảy thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, cõi Vô sắc cùng không hệ thuộc, về nghĩa kia cũng thế. Một thứ hệ thuộc cõi Sắc cùng không hệ thuộc, là nghĩa tất cả hệ thuộc không hệ thuộc. Hai thứ không hệ thuộc tất cả hệ thuộc, là nghĩa không hệ thuộc.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là thiện, là nghĩa thiện?

Đáp: Tám thứ chỉ thiện, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Năm thứ là thiện bất thiện Vô ký, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Một thứ là thiện bất thiện, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Năm thứ là Vô ký, là nghĩa Vô ký. Hai thứ là Vô ký, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Học, là nghĩa Học, như thế v.v...?

Đáp: Chín thứ là Học, Vô học, phi Học phi Vô học, là nghĩa do ba thứ. Bảy thứ là phi Học phi Vô học, tức do đấy là nghĩa. Một thứ chung cho cả ba loại, là nghĩa phi Học phi Vô học. Một thứ là Học, phi Học phi Vô học, là nghĩa do ba loại. Hai thứ là Học, là nghĩa do ba loại. Một thứ là Vô học, là nghĩa do ba loại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ do Kiến đạo đoạn? Là nghĩa Kiến đạo đoạn như thế v.v...?

Đáp: Mười bốn thứ, một phần do Kiến đạo đoạn, một phần do Tu đạo đoạn. Mười hai thứ, một phần do Tu đạo đoạn, một phần không phải đoạn. Ở đây, các căn có sắc là nghĩa do Kiến đạo, Tu đạo đoạn. Các căn không sắc, là nghĩa của ba loại đoạn (Kiến đạo đoạn, Tu đạo đoạn, và Không đoạn)

Hỏi: Có bao nhiêu căn, nơi nghĩa xả bỏ, tạp nhiễm đã hiển bày?

Đáp: Trừ các thiện căn, do các thiện căn, nơi nghĩa xả bỏ, thanh tịnh đã hiển bày.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là nghĩa điên đảo?

Đáp: Trừ các thiện căn, là nghĩa của sáu căn hiện có.

Hỏi: Có bao nhiêu căn, là chỗ dựa của điên đảo?

Đáp: Là bảy sắc căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn, tự tánh là điên đảo?

Đáp: Là phần ít của sáu căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đối trị điên đảo?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn quán nghĩa lỗi lầm?

Đáp: Hoặc tám, hoặc năm, hoặc một.

Hỏi: Nếu các Hành kia cũng có bốn đức tương ưng có thể đạt được. Vì sao chỉ quán là lỗi lầm? Bốn Đức là gì?

1. Đức trụ vững chắc: Nghĩa là như một uẩn trụ, trải qua trăm năm nếu bị dứt bị ngăn, hoặc có khi vượt hơn.

2. Đức uy lực: Nghĩa là có thể sanh vui cùng hiện bày thanh tịnh.

3. Đức chuyển biến: Nghĩa là dẫn dắt, tu trị, thọ dụng, dứt bỏ, tự tại mà chuyển.

4. Đức đáng vui thích: Nghĩa là dựa nơi xứ kia, sanh khởi vô số thứ sáng rõ. Đó gọi là các Hành có bốn tướng đức.

Đáp: Tuy có, đối với các pháp kia của thế gian giữ lấy làm công đức, nhưng tất cả đều là chỗ gắn liền với những lỗi lầm.

Hỏi: Những gì gọi là các lỗi lầm?

Đáp: Tuy trụ nơi thời gian ít không phải là trọn vẹn, nên vô thường của Ái biến đổi hiện có thể đạt được. Vô thường của tử mất hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lìa đức thứ nhất.

Lại có thể phát sanh vô số khổ não hiện có thể đạt được, phát sanh vô số bất tịnh hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lìa đức thứ hai.

Lại, đối với già, bệnh, chết không thuận theo chỗ mong muốn, hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lìa đức thứ ba.

Lại, các thứ trùng ăn phân và heo, chó v.v... cũng rất ưa thích các thứ phân uế, bất tịnh hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lìa đức thứ tư. Do các Hành kia lìa các công đức, do đó tương ưng với tất cả lỗi lầm, nên phải quán chúng gồm đủ những lỗi lầm.

Hỏi: Xứ nương dựa của Nhãn căn là gì?

Đáp: Là xứ dựa thấy sắc.

Hỏi: Cho đến Ý căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Đều giữ lấy tự cảnh làm xứ nương dựa.

Hỏi: Hai căn nam nữ, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Xứ nương dựa là hành tập dục.

Hỏi: Xứ nương dựa của Mạng căn là gì?

Đáp: Là Hữu của thời trước cho đến Tử Hữu, là Xứ nương dựa.

Hỏi: Các Thọ căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Là nơi các cảnh giới vừa ý không vừa ý, hoặc yêu thích hoặc giận dữ làm Xứ nương dựa.

Hỏi: Tín căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Hướng nhập nơi pháp thiện là Xứ nương dựa.

Hỏi: Xứ nương dựa của Tinh tấn căn là gì?

Đáp: Đã nhập nơi pháp thiện, thường xuyên tu tập là Xứ nương dựa.

Hỏi: Xứ nương dựa của Niệm căn là gì?

Đáp: Chánh tri mà hành là Xứ nương dựa.

Hỏi: Định căn lấy gì làm Xứ nương dựa?

Đáp: Trí kiến thanh tịnh là Xứ nương dựa.

Hỏi: Huệ căn lấy gì làm Xứ nương dựa?

Đáp: Phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: Vị tri Dục tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, là chốn nương dựa.

Hỏi: Dĩ tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Cho đến Định Kim cang dụ, đã chứng đắc quả Sa-môn Vô học, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: Cụ tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Phiền não không gián đoạn đã hoàn toàn dứt trừ, tác chứng, chỗ dựa của hiện pháp lạc trụ đã vĩnh viễn vắng lặng, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: đức Thế Tôn đã dựa vào căn xứ nào để nói như vầy:

"Thân nầy có sắc thô, cặn hình thành, bốn đại tạo nên, từ chất bất tịnh của cha mẹ hòa hợp sinh ra, nhờ vô số thứ ăn uống để nuôi lớn, luôn nhờ sự che phủ, tắm rửa v.v... là pháp hủy hoại, tan diệt?"

Đáp: Dựa vào bảy sắc căn. Nên biết ở đây là lược nói về các căn có sắc của cõi dục. Câu đầu nói về cộng tướng của Thân kia. Câu thứ hai nói về tự tướng. Tiếp theo có ba câu, nói về tướng nhân, nghĩa là nhân nương dựa, nhân sanh khởi, nhân sanh rồi tăng trưởng. Tiếp đến có ba câu, nói về tướng chuyển biến kia, nghĩa là những tác động của lạnh, nóng, mệt mỏi. Sau có bốn câu nói về tướng biến hoại ấy. Tức hai câu đầu nói về những tác động bức bách tổn hại của cuộc sống. Hai câu sau nói về những tác động sau khi chết, hoặc do kẻ khác, hoặc tự nhiên nên biến hoại, phải biết.

Hỏi: đức Thế Tôn dựa vào căn xứ nào, để nói: "Đi xa, đi một mình, không thân, ngủ nghỉ nơi hang, hầm!".

Đáp: Dựa vào xứ của Ý căn. Do từ thời vô thủy của biên vực trước đã duyên khắp tất cả cảnh của đối tượng nhận thức, nên gọi là đi xa (Viễn

hành). Các tâm nối tiếp, mỗi mỗi chuyển biến, không có chủ tể, nên gọi là đi một mình (độc hành). Không sắc, không kiến, cũng không đối, gọi là không thân, nương dựa nơi Sắc nên gọi là ngủ nghỉ nơi hang, hầm.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói như vầy: "Do tám xứ sở nên người nam bị người nữ trói buộc. Nghĩa là ca múa, vui cười, liếc mắt, nhan sắc tươi đẹp, tiếp xúc khéo léo v.v..."

Đáp: Dựa vào hai căn Nam Nữ. Vào lúc dạo chơi, do bốn xứ trói buộc. Nơi lúc thọ dụng cũng do bốn xứ trói buộc.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói: "Chúng sanh sinh sống, trụ giữ an ổn"

Đáp: Dựa vào mạng căn mà nói. Có các hơi thở nên gọi là chúng sanh. Xét lường tương ưng nên gọi là sanh sống. Cùng với thứ khác mà ở nên gọi là trụ. Tăng thượng mà chuyển nên gọi là Giữ. Không có bệnh não hại nên gọi là an ổn.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói: "Thọ nhận bình đẳng chánh đáng thuộc về Thọ"

Đáp: Dựa vào Hỷ căn, Lạc căn. So sánh về tự tướng, cộng tướng của Thọ còn lại nơi tướng nương dựa được hiển bày. Như bình đẳng chánh đáng, không bình đẳng chánh đáng, phi bình đẳng chánh đáng, phi bất bình đẳng chánh đáng, như chỗ thích hợp, nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói: "Nơi trụ xứ của Như lai, căn tin tưởng thanh tịnh, sâu vững sinh khởi, kiến lập. Hết thảy thế gian, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên ma phạm không có ai như pháp có thể dẫn đến giải thoát!".

Đáp: Dựa vào Tín căn để nói. Ở đây là hiển bày nghĩa: Sự tin tưởng kia đối với Văn, Tư, Tu đạt thắng giải kiên cố. Lại, sự kiên cố nầy, tuy theo chỗ tin, hiểu, tạo phương tiện hiển bày, chỉ rõ. Nghĩa là bậc Chủ tịnh Trí sanh tối thắng hãy còn không thể làm động, huống chi là hạng bình thường. Lại, nghĩa kiên cố có sai biệt. Tức sự tin tưởng sâu vững, do pháp thiện của thế gian quyết định Thắng giải làm căn bản cho thắng giải xuất thế gian. Lại, do Thắng giải thanh tịnh xuất thế gian được kiến lập, nên biết câu đầu tiên là nêu dẫn, hai câu sau là giải thích.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói:

"Trụ có thể, có cần
Có dũng kiện, vững mạnh
Ở trong các pháp thiện
Thường không bỏ nẻo thiện".

Đáp: Dựa vào Tinh tấn căn mà nói. Căn tinh tấn nầy lược hiển bày về tướng sai biệt có năm:

1. Tinh tấn mặc áo giáp.
2. Tinh tấn phương tiện.
3. Tinh tấn không hạ.
4. Tinh tấn không động.
5. Tinh tấn không biết đủ.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa vào căn xứ nào để nói:

"Niệm cùng niệm theo niệm Niệm riêng, niệm không quên Tâm ghi rõ không mất

Pháp không quên, không mất."

Đáp: Dựa vào Niệm căn để nói. Nghĩa sai biệt ở đây như nơi Phần "Nhiếp dị môn" (Gồm thâu môn khác) đã nói nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa nơi căn xứ nào để nói:

"Khiến Tâm trụ cùng trụ An trụ và cận trụ

Điều (phục) tịch tĩnh, tịch chỉ Tánh một hướng đẳng trì".

Đáp: Dựa vào định căn để nói. Về nghĩa sai biệt ở đây, như nơi địa Thanh văn đã nói nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói:

"Lựa chọn pháp Lựa chọn kỹ
Tìm biết khắp Quán xét khắp."

Đáp: Là dựa vào Huệ căn để nói. Nghĩa sai biệt ở đây, cũng như nơi địa Thanh Văn đã nói nên biết.

Các thiện căn còn lại, thuộc về Tín v.v... về nghĩa sai biệt, hầu như không có.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Thân niệm trụ?

Đáp: Bảy căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Thọ niệm trụ?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Tâm niệm trụ?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Pháp niệm trụ?

Đáp: Tám căn sau cùng và Mạng căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng là chỗ dựa của Khổ đế?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng là chỗ dựa của Tập đế?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ dựa của Diệt đế?

Đáp: Hết thảy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ dựa của Đạo đế?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để tư duy về đối tượng được tư duy là thiện?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để thuyết giảng về đối tượng được thuyết giảng là thiện?

Đáp: Mười căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để tạo tác nơi đối tượng được tạo tác là thiện?

Đáp: Mười sáu căn.

Như vậy, tư duy về đối tượng được tư duy là Ác, thuyết giảng về đối tượng được thuyết giảng là Ác, tạo tác về đối tượng được tạo tác là Ác, như chỗ thích hợp, nên biết.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng, là chỗ dựa của Hoặc nghiệp?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để khởi phiền não, nghiệp?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để đoạn phiền não, nghiệp?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Do bao nhiêu căn nên nhận lãnh tất cả an lành hiện có của thế gian và xuất thế gian?

Đáp: Trừ hai căn.

Hỏi: Do bao nhiêu căn nên nhận lãnh tất cả an lành bị hủy hoại?

Đáp: Mười một căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn có thể dẫn khởi an lành hiện có?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Lại nữa, như đức Thế Tôn nói: Những người thọ nhận mong muốn, lược có năm loại tạo pháp an lành, đó là:

1. Nhẫn nhục.
2. Nhu hòa.
3. Quán người mà bỏ.
4. Hành hạnh hiền thiện.
5. Không phóng dật.

Thế nào là Nhẫn nhục? Nghĩa là do ba thứ hành tướng, nên biết:

1. Không phẫn nộ.
2. Không báo oán.
3. Không mang tâm Ác.

Nếu phân biệt riêng thì có mười thứ:

1. Nhẫn khi đã nhận oán hại.
2. Nhẫn đối với oán hại hiện tiền.
3. Nhẫn đối với oán hại lo sợ.
4. Nhẫn đối với oán ghét tạo ích lợi.
5. Nhẫn đối với sợ tổn hại bạn thân.
6. Nhẫn đối với tất cả tổn hại.
7. Nhẫn đối với tất cả nhân oán hại.
8. Nhẫn đối với oán hại thọ giáo.
9. Nhẫn đối với oán hại chọn sức.
10. Nhẫn đối với oán hại tự tánh.

Tất cả như thế nói chung gọi là Nhẫn chịu đối với điều trái, hại.

Thế nào là Nhu hoà? Nghĩa là tánh hiền thiện, do thân ngữ ý luôn che chở kẻ khác khiến không não hại. Nếu kẻ khác vốn có những hỷ lạc vô tội, chưa sanh thì khiến sanh, sanh rồi thì theo đấy mà giữ gìn giúp. Nếu là ưu khổ có tội, chưa sanh thì ngăn chận khiến không sanh, đã sanh thì tìm phương tiện khiến thoát khỏi. Ở đây, nhẫn nhục là chịu đựng sự trái, hại của kẻ khác, còn nhu hòa là đối với kẻ khác không tạo sự trái phạm, tổn hại.

Như thế gọi là sự sai biệt của hai thứ. Nên biết, quán người có hai lúc sai biệt:

1. Lúc thâu nhận.
2. Lúc xử trí.

Vào lúc thâu nhận, nên dùng năm tướng để quan sát kẻ ấy, sau đó mới thâu nhận:

1. Do thành thật quay về.

2. Do kỹ năng.

3. Do trí huệ.

4. Do hành tích.

5. Do khiêm tốn.

Khi xử trí, cũng dùng năm tướng để quán xét kẻ ấy, sau đấy mới xử trí:

1. Có thể hành xử nghiệp gây tạo, ở yên trong nghiệp gây tạo.

2. Có thể hành xử nghiệp tư duy, ở yên trong nghiệp tư duy.

3. Có thể hành xử nghiệp hòa hợp, ở yên trong nghiệp hòa hợp.

4. Có thể hành xử nghiệp bảo hộ thân mạng tài sản, ở yên trong nghiệp bảo hộ thân mạng tài sản.

5. Có thể hành xử nghiệp pháp, ở yên trong nghiệp pháp. Về xả bỏ, lược có năm thứ:

1. Do địa nên xả bỏ.

2. Do của cải nên xả bỏ.

3. Tùy chỗ thích ứng nên xả bỏ.

4. Do ăn uống nên xả bỏ.

5. Do tối thắng nên xả bỏ.

Ở đây, xả tướng, xả vật dụng gọi là Xả.

Hạnh hiền thiện: Là tánh đối với kẻ khác không hề chống trái, không hề lừa dối. Về không hề chống trái lại có năm loại:

1. Không chống trái vì điên đảo.

2. Không chống trái vì gượng tin theo.

3. Không chống trái vì thừa sự.

4. Không chống trái vì khế ước.

5. Không chống trái vì phương tiện khác.

Không phóng dật: Là tu tập các pháp thiện, ngăn giữ tâm bất thiện. Nhân quả cùng hệ thuộc, nên cùng ứng hợp là tướng kia. Nên biết, đây lại có năm loại:

1. Không phóng dật do cầu đạt của cải.

2. Không phóng dật do giữ gìn của cải.

3. Không phóng dật do bảo hộ thân.

4. Không phóng dật do bảo hộ danh tiếng.

5. Không phóng dật do hành pháp.

Như thế, tất cả gồm có năm Lực có thể sanh khởi an lành:

1. Lực của Thi-La (Giới) thiện.
2. Lực của bạn bè thiện.
3. Lực của tâm không gian lận.
4. Lực có thể tin tưởng thực sự.
5. Lực của pháp.

Nên biết, An lành cũng có năm thứ:

1. Nhiều người yêu thích.
2. Giàu sang tự tại.
3. Oán địch được hàng phục.
4. Tạo lợi ích làm chỗ dựa.
5. Đi đến các nẻo thiện.

Bốn thứ Lực trước có thể sanh khởi chung bốn thứ an lành. Một Lực thứ năm có thể sanh khởi an lành thứ năm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ chiêu cảm các nghiệp phiền não trước?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của Danh sắc?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của Xúc?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của sự thúc đẩy, gắng sức?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên ngăn giữ?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên điều phục khiến tịch tĩnh?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên khiến cho dừng lặng?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Hỏi: Có bao nhiêu căn tự tánh thuận hợp nơi tịch tĩnh dừng lặng, lại có thể điều phục khiến tịch tĩnh, dừng lặng?

Đáp: Tám căn.

Thế nào là xả các căn được xả bỏ? Nghĩa là các căn của Địa, Giới đồng phận diệt, căn khác sanh khởi.

Thế nào là các căn được lìa bỏ? Nghĩa là các căn của Địa, Giới không đồng phận diệt, các thứ khác sanh khởi.

Thế nào là các căn được đoạn trừ? Nghĩa là đoạn trừ tất cả phiền não đã trói buộc các căn kia.

Thế nào là các căn thối chuyển? Nghĩa là mọi thứ hoại mất hiện có hoặc định hoặc sanh của thế gian hưng thạnh.

Hỏi: Các căn của hàng Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát có những sai biệt gì?

Đáp: Nên biết những sai biệt ấy lược có năm loại:

1. Sai biệt về phẩm loại.
2. Sai biệt về nhận giữ.
3. Sai biệt về thâu phục.
4. Sai biệt về chánh hành.
5. Sai biệt về chứng đắc.

Sai biệt về Phẩm loại: Nghĩa là căn của các Bồ tát về tánh là phẩm thượng. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác là phẩm hạ phẩm trung.

Sai biệt về Nhận giữ: Tức căn của các Bồ tát đối với tất cả Minh xứ đều khéo léo nhận giữ. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác chỉ khéo léo nhận giữ một phần Minh xứ.

Sai biệt về thâu phục: Tức căn của các Bồ tát là đại bi rộng mở.

Căn của hàng Thanh văn, Duyên giác thì không như thế.

Sai biệt về Chánh hành: Căn của các Bồ tát là chánh hành của tự lợi, lợi tha hiện tiền. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác chỉ là tự lợi hiện tiền.

Sai biệt về chứng đắc: Căn của chư Bồ tát chứng đắc quả đại Bồ đề vô thượng. Các căn hiện có của hàng Thanh Văn, Độc giác chỉ chứng đắc hai quả Bồ đề hạ, trung.

Hỏi: Nếu Bổ-đặc-già-la dựa nơi Định Vị chí, tu hiện quán đế, lúc vị ấy đắc quả Tĩnh lự thứ nhất, khởi Hỷ căn hiện tiền hay là không khởi?

Đáp: Có trường hợp có thể khởi, có trường hợp không thể khởi. Nếu là Hữu tình có lợi căn, có rất nhiều sự hỗ trợ của gốc thiện,

thì vị ấy có thể hiện khởi. Trường hợp khác thì không.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhập Tĩnh lự thứ nhất?

Đáp: Tám căn. Một phần của ba căn sau có thể nhập, một phần thì

không. Như Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự thứ hai cũng thế. Tĩnh lự thứ ba cũng có tám căn có thể nhập. Nhưng Tĩnh lự thứ tư và các định Vô sắc thì chỉ có bảy căn có thể nhập. Ba căn sau, một phần có thể nhập, một phần không thể nhập.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả Dự lưu?

Đáp: Hoặc một, hoặc tám, hoặc hai, hoặc chín. Đạt được quả Nhất lai cũng vậy. Về Ưu căn, tuy là chỗ dựa của Đạo, nhưng không phải thuộc về đạo nên ở đây không chọn lấy. Hỷ căn không trụ vững nên ở đây cũng không chọn lấy. Nếu chọn lấy chung thì phải tăng về số lượng.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc mười một, hoặc hai. Về Ưu căn thì cũng như trước nên biết.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả A-la hán?

Đáp: Hoặc một, hoặc mười.

Như Kinh nói: "Đối với giải thoát trên mong, cầu, ưu thích."

Thế nào là mong? Nghĩa là người tu hành suy nghĩ: Xứ ấy, các bậc Thánh có thể an trụ đầy đủ.

Thế nào là cầu? Nghĩa là người tu hành khởi suy nghĩ: Ta đối với xứ ấy phải an trụ đầy đủ.

Thế nào là thích (lo lắng)? Nghĩa là đối với điều thấp kém không sanh biết đủ.

Thế nào là ưu (lo nghĩ)? Nghĩa là đối với nẻo vô thượng tâm sanh mến mộ.

Ở đây, quả Dự lưu, Nhất Lai, đối với tất cả các thứ vừa nêu đều đầy đủ, nên kiến lập Ưu căn. Còn quả Bất Hoàn, tuy có hai thứ đầu nhưng hai thứ còn lại thì không, nên không lập Ưu căn, vì chỉ là Dục của pháp thiện,

Hỏi: Từng có trường hợp dựa nơi Hỷ căn, có thể xả Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn chăng?

Đáp: Có, Nghĩa là nương dựa Hỷ căn xuất ly làm chỗ dựa nên xả chỗ dựa về tham đắm nơi ba căn.

Hỏi: Từng có trường hợp dựa nơi Ưu căn để xả Ưu căn chăng?

Đáp: Có. Tức nương nơi sự xuất ly làm chỗ dựa, nên xả phần dựa nơi tham đắm.

Hỏi: Từng có trường hợp nương dựa nơi Xả căn để xả Xả căn chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là nương nơi một tánh Xả làm chỗ dựa nên Xả, dựa

nơi Vô số tánh để Xả. Không chỗ dựa để xả làm chỗ dựa nên Xả, là dựa nơi một tánh để Xả,

Lúc được quả Dự lưu, Vị tri Dục tri căn cũng diệt, cũng Xả, không phải khởi mà bỏ, không phải đoạn, không phải thối chuyển.

Lúc đắc quả A-la-hán thì Dĩ tri căn, về lý nên biết cũng thế.

Hỏi: Bao nhiêu Bổ-đặc-già-la có Luyện căn?

Đáp: Là tất cả bậc Hữu học cùng Vô học. Năm căn thối chuyển, xét giữ, trụ nơi chủng tánh có thể đạt được, không phải là các độc giác, cũng không phải Bồ tát tánh lợi căn.

Hỏi: Nếu người Dự lưu, lúc tu luyện căn, đã được luyện căn, cũng chứng quả Nhất lai chăng?

Đáp: Cũng chứng.

Hỏi: Cũng chứng quả Bất Hoàn chăng?

Đáp: Không chứng. Vì đối trị khó được, chỗ ứng hợp được nghĩa là rất rộng lớn.

Hỏi: Nếu là người Bất Hoàn, lúc tu luyện căn, đã được luyện căn, cũng tinh tấn lìa Dục chăng?

Đáp: Cũng tinh tấn.

Hỏi: Cũng chứng quả A-la-hán chăng?

Đáp: Không chứng. Do nhân trước, nên chuyển căn trở về sau, tất cả đều chứng.

Hỏi: Vì sao chuyển căn?

Đáp: Do đối với sự thăng tiến còn mỏng, ít, không sanh biết đủ. Vì nhằm vun trồng khiến dẫn phát định lực thù thắng. Vì nhằm gieo trồng lực đa Văn. Vì nhằm vun trồng lực quán xét pháp nhẫn thâm diệu.

Hỏi: Các vị Bồ tát, đối với ba căn như Vị tri Dục tri v.v... làm sao kiến lập ba căn như Vị tri Dục tri v.v... làm sao kiến lập?

Đáp: Nơi địa Hành Thắng giải, kiến lập căn thứ nhất

Nơi địa Ý lạc tăng thượng thanh tịnh, kiến lập căn thứ hai. Nơi địa Như Lai, kiến lập căn thứ ba.

Hỏi: Do bao nhiêu thứ viên mãn gọi là Học viên mãn? Đáp: Do ba thứ viên mãn.

1. Căn viên mãn. Nghĩa là Lợi căn.

2. Định viên mãn. Nghĩa là tám định Giải thoát.

3. Quả viên mãn. Nghĩa là Quả Bất Hoàn. Nếu các bậc Vô học có

được hai thứ viên mãn: Một là căn Viên mãn, nghĩa là pháp Bất động.

Hai là định Viên mãn, như trước đã nói, nên biết tất cả bậc Vô học đều do Quả viên mãn, mới được gọi là Viên mãn.

Hỏi: Như nói các căn không điều phục, không giữ gìn, không hộ, không phòng, cũng không tu tập. Vậy những sai biệt về tên gọi ấy có nghĩa gì?

Đáp: Lược nêu, do bốn nhân duyên nên các căn gọi là không điều phục. Nghĩa là do Lực phân biệt, lựa chọn làm chỗ dựa, nên đối với các cảnh giới, nếu không nên buông thả các căn, thì liền khởi gia hạnh khiến không phóng dật. Nếu nên buông thả, liền khởi gia hạnh buông thả các căn kia, giúp cho các phiền não khiến không hiện khởi. Do Lực đối trị đoạn trừ làm chỗ dựa, tức đối với cảnh giới như trước đã nói, vì tánh không chấp trước, vì tánh đối với phiền não không còn hiện hành. Nếu không có bốn thứ ấy điều phục các căn, nên biết căn kia gọi là không điều phục.

Do không giữ gìn, nên không Hộ, nên không phòng, nên không tu tập. Nếu có bốn thứ ấy điều phục các căn, nên biết cùng với bốn thứ kia là trái nhau, gọi là điều phục, cho đến tu tập.

Thế nào là không điều phục, có thể dẫn đến các khổ? Nghĩa là có thể sinh khởi sáu thứ khổ:

1. Khổ sanh khởi do trụ nơi phiền não nhiễu loạn.
2. Khổ do bị kẻ khác ruồng bỏ, xua đuổi,
3. Khổ do bị kẻ khác che bai.
4. Khổ do hối hận sanh khởi.
5. Khổ do sanh đến nẻo Ác.
6. Các khổ như sanh v.v...

Nếu các căn được khéo điều phục, nên biết là cùng với đây trái nhau, đoạn dứt sáu thứ khổ, dẫn đến những an lạc.

Hỏi: Mười bốn thứ căn, nơi ba Tụ hữu tình, là mười bốn gồm thâu ba, hay ba gồm thâu mười bốn?

Đáp: Ba gồm thâu mười bốn, không phải là mười bốn gồm thâu ba.

Những gì là không gồm thâu? Nghĩa là phần ít của ngoại xứ. Ba Tụ hữu tình: là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Hỏi: Năm căn, ba Thọ, là năm gồm thâu ba, hay ba gồm thâu năm?

Đáp: Lại cùng gồm thâu lẫn nhau.

Hỏi: Năm căn, ba mươi bảy pháp phẩm Giác, là năm gồm thâu ba

mươi bảy, hay ba mươi bảy gồm thâu năm?

Đáp: Là ba gồm thâu năm, không phải năm gồm thâu ba. Không gồm thâu những gì? Là các căn Ý, Lạc, Hỷ, Xả.

Hỏi: Chín Biến tri, có bao nhiêu căn gồm thâu?

Đáp: Chín Biến tri nầy là đoạn Biến tri gồm thâu, không phải thuộc về Căn. Những gì là chín? Nghĩa là:

1. Cõi Dục trói buộc Khổ, Tập, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ nhất.

2. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc Khổ, Tập, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ hai.

3. Cõi Dục trói buộc diệt, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ ba.

4. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc diệt, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ tư.

5. Cõi Dục trói buộc đạo, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ năm.

6. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc đạo, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ sáu.

7. Kiết phần dưới được đoạn trừ là Biến tri thứ bảy.

8. Ái cõi Sắc dứt hết là Biến tri thứ tám.

9. Ái cõi Vô sắc dứt hết là Biến tri thứ chín.

Nên biết, Biến tri lược do hai duyên mà được kiến lập:

1. Đoạn trừ do thông đạt Đế.

2. Đoạn trừ do Vĩnh viễn vượt qua Giới.

Do tướng đồng phận, Giới không đồng phận và đồng phận nên lập hai Biến tri. Do Tướng không đồng phận, Giới không đồng phận và đồng phận nên lập bốn Biến tri.

Vĩnh viễn vượt qua Giới kém nên lập một Biến tri. Vĩnh viễn vượt qua Giới diệu, nên lập một Biến tri.

Hỏi: Các tướng tùy hảo, các pháp Phật bất cộng như Lực, Vô úy v.v... có bao nhiêu căn gồm thâu?

Đáp: Các tướng tùy hảo là thuộc về chỗ dựa của Thiệt căn và bốn căn. Bốn căn là: Thân căn, Nam căn, Nhãn căn và Thiệt căn.

Mười Lực của chư Phật, là thuộc về Huệ căn trong Thân Như Lai cùng Cụ tri căn. Bốn Vô sở úy là thuộc về năm căn. Như Vô sở úy, Bất hộ cũng thế. Ba thứ Niệm trụ không thuộc về căn, nhưng thuộc về không tham, không sân được dẫn từ sáu căn. Đại bi cũng thuộc về không sân không si,

được dẫn từ sáu căn, chẳng phải thuộc về căn. Pháp không quên mất, nên biết là như lực. Nhất Thiết chủng Diệu trí của Phật cũng vậy. Vĩnh viễn đoạn trừ tập khí không phải thuộc về căn, nhưng thuộc về phần phiền não được diệt trừ vĩnh viễn do sáu căn chứng đắc.

Hỏi: Các thứ thô trọng hiện có nơi phẩm phiền não, bậc A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn. Vậy lại có những thô trọng của phẩm nào, bậc A-la-hán chưa có thể đoạn, do đoạn trừ chúng nên gọi là Như lai đã đoạn trừ vĩnh viễn tập khí?

Đáp: Những thô trọng nơi phẩm Dị Thục, bậc A-la-hán chưa có thể đoạn, chỉ có Như lai mới gọi là đoạn trừ rốt ráo.

Hỏi: Như kinh nói: Có bốn thứ ăn đều có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Vậy thế nào là bốn thứ ăn? Thế nào là nuôi lớn đại chủng của các căn?

Đáp: Đoạn thực, Xúc thực, Ý Tư thực, Thức thực, do bốn thứ Ăn nầy đã nuôi lớn năm sắc căn và Ý căn cùng đại chủng hiện có là chỗ dựa của căn.

Hỏi: Thế nào là đoạn thực?

Đáp: Là cách ăn các thứ thức ăn nếu có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Cùng với đây trái nhau, nên biết không phải là ăn. Như đoạn thực, chẳng phải là ăn của các thứ ăn khác, nên biết cũng thế.

Hỏi: Vì sao đoạn thực có thể tạo nên việc ăn, cho đến Thức thực cũng vậy?

Đáp: Nếu các đoạn thực có thể gồm thâu, tạo lợi ích cho Thức, khiến Thức mạnh mẽ, do đấy nuôi lớn đại chủng của các căn cũng khiến cường thịnh. Xúc có thể thâu nhận hoặc Hỷ hoặc Lạc, hoặc một phần của Xả, do đấy, lại có thể gồm thâu tạo lợi ích cho các Thức. Vì gồm thâu tạo lợi ích, nên lại có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Ý tư vì nhằm chứng đắc tướng của cảnh giới khả ái, dựa nơi chánh phương tiện, khởi Hỷ căn nhiễm không nhiễm, hy vọng, duyên nơi cảnh của vị lai, gồm thâu tạo lợi ích cho Thức, do đấy nuôi lớn đại chủng của các căn. Như vậy, ba thứ Thực đã gồm thâu, tạo lợi ích cho Thức. Do Thể tăng thạnh, cùng duyên nơi đời hiện tại, vị lai, nên Thức lại nuôi lớn đại chủng của các căn, do đó lập bốn thứ ăn.

Hỏi: Thế nào là Thức cùng với Ý căn là ăn?

Đáp: Do ba thứ cung cấp, nắm giữ các thứ đã nhận giữ, nên có thể cùng với các phần cung cấp càng về sau làm nhân tăng thạnh, khiến chúng được sanh.

Hỏi: Vì sao các thứ phạm hạnh, đẳng chí nơi mộng khi ngủ đều có thể nuôi lớn đại chủng của các căn mà không lập là ăn?

Đáp: Có hai thứ nuôi lớn:

1. Nuôi lớn do thâu nhận nghĩa riêng.
2. Nuôi lớn khiến không tổn hại.

Các pháp như mộng khi ngủ v.v... đối với sự nuôi lớn sau tuy có thể nuôi lớn, nhưng đối với thứ trước thì không, thế nên không lập.

Hỏi: Vì sao Mạng căn có thể nhận giữ Thân mà không lập là ăn?

Đáp: Vì nếu lìa nơi việc ăn thì Mạng căn kia trọn không thể nuôi lớn thân.

Hỏi: Vì sao đoạn thực gọi là Thô?

Đáp: Vì đấy không phải là thức ăn của chư Thiên.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Là các thức ăn của chư Thiên. Do chư Thiên ăn xong tức ở trong thân liền tự tiêu hóa, không phải dần dần.

Hỏi: Vì sao Xúc thực, Ý tư thực, Thức thực gọi là Thô?

Đáp: Nếu ở tại cõi Dục.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Nếu ở tại cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình đã sanh?

Đáp: Nếu ở nơi hiện tại đã sanh, tăng trưởng.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình cầu Hữu?

Đáp: Nếu có mong cầu về các Hữu của vị lai.

Hỏi: Những gì gọi là Trụ?

Đáp: Nếu được nuôi lớn không tổn hại.

Hỏi: Những gì gọi là ăn?

Đáp: Nếu được thâu nhận, nuôi lớn.

Hỏi: Hữu tình đã sanh, vì sao do ăn mà được an trụ?

Đáp: Như trước đã nói, về lý nên biết.

Hỏi: Hữu tình cầu Hữu vì sao do ăn thâu nhận?

Đáp: Do ba môn, nên hai thứ tạp nhiễm tăng trưởng. Nghĩa là nghiệp, phiền não, là hai thứ tạp nhiễm dựa nơi Thức mà có. Do ba môn tạp nhiễm nuôi lớn Thức. Các hữu tình cầu Hữu, đối với sự sanh không gián đoạn thâu nhận Hữu khác.

Hỏi: Đoạn thực, vào lúc nào thì kiến lập làm "thực"?

Đáp: Vào lúc biến hoại, hoặc vào lúc thọ dụng thì kiến lập. Xúc thực do sự thâu nhận kia mới được tăng trưởng. Vì thế, đoạn thực thuộc về ba xứ, nghĩa là Hương, Vị, Xúc được kiến lập làm "Thực", không lập Sắc xứ, do Sắc xứ cần đến phần vị biến hoại như thế của vị chín muồi mới tổn giảm, tăng thêm.

Hoặc có vật của đoạn thực, vào lúc thọ dụng có tổn hại, vào lúc biến hoại mới có thể gồm thâu tạo lợi ích, như các thứ đắng, cay. Hoặc có vật của đoạn thực, vào lúc thọ dụng tạm làm việc gồm thâu tạo lợi ích, vào lúc biến hoại lại là tổn hại. Như có vật ngon ngọt không thích hợp, nên lúc biến hoại mới lập làm "thực", không phải lúc thọ dụng.

Hỏi: Ngoài ra, lại có rất nhiều pháp hành trụ nơi nhân có thể đạt được. Nghĩa là nghiệp đời trước sanh thần thông, nhân duyên hợp hội lìa chướng ngại, vì sao chỉ nói bốn thứ ấy là "Thực"?

Đáp: Do nhiều phần, do dễ nhận biết, đối với các niệm trụ dễ hướng nhập, nơi mỗi mỗi ngày dễ cung cấp nuôi dưỡng, nên chỉ bốn thứ nầy cần hiển bày làm "Thực".

Trong cõi Na-lạc-ca (địa ngục) không có đoạn thực. Chư Thiên nơi địa định cũng lại như thế. Các địa ngục phần nhiều do sự nhận giữ của nghiệp lực từ đời trước, nên được trụ lâu. Tuy có nhân duyên tổn hại nơi đại chủng của các căn rộng lớn, mà không thể chết, nhưng ở đấy cũng có các ngọn gió vi tế tùy nhập nơi phần thân, lấy đó làm thức ăn, khó có thể nhận biết rõ, vì thế không nên.

Hỏi: Các căn dựa nơi Thân chuyển, cũng dựa nơi cảnh giới cảnh giới chăng? Nếu như dựa nơi cảnh giới thì cũng dựa nơi thân chuyển chăng?

Đáp: Nếu căn dựa nơi cảnh giới, tất dựa nơi Thân mà chuyển. Hoặc có trường hợp dựa nơi thân chuyển mà không dựa nơi cảnh giới, nghĩa là các căn có Sắc là bỉ đồng phận, do các đại chủng làm chỗ dựa nên nói chúng dựa nơi thân.

Hỏi: Nếu các căn có chỗ dựa mà chuyển thì tất cả đều là một chỗ dựa chăng?

Đáp: Hoặc có một chỗ dựa, nghĩa là các căn có sắc là bỉ đồng phận. Hoặc có hai chỗ dựa, tức các căn có sắc là đồng phận. Hoặc có ba chỗ dựa, đó là Ý căn cùng các căn khác tại giới có sắc của tâm sở Vô sắc. Nếu ở nơi Vô sắc tức các căn ấy chỉ có hai chỗ dựa.

Hỏi: Các căn là khổ, tất cả khổ cùng hợp chăng? Nếu như khổ cùng hợp thì tất cả là khổ chăng?

Đáp: Hoặc các căn là khổ mà không phải cùng hợp với khổ, nghĩa là Lạc căn, Hỷ căn. Hoặc có các căn là khổ cũng cùng hợp với khổ, nghĩa là Khổ căn, Ưu căn. Hoặc có căn là khổ nhưng không phải là tướng Khổ, Lạc, nghĩa là Xả căn. Hoặc có căn không phải là khổ, cũng không phải là tướng khổ, nghĩa là ba căn sau, là đối trị khổ.

Hỏi: Các căn là thiện thì căn kia dẫn khởi lạc chăng? Nếu như căn dẫn khởi lạc thì căn ấy là thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn là thiện nhưng không dẫn khởi lạc. Nghĩa là Ưu căn, Khổ căn cùng kết hợp tu phạm hạnh. Các thiện căn kia ở trong hiện pháp không thể dẫn khởi lạc. Hoặc căn dẫn khởi lạc nhưng không phải là Thiện, nghĩa là các căn Vô ký và Bất thiện, ở trong hiện pháp có thể dẫn khởi lạc Vô ký và nhiễm ô. Hoặc căn là thiện, cũng có thể dẫn khởi lạc, nghĩa là Hỷ căn, Lạc căn cùng kết hợp tu các phạm hạnh. Các thiện căn hiện có, ở trong hiện pháp có thể dẫn khởi lạc. Nghĩa là các căn Vô ký và Bất thiện, ở trong hiện pháp có thể dẫn các khổ. Tụng nêu:

Nghĩa dựa xứ chứng đắc.
Thâu thực do các câu.

Lại nữa, thâu giữ đầy đủ tất cả nghĩa hành. Thâu giữ đầy đủ tất cả nghĩa hành, do đó là Uẩn. Lại có nghĩa khác: thường có thể tăng trưởng phiền não của các nghiệp. Thường có thể tăng trưởng phiền não của các nghiệp, vì thế gọi là Uẩn. Lại có nghĩa khác: Thường có sự tạo tác cùng mau chóng diệt hoại. Thường có sự tạo tác cùng mau chóng diệt hoại, thế nên gọi là Uẩn.

Phát khởi các pháp. Phát khởi các pháp, do đó gọi là Giới, là nghĩa dẫn dắt.

Có thể sinh khởi, có thể mở rộng các Tâm, Tâm sở. Có thể sinh khởi, có thể mở rộng các Tâm, Tâm sở. Vì vậy gọi là Xứ.

Do nhiều duyên nên mau chóng tập khởi hoại diệt. Do nhiều duyên nên mau chóng tập khởi, hoại diệt, thế nên gọi là Duyên khởi.

Cùng khởi nghĩa lý sâu xa. Cùng khởi nghĩa lý sâu xa, vì vậy gọi là Xứ. Nếu chẳng phải là nghĩa lý sâu xa thì gọi là Phi Xứ.

Đối với các sự như kiến v.v... tự tại tương ưng. Đối với các sự như kiến v.v... tự tại tương ưng, thế nên gọi là Căn.

Nên biết, Uẩn v.v... lược do sáu nhân mà được kiến lập, đó là:

1. Kiến lập về Thể của Thân.
2. Kiến lập nhân kia.

3. Kiến lập phương tiện chuyển kia.

4. Kiến lập phương tiện hơn kém đối với sự chuyển kia.

5. Kiến lập đối với sự thọ dụng tăng thượng kia.

Lại lược hiển bày sáu thứ thiện xảo, nên biết là loại trừ sáu thứ tà chấp. Những gì là sáu thứ tà chấp?

1. Tà chấp về chỗ nương dựa.

2. Tà chấp về nhân không bình đẳng như tự tánh tự tại v.v..

3. Tà chấp về khả năng duy trì nương dựa nơi Ngã.

4. Tà chấp về sanh tử kia lưu chuyển.

5. Tà chấp về phương tiện tịnh, bất tịnh.

6. Tà chấp về chủ tể thọ dụng cảnh giới yêu thích không yêu thích.

Hỏi: Quán xét bao nhiêu thắng lợi, kiến lập phân biệt, lựa chọn các pháp, tu tập thiện xảo?

Đáp: Lược có mười thứ. Nghĩa là nên nhận biết khắp về Thân kiến, khởi tưởng phân tích hợp nhất. Đối với Đế hiện có của pháp có nên trụ, nên thuận hợp, không phỉ báng. Tự không nghi hoặc, khéo đáp các câu hỏi của kẻ khác, chưa tin khiến tin, đã tin khiến tăng trưởng, cũng khiến Thánh giáo của Như lai trụ lâu ở đời. Lại nên ngộ nhập đạo lý duyên khởi. Có thể hiểu rõ tự tánh của Thích, Phạm Thế chủ cùng sĩ phu bình đẳng, không có người tạo tác, không có thật tánh. Lại khiến cho Huệ căn tăng trưởng rộng lớn. Đối với điều thiện, bất thiện nhận biết rõ đúng như thật, nói rộng cho đến Duyên sanh sai biệt. Lại, đối với pháp thiện, bất thiện, nói rộng cho đến Duyên sanh sai biệt. Phải khéo trụ niệm. Do có pháp tùy pháp hành, tức dùng trụ niệm làm chỗ nương dựa để kiến lập, sẽ chứng tánh một cảnh của Tâm thiện. Lại dùng tánh một cảnh của Tâm ấy làm chỗ dựa để kiến lập khiến Huệ căn Thánh sẽ được sanh khởi. Nương nơi Huệ căn Thánh, đoạn trừ vĩnh viễn mọi điên đảo, tùy chứng dứt hết các lậu. Do quán các thắng lợi như thế, nên kiến lập phân biệt, lựa chọn các pháp, tu tập thiện xảo.

Đã lược "quyết trạch" về địa ý, và địa Năm Thức Thân. Ở trong hai địa, văn nói về "Quyết trạch" khác không nhắc lại nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 58

Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ

Đoạn 1:

Như vậy là đã nói về sự quyết trạch của địa ý, địa Năm Thức Thân Tương ưng. Sự quyết trạch của ba địa có Tầm có Tứ, nay sẽ nói.

Hỏi: Do đâu Diệm-ma gọi là Pháp vương? Vì có thể tổn hại các chúng sanh hay vì có thể tạo lợi ích cho chúng sanh? Nếu do tổn hại chúng sanh nên gọi là Pháp vương thì không hợp đạo lý. Nếu do tạo lợi ích cho chúng sanh thì nay nên nói rõ tạo lợi ích như thế nào?

Đáp: Do có thể tạo lợi ích, không do tổn hại. Vì sao? Vì nếu các chúng sanh bị bắt đầu dẫn đến Vương sở, đều khiến họ nhớ nghĩ, bèn vì họ hiện ra thân tương tợ như họ, rồi bảo: "Các người tự mình tạo ra nghiệp nên phải thọ nhận quả nầy". Do nhân duyên ấy nên các chúng sanh kia đều tự nhận biết rõ về chỗ nghiệp đã tạo của chính mình nên trở lại tự thọ nhận quả. Tức đối với sứ giả của Diệm ma, nghiệp lực của chúng sanh sinh khởi tăng thượng, cũng như biến hóa không phải túc xứ của chúng sanh, không có tâm phản hại, không có tâm giận dữ, không mang lòng oán hận, do đấy nên chiêu cảm nơi cõi Na-lạc-ca, nghiệp mới lại không tích tập, nên nghiệp hết được thoát khỏi cõi Na-lạc-ca. Vì thế, Diệm ma do có thể tạo lợi ích cho các chúng sanh, nên gọi là Pháp vương.

Nếu các chúng sanh sanh nơi cõi Na-lạc-ca có thể nhớ lại thân mạng đời trước thì Pháp vương Diệm ma không phải dẫn dạy. Nếu có chúng sanh sanh vào cõi đấy rồi, không nhớ được thân mạng đời trước của mình thì Vương liền chỉ dạy. Lược có ba loại hữu tình sanh vào cõi Na-lạc-ca không nhớ lại "túc mạng" của mình:

1. Loại hết sức ngu si: Nghĩa là sanh nơi biên địa, không biết quán xét, tùy theo các thứ ác mà chuyển.

2. Loại hết sức phóng dật: Nghĩa là kẻ thọ dục, ở trong các dục tham đắm tăng thượng, không biết quán xét, theo các thứ ác chuyển.

3. Loại tà kiến hết mực: Nghĩa là loại tà kiến gây tạo mọi sự hủy

báng, không biết quán xét, theo các thứ ác chuyển.

Do các loại chúng sanh ấy không thể tự nhiên nhớ nghĩ, nên phải khiến họ nhớ nghĩ.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên nước của biển lớn mặn:

1. Chúng sanh sanh nơi ấy, phước được tăng thượng.

2. Một phần của chúng sanh nơi đất liền, không phải phước được tăng thượng. Vì sao? Vì do nước mặn, nên hàng phi nhân lội qua, sanh nơi đó vô lượng chúng sanh vi tế, không bị loại trừ.

Lại, trong biển lớn có vô số châu báu khác nhau có thể lấy được.

Do nước mặn nên chúng sanh ở đất liền, một phần khó được. Lại nữa, quyết trạch về phiền não tạp nhiễm, nay sẽ nói.

Như đã nói ở trước về nghĩa tạp nhiễm của phiền não. Nên biết, phiền não nầy do năm thứ tướng nên kiến lập có sai biệt. Những gì là năm?

1. Tự tánh.

2. Tự tánh sai biệt.

3. Nhiễm tịnh sai biệt.

4. Mê đoạn sai biệt.

5. Đối trị sai biệt.

Thế nào là Tự tánh? Lược có hai loại:

1. Phiền não kiến tánh.

2. Phiền não không kiến tánh.

Thế nào là tự tánh sai biệt? Lược có mười thứ. Phiền não kiến tánh có năm thứ sai biệt. Phiền não không kiến tánh cũng có năm thứ sai biệt. Năm thứ sai biệt của Phiền não kiến tánh là:

1. Tát-ca-da-kiến (Thân kiến).

2. Biên chấp kiến.

3. Tà kiến.

4. Kiến thủ.

5. Giới cấm thủ.

Năm thứ Phiền não không kiến tánh sai biệt: Tham, Sân, Mạn, Vô minh, Nghi.

Tát-ca-da-kiến: Nghĩa là đối với năm Thủ uẩn, tâm chấp tăng trưởng, thấy ngã, ngã sở, gọi là Tát-ca-da-kiến. Đây lại có hai loại: Một là Câu sanh.

Hai là Phân biệt khởi.

Câu sanh: là hết thảy hàng phàm phu ngu tối, cho đến cầm thú đều cùng hiện hành.

Phân biệt khởi: Nghĩa là sự lường tính, chấp trước phát khởi của các ngoại đạo v.v...

Biên chấp kiến: Nghĩa là sức tăng thượng của Tát-ca-da kiến đối với năm thủ uẩn, tâm chấp tăng trưởng, thấy ngã đoạn, thường, gọi là Biên chấp kiến.

Thường kiến thuộc về Biên chấp kiến: Nghĩa là trong sáu mươi hai thứ kiến Thú, là các loại thường luận hoàn toàn hoặc Thường luận một phần, xét đoán chấp trước về Biên vực trước cùng các thứ luận Hữu tưởng, luận Vô tưởng, luận Phi tưởng phi phi tưởng chấp về Biên vực sau.

Đoạn kiến thuộc về Biên chấp kiến: Nghĩa là luận bảy sự đoạn của các Sa-môn, Bà-la-môn.

Biên chấp kiến nầy chỉ có phân biệt khởi, không có Câu sanh, chỉ trừ trường hợp, tức nơi đời trước nầy trở đi, thường xuyên hành tập gắn liền với Biên chấp kiến v.v... Hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt, về tướng sai biệt, như nơi phần Bản địa đã phân biệt rộng.

Tà kiến: Nghĩa là tất cả kiến đảo đối với sự vật của đối tượng nhận thức đều chuyển theo điên đảo, đó gọi là Tà kiến. Nên biết Kiến nầy lược có hai thứ:

1. Tăng trưởng.
2. Tổn giảm.

Tát-ca-da-kiến, Biên chấp kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ, tất cả bốn thứ kiến nầy đều gọi là Tà kiến tăng trưởng. Hủy báng nhân, dụng, quả, phá hoại sự thật v.v..., tâm chấp tăng trưởng nơi hết thảy các kiến hiện có, đều gọi là tà kiến tổn giảm.

Cho không có bố thí, không có người nhận, cũng không có tế tự, đó gọi là hủy báng nhân. Cho không hành tốt, không có hành ác, đó gọi là hủy báng dụng. Cho không có quả và dị thục của các nghiệp thuộc hành tốt, hành ác, đó gọi là hủy báng quả. Cho không có cha mẹ, không có hữu tình hoá sanh, cũng không có A-la-hán chân thật ở thế gian, các Lậu đã vĩnh viễn dứt hết, cho đến nói rộng. Hết thảy các việc như thế gọi là hủy hoại sự thật.

Lại, Tà kiến nầy, tức các luận không nhân, các luận về biên vô biên, luận kiểu loạn bất tử chấp về biên vực trước, cùng các luận như Hiện pháp Niết bàn v.v... hiện có nơi các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, chấp về biên vực

sau. Nên biết, Tát-ca-da-kiến như thế được xem là căn bản. Sáu mươi hai kiến thuộc về ba kiến: Nghĩa là Thường kiến thuộc về các Biên chấp kiến. Đoạn kiến thuộc về các Biên chấp kiến và các Tà kiến.

Kiến thủ: Nghĩa là đối với sáu mươi hai thứ kiến thú, mỗi mỗi đều chấp riêng cho là tối thượng, thắng diệu, chấp giữ oai nghi, theo đấy khởi ngôn thuyết, chỉ có đế nầy là thật, còn các thứ khác đều là hư vọng, do kiến nầy nên có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh, đó gọi là Kiến thủ.

Giới cấm thủ: Là chỗ thọ trì thuận theo kiến thủ, là quyến thuộc là tùy pháp của kiến thủ. Hoặc giới hoặc cấm, ở trong các giới cấm được thọ trì, vọng chấp là tối thượng, là thắng diệu. Chấp giữ oai nghi, theo đấy khởi ngôn thuyết, chỉ có đế nầy là thật, ngoài ra đều là hư vọng. Do giới cấm nầy mới có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh. Đó gọi là Giới cấm thủ.

Tham: Nghĩa là có thể tham đắm, chấp trước, tâm sở là tánh. Đây lại có bốn thứ: Là chấp trước các kiến nơi dục, sắc, vô sắc.

Giận dữ: Nghĩa là có thể tổn hại, tâm sở là tánh. Đây lại có bốn thứ: Tức các giận dữ hiện có, đối với sự tổn hại mình, người, thấy nơi chốn của hữu tình khác, đối với nơi chốn được yêu thích thì không tạo lợi ích, đối với nơi chốn không yêu thích thì tạo lợi ích.

Mạn: Nghĩa là khiến tâm được đề cao, tâm sở là tánh. Đây lại có bốn thứ: Tức đối với các kiến, đối với các xứ hữu tình, đối với xứ thọ dụng dục, đối với các xứ của đời sau, dấy khởi.

Lại, mạn nầy lược có hai loại:

1. Mạn hoặc loạn.
2. Mạn không hoặc loạn.

Mạn đối với xứ hữu tình: Tức ba loại mạn như đã nói ở trước.

Mạn đối với xứ thọ dụng dục: Nghĩa là do hiện tại là giàu có, tộc họ lớn, đồ chúng đông nên tâm khởi cao ngạo.

Mạn đối với xứ của đời sau: Tức là do chấp ngã hiện có, chẳng có, nói rộng cho đến Ngã nên là phi tưởng phi phi tưởng v.v... Hoặc động chẳng động, hý luận tạo tác, trong các cõi yêu thích, hiện tiền chuyển, nên tâm bèn hiện bày cao ngạo.

Mạn không hoặc loạn: Nghĩa là đối với chỗ thấp kém, cho mình là hơn, đối với chỗ bằng cho là bằng, mà sanh kiêu mạn.

Mạn hoặc loạn: Nghĩa là sáu mạn còn lại. Lại do thọ dụng các thứ vật dụng của cải thua kém, tự cho là giàu vui, gọi là Mạn hoặc loạn.

Hoặc do thọ dụng các thứ vật dụng, của cải thắng diệu, tự cho là giàu vui, gọi là Mạn không hoặc loạn.

Lại, do hành tà, cho là hậu hữu thù thắng, gọi là Mạn hoặc loạn. Nếu do hành chánh, cho là hậu hữu thù thắng, gọi là Mạn không hoặc loạn.

Vô minh: Nghĩa là nơi đối tượng nhận thức cần giác ngộ chân thật thì bị che, ngăn, tâm sở là tánh. Đây lược có bốn thứ:

1. Ngu tối do không hiểu biết.
2. Ngu tối do phóng dật.
3. Ngu tối do nhiễm ô.
4. Ngu tối không nhiễm ô.

Nếu ở trong nghĩa của đối tượng nhận thức, không thấy nghe hiểu biết, là Vô trí hiện có, đó gọi là ngu tối do không hiểu biết.

Nếu ở trong nghĩa của đối tượng nhận thức có thấy nghe hiểu biết, nhưng vô trí hiện có lại tán loạn, mất niệm, đó gọi là ngu tối do phóng dật.

Nếu là Vô trí hiện có đối với tâm điên đảo, đó gọi là ngu tối do nhiễm ô. Nếu Vô trí hiện có, tâm không điên đảo, gọi là Ngu tối không nhiễm ô.

Lại, Vô minh nầy gồm có hai loại:

1. Vô minh tương ưng với phiền não.
2. Vô minh độc hành.

Không phải là không ngu si mà dấy khởi các Hoặc, thế nên các Hoặc khác như Tham v.v... tương ưng với Vô minh hiện có, gọi là Vô minh tương ưng với phiền não.

Nếu các phiền não như không tham v.v... vây buộc, chỉ ở trong cảnh của các đế như Khổ v.v... do lực của tác ý không như lý, nên các sĩ phu, Bổ-đặc-già-la huệ ngu độn không xét chọn, phân biệt đúng như thật về tánh của Tâm sở như ngăn che, trói buộc, tối tăm, đó gọi là Vô minh độc hành.

Nghi: Nghĩa là do dự về hai phần không quyết định, Tâm sở là tánh.

Nên biết Nghi nầy lược do năm tướng nên kiến lập có sai biệt:

Nghĩa là đối với nhân quả trong các Đế thật, đối với tác dụng của đời khác, tâm luôn mang do dự.

Như thế là đã nói về mười thứ phiền não, cũng duyên nơi sự việc chuyển cũng duyên nơi các phiền não. Nghĩa là mười phiền não nầy đều cũng với tất cả phiền não của tự địa lần lượt cùng duyên. Cũng duyên với các sự Hữu lậu của tự Địa. Phiền não của địa dưới có thể duyên với phiền não và sự việc của địa trên, không phải các Hoặc của địa trên có thể duyên

với phiền não và sự việc của địa dưới. Như vậy phiền não lần lượt cùng duyên với nhau, và Hoặc của địa dưới có thể duyên với địa trên.

Nơi xứ nầy, phần quyết trạch còn lại, Văn không hiện bày nữa. Lại nữa, Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) câu sanh chỉ là tánh vô ký,

luôn hiện hành, nên chẳng phải là xứ tổn não tự tha mạnh mẽ. Nếu phân biệt khởi Tát-ca-da-kiến, là do chấp chặt, nên cùng với trước trái nhau. Tại cõi Dục, nó chỉ là tánh bất thiện. Nếu ở địa trên, thì do lực của Xa-ma-tha chế giữ, nên phần nhiều là chỗ thâu nhận của pháp bạch tịnh, thành tánh vô ký. Do nhiễm ô nên thể là ẩn mất. Các phiền não còn lại, do đạo lý nầy, theo chỗ ứng hợp, nên biết.

Phiền não của cõi dục, làm nơi chốn an đủ cho các hành ác, nên phần nhiều là tánh bất thiện. Lại, những kẻ bất thiện, do đủ ba nhân duyên nên có thể đi đến nẻo ác, các thứ khác thì bất định. Những gì là ba nhân duyên? Nghĩa là hết sức hành tác phiền não ấy không gián đoạn, cho là công đức, không thấy lỗi lầm, không thấy tai họa của chúng, mặc tình dấy khởi, đó là nhân duyên thứ nhất. Dùng phiền não nầy làm chỗ nương dựa, do thân ngữ ý nơi các hành ác tạo tác và làm cho tăng trưởng, đó là nhân duyên thứ hai. Do phiền não nầy dứt bỏ phẩm thiện khác, trao cho phẩm bất thiện, là nhân duyên thứ ba, trừ chỗ đã tạo tác trước có thể dẫn đến nẻo ác, thuận với việc thọ nghiệp về sau.

Lại, mười phiền não nầy, bảy thứ là thuộc về địa ý, Tham, Giận, Vô minh cũng chung cho địa năm Thức Thân.

Lại, nơi cõi Dục, bốn kiến cùng Mạn là tương ưng với Hỷ, Xả. Tham thì tương ưng với Hỷ, Lạc, Xả. Giận tương ưng với Khổ, Ưu, Xả. Tà kiến thì tương ưng với Hỷ, Ưu, Xả. Nghi tương ưng với Ưu, Xả. Vô minh tương ưng với tất cả năm căn. Đây là căn cứ nơi đạo lý tương ưng phần nhiều, số còn lại vi tế, sâu xa, phần sau sẽ nói rộng.

Đối với các địa trên, tùy theo căn hiện có, tức cùng với phiền não của Địa ấy tương ưng.

Lại, mười phiền não nầy do kiến đạo đoạn, gọi là Vô sự, vì sự của đối tượng duyên kia không thành thật. Phiền não còn lại là có sự, nên trái với Vô sự.

Lại, Tham và Mạn duyên nơi sự hợp ý của một phần Hữu lậu sanh. Giận duyên nơi một phần không hợp ý sanh. Thế nên, ba phiền não nầy, một phần đã sanh gọi là Thủ, một phần phiền não còn lại duyên chung nơi hoặc Ái phi Ái trong ngoài, và cùng trái nhau với sự Hữu lậu sanh, do đó gọi chúng là Biến hành. Giữ lấy tất cả Sự, hoặc có tuỳ thuận với phiền não

như thế, phiền não cùng hành với phẩm loại phiền não, gọi là Tùy phiền não.

Thế nào gọi là Tùy phiền não? Lược do bốn tướng nên kiến lập sai biệt:

1. Chung nơi tất cả tâm bất thiện khởi.
2. Chung nơi tất cả tâm nhiễm ô khởi.
3. Đều riêng đối với Tâm bất thiện khởi.
4. Nơi tâm thiện, bất thiện, vô ký khởi.

Không phải tất cả xứ. Không phải tất cả thời. Nghĩa là Vô tàm (không Hổ) Vô quý (không Thẹn), gọi là chung nơi tất cả tâm bất thiện khởi. Các Tùy phiền não: Phóng dật, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi (Biếng nhác) tà Dục, Tà thắng giải, Tà niệm, Không chánh tri, mười tùy phiền não nầy, chung cho tất cả Tâm nhiễm ô khởi, là chung cho tất cả xứ thuộc về ba cõi.

Phẫn, Hận, Phú (che giấu) Não, Tật (Ganh ghét) Xan (Keo kiệt) Cuống (Dối trá) Siểm (Dua nịnh), Kiêu, Hại, mười thứ Tùy phiền não nầy đều khởi riêng với Tâm bất thiện. Nếu khi một thứ sanh tất không có loại thứ hai. Mười thứ như thế đều thuộc về cõi dục, trừ Siểm, Cuống, Kiêu. Do Cuống cùng với Siểm đến Tĩnh lự một mới dứt. Kiêu thì chung cho ba cõi. Thứ nầy cùng với hai thứ trước, tại địa trên chỉ là tánh Vô ký.

Tầm, Tứ, Ố tác, Thùy miên, bốn Tùy phiền não nầy, chung nơi tâm thiện, bất thiện, Vô ký khởi, không phải tất cả Xứ, không phải tất cả thời. Hoặc có Tầm cầu, Tứ xét rất lâu, nên khiến cho thân mỏi mệt, niệm mất, tâm cũng nhọc, tổn, thế nên Tầm, Tứ gọi là Tùy phiền não. Hai thứ nầy cho đến địa của Tĩnh lự một mới dứt.

Ố tác, thùy miên chỉ ở nơi cõi dục. Lại có các Tùy phiền não của địa định, nghĩa là Tầm, Tứ, Cuống, Siểm, Hôn trầm, Trạo cử, Kiêu, Phóng dật, Giải đãi v.v..., nơi địa Tĩnh lự một có bốn thứ đầu, số còn lại chung cho tất cả địa.

Hoặc trong Tạp sự, đức Thế Tôn đã nói về các Tùy phiền não, nói rộng cho đến sầu tham ưu khổ theo đấy nhiễu loạn, não hại. Và trong phần Nhiếp sự đã có phân biệt rộng. Hết thảy các thứ Tùy phiền não như thế, đều là trong bốn tướng sai biệt ấy, theo chỗ ứng hợp cùng thâu tóm, nên biết.

Lại nữa, các Tùy phiền não, nếu ở nơi cõi dục, lược nêu đối với mười hai xứ chuyển. Những gì là mười hai xứ? Đó là:

1. Xứ chấp trước nơi hành ác.
2. Xứ kiện tụng, tranh chấp.

3. Xứ hủy phạm Giới luật.

4. Xứ thọ học tùy chuyển không phải là pháp thiện nhân.

5. Xứ tà mạng.

6. Xứ tham đắm các dục.

7. Xứ như chỗ nghe pháp tâm thiện tư duy chắc thật.

8. Xứ ở chỗ nghĩ bàn, nội tâm lặng dừng theo phương tiện nắm giữ Tâm.

9. Xứ lần lượt thọ dụng của cải, giáo pháp.

10. Xứ trụ không lẫn lộn.

11. Xứ xa lìa ngọa cụ, phòng xá.

12. Xứ các thứ khổ được tích tập.

Mười hai xứ được dùng làm chỗ nương dựa. Như trước đã nói, Tham chấp cho đến các Tùy phiền não theo đấy nhiễu loạn, não hại v.v... sai biệt mà chuyển. Nghĩa là Tham chấp, giận dữ, ngu si dựa nơi xứ thứ nhất chuyển. Phẫn v.v... cho đến Siểm, dựa nơi xứ thứ hai chuyển. Vô tàm, Vô quý dựa nơi xứ thứ ba chuyển. Cuống v.v... cho đến mưu hại dựa vào xứ thứ tư chuyển. Kiểu trá v.v... cho đến Ố tác dựa nơi xứ thứ năm chuyển. Bất nhẫn, đam mê v.v... cho đến tham chấp không bình đẳng, dựa nơi xứ thứ sáu chuyển. Tát-ca-da-kiến, Hữu kiến, Vô hữu kiến, dựa vào xứ thứ bảy chuyển. Tham dục v.v... cho đến không tác ý dựa nơi xứ thứ tám chuyển. Luyến tiếc, vui thích triền miên dựa nơi xứ thứ chín chuyển. Tánh không ngay thẳng, tánh không nhu hòa, tánh không chuyển theo đồng phận, dựa nơi xứ thứ mười chuyển. Tầm Tứ dục cho đến Tầm Tứ hệ thuộc gia sanh, dựa nơi xứ thứ mười một chuyển. Sầu than v.v..., dựa nơi xứ thứ mười hai chuyển.

Lại nữa, năm kiến nầy, tánh là Huệ, nên cùng không tương ưng, vì tự tánh không tương ưng với tự tánh. Tham, Giận, Mạn, Nghi lại trái nhau, nên cùng không tương ưng. Tham nhiễm khiến Tâm thấp kém, kiêu mạn khiến tâm được đề cao, thế nên tham, mạn lại cùng tương ưng.

Lại nữa, như đã nói về các Tùy phiền não, nên biết chúng đều là phẩm loại phiền não. Vả như Phóng dật là phẩm loại của tất cả phiền não. Vì sao? Vì vào lúc nhiễm Ái thì sanh nhiều Phóng dật, cho đến lúc nghi cũng có Phóng dật.

Tham chấp, xan lận (Keo kiệt, tiếc rẻ) kiêu ngạo, trạo cử v.v... đều là phẩm loại của Tham, đều là đẳng lưu của Tham. Phẫn, Hận, Não, Tật, Hại, là phẩm loại của Giận, là đẳng lưu của Giận. Cuống, Siểm là phẩm loại của

Tà kiến, là đẳng lưu của Tà kiến. Phú là phẩm loại của Siểm, nên biết tức là đẳng lưu của phẩm loại kia. Các tùy phiền não còn lại, là phẩm loại của Si, là đẳng lưu của Si, chỉ trừ Tầm, Tứ. Nên biết Tầm, Tứ, Huệ Tư là tánh, cũng như các kiến. Nếu Huệ nương dựa nơi ý, ngôn mà sanh, thì nơi cảnh của đối tượng duyên lo sợ suy xét. Tuy Huệ là tánh nhưng gọi là Tầm Tứ, nơi các cảnh giới luôn vội vã suy cầu. Nương dựa nơi ý, ngôn, Huệ thô gọi là Tầm, tức đối với cảnh giới ấy không gắng dốc sức theo đấy cứu xét. Nương dựa nơi ý ngôn, Huệ vi tế gọi là Tứ. Đó gọi là kiến lập tự tánh sai biệt của Phiền não tạp nhiễm.

Thế nào là kiến lập nhiễm tịnh sai biệt của Phiền não tạp nhiễm? Nghĩa là như đã nói về hai Hoặc căn bản và tùy thuận, lược nêu do hai duyên nên cấu nhiễm não hại Hữu tình:

1. Do Triền.

2. Do Tùy miên.

Phiền não hiện hành, hiện khởi gọi là Triền. Tức chủng tử ấy chưa đoạn, chưa hại, gọi là Tùy miên, cũng gọi là thô trọng.

Lại, ở nơi vị "Không biết" gọi là Tùy miên. Nếu ở nơi vị "Biết" gọi là Triền. Nếu các Bổ-đặc-già-la đầy đủ trói buộc, sanh tại cõi dục thì gây tạo tùy miên của phiền não nơi ba cõi. Nếu các phàm phu sanh nơi cõi Sắc hiện có, thì gây tạo tùy miên của phiền não nơi cõi dục, đã bị Xa-ma-tha tổn phục, gây tạo tùy miên của phiền não nơi cõi Sắc và Vô sắc chưa bị tổn phục.

Nếu các phàm phu hiện có sanh nơi cõi Vô sắc, thì gây tạo nên tùy miên của phiền não thuộc cõi dục và cõi sắc đã bị Xa-ma-tha tổn phục, gây tạo nên tùy miên của phiền não thuộc cõi Vô sắc chưa bị tổn phục. Như đạo lý của cõi, thì tùy theo địa cũng thế.

Các phiền não triền chưa lìa phiền não dục của tự địa thì hiện khởi nơi tự địa. Nếu đã lìa dục tức không hiện khởi. Nếu tại địa dưới thì cũng có thể gây tạo các Triền của địa trên, không phải ở nơi địa trên, có thể nói là gây tạo các Triền của địa dưới.

Hỏi: Bổ-đặc-già-la có đủ tất cả trói buộc, các phiền não triền khởi diệt chưa xả, là các phiền não hệ thuộc sự nào? Quá khứ chăng? Vị lai chăng? Hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ đã hệ thuộc nên không gọi là Hệ thuộc. Chỉ ở nơi hiện tại, do tùy miên của chủng loại phiền não nầy, nên gọi là Hệ thuộc. Nếu các phiền não đang khởi hiện tiền, cũng do Triền v.v... nên gọi là hệ thuộc. Nơi đời vị lai, tùy miên và Triền do sẽ hệ thuộc nên cũng không gọi là Hệ thuộc.

Như chủng loại nầy, nên biết các phiền não khác cũng thế. Như người gồm đủ trói buộc, thì người không gồm đủ trói buộc, cũng lại như vậy. Có sai biệt: Các phiền não còn lại gọi là hệ thuộc.

Hỏi: Các người tu hành, hàng phục các phiền não triền thì phải hàng phục như thế nào?

Đáp: Do tu ba thứ lực đối trị, nên hàng phục các phiền não Triền:

1. Nhận biết rõ những lỗi lầm tai họa nơi tự tánh của phiền não.
2. Tư duy đối trị cảnh tướng của đối tượng duyên.
3. Dùng phẩm thiện thù thắng làm thấm nhuần Tâm luôn nối tiếp.

Nên biết, đây là chánh kiến đoạn trừ vĩnh viễn nẻo đường đi trước.

Hỏi: Những người tu hành, lúc đoạn các phiền não, là xả bỏ Triền chăng, là xả bỏ tùy miên chăng? Do đoạn cái gì nên gọi là đoạn?

Đáp: Chỉ xả bỏ Tùy miên do phiền não Triền trước đã xả bỏ rồi. Do đoạn Tùy miên nên gọi là đoạn. Vì sao? Vì tuy Triền đã đoạn, nhưng chưa đoạn tùy miên, thì các phiền não Triền thường lại hiện khởi. Nếu Tùy miên được đoạn, thì Triền cùng với Tùy miên rốt ráo không khởi.

Hỏi: Là đoạn quá khứ, là đoạn vị lai hay là đoạn hiện tại?

Đáp: Không phải là đoạn quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng nói đoạn ba đời. Vì sao? Vì nếu tại quá khứ, Tâm có tùy miên thì tự nhiên diệt, nên tánh ấy đã đoạn. Lại đoạn nơi đâu? Nếu tại vị lai, tâm có tùy miên, vì tánh chưa sanh nên Thể đã là không, tánh đâu để đoạn? Nếu tại hiện tại, Tâm có tùy miên, thì tánh sau của sát-na nầy tất không dừng, lại làm sao đoạn?

Lại có tùy miên lìa tâm tùy miên, hai thứ không hòa hợp, thế nên hiện tại cũng không chỗ đoạn. Nhưng từ nơi ý kẻ khác, bên trong tác ý đúng đắn nơi hai nhân duyên, nên tương ưng với chánh kiến, theo đối tượng được đối trị là Hoặc, chủ thể đối trị là Tâm sanh. Các tùy miên được Tâm đối trị diệt. Tâm nầy lúc sanh, Tâm kia lúc diệt luôn bình đẳng, bình đẳng. Đạo lý đối trị sanh diệt, nên biết. Tâm tương ưng với chánh kiến là chủ thể đối trị, đối với đời hiện tại không có Tùy miên. Đối với đời quá khứ cũng không có Tùy miên. Sau sát na nầy, Tâm lìa tùy miên. Tại đời vị lai cũng không có Tùy miên. Từ đây trở về sau, ở trong sự nối tiếp của thân đã đoạn tùy miên, đã chuyển y, tâm thiện, vô ký thuộc về thế gian hậu đắc hiện có, nơi phần vị quá khứ vị lai hiện tại đều lìa tùy miên, do đó ba đời đều được nói là đoạn. Đó gọi là nhiễm tịnh sai biệt của phiền não tạp nhiễm.

Thế nào là kiến lập mê đoạn sai biệt của Phiền não tạp nhiễm?

Nên biết lược nói có mười lăm thứ, Nghĩa là:

Các lậu thuộc cõi dục do kiến khổ. Tập diệt đạo đế đoạn trừ và tu đạo đoạn trừ, có năm.

Như hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc, vô sắc, mỗi cõi đều có năm cũng vậy.

Nơi cõi dục, mê chấp nơi khổ có mười phiền não, mê chấp nơi tập có tám, trừ Tát-ca-da-kiến và Biên chấp kiến. Như mê chấp nơi đế, Diệt, đạo cũng thế. Các đế nơi cõi trên đều trừ giận dữ, tùy thứ lớp mê chấp, như nói về cõi dục.

Thế nào là mê chấp nơi khổ có mười Tùy miên? Lược nêu năm Thủ uẩn gọi chung là khổ. Hạng ngu tối, ở trong năm Thủ uẩn nầy, khởi hai mươi câu Tát-ca-da-kiến. Năm câu "kiến Ngã", phần còn lại là "kiến Ngã sở". Đó gọi là Tát-ca-da-kiến mê chấp nơi Khổ.

Tức dùng, Tát ca da kiến như thế làm chỗ nương dựa, đối với năm Thủ uẩn, "kiến Ngã" là đoạn kiến, nên Biên chấp kiến cũng mê chấp nơi Khổ.

Lại, các Tà kiến, nghĩa là cho không có bố thí v.v... cho đến quả và dị thục nơi nghiệp của hành tốt hành ác, là mê chấp nơi Khổ đế. Lại có Tà kiến bác bỏ, cho không có cha mẹ, Hữu tình hóa sanh, tà kiến như thế một phần là mê chấp nơi Khổ, một phần là mê chấp nơi Tập.

Lại, các ngoại đạo phỉ báng Khổ đế, khởi đại tà kiến, cho Sa môn chủng tánh Kiều-đáp-ma, vì các đệ tử nên thiết lập Khổ đế, chứ điều ấy nhất định không có. Tà kiến như vậy cũng là mê chấp nơi Khổ đế.

Lại có các kiến vọng chấp Tự tại, Thế chủ Thích, Phạm cùng vật loại khác là thường, là hằng, không có biến dịch. Tà kiến như vậy, cũng là mê chấp nơi Khổ đế.

Lại có các kiến chấp về biên, vô biên, như thế cũng gọi là Tà kiến mê chấp nơi Khổ.

Lại có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn hành tà kiến "kiểu loạn không chết", một phần cũng là mê chấp nơi Khổ đế.

Hoặc có Kiến thủ vọng chấp giữ, mê nơi khổ, cho các kiến hiện có là bậc nhất, nghĩa là có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh. Như thế gọi là Kiến thủ mê chấp nơi Khổ.

Hoặc có vọng chấp giữ thuận theo kiến ấy, kiến nầy theo pháp nhận lấy giới cấm, cho là bậc nhất, vì có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh. Giới cấm thủ nầy là mê chấp nơi Khổ đế.

Hoặc có ngoại đạo đối với các kiến nầy không nhất định tin nhận,

cũng không hoàn toàn phỉ báng chỗ lập Khổ đế của Như Lai, chỉ ở nơi Khổ đế tâm mang do dự. Đây cùng với số còn lại đối với khổ do dự, là Nghi mê chấp nơi Khổ.

Nếu đối với chỗ dấy khởi kiến của chính mình như thế, Kiến tham yêu quý chấp chặt như vậy, là Tham mê chấp nơi Khổ.

Nếu đối với chỗ dấy khởi kiến của kẻ khác, thuộc phần khác, tâm nghĩ về sự trái, hại, là giận mê chấp nơi Khổ.

Nếu dựa cậy vào kiến ấy, tâm sanh cao ngạo, là Mạn mê chấp nơi Khổ. Hoặc có kẻ vô trí cùng các kiến ấy tương ưng với những thứ phiền não như nghi, tham v.v..., hoặc chỉ đối với khổ vô trí độc hành, như vậy đều gọi là vô minh mê chấp nơi Khổ.

Mười phiền não nầy đều mê chấp nơi Khổ đế, do kiến Khổ đoạn trừ.

Thế nào là mê chấp nơi Tập đế có tám Tùy miên?

Nghĩa là, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn theo tà kiến hủy báng về

Nhân. Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn cho Trời Tự Tại v.v... là bậc sanh ra, hoá ra, tạo ra tất cả vật v.v... đây là tà kiến hiện có của Luật nhân ác.

Lại có Tà kiến cho không có bố thí, người nhận, cũng không có cúng tế, không có hành diệu cũng không có hành ác. Lại có Tà kiến thuộc "Kiểu loạn không chết", các Sa-môn hoặc Bà-la-môn ngoại đạo đã dấy khởi một phần. Lại có Tà kiến phỉ báng Tập-đế, nghĩa là các ngoại đạo chấp như vầy: Như Sa-môn thuộc chủng tộc Kiều-đáp-ma kia vì các đệ tử nên giảng nói về Tập đế, điều ấy nhất định không có. Các kiến như thế là dấy khởi Tà kiến mê chấp nơi Tập đế.

Hoặc có Kiến thủ chấp giữ các kiến kia cho là bậc nhất, có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh, là dấy khởi kiến thủ mê chấp nơi Tập đế.

Hoặc đối với kiến nầy, tùy thuận các pháp nhận lấy Giới cấm thủ cho là bậc nhất, có thể đạt giải thoát thanh tịnh, nói rộng như trước, đó là Giới cấm thủ mê chấp nơi Tập đế.

Các thứ còn lại như Nghi, Tham v.v... như trước nên biết. Tám thứ Tùy miên của phiền não như thế là mê chấp nơi Tập đế, do kiến lập đoạn trừ.

- Thế nào là mê chấp nơi Diệt đế có tám Tùy miên?

Nghĩa là các Sa môn hoặc Bà la môn chấp về biên, vô biên, có một phần của các kiến "Kiểu loạn không chết". Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn

theo tà kiến hiện có của Luận giả "Niết bàn hiện pháp". Lại có Tà kiến bài bác cho không có A-la-hán chân thật ở thế gian, cho đến nói rộng: A-la-hán kia hiển bày hai đức: là Đoạn và Trí. Ở đây chỉ giữ lấy Tà kiến hủy báng về Đoạn.

Lại có Tà kiến phỉ báng về Diệt đế, nghĩa là các ngoại đạo, nói rộng như trước. Lại có tà kiến hiện có chấp chặt nơi các thứ giải thoát sai lạc. Các kiến như vậy là Tà kiến dấy khởi mê chấp nơi Diệt đế. Hoặc có kiến thủ chấp giữ các kiến kia cho là bậc nhất, nói rộng như trước. Đó là kiến thủ dấy khởi mê chấp nơi Diệt đế.

Hoặc đối với kiến kia, thuận theo các pháp thọ nhận Giới cấm, chấp là bậc nhất, nói rộng như trước, là Giới cấm thủ mê chấp nơi Diệt đế.

Các thứ còn lại như Tham v.v..., nên biết giống như trước, chỉ trừ giận dữ. Nghĩa là đối với Diệt đế khởi tâm sợ hãi, khởi tâm tổn hại, khởi tâm giận phiền. Như thế là giận dữ mê chấp nơi Diệt đế. Những thứ còn lại như trước đã nói.

Tám thứ Tùy miên của phiền não như thế, là mê chấp nơi Diệt đế, do Kiến diệt đoạn trừ.

- Thế nào là mê chấp nơi đạo đế có tám Tùy miên?

Nghĩa là tà kiến bài bác cho không có A-la-hán chân thật của thế gian, cho đến nói rộng. Ở đây, những hủy báng hiện có. Nhất thiết trí là đứng đầu, dẫn dắt, là hữu vi vô lậu. Nên biết kiến nầy là Tà kiến dấy khởi mê chấp nơi đạo đế.

Lại, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn có một phần của tà kiến "Kiểu loạn bất tử", cũng là mê chấp nơi đạo đế.

Lại, các ngoại đạo theo tà kiến phỉ báng về đạo đế, họ cho Sa môn thuộc tộc Kiều-đáp-ma, vì các đệ tử nên giảng nói về đạo xuất ly, thật sự là không có xuất ly, do đấy không thể lìa thoát hết các khổ. Đức Phật đã thiết lập kiến giải Vô ngã cùng chỗ thọ trì Giới cấm theo pháp, là đạo tà ác, không phải là đạo chánh diệu. Như vậy cũng gọi là Tà kiến mê chấp nơi đạo đế.

Lại, các ngoại đạo kia chấp như vầy: Chỗ hành của chúng ta hoặc hành hoặc đạo, là hành đạo chân thật, có thể dứt hết, có thể ra khỏi tất cả các khổ. Như thế cũng gọi là Tà kiến mê chấp nơi đạo đế. Hoặc có kiến thủ chấp giữ Tà kiến kia cho là bậc nhất, có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh. Như thế gọi là Kiến thủ mê chấp nơi đạo đế.

Hoặc nơi kiến kia, thuận theo các pháp thọ nhận Giới cấm, chấp giữ cho là bậc nhất, có thể đạt được xuất ly, giải thoát thanh tịnh. Đó gọi là

Giới cấm thủ mê chấp nơi đạo đế.

Các phiền não còn lại như Tham v.v... mê chấp nơi đạo đế, cũng như mê chấp nơi Diệt đế nên biết.

Tám thứ Tùy miên của phiền não như thế là mê chấp nơi đạo đế, do kiến đạo đoạn trừ.

Như thế là đã nói Kiến đạo đoạn trừ các Lậu.

- Thế nào là Tu đạo đoạn trừ các Lậu? Nghĩa là Giận dữ của cõi Dục, ba thứ Tham, Mạn, Vô minh, do Hành giả trong thời gian dài tu tập chánh đạo, mới có thể đoạn trừ được. Thế nên gọi là do Tu đạo đoạn trừ.

Lại, các phiền não kia, nơi các cõi, các địa đều có ba phẩm là hạ, trung, thượng, nên đạo có thể đoạn trừ cũng có ba phẩm. Đạo của phẩm hạ có thể đoạn trừ các Lậu phẩm thượng do tu đạo đoạn, trung có thể đoạn trung, đạo của phẩm thượng đoạn trừ các Lậu phẩm hạ.

Lại, các Lậu do Tu đạo đoạn trừ kia, đối với sự hữu lậu tự nhiên mà chuyển, trải qua thời gian dài, bền chắc, nên đối với sự bị mê lầm của chính mình khó có thể giải thoát. Đó gọi là kiến lập mê đoạn sai biệt của Phiền não tạp nhiễm.

Lại nữa, tức như đã nói về các phiền não Lậu do kiến đạo, Tu đạo đoạn trừ, nên biết lược có năm thứ đối tượng duyên:

1. Duyên nơi cảnh của sự do phân biệt tà vạy dấy khởi.
2. Duyên nơi cảnh của Kiến.
3. Duyên nơi cảnh của Giới cấm.
4. Duyên nơi cảnh của tên gọi do tự phân biệt dấy khởi.
5. Duyên nơi cảnh của sự bền chắc tự nhiên.

Ở đây, nếu duyên nơi các Lậu hiện có thuộc cảnh sự của Khổ, Tập, là duyên nơi cảnh sự do phân biệt tà vạy dấy khởi. Các Lậu như Kiến thủ, Tham v.v... do kiến đạo đoạn, trừ nghi, là duyên nơi cảnh của Kiến. Giới cấm thủ là duyên nơi cảnh của Giới cấm. Duyên nơi cảnh của Diệt, đạo, cùng duyên nơi cảnh của cõi không đồng phận. Các Lậu còn lại là duyên nơi cảnh của tên gọi do tự phân biệt dấy khởi. Vì sao? Vì không phải phiền não nầy có thể duyên nơi Diệt, đạo, cũng không thể duyên nơi cõi không đồng phận, cũng không phải là không đối tượng duyên.

Các Lậu do tu đạo đoạn là duyên nơi cảnh của sự bền chắc tự nhiên.

Thế nào là kiến lập đối trị sai biệt của Phiền não tạp nhiễm?

Nghĩa là lược có bốn loại:

1. Đối trị do thành thục nối tiếp.

2. Đối trị do đoạn gần.

3. Đối trị do đoạn một phần.

4. Đối trị do đoạn đủ phần.

Như nơi địa Thanh văn đã nói đủ: mười ba thứ đạo Tư lương gọi là đối trị do thành thục nối tiếp. Thiện căn của phần Quyết trạch là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp, gọi là đối trị do đoạn gần.

Kiến đạo gọi là đối trị do đoạn một phần. Tu đạo gọi là đối trị do đoạn đủ phần.

Hỏi: Thánh giả lên bậc Kiến đạo, Trí hành có tướng gì, do bao nhiêu Tâm nên Kiến đạo rốt ráo? Làm thế nào để xả bỏ hoặc do kiến đạo đoạn? Là tức thì hay dần dần?

Đáp: Thánh giả lên bậc Kiến đạo, trí hành hiện có xa lìa các tướng. Bấy giờ Thánh Trí tuy duyên nơi khổ, nhưng đối với sự khổ không khởi phân biệt, cho đấy là khổ, giữ lấy tướng mà chuyển. Như đối với Khổ đế, đối với Tập diệt đạo đế cũng lại như vậy.

Lúc nầy, tức ở trong Trí thế tục đã quán về đế từ trước, hết thảy tướng của Tưởng đều được giải thoát. Trí dứt tuyệt Hý luận, chỉ ở nơi nghĩa duyên nơi Lý chân như, lìa Tướng mà chuyển. Vào lúc đó, Trí hành là như thế.

Kiến lập kiến đạo, do hai đạo lý:

1. Đạo lý lưu truyền rộng Thánh giáo, kiến lập có Hý luận.

2. Đạo lý nội chứng thắng nghĩa, kiến lập lìa Hý luận.

Dựa nơi Lực tăng thượng của sự kiến lập thứ nhất, nên nói Phẩm Pháp Trí có bốn thứ Tâm, Phẩm Chủng loại Trí cũng có bốn Tâm, theo thời gian từng ấy, tám thứ Tâm chuyển. Tức từng ấy thời gian, gọi chung là một Vô gián, đã nhập nơi thuần Xa-ma-tha, Tâm được hiển bày. Như thế gọi chung có chín thứ Tâm kiến đạo rốt ráo. Theo từng ấy thời gian, như chỗ thiết lập tướng của Khổ đế, phân biệt trọn vẹn. Tức từng ấy thời gian gọi là một Tâm. Do sức tăng thượng của sự kiến lập thứ hai, nên nói có một Tâm. Tức chỉ dựa nơi một Trí chứng chân như tương ưng với loại Tâm kiến đạo rốt ráo. Ở đây cũng có đạo Xa-ma-tha như trước nên biết.

Lại lập hai phần Tùy miên phiền não do kiến đạo đoạn:

1. Gắn liền với Sắc thanh tịnh.

2. Gắn liền với Tâm, Tâm sở.

Do trong kiến đạo, chỉ, Quán cùng vận hành, nên đệ tử Thánh cùng thời có thể xả bỏ tùy miên đã đoạn của hai đạo Chỉ, Quán. Đạo thứ nhất do Quán đoạn. Đạo thứ hai do Chỉ đoạn. Thế nên Kiến đạo được gọi là rốt ráo.

Nếu nói các Trí thuộc về phẩm Quán, với các tùy miên luôn theo đuổi sanh khởi do kiến đạo đoạn, thì lẽ ra không được gọi là Thể tánh được sự đối trị. Do nhân duyên nầy nên đức Bạc-già-phạm nói: Bậc Tùy tín hành, Tùy pháp hành, lúc nhập kiến đạo gọi là Bổ-đặc-già-la, thứ sáu hành theo hành vô tướng, không phải được mang tên năm bậc là Tín Thắng giải, Kiến đắc, Thân chứng, Huệ giải thoát, Câu giải thoát. Do bậc kia đối với tưởng tịch tĩnh của diệt trụ, thế nên nói bậc kia là trụ nơi vô tướng. Ví như vị lương y đã nhổ được mũi tên độc, biết rõ mụt nhọt đã mùi, nên dùng dao bén, trước là mổ xẻ, mủ máu tuy dần chảy ra nhưng vẫn chưa dứt hẳn tức thì. Sau lại khoét rộng khắp mặt mụt nhọt, bóp nặn cho mủ ra khô hết, nhưng chưa thể nói là hoàn toàn sạch. "Sang môn" hãy còn được mở ra để khiến rút bớt lại. Hoặc dùng một miếng mỡ nhỏ, hoặc dùng miếng lụa mềm phủ kín lên mặt, như vậy là da thịt lần lượt được kết liền lại. Nhằm khiến cho nghĩa dễ hiểu rõ nên tạo ra dụ ấy. Ở đây, về nghĩa, như mụt nhọt đã muồi, nên biết thuận theo kiến đạo đoạn trừ sự xứ của các lậu cũng thế. Như dùng dao bén giải phẫu, nên biết Kiến đạo thuộc về phẩm Tỳ-bát-xá-na (Quán) cũng vậy. Như nặn bóp khắp mụt nhọt, phẩm Xa-ma-tha (Chỉ) gồm thâu kiến đạo cũng thế. Như mủ, nên biết hết thảy tùy miên lậu do kiến đạo đoạn trừ cũng vậy. Như mụt nhọt chưa sạch, chưa lành hẳn, nên biết các lậu, sự lậu do Tu đạo đoạn trừ cũng thế. Như miếng lụa mềm nhẵn v.v..., nên biết Tu đạo cũng vậy.

Nếu các phàm phu lìa dục của cõi Dục, hoặc dục của cõi Sắc, thì chỉ do Tu đạo, không có kiến đạo. Những vị ấy, ở nơi cõi dục, lúc lìa được dục, sẽ làm giảm Dục, giận dữ cùng pháp tùy thuận gần gũi là kiêu mạn. Nếu các phiền não tương ưng với Vô minh không hiện hành, đều được gọi là đoạn, không phải như kiến đạo đoạn trừ Tát-ca-da-kiến v.v... Do các Hoặc kia trụ trong thân nầy từ Định khởi rồi, có khi hiện hành, không sanh nơi cõi trên, chúng lại hiện khởi. Hàng phàm phu như thế, lìa Dục của cõi Sắc, theo chỗ ứng hợp, trừ giận dữ, các phiền não còn lại, nên biết cũng thế. Các lậu hiện có nơi tự địa do kiến đạo đoạn trừ, hoặc Định hoặc khởi hoặc sanh, nơi tất cả thời nếu gặp duyên sanh liền hiện tiền. Lại nữa, lược có hai thứ Thô Trọng:

1. Lậu Thô trọng.
2. Hữu lậu thô trọng.

Lậu Thô trọng: Là bậc A-la-hán do tu đạo đoạn trừ, lúc đoạn các phiền não thảy đều vĩnh viễn lìa bỏ. Đây cho là còn có tùy miên, có tánh không an ổn trong Thức Thân, tánh không thể đảm nhận.

Hữu lậu Thô trọng: Là khi đoạn Tùy miên, từ nơi Lậu sanh, từ nơi Lậu được huân tập phát khởi, tánh đạt được từ gốc, tánh không an ổn. Tánh dựa cậy nơi Khổ, cùng tương tợ với pháp kia là tánh không thể đảm nhận, tất cả đều được mỏng, nhẹ.

Lại, thô trọng của Hữu lậu nầy, gọi là Tập khí phiền não, bậc A- la-hán, độc giác chưa thể đoạn trừ, chỉ có Như Lai mới có thể đoạn trừ rốt ráo. Thế nên nói đấy là vĩnh viễn đoạn trừ Tập khí nơi pháp Phật bất cộng.

Đó gọi là Phiền não tạp nhiễm, do năm thứ Tướng kiến lập sai biệt.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói: Phân biệt sai lạc do tham, gọi là Dục của sĩ phu, do nhân duyên nào, chỉ dục của phiền não mới gọi là dục không phải là sự dục?

Đáp: Do dục của phiền não tánh là nhiễm ô. Lại, chỉ dục của phiền não mới có thể mong muốn về sử dục. Lại, dục của phiền não phát động sự dục, khiến sanh vô số tạp nhiễm tạo lỗi lầm. Nghĩa là các tham phân biệt sai lạc hiện có, chưa nhận biết, chưa đoạn. Trước bị Dục Ái thiêu đốt, não hại. Dục Ái thiêu đốt nên truy cầu các dục. Truy cầu dục, nên thân tâm liền thọ nhận vô số khổ nhọc. Tuy bày ra công sức, nếu không toại nguyện, liền cho là ta nay công sức coi như bỏ đi, chỉ nhận lấy khổ vì lao nhọc mà không kết quả. Nếu như được toại nguyện thì liền sanh luyến chấp sâu xa, nắm giữ nhân duyên, nhận lấy khổ phải phòng hộ. Hoặc khi thọ dụng, lửa tham bùng cháy, nội tâm lìa nhận khổ không tịch tĩnh. Nếu bị hoại mất thì nhận lấy khổ sầu ưu. Do tùy niệm nên thọ nhận khổ luôn nhớ nghĩ. Lại do nhân ấy nên phát khởi hành ác của thân ngữ và ý.

Người xuất gia, lúc dứt bỏ dục, tuy lại lìa bỏ dục của phiền não, dục của nhân trở lại khởi. Lại, chính từ nhân duyên của dục phiền não nên có thể chiêu cảm các khổ về sanh lão bệnh tử nơi nẻo ác thuộc cõi dục.

Các thứ lỗi lầm của tạp nhiễm như thế đều do dục của phiền não làm nhân duyên. Do vậy, đức Thế Tôn chỉ nói dục của phiền não gọi là Dục, không phải đối với Sự dục.

Hỏi: Phân biệt Hư vọng có thể sanh khởi dục tham gồm có bao nhiêu thứ?

Đáp: Lược có tám thứ:

1. Phân biệt dẫn phát.
2. Phân biệt giác ngộ.
3. Phân biệt hợp kết.
4. Phân biệt hữu tướng.

5. Phân biệt gần gũi.

6. Phân biệt hỷ lạc.

7. Phân biệt xâm bức.

8. Phân biệt hết sức thân cận. Như nơi Kinh Phạm Vấn nói:

Dẫn phát và Giác ngộ. Cùng hòa hợp kết khác. Hữu tướng hoặc Thân cận. Cùng nhiều thứ Hỷ lạc.

Xâm bức, rất gần gũi. Gọi phân biệt Hư vọng. Hay sanh nơi dục tham Bậc trí nên xa lìa.

Phân biệt dẫn phát: Nghĩa là xả bỏ tâm nối tiếp của phương tiện thiện rồi, ở trong các dục phát sanh tác ý.

Phân biệt Giác ngộ: Nghĩa là đối với cảnh không hiện tiền, không hòa hợp, do chỗ trói buộc của Tham dục triền, phân biệt nhận biết.

Phân biệt Hợp kết: Tức do sự trói buộc của Tham dục triền nên dốc tìm kiếm các dục.

Phân biệt Hữu tướng: Nghĩa là nơi cảnh giới hòa hợp hiện tiền, chấp giữ lấy tướng, chấp giữ các thứ "tùy hảo".

Phân biệt gần gũi: Tức đối với cảnh giới hòa hợp hiện tiền, là do chỗ trói buộc của tham dục triền.

Phân biệt Hỷ lạc: Tức do tham dục triền như thế, nên mong cầu được thọ nhận vô lượng vật dụng của dục.

Phân biệt xâm bức: Nghĩa là do nhận thấy chúng toàn bộ là công đức, nên thọ nhận các dục, lại mong cầu gấp bội.

Phân biệt hết sức thân cận: Tức là chỗ trói buộc của các tham dục triền là tối cực.

Hỏi: Do đâu, trong các phiền não của cõi dục, chỉ hiển bày Tham là Tướng của dục?

Đáp: Nếu do nhân ấy hiển bày tham ái là tướng của Tập đế, tức do nhân nầy nên biết về tướng ấy.

Hỏi: Do đâu hiển bày phân biệt về "cùng tham" dùng làm tướng của dục?

Đáp: Nếu do nhân duyên nầy khiến Tham hiện tiền, phát khởi nơi tham. Hoặc do nhân duyên nầy nên thọ dụng sự dục, tức hiển bày chung làm một là Tham phân biệt sai lạc.

Lại có một phần dứt bỏ các dục mà xuất gia, nhưng đối với các Dục đã khởi phân biệt sai lạ. Vì nhằm khiến nhận biết rõ về phân biệt sai lạc ấy

cũng là dục roi, liền lại dứt bỏ, nên hiển bày sự phân biệt cũng là tướng của dục.

Hỏi: Do đâu chỉ nói Tham ái là tướng của Tập đế?

Đáp: Do hai nhân duyên:

1. Tham ái là nơi chốn nương dựa của nguyện, chẳng nguyện.

2. Tham ái sinh khởi khắp.

Vì sao? Vì do tham ái kia, đối với sự nguyện mong được ứng hợp, như thân mạng, tài sản v.v... hiện được thâu nhận, nên lại khởi nguyện mong. Ở trong sự khéo đối trị với xứ không phải nguyện vì không phải là đối tượng nguyện, hiện gồm thâu phương tiện, nên liền khởi chẳng nguyện. Do chẳng nguyện của nguyện nầy, nên sanh tử lưu chuyển không có đoạn dứt.

Nên biết, sinh khởi khắp lại có ba loại:

1. Phần vị sinh khởi khắp, dựa nơi tất cả sự thọ nhận sai biệt mà chuyển. Nghĩa là do năm môn: hỷ hòa hợp, hỷ không lìa, hỷ không hợp, hỷ trái lìa, luôn tùy theo tự thân mà che giấu Ái.

2. Thời gian sinh khởi khắp: Nghĩa là duyên nơi cảnh của ba đời Quá khứ Hiện tại Vị lai.

3. Cảnh sinh khởi khắp: Nghĩa là duyên nơi nội thân của hiện pháp, hậu pháp mà khởi. Cũng duyên nơi cảnh giới đã được, chưa được mà khởi.

Hỏi: Do đâu chỉ nói lìa Tham, Sân, Si, Tâm được lìa dục? Không nói lìa các sự phiền não như Sắc, Thọ v.v...?

Đáp: Do lìa các thứ ấy là cũng lìa các thứ kia. Lại, các phiền não, tánh là nhiễm ô. Lại, tức do các thứ ấy có nhiều lỗi lầm, tai họa. Vì sao? Vì nếu đối với các sự kia khởi các lỗi lầm, nên biết đều là chỗ tạo tác của phiền não. Các lỗi lầm, tai họa ấy như nơi phần quan sát các lỗi lầm, tai họa hiện có của pháp bất thiện trong mục nói về Uẩn thiện xảo ở trước đã nêu. Lại có thể tránh thoát. Vì sao? Vì ở trong các Sự, hết thảy phiền não đều có thể tránh thoát, không phải tất cả Sự. Lại do tu tập quán bất tịnh, các đạo thế tục, tuy chán bỏ sự kia, nhập địa lìa dục. Nhưng nơi địa lìa dục, các phiền não luôn theo đuổi, nên phiền não nơi Tâm chưa được lìa dục. Do đạo lý nầy nên chỉ lìa phiền não (Tham Sân Si) thì Tâm khéo lìa dục, không phải lìa Sự kia.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên ở trong các Kinh, từ các phiền não khác, phân biệt giữ lấy các tùy miên như Ngã kiến Ngã sở kiến, Ngã mạn chấp trước, gọi là Phẩm phiền não nhiễm ô?

Đáp: Do ba nhân:

1. Do hướng đến hành tà. Nghĩa là hai thứ Ngã kiến và Ngã sở kiến. Vì sao? Vì chúng dựa nơi Thân kiến, dùng làm căn bản liền có thể sanh khởi sáu mươi hai thứ kiến. Nương gá vào đấy, nên đối với không phải giải thoát cho là giải thoát, mà khởi hành tà.

2. Do trái với hành chánh: Đó là hai thứ ngã mạn, chấp trước. Vì sao? Vì dựa nơi ngã mạn, chấp trước, nên đối với các thiện hữu hiện có trong chánh pháp, Tỳ-nại-da nầy, là chư Phật và đệ tử của Phật, những bậc trượng phu chân thiện không đến thỉnh vấn: Thế nào là Thiện, thế nào là bất thiện? Nếu như có đến thưa hỏi, cũng không tự mình hiển phát như thật.

3. Do thối chuyển Thắng vị: đó là một loại Tùy miên. Vì sao? Vì tuy đạt đến Hữu đảnh, nhưng do tùy miên của địa dưới theo đuổi, nên lại thối đọa.

Lại có sai biệt: Nghĩa là thông đạt đối tượng nhận biết, tác chứng nơi diệt, có hai thứ pháp là chướng ngại hết mực:

1. Nhân duyên hành tà.

2. Nhân duyên sinh khổ.

Nhân duyên hành tà: Nghĩa là sáu mươi hai kiến. Do chấp ấy nên đối với các hữu tình, vì thân ngữ ý khởi các hành tà.

Nhân duyên sanh khổ: Nghĩa là không đoạn trừ tùy miên.

Lại, hai nghiệp nầy có hai nhân duyên: Nhân duyên của Nhân duyên hành tà: Tức là chấp ngã, Ngã sở nơi Tát-ca-da-kiến. Nhân duyên của Nhân duyên sanh khổ: Nghĩa là hai phần vị trước sau không khởi hành chánh. Do ngã mạn nên đầu tiên không nghe chánh pháp. Do tăng thượng mạn nên về sau không tu hành chánh. Lại có sai biệt: Nghĩa là ở trong pháp Tỳ-nại-da giảng nói về thiện, có bốn thứ pháp là tối thượng, là thắng diệu, không chung với ngoại đạo. Những gì là bốn pháp?

1. Phân biệt, lựa chọn đối với đế.

2. Đối với bậc đồng phạm hạnh của mình, tu tập pháp đáng vui thích.

3. Đối với dị luận không sanh ghét bỏ.

4. Đối với phẩm thanh tịnh có thể không thối thất.

Trong pháp Tỳ-nại-da giảng nói về ác, có bốn thứ pháp, đối với bốn pháp vừa nêu là hết sức chướng ngại:

1. Chấp Ngã, Ngã sở nơi Tát-ca-da-kiến.

2. Ngã mạn.

3. Chấp giữ sai lạc về đế.

4. Không đoạn Tùy miên.

Do nhân duyên nầy, nên tuy đến hữu đảnh tất bị rơi rớt trở lại. Lại có hai chấp:

1. Chấp về căn cảnh: Nghĩa là chấp Ngã, Ngã sở.

2. Chấp về thứ lớp nơi hữu tình: Tức là Ngã mạn, chấp ngã là hơn hết.

Hỏi: Tự có tham ái là nhân của các Khổ. Vì sao nơi những xứ khác, đức Thế Tôn lại nói dục là nhân của Khổ?

Đáp: Do nhân duyên khổ của hiện pháp. Vì sao? Vì nếu đối với hữu tình có dục, có tham, hoặc có gần gũi, nếu chúng bị biến dị thì liền sanh khổ như sầu não v.v...

Hỏi: Vì sao năm thứ Cái (ngăn che) được gọi là Rùa?

Đáp: Do năm chi giống nhau, nên có thể gây chướng ngại cho sự tu tập, tác ý như lý.

Hỏi: Do duyên gì, nên Phẫn được gọi là Mẫu đà?

Đáp: Do giống với tánh của loài kia. Do kẻ ác ngữ, đối với ngôn từ của kẻ khác không thể gắng nhẫn. Vì sức tăng thượng nên có thể gây chướng ngại cho người được khuyên bảo dạy trao.

Hỏi: Do đâu keo kiệt, ganh ghét được gọi là máu tụ?

Đáp: Do đối với lợi dưỡng hư giả, vô vị mà hiện hành, nên có thể gây chướng ngại cho pháp đáng yêu thích.

Hỏi: Do đâu các dục được gọi là "Mổ giết thịt để trên ghế"?

Đáp: Do hệ thuộc chủ tể nhất định không có thật, có thể gây chướng ngại cho việc tu pháp thiện không gián đoạn.

Hỏi: Vì sao Vô minh được gọi là "Sóng già"?

Đáp: Do giống với tánh của vật kia. Có thể gây chướng ngại cho Trí lãnh hội, hiểu biết.

Hỏi: Do đâu Nghi được gọi là con đường hiểm trở?

Đáp: Do giống với tánh của vật kia. Có thể gây chướng ngại cho Trí tư duy.

Hỏi: Vì sao Ngã mạn được gọi là "Vòng bánh xe"?

Đáp: Vì giống với tánh của vật ấy. Có thể gây chướng ngại cho Trí tu tập.

Hỏi: Lại có vô lượng phiền não khác có thể phát khởi hành ác, do đâu chỉ chọn lấy Tham Sân Si làm căn bất thiện?

Đáp: Nhân duyên phát khởi nghiệp lược có ba loại: Nhân duyên của Vị Ái. Nhân duyên tổn hại kẻ khác. Nhân duyên chấp trước kiến lập pháp tà. Tham Sân Si nầy, đối các nhân duyên trên, như chỗ ứng hợp phối hợp giải thích.

Tụng nêu: Dục Ái lìa dục, các Dục chấp Ngã, Rùa và Mẫu đà, cùng Tham Sân Si.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 59

Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ

Đoạn 2:

Hỏi: Mười phiền não như Tham v.v..., bao nhiêu thứ có thể phát khởi nghiệp, bao nhiêu thứ không thể phát khởi?

Đáp: Tất cả đều có thể phát khởi. Nếu các phiền não hiện hành mãnh liệt mới có thể phát khởi nghiệp đi đến cõi ác, không phải là các thứ mất niệm mà hiện hành. Lại, khởi phân biệt mới có thể phát khởi nghiệp ấy, không phải là tự nhiên khởi.

Hỏi: Các phiền não có bao nhiêu tướng?

Đáp: Lược có ba Tướng:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.
3. Sai biệt tướng.

Tự tướng: Nghĩa là các phiền não như Tham, Sân v.v... mỗi thứ đều có tướng thuộc về tự tánh.

Cộng tướng: Nghĩa là các phiền não không có sai biệt, tất cả đều đồng tướng không tịch tĩnh.

Sai biệt tướng: lại có hai loại:

1. Tướng sai biệt của môn.
2. Tướng sai biệt của chuyển.

Tướng sai biệt của môn: Tức là tính chất trói buộc nơi Tùy miên, Tùy phiền não triền, như nơi Phần Bản địa đã nêu.

Tướng sai biệt của chuyển: Nghĩa là Tùy miên chuyển, đối tượng duyên chuyển, Hiện hành chuyển, Phẩm sai biệt chuyển, Lực không lực chuyển, Nhân quả chuyển, Mê hành chuyển.

Lại nữa, Tướng Tùy miên chuyển lược có mười tám thứ. Đó là:

1. Tùy miên gắn liền với tự cảnh.
2. Tùy miên gắn liền với tha cảnh.

3. Tùy miên bị tổn hại.

4. Tùy miên không bị tổn hại.

5. Tùy miên tùy tăng.

6. Tùy miên không tùy tăng.

7. Tùy miên đủ phần.

8. Tùy miên không đủ phần.

9. Tùy miên có thể hại.

10. Tùy miên không thể hại.

11. Tùy miên tăng thượng.

12. Tùy miên bình đẳng.

13. Tùy miên thấp kém.

14. Tùy miên giác ngộ.

15. Tùy miên không giác ngộ.

16. Tùy miên có thể sinh nhiều khổ.

17. Tùy miên có thể sinh ít khổ.

18. Tùy miên không thể sinh khổ.

Tùy miên gắn liền với tự cảnh: Nghĩa là Tùy miên thuộc về Tự địa trong ba cõi.

Tùy miên gắn liền với tha cảnh: Tức là Tùy miên được gắn chặt với phiền não thượng hạ sanh nơi địa trên dưới.

Tùy miên bị tổn hại: Là Tùy miên của địa dưới lìa dục thế gian.

Tùy miên không bị tổn hại: Là Tùy miên của Tự địa đã lìa dục hoặc chưa lìa dục.

Tùy miên tùy tăng: Là Tùy miên của Tự địa.

Tùy miên không tùy tăng: Là Tùy miên của Tha địa.

Tùy miên đủ phần: Là Tùy miên hiện có của các phàm phu.

Tùy miên không đủ phần: Là Tùy miên hiện có của các hạng Hữu học không phải là phàm phu.

Tùy miên có thể hại: Là Tùy miên hiện có của pháp Bát-niết-bàn.

Tùy miên không thể hại: Là Tùy miên hiện có của pháp không Bát-niết-bàn.

Tùy miên tăng thượng: Là Tùy miên hiện có của các Hành như Tham v.v...

Tùy miên bình đẳng: Là Tùy miên hiện có của Hành đẳng phần.

Tùy miên thấp kém: Là Tùy miên hiện có của Hành bạc trần.

Tùy miên Giác ngộ: Là Tùy miên nơi quả của các triền cùng chuyển.

Tùy miên không giác ngộ: Là Tùy miên lìa các Triền mà vốn luôn gắn chặt.

Tùy miên có thể sanh nhiều khổ: Là Tùy miên của cõi dục. Tùy miên có thể sanh ít khổ: Là Tùy miên của cõi Sắc, Vô sắc.

Tùy miên không thể sanh khổ: Là Tùy miên hiện có của các Bồ tát đã được tự tại.

Hỏi: Như nói Thể tánh thô trọng gọi là Tùy miên, sự thô trọng của phẩm phiền não này so với các Hành kia, nên nói là có khác hay là không khác?

Đáp: Nên nói là có khác. Vì sao? Vì do bậc A-la-hán đã vĩnh viễn loại trừ tất cả phiền não thô trọng, nhưng các hành nối tiếp vẫn chưa đoạn dứt hẳn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ Thô trọng gồm thâu các Thô trọng? Đáp: Lược có mười tám thứ:

1. Thô trọng của tự tánh dị thục.
2. Thô trọng của tự tánh phiền não.
3. Thô trọng của tự tánh nghiệp.
4. Thô trọng của Phiền não chướng.
5. Thô trọng của Nghiệp chướng.
6. Thô trọng của Dị thục chướng.
7. Thô trọng của Cái (Năm Cái).
8. Thô trọng của Tầm Tứ bất chánh.
9. Thô trọng của Sầu não.
10. Thô trọng của Sợ hãi.
11. Thô trọng của khó nhọc.
12. Thô trọng của ăn uống.
13. Thô trọng của ngủ mộng.
14. Thô trọng của dâm dục.
15. Thô trọng của giới không bình đẳng.
16. Thô trọng của thời phần biến dị.
17. Thô trọng của chung cuộc diệt mất.
18. Thô trọng của Biến hành.

Các Thô trọng như thế, nên biết như trước đã nêu.

Lại nữa, đối tượng duyên chuyển và Hiện hành chuyển, nơi tự xứ của chúng sẽ nêu bày rộng.

Phẩm sai biệt chuyển, nên biết như nơi phần Uẩn thiện xảo ở trước đã nói.

Lực không lực chuyển: Nên biết như nơi Phần Bản địa đã nêu.

Nhân Quả chuyển: Nghĩa là nghiệp của phiền não sanh đều do phiền não làm nhân quả. Theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như vậy. Một phần phiền não bất thiện của cõi dục có quả dị thục, nên biết phần còn lại không có quả dị thục.

Mê hành chuyển: Như nơi phần Bản địa, bảy thứ đã nêu ra nghĩa khác nhau thế nào? Tức Thân kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, ba thứ nầy đối với cảnh của đối tượng nhận biết dấy khởi hành tà trọn, đối với bốn Thánh đế mê chấp nơi Hành chuyển. Một thứ Vô minh là Hành không trọn. Nghi là Hành trọn, không trọn. Kiến thủ, Giới cấm thủ cùng Tham, Sân v.v... duyên nơi kiến làm cảnh, do kiến đạo đoạn. Tất cả chúng đều là Hành chấp tà trọn đủ. Tức tất cả sự mê chấp nơi Khổ, Tập đế nầy là Hành mê chấp nơi chỗ nương dựa của nhân duyên kia. Tức hết thảy sự mê chấp nơi diệt đế đạo đế nầy, là Hành mê chấp nơi sanh sợ hãi kia. Tức tất cả chỗ dấy khởi tự nhiên do Tu đạo đoạn trừ kia, là hành mê chấp của hiện hành tự nhiên.

Lại nữa, như trước đã nói, hết thảy phiền não chướng được đối trị có sai biệt, chỉ dựa nơi sự hóa độ thích hợp, hiển bày tướng Thô, để kiến lập hành tà của sự mê chấp phiền não. Vì khiến cho hữu tình được hóa độ, đối với các hành lỗi lầm của vô số phiền não dễ sanh hiểu biết, nên nay sẽ biện giải chung về tướng lớn nhỏ đúng như thật của hết thảy phiền não, kiến lập sự mê chấp các hành có sai biệt.

Hỏi: Các phiền não như thế, bao nhiêu thứ có sự, bao nhiêu thứ không sự?

Đáp: Các kiến cùng với Mạn là không sự, ở trong các Hành thật không có ngã, mà phân biệt chuyển. Tham, Giận là có sự. Vô minh, Nghi thì chung cho cả hai.

Hỏi: Các phiền não nầy, có bao nhiêu thứ cùng với Lạc căn tương ưng? Cho đến có bao nhiêu thứ cùng với Xả căn tương ưng?

Đáp: Nếu là tự nhiên sanh, tất cả phiền não đều đối với ba thọ hiện hành có thể đạt được, thế nên chung nơi tất cả Thức Thân, cùng với hết thảy căn tương ưng. Không chung nơi tất cả Thức Thân, thì cùng với tất cả căn của ý địa tương ưng.

Không tự nhiên sanh, thì tất cả phiền não theo chỗ ứng hợp, tương ưng với các căn, nay sẽ nói.

Tham, có lúc tương ưng với Lạc, Hỷ. Hoặc có khi tương ưng với Ưu, Khổ, hoặc vào một lúc tương ưng với Xả.

Hỏi: Việc ấy như thế nào?

Đáp: Như có một Hữu tình, hoặc ở nơi Lạc thọ khởi sự gặp gỡ Ái, không trái lìa Ái mà hiện tiền. Bèn ở nơi Lạc thọ không gặp gỡ, chẳng phải là gặp gỡ, hoặc trái lìa, không phải là hòa hợp. Hoặc ở nơi khổ thọ dấy khởi không gặp Ái, hoặc trái lìa Ái mà hiện tiền. Bèn đối với khổ thọ hợp hội, không phải là không hợp hội, không trái lìa, không phải là trái lìa. Do nhân duyên nầy, nên Tham, nơi tất cả thời, tương ưng với Ưu, Khổ. Cùng với đây trái nhau là tương ưng với Hỷ, Lạc.

Hoặc ở nơi phần vị không khổ không lạc mà sanh tham đắm vị, nên biết Tham ấy tương ưng với Xả căn.

Sân, nơi tất cả thời tương ưng với Ưu khổ. Hoặc có lúc tương ưng với Hỷ, Lạc.

Hỏi: Sự việc ấy như thế nào?

Đáp: Như có một Hữu tình, tự nhiên bị khổ bức bách thân, tâm, bèn đối với nội khổ tác ý tư duy phát khởi Tâm giận dữ. Hoặc đối với các Hữu tình có hành phi ái và các pháp tác ý tư duy, khởi tâm giận dữ. Do vậy nên Sân tương ưng với Ưu, Khổ.

Hỏi: Giận dữ cùng với Hỷ Lạc tương ưng như thế nào?

Đáp: Như có một Hữu tình đối với kẻ thù oán, đối với Hữu tình không yêu thích khởi tâm giận phiền, tác ý tư duy, mong cho họ bị khổ, họ bị khổ rồi không cứu giúp. Hoặc không được vui, được rồi lại mất. Chỗ mong đã toại, liền sanh Hỷ, Lạc, do đấy nên giận dữ tương ưng với Hỷ lạc.

Tát-ca-da-kiến và Biên chấp kiến, hoặc ở nơi Uẩn cùng hành với Lạc, quán ngã, ngã sở, hoặc quán là Thường, thì tương ưng với Hỷ căn. Nếu ở nơi Uẩn cùng hành với Khổ, quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng với Ưu căn. Nếu ở nơi Uẩn cùng hành với Xả, quán ngã ngã sở, hoặc quán là Thường, thì tương ưng với Xả căn.

Đoạn kiến gồm thâu Biên chấp kiến, nên biết tất cả cùng với các trường hợp kia là trái nhau.

Kiến thủ, Giới cấm thủ, chấp giữ lấy kiến kia, nên tùy theo chỗ ứng hợp của chúng mà có tương ưng như hai kiến kia.

Một thứ Tà kiến, trước tạo hành diệu, thì tương ưng với Ưu căn.

Nếu trước tạo hành ác thì tương ưng với Hỷ căn.

Mạn, nơi hết thảy thời, tương ưng với Hỷ căn, hoặc có lúc tương ưng với Ưu căn.

Hỏi: Việc tương ưng ấy như thế nào?

Đáp: Lược có hai Mạn:

1. Mạn cao ngạo.
2. Mạn thấp kém.

Mạn cao ngạo có ba:

1. Cao ngạo về nêu xét.
2. Cao ngạo về hiểu biết.
3. Cao ngạo về Lợi dưỡng.

Mạn cao ngạo nầy tương ưng với Hỷ căn.

Nếu là Mạn thấp kém thì trái với trên, tương ưng với Ưu căn.

Về Nghi, nếu ở trong sự quyết định được lợi dưỡng, cung kính, khen ngợi, vui thích nơi cõi thiện, vì kẻ khác dẫn dắt khiến sanh do dự, thì tương ưng với Ưu căn. Trái với trường hợp trên, cũng vì kẻ khác dẫn dắt khiến sanh do dự, thì tương ưng với Hỷ căn.

Vô minh tương ưng chung với năm căn. Chỗ tương ưng còn lại, sự được dẫn chỉ rõ để gạt bỏ nên Văn không thuật lại.

Trước biện biệt về phiền não tương ưng với các căn chỉ căn cứ nơi đạo lý tướng thô để kiến lập, khiến cho hành giả mới hành trì lãnh hội không lẫn lộn. Nay căn cứ nơi đạo lý lớn nhỏ để kiến lập, khiến hành giả hành trì lâu biết rõ về thân tự, tha, với vô số hành giải sai biệt chuyển biến.

Lại nữa, các Phiền não lược có ba Tụ:

1. Tụ thuộc cõi dục.
2. Tụ thuộc cõi Sắc.
3. Tụ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Ba Tụ như thế, có bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là Vô ký?

Đáp: Một phần của Tụ thứ nhất là bất thiện. Hai Tụ còn lại là Vô ký. Các thứ bất thiện là có dị thục, không phải là thứ khác.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là tánh nhiều, bao nhiêu thứ là tánh ít?

Đáp: Tụ thứ nhất là Tánh nhiều, phần còn lại thì không như thế. Như Tánh nhiều, Tánh ít, Tánh cấu nhiễm não hại mãnh liệt trong thời gian dài, Tánh không cấu nhiễm não hại mãnh liệt trong thời gian dài, Tánh phát

khởi tạp nhiễm của môn ngoài, Tánh phát khởi tạp nhiễm của môn trong, Tánh phát khởi hành ác, Tánh phát khởi hành không phải Ác, Tánh có thể sanh nhiều khổ, Tánh có thể sanh ít khổ, Tánh có tội lớn, Tánh có tội nhỏ, Tánh lìa dục chậm, Tánh lìa dục nhanh, Tánh hiển bày không lìa dục, Tánh hiển bày lìa dục, Tánh trái với Tam-ma- địa, Tánh không trái với Tam-ma-địa, Tánh không phải một thứ tướng quyết định sinh, Tánh một thứ tướng quyết định sinh, nên biết cũng vậy. Tụng nêu:

"Nhiều nhiễm não môn trong
Hành ác sanh các khổ
Có tội, chậm lìa dục
Cùng Tam ma địa sanh".

Lại nữa, thế nào là có thể đoạn phiền não? Ngang đến đâu thì nên gọi là đã đoạn phiền não? Từ phiền não nào mà có thể nói là đoạn? Đoạn các phiền não là đốn hay là tiệm? Thế nào là thứ lớp đoạn các phiền não? Các phiền não được đoạn lại có bao nhiêu thứ? Phiền não đoạn rồi có những tướng gì? Các phiền não được đoạn có những thắng lợi gì?

Nghĩa là tư lương pháp thiện đã được tích tập. Đã được chứng nhập nơi địa phương tiện. Chứng đắc địa kiến. Tích tập địa tu. Có thể đoạn phiền não đạt được địa cứu cánh. Nên nói là đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có sai biệt: Nghĩa là do tu tập bốn thứ du già, nên có thể đoạn trừ phiền não. Hoặc khéo tu tập bốn thứ như thế, nên nói đã đoạn tất cả phiền não. Bốn thứ du già, như nơi địa Thanh văn đã nói về tướng của chúng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là thành thục nối tiếp, được tuỳ thuận giáo pháp. Bên trong tác ý đúng đắn. Sanh đạo đối trị, nên có thể đoạn trừ phiền não. Tu đạo đối trị đã đến cứu cánh, nên nói đã đoạn hết thảy phiền não.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nhận biết rõ về sự phiền não. Nhận biết rõ về tự tánh của phiền não. Nhận biết rõ về lỗi lầm tai họa của phiền não. Phiền não sanh rồi không chấp giữ chặt. Thâu nhận đối trị nên có thể đoạn trừ phiền não. Đối trị đã sanh nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có sai biệt: Tu tập Xa-ma-tha. Tu tập Tỳ-bát-xá-na, nên có thể đoạn trừ phiền não. Nếu các tướng trói buộc đã được giải thoát, các thứ thô trọng trói buộc cũng được giải thoát, nên nói là đã đoạn tất cả phiền não. Như đức Thế Tôn nói:

Tướng phược buộc chúng sanh Cũng do thô trọng buộc
Khéo tu cả chỉ, quán
Mới cùng được giải thoát.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nhận biết rõ về đối tượng duyên. Vui thích

về đối tượng duyên. Chỗ nương dựa đã diệt nên có thể đoạn trừ phiền não, đã được chuyển y, nên nói đã đoạn trừ tất cả phiền não.

Lại nữa, từ chỗ tương ưng cùng đối tượng duyên kia, nên phiền não có thể đoạn trừ. Vì sao? Vì đạo đối trị sinh, phiền não không khởi, đạt được pháp vô sinh, thế nên gọi là đoạn. Đoạn chỗ tương ưng của tương ưng kia, đã không còn duyên nơi cảnh, nên từ đối tượng duyên cũng gọi là đoạn.

Lại nữa, kiến đạo đoạn phiền não là đốn đoạn chứ không phải tiệm. Vì sao? Vì do Trí hiện quán hiện quán về đế, nên kiến đạo có thể đoạn trừ các phiền não cần đoạn. Nhưng hiện quán nầy cùng với tác ý hoại duyên nơi đế tương ưng, do đó ba Tâm đoạn tức thì tất cả phiền não mê chấp nơi khổ đế do kiến đạo đoạn. Tu đạo đoạn phiền não thì dần dần mà đoạn. Thường xuyên tu đạo mới có thể đoạn trừ.

Lại nữa, đầu tiên nên đoạn các nghiệp của sự bất thiện cùng các thứ ác kiến. Nghĩa là người tại gia, tiếp theo lại nên đoạn trừ chướng ngại của việc vui thích xuất gia, tức là tầm tứ Dục, tầm tứ giận, tầm tứ hại. Thứ đến lại nên đoạn tâm bất định là chướng ngại của Tam-ma- địa, tức là các Tầm Tứ về quyến thuộc, tầm tứ về cõi nước, tầm tứ về không chết.

Tiếp theo, lại nên đoạn chướng ngại của việc đạt tác ý, nghĩa là vui thích phẩm xa lìa các thứ thô trọng của thân.

Sau đấy lại nên đoạn các phiền não do kiến đạo đoạn. Tiếp theo lại nên đoạn phiền não do Tu đạo đoạn. Thứ đến lại nên đoạn các thứ phiền não chướng ngại của phẩm ngăn chận các định thuộc khổ, ưu, lạc, hỷ và xả. Sau đó, lại có một Bổ đặc già la nên đoạn trừ các chướng của phẩm Sở tri chướng. Do thứ lớp ấy, nên đoạn các phiền não.

Lại nữa, các phiền não được đoạn, nên biết có nhiều loại. Tóm lược thì là hai:

1. Đoạn các Triền.
2. Đoạn Tùy miên.

Đoạn các Triền: Nghĩa là đoạn trừ Tham, Sân, cho đến đoạn trừ Si, đoạn trừ Tát-ca-da-kiến cho đến đoạn trừ Tà kiến, đoạn trừ phiền não do kiến khổ đoạn, cho đến đoạn trừ phiền não do Tu đạo đoạn. Đoạn trừ phiền não hệ thuộc cõi dục, cho đến đoạn trừ phiền não hệ thuộc cõi Vô sắc. Đoạn trừ tán loạn, đoạn trừ tỏ ngộ, đoạn trừ yếu kém, đoạn trừ chế phục, đoạn trừ ly hệ. Nên biết đoạn trừ ly hệ tức là đoạn Tùy miên.

Lại nữa, phiền não đoạn rồi, đối với pháp đáng yêu thích, hoặc kém hoặc hơn, hoặc hiện tiền, hoặc không hiện tiền, tuy thấy mãnh liệt nhưng quán xét chúng cũng không nhiễm vướng. Như đối với pháp đáng yêu thích

mà không sanh yêu thích, cũng vậy, đối với pháp đáng giận dữ cũng không sanh giận dữ. Đối với pháp đáng ngu si cũng không sanh ngu si.

Lại, Mắt thấy các Sắc không vui không lo, chỉ trụ nơi Xả, chánh niệm chánh tri. Như Mắt thấy Sắc, cho đến ý nhận biết pháp cũng vậy.

Lại, tánh thiểu dục (ít ham muốn) thành tựu sự thiểu dục chân thật bậc nhất. Như thiểu dục, biết đủ, xa lìa, tinh tấn mãnh liệt, an trụ chánh niệm tịch định không huệ, cũng vậy. Nơi không hý luận nhận tánh ưu vui. Nơi có hý luận, thúc đẩy, gắng sức nơi Tâm mới có thể duyên xét. Các loại như thế, nên biết là tướng của phiền não đã đoạn.

Lại nữa, phiền não được đoạn, có nhiều thắng lợi. Nghĩa là theo đấy chứng đắc vượt khỏi ưu khổ, vượt quá Hỷ lạc. Vượt khỏi tưởng sắc cùng với vô số tưởng tánh có đối. Vượt khỏi khổ của nẻo Ác. Vượt khỏi tất cả thứ khổ như sanh v.v... Chứng đắc an ổn bậc nhất của mọi an ổn. Chứng đắc sự trong lành mát mẻ bậc nhất của sự trong mát. Lại đạt được hiện pháp lạc trụ bậc nhất. Tùy theo tự tâm, tự tại mà chuyển. Hoặc hành hoặc trụ, theo chỗ mong muốn, các pháp đã chứng không còn thối chuyển. Đối với nghĩa lợi của mình viên mãn rốt ráo. Đối với các sự tạo tác không còn mong cầu.

Hoặc lại có một Hữu tình tu hạnh lợi tha, vì muốn tạo lợi ích, an lạc cho các chúng sanh, thương xót thế gian, khiến cho các hàng trời, người có được lợi ích an vui. Nên biết, người đã đoạn trừ phiền não có rất nhiều lợi lạc thù thắng như thế.

Lại nữa, phiền não duyên nơi Cảnh lược có mười lăm thứ:

1. Duyên đủ phần: Nghĩa là như Thân kiến v.v...

2. Duyên một phần: Nghĩa là như Tham, Sân, Mạn.

3. Duyên hữu sự: Tức các phiền não hữu sự.

4. Duyên vô sự: Tức các phiền não vô sự.

5. Duyên nội: Là các phiền não hiện có duyên nơi địa định, chẳng định của sáu xứ.

6. Duyên ngoại: Là các phiền não hiện có duyên nơi năm dục diệu.

7. Duyên hiện thấy: Là các phiền não hiện có duyên nơi hiện tại.

8. Duyên không hiện thấy: Là các phiền não hiện có duyên nơi quá khứ, vị lai.

9. Duyên tự loại: Là các phiền não hiện có duyên nơi phiền não tự loại.

10. Duyên tha loại: Là các phiền não hiện có duyên nơi phiền não

dị loại cùng duyên nơi sự phiền não.

11. Duyên Hữu: Là các phiền não hiện có duyên nơi đời sau (Hậu hữu).

12. Duyên Vô hữu: Là các phiền não hiện có duyên đoạn không, có.

13. Duyên tự cảnh: Là các phiền não hành dục của cõi dục, các phiền não hành sắc của cõi sắc, các phiền não hành vô sắc của cõi vô sắc.

14. Duyên tha cảnh: Là các phiền não hành dục đối với cõi sắc. Các phiền não hành sắc đối với cõi vô sắc. Lại nữa, là phiền não của địa dưới đối với địa trên. Vì sao? Vì kẻ sanh nơi địa trên, đối với trụ xứ của các Hữu tình nơi địa dưới, do thường xuyên vui, tịnh với đủ các công đức hơn hẳn nên tự cho là thù thắng.

15. Duyên không cảnh: Là các phiền não hiện có duyên nơi Diệt đạo phân biệt đã tính xét cùng với pháp Phật rộng lớn. Lại nữa, phiền não hiện hành có hai mươi thứ. Nghĩa là hai mươi thứ Bổ-đặc-già-la (Hữu tình) dựa nơi hai mươi duyên dấy khởi hai mươi thứ phiền não hiện hành.

Những gì là hai mươi Bổ-đặc-già-la? Đó là:

1. Tại gia.
2. Xuất gia.
3. Trụ nơi pháp thuyết ác.
4. Trụ nơi pháp thuyết thiện.
5. Hành phiền não tăng thượng.
6. Hành đẳng phần.
7. Hành Bạc trần.
8. Lìa dục thế gian.
9. Chưa lìa dục.
10. Thấy Thánh tích.
11. Chưa thấy Thánh tích.
12. Chấp trước.
13. Không chấp trước.
14. Quan sát.
15. Ngủ nghỉ.
16. Giác ngộ.
17. Trẻ thơ.
18. Căn thành thục.

19. Pháp Bát Niết bàn.
20. Pháp không Bát Niết bàn.

Những gì là hai mươi phiền não hiện hành? Đó là:

1. Hiện hành theo chỗ dục triền.
2. Hiện hành không theo chỗ dục triền.
3. Hiện hành của phiền não không được nhận biết rõ.
4. Hiện hành của phiền não có được nhận biết rõ.
5. Hiện hành của phiền não thô.
6. Hiện hành của phiền não như nhau.
7. Hiện hành của phiền não vi tế.
8. Hiện hành của phiền não nội môn.
9. Hiện hành của phiền não ngoại môn.
10. Hiện hành của phiền não mất niệm.
11. Hiện hành của phiền não mãnh liệt.
12. Hiện hành của phiền não phân biệt dấy khởi.
13. Hiện hành của phiền não tự nhiên dấy khởi.
14. Hiện hành của phiền não tầm tứ.
15. Hiện hành của phiền não không tự tại.
16. Hiện hành của phiền não tự tại.
17. Hiện hành của phiền não không phải là phần vị được nương dựa.
18. Hiện hành của phiền não là phần vị được nương dựa.
19. Hiện hành của phiền não có thể cứu chữa.
20. Hiện hành của phiền não không thể cứu chữa.

Những gì là hai mươi Duyên của Phiền não hiện hành? Đó là:

1. Duyên nơi vui.
2. Duyên nơi khổ.
3. Duyên nơi không khổ không vui.
4. Duyên nơi Dục.
5. Duyên nơi Tầm Tứ.
6. Duyên nơi Xúc.
7. Duyên nơi Tùy miên.
8. Duyên nơi tập quán vốn có.
9. Duyên nơi bạn ác gần gũi.

10. Duyên nơi việc nghe pháp bất chánh.

11. Duyên nơi tác ý bất chánh.

12. Duyên nơi không tin.

13. Duyên nơi biếng trễ.

14. Duyên nơi mất niệm.

15. Duyên nơi tán loạn.

16. Duyên nơi Huệ ác.

17. Duyên nơi phóng dật.

18. Duyên nơi phiền não.

19. Duyên nơi chưa lìa dục.

20. Duyên nơi tánh phàm phu.

Dựa nơi các duyên ấy nên phiền não hiện hành.

Hỏi: Ở trong các thứ thân kia kết sanh tương tục của các thứ Giới kia, nên nói tất cả phiền não của toàn giới đều kết sanh chăng? Hay là không toàn Giới?

Đáp: Nên nói là toàn giới, không phải là không toàn. Vì sao? Vì nếu chưa lìa dục, đối với xứ tự sanh mới được thọ sanh, không phải là lìa dục. Lại, người chưa lìa dục, các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não, theo đấy trói buộc tự thân, cũng có thể làm nhân sanh thân khác kia. Do nhân duyên ấy, nên biết tất cả phiền não đều kết sanh tương tục.

Lại, khi sắp thọ sanh, ở trên tự thể tham ái hiện hành. Nơi nam nơi nữ, hoặc Ái hoặc giận cũng cùng hiện hành.

Lại, Nghi hiện hành, suy niệm: Nam nầy, nữ nầy, nay vì ta cùng hành sự chăng? Lại, đối với Ngã kiến, Ngã sở kiến trong ngoài và Ngã mạn đều cũng hiện hành. Do nhân duyên ấy, nên biết tất cả phiền não đều được kết sanh tương tục.

Lại nữa, Kết sanh tương tục lược có bảy thứ:

1. Kết sanh tương tục của Triền và Tùy miên. Nghĩa là các phàm phu.

2. Kết sanh tương tục của chỉ Tùy miên: Là hạng thấy Thánh tích.

3. Kết sanh tương tục của bậc nhập thai chánh tri: Là bậc chuyển Luân Vương.

4. Kết sanh tương tục của bậc nhập trụ chánh tri: Là các bậc Độc giác.

5. Kết sanh tương tục của bậc nơi tất cả phần vị không mất chánh

niệm: Là các vị Bồ tát.

6. Kết sanh tương tục do nghiệp dẫn phát: Là kết sanh tương tục trừ Bồ tát.

7. Kết sanh tương tục do Trí dẫn phát: Tức là các Bồ tát.

Lại có kết sanh tương tục dẫn không nghĩa lợi: Tức kết sanh tương tục do nghiệp dẫn phát. Lại có kết sanh tương tục có thể dẫn đến nghĩa lợi: Tức kết sanh tương tục do Trí dẫn phát. Như vậy, nói chung về kết sanh tương tục hoặc bảy, hoặc chín.

Lại nữa, đối với Xứ ấy, phần còn lại hiện có, tất cả thuận nơi trường hợp trước, thuận nơi trường hợp sau cùng bốn trường hợp, quyết trạch như lý, Văn không nhắc lại. Tụng sau nêu:

Nghiệp tướng sự cùng Lạc
Bất thiện cùng với đoạn
Đối tượng duyên, hiện hành
Tục sanh là sau cùng.

Như thế là đã nói về "Quyết trạch phiền não tạp nhiễm". Quyết trạch về Nghiệp tạp nhiễm nay sẽ nói.

Như trước đã nói về nghĩa của Nghiệp tạp nhiễm, nên biết Nghiệp nầy cũng do năm Tướng kiến lập sai biệt. Nghĩa là nghiệp thân ngữ ý thuộc về nghiệp đạo căn bản cùng các nghiệp thuộc về phương tiện khởi sau. Như đã nêu ở trước. Nghiệp đạo bất thiện gọi là Nghiệp đạo căn bản gồm thâu nghiệp thân ngữ ý bất thiện.

Thế nào là kiến lập Tự tướng của Nghiệp đạo bất thiện như Sát sanh v.v...? Nghĩa là Tâm nhiễm ô khởi dục lạc, tức ở nơi xứ nầy nghiệp kia hiện hành được trọn vẹn, nên biết đó gọi chung là Tự tướng của tất cả nghiệp đạo như Sát sanh v.v...

Tâm nhiễm ô: Là tham và chỗ che phủ của Tham. Là Sân và chỗ che phủ của Sân. Là Si và chỗ che trùm của Si.

Nếu như có Tâm nhiễm ô không khởi dục lạc kia, tuy ở xứ ấy, nghiệp kia hiện hành được trọn vẹn, nhưng nghiệp ác nầy không phải thuộc về nghiệp đạo đầy đủ.

Nếu như có Tâm nhiễm ô cùng khởi dục lạc kia, nhưng tâm điên đảo, nghĩa là đối với sự khác, nghiệp kia hiện hành mà được trọn vẹn, thì nghiệp nầy cũng không thuộc về nghiệp đạo đầy đủ. Nếu như có Tâm nhiễm ô cùng khởi dục lạc kia, tức nơi xứ ấy nghiệp không hiện hành mà được trọn vẹn, thì nghiệp nầy cũng không thuộc về nghiệp đạo đầy đủ.

Nếu như có Tâm nhiễm ô cùng khởi dục lạc kia, tức ở nơi xứ ấy, Nghiệp kia hiện hành mà không trọn vẹn, thì nghiệp nầy cũng không thuộc về Nghiệp đạo đầy đủ.

Hoặc có Tâm nhiễm ô cùng khởi dục lạc kia, tức ở nơi xứ ấy, nghiệp kia hiện hành mà được trọn vẹn, đủ tất cả chi, thì nghiệp nầy mới gọi là thuộc về nghiệp đạo tròn đủ. Do đấy, lược nói về tự tướng của Nghiệp đạo. Tự tướng của tất cả nghiệp đạo bất thiện nên theo đấy mà quyết định.

Lại nữa, nếu kiến lập rộng tự tánh sai biệt của mười Nghiệp đạo ác, lại do năm tướng, đó là:

1. Sự.
2. Tưởng.
3. Dục lạc.
4. Phiền não.
5. Phương tiện đạt đến cứu cánh.

Về Sự: Mỗi mỗi nghiệp đạo đều quyết định riêng về Sự của nơi chốn nương dựa, hoặc là số hữu tình, hoặc không phải số hữu tình, theo chỗ ứng hợp, mười nghiệp đạo ác dựa vào đấy mà chuyển.

Tưởng có bốn loại: Nghĩa là:

Tưởng đối với pháp kia không phải là pháp kia. Tưởng không phải đối với pháp kia là pháp kia. Tưởng đối với pháp kia là pháp kia.

Tưởng không phải đối với pháp kia không phải là pháp kia.

Dục lạc: Hoặc tưởng có điên đảo, hoặc tưởng không điên đảo, đều vui thích tạo dục.

Phiền não: Hoặc tham hoặc Sân hoặc Si. Hoặc tham sân, hoặc tham si, hoặc sân si. Hoặc tham sân si, tất cả đều gồm đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Tức ở chỗ muốn tạo nghiệp, theo đấy khởi phương tiện. Hoặc ngay nơi lúc ấy, hoặc vào thời gian sau mà được cứu cánh.

Do năm tướng ấy, nên đối với sát sanh cho đến Tà kiến, trong các nghiệp đạo, theo chỗ thuận hợp sẽ kiến lập rộng mười thứ sai biệt của tự tánh đầy đủ.

Nghiệp đạo sát sanh, dùng chúng sanh của số hữu tình làm Sự, nếu có thể hại, tức ở chỗ của chúng sanh, tạo tưởng chúng sanh, dấy khởi mong muốn hại sinh mạng. Tưởng nầy tức gọi là Tưởng không điên đảo đối với tên gọi của chúng sanh kia. Dựa nơi tưởng nầy nên tạo tâm như vầy: Ta sẽ hại sinh mạng kẻ kia. Như thế gọi là dục lạc (mong muốn) sát sanh. Khả

năng sát hại nầy, hoặc do tham che lấp, hoặc do sân che lấp, hoặc do si che lấp. Hoặc do cả hai thứ che lấp. Hoặc do cả ba thứ che lấp mà khởi tâm tạo tác. Đó gọi là Phiền não.

Kẻ kia do dục lạc cùng tâm nhiễm ô, hoặc tự hoặc tha, phát khởi phương tiện gia hại chúng sanh. Nếu hại không gián đoạn chúng sanh kia liền qua đời, tức phương tiện nầy vào chính lúc ấy gọi là tạo thành nghiệp đạo rốt ráo. Nếu vào thời gian sau chúng sanh kia mới bỏ mạng, do phương tiện nầy, nên lúc chúng sanh kia mạng chung mới gọi là tạo thành nghiệp đạo rốt ráo.

Sự của Nghiệp đạo không cho mà lấy: Nghĩa là vật thuộc về kẻ khác.

Về tưởng: Tức Tưởng đối với sự vật kia là sự vật kia. Về dục lạc: Là muốn cướp đoạt lấy.

Phiền não: Tức ba độc, hoặc đủ hoặc không đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Nghĩa là khởi phương tiện để dời lìa khỏi chỗ cũ.

Về Sự của Nghiệp đạo dục tà hạnh: Nghĩa là người nữ không ưng thuận hành tác, tạo ra chỗ ứng hợp để hành tác, không phải chi phần, không phải xứ, không phải thời, không phải lượng. Hoặc không hợp lý vì tất cả nam và chẳng phải nam.

Về tưởng: Là tưởng đối với sự việc kia là sự việc kia. Về dục lạc: Là vui thích với hành dục.

Về Phiền não: Là ba độc, hoặc gồm đủ, không gồm đủ. Phương tiện đạt đến cứu cánh: Là cả hai bên giao hợp.

Về Sự của nghiệp đạo nói dối: Là Thấy nghe hiểu biết, không thấy không nghe không hiểu không biết.

Về Tưởng: Nghĩa là đối với việc thấy v.v... hoặc tưởng trái ngược với điều kia.

Dục lạc: Tức mong muốn thích nói của tưởng che giấu. Phiền não: Là Tham Sân Si, hoặc gồm đủ, không gồm đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Nghĩa là nhận hiểu về thời, chúng cùng đối với kẻ bàn luận.

Về Sự của Nghiệp đạo nói lời Ly gián: Là các Hữu tình, hoặc hòa hợp hoặc không hòa hợp.

Về Tưởng: Nghĩa là cùng đối với sự việc kia, hoặc hợp hoặc lìa, theo đấy dấy khởi một tưởng.

Dục lạc: Tức vui thích, mong muốn sự việc kia trái lìa hoặc không

hòa hợp.

Phiền não: Là ba độc, hoặc đủ hoặc không đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Là nhận biết về chỗ phá hoại.

Về Sự của Nghiệp đạo nói lời thô ác: Là các Hữu tình có thể bị trái, tổn.

Về Tưởng: Tức tưởng đối với sự việc kia là sự việc kia. Dục lạc: Là vui thích muốn nói lời thô.

Phiền não: Là ba độc, hoặc gồm đủ, không gồm đủ. Phương tiện đạt đến cứu cánh: Là trách mắng kẻ kia.

Về Sự của Nghiệp đạo nói thêu dệt: Là có thể dẫn phát nghĩa không lợi ích.

Về Tưởng: Là tưởng đối với sự việc kia là sự việc kia. Về dục lạc: Là mong muốn, ưu thích nói.

Phiền não: Là ba độc, hoặc gồm đủ, hoặc không đủ. Phương tiện đạt đến cứu cánh: Lời nói vừa mới bày tỏ.

Về Sự của Nghiệp đạo Tham dục: Là tài sản thuộc về kẻ khác. Về Tưởng: Là Tưởng đối với sự vật kia là sự vật kia.

Về dục lạc: Tức Ái dục như thế.

Phiền não: Là ba độc, hoặc đủ, hoặc không đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Nghĩa là đối với sự vật kia, định kỳ hạn sẽ thuộc về mình.

Về Sự và Tưởng của Nghiệp đạo Sân hận: Như đã nói về nghiệp đạo Nói lời thô Ác.

Về dục lạc: Là mong muốn tạo tổn hại.

Phiền não: Là ba độc, hoặc đủ, hoặc không đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Là tâm mong mỏi quyết định tạo tổn hại.

Về Sự của Nghiệp đạo Tà kiến: Là nghĩa thật có.

Về Tưởng: Là Tưởng đối với có cho là chẳng phải có. Về dục lạc: Tức là Ái dục như thế.

Phiền não: Là ba độc, hoặc đủ, hoặc không đủ.

Phương tiện đạt đến cứu cánh: Là quyết định hủy báng. Lại nữa, Sát sanh có ba thứ:

1. Có tội tăng trưởng.
2. Có tội không tăng trưởng.

3. Không có tội.

Nhân duyên sanh tội cũng lược có ba:

1. Do phiền não dấy khởi.

2. Có thể sanh các khổ.

3. Trông mong đầy đủ.

Loại một đủ ba duyên. Loại hai có hai duyên, không có trông mong đầy đủ. Loại ba chỉ có một duyên. Có thể sanh khổ.

Lại nữa, lược nêu do năm tướng để kiến lập tự tướng trọn đủ của Tham dục, Sân hận, Tà kiến.

Những gì gọi là năm tướng của Tham dục? Đó là:

1. Có tâm đắm chấp: Nghĩa là đối với nơi chốn của cải của chính mình.

2. Có tâm tham lam: Là vui thích tích chứa tài vật.

3. Có tâm tham ăn tham uống: Là đối với các sự như tài sản vật dụng thuộc kẻ khác, cho là tốt đẹp, sanh khởi yêu thích sâu xa về vị của chúng.

4. Có tâm mưu mô tính toán: Nghĩa là khởi tâm. Làm sai khiến các vật hiện có kia sẽ thuộc về ta.

5. Có tâm che giấu: Là do tham dục triền che giấu nên không biết xấu hổ.

Không biết về lỗi lầm tai họa cùng nẻo xuất ly, nếu như đối với tài sản của chính mình, có tâm đắm chấp, không có tâm khác hiện, nên biết đây không phải là hành tướng Ác của ý tham dục trọn đủ. Như vậy, có tâm đắm chấp và Tâm tham lam, không có Tâm khác hiện, cũng không phải là Tướng của tham dục trọn đủ. Như thế nói rộng cho đến như trước đã nói về các tướng, theo đấy thiếu một thứ, tức không phải là tướng tham dục trọn đủ. Nếu gồm đủ toàn phần mới gọi là Tướng tham dục trọn đủ.

Những gì gọi là năm tướng của Sân hận? Đó là:

1. Có Tâm tăng ác: Là đối với tướng có thể tổn hại, theo pháp phân biệt.

2. Có Tâm không nhẫn nại: Nghĩa là đối với sự việc không lợi ích, Tâm không gắng nhẫn.

3. Có Tâm oán hận: Tức đối với việc không lợi ích, theo chỗ nhớ nghĩ thường không như lý.

4. Có Tâm mưu tính: Nghĩa là đối với hữu tình khởi ý như vầy: Làm sao để đánh đập, có thể sát hại họ, cho đến nói rộng.

5. Có Tâm che giấu: Là như trước đã nói.

Nơi năm tướng nầy, nếu thiếu một thứ thì không phải là Tướng Sân hận trọn đủ. Nếu gồm đủ tất cả mới gọi là trọn đủ.

Những gì gọi là năm tướng của Tà kiến? Đó là:

1. Có Tâm ngu si: Là không nhận biết đúng như thật về đối tượng nhận thức.

2. Có Tâm bạo ác: Là vui thích tạo các thứ ác.

3. Có Tâm vượt nẻo lưu hành: Là đối với các pháp không phân biệt, suy cầu đúng như lý.

4. Có Tâm hoại mất: Tức là cho không có bố thí v.v..., hủy báng hết thảy các hành diệu v.v...

5. Có Tâm che giấu: Là chỗ che phủ của Tà kiến triền.

Không biết xấu hổ. Không biết về lỗi lầm, tai họa cùng nẻo xuất ly. Đối với năm tướng nầy, phải gồm đủ tất cả mới gọi là Tướng Tà kiến trọn đủ.

Lại nữa, nếu dùng tay v.v... hại chúng sanh, thì gọi là sát sanh. Như vậy, dùng đất đá, đao gậy, cột trói, không cho ăn uống, làm nhục, trừng phạt, chú thuật, thuốc uống v.v... để hại chúng sanh đều gọi là sát sanh. Dùng tài sản lợi lộc v.v... để hại các chúng sanh cũng gọi là sát sanh. Hoặc sợ bị tổn hại, hoặc vì trừ oán hại. Hoặc cho là theo pháp, cho đến hoặc vì vui đùa mà hại các chúng sanh, cũng gọi là sát sanh. Nếu tự sát hại, hoặc khiến kẻ khác sát hại, đều phạm tội sát.

Lại nữa, nếu có kẻ cướp đoạt tài vật của kẻ khác một cách hiển nhiên thì gọi là không cho mà lấy. Như vậy, trộm cắp bằng cách đào tường, mở gói, phục nơi đường đi để đoạt lấy. Hoặc có trường hợp chống lại nợ, nhận vật gởi không trả lại. Hoặc hành dối gạt dua nịnh, giả trá để lấy. Hoặc hiện bày phương tiện gây sợ hãi mà lấy. Hoặc hiện bày oai đức mà lấy vật kia. Hoặc tự mình trộm cướp, hoặc lại khiến kẻ khác làm. Hết thảy sự việc như thế đều là không cho mà lấy. Hoặc có khi tự làm, hoặc có khi vì kẻ khác, hoặc vì sợ hãi, hoặc vì trói buộc giết hại, hoặc vì hàng phục, hoặc vì để thọ dụng, hoặc vì để cấp cho, hoặc vì ganh ghét, nên không cho mà lấy. Tất cả các việc như vậy đều gọi là không cho mà lấy.

Lại nữa, nếu hành theo hành không ưng thuận gọi là hành dục tà. Hoặc ở nơi không phải chi, không phải thời, không phải Xứ, không phải lượng, không phải lý, như thế tất cả đều là Hành Dục tà. Hoặc đối với mẹ v.v... cùng chỗ bảo hộ của mẹ v.v... như Kinh đã nói rộng, gọi là hành

không ưng thuận. Tất cả nam cùng chẳng nam, thuộc về mình thuộc về người khác, đều là Hành không ưng thuận. Ngoại trừ "sản môn", các chi phần khác hiện có đều gọi là không phải chi.

Hoặc là thời gian "bất tịnh", thời gian có thai trọn đủ, thời gian cho con bú sữa, thời gian thọ trì trai giới, hoặc thời gian có bệnh. Nghĩa là các bệnh hiện có không thích hợp cho việc hành dục. Đó gọi là không phải thời.

Hoặc những nơi chốn hội họp, chốn tôn kính, hoặc trong linh miếu, hoặc ở trước đám đông, hoặc ở chỗ đất cứng, cao thấp không bằng, khiến không an ổn. Các nơi chốn như thế gọi là chẳng phải Xứ.

Hành dục quá lượng gọi là không phải lượng. Lượng ở đây tối đa là năm, ngoài số ấy tất cả đều gọi là quá lượng.

Không dựa theo lễ nghi của thế gian, gọi là không phải lý. Nếu tự hành dục, hoặc môi giới kết hợp với kẻ khác, hai trường hợp nầy đều thuộc về Hành dục tà. Nếu có công khai hoặc lại trộm giấu, hoặc nhân nơi phương tiện dối gạt, dua nịnh, rối loạn, hoặc nhân nơi sự giao phó mà hành hạnh tà, như thế đều gọi là phạm tội Hành dục tà.

Lại nữa, nếu là nhân của chính mình nên nói dối. Hoặc nhân nơi kẻ khác, hoặc nhân nơi sợ hãi, hoặc nhân nơi của cải, lợi lưỡng mà nói dối, đều gọi là nói dối. Hoặc không thấy nghe hiểu biết nói là thấy nghe hiểu biết. Hoặc thấy nghe hiểu biết mà nói là không thấy nghe hiểu biết, đều gọi là nói dối. Hoặc viết thư nêu rõ, hoặc do im lặng biểu thị đã nhận nghĩa ấy. Hoặc làm chứng mà nói. Hoặc có khi tự nói, hoặc khiến kẻ khác nói. Hết thảy các việc như vậy đều là tội nói dối. Lại nữa, nếu do sự thật mà hủy báng kẻ khác, vì nhằm trái lìa nên phát ra lời nói ấy, gọi là nói lời ly gián. Hoặc dùng phương tiện giả hợp, không thật, lấy đó làm chỗ dựa, vì nhằm làm tổn hại kẻ khác mà nói ra. Hoặc dựa vào chỗ gần gũi mà ban cho. Hoặc dựa vào sự cung cấp hầu cận của bạn bè biết nhau mà nêu bày, gọi là nói lời Ly gián. Hoặc duyên của tự lợi, hoặc duyên của việc tổn hại kẻ khác, hoặc do kẻ khác chỉ bày. Hoặc hiện rõ việc phá hủy đức, hoặc hiện bày sợ hãi vì nhằm làm trái lìa. Hoặc tự mình nói ra, hoặc khiến kẻ khác nói, như thế đều gọi là tội nói lời Ly gián.

Lại nữa, nếu có kẻ đối diện, nói ra lời cay độc, gọi là nói lời Thô ác. Hoặc không hiện tiền, hoặc đối trước đám đông, hoặc ở nơi vắng vẻ, hoặc tùy theo lỗi thật, không tùy theo lỗi thật, hoặc viết thư nêu rõ, hoặc giả hiện tướng, hoặc dựa nơi mình nói, hoặc dựa vào người khác nói, hoặc nhân nơi trạo cử, hoặc nhân nơi sự ồn ào, hoặc dựa vào lỗi lầm của chủng tộc, hoặc căn cứ vào lỗi của chỗ nương dựa, hoặc dựa vào lỗi lầm hiện hành của giới

cấm đã tạo tác. Hoặc tự mình phát khởi lời nói cay độc, hoặc khiến kẻ khác nói, như thế đều gọi là tội nói lời Thô ác.

Lại nữa, nếu có hữu tình dựa vào sự biến đổi, trở mặt mà phát ra lời ca ngợi, gọi là nói lời thêu dệt. Hoặc dựa nơi sự làm vui, hoặc lại cùng dựa, hoặc cùng không dựa mà phát ra lời ca ngợi, đều gọi là nói lời thêu dệt.

Nếu ngoài pháp Phật, các thư luận hiện có chỉ có thể dẫn đến vô nghĩa, do tâm yêu thích nên thọ trì, tán dương, đọc tụng với âm thanh lớn, rộng vì kẻ khác phân biệt, nêu bày, đều gọi là nói lời thêu dệt.

Hoặc dựa vào sự kiện tụng tranh chấp mà nói ra, hoặc ở chốn đông đảo vui thích nêu bày các thứ Luận v.v... đều gọi là nói lời thêu dệt. Nếu hành nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, kể cả không xét không chọn nên nói ra lời vô nghĩa đều gọi là nói lời thêu dệt.

Lại dựa vào bảy sự mà phát khởi lời nói thêu dệt. Đó là:

1. Lời kiện tụng, tranh chấp.
2. Lời chú thuật xấu ác của các Bà la môn.
3. Lời bức bách khiến khổ não.
4. Lời vui chơi đùa cợt.
5. Lời nói bậy bạ ở chỗ đông đảo.
6. Lời nói điên cuồng.
7. Lời nói tà mạng.

Tất cả như thế đều gọi là tội nói lời thêu dệt.

Lại nữa, nếu đối với gia chủ khởi mong muốn như vầy: Làm sao ta sẽ giống với ông ấy có đủ kẻ tôi tớ phục dịch, theo chỗ sai bảo mà làm. Đó gọi là Tham dục.

Lại khởi mong muốn nầy: Tức như gia chủ kia hiện có cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cùng những kẻ sai khiến, nói rộng cho đến bẩy sự thâu nhận mười sự nuôi sống thân như ăn uống v.v..., đều sẽ thuộc về ta. Lại khởi mong muốn nầy: Làm sao khiến cho kẻ khác biết ta là người thiểu dục, tri túc, dũng mãnh xa lìa, tinh tấn an trụ, chánh niệm tịch định, không huệ, các lậu đã hoàn toàn dứt hết, đủ mọi Thí, Giới, đa văn.

Lại khởi mong muốn nầy: Làm thế nào khiến kẻ khác cúng dường cho ta v.v... Hoặc các Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca đều sẽ cung kính, tôn trọng, thừa sự cúng dường nơi ta.

Lại khởi mong muốn nầy: Làm sao khiến cho ta sẽ được đủ các thứ lợi dưỡng, cùng các thứ vật dụng, của cải v.v...

Lại khởi mong muốn: Làm sao khiến ta sẽ sanh lên cõi Trời có đủ

mọi thứ thượng diệu, năm dục tạo mọi hoan lạc.

Lại khởi mong muốn: Làm sao khiến ta sẽ sanh trong chúng đồng phận hi hữu, trong nẻo người của thế giới Tỳ-sắt-nô thế giới Lỗ-đạt-La, cho đến khiến ta sẽ sanh trong chúng đồng phận của Trời Tha Hóa Tự Tại.

Lại khởi mong muốn: Làm sao khiến ta, cho đến sẽ được cha mẹ, vợ con, kẻ tôi tớ hầu cận, bạn bè, quan chức, thân thích, anh em đồng là phạm hạnh. Tất cả các việc như thế đều gọi là thuộc về nghiệp đạo Tham dục.

Nếu tạo suy nghĩ như vầy: Kẻ kia đối với ta hiện có mong muốn vô nghĩa, nên ta đối với kẻ ấy sẽ tạo mọi sự vô nghĩa. Đó gọi là Giận dữ.

Lại khởi suy nghĩ: Kẻ kia đối với ta, đã tạo đang tạo sẽ tạo các thứ vô nghĩa, ta cũng đối với kẻ ấy tạo ra các việc vô nghĩa. Đó cũng gọi là giận dữ. Như vậy, nói rộng về chín sự não hại nên biết cũng thế.

Lại tạo suy nghĩ: Làm sao khiến ta đối với kẻ thù oán, bạn ác, có thể tổn hại họ, mà mình được tự tại. Xua đuổi, bắt trói để hại. Hoặc đánh đập, hoặc phân tán tài sản, hoặc đoạt lấy thê thiếp, bạn bè, quyến thuộc, nhà cửa v.v... Tâm não hại nầy cũng gọi là giận dữ.

Lại khởi tư duy: Làm sao khiến kẻ kia có thể gây tổn hại cho kẻ thù, bạn ác của ta. Đối với những nơi chốn khác, họ cũng gặp phải các sự khổ não như trên đã nói. Tâm tổn hại ấy cũng gọi là giận dữ.

Lại khởi suy nghĩ: Mong cho kẻ kia tự nhiên phát khởi các hành của than ngữ ý như vậy như vậy, do đấy nên tài sản, bạn bè, quyến thuộc, tiếng tăm đều bị mất mát hết, kể cả mạng sống an lạc cùng các pháp thiện cũng vậy, thân hoại, sẽ sanh trong các nẻo ác. Hết thảy tâm não hại như thế đều gọi là nghiệp đạo căn bản của giận dữ.

Lại nữa, nếu tạo tư duy: Nhất định là không có bố thí v.v..., đó gọi là Tà kiến.

Nói rộng cho đến hủy báng nhân, dụng, quả, phá hoại sự chân thiện. Tất cả sự việc như thế đều gọi là Nghiệp đạo căn bản của Tà kiến.

Hỏi: Hết thảy kiến điên đảo đều gọi là Tà kiến. Vì sao đức Thế Tôn ở trong Nghiệp đạo chỉ nói các kiến phỉ báng như thế gọi là Tà kiến?

Đáp: Do Tà kiến nầy, là hơn hết trong các thứ Tà kiến. Vì sao? Vì do Tà kiến ấy làm chỗ dựa, nên có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn đoạn các thiện căn. Lại, Tà kiến nầy là hoàn toàn thuận theo nghiệp ác. Kẻ mang tà kiến nầy, đối với các pháp ác tùy ý hành tác. Do đó, kiến nầy được nói riêng ở trong nghiệp đạo ác. Nên biết các kiến còn lại không phải là không tương ưng với tự tướng của Tà kiến.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 60

Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ

Đoạn 3:

Lại nữa, do năm nhân duyên nên Sát sanh thành nặng:

1. Do ý lạc.
2. Do phương tiện.
3. Do không đối trị.
4. Do tà chấp.
5. Do sự việc sát hại ấy.

Nếu do ý lạc của tham dục mãnh liệt tạo nên, do ý lạc của giận dữ mãnh liệt tạo nên, do ý lạc của ngu si mãnh liệt tạo nên, gọi là sát sanh nặng. Cùng với các trường hợp trên trái nhau, gọi là sát sanh nhẹ.

Hoặc có ý niệm: Ta phải sẽ tạo, đang tạo, đã tạo, Tâm liền phấn khích, tâm sanh hoan hỉ. Hoặc tự mình làm, hoặc khuyên bảo kẻ khác làm. Đối với chỗ hành tác của kẻ kia, đã có lời tán dương. Thấy người "Đồng pháp" thì ý liền mừng vui, qua thời gian dài suy xét. Qua thời gian dài tích chứa tâm oán hận rồi mới có chỗ hành tác. hành tác không gián đoạn. Hành tác chăm chú hết mực. Hoặc vào một lúc sát hại tức thì nhiều loại. Hoặc do nhân duyên phát khởi nghiệp sâu chắc mà hành sát hại. Hoặc khiến cho sợ hãi, không nơi dựa nhờ mới hành sát hại. Hoặc đối với những người cô độc, nghèo khổ, rất đáng thương xót v.v... mà hành sát hại. Hết thảy các hành như thế do phương tiện, nên gọi là Sát sanh nặng. Hoặc chỉ hành sát, không thể hằng ngày cho đến một thời gian ít nhất để trì một Học xứ. Hoặc cũng không thể vào hàng tháng, các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm cùng nữa tháng, thọ trì trai giới. Hoặc cũng không thể nơi mọi thời gian hành Huệ thí tạo phước, làm các việc thăm hỏi, lễ bái, nghênh đón, chấp tay hòa kính v.v... Lại cũng không thể nơi mọi lúc mọi khi đạt được sự hổ thẹn tăng thượng mãnh liệt, hối hận về chỗ làm ác của mình. Lại không chứng đắc việc lìa dục thế gian, cũng không chứng đắc hiện quán về pháp thật. Tất cả những thứ như thế do không đối trị, nên gọi là Sát sanh nặng.

Hoặc các Sa-môn, hoặc các Bà-la-môn tiếp tục cúng tế sai lạc, theo nhận kiến ấy chấp là chánh pháp mà hành sát hại. Do tà chấp nên gọi là Sát sanh nặng.

Lại khởi tâm nầy: Sát hại Dê không tội, vì loài dê kia là vật cần cho sự sống, bậc Thế chủ đã hóa ra. Các thứ nương dựa vào tà kiến như thế mà hành sát hại, đều là tà chấp, nên gọi là Sát sanh nặng.

Hoặc có trường hợp sát hại chúng sanh thân lớn, do sự ấy nên gọi là Sát sanh nặng. Hoặc có trường hợp sát hại người, tướng người, hoặc cha mẹ cùng các bậc tôn kính khác. Hoặc có khi sát hại người quay về nương dựa, giao phó, tin tưởng, hoặc các bậc Hữu học, hoặc các vị Bồ tát, hoặc các A-la-hán, các vị Độc giác. Hoặc đối với Như lai khởi ý sát hại, tâm ác làm thân Phật chảy máu. (Tánh mạng của Như lai là không thể sát hại). Tất cả các việc như thế, do sự việc sát hại kia nên gọi là Sát sanh nặng. Cùng trái nhau với nhân duyên như trên đã nói mà hành sát sanh, gọi là Sát sanh nhẹ.

Lại nữa, nên biết không cho mà lấy cùng do sự việc không cho mà lấy ấy nên có nặng nhẹ sai biệt. Bốn Nhân duyên còn lại, theo chỗ ứng hợp như sát sanh, nên biết.

Lại nữa, nếu trộm cướp nhiều gọi là không cho mà lấy nặng. Như vậy, hoặc trộm cướp các vật tốt đẹp, quý giá, trộm cướp nơi người hết lòng tin tưởng, trộm cướp nơi kẻ nghèo khổ cô độc, trộm cướp nơi chúng xuất gia theo pháp Phật. Hoặc vào xóm làng làm việc trộm cướp. Trộm cướp nơi các bậc Hữu học, hoặc các A-la-hán, các độc giác, hoặc các tài vật hiện có nơi tháp miếu thờ Phật, hoặc nơi Tăng viện. Tất cả các việc như thế, do sự việc không cho mà lấy ấy, nên gọi "không cho mà lấy nặng".

Lại nữa, trong hành theo hành không ưng thuận, hoặc là mẹ, hoặc người thân quen của mẹ, tin tưởng giao phó thê thiếp của người khác, hoặc kẻ trụ nơi Giới cấm, hoặc Bí-sô-ni, hoặc Cần sách nữ, hoặc hàng chánh học. Tất cả các trường hợp như thế, do "Sự việc ấy" nên gọi là Hành dục tà nặng.

Trong hành "Không phải chi phần", nếu đối với diện môn, do sự việc Hành dục tà kia, nên gọi là Hành dục tà nặng.

Trong Hành "Không phải thời", nếu đối với thời gian thọ trai giới, thời gian thai nhi đã trọn đủ, hoặc khi bị bệnh nặng, do sự việc hành dục kia nên gọi là Hành dục tà nặng.

Lại nữa, hoặc vì lừa gạt để lấy nhiều tài sản của kẻ khác, hoặc tốt hoặc hơn hẳn nên đã nói dối, do sự việc nặng, nên gọi là nói dối nặng. Hoặc

đối với trường hợp tin tưởng, phó thác, hoặc cha hoặc mẹ, nói rộng như trước, cho đến cả nơi trụ xứ của Phật mà hành vọng ngữ, do sự việc nặng nên gọi là nói dối nặng.

Hoặc có khi nói dối khiến kẻ khác sát sanh, tổn hại tài sản cùng thê thiếp. Trường hợp nầy nếu thực hành xong là sát sanh cực nặng, là không cho mà lấy nặng, hành dục tà nặng. Do sự việc ấy nặng nên gọi là nói dối nặng. Hoặc có khi nói dối có thể phá hoại Tăng. Đối với các thứ nói dối, thì nói dối nầy là hết sức nặng.

Lại nữa, nếu trong thời gian dài tích tập thân ái để hành phá hoại, đây do sự việc nặng nên gọi là nói lời ly gián nặng. Hoặc phá hoại kẻ khác khiến họ lìa bạn tốt, lìa cha mẹ, nam nữ, phá hòa hợp Tăng. Nếu nói lời ly gián có thể dẫn đến sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành dục tà, về lý, như trước đã nói, nên biết. Như thế, tất cả do sự việc nặng nên gọi là nói lời ly gián nặng.

Lại nữa, nếu đối với cha mẹ cùng các bậc sư trưởng khác, phát khởi lời nói thô ác, do sự việc nặng nên gọi là nói lời thô ác nặng. Hoặc dùng lời nói dối không chân thật, hiện tiền mắng nhiếc, trách cứ kẻ khác, do sự việc nặng nên gọi là nói lời thô ác nặng. Lại nữa, phàm các lời nói thêu dệt đều thuận theo nói dối. Lời nói ấy nặng nhẹ, cũng như nơi nói dối, nên biết. Nếu dựa vào việc kiện tụng, tranh chấp mà phát khởi lời nói thêu dệt, cũng gọi là nặng. Nếu do Tâm nhiễm ô, đối với các thứ sách vở của ngoại đạo chỉ có thể dẫn đến vô nghĩa, lại đọc tụng, ca ngợi, rộng vì kẻ giảng nêu. do sự việc nặng nên gọi là nói lời thêu dệt nặng. Hoặc đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng, nói lời đùa cợt, xem thường, hay những ngôn ngữ không đúng đạo lý, cũng do sự việc nặng nên gọi là nói lời thêu dệt nặng.

Lại nữa, nếu đối với các thứ vật báu, của cải hiện có nơi Linh miếu thờ Phật, nơi các Tăng viện, khởi tâm tham dục, do sự nặng nên gọi là tham dục nặng.

Hoặc đối với đức của chính mình khởi Tăng thượng mạn, tự cho là bậc Trí, nên đối với các bậc sư trưởng được Quốc vương, đại thần, các hàng quý tộc tôn trọng, và các vị đồng phạm hạnh thông tuệ, khởi dục tham tăng thượng cần đạt lợi dưỡng, gọi là tham dục nặng. Lại nữa, nếu đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng, khởi tâm tổn hại, do sự việc nặng nên gọi là giận dữ nặng.

Lại, đối với những người bần cùng, cô khổ, không tội lỗi, đáng thương xót, mà khởi tâm tổn hại, do sự việc nặng nên gọi là giận dữ nặng.

Lại nữa, nếu đối với tất cả các tà kiến trong hết thảy tà kiến khác có

thể hủy báng, do hủy báng nầy nên mọi sự, môn đều chuyển, do đó gọi là Tà kiến nặng. Lại, nếu có kiến chấp cho thế gian không có bậc A-la-hán chân thật, chánh chí chánh hành, cho đến nói rộng. Tà kiến như vậy, do sự việc nặng nên gọi là Tà kiến nặng. Các sự việc hiện có, trừ những điều đã nói ở trên, theo chỗ thích hợp, cùng với chúng trái nhau, đều gọi là nhẹ.

Lại nữa, Sát sanh đã dẫn đến các nghiệp bất thiện. Hoặc có khi là tạo tác mà không phải tăng trưởng. Hoặc có khi là tăng trưởng mà không phải là tạo tác. hoặc có khi cũng là tạo tác, cũng là tăng trưởng. Hoặc có khi không phải là tạo tác, cũng không phải là tăng trưởng.

Trường hợp đầu: Là trẻ con không biết phân biệt mà làm. Hoặc ở trong mộng mà tạo tác. Hoặc không suy xét mà làm. Hoặc tự mình không muốn, nhưng bị kẻ khác bức bách khiến làm. Hoặc có khi vừa làm xong, tiếp theo liền khởi tâm hối hận mãnh liệt cùng tâm lo âu, thành khẩn trách cứ khiến xa lìa, chánh thọ luật nghi khiến tội lỗi kia được mỏng, nhẹ. Chưa nhận quả báo, liền khởi đạo lìa dục thế gian, trừ bỏ chủng tử kia. Tiếp theo, khởi đạo xuất thế, đoạn trừ vĩnh viễn, loại bỏ hẳn chủng tử kia.

Trường hợp Tăng trưởng mà không phải là tạo tác: Nghĩa là như có một hữu tình, vì hại sanh nên ở trong đêm dài sanh tử, luôn tùy hỷ quán xét. Do nhân duyên nầy nên kẻ ấy bèn tăng trưởng các pháp ác bất thiện do sát sanh dẫn khởi, nhưng không thể làm công việc sát sanh.

Trường hợp cũng tạo tác, cũng tăng trưởng: Nghĩa là trừ các việc đã nói ở trước: Tạo tác không phải là tăng trưởng, tăng trưởng không phải là tạo tác, là hết thảy nghiệp tướng sát sanh còn lại.

Trường hợp bốn: Nghĩa là trừ từng ấy tướng đã nêu trên.

Như thế, chỗ còn lại về "Không cho mà lấy" v.v..., cho đến nói lời thêu dệt, theo chỗ thích hợp, như nơi Sát sanh, nên biết.

Ở trong tham dục, giận dữ, tà kiến, không có sự tăng trưởng thứ hai mà không phải là trường hợp tạo tác. Trong trường hợp một không có việc không suy xét mà làm, cùng bị kẻ khác bức bách khiến làm. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, nếu đối với sát sanh, gần gũi, thường hành, tạo tác nhiều nên sanh nơi Na-lạc-ca (địa ngục), đó gọi là Quả dị thục của Sát sanh. Hoặc từ cõi ấy chết đi, sanh đến trong đồng phận của người nơi cõi nầy, thọ mạng ngắn ngủi, đó gọi là Quả đẳng lưu của Sát sanh.

Ở trong khí thế gian đạt được từ bên ngoài, các việc ăn uống, thuốc men v.v... đều ít ỏi, uy lực kém, dị thục cùng với oai đức thảy đều thua sút, chuyển hóa không bình thường nên sinh khởi bệnh tật. Do nhân duyên nầy,

nên vô số hữu tình, thọ mạng chưa hết mà mạng yểu phi thời. Đó gọi là Quả Tăng thượng của Sát sanh. Các nghiệp đạo còn lại, hai quả dị thục và đẳng lưu có sai biệt, như Kinh đã nói, nên biết. Quả Tăng thượng nay sẽ nói.

Hoặc các quả của khí thế gian quá ít, quả không tươi lớn, quả nhiều hư hoại, quả không thành thật, phần nhiều không có thấm nhuần. Các quả khô héo, hoặc hoàn toàn không quả. Tất cả các trường hợp như thế gọi là Quả tăng thượng của không cho mà lấy.

Hoặc nơi khí thế gian có nhiều thứ bùn phẩn cấu uế bất tịnh. Nơi chốn thở hít chật hẹp, sanh nhiều vật xú ác bất tịnh, phàm mọi thứ hiện có đều không đáng vui thích. Hết thảy các loại như vậy gọi là Quả Tăng thượng của Hành dục tà.

Hoặc nơi khí thế gian là làm ruộng, chèo thuyền, công việc của thế tục đều không phát triển tốt, tiện nghi ít ỏi, phần lớn không hài hòa, tương xứng, có nhiều nhân duyên khiến lo lắng, sợ hãi. Tất cả các việc như vậy là Quả Tăng thượng của nói dối.

Hoặc nơi khí thế gian, đối với xứ sở khác, nhiều gò hầm ngăn cách, hiểm trở khó đi, quá nhiều các sự việc lo lắng sợ sệt. Hết thảy những sự việc như vậy là Quả Tăng thượng của nói lời ly gián.

Hoặc nơi khí thế gian, về đất đai xứ sở có nhiều cây cối, gai gốc nhọn độc, nhiều cát sỏi, đá sạn khô khan, không có ao hồ trong mát, sông suối đều cạn kiệt, ruộng đất nhiễm mặn, gò đống, hang hốc hiểm trở, có nhiều nhân duyên gây sợ sệt, kinh hãi. Hết thảy các loại như vậy là Quả Tăng thượng của nghiệp nói lời thô ác. Hoặc nơi khí thế gian, các loại cây ăn quả hiện có, đều không cho quả, kết trái phi thời, đúng thời thì không kết trái, sống mà như đã chín, gốc chẳng vững chắc, thế không trụ lâu. Vườn rừng, ao hồ phần nhiều không đáng vui thích, có nhiều nhân duyên khiến sanh lo sợ. Tất cả những thứ ấy là Quả Tăng thượng của nghiệp nói lời thêu dệt.

Hoặc nơi khí thế gian, tất cả sự việc thịnh vượng trong năm, thì ngày đêm, một tháng, nửa tháng v.v... dần dần suy kém. Mọi khí vị hiện có chỉ giảm chứ không tăng. Hết thảy các việc như thế là Quả Tăng thượng của Tham dục.

Hoặc nơi khí thế gian, xảy ra nhiều thứ bệnh dịch, tai họa, oán địch nhiễu loạn, có nhiều thứ cầm thú tạp ác, nhiều loài rắn độc, nhiều loại côn trùng độc hại, các thứ quỷ mị, dược xoa, giặc ác v.v... Hết thảy các thứ như vậy là Quả Tăng thượng của giận dữ. Hoặc nơi khí thế gian, các thứ hoa quả thắng diệu bậc nhất hiện có, thảy đều ẩn mất. Các vật bất tịnh chợt

giống như thanh tịnh. Các thứ khổ não chợt giống như là an lạc. Không phải là nơi chốn an cư. Không phải là nơi chốn cứu giúp. Không phải là nơi chốn quay về nương dựa. Tất cả như thế là Quả Tăng thượng của Tà kiến.

Lại nữa, như đức Thế Tôn nói: Sát sanh có ba loại, nghĩa là do Tham Sân Si sanh khởi, cho đến Tà kiến cũng lại như thế. Ở đây, nghĩa sai biệt nên biết như thế nào?

Nếu vì chuyện "Huyết nhục" v.v... mà sát hại chúng sanh. Hoặc khởi tâm nầy: "Sát hại kẻ kia rồi, ta sẽ đoạt lấy tài sản vật dụng của nó". Hoặc nhận lời thuê của kẻ khác. Hoặc vì để báo ân. Hoặc bị bạn sai khiến. Hoặc mong được làm bạn. Hoặc vì cơm áo phải vâng theo lời mà hành sát hại. Hoặc có khi cho kẻ kia có thể bị suy tổn. Hoặc có lúc cho kẻ kia có thể ngăn cản của cải, lợi dưỡng mà hành sát hại. Như lợi thì suy, chê, khen, tán dương, trách cứ, khổ vui, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Hết thảy các việc như thế gọi là Nghiệp đạo sát sanh do Tham sanh khởi.

Lại nữa, nếu cho kẻ kia đối với mình vui thích làm điều vô nghĩa mà hành sát hại. Hoặc nghĩ kẻ kia đối với mình đã từng làm điều vô nghĩa. Hoặc lo sợ kẻ kia đối với mình sẽ làm điều vô nghĩa. Hoặc thấy kẻ kia đối với mình đang làm điều vô nghĩa mà hành sát hại, nói rộng cho đến nơi chín sự não hại đều nhận biết như thế. Tất cả các sự việc như vậy gọi là Nghiệp đạo sát sanh do Sân sanh khởi.

Lại nữa, nếu chấp về pháp mà hành sát hại, nghĩa là cho mình là thiện hữu của các chúng sanh khác, kẻ kia nhân được ta sát hại, thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi Trời. Sự sát hại như thế là từ Si sanh khởi.

Hoặc khởi tâm: Vì bậc tôn trưởng, theo pháp nên sát hại. Hoặc khởi Tâm nầy: Những kẻ kia đã phỉ báng Thế chủ Thiên Phạm, mạ lỵ các Bà-la-môn, theo pháp nên sát hại. Tâm sát hại như thế là từ Si sanh khởi.

Hoặc cho làm việc sát sanh cùng tăng trưởng không có quả dị thục. Vì kẻ khác diễn nói, khuyên họ hành nghiệp sát. Kẻ kia do được khuyên bèn hành việc sát hại. Khi ấy, người khuyên bảo kia phạm tội sát sanh từ Si sanh khởi. Sau đây, chỗ nói về nghiệp sát sanh từ Si sanh khởi, theo lý ấy thì các nghiệp đạo khác, cho đến tà kiến nên biết cũng vậy.

Hoặc có kẻ vọng chấp, đem cha mẹ, quyến thuộc thân ái ném vào trong lửa, không cho ăn uống, xô từ sườn núi cao xuống nơi hoang vắng, cho là chánh pháp đích thực. Tất cả các việc như vậy gọi là Nghiệp đạo sát sanh do Si sanh khởi.

Lại nữa, nếu đối với tài sản, thức ăn của kẻ khác, do tham ăn uống

mà lấy, là không cho mà lấy do tham dục sanh khởi.

Hoặc nhận lời thuê của kẻ khác mà hành trộm cướp. Hoặc thuộc về chuyện ân nghĩa, hoặc cầu mong ân sau. Hoặc vì áo cơm phải vâng theo lời chủ. Hoặc vì được khen ngợi, hoặc vì được an vui mà làm việc trộm cướp. Tất cả các sự việc như thế gọi là Nghiệp không cho mà lấy đều do tham sanh khởi.

Lại nữa, hoặc khởi suy nghĩ: Kẻ kia đối với ta đã vui thích làm điều vô nghĩa, nói rộng cho đến do sức tăng thượng của chín sự não hại mà hành trộm cướp, chẳng cần tham vướng tài sản hiện có của kẻ kia, chẳng cần mong cầu các thứ tài vật khác, là không cho mà lấy do Giận dữ sanh khởi.

Hoặc do ghét kẻ khác nên thiêu đốt xóm làng, nhà cửa tài sản, vật báu, các vật dụng sinh sống, nên biết kẻ ấy do tiếp xúc với giận dữ mà sanh, tội tương tợ với trộm cắp. Hoặc lại thêm mạnh, hoặc ghét bỏ kẻ kia, nên khiến người khác cướp đoạt, phá tan tài sản của kẻ kia. Người khác vâng lời, theo đấy mà làm, lúc ấy, kẻ là chủ thể chỉ bày kia phạm tội không cho mà lấy do giận dữ sanh khởi.

Lại nữa, nếu khởi tâm nầy: Vì bậc tôn trưởng nên hành việc trộm cướp, cho là chánh pháp. Đó là tội không cho mà lấy do Si sanh khởi. Hoặc khởi tâm nầy: Nếu có kẻ hủy báng Thiên Phạm Thế chủ, mạ lỵ các Bà-la-môn, pháp nên đoạt lấy tài vật hiện có của kẻ kia. Đây cũng là không cho mà lấy, từ Si sanh khởi.

Hoặc dấy khởi tâm: Nếu vì để cúng tế, vì chi cho việc cúng tế, vì làm vật dụng cúng tế, pháp nên trộm cướp. Đó là không cho mà lấy cũng từ Si sanh khởi.

Lại nữa, nếu có kẻ thấy nghe sự việc không nên làm, liền phân biệt không như lý chấp giữ lấy tướng, bèn do sự trói buộc của tham dục triền mà hành phi pháp. Đó gọi là tội Hành dục tà do tham sanh khởi. Hoặc nhận lời thuê của kẻ khác, riêng làm việc mai mối, do phương tiện nầy, nên hành điều không nên làm, kẻ kia liền tạo nên tội hành dục tà do tham dục sanh khởi.

Hoặc muốn thâu nhận bạn bè, tri thức. Hoặc vì cơm áo phải vâng theo lời chủ. Hoặc vì sự sống còn nên mong cầu của cải, vàng bạc v.v... mà hành hạnh tà. Tất cả các việc như thế gọi là tội hành dục tà do tham sanh khởi.

Lại nữa, hoặc khởi suy nghĩ: Kẻ kia đối với ta đã vui thích làm điều vô nghĩa, nói rộng cho đến chín sự não hại làm chỗ nương dựa mà hành hạnh ta. Không phải kẻ kia trước đã bị dục triền trói buộc, nhưng ở chỗ trái ngược, không phải là chốn hành sự, vì báo oán nên miễn cưỡng mà hành.

Đó gọi là tội Hành dục tà do giận dữ sanh khởi.

Hoặc vì ghét bỏ kẻ kia nên đem thê thiếp của kẻ ấy khiến kẻ khác hủy nhục. Kẻ khác nầy nếu vâng lời hành hạnh dục tà, tức do tiếp xúc giận dữ sanh khởi tội tương tợ hành dục tà, hoặc lại nặng hơn. Hết thảy các việc như thế gọi là tội hành dục tà do giận dữ sanh khởi.

Lại nữa, nếu khởi tâm nầy: Người thân của mẹ và cha, hoặc vợ con của kẻ khác, sinh sống là việc tà, nếu không hành thì sẽ mắc tội lớn, nếu làm việc ấy sẽ có được phước lớn. Phi pháp cho là pháp mà hành hạnh tà, đó gọi là tội hành dục tà do Si sanh khởi.

Lại nữa, nếu vì lợi dưỡng mà hành nói dối. Hoặc do sợ kẻ khác tổn hại tài vật ba tài vật của mình. Hoặc vì khen ngợi, hoặc vì an lạc mà hành nói dối. Tất cả các sự việc như vậy gọi là Nghiệp đạo nói dối do Tham sanh khởi. Hoặc có kẻ dựa nơi chín sự não hại mà hành nói dối, đó gọi là nghiệp đạo nói dối do giận dữ sanh khởi.

Hoặc khởi Tâm nầy: Vì các bậc tôn trưởng, hoặc lại vì sự sống, hoặc vì các vật dụng để cúng tế, pháp nên phải nói dối. Vọng ngữ như thế là từ nơi Si sanh khởi.

Hoặc khởi Tâm nầy: Như có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn chống trái chư Thiên, trái với Phạm Thế chủ, trái với pháp Bà-la-môn, nên đối với họ nói dối là thuận với chánh pháp. Vọng ngữ như vậy gọi là Nghiệp đạo nói dối do Si sanh khởi.

Hoặc khởi chấp nầy: Đối với pháp, tưởng là pháp. Đối với Tỳ- nại-da tưởng là Tỳ-nại-da. Do tưởng che giấu, nói dối phá Tăng cho là không có phi pháp. Nói dối như vậy cũng từ Si sanh.

Như nghiệp đạo nói dối, hai nghiệp đạo nói lời ly gián, nói lời thô ác, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Lại nữa, hoặc vì vui đùa mà nói lời thêu dệt. Hoặc vì muốn hiển bày mình là hàng thông tuệ mà nói lời thêu dệt. Hoặc vì của cải, lợi dưỡng, lời khen, sự an lạc mà nói lời thêu dệt, gọi là Nghiệp đạo nói lời thêu dệt do tham sanh khởi.

Hoặc có kẻ dựa nơi chín sự não hại mà nói lời thêu dệt, gọi là Nghiệp đạo nói lời thêu dệt do giận dữ sanh khởi.

Hoặc có kẻ ở đây vì cầu nơi pháp vì cầu chân thật, vì cầu sự bền chắc, vì cầu nẻo xuất ly, mà nói lời thêu dệt, đó gọi là nghiệp đạo nói lời thêu dệt do Si sanh khởi.

Lại nữa, hoặc có kẻ đối với tài sản, vật dụng cần cho sự sống của Hữu

tình khác không phải thù oán, trước giữ lấy tướng kia, theo sức tăng thượng của sự trông mong, truy cầu nên khởi tâm như vầy: Phàm những thứ kẻ kia hiện có, mong sẽ thuộc về Ta. Lại từ tham ái sanh khởi tham ái. Đó gọi là Nghiệp đạo tham dục do Tham sanh khởi.

Nếu đối với tài sản của kẻ khác, không tính chuyện tốt xấu, chỉ do sức tăng thượng của chín sự não hại nên khởi tâm như vầy: Phàm những thứ hiện có của kẻ kia đều sẽ thuộc về ta. Lại từ giận mà sanh tham ái. Đó gọi là Nghiệp đạo tham dục do giận dữ sanh. Hoặc khởi chấp như vầy: Các Hữu tình muốn cầu sanh cõi Trời Lỗ-đạt-la, trời Tỳ-sắt-nô, Thích Phạm Thế chủ, là những thế giới có nhiều sự tốt đẹp. Chú tâm trụ nhiều tất đạt được phước đức. Tác ý như thế nên chú tâm trụ nhiều, đó gọi là Nghiệp đạo tham dục do Si sanh khởi.

Hoặc vì của cải, lợi dưỡng, tiếng khen, sự an lạc, nên đối với các hữu tình khác khởi tâm gây tổn hại. Đối với kẻ kia không phải là chỗ sanh khởi tưởng oán ghét, lại cho kẻ kia suốt trong đêm dài sanh tử là oán thù của ta. Lại từ tham ái sanh khởi giận dữ, đó gọi là Nghiệp đạo giận dữ do tham sanh khởi.

Lại nữa, hoặc do sức tăng thượng của chín sự não hại, nên từ tưởng oán đối sanh khởi tâm gây tổn hại, đó gọi là Nghiệp đạo giận dữ do Sân hận sanh ra.

Các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có hoặc trụ nơi pháp nầy cùng pháp của ngoại đạo, ghét bỏ kiến chấp khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn đối với kiến chấp khác cùng mang kiến chấp kia khởi Tâm tổn hại, đó gọi là nghiệp đạo giận dữ so Si sanh khởi.

Lại nữa, hoặc khởi tâm nầy:

Những kẻ có kiến chấp ấy, tức bác bỏ cho không bố thí v.v... cho đến nói rộng. Kẻ kia đối với quốc vương v.v... có được sự cúng dường lớn v.v... liền do sức tăng thượng của nghĩa đó, nên khởi kiến chấp như thế, đó gọi là Nghiệp đạo Tà kiến do Tham sanh khởi.

Hoặc khởi Tâm nầy: Có bố thí, có sự thọ nhận, cho đến nói rộng. Kiến giải với kẻ oán. Người nầy do giận ghét nên khởi kiến chấp như vầy: Không có bố thí, không có thọ nhận v.v... cho đến nói rộng. Đó gọi là Nghiệp đạo tà kiến do giận dữ sanh khởi.

Hoặc đối với pháp tư duy, lường tính, quan sát không như lý. Do phương tiện nầy đã dẫn đến tầm tứ, phát khởi tà kiến, đó gọi là Nghiệp đạo tà kiến do Si sanh khởi.

Lại nữa, nghiệp đạo sát sanh, phương tiện là ba, do Giận dữ là cứu

cánh. Như nghiệp đạo sát sanh, nghiệp đạo giận dữ, nói lời thô ác cũng vậy. Nghiệp đạo không cho mà lấy, phương tiện là ba, do tham là cứu cánh. Như nghiệp đạo không cho mà lấy, nghiệp đạo Tham dục, tà hạnh cũng vậy. Trừ nghiệp đạo Tà kiến, các nghiệp đạo còn lại, phương tiện là ba, do cả ba là cứu cánh. Nghiệp đạo Tà kiến, phương tiện là ba, do Si là cứu cánh.

Lại nữa, sát sanh, tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, Giận dữ, sáu nghiệp đạo nầy khởi từ xứ hữu tình.

Nghiệp đạo không cho mà lấy, Tham dục, khởi từ xứ tài sản, vật dụng. Nghiệp đạo nói lời thêu dệt khởi từ xứ Danh thân. Nghiệp đạo Tà kiến khởi từ xứ các Hành.

Lại nữa, do ba nhân duyên nên nghiệp đạo bất thiện trở thành tánh Ác bất thiện hết sức trọn đủ. Những gì là ba?

1. Lỗi lầm của Tự tánh.

2. Lỗi lầm của nhân duyên.

3. Lỗi lầm của cấu nhiễm.

Ở đây, sát sanh do Tư dẫn dắt, cho đến Tà kiến do tương ưng với Tư dẫn dắt. Như vậy, tất cả Tánh nhiễm ô nên là Tánh bất thiện. Do lỗi lầm của Tự tánh nên gọi là Ác.

Hoặc do các Triền Tham dục, Sân hận, Ngu si phát khởi mãnh liệt, tức ở đây cũng gọi là do lỗi lầm của Nhân duyên nên trở thành tánh ác trầm trọng, thành bất thiện hơn hết, có thể dẫn đến quả tăng thượng không đáng yêu thích.

Hoặc đến cứu cánh, tức ở đây cũng gọi là do lỗi lầm của cấu nhiễm, nên thành ác cực nặng, thành bất thiện hơn hết, có thể dẫn đến quả tăng thượng không đáng yêu thích. Vì sao? Vì nếu Tâm nhiễm ô có dụng, tức có thể dẫn phát sự vui thích về khổ, không thể yêu thích cái khác. Kẻ kia tùy theo sức mạnh của Tâm Khổ, nên có thể dẫn phát tư duy của Bổ đặc già la khổ, liền tiếp xúc mắc phải tội rộng lớn. Do đó gọi là lỗi lầm của cấu nhiễm v.v... Lại nữa, như trước đã nói về tạo nghiệp và làm tăng trưởng nghiệp. Hoặc trước đã nói, do năm nhân duyên thành nghiệp cực nặng gọi là Nghiệp định thọ. Cùng trái với đây, gọi là nghiệp Bất định thọ.

Lại có bốn nghiệp:

1. Nghiệp định của Dị thục.

2. Nghiệp định của Thời phần.

3. Nghiệp định do cả hai.

4. Nghiệp do cả hai cùng không định.

Các thứ bất thiện hiện có của bậc A-la-hán quyết định thọ nghiệp. Hoặc đối với chỗ tạo tác của đời trước. Hoặc nơi đời nầy, trước đã tạo tác phần vị phàm phu. Do sự bức não của khổ ít và nhẹ, tức gọi là quả báo đã chín muồi. Nếu đã chuyển y, thì chủng tử của quả báo đều vĩnh viễn đoạn dứt, nên tất cả không thọ nhận. Vì sao? Vì do đức Phật Thế Tôn, dựa nơi sự tương tục chưa giải thoát, kiến lập nghiệp định thọ.

Hỏi: Nếu vào một lúc cũng dẫn dắt cũng bắt bớ, cướp lấy chúng sanh, tức dứt bỏ mạng sống của họ, nên nói là một nghiệp hay là hai nghiệp?

Đáp: Nên nói là hai nghiệp, do chuyển biến mau chóng, đối với hai nghiệp nầy, do tăng thượng mạn nên cho là một.

Hoặc cho ta sẽ lôi kéo kẻ kia, là tư duy thứ nhất. Tức ở nơi lúc cướp lấy lại cho là ta sẽ bắt giết, là tư duy thứ hai. Hoặc lúc lôi kéo kẻ kia, bấy giờ không bắt bớ. Hoặc khi bắt bớ kẻ kia, lúc ấy không lôi kéo. Do chuyển biến mau chóng nên sanh tăng thượng mạn, cho là một lúc. Thế nên ở đây phải nói là hai nghiệp. Lại nữa, lược do ba nhân duyên nên thành thọ nghiệp của hiện pháp. Những gì là ba? Đó là:

1. Do rộng lớn.

2. Do tư duy rộng lớn.

3. Do thanh tịnh nối tiếp.

Do năm thứ Tướng, thành do rộng lớn:

1. Từ nơi trụ ý lạc tăng thượng, tạo lợi ích an lạc bậc nhất cho hết thảy hữu tình dấy khởi. Nghĩa là đẳng chí Từ.

2. Từ nơi Trụ tha tâm, cứu giúp bậc nhất cho tất cả hữu tình dấy khởi. Nghĩa là đẳng trì không tranh.

3. Từ nơi Trụ tương tợ Thánh của Niết-bàn an lạc tịch tĩnh bậc nhất dấy khởi. Nghĩa là đẳng chí Diệt Tận.

4. Đã đạt được Luật nghi không tạo tác hết thảy bất thiện. Nghĩa là Quả đẳng lưu.

5. Hết sức thanh tịnh tương tục, rốt ráo. Nghĩa là đại Bí sô Tăng, đứng đầu là Phật và A-la-hán.

Như thế gọi là do Tánh rộng lớn.

Nếu đối với xứ ấy, do Tâm tin tưởng thanh tịnh, sâu dày, trân trọng nên xả bỏ tài sản thanh tịnh. Đó gọi là Tánh tư duy rộng lớn. Nếu trong đời trước, đối với kẻ khác đã bố thí các vật như y phục v.v... Do thân ngữ ý không bị chướng ngại, cũng không dấy khởi tâm nhiễm ô để lường xét. Vì không có chướng ngại đối với sự nối tiếp kia, nên biết đó gọi là "Thanh

tịnh tương tục".

Nếu có đầy đủ tất cả ba thứ nhân duyên ấy, nên biết Nghiệp kia nhất định thọ nhận hiện pháp. Cũng thọ nhận nơi đời nầy. Cũng thọ nhận nơi đời sau.

Hoặc có trường hợp cùng trái với ba thứ nhân duyên nầy, khởi nghiệp bất thiện, nên biết cũng thành quyết định thọ nhận hiện pháp. Hoặc có chỗ sanh nghiệp một sát na chỉ thọ nhận hiện pháp. Hoặc có chỗ sanh nghiệp một sát-na, cũng thọ nhận hiện pháp, cũng thọ nhận nơi đời nầy. Hoặc có chỗ sanh nghiệp một sát na, cả ba thời đều thọ nhận. Ví như một sợi tơ gai, về lượng là mỏng, nhỏ, có thể buộc giữ một hoa. Một lần buộc hoa rồi thì sức buộc giữ ấy liền hết, không thể buộc giữ lần nữa. Lại có một sợi tơ gai có thể buộc giữ hai hoa, lại buộc giữ Hoa rồi thì sức buộc giữ kia liền hết. Lại có một sợi tơ gai có thể buộc giữ nhiều hoa, buộc nhiều hoa rồi thì lực buộc giữ kia mới hết.

Lại như nước chảy, về tánh là nhỏ, mỏng, nên chỉ chảy qua một bộ (khoảng năm thước cũ) thì sức chảy kia liền hết. Có lượt nước chảy thứ hai, về tánh đã lớn hơn, nên chảy qua được hai bộ thì sức chảy mới hết. Lại có lượt nước chảy thứ ba, về tánh lớn rộng nên chảy qua nhiều bộ thì sức chảy mới dứt v.v... Ở đây, về đạo lý sai biệt của các nghiệp, nên biết cũng thế.

Lại nữa, mười thứ Nghiệp đạo bất thiện chỉ hệ thuộc cõi dục, cũng chỉ có thể chiêu cảm dị thục của cõi dục, phần nhiều đối với nẻo ác, ít đối với nẻo thiện.

Lại, nghiệp của nẻo ác, lúc chứng quả Dự lưu đều đã diệt hết. Nếu các phàm phu đã lìa dục thế gian, hoặc lại sanh lên cõi trên, tất cả nghiệp kia đều ẩn núp, chứ chưa đoạn trừ vĩnh viễn. Nếu là quả Bất hoàn, thân vẫn còn trụ nơi cõi nầy, hoặc lại sanh lên cõi trên cùng bậc A-la-hán, thì các nghiệp bất thiện đều đoạn trừ rốt ráo. Nếu đã chứng nhập địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh, thì hết thảy nghiệp bất thiện của Bồ tát đều đoạn trừ trọn vẹn. Ở đây chỉ do diệu lực của pháp không quên niệm ngăn giữ, không phải do phiền não được lìa trói buộc.

Lại nữa, Tư là Nghiệp, không phải là Nghiệp đạo. Sát sanh cho đến nói lời thêu dệt, cũng là Nghiệp, cũng là Nghiệp đạo. Tham, Giận, Tà kiến là nghiệp đạo, không phải là nghiệp. Các Nghiệp đạo nầy, Văn của phần Quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

Tụng sau nêu:

Tự tánh tướng rộng lược.
Phương tiện cùng nhẹ nặng

Tăng giảm cùng du già
Dẫn quả, sanh quyết trạch.

Như thế là đã nói phần Quyết trạch về nghiệp đạo, phần quyết trạch về Sanh tạp nhiễm nay sẽ nói.

Như trước đã nói về nghĩa của Sanh tạp nhiễm, nên biết sự sanh ấy lược có mười một thứ:

1. Hoàn toàn sanh từ Lạc (vui): Nghĩa là một phần chư Thiên.

2. Hoàn toàn sanh từ khổ: Nghĩa là các Na Lạc Ca (địa ngục).

3. Sanh từ khổ vui xen lẫn: Là một phần chư Thiên, người, quỷ, Bàng sanh.

4. Sanh từ không khổ không vui: Nghĩa là một phần chư Thiên.

5. Sanh từ hoàn toàn không thanh tịnh: Là phàm phu cõi dục.

6. Sanh từ thanh tịnh hoàn toàn: Là chư vị Bồ tát đã chứng đắc tự tại.

7. Sanh từ không thanh tịnh của thanh tịnh: Là các phàm phu nơi cõi Sắc, Vô Sắc.

8. Sanh từ xứ thanh tịnh của không thanh tịnh: Là sanh từ "chốn vô sự" của pháp Bát Niết bàn tại cõi dục.

9. Sanh từ xứ không thanh tịnh của thanh tịnh: Là các phàm phu sanh nơi cõi Sắc, Vô Sắc.

10. Sanh từ xứ không thanh tịnh của không thanh tịnh: Là các phàm phu sanh nơi cõi dục, không đạt được pháp Bát-niết-bàn. Hoặc sanh từ xứ "không nhàn rỗi" đạt được pháp Bát-niết-bàn.

11. Sanh từ xứ thanh tịnh của thanh tịnh: Là các bậc hữu học, không phải là phàm phu, sanh nơi cõi Vô sắc.

Lại nữa, như Kinh nói: "Các ông, nơi đêm dài sanh tử đã tăng thêm "Yết-trá-tư" luôn thọ nhận "giọt máu". Những gì gọi là yết trá tư? Đó là tham ái. Nói Tham ái cùng với tên gọi yết-trá-tư có sai biệt. Nói Tham ái ở đây là hiển bày về chỗ Tập đế thâu nhận. Luôn thọ nhận "giọt máu" là khổ đế thâu nhận.

Lại nữa, Dụ về Bà-la-môn trong kinh, đức Thế Tôn đã dựa nơi sự tạp nhiễm của tử (chết) để nói lời như thế. Có năm thứ không phải cuồng loạn mà hành tác như cuồng loạn. Những gì là năm thứ?

1. Những kẻ mổ xẻ chi phần: Nghĩa là có những phương tiện sinh sống khác, vui thích mổ xẻ các chi phần hiện có nơi thân mình để tự sanh sống. Đó gọi là loại thứ nhất, không phải cuồng loạn mà hành tác như cuồng

loạn.

2. Kẻ tham lam keo kiệt: Nghĩa là do tham lam keo kiệt che phủ, do nhân duyên tham lam keo kiệt nên đạt được của cải, vật báu, không dám ăn, không thí cho. Chỉ trừ khi mạng chung, hốt nhiên mới thấy kho lẫm lớn chứa vật báu kia là trống rỗng. Đó gọi là loại thứ hai, không cuồng loạn mà hành tác như cuồng loạn.

3. Kẻ ưa thích sanh thiên: Nghĩa là lại có những loại thân ngữ ý khác gồm thâu vô số hành diệu làm phương tiện để được sanh nơi cõi Trời. Nhưng lại vọng chấp: Nhảy vào lửa, chìm trong nước, rơi từ sườn núi cao xuống, tự hại thân mạng để tạo nhân sanh thiên. Đó gọi là loại thứ ba, không cuồng loạn mà hành tác như cuồng loạn.

4. Người vui thích giải thoát: Nghĩa là lại có phương tiện giải thoát của tám chi Thánh đạo khác, nhưng ưu thích vọng chấp: tự bức bách, tự não hại với đủ loại hành khổ làm nhân giải thoát. Đó gọi là loại thứ tư, không cuồng loạn mà hành tác như cuồng loạn.

5. Kẻ thương tiếc người chết: Nghĩa là dựa vào nhân duyên của người chết để thương tiếc quá mức, với vô số lời khóc than, vật vã cấu xé nơi thân mình, lăn vào tro bụi, bứt tóc, nhịn ăn, tự hủy hoại, muốn khiến cho người chết trở lại như cũ. Đó gọi là loại thứ năm, không phải cuồng loạn mà hành tác như cuồng loạn.

Lại nói Tụng:

"Thế gian không quyết định
Điên đảo cho là Ngã
Cha mẹ cùng vợ con
Anh em và bè bạn
Từng mẹ chuyển làm vợ
Vợ lại làm "vợ con"
"Vợ con" chuyển làm hầu
Hoặc làm vợ kẻ oán.
Từng cha chuyển làm con
Còn lại làm thù oán
Oán thù lại làm nô
Hoặc làm kẻ tôi tớ.

Từng vua chuyển làm quan Quan thành kẻ nghèo khó Hoặc thôn ấp hèn kém

Bị thế gian khinh bỉ. Từng làm Bà-la-môn Lần lượt làm ba họ Hoặc lại Chiên-đồ-la Cùng là Bổ-yết-sa.

Nơi vô lượng trăm ngàn Na dũ đa tiếp nối

Làm cha, lại làm con Cùng các thân thù oán. Như Huyễn sư trong chúng Hiện đủ mọi hình loại

Chốn phàm phu lưu chuyển Hiện nhiều thân cũng thế. Nghiệp phiền não duyên nhân Khiến vô số các Hành Thường xuyên mà tích tập Như huyễn hoá sinh khởi.

Tuy gặp các Huyễn ấy Nhưng không trí phủ che Luôn ở trong các Hành Vui đắm từng không chán. Đã tự huyễn hoặc mình Bụi tro khóc thương than Nơi chẳng nên ưu bi

Sanh đủ các sầu não. Lìa thân thuộc giả danh Đủ loại tự lo buồn

Bỏ quên hành chánh pháp Đưa tay mà gào khóc.

Si kiêu mạn làm loạn Luôn hành các phóng dật Những chủng loại như thế Nói rộng khắp nên biết "

Lại nữa, trong kiếp tranh chấp dữ dội, có bốn thứ lỗi lầm. Đó là:

1. Thọ mạng suy thoái.
2. An lạc suy thoái.
3. Công đức suy thoái.
4. Tất cả sự thịnh vượng của thế gian bị suy thoái.

Lại nữa, trong kiếp tranh chấp dữ dội, các loài Hữu tình lược đối với tám xứ cùng không tính kể đến:

1. Không kể đến chánh pháp.
2. Không kể đến tiếng tăm.
3. Không kể đến tông tộc.
4. Không kể đến điều đáng thương xót.
5. Không kể đến bậc Thiện tri thức.
6. Không kể đến bậc có đức.
7. Không kể đến có ân.
8. Không kể đến bạn thân.

Hỏi: Trước đã nói trong sự sanh tạp nhiễm, Vô minh duyên Hành cho đến sanh duyên Lão Tử. Vậy Vô minh nầy cùng với mười hai chi, về nghĩa sai biệt nên biết như thế nào?

Đáp: Lược do năm tướng:

1. Do Tướng.
2. Do Tự tánh.

3. Do Nghiệp.

4. Do Pháp.

5. Do Nhân quả.

Hỏi: Những gì là tướng của Vô minh?

Đáp: Tướng của Tham, Sân, Mạn là Tướng của Vô minh. Tướng chấp Ngã, Ngã sở, Tướng không Hổ không Thẹn, Tướng phóng dật nhiều, Tướng của Tánh độn kém, Tướng ham ngủ nghỉ, Tướng của Tâm sầu muộn, Tướng của vô số nghiệp ác hiện hành, là Tướng của Vô minh.

Hỏi: Những gì là tự tánh của Vô minh?

Đáp: Về tổng tướng của Tự tánh, như trước đã nói. Về sai biệt của tự tánh nay sẽ hiển bày. Nghĩa là:

Hoặc có Vô minh tùy miên. Hoặc có Vô minh giác ngộ.

Hoặc có Vô minh cùng hành với phiền não. Hoặc có Vô minh độc hành không chung.

Hoặc có Vô minh ẩn núp nơi tâm tánh. Hoặc có Vô minh phát khởi nghiệp.

Hoặc có Vô minh không nhiễm ô. Hoặc có Vô minh lìa xấu hổ.

Hoặc có Vô minh kiên cố. Nghĩa là Vô minh hiện có của người không có pháp Bát-niết-bàn.

Hỏi: Những gì là Nghiệp của Vô minh?

Đáp: Đối với nghĩa không hiện thấy mà sanh mê lầm là Nghiệp của Vô minh. Như vậy, đối với nghĩa hiện thấy, nghĩa thấp kém, nghĩa trung bình, nghĩa thù thắng, nghĩa lợi ích, nghĩa không lợi ích, nghĩa chân thật, nghĩa tà vạy, nghĩa nhân, nghĩa quả mà sanh mê lầm, là nghiệp của Vô minh.

Lại có mười loại Hữu tình ngu si gồm thâu khắp các loài hữu tình ngu si:

1. Ngu si khuyết giảm.

2. Ngu si cuồng loạn.

3. Ngu si tán loạn.

4. Ngu si tự tánh.

5. Ngu si chấp trước.

6. Ngu si mê loạn.

7. Ngu si kiên cố.

8. Ngu si tăng thượng.

9. Ngu si không chỗ phân biệt, nhận biết.

10. Ngu si hiện thấy.

Ngu si khuyết giảm: Nghĩa là như có một hữu tình thiếu về mắt, hoặc thiếu về tai. Đối với tất cả cảnh giới do mắt nhận biết sắc, do tai nhận biết về âm thanh đều không nhận hiểu, thế nên ngu si.

Ngu si cuồng loạn: Nghĩa là như có một hữu tình hoặc gặp phải sự bức bách, hoặc gặp phải khổ não lớn, hoặc gặp phải bệnh nặng, hoặc bị đau đớn hành hạ, hoặc lại điên khùng khiến tâm cuồng loạn, do đấy không biết rõ làm thiện, làm ác do đó nên ngu si.

Ngu si tán loạn: Tức như có một hữu tình tâm phân tán nơi cảnh khác, không thể nhận biết rõ về việc làm thiện làm ác khác, vì vậy nên ngu si.

Ngu si tự tánh: Tức như có một hữu tình, ở trong sanh tử, từ vô thủy đến giờ, tự tánh không nhận biết về khổ Tập diệt đạo, chúng sanh vô ngã, pháp vô ngã v.v..., thế nên ngu si.

Ngu si chấp trước: Nghĩa là như có một hữu tình rơi vào nẻo ngoại đạo, đối với Thân kiến cho Thân kiến là gốc, trong các kiến thú không thể hiểu rõ, vì vậy nên ngu si.

Ngu si mê loạn: Tức như có một hữu tình, hoặc loạn về danh tưởng, hoặc loạn về hình lượng, hoặc loạn về sắc tướng, hoặc loạn về nghiệp dụng, đối với pháp của xứ loạn không thể hiểu rõ, do vậy nên ngu si.

Ngu si kiên cố: Nghĩa là như có một hữu tình hoàn toàn không có pháp Bát-niết-bàn, tự tánh của ngu si hiện có rất kiên cố, cho đến chư Phật cũng không thể cứu độ.

Ngu si tăng thượng: Tức như có một hữu tình, thường xuyên hành tập theo các hạnh tà không dứt. Lại do nhân của hành tà sanh ra các khổ bức bách, tuy biết tuy thấy, nhưng cố chạy theo ái lạc. Hoặc như những kẻ hành tham v.v... cũng là ngu si tăng thượng.

Ngu si không chỗ hiểu biết: Nghĩa là như có một hữu tình, không nghe, không tư duy, không tu tập, nên đối với pháp, đối với nghĩa không thể hiểu rõ, thế nên ngu si.

Ngu si hiện thấy: Tức như có một hữu tình hiện thấy các Hành thảy đều là vô thường mà khởi tưởng thường. Hiện thấy đều là khổ mà khởi tưởng Lạc. Hiện thấy bất tịnh mà khởi tưởng tịnh. Hiện thấy vô ngã mà khởi tưởng ngã. Hiện thấy các pháp bệnh, già, chết mà khởi tưởng an ổn, tưởng không bức não.

Lại, Vô minh nầy, đối với năm xứ sử có thể làm chướng ngại:

1. Có thể gây chướng ngại cho Trí vui chân thật.

2. Có thể gây chướng ngại cho phiền não được diệt.

3. Có thể gây chướng ngại cho Thánh đạo thành tựu viên mãn.

4. Có thể gây chướng ngại cho việc đi tới nẻo Thiện.

5. Có thể gây chướng ngại cho các sự an lành nơi hiện pháp của thế gian.

Hỏi: Những gì gọi là pháp của Vô minh?

Đáp: Hoặc có trường hợp do Vô minh nên rơi vào nẻo Vô minh, gọi là ngu si, không phải do si nhiễu loạn, không bị si cấu nhiễm, không phải bị si mê hoặc, nghĩa là trụ nơi Vô minh Tùy miên.

Hoặc có khi Si bị Si nhiễu loạn, không bị Si cấu nhiễm, không bị Si mê hoặc, nghĩa là do Vô minh thuộc về Triền.

Hoặc có khi Ngu si bị Si nhiễu loạn, bị Si cấu nhiễm, không phải bị Si mê hoặc, nghĩa là do Vô minh phát khởi nghiệp, phát khởi nghiệp ác rồi thì đối với hành ác ấy sinh xấu hổ.

Hoặc có khi ngu si bị Si nhiễu loạn, bị Si cấu nhiễm, bị Si mê hoặc, nghĩa là nhân nơi Vô minh, phát khởi vô số các nghiệp ác bất thiện, đối với các hành ác ấy không có xấu hổ.

Ở đây, do ba thứ trước gọi là ngu si rơi vào nẻo Vô minh, không gọi là người si. Do một thứ sau, gọi là người si.

Hoặc có Vô minh của pháp tối tăm, nghĩa là tại cõi dục. Hoặc có Vô minh của pháp ám muội, nghĩa là tại cõi Sắc. Hoặc có Vô minh của pháp ngăn che, nghĩa là tại cõi Vô sắc.

Hỏi: Những gì là nhân quả của Vô minh?

Đáp: Về nhân, như nơi phần Bản địa đã nói. Về Quả, nghĩa là tất cả chi của đời sau. Lại, đối với nghĩa của chân như cùng các đế không thể hiểu rõ, hoặc lại do dự. Hoặc tức ở nơi ấy sanh quyết định sai lạc, nghĩa là đối với lý của đế hoặc tăng hoặc giảm, chấp trước điên đảo về vô thường v.v... Hoặc do Tăng thượng mạn. Hoặc do tự khinh miệt. Về chi Hữu khác, Văn quyết trạch không lập lại.

Lại nữa, như đức Thế Tôn nói: Mắt là nhân, sắc là duyên để Nhãn được sanh. Cho đến Thân là nhân, xúc là duyên để Thân thức được sanh. Lại nói: Xúc là duyên của Thọ. Lại nói: Chủ thể sinh tác ý làm nhân sinh đối tượng sinh là Thức. Ở đây, không phải mắt v.v... là nhân sinh của Nhãn thức v.v... cũng không phải Xúc là nhân sinh của Thọ. Không phải chủ thể sinh tác ý là nhân sinh ra đối tượng sinh là Thức. Do các pháp kia đều có

tự chủng tử làm nhân sinh. Vì sao trong đây nói mắt v.v... là nhân của Nhãn thức v.v...? Nên biết, đây là dựa vào Nhân câu hữu dựa vào sự gồm thâu nơi Nhân dẫn phát mà nói, không phải là nhân sanh khởi. Vì sao?

Vì do nơi Căn như Mắt "Cùng có" làm chỗ nương dựa, nên các Thức như Nhãn v.v... nơi các cảnh giới kia chuyển biến không phải là không có chỗ nương dựa. Như thế, do xúc "cùng có" làm chỗ nương dựa nên có các Thọ chuyển. Do chủ thể sinh tác ý "cùng có" làm chỗ nương dựa, nên đối tượng được sinh là Thức chuyển biến, không phải là không có chỗ dựa. Do đó, đức Thế Tôn, đối với các xứ ấy, đã dựa vào nhân câu hữu, dựa vào chỗ gồm thâu nơi nhân dẫn phát mà nói, không phải dựa vào nhân sanh khởi, hoặc dựa vào Nhân trợ bạn. Vì sao? Vì không phải Mắt đã diệt mới có thể làm chỗ dựa cho Nhãn thức đã sanh. Tai v.v... cũng như thế. Không phải Xúc đã diệt mới có thể làm chỗ dựa cho Thọ đã sanh. Cũng không phải Chủ thể sanh tác ý đã diệt mới có thể làm chỗ dựa cho đối tượng được sanh là Thức đã sanh.

Lại nữa, thứ lớp của duyên khởi lược có bốn thứ:

1. Thứ lớp dẫn dắt.
2. Thứ lớp sanh khởi.
3. Thứ lớp thọ dụng cảnh giới.
4. Thứ lớp thọ dụng khổ.

Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức là thứ lớp dẫn dắt. Thức duyên danh sắc, Danh sắc duyên sáu xứ là thứ lớp sanh khởi. Sáu xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, là thứ lớp sanh khởi đã thọ dụng cảnh giới. Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên sanh, Sanh duyên Lão Tử, là thứ lớp thọ dụng khổ. Nơi xứ sở nầy, văn quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 61

Phần Nhiếp Quyết Trạch Ba Địa có Tầm có Tứ

Đoạn 4:

Lại nữa, đức Phật Thế Tôn đã vì vua Xuất Ái thuyết giảng Kinh, nói: "Vị vua kia, vào một lúc nọ đã đi đến chỗ Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, bạch Phật:

Thế Tôn! Có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến vương cung, đem những lỗi lầm không chân thật, hiện tiền trách cứ, can ngăn nơi con. Bấy giờ, tâm con không sanh hối não, lo sầu. Vì sao? Vì quán xét lỗi lầm ấy, đối với tự thân của con đều không thấy.

Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến chỗ vua, đem công đức không chân thật, hiện tiền tán thán khuyến khích nơi con. Con, bấy giờ tâm cũng không sanh hoan hỷ, phấn khích. Vì sao? Vì quán xét công đức ấy, đối với tự thân của con cũng đều không thấy.

Các Sa-môn cùng Bà-la-môn kia, sau khi đã ra khỏi hoàng cung, con liền tìm đến tĩnh thất vắng vẻ, chỉ một mình, tầm tứ lường xét sanh khởi Tâm như vầy: Con phải làm thế nào để nhận biết rõ về công đức chân thật, lỗi lầm chân thật của các vua. Nếu con nhận biết, thì nên bỏ lỗi lầm nọ, nên tu công đức kia. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có thể nhận biết rõ về công đức chân thật, lỗi lầm chân thật của các vị vua? Cũng có thể vì con mở bày chỉ rõ rộng khắp? Đã tìm xét rồi liền khởi niệm này: Chỉ có đức Thế Tôn của con là bậc biết tất cả, thấy tất cả, nhất định sẽ nhận biết rõ về những công đức chân thật, lỗi lầm chân thật hiện có của các vị vua. Vì thế con nay đã đến chỗ Phật thỉnh vấn về nghĩa ấy, xin thỉnh quyết định về nghĩa ấy. Kính mong Như lai vì con mà mở bày, chỉ rõ: Thế Tôn! Thế nào là lỗi lầm chân thật của các vua?

Thế nào là công đức chân thật của các vua? Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với vua Xuất Ái:

Này đại vương! Đại vương hôm nay phải nên nhận biết rõ về những lỗi lầm của vua, những công đức của vua, về môn suy tổn của vua, về môn

phương tiện của vua, về pháp đáng yêu thích của vua cùng có thể dẫn phát pháp đáng yêu thích của vua.

Thế nào gọi là lỗi lầm của vua? Đại vương nên biết, lỗi lầm của vua lược có mười thứ. Nếu vua gây tạo đủ những lỗi lầm như thế, thì tuy có kho tàng lớn, có quan phụ tá lớn, có quân binh đông đảo nhưng không thể khiến muôn dân quy ngưỡng. Những gì là mười? Đó là:

1. Tộc họ không cao quý.
2. Không được tự tại.
3. Lập tánh bạo ác.
4. Luôn phát khởi giận dữ mãnh liệt.
5. Ân huệ quá bạc bẽo.
6. Thọ nhận lời tà nịnh.
7. Chỗ hành tác không suy xét, không thuận theo phép tắc.
8. Không quan tâm tới pháp thiện.
9. Không biết sai biệt, quên chỗ tạo ân.
10. Hoàn toàn buông thả, chuyên hành phóng dật.

- Thế nào gọi là Tộc họ của Vua không cao quý?

Nghĩa là như có vị quốc vương theo một chủng loại thấp kém so với vương gia sanh ra, không phải từ tộc họ tôn quý vốn có. Hoặc tuy sanh nơi vương gia, nhưng là con của hàng tiện nữ, không phải là con tương tự. Hoặc là con của đại thần, phụ tướng, Quốc sư, trăm quan. Như vậy gọi là tộc họ của Vua không cao quý.

- Thế nào gọi là Vua không được tự tại?

Nghĩa là như có vị quốc vương bị các đại thần, phụ tướng, quốc sư, trăm quan chế ngự, không theo chỗ mong muốn của mình làm việc nên làm, ban cho quần thần. Đối với năm thứ dục diệu cũng không được vui thích thọ dụng như ý. Như thế gọi là Vua không được tự tại.

- Thế nào gọi là Lập tánh của vua bạo ác?

Nghĩa là như có vị quốc vương đối với trăm quan, hoặc đối với những kẻ khác, tùy vào một nơi chốn họ hiện hành những công việc có chút ít không như ý, vua liền đối diện nói lời thô ác, xua đuổi, giận dữ quát tháo, bực bội mà trụ. Lúc sanh phẫn nộ, nếu như không đối diện thì bỏ kẻ kia hướng đến kẻ khác, tạo những việc xua đuổi hủy nhục như trước. Nếu không đối diện cũng không bỏ kẻ kia hướng đến kẻ khác tạo mọi xua đuổi, mắng nhiếc v.v... chỉ nơi nội tâm giận dữ uất ức, mang tâm não hại, mang tâm oán hận nhưng không kéo dài thời gian phẫn nộ nối tiếp không bỏ. Lại

có trường hợp nội tâm giận dữ uất ức, mang tâm não hại, mang tâm oán hận, nối tiếp trong thời gian dài không bỏ. Do các hình tướng bạo ác, hoặc đối diện, hoặc quay mặt, hoặc uất hận, hoặc tạm thời, hoặc kéo dài, như thế gọi là lập tánh của vua bạo ác. Đại vương nên biết, bạo ác trong thời gian dài gọi là phạm tội lớn, không phải thứ khác.

- Thế nào gọi là Vua phát khởi giận dữ mãnh liệt?

Tức như có vị Quốc vương đối với quần thần gây tạo tội nhỏ, hoặc có những trái phạm chút ít, liền tước bỏ chức vụ bổng lộc, xua đuổi thê thiếp, hoặc dùng hình phạt nặng để xử trị. Như thế gọi là Vua phát khởi giận dữ mãnh liệt.

- Thế nào gọi là ân huệ của vua quá bạc bẽo?

Nghĩa là như có vị quốc vương, đối với trăm quan luôn dốc sức cung phụng hầu hạ, bảo vệ mình tuy rất thanh tịnh, khéo xứng hợp với tâm, nhưng vua chỉ dùng những lời lẽ tầm thường để an ủi, việc ban tặng tước lộc, thưởng đáp công trạng không thể trọn đủ, không thuận theo phép thường. Hoặc bị tổn hao, hoặc bị trở ngại, hoặc cầu mong quá nhiều, hoặc hiển bày oán hận. Sau đấy mới ban cho. Như thế gọi là ân huệ của vua quá bạc bẽo.

- Thế nào gọi là vua nhận lời tà nịnh?

Tức như có vị quốc vương đối với đám quan lại thực sự không thông tuệ, chỉ có kiêu mạn cho là thông tuệ. Tham dục theo bè nhóm, không hạn chế nơi khuôn phép nước, mang tâm mưu phản, không chỉnh đốn việc nước. Vua nghe lời, tin dùng đám người như thế để họ thao túng triều chính do nhân duyên nầy nên việc nước, tài sản, vật báu, tiếng tăm, sửa mình theo thiện thảy đều suy tổn. Như vậy gọi là Vua nhận lời tà nịnh.

- Thế nào gọi là Vua hành tác không suy xét, không thuận theo phép tắc?

Nghĩa là như có vị quốc vương không thể cứu xét, không cứu xét kỹ, không thể suy chọn, không suy chọn kỹ. Đối với các quan, trong sự vụ cơ mật những người không nên giao phó thì lại giao phó, hạng có thể uỷ thác thì không tin dùng. Kẻ không nên sai bảo thì sai bảo. Người có thể sai bảo thì không giao việc. Người nên ban thưởng thì lại trị phạt, kẻ đáng trị phạt thì được ban thưởng.

Lại đối với quần thần không khéo xử lý, sắp xếp theo phép tắc của Tiên vương. Do đấy, quần thần hội họp đại triều, luận bàn chưa trọn lại phát ngôn ngăn dứt. Không kính, không sợ mà dấy khởi tranh chấp can ngăn, không như chiếu chỉ luôn khéo phụng hành không an trú đúng theo

giáo mạng của vua. Như thế gọi là vua hành tác không suy xét, không thuận theo phép tắc.

- Thế nào gọi là vua không quan tâm tới pháp thiện?

Nghĩa là như có một vị quốc vương không tin về đời khác, cũng không tỏ ngộ. Do đối với đời khác không tin, không tỏ, nên nơi quả yêu thích không yêu thích của nghiệp thiện bất thiện thuộc vị lai đều không thể tin hiểu. Không tin hiểu nên không có xấu hổ, mặc tình tạo tác ba thứ hành ác của nghiệp thân ngữ ý, không thể thường xuyên bố thí, tu phước, thọ trai học giới. Như vậy gọi là vua không quan tâm tới pháp thiện.

- Thế nào gọi là vua không biết sai biệt, quên chỗ tạo ân?

Tức như có vị quốc vương, đối với các đại thần, phụ tướng, Quốc sư cùng trăm quan, tâm vua điên đảo không khéo nhận biết rõ chỗ sai biệt của trung tín, tài năng, trí tuệ. Do không nhận biết, nên chỗ không trung tín thì sanh tưởng trung tín. Nơi chỗ trung tín lại khởi tưởng không trung tín. Nơi chốn không có tài năng thì sanh tưởng có tài năng. Chốn có tài năng lại khởi tưởng không có tài năng. Đối với nơi Huệ ác sinh tưởng Huệ thiện. Ở chốn huệ huệ thiện lại khởi tưởng Huệ ác. Nhà vua do có tâm điên đảo như thế, nếu đối với các quan không trung tín, không có tài năng, chỉ là Huệ ác lại kính ái trọng dưỡng, đối với các vị quan trung tín, tài năng, Huệ thiện lại khởi tâm khinh thường. Lại, các vị quan tuổi cao, sức yếu, đã từng cả đời cung phụng, bảo vệ vương triều, biết họ không còn uy lực, sức mạnh nên không còn kính ái, không ban tặng tước lộc, không thưởng đáp công lao. Nếu họ bị lấn áp, khinh miệt thì cũng bỏ qua, không hỏi han, khuyến dụ. Như vậy gọi là vua không biết sai biệt, quên chỗ tạo ân.

- Thế nào gọi là vua hoàn toàn buông thả, chuyên hành phóng dật?

Nghĩa là như có vị quốc vương, đối với năm thứ dục diệu hoàn toàn chìm đắm trong ấy, tham vướng vui đùa, thọ hành ái lạc, không dành nhiều thời gian gắng sức tạo phương tiện, làm những việc nên làm, ban thưởng cho trăm quan. Như thế gọi là vua hoàn toàn buông thả, chuyên hành phóng dật.

Nếu có quốc vương gây tạo mười thứ lỗi lầm như thế, thì tuy có kho tàng lớn, có quan phụ tá lớn, có quân binh đông đảo, nhưng không thể khiến muôn dân quy ngưỡng. Đại vương nên biết, mười thứ lỗi lầm nầy, một thứ đầu là lỗi lầm về chủng tánh của vua. Chín thứ còn lại là lỗi lầm về tự tánh của vua.

- Thế nào gọi là công đức của vua?

Đại vương nên biết! Công đức của vua lược có mười thứ, vua nếu

thành tựu các công đức như vậy, thì tuy không có kho tàng lớn, không có đại thần phụ tá, không có quân binh đông đảo, nhưng có thể khiến muôn dân quy ngưỡng. Những gì là mười? Đó là:

1. Tộc họ tôn quý.
2. Được đại tự tại.
3. Tánh không bạo ác.
4. Phát khởi giận dữ nhẹ, ít.
5. Ân huệ dồi dào.
6. Thọ nhận lời chánh trực.
7. Mọi hành tác đều xét kỹ, khéo thuận phép tắc.
8. Luôn quan tâm đến pháp thiện.
9. Khéo nhận biết về sự sai biệt, biết chỗ tạo ân.
10. Không tự buông thả, không hành phóng dật.

Về việc giải thích mười thứ công đức của vua ở đây, xem như là đảo ngược mười thứ lỗi lầm như đã nêu rõ ở trước. Nếu vua thành tựu các công đức như vậy, thì dù không có kho tàng rộng lớn, không có đại thần phụ tá, không có quân binh đông đảo, nhưng có thể khiến cho muôn dân quy ngưỡng. Đại vương nên biết, mười thứ công đức của vua như thế, một thứ đầu gọi là công đức của chủng tánh, chín thứ còn lại gọi là công đức của tự tánh.

- Thế nào gọi là môn suy tổn của vua?

Đại vương nên biết! Môn suy tổn của vua lược có năm thứ:

1. Không khéo quan sát mà sử dụng quần thần.
2. Tuy khéo quan sát để sử dụng quần thần, nhưng không ban ân, hiện bày hành diệu, nếu như có thì cũng không hợp thời.
3. Chuyên hành phóng dật, không xem xét việc trọng yếu.
4. Chuyên hành phóng dật không giữ gìn kho tàng.
5. Chuyên hành phóng dật, không tu pháp hành. Năm thứ như thế thảy đều gọi là môn suy tổn của vua.

- Thế nào gọi là vua không khéo quan sát mà sử dụng quần thần? Nghĩa là như có vị quốc vương đối với quần thần không thể cứu xét, không cứu xét kỹ, không thể suy chọn, không suy chọn kỹ về chỗ sai khác của sự trung tín, tài năng, trí tuệ, mà thâu nhận họ làm kẻ hầu cận, lại thêm sủng ái, hậu đãi, ban nhiều tước lộc, trọng thưởng công lao, giao phó trông coi xứ việc ở mật, luôn dùng những lời dịu dàng để an ủi, khuyến khích. Nhưng

đám quan lại nầy trông coi tài sản, vật báu tạo nhiều tổn phí. Nếu gặp phải chiến trận đối với kẻ địch, bạn ác thì đám nầy thua bại, thối chạy trước, sợ hãi, phá tán nên khiến kẻ địch đánh thắng. Chậm giữ sau người, sẵn sàng bỏ chạy không luyến tiếc. Bày rõ hành ác, tác động xấu đến hiệu lệnh, phép vua. Như thế gọi là Vua không khéo quan sát mà sử dụng quần thần.

- Thế nào gọi là vua tuy khéo quan sát để sử dụng quần thần nhưng không ban ân hiện bày hành diệu, nếu như có thì cũng không đúng thời?

Tức như có vị quốc vương, tuy đối với quần thần, tánh có thể cứu xét, có thể cứu xét kỹ, tánh có thể suy chọn, có thể suy chọn kỹ về chỗ sai khác của sự trung tín, tài năng, trí tuệ, dùng làm kẻ hầu cận, hộ vệ, nhưng không sủng ái, không đúng như lượng để ban thưởng tước lộc. Xứ, việc cơ mật cũng không giao phó, không thường xuyên dùng lời dịu dàng để an ủi khích lệ. Thời gian sau, vua gặp phải chiến trận với kẻ oán địch, bạn ác, nói rộng cho đến gặp phải nỗi sợ hãi lớn, mạng khó tồn tại. Bấy giờ vua đối với các vị quan kia mới hành trọng đãi, nói rộng cho đến luôn dùng lời nói dịu dàng để an ủi, khích lệ. Lúc nầy, đám quần thần kia cùng bàn với nhau: Vương nay do nhân duyên nguy bách, nên mới đối với chúng ta tạm hành diệu hạnh, chứ chẳng phải là tâm lâu dài. Biết sự việc ấy rồi, nên tuy có trung tín, tài năng, trí tuệ đều ẩn giấu không hiện. Như vậy gọi là Vua tuy khéo quan sát để sử dụng quần thần, nhưng không ban ân hiện bày hành diệu, nếu như có thì cũng không đúng thời.

- Thế nào gọi là vua chuyên hành phóng dật không xem xét sự việc trọng yếu?

Nghĩa là như có vị quốc vương đối với nơi chốn nên tạo sự giao hảo thuận hợp, có thể thành tựu các sự việc trọng yếu, nhưng không thường xuyên ở riêng nơi vắng lặng, hoặc cùng với bậc Trí cùng chánh tư duy, lường xét, quan sát phương tiện tạo sự hòa hiếu. Như thế, đối với nơi chốn nên cự tuyệt, không thể thành tựu các sự việc trọng yếu. Đối với nơi chốn nên tạo tác huệ thí, có thể thành tựu các sự việc trọng yếu. Đối với nơi chốn nên hành tác quân trận có thể thành tựu được các sự việc trọng yếu. Đối với nơi chốn nên tạo sự thâu nhận các nhóm, phái có lực lượng lớn, có thể thành tựu được các sự việc trọng yếu v.v..., vua đều không dành nhiều thời gian ở riêng nơi vắng vẻ, hoặc cùng với bậc

Trí cùng tư duy đúng đắn, xét lường kỹ, quan sát tạo phương tiện để từ chối hoặc tiếp nhận, hành xử. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật, không xem xét việc trọng yếu.

- Thế nào gọi là vua chuyên hành phóng dật không giữ gìn kho tàng?

Nghĩa là như có vị quốc vương ít mở mang sự nghiệp, không khéo léo trong việc mở mang sự nghiệp, không giữ vững sự nghiệp không quán xét sự nghiệp, không hạn chế nơi cửa vua, không hạn chế nơi cửa quan, không hạn chế việc sử dụng kho tàng. Hoặc ở chốn phường chèo, kỹ nhạc, hát xướng mặc sức vui đùa. Hoặc lại đam mê trò đỏ đen sấp ngửa, không đúng lượng, hao phí tài sản, vật báu của triều đình. Như thế gọi là vua chuyên hành phóng dật, không giữ gìn kho tàng.

- Thế nào gọi là vua chuyên hành phóng dật không tu pháp hành?

Tức như có vị quốc vương đối với các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có nơi thế gian, biết rõ họ là bậc nhu hòa, thuần chất, đủ thông tuệ, biện tài, đạt được phương tiện thiện xảo của lý giải thoát, an lạc không hại, theo pháp không hại, nhưng vua không thể thường xuyên đi đến chỗ họ để lễ kính, thưa hỏi: Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội? Tạo những nghiệp gì có thể dẫn đến an lành, xa lìa các ác. Ví dù được nghe rồi cũng không gắng sức như thuyết tu tập, không thể dành nhiều thời gian để Huệ thí, gieo trồng phước đức, thọ trai, học giới. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật, không tu hành pháp.

Nếu có vị quốc vương hành tạo năm môn suy tổn như thế, nên biết là vị vua ấy thối mất nghĩa lợi của Hiện pháp, hậu pháp. Tức bốn môn trước là thối mất nghĩa lợi của Hiện pháp, một môn sau là thối mất nghĩa lợi của Hiện pháp.

- Thế nào gọi là Môn Phương tiện của vua? Đại vương nên biết, môn Phương tiện của vua lược có năm thứ. Những gì là năm? Đó là:

1. Khéo quán xét, thâu nhận quần thần.
2. Có thể khéo dùng thì giờ để thi ân, hành hạnh diệu.
3. Không phóng dật, chuyên suy xét việc trọng yếu.
4. Không phóng dật, khéo bảo hộ kho tàng.
5. Không phóng dật, chuyên tu pháp hành.

- Thế nào gọi là Vua có thể khéo quán xét, thâu nhận quần thần? Nghĩa là như có vị quốc vương, đối với quần thần, tánh hay cứu xét, có thể cứu xét kỹ, tánh hay suy chọn, có thể suy chọn kỹ về chỗ sai biệt nơi sự trung tín, tài năng, trí tuệ, sử dụng họ làm kẻ hầu cận, hộ vệ v.v... đó gọi là Vua có thể khéo quán xét, thâu nhận quần thần.

- Thế nào gọi là Vua có thể khéo dùng thời gian để thi ân, hành hành diệu?

Nghĩa là như có vị quốc vương đối với các quần thần khéo quán xét

rồi, thâu nhận họ làm hầu cận, hộ vệ, lại thêm sủng ái, tùy thuận mức độ, hậu đãi, ban cho tước lộc, trọng thưởng công lao. Việc, xứ hết sức cơ mật đều tin tưởng giao phó, luôn dùng lời dịu dàng để an ủi, khuyến dụ. Các vị quan kia, vào một lúc nọ, vua gặp phải quân trận của kẻ oán địch, bạn ác, với nhiều việc sợ hãi khiến tánh mạng khó tồn tại, bấy giờ họ liền hiện bày hết lòng sự trung tín, tài năng, trí tuệ của mình. Đó gọi là vua có thể khéo dùng thời gian để thi ân, hành hành diệu.

- Thế nào gọi là vua không có phóng dật, chuyên suy xét việc trọng yếu?

Tức như có vị quốc vương đối với nơi chốn nên tạo sự hòa hiếu, có thể thành tựu được sự việc trọng yếu, đã dùng nhiều thời gian ở riêng nơi vắng lặng, hoặc cùng với bậc Trí cùng tư duy đúng đắn, lường xét kỹ, quan sát phương tiện tạo sự hòa hiếu. Như thế, đối với nơi chốn nên cự tuyệt để thành tựu được sự việc trọng yếu, đối với nơi chốn nên huệ thí để thành tựu được sự việc trọng yếu, đối với nơi chốn nên bày quân trận để có thể thành tựu sự việc trọng yếu, đối với nơi chốn nên thâu nhận các nhóm phái có lực lượng mạnh để có thể thành tựu được sự việc trọng yếu. Vua đều có thể dành nhiều thời gian, ở riêng nơi vắng vẻ, hoặc cùng với bậc Trí cùng chánh tư duy, xét lường kỹ, quan sát các phương tiện thích hợp cho từng hoàn cảnh. Như thế gọi là vua không có phóng dật, chuyên suy xét việc trọng yếu.

- Thế nào gọi là Vua không có phóng dật, khéo bảo hộ kho tàng?

Nghĩa là như có vị quốc vương mở mang rộng sự nghiệp, khéo léo trong công việc mở mang sự nghiệp, khéo giữ vững sự nghiệp, khéo quán xét sự nghiệp, khéo hạn chế nơi cửa vua, khéo hạn chế nơi cửa quan, khéo hạn chế việc sử dụng kho tàng. Đối với các nơi chốn phường chèo, kỹ nhạc, hát xướng vui đùa, vua đều không trái với mức độ để tổn phí tài sản của triều đình, cũng không đam mê chốn đỏ đen sấp ngửa v.v... Như thế gọi là Vua không có phóng dật, khéo bảo hộ kho tàng.

- Thế nào gọi là Vua không có phóng dật, chuyên tu pháp hành?

Tức như có vị quốc vương, đối với các vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có nơi thế gian, biết rõ họ là bậc nhu hòa, thuần chất, có đủ thông tuệ, biện tài, đạt được phương tiện thiện xảo của lý giải thoát, an lạc không hại, hành pháp không hại, vua đều có thể dành nhiều thời gian đến trụ xứ của chư vị kia lễ kính, thưa hỏi: Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là có tội? Thế nào là không tội? Tạo những nghiệp gì để có thể dẫn đến an lành, xa lìa các ác? Đã được nghe rồi, tức khéo có thể gắng sức như thuyết

tu tập. Cũng có thể thường xuyên hành Huệ thí, gieo trồng phước đức, thọ trai học giới. Như vậy gọi là Vua không có phóng dật, chuyên tu pháp hành.

Nếu có vị quốc vương thành tựu năm môn Phương tiện như thế, nên biết vị vua ấy không thối mất, nghĩa lợi của Hiện pháp và Hậu pháp. Tức bốn môn trước là không thối mất nghĩa lợi hiện có nơi hiện pháp. Một môn sau là không thối mất nghĩa lợi sẽ có của hậu pháp.

- Thế nào gọi là Pháp đáng yêu thích của Vua?

Đại vương nên biết! Lược có năm thứ là pháp đáng yêu mến, đáng vui thích, đáng hân hoan, hợp ý của Vua. Đó là:

1. Được thế gian yêu kính.
2. Tự tại tăng thượng.
3. Có thể trừ diệt oán địch.
4. Khéo thâu dưỡng thân.
5. Có thể đi đến nẻo thiện.

Năm thứ như thế là pháp đáng yêu thích, đáng hân hoan, rất hợp ý của Vua.

- Thế nào gọi là có thể dẫn đến pháp đáng yêu thích của Vua?

Đại vương nên biết! Lược có năm thứ, có thể dẫn đến pháp đáng yêu thích của Vua. Đó là:

1. Ân dưỡng thế gian.
2. Anh dũng gồm đủ.
3. Hành phương tiện quyền xảo.
4. Chánh thọ cảnh giới.
5. Siêng tu pháp hành.

- Thế nào gọi là Vua ân dưỡng thế gian?

Tức như có vị quốc vương tánh vốn biết đủ, đối với môn tài sản, vật báu, do tánh cẩn thận nên không tham vướng sai lạc, như chỗ nên tích tập của cải vật báu cung không mưu cầu rộng khắp.

Lại có vị quốc vương tánh không tham tiếc, thành tựu pháp bạch tịnh không tham lam, dùng các thứ châu báu nơi kho tàng hiện có, tùy theo năng lực, cấp thí cho những kẻ bần cùng cô độc.

Lại có vị quốc vương nhu hòa nhẫn nhục, luôn dùng lời dịu dàng để hiểu dụ khắp cõi nước. Nơi nhiều thời gian, theo chỗ ứng hợp, phân thưởng tước lộc cho đám quần thần, sai khiến sử dụng họ công minh, hợp lý, đối với các quan phạm tội có thể xót thương tha thứ, tức thì rộng lượng dung

thứ. Còn những kẻ vi phạm không thể dung thứ, thì hết lòng, theo đúng thời gian trị phạt như lý. Như vậy gọi là vua dùng pháp giáo hóa đúng đắn, để ân dưỡng thế gian. Do vua thọ hành pháp ân dưỡng thế gian như vậy nên được thế gian yêu kính.

- Thế nào gọi là vua anh dũng gồm đủ?

Nghĩa là như có vị quốc vương kế sách vững vàng, vũ lược trọn đủ, kẻ chưa hàng phục thì hàng phục họ, người đã hàng phục rồi thì thâu nhận, sử dụng. Mở mang sự nghiệp rộng khắp như trước đã nói, cho đến không tham đắm nơi cờ bạc, vui chơi. Lại khéo quán xét việc nên ban cho, không nên ban cho. Đối với quan, dân, kẻ nên trị phạt thì trị phạt chính đáng, người nên thâu dưỡng thì thâu dưỡng đúng đắn. Như thế gọi là vua anh dũng gồm đủ như vậy, nên có thể tạo được tự tại tăng thượng.

- Thế nào gọi là Vua khéo hành phương tiện quyền xảo?

Tức như có vị quốc vương, đối với nơi chốn nên tạo sự hòa hiếu để có thể thành tựu được sự việc trọng yếu, như trước đã nói cho đến đối với nơi chốn nên thâu nhận các nhóm, phái có lực lượng mạnh, để có thể thành tựu được sự việc trọng yếu, vua đều có thể nhận biết rõ đúng về phương tiện tạo sự hòa hiếu, cho đến phương tiện thâu nhận các lực lượng mạnh. Như thế gọi là vua khéo hành phương tiện quyền xảo. Do vua thọ hành pháp phương tiện quyền xảo như thế, nên có thể hàng phục mọi oán địch hiện có.

- Thế nào gọi là vua chánh thọ cảnh giới?

Tức như có vị quốc vương khéo có thể trù tính về sự tăng giảm của kho tàng, không xa xỉ, không bỏn xẻn, tự xử luôn bình đẳng, thọ dụng trong sạch chính đáng, thọ dụng đủ loại, thọ dụng thắng diệu, thọ dụng tùy theo thời gian thích hợp, thọ dụng cùng với các quan phụ tá thân thuộc, tại nơi chốn đẹp đẽ mà thọ dụng, hòa tấu các thứ nhạc hay mà thọ dụng, thọ dụng không có lỗi lầm. Không có lỗi lầm nghĩa là khi bị bệnh, buồn bực, nên ăn uống các thứ thích nghi, tránh các chỗ không thuận hợp. Vào lúc khỏe mạnh, vui vẻ, ăn uống phải ứng hợp với sự tiêu hóa. Người nên cùng ăn uống thì nên cho cùng hiện tiền chính đáng, không nên ăn riêng các thứ thượng vị tinh diệu, dối đuổi kẻ khác. Như thế gọi là Vua thọ dụng đúng đắn về cảnh giới. Do vua thọ hành pháp chánh thọ cảnh giới như thế nên có thể khéo thâu dưỡng tự thân.

- Thế nào gọi là Vua siêng tu pháp hành?

Nghĩa là như có vị quốc vương gồm đủ Tín, Giới, Văn, Xả, Huệ tịnh.

- Thế nào gọi là vua gồm đủ Tín tịnh?

Tức như vó vị quốc vương tin hiểu về đời khác, tin hiểu về nghiệp thiện, bất thiện cùng quả đáng yêu thích không đáng yêu thích và dị thục của đời vị lai. Như thế gọi là Vua gồm đủ Tín tịnh.

- Thế nào gọi là Vua gồm đủ Giới tịnh?

Nghĩa là như có vị quốc vương xa lìa sát sanh, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, vọng ngữ, uống rượu nơi các chốn phóng dật. Như vậy gọi là vua gồm đủ giới tịnh.

- Thế nào gọi là vua gồm đủ Văn tịnh?

Tức như có quốc vương, đối với nghĩa lợi của Hiện pháp, đối với nghĩa lợi của Hậu pháp, cùng đối với nghĩa lợi của hiện pháp và hậu pháp, các môn pháp diệu khéo nghe khéo nhận tập tụng thông suốt, chuyên ý nghiên cứu, khéo thấy khéo đạt. Như thế gọi là Vua gồm đủ Văn tịnh.

- Thế nào gọi là vua gồm đủ Xả tịnh?

Nghĩa là như có vị quốc vương tuy ở trong chỗ trói buộc của các thứ keo kiệt cấu uế, nhưng tâm luôn thanh tịnh, xa lìa mọi cấu uế của keo kiệt, nơi mọi giao tiếp thường hành xả bỏ, rộng tay vui thí, xây dựng đền phước, chuyên xả trọn đủ, vào lúc bố thí luôn vui bình đẳng. Như vậy gọi là Vua gồm đủ Xả tịnh.

- Thế nào gọi là Vua gồm đủ Huệ tịnh?

Tức như có vị quốc vương nhận biết rõ như thật về pháp thiện, bất thiện, có tội không tội, tu tập không tu tập, hơn kém trắng đen, đối với các pháp duyên sanh đã phân biệt rộng cũng nhận biết đúng như thật. Giá như khiến bị mất niệm, sanh tham dục xấu ác giận dữ, phẫn hận, phú não xan tật dua nịnh dối gạt, không hổ không thẹn, dục ác kiến ác, nhưng tâm vẫn tỏ ngộ, cùng không chấp giữ. Như thế gọi là Vua gồm đủ Huệ tịnh. Năm thứ thanh tịnh như vậy gọi là Vua siêng tu pháp hành. Do vua thọ hành pháp hành ấy, nên có thể đi đến nẻo thiện.

Năm loại như thế, có thể dẫn phát pháp đáng yêu thích của Vua, có thể dẫn đến những lợi ích hiện có nơi hiện pháp, hậu pháp của các Vua. Tức bốn thứ đầu có thể dẫn phát lợi ích nơi hiện pháp của Vua. Một thứ sau cùng có thể dẫn phát lợi ích nơi hậu pháp của Vua.

Lại nữa, đại vương nên biết! Ta đã lược nói về những lỗi lầm của Vua, những công đức của Vua, đã nói về môn suy tổn, môn phương tiện của Vua, đã nói về pháp đáng yêu thích của Vua, cùng những thứ có thể dẫn đến pháp đáng yêu thích của Vua. Do đó đại vương phải nên tu học. Những lỗi lầm của Vua phải nên xa lìa. Những công đức của Vua phải nên tu tập. Môn suy tổn của Vua phải nên xa lìa. Môn phương tiện của Vua

phải nên tu học. Pháp đáng yêu thích của Vua phải nên mong, mộ. Những thứ có thể dẫn đến pháp đáng yêu thích của Vua phải nên thọ hành. Đại vương nếu có thể tu học như vậy, sẽ đạt được tất cả lợi ích an lạc!".

Lại nữa, như nói về sanh khổ, cho đến lược nói năm thủ uẩn khổ. Thế nào là sanh khổ? Nên biết khổ nầy do năm thứ tướng. Đó là:

1. Chỗ tùy thuộc của các khổ.
2. Chỗ tùy thuộc của Thô trọng.
3. Chỗ dựa của các khổ.
4. Chỗ dựa của phiền não.
5. Pháp ly biệt không thuận theo chỗ mong muốn.

- Thế nào là do chỗ tùy thuộc của các khổ nên khổ?

Nghĩa là sanh trong cõi địa ngục và cõi Ngạ quỷ hoàn toàn khổ. Hoặc vào lúc sanh của thai sanh, noãn sanh, vô số ưu khổ đã theo đuổi gắn chặt, nên gọi là do chỗ tùy thuộc của các khổ nên khổ.

- Thế nào là do chỗ tùy thuộc của Thô trọng nên khổ?

Nghĩa là các Hành của ba cõi là chỗ tùy thuộc của Thô trọng nơi phẩm phiền não, tánh không thuận hợp, chuyển không tự tại. Do sự đeo đuổi ấy, nên hữu tình trong ba cõi sinh khởi các hành. Thế nên gọi là do chỗ tùy thuộc của Thô trọng nên khổ.

- Thế nào là do chỗ dựa của các khổ nên khổ? Nghĩa là suy lão v.v... là chỗ dựa sai biệt của các khổ.

- Thế nào là do chỗ dựa của phiền não nên khổ?

Nghĩa là thọ sanh rồi, yêu thích nơi cảnh yêu thích, giận dữ đối với cảnh giận dữ, si mê đối với cảnh si mê. Do nhân duyên nầy, nên trụ nơi chốn không tịch tĩnh, mờ mịt, thân tâm không an ổn, thọ khổ. Thế nên gọi là do chỗ dựa của phiền não nên khổ.

- Thế nào là do pháp ly biệt, không tùy theo chỗ mong muốn nên khổ?

Nghĩa là các hữu tình đã sanh ra thì đều chết, sanh tất phải hoại diệt. Mọi thọ mạng hiện có, chết là biên vực tận cùng, chết là chung cuộc. Các sự việc như thế không phải là điều yêu thích, do nhân duyên ấy nên chỉ thọ các khổ. Tức vì pháp ly biệt không tùy theo mong muốn, nên gọi sanh là khổ.

- Thế nào là Già khổ? Nên biết cũng do năm tướng, tức đối với năm xứ suy thoái nên khổ:

1. Suy thoái về sắc thịnh.

2. Suy thoái về khí lực.

3. Suy thoái về các căn.

4. Suy thoái về thọ dụng.

5. Suy thoái về thọ mạng.

- Thế nào là Bệnh khổ?

Nên biết Bệnh khổ cũng do năm tướng:

1. Tánh thân biến hoại.

2. Ưu khổ tăng trưởng, trụ nhiều.

3. Đối với cảnh hợp ý không vui thọ dụng.

4. Đối với cảnh không hợp ý, không phải là chỗ mong muốn miễn cưỡng thọ dụng.

5. Có thể khiến cho Mạng căn mau lìa.

- Thế nào là Tử khổ?

Nên biết khổ nầy cũng do năm Tướng:

1. Ly biệt nhiều thứ tài sản vật báu vốn rất yêu thích.

2. Ly biệt nhiều bạn bè yêu thích.

3. Ly biệt nhiều quyến thuộc yêu quý.

4. Ly biệt nhiều thứ yêu quý của tự thân.

5. Vào lúc mạng chung, thọ đủ vô số ưu khổ cực nặng.

- Thế nào là khổ do oán ghét gặp nhau? Nên biết khổ nầy cũng do năm tướng:

1. Cùng với kẻ kia gặp gỡ sanh ưu khổ.

2. Là chỗ nương dựa của sự sợ hãi bị trị phạt.

3. Là chỗ dựa của sự sợ hãi về tiếng xấu.

4. Là chỗ dựa của sự sợ hãi về khổ bức bách khi mạng chung.

5. Là chỗ dựa của sự sợ hãi về cõi ác vượt khỏi chánh pháp.

- Thế nào là khổ do yêu thương phải biệt ly?

Nên biết khổ nầy cũng do năm tướng: Nghĩa là không cùng với kẻ kia gặp gỡ, sanh sầu não. Do nhân duyên nầy nên sanh sầu than. Do nhân duyên ấy nên thân nhiễu loạn, buồn bã. Do nhân duyên nhớ nghĩ các đức của kẻ kia, nên càng lưu luyến, tâm ý bực bội khổ não. Những thứ thọ dụng đều có chỗ thiếu sót.

Như khổ do yêu thương phải biệt ly, thì khổ do cầu không đạt được nên biết cũng thế.

- Thế nào là năm Thủ uẩn khổ?

Nên biết khổ nầy cũng do năm tướng:

1. Vật chứa của sanh khổ.
2. Vật chứa của dựa nơi sanh khổ.
3. Vật chứa của khổ khổ.
4. Vật chứa của Hoại khổ.
5. Tánh của Hành khổ.

Lại nữa, dựa nơi Hành sai biệt, kiến lập ba loại Sĩ phu, là Hạ, trung, thượng. Không hành tự lợi, không hành lợi tha, gọi là sĩ phu bậc hạ. Có hành tự lợi, không hành lợi tha, có hành lợi tha không hành tự lợi, gọi là sĩ phu bậc trung.

Có hành tự lợi, có hành lợi tha, gọi là sĩ phu bậc thượng. Lại có bốn loại Bổ-đặc-già-la:

1. Hoặc có loại hành ác nhưng không ưa thích ác.
2. Hoặc có loại ưa thích ác nhưng không hành ác.
3. Hoặc có loại hành ác cũng lại ưa thích ác.
4. Hoặc có loại không hành ác, cũng không ưa thích ác.

Nếu tin các ác có thể chiêu cảm quả báo không đáng yêu thích nơi vị lai, nhưng do mất niệm, hoặc do phóng dật, gần gũi bạn ác, nên tạo tác hành ác. Đó gọi là Hành ác, nhưng không ưa thích ác.

Nếu từ đời trước đến giờ thường xuyên hành tập ác, vui thích các ác, bị ác dục lôi kéo. Kẻ ấy do gần gũi trượng phu thiện, được nghe chánh pháp, tác ý như lý làm chỗ nương dựa, thấy các hành ác có thể chiêu cảm quả báo không đáng yêu thích nơi vị lai, tự gắng hết sức xa lìa các ác. Đó gọi là loại ưa thích ác nhưng không hành ác.

Hoặc tánh ưa thích ác, nhưng không xa lìa. Đó gọi là loại hành ác cũng lại ưa thích ác.

Hoặc có Hữu tình vì tánh không ưa thích các ác, cũng có thể xa lìa các ác. Đó gọi là loại không hành ác cũng không ưa thích Ác. Ở đây, kẻ hành ác cũng ưa thích ác, đó gọi là sĩ phu bậc hạ. Hoặc có kẻ hành ác mà không ưa thích ác, hoặc có kẻ ưa thích ác nhưng không hành ác, đó gọi là sĩ phu bậc trung. Nếu không hành ác, cũng không ưa thích ác, đó gọi là sĩ phu bậc thượng.

Lại có ba loại sĩ phu:

1. Trọng Ái dục.

2. Trọng sự việc.

3. Trọng chánh pháp.

Loại đầu gọi là sĩ phu bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ phu bậc trung.

Loại ba gọi là sĩ phu bậc thượng. Lại có ba thứ Bổ-đặc-già-la:

1. Dùng phi sự làm tự sự.

2. Dùng tự sự làm tự sự.

3. Dùng tha sự làm tự sự.

Nếu hành hạnh ác để tự sanh sống, gọi là dùng phi sự làm tự sự. Nếu sợ hành ác, tu tập hành thiện, gọi là dùng tự sự làm tự sự. Hoặc các Bồ tát gọi là dùng tha sự làm tự sự. Loại một gọi là sĩ phu bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ phu bậc trung. Loại ba gọi là sĩ phu bậc thượng.

Lại, các vị quốc vương có ba thứ viên mãn:

1. Quả báo viên mãn.

2. Sĩ dụng viên mãn.

3. Công đức viên mãn.

Nếu các quốc vương sanh nơi gia tộc phú quý, sống lâu, ít bệnh có, có tộc họ lớn, thành tựu thông Huệ bẩm sanh, thì vị vua ấy gọi là Quả báo viên mãn.

Nếu các quốc vương thâu giữ phương tiện thiện xảo, thường xuyên thành tựu tài ba, dũng lược viên mãn, vua ấy gọi là sĩ dụng viên mãn. Hoặc các quốc vương nhận giữ chánh pháp gọi là Pháp vương, an trụ nơi chánh pháp gọi là đại vương, cùng với vương tử, nội cung, quần thần, những bậc anh kiệt hào quý trong nước đồng tu huệ huệ thí, trồng phước, thọ trai, giữ vững giới cấm, thì vị vua ấy gọi là công đức viên mãn.

Quả báo viên mãn: Là thọ dụng quả báo của nghiệp tịnh đời trước.

Sĩ dụng viên mãn: Là thọ dụng quả đáng yêu thích của hiện pháp.

Công đức viên mãn: Là thọ dụng viên mãn quả báo của nghiệp tịnh nơi vị lai. Nếu có quốc vương, ba thứ viên mãn đều không đầy đủ, gọi là sĩ phu bậc hạ. Nếu có quả báo viên mãn, hoặc sĩ dụng viên mãn, hoặc cả hai đều viên mãn, gọi là sĩ phu bậc trung. Nếu ba thứ viên mãn thảy đều đầy đủ, gọi là sĩ phu bậc thượng.

Lại có ba loại Quan:

1. Có trung tín, không có tài năng, trí tuệ.

2. Có trung tín, tài năng, không có trí tuệ.

3. Gồm đủ Trung tín, Tài năng, Trí tuệ.

Loại một gọi là Sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là Sĩ bậc trung. Loại ba gọi là Sĩ bậc thượng. Nếu không Trung tín, không tài năng, cũng không có Trí tuệ, nên biết loại quan nầy là hạ trong bậc hai.

Lại có bốn thứ lời nói:

1. Không yêu thích giống như yêu thích.
2. Yêu thích giống như không yêu thích.
3. Không yêu thích giống không yêu thích.
4. Yêu thích giống yêu thích.

Những ngôn ngữ có câu lời khéo thuận nhưng không thích hợp, đó gọi là loại một. Hoặc có ngôn ngữ câu lời trái ngược nhưng lại thích hợp, là loại thứ hai. Hoặc có ngôn ngữ câu lời trái ngược, cũng không thích hợp, là loại thứ ba. Hoặc có ngôn ngữ, câu lời khéo thuận lại cũng thích hợp, là loại thứ tư.

Nếu có hữu tình nói năng những lời không yêu thích giống như không yêu thích, không yêu thích giống như yêu thích, là sĩ bậc hạ.

Hoặc có hữu tình nói năng những lời yêu thích giống như không yêu thích, là sĩ bậc trung.

Hoặc có hữu tình nói năng những lời yêu thích giống như yêu thích, là sĩ bậc thượng.

Lại có ba loại người thọ nhận các dục:

Hoặc có người thọ nhận dục phi pháp không thiết thực, tích tập tài sản, vật báu, không thể an lạc, nuôi dưỡng tự thân cùng vợ con, nói rộng cho đến không tới trụ xứ của các Sa-môn, Bà-la-môn tu tập gieo trồng nơi phước điền. Hoặc có người thọ nhận dục đúng pháp hoặc phi pháp không thiết thực, hoặc không tích tập của cải vật báu, có thể được an lạc, nuôi dưỡng tự thân, vợ con quyến thuộc cùng bạn thân, nhưng không đến chỗ các Sa-môn, Bà-la-môn tu tập, gieo trồng nơi phước điền.

Hoặc có người thọ nhận dục hoàn toàn đúng pháp cùng không thiết thực tích tập tài sản vật báu, có thể được an lạc, nuôi dưỡng tự thân đúng đắn, nói rộng cho đến có thể ở tại trụ xứ của Sa-môn, Bà-la-môn tu tập, gieo trồng nơi phước điền.

Trong ba loại nầy, loại đầu gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại có ba loại người:

1. Có người tham nhiễm mà ăn uống, tham đắm việc ăn uống, cho đến đam mê, không thấy lỗi, họa, không biết nẻo xuất ly.

2. Có người xét chọn mà ăn uống, không nhiễm không vướng, cũng không tham đắm việc ăn uống cho đến đam mê, thấy rõ lỗi, họa, khéo biết nẻo xuất ly, nhưng đối với việc ăn uống ấy chưa đoạn chưa biết.

3. Có người xét chọn mà ăn uống, không sanh tham nhiễm, nói rộng cho đến thấy rõ lỗi, họa, khéo biết nẻo xuất ly, lại đối với sự ăn uống ấy đã đoạn đã biết.

Loại một là sĩ bậc hạ. Loại hai là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào vật thí, nói có ba loại người:

1. Có người, vật được đem thí chỉ đủ hương diệu, không đủ vị và xúc mỹ diệu.

2. Có người, với vật được đem thí gồm đủ Hương, Vị diệu, nhưng không có Xúc diệu.

3. Có người, với vật được đem thí đầy đủ hương vị và xúc mỹ diệu.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào "Ruộng thí", nói có ba loại người:

1. Có người, đối với Ái, với Ân mà hành Huệ thí.

2. Có người đối với ruộng nghèo khổ mà hành Huệ thí.

3. Có người đối với ruộng phước tối thắng có đủ công đức mà hành huệ thí.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại có sai biệt: Thí nơi có Ái gọi là sĩ bậc hạ. Thí nơi có Ân gọi là sĩ bậc trung. Thí nơi ruộng bần khổ, gồm đủ đức thù thắng gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào Tâm thí, nói có ba loại người:

1. Có người sắp hành Huệ thí, trước hết là Tâm hoan hỷ. Lúc đang huệ thí, tâm không thanh tịnh. Sau khi huệ thí rồi, liền khởi hối tiếc.

2. Có người, trước tiên hoan hỷ, lúc thí Tâm thanh tịnh, thí xong sanh hối tiếc.

3. Có người, trước tiên tâm hoan hỷ, lúc thí tâm thanh tịnh, thí xong không hối tiếc.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại đối với sự phước nghiệp của việc thọ trì giới, kiến lập ba loại người:

1. Có người chỉ lìa một phần, không phải nơi tất cả thời thường có thể xa lìa. Chỉ tự xa lìa, không khuyên người khác xa lìa, cũng không khen ngợi, thấy người đồng pháp, tâm không hoan hỉ. Đó gọi là sĩ bậc hạ.

2. Có người lìa tất cả phần, tất cả thời đều lìa, chỉ tự xa lìa không khuyên kẻ khác, cũng không khen ngợi, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ. Đó gọi là sĩ bậc trung.

3. Có người tất cả cùng hiện bày, đó gọi là sĩ bậc thượng. Lại đối với nơi chốn thọ trì Giới cấm, kiến lập ba loại người:

1. Có người trụ nơi pháp, luật nói về ác, thọ trì Giới cấm.

2. Có người trụ trong pháp luật nói về thiện, thọ trì Giới cấm, nhưng có thiếu sót.

3. Có người tức trụ như trên, thọ trì Giới cấm, nhưng không thiếu sót.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại đối với Tâm thọ trì giới, kiến lập ba loại người:

1. Có người vì đời sống nên thọ trì Giới cấm.

2. Có người vì muốn sanh Thiên nên thọ trì Giới cấm.

3. Có người vì nhằm đạt Niết bàn nên thọ trì Giới cấm.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại đối với việc thọ trì Luật nghi Biệt Giải thoát, nói có ba loại người:

1. Có người chỉ có thể thọ trì Luật nghi Cận trụ.

2. Có người cũng có thể thọ trì Luật nghi Cận sự.

3. Có người cũng có thể thọ trì Luật nghi Bí sô.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại đối với việc thọ trì luật nghi Bí-sô, nói có ba loại người:

1. Có người chỉ có thể thành tựu việc thọ chi Cụ Túc. Không thọ các chi Học xứ tùy pháp, cũng không tùy hộ chi tâm kẻ khác, cũng không tùy hộ các chi Học xứ đã thọ như trước.

2. Có người thành tựu ba chi trước, không thành tựu một chi sau.

3. Có người thành tựu đầy đủ bốn chi.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại có ba loại người:

1. Có người chỉ thành tựu luật nghi Biệt giải thoát.

2. Có người thành tựu Luật nghi Tĩnh lự Biệt giải thoát.

3. Có người thành tựu ba thứ Luật nghi: Biệt giải thoát, Tĩnh lự, Vô lậu.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại có ba loại người:

1. Có người chỉ có thể thành tựu phi luật nghi phi bất luật nghi, gồm thâu luật nghi nơi Giới đã thọ.

2. Có người cũng có thể thành tựu luật nghi tương ưng với Giới đã thọ, như Thanh Văn v.v...

3. Có người cũng có thể thành tựu luật nghi nơi Giới của Bồ tát đã thọ.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào phương tiện tư duy tu tập, kiến lập ba loại người:

1. Có người chỉ đạt được tư duy gắng sức vận chuyển.

2. Có người vận chuyển có gián đoạn, nếu được không gián đoạn, cần tạo công dụng mới có thể vận chuyển.

3. Có người đã thành tựu được tư duy tự nhiên.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào chỗ sai biệt của đã tu đắc, kiến lập ba loại người:

1. Có người đã được định Xa-ma-tha nơi nội tâm, chưa được pháp Tỳ-bát-xá-na của Huệ tăng thượng.

2. Có người đã được pháp Tỳ-bát-xá-na của Huệ tăng thượng, chưa được định Xa-ma-tha nơi nội tâm.

3. Có người cùng đạt được cả hai thứ.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại có ba loại người:

1. Có người đã được Tam-ma-địa có Tầm có Tứ.

2. Có người đã được Tam-ma-địa không Tầm chỉ có Tứ.

3. Có người đã được Tam-ma-địa không Tầm không Tứ.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại dựa vào chỗ sai biệt của trụ tu, kiến lập ba loại người:

1. Có người trụ nơi Tĩnh lự nhiễm ô.

2. Có người trụ nơi Tĩnh lự thanh tịnh của thế gian.

3. Có người trụ nơi Tĩnh lự Vô lậu.

Loại một gọi là sĩ bậc hạ. Loại hai gọi là sĩ bậc trung. Loại ba gọi là sĩ bậc thượng.

Lại nữa, có mười thứ chúng hữu tình, đối với mười thứ pháp đều yêu thích vui mừng. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Thọ mạng.

2. Sắc.

3. Tài sản.

4. Bạn bè.

5. Giới.

6. Tri thức.

7. Phạm hạnh.

8. Huệ.

9. Pháp.

10. Sanh Thiên.

Những gì gọi là mười chúng hữu tình? Đó là:

1. Bàng sanh.

2. Mẫu ấp.

3. Thọ dụng dục.

4. Cầu tạo tác.

5. Người xuất gia.

6. Học rộng là lẽ sống.

7. Nhập chứng.

8. Tầm Tứ.

9. Khổ nhọc.

10. Dứt bỏ thân.

Lại nữa, lắng nghe chánh pháp, lược có sáu thứ lỗi lầm của phiền

não:

1. Lỗi lầm của kiêu mạn.
2. Lỗi lầm không mong muốn.
3. Lỗi lầm của không tin.
4. Lỗi lầm của thân tâm bị tổn não.
5. Lỗi lầm do tán loạn.
6. Lỗi lầm do mê hoặc.

Do các lỗi lầm như thế nên không thể cung kính ân cần nghe pháp, nói rộng như nơi kinh.

Lỗi lầm của phiền não tán loạn lại có hai thứ: Nghĩa là tán loạn khi nghe thuyết giảng và tán loạn khi nghe thuyết giảng xong. Mê hoặc tức là điên đảo.

Lại nữa, phiền não phát khởi nghiệp lược có ba loại:

1. Phát khởi tương ưng.
2. Phát khởi Thân sanh.
3. Phát khởi Tăng thượng, dẫn dắt các phiền não còn lại mà phát khởi.

Lại nữa, pháp không được yêu thích lược có sáu loại:

1. Oán địch.
2. Tật bệnh.
3. Cảnh không thể yêu thích.
4. Các khổ như sanh v.v...
5. Khổ não là thuốc tốt.
6. Không thường xuyên hành tập thiện. Bốn thứ trước nên xa lìa.

Hai thứ sau nên tu tập. Lại nữa, thọ dụng các dục lược có năm loại:

1. Thọ dụng lãnh nhận.
2. Thọ dụng thâu tóm vui vẻ.
3. Thọ dụng tầm tứ.
4. Thọ dụng tham vướng.
5. Thọ dụng thâu tóm tự thân.

Lại nữa, lỗi lầm của các dục lược có tám tướng:

1. Tướng thiếu vị nhiều khổ nhiều lỗi, họa.
2. Tướng của nhân duyên khổ do kẻ khác bức bách.
3. Tướng của nhân duyên thọ dụng tạp nhiễm hơn hẳn.

4. Tướng của nhân duyên khổ do rơi vào các nẻo ác.

5. Tướng của nhân duyên khổ do Tầm Tứ nhiễm loạn.

6. Tướng của nhân duyên tổn diệt thọ dụng hơn hẳn.

7. Tướng của nhân duyên tổn diệt mất thân hiện rõ.

8. Tướng của nhân duyên có thể gây chướng ngại cho pháp thiện hiện rõ.

Lại nữa, nhân duyên của các dục, lược có sáu thứ biến hoại:

1. Biến hoại do bị kẻ khác bức bách.

2. Biến hoại do các Giới cùng trái nhau.

3. Biến hoại nơi các thứ được hữu tình yêu thích.

4. Biến hoại của Thân.

5. Biến hoại của Tâm.

6. Biến hoại của Vô thường.

Lại nữa, nên biết các dục do năm thứ pháp tương tự nên được mang tên là "Rừng rậm phiền não":

1. Do pháp tương tự về rất nhiều.

2. Do pháp tương tự về tạp uế.

3. Do pháp tương tự về sự nuôi dưỡng chúng sanh.

4. Do pháp tương tự về che giấu.

5. Do pháp tương tự về hiểm nạn.

Đã lược nói về sự Quyết trạch của ba địa có Tầm có Tứ, trong ấy, nhiều chỗ với các phần quyết trạch còn lại, văn không lặp lại.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 62

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Tam Ma Hí Đa

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về sự Quyết trạch của ba địa có Tầm có Tứ. Sự Quyết trạch của địa Tam-ma-hí-đa nay sẽ nói.

Nghĩa là các Bổ-đặc-già-la (Hữu tình) có nhiều Tùy phiền não nhiễm ô nối tiếp, nên không thể chứng đắc đúng đắn "Tâm Tánh một cảnh".

- Thế nào gọi là có nhiều Tùy phiền não?

Nghĩa là có Siểm, Cuống, Kiểu, trá, không Hổ, không Thẹn, Bất tín, Biếng nhác, Quân niệm, chẳng định, Huệ ác, chậm chạp, hỗn tạp, hướng đến hành trước, xả bỏ xa lìa ách, đối với các Học xứ không thể cung kính, không quan tâm đến các Sa-môn, chỉ mong cầu sinh sống, không vì Niết-bàn mà cầu xuất gia.

- Thế nào là có Siểm?

Nghĩa là tự có lỗi lầm nhưng không thể đối với đại sư, bậc trí, bậc đồng phạm hạnh, phát lồ như thật.

- Thế nào là có Cuống?

Nghĩa là hiển bày không chân thật về công đức của mình. Người kia thật sự không có đức, mà muốn khiến cho các bậc có Trí, các vị đồng phạm hạnh khác biết rõ là mình có đức.

- Thế nào là có Kiểu?

Nghĩa là đối với Giới tăng thượng, hủy phạm Thi-la, hoặc hủy phạm các phép tắc. Do thấy, nghe, nghi, lúc người khác nêu tội bèn dùng sự việc khác để lấy cớ từ chối sự việc còn lại. Hoặc nêu bày những lời nói bên ngoài để cùng dụ dẫn. Như Kinh đã nói rộng, tức do sức tăng thượng của Siểm, Cuống.

- Thế nào là có Trá?

Tức do sợ kẻ khác, hoặc lại đối với kẻ kia có chỗ mong cầu, nên tuy có phạm tội nặng, nhưng không phát lồ, cũng không hiện hành. Ý lạc không

thật nhưng dối hiện nơi bậc có trí, đồng phạm hạnh, hiện hành thân ái, cung kính. Hai nghiệp thân ngữ dịu dàng, khéo léo.

- Thế nào là không Hổ không Thẹn?

Nghĩa là xem xét nơi mình, hoặc lại xem xét nơi người khác, không có xấu hổ, nên suy nghĩ hủy phạm, phạm rồi không thể như pháp xuất ly, ưa thích làm vô số việc sai trái, tranh chấp.

- Thế nào là Bất tín?

Tức là đối với Phật Pháp Tăng, tâm không thanh tịnh, đối với Khổ Tập diệt đạo sinh hiểu biết không thuận hợp.

- Thế nào là Biếng nhác?

Nghĩa là cho ngủ nghỉ, nằm yên là vui thích, ngày đêm hoàn toàn bỏ bê việc tu tập các phẩm Thiện.

- Thế nào là Quên niệm?

Tức đối với những việc đã làm đã nói từ lâu xa không thể nghĩ tới, không khiến nhớ lại, không giữ căn môn, không trụ nơi chánh tri.

- Thế nào là chẳng định?

Nghĩa là đối với địa định, dưới đến tác ý cũng không thể đạt được.

- Thế nào là Huệ ác?

Tức là trụ nơi kiến thủ của mình, chấp ngôn luận không bình đẳng khó xả bỏ.

- Thế nào là chậm chạp?

Nghĩa là không nhanh nhẹn, cũng không sáng rõ. Không tự mình phát khởi, nên không thể làm được điều gì, không thể dùng thân hầu cận các bậc có Trí đồng phạm hạnh.

- Thế nào là Hỗn tạp?

Tức vui thích cùng với hai chúng tại gia và xuất gia cùng trụ xen lẫn nhau. Lại vui thích tìm xét, tìm xét các thứ dục ác, bất thiện, cho đến tìm xét các thứ tương ưng với gia thế, phần nhiều theo đấy mà tìm suy, xét biết.

- Thế nào là hướng đến hành trước?

Nghĩa là thọ nhận Tăng chi hoặc các thứ lợi dưỡng hiện có như y phục v.v... của "Biệt nhân". Hoặc thỉnh Tăng chi cùng với Biệt nhân đều gọi là hướng đến. Nếu các Bí-sô đối với sự việc như vậy cho là hành sớm nhất, trước tiên, nên gọi là hướng đến hành trước.

- Thế nào là xả bỏ xa lìa ác?

Nghĩa là đối với biên vực về vật dụng nằm ngồi nên xa lìa, xa lìa chỗ

quen gần của những kẻ ác giống như chốn tịch tĩnh, nên dứt bỏ xa hẳn, không sanh vui muốn.

- Thế nào là đối với các Học xứ không hết sức cung kính?

Nghĩa là nếu gặp phải ách nạn thì thà bỏ Học xứ chứ không xả bỏ thân mạng. Chí cầu thân an lạc cùng với thọ mạng, chứ không thể theo đấy hộ trì các Học xứ hiện có.

- Thế nào là không quan tâm đến Sa-môn?

Tức là do xả bỏ Học xứ, thích làm việc thối chuyển, hoặc phạm Thi-la hành các pháp ác, bên trong đã mục rữa, nói rộng cho đến thật sự không có phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, huống nữa là mong cầu quả Sa-môn, chứng tám chi Thánh đạo.

- Thế nào là chỉ mong cầu sinh sống, không vì Niết-bàn mà cầu xuất gia?

Nghĩa là hoặc bị vua bức bách mà cầu xuất gia. Hoặc bị bức bách do giặc oán, do chủ nợ, do sợ hãi, hoặc vì tiền của luôn bị thiếu thốn sợ không thể sống nổi mà cầu xuất gia, không vì tự điều phục, tự tịch tĩnh, tự Bát-niết-bàn mà cầu xuất gia. Luôn biết ở đây, dựa nơi bậc đồng phạm hạnh mà cùng dừng trụ, có chỗ trái phạm, phát khởi bốn thứ Tùy phiền não đầu tiên.

Dựa nơi Giới tăng thượng có chỗ trái phạm, nên biết là phát khởi không hổ không thẹn. Dựa nơi Tâm tăng thượng cùng Huệ tăng thượng, có chỗ trái phạm, nên biết là phát khởi các tùy phiền não từ Bất tín cho đến Huệ ác. Trong ấy, Bất tín cùng với Biếng nhác là dựa vào chỗ cùng trái phạm. Quên niệm, tán loạn là dựa vào chỗ trái phạm của Tâm tăng thượng mà khởi. Huệ ác dựa vào chỗ trái phạm nơi Huệ tăng thượng mà khởi. Sức tăng thượng của Bất tín, Biếng nhác, nên biết là đã phát khởi chậm chạp, hỗn tạp, hướng đến hành trước, xả bỏ xa lìa ách. Sức tăng thượng của Quên niệm, tâm loạn cùng với Huệ ác, nên biết là đã phát khởi đối với các Học xứ không hết sức cung kính, không quan tâm đến Sa-môn, chỉ mong cầu sinh sống, không vì Niết-bàn mà cầu xuất gia.

Lại nữa, có ba loại Bổ-đặc-già-la, dựa nơi ba xứ dẫn phát các Tùy phiền não. Thế nào là ba loại Bổ-đặc-già-la? Đó là:

1. Dựa nơi chánh pháp mà xuất gia.
2. Ở tại gia thọ dụng dục.
3. Ngoài chánh pháp mà xuất gia.

- Thế nào là ba xứ dẫn phát các Tùy phiền não?

Đó là Loại Bổ-đặc-già-la thứ nhất, dựa vào xứ phóng dật dẫn phát

Tùy phiền não. Đây lại có hai thứ:

Hoặc dựa và bên trong, vọng hiển bày đức của mình, vì nhằm có được sự cung kính, lợi dưỡng như y phục v.v... nên tự nói mình đã chứng đắc pháp thù thắng hơn người.

Hoặc lại dựa vào các vị có trí, đồng phạm hạnh khác, dùng nghiệp thân ngữ để bức bách gia hại, tổn não, hủy nhục. Nên biết, loại Bổ- đặc-già-la thứ hai, dựa vào xứ đam mê dục lạc dẫn phát tùy phiền não. Những kẻ ấy, do nhân duyên đắm chấp các dục, thọ dụng các dục, nương nơi Thân ngữ ý hành ba hành ác.

Nên biết loại Bổ-đặc-già-la thứ ba, dựa nơi xứ tà hạnh dẫn phát

Tùy phiền não, lược có ba thứ, đó là:

1. Theo đuổi xa lìa.
2. Theo đuổi tạp loạn.
3. Theo đuổi Học xứ, dấy khởi Tùy phiền não.

- Thế nào là theo đuổi xa lìa, dấy khởi Tùy phiền não? Tức các ngoại đạo theo đuổi việc xa lìa các vật dụng nằm ngồi hiện có, nhưng vì bị năm thứ Cái che phủ nơi Tâm, nên hoặc trụ nơi khổ, thân tâm lãnh nhận các khổ não. Hoặc lại xa lìa sự đối trị phiền não, do lìa năm thứ Căn như Tín v.v... Những kẻ kia do trụ nơi nhiễm ô như thế, nên trụ nơi khổ não, không có pháp đối trị có thể dứt trừ nhiễm ô nên trụ nơi khổ não. Đó gọi là Theo đuổi xa lìa dấy khởi các Tùy phiền não.

- Thế nào là theo đuổi tạp loạn dấy khởi Tùy phiền não?

Đó là các thứ ngôn luận đều chấp riêng về dị kiến dị dục trái nhau, kiến lập tự phẩm tha phẩm sai biệt, khởi rộng Phẫn Hận cho đến Cuống, Siểm. Đó gọi là theo đuổi tạp loạn dấy khởi các Tùy phiền não.

- Thế nào là theo đuổi Học xứ, dấy khởi Tùy phiền não?

Nghĩa là xem xét các tội hiện hành của mình, người, không có xấu hổ khi phạm giới phá hủy giới. Đó gọi là theo đuổi Giới học tăng thượng dấy khởi các Tùy phiền não.

Hoặc có kẻ dựa nơi đẳng chí thế gian, đối với pháp thấp kém cho hơn hẳn, hoặc đối với pháp tương tợ, so với mình cho là hơn, tâm sanh kiêu ngạo. Đó gọi là Theo đuổi Tâm học tăng thượng, dấy khởi các Tùy phiền não.

Hoặc ít lắng nghe, lãnh hội, nên không thể quán xét các pháp thiện hiện có. Đó gọi là Theo đuổi Huệ học tăng thượng dấy khởi các Tùy phiền não.

Như thế tất cả được nêu chung là Hành phi pháp, hành không bình đẳng. Do nghĩa không phải thiện nên gọi là Hành phi pháp. Do nghĩa không phải là Quả yêu thích nên gọi là Hành không bình đẳng.

Lại nữa, nếu người hành quán, tu tập mười Biến xứ, có thể làm năm sự. Những gì là năm? Nghĩa là do tu tập Biến xứ địa, cho đến Biến xứ bạch, tức có thể dẫn phát sự Hóa sự Biến nơi các Thần thông thánh. Lại do tu tập tất cả xứ của xứ không vô biên, nên có thể dẫn phát các Thần thông Thánh lui tới qua lại không chướng ngại. Lại do tu tập tất cả xứ của xứ Thức vô biên, nên liền có thể dẫn phát các công đức thù thắng như Nguyện Trí vô tránh, Vô ngại giải.

Lại, tức do Biến xứ của xứ Thức vô biên nầy đã thành tựu đầy đủ, nên có thể hoàn thành pháp giải thoát của xứ vô sở Hữu và xứ Phi Tưởng phi phi tưởng. Lại, tức do nhân của sự thành tựu đầy đủ nầy nên có thể chứng nhập Diệt Tưởng Thọ, giải thoát thuộc về Trụ tối thắng. Lại do xứ Thức vô biên, nên vô lượng vô biên hành chuyển đủ khắp. Vì thế trên đây không lập Thắng xứ của Biến xứ. Biến xứ là các đạo Giải thoát có thể đạt được thanh tịnh.

Lại các giải thoát do Sở tri chướng được giải thoát nên hiển bày. Do đấy, các hàng Thanh Văn, độc giác, đối với Sở tri chướng tâm được giải thoát.

Lại nữa, lược do ba tướng, nên người tu tập đẳng chí tham ái Vị Đẳng chí. Nghĩa là, hoặc chứng đắc đẳng chí, xuất rồi chấp là thanh tịnh, rất đáng vui thích, hợp ý đáng yêu mến, theo sự nhớ nghĩ tham ái vị. Hoặc chưa chứng đắc, hoặc đã chứng đắc, do sức tăng thượng nơi sự tham ái vị thuộc vị lai, nên vui thích truy cầu mà sanh tham ái vị. Hoặc đã chứng đắc, chấp là thanh tịnh, thật đáng vui thích, cho đến nói rộng về tham ái vị hiện hành.

Nếu từ định xuất có thể sanh ái vị. Hoặc đang tại định không có ái vị. Nói ái vị: Nghĩa là ở trong đó sanh tham vướng khắp.

Lại nữa, các pháp của địa dưới, nếu sanh nơi địa trên thì không hiện tiền. Các pháp của địa trên, nếu sanh nơi địa dưới, đối với người lìa dục thì hoặc hiện tiền.

Hoặc sanh nơi địa dưới, đối với địa trên khởi Ái, là người chưa được lìa dục, Tâm không định, nên nói Ái nầy là hệ thuộc cõi dục. Nên biết Ái ấy hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô. Thế nào là nhiễm ô? Nếu sanh Tâm nầy: Ta nay làm sao để chứng đẳng chí rộng lớn tùy thuận vui thích như thế. Nếu chứng đắc được, ta sẽ tham ái vị như vậy như vậy. Lại, ta làm sao để được sanh lên địa trên, thường hằng bất biến. Nên biết Ái ấy là Ái

nhiễm ô. Nếu có khởi tâm chuyên cầu lìa dục, vui thích chứng nhập nẻo tịch tĩnh của địa trên, nên biết Ái nầy là không nhiễm ô.

Lại có ba thứ đoạn dứt các pháp:

1. Đoạn dứt do đối trị.
2. Đoạn dứt hiện hành.
3. Đoạn dứt do từ bỏ.

Các sự phiền não đã hiển hiện, là đối tượng của sự đoạn diệt thứ nhất. Các Hành sanh diệt đã hiển hiện, là đối tượng của sự đoạn diệt thứ hai. Nếu sanh nơi địa trên, hoặc nhập Giới Niết bàn Vô dư y, các Hành của địa dưới cùng tất cả Hành hiện rõ đã xả bỏ, là sự đoạn dứt thứ ba.

Lại có ba thứ Thối chuyển:

1. Thối chuyển pháp chưa chứng đắc.
2. Thối chuyển pháp đã chứng đắc.
3. Thối chuyển pháp tập hành.

Lại dựa vào các định cận phần của thế gian, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo Vô gián, hoặc đạo giải thoát, hoặc vì đoạn trừ, hoặc vì chứng đắc mà tu tập, người ấy, nơi đối tượng duyên hoặc quán xét lỗi lầm, hoặc quán xét nẻo tịch tĩnh, quán xét lỗi lầm của cõi dưới, quán xét nẻo tịch tĩnh nơi cõi trên, hoặc nơi đạo Thắng tiến. Nên biết người ấy đã hiện hữu đủ khắp đối tượng duyên hoặc duyên vô lậu.

Lại nữa, các cận phần gồm thâu sáu thứ Tác ý, nghĩa là Liễu tướng v.v... cho đến Tác ý gia hạnh cứu cánh. Trong ấy, Tác ý Liễu tướng, Thắng giải là thuộc về Đạo Phương tiện. Tác ý xa lìa, Gia hạnh cứu cánh là thuộc về đạo Vô gián. Tác ý Nhiếp lạc là thuộc về bốn thứ đạo. Tác ý quan sát là thuộc về đạo Thắng tiến.

Hỏi: Do duyên gì nên nói cảnh giới Tĩnh lự của người tu Tĩnh lự là không thể nghĩ bàn?

Đáp: Người tu Tĩnh lự đã khéo tu trị, trau dồi, làm sáng tỏ tâm mình, có được tướng uy đức, diệu lực như thế, theo chỗ mong muốn đều có thể hoàn thành đầy đủ, vì là pháp tánh như ý nên thế. Do đó nói cảnh giới kia do đạo tầm tứ nên không thể nghĩ bàn.

Lại có hai loại người tu Tĩnh lự, ở trong một sự việc, cùng phát khởi Thần thông Thắng giải Biến sự đều được tự tại. Hai Thần thông nầy hỗ tương chướng ngại, nhưng cả hai không riêng cho mình là lớn, không cùng xâm đoạt. Hai thần thông ấy, về sau không gián đoạn, một người, đối với sự nầy, thần thông không chướng ngại, như chỗ mong muốn đều có thể

chuyển biến. Thần thông thứ hai liền bị chướng ngại.

Nhân duyên ở đây làm sao nên biết? Do hai người kia uy đức, thế lực thảy đều bình đẳng, cùng thời phát khởi thần thông biến hiện, nhưng về chỗ hành tác thì cùng không giống nhau. Do chỗ mong muốn của thần thông kia về sự không giống nhau, nên đối với một sự nầy, hai thứ thần thông cùng chướng ngại nhau. Bấy giờ có một vị khởi tư duy như vầy: Do nhân duyên nào, nên Thần thông nầy của ta nay có chướng ngại? Vì định vô ngã có thối mất chăng? Người nơi một định ấy, tức đối với sự nầy khởi tâm khác như thế. Người nơi định thứ hai, tức đối với sự ấy, thường xuyên chuyên chú, Tâm không tán loạn, thần thông được phát khởi có thể không bị chướng ngại. Theo lực thần thông, chuyển biến như ý.

Nếu hai Thần thông, uy đức không bằng nhau, thì tùy theo chỗ hơn kia, mọi tạo tác đều thành tựu đầy đủ. Nếu hai Thần thông uy đức tương tự, nếu vị nào tác ý trước, thì thành tựu trọn vẹn không phải thứ khác.

Lại có bốn thứ người tu Tĩnh lự:

1. Dựa nơi định cận phần để tu Tĩnh lự.
2. Dựa nơi định nhiễm ô để tu Tĩnh lự.
3. Dựa nơi định thế gian để tu Tĩnh lự.
4. Dựa nơi định xuất thế gian để Tưởng Tĩnh lự.

Đối với sáu Tác ý, nghĩa là Liễu tướng v.v... cho đến Tác ý Gia hạnh cứu cánh, tu định lúc chuyển, nên biết là loại thứ nhất.

Yêu thích Tĩnh lự trên, nói rộng cho đến nghi Tĩnh lự trên, nên biết là loại thứ hai.

Hoặc trụ nơi Tĩnh lự thế gian thiện khác, nên biết là loại thứ ba. Nghĩa là có thể dẫn phát vô lượng công đức thế gian nơi Tác ý của Hiện pháp lạc trụ.

Lại có thể dẫn phát Thần thông diệu dụng, Tĩnh lự được hiển bày của môn Giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, thuận với chỗ thâu nhận của phần Quyết trạch, nên biết là loại thứ tư.

Lại nữa, Đẳng chí Vô Tưởng nên nói chỉ là Hữu lậu. Đẳng chí Diệt Tận, nên nói là Vô lậu. Do cùng không tương ưng với phiền não, nên không phải là tương ưng, không đối tượng duyên, không do các phiền não sanh ra, là xuất thế gian, hết thảy hàng phàm phu đều không thể hành, chỉ trừ Bồ tát đã nhập Viễn địa. Bồ tát tuy có thể khởi pháp xuất thế, khiến hiện tiền, nhưng do diệu lực của Phương tiện thiện xảo nên không xả bỏ phiền não.

Lại, đẳng chí nầy nên nói là thuộc về Phi Học phi Vô học, không phải

là đối tượng hành trì nên giống với Niết-bàn.

Lại nữa, nên giải thích về tùy thân niệm. Kinh cho Bí-sô tâm hành thanh tịnh có bốn thứ Tùy phiền não:

1. Hủy phạm Giới cấm.
2. Tầm Tư tán loạn.
3. Giữ chấp nội thân.
4. Giữ chấp ngoại cảnh.

Hủy phạm Giới cấm: do môn ưu hối, đối với Tam-ma-địa có thể tạo chướng ngại.

Tầm Tư tán loạn: Do ba thứ môn:

Một là do môn đối với cảnh quá khứ theo niệm tán loạn.

Hai là do môn dựa nơi Trạo cử, tan trôi nơi thấy ác, nghe ác, nói ác, hành ác, chỉ vui thích nghe, xét tán loạn.

Ba là do môn trước thường xuyên hành tập thế lực giữ lấy tán loạn.

Giữ chấp nội thân: do môn đối với sanh tử không có chán bỏ. Giữ chấp ngoại cảnh: do môn vui thích đối với cảnh vị lai.

Nên biết ở đây vì nhằm đối trị loại Tùy phiền não thứ nhất, nên tu một Tác ý, là Tác ý chánh tri. Vì nhằm đối trị Tùy phiền não thứ hai nên tu ba Tác ý, là Tác ý xưng thuận đối tượng duyên kia, Tác ý phân biệt rõ về tướng ấy có thể đối trị Tầm Tứ kia, Tác ý dựa nơi Tâm ấy để điều phục. Vì nhằm đối trị Tùy phiền não thứ ba nên tu Tác ý phân tích chứa nhóm. Vì nhằm đối trị Tùy phiền não thứ tư, nên phải tu tập Tác ý Bất tịnh.

Lại, Tu tập Tác ý thứ nhất, tu tập nhiều nên có thể đoạn trừ quên niệm. Tu tập Tác ý thứ hai, tu tập nhiều nên có thể đoạn trừ hai thứ tham dục là giữ chấp nội thân và ngoại cảnh. Tu tập tác ý thứ ba, tu tập nhiều nên có thể đoạn trừ ác kiến cùng những tán loạn hiện có. Tu tập tác ý thứ tư, tu tập nhiều, nên có thể đoạn trừ những tán loạn hiện có do thường xuyên hành tập, nhận giữ sức mạnh từ trước. Tác ý thứ năm nếu tu tập, tu tập nhiều, nên có thể đoạn trừ tưởng chấp của hữu tình về thân tịnh. Tu tập tác ý thứ sáu, tu tập nhiều nên có thể đoạn dứt bốn Tham: Tham sắc, Tham xúc, Tham hình tướng và Tham thừa sự.

Như thế, tu tập Tác ý làm chỗ dựa, đoạn trừ Tùy phiền não, tâm tiếp xúc Chánh định, chứng đắc định cận phần, căn bản thù thắng. Lại có thể chứng đắc an lạc thanh tịnh có Hỷ lìa Hỷ. Lại dựa vào Tâm của chánh định như thế, nên nhận biết rõ như thật về tánh vô thường của hữu tình nơi địa trên cùng tánh vô thường của các Hành.

- Thế nào là nhận biết rõ về tánh vô thường của hữu tình?

Nghĩa là chứng đắc Thiên nhãn thanh tịnh hơn người, thấy rõ các hữu tình, cho đến nói rộng.

- Thế nào là nhận biết rõ tánh vô thường của các Hành?

Nghĩa là có thể tùy nhập Trí Duyên sanh của Tác ý về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Tùy thân niệm nầy dựa nơi ba Xứ: Nghĩa là dựa nơi Tâm tăng thượng, Huệ học tăng thượng tu trị nghiệp địa. Dựa nơi học xứ của Tâm tăng thượng, dựa nơi học xứ của Huệ tăng thượng, vì nhằm đoạn trừ các Kiết còn lại, làm chỗ dựa cho việc tu tập tất cả pháp Bồ đề phần hiện có như Niệm trụ v.v... Do ba nhân duyên nên không cùng chung với tất cả Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo. Nghĩa là đối với tư lương để tu trị nghiệp địa đã viên mãn. Đối với tụ Xa-ma-tha không có tham ái vị. Đối với Bát-niết-bàn, tâm yêu thích gắn bó. Không phải là xứ do lửa phiền não sanh.

Lại, Tư lương của tu niệm nầy viên mãn làm chỗ dựa , nên bốn Quả thanh tịnh. Nghĩa là ở nơi xóm làng, các phiền não do pháp thế gian sanh khởi, không nhiễm. Ở xứ A-luyện-nhã vắng lặng, các phiền não sanh khởi, không nhiễm. Ở xứ A-luyện-nhã, xóm làng, các phiền não sanh khởi, không nhiễm. Nơi hai xứ sở có các phiền não khổ như các lậu đầy dẫy cũng không nhiễm.

Nơi tụ Xa-ma-tha không có Ái vị làm chỗ dựa, nên năm quả thanh tịnh. Nghĩa là bốn thứ Tĩnh lự thanh tịnh cùng Giải thoát tịch tĩnh. Đối với Bát-niết-bàn, tâm yêu thích gắn bó, không phải là nơi chốn do lửa phiền não sanh khởi làm chỗ nương dựa, nên chín quả thanh tịnh. Nghĩa là ba quả đầu cùng sáu Thần thông.

Tùy thân niệm nầy nên biết là thuộc về năm thứ thanh tịnh. Tức là thanh tịnh của địa bất định, thanh tịnh của địa định, thanh tịnh gồm thâu, thanh tịnh không chung và thanh tịnh của quả không chung. Lại do gắn liền với thân chuyển, là chỗ thâu nhận của thân kia, nên gọi là Tùy thân niệm.

Lại nữa, sẽ giải thích: Kinh Ma-ha-câu-sắt-chỉ-la nói có hai Giải thoát:

1. Huệ Giải thoát.
2. Tâm Giải thoát.

Ở đây, dựa nơi Huệ giải thoát, nghĩa là đối tượng hành trì của Huệ thế gian, nên biết tức là kiến lập hành ác, hành thiện cùng nhân duyên của chúng. Về thể tánh, nên biết tức là hành thiện, hành ác cùng nhân duyên sai biệt nơi thể tánh như thiện, bất thiện kia, tất cả, Trí đều nhận biết đúng như thật.

Lại, dựa vào Tâm giải thoát, nghĩa là chỗ dựa của tâm nhiễm tịnh, nên biết tức là cảnh giới như Sắc v.v... Huệ thế gian có thể giữ lấy, phân biệt nhận biết về cảnh ấy.

Quả của Tâm giải thoát nên biết tức là, đối với chỗ tạp nhiễm của các loại thấp kém tương ưng, lẫn lộn kia đã ra khỏi, tức sức tăng thượng của Huệ giải thoát.

Nẻo hành của Huệ xuất thế gian, nên biết tức là do sức tăng thượng của Huệ thế gian cùng Tâm giải thoát. Nhận biết rõ đúng như thật về tất cả cảnh giới, tức quả của Tâm giải thoát thuộc Huệ xuất thế gian. Nên biết tức là ra khỏi hết thảy chủng loại tạp nhiễm. Ở đây, hoặc Huệ thế gian, hoặc Huệ xuất thế gian lược chung làm một gọi là chánh kiến. Nhân duyên của chánh kiến, nên biết tức là có Phật xuất hiện ở đời, lắng nghe, lãnh hội chánh pháp, tư duy thuận hợp.

Lại, Tướng của Quả chánh kiến xuất thế gian, nên biết tức là trước sau đều thường, nên không có chỗ đối trị. Nếu chỗ đối trị của pháp hoặc có sanh rồi, thì chỗ đối trị hoặc diệt. Nếu không diệt rồi có sanh thì pháp kia gọi là có chỗ đối trị. Nếu pháp được đối trị hoặc có hoặc không, hoặc sanh chẳng sanh, lúc thường là có, thì pháp kia gọi là không chỗ đối trị.

Lại, tức Quả nầy do sức tăng thượng của Tâm giải thoát, đối với chỗ hành của mình cùng chỗ dựa kia được thanh tịnh, nên biết tức là do sức tăng thượng của Tâm thanh tịnh, nên đối với cảnh giới là chỗ hành của các Sắc căn, không sanh tạp nhiễm cùng khiến cho các căn thuận nơi thanh tịnh.

Lại, trụ của tâm giải thoát, nên biết tức là thọ mạng cùng với Noãn, lần lượt cùng nương dựa, cùng hệ thuộc mà trụ.

Lại, hai thứ quả Giải thoát thế gian và xuất thế gian ấy, có sai

biệt, nên biết tức là ở trong các thọ cùng trong nhân duyên, kẻ có nghi, Ái thì sẽ sanh Hữu sau. Người không nghi, Ái, thì Hữu sau không sanh. Lại, sự xen lẫn mà tương ưng kia, có thể nương dựa nơi tâm pháp thanh tịnh, nên biết tức là không phải chỗ lãnh nhận nhiễm ô của duyên

hiện tại.

Trụ của hai giải thoát có sai biệt, nên biết tức là sáu thứ tịch tĩnh. Do Thức thanh tịnh bình đẳng vắng lặng, không phải do chỗ dựa bình đẳng kia. Vào lúc nhập định không do gia hạnh để nhập nẻo tịch tĩnh. Đối với lúc xuất định, không do gia hạnh để ra khỏi nẻo tịch tĩnh, nên theo thứ lớp xuất. Khi ở nơi định, ba Hành không hành nên được tịch tĩnh.

Đối với sự xa lìa, ra khỏi, Tâm vắng lặng. Nghĩa là nơi ba thời:

1. Nơi chốn A-luyện-nhã, cùng với bậc đồng phạm hạnh cùng trụ xen lẫn.

2. Ở trong xóm làng, cùng với các người tại gia cùng trụ lẫn lộn.

3. Ở nơi hai xứ hành cùng hiện hành.

Đối với chỗ thân cận, ra khỏi, tâm cũng vắng lặng. Nghĩa là nơi ba thời:

1. Đối với định thù thắng của thế gian có sắc, ra khỏi.

2. Đối với định thù thắng của thế gian không sắc, ra khỏi.

3. Ra khỏi định có Tâm xuất thế gian.

Lại, các định nầy không phải chỉ ra khỏi định diệt rồi mới chứng đắc, mà trước cũng đã đạt được rồi, nay khởi hiện tiền. Ở đây, hai thứ trước do định thứ đệ, nên lần lượt đạt được định thù thắng thanh tịnh. Một thứ sau không do định thứ lớp, nhưng do thông đạt Giới vô tướng, nên lần lượt đạt được định thù thắng thanh tịnh.

Lại, Định có tướng do Tác ý có tướng nhập trụ xuất định. Hoặc Định vô tướng do tác ý vô tướng nhập định trụ định. Nên biết do tác ý có tướng để xuất định.

Lại nữa, nên giải thích pháp nhân duyên nơi Kinh. Nghĩa là ở trong A-tỳ-đạt-ma, A-tỳ-nại-da, Bí-sô khéo léo, hoặc Ô-Ba-sách-ca, muốn dựa vào chỗ hiểu biết rõ để thưa hỏi, nên dựa vào tám Tướng để khởi sự thưa hỏi. Những gì là tám Tướng? Đó là:

1. Hiểu rõ về Sự.

2. Hiểu rõ về chỗ đối trị.

3. Hiểu rõ về Quả.

4. Hiểu rõ về tự tánh.

5. Hiểu rõ về quả sai biệt.

6. Hiểu rõ về chỗ dựa.

7. Hiểu rõ về công đức.

8. Hiểu rõ về chứng đắc.

Hiểu rõ về Sự: Nghĩa là có thể hiểu rõ về năm Thủ uẩn.

Hiểu rõ về chỗ đối trị: Tức tạp nhiễm của Ái và tạp nhiễm của Kiến. Do tạp nhiễm của Ái nên đối với Hữu sau diệt không sanh vui thích. Do tạp nhiễm của Kiến nên tuy sanh vui thích nhưng không thể chứng.

Hiểu rõ về Quả: Nghĩa là ba thứ tạp nhiễm ấy đều vĩnh viễn dứt trừ.

Hiểu rõ về Tự tánh: Tức là tám chi Thánh đạo.

Đây lại có vô số sai biệt. Tuyên thuyết đối trị các đạo tà của ngoại đạo nên gọi là tám chi Thánh đạo. Đối trị ba thứ tạp nhiễm nên kiến lập ba uẩn. Nghĩa là đối trị tạp nhiễm của Hành ác, đối trị tạp nhiễm của các dục, đối trị tạp nhiễm của các kiến, là thuộc về hữu vi xuất thế gian.

Hiểu rõ về Quả sai biệt: Là các thứ đoạn dứt, tức thuộc về vô vi xuất thế gian.

Hiểu rõ về chỗ dựa: Nghĩa là Tam-ma-địa. Đây lại có bốn thứ nên biết.

1. Do chủng tánh: Nghĩa là các định hiện có, tất cả đều do chủng tánh của Tĩnh lự, theo chỗ nêu rõ các chi Tĩnh lự đều có thể hiểu rõ.

2. Do Tướng.

3. Do sanh tướng của đối tượng duyên.

4. Do Tướng của nhân duyên thành tựu đầy đủ.

Hiểu rõ về công đức: Tức định diệt tận là trụ thứ nhất tột bực, gọi là hiểu rõ về công đức. Nên biết Tướng ấy lại có năm thứ:

1. Sự diệt.

2. Ảnh tượng tương tợ tịch tĩnh.

3. Nhân duyên nhập định.

4. Nhân duyên xuất định.

5. Công đức của xuất định.

Hiểu rõ về chứng đắc: Nghĩa là đối với năm Thủ uẩn, dùng tám thứ Tướng để quan sát các Thọ. Tức :

1. Quan sát về tự tánh.

2. Quan sát về nhân duyên của hiện pháp chuyển.

3. Quan sát về nhân duyên của hiện pháp chuyển diệt.

4. Quan sát về nhân duyên của vị lai chuyển.

5. Quan sát về nhân duyên của hai thứ kia chuyển diệt.

6. Quan sát về nhân duyên của nhân duyên chuyển.

7. Quan sát về nhân duyên của nhân duyên trở lại.

8. Quan sát về sự trở lại.

Ở đây, đối trị Lạc cùng hành, nghĩa là đối với Tĩnh lự căn bản tối thắng, đối trị khổ cùng hành, nghĩa là đạt được cận phần xuất ly dục cùng hành. Đối trị không khổ không lạc cùng hành, nghĩa là đối với Tĩnh lự căn bản, vì nhằm hiển bày nhân duyên của chuyển diệt. Tức dựa nơi các thọ để nói Thọ hiện có thảy đều là khổ, do ba thọ kia, căn cứ theo đệ nhất nghĩa

đều là khổ. Nói cùng đối nhau: Nghĩa là có đây nên thiết lập phần kia. Đó gọi là cùng đối nhau. Ở đây, các Thọ lần lượt cùng đối nhau, do chúng thuộc về tất cả khổ.

Lại do có đệ nhất nghĩa khổ nầy nên thiết lập không Trí. Do có không Trí ấy, nên thiết lập Huệ xuất thế gian để đối trị. Do có Huệ nầy nên thiết lập quả kia là Niết-bàn tịch diệt. Thế nên, các thứ pháp kia cùng với thứ pháp kia nói là cùng đối nhau. Lại nữa, nên giải thoát về triền của Miên.

Nghĩa là các Bí-sô siêng năng tu tập, hành pháp Xa-ma-tha khiến nội tâm tịch tĩnh, vì nhằm đoạn trừ các Tùy phiền não, nên biết có năm thứ tướng đối trị. Nghĩa là Tướng xa lìa tối tăm, đối với khả năng tùy thuận nêu rõ pháp hoan hỷ, pháp sanh sự nêu dẫn đúng đắn về đạo lý gia hạnh, trừ bỏ các kiến, trừ bỏ công dụng của các kiến, công dụng nơi chỗ dựa của các kiến.

Tùy phiền não kia đã được đoạn dứt rồi, lại có năm thứ pháp nhận giữ định. Những gì là năm?

Nghĩa là xa lìa nơi chốn của các thứ xa lìa, thuận theo ngôn thuyết của định, thuận theo tâm không nhiễm nơi các vật dụng nuôi sống, từ chỗ bậc có trí đồng phạm hạnh, đạt được sự tùy thuận với điều chỉ dạy trao khuyên, ngôn thuyết tốt đẹp. Đối với các thứ đẳng trì, đẳng chí thế gian, xa lìa việc tham ái vị cùng tác ý như lý của hành vô lậu.

Lại nữa, các Bí-sô kia siêng năng tu tập tâm học tăng thượng do ba nhân duyên nên loại trừ tầm tư nhiễm ô hiện hành:

1. Xa lìa đối tượng duyên.

2. Chán bỏ tự tánh.

3. Xa lìa tự tánh.

Do ba nhân duyên nên xa lìa tự tánh:

1. Người có lực đối trị với căn mãnh liệt, nên có thể xa lìa tức thì.

2. Người không có lực đối trị, với căn trung bình: Như nơi tướng thô có thể xa lìa dần dần.

3. Người không có lực đối trị, với căn thấp kém: Đối với nhân duyên của các Tầm Tứ về của cải, thức ăn uống, thấy rõ lỗi lầm, tai họa.

Lại nữa, các Bí-sô có sáu thứ cảnh giới thuận theo xuất ly, tu tập chi Tam ma địa. Nghĩa là các Bí-sô ở nơi thất tĩnh, vắng, siêng tu hành quán, nên biết ba loại Bổ-đặc-già-la có ba Tam-ma-địa:

1. Siêng tu tập Tâm tăng thượng: Đối với bốn thứ hữu tình hành oán, hành ác, hành tịnh, hành ân, có định duyên chúng sanh.

2. Siêng tu tập hướng đến cứu cánh: Có định duyên pháp.

3. Siêng tu tập hiện quán về đế: Có định duyên pháp.

Lại nữa, do ba thứ Tam-ma-địa lớn của Tánh lớn, nên có thể mau chóng thông đạt chân như. Đã thông đạt rồi nên có thể dứt hết các Lậu. Nghĩa là:

- Do tánh lớn của đối tượng duyên.
- Do tánh lớn của Tinh tấn.
- Do tánh lớn của Tác ý thuộc về phương tiện.

Lại có hai thứ xa lìa, có thể khiến mau chóng thông đạt chân như. Nghĩa là:

1. Ở nơi xứ hành xa lìa sự náo động, ồn tạp.
2. Ở nơi xứ trụ, xa lìa tầm tư ác.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 63

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Tam-Ma-Hí-Đa

Đoạn 2:

Lại nữa, có năm thứ pháp trái với định:

1. Hủy phạm Giới cấm.
2. Không có Gia hạnh vô gián.
3. Không có gia hạnh ân trọng.
4. Có chìm đắm.
5. Bị kẻ khác nhiễu loạn, não hại.

Lại có ba thứ xa lìa:

1. Xa lìa trụ xứ.
2. Xa lìa kiến.
3. Xa lìa Văn.

Lại nữa, Bí-sô tâm hành thanh tịnh, lược có năm thứ lỗi lầm cực trọng, trái với đẳng Trì, có thể làm chướng ngại cho định:

1. Phẫn.
2. Mạn.
3. Dục tham.
4. Tát-ca-da-kiến (Thân kiến).
5. Không thể gắng nhẫn.

Có năm thứ Tướng của Tam-ma-địa sâu dày, do năm thứ trên đối với các tướng nầy tạo chướng ngại mà trụ, thế nên gọi là lỗi lầm cực trọng. Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Đạt được những vật dụng nuôi sống thuận hợp liền sanh biết đủ.
2. Đối với cầu đạt các pháp thiện.
3. Đối với bản thân, tài sản không hề luyến tiếc.
4. Đối với sanh tử và Niết-bàn, thấy rõ lỗi lầm quá mức cùng công đức tối thắng.

5. Đối với các Gia hạnh đều gắng nhẫn, siêng năng chịu khổ.

Ở đây, Phẫn: Nghĩa là mang sự phẫn nộ, nên nếu đi đến nhà khác, không được lợi dưỡng, hoặc được mà ít, hoặc kém, hoặc chậm, hoặc không cung kính, nhân đấy liền sanh cau có, giận dữ. Từ nhân duyên ấy phát khởi tầm tư sân, hại, gắn liền với Tầm Tứ. Kẻ ấy, do sự sân hại nầy nên đối với Tam-ma-địa thù thắng trước chưa sanh thì nay không thể sanh được, nếu như trước đã sanh thì trở lại thối chuyển.

Gọi là Mạn: Nghĩa là mang tâm mạn, nên bị Mạn chế phục làm tánh, đối với pháp không sanh cung kính. Đối với các bậc sư trưởng, các bậc quỹ phạm là những phước điền đáng tôn trọng, không thể dành nhiều thời gian, thân tâm khiêm cung, tìm đến nơi để thỉnh vấn: Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Cũng không siêng năng cầu đạt các pháp thiện hiện có. Do đấy nên không hiểu rõ việc dẫn phát nghĩa của Tam-ma-địa. Từ nhân duyên nầy, nên phát khởi tầm tư tương ưng với khinh mạn, gắn chặt với Tầm Tứ. Kẻ ấy, do tâm kiêu mạn nên đối với Tam ma địa thù thắng trước chưa sanh, nói rộng như trước.

Nói dục tham: Tức là mang tâm tham, nên yêu thích nhiều thứ, đối với thân mạng, tài sản luôn sanh luyến tiếc sâu xa, do đấy nên ở trong năm thứ dục diệu thường khởi tán loạn. Từ nhân duyên nầy, nên sanh tầm tư dục, tầm tư về quyến thuộc, về cõi nước, tầm tư tương ưng với gia thế, tộc họ, gắn chặt với Tầm Tứ. Kẻ ấy, do dục tham nầy nên đối với Tam-ma-địa thù thắng, trước chưa sanh, nói rộng như trước. Kẻ ấy lại bị "Bất tịnh" cần được đối trị. Nên biết Bất tịnh lược có ba tướng:

1. Tướng cấu uế.

2. Tướng đẳng lưu của cấu uế.

3. Tướng sai biệt của chủ thể nương dựa và đối tượng được nương dựa.

Nói Tát-ca-da-kiến: Tức do nhân duyên bị Thân kiến chế ngự, gặp gỡ pháp thế gian liền sanh vui buồn qua mức, đầy những nhiễm ô, nếu như muốn dứt bỏ liền bị Thân kiến tạo sự trái ngược mà trụ.

Lại tức đối với các tướng của pháp thế gian kia, luôn bị dòng chảy thân Ái nhận chìm, nếu như muốn lìa bỏ, liền bị Thân kiến tạo sự trái ngược mà trụ.

Lại tức bị các thứ tầm tư không chính đáng do các tướng của pháp thế gian sanh ra, thiêu đốt, não hại, nếu như muốn dứt bỏ, liền bị Thân kiến tạo sự trái ngược mà trụ.

Lại tức đối với các tướng của pháp thế gian kia, vào lúc truy cầu, liền

bị vô số thứ tán động nhiễu loạn bức bách, nếu như muốn dứt bỏ liền bị Thân kiến tạo sự trái ngược mà trụ.

Lại, tức do nhân duyên của Thân kiến kia luôn luôn chấp trước nơi các Thủ vô thường, là chỗ dựa của pháp thế gian, thế nên cứ bị ưu bi bức não. Nếu như muốn trừ bỏ, liền bị Thân kiến tạo sự mâu thuẫn mà trụ.

Lại nữa, kẻ kia vì muốn trừ bỏ các thứ cấu uế của địa dưới, vào lúc siêng năng tu thiện, đối với phần gia hạnh kia không sanh vui thích để nhằm đối trị. Nếu như muốn dứt bỏ liền bị Thân kiến tạo sự mâu thuẫn mà trụ.

Như nhằm trừ bỏ các thứ cấu uế của địa dưới, việc trừ bỏ các thứ cấu uế hiện có của địa trên, nên biết cũng thế. Do nhân ấy, nên tuy khởi tâm: "Ta sẽ đối với Niết-bàn, Sanh tử, quán xét về lỗi lầm lớn, quán xét về công đức thù thắng", liền lại điên đảo. Vì duyên cớ nầy, nên trước tuy đã đạt được các Tam-ma-địa, nhưng đối với Tam-ma-địa thù thắng hiện quán về Thánh đế chưa sanh, thì nay không thể sanh được.

Không gắng nhẫn: Tức là mang tâm không nhẫn, nên tuy đã đạt được Tam-ma-địa thù thắng hiện quán về Thánh đế, nhưng không thể gắng nhẫn đối với các thứ khổ nơi ngoại cảnh như bị ruồi muỗi cắn đốt v.v..., lìa bỏ Gia hạnh, sanh nhiều biếng trễ. Do duyên cớ ấy, nên đối với việc nhập định căn bản chưa sanh, thì nay không thể sanh khởi, còn nếu đã sanh thì trở lại thối mất.

Ba lỗi lầm trước có thể tạo chướng ngại cho Tam-ma-địa đầu tiên. Một lỗi lầm tiếp sau có thể gây chướng ngại cho Tam-ma-địa của các Hiện quán. Một lỗi lầm sau cùng tạo chướng ngại cho việc nhập Tam- ma-địa căn bản.

Lại có sai biệt: Nghĩa là có tám thứ nhân duyên xả bỏ đệ tử cận trụ. Tức đối với chỗ nhiễm ô của các thứ tạp nhiễm ấy, do nhiễm ô nên kẻ kia lại xả bỏ đệ tử cận trụ, không phải là các A-la-hán không còn phiền não luôn khéo trụ nơi niệm có sự việc như thế.

Những gì là tám thứ? Nghĩa là tánh đối với các đệ tử cận trụ kia có tâm ghét vỏ, chỉ muốn tự thân thọ nhận sự cung kính. Như muốn được cung kính, thì muốn thọ nhận lợi dưỡng cũng lại như thế. Đối với các đệ tử cận trụ, có nhiều chỗ hủy phạm, hành hạnh bất chánh. Lại, đối với các đệ tử cận trụ, các thứ lợi ích đều bị tổn giảm, tức có chỗ nên làm cùng không nên làm. Đối với Giới tăng thượng, việc chỉ dạy trao truyền luôn chế ngự, nên không thể gắng nhận. Đối với Tâm tăng thượng, Huệ tăng thượng, việc chỉ dạy trao truyền cũng luôn chế ngự, nên cũng không thể gắng nhận. Nơi các sự việc cần mở mang phát triển thì luôn có những nhiễu loạn, não hại, nên

không thể gắng nhận.

Lại nữa, Tụng nêu:
"Nêu tính, chỗ đối trị
Kiến lập rộng chi phần
Xa lìa khổ, tán động
Chi phần trên sai biệt."

Hỏi: Như trước đã nói về bốn thứ Tĩnh lự. Do nhân duyên nào nên chỉ có bốn Tĩnh lự không tăng không giảm?

Đáp: Do có thể vượt khỏi khổ vui một cách rốt ráo. Vì sao? Vì từ Tĩnh lự một cho đến Tĩnh lự bốn, dần dần vượt khỏi khổ vui mới là cứu cánh.

- Thế nào là chỗ đối trị của Tĩnh lự một? Tức có năm thứ:

1. Dục tham.
2. Ba thứ Tầm Tư của dục sân hại.
3. Ưu khổ.
4. Phạm giới.
5. Tán loạn.

- Thế nào là chỗ đối trị của Tĩnh lự thứ hai?

Cũng có năm thứ:

1. Tham của Tĩnh lự một.
2. Tầm Tứ.
3. Khổ.
4. Trạo cử.
5. Tánh thấp kém của định.

- Thế nào là chỗ đối trị của Tĩnh lự thứ ba? Có bốn thứ:

1. Tham của Tĩnh lự hai.
2. Hỷ.
3. Phấn khích quá mức.
4. Tánh thấp kém của định.

- Thế nào là chỗ đối trị của Tĩnh lự bốn? Có năm thứ:

1. Hơi thở vào ra.
2. Tham của Tĩnh lự thứ ba.
3. Lạc.
4. Đối với Lạc phát khởi tỏ ngộ.

5. Tánh thấp kém của định.

Hỏi: Tĩnh lự một có mấy chi?

Đáp: Có năm chi:

1. Tầm.
2. Tứ.
3. Hỷ.
4. Lạc.
5. Tâm Tánh một cảnh.

Hỏi: Tĩnh lự thứ hai có mấy chi?

Đáp: Có bốn chi:

1. Bên trong cùng tịnh.
2. Hỷ.
3. Lạc.
4. Tâm Tánh một cảnh.

Hỏi: Bên trong cùng tịnh dùng pháp gì làm tự tánh?

Đáp: Dùng Niệm, Chánh tri, Xả làm tự tánh.

Hỏi: Tĩnh lự thứ ba có mấy chi?

Đáp: Có năm chi:

1. Niệm.
2. Chánh tri.
3. Xả.
4. Lạc.
5. Tâm Tánh một cảnh.

Hỏi: Tĩnh lự thứ tư có mấy chi?

Đáp: Có bốn chi:

1. Xả thanh tịnh.
2. Niệm thanh tịnh.
3. Không khổ không vui.
4. Tâm Tánh một cảnh.

Trong Tĩnh lự một, Niệm, Chánh tri, Xả, do môn Tầm Tứ dẫn phát, vì thế tuy có mà không nên bày. Tĩnh lự thứ hai, do tự tánh của nó có thể có tác nghiệp. Lại do tâm phấn khích bị tùy phiền não ràng buộc, thế nên hiển bày bên trong cùng tịnh.

Tĩnh lự thứ ba, Tâm đã xa lìa tùy phiền não, nên hiển bày tự tướng

của mình. Do đó nói Tĩnh lự nầy lìa Hỷ tham. Trong Tĩnh lự một lìa dục tham, không phải lìa Hỷ tham. Tĩnh lự thứ hai lìa tham của Tầm Tứ, không phải là lìa Hỷ tham.

Tĩnh lự thứ tư tức hiển bày sự thanh tịnh tột bậc, do đấy nên biết tất cả Tĩnh lự đều tùy chuyển như chỗ ứng hợp.

Hỏi: Do nhân duyên nào, đối với bốn Tĩnh lự kiến lập năm chi, bốn chi như thế?

Đáp: Do trụ nơi chỗ dựa. Trụ nơi sự tạo lợi ích. Trụ nơi tự tánh.

Lại có sai biệt: Là tư duy nơi đối tượng duyên. Thọ dụng đối tượng duyên. Đối với duyên không tán loạn.

Lại có sai biệt: Là chỗ dựa của Lợi ích. Là chỗ dựa của Tâm tăng thượng. Là chỗ dựa của Huệ tăng thượng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là vì đối trị ba Trụ tạp nhiễm là đối tượng cần được đối trị.

- Thế nào là ba Trụ tạp nhiễm cần được đối trị? Đó là:

1. Trụ nhiễm ô.
2. Trụ khổ não.
3. Trụ ngu si.

Lại có sai biệt: Là pháp tương ưng của kẻ thọ dục. Các kẻ thọ dục lược có ba loại chính thức tạo tác sự việc, có thể hiển bày họ là kẻ thọ dụng dục.

1. Đang cầu đạt của cải, vật báu.
2. Cầu của cải vật báu rồi, có thể chính thức thọ dụng.
3. Đối với của cải vật báu, tự tại tùy ý hành xử.

Như vậy, người tu tập các Tĩnh lự cũng có ba loại sự việc chính thức được tạo tác. Nên biết là đã dựa vào đấy để kiến lập chi phần như chỗ ứng hợp.

Lại có sai biệt: Nghĩa là vì để đối trị Hành khổ não của chính mình nên biết là đã kiến lập chi của các Tĩnh lự. Như thế là lược có ba thứ đối trị:

1. Đối trị sự thiếu giảm về đối trị.
2. Đối trị thân tâm bị bức não.
3. Đối trị Tâm đối với cảnh ngoài bị trôi tan, không tịch tĩnh.

Hỏi: Do nhân duyên nào, trong Tĩnh lự một, nói lìa dục rồi, lại nói xa lìa pháp ác, bất thiện?

Đáp: Vì nhằm hiển bày tự tướng của các dục, cùng nhằm làm rõ tướng lỗi lầm tai họa của các dục.

Tướng lỗi lầm, tai họa: Do các dục kia phát khởi hành ác khiến rơi vào nơi chốn hết sức xấu ác, nên gọi là ác, trái với thiện sanh nên lại gọi là Bất thiện.

Lại có sai biệt: Vì nhằm hiển bày sự đoạn trừ phiền não tạp nhiễm, cùng là để hiển bày những tạp nhiễm của nghiệp đã được tích tập từ trước.

Lại có sai biệt: Là muốn hiển bày việc đoạn dứt các dục nơi môn thọ dụng sự của những người tại gia, cùng là hiển bày sự việc đoạn trừ các dục do nơi môn tầm tư của những người xuất gia.

Lại có sai biệt: Là nhằm hiển bày việc đoạn dứt Tầm tư dục, cùng là hiển bày việc đoạn trừ Tầm Tư sân hại.

Lại có sai biệt: Là muốn làm rõ tướng đã đạt được của chư Tiên ngoại đạo, cùng là làm rõ việc xa lìa họ khi bị thối chuyển thì hành chú thuật.

Hỏi: Do đau nên biết trong Tĩnh lự một khổ căn chưa đoạn?

Đáp: Do sự thô trọng của phẩm kia chưa xa lìa. Nếu ở xứ nầy khổ căn đã đoạn, liền cùng với Tĩnh lự thứ hai, lúc trụ ứng hợp không có sai biệt. Vì thế nên biết xứ ấy chưa đoạn.

Hỏi: Nếu Tầm Tứ v.v... ở trong Tĩnh lự thứ nhất v.v... đều có thể thâu tóm tạo ích cho Tam ma địa thù thắng, lại có thể thâu nhận Tĩnh lự của tự địa đều khiến thanh tịnh. Do đâu đức Thế Tôn đối với pháp ấy đã chỉ rõ tên là động?

Đáp: Đây là đối chiếu với địa khác, không đối chiếu với Tự địa.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên từ cõi dục trở lên, ở trong Tĩnh lự một v.v... kiến lập chi phần càng lùi về sau thì nhiều hơn trên?

Đáp: Nên biết lược có ba nhân duyên:

1. Chủ thể đối trị của đối tượng được đối trị.

2. Những lợi ích thù thắng được chứng đắc.

3. Đối tượng được chứng đắc.

Nên biết do ba thứ nhân duyên như thế, trong bốn Tĩnh lự, năm chi gồm thâu theo chỗ ứng hợp.

Hỏi: Tĩnh lự một và Tĩnh lự hai có sai biệt gì?

Đáp: Trong Tĩnh lự thứ hai, Tam-ma-địa viên mãn, là chỗ sai biệt.

Hỏi: Tĩnh lự thứ hai và Tĩnh lự thứ ba, có sai biệt gì?

Đáp: Trong Tĩnh lự thứ ba, việc tạo lợi ích đã viên mãn, là chỗ sai

biệt.

Hỏi: Hai Tĩnh lự thứ ba và thứ tư có sai biệt gì?

Đáp: Có sai biệt: Trong Tĩnh lự thứ tư sự thanh tịnh đã viên mãn.

Lại có bốn thứ tu Tam-ma-địa.

1. Vì được Hiện pháp lạc trụ.
2. Vì được Trí kiến thù thắng.
3. Vì được Huệ phân biệt.
4. Vì chứng đắc các Lậu vĩnh viễn đoạn hết.

Nên biết là dựa nơi bốn thứ Bổ-đặc-già-la để kiến lập bốn thứ tu Tam-ma-địa. Những gì là bốn thư Bổ-đặc-già-la? Đó là:

1. Khổ tốc thông đã được Hành tích, đã kiến đế.
2. Lại có phàm phu chưa được Hành tích, nhưng đã được vô lượng đối tượng duyên của hữu tình, đã lìa dục.
3. Lạc trì thông, đã được Hành tích, đã kiến đế.
4. Lạc tốc thông đã được Hành tích, đã kiến đế.

Ở đây, hàng phàm phu đã được vô lượng, đã lìa dục: Nếu đã chứng đắc Sanh tử Trí thông, nên biết đó gọi là Trí kiến thanh tịnh.

Hoặc Lạc trì thông, khi Hành tích chuyển biến, tuy đã kiến đế, nhưng do căn bậc hạ, nên gọi là "Thối pháp". Vì nhân duyên nầy, nên lại ở nơi cõi dục thọ tầm tư tưởng, nên trụ nơi chánh niệm khởi chánh tri.

Lại nữa, các Tĩnh lự đã hiển bày việc lìa dục, nên biết lìa dục lược có sáu thứ:

1. Lìa dục của tự tánh.
2. Lìa dục tổn giảm.
3. Lìa dục nhận giữ.
4. Lìa dục thăng tiến.
5. Lìa dục ngu si.
6. Lìa dục đối trị.

Lìa dục của tự tánh: Nghĩa là đối với tự tánh không tịnh, chẳng phải là chỗ thọ dụng, là các tánh chán bỏ trong sự việc. Lại, đối với các tánh chán bỏ nơi khổ thọ. Lại, nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, trụ trong Tĩnh lự thứ hai v.v... đối với các thứ tánh chán bỏ như Tầm Tứ v.v... Đó gọi là Lìa dục của tự tánh.

Lìa dục tổn giảm: Là cả hai giao hợp, hành tập pháp dâm dục, là các Tánh chán bỏ đã dứt trừ nhiệt não.

Phần còn lại của các loại như thế, nên biết đều gọi là lìa dục tổn giảm.

Lìa dục nhận giữ: Là các hữu tình thọ dụng ăn uống tốt đẹp, đã được no đủ rồi, là các tánh chán bỏ đối với các thức ăn uống khác. Phần còn lại của các loại như vậy nên biết đều gọi là lìa dục nhận giữ.

Lìa dục Thăng tiến: Tức là đã đạt được tài sản, vật báu thắng thượng, hoặc ngôi vị tôn quý, là các tánh chán bỏ đối với những phần vị thấp kém khác. Phần còn lại của các loại như thế, nên biết đều gọi là Lìa dục thăng tiến.

Lìa dục ngu si: Nghĩa là đối với công đức sâu xa của Niết-bàn không thể hiểu rõ, bèn đối với Niết-bàn sanh tánh chán bỏ. Phần còn lại của các loại như thế, nên biết đều gọi là lìa dục ngu si.

Lìa dục đối trị: Nghĩa là do đối trị sự chán hoại. Hoặc do đối trị đoạn trừ. Hoặc do đối trị nắm giữ. Hoặc do đối trị phần xa. Hoặc do đạo thế gian xuất thế gian dứt trừ các phiền não. Như thế đều gọi là lìa dục đối trị.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên nói các Tĩnh lự gọi là Trụ?

Đáp: Là do buộc giữ tâm nơi cảnh giới của đối tượng duyên bên trong, đối với đối tượng duyên bên ngoài không bị trôi tan theo.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên nói các Tĩnh lự gọi là Tam-ma-địa?

Đáp: Là do Tâm luôn trụ giữ bình đẳng, bình đẳng đối với tất cả ảnh tượng nơi đối tượng duyên, thuộc đồng phận của đối tượng nhận biết.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên nói các Tĩnh lự gọi là Xa-ma-tha (Chỉ)?

Đáp: Vì nhằm làm tịch tĩnh tất cả các phiền não đang được an chỉ.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên nói các Tĩnh lự gọi là Tâm Tánh một cảnh?

Đáp: Lược có hai thứ cảnh giới của đối tượng duyên:

1. Cảnh giới của đối tượng duyên thuộc địa bất định.
2. Cảnh giới của đối tượng duyên thuộc địa định.

Một cảnh ở đây là cảnh giới của đối tượng duyên thuộc địa định, không phải là cảnh thứ hai buộc giữ Tâm nơi một cảnh của đối tượng duyên ấy. Thế nên nói là Tâm Tánh một cảnh.

Lại nữa, nên biết ở đây, từ lìa dục thối chuyển lược có mười loại. Nghĩa là: Hoặc nương dựa nơi bất bình đẳng, nên từ lìa dục thối chuyển. Tức như có một hữu tình gặp phải bệnh cực nặng, như Mã Thắng nói: "Tôi đối với định nầy, không thể nhập, chứng. Hầu như không có định nào mà tôi không thối chuyển chăng?". Hoặc lại có một hữu tình tánh nhiều thô trọng, đối với Tam-ma-địa trước không thường xuyên hành tập. Kẻ ấy do

có nhiều thô trọng như thế, nên thành pháp thối chuyển.

Hoặc có trường hợp do nơi cảnh giới của đối tượng duyên là hơn hẳn, nên từ lìa dục thối chuyển. Nghĩa là, như có một hữu tình gặp được cảnh giới thắng diệu hiện tiền, như Tiên ngoại đạo, cho đến đạt được định nơi xứ Phi tưởng Phi Phi Tưởng, gặp gỡ tiếp xúc với người trẻ tuổi hình sắc đẹp đẽ, đáng yêu nơi mẫu ấp, nên từ lìa dục thối chuyển.

Hoặc có trường hợp đạt được sự kính dưỡng nên thối chuyển. Nghĩa là, như có một hữu tình, từ nơi kẻ khác đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, tức liền thối mất, như Đề-bà-đạt-đa.

Hoặc có trường hợp gặp phải sự khinh chê nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình hoặc gặp kẻ khác mắng nhiếc, hoặc giận dữ, chê trách, nên từ lìa dục thối chuyển, như tiên ngoại đạo do phẫn hận nên thối chuyển Tam-ma-địa.

Hoặc có trường hợp hiện hành chú thuật trù ếm, hoặc do kiêu mạn nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình, cậy vào định đã đạt được, tự đề cao, khinh dể kẻ khác.

Hoặc có trường hợp do Tăng thượng mạn, nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong sự sai biệt của các định đã chứng đắc khởi tăng thượng mạn.

Hoặc có trường hợp do không tác ý nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình, đối với Hành tướng có thể nhập định, lại không tư duy tác ý.

Hoặc có trường hợp do chưa thường xuyên hành tập nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình an trụ nơi nghiệp đầu tiên mới tu tập phẩm thiện.

Hoặc có trường hợp, phiền não của tự địa luôn dấy khởi nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình tham ái Tĩnh lự trên, cho đến nghi ngờ Tĩnh lự trên.

Hoặc có trường hợp do thọ mạng hết, phước hết, nghiệp hết nên thối chuyển. Nghĩa là như có một hữu tình từ xứ sanh trên thối chuyển, sanh nơi cõi dưới.

Lại nữa, ở đây hoặc có Bổ-đặc-già-la, đối với phiền não phẩm hạ, pháp thiện phẩm hạ, niệm nhiều về gian khổ sau đấy mới thối chuyển. Niệm nhiều về gian khổ, sau đấy mới nhập định.

Hoặc có Bổ-đặc-già-la, nơi phiền não phẩm hạ, pháp thiện phẩm thượng, niệm nhiều về khó khăn, sau đấy mới thối chuyển, trải qua khoảnh khắc một niệm, mau chóng có thể nhập định.

Hoặc có Bổ-đặc-già-la, nơi phiền não phẩm thượng, pháp thiện phẩm hạ, trải qua khoảng một niệm, mau chóng thối chuyển, niệm nhiều về khó khăn mới có thể nhập định.

Hoặc có Bổ-đặc-già-la, nơi phiền não phẩm thượng, pháp thiện phẩm thượng, trải qua một sát na, mau chóng thối chuyển, trong khoảng một sát-na, mau chóng có thể nhập định.

Lại có Bổ-đặc-già-la, đã được lìa dục, từ nơi định khởi rồi, hoặc vào một lúc, Tam-ma-địa kia, cùng gián đoạn, cùng lìa tác ý mà chuyển. Hoặc vào một lúc không cùng gián đoạn xen tạp, hoặc gặp duyên của âm thanh, theo định mà khởi, cùng với định tương ưng, ý thức cùng chuyển. Nhĩ thức còn lại sanh khởi không phải tức là định kia tương ưng với ý thức có thể giữ lấy âm thanh ấy. Nếu không như thế, thì đối với âm thanh nầy không lãnh nhận nên không thể xuất định. Không phải lúc giữ lấy âm thanh tức liền xuất định. Lãnh nhận âm thanh xong, nếu có trông mong nơi thời gian sau mới xuất. Ở trong địa nầy, Văn của phần Quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Phi Tam-Ma-Hí-Đa

Như thế là đã nói về phần Quyết trạch của địa Tam-ma-hí-đa.

Phần Quyết trạch của địa Phi Tam-ma-hí-đa nay sẽ nói. Hoặc có khi do tự tánh nên gọi là địa Bất định, nghĩa là năm Thức Thân. Hoặc có khi thiếu Khinh an, nên gọi là địa Bất định. Tức là các Tâm Tâm sở tại cõi dục. Hoặc có lúc chưa phát khởi nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là người thọ dục. Hoặc có khi do tán loạn nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là người mới hành sự, tuy tu tập Định nhưng đối với năm dục, tâm bị trôi tan. Hoặc có khi do tích tụ quá mức, nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là kẻ mới hành tác, đối với cảnh giới bên trong lược tích tụ nơi Tâm liền sanh chìm đắm. Hoặc do chưa đạt được nên gọi là Địa Bất động, nghĩa là tâm phân tán tương ưng với các pháp. Hoặc do chưa viên mãn nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là chưa chứng đắc Tác ý Gia hạnh cứu cánh. Hoặc do tạp nhiễm nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là tuy chứng đắc Tác ý của quả Gia hạnh cứu cánh, nhưng đối với định kia sanh nhiều Ái vị. Hoặc do không tự tại, nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là tức do Tâm nhiễm ô kia nên không được tự tại.

Hoặc do không thanh tịnh nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là chưa hoàn toàn trừ bỏ tùy miên của phiền não. Hoặc do xuất định nên gọi là Địa Bất động, nghĩa là từ Tam-ma-địa đã chứng đắc khởi mà không thối thất. Hoặc do có thối chuyển nên gọi là Địa Bất định, nghĩa là từ Tam-ma-địa đã đạt

được mà thối chuyển.

Lại nữa, ở đây nương dựa nơi Địa Bất định thứ nhất, vì tâm an trụ, nên chính thức giữ lấy Tướng, nghĩa là Tướng máu bầm xanh, hoặc tướng máu mủ thối rữa, nói rộng như trước.

Nương dựa nơi Địa Bất định thứ hai, vì nhằm đạt được Tác ý, nên siêng năng tu tập.

Dựa nơi Địa Bất định thứ ba, vì nhằm đạt được căn bản nên siêng năng tu tập.

Dựa nơi hiện tiền thứ tư, nên đầu tiên là phải an trụ đúng đắn nơi Niệm, vì không tán loạn nên gồm thâu tóm lược Tâm, do chánh tri nên mau chóng thâu nhận.

Dựa nơi hiện tiền thứ năm, nên phải tư duy về tướng tịnh diệu, lại khéo tỏ về tướng chìm đắm.

Dựa nơi hiện tiền thứ sáu, nên đối với lời chỉ dạy trao truyền của Thầy có thể không quên mất. Phải nên an trụ nơi phương tiện như lý hộ niệm mãnh liệt. Phải nên tu tập cẩn trọng, không gián đoạn.

Dựa nơi hiện tiền thứ bảy, nên ở trong định yếu kém đã đạt được không sanh biết đủ.

Dựa nơi hiện tiền thứ tám, đối với các thứ tạp nhiễm nên quán xét về lỗi lầm. Nếu như các tạp nhiễm hiện có sanh khởi Ái vị tức liền dứt trừ, không nên luyến vướng.

Dựa nơi hiện tiền thứ chín, đối với Tam-ma-địa nên tu tập không gián đoạn, lại phải khéo léo thông đạt về Tướng.

Nương dựa nơi hiện tiền thứ mười, phải nên tạo phương tiện thiện xảo tu đế mạnh mẽ.

Nương dựa nơi hiện tiền thứ mười một, vì khiến không thối chuyển nên không phóng dật.

Nương dựa nơi hiện tiền thứ mười hai, tức vì sự việc kia nên tu tập xa lìa, tác ý như lý, phải thuận theo trước, tu tập theo phương tiện cẩn trọng không gián đoạn. Ở trong địa nầy, Văn quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa có Tâm.

Như thế là đã thuyết minh phần Quyết trạch của địa Phi Tam-ma- hí-đa. Phần Quyết trạch của địa có Tâm nay sẽ nói. Nên biết các Tâm chuyển

biến sai biệt, lược có năm tướng:

1. Do đạo lý thế tục được kiến lập.

2. Do đạo lý Thắng nghĩa được kiến lập.

3. Do chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa được kiến lập.

4. Do cùng có được kiến lập.

5. Do nhiễm tịnh được kiến lập.

- Thế nào là đạo lý Thế tục được kiến lập? Nghĩa là dựa nơi Đạo lý thế tục kiến lập nghĩa của các Tâm chuyển biến sai biệt. Nên biết như nơi Ý địa ở trước đã nói.

- Thế nào là đạo lý Thắng nghĩa được kiến lập? Nghĩa là lược có hai Thức:

1. Thức A-lại-da.

2. Thức chuyển.

Thức A-lại-da là đối tượng được nương dựa. Thức chuyển là chủ thể nương dựa. Đây lại có bảy thứ: đó là Nhãn Thức cho đến Ý Thức. Ví như sóng nước nương dựa nơi dòng thác. Hoặc như ảnh tượng nương dựa nơi Gương sáng. Như thế gọi là dựa nơi đạo lý Thắng nghĩa kiến lập chủ thể nương dựa, đối tượng nương dựa có sai biệt.

Lại nữa, ở đây các Thức đều gọi là Tâm Ý Thức. Nếu dựa theo Thức A-lại-da tối thắng, gọi là Tâm. Vì sao? Vì do Thức nầy có thể tích tập chủng tử của tất cả pháp, nơi tất cả thời duyên cảnh nơi chấp thọ, duyên nơi một loại khí cảnh không thể nhận biết. Mạt-na gọi là Ý. Nơi tất cả thời chấp ngã, ngã sở cùng ngã mạn, xét lường làm tánh. Các Thức còn lại gọi là Thức. Nghĩa là đối với cảnh giới, liễu biệt làm tướng. Ba thứ như vậy, trong phần vị có Tâm là Tâm, Ý. Ý Thức nơi tất cả thời cùng có mà chuyển. Nếu Nhãn thức cùng Thức chuyển không khởi, Thức kia lúc nếu khởi, nên biết Thức chuyển cùng có tăng thêm mà chuyển. Như vậy, hoặc có lúc bốn Thức cùng chuyển, cho đến hoặc có lúc tám Thức cùng chuyển.

Lại, một ý thức, nơi một thời gian phân biệt một cảnh, hoặc hai hoặc nhiều tự cảnh tha cảnh, nên nói ý thức là không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Nếu Mạt-na-ký, nơi tất cả thời, xét lường làm tánh tương tục mà chuyển, như đức Thế Tôn nói.

- Làm thế nào để kiến lập Mạt-na-xuất-thế?

Đáp: Thiết lập tên gọi giả, bất tất phải như Nghĩa. Lại nhằm đối trị, xét lường đúng đắn, xa lìa mọi điên đảo. Tức Mạt-na nầy nhận giữ ý thức

khiến phân biệt chuyển, do đó nói là chỗ dựa của ý thức.

Lại, các Thức chuyển, hoặc vào một lúc, tất cả chỉ cùng với Lạc thọ tương ưng, cùng hiện hữu mà chuyển. Hoặc vào một lúc cùng có Khổ thọ. Hoặc vào một lúc cũng có không khổ không lạc thọ tương ưng cùng chuyển.

Thức A-lại-da tương ưng với Thọ, vào tất cả thời, chỉ là Thọ không khổ không lạc, chỉ là dị thục sanh. Vào lúc tất cả Thức ấy lưu chuyển, hoặc lạc cùng hành, hoặc khổ cùng hành, hoặc không phải khổ, lạc cùng hành, trong phần vị ấy luôn nối tiếp trôi chảy, cho đến mạng chung không có đoạn dứt. Ba thọ còn lại, nên biết là chỗ dẫn phát của tư duy, không phải là Câu sanh.

Luôn tác ý vào mọi thời, dẫn phát hiện tiền, Thức ấy cùng sanh với Thọ là rất vi tế nên khó có thể phân biệt.

Các loại như thế nên biết, đó gọi là đạo lý Thắng nghĩa được kiến lập để nêu đặt các Thức cùng có sai biệt.

Lại nữa, Thức A-lại-da không có phiền não cùng tương ưng. Mạt- na thì luôn cùng với bốn thứ phiền não tự nhiên tương ưng, nơi tất cả thời cùng khởi không dứt. Đó là:

- Hành của Ngã, Ngã sở.
- Tát-ca-da-kiến.
- Ngã mạn, Ngã ái.
- Vô minh không chung.

Là những phiền não cùng với Thức thiện bất thiện Vô ký kết hợp mà không trái nhau. Về Tánh chỉ là Vô ký ẩn mất, tự nhiên mà khởi. Nên biết, các thứ còn lại, phân biệt về chỗ khởi, tùy theo sức của các duyên sai biệt mà chuyển.

Lại cùng Mạt-na tương ưng, cùng hiện hữu với bốn thứ phiền não tự nhiên biến hành. Đạo đối trị của thế gian hãy còn không thể làm công việc đối trị tổn phục. Vì sao? Vì nơi kẻ đã lìa dục vẫn còn hiện hành. Tùy theo xứ đã sanh các phiền não ấy tức thuộc về địa nầy. Nên biết kẻ đã lìa dục của địa nầy, phiền não của địa ấy vẫn hiện hành không dứt. Vì sao? Vì các phiền não đó chỉ là do chủng tử của Thức A-lại-da dẫn khởi, nơi tất cả thời tự nhiên mà sanh, không phải là đối tượng được đối trị, cùng cảnh giới của chủ thể đối trị, duyên nơi sức sai biệt mà chuyển. Đạo đối trị thế gian của các kẻ lìa dục, hoặc hiện tiền hoặc không hiện tiền, thì các phiền não nầy vẫn hiện hành không dứt. Hoặc các bậc Hữu học đã "kiến tích", với đạo xuất thế gian lúc hiện tiền, thì các phiền não ấy mới không được hiện hành.

Từ nơi đạo kia ra khỏi rồi, thì chúng trở lại hiện hành. Chỉ khéo thông tỏ, nên chưa đoạn dứt vĩnh viễn.

Nếu là các bậc Vô học thì tất cả chủng tử ấy đều không hiện hành. Các phiền não nầy nên biết, chỉ khi lìa dục của xứ Phi tưởng Phi Phi Tưởng, vào một lúc, tức khắc liền đoạn dứt, không phải như các thứ Hoặc khác dần dần mà đoạn. Các loại như thế nên biết đó gọi là kiến lập tạp nhiễm, thanh tịnh sai biệt. Ở trong địa nầy, Văn quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa không Tâm

Như vậy là đã nói phần Quyết trạch của địa có Tâm. Phần Quyết trạch của địa không Tâm nay sẽ nói.

Hỏi: Nhân của Tâm không sanh gồm có mấy thứ? Do bao nhiêu nhân nên Tâm không được sanh?

Đáp: Nhân của Tâm không sanh lược có bảy thứ. Do nhân ấy nên Tâm không được sanh. Những gì là bảy thứ? Đó là:

1. Do Duyên thiếu.
2. Do Tác ý thiếu
3. Do chưa chứng đắc.
4. Do trái nhau.
5. Do đoạn dứt.
6. Do diệt.
7. Do đã sanh.

- Thế nào là do duyên thiếu nên Tâm không được sanh? Nghĩa là Nhãn xứ nội bị hoại, hoặc là Sắc xứ ngoại không hiện tiền, nói rộng cho đến ý xứ nội bị hoại, hoặc pháp xứ bên ngoài không hiện tiền. Bấy giờ, Nhãn thức cho đến ý thức do các yếu tố kia sanh ra, hoàn toàn không được sanh. Như thế gọi là do Duyên thiếu nên Tâm không được sanh.

- Thế nào là do Tác ý thiếu nên Tâm không được sanh?

Nghĩa là tuy có Nhãn xứ nội không bị hoại, Sắc xứ bên ngoài hiện tiền nói rộng cho đến Ý xứ bên trong không hoại, pháp xứ bên ngoài hiện tiền, nếu không thể sanh Tác ý đang khởi. Bấy giờ, Nhãn thức cho đến Ý thức do các yếu tố kia nên được sanh, trọn không được sanh. Như vậy gọi là do Tác ý thiếu, nên Tâm không được sanh.

- Thế nào là do chưa chứng đắc nên Tâm không được sanh?

Nghĩa là như có một hữu tình, đối với cõi dục ở dưới tư duy về tướng

Thô, đối với Tĩnh lự một tư duy về tướng Tĩnh. Vì nhằm chứng đắc Tĩnh lự một. Nếu ở nơi đạo nầy không dốc tác ý, hoặc tu tập hoặc tu tập nhiều, không khéo tu, nên đối với Tĩnh lự một chưa có thể chứng đắc. Do chưa chứng đắc, nên Tĩnh lự thứ nhất cùng với Tâm không được sanh.

Lại như có một hữu tình, đối với Tĩnh lự một, Tĩnh lự hai, ba, bốn, xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên, xứ Vô sở hữu, tư duy về tướng Thô. Đối với Tĩnh lự thứ hai, cho đến xứ Phi tưởng Phi Phi Tưởng, tư duy về tướng Tĩnh, nói rộng như trước.

Lại như có một hữu tình, đối khắp trong tất cả Tát-ca-da, tư duy về tướng Khổ. Đối với cảnh giới của Niết-bàn diệt Tát-ca-da tư duy về tướng Tĩnh, vì nhằm đoạn trừ hết thảy Tát-ca-da, vì nhằm chứng đắc cảnh giới Niết-bàn. Nếu đối với đạo nầy không dốc tác ý, hoặc tu tập, tu tập nhiều, không khéo tu nên không thể chứng trọn vẹn tất cả Niết bàn. Do chưa chứng đắc, nên đối với các thứ kiết buộc, cùng Tùy miên, Tùy phiền não triền, Tâm giải thoát vĩnh viễn liền không được sanh. Như vậy gọi là do chưa chứng đắc nên Tâm không được sanh.

- Thế nào là do trái nhau nên Tâm không được sanh?

Nghĩa là như có một Hữu tình tiếp xúc có thể tùy thuận các xúc của Lạc thọ. Khi thọ nhận Lạc thọ thì tâm tương ưng với Lạc thọ hiện tiền. Lúc ấy, Khổ thọ, không khổ không lạc thọ tương ưng với Tâm, do trái nhau nên Tâm nầy không được sanh.

Như thế, hoặc Xúc có thể tùy thuận với Xúc của Khổ thọ, không khổ không lạc thọ, nói rộng như trước. Bấy giờ, Tâm tương ưng với Lạc thọ, không khổ không lạc thọ, Lạc thọ, Khổ thọ, do trái nhau nên không được sanh.

Lại như có một hữu tình bị Tham triền trói buộc, Tâm tương ưng với Tham triền hiện tiền. Lúc nầy, Tâm tương ưng với Sân triền, do trái nhau nên liền không được sanh. Như thế, hoặc có hữu tình bị Sân triền trói buộc, nói rộng cho đến khi ấy, Tâm tương ưng với Tham triền, do trái nhau nên liền không được sanh. Như vậy gọi là do trái nhau nên Tâm không được sanh.

- Thế nào gọi là do đoạn nên Tâm không được sanh?

Nghĩa là như có một hữu tình do khéo tu tập tám chi Thánh đạo, nên chứng đắc ba độc là Tham dục Sân hận, ngu si vĩnh viễn dứt hết trọn vẹn. Bấy giờ, người ấy, Tâm có tham có sân có si, tùy thuận một Tâm sở. Tâm bị các Tùy phiền não làm nhiễm ô của người ấy, do đã đoạn, đã nhận biết khắp nên đều không được sanh. Như thế gọi là do đoạn trừ hoàn toàn nên

Tâm không được sanh.

- Thế nào là do diệt nên Tâm không được sanh?

Nghĩa là như có một hữu tình sanh nơi cõi Trời Vô Tưởng, nhập định Vô tưởng, nhập định Diệt tận, nơi khoảng giữa của hai định đó trải qua từng ấy thời gian, do đoạn diệt nên Tâm không được sanh.

Lại như có một Hữu tình, ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y đã Bát-niết-bàn. Vị ấy bấy giờ đã diệt rốt ráo nên Tâm không được sanh. Như vậy gọi là do diệt tận nên Tâm không được sanh.

Thế nào là do đã sanh nên Tâm không được sanh?

Đó là tất cả Tâm đã sanh, nơi hiện tại sanh, sát na trở về sau tất thành pháp diệt. Vị ấy, lúc hiện tại do đã sanh nên liền không thể sanh. Nếu đã diệt rồi cũng là đã sanh nên trọn không thể sanh. Như thế gọi là do đã sanh nên Tâm không được sanh. Nên biết do bảy Nhân duyên nầy nên Tâm không được sanh. Cùng trái nhau với bảy nhân duyên ấy, tùy chỗ thích hợp, các Tâm được sanh. Nghĩa là: Duyên không thiếu, Tác ý không thiếu, đã chứng đắc, Không trái nhau, chưa đoạn dứt, chưa diệt tận, chưa sanh. Ở trong địa nầy, Văn Quyết trạch còn lại không nhắc lại nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 64

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ do Văn tạo Thành

Như thế là đã thuyết minh về Phần Quyết Trạch của địa không Tâm. Phần Quyết Trạch của địa Huệ do Văn thạo thành nay sẽ nói.

Nghĩa là do năm xứ quan sát về chỗ quy hướng mới có thể quy y.

1. Do Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Do Ngữ nghiệp thanh tịnh.
3. Do Ý nghiệp thanh tịnh.
4. Do đối với các hữu tình khởi Đại Bi.
5. Do thành tựu pháp Vô thượng.

Hỏi: Quy y có bao nhiêu thứ? Do duyên gì chỉ có từng ấy Quy y? Ngang với duyên nào nên gọi là có thể quy y? Thế nào là tu tập hành quy y? Những gì là công đức do quy y đạt được?

Đáp: Quy y có ba thứ: Nghĩa là Phật Pháp Tăng. Do bốn duyên nên chỉ có từng ấy Quy y:

1. Do tánh của Như lai là điều thiện tột bậc.
2. Đối với tất cả chủng loại được điều phục, có thể tạo phương tiện để điều phục hướng thiện.
3. Gồm đủ Đại Bi.
4. Dùng tất cả tài sản hưng khởi sự cúng dường, chưa cho là vui, cần dùng chánh hạnh hưng khởi sự cúng dường mới sanh hoan hỷ. Do như thế nên pháp kia được lập, các đệ tử đều có thể quy y.

Ngang bằng với bốn Duyên nên nói là có thể quy y:

1. Nhận biết về công đức.
2. Nhận biết về sai biệt.
3. Tự thệ nguyện.
4. Lại không nói có bậc đại sư khác.

Nên biết Quy y có bốn hành chánh:

1. Thân cận bậc Thiện tri thức.

2. Lắng nghe chánh pháp.

3. Tác ý như lý.

4. Pháp tùy pháp hành.

Nếu có Hữu tình thành tựu bốn hành chánh ấy mới gọi là Quy y. Nên biết lại có bốn thứ Hành chánh:

1. Các căn không trạo cử.

2. Thọ học Học xứ.

3. Thương xót Hữu tình.

4. Dùng thời gian hợp thời, đến trụ xứ của Tam bảo siêng tu cúng dường.

Thọ nhận quy y đạt được bốn thứ công đức:

1. Đạt được phước rộng lớn.

2. Đạt được hoan hỷ lớn.

3. Đạt được Tam-ma-địa.

4. Đạt được thanh tịnh lớn.

Lại đạt được bốn đức:

1. Được sự hộ trì lớn, viên mãn.

2. Nơi chướng ngại của tất cả sự tin hiểu tà vạy đều được nhẹ mỏng hoặc vĩnh viễn diệt hết.

3. Được vào trong chúng của bậc Thiện tri thức hành chánh chí chánh, đó là đồng phạm hạnh của bậc đại sư.

4. Được chư Thiên tịnh tín đối với Thánh giáo hoan hỉ ái niệm. Nghĩa là Thiên chúng kia tâm sanh hoan hỷ, xướng lên lời nầy: Chúng tôi đã thành tựu ba quy y. Từ xứ kia mất rồi sanh đến cõi nầy. Những người kia hôm nay đã thành tựu trụ nhiều nơi quy y, đời vị lai cũng ở trong chúng đồng phận của chúng tôi".

Lại nữa, do sáu thứ Tướng, nên biết Tam bảo Phật Pháp Tăng có sai biệt:

1. Do Tướng.

2. Do Nghiệp.

3. Do Tin hiểu.

4. Do Tu hành.

5. Do Tùy niệm.

6. Do Sanh phước.

- Thế nào là do Tướng nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Tướng tự nhiên giác ngộ là Phật bảo. Tướng của quả Giác ngộ là Pháp bảo. Tướng thuận theo kẻ khác giáo hóa khiến tu hành đúng đắn là Tăng bảo.

- Thế nào là do Nghiệp nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là Nghiệp chánh giáo chuyển là Phật bảo. Nghiệp xả bỏ cảnh nơi đối tượng duyên của phiền não khổ, là Pháp bảo. Nghiệp tăng trưởng dũng mãnh là Tăng bảo.

- Thế nào là do Tin hiểu nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là đối với Phật bảo nên gieo trồng tin hiểu về thân cận, thừa sự. Đối với trụ xứ của Pháp bảo nên gieo trồng tin hiểu về mong cầu chứng đắc. Nơi trụ xứ của Tăng bảo nên gây tạo tin hiểu về hòa hợp đồng một pháp tánh cùng trụ.

- Thế nào là do Tu hành nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Đối với Phật bảo nên tu hành chánh là cúng dường, thừa sự. Đối với trụ xứ của Pháp bảo nên tu tập hành chánh là Phương tiện Du Già. Nơi trụ xứ của Tăng bảo nên tu tập hành chánh cung thọ tài pháp.

- Thế nào là do Tùy niệm nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Nên dùng tướng khác để tùy niệm Phật bảo. Nên dùng tướng khác để tùy niệm Pháp bảo. Nên dùng tướng khác để tùy niệm Tăng bảo. Tức là đức Thế Tôn cho đến nói rộng.

- Thế nào là do Sanh phước nên Tam bảo có sai biệt?

Nghĩa là: Đối với Phật bảo dựa nơi một hữu tình sanh phước tối thắng. Nơi trụ xứ của Pháp bảo tức dựa vào pháp ấy sanh phước tối thắng. Nơi trụ xứ của Tăng bảo dựa vào nhiều hữu tình sanh phước tối thắng. Lại nữa, do năm pháp nên Sa-môn, Bà-la-môn có hơn kém sai biệt. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Pháp được nghe.
2. Pháp của Giới.
3. Pháp của thâu nhận.
4. Pháp thọ dụng.
5. Pháp chứng đắc.

Nghĩa là, pháp được nghe hiện có của Bà-la-môn, về nghĩa thì giả, kém, không chỉ rõ cho kẻ khác, câu văn ẩn giấu, nên là thấp kém. Pháp

được nghe của Sa-môn hoàn toàn trái với đây nên là thắng diệu. Lại, pháp về Giới hiện có của Bà-la-môn tùy theo cái gì, tùy theo phần, tùy theo chỗ sai biệt mở nhận điều tổn hại, nên là thấp kém. Pháp về Giới của Sa-môn hoàn toàn trái với đây nên là thắng diệu.

Lại, pháp được thâu nhận của Bà-la-môn thâu nhận các sự ruộng vườn, nhà cửa, tài sản, là chướng ngại đạo. Lại nữa, thâu nhận các loại vợ con, nô tỳ, tôi tớ v.v... nên là thấp kém. Pháp được thâu nhận hiện có của Sa-môn là pháp dứt trừ, lìa khổ, lại không chỗ có, nên là thắng diệu.

Lại, pháp được thọ dụng của Bà-la-môn thọ dụng các thứ hương xoa, tràng hoa, các vật dụng trang sức là chướng ngại đạo. Lại hiện thọ dụng các thứ ca múa, kỹ nhạc, trào lộng vui đùa. Lại hiện thọ dụng các pháp như dâm dục v.v... nên là thấp kém. Pháp được thọ dụng của Sa- môn thọ dụng trí huệ do Văn Tư Tu tạo thành đúng đắn không tội, nên là thắng diệu.

Lại, pháp chứng đắc hiện có của Bà-la-môn chỉ cho Phạm Thế là cứu cánh, lại thối hoàn, là nhiễm ô xen tạp, có khổ não, nên là thấp kém. Pháp chứng đắc của Sa-môn lấy Bát-niết-bàn làm cứu cánh, không thối chuyển, hoàn toàn lìa cấu uế, toàn bộ là an lạc, nên biết là thắng diệu.

Lại nữa, cầu dục có năm thứ:

1. Cầu thâu nhận.
2. Cầu thọ dụng.
3. Cầu vui đùa.
4. Cầu hiểu rõ.
5. Cầu danh tiếng.

Cầu Hữu cũng có năm thứ:

1. Cầu pháp như thế,
2. Cầu mong nguyện.
3. Cầu ngu si.
4. Cầu chán bỏ.
5. Cầu xét chọn.

Cầu phạm hạnh cũng có năm thứ:

1. Cầu chỉ cầu.
2. Cầu hướng đến.
3. Cầu hiện được.
4. Cầu hậu đắc.
5. Cầu xét chọn sẽ được.

Lại có sai biệt: Nghĩa là cầu Giả danh, cầu đệ nhất nghĩa, cầu quan sát hai thứ kia, cầu không phương tiện, cầu có phương tiện, như trong phần Bản địa đã nói.

Xứ Nội minh của năm Xứ minh, đối với các Xứ minh, các Luận nơi các Tông đều cho là tối thắng. Vì sao? Vì do nghĩa thanh tịnh của bốn thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh thâu tóm tất cả nghĩa nhiễm tịnh.

2. Tức thanh tịnh của nghĩa nầy không phải là chỗ chế phục của luận khác.

3. Thanh tịnh của nghĩa nầy dễ có thể hội nhập.

4. Thanh tịnh đã được nhập rồi thì hành chân chánh không hoại. Lại nữa, Thánh giáo của chư Phật nếu muốn giải thích tóm lược,

do sáu thứ môn lý, nên tùy thuận quyết định rõ:

1. Môn của Lý chân nghĩa.

2. Môn của Lý chứng đắc.

3. Môn của Lý giáo hóa dẫn dắt.

4. Môn của Lý xa lìa hai biên.

5. Môn của Lý không thể nghĩ bàn.

6. Môn của Lý ý nghĩa sâu xa.

Ở đây, ba môn lý trước do ba môn lý sau, nên tùy thuận quyết định rõ. Tức là, Môn của lý chân nghĩa (1) do Môn của lý xa lìa hai biên

(4) nên theo đấy quyết định rõ. Môn của lý chứng đắc (2) do Môn của lý không thể nghĩ bàn (5) nên tùy thao đấy quyết định rõ. Môn của lý chỉ dạy dẫn dắt (3) do Môn của lý ý nghĩa sâu xa (6) nên tùy thuận quyết định rõ. Trong ấy, chân nghĩa tức là môn Lý, do đó gọi là Môn của lý chân nghĩa. Cho đến ý nghĩa sâu xa tức là môn Lý, thế nên gọi là Môn của lý ý nghĩa sâu xa.

Nghĩa của Môn lý: Nghĩa là đối với tánh không điên đảo của các pháp kia, như nơi tánh thật lìa tánh điên đảo.

Lại nữa, nên biết nghĩa chân thật (chân nghĩa) lược có sáu loại: Nghĩa là Chân thật do thế gian tạo thành, cho đến chân thật được hành tác của Trí làm tịnh Sở tri chướng, cùng chân thật an lập và chân thật phi an lập.

Bốn thứ chân thật trước, nên biết như trong địa Bồ tát ở trước đã phân biệt rộng.

- Thế nào là Chân thật an lập?

Nghĩa là bốn Thánh đế. Khổ do Khổ, cho đến đạo do đạo. Vì sao?

Vì do lược an lập ba thứ thế tục:

1. Thế tục của thế gian.
2. Thế tục của đạo lý.
3. Thế tục của chứng đắc.

Thế tục của thế gian: đó là an lập về nhà cửa, bình chậu, quân binh, rừng núi. Lại an lập Ngã, hữu tình v.v...

Thế tục của đạo lý: đó là an lập Uẩn, Giới, Xứ v.v...

Thế tục của chứng đắc: đó là an lập quả dự lưu v.v... và nơi chốn nương dựa của chúng.

Lại nữa, An lập lược có bốn loại: Nghĩa là ba thứ thế tục như đã nói ở trước và An lập thế tục của Thắng nghĩa, tức Thắng nghĩa đế. Do nghĩa của đế nầy không thể an lập. Chỗ chứng đắc bên trong chỉ là tùy thuận phát sanh Trí ấy, thế nên là giả lập.

- Thế nào là chân thật phi an lập? Là các pháp chân như.

- Thế nào là chứng đắc?

Nghĩa là nếu lược nói, có bốn thứ chứng đắc:

1. Chứng đắc về quả nghiệp của các hữu tình.
2. Chứng đắc của Thừa Thanh văn.
3. Chứng đắc của Thừa Độc giác.
4. Chứng đắc của Đại Thừa.

Chứng đắc về quả nghiệp của các hữu tình:

Là do nghiệp tạo tác thanh tịnh không thanh tịnh. Nghiệp tự tạo tác là nhân dựa, nên các loài hữu tình ở trong biển sanh tử của năm nẻo, chiêu cảm quả dị thục, thọ nhận quả dị thục.

Chứng đắc của Thừa Thanh văn:

Là trước thọ quy y, cho đến Sa-môn trang nghiêm là nhân dựa, nên có năm thứ chứng đắc:

1. Chứng đắc về Địa.
2. Chứng đắc về Trí.
3. Chứng đắc về Tịnh.
4. Chứng đắc về Quả.
5. Chứng đắc về Công đức.

Chứng đắc về Địa: có ba địa: địa Kiến, địa Tu và địa Cứu cánh.

Chứng đắc về Trí: Tức là chín Trí:

1. Pháp Trí.
2. Chủng loại Trí.
3. Khổ Trí.
4. Tập Trí.
5. Diệt Trí.
6. Đạo Trí.
7. Trí thế tục hậu sở đắc.
8. Tận Trí.
9. Vô sanh Trí.

Chứng đắc về Tịnh: Tức là bốn chứng tịnh.

Chứng đắc về Quả: Là bốn Quả Sa-môn.

Chứng đắc về Công đức: Tức là Vô lượng giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, Nguyện trí vô tránh, Vô ngại giải, Thần thông v.v... Tất cả như thế nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại, Nhân chứng đắc của Thừa Thanh văn: Nghĩa là đạt được đạo lìa dục của thế gian, các thiện căn hiện có của Phần Thuận Quyết trạch, phần Thuận Giải thoát.

Chứng đắc của Thừa Độc giác: Tức lược có ba thứ:

1. Chứng đắc do trước đã được thiện căn của Phần Thuận Quyết trạch.
2. Chứng đắc do trước đã chứng đắc.
3. Chứng đắc do trước chưa chứng đắc.

Hai chứng đắc trước gọi là độc thắng. Một chứng đắc sau gọi là Lân giác dụ.

Chứng đắc của Đại Thừa: Gồm:

- Chứng đắc về phát tâm.
- Chứng đắc về đại Bi.
- Chứng đắc Ba-la-mật-đa.
- Chứng đắc về Nhiếp sự.
- Chứng đắc về địa.
- Chứng đắc nơi năm vô lượng tùy thuận đến chân như.
- Chứng đắc tin hiểu về uy đức không thể nghĩ bàn.
- Chứng đắc về pháp Phật không chung.

Tất cả các thứ chứng đắc như thế như trong phần Địa Bồ tát ở trước đã phân biệt rộng.

- Thế nào là Giáo hóa dẫn dắt?

Nghĩa là do ba xứ gồm thâu sự giáo hóa, dẫn dắt. Đó là:

1. Do Tạng gồm thâu.
2. Do Ma-đát-lý-ca gồm thâu.
3. Do cả hai thứ gồm thâu.

Do Tạng gồm thâu: Là Tạng Thanh văn và Tạng Đại thừa.

Do Ma-đát-lý-ca gồm thâu: Là mười bảy địa cùng bốn thứ Nhiếp.

Do cả hai gồm thâu: Lược có mười loại:

1. Giáo tướng đế.
2. Giáo biến tri.
3. Giáo vĩnh viễn đoạn trừ.
4. Giáo chứng đắc.
5. Giáo tu tập.
6. Giáo của phẩm loại sai biệt kia.
7. Giáo cùng hệ thuộc của chủ thể nương dựa đối tượng được nương dựa thuộc về pháp kia.
8. Giáo của pháp chướng ngại nơi Biến tri v.v...
9. Giáo của pháp thuận nơi Biến tri v.v...
10. Giáo của công đức cùng lỗi lầm của Biến tri, không Biến tri.

Như thế là có thể gồm thâu tất cả sự thâu tóm của Tạng và Bản mẫu. Đó gọi là tóm lược chung về Ma-đát-lý-ca.

Lại nữa, Giáo hóa dẫn dắt lược có mười hai thứ:

1. Giáo về Sự.
2. Giáo về Tưởng sai biệt.
3. Giáo về quán Tự tông.
4. Giáo về quán Tha tông.
5. Giáo Không liễu nghĩa.
6. Giáo Liễu nghĩa.
7. Giáo về Thế tục đế.
8. Giáo về Thắng nghĩa đế.
9. Giáo ẩn mật.
10. Giáo hiển bày.

11. Giáo có thể ghi sự

12. Giáo không thể ghi sự.

Giáo về Sự: Là giáo đều nói riêng về Thể của các pháp như Sắc v.v..., Nhãn v.v...

Giáo về Tưởng sai biệt: Là tuyên thuyết rộng về danh tưởng sai biệt của căn, đế nơi Xứ phi Xứ, duyên khởi của các Uẩn, Giới, Xứ. Lại nói rộng về danh tưởng sai biệt của các Niệm trụ v.v... Lại nêu bày rộng về danh tưởng sai biệt của có sắc, có kiến không kiến, có đối không đối. Như thế là vô lượng chư Phật Thế Tôn đã nói rộng về giáo Danh tưởng sai biệt của các pháp.

Giáo quán tự tông: Là mở bày, chỉ rõ, tuyên thuyết, gồm thâu, giải thích chỗ nương dựa của Khế Kinh, Ứng tụng, Ký biệt v.v...

Giáo quán Tha tông: Tức bảy thứ Tướng, nương dựa nơi Nhân minh để hàng phục luận khác, kiến lập luận của mình.

Bảy thứ Tướng: Nghĩa là các thứ luận thể, luận xứ sở, luận cứ, luận trang nghiêm v.v... như trước đã nói rộng.

Giáo không liễu nghĩa: Là Khế Kinh, Ứng tụng, Ký biệt v.v..., do đức Thế Tôn lược nói, về nghĩa chưa xong nên phải giải thích lại.

Giáo Liễu nghĩa: Là cùng với phần trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Giáo về Thế tục đế: Tức các thứ ngôn thuyết hiện có, có thể nêu bày, tất cả đều thuộc về Thế tục đế. Lại, các danh, tướng, ngôn thuyết hiện có, đã hiện rõ sự tăng thượng, tức tướng, danh được phân biệt. Như vậy đều gọi là thuộc về Thế tục đế.

Giáo về Thắng nghĩa đế: Nghĩa là giáo pháp của bốn Thánh đế, cùng giáo pháp chân như, Thật tế, Pháp giới.

Giáo ẩn mật: Là theo phần nhiều nơi giáo của Tạng Thanh văn. Giáo hiển bày: Là theo phần nhiều giáo của Tạng Đại thừa.

Giáo có thể ghi sự: Là giáo của bốn thứ pháp nơi Tụng, tức tất cả hành vô thường, cho đến Niết-bàn tịch tĩnh. Các loại như thế là Giáo của ngôn thuyết hiện có.

Giáo không thể ghi sự: Nghĩa là như có kẻ hỏi: Thế gian là Thường chăng? Điều nầy không nên ghi nhận, chỉ nói: "Tôi nói điều nầy không thể ghi nhận". Cho đến hỏi: Như lai sau khi qua đời là có chăng, là không chăng? Điều nầy không nên ghi nhận, chỉ nói: "Tôi nói điều nầy không thể ghi nhận". Ở đây, nên biết có bốn Nhân duyên nên nêu rõ như thế là sự

không thể ghi nhận. Hoặc có trường hợp vì không nên không thể ký biệt. Nghĩa là như có kẻ hỏi: Ngã đối với các Uẩn là khác hay chẳng khác? Là thường hay vô thường? Hoặc có khi không dẫn đến nghĩa lợi, nên không thể ký biệt.

Nên biết lại có bốn Nhân duyên, đức Như lai nêu rõ là sự không thể ghi nhận:

1. Các ngoại đạo tuyên thuyết sai lạc.
2. Không như lý.
3. Dẫn đến vô nghĩa.
4. Chỉ là chốn nương dựa của Tránh luận.

Có hai nhân duyên có thể dẫn đến vô nghĩa:

1. Xa lìa suy xét về nhân quả.
2. Xa lìa suy xét về nhiễm tịnh.

- Thế nào là xa lìa hai Biên? Nên biết lược có sáu thứ:

1. Xa lìa Biên tăng ích không thật có.
2. Xa lìa Biên tổn giảm đích thật có.
3. Xa lìa Biên vọng chấp Thường.
4. Xa lìa Biên vọng chấp đoạn.
5. Xa lìa Biên thọ dụng dục lạc.
6. Xa lìa Biên tự thọ dụng khổ.

Như thế nên biết nơi phần trước, nhiều chỗ đã phân biệt rộng.

- Thế nào là không thể nghĩ bàn?

Nên biết lược có sáu thứ không thể nghĩ bàn:

1. Tư nghị của Ngã.
2. Tư nghị của hữu tình.
3. Tư nghị của Thế gian.
4. Tư nghị về Nghiệp quả của hữu tình.
5. Cảnh giới Tĩnh lự của các thứ tu Tĩnh lự.
6. Cảnh giới của chư Phật, Thế Tôn.

Ở đây, ba thứ Tư nghị của Ngã, hữu tình, Thế gian, hoặc dựa nơi tư nghị của Kiến, hoặc không dựa nơi tư nghị của Kiến.

Tư nghị của Ngã: Nghĩa là như có một hữu tình, nương dựa vào Thân kiến, nghĩ bàn như vầy: Ngã nơi quá khứ là từng có chăng? Là lại không chăng? Ở trong ba đời cho đến nói rộng.

Lại nghĩ bàn: Ngã là có sắc, sau sẽ có tưởng, sau sẽ không có tưởng, sau sẽ phi có tưởng phi không có tưởng. Như Ngã có sắc, Ngã không sắc cũng thế. Hoặc nêu bày rộng như nơi kinh Phạm Võng.

Như Luận giả của Thường Kiến là như thế. Luận giả của đoạn kiến, Luận giả của kiến Hiện pháp Niết-bàn, nên biết cũng vậy. Chấp biên của đời trước, chấp biên của đời sau, như chỗ thích hợp đều nên nhận biết rõ.

Lại nghĩ bàn: Mạng tức là Thân, mạng khác thân khác. Lại, Ngã nầy, Ngã hiện hữu khắp tất cả Xứ, là không hai không khác, không có thiếu giảm.

- Tư nghị của hữu tình:

Nghĩa là như có một hữu tình, tức dựa vào Thân kiến, tư nghị như vầy: Hữu tình nay ở đây, từ nơi nào mà sanh đen? Các hữu tình nầy do ai tạo ra, cho đến hữu tình sẽ đi tới nơi nào? Các hữu tình ấy nơi xứ nào diệt tận?

- Tư nghị của Thế gian:

Tức như có một hữu tình, dựa vào Thân kiến tư nghị như vầy: Thế gian là thường, cho đến nói rộng.

Hoặc dựa nơi Pháp tánh, tư nghị như vầy: Pháp tánh của Ngã nầy, của hữu tình, của Thế gian, từ cái gì mà sanh?

Không thể chỉ dựa nơi đạo lý của pháp như thế, do đó nói đấy gọi là "Nghĩ bàn nơi xứ không thể nghĩ bàn."

- Tư nghị về nghiệp quả của Hữu tình:

Do bốn thứ Tướng không thể nghĩ bàn: Nghĩa là Xứ sở sai biệt, Sự sai biệt, Nhân sai biệt, Quả dị thục sai biệt.

Cảnh giới Tĩnh lự của các thứ Tu Tĩnh lự: do ba thư tướng không thể nghĩ bàn:

- Nghĩa thâm diệu của chân như.

- Tự tại chuyển.

- Chứng đắc Giới vô lậu.

Cảnh giới của chư Phật Thế Tôn: do năm thứ Tướng không thể nghĩ bàn: Tức do ba Tướng đã nói như trước. Lại do hai Tướng:

1. Không chướng ngại.

2. Thành lập sự tạo tác của hữu tình.

Lại nữa, nên biết Ý nghĩa sâu xa lược có mười sáu thứ:

1. Ý nghĩa sâu xa Thị hiện.

2. Ý nghĩa sâu xa Trái lìa.

3. Ý nghĩa sâu xa Khuyên dẫn.

4. Ý nghĩa sâu xa Khen gắng.

5. Ý nghĩa sâu xa Mừng vui

6. Ý nghĩa sâu xa Khiến nhập.

7. Ý nghĩa sâu xa Dứt nghi.

8. Ý nghĩa sâu xa Thành thục.

9. Ý nghĩa sâu xa Đẳng trì.

10. Ý nghĩa sâu xa Giải thoát.

11. Ý nghĩa sâu xa Tương ưng nghĩa riêng.

12. Ý nghĩa sâu xa của những người có thể chứng đắc phát sanh hoan hỷ vô tội.

13. Ý nghĩa sâu xa của những người có thể lắng nghe nơi người thuyết giảng phát sanh tôn trọng.

14. Ý nghĩa sâu xa của Pháp nhẫn luôn chuyển.

15. Ý nghĩa sâu xa của Việc tu tập nhiều pháp thiện.

16. Ý nghĩa sâu xa hàng phục các Tướng.

Thế nào là Môn của lý chân nghĩa do môn của lý xa lìa hai Biên nên tùy thuận quyết định rõ?

Nghĩa là đối với sự An lập Khổ đế hiện có cho đến đạo đế, lược có bốn thứ Biên tăng ích sai lạc:

1. Biên tăng ích của Ngã.

2. Biên tăng ích của Thường.

3. Biên tăng ích của Tịnh.

4. Biên tăng ích của Lạc.

Như thế tức là bốn thứ điên đảo. Vì nhằm đối trị chúng nên nói bốn Niệm trụ cùng bốn Trí Định. Do nhân duyên ấy nên Ngã kiến hiện có đều là vọng chấp thuộc Biên tăng ích của Ngã. Nói rộng, nên biết như nơi Địa có Tầm có Tứ ở trước. Do điều ấy nên đã biện biệt rộng về chấp có Ngã là không hợp lý.

Lại nếu lược nói, lìa sự sanh, tướng, nghiệp dụng của các Uẩn kia, riêng có Tánh của Ngã không thể thủ đắc.

Lại, khác với tánh kia, Tánh của Ngã hiện có an trụ nơi các Hành, nên biết nhất định hoàn toàn không thật có.

Lại, Tánh thường kia là không hợp đạo lý, nên biết như trước đã phân

biệt rộng.

Lại có sáu thứ Tánh Bất tịnh, như nơi địa Thanh văn đã hiển bày rộng.

Lại có ba thứ Tánh khổ, như nơi địa có Tầm có Tứ đã hiển bày Biên rộng.

Tổn giảm: Nghĩa là tức ở trong các Thánh đế kia, theo chỗ an lập tướng trạng của các đế, chấp là vô tánh, hiển bày là vô tánh. Vì sao? Vì nếu đối với các đế khởi chấp tổn giảm, kẻ kia đối với ba Lượng cũng trụ nơi sự phỉ báng, nghĩa là Hiện Lượng, Tỷ lượng và Thánh giáo lượng. Cũng phỉ báng cả nhiễm tịnh, thế nên nói đấy gọi là Biên Tổn giảm.

Nếu không rơi vào hai Biên như thế, kẻ kia đối với các đế có thể sanh tin hiểu, quyết định thông đạt, lần lượt có thể chứng đắc thanh tịnh rốt ráo.

- Thế nào là Khổ đế?

Nghĩa là Sanh khổ v.v..., nói rộng như trước. Nếu lược nói, như nói tất cả sự sanh tạp nhiễm đều gọi là Khổ đế.

- Thế nào là Tập đế?

Nghĩa là nói tất cả tạp nhiễm của phiền não cùng tạp nhiễm của Nghiệp đều gọi là Tập đế. Đức Thế Tôn căn cứ theo chỗ trội bật nên chỉ hiển bày về Tham ái. Về nhân duyên trội bật kia, nên biết như trước đã nói.

- Thế nào là Diệt đế?

Đó là hết thảy phiền não đã vĩnh viễn đoạn trừ. Lại sự đoạn trừ vĩnh viễn nầy do tám thứ Tướng, như trước đã nêu nên biết.

Ở đây, lìa dục, ái hết: Là hiển bày về cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y. Niết-bàn vĩnh viễn vắng lặng: Đây là hiển bày về cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

- Thế nào là Đạo đế?

Nghĩa là đạo tư lương, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo thanh tịnh. Tất cả như thế tóm lược chung làm một gọi là đạo đế. Đức Thế Tôn căn cứ theo chỗ thù thắng, dựa nơi chủ thể thâu nhận chứng đắc quả Sa- môn, nên chỉ lược hiển bày tám chi Thánh đạo, gọi là đạo đế.

Đạo Tư lương: Có mười ba thứ, như nơi địa Thanh văn đã nói.

Đạo Phương tiện: Nếu căn cứ theo chỗ tối thắng, tức ở trong các quả vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Pháp Thí đệ nhất, là tất cả pháp Bồ đề phần hiện có như các Niệm trụ v.v...

Đạo Thanh tịnh: Tức ở trong Kiến đạo, Tu đạo, Đạo cứu cánh, là tất cả pháp Bồ đề phần hiện có thuộc về các đạo kia. Trong đạo Cứu cánh hiện có, có thể dẫn phát các công đức, các đạo ấy cũng đều nhập trong đạo đế.

Lại, đạo Phương tiện của các Bồ tát: Nghĩa là sáu Ba-la-mật-đa gồm thâu. Đạo Thanh tịnh: Là chỗ thâu tóm của Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Đây là căn cứ theo chỗ tối thắng mà nói, chẳng phải là không tu tập đủ khắp hết thảy pháp Bồ đề phần, như đức Thế Tôn nói.

Lược nêu năm Thủ Uẩn đều gọi là Khổ: Năm Thủ Uẩn nầy, nếu phân biệt rộng, như trong phần quyết trạch về "Uẩn Thiện Xảo" nơi địa ý ở trước, nên biết về tướng của chúng.

Lại, Khổ, Tập đế lược có ba thứ: Nghĩa là hệ thuộc cõi dục cõi Sắc cõi Vô sắc có sai biệt.

Lại, nơi vô biên thế giới trong mười phương có sai biệt, nên về lượng của chúng là vô biên. Đối trị chúng, nên biết là diệt đế, đạo đế có sai biệt.

Lại, các đế nầy được kiến lập thứ lớp phân biệt rộng về nghĩa, nên biết như trước đã nói.

Lại nữa, tức các đế nầy làm chỗ dựa, chỗ căn cứ, làm xứ kiến lập để lập mười ba thứ Bổ-đặc-già-la. Những gì là mười ba thứ Bổ-đặc-già- la? Đó là:

1. Phàm phu của cõi Dục.
2. Phàm phu của cõi Sắc.
3. Phàm phu của cõi Vô sắc.
4. Hàng hữu học của cõi Dục.
5. Hàng hữu học của cõi Sắc.
6. Hàng hữu học của cõi Vô sắc.
7. Hàng Vô học của cõi Dục.
8. Hàng Vô học của cõi Sắc.
9. Hàng Vô học của cõi Vô sắc.
10. Bậc Độc giác của cõi Dục.
11. Bậc Bồ tát của cõi Dục.
12. Bậc Bồ tát của cõi Sắc.
13. Bậc Như lai không thể nghĩ bàn.

Lại, các loại Bổ-đặc-già-la như thế, hoặc tạo tác, hoặc bị chướng ngại, hoặc Tâm, hoặc phiền não, hoặc nghiệp, hoặc căn, hoặc Giới, hoặc Tin hiểu, hoặc Ý lạc, hoặc Tùy miên, hoặc sanh, hoặc tập khí, hoặc Tụ, đều nên nhận biết rõ.

Lại nữa, sự tạo tác có mười hai thứ. Đó là:

1. Tạo tác thiện.

2. Tạo tác bất thiện.

3. Tạo tác Vô ký.

4. Tạo tác xuất gia.

5. Tạo tác đẳng lưu của pháp kia.

6. Tạo tác phòng hộ của pháp kia.

7. Tạo tác sanh.

8. Tạo tác lìa dục.

9. Tạo tác giải thoát.

10. Tạo tác luyện căn.

11. Tạo tác dẫn phát thần thông.

12. Tạo tác phát khởi nghĩa khác.

Lại nữa, chướng ngại có mười hai thứ:

1. Chướng ngại của Nghiệp: Nghĩa là tạo năm nghiệp vô gián.

2. Chướng ngại của Tập khí: Là trước thường hành tập các nghiệp ác.

3. Chướng ngại của Phóng dật: Là hiện tại thọ dụng các dục hết sức hưng thịnh.

4. Chướng ngại của Cái: Tức là năm thứ Cái, tùy theo một thứ hiện tiền che phủ Tâm.

5. Chướng ngại của Biếng trễ: Nghĩa là do biếng trễ nên một phần ít phiền não đã trói buộc, nhiễu loạn Tâm.

6. Chướng của chướng ngại: Nghĩa là mười một thứ chướng ngại tùy theo một loại hiện tiền.

7. Chướng ngại của Sanh: Nghĩa là sanh vào nơi chốn không nhàn rỗi.

8. Chướng ngại của chẳng sanh: Là đức Phật Thế Tôn không xuất hiện ở đời.

9. Chướng ngại của Tin, hiểu: Nghĩa là đức Phật Thế Tôn tuy xuất hiện ở thế gian, nhưng hữu tình lại sanh tà kiến.

10. Chướng ngại của Phiền não: Nghĩa là do chướng ngại của phiền não nên nói Huệ giải thoát, Tâm được giải thoát.

11. Chướng ngại của Định: Tức do chướng ngại ấy nên nói Câu phần giải thoát, tâm được giải thoát.

12. Chướng ngại của đối tượng nhận thức (Sở Tri chướng): Tức do chúng nên nói Tâm của chư Như lai được giải thoát.

Lại nữa, về Tâm lược có hai thứ:

1. Tâm có chướng ngại.
2. Tâm không có chướng ngại.

Về Phiền não, cũng lược có hai thứ:

1. Triền.
2. Tùy miên.

Về Nghiệp, cũng lược có hai thứ:

1. Tư.
2. Tư đã hoàn thành.

Về Căn, cũng lược có hai loại:

1. Thuận phần tịnh.
2. Thuận phần bất tịnh.

Như Căn, Tin hiểu, Ý lạc, Giới, nên biết cũng thế.

Ở đây, có sai biệt: Căn là tánh của Quả. Giới là tánh của Nhân. Tin hiểu là tánh của Nhân. Ý lạc là tánh của Quả.

Về Tùy miên, cũng lược có hai thứ:

1. Có thể hại.
2. Không có thể hại.

Về Sanh, cũng lược có hai thứ:

1. Sanh nơi xứ không nhàn rỗi.
2. Sanh nơi xứ có nhàn rỗi.

Về Tập khí, cũng có hai thứ:

1. Tập khí sanh không gián đoạn.
2. Tập khí sanh trước.

Về Tụ, có ba thứ:

1. Tụ định tánh tà.
2. Tụ định tánh chánh.
3. Tụ Bất định .

Tụ định tánh tà lại có hai loại:

1. Định tánh tà thuộc bản tánh.
2. Định tánh tà thuộc phương tiện.

Tụ định tánh chánh cũng có hai loại:

1. Định tánh chánh thuộc bản tánh.

2. Định tánh chánh thuộc phương tiện.

Tụ Bất định cũng có hai loại:

1. Bất định thuộc bản tánh.

2. Bất định thuộc phương tiện.

Lại nữa, do mười ba thứ pháp tạo tác, nên biết đã nói rộng về mười ba thứ Bổ-đặc-già-la, như chỗ ứng hợp của chúng.

Hỏi: Họ có tạo tác thiện, thì tất cả tạo tác bất thiện kia là không tương ưng chăng? Hoặc là tạo tác bất thiện không tương ưng với tất cả tạo tác thiện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có tạo tác thiện không tương ưng không phải là tạo tác bất thiện. Nghĩa là: Tạo tác thiện hiện có của các chủ thể tạo nghiệp của dị thục đen trắng đen trắng.

2. Hoặc có tạo tác bất thiện không tương ưng, chẳng phải là tạo tác thiện. Nghĩa là tạo tác Vô ký.

3. Hoặc có tạo tác thiện, cũng là tạo tác bất thiện, không tương ưng. Nghĩa là: Sự tạo tác hiện có, có thể dứt hết các nghiệp của chủ thể tạo tác nghiệp của dị thục trắng trắng cùng nghiệp của Dị thục chẳng đen chẳng trắng.

4. Hoặc có không phải tạo tác thiện, cũng không phải tạo tác bất thiện, không tương ưng. Nghĩa là: Sự tạo tác hiện có, có thể tạo tác nghiệp của dị thục đen đen.

Như tạo tác bất thiện, tạo tác Vô ký, theo chỗ nêu dứt hết, nên biết rõ.

Hỏi: Nếu tạo nên chướng của Nghiệp thì cũng tạo nên chướng của Tập khí chăng? Hoặc nếu tạo nên chướng của Tập khí thì cũng tạo nên chướng của Nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có trường hợp gây tạo chướng của Nghiệp, không phải là chướng của Tập khí. Nghĩa là như có một hữu tình ở trong hiện pháp, đối với năm nghiệp vô gián cũng tạo tác, cũng khiến tăng trưởng. Ở trong đời trước, đối với chủng loại nghiệp ác bất thiện ấy, không tạo tác, không khiến tăng trưởng. Kẻ ấy, ở trong hiện pháp có thể gây chướng ngại cho Thánh đạo.

2. Hoặc có trường hợp gây tạo chướng của Tập khí, không phải là chướng của Nghiệp. Nghĩa là trái ngược với trường hợp trên.

3. Hoặc có trường hợp cùng gây tạo cả hai. Nghĩa là ở trong hiện pháp, đối với năm nghiệp vô gián cũng tạo tác cũng làm tăng trưởng. Kẻ ấy ở trong hiện pháp có thể gây chướng ngại cho Thánh đạo.

4. Hoặc có trường hợp, cả hai thứ chướng cùng không gây tạo. Nghĩa là trái ngược với trường hợp trên.

- Thế nào là Chân thật phi an lập?

Nghĩa là Tự tánh viên thành thật của các pháp chân như, là đối tượng hành của Thánh trí, là cảnh giới của Thánh Trí, là đối tượng duyên của Thánh Trí.

- Thế nào là Biên Tăng ích?

Nghĩa là Tự tánh của các pháp lược có ba loại:

1. Tự tánh Biến kế sở chấp.

2. Tự tánh Y tha khởi.

3. Tự tánh Viên thành thật.

Tự tánh Biến kế sở chấp: Nghĩa là các danh, ngôn hiện có để an lập tự tánh của các pháp. Dựa vào danh ngôn giả, thường xuyên hiện hữu khắp, xét lường các pháp để kiến lập.

Tự tánh Y tha khởi: Là tha lực của các duyên sanh đã dấy khởi tự tánh của các pháp, không phải tự nhiên có, nên nói là vô tánh.

Tự tánh Viên thành thật: Nghĩa là như trước đã nói. Nếu ở trong Tự tánh Y tha khởi, hoặc Tự tánh Viên thành thật, tự tánh Biến kế sở chấp hiện có vọng chấp, nên biết đó gọi là Biên Tăng ích. Vì sao? Vì trong tự tánh nầy, tự tánh kia có điều không hợp lý. Chỗ không hợp lý ấy như trong địa Bồ tát đã lược hiển bày, nơi phần Quyết Trạch sẽ phân biệt rộng.

Lại, nếu lược nói thì do ba nhân duyên nên không hợp với đạo lý:

1. Phẩm loại danh, ngôn được an lập là vô số chẳng phải là một.

2. Nếu lìa danh, ngôn thì sự hiểu biết kia không sanh.

3. Danh ngôn ấy dựa nơi nghĩa mà chuyển.

Biên tổn giảm: Nghĩa là đối với Tự tánh Y tha khởi cùng Tự tánh Viên thành thật, trong các pháp có, hủy báng về tự tướng của chúng, nói là không thật có.

Như thế, môn của lý chân nghĩa do môn của lý xa lìa hai biên nên tùy thuận quyết định rõ. Như chỗ ứng hợp với hai môn của lý chứng đắc và giáo hóa dẫn dắt, do hai thứ sau là môn của lý không thể nghĩ bàn và ý nghĩa sâu xa, nên tùy thuận quyết định rõ.

Hỏi: Như trước đã nói về ý nghĩa sâu xa tương ưng với Nghĩa riêng thì điều ấy có nghĩa gì?

Đáp: Không phải như ý nghĩa sâu xa tương ưng với nghĩa của ngôn âm nơi Danh thân, Cú thân, Văn thân, đây chỉ là trừ bỏ như ngôn âm v.v... Thắng nghĩa còn lại, đó gọi là ý nghĩa sâu xa tương ưng với nghĩa riêng. Lại nữa, ở đây, đối với môn của lý chân nghĩa, do môn của lý xa lìa hai biên nên tùy thuận quyết định rõ rồi, liền có thể chứng đắc nghĩa nên đạt được. Do có thể chứng đắc nghĩa đã đạt được, nên chứng đắc các môn của Lý còn lại, tức môn của lý không thể nghĩ bàn cũng tùy thuận quyết định rõ.

Lại nữa, môn của lý giáo hóa dẫn dắt nơi tất cả chư Phật Thế Tôn, do môn của lý ý nghĩa sâu xa, nên cũng tùy thuận quyết định rõ. Như vậy, hết thảy đều tùy thuận chỗ ứng hợp.

Lại, nếu đối với môn của lý chân nghĩa kia đã tùy thuận quyết định rõ, nên biết là có thể nhập vào năm thứ Ly sanh:

1. Có thể nhập Ly sanh chưa lìa dục.
2. Có thể nhập Ly sanh lìa dục gấp bội.
3. Có thể nhập Ly sanh đã lìa dục.
4. Có thể nhập Ly sanh của độc giác.
5. Có thể nhập Ly sanh của Bồ tát.

Hỏi: Nếu Đế an lập được kiến lập làm Đế, thì do nhân duyên nào nên lại hiển bày đế phi an lập?

Đáp: Nếu lìa đế Phi an lập thì hai thứ Giải thoát không hợp với đạo lý, tức là sự trói buộc của Tướng và sự trói buộc của Thô trọng được giải thoát. Vì sao? Vì nếu hành có nơi các đế an lập, thì tất cả hành kia đều là tướng của Hành có. Vì là tướng của Hành có nên đối với sự trói buộc của các tướng không được giải thoát. Do không được giải thoát đối với sự trói buộc của các tướng nên đối với sự trói buộc của Thô trọng cũng không được giải thoát. Nếu Hành có nơi đế phi an lập không hành nơi tướng. Vì không hành nơi tướng nên đối với sự trói buộc của các tướng liền được giải thoát. Đối với sự trói buộc của các tướng được giải thoát, nên đối với mọi trói buộc của Thô trọng cũng được giải thoát.

Hỏi: Nếu chỉ do đế phi an lập kia đối với tất cả sự trói buộc đạt được giải thoát thanh tịnh, thì do đâu lại hiển bày về đế an lập?

Đáp: Vì nhằm khiến cho tư lương và đạo phương tiện được thanh tịnh.

Hỏi: Nếu tức do tướng của Hành có kia nên tâm đối với hai thứ trói buộc được giải thoát thanh tịnh, thì có lỗi lầm gì?

Đáp: Nếu có Tâm định hết sức thiện, dựa nơi Tĩnh lự bốn trong pháp thiện của phần Thuận Quyết trạch chuyển duyên nơi cảnh của các Đế, thì các Hành giả kia, đối với hai thứ trói buộc nên được giải thoát thanh tịnh rốt ráo, nhưng không thanh tịnh nên không hợp lý. Lại, đạo thế gian, đạo xuất thế gian, hai thứ có sai biệt nên không thể lập. Hai đạo kia có tướng, không tướng có sai biệt nên không hợp đạo lý.

- Thế nào là Tướng của Thô trọng?

Nghĩa là nếu lược nói thể tướng không thể gắng nhận, không thuận hợp là tướng của Thô trọng. Ở đây, tướng không thể gắng nhận, không thuận hợp lại có năm tướng:

1. Tướng hiện nặng.
2. Tướng cứng rắn.
3. Tướng chướng ngại.
4. Tướng khiếp nhược.
5. Tướng không thể gắng nhận, không tự tại chuyển.

Do có các tướng ấy thuận với phẩm tạp nhiễm, trái với phẩm thanh tịnh nối tiếp mà trụ, thế nên gọi là Tướng không thể gắng nhận không thuận hợp.

Lại nữa, có năm thứ nuôi lớn các đại chủng gốc:

1. Nuôi lớn do ăn uống.
2. Nuôi lớn mộng.
3. Nuôi lớn sự lìa tránh không bình đẳng.
4. Nuôi lớn phạm hạnh.
5. Nuôi lớn đẳng chí.

Tức sự nuôi lớn nầy lại có hai thứ:

1. Nuôi lớn nhận giữ.
2. Nuôi lớn không tổn hại.

Ở đây, sự nuôi lớn thứ nhất là Nuôi lớn nhận giữ. Bốn thứ sau là Nuôi lớn không tổn hại.

Nuôi lớn Nhận giữ lược có bốn thứ:

1. Nhận giữ biến hoại.
2. Nhận giữ vui thích.
3. Nhận giữ hy vọng.

4. Nhận giữ thâu gồm nắm lấy.

Lại nữa, có năm thứ Hành:

1. Hành của Thân.
2. Hành của Ngữ.
3. Hành của Ý.
4. Hành của Nghiệp.
5. Hành của Thọ mạng.

Lại nữa, có năm thứ không phóng dật:

1. Không phóng dật do dựa nơi phẩm tại gia.
2. Không phóng dật do dựa nơi phẩm xuất gia.
3. Không phóng dật do có thể xa lìa nẻo bất thiện.
4. Không phóng dật do có thể thâu nhận các thiện.
5. Không phóng dật do tu tập tương tục.

Không phóng dật do dựa nơi phẩm tại gia lại có năm thứ, như trước đã nói.

Không phóng dật do dựa nơi phẩm xuất gia lại có mười thứ, như trong phần Quyết trạch về Tỳ-nại-da tương ưng của địa Thanh Văn sẽ nói rộng.

Không phóng dật do có thể xa lìa nẻo bất thiện: Nên biết tức là hai thứ chánh đoạn trước.

Không phóng dật do có thể thâu nhận các thiện: Nên biết tức là hai thứ chánh đoạn sau.

Không phóng dật do tu tập tương tục: Nghĩa là đối với pháp thiện tinh tấn tu tập cẩn trọng không gián đoạn.

Lại nữa, Danh có năm thứ:

1. Tâm.
2. Tâm sở hữu pháp (Pháp hiện có của Tâm).
3. Thiện.
4. Bất thiện.
5. Vô ký.

Sắc có năm thứ:

1. Các đại chủng.
2. Do đại chủng tạo.
3. Có thấy có đối.
4. Không thấy, có đối.

5. Không thấy, không đối.

Lại nữa, có năm thứ Vô minh;

1. Ngu về nghĩa.
2. Ngu của kiến.
3. Ngu của phóng dật.
4. Ngu về nghĩa chân thật.
5. Ngu của Tăng thượng mạn.

Lại nữa, có năm thứ hữu ái:

1. Ái pháp tánh.
2. Ái thệ nguyện.
3. Ái ngu si.
4. Ái chán lìa.
5. Ái xét chọn.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên biết đã kiến lập không Hổ không Thẹn.

1. Không có xấu hổ đối với Nhiễm ô hiện hành.
2. Không có xấu hổ đối với pháp thiện không hiện hành.
3. Không có xấu hổ đối với pháp xả, thọ.
4. Không có xấu hổ khi gần gũi với bạn ác.
5. Không có xấu hổ đối với chỗ tạo tác không thể thành tựu.

Nên biết, cùng với năm tướng nầy trái ngược là năm thứ tướng diệu kiến lập Hổ, Thẹn.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên biết đã kiến lập tánh thuyết ác:

1. Không hành.
2. Hành tà.
3. Không Nhẫn.
4. Không xấu hổ.
5. Không Luật nghi.

Do năm thứ Tướng nên kiến lập Bạn ác:

1. Không xấu hổ.
2. Có Tà kiến.
3. Có Biếng nhác.
4. Có Hạnh tà.
5. Tánh khiếp nhược.

Nên biết cùng với năm tướng nầy trái nhau, là năm thứ tướng diệu để kiến lập tánh thuyết thiện cùng bạn thiện.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên kiến lập Xa-ma-tha:

1. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định cận phần.
2. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định Sắc căn bản.
3. Xa-ma-tha thế gian thuộc về định Vô sắc căn bản.
4. Xa-ma-tha xuất thế gian thuộc về Tác ý của hàng Nhị thừa.
5. Xa-ma-tha xuất thế gian thuộc về Tác ý của Bồ tát.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên biết đã kiến lập Tỳ-bát-xá-na:

1. Tỳ-bát-xá-na gồm hết tánh hiện có.
2. Tỳ-bát-xá-na như Tánh hiện có.
3. Tỳ-bát-xá-na có tướng.
4. Tỳ-bát-xá-na xét cầu.
5. Tỳ-bát-xá-na quan sát.

Lại nữa, lược do năm Tướng nên kiến lập Dục lậu:

1. Sự của địa bất định sanh Tùy miên.
2. Thuận theo Hành ác.
3. Trái với Thiện.
4. Tham đắm nơi các dục.
5. Có thể sanh quả của Hoại Khổ, Khổ Khổ.

Do đấy nên các phiền não kia gọi là dục lậu.

Lược do năm Tướng nên kiến lập hữu lậu:

1. Có thể sanh các phiền não của cõi thấp kém.
2. Có thể sanh các phiền não của cõi bậc trung.
3. Có thể sanh các phiền não nơi cõi diệu.
4. Có thể sanh các phiền não của cõi Hữu không dục lạc.
5. Có thể sanh các phiền não của Hữu có dục lạc.

Lược do năm Tướng nên kiến lập Lậu Vô minh dục tà giải thoát:

1. Luận giả có tưởng. Do môn luận có tưởng nên sanh khởi Vô minh.

2. Luận giả vô tưởng. Do môn luận vô tưởng nên sanh khởi Vô minh.

3. Luận giả phi hữu tưởng phi Vô tưởng. Do môn Luận nầy nên sanh khởi Vô minh.

4. Luận giả chấp đoạn. Do môn luận chấp đoạn nên sanh khởi Vô

minh.

5. Luận giả về Niết-bàn hiện pháp. Do môn luận nầy nên sanh khởi Vô minh.

Lại nữa, lược do năm tướng, nên biết về đạo lý sai biệt của các pháp:

1. Do Tướng.
2. Do Thể.
3. Do Nghiệp.
4. Do Pháp.
5. Do Nhân quả.

Do Tướng: Là do chỗ dựa cùng Hành trụ.

Do Thể: Là do tướng Tự thể cùng Tướng sai biệt.

Do Nghiệp: Là do tự tác dụng cùng với hành chánh, tà.

Do Pháp: Là do sự nhiễm tịnh cùng với Thế tục Đế, Thắng nghĩa đế.

Do Nhân quả: Là do xa gần cùng với yêu thích không yêu thích.

Lại nữa, có ba thứ Luận:

1. Luận Lắng nghe hoàn toàn.
2. Luận Tranh tụng hoàn toàn.
3. Luận Hành chánh rốt ráo.

- Luận Lắng nghe hoàn toàn: Là các thứ chú thuật ác của Bà-la-môn.
- Luận Tranh tụng hoàn toàn: Là Luận Nhân minh của các Ngoại đạo.
- Luận Hành chánh rốt ráo: Là Thánh giáo của Phật.

Lại có ba thứ Luận:

1. Luận vô nghĩa.
2. Luận nghĩa tà.
3. Luận đệ nhất nghĩa.

Ba thứ Luận nầy, theo chỗ ứng hợp như trước. Lại có ba thứ Luận:

1. Luận Giả trá.
2. Luận Hư dối.
3. Luận xuất ly quả khổ.

Nên biết ba Luận nầy theo chỗ ứng hợp như trước.

Lại nữa, nếu muốn tạo Luận, trước hết phải quy lễ sư của hai chốn cung kính mới có thể tạo luận:

1. Cung kính pháp: Nên trước phải quy lễ đại sư của Luận bản
2. Cung kính nghĩa: Nên lại phải quy lễ sư khai bày xiển dương

nghĩa.

Người muốn tạo Luận cần đủ sáu nhân mới nên tạo Luận:

1. Muốn khiến cho nghĩa của pháp được lưu hành rộng.

2. Nhằm khiến cho vô số hữu tình tin hiểu. Do nhân duyên nầy, tùy theo một sẽ có thể nhập chánh pháp.

3. Vì khiến cho vô số môn nghĩa bị ẩn mất, lại được mở bày hiển hiện.

4. Vì muốn lược thâu tóm nghĩa tản mạn rộng khắp.

5. Vì muốn phát huy làm sáng rõ nghĩa thâm diệu.

6. Vì muốn đem vô số ngôn từ hay đẹp để trang nghiêm cho nghĩa của pháp, sanh khởi tịnh tín.

Lúc sắp tạo luận, cần dùng bốn đức trước tự an trụ mới có thể tạo Luận:

1. Đối với các bậc Sư xưa nên lìa kiêu mạn.

2. Đối với các loài hữu tình nên khởi Đại Bi.

3. Đối với người đồng pháp phải sanh tâm kính ái sâu xa.

4. Không nhằm đề cao kỹ năng thù thắng của mình.

- Thế nào là đối với các bậc Sư xưa nên lìa kiêu mạn?

Nghĩa là lúc tạo luận không có Tâm như vầy: Các Sư thời xa xưa hãy còn có thể tạo luận, huống chi là ta nay lại không tạo được! Nên lìa Tâm kiêu mạn cấu nhiễm như thế mới nên tạo Luận.

- Thế nào là đối với các loài Hữu tình nên khởi Đại Bi?

Nghĩa là lúc tạo luận, nên khởi Quán như vầy: Nếu không tạo luận, thì vô lượng hữu tình đối với các pháp thiện nhất định sẽ thối mất. Lại, các loài hữu tình khác sẽ rơi vào sanh lão bệnh, cho đến nói rộng. Các hữu tình nầy, nhân nơi ta tạo luận, nếu có thể hiểu rõ cho đến diệu nghĩa thuyết thiện của một câu, như thế như thế sẽ phụng hành, thì những hữu tình ấy, ở trong đêm dài sanh tử tất đạt được nghĩa lớn về lợi ích an lạc.

Nên phát tâm tăng thượng như vậy rồi mới nên tạo luận.

- Thế nào là đối với người đồng pháp nên sanh kính ái sâu xa?

Nghĩa là khi tạo luận nên khởi Quán: Nếu không tạo luận vì nhằm để lợi tha, thì các vị đồng pháp đối với sự việc lợi tha nhất định sẽ thối chuyển, mất mát.

- Thế nào là không nhằm đề cao kỹ năng thù thắng của mình?

Tức là lúc tạo luận không có Tâm như vầy: Sẽ khiến cho thế gian

cùng đối với ta cho là bậc thông tuệ, minh triết, có thể tạo luận, là người mở bày xiển dương ý nghĩa, sẽ sanh tin tưởng thanh tịnh sâu xa, nhân đấy đạt được nhiều sự cung kính, lợi dưỡng. Chỉ vì nhằm làm tăng trưởng thiện căn của tự tha, do Tâm không nhiễm mới có thể tạo luận. Lại nữa, ở đây mở bày chỉ rõ đúng như thật về diệu nghĩa của Kinh, do đức Như Lai đã giảng nói, gọi là làm trang nghiêm Kinh. Ví như hoa sen hồng, hoa ấy chưa nở, tuy sanh hoan hỷ nhưng không như hoa nở tươi tốt. Lại như vàng ròng chưa làm các vật dụng trang sức, tuy

sanh hoan hỷ nhưng không bằng lúc đã làm xong.

Lại như thức ăn ngon chưa được ăn, tuy sanh vui vẻ nhưng không bằng khi đã ăn.

Lại như thư chúc mừng, chưa rảnh để mở ra xem, tuy sanh vui vẻ nhưng không bằng lúc mở ra đọc.

Lại như các thứ châu báu chưa được hiện tiền, tuy sanh hoan hỷ, nhưng không bằng lúc chúng đã hiện tiền được thọ, dụng.

Như vậy, nghĩa của Kinh do Như lai thuyết giảng nếu chưa hiển phát, tuy sanh hoan hỷ, nhưng không như lúc đã mở bày chỉ rõ. Do đó nói tạo Luận gọi là làm trang nghiêm Kinh.

Lại nữa, lược có bảy thứ thông đạt:

1. Thông đạt về chữ.
2. Thông đạt về nghĩa của chữ.
3. Thông đạt về khả năng giữ lấy.
4. Thông đạt về nghĩa có thể giữ lấy.
5. Thông đạt về sự trói buộc.
6. Thông đạt về sự giải thoát.
7. Thông đạt về pháp tánh.

Thông đạt về chữ: là thông đạt về thường.

Thông đạt về nghĩa của chữ: Là thông đạt về vô thường.

Thông đạt về khả năng giữ lấy: Là thông đạt về Căn, Thức v.v... nơi đế an lập hoặc đế phi an lập.

Như thông đạt về khả năng giữ lấy thì thông đạt về nghĩa có thể giữ lấy nên biết cũng thế.

Thông đạt về sự trói buộc: Là thông đạt về sự trói buộc của Tướng, hoặc sự trói buộc của Thô trọng. Trái với đây, nên biết đó gọi là Thông đạt về sự Giải thoát.

Thông đạt về pháp tánh: Nghĩa là có thể thông đạt về sự an trụ của pháp tánh, sự an trụ của pháp giới không phải từ tự tánh của Tự Tại, sĩ phu trung gian mà có. Lại nữa, do mười Tướng nên gồm đủ đa văn:

1. Nêu bày về người khéo thuyết giảng.
2. Nêu bày làm rõ về Văn, Câu.
3. Nêu bày hết về chỗ hiện có như nghĩa hiện có.
4. Nêu bày về phương tiện gia hạnh an lạc.
5. Nêu bày về nẻo lìa các khổ.

Năm thứ như thế lại có năm thứ:

1. Không tìm kiếm lỗi lầm mà nghe pháp.
2. Chỉ cầu đạt Niết-bàn mà nghe pháp.
3. Khéo lắng nghe pháp.
4. Xét kỹ mà nghe pháp.
5. Dựa nơi nghĩa của Danh Cú Văn Thân để quan sát thật kỹ mà nghe pháp.

Trong địa nầy, phần văn Quyết trạch khác không nhắc lại nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 65

Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Huệ Do Tư Tạo Thành

Đoạn 1:

Như thế là đã thuyết minh về Phần Quyết Trạch của địa Huệ do Văn tạo thành. Phần Quyết Trạch của địa Huệ do Tư tạo thành, nay sẽ nói. Nghĩa là nếu lược nói tức có bốn thứ tư nghị (Nghĩ bàn)

1. Nghĩ bàn về Sự.
2. Nghĩ bàn về Có, Không có.
3. Nghĩ bàn về Nhân Quả.
4. Nghĩ bàn về Thừa.

Nghĩ bàn về Sự: Tức lược dựa nơi sáu Sự, là Sự của Uẩn cho đến Sự của Căn.

Nghĩ bàn về Có, Không có: Như nơi Phần Bản Địa đã nói. Nghĩ bàn về Nhân Quả: Như nơi địa có Tầm có Tứ đã nêu bày.

Nghĩ bàn về Thừa: Như nơi địa Thanh văn, Độc giác, Bồ tát đã thuyết minh.

Lại nữa, lược có hai thứ Nghĩ bàn:

1. Nghĩ bàn về tư duy ác.
2. Nghĩ bàn về tư duy Thiện.

Nghĩ bàn về tư duy ác: Như nơi phần bản địa đã nêu. Hoặc dựa nơi phẩm đen. Nghĩa là như có một Hữu tình không xa lánh Vô minh, không nên tư duy v.v... mà dấy khởi nghĩ bàn.

Nghĩ bàn về tư duy thiện: Là trái với trường hợp trên, nên biết về tướng của nó.

Như nghĩ bàn về tư duy ác, tư duy thiện, thì phi pháp dẫn dắt, pháp dẫn dắt; phi Tỳ-nại-da dẫn dắt, Tỳ-nại-da dẫn dắt; Phi Thánh-Thánh; Bất thiện-Thiện; Không nên tu-nên tu; Không ưa thích-ưa thích; Trắng đen; dấy khởi vô nghĩa-dấy khởi có nghĩa; Thấp kém-Vi diệu: có tội- không tội; Nên xa lìa-không nên xa lìa v.v... nên biết cũng thế.

Lại nữa, như đức Thế Tôn nói: "Các Thánh đệ tử, có biết là có, không có biết là không có".

Ở đây, thế nào là có? Lược do hai Tướng nên biết là có:

1. Nếu là sanh, tức đã sanh nơi hiện tại, nên biết là có.
2. Nếu là vật thật, là sự, là nghĩa, là viên thành thật, nên biết là có.

Làm thế nào để nên biết? Lược nêu về tướng thật có và tướng giả có. Nghĩa là nếu các pháp không đợi các thứ khác, không dựa vào những thứ khác để thiết lập tự tướng, nên biết lược nói là Tướng thật có. Nếu có các pháp phải đợi các thứ khác, dựa vào các thứ khác để thiết lập tự tướng, nên biết lược nói là Tướng giả có, không phải là vật thật có. Tức là do các Uẩn như Sắc, sự tưởng làm chỗ đợi, làm chỗ dựa để thiết lập có Ngã cùng hữu tình v.v... cho đến nói rộng.

Ở đây, các Uẩn như Sắc v.v... sự tưởng là vật thật có. Ngã, Hữu tình, Thọ mạng, Sự sanh, Sổ thủ thú v.v... không phải là vật thật có, chỉ là Giả có. Như đối với các Uẩn như Sắc v.v... sự Tưởng giả lập Ngã v.v... như vậy, tức đối với sự tưởng như Sắc v.v... giả lập Sắc v.v...

Lại, đối với sự tưởng Sắc Hương Vị Xúc, giả lập ăn uống, xe cộ, bình, áo, các vật dụng trang sức, nhà cửa quân binh v.v...

Lại, đối với các pháp Hữu vi sự tưởng giả lập Sanh, Lão, Trụ, Vô thường, Chủng tử, Hữu biểu, Vô biểu, Đắc, Mạng căn, Chúng đồng phận, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Tánh dị sanh, Hòa hợp, Không hòa hợp, Lưu chuyển, Định dị, Tương ưng, Thế tốc, Thứ lớp, Thời, Phương và Số.

Lại nữa, chỉ dùng các Sắc không chuyển làm chỗ đợi, chỗ dựa, để giả lập hư không, hư không vô vi.

Lại chỉ dùng Danh trung gian không chuyển làm chỗ đợi, chỗ dựa để giả nêu đặt đẳng chí có tưởng không tưởng, đẳng chí diệt tận v.v... Hỏi: Ở trong đạo lý nhân thành, dựa vào đạo lý nào để có thể quyết định biết Ngã không phải là thật có?

Đáp: Không thể thủ đắc nên không thể thấy. Thế nào là không thể thủ đắc? Nghĩa là hoặc trong hoặc ngoài, hoặc ở giữa, nếu lìa các Uẩn thì không thể thủ đắc.

Thế nào là không thể thấy? Nghĩa là như Mắt v.v... là các Xứ thật có, mỗi mỗi xứ đều có riêng nghiệp dụng có thể thấy. Như vậy, nghiệp dụng riêng của chỗ chấp Ngã đều không thể thấy, như thế là Tự tướng không thể thấy.

Lại do nghiệp dụng riêng không thể thấy, nên biết chỗ chấp Ngã là

không thật có.

Hỏi: Nếu Ngã như thế, đối với trong ngoài v.v... đều không thể thủ đắc, cũng không thể thấy, vậy do đâu các ngoại đạo xuất gia v.v... cũng thủ đắc, cũng thấy. Do nhân duyên ấy nên họ yêu thích, hiển bày để kiến lập là thật có?

Đáp: Không thủ đắc, không thấy, chỉ do Thân kiến cùng với Ngã mạn làm chỗ dựa, nên khởi phân biệt sai lạc, khởi lường tính sai lạc không như chánh lý, yêu thích hiển bày để kiến lập là có. Làm sao nhận biết? Vì Ngã không phải là thật có, không phải là hiện có, mà không thể thủ đắc cũng không thể thấy. Tức các kẻ chấp Ngã là thật có, rất xa bờ kia không quá bốn loại:

1. Chấp Ngã tức là các Uẩn.

2. Chấp Ngã khác với các Uẩn, trụ trong các Uẩn.

3. Chấp Ngã không phải tức các Uẩn mà khác với các Uẩn, không trụ trong Uẩn mà trụ khác với Uẩn, lìa trong pháp Uẩn.

4. Chấp Ngã không phải tức các Uẩn mà khác với các Uẩn, không trụ trong Uẩn, cũng không trụ nơi khác đối với các Uẩn lìa trong pháp Uẩn mà không có Uẩn, pháp của một Uẩn đầu đều không tương ưng.

Dựa nơi Ngã phân biệt chấp là có: Đều gồm thâu trong bốn thứ chấp ấy, trừ chúng ra, thì lại không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm. Như vậy, tánh của tất cả Ngã thật có đều không hợp lý. Vì sao? Vì nếu chấp có Ngã tức là các Uẩn, không khác với Uẩn, thế là Ngã nầy chỉ đối với các Uẩn mà giả kiến lập. Lỗi nầy là tự đến. Vì sao? Vì các Uẩn là vô thường, đều cùng với tự tướng mà cùng tương ưng. Ngã tức là Uẩn kia nên tánh không phải thường, không phải một, không phải thật có. Do đó, chấp nầy là không hợp đạo lý.

Nếu chấp có Ngã khác với các Uẩn: Tức chỗ chấp Ngã là thường hay là vô thường? Nếu là vô thường thì chỗ chấp Ngã, nơi từng sát na sát na khởi khác, diệt khác, xứ nầy tử khác, xứ kia sanh khác, tạo tác khác, thọ nhận khác, lỗi ấy tự đến.

Lại, khác với các Uẩn riêng có một Ngã, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc ở trung gian, có sanh có diệt đều không thể thủ đắc, thế nên chấp ấy là không hợp đạo lý.

Nếu Ngã là thường: Tức không có biến dị, là tướng thường ấy, thì chỗ chấp Ngã nầy hoặc không có biến dị. Hai nhân duyên biến đổi đều không hợp lý, không phải đối với vị lai, cũng không phải là hiện pháp. Nếu đối với vị lai Ngã không biến đổi, tức nên không sanh không già không

bệnh không chết, không tổn giảm, cũng lại không nên một thời làm Trời, một thời làm người, hoặc làm Bàng sanh, hoặc làm quỷ thú, hoặc có lúc làm Nại-lạc-ca. Ở trong hiện pháp, nếu Ngã không biến đổi, tức nên đối với vô số cảnh giới yêu thích, không yêu thích kia, không lạc không khổ, không ái không giận, cũng không có si, lược nói không phải do chỗ biến dị của khổ vui v.v... Không phải tùy theo một phiền não như Tham v.v... cùng chỗ biến dị của Tùy phiền não. Như thế, Ngã đối với hiện pháp, vị lai nếu không biến dị, thì không phải là chỗ tạo lợi ích của Lạc, cũng không phải là thuộc chỗ nhiễm ô của phiền não kia. Không nên nhân đấy hành pháp-phi pháp, không phải bị khổ làm tổn hại, cũng không phải là thuộc về chỗ nhiễm ô của phiền não kia, không nên nhân đấy hành pháp-phi pháp.

Ngã ấy như thế, ở trong hiện pháp, cùng với pháp, phi pháp không tương ưng. Đối với đời vị lai, thân yêu thích không yêu thích không có nhân duyên nên không được sanh. Do đạo lý ấy, ông nên không chấp Ngã nầy là thường trụ. Do nội thân riêng đã tạo biến dị, nên đối với đời vị lai có vô số biến dị như sanh già chết v.v…, như thế Ngã nầy tức không đều khác. Nội thân với các thời gian sanh già bệnh chết, thời gian vui, khổ, nhiễm ô, tức nên giải thoát thanh tịnh rốt ráo. Do đó, chấp ấy là không hợp đạo lý.

Lại nữa, nếu chấp có Ngã khác với các Uẩn, trụ khác với các Uẩn, lìa trong pháp Uẩn thì pháp của chỗ chấp kia xa lìa các Uẩn. Tự tướng của có hãy còn không thể thủ đắc, huống hồ là chỗ an trụ của Ngã. Ví như có kẻ nói: Tôi xét kỹ, nhận biết rõ con của Thạch nữ đỉnh đầu buộc toàn là tràng hoa. Nên biết chỗ chấp kia cũng lại như thế. Do vậy chấp ấy là không hợp đạo lý.

Lại nữa, nếu chấp có Ngã không tương ưng với tất cả pháp Uẩn, nên không có Uẩn: Thì chỗ chấp Ngã nầy nếu không có Uẩn tức không có Sắc, không tương ưng với Thân, cũng không tương ưng với khổ thọ, lạc thọ. Cũng không tương ưng với rất nhiều các tưởng có vô số sai biệt. Cũng không tương ưng với tư duy thiện, bất thiện, Vô ký. Cũng không tương ưng với ý phân biệt, thọ dụng cảnh giới như Sắc v.v.... Như thế, Ngã nầy phải là không chỗ dựa, không thọ, không tưởng, không tư duy v.v... cũng không phân biệt. Vậy nên Ngã nầy không do công dụng mà giải thoát rốt ráo không có nhiễm ô! Do đó chấp ấy là không hợp đạo lý.

Lại nữa, do tất cả dựa nơi Ngã phân biệt kia, tức chỗ vọng chấp Ngã không thành tựu, nên biết Ngã v.v... ở trong các Uẩn chỉ là giả kiến lập, không phải là vật thật có. Do Ngã không có, chỉ có Uẩn, nên tất cả đạo lý thanh tịnh tạp nhiễm đều được thành tựu. Nghĩa là có các xứ trong ngoài

sanh, nên ở trong hiện phát khởi xúc Vô minh. Do đấy, đối với Thân tức có thọ sanh lợi ích, tổn giảm. Do đấy làm duyên phát khởi ái về hữu hòa hợp hoặc trái lìa. Dựa vào đó, tất cả phiền não, tùy phiền não chuyển. Vì nghĩa nầy, nên Nghiệp tịnh, bất tịnh sanh khởi, có thể đạt được. Nghiệp phiền não sanh khởi như thế, nên nơi Hữu của vị lai, tất cả pháp khổ như sanh, lão, tử v.v... thảy đều được sanh. Như vậy, lại ở trong Uẩn vô thường là Ngã không thật, nên đạo lý tạp nhiễm đều được thành tựu.

Lại do âm thanh của kẻ khác, bên trong tác ý đúng đắn làm nhân duyên, nên xa lìa Vô minh, phát khởi minh. Do không Si nên thấu đạt các thọ thảy đều là khổ, vì đấy nên có thể đoạn trừ tham ái hiện có ở trong các Thọ, cùng đoạn dứt tất cả phiền não hoặc tùy phiền não nương dựa vào đấy. Do nhân duyên nầy, nên khả năng chiêu cảm nghiệp tịnh bất tịnh của hữu sau lại không sanh khởi. Như thế, do Nghiệp phiền não đã đoạn dứt, nên tất cả khổ như sanh v.v... của hữu sau đều vĩnh viễn không sanh nữa. Như vậy, không Ngã, chỉ có Uẩn, nên tất cả đạo lý tạp nhiễm thanh tịnh đều được thành tựu.

Lại nữa, ở đây giả lập tất cả hữu tình. Đó là: hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nên biết chín loại hữu tình như thế lược do ba thứ nhân duyên để kiến lập, thâu tóm chung tất cả loại hữu tình:

1. Dựa vào thân động qua lại có sai biệt, kiến lập hữu tình không chân cho đến nhiều chân.

2. Dựa vào Thân sai biệt, kiến lập hữu tình có sắc không sắc.

3. Dựa vào Tâm sai biệt, kiến lập hữu tình có tưởng không tưởng, phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại có Ngoại đạo xuất gia ly hệ, tạo ra thuyết như vầy:

Hết thảy cây cối v.v... thảy đều có mạng. Thấy các thứ kia cùng với Nội giáo có pháp mạng số cùng tăng trưởng. Nên nói với những vị ấy:

Chỗ mong muốn của ông là gì? Cây cối v.v... tăng trưởng là mạng hay là nhân? Là lại có Nhân tăng trưởng khác chăng?

Nếu họ chỉ dùng mạng làm nhân: Thì sự vật kia chưa xả mạng nhưng nơi một thời gian không có tăng trưởng, tức không hợp đạo lý. Nếu lại có nhân tăng trưởng khác: Thì sự vật kia tuy không mạng, do tự nhân duyên cũng được tăng trưởng, tức là không hợp lý.

Lại nên nói với họ: Chỗ mong muốn của ông là gì? Các vật không mạng không có tăng trưởng, là có nói nhân hay là không nói nhân? Nếu có nói nhân, thì nói nhân duyên nầy không thể thủ đắc, là không hợp đạo lý.

Nếu không nói nhân, thì không mà nói, cho tất cả như thế, tức không hợp đạo lý.

Lại nên nói với họ: Ý của ông muốn gì? Các vật như cây cối v.v... cùng với vật có mạng là hoàn toàn tương tợ, hay là không hoàn toàn tương tợ? Nếu bảo hoàn toàn tương tợ, thì các vật như cây cối, rễ ăn sâu vào đất, phần trên tăng trưởng, không thể tự nhiên thân lay động, tuy cùng với ngôn ngữ nhưng không đáp lại, từng không thấy có nghiệp thiện ác chuyển, chặt cành nhánh rồi, phần còn lại lại sanh, là không hợp đạo lý.

Nếu nói không hoàn toàn tương tợ: Tức là do tương tợ nên có thể có thọ mạng, không tương tợ nên không có thọ mạng, là không hợp đạo lý. Như thế, chỗ chấp xét ấy là không hợp đạo lý.

Hỏi: Do duyên gì, nên biết Sắc Hương Vị Xúc, như thế như thế, trong sự an lập riêng về các sự vật tưởng như ăn uống, xe cộ, bình chậu, y phục v.v... đều là giả có?

Đáp: Do vật tưởng kia, hoặc ở nơi xứ ấy, trong tụ của vật tưởng như Sắc v.v... mà chuyển. Hoặc ở nơi xứ ấy, trong tụ của vật tưởng như Sắc v.v... không chuyển. Hoặc ở nơi xứ ấy, nơi tụ tưởng như Sắc v.v... có tưởng ăn chuyển, không phải ở xứ ấy, có tưởng như uống v.v... chuyển. Hoặc ở nơi xứ ấy có tưởng xe cộ chuyển, không phải ở nơi xứ ấy có tưởng y phục chuyển. Như thế, các thứ còn lại cho đến nói rộng. Các tưởng giả có, hoặc chuyển không chuyển, nên biết cũng thế. Hết thảy sự tưởng Sắc, Hương, Vị, Xúc hiện hữu khắp đối với tất cả sự ăn uống, xe cộ, bình chậu, y phục v.v... trong các sự tưởng chuyển không sai biệt. Do đó nên biết, các thứ ăn uống, xe cộ, y phục v.v... kia đều là giả có, còn Sắc, Hương, Vị, Xúc là vật thật có.

Lại nữa, dựa nơi các pháp có, lập vật của tưởng giả, chẳng phải một mà là rất nhiều, là vô số phẩm loại, nên biết lược nói gồm có hai thứ:

1. Nương dựa nơi một Tụ.
2. Nương dựa không phải một Tụ

Các thứ ăn uống, xe cộ, y phục, vật dụng trang sức v.v... mỗi thứ đều riêng gọi là nương dựa nơi một Tụ. Những hành tác về vẽ, thêu, điêu khắc, đắp tượng v.v... các vật như nhà cửa, cung điện, quân binh v.v... gọi là nương dựa không phải một Tụ.

Lại nữa, thế nào là các pháp có Sắc?

Nghĩa là nếu lược nói có mười Sắc xứ cùng Sắc thuộc về pháp xứ. Do các Sắc kia có đủ tự tướng của Sắc. Tức do sự nầy trở lại nói về sự nầy, thế nên gọi là các pháp có Sắc. Pháp có Sắc nầy, do năm thứ tướng kiến lập

nên có sai biệt:

1. Sự .
2. Tự tướng.
3. Cộng tướng.
4. Giới.
5. Nghiệp.

Ở đây, các Sắc hiện có, tất cả chúng hoặc là bốn đại chủng, hoặc do bốn đại chủng tạo nên, nên biết đó gọi là lược thâu tóm về sự Sắc. Trừ điều ấy ra thì lại không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Tự tướng của các Sắc lại có ba thứ:

1. Sắc thanh tịnh.
2. Sắc thanh tịnh được giữ lấy.
3. Sắc do ý giữ lấy.

Sắc do bốn đại chủng tạo nên, năm sắc thanh tịnh là chỗ dựa của năm Thức, Nhãn v.v... thuộc Xứ, gọi là Sắc thanh tịnh.

Năm Cảnh như Sắc v.v... cảnh giới của Sắc thanh tịnh đồng phận gọi là Sắc thanh tịnh được giữ lấy.

Nếu cùng với Thức cùng hiện, các Sắc thanh tịnh cùng với Thức đồng cảnh nên gọi là đồng phận.

Nếu lìa nơi Thức, các Sắc thanh tịnh trước sau theo tự loại nối tiếp mà chuyển, gọi là Sắc bỉ đồng phận.

Sắc như ảnh tượng v.v... là đối tượng hành của Tam-ma-địa, gọi là Sắc do ý giữ lấy.

Cộng tướng của các Sắc cũng có ba thứ:

1. Tất cả Sắc hoặc căn cứ vào phương xứ đều an lập riêng, hoặc có thể nêu bày về phương xứ sai biệt, gọi là Cộng tướng thứ nhất.

2. Tất cả Sắc hoặc thanh tịnh, hoặc thanh tịnh được giữ lấy tướng tăng giảm, nên biết đó gọi là Cộng tướng thứ hai.

3. Tức tất cả Sắc ấy hoặc được tiếp xúc liền biến hoại. Hoặc dùng tay chân, đất, đao, gậy v.v... Hoặc do lạnh nóng đói khát v.v... các xúc như thế tiếp xúc tức liền biến hoại, nên biết đó gọi là Cộng tướng thứ ba.

Nếu do Sắc của địa định yêu thích chỗ sanh khởi của các nghiệp, gọi là Sắc của hành Sắc. Nếu là Sắc của địa bất định yêu thích chỗ sanh khởi của các nghiệp, gọi là Sắc của Hành dục.

Các Sắc như thế do Giới (cõi) nên sai biệt lược có hai thứ. Trong cõi

vô sắc không có Sắc như thế .

Lại, như trước đã nói về Cộng tướng của các Sắc, nghĩa là do được tiếp xúc tức liền biến hoại. Cộng tướng như thế không phải là hiện bày nơi tất cả. Trừ các cõi Trời thuộc dục giới, các xứ còn lại đều hiện hữu khắp. Nơi các cõi Trời thuộc dục giới, các Sắc hiện có, chỉ có sự tiếp xúc của tay chân, đất đá, đao gậy làm biến hoại, không có sự tiếp xúc của nóng lạnh, đói khát v.v... làm biến hoại. Do trong các cõi Trời kia, các vật dụng nuôi sống như thức ăn uống v.v... tùy theo sự mong muốn của chư Thiên sinh khởi liền bày biện đủ. Vì thế nơi các cõi Trời kia tuy có đói khát nhưng không bị tổn hại.

Các Sắc của Sắc giới không có sự tiếp xúc gây tổn hại do tay chân, đất đá, đao gậy v.v... cũng không có sự tổn hại của các thứ xúc khác.

Hoặc thân nghiệp ngữ nghiệp thiện bất thiện, Vô ký, đó gọi là nghiệp nơi Sắc, nên biết đấy gọi là Nghiệp sai biệt của Sắc.

Các pháp không Sắc cũng do năm thứ Tướng kiến lập nên có sai biệt. Cùng với có Sắc trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, lược do hai thứ Tụ sắc để kiến lập các Tụ:

1. Tụ của đại chủng không chung.
2. Tụ của đại chủng phi không chung.

Tụ của đại chủng không chung: Nghĩa là ở trong ấy chỉ có một loại Đại chủng có thể đạt được.

Tụ của đại chủng phi không chung: Tức ở trong ấy có hai đại chủng, hoặc nhiều chủng loại đại chủng có thể đạt được.

Lại ở trong Tụ của đại chủng không chung, các đại chủng từ cực vi trở lên thì hợp, nên biết mới có cùng xen tạp không cùng lìa nhau. Các Sắc của đại chủng không có một xứ nào không cùng lìa với các Sắc của đại chủng. Ở trong Tụ của đại chủng phi không chung là đại chủng cực vi, như Sắc được tạo cùng với đại chủng khác, nên biết cũng có đồng một xứ sở không cùng lìa nhau. Nhưng đại chủng kia không phải là Sắc được tạo, cùng không dựa vào nhau mà được chuyển, nên đều có công năng căn cứ theo xứ riêng.

Lại, một xứ không cùng lìa nhau: Nghĩa là các đại chủng và Sắc được tạo đồng trụ một xứ. Như đặt vào trong một cái hộp viên ngọc có ánh sáng xanh vàng đỏ trắng, thì vô số ánh sáng không cùng lìa nhau. Cùng xen tạp không cùng lìa nhau, tức thí dụ hiện có như trước đã nêu nên biết.

Lại, như có tụ gồm hoặc mè, đậu v.v... hoặc cát vụn v.v... dùng keo

mật và đường cát v.v... để thâu giữ. Nên biết tụ như thế không phải là một xứ không cùng lìa nhau, cũng không phải cùng xen lẫn không cùng lìa nhau, chỉ là hòa hợp không cùng lìa nhau. Nhiều Tụ tụ tập không phải là Tướng của một tụ, nên biết chỗ còn lại là tướng của một tụ.

Lại, cùng xen tạp không cùng lìa nhau, nên biết là nương dựa nơi một xứ không cùng lìa nhau. Ở đây, nếu không như thế thì không hợp đạo lý.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp có thấy có sai biệt:

1. Hiển sắc.
2. Hình sắc.
3. Biểu sắc.
4. Cảnh giới của Mắt.
5. Đối tượng duyên của Nhãn Thức.

Cũng do năm thứ Tướng nên kiến lập các pháp không thấy có sai biệt: Cùng với năm tướng trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng. Lại nữa, do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp có đối có sai biệt:

1. Đều dựa vào xứ riêng mà an trụ.
2. Nơi Tụ sắc khác, dung nạp các hành tác qua lại v.v... làm chướng ngại.
3. Bị sự tiếp xúc của tay chân, đất đá, đao gậy v.v... làm biến hoại.
4. Tất cả đều là các Sắc thanh tịnh được giữ lấy.
5. Tất cả đều dựa nơi Sắc thanh tịnh, là đối tượng duyên của Thức.

Cũng do năm thứ Tướng nên kiến lập các pháp không đối có sai biệt. Tức cùng với năm tướng trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, tức do năm thứ Tướng nên kiến lập các pháp không thấy không đối có sai biệt:

1. Nhân duyên.
2. Căn cứ vào xứ sở.
3. Hiển hiện,
4. Không biến dị.
5. Đối tượng duyên.

Tam-ma-địa đủ uy đức cùng các Sắc thắng giải, nên biết đó gọi là Nhân duyên sanh Sắc không thấy không đối.

Sắc kia đã sanh rồi, nơi chốn có thể đạt được, thế nên gọi là Sắc. Tuy không cùng với tự tướng của mười xứ có Sắc kia tương ưng,

nhưng được giống với tự tánh của Sắc kia hiển hiện.

Đối với Tụ của Sắc khác dung nạp các hành tác qua lại v.v... trụ không chướng ngại. Lại không phải tất cả Sắc thanh tịnh cùng dựa nơi thức kia, cảnh giới được giữ lấy, cũng không phải là đối tượng duyên, thế nên gọi là không thấy không đối. Sự tiếp xúc của tay chân v.v... không thể gây tổn hoại, do đó gọi là không có Biến dị.

Lại, định căn bản gọi là Tam-ma-địa đủ uy đức. Sắc này là đối tượng duyên của định kia, không phải là thứ khác.

Ví như không phải tất cả Tâm đều có thể biến hóa. Nếu Tâm hiện có gồm đủ uy đức lớn thì mới có thể thành tựu trọn vẹn, không phải là các Tâm khác. Ở đây cũng như thế. Tâm định cần đầy đủ uy đức cực tĩnh mới có thể làm duyên sanh các Sắc không thấy không đối ấy. Như Sắc hóa nầy cũng không phải không gồm đủ tâm có uy đức lớn cùng cảnh giới nơi đối tượng duyên của Tâm bất định, chỉ là cảnh giới nơi đối tượng duyên của Tâm kia. Đó gọi là cùng với năm tướng trên trái nhau, nên biết là đã kiến lập các pháp không thấy không đối có sai biệt.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên kiến lập các pháp Hữu lậu có sai biệt:

1. Do Sự.
2. Tùy miên.
3. Tương ưng.
4. Đối tượng duyên.
5. Sanh khởi.

- Thế nào là Sự của pháp Hữu lậu?

Nghĩa là nội Sắc thanh tịnh và ngoại Sắc cùng nương dựa không cùng nương dựa với nội Sắc kia. Nếu các Tâm Tâm sở nhiễm ô, hoặc Tâm Tâm sở thiện Vô ký, thì đây là sự Hữu lậu, theo chỗ ứng hợp, do trừ bốn tướng nên gọi là Hữu lậu. Nghĩa là Tùy miên, Tương ưng, Đối tượng duyên và Sanh khởi.

Nếu đối với các Sắc thanh tịnh, cùng ở trong tất cả Tâm Tâm sở như trước đã nói, chủng tử của phiền não chưa đoạn chưa dứt thì gọi là Tùy miên, cũng gọi là Thô trọng.

Nếu chúng, cho đến chưa đoạn dứt trọn vẹn, nên biết tất cả do Tùy miên nên gọi là Hữu lậu.

Hoặc các Tâm Tâm sở nhiễm ô, do tương ưng nên gọi là Hữu lậu. Hoặc sự của các Hữu, hoặc hiện lượng đã hành, hoặc Hữu lậu đã sanh khởi tăng thượng, đối tượng duyên của tất cả Lậu như thế gọi là Hữu lậu.

Ở đây, hiện tại gọi là sự Hữu, quá khứ vị lai gọi là sự phi Hữu. Nếu

dựa vào đối tượng hành của Thức nơi Sắc thanh tịnh thì gọi là chốn hành của Hiện lượng. Nếu là đối tượng hành còn lại, nên biết gọi là chốn hành của Phi Hiện lượng.

Nếu các xứ nội sinh tăng thượng khởi tất cả xứ ngoại, gọi là Hữu lậu đã sanh, đã khởi tăng thượng, chỉ là đối tượng duyên kia, nên biết là Hữu lậu. Vì sao? Vì nếu duyên nơi khứ, lai, dấy khởi các phiền não, thì quá khứ, vị lai không phải là sự có, không do đối tượng duyên nên gọi là Hữu lậu. Nếu sự hiện tại không phải là đối tượng hành của Hiện lượng. Như Sắc thanh tịnh cùng với tất cả Tâm Tâm sở nhiễm ô, thiện, Vô ký, chúng cũng không phải là đối tượng duyên của phiền não, nên gọi là Hữu lậu. Song so tự phân biệt đã khởi cùng khởi các phiền não, không phải là các pháp kia. Vì cảnh nơi đối tượng hành này rõ ràng. Do sanh khởi nên thành Hữu lậu: Nghĩa là các Tùy miên chưa đoạn trừ vĩnh viễn, thuận theo cảnh của phiền não để hiện tiền, nên đối với các phiền não hiện khởi kia tác ý không như lý. Do nhân duyên ấy, nên các pháp hiện có đang sanh, đã sanh, hoặc lại sẽ sanh. Như thế, tất cả do sanh khởi nên gọi là Hữu lậu. Lại từ tất cả phiền não bất thiện với các quả dị thục và quả dị thục tăng thượng đã dẫn phát sự vật bên ngoài sanh khởi. Như vậy, hết thảy cũng là sanh khởi nên gọi là Hữu lậu.

Lại do tất cả phiền não hệ thuộc Sắc, Vô sắc, Vô ký, đối với các cõi kia tiếp tục sanh. Sự tiếp tục sanh ấy cũng là sanh khởi nên gọi là Hữu lậu. Như thế gọi là do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp Hữu lậu có sai biệt, tức do Sự, Tùy miên, Tương ưng, Đối tượng duyên và Sanh khởi.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp Vô lậu có sai biệt. Những gì là năm?

1. Có các pháp lìa các Triền, nên gọi là Vô lậu. Nghĩa là các Sắc là đối tượng duyên, là chỗ dựa của tất cả Tâm Tâm sở thiện, Vô ký, cùng với các Tâm Tâm sở thiện, Vô ký.

2. Có các pháp đã đoạn dứt Tùy miên, nên gọi là Vô lậu. Đó là các thiện hiện có nơi Kiến đạo, Tu đạo đã vĩnh viễn dứt trừ hết thảy phiền não, cùng một phần Sắc được tạo Vô ký, hoặc các Vô ký, hoặc các Tâm Tâm sở thiện của thế gian.

3. Có các pháp do đoạn dứt nên gọi là Vô lậu. Nghĩa là tất cả Tâm Tâm sở nhiễm ô không chuyển nên gọi là Vô lậu. Do chúng không chuyển nên hiển bày về Niết-bàn, tức Niết-bàn nầy gọi là Vô lậu.

4. Có các pháp là đối trị đoạn của kiến đạo đoạn, là tự tánh giải thoát nên gọi là Vô lậu: Nghĩa là hết thảy Kiến đạo.

5. Có các pháp là đối trị đoạn của Tu đạo đoạn, tự tánh nối tiếp giải thoát. Nghĩa là hết thảy Tu đạo xuất thế gian cùng đạo Vô học.

Nên biết đó gọi là năm thứ tướng nên kiến lập các pháp Vô lậu có sai biệt.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp có tranh chấp có sai biệt:

1. Do Sự.
2. Do Nhân duyên.
3. Do Tự tánh.
4. Do Trợ bạn.
5. Do Đẳng khởi.

Ở đây, năm Thủ Uẩn gọi là Sự của pháp có tranh chấp.

Nếu Nhiễm chấp về Ái vị, đam mê về Ái vị, gọi là Nhân duyên của pháp có tranh chấp.

Nếu là tánh vô thường, tánh khổ, tánh của pháp biến hoại, gọi là Tự tánh của pháp có tranh chấp.

Tức đối với pháp có tranh chấp nầy ngu si không Trí, gọi là Trợ bạn của pháp có tranh chấp.

Do nhân duyên ấy, nên năm phẩm đen chuyển gọi là Đẳng khởi của pháp có tranh chấp.

Tham đắm, chấp trước nơi các dục các kiến sanh khởi, hoặc các chủng loại khác là phẩm Đen thứ nhất.

Hoặc tùy theo các phiền não triền hiện có, không có xấu hổ, tánh an trụ nhiều ở đấy, là phẩm Đen thứ hai.

Hoặc có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn trái nghịch với đạo chánh, mong muốn hành khổ cùng các thứ tin hiểu khác, tự nhị đói, nhảy vào lửa, rơi từ nơi sườn núi cao xuống v.v..., là phẩm Đen thứ ba.

Hoặc có kẻ thân ngữ ý hiện hành tất cả Hành ác, là phẩm Đen thứ tư.

Vui thích đối với Hữu sau, là phẩm Đen thứ năm.

Ở đây, loại thứ nhất do sanh tâm oán hận phát khởi phẫn nộ, nên trụ không an ổn. Loại thứ hai, do các phiền não thiêu đốt bên trong nên trụ không an ổn. Loại thứ ba, do tự nguyện thọ nhận hư dối các thứ khổ khó nhọc vô nghĩa, nên trụ không an ổn. Loại thứ tư, do sanh nơi nẻo Ác nên trụ không an ổn. Loại thứ năm, do các khổ như sanh lão bệnh kết hợp, nên trụ không an ổn.

Trong ấy, năm Thủ Uẩn là Sự của pháp có tranh chấp, cùng với Tự tánh, Nhân duyên, Trợ bạn, Đẳng khởi, là chỗ dựa của Cộng tướng nên gọi là pháp có tranh chấp.

Lại do năm thứ tướng nên kiến lập pháp không tranh chấp có sai biệt. Tức cùng năm pháp trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng. Ở đây, năm Thủ Uẩn là Sự của pháp không tranh.

Do tự tánh cùng nhân duyên, Trợ bạn, Đẳng khởi của tranh chấp ở trong pháp ấy không thể đạt được, nên gọi là pháp không tranh chấp.

Lại nữa, do năm thứ Tướng, nên kiến lập các pháp có nhiễm có sai biệt.

Những gì là năm Tướng? Nghĩa là Sự, Nhân duyên v.v... nói rộng như trước. Ở đây, Sự: Tức năm Hữu Thủ uẩn. Nhân duyên: Tức các pháp nhân duyên vui thích tham ái vị. Tự tánh: Tức là duyên sanh khởi vui thích thuộc về tham ái vị. Trợ bạn: Là những tham chấp hiện có đối với Ái vị. Đẳng khởi: Tức năm phẩm Đen như trước đã nói, nên biết.

Năm Thủ Uẩn là Sự, do cùng với có nhiễm và nhân duyên ấy cho đến Đẳng khởi cùng nương dựa nhau nên gọi là có nhiễm.

Lại do năm Tướng nên kiến lập các pháp không nhiễm có sai biệt. Tức cùng với các tướng trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng. Như trước đã nói về các pháp không tranh chấp, theo chỗ ứng hợp, nên nói.

Lại nữa, do năm Tướng nên kiến lập các pháp nương dựa tham đắm có sai biệt. Những gì là năm tướng? Nghĩa là Sự, Nhân duyên, Tự tánh, Trợ bạn, Đẳng khởi.

Ở đây, Sự: Là năm Thủ Uẩn hệ thuộc cõi dục.

Nhân duyên: Là thuận theo năm thứ Dục diệu của dục tham.

Tự tánh: Là dục tham hiện có của kẻ tham đắm do đấy làm duyên, do đấy làm cảnh giới.

Trợ bạn: là tác ý không như lý tương ưng với các dục phân biệt của nguyện tà vạy. Do cùng với đấy kết hợp nên gọi là tham phân biệt.

Đẳng khởi: Là năm thứ phẩm Đen như trước đã nói rộng.

Năm thủ Uẩn hệ thuộc cõi dục kia là Sự, do nhân duyên, Trợ bạn, tham đắm kia cùng với chỗ thâu nhận của Đẳng khởi, nên gọi là các pháp nương dựa tham đắm.

Lại do năm tướng nên biết đã kiến lập các pháp nương dựa xuất ly có sai biệt. Tức cùng với trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, do năm thứ Tướng nên kiến lập các pháp thế gian có sai biệt:

1. Thế gian của tất cả Sắc thanh tịnh cùng Sắc thanh tịnh được giữ lấy.

2. Thế gian của tất cả Tâm Tâm sở nhiễm ô.

3. Thế gian của tất cả Tâm Tâm sở Vô ký.

4. Thế gian của tất cả Tâm Tâm sở thiện, hoặc sẽ đoạn hoặc đã đoạn.

5. Thế gian của Sắc không thấy không đối thuộc tất cả Tam-ma-địa thế gian đã hành trì.

Lại do năm Tướng nên kiến lập các pháp xuất thế gian có sai biệt.

Đó là:

1. Đối trị do Kiến đạo đoạn trừ.

2. Đối trị do Tu đạo đoạn trừ.

3. Đối tượng giải thoát của giải thoát do Tưởng. Nghĩa là các Thanh văn, Độc giác, Bồ tát đã hội nhập nơi Huệ lý dứt hết hý luận, cùng các Tâm Tâm sở tương ưng với pháp kia.

4. Sắc không thấy, không đối của đối tượng duyên kia.

5. Đối tượng giải thoát của một phần giải thoát được đối trị. Nghĩa là các bậc hữu học. Nếu đối tượng giải thoát của sự giải thoát đã được đối trị tất cả, nghĩa là các bậc Vô học.

Lại nữa, dựa vào năm thứ thế gian, tức các thế gian kia gọi là "Các pháp đọa". Nghĩa là:

- Thế gian Hữu tình.
- Thế gian Khí (vật chất).
- Thế gian Dục.
- Thế gian Sắc.
- Thế gian Vô sắc.

Nên biết đó gọi là năm thứ Thế gian.

Lại, pháp xuất thế gian không rời vào năm thứ thế gian như thế, do đó gọi là "Các pháp không đọa".

Lại nữa, do năm Tướng nên kiến lập các pháp Hữu vi có sai biệt:

1. Đời sau chưa sanh.

2. Đời trước đã diệt.

3. Khoảng giữa các loại cùng an trụ.

4. Nhân duyên nối tiếp.

5. Quả tương tục.

Lại do năm tướng nên kiến lập các pháp Vô vi có sai biệt. Những gì là năm? Tức cùng với năm tướng trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng. Năm tướng trong ấy, diệt nơi pháp Hữu vi là chứng đắc Niết-bàn. Nếu cho Niết-bàn là có khác: Nên biết đây là hỏi không như lý, đáp không như lý, tư duy không như lý. Như vậy, nếu cho là không khác, có không khác, không phải có không phải không khác, nên biết đấy đều là Hỏi, Đáp, Tư duy không như lý. Vì sao? Vì do Niết-bàn kia chỉ là chỗ hiển bày của Hữu vi diệt, nên cùng với pháp Hữu vi về tướng là khác.

Chỉ là chỗ hiển bày của Hữu vi diệt, nếu cho là có khác: Hoặc hỏi hoặc đáp hoặc tư duy tức là Hý luận, không phải là đối tượng được Hý luận cùng với pháp Hữu vi về tướng có khác. Nếu cho là không khác: Như trước đã nói rộng, liền là Hý luận, không phải là đối tượng được Hý luận. Nói chung, như trước đã nêu về hai thứ nhân, cũng khác cũng không khác là không hợp đạo lý. Do Hữu vi diệt là chứng Niết-bàn. Nếu cho tất cả đều không thật có, nên nói không phải có không phải không khác là không hợp đạo lý.

Về nghĩa của Niết bàn: Là chỗ hiển phá của tất cả pháp Bạch Tướng của Niết-bàn: Là tướng tịch diệt, tướng không Hý luận, nên biết chỉ là tướng được chứng đắc từ bên trong.

Lại nữa, do năm tướng nên kiến lập các pháp của đối tượng duyên có sai biệt:

1. Pháp của đối tượng duyên nơi tác ý có thiện.
2. Pháp của đối tượng duyên nơi tác ý có bất thiện.
3. Pháp của đối tượng duyên nơi tác ý có Vô ký.
4. Pháp của đối tượng duyên nơi tác ý có rơi vào Giới.
5. Pháp của đối tượng duyên nơi tác ý của du già có hệ thuộc.

Ở đây, nếu tác ý thiện, là duyên nơi các pháp thiện, bất thiện, Vô ký. Như tác ý thiện, tác ý bất thiện, Vô ký nên biết cũng vậy.

Tác ý thiện, nhiễm ô Vô ký thuộc cõi dục, tức duyên nơi tất cả các pháp của ba cõi. Tác ý thiện thuộc cõi Sắc cũng duyên nơi tất cả các pháp của ba cõi.

Tác ý thiện thuộc cõi Vô sắc của phàm phu, ngoại đạo hoặc sanh hoặc định trong cõi Vô sắc, chỉ duyên nơi tất cả pháp của Tự dị, không phải là địa dưới.

Nếu Bồ tát hành Tỳ-bát-xá-na chưa được tự tại, cùng hàng Thanh Văn có Huệ rộng, hoặc các vị hữu học hoặc A-la-hán, nếu tác ý thiện thuộc

cõi Vô sắc, thì cũng duyên nơi tất cả pháp của địa dưới. Nếu các Bồ tát đã được tự tại, quyết định không sanh nơi cõi Vô sắc, do quán xét cõi ấy không thể hiện khởi các sự việc tạo lợi ích cho chúng sanh, nhân đấy thành tựu đầy đủ pháp Phật rộng lớn. Cùng có thể thành thục Hành đem lại lợi ích cho hữu tình. Nên biết đó gọi là các pháp của đối tượng duyên nơi tác ý gắn liền với cõi.

Lại nữa, nhân nơi đối tượng duyên của Tư, như nói:

Danh sáng tỏ tất cả, Không có vượt hơn danh. Do Danh một pháp nầy. Đều tùy hành tự tại.

Những lời nầy có nghĩa gì?

Nghĩa là nếu lược nói là quan sát về nhân thanh tịnh, quán xét về tự tướng, quan sát về nhân tạp nhiễm. Lại là hiển bày, chỉ rõ về Bổ-đặc- già-la vô ngã cùng pháp Vô ngã.

Ở đây, hiển bày Bổ-đặc-già-la Vô ngã: Tức là khéo nhận biết rõ về bốn Uẩn Vô sắc, có thể đoạn trừ tất cả tướng nơi cảnh giới của chính mình, thế nên gọi là có thể làm sáng tỏ tất cả.

Hiển bày, chỉ rõ về pháp Vô ngã: Là khéo nhận biết rõ về tự tánh của Biến kế sở chấp. Khéo nhận biết rõ về ngôn thuyết danh tự của thế tục, có thể dứt trừ tất cả tướng được nương dựa kia. Thế nên gọi là có thể làm sáng tỏ tất cả. Nếu vượt quá các sự tướng của Ngã thuộc bốn Uẩn Vô sắc như thế, nhất định không thể thủ đắc. Nếu vượt quá sự tướng nơi tự tánh của Biến kế sở chấp thuộc danh tự ngôn thuyết của thế tục, cũng không thể thủ đắc. Nếu đối với hai thứ ấy không khéo nhận biết rõ tức trở thành tất cả tướng nơi cảnh giới của chính mình, cùng các thứ tạp nhiễm sanh khởi tùy chuyển nơi tướng của tất cả cảnh, và những tạp nhiễm, đều là sức tăng thượng của chúng đã sanh. Lại, đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý ấy, nói như vầy:

Chấp tự tánh của pháp. Chấp tánh Ngã mà chuyển. Biết đây nên biết kia.

Do biết nên hoàn diệt.

Tác ý của Du-già hệ thuộc lược có bốn thứ đối tượng duyên:

1. Đối tượng duyên hiện bày khắp.
2. Đối tượng duyên của Hành tịnh.
3. Đối tượng duyên thiện xảo.
4. Đối tượng duyên của phiền não đã tịnh.

Các đối tượng duyên nầy, nên biết như nơi địa Thanh-văn đã biện

giải rộng. Ở đây, đối tượng duyên của phiền não đã tịnh: Nghĩa là đức Thế Tôn nói về bốn Thánh đế và chân như.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 66

Phần Nhiếp Quyết Trạch. Địa Huệ Do Tư Tạo Thành

Đoạn 2:

Lại nữa, như Đức Thế Tôn đã nói về Tánh của ba khổ.

Ở đây, thế nào là Tánh của Hành khổ? Nghĩa là phiền não nghiệp của Hữu sau đã sanh khởi các Hành, ở trong tự thể của chúng, có thể tùy thuận sanh Tất cả phiền não cùng với các khổ hiện có đã được an lập. Hết thảy biến hành thuộc về thô trọng, cũng gọi là thô trọng, là Tánh của Hành khổ. Dựa nơi Hành khổ ấy, Đức Phật Thế Tôn đã lược nói về năm thủ uẩn, đều gọi là khổ.

Lại, Hành khổ này là biến hành tất cả, hoặc trong lạc thọ hoặc trong khổ thọ, hoặc trong thọ không khổ không lạc. Nhưng ở trong thọ không khổ không lạc, tánh thô trọng ấy hiển hiện phân minh, thì nên chỉ nói thọ không khổ không lạc do Hành khổ nên khổ. Ở trong khổ thọ lạc thọ, hai pháp Ái, Sân nhiễu loạn Tâm, nên khổ của thô trọng này không phải dễ có thể biết rõ. Ví như ung nhọt nóng bức nếu dùng vật lạnh đắp lên tức sanh tưởng lạc. Nếu có tro nóng rơi lên trên ấy liền sanh tưởng khổ. Nếu cùng lìa cả hai, thì bấy giờ ung nhọt nóng bức kia chỉ có tự Tánh của ung nhọt là khổ hiển hiện phân minh. Như thế đối với phiền não nghiệp đã sanh các Hành thuộc về thô trọng hiện có đã được an lập, cũng giống như ung nhọt nóng bức kia.

Các lạc thọ hiện có trong Tánh của Hành khổ như vật lạnh được đắp lên ung nhọt kia. Các khổ thọ hiện có thì như tro nóng rơi lên trên ung nhọt đó. Các thọ không khổ không lạc hiện có như tự Tánh khổ của ung nhọt khi lìa hai tiếp xúc kia.

Lại, trong lạc thọ sanh nhiều nhiễm chấp, thế nên gọi là chỗ tùy

Tăng của tham kia. Ở trong khổ thọ, sanh nhiều giận ghét, vì vậy gọi là chỗ tùy tăng của giận kia. Đối với thọ không khổ không lạc đã hiển hiện thuộc về thô trọng, trong tự thể của Hành hiện có đã an lập. Nơi tánh vô thường đã điên đảo chấp là thường. Nơi Tánh của các khổ, điên đảo chấp

là vui. Đối với tánh bất tịnh, điên đảo chấp là tịnh. Đối với tánh vô ngã, điên đảo chấp là ngã. Do đó, nói thọ không khổ không lạc kia là chỗ tùy Tăng của vô minh.

Lại, các kẻ phàm ngu ở trong lạc thọ sanh nhiều chấp trước. Do nhân duyên này nên ở trong hiện pháp thân hành theo hành ác, ngữ hành theo hành ác, ý hành theo hành ác, thân hoại mạng chung, nói rộng cho đến sanh nơi Na-lạc-ca. Lại do yêu thích hữu hậu nên có thể chiêu cảm các khổ như sanh v.v… nơi vị lai. Như thế, lạc thọ là chỗ dựa của tham, nên có thể sanh các khổ nơi năm nẻo trong vị lai.

Lại, đối với khổ thọ khởi nhiều Tâm giận. không thuận theo chỗ mong muốn nên khi tiếp xúc với các sự khổ, liền sanh vô số sầu não oán than cho đến mê loạn. Do nhân duyên ấy nên hành theo ba hành ác, bị đọa vào các nẻo ác. Như thế, khổ thọ là chỗ dựa của sân giận, nên có thể chiêu cảm các khổ của hiện pháp và hậu pháp.

Lại, ở trong thọ không khổ không lạc sanh nhiều Tâm điên đảo, như trên đã nói. Đối với hai thứ khổ, là khổ do tham dựa nơi lạc thọ sanh khởi và khổ do sân dựa nơi khổ thọ sanh khởi, đã sanh tư không xả, khởi hành không xả. Do đó, tuy có rất nhiều phiền não cùng tùy phiền não, nhưng Đức Thế Tôn chỉ lập ba thứ phiền não căn bản, là tham sân si. Dựa nơi mật ý này, Đức Thế Tôn nói: Nên quán lạc thọ là pháp của các khổ. Nên quán khổ thọ cũng như mũi tên độc. Nên quán thọ không khổ không lạc, Tánh là vô thường, là pháp có hoại diệt. Nếu có thể quán như thật về Tánh vô thường, thì lần lượt có thể đoạn trừ tất cả điên đảo. Các hành như thế là sự của đệ nhất nghĩa Khổ Thánh đế. Quán Tất cả Thánh Hiền Thánh Trí rồi, ở trong các thủ uẩn hết sức tịch tĩnh của đệ nhất Hữu hãy còn không vui thích nguyện mong, huống hồ là trong cõi Na-lạc-ca xấu kém.

Lại nữa, tức ở đây có thể sanh các hành nghiệp cũng phiền não của Hữu sau. Do đạo lý tướng là Tập Thánh đế, nên trong kinh Đức Thế Tôn đã căn cứ nơi đạo lý thù thắng, chỉ hiển bày về ái.

Lại nữa, thô trọng của phẩm phiền não này đã vĩnh viễn diệt trừ, là Diệt đế đã được lập của Niết-bàn hữu dư y Tăng thượng.

Lại, nhân đã vĩnh viễn đoạn trừ nên nơi vị lai không sanh, cùng nhân thọ dụng của đời trước đã dứt hết, tức các hành của hiện tại tự nhiên tàn diệt, là Diệt đế đã an lập của Niết-bàn Vô dư y Tăng thượng.

Lại nữa, nếu có thể chứng giải chánh kiến hiện có của đệ nhất nghĩa đế cùng chánh kiến là đứng đầu nơi Tất-ca thánh đạo, đó gọi là Đạo đế.

Lại nữa, nhằm khiến cho hành giả đối với Khổ nhận biết khắp, đối

với Tập vĩnh viễn đoạn dứt, đối với Diệt Tác chứng, đối với Đạo tu Tập, nên lược kiến lập các tướng của Thánh đế. Nếu kiến lập rộng, nên biết về tướng là vô lượng vô biên.

Lại khiến nhận biết rõ về tướng thô của Khổ đế dùng làm chỗ dựa, dần dần có thể hướng nhập nơi tướng vi tế của đế, nên trước tiên thiết lập các khổ như sanh v.v…, sau mới hiển bày năm thủ uẩn là khổ. Lại nữa, do năm tướng nên kiến lập các pháp nhận giữ có sai biệt.

Đó là:

1. Đoạn thực.

2. Xúc thực.

3. Ý tư thực.

4. Thức thực.

5. Mạng căn.

Nếu là đoạn thực thô, thì ở trong năm nẻo của cõi Dục đều hiện có thể đạt được. Nơi một phần ấy đều riêng đối với Na-lạc-ca, không phải Đại Na-lạc-ca. Các thứ thực còn lại và mạng căn là hiện hữu khắp trong ba cõi đều hiện có thể đạt được. Do nơi các hành giả lập hữu tình, vậy nên Đức Thế Tôn nói các pháp này nhận giữ hữu tình khiến trụ không hoại.

Hỏi: Có bảy nhân duyên nhận giữ các hành khiến trụ không hoại. Vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói hữu tình do thực (ăn) mà trụ. Những gì là bảy nhân duyên?

1. Sanh là nhân trụ của các hành. Do các hành sanh mới được có trụ, không có không sanh mà có trụ.

2. Mạng căn.

3. Thực (ăn).

4. Tâm tự Tại thông. Do uy lực của pháp này đã Tăng thêm các hành của thọ mạng, hoặc trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp.

5. Nhân duyên hòa hợp, là nhân trụ của các hành, nghĩa là các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Cho đến nhân duyên vẫn chưa Tan hoại, thì nơi từng ấy thời gian luôn nối tiếp mà trụ không có đoạn dứt.

6. Do Tác ý thiện, bất thiện, vô ký dẫn phát nghiệp trước có thể dẫn dắt các hành niệm trụ không dứt. Đó là chỗ sanh khởi của nghiệp phần ngoài chung không chung.

7. Không có các chướng ngại. Là nhân trụ của các hành. Do đấy có thể khiến cho các hành khi sanh không có nhân duyên chướng ngại. Các hành sanh rồi, tương tợ nối tiếp mà trụ, xa lìa nhân duyên trái nhau, hư hoại.

Nếu không như thế thì đều phải biệt hoại.

Đáp: Tuy do bảy thứ nhân duyên như thế nên các hành được trụ, nhưng bốn thứ thực ấy là nhân duyên trụ của các hành chiếm phần nhiều vì do vô số môn có thể khiến các hành nối tiếp mà trụ.

Lại, các thứ thực này có thể khiến cho hữu tình nối tiếp mà trụ, dễ nhận lấy, dễ nhập, cho đến kẻ phàm ngu, trẻ con cũng có thể biết được, không phải như các pháp khác.

Lại, các thứ thực ấy có thể khiến cho đại chủng của các căn bị suy tổn đều được Tăng ích. Lại khiến cho Tật bệnh cũng được trừ khỏi, không phải là các pháp khác.

Lại có các loại hữu tình sống lâu, nếu không được thực thì trong phi thời sẽ mạng yểu.

Lại, các thứ thực này khiến dễ vào đạo, có thể tu bốn thứ niệm trụ như thân v.v… Tất cả hữu tình do thực nên trụ, vì vậy do năm thứ nhân duyên ấy, Đức Thế Tôn chỉ nói hết thảy hữu tình do thực mà trụ. Do đâu lại nói nương dựa nơi mạng căn các hành được sanh? Nghĩa là có xứ ấy từng không ăn uống, có chỗ thiếu thốn, không phải cầu về ăn uống, có chỗ gian khó. Đối với nơi chốn kia, chỉ do uy lực của mạng căn mà trụ, như chỗ chiêu cảm về thọ lượng mà trụ. Vì thế, Đức Thế Tôn dựa nơi xứ sở kia, nói các hữu tình do mạng căn nên các hành được trụ.

Lại nữa, ở đây, đoạn thực nên nói là thuộc về xứ hương, vị xúc. Vì sao? Vì do hương vị xúc tiêu biến đúng đắn liền có thể nuôi lớn, không tiêu biến đúng đắn nên là tổn giảm. Các pháp khác như sắc không có tiêu biến để nuôi lớn, tổn giảm. Do đó nói sắc kia không phải là Tánh của đoạn thực. Nếu các vật của đoạn thực, nơi lúc mới nuốt vào khiến Tâm hoan hỷ, các căn vui thích, nên biết bấy giờ không gọi là đoạn thực, chỉ gọi là xúc thực. Nếu thọ dụng rồi, tiêu biến an ổn, hỷ lạc Tăng trưởng, thì khi tiêu biến mới gọi là đoạn thực. Nếu có vật thọ thực đã tiêu biến xong, nhưng không thể nuôi lớn các căn an lạc, thì sự thọ dụng kia tuy đã tiêu biến xong, nhưng không gọi là đoạn thực. Hoặc các vật của đoạn thực khi mới nuốt vào không sanh hoan hỷ, cũng không thể khiến cho các căn thích thú, nên biết bấy giờ đều không gọi là thực. Tức nơi thời gian sau khi ăn xong, tiêu biến rồi, an ổn, Tăng trưởng an lạc, thì sự ăn kia, lúc này mới gọi là đoạn thực. Nếu có tiêu biến xong, không Tăng trưởng an lạc thì sự thọ dụng ấy tuy đã tiêu biến rồi, cũng không gọi là ăn.

Hỏi: Nếu có vật của đoạn thực thì cũng là thực chăng? Nếu như là thực thì cũng là vật của đoạn thực chăng?

Đáp: Như chỗ thích ứng, nên Tạo bốn trường hợp:

1. Hoặc có vật của đoạn thực mà không phải là thực. Nghĩa là các vật của đoạn thực không thể nuôi lớn đại chủng của các căn.

2. Hoặc có trường hợp là thực, mà không phải là vật của đoạn thực. Nghĩa là nếu có xúc, ý tư và thức có thể khiến cho đại chủng của các căn được nuôi lớn.

3. Hoặc có trường hợp là thực, cũng là vật của đoạn thực. Nghĩa là các vật của đoạn thực có thể khiến cho đại chủng của các căn được nuôi lớn.

4. Hoặc không phải là vật của đoạn thực, cũng không phải là thực. Nghĩa là như có xúc, ý tư và thức không thể nuôi lớn đại chủng của các căn.

Như thế, phần còn lại, từ xúc cho đến thức, tùy theo chỗ ứng hợp, đều Tạo bốn trường hợp.

Lại nữa, hoặc pháp có dị thục, hoặc pháp dị thục, hoặc pháp do dị thục sanh, đều nên nhận biết rõ.

Lược nói pháp có dị thục: Nghĩa là lậu cùng hữu lậu. Chúng cần có sức, không bị tổn hại, thọ dụng chưa hết, nên biết đó gọi là pháp có dị thục.

Ở trong các lậu, nếu là bất thiện gọi là "có sức". Hữu phú vô ký gọi là "không sức". Ở trong hữu lậu, nếu là thiện, bất thiện, gọi là "có sức", phần còn lại gọi là "không sức". Nếu lậu và hữu lậu được hai đạo thế gian, xuất thế gian lìa dục đoạn trừ, gọi là "Bị tổn hại". Cùng với đây trái nhau, gọi là không tổn hại.

Nếu quả dị thục của đời quá khứ đã thành thục, gọi là thọ dụng đã hết. Quả dị thục kia đã là quá khứ nên lại không thật có. Nếu đời vị lai sẽ nhận lấy quả dị thục, hoặc quả dị thục của đời hiện tại đang hiện tiền, thì gọi là thọ dụng chưa hết. Do sai biệt này, nên lậu, hữu lậu cần theo như chỗ ứng hợp. Nếu thiện, bất thiện chưa bị trị đoạn, quả dị thục kia không phải trước đã "thục", như thế mới gọi là pháp có dị thục. Nếu các vô lậu, hữu lậu vô ký, hoặc hữu lậu thiện, bất thiện đã đoạn, hoặc quả dị thục kia đã thành thục, như thế đều gọi là pháp không dị thục.

Lại, khi lâm chung, Tâm của niệm sau cùng là pháp dị thục. Hoặc Tâm của kết sanh tương tục không gián đoạn cũng là dị thục. Từ đấy về sau, tất cả Tâm trụ của tự Tánh hiện có đều là dị thục. Trừ thiện, nhiễm ô, cùng trừ Tâm vô ký của gia hạnh, phần còn lại đều gọi là Tâm trụ của tự Tánh. Nếu Tâm lìa dục vẫn cố tùy chuyển, trừ thiện của địa dưới và Tâm vô ký của gia hạnh, nên biết Tâm ấy cũng là dị thục.

Lại, dị thục này đối với tất cả xứ, nên nói chỉ là vô phú vô ký. Nếu từ tất cả dị thục của chủng tử, trừ pháp chưa được đã đoạn, tự chủng tử còn lại là nhân đã sanh. Nếu là thiện, bất thiện hoặc lại vô ký, tất cả như thế nên biết đều gọi là pháp do dị thục sanh.

Lại nữa, tất cả xứ nơi Tâm mất sau cùng, và Tâm thứ nhất thứ hai tương tục theo đấy, ở trong ba cõi, nên biết chỉ có thọ không khổ không lạc. Trừ Tâm tương tục thứ nhất, nên biết thọ này nơi tất cả xứ là thuộc về dị thục. Khổ thọ lạc thọ còn lại nên biết đều là do dị thục sanh. Như chủng tử kia thuộc về dị thục, tức theo nhân ấy duyên ấy là nhân duyên, nên từ dị thục sanh sanh nơi các loài hữu tình của Na-lạc-ca. Dị thục vô gián sanh có dị thục là khổ ưu nối tiếp. Như sanh nơi Na-lạc-ca, hoặc sanh một phần trong Ngạ quỷ và Bàng sanh, nên biết cũng thế. Hoặc sanh trong loài người cũng các cõi trời thuộc Dục giới, không có dị thục vô gián quyết định, hoặc có lúc khổ ưu, hoặc có khi lạc hỷ, hoặc có khi chỉ có thọ không khổ không lạc, mắt nối tiếp sanh. Nếu sanh nơi Tĩnh lự 1, 2, dị thục vô gián chỉ là dị thục sanh, hỷ thọ tương tục. Nếu sanh nơi Tĩnh lự 3, chỉ là dị thục sanh, lạc thọ nối tiếp. Hoặc sanh nơi Tĩnh lự 4 trở lên, chỉ có dị thục nơi thọ không khổ không lạc. Do đó nên biết tức thọ này đối với xứ kia gọi là dị thục sanh, thuộc về hỷ lạc rộng lớn. Các nghiệp thiện không khổ không lạc kia, lúc đang hiện tiền, cũng gọi là dị thục khả ái. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là dị thục không khả ái.

Lại nữa, nghiệp của dị thục trắng trắng đạt được quả dị thục vô phú vô ký, hoàn toàn là thọ đáng yêu thích, thọ thuộc về chủng tử, nên biết hoàn toàn là đáng yêu thích, hợp ý.

Nghiệp của dị thục đen đen, nên biết là trái với đây. Nghiệp của dị thục đen trắng cùng có, hai thứ chủng tử đã gắn liền, quả dị thục đạt được nên biết cũng có hai thứ thọ do dị thục sanh.

Lại, nghiệp đen trắng loại sanh kiến lập sai biệt. Nghĩa là nơi xứ ấy đen trắng cùng có, tức nghiệp của xứ này lập chung là đen trắng.

Lại do sự nên kiến lập sai biệt. Nghĩa là như có một hữu tình, nơi một sự nơi một thời gian khởi Tâm tạo lợi ích mà hiện tiền. Tức ở nơi sự ấy, lại vào một thời gian khởi Tâm không tạo lợi ích mà hiện tiền. Hoặc đoạt lấy vật của kẻ khác mà hành huệ thí. Như thế nên biết, do sự nên chỗ kiến lập có sai biệt.

Lại do tự Tánh nên kiến lập nghiệp cùng có đen trắng như vậy. Nghĩa là như có một hữu tình, ở một nơi chốn hứa tạo lợi ích, tức do sự khác nên lại ở một nơi chốn Tạo Tác không lợi ích.

Ví như có một hữu tình, ở nơi trú xứ của kẻ bạo ngược tạo ác, phát sanh tư duy sân hận cùng hành, không hỷ đối với kẻ ác kia, nên biết tư duy này là san cùng hành, nên rơi vào trong phần đen. Không hỷ lạc đối với kẻ ác kia cùng hành, nên rơi vào trong phần trắng. Do đó, nghiệp này gọi là đen-trắng. Như vậy, chủng loại còn lại cũng thế.

Lại nữa, nếu chủng tử hiện có của các pháp thiện bất thiện vô ký chưa bị tổn hại, thì tất cả pháp kia, đều do nhân sanh khởi có thể sanh, nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trước đã tạo các nghiệp phiền não, ở trong ba cõi, quả dị thục đã thục, thì quả dị thục này do nhân dẫn phát của nghiệp phiền não, nên gọi là pháp có nhân.

Lại do nhân dẫn phát của ba xứ đang hiện tiền, nên sanh trong thai sanh, nên biết đây cũng gọi là pháp có nhân.

Ẩm thấp hòa hợp nên sanh trong thấp sanh. trứng bọc giấu nên sanh trong noãn sanh, nên biết cũng thế.

Lại, sáu thức thân do từ nhãn sắc cho đến ý pháp là nhân đồng sự của duyên Tăng thượng, nên gọi là pháp có nhân.

Lại có các Tâm Tâm sở câu sanh, cùng lần lượt là nhân đồng sự, nên gọi là pháp có nhân.

Lại, pháp bất thiện do gần với bạn ác, nghe pháp không chân chánh, là nhân dẫn phát của tư duy không chân chánh, nên gọi là pháp có nhân. Nên biết ba thứ nhân dẫn phát, cùng với đây trái nhau, nên tất cả pháp thiện gọi là pháp có nhân.

Lại, trụ nhiễm ô sanh tinh tấn tà vạy, lao nhọc không quả, sanh trụ ưu khổ, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trụ không nhiễm ô sanh tinh Tấn chân chánh, lao nhọc có quả, sanh trụ hỷ lạc, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, đạo thế gian hướng đến lìa dục, cùng có thể dẫn phát Tĩnh lự vô sắc, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trong hiện pháp, Tĩnh lự vô sắc, đẳng chí là chỗ dựa, như chỗ ứng hợp, sanh đến địa trên, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, pháp thế gian dẫn khởi pháp xuất thế gian, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, pháp xuất thế gian thuộc về Thánh đạo, có thể chứng đắc Niết-bàn. Sự chứng đắc ấy do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Do đã nói về các tướng như thế, nên biết là đã kiến lập các pháp có nhân.

Lại nữa, ở đây pháp của nhân sanh khởi có thể sanh, chúng do đều có quả đẳng lưu riêng, nên gọi là pháp có quả.

Nếu các nghiệp cùng phiền não của Hữu sau, chúng do đều có quả dị thục riêng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc có ba xứ đang hiện tiền, hoặc ẩm thấp hòa hợp đang hiện tiền, hoặc trứng bọc giấu, hoặc nhãn sắc v.v…, hoặc các Tâm Tâm sở kia cùng sanh, hoặc gần gũi với bạn ác, hoặc thân cận với bạn thiện v.v…, tất cả hai thứ ba pháp như thế đều do có riêng quả Tăng thượng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc trong hiện pháp, trụ nhiễm ô sanh tinh tấn tà vạy, lao nhọc không quả, sanh trụ ưu khổ. Hoặc trong hiện pháp, trụ không nhiễm ô, sanh tinh tấn chân chánh, lao nhọc có quả, sanh trụ hỷ lạc, tất cả như thế đều do có riêng quả sĩ dụng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc đạo thế gian hướng đến lìa dục sanh, chúng do quả ly hệ tăng thượng, nên gọi là pháp có quả.

Lại có thể dẫn sanh đạo xuất thế gian cùng có thể chứng đắc Thánh đạo xuất thế gian là Niết-bàn, chúng do quả ly hệ Tăng thượng nên gọi là pháp có quả. Nghĩa là do quả ly hệ rốt ráo, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc đạo thế gian, không phải do quả ly hệ rốt ráo, nên gọi là pháp có quả. Nên biết đó gọi là hai đạo sai khác.

Do đã nói về các tướng như thế, nên biết là đã kiến lập tướng sai biệt của các pháp có quả. Nghĩa là, theo chỗ ứng hợp lập quả Đẳng lưu, hoặc quả Dị thục, hoặc quả Tăng thượng, hoặc quả sĩ dụng, hoặc quả ly hệ.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là kiến lập pháp không có nhân, pháp không có quả.

Lại nữa, pháp duyên sanh, nghĩa là pháp không có chủ tể, không có tác giả, như trong phần quyết trạch về duyên khởi thiện xảo thuộc ý địa ở trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, lược do năm nhân, nên biết đã kiến lập pháp nội có sai biệt. Do nhân ấy nên gọi là nội. Những gì là năm nhân?

1. Giả danh.
2. Vọng chấp.
3. Tăng thượng.
4. Thâu nhận chủng tử.

5. Sự.

Nếu ở nơi xứ này, giả tưởng kiến lập chủng loại như thế. Tức như lập là ngã, hoặc lập hữu tình, chúng với tên gọi như vậy, sanh loại như vậy, nói rộng cho đến thọ lượng như vậy. Như thế gọi là do giả danh nên nói là pháp nội.

Hoặc nơi xứ này vọng khởi chủng loại như thế để chấp trước. Tức như chấp là ngã hoặc khởi ngã mạn. Như vậy gọi là do vọng chấp nên nói là pháp nội.

Hoặc do sức Tăng thượng của pháp ấy, nên ngoại xứ như sắc, thanh v.v… sanh sai biệt làm chỗ thọ dụng. Như thế gọi là do Tăng thượng nên nói là pháp nội.

Hoặc có thể thâu nhận chủng tử của các pháp thiện bất thiện vô ký, như thế gọi là do thâu nhận chủng tử nên nói là pháp nội.

Hoặc năm thứ sắc thanh tịnh, hoặc Tâm ý thức, như thế gọi là do sự nên nói là pháp nội.

Lại có giả danh, nên kiến lập pháp khác là nội có thể đạt được. Vì sao? Vì những thứ thuộc về ngoại xứ, nội có thể đạt được, cũng gọi là nội.

Lại nữa, nên biết năm uẩn thuộc về danh sắc. Vì sao? Vì do các xứ kia tăng trưởng có thể đạt được. Tiếp xúc bằng tay chân đất đá v.v… tức liền biến hoại. Do đó, sắc uẩn gọi là sắc, bốn uẩn còn lại, do vô số danh nêu đặt uy lực, do vô số danh thiết lập làm chỗ dựa, phần nhiều ở nơi đối tượng duyên kia lưu chuyển, hướng đến. Thế nên bốn uẩn vô sắc như vậy gọi là danh.

Lại nữa, lược do năm tướng nên kiến lập các pháp chấp thọ có sai biệt. Những gì là năm? Đó là:

Nghĩa là, đầu tiên chỉ có sắc gọi là chấp thọ. Nên biết lời ấy là nhằm ngăn chặn Tâm Tâm sở, vì chúng không phải là chấp thọ.

Lại, ở trong sắc, nội căn hiện có, thuộc về chỗ dựa của căn, gọi là chấp thọ. Nên biết lời này là nhằm ngăn chặn bên ngoài không thuộc sắc căn, vì chúng chẳng phải là chấp thọ.

Lại, Tâm, Tâm sở nhận giữ không xả bỏ, gọi là chấp thọ. Nên biết câu này là nhằm ngăn chặn phần dựa thuộc về căn như tóc, lông, móng v.v…, cùng ngăn chặn phần nội thân hiện có sau khi chết, vì chúng không phải là chấp thọ.

Lại, sắc chấp thọ do chỗ biến dị của bốn nhân duyên, nên gọi là chấp thọ. Những gì là bốn?

1. Do ngoại sắc bức xúc.

2. Do nội giới trái nhau với chỗ dẫn phát bình đẳng.

3. Do các phiền não triền như tham sân v.v…, hiện hành nhiều.

4. Do cảnh của đối tượng duyên được xét lường kỹ. Tức là do ngoại sắc có thể tổn não, thì sắc có chấp thọ hiện tiền bức não, tức liền sanh khổ, sanh bi, sanh não. Nếu có ngoại sắc có thể Tạo lợi ích, thì sắc có chấp thọ hiện tiền xúc đối, tức liền sanh lạc, an ổn, lợi ích. Hoặc có nội giới lại cùng trái nhau, liền sanh khổ não. Chúng nếu bình đẳng thâu nhận an lạc.

Lại, nếu phiền não như tham v.v… não loạn, tức liền sanh khổ, phát khởi giận dữ mãnh liệt. Lại, cảnh nơi đối tượng duyên của xét lường kỹ Tà vạy, hoặc cảnh nơi đối tượng duyên được xét lường kỹ, đúng đắn, liền khởi khinh an hỷ lạc thâu nhận.

Lại, vì tổn hại hoặc vì tạo lợi ích, nên gọi là biến dị. Như thế, hoặc sắc, hoặc nội, hoặc Tâm Tâm sở nhận giữ không xả, hoặc duyên như thế khiến thành biến dị, đó gọi là các pháp chấp thọ có sai biệt. Cùng với đây trái nhau, nên biết đó gọi là pháp không chấp thọ.

Lại nữa, nếu bốn đại chủng cùng đại chủng tạo nên, nên biết đấy chỉ gọi là pháp có sắc.

Hỏi: Như bốn đại chủng do chủng tử của chính mình mới được sanh khởi, sắc được tạo cũng thế. Do đâu nói là các sắc được tạo là do đại chủng tạo ra?

Đáp: Nếu các sắc căn cùng trong Tâm có chủng tử của các đại, chúng gắn liền, tức có chủng tử của sắc được tạo gắn chặt. Nếu chủng tử hiện có của các đại chủng, lúc có thể sanh quả, bấy giờ tất định có thể gắn liền, và chủng tử của sắc được tạo kia cũng sanh tự quả, nên nói là sắc được tạo do đại chủng tạo. Chủng tử của đại chủng gắn liền với sắc căn, gọi là có phương sở. Chủng tử của đại chủng tùy theo căn vô sắc, gọi là không có phương sở.

Lại, các đại chủng lược có hai loại:

1. Chỉ thuộc về cõi.

2. Có thể Tạo tự nghiệp.

- Chỉ thuộc về cõi: Nghĩa là chủng tử hiện có của các đại chủng.

- Có thể Tạo tự nghiệp: Nghĩa là từ tự chủng tử đã sanh khởi đại chủng.

Lại, các đại chủng cùng với sắc được tạo, cùng thời mà có, cùng không lìa nhau. Do chủng loại nhân kia được thành, như một khối vị lại

cùng lan nhập khắp Tất cả xứ, không phải như một đống hạt lúa hay một viên ngọc ma-ni.

Lại, ở trong toàn bộ tụ sắc chắc chắn, chỉ có địa giới có thể tạo nghiệp dụng. Hoặc nơi cõi Dục cũng có giới sắc hương vị tạo nghiệp. Ở trong cõi sắc, chỉ có giới sắc là có thể tạo nghiệp dụng. Các giới Thủy, Hỏa, Phong cùng với giới Thanh, chỉ có chỗ gắn liền của chủng tử, lại đợi duyên khác mới có thể tạo nghiệp. Như thế, ở trong tụ danh tưởng của Thủy Hỏa Phong, như chỗ ứng hợp thứ lớp cũng vậy.

Trong tụ của nội sắc, tất cả các Giới như địa v.v… tạo nghiệp đầu có thể đạt được đầy đủ. Nghĩa là có vô số sai biệt như tóc, lông v.v… nói rộng như nơi kinh. Nên biết, bên ngoài có được đều có riêng các tụ như địa v.v… Chúng nếu gặp được các duyên sai biệt như thế như thế, tức liền có thể tạo quả pháp sinh nhân như vậy như vậy. Ví như khéo léo dùi xát nơi gỗ khô tức liền sanh lửa. Lại như các vật bạch lạp, chì, thiếc, vàng, bạc được nung chảy tức thành nước.

Lại nữa, như nơi địa năm thức thân tương ưng đã nói Tánh trơn nhám v.v… thuộc về xúc xứ, nên biết đều là chỗ sai biệt của đại chủng, tùy theo phẩm loại của đại chủng như thế mà phần vị có sai khác. Như chỗ ứng hợp đối với bốn đại chủng nêu đặt giả gọi là Tánh trơn nhám v.v… Do đó nên biết đều là giả có.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Xúc nghĩa là ngoại xứ, hoặc bốn đại chủng, hoặc bốn đại chủng tạo ra, có sắc, không thấy, có đối, là có mật ý gì chăng?

Đáp: Các đại chủng này nên biết có thể sanh hai thứ sắc tạo:

1. Tự loại sai biệt.

2. Dị loại sai biệt.

- Sắc tạo tự loại sai biệt: Tức các thứ trơn nhám v.v… do đại chủng tạo. Do nhân như thế, duyên như thế. Các đại chủng này mỗi mỗi thứ đều biến dị sai biệt mà sanh, đối với chúng giả nói về Tánh trơn nhám v.v… với vô số sai biệt.

- Sắc tạo dị loại sai biệt: Là năm sắc xứ nội như nhãn, nhĩ v.v… bốn sắc xứ ngoại và một phần phán xứ, chỉ trừ xúc xứ. Đức Thế Tôn dựa nơi sắc được tạo của tự loại sai biệt kia, nên nói là hoặc bốn đại chủng đã tạo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có sắc không thấy không đối, nên nói là những đại chủng nào đã tạo?

Đáp: Nếu Tâm định kia tư duy về các pháp có sắc thuộc cõi Dục,

sanh khởi ảnh tượng, nên nói là đại chủng của cõi Dục đã tạo. Nếu Tâm định kia tư duy về các pháp có sắc thuộc cõi Sắc, sanh khởi ảnh tượng, nên nói là đại chủng của Sắc giới đã tạo. Nơi pháp của sắc do đại chủng đã tạo ấy, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

Lại nữa, thế nào là pháp có? Nghĩa là tất cả pháp thế gian gọi là pháp có.

Hỏi: Pháp thiện thế gian như A-la-hán v.v… là thế gian nên tức thuộc về có. Do nhân duyên nào nên nói là vô lậu?

Đáp: Rơi vào ba hữu nên gọi là thuộc về có. Các tùy miên lậu đã vĩnh viễn giải thoát nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Thế nào là pháp hữu lậu? Đó là ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian. Đây là có mật ý gì?

Đáp: Đức Thế Tôn đã dựa vào ý pháp cùng với ý thức của thế gian chẳng đoạn, nên đoạn kia, nên nói như vậy. Ở đây, Đức Thế Tôn nói nhiều thứ hữu, nghĩa là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Chúng được kiến lập rộng như nơi địa huệ do văn tạo thành, phần Phật chỉ dạy về xứ nên nhận biết.

Lại nữa, thế nào là pháp hữu thượng? Nghĩa là trừ Niết-bàn, hết thảy pháp còn lại. Do năm nhân duyên nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng:

1. Tập đế đã tịch diệt.
2. Khổ đế đã tịch diệt.
3. Lìa mọi sợ hãi tai họa, bệnh tật, đạt an ổn lớn.
4. Đối tượng duyên của hiện pháp lạc trụ vô thượng, nghĩa là trụ vô tướng.
5. Thường trụ rốt ráo với nghĩa an lạc không hư dối.

Năm nhân như thế không phải ở nơi xứ khác tập hợp chung có thể đạt được. Chỉ đối với Niết-bàn là tất cả có thể đạt được. Do đó nói Niết-bàn là pháp vô thượng.

Lại nữa, thế nào là pháp nên tu? Nghĩa là tất cả pháp hữu vi thiện.

Ở đây nên biết lược có bốn thứ tu:

1. Tu đắc.
2. Tu tập.
3. Tu trừ bỏ.
4. Tu đối trị.

Nếu pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh nên tác ý tu tập, đó gọi là tu đắc.

Pháp thiện đã sanh, khiến trụ không quên, cho đến nói rộng, đó gọi là tu tập.

Pháp bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ nên tác ý tu tập, đó gọi là tu trừ bỏ.

Pháp bất thiện chưa sanh, vì khiến chúng không sanh nên đối với các môn đối trị như chán bỏ tác ý tu tập, đó gọi là tu đối trị.

Nên biết trong đây, từ tác ý biết rõ tướng cho đến tác ý thắng giải, gọi là tu đối trị chán bỏ. Từ tác ý xa lìa cho đến tác ý phương tiện cứu cánh, gọi là tu đối trị đoạn trừ.

Từ đây trở lên, tức tất cả bảy thứ tác ý ấy, tùy nơi địa thù thắng thuộc về địa trên, nên biết hết thảy gọi là tu đối trị phần xa. Bốn thứ tu này, tất cả gọi chung là hai thứ tu:

1. Tu phòng hộ thọ trì.
2. Tu Tác ý tư duy.

Ở đây, tu thân gọi là tu phòng hộ. Tu giới gọi là tu thọ trì. Nếu tu tác ý nơi địa Tĩnh lự, hoặc tu tác ý nơi địa Đế trí, gọi chung là tu tác ý tư duy, trong ấy, tu tác ý thứ nhất gọi là tu Tâm, tu tác ý thứ hai gọi là tu huệ.

Lại nữa, thế nào là pháp quá khứ? Nghĩa là nhân đã thọ hết, tự Tánh đã diệt, vô gián làm duyên để sanh pháp khác. Trừ Tâm sau cùng của A-la-hán đã huân Tập nối tiếp, tuy là đã diệt, nhưng trải qua trăm ngàn kiếp, vẫn có thể khiến cho dị thục của quả ái không ái kia sẽ thành thục.

Như chỗ lãnh nhận các sự quá khứ, hoặc một sự chỉ có thể sanh khởi nhớ nghĩ, hoặc lại có một sự không sanh nhớ nghĩ chỉ diệt chỗ hiển bày không có Tác dụng. Đó gọi là các pháp quá khứ có sai biệt.

Pháp quá khứ này lược do năm tướng, nên biết đã kiến lập sự có sai biệt. Những gì là năm? Đó là:

- Hoặc có pháp quá khứ của sát-na. Nghĩa là ở trong tất cả hành của sát-na, là các hành hiện có của sát-na trở về sau.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ chết mất. Nghĩa là các loại hữu tình kia, chúng đồng phận đã mất, nói rộng cho đến lúc chết và Tạo Tác.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ của kiếp hoại. Nghĩa là thuộc về khí thế gian, do Tai họa như lửa đã hủy hoại hết thảy.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ thối chuyển mất. Nghĩa là như có một hữu tình đối với trụ an lạc của các công đức thiện đã được từ trước, theo loại thối chuyển mất.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ Tận diệt. Nghĩa là Tận diệt hiện có trong

cảnh giới Niết bàn Hữu dư y và Vô dư y.

Lại nữa, thế nào là pháp vị lai? Nghĩa là nhân chưa thọ, tự Tánh chưa thọ, đợi duyên sẽ sanh, cùng khởi hiện tiền. Hoặc sẽ sanh gần, hoặc sẽ sanh xa, cũng do năm tướng nên kiến lập có sai biệt. Đó là:

1. Vị lai của sát na.
2. Vị lai của một đời.
3. Vị lai của kiếp thành.
4. Vị lai của hiện hành.
5. Vị lai nên đạt được.

Lại nữa, thế nào là pháp hiện tại? Nghĩa là nhân đã thọ dụng, tự Tánh thọ dụng chưa hết. Sát-na trở về sau quyết định hoại diệt tất cả tạp nhiễm đã hiển bày, một phần thanh tịnh đã hiển bày. Cũng do năm tướng nên kiến lập có sai biệt:

1. Hiện tại của sát na.
2. Hiện tại của một đời.
3. Hiện tại của kiếp thành.
4. Hiện tại hiện hành.
5. Hiện tại của sau cùng: là Tâm Tâm sở sau cùng của A-la-hán.

Lại nữa, thế nào là pháp thuộc cõi Dục? Nghĩa là, nơi cõi Dục hoặc sanh hoặc trưởng, chưa lìa dục của cõi Dục, Tâm không tại định. Ở trong phần vị này, các pháp hiện có hoặc sanh đắc hoặc tác ý, đã hành, đang hành, sẽ hành. Đó gọi là pháp thuộc cõi Dục.

Lại nữa, thế nào là pháp thuộc cõi Sắc? Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, có thể hiện chứng nhập, theo một Tĩnh lự đã lìa dục của cõi Dục, chưa lìa dục của cõi Sắc, chưa phát khởi gia hạnh trên, hoặc từ định kia khởi các pháp của ý địa thế gian hiện có, do tác ý nên đã hành đang hành sẽ hành. Đó gọi là các pháp thuộc cõi Sắc.

Hoặc sanh nơi cõi Sắc, chưa lìa dục của cõi này, chưa phát khởi gia hạnh trên, hoặc sanh đắc hoặc tác ý, các pháp thế gian đã hành đang hành sẽ hành. Như thế cũng gọi là pháp thuộc cõi Sắc.

Như pháp thuộc cõi Sắc, pháp thuộc cõi Vô sắc, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, thế nào gọi là pháp thiện? Nghĩa là, nếu lược nói có hai nhân duyên, nên tất cả pháp thiện gọi là thiện. Tức là tự Tánh không điên đảo, cũng có thể đối trị pháp điên đảo và an ổn. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện tự Tánh không điên đảo đối với đối tượng duyên chuyển. Lại có thể đối trị

pháp nhiễm điên đảo nơi đối tượng duyên chuyển. Có thể đi đến nẻo thiện, chứng đắc Niết-bàn nên gọi là an ổn. Cùng trái nhau với hai nhân duyên này, nên biết là bất thiện, nghĩa là tự Tánh điên đảo cùng không an ổn. Các pháp vô ký Tánh phi điên đảo, cũng không thể đối trị các pháp điên đảo. Tánh phi an ổn, phi không an ổn.

Lại do năm tướng nên biết đã kiến lập pháp thiện có sai biệt:

1. Chiêu cảm quả đáng yêu thích nơi vị lai.

2. Đối trị Tạp nhiễm. Nghĩa là có thể đối trị các thứ bất tịnh như tham v.v… Cho đến Tám chi Thánh đạo đối trị tất cả các pháp Tạp nhiễm.

3. Tạp nhiễm tịch diệt đã hiển bày, đó là Niết-bàn.

4. Trụ thanh tịnh đã hiển bày. Nghĩa là đã lìa dục, trụ nơi hiện pháp lạc trụ thiện của Thánh v.v…

5. Tạo lợi ích cho hữu tình đã hiển bày. Nghĩa là đã lìa dục, vì thương xót hữu tình và hàng Thanh văn khác, nên các Bồ Tát cùng với Như lai hiện bày vô số hành thiện lợi tha hiện có.

Lại do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp bất thiện có sai biệt.

Tức cùng với năm thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại do năm nhân duyên nên pháp thiện hưng thịnh:

1. Gia hạnh.

2. Hành Tập từ đời trước.

3. Thâu nhận công đức thù thắng.

4. Do xứ sự của phước điền.

5. Do tự Tánh.

Nghĩa là các pháp thiện được gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh cẩn trọng nơi mọi tạo tác. Hoặc đã Tạo Tác vô lượng phẩm sai biệt. Tức tự làm, hoặc ở nơi xứ này khuyên khiến kẻ khác làm.

Dùng vô lượng môn để vui mừng, an ủi, khen ngợi, thấy kẻ đồng pháp, Tâm sanh hoan hỷ sâu xa. Nên biết đó gọi là do gia hạnh nên pháp thiện hưng thạnh.

Lại, các pháp thiện từng ở trong đời khác hoặc tu hoặc Tập, hoặc tu Tập nhiều. Do nhân duyên ấy, nên trong đời hiện Tại, Tánh đối với pháp thiện, Tâm có thể hướng nhập, đối với các pháp bất thiện luôn chống, tránh mà trụ. Nên biết đó gọi là do hành Tập từ đời trước nên pháp thiện hưng thạnh.

Lại, các pháp thiện thuộc về địa dưới, do các vị đã lìa dục thế gian

cùng thấy thánh tích, hoặc đối với giải thoát, hoặc đối với Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, thâm Tâm hồi hướng, lìa các "kiến thú", nên biết đó gọi là do thâu nhận công đức thù thắng nên pháp thiện hưng thạnh.

Lại, các pháp thiện, đối với phước điền lớn, dùng sự thắng diệu thiết lập chỗ sanh khởi của xứ tôn trọng. Nên biết đó gọi là do xứ sự của phước điền nên pháp thiện hưng thạnh.

Lại, các pháp thiện, hoặc do thế Tạo thành, đối với Giới, tu, tự Tánh là kém. Hoặc do Giới Tạo thành, đối với thí Tạo thành tự Tánh là hơn, đối với tư Tạo thành, tự Tánh là kém. Hoặc có pháp thiện hiện có do tu Tạo thành, đối với Thí, với Giới, tự Tánh đều hơn. Nên biết đó gọi là do tự Tánh nên pháp thiện hưng thạnh. Cùng với năm nhân duyên ấy trái nhau, nên biết đó gọi là pháp bất thiện khởi mạnh.

Lại do năm tướng, nên kiến lập các pháp vô ký có sai biệt:

1. Vô ký của dị thục sanh.
2. Vô ký của đường oai nghi.
3. Vô ký của xứ công xảo.
4. Vô ký biến hóa.
5. Vô ký của tự Tánh.

Ở đây, vô ký của tự Tánh nghĩa là các sắc căn, là sự nuôi lớn cùng các xứ có sắc bên ngoài, không phải thuộc về dị thục, trừ xứ sắc xứ thanh thiện, nhiễm ô.

Lại nữa, thế nào là pháp Học? Nghĩa là Bổ-đặc-già-la Hữu học, hoặc là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn. Hoặc pháp Hữu vi xuất thế gian. Hoặc pháp thiện thế gian. Đó gọi là pháp Học. Vì sao? Vì nương dựa nơi pháp này, ở trong mọi thời gian tinh Tấn tu học về Giới học Tăng thượng, Tâm học Tăng thượng, Huệ học Tăng thượng.

Thế nào là pháp Vô học? Nghĩa là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Hoặc pháp hữu vi xuất thế gian. Hoặc pháp thiện thế gian. Đó gọi là pháp Vô học.

Thế nào là pháp phi Học phi Vô học? Nghĩa là trừ pháp Học pháp Vô học đã nói ở trước, pháp của Dự lưu cho đến A-la-hán còn lại, hoặc gắn liền với sự tương tục của tất cả hàng phàm phu, hoặc các pháp hiện có Tăng thượng kia. Nên biết đó gọi là pháp phi học, phi vô học.

Lại nữa, thế nào là pháp do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là năm kiến như thân kiến v.v…, cùng dựa nơi các kiến khởi tham sân mạn, hoặc vô minh tương ưng, hoặc vô minh không chung đối với các đế, hoặc nghi nơi đế,

cùng các nghiệp đi đến hết thảy nẻo ác. Đó gọi là pháp do kiến đạo đoạn trừ.

- Thế nào là pháp do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là tất cả pháp Hữu lậu thiện, tất cả pháp vô phú vô ký, trừ các pháp nhiễm ô trước đã nói, là pháp nhiễm ô còn lại. Đó gọi là pháp do tu đạo đoạn trừ.

- Thế nào là pháp không đoạn? Nghĩa là tất cả pháp xuất thế gian của bậc hữu học. Tất cả các pháp hiện có trong sự nối tiếp của bậc Vô học. Ở đây, hoặc pháp xuất thế, nơi tất cả thời, tự tánh tịnh nên gọi là không có đối tượng đoạn. Pháp thế gian còn lại do đã đoạn nên gọi là không đoạn.

Lại nữa, thế nào là pháp thâm diệu khó thấy? Nghĩa là tất cả pháp, nên biết đều là hết sức sâu xa khó thấy. Vì sao? Vì pháp hết sức sâu xa khó thấy bậc nhất, đó là tự tánh dứt tuyệt mọi thứ hý luận, vượt quá đường ngôn ngữ, nhưng do ngôn thuyết làm chỗ nương dựa, nên mới có thể giữ lấy, có thể quán xét, có thể hiểu biết. Do đó nên biết, hết thảy các pháp là thâm diệu khó thấy. Như thế là đã nói về sự kiến lập có sai biệt với: pháp có sắc không sắc, pháp có thấy không thấy, pháp có đối không đối, pháp hữu lậu vô lậu, pháp có tranh không tranh, pháp có nhiễm không nhiễm, pháp dựa nơi đắm chấp dựa nơi xuất ly, pháp thế gian xuất thế gian, pháp rơi rớt không rơi rớt, pháp hữu vi vô vi, pháp của đối tượng biết, thấy, duyên, pháp trụ giữ, pháp có dị thục không dị thục, pháp có nhân không nhân, pháp có quả không quả, pháp duyên sanh, pháp nội, pháp thuộc về danh sắc, pháp chấp thọ không chấp thọ, pháp do đại chủng tạo không do đại chủng tạo, pháp có không có, pháp nên tu, pháp hữu thượng vô thượng, pháp quá khứ hiện tại vị lai, pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp thiện bất thiện vô ký, pháp học vô học phi học phi vô học, pháp do kiến đoạn đoạn do tu đạo đoạn không phải đoạn, pháp thâm diệu khó thấy.

Nếu có hành giả khéo tư duy về chỗ nên tư duy, tất phải nên tinh tấn tạo phương tiện tư duy như lý, xét chọn các pháp như vậy. Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 67

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ Do Tu Tạo Thành

Như vậy là đã thuyết minh về phần Quyết trạch của địa Huệ do Tư tạo thành. Phần Quyết trạch của địa Huệ do Tư tạo thành nay sẽ nói. Nên biết lược có mười sáu thứ tu. Đó là:

1. Tu Tác ý tương ưng của thừa Thanh văn.
2. Tu Tác ý tương ưng của Đại thừa.
3. Tu ảnh tượng.
4. Tu sự biên tế.
5. Tu chỗ Tạo tác đã thành tựu.
6. Tu đắc.
7. Tu Tập.
8. Tu trừ bỏ.
9. Tu đối trị.
10. Tu thiểu phần.
11. Tu biến hành.
12. Tu động chuyển.
13. Tu có gia hạnh.
14. Tu đã thành tựu đầy đủ.
15. Tu pháp không do tu Tạo thành.
16. Tu pháp do tu Tạo thành.

- Thế nào là tu Tác ý tương ưng của thừa Thanh văn? Nghĩa là như có một hữu tình là Thanh văn, trụ nơi Tánh của pháp Thanh văn, hoặc chưa chứng nhập chánh Tánh lý sanh, hoặc đã chứng nhập chánh Tánh ly sanh, không quán về sự tạo lợi ích cho kẻ khác, chỉ quán về sự Tạo lợi ích cho mình, do môn Tác ý của đế an lập, nội quán chân như, duyên nơi pháp có lượng có phân biệt làm cảnh vì nhằm dứt hết tham ái, do chán lìa dục nên Tác ý tu Tập hành tướng giải thoát. Đó gọi là tu Tác ý tương ưng của thừa Thanh văn.

- Thế nào là tu Tác ý tương ưng của Đại thừa? Nghĩa là như có một hành giả là Bồ tát, trụ nơi Tánh của pháp Bồ tát, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, quán xét các sự lợi ích của tự ta, do môn Tác ý của đế an lập, phi an lập, nội quán chân như, duyên nơi pháp vô lượng không phân biệt làm cảnh, sức đại bi Tăng thượng vì nhằm dứt trừ hết tham ái hiện có của tự tha, do thâu nhận các sự lợi ích của hữu tình, nên tạo phương tiện hành tướng cùng do nhân duyên hướng đến nẻo đạo vô thượng, nên Tác ý tu Tập hành tướng. Đó gọi là tu Tác ý tương ưng của Đại thừa.

- Thế nào là tu ảnh tượng? Nghĩa là hoặc đối với phẩm Tỳ-bát-xá- na có phân biệt, với ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý tư duy nơi đồng phận của sự đã nhận biết. Hoặc đối với phẩm Xa-ma-tha không phân biệt, với ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý tư duy nơi đồng phận của sự đã nhận biết. Các pháp tu hiện có ấy gọi là tu ảnh tượng.

- Thế nào là tu sự biên tế? Nghĩa là đối với các pháp quá khứ vị lai hiện tại, trong ngoài thô tế, thấp kém, thắng diệu, xa gần, tác ý tư duy. Hoặc đối với chân như tác ý tư duy. Như thế, hoặc tận cùng tánh hiện có, hoặc như tánh hiện có, nên các thứ tu hiện có ấy gọi là tu sự biên tế.

- Thế nào là tu chỗ tạo tác đã thành tựu? Nghĩa là đã chứng nhập Tĩnh lự căn bản hoặc các Đẳng chí, hoặc định thế gian, định xuất thế gian, các thứ tu hiện có ấy gọi là tu chỗ tạo tác đã thành tựu.

- Thế nào là tu đắc? Nghĩa là như có một hữu tình dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, hoặc tu tưởng vô thường, cho đến hoặc tu tưởng chết, các tưởng khác hiện có kia không hiện tiền. Hoặc tự địa thâu tóm, hoặc thâu tóm nơi địa dưới, cùng chỗ dẫn khởi các công đức khác. Hoặc là thế gian hoặc là xuất thế gian, đều có thể tu tập chúng, khiến thanh tịnh Tăng thạnh, đạt được tự tại thành tựu. Đó gọi là tu đắc.

- Thế nào là tu tập? Nghĩa là như có một hữu tình đối với các thứ tưởng thiện như vô thường v.v… Tác ý tư duy. Hoặc đối với pháp thiện do thường xuyên tu nên đều hiện tu tập. Đó gọi là tu tập.

- Thế nào là tu trừ bỏ? Nghĩa là như có một hữu tình do ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý các tướng, như dùng vật này để kéo vật kia ra, theo phương tiện trừ bỏ, dứt các tướng của tự Tánh. Lại như có một hữu tình dùng miếng nêm nhỏ kia để loại bỏ vật nêm thô. Hành giả như thế dùng thân khinh an để loại bỏ thân thô trọng, phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là tu trừ bỏ.

- Thế nào là tu đối trị? Nghĩa là nơi đối trị bằng chán bỏ, hoặc đối trị

bằng đoạn trừ, hoặc đối trị bằng nắm giữ, hoặc đối trị phần xa, tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu đối trị.

Ở đây, đối trị bằng chán bỏ nghĩa là tác ý được dẫn phát nơi Tất cả đạo thiện của thế gian, ngoại trừ các vô lượng cùng hành giả thần thông diệu dụng khác.

Đối trị bằng đoạn trừ: Là tác ý duyên nơi chân như làm cảnh. Đối trị bằng nắm giữ: Là đạo thế gian xuất thế gian hậu đắc ấy,

hoặc đạo giải thoát.

Đối trị phần xa: Nghĩa là phiền não đoạn trừ rồi, nơi đạo đối trị lại tu tập nhiều, hoặc tu tập nhiều đạo của địa trên.

Lại có sai biệt: Tức là đạo văn tư tu gọi là đối trị bằng chán bỏ. Đạo xuất thế gian gọi là đối trị bằng đoạn trừ. Quả ấy chuyển y gọi là đối trị bằng nắm giữ. Đạo tu thế gian gọi là đối trị phần xa.

- Thế nào là tu thiểu phần? Nghĩa là đối với tưởng vô thường v.v… tùy một pháp thiện tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu thiểu phần.

- Thế nào là tu biến hành? Tức đối với các pháp chân như một vị, Tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu biến hành.

- Thế nào là tu động chuyển? Nghĩa là lúc đối với tu phương tiện của tu vô tướng, thường xuyên có tướng gián cách mà tu. Đó gọi là tu động chuyển.

- Thế nào là tu có gia hạnh? Tức vào lúc tu phương tiện kia, do có gia hạnh cùng gián cách mà tu, đó gọi là tu có gia hạnh.

- Thế nào là tu thành tựu trọn vẹn? Nghĩa là hoặc thừa Thanh văn, hoặc thừa Độc giác, hoặc lại là Đại thừa, đã được tất cả chuyển y hiện có, cùng đạt được Tất cả các pháp tự tại. Các thứ tu hiện có ấy gọi là tu thành tựu trọn vẹn.

- Thế nào là tu pháp không do tu tạo thành? Nghĩa là tu pháp thiện hiện có như các pháp thí, giới của địa bất định. Đó gọi là tu pháp không do tu tạo thành.

- Thế nào là tu pháp do tu tạo thành? Là tu các pháp thiện của địa định. Đó gọi là tu pháp do tu tạo thành. Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

Phần Nhiếp Quyết Trạch.

Đoạn 1:

Địa Thanh văn.

Như thế là đã nói về phần Quyết trạch của địa huệ do tu tạo thành.

Phần Quyết trạch của địa Thanh văn nay sẽ nói.

Như nơi phần Bản địa đã nói, Bổ-đặc-già-la trụ nơi không chủng Tánh, đó gọi là pháp hoàn toàn không có Bát-niết-bàn. Ở đây, hoặc có Tâm sanh nghi ngờ.

Thế nào là có pháp hoàn toàn không Bát-niết-bàn? Nên chỉ dạy kẻ kia: "Chỗ mong muốn của ông là gì? Các loài hữu tình với đủ thứ loại giới Tánh, giới Tánh vô lượng, giới Tánh thấp kém, giới Tánh thắng diệu, là có chăng, là không chăng?

Nếu nói là có thì không có Bổ-đặc-già-la rốt ráo không có pháp Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý. Nếu nói là không, thì như kinh nói các loài hữu tình có vô số giới Tánh, cho đến giới Tánh thắng diệu, nên không hợp đạo lý!".

Chỉ dạy như thế rồi, lại có vấn nạn: Như loài hữu tình tuy có vô số giới Tánh, cho đến giới Tánh thắng diệu, nhưng không có hữu tình không căn. Như thế, pháp không Bát-niết-bàn do đâu không như vậy? Hoặc nên nhận là có hữu tình không căn, nên cật vấn kẻ kia: Ý của ông muốn gì? Những người không căn là hữu tình hay là không phải hữu tình? Nếu là hữu tình, thì vật bên ngoài không căn cũng phải là hữu tình, như thế là không hợp đạo lý.

Nếu không phải là hữu tình, mà nói vì sao không chấp nhận có hữu tình không căn, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như thế rồi, lại có vấn nạn: Như làm Sát-đế-lợi rồi, hoặc có lúc làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la, như thế cho đến làm Thủ-đà- la rồi, hoặc có lúc thậm chí làm Sát-đế-lợi.

Lại làm Na-lạc-ca xong, hoặc có lúc cho đến làm chư Thiên. Làm chư Thiên xong, cho đến có lúc lại làm Na-lạc-ca. Như thế do đâu không tạo pháp không Bát-niết-bàn rồi, hoặc có khi lại tạo pháp có Bát-niết- bàn chăng? Nên cật vấn kẻ kia: Ý muốn của ông là gì? Các người Sát đế lợi cho đến Thủ-đà-la, cùng Na-lạc-ca cho đến chư Thiên, vì có tất cả Giới chăng? Vì chỉ riêng có một Giới chăng?

Nếu có tất cả Giới, thì dụ không tương tợ, là không hợp đạo lý. Nếu chỉ riêng có một Giới, thì trước là Sát-đế-lợi, hoặc nơi một lúc cho đến làm

Thủ-đà-la, trước là Na-lạc-ca, hoặc vào một lúc cho đến làm chư Thiên, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như vậy rồi, lại có vấn nạn: Như hàng Sát-đế-lợi cùng có đủ tất cả Giới. Như thế, pháp không Bát-niết-bàn do đâu không có Giới của pháp Bát-niết-bàn? Nên cật vấn kẻ kia: Ông mong muốn điều gì? Giới của các pháp không có Bát-niết-bàn. Giới của các pháp có Bát-niết-bàn, hai Giới này là cùng trái nhau chăng? Là không trái nhau chăng? Nếu cùng trái nhau mà nói pháp không Bát-niết-bàn do đâu không có Giới của pháp Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý. Nếu không trái nhau, tức Bổ-đặc-già-la này là pháp không có Bát-niết-bàn, cũng là pháp có Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như vậy rồi, lại có vấn nạn: Như hiện thấy có một địa phương, nơi một thời gian không có chủng tánh của vàng, hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của vàng. Nơi một thời gian không có chủng tánh của mạt ni, chân châu, lưu ly, hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của các vật kia. Nơi một thời gian không có chủng tánh của muối, hoặc nơi một thời gian có chủng Tánh của vật ấy. Nơi một thời gian không có chủng tánh của vô số tướng giới. Hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của pháp kia.

Như thế, trước là chủng tánh của pháp không có Bát-niết-bàn. Do đâu không ở nơi một thời gian thành chủng tánh của pháp có Bát- niết-bàn chăng? Nên cật vấn kẻ kia: Ông mong muốn điều gì? Như nơi phương sở của đất kia, trước không có chủng tánh này, sau có chủng tánh ấy, hoặc trước có chủng tánh ấy, sau không có chủng tánh này.

Như thế, trước có chủng tánh Thanh văn định, sau không có chủng tánh ấy. Cho đến trước có chủng tánh Đại thừa định, sau không có chủng tánh ấy. Hoặc trước không có chủng tánh định, sau có chủng tánh định chăng?

Nếu nói như thế là thuận với thiện căn cầu phần giải thoát, nên không, không có quả.

Lại nếu như thế, là lập chủng tánh định, tức không hợp đạo lý. Nếu không như thế, thì ông nói pháp không có Bát-niết-bàn, trước trụ nơi không chủng tánh rồi, sau trụ nơi có chủng tánh, như có phương sở của đất. Pháp có Bát-niết-bàn, trước trụ nơi có chủng tánh xong, sau trụ nơi không chủng tánh, như phương sở của đất là không hợp đạo lý.

Lại nên vấn nạn kẻ kia: Điều mong muốn của ông là gì? Pháp không Bát-niết-bàn là Giới thấp kém. An trụ trong Giới thấp kém như thế, là nơi đời này chuyển thành pháp Bát-niết-bàn hay là nơi đời sau? Nếu nói tức

nơi đời này, thì ý ông thế nào, kẻ kia được gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp là có thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát chăng? Hay là không thể dấy khởi? Nếu nói có thể, thì kẻ kia được gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp có thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát mà nói không có pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý.

Nếu cho là không thể, thì kẻ kia gặp được Tam bảo rồi, ở trong hiện pháp không thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát, mà nói chuyển thành pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý.

Hoặc nói đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, thì ý ông thế nào? Kẻ kia vì trước đã tích tập thiện căn nên ở trong đời sau được gặp Tam bảo, có thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát chăng? Hay là trước không tích tập thiện căn?

Nếu nói trước đã tích tập thiện căn, thì kẻ kia tức ở trong đời này được gặp Phật Pháp Tăng, có thể khởi thiện căn, mà nói ở trong đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý. Lại như nhân kia nên không, không quả. Nếu nói trước không tích tập thiện căn, thế thì trước sau giống nhau, đều chưa tích tập thiện căn, mà nói ở trong đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, không phải tức trong đời này, là không hợp lý.

Lại nữa, lược có mười thứ Thanh văn. Đó là:

1. Thanh văn của cõi thanh tịnh.
2. Thanh văn đã gặp duyên.
3. Thanh văn sanh trong cõi tạp nhiễm.
4. Thanh văn sanh trong cõi thanh tịnh.
5. Thanh văn sanh trong thời mạt pháp.
6. Thanh văn sanh trong thời hiền thiện.
7. Thanh văn chưa được nhãn.
8. Thanh văn đã được nhãn.
9. Thanh văn được nhãn thanh tịnh.
10. Thanh văn được nhãn hết sức thanh tịnh.

Nếu có Thanh văn an trụ nơi chủng Tánh, đó là Thanh văn thứ nhất. Đã hội nhập pháp, đó gọi là Thanh văn thứ hai. Hoặc có Thanh văn đã sanh nơi thế giới có nhiều thứ khổ phải nhận chịu, có đủ năm thứ ô trược tức thọ mạng ô trược cho đến hữu tình ô trược. Đó gọi là Thanh văn sanh trong cõi Tạp nhiễm (3). Cùng trái nhau với loại trên, nên biết tức là Thanh văn sanh trong cõi thanh tịnh (4).

Thanh văn sanh trong thời mạt pháp (5), làm sao có thể nhận biết về

tướng? Nghĩa là các Thanh văn nơi đời vị lai, sanh vào thời mạt pháp, phần nhiều ái trọng về lợi dưỡng, về sự được cung kính, trái hẳn với pháp diệu. Các thứ tham sân si cùng không phải Chánh pháp đều Tăng thạnh. Vì các thứ phiền não như keo kiệt, ganh ghét v.v… trói buộc, nhiễu loạn nơi Tâm. Xứ, nhà, lợi dưỡng, sự cung kính, tiếng khen, pháp, không gì là không đủ keo kiệt, dối, nịnh, giả trá, luôn hiện tiền. Nói rộng cho đến vì sinh sống mà cầu xuất gia, không phải vì Niết-bàn… Đối với Đức Phật Thế Tôn đã thuyết giảng các pháp thâm diệu, cùng với không tương ưng, thuận với duyên sanh, duyên khởi, duyên Tánh nơi các kinh điển hiện có, nhưng họ đều từ bỏ. Nơi các thứ đọc tụng, ngâm vịnh được tạo ra do các kẻ thông tuệ của thế gian, ngôn từ bóng bẩy, văn chương lưu loát, thuận theo sách vở thế tục, thì họ cung kính thọ giữ, sanh khởi hoan hỷ sâu xa. Ở trong Chánh pháp tương tợ không phải là Chánh pháp, vọng sanh tưởng pháp. Đối với Chánh pháp khởi tưởng phi pháp.

Lại, tức nơi sự yêu thích kia đã hiển bày, tuyên thuyết, mở dẫn, phỉ báng Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da. Đối với các hữu tình thuyết giảng Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da sanh khởi tưởng là kẻ oán đối. Phạm nhiều nơi Thi-la, hành Tập các pháp ác. Bên trong thật sự là hủ bại, bên ngoài hiện vẻ hiền thiện, nói rộng cho đến thật không phải là bậc phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh. Hai thiên trọng tội vô dư hữu dư hãy còn dấy khởi, nên tư hiện hành hủy phạm, huống chi là tội vừa, nhẹ. Đã hủy phạm rồi, phần nhiều không như pháp phát lồ đối trị. Hoặc do kẻ khác biết mà hành phát lồ, không phải là ý lạc thật sự… Bấy giờ, các đệ tử Thanh văn như thế, thân hoại mạng chung, phần nhiều bị đọa vào nẻo ác, sanh nơi Na-lạc-ca. Nếu có Thanh-văn thành tựu pháp không nhiễm ô, trái hẳn với các thứ trên, nên biết đó gọi là Thanh-văn sanh trong thời hiền thiện.

Nếu các Thanh-văn phàm phu thì gọi là Thanh-văn chưa được nhãn. Thanh-văn chung các quả Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-hoàn, gọi là Thanh-văn đã được nhãn.

Bậc A-la-hán huệ giải thoát gọi là Thanh-văn được nhãn thanh tịnh.

Nếu bậc A-la-hán câu phần giải thoát gồm đủ ba minh gọi là Thanh-văn đạt được nhãn hết sức thanh tịnh.

Lại nữa, hoặc có Thanh-văn, tuy như chỗ ứng hợp luôn dũng mãnh tinh tấn, nhưng ở trong hiện pháp không thể chứng đắc pháp thù thắng hơn người.

Hoặc có Thanh-văn ở trong hiện pháp có lực dụng nên có thể chứng đắc pháp thù thắng hơn người, nhưng đối với quả Sa-môn do phóng dạt nên

không thể chứng đắc.

Lại nữa, nên giải thích về các câu có sai biệt của pháp thiện đủ giới, đủ đức hòa nhã trong kinh Nguyệt Dụ. Nghĩa là trong Thanh văn lược có bốn thứ pháp tịnh diệu khiến các hữu tình nếu được trông thấy, do thân ngữ ý sanh vô lượng phước. Những gì là bốn? Đó là:

- Trụ đầy đủ nơi Giới, giữ luật nghi biệt giải thoát, nói rộng như nơi kinh. Đó gọi là pháp thứ nhất.

- Lại hành thiểu dục, tri túc, nói rộng cho đến các lậu vĩnh viễn dứt hết, tán dương tác chứng. Đó gọi là pháp thứ hai.

- Lại luôn hòa nhã, dịu dàng, dễ có thể cùng trụ, không não hại bậc có trí đồng phạm hạnh, khiến các Bí-sô vui thích cùng ở, lại thành tựu đầy đủ bốn thứ chứng định. Đó là pháp thứ ba.

- Lại không tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính, thưởng xét đối với kẻ khác, che giấu điều thiện của mình, phát lồ chỗ xấu ác của tự thân, tuy thật sự có vô số công đức nhưng không muốn cầu khiến kẻ khác biết là có (tức muốn khiến kẻ khác biết ta thành tựu công đức như thế. Đó là pháp thứ bốn.

Lại nữa, hoặc có Thanh-văn muốn đi đến nhà người khác, trước hết nên đoạn trừ ba thứ tùy phiền não, sau đó mới đi đến. Những gì là ba?

1. Tùy phiền não kết nhà bạn thân.
2. Tùy phiền não keo kiệt về nhà cửa.
3. Tùy phiền não do Tâm có nhiễm mà hành pháp thí.

Ở đây, Thanh văn do sáu thứ tướng nên đoạn trừ tùy phiền não kết nhà bạn thân rồi mới đi tới nhà người khác: Nghĩa là tùy lúc đi đến, không nên đi tới luôn. Đối với sự vật đáng yêu thích, nếu không như lý mà chấp giữ lấy tướng, vừa sanh tham ái tức liền xấu hổ. Không dùng ngôn ngữ hung bạo, ba hoa, hành xử tà vạy để tìm cầu các thứ như y phục v.v…, khéo tự giữ gìn, khéo che giấu tự thân. Không dùng thân tiếp xúc chỗ không nên tiếp xúc, cũng không ngồi nơi chốn không nên ngồi. Trọn không ăn ở chỗ không nên ăn. Cũng trọn không uống ở nơi không nên uống. Lại không nên thọ nhận chỗ không nên thọ nhận. Lại do tùy thuận Tâm xa lìa, hướng đến Tâm xa lìa, gần gũi Tâm xa lìa, Tầm tư các thiện, cũng như núi cao khó đi tới chốn. Không phải là nhà có niềm tin thanh tịnh, có thể khiến họ được niềm tin thanh tịnh, như ao suối trong mát đã từng lội qua. Các nhà đã có niềm tin thanh tịnh thì khiến càng thêm Tăng trưởng.

Lại do sáu tướng, nên đoạn trừ tùy phiền não keo kiệt về nhà cửa, rồi

mới đi đến nhà người khác.

Nghĩa là đi tới nhà người khác, đối với sự việc của hữu tình không nhiễm không vướng. Như sự việc của hữu tình, sự việc đối với lợi dưỡng, sự việc đối với cung kính, nên biết cũng thế. Lại, đối với điều không lợi thì không sanh ưu khổ. Như đối với điều không lợi, thì đối với điều không cung kính, nên biết cũng vậy.

Lại, ở trong các thứ lợi dưỡng của tự tha, Tâm luôn bình đẳng. Đối với việc mình có được lợi dưỡng, sự cung kính, không tự khen ngợi, đề cao. Đối với kẻ khác có được các thứ ấy, trọn không chê bai, hủy báng.

Lại do sáu tướng nên đoạn trừ tùy phiền não là Tâm có nhiễm mà hành pháp thí, rồi mới đi đến nhà người khác. Nghĩa là không trông mong kẻ khác đối với mình có sự tin tưởng thanh tịnh. Lại, đối với pháp xuất ly, nhận biết rõ như thật. Lại, nơi trụ xứ của kẻ khác nên khởi ba thứ ý lạc thuần thiện, đó là: Dẫn phát an lạc nên trừ dứt khổ. Cung kính nghe nhận pháp, theo pháp hành, đạt được lợi ích thù thắng. Nơi những kẻ bị các khổ như sanh gây khổ não thì khiến họ thoát khổ. Nếu đã giải thoát, tức đối với pháp Tánh diệu thiện của các pháp làm duyên, trong Chánh pháp của thế gian thuộc về ba Tạng Kinh, Luật, Luận. Vì khiến họ thọ trì đọc tụng, khiến cho Chánh pháp trụ lâu, thế nên tuyên thuyết.

Nên biết, tùy phiền não thứ nhất được đoạn trừ, nên trụ nơi không Tạp loạn, dùng làm cứu cánh. Tùy phiền não thứ hai được đoạn trừ, nên thọ dụng chính đáng các thứ của cải, dùng làm cứu cánh. Tùy phiền não thứ ba được đoạn trừ là thọ dụng đúng đắn Chánh pháp, dùng làm cứu cánh.

Lại nữa, nên giải thích kinh Phạt-Tha-Ca.

Như có Thanh văn muốn đối với pháp nhiễm tịnh Tạo phương tiện thiện xảo, lược ở nơi ba xứ nên nhận biết rõ khắp.

Nghĩa là ở trong chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh, do chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh, nên ở trong tạp nhiễm do tạp nhiễm, ở trong thanh tịnh do thanh tịnh.

- Thế nào là chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh? Đó là, tức nơi thân này có sắc thô trọng, nói rộng như nơi kinh. Đây là kẻ ngu không có trí huệ, hướng đến vô minh: là chỗ dựa tạp nhiễm. Cũng là bậc thông sáng có trí huệ lớn hướng đến nơi minh, là chỗ dựa thanh tịnh.

- Thế nào là Tạp nhiễm? Nghĩa là các kẻ ngu, vì muốn Tạo Tác nghiệp tịnh, bất tịnh, nên trước suy xét rồi, sau mới dùng thân ngữ Tạo nghiệp tịnh bất tịnh hiện có. Do nhân duyên ấy nên trong sự sanh tử của năm nẻo đã chiêu cảm tự thể đáng yêu không đáng yêu, khiến sanh khổ não không khổ

não.

- Thế nào là thanh tịnh? Nghĩa là trong hai thứ phẩm học thanh tịnh là hết sức thù thắng. Học thứ nhất là Trí chân như dùng làm chỗ dựa, có thể có chỗ Tạo Tác. Học thứ hai là do phiền não đều được ly hệ.

Lại nữa, tức nơi thanh tịnh này, lược do năm nhân để hiển bày chỉ rõ. Đó là:

1. Người nói đúng đắn.

2. Người hành đúng đắn.

3. Hành đúng đắn.

4. Tâm học Tăng thượng đối trị đoạn trừ tùy phiền não.

5. Huệ học Tăng thượng đối trị đoạn trừ tùy phiền não.

Ở đây, Như-lai là người thuyết giảng đúng đắn. Thanh-văn căn thục là người hành đúng đắn, cũng gọi là bậc thông tuệ.

Thuộc về đế trí gọi là hành đúng đắn. Căn cứ vào nghĩa có thể đoạn trừ phiền não là đối trị vô thượng, nên lược có năm pháp gọi là Tâm học Tăng thượng đối trị tùy phiền não:

1. Đối trị các thứ cái (ngăn che) hiện có của kẻ sống nơi xa lìa.

2. Đối trị các thứ phẫn não hiện có của kẻ không gắng nhận những điều chỉ dạy trao truyền.

3. Đối trị các thứ keo kiệt ganh ghét hiện có của kẻ đối với lợi dưỡng, sự cung kính tham vướng sâu dày.

4. Đối trị kẻ trước đã thọ dụng cảnh giới, phát khởi niệm tà vạy.

5. Đối trị kẻ thuận xả bỏ chỗ học, tham ái phân biệt.

Lược có ba pháp gọi là huệ học Tăng thượng, đối trị tùy phiền não:

1. Đối trị vô minh hiện có của kẻ đối với môn lý thế tục không hiểu rõ về nghĩa pháp.

2. Đối trị các thứ do dự hiện có, nghi hoặc chưa đoạn ở trong các đế của những phàm phu đã hiểu rõ nghĩa pháp.

3. Đối trị ngã mạn hiện có của các hàng hữu học đã thấy đế tích, do huệ đối trị thuộc về tu đạo.

Do đối với các thứ tùy phiền não như thế đã đoạn dứt vĩnh viễn, nên biết là đã chứng đắc quả A-la-hán cầu huệ học Tăng thượng, Tâm học Tăng thượng thanh tịnh tối thiện. A-la-hán này nên biết đó gọi là thanh tịnh tột cùng.

Lại nữa, đối với chỗ dựa thanh tịnh, Tạp nhiễm ấy, các chúng Thanh-

văn lược do ba tướng nên nhận biết rõ khắp:

1. Do tự Tánh.

2. Do nhân duyên.

3. Do lỗi lầm, Tai họa.

- Do tự Tánh: Nghĩa là tự Tánh hiện có của thân người ấy do ba thứ tướng nên được hiển bày. Đó là:

1. Do có sắc nên hiển bày cộng tướng của tất cả thân còn lại.

2. Do thô trọng nên hiển bày tự tướng của thân đều riêng biệt.

3. Do không thanh tịnh nên hiển bày tướng không đồng phận với thân của chư Thiên.

- Do nhân duyên: Lược có hai thứ:

1. Nhân duyên của cộng tướng nơi tất cả thân, tức là bốn đại chủng.

2. Nhân duyên của thân người với tự tướng đều riêng khác. Lại có hai thứ:

1. Nhân duyên chưa sanh khiến sanh. Đó là cha mẹ hòa hợp bất tịnh.

2. Nhân duyên đã sanh khiến trụ. Nghĩa là sự nuôi lớn của các thứ cơm cháo v.v…

- Do lỗi lầm Tai họa: Lại có hai thứ: Là Tánh vô thường cùng với Tánh khổ. Hoặc đối với lúc lạnh, vì đối trị khổ của lạnh, nên tìm cầu những thứ che ngăn dùng làm đối trị. Hoặc đối với lúc nóng, vì đối trị khổ của nóng, nên tìm cầu tắm gội dùng làm đối trị. Hành Tác đi đường có sự khó nhọc, vì để đối trị khổ nhọc ấy, nên tìm cầu xoa bóp dùng làm đối trị. Nên biết loại này gọi là Tánh khổ.

Dùng tay chân, đất đá, gậy gộc xúc đối, là pháp hủy hoại. Pháp đoạn hoại của đao kiếm xúc đối. Hoặc qua đời rồi chôn cất nơi đất. Hoặc hỏa thiêu. Hoặc bị vô số bàng sanh, các loại trùng ăn nuốt, rúc rỉa. Hoặc tức nơi thân kia bị các thứ gió mặt trời làm cho khô cứng. Đều là Tánh của pháp tan hoại, ma diệt. Nên biết loại này là Tánh vô thường. Xưa hợp nay trái gọi là ly tán. Tan rồi biến hoại, sau cùng đều hết, gọi là ma diệt.

Lại nữa, nhân nơi đối tượng duyên của tư. Như nói: Danh làm sáng tỏ tất cả, không có gì vượt hơn danh: Do danh này, nên một pháp đều tùy thuận hành tự tại. Lời này có nghĩa gì? Nghĩa là nếu lược nói, quán nhân thanh tịnh, quán tự tướng, quán nhân tạp nhiễm, cùng để hiển bày Bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Nếu nhận biết rõ khắp về Bổ-đặc-già-la vô ngã nơi bốn uẩn vô sắc, tức có thể đoạn trừ tất cả tướng của tự cảnh giới, gọi là làm sáng tỏ tất cả. Nếu nhận biết rõ khắp về pháp vô ngã, với ngôn

danh thế tục của tự Tánh Biến kế sở chấp, tức có thể dứt trừ tất cả tướng nương dựa kia, gọi là làm sáng tỏ tất cả. Nếu vượt quá các tướng ngã của bốn uẩn vô sắc thì sự việc ấy nhất định không thể đạt được.

Nếu vượt quá ngôn danh thế tục, nơi tướng của tự Tánh Biến kế sở chấp, thì sự việc ấy cũng không thể đạt được. Hoặc đối với hai thứ đều không nhận biết rõ, tức liền phát khởi tướng tạp nhiễm của tất cả cảnh, tùy chuyển nơi tạp nhiễm hiện có của tướng thuộc tất cả cảnh, không gì là không nhân nơi lực Tăng thượng này. Dựa vào mật ý ấy, nên Đức Bạc-già-phạm nói:

"Chấp nơi tự Tánh pháp
Chấp Tánh ngã mà chuyển
Biết đây nên biết kia
Do biết nên hoàn diệt".

Lại nữa, có bốn Thánh đế. Đức Thế Tôn vì các Thanh văn nên nói cảnh giới nơi đối tượng duyên của phiền não đã tịnh, nghĩa là Khổ đế v.v…, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tướng chân thật không điên đảo là tướng của đế, thì các ngoại đạo thấy các thắng giải tà vạy nơi các tà luận, không phải là chân thật, đều là điên đảo, vì sao đế gồm thâu? Nếu không gồm thâu thì chúng lẽ ra không chiêu cảm hữu sau của vị lai, nên không phải là nhân của Khổ?

Đáp: Tuy không phải chân thật, cũng là điên đảo, nhưng nói là thuộc về hai đế Khổ, Tập. Vì sao? Vì chúng tuy đều là thuộc về Tánh tà, nhưng tướng của Tánh tà này là chân thật, đều không điên đảo, là Tánh khổ, là nhân khổ.

Lại nữa, do hai tướng nên hiển bày nghĩa vô thường:

1. Dựa nơi tướng của đạo lý Đại thừa.

2. Dựa nơi tướng của đạo lý thừa Thanh-văn. Nghĩa là nghĩa không có và nghĩa có cùng diệt hoại. Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Khổ:

1. Nghĩa Tập khí thô trọng của chấp không có.

2. Nghĩa của Tám thứ khổ cùng chuyển của ba thọ tùy sanh.

Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Không:

1. Nghĩa của tướng xa lìa tự Tánh của Bổ-đặc-già-la.

2. Nghĩa của tướng xa lìa tự Tánh của các pháp. Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Vô ngã:

1. Nghĩa của tướng vô ngã nơi tự Tánh của Bổ-đặc-già-la thuộc đạo lý thừa Thanh-văn và đạo lý Đại thừa.

2. Nghĩa của tướng vô ngã nơi tự Tánh của các pháp. Lại có hai thứ giáo là giáo vô thường và giáo vô thủy.

Lại có hai thứ thông đạt:

1. Thông đạt về Giới hữu vi.

2. Thông đạt về Giới vô vi.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên nếu vô thường tức khổ:

1. Do thâu nhận: Nghĩa là các hành vô thường đều là thọ thuộc về thô trọng.

2. Do pháp Tánh: Nghĩa là Tánh của pháp khổ như sanh v.v…

3. Do gắn liền: Nghĩa là ba khổ kia luôn gắn liền đeo đuổi.

4. Do nhân: Là nhân của hành tăng trưởng.

5. Do chấp trước: Là sự của đối tượng duyên điên đảo. Lại nữa, do năm nhân duyên nên nếu khổ tức là vô ngã:

1. Lìa các hành khổ, ngã không thể thủ đắc.

2. Các hành của khổ kia dựa nơi các duyên.

3. Không có tác dụng.

4. Có sát-na sanh luôn tùy chuyển.

5. Lần lượt cùng dựa vào nhau.

Hỏi: Nếu thuộc về Khổ đế, thì đều là không thể yêu, không thể vui thích là khổ, là tổn não, là trái hại chăng? Nếu như không thể yêu, không thể vui thích, là khổ, là tổn não, đều là thuộc về Khổ đế chăng?

Đáp: Nếu không thể yêu, không thể vui thích, là khổ, là tổn não, là trái hại, nên biết đều là thuộc về Khổ đế.

Hoặc có trường hợp là thuộc về Khổ đế, nhưng không phải là không thể yêu, không thể vui thích, cho đến nói rộng. Nghĩa là trừ các hành thuộc về Khổ khổ, là các hành thuộc về Hành khổ, Hoại khổ còn lại.

Như Đức Phật Thế Tôn dùng tám thứ tướng để phân biệt về Khổ đế, đó là Sanh khổ, Lão khổ, nói rộng cho đến lược chung năm thủ uẩn là khổ. Ở đây, có bao nhiêu tướng hiển bày về Tánh của Khổ khổ. Có mấy tướng hiển bày về Tánh của Hoại khổ. Có bao nhiêu tướng hiển bày về Tánh của Hành khổ?

Đáp:

- Năm tướng trước hiển bày về Tánh của Khổ khổ.

- Hai tướng giữa hiển bày về Tánh của Hoại khổ.

- Một tướng sau là lược chung về năm thủ uẩn là khổ.

Hỏi: Nếu vô thường là khổ chăng? Nếu như Khổ là vô thường chăng?

Đáp: Các khổ đều là vô thường. Nhưng có vô thường không phải là khổ, nghĩa là Đạo đế. Vì sao? Vì đạo không phải là thuộc về Khổ thọ, nên không phải là Khổ khổ. Đạo không phải là biến hoại nên đâu có lúc biến đổi sẽ sanh Hoại khổ. Đạo có thể giải thoát tất cả thô trọng của phẩm tạp nhiễm, có thể trái với nẻo tương tục của tất cả sanh, do đó cũng không phải thuộc về Hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ, đều là không, vô ngã chăng? Nếu là không, vô ngã, đều là vô thường khổ chăng?

Đáp: Các thứ vô thường, khổ đều là không, vô ngã. Nhưng có không, vô ngã không phải là vô thường, khổ. Nghĩa là ở trong đây, Khổ Tập đế gồm đủ bốn thứ. Đạo đế có ba, Diệt đế có hai, không phải là vô thường, không phải là khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ, đều là vô thường nên là khổ chăng?

Đáp: Hoặc là vô thường, hoặc là tự Tánh. Nghĩa là Hoại khổ của các hành hiện có nên khổ. Vô thường kia nên là khổ. Hoặc Khổ khổ nên khổ. Hành khổ nên nên khổ. Tự Tánh kia là Tánh tổn não của khổ, là chỗ thuận theo của khổ.

Hỏi: Nếu là Khổ đế, cũng là Tập đế chăng? Nếu như là Tập đế thì cũng là Khổ đế chăng?

Đáp: Các thứ là Tập đế đều là Khổ đế. Hoặc là Khổ đế mà không phải là Tập đế. Nghĩa là hoặc thiện hoặc vô ký hiện có trong sự thanh tịnh tương tục của tất cả A-la-hán. Tất cả các pháp vô ký thuộc về của dị thục hiện có trong thân của tất cả phàm phu, nơi tất cả pháp thế gian. Hết thảy sĩ dụng của hiện tại đã sanh hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không vui, cùng hành với các hành vô ký, nên biết chỉ là chỗ gồm thâu của Khổ đế.

Hỏi: Nếu chán bỏ hữu sau, có thể trừ bỏ hữu sau, dẫn phát các pháp thế gian của đạo xuất thế gian, thì chúng do nhân duyên nào thuộc về Tập đế?

Đáp: Tuy tự Tánh của chúng chán bỏ hữu sau, nhưng có thể tùy thuận hành diệu nơi thân ngữ ý của hữu sau, thế nên cũng là thuộc về Tập đế.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp phiền não của hữu sau do tướng nên đều là thuộc về Tập đế, thì do đâu Đức Thế Tôn chỉ thiết lập ái?

Đáp: Do ái này có thể khởi thủ, có thể phát dẫn nghiệp, hiện hữu khắp nơi các sự. Ái này lúc sanh có thể phát khởi khắp mười lăm thứ không nghĩa lợi.

Hiện hữu khắp nơi các sự: Nghĩa là như ái này gọi là thuận với ái của hữu sau, hoặc hỷ tham cùng hành với ái. Hoặc ái của các thứ hỷ lạc kia gọi là hiện hữu khắp nơi, các sự nên biết cũng thế.

Ái thuận với hữu sau lại có hai thứ:

1. Duyên nơi cảnh của hữu sau.

2. Làm nhân của hữu sau.

Hỷ tham cùng hành với ái: Nghĩa là đối với cảnh giới hợp ý đã đạt được, hoặc ở trong lúc đang thọ dụng ái hiện có trụ lâu, không lìa nhau.

Ái của các thứ hỷ lạc kia: Nghĩa là đối với cảnh giới đã cầu tìm chưa đạt được, hoặc vì hòa hợp, hoặc vì không lìa, hoặc vì Tăng ích các ái hiện có.

Hỏi: Nếu là ái, cũng là thuận theo hữu sau, hỷ tham cùng hành, là các thứ hỷ lạc kia chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có khi là ái nhưng không phải là thuận theo hữu sau, không phải là hỷ tham cùng hành, không phải là hỷ tham cùng hành, không phải là các thứ hỷ lạc kia. Nghĩa là đối với giải thoát trên hết, mong cầu muốn chứng đắc.

2. Hoặc có khi là thuận với hữu sau, là hỷ tham cùng hành, là các thứ hỷ lạc kia, nhưng không phải là ái. Nghĩa là ái cùng thuận với hữu sau, với hỷ tham cùng hiện hành, với các thứ hỷ lạc kia, và các phiền não tương ưng khác.

3. Hoặc có khi là ái, cũng là thuận với hữu sau… : Nghĩa là vô minh của thọ, tưởng, tư hiện có.

4. Hoặc có khi không phải là ái, cũng không phải là thuận với hữu sau… : Là từ từng ấy các tướng như trên.

Hỏi: Nếu ái thuận với hữu sau là ái của hỷ tham cùng hành chăng? Nếu là ái của hỷ tham cùng hành cũng là ái thuận với hữu sau chăng?

Đáp: Ái của các hỷ tham cùng hành cũng là ái thuận với hữu sau. Hoặc có ái thuận với hữu sau, không phải là ái của hỷ tham cùng hành. Nghĩa là ái cùng hành với ưu nhiễm ô, hoặc ái biệt ly, hoặc ái không hòa hợp.

Hỏi: Nếu là ái thuận với hữu sau, cũng là ái của các thứ hỷ lạc kia chăng? Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái thuận với hữu sau chăng?

Đáp: Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái thuận với hữu sau. Hoặc có ái thuận với hữu sau không phải là ái của các thứ hỷ lạc kia. Nghĩa

là ái duyên nơi cảnh của hữu sau, và ái của hỷ tham cùng hành.

Hỏi: Nếu ái của hỷ tham cùng hành, là ái của các thứ hỷ lạc kia chăng? Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái của hỷ tham cùng hành chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Nghĩa là đối với cảnh giới khả ái đã đạt được, hoặc ở trong lúc trong thọ dụng ái hiện có, là trường hợp 1.

2. Tức ái hiện có đối với vị lai khả ái sẽ đạt được, nhưng chưa quyết định, là trường hợp 2.

3. Tức ái hiện có ở trong đây sẽ được quyết định, là trường hợp 3.

4. Trừ từng ấy các tướng trên, là trường hợp 4.

Hỏi: Nếu Tạo nên thọ thuộc cõi Dục, cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu Tạo nên thọ thuộc cõi sắc thì cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Dục, không phải thọ thuộc cõi Sắc. Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, chưa được sự đối trị của cõi Sắc.

2. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc không phải thọ thuộc cõi Dục. Nghĩa là sanh nơi cõi Sắc.

3. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Dục cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc. Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, đã được sự đối trị của cõi Sắc.

4. Hoặc đều không Tạo nên thọ thuộc hai cõi. Nghĩa là sanh nơi cõi Vô sắc.

Lại, sanh trong cõi Dục cõi Sắc cõi Vô sắc, mọi việc làm đã làm xong, trụ nơi đạo xuất thế cùng định Diệt Tận.

Như hệ thuộc nơi cõi Dục đối chiếu với hệ thuộc cõi Sắc nêu ra bốn trường hợp: hệ thuộc cõi Dục đối chiếu với hệ thuộc cõi Vô sắc; hệ thuộc cõi Dục đối chiếu với không hệ thuộc; hệ thuộc cõi Sắc đối chiếu với hệ thuộc cõi Vô sắc; hệ thuộc cõi Sắc đối chiếu với không hệ thuộc; hệ thuộc cõi Vô sắc đối chiếu với không hệ thuộc, theo chỗ ứng hợp đều nên tạo ra bốn trường hợp.

Hỏi: Các dục diệu cũng là lỗi lầm tai họa cùng với dục chăng?

Nếu là lỗi lầm tai họa tương ưng với dục cũng là dục diệu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có dục diệu, không phải là lỗi lầm tai họa tương ưng với Dục. Nghĩa là hoặc sắc thanh hương vị xúc có thể hiện hành không nhiễm

ô. Hoặc đối với chúng không tạo công sức, trụ nơi an lạc không tội, có thể thâu nhận phạm hạnh.

2. Hoặc có lỗi lầm tai họa tương ưng với dục, không phải là dục diệu. Nghĩa là, hoặc sắc thanh hương vị xúc hoàn toàn không đáng yêu thích, vui mừng, không thể vừa ý, cùng phiền não dục.

3. Hoặc có dục diệu cũng là lỗi lầm tai họa tương ưng với dục. Nghĩa là hoặc sắc thanh hương vị xúc không thể hiện hành không nhiễm ô, hoàn toàn đáng yêu thích, cho đến vừa ý.

4. Hoặc có không phải dục diệu cũng không phải là lỗi lầm tai họa tương ưng với dục. Nghĩa là tất cả phiền não và sự hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc.

Đức Thế Tôn dựa nơi dục diệu cùng lỗi lầm tai họa tương ưng với dục, nên nói: Phân biệt sai lạc về tham là dục của sĩ phu.

Lại nữa, ái này lược có hai loại:

1. Ái hữu.

2. Ái thọ dụng. Ái này lại có hai thứ. Nghĩa là đối với xứ sở thọ dụng đã được, chưa được có sai biệt.

Lại, tức Giới (cõi) của ái này có sai biệt, nên lại có ba thứ:

1. Ái cõi Dục.

2. Ái cõi Sắc.

3. Ái cõi Vô sắc.

Nếu sanh nơi cõi Dục, mong cầu hữu sau của cõi Dục, vui mừng đối với sự của chỗ thọ dụng đã đạt được, vui mừng đối với sự của chỗ thọ dụng chưa đạt được, các ái hiện có như thế gọi là ái cõi Dục.

Hoặc sanh nơi cõi Dục, hoặc sanh nơi cõi Sắc đã lìa dục của cõi Dục, mong cầu hữu sau của cõi Sắc, vui mừng đối với đẳng chí của cõi Sắc đã đạt được, vui mừng đối với đẳng chí thắng thượng chưa đạt được, các ái hiện có như thế gọi là ái cõi Sắc.

Như ái cõi Sắc, ái cõi Vô sắc, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế. Tức ái của hữu sau ấy, thường kiến, đoạn kiến làm chỗ dựa, nên kiến lập ái hữu và ái không hữu. Thế nên ái này gọi là hiện hữu khắp các sự.

Thế nào là ái này lúc sanh có thể phát khởi khắp mười lăm thứ vô nghĩa? Đó là:

1. Khiến cho tùy miên kiên cố.

2. Do triền nên cấu nhiễm, não loạn tất cả Tâm, Tâm sở.

3. Khiến Tâm nối tiếp nơi cảnh của đối tượng duyên, điên đảo mà chuyển.

4. Phát khởi các phiền não còn lại thuộc về thủ.

5. Có thể an lập sự nối tiếp của tự loại.

6. Có thể tùy thuận sanh khởi pháp ác bất thiện chưa sanh.

7. Có thể tùy thuận pháp ác bất thiện đã sanh khiến chúng Tăng rộng.

8. Có thể làm chướng ngại pháp thiện chưa sanh khiến chúng không được sanh.

9. Có thể gây chướng ngại pháp thiện đã sanh, khiến chúng không được trụ, không quên phản lại sự Tăng trưởng lợi ích rộng lớn.

10. Khiến hành nơi hành ác nên kết chứa Tất cả các khổ của nẻo ác.

11. Mong cầu hữu sau nên kết chứa các khổ như sanh lão bệnh tử.

12. Có thể khiến cho hữu tình sợ hãi về Niết bàn.

13. Có thể khiến cho hữu tình yêu thích sanh tử, chấp giữ sai lạc về những công đức thắng lợi hiện có.

14. Như đối với sanh tử, đối với cảnh giới cũng vậy.

15. Có thể khiến cho hữu tình cho tư là tự hại, tư là hại kẻ khác nói rộng như nơi kinh, cho đến thọ ái đã sanh ra các ưu khổ của Tâm.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 68

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn

Đoạn 2:

Hỏi: Các hành tịch diệt là Diệt đế chăng? Nếu là Diệt đế cũng là các hành tịch diệt chăng?

Đáp: Nếu là Diệt đế, cũng là các hành tịch diệt. Hoặc có các hành tịch diệt nhưng không phải là Diệt đế. Nghĩa là do vô thường diệt, phi trạch diệt nên các hành tịch diệt.

Hỏi: Những gì là pháp diệt? Nên gọi là Diệt đế chăng? Đáp: Lược có hai thứ:

1. Phiền não diệt.
2. Chỗ dựa diệt.

Phiền não diệt nên đạt được Diệt dế Hữu dư y. Chỗ dựa diệt nên đạt được Diệt đế Vô dư y.

Hỏi: Nếu Diệt đế này, trước tiên không có hữu sau, vậy thế nào là thường? Nếu lúc thường có, sao Tất cả hữu tình không ở nơi Tất cả thời Bát-niết-bàn?

Đáp: Tướng không lưu chuyển, tướng không hiện hành là tướng của Diệt đế. đế này vì thế trước tiên không có hữu sau.

Lại, tướng không sanh, tướng không diệt là tướng thường. Diệt đế cũng vậy, do đó gọi là thường.

Nếu có người chứng đắc tất cả thô trọng đều vĩnh viễn dứt diệt, thì người ấy Bát-niết-bàn. Nếu chưa chứng đắc, người kia không Bát-niết- bàn, chỉ có Diệt đế. Các loài hữu tình có chứng đắc, thế nên Niết-bàn là chỗ hiển bày của sự chứng đắc, không phải là chỗ hiển bày của sanh.

Lại nữa, hoặc có xa lìa bốn thứ lỗi lầm, gọi là Diệt đế. Đó gọi là thuyết giảng đúng đắn. Những gì gọi là bốn thứ lỗi lầm? Đấy là:

1. Lỗi lầm Tăng ích.
2. Lỗi lầm của tự tướng phân biệt tà vạy.

3. Lỗi lầm cùng tạp loạn.

4. Lỗi lầm tổn giảm.

Nếu nói các hành Tận diệt có khác, là lỗi lầm Tăng ích. Nói không khác, là lỗi lầm của tự tướng phân biệt Tà vạy.

Nói cũng có khác cũng không khác, là lỗi lầm cùng Tạp loạn.

Nói không phải có khác, không phải không khác, là lỗi lầm tổn giảm.

Hỏi: Nếu chỉ Tất cả năm phi thủ uẩn xuất thế gian đều thuộc về Đạo đế, thì do nhân duyên nào chỉ nói chánh kiến là trước tiên nơi Tám chi Thánh đạo, mà là Đạo đế?

Đáp: Dựa nơi ba học nên nói như thế.

Do hữu học, đối với từng thời gian, dựa nơi Giới học Tăng thượng mà khởi tu học. Đối với từng thời gian, dựa nơi Tâm học Tăng thượng mà khởi tu học. Nơi từng thời gian, dựa vào Huệ học Tăng thượng mà khởi tu học.

Lại, Tám chi Thánh đạo này thuộc về ba uẩn, thế nên ở đây chỉ nói là Đạo đế.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gọi là Giới uẩn?

Đáp: Do hai nhân duyên:

1. Dựa nơi pháp đang thọ dụng.

2. Dựa nơi Tài sản đang thọ dụng.

Nghĩa là, chánh ngữ, chánh nghiệp, Giới là căn bản, Giới là chỗ dựa, mới có thể thọ dụng tất cả Chánh pháp. Thế nên nói là dựa nơi pháp đang thọ dụng.

Do chánh mạng nên không dựa nơi sự dối trá v.v… để khởi pháp tà mạng cầu y phục v.v… Đây là căn bản, đây là xứ dựa để thọ dụng đúng đắn về của cải. Thế nên nói là dựa nơi tài sản đang thọ dụng.

Lại, ở nơi xứ này, Đức Thế Tôn nói là Tánh hiện hành của ý thanh tịnh Tăng thượng. Trong đây, nương dựa nơi tham v.v… để khởi tư phạm giới. Nương dựa nơi dối trá v.v… để khởi truy cầu tà vạy về như như y phục v.v… Nếu lìa bỏ sự ấy, nên biết đó gọi là tánh hiện hành của ý thanh tịnh Tăng thượng.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh Tấn gọi là Huệ uẩn?

Đáp: Do Huệ uẩn này lược có ba thứ tác nghiệp. Nhân nơi ba pháp ấy mới đạt được cứu cánh:

1. Thông đạt nghĩa chân thật của các pháp.

2. Thông đạt nghĩa chân thật của các pháp rồi, tức ở đấy, vì kẻ khác tuyên thuyết, nêu đặt, kiến lập, phân biệt khai thị khiến họ dễ hiểu rõ.

3. Vì đoạn trừ kiết còn lại, nên theo pháp hành trì.

Ba nghiệp như thế do chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh Tấn nên theo như thứ lớp mà đạt cứu cánh.

Hỏi: Do nhân duyên gì, chánh niệm, chánh định gọi là Định uẩn? Đáp: Do hai nhân duyên:

1. Do tự Tánh.

2. Do chỗ dựa.

Do tự Tánh: Nghĩa là Tam-ma-địa.

Do chỗ dựa: Có bốn nhân duyên nên niệm đối với định ấy có thể làm chỗ dựa:

1. Thâu giữ đối tượng duyên: Nghĩa là nơi bốn niệm trụ thâu giữ lấy Tâm.

2. Tùy thuận nơi định: Nghĩa là do niệm này, nơi căn môn được giữ gìn, chánh tri mà trụ, thuận xứ hoan hỷ, tác ý theo niệm có thể tùy thuận định.

3. Có thể đoạn trừ cái: Nghĩa là ở trong tác ý đối trị các cái đều có quán bất tịnh riêng có thể đoạn trừ các cái.

4. Hành nhiều tác ý tu tập tướng: Tức là người xa lìa, ở trong tướng dừng, nêu, xả, gia hạnh cẩn trọng không gián đoạn, có thể tu Tập nhiều. Do đó, niệm này là chỗ dựa của định.

Lại nữa, chánh kiến sai biệt lược có mười một thứ. Nghĩa là kiến như bệnh, kiến như ung nhọt, cho đến kiến vô ngã, kiết kiết, kiến ly hệ, kiến có thể lìa biết. Nơi bốn thứ hành, theo như thứ lớp có bốn thứ kiến. Nghĩa là ở trong hành cùng hành của các phiền não triền, ở trong hành cùng hành của phiền não tùy miên, ở trong hành cùng hành của ái vị, ở trong hành cùng hành của lỗi lầm tai họa, lần lượt quán chúng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như chướng ngại. Nếu đối với các hành quán về sanh diệt, gọi là kiến vô thường. Quán về chỗ đeo đuổi của ba khổ, gọi là kiến khổ. Quán về sự xa lìa ngã, ngã sở còn lại, gọi là kiến không. Quán thể Tánh của các hành kia, tướng là phi ngã, ngã sở, gọi là kiến vô ngã. Tám thứ như thế là duyên nơi chánh kiến của Khổ đế. Nếu đối với Tập đế quán về nhân Tập sanh duyên, gọi là kiến kiết, do Tập đế kia ở trong Khổ đế khởi kiết Tạp nhiễm.

Hoặc đối với Diệt đế, quán diệt tĩnh diệu ly gọi là kiến ly hệ. Do Diệt đế kia, tất cả phiền não cùng chỗ dựa, đã hiển bày nẻo lìa trói buộc. Nếu đối với Đạo đế quán đạo như hành xuất, gọi là kiến có thể lìa kiết, do Đạo đế kia rốt ráo có thể lìa trói buộc, đã hiển bày.

Hỏi: Nếu trước khởi kiến vô thường, khổ, không, vô ngã, sau mới khởi kiến như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như chướng ngại. Vì sao ở đây trước nói kiến như bệnh v.v…?

Đáp: Ở đây là dựa nơi Bổ-đặc-già-la đã được đạo để nói các kiến kia là trước. Vì sao? Vì các bậc hữu học đã được Thánh đạo, do ý lạc Tăng thượng, nên đối với các thủ uẩn quán là như bệnh, cho đến như chướng ngại. Quán như vậy rồi là nhằm đoạn trừ các kiết còn lại. Lại khởi kiến vô thường của phần vị trên thanh tịnh cho đến kiến vô ngã. Nên biết ở đây lại có hai thứ kiến vô thường v.v…

1. Kiến như bệnh v.v…, đối tượng dựa là kiến không thanh tịnh. Do đấy làm trước, do đấy là dẫn đường, vì nhằm đạt được điều chưa được.

2. Kiến như bệnh v.v… chủ thể dựa là kiến thanh tịnh.

Đã được kiến như bệnh v.v…, lại khiến Tăng trưởng và được Tâm khéo giải thoát. Như thế, trong mười một thứ chánh kiến, kiến hành không hành vô ngã, gọi là hành không. Kiến hành còn lại gọi là hành vô nguyện. Kiến một hành gọi là hành vô tướng, nghĩa là đối với Diệt đế kiến hành ly hệ.

Lại nữa, ở trong tu đạo, tất cả đạo xuất thế gian duyên nơi bốn đế làm cảnh, nên biết đều có thể đối trị tất cả phiền não của ba cõi. Vì sao? Vì do các vị hữu học đã kiến tích, trước do pháp trí, loại trí, ở trong tất cả hành hiện bày không hiện bày, khởi hiện quán rồi, đối với tu đạo gồm thâu tất cả hành, chung làm một nhóm, một phần, một tụ. Do hành như vô thường v.v… thứ lớp quán xét, nhưng không phân biệt dây là hành cõi Dục, đây là hành cõi Sắc, đây là hành cõi Vô sắc, đây là kiến hiện, đây không phải là kiến hiện. Do đó nên biết, ở trong tu đạo, Thánh đạo thuộc về các đạo xuất thế gian, có thể đối trị chung tất cả phiền não của địa dưới địa trên.

Lại nữa, các vị Thánh kia ở trong tu đạo, do đạo xuất thế gian mà lúc thăng tiến, phần nhiều dùng hành vô tướng, thường xuyên Tác ý tư duy về vô tướng. Vì sao? Vì do Tác ý này rất có thể dẫn phát hiện pháp lạc trụ, đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, năm thần thông, nguyện trí vô tránh, vô ngại giải v.v… cùng tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của các Như lai như lực, vô úy v.v… đều là chỗ chứng đắc sau của đạo, được kiến lập tánh ấy là đạo thanh tịnh. Do

nhân duyên này nên đều thuộc về Đạo đế.

Hỏi: Tất cả bốn đế đều nên nhận biết khắp, vì sao chỉ nói Khổ đế là nên nhận biết khắp?

Đáp: Do đối với Khổ đế, dùng hai thứ tướng nên nhận biết khắp:

1. Tự tướng.

2. Cộng tướng.

Đối với các đế còn lại, chỉ nhận biết về tự tướng. Nghĩa là do các hành như nhân v.v… để nhận biết tự tướng của Tập đế. Do các hành như diệt v.v… để nhận biết tự tướng của Diệt đế. Do các hành như đạo v.v… để nhận biết tự tướng của Đạo đế. Thế nên chỉ nói Khổ đế là nên nhận biết khắp.

Hỏi: Khổ đế cũng nên vĩnh viễn đoạn trừ. Vì sao chỉ nói Tập đế là nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Do Tập đế vĩnh viễn đoạn trừ có thể hiển bày sự đoạn trừ vĩnh viễn của Khổ đế, vì vậy chỉ nói Tập đế là nên vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, ở trong các đế lược có hai thứ hiện quán:

1. Hiện quán của trí.

2. Hiện quán đoạn trừ.

Hiện quán của trí: Nghĩa là tùy theo thứ lớp, ở trong các đế, trí biệt tướng sanh.

Hiện quán đoạn trừ: Là thuận theo thứ lớp, trí không điên đảo sanh làm chỗ dựa, chứng đắc đoạn trừ phiền não hiện có.

Lại nữa, lược có năm thứ nhân duyên phát khởi chánh tinh tấn:

1. Tuyên thuyết Chánh pháp.

2. Tu hành cùng trụ.

3. Xét lỗi lầm của biếng trễ, thấy rõ công đức của tinh tấn.

4. Do sức xét chọn nối tiếp thành thục.

5. Nhận biết về đối tượng chứng đắc trước sau có sai biệt. Lại nữa, lược có hai thứ đối với việc đoạn trừ, Tác chứng:

1. Đối với chủng tử, tác chứng bằng "phục đoạn".

2. Đối với chủng tử, tác chứng bằng đoạn trừ vĩnh viễn. Nên biết ly hệ cũng có hai thứ:

1. Ly hệ riêng đối với các phẩm phiền não.

2. Ly hệ tương quan đối với các sự phiền não.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: "Bí-sô các ông chớ hành dối trá, dua

nịnh". Ở đây, Đức Như lai quán thấy dua nịnh quanh co có bao nhiêu thứ lỗi lầm, nên khuyên các Bí-sô không nên hành dua nịnh?

Đáp: Quán dua nịnh quanh co có mười hai thứ lỗi lầm:

1. Do dua nịnh quanh co nên không thể chứng đắc trí huệ chân thật.
2. Danh dự thối mất.
3. Sự tin tưởng của kẻ khác bị thối thất.
4. Công đức Tăng trưởng bị thối thất.
5. Thối thất đối với việc gần bên bậc trí lắng nghe Chánh pháp, tiếp nhận sự chỉ dạy, trao truyền.
6. Các ác Tăng trưởng.
7. Khiến Tâm nối tiếp trái lìa các thiện.
8. Do dua nịnh bất bình tổn hại nơi Tâm, thường mang khổ não, không an ổn trụ.
9. Lo lắng đối với pháp khổ sau.
10. Không phải là pháp khí của bậc Thánh.
11. Lâm chung bị hối hận.
12. Thân hoại về sau đọa nơi nẻo ác, sanh nơi Na lạc ca.

Lại nữa, trong cõi Dục, dua nịnh có Tám thứ hành và bảy thứ sự.

- Những gì là Tám hành? Đó là:

1. Hành dua nịnh mê hoặc.
2. Hành dua nịnh che giấu.
3. Hành dua nịnh hiển bày.
4. Hành dua nịnh cố kết.
5. Hành dua nịnh cung thuận.
6. Hành dua nịnh mưu kế.
7. Hành dua nịnh suy chú.
8. Hành dua nịnh hiện bi.

- Những gì là bảy sự? Đó là:

1. Sự ngôn thuyết.
2. Sự cật vấn.
3. Sự trái, tranh.
4. Sự hiện bạn thân.
5. Sự hiện tin giao.
6. Sự Tạo Tác giả thác.

7. Sự gian khó.

Do sự thứ nhất, nên kẻ dua nịnh cùng với các thế gian tùy khởi ngôn thuyết, ở trong phi nghĩa hiện rõ là nghĩa, do tướng mê hoặc. Hoặc ở trong nghĩa hiện bày phi nghĩa. Như đối với nghĩa phi nghĩa, đối với có, không có, nên biết cũng thế.

Lại, ở trong dua nịnh hiện hành đã khởi các hành ác, nếu kẻ khác cật vấn người dua nịnh, tức liền che giấu tội thật, hiển bày đức không thật.

Lại, người tranh luận như muốn xét tìm công đức, lỗi lầm, bấy giờ kẻ dua nịnh tức liền cố kết với các nhóm bạn xấu ác.

Lại, kẻ dua nịnh thấy người tranh luận có sức bạo ác, Tâm sanh sợ hãi, liền dùng hai nghiệp thân ngữ thấp kém, tùy thuận cung kính, hiện tướng bạn thân.

Lại, kẻ dua nịnh nếu thấy người chánh trực có thể làm khuôn phép cho điều lợi, bên trong hiện bày là người không thể tin giao, nhưng bên ngoài hiện rõ là đã hết sức tin cậy. Nghĩa là trong hành, trụ, giả trá tích tập tướng thanh, thiện.

Lại, kẻ dua nịnh đối với bạn bè thân thiện, đắc ý, trong sự việc tạo tác rộng lớn nơi vị lai, trước trá hiện làm bạn, sau, lúc tạo tác sự việc hiện tiền, giả hiện vô số phương tiện suy xét, giải thích, nghĩa là nhằm ngăn giữ sự lao nhọc của chính mình.

Lại, kẻ dua nịnh tùy gặp một loại sự khổ não rồi, đối với người oán đối kia, nếu họ gặp phải sự khổ, thật không đến nỗi lo khổ như thế, nhưng tự hiển bày là hết sức lo khổ, sầu não.

Lại nữa, Thanh-văn nói lời thô ác (thô ngữ) hãy còn không nên ở trong các đế chỉ dạy khuyên trao, huống chi là sẽ có thể đạt được hiện quán về chân đế, hoặc lại thanh tịnh.

Lại có chín thứ tướng thô ngữ của Thanh-văn thô ngữ. Nếu có Thanh-văn Tạo nên các tướng như thế, nên biết đó gọi là Thanh văn thô ngữ không thể cùng hành ngữ.

Những gì là chín tướng? Nghĩa là Bổ-đặc-già-la có thể cử tội, lúc đang cật vấn, kẻ kia dùng lời không hay đẹp giả hợp mà đáp, hoặc không tương ưng, hoặc không đầy đủ, hoặc dựa vào phương tiện của sự việc khác để đáp. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Lại dùng lời nói sai lầm xằng bậy, giả đặt luận khác, tạo phương tiện để chối bỏ các sự việc được cật vấn. Đó là tướng thứ hai.

Lại giận dữ vây buộc làm nhiễu loạn Tâm, khiến tự Tâm tối tăm, vẩn

đục. Đó là tướng thứ ba.

Lại giận dữ vay buộc, phát khởi phẫn oán, ngôn ngữ mạ lỵ thô bỉ.

Đó là tướng thứ tư.

Lại khởi Tâm cao ngạo: Kẻ kia đã nói về ta, ta cớ sao lại không nói về kẻ ấy? Đó là tướng thứ năm.

Lại quyết che giấu về chỗ tạo tội của mình. Đó là tướng thứ sáu.

Tâm lại kết oán nối tiếp không bỏ. Đó là tướng thứ bảy. Lại phát khởi nhiều Tâm báo oán, đó là tướng thứ Tám.

Lại, lúc kẻ khác nói rõ mình là người có thể cử tội, nêu các công đức hoặc thật hoặc không thật, người kia không sanh tin hiểu, cũng không bài bác, hủy báng.

Ở đây, lược có hai loại Bổ-đặc-già-la cử tội:

1. Cùng được tôn trọng.
2. Không cùng được tôn trọng.

Nên biết trong ấy, hai thứ tướng đầu, là dựa nơi Bổ-đặc-già-la có thể cử tội thứ nhất. Bảy thứ tướng còn lại là dựa nơi Bổ-đặc-già-la có thể cử tội thứ hai.

Lại nữa, trong phần Bản địa đã dựa nơi tướng tương ưng của các Tỳ-nại-da thuộc Giới luật nghi, nay sẽ quyết trạch. Tụng nêu:

Gồm chế lập Thi-la
Không dật, chướng giác quán
Dựa thâu nhận, thọ dụng
Nói sự dụ thâm diệu.

Lược có bảy xứ gồm thâu Tỳ-nại-da và Biệt giải thoát.

- Những gì là bảy? Đó là:

1. Giáo sắc.
2. Khai thính.
3. Chế chỉ.
4. Xứ phạm.
5. Có phạm.
6. Không phạm.
7. Xuất tội.

- Thế nào là giáo sắc? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại- da đã răn dạy các Bí-sô xả bỏ pháp bất thiện, Tăng trưởng pháp thiện. Nên biết đó gọi là lược nói về tướng của tất cả giáo sắc (chỉ dạy khuyên răn). Nếu

phân biệt rộng thì có vô lượng vô biên.

- Thế nào là khai thính (mở bày, chấp nhận)? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại-da đã mở bày, cho phép tất cả các Bí-sô có thể hiện rõ nhân duyên của chỗ thọ dụng các vật nuôi sống không nhiễm ô.

- Thế nào là chế chỉ? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại- da đã ngăn cấm tất cả Bí-sô theo tự tánh nơi pháp có tội trái với pháp không tội.

- Thế nào là xứ phạm? Lược có mười tám xứ:

1. Bất thiện.
2. Trái với thiện.
3. Thân nghiệp.
4. Ngữ nghiệp.
5. Ý nghiệp.
6. Giới hoại.
7. Kiến hoại.
8. Quỹ Tắc hoại.
9. Chánh mạng hoại.
10. Tùy hội tha Tâm.
11. Hộ tha tổn não.
12. Hộ phi xứ nghi lo.
13. Dâm.
14. Bát.
15. Y.
16. Thức ăn.
17. Ngọa cụ.
18. Thuốc men chữa bệnh cùng các vật dụng khác.

- Bất thiện: Là Tánh tội hiện có.

- Trái với thiện: Là già tội hiện có.

- Xứ của nghiệp thân ngữ ý: Là theo chỗ ứng hợp, ở trong Tất cả năm tụ phạm, nên biết về tướng của chúng.

Như vậy, xứ phạm còn lại cũng ở trong năm tụ phạm, theo chỗ ứng hợp nên biết về tướng của chúng.

- Thế nào là có phạm? Nghĩa là nếu lược nói có năm tụ phạm: Do đâu ở trong năm tụ phạm này, khởi các thứ trái phạm? Nghĩa là năm nhân:

1. Nhân duyên.

2. Phát khởi.

3. Sự.

4. Phương tiện.

5. Cứu cánh.

Phân biệt nghĩa này, ở trong Tỳ-nại-da, Ma-đát-lý-ca của phần nhiếp sự sẽ nói rộng.

Lại có chín thứ phạm:

1. Phạm của Cận sự nam.

2. Phạm của Cận sự nữ.

3. Phạm của Cần sách nam.

4. Phạm của Cần sách nữ.

5. Phạm của hàng Chánh học.

6. Phạm của Bí-sô-ni.

7. Phạm của Bí-sô.

8. Phạm của hạng phàm phu.

9. Phạm của hàng Hữu học. Không có bậc vô học phạm. Vì sao? Vì do bậc vô học ấy lại không có chỗ nên tạo tác. Pháp như thế đạt được là nhỏ, và tùy theo tất cả học xứ nhỏ thảy đều dừng dứt. Lại nhất định không thể phạm tội nhiễm ô.

- Thế nào là không phạm? Lược có bốn thứ:

1. Phạm lần đầu.

2. Điên cuồng.

3. Tâm loạn.

4. Bị khổ thọ bức bách.

- Thế nào là xuất tội? Lược do năm tướng:

1. Do tự mình.

2. Do kẻ khác.

3. Do mình và kẻ khác.

4. Dựa chuyển.

5. Dựa xả.

Do tự mình: Là nên tự tĩnh dứt.

Do kẻ khác: Nghĩa là người kiến đế có chỗ trái phạm tội không nhiễm ô.

Do mình và kẻ khác: Là tội nhiễm không nhiễm của các phàm phu.

Dựa chuyển: Nghĩa là Bí-sô chuyển bỏ chỗ dựa, chuyển được chỗ dựa của Bí-sô-ni. Hoặc chuyển bỏ chỗ dựa của Bí-sô-ni, chuyển được chỗ dựa của Bí-sô. Bấy giờ, Bí-sô, Bí-sô-ni đều đã phạm tội. Hoặc chuyển thành hình tướng khác, hoặc chuyển thành không hình.

Dựa xả: Nghĩa là đã mạng chung.

- Lại nữa, lược có mười thứ chế lập học xứ thanh tịnh:

1. Đạo lý thanh tịnh.
2. Quả thanh tịnh.
3. Thâu nhận thanh tịnh.
4. Bên ngoài thanh tịnh.
5. Bên trong thanh tịnh.
6. Đủ phần thanh tịnh.
7. Ái kính thanh tịnh.
8. Tu đối trị phục thanh tịnh.
9. Tu đối trị đoạn tùy miên thanh tịnh.
10. Thanh tịnh tương tục không dứt.

Lại có sai biệt: Nghĩa là có nhân duyên chế lập học xứ thanh tịnh. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc, thanh tịnh. Xa lìa biên thọ dụng tự khổ, thanh tịnh. Thắng hành thanh tịnh. Thắng mạng thanh tịnh. Đồng pháp cùng trụ thanh tịnh. Không trái, tranh, thanh tịnh. Phiền não thanh tịnh. Phiền não lìa trói buộc, thanh tịnh. Nhận giữ Chánh pháp, thanh tịnh.

Lại nữa, lược có mười thứ lỗi lầm đối với Thi la:

1. Lỗi lầm do hủy hoại pháp đã học.
2. Lỗi lầm do không hỷ lạc.
3. Lỗi lầm do bạn trái nhau.
4. Lỗi lầm do nguyện mong.
5. Lỗi lầm do phóng dật.
6. Lỗi lầm do Tăng thượng mạn.
7. Lỗi lầm do tùy miên không thanh tịnh.
8. Lỗi lầm do ý lạc không thanh tịnh.
9. Lỗi lầm do không xuất ly.
10. Lỗi lầm do hành Giới cấm tà vạy. Lại có mười thứ công đức của Thi-la:

1. Thi-la hòa hợp.
2. Thi-la không gián đoạn.
3. Thi-la không oán đối.
4. Thi-la không tổn hại.
5. Thi-la bền chắc.
6. Thi-la xuất ly.
7. Thi-la đối trị thù thắng.
8. Thi-la không thối chuyển.
9. Thi-la không chung.
10. Thi-la vô thượng.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa nơi mười thời gian nên không phóng dật. Những gì là mười? Đó là:

1. Dựa nơi thời gian mới hành luật.
2. Dựa nơi thời gian định.
3. Dựa nơi thời gian sanh.
4. Dựa nơi thời gian khất thực.
5. Dựa nơi thời gian hành tác.
6. Dựa nơi thời gian thọ dụng lợi dưỡng, sự cung kính.
7. Dựa vào thời gian cầu đa văn.
8. Dựa vào thời gian tư duy về Chánh pháp.
9. Dựa vào thời gian xa lìa.
10. Dựa vào thời gian thông đạt rốt ráo.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian mới hành luật nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô thành tựu pháp không phóng dật thuộc về năm chi, tức nơi đời trước đã cùng hành, như trước đã nói rộng. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian đầu tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ hai là định, nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô hoặc trụ nơi chốn vắng lặng, hoặc ở bên gốc cây sanh khởi cái tham dục cho đến cái nghi, trọn không an nhẫn, tức liền dứt bỏ, loại trừ hẳn chúng. Do năm thứ cái có thể làm nhiễm ô Tâm, cho đến có thể khiến không đạt được Niết-bàn. Vì nhằm đoạn trừ chúng nên trong mọi thời gian phải tu tướng chỉ, phải tu tướng cử, phải tu tướng xả. Bí-sô ấy nơi tướng chỉ, cử, xả như thế đã được thiện xảo rồi, do Tâm thấp kém lo sợ về thấp kém nên liền tu cử

đúng đắn. Do Tâm trạo cử, lo sợ về trạo cử, liền tu nội chỉ, Tâm được bình đẳng liền tu thượng xả.

Lại, ở trong Tam-ma-địa đã đạt được không sanh ái vị, không khởi luyến tiếc, không có tham nhiễm, không vướng mắc mà trụ. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ hai, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ ba là sanh nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô vào lúc lâm chung, Tâm ý mãnh liệt, phát khởi Tâm gia hạnh chân chánh: Tôi nay nên đem chánh mạng duyên nơi Phật nơi Pháp nơi Tăng mà mất. Nên đem Tâm thiện duyên nơi thiện mà chết.

Người ấy bèn phát khởi Tâm giữ gìn thiện như thế như thế, chánh niệm hiện tiền, do chánh niệm duyên nơi Tam bảo cùng Tâm thiện duyên nơi các pháp thiện mà qua đời. Bí-sô này với chánh niệm hiện có, đã duyên nơi Phật-Pháp-Tăng, với Tâm thiện hiện có duyên nơi pháp thiện mà qua đời, gọi là bậc hiền thiện đã mất, bậc hiền thiện không còn nữa, cũng gọi là bậc hiền thiện hướng đến đời sau. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ ba, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ tư là khất thực nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô dựa nơi thôn ấp làng xóm mà trụ. Vị ấy tức ở nơi thôn ấp xóm làng đó, nói rộng như nơi kinh Khất thực Thanh Tịnh. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ tư, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ năm là hành Tác, nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí- sô tác nghiệp đối với bát, tác nghiệp đối với y, tác nghiệp đối với các bậc trí đồng phạm hạnh đã hầu cận. Hoặc lại đối với các tác nghiệp hiện có còn lại đều không mặc ý buông thả. Do không mặc ý buông thả nên không bị thiêu đốt, không mất không hoại, cũng không rơi rớt, thất tán, không có lỗi lầm. Mọi sự tạo tác không thô, không ác, không gấp, không chậm, không dao động, không cấu nhiễm. Mọi sự tạo tác đều thuận hợp với thế gian, thuận hợp với phép tắc hiện có của Tỳ-nại-da. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ năm, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ sáu là thọ dụng lợi dưỡng sự cung kính nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô theo chỗ đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, đối với những thứ đạt được ấy không nhiễm không vướng, không tham đắm, không buồn

bực, không nắm giữ. Cũng không giữ chặt, vui thích mà thọ dụng. Thấy rõ lỗi lầm của chúng, khéo biết nẻo xuất ly mà thọ dụng. Tùy chỗ đạt được các thứ kia, có thể tự chế phục, không nhân đấy mà sanh Tâm kiêu ngạo. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ sáu, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ bảy là cầu đa văn nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô dứt bỏ mọi thứ luận nghị, đọc tụng, câu lời bóng bẩy, lưu loát hiện có của thế gian, tương ưng nơi đa văn. Đối với giáo pháp thâm diệu hiện có do Phật thuyết giảng, tương tự, sâu xa, tương ưng Tánh Không, duyên sanh duyên khởi, hết thảy kinh điển hoặc thuận hoặc nghịch, đều cung kính thọ trì, khiến được rốt ráo. Không phải quán các pháp còn có chỗ đạt được lợi lạc thù thắng, gọi là được rốt ráo. Không phải quán các pháp thoát khỏi nạn luận, đạt được thắng lợi, gọi là được rốt ráo. Không phải vì lợi dưỡng. Không phải vì sự cung kính. Cho đến chỉ vì tự đạt được điều phục, tự đạt được tịch tĩnh, tự chứng đắc Niết-bàn, tự đạt được nghĩa lợi tối thượng của bậc Sa-môn phạm hạnh, nên đối với pháp này, khéo lắng nghe, khéo thọ nhận, đọc tụng thông suốt, thuần thục rốt ráo. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ bảy tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ tám là tư duy về Chánh pháp nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô, một mình ở chốn vắng lặng, đối với các pháp hiện có, như chỗ đã nghe, như chỗ đã thọ nhận, như chỗ đã đạt được, tư duy về nghĩa, quán sát, nêu tính, tư duy chỗ nên tư duy, lìa bỏ chỗ không nên tư duy. Nơi từng phần ít chỉ sanh tin hiểu, nơi từng phần ít dùng Huệ quán xét. Phàm chỗ tư duy chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn, nhận biết rõ đúng như thật về thuyết lớn, thuyết tối tăm. Tư duy bền vững, tư duy chắc thật, tư duy nối tiếp, tư duy theo chỗ cần phải rốt ráo, ở nơi trung gian trọn không thối chuyển. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ tám tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ chín xa lìa nên không phóng dật? Nghĩa là như có Bí-sô, không cùng với người tại gia và chúng xuất gia cùng trụ lẫn lộn không đồng điều vui, không đồng chỗ lo, nói rộng cho đến ở trong chỗ sanh khởi sự nghiệp thế gian, trọn không chấp nhận hoàn toàn chuyển theo. Chỉ ở nơi rừng núi vắng lặng là biên vực tận cùng về vật dụng ngồi nằm, xa lìa tất cả trụ xứ của hữu tình, xa lìa tất cả các thứ tùy phiền não tán loạn, biếng trễ, gây

chướng ngại cho Chỉ, Quán. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ chín tu Tập không phóng dật.

- Thế nào là Bí-số đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ mười là thông đạt rốt ráo nên không phóng dật? Nghĩa là như có Bí-sô, đối với có, nhân biết như thật là có. Đối với không có, nhận biết như thật là không có. Đối với hữu thượng, nhận biết như thật là hữu thượng. Đối với vô thượng, nhận biết như thật là vô thượng. Do vị ấy đối với có, không có, hữu thượng, vô thượng đều nhận biết đúng như thật, nên đối với chỗ chưa đạt được không sanh tưởng đạt được, đối với chỗ chưa chứng đắc không sanh tưởng chứng đắc, chỗ thâu giữ lìa Tăng thượng mạn, không phải là Tăng thượng mạn, nên tự ghi nhận chỗ đã lãnh hội. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ mười tu tập không phóng dật.

Lại nữa, có bốn thứ chướng ngại, có thể gây chướng ngại việc xuất gia:

1. Chướng ngại của ý lạc.
2. Chướng ngại của chỗ dựa.
3. Chướng ngại của nghiệp.
4. Chướng ngại do không tự Tại.

- Chướng ngại của ý lạc: Nghĩa là hoặc vì bị uy quyền của vua bức bách nên cầu xuất gia v.v…

- Chướng ngại của chỗ dựa: Nghĩa là hoặc do mù điếc, hoặc là hàng Phiến-trạch-ca, Bán-trạch-ca, hoặc mắc phải các thứ bệnh ác não hại thân v.v… các loại như thế v.v…

- Chướng ngại của nghiệp: Nghĩa là các thứ nghiệp ác cực nặng như sát hại cha mẹ v.v…

- Chướng ngại do không tự tại: Tức như cha mẹ không chấp thuận cho xuất gia. Hoặc các hạng tôi tớ lệ thuộc nơi chủ của họ, hoặc đại thần của vua bị kẻ khác cướp đoạt.

Lại nữa, lược có năm xứ, các người xuất gia đối với Tỳ-nại-da, quyết định nên học. Những gì là năm? Nghĩa là nên học để biết có phạm, không phạm, hoặc nặng hoặc nhẹ cùng chỗ nói tóm lược về kinh Biệt Giải Thoát.

Có phạm - không phạm, như trước đã nói. Do sáu thứ sai biệt nên chỗ phạm thành nặng:

1. Sai biệt về chế lập. Nghĩa là đối với học xứ mà chế lập.
2. Sai biệt về sự: Tức như tuy đồng là Ba-dật-đề-ca, nhưng Tánh tội

hiện có như sát sanh v.v…, đối với giá tội khác thì có sai biệt.

3. Sai biệt về hủy phạm: Là như có Bí-sô thường xuyên phạm.

4. Sai biệt do phiền não: Nghĩa là như có một Bí-sô do tham sân si triền quá mãnh liệt nên phạm.

5. Sai biệt do trí: Nghĩa là như có một Bí-sô phẩm thiện mỏng ít, trí huệ hẹp kém, tuy kiến lập như nhau, sự việc, chỗ hủy phạm, phiền não dấy khởi như nhau, nhưng chỗ phạm của người này trở thành chướng cực trọng, không phải như người có chỗ phạm trái với đây. Như dòng nước chảy nhỏ, một ít cỏ có thể ngăn dứt. Đối với những cỏ mềm kia, dòng nước cũng không thể cuốn trôi, nhận chìm. Như dòng nước chảy lớn, thì cây cỏ được tích tụ cũng không thể ngăn chặn nổi. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

6. Sai biệt do thời gian: Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với chỗ đã phạm không thể mau chóng như pháp sám hối dứt trừ, qua thời gian dài hành Tập rồi sau đấy mới đối trị. Cùng trái với đây, nên biết chỗ phạm ấy gọi là tội nhẹ.

Lại nữa, những người giữ giới luật nên dùng năm tướng để quán xét về chỗ phạm, sau đấy mới đoán tội. Những gì là năm? Đó là:

1. Hoàn toàn là Tạp nhiễm.

2. Hoàn toàn không hành.

3. Nơi nương dựa để chế lập.

4. Hiện lỗi lầm kia sanh chẳng sanh.

5. Không phải hoàn toàn hiện hành.

Ở đây, chỗ phạm hoàn toàn là Tạp nhiễm: Nghĩa là các Tánh tội phải nên hoàn toàn chỉ dạy khiến không phạm. Nếu hủy phạm, thì như chỗ thích hợp nên được hiển bày, khiến mau chóng sám hối dứt trừ.

Lại, Đức Thế Tôn đã dựa vào hữu tình này, phương này, thời gian này để chế lập học xứ của giá tội như thế. Nếu có hữu tình khác, phương khác, thời gian khác phạm lỗi lầm ấy, thì đều xét theo lỗi ấy mà chế lập, như chỗ đã phạm phải hiển bày pháp đối trị.

Hoặc có người không phạm lỗi lầm như vậy, thì không nên đối với người ấy xét đoán về có phạm, cũng không nên hiển bày pháp đối trị. Như thế gọi là nêu bày tóm lược chung về sự quan sát chỗ phạm.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, phải nương dựa bảy xứ ở trong sáu xứ để tu gia hạnh.

Thế nào là nương dựa nơi bảy xứ ở trong sáu xứ để tu gia hạnh?

Đó là:

1. Nương dựa nơi đại sư.

2. Nương dựa nơi thân giáo.

3. Nương dựa nơi quỹ phạm.

4. Nương dựa vào y phục.

5. Nương dựa vào khất thực.

6. Nương dựa vào ngọa cụ.

7. Nương dựa vào các thứ y dược của bệnh duyên.

Bảy xứ này, đối với pháp, đối với học, đối với giáo thọ giáo giới, đối với đẳng trì, cúng dường, không phóng dật, nên tu gia hạnh.

- Ở đây, pháp: Là kinh Biệt Giải Thoát cùng phân biệt rộng.

- Học: Là Giới học, Tâm học, Huệ học Tăng thượng.

- Giáo thọ giáo giới (chỉ dạy khuyên trao): Là dựa nơi ba học Tăng thượng để chỉ dạy khuyên trao.

- Đẳng trì: Là chín định thứ đệ.

- Cúng dường: Là cúng dường của cải và cúng dường pháp.

- Không phóng dật: Là đối với năm thứ thiện xảo, siêng tu gia hạnh tương tục không gián đoạn. (Năm thứ thiện xảo là Uẩn thiện xảo cho đến Xứ phi xứ thiện xảo).

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có năm thứ thâu nhận:

1. Thâu nhận thuộc về mình.

2. Thâu nhận vâng theo.

3. Thâu nhận giao gởi.

4. Thâu nhận xả thí.

5. Thâu nhận vì kẻ khác.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận thuộc về mình không được thanh tịnh:

1. Sanh nhiễm vướng.

2. Định chứa nhóm.

Cùng với đây trái nhau mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên nên khiến thâu nhận vâng theo không được thanh tịnh:

1. Thâu nhận không đúng xứ.

2. Thâu nhận không đúng lượng, không đúng pháp. Cùng trái với đây mới gọi là thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận giao gởi không được thanh tịnh:

1. Không quan sát người mà giao gởi.

2. Đối với vật bất tịnh, Tâm vướng mắc. Cùng với đây trái nhau mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận xả thí không được thanh tịnh:

1. Đối với ruộng xấu ác mà xả thí.

2. Xả thí có mong cầu.

Trừ ba thứ ruộng, số còn lại nên biết gọi là ruộng xấu ác. Ba thứ ruộng đó là: Ruộng công đức. Ruộng bi. Ruộng ân.

Cùng trái với hai nhân duyên trên mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận vì kẻ khác không được thanh tịnh:

1. Không giao tiếp từ trước, lại không báo cho biết cùng tánh không hiểu biết.

2. Có Tâm nhiễm.

Cùng trái với đây mới được thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da, do năm nhân duyên nên sự thọ dụng không được thanh tịnh:

1. Tánh có tội.

2. Không đoan nghiêm.

3. Không nhận dùng.

4. Không gồm thuộc.

5. Không Tác tịnh.

- Tánh có tội: Nghĩa là dựa vào các vật dụng đong lường giả dối để bắt bớ, đánh đập, sát hại kẻ kia, nhằm thu giữ các tài vật đạt được để thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không đoan nghiêm: Nghĩa là thọ nhận ruộng vườn nhà cử cùng vô số vật dụng, của cải tặng biếu, lo lót v.v… để thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không nhận dùng: Nghĩa là các vật dụng bị nhiễm ô do "đại tiểu tiện lợi", nước mũi, nước miếng, máu mủ v.v… Lại có những loại cũng giống như thế, nếu thọ dụng gọi là không thanh tịnh. Như Đức Thế Tôn nói: "Các vật dụng dùng cho đại tiểu tiện lợi v.v… đều không thanh tịnh, không nên thọ dụng".

- Không gồm thuộc: Nghĩa là các vật thuộc "Tăng chi", hoặc không

sai bảo đầy đủ, không rơi trong bát thì cũng không thuộc về bát. Hoặc vật của người khác, không cho, không xả, cũng không từ bỏ, không phải xứ tin cậy, cũng lại không đúng lượng mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không Tác tịnh: Nghĩa là năm thứ tịnh:

1. Tịnh nhận được.
2. Tịnh tổn hoại.
3. Tịnh giao gởi.
4. Tịnh thời pháp.
5. Tịnh xả phân biệt.

Mọi thọ dụng hiện có, cùng trái nhau với đây gọi là thanh tịnh.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 69

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ Do Tư Tạo Thành

Đoạn 3:

Lại nữa, nên biết trong Tỳ-nại-da, do năm thứ chế lập, nên là hết sức sâu xa. Thế nào gọi là năm thứ chế lập? Đó là:

1. Chế lập về học.
2. Chế lập về phạm.
3. Chế lập về xuất ly.
4. Chế lập về dừng dứt.
5. Chế lập về Yết-ma.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết chế lập về học là hết mực thâm diệu:

1. Tự tại.
2. Không tự tại.
3. Hiển hiện Thi-la, diệt trừ lỗi lầm.
4. Hiển hiện Hỷ lạc, làm rõ lỗi lầm của nghiệp xấu kém.
5. Không hành theo hành của hai lỗi lầm kia.

- Nói tự tại: Nếu khi giáo hóa không theo sức mạnh của phiền não mà hành, không phải các phiền não khiến cho mình không tự tại. Bấy giờ, tức dựa nơi đối tượng được hóa độ như thế, tự tại học, hành, tùy ý tự tại.

- Không tự tại: Nếu khi giáo hóa, tùy theo các phiền não chi phối mà hành, do các phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ, tức dựa nơi đối tượng được giáo hóa như thế, không tự tại học, hành, chế lập học xứ không tự tại.

- Hiển hiện Thi-la, diệt trừ lỗi lầm: Tức quán các Tánh tội nhất định không nên hành, chế lập học xứ tùy hộ Thi la.

- Hiển hiện Hỷ lạc, làm rõ lỗi lầm của nghiệp xấu kém: Nghĩa là quán xét khả năng gây chướng ngại đối với việc siêng tu phẩm thiện, do đó chế lập học xứ của giá tội.

- Không hành theo hành của hai lỗi lầm kia: Nghĩa là Đức Phật quán xét đối tượng được giáo hóa tự tại kia, không hành lỗi lầm, nên không chế lập. Quán xét lỗi lầm hiện hành của không tự tại, nên chế lập học xứ.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết đã chế lập về phạm là hết sức sâu xa. Thế nào là phạm? Nghĩa là có thể gây chướng ngại cho pháp thiện hiện có, khiến không được sanh. Nên biết chướng ấy lược có năm thứ:

1. Chướng ngại do chậm chạp.
2. Chướng ngại do có tội.
3. Chướng ngại do khinh mạn.
4. Chướng ngại do Tạo ác.
5. Chướng ngại của đối tượng nhận biết.

- Chướng ngại do chậm chạp: Nghĩa là do biếng trễ nên đối với các pháp thiện không siêng năng Tạo phương tiện.

- Chướng ngại do có tội: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc do tham triền, hoặc do sân triền, hoặc do si triền, hoặc do tùy một Tâm pháp nơi các tùy phiền não khác làm nhiễm ô. Kẻ ấy đã sanh khởi phiền não, tùy phiền não triền như thế, chấp giữ chặt không bỏ.

- Chướng ngại do khinh mạn: Nghĩa là như có một hữu tình không tôn trọng pháp đã học, ở trong các học không hết lòng cung kính, đối với điều đã phạm không thấy sợ hãi, mà còn tạo phạm, phạm rồi thì không thể mau chóng phát lồ. Nơi trụ xứ của bậc đại sư cùng trong các học, Tánh Không tôn kính.

- Chướng ngại do tạo ác: Nghĩa là như có một hữu tình nhiễm ô tương tục, tiếp xúc tạo ác, đối với việc tạo ác ấy không thể khéo léo dứt trừ rốt ráo, luôn có giận dữ có thích thú nơi các việc tạo ác.

- Chướng ngại của đối tượng nhận biết (sở tri chướng): Nghĩa là như có một hữu tình Tâm mang biến đổi, hối tiếc, dựa nhân nơi giới tịnh không sanh hoan hỷ, do không hoan hỷ nên không sanh vui thích, như thế cho đến Tâm không được định. Do Tâm không định nên không nhận biết đúng như thật, quán xét đúng như thật. Do nhân duyên này, nên gọi là chướng ngại của đối tượng nhận biết. Chướng ngại do chậm chạp được tiếp xúc, nên đối với các phiền não và tùy phiền não làm

Tánh chấp trước. Do Tánh chấp trước nên lại bị chướng ngại do có tội xúc đối. Bị chướng ngại do có tội xúc đối nên ở trong các học không cung kính sâu xa, lại vui thích phạm tội. Vì vui thích phạm tội nên liền bị chướng ngại do khinh mạn xúc đối. Tức bị chướng ngại do khinh mạn xúc

đối, nên sanh hối tiếc không thể trừ bỏ. Đã sanh hối tiếc nên liền bị chướng ngại do tác ác xúc đối. Bị chướng ngại do tạo ác tiếp xúc nên sự biến đổi, hối tiếc càng tăng. Vì nhân duyên này, nói rộng cho đến Tâm không được định. Tâm không được định nên liền bị chướng ngại của đối tượng nhận biết xúc đối, Tác động. Như thế gọi là chướng ngại sanh khởi theo thứ lớp. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là năm thứ không chướng ngại, nghĩa là không có chướng ngại do chậm chạp cho đến không có chướng ngại do đối tượng nhận biết.

Lại nữa, ý lạc hủy hoại: Là đối với chỗ đã phạm hãy còn không thể ra khỏi, huống hồ là có thể không phạm.

Thế nào gọi là ý lạc hủy hoại? Nghĩa là lược có năm thứ:

1. Đối với tinh tấn không phát khởi mong muốn.
2. Đối với phiền não có dục nhiễm chấp.
3. Đối với chỗ đã phạm có khởi dục phạm.
4. Đối với việc tạo ác không mong muốn dứt trừ.
5. Đối với đẳng trì không muốn dẫn phát.

Lại nữa, ý lạc đầy đủ hãy còn không có phạm, huống hồ là tạo ra chỗ phạm.

Thế nào gọi là ý lạc đầy đủ? Nên biết đây cũng lược có năm thứ:

1. Đối với tinh tấn có mong muốn phát khởi.
2. Đối với phiền não không có dục nhiễm chấp.
3. Đối với chỗ đã phạm khởi mong muốn không phạm.
4. Đối với việc tạo ác có mong muốn trừ dứt.
5. Đối với đẳng trì có mong muốn dẫn phát.

Như Đức Thế Tôn nói: "Đối với tội đã phạm, do ý lạc nên ta nói có thể ra khỏi, không trị phạt".

Lại nữa, nên do mười xứ để xét tìm về đối tượng phạm. Nghĩa là do pháp Biệt giải thoát. Do phân biệt rộng về Tỳ-nại-da. Trong năm tụ phạm, do phạm về tự tướng. Do sáu thứ sai biệt nên thành tướng nặng:

1. Sai biệt về chế lập.
2. Sai biệt về sự.
3. Sai biệt của phiền não.
4. Sai biệt do gây tạo.
5. Sai biệt của Bổ-đặc-già-la.
6. Sai biệt về thời gian.

Do không xấu hổ, trừ Ba-la-xà-dĩ-ca, tướng tàn dư còn lại. Do mới hành tác, không phải mới hành tác, đã hiện hành. Do bức não nên xuất ly. Do chướng nạn nên xuất ly. Do có phạm lúc các Bí-sô bạch Đại sư. Do các Bí-sô bạch rồi, Đại sư vì muốn ngăn dứt, nên theo chỗ phạm tập hợp Tăng chúng. Do Tăng chúng tập hợp rồi, chế lập về chỗ đã phạm. Chế lập về chỗ phạm rồi, lại vào thời gian sau, theo sự mà mở ra, cho phép, khiến được rốt ráo, không có não hại.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết đã chế lập về xuất ly là hết sức sâu xa:

1. Xuất ly không nhiễm.
2. Xuất ly do bức não.
3. Xuất ly do chướng nạn.
4. Xuất ly không mưu tính.
5. Xuất ly nêu hối tiếc.

- Xuất ly không nhiễm: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp đã phạm nhỏ của một tùy thuận nhỏ, theo chỗ hành đã có, hoặc pháp thiện Tăng, pháp bất thiện giảm. Do nhân duyên ấy nên không nhiễm ô. Do không nhiễm ấy tức là xuất ly. Thế nên nói là xuất ly không nhiễm.

- Xuất ly do bức não: Nghĩa là như có một hữu tình gặp phải sự khốn khổ do bệnh nặng bức bách, ngoại trừ Tánh tội, đối với pháp phạm khá, theo chỗ hành đã có, vì sự bức não này tức là xuất ly, thế nên gọi là xuất ly do bức não.

- Xuất ly do chướng nạn: Nghĩa là như thấy có hữu tình thân mạng bị nạn hiện tiền, hoặc phạm hạnh bị nạn, ở trong pháp đã phạm nhỏ của sự thuận theo nhỏ, tùy chỗ hành đã có, do chướng nạn này tức là xuất ly, vì vậy gọi là xuất ly do chướng nạn.

- Xuất ly không mưu tính: Nghĩa là như có một hữu tình đi đến nơi phương khác, trải qua vùng đồng trống hoang vắng, là xứ thiếu thốn, theo đấy có một thứ pháp chướng nạn hiện tiền, tùy nơi sự hiện có nên thọ dụng cầu pháp thọ dụng nhưng không thể được, bèn sanh kính sợ thọ dụng sự ấy. Ở trong pháp đã phạm nhỏ của sự thuận theo nhỏ, tùy chỗ phạm đã có, do đấy không mưu tính tức là xuất ly, thế nên gọi là xuất ly không mưu tính.

- Xuất ly nêu hối tiếc: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong chỗ phạm chưa đầy đủ của năm tụ phạm, theo điều phạm hiện có, bèn đến trụ xứ của bậc có trí đồng phạm hạnh, dùng pháp bí mật của Tỳ-nại-da, phát lồ, nêu bày rõ, theo đúng pháp sám hối, dứt trừ.

Nói: "Pháp đã phạm nhỏ của sự tùy thuận nhỏ": Nghĩa là trừ Tánh tội.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết chế lập về dừng dứt là hết sức sâu xa:

1. Thanh tịnh.

2. Ngăn chặn sự phá hoại.

3. Nhằm tiếp nhận Bổ-đặc-già-la của nghĩa lợi rộng lớn khiến nhập nơi pháp.

4. Vì khiến Thánh giáo càng thêm Tăng thạnh.

5. Vì nhằm ngăn chặn những khó khăn cho đời sống.

- Thanh tịnh: Nghĩa là có các vị A-la-hán, việc cần làm đã làm xong, đạt được thanh tịnh, do chư vị đã chứng đắc thanh tịnh tột bực, nên Tăng chúng liền đối với học xứ nhỏ hiện có của chư vị cùng chỗ tùy thuận nhỏ, Tất cả đều được dừng dứt.

- Ngăn chặn sự phá hoại: Nghĩa là một phần Bí-sô ở trong chúng Tăng đối với điều đã phạm khởi tưởng không phạm, ở trong chỗ không phạm sanh tưởng có phạm. Một phần Bí-sô thì ở trong chỗ có phạm sanh tưởng có phạm, nơi chỗ không phạm sanh tưởng không phạm. Do nhân duyên này nên phát khởi vô số tranh chấp, chống trái nhau, vì thế khiến Tăng chúng không được an lạc. Vì muốn dứt hẳn sự tranh chấp ấy, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma. Nơi học xứ hiện có nhỏ cùng chỗ tùy thuận nhỏ đều cùng dừng dứt.

- Vì nhằm tiếp nhận Bổ-đặc-già-la của nghĩa lợi rộng lớn, khiến nhập nơi pháp: Nghĩa là như có một hữu tình thuộc tộc họ cao quý, ở trong Thánh giáo có nhiều hành tác. Tăng chúng gặp người ấy, không có phương tiện riêng có thể khiến nhập nơi pháp. Vì nhằm tiếp nhận khiến được hội nhập, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma, đối với học xứ nhỏ hiện có cùng chỗ tùy thuận nhỏ, đều được dừng dứt.

- Vì khiến Thánh giáo càng thêm Tăng thạnh: Nghĩa là nơi kiếp sau cùng, kiếp tranh chấp, kiếp cấu uế, lúc đang hiện tiền, vô lượng hữu tình đối với rất nhiều học xứ nhỏ cùng chỗ tùy thuận nhỏ, không vui thích tu học. Người chưa nhập pháp thì không mong muốn hướng nhập. Người đã nhập pháp rồi lại muốn lìa tan. Do đấy nên Thánh giáo dần dần suy thoái, không được tăng thạnh. Vì nhân duyên này nên Tăng chúng hòa hợp, nhằm khiến cho Thánh giáo được Tăng thạnh nên bạch Tứ yết-ma. Đối với học xứ hiện có nhỏ cùng tùy thuận nhỏ thảy đều dừng dứt.

- Vì nhằm ngăn chặn khó khăn cho đời sống: Là đối với kiếp sau cùng, kiếp tranh chấp, kiếp uế tạp, lúc hiện tiền, do các học xứ nhỏ, tùy thuận nhỏ, nên khiến các Bí-sô gặp khó khăn cho đời sống. Vì nhằm dứt trừ sự khó khăn cho đời sống, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma, dừng dứt học xứ.

Lại nữa, lược do năm thứ Bổ-đặc-già-la, đối với mười yết ma, nên biết chế lập về yết ma là hết sức sâu xa.

- Những gì là mười thứ Yết-ma? Đó là:

1. Yết-ma thọ cụ giới.
2. Yết-ma kiết giới.
3. Yết-ma trưởng dưỡng.
4. Yết-ma đồng ý.
5. Yết-ma hướng đến.
6. Yết-ma tứ cử.
7. Yết-ma trị phạt.
8. Yết-ma thâu nhận.
9. Yết-ma bạch nhị.
10. Yết-ma bạch tứ.

- Thế nào là năm thứ Bổ-đặc-già-la? Đó là:

1. Bổ-đặc-già-la dụ cho huệ sâu.
2. Bổ-đặc-già-la dụ cho anh vũ.
3. Bổ-đặc-già-la dụ cho đuốc sáng.
4. Bổ-đặc-già-la dụ cho ánh chớp.
5. Bổ-đặc-già-la dụ cho viết vẽ.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la dụ cho huệ sâu? Nghĩa là như có một hữu tình ở trong mười thứ Yết-ma đã nói trên, chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn, chỉ tùy nơi nghĩa chuyển, không tùy theo âm thanh, tuy ở trong ấy chưa tạo ngôn từ Yết-ma như thế, nhưng có thể dựa vào nghĩa, phát khởi ngôn ngữ, hành nơi nghĩa ấy.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la dụ cho anh vũ? Nghĩa là như có một hữu tình, chỉ dựa nơi văn, không dựa nơi nghĩa, chỉ tùy theo văn chuyển, không tùy nơi nghĩa, không thể dựa vào nghĩa mà phát khởi ngôn từ khác biệt.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la dụ cho đuốc sáng? Nghĩa là như có một hữu tình dựa nơi một ít yết ma liền tạo nhiều Tăng ích, hiện hành vô số ngôn từ tùy ý ví như ngọn đuốc sáng tỏ.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la dụ cho ánh chớp? Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc vào một thời gian ở trong các Yết-ma và các học hiện bày điều có thể thấy được, hoặc nơi một thời gian đều không hiện thấy, ví như ánh chớp.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la dụ cho viết vẽ? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ chế lập ngôn từ Yết-ma, tức như vậy chuyển không tăng không giảm, như người viết vẽ.

Lại có năm thứ Tỳ-nại-da giả dối:

1. Chế lập học xứ giả dối.

2. Chế lập chỗ phạm giả dối.

3. Chế lập xuất ly giả dối.

4. Chế lập dừng dứt giả dối.

5. Chế lập Yết-ma giả dối.

- Thế nào là chế lập học xứ giả dối? Tức như có một hữu tình, được chế lập học xứ không nhập nơi Khế kinh, không hiện nơi Luật, trái ngược với pháp Tánh. Trái ngược với pháp Tánh: Nghĩa là có thể làm tăng trưởng các pháp bất thiện cùng có thể làm tổn giảm các pháp thiện hiện có.

- Thế nào là chế lập chỗ phạm giả dối? Tức như có một hữu tình, ở trong chỗ có phạm cho là không phạm, ở trong chỗ không phạm cho là có phạm.

- Thế nào là chế lập xuất ly giả dối? Tức như có một hữu tình, đối với nẻo không xuất ly cho là xuất ly, ở trong nẻo xuất ly cho là không xuất ly.

- Thế nào là chế lập dừng dứt giả dối? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ không nên dừng dứt, chế lập dừng dứt, ở trong chỗ nên dừng dứt thì chế lập không dừng dứt.

- Thế nào là chế lập Yết-ma giả dối? Nghĩa là như có một hữu tình đối với không phải pháp yết ma lập pháp Yết-ma, ở trong pháp Yết-ma thì lập không phải pháp Yết-ma.

Lại nữa, trừ mười thứ sự, nếu có Bí-sô đối trước người khác, nêu bày chỉ rõ về các Bí-sô khác đã hoại giới, hoại kiến, hoại các phép tắc cùng hoại chánh mạng, nên biết những lời nói ấy là không thanh tịnh.

- Thế nào là mười sự? Đó là:

1. Đối với Phật bảo muốn tạo tổn hại. Như đối với Phật bảo

2. Đối với Pháp bảo.

3. Đối với Tăng bảo, nên biết cũng thế.

4. Thấy do điều kia nên hoại Giới, hoại kiến, hoặc hoại phép tắc, hoặc hoại chánh mạng, phẩm loại dần dần tăng trưởng lớn rộng, hoặc nghe hoặc nghi.

5. Thấy kẻ kia hiển bày các việc hủy hoại như thế là không phải Chánh pháp, hoặc nghe hoặc nghi.

6. Muốn khiến cho kẻ kia ra khỏi xứ pháp bất thiện là hoại giới hoại kiến v.v… cùng muốn đặt yên họ nơi xứ của các pháp thiện.

7. Vì hộ trì Tâm khác, chớ khiến kẻ khác tạo sự hiểu biết như vầy: Các Bí-sô ấy thảy đều hoại giới hoại kiến hoại phép tắc, hoại chánh mạng, nhưng cùng che giấu.

8. Hoặc có thí chủ, hoặc là Ô-ba-sách-ca, hoặc xây dựng chùa, chủ thưa với Tăng chúng, nói như vầy: "Tôi không chấp nhận các vị có hoại giới cho đến hoại chánh mạng trụ Tại nơi đây! Các vị Bí-sô nếu thấy kẻ hoại giới cho đến hoại chánh mạng, nên báo cho tôi biết!". Nếu các Tăng chúng cùng nghe lời này.

9. Hoặc có người thấy kẻ khác, do nhân duyên này, trong lòng mang nỗi giận trách, muốn dấy khởi điều vô nghĩa, hoặc nghe hoặc nghi.

10. Tăng chúng đối với kẻ hành pháp ác, làm nhiễm ô nhà người khác, do hoại giới hoại kiến hoại phép tắc hoại chánh mạng ấy: nhưng không có đủ năng lực để trị phạt, đuổi đi. Chỉ có một nhân, chỉ có một duyên, đó là hướng đến kẻ khác, nói sự không thanh tịnh của kẻ kia. Hoặc nhân sự đố kỵ, hoặc nhân nơi giận ghét, hoặc nhân nơi của cải, lợi lộc, muốn hủy hoại, muốn bức não, muốn khiến tổn hại. Do duyên ấy nên hướng tới kẻ khác để nói. Nên biết đó gọi là nói không thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da, lược có năm thứ sự của các thí dụ có thể hiển bày nghĩa của pháp:

1. Sự của bản sanh.

2. Sự của bản sự.

3. Sự của ảnh tượng.

4. Sự giả hợp.

5. Sự thí dụ.

- Sự của bản sanh: Là nói về sự nơi hạnh Bồ-tát của đời trước.

- Sự của bản sự: Là nói về các sự tương ưng của đời trước.

- Sự của ảnh tượng: Là nói về các dụ như sữa, lạc, sanh tô, thục tô, đề hồ, với hình ảnh hiển bày về Bổ-đặc-già-la tối thắng.

Lại dùng bảy thứ dụ về hữu tình ở trong sông của thế gian, hình ảnh

hiển bày về bảy thứ Bổ-đặc-già-la trong Chánh pháp. Như thế, chủng loại của ảnh tượng còn lại đều nên nhận biết rõ.

- Sự giả hợp: Nghĩa là dụ về đại vương, hoặc dụ về lương y. Vô lượng dụ khác của loại như thế, thuận theo phẩm nhiễm ô cùng thanh tịnh.

Lại có hiện thấy các dụ của thế gian, hoặc dựa nơi phẩm Tạp nhiễm, hoặc dựa nơi phẩm thanh tịnh. Do phần ít cùng tương ưng kia, nên giả hợp mà nói.

- Sự thí dụ: Là nói về rất nhiều thí dụ rộng lớn. Như thí dụ về lớn cùng vô lượng dụ khác nơi các loại như thế.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên kiến lập đối tượng nhận biết về các pháp có sai biệt. Năm thứ tướng là:

1. Do Sự.
2. Do phẩm Nghiệp có sai biệt.
3. Do nơi chốn dựa của Trí có sai biệt.
4. Do Trí có sai biệt.
5. Do gồm thâu Trí khác có sai biệt.

- Thế nào là do Sự? Nghĩa là lược nói tất cả pháp hữu vi vô vi, gọi là Sự của đối tượng nhận biết.

- Thế nào là do phẩm Nghiệp có sai biệt? Nghĩa là sự này lại có năm phẩm được nhận biết có sai biệt, cùng năm phẩm được nhận biết ấy đã Tạo nghiệp. Những gì là năm? Đó là:

1. Đối tượng nhận biết này hoặc có giả lập nên gọi là đối tượng nhận biết.
2. Hoặc có thắng nghĩa nên gọi là đối tượng nhận biết.
3. Hoặc có chỗ tạo tác rốt ráo nên gọi là đối tượng nhận biết.
4. Hoặc có tha Tâm hành tịnh bất tịnh, nên gọi là đối tượng nhận biết.
5. Hoặc có tất cả chủng loại riêng, nên gọi là đối tượng nhận biết.

Nếu Trí thế tục có thể biết rõ về đối tượng được nhận biết giả lập.

Biết về giả lập nên nhận biết rõ đúng như thật về pháp thiện, bất thiện của đạo lý thế tục, có tội không tội, nói rộng cho đến pháp duyên sanh, một phần nên xa lìa, một phần nên tu tập.

Lại có thể nhận biết rõ về ngôn thuyết thế tục, du hành nơi thế gian, theo nhân theo duyên dấy khởi các hành về Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí.

Có thể biết rõ về đối tượng nhận thức của thắng nghĩa. Do nhận biết về thắng nghĩa, nên có thể chứng biết pháp do Kiến đạo, Tu đạo đoạn trừ, có thể chứng đắc Tận trí, Vô sanh trí. Có thể biết rõ về sự tạo tác rốt ráo nơi đối tượng nhận thức. Nhận biết sự tạo tác rốt ráo, nên

Tâm được quyết định, không có nghi hoặc, ở trong chỗ tự quyết đoán, lìa bỏ Tăng thượng mạn.

Trí tha Tâm có thể biết rõ về hành tịnh bất tịnh của Tâm kẻ khác nơi đối tượng được nhận thức. Do nhận biết điều ấy nên biết rõ như thật về giới ý lạc hiện có cùng tùy miên của kẻ khác.

Trí của mười lực có thể biết rõ về tất cả chủng loại riêng nơi đối tượng được nhận thức. Do nhận biết như thế, nên có thể đối với kẻ khác khởi tất cả chủng loại chỉ dạy trao khuyên chính đáng. Có thể đoạn trừ nghi hoặc của hết thảy hữu tình. Có thể khéo an lập tất cả hữu tình nơi quả của nẻo thiện, cũng có uy lực lớn trong sự giải thoát. Có thể tạo mọi sự lợi ích cùng an lạc cho hết thảy hữu tình. Như thế gọi là năm phẩm đối tượng nhận biết cùng năm thứ nghiệp.

- Thế nào là do nơi chốn nương dựa của Trí có sai biệt? Nghĩa là có hai thứ:

1. Hành tự lợi.
2. Hành lợi tha.

Hoặc tùy thuận Trí thế tục đoạn trừ. Hoặc Trí thắng nghĩa có thể đoạn trừ chính đáng. Hoặc đối với Trí tạo tác rốt ráo đã đoạn trừ. Các Trí như thế nên biết là nương nơi chỗ dựa của hành tự lợi. Hoặc đối với Tha Tâm trí hiện có của Giới ý lạc và tùy miên nơi kẻ khác. Hoặc ở trong tất cả chủng loại riêng nơi đối tượng nhận thức, với Trí của mười lực hiện có. Hai Trí như thế nên biết là nương nơi chỗ dựa của Hành lợi tha. Như thế gọi là do chỗ dựa của Trí có sai biệt.

- Thế nào là do Trí có sai biệt? Nghĩa là Trí thế tục hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, chỉ là thế gian. Vô lậu: Tức ở trong tất cả thân vô học đã đoạn trừ, có thể chứng đắc. Đây cùng với phần còn lại gọi chung là Trí thế tục, cũng chỉ là thế gian. Nên biết Pháp trí, Loại trí còn lại là xuất thế gian, cũng chính là vô lậu.

Tận trí, Vô sanh trí, nên biết chỉ sanh trong chỗ lậu đã dứt hết, hoặc không phân biệt Tận và vô sanh. Nghĩa là ta đã đạt được các lậu hoàn toàn dứt hết, đối với khổ nơi vị lai không còn sanh nữa, chính là vô lậu, chỉ là xuất thế gian.

Nếu Tạo phân biệt như thế, chỉ là vô lậu nơi thế gian, xuất thế gian.

Thuộc về Trí thế tục là Tha Tâm trí sanh trong sự tương tục của A-la-hán ấy chưa từng đạt được, chỉ là thế gian.

Nếu Tại phàm phu cùng trong sự nối tiếp của bậc hữu học, là hữu lậu. Nếu ở trong sự nối tiếp của bậc vô học, là vô lậu.

Hỏi: Do nhân duyên nào, nên các Trí thế tục trong thân thanh tịnh gọi là vô lậu?

Đáp: Do trong thân kia, các tùy miên của lậu đã hoàn toàn đoạn trừ. Lại, các Trí này là cảnh nơi đối tượng hành hiện bày của Tha Tâm trí. Tha Tâm trí này tánh không nhiễm ô, không phải là cảnh nơi đối tượng hành được hiện bày của nhiễm ô khác.

Lại, tự tánh của Trí ấy không cùng tương ưng với tất cả phiền não. Thế nên Trí ấy do tùy miên, do đối tượng duyên, do tương ưng, nên đều thành vô lậu.

Trí mười lực, ở trong sự tương tục của Như lai, là chưa từng được, chỉ là vô lậu, thuộc về Trí thế gian. Vì sao? Vì do Nhất thiết chủng trí này đều mang theo hý luận mà hiện hành.

- Thế nào là do gồm thâu Trí khác có sai biệt? Nghĩa là: Trí thần thông, Trí giải thoát môn, Trí vô ngại giải, Trí không tranh, Trí nguyện, Trí của lực, Vô úy, Niệm trụ, Tất cả chủng nơi pháp Phật bất cộng, theo chỗ ứng hợp, nên biết đều là thuộc về các Trí như trước đã nói. Nghĩa là năm thần thông, đều thuộc về Trí thế tục.

Nếu các phàm phu cùng trong sự nối tiếp của các bậc hữu học, đều là hữu lậu. Nếu ở trong sự nối tiếp của các bậc vô học, thì đều là vô lậu. Thần thông thứ sáu, thuộc về hai Trí là Tận trí và Vô sanh trí. Hai Trí này như trước đã nói, nên biết. Trí của môn giải thoát không, thuộc về Tám Trí, nghĩa là Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí cùng Tận trí, Vô sanh trí xuất thế gian.

Trí của môn giải thoát vô nguyện thuộc về sáu Trí, nghĩa là Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Tận trí, Vô sanh trí.

Trí của môn giải thoát vô tướng thuộc về năm Trí, là Pháp trí, Loại trí, Diệt trí, Tận trí, Vô sanh trí.

Trí vô ngại giải, Trí vô Tánh, Trí nguyện, Trí mười lực v.v… nơi tất cả pháp Phật bất cộng đều thuộc về Trí thế tục, đều là vô lậu.

Tại A-la-hán cùng trong sự tương tục của Như lai, như chỗ ứng hợp đều nên biết. Kiến lập tướng của các môn giải thoát, như nơi phần Bản địa đã nói. Pháp Phật bất cộng cùng vô ngại giải, như nơi địa Bồ Tát đã nêu rõ.

Lại nữa, thế nào là Thần cảnh? Thế nào là Thần cảnh trí? Thế nào là tác chứng Thần cảnh trí? Nghĩa là, từ một loại biến tạo ra nhiều loại, như thế nơi rộng cho đến thân tự tại của Phạm Thế chuyển. Đó gọi là Thần cảnh. Do Thần cảnh trí đối với cảnh giới này lãnh nhận, thị hiện, thế nên gọi đấy là Thần cảnh. Nếu Trí gồm đủ uy đức lớn, do tu tạo thành là quả của tu, gọi là Thần cảnh trí. Do Trí này đối với cảnh kia có thể lãnh nhận, có thể thị hiện, vì vậy gọi đấy là Thần cảnh trí. Tức chủng tử của Trí này, do chỗ thâu nhận của sanh duyên, nên uy lực Tăng trưởng nối tiếp tùy chuyển, gọi là tác chứng Thần cảnh trí. Như thế, tất cả được gồm thâu chung làm một, gọi là tác chứng thần cảnh trí.

Thế nào là Thiên nhĩ? Thế nào là Thiên nhĩ trí? Thế nào là tác chứng Thiên nhĩ trí? Nghĩa là, nếu tu quả sắc thanh tịnh thuộc về nhĩ (Tai) thì đó gọi là Thiên nhĩ. Trí dựa nơi nhĩ thức tương ưng gọi là Thiên nhĩ trí. Tác chứng của Trí này nên biết như trước đã nói. Như vậy, tất cả được gồm thâu chung làm một, như đã nêu ở trước.

Lại nữa, do đạo lý này, nên tất cả chỗ tạo lời hỏi chung còn lại, như trước nên biết. Lời giải thích hiện có, theo chỗ ứng hợp, nay sẽ nêu rõ. Nghĩa là các Tâm khác, do có sai biệt như tham v.v… mà chuyển nên gọi là Tâm sai biệt. Nếu gồm đủ uy đức lớn, do tu tạo thành, là quả của tu, duyên nơi Trí kia làm cảnh, gọi là Trí của Tâm sai biệt. Trí này Tác chứng, như trước nên biết. Như thế, tất cả được gồm thâu chung làm một, như trước đã nêu. Nếu đối với tự thể có sai biệt của đời quá khứ, nhận biết rõ, ghi nhớ, gọi là "Túc trụ tùy niệm". Hoặc Trí gồm đủ uy đức lớn, do tu tạo thành, là quả của tu, nương dựa nơi niệm, cùng với niệm tương ưng, nên mới được chuyển, do đó gọi là Trí túc trụ tùy niệm. Phần còn lại như trước đã nói.

Nếu các hữu tình, đối với vô số sai biệt của sắc tốt xấu v.v… từ chúng hữu tình có những sai biệt kia mất đi, nơi chúng hữu tình riêng khác ấy sanh ra, gọi là tử sanh.

Nếu quả của tu là sắc thanh tịnh thuộc về nhãn (mắt) dùng làm chỗ dựa, duyên nơi cảnh tử sanh, Thức tương ưng với Trí, gọi là Trí tử sanh. Phần còn lại như trước đã nói.

Nếu tất cả Kiết đã vĩnh viễn đoạn trừ không còn sót, gọi là lậu Tận. Tức ở trong ấy, tận trí cùng Vô sanh trí thế gian gọi là Trí lậu tận. tất cả phần còn lại nên biết như trước.

Lại nữa, những vị gồm đủ thần thông tu hành Quán: Nếu gặp lúc thuận tiện liền có thể thị hiện, hoặc lại an trụ, hoặc hành lợi tha, hoặc ở

trong ấy có thể khéo hỏi, ghi. Do đó gọi là người có đủ thần thông.

Lại nữa, ba thông trước là thông, không phải minh. Ba thông sau, cũng là thông, cũng là minh, do có thể đối trị ngu của ba đời.

Lại, thần thông thứ nhất có thể xoay chuyển loại khác, khiến kẻ khác đối với mình phát sanh tôn kính. Thần thông thứ hai, nhận biết về ngũ nghiệp nhiễm tịnh nơi đối tượng hành của kẻ khác, có thể khéo trách cứ khiến kẻ kia hoan hỷ. Thần thông thứ ba khéo có thể nhận biết về Tâm hành hoặc thiện hoặc bất thiện của kẻ khác có sai biệt, có thể chỉ dạy, trao truyền cùng khuyên bảo đúng đắn.

Ba thần thông sau có thể khiến xa lìa hai biên thường, đoạn, có thể lìa bỏ Tăng thượng mạn, đạt không điên đảo, dựa nơi lậu dứt hết, tuyên thuyết về Trung đạo, tức ở trong ấy có thể khéo chỉ dạy, trao truyền.

Lại nữa, quán xét về uy lực của ba thứ nghĩa nơi Bí-sô A-la-hán lợi căn, câu phần giải thoát, trụ nơi định vô tránh. Nghĩa là hoặc có một hữu tình, trước từng ở nơi đẳng trì vô tránh kia, nghe có vô lượng thắng lợi sai biệt, Tâm sanh hỷ lạc, phát khởi nguyện thù thắng. Do nhân duyên ấy, duyên nơi định kia làm cảnh, ý lạc mãnh liệt, thường xuyên huân tu. Vị ấy đã chứng đắc A-la-hán rồi, do định kia làm nhân, do định ấy làm duyên, tức ở trong đó, Tâm vui thích hướng nhập, vì vậy hôm nay trụ nơi định vô tránh.

Lại, như có một hữu tình, xưa, lúc là phàm phu, khiến các hữu tình dấy khởi vô số tranh chấp, đối với các kẻ tranh chấp kia phát sanh đủ loại sự sân hận, não hại. Nay đã chứng đắc quả A-la-hán, đối với các hành ngu phu đã hành thời xưa, sanh hối hận xấu hổ lớn, vì thế hôm nay trụ nơi định vô tránh.

Lại, như có một hữu tình, tự mình đã chứng đắc quả A-la-hán, muốn khiến cho vô lượng chúng sanh Tạo Tác thuận hợp, hiện pháp thọ nhận nghiệp quả đáng yêu thích. Lại nhằm khiến họ ở trong hiện pháp thọ nhận quả đáng yêu thích. Lại nhằm khiến họ ở trong hiện pháp thọ nhận quả đáng yêu thích, do đó tạo phương tiện trụ nơi định vô tránh. Do nhân duyên ấy, huân tu biên vực thuộc Tĩnh lự thứ tư dùng làm chỗ dựa, phát sanh Tam-ma-địa tưởng vô tránh, phòng hộ tha Tâm, tự mình dấy khởi tất cả oai nghi, trọn không khiến kẻ khác khởi phiền não tranh chấp. Thế nên gọi đây là vô tránh (không tranh).

Như thế, vì nhằm phòng hộ tha Tâm, nên tùy chỗ nương dựa là trụ nơi làng xóm thôn ấp, thứ lớp quán xét Tâm của các chúng sanh khắp các chốn kia. Quán xét về Tâm nơi đời vị lai của mỗi mỗi chúng sanh thuộc tất

cả gia đình, khắp mọi phố phường. Quán như vậy rồi, vị ấy hoặc nhận biết rõ về thôn ấp như thế, xóm làng như thế, gia thuộc như thế, chúng sanh như thế, nên đối với Ngã sở, lúc vừa được thấy, tất định sanh khởi các phiền não tranh chấp, tức liền ẩn tránh, khiến các chúng sanh kia đều không thể thấy. Vị ấy, nếu nhận biết rõ là không do thấy, do không thấy, nên sanh phiền não tranh chấp, tức tạo phương tiện khiến chúng sanh kia được thấy. Vị ấy nếu nhận biết rõ, do tùy thuận nê khiến không khởi tranh chấp, tức nên quan sát sự việc được tùy thuận là tịnh hay bất tịnh. Nếu là thanh tịnh, tức cùng đồng thấy chỗ tùy thuận nơi sự kia. Nếu không thanh tịnh, hoặc lại quán xét sự việc của chỗ tùy thuận kia, khiến kẻ khác nối tiếp dấy khởi phiền não tranh chấp. Đã quán xét rồi, thì không đồng cùng thấy. Lại, quán xét kỹ, hoặc nhân nơi ngôi ngữ như thế, uy nghi như thế, thâu nhận như thế, thọ dụng các vật như y phục v.v… như thế, thuyết pháp như thế, khuyên bảo dẫn dắt như thế, khiến kẻ khác vẫn nối tiếp dấy khởi phiền não tranh chấp, tức liền xa lìa. Ngôn ngữ như thế, nói rộng cho đến khuyên dẫn như thế. Vị ấy do phần nhiều trụ nơi trụ như vậy, hành nơi hành như vậy, thế nên gọi là trụ nơi vô tránh.

Thế nào là Trí nguyện? Nghĩa là Bí-sô A-la-hán lợi căn, câu phần giải thoát, huân tu biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư làm chỗ nương dựa. Nếu là thừa Thanh văn thì theo cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí Thanh văn. Nếu là thừa Độc giác thì tùy theo cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí Độc giác, khởi nguyện như vầy: "Nguyện cho con sẽ nhận biết về cảnh giới của đối tượng nhận thức như thế như thế. Từ đấy hướng nhập, huân tu về biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư. Đã nhập định rồi, tùy theo sở nguyện từ trước, hết thảy đều nhận biết rõ, hoặc như là Trí không chướng ngại của chư Như-lai hiện bày khắp nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Lại nữa, chư Phật Như-lai, đối với định vô tránh không thường xuyên hội nhập. Vì sao? Vì có những sự việc tạo lợi ích thù thắng cho các chúng sanh, do khởi phiền não nên cùng lúc thành tựu đầy đủ. Như lai, đối với sự việc tạo lợi ích thù thắng ấy, không thể dứt bỏ.

Lại nữa, như huân tu biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư dùng làm chỗ dựa, dẫn phát vô tránh cùng Trí nguyện, nên biết diệu trí nơi tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của Như-lai cũng thế. Các thần thông còn lại, Tất cả Tĩnh lự dùng làm chỗ dựa, đều có thể dẫn phát.

Lại nữa, chỉ dựa nơi các Tĩnh lự cùng định vị chí, cận phần của Tĩnh lự thứ tư, có thể nhập hiện quán Thánh đế, không phải là định vô sắc. Vì sao? Vì trong định vô sắc, đạo Xa-ma-tha hơn, đạo Tỳ-bát-xá-na kém,

không phải đạo Tỳ-bát-xá-na kém mà có thể nhập nơi hiện quán Thánh đế, cũng không phải sanh nơi địa trên, hoặc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc, có thể đầu tiên nhập nơi hiện quán Thánh đế. Vì sao? Vì nơi xứ kia khó sanh chán lìa. Nếu chán lìa phần ít hãy còn không thể nhập hiện quán Thánh đế, huống hồ là nơi xứ ấy, tất cả Tâm chán lìa, dù chỉ một phần ít cũng không.

Lại nữa, sẽ nói về Trí thế tục cùng Trí vô lậu xuất thế gian, nơi thời kỳ đầu giữa sau sanh khởi có sai biệt.

Nghĩa là Trí thế tục, lúc đầu nơi phần vị phàm phu, khởi năm thứ kiến nhiễm ô, cùng với tham v.v… tương ưng như trước đã nói. Các Trí thế tục nhiễm ô là Trí Tà, cần đoạn trừ. Nên biết vì muốn sanh khởi sự đối trị chúng nên lại khởi kiến không điên đảo, thâu nhận tin tưởng nơi thế gian, là thuộc về Trí thế tục hữu lậu, thiện. Do chánh kiến này làm chỗ dựa, nên tiếp theo là khởi huệ diệu do văn, tư Tạo thành. Nơi các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng là thuộc về Trí thế tục hữu lậu, thiện. Do huệ ấy làm chỗ dựa, nên tiếp theo, ở trong đạo phương tiện của phần thuận quyết trạch, nhờ huệ do tu tạo thành, nên đối với các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng thuộc về Trí thế tục hữu lậu thiện. Dùng huệ đó làm chỗ dựa, tiếp đến dấy khởi phương tiện của kiến đạo nơi phần thuận quyết trạch, cùng hành với huệ do tu tạo thành, đối với các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng thuộc về Trí thế tục hữu lậu thiện.

Do đấy làm chỗ dựa, tiếp đến dấy khởi pháp Thế đệ nhất, là chánh kiến thuộc về đạo vô gián của kiến đạo, cũng là Trí thế tục hữu lậu thiện gồm thâu. Như thế gọi là thứ lớp sanh khởi của các Trí thế tục nơi địa phàm phu thuộc giai đoạn đầu.

Lại, tức dùng Trí thế tục thuộc về pháp Thế đệ nhất kia làm chỗ dựa, nên có thể nhập kiến đạo. Lúc lên kiến đạo, tức trước đã tu tập chủng tử hiện có của Trí thế tục thiện. Do sự huân tu kia đều được thanh tịnh, nên cũng gọi là tu. Đây tức gọi là các Trí thế tục của hiện quán biên về đế. Xuất sanh kiến đạo rồi, sanh khởi Trí này, chứng đắc giải thoát các pháp do kiến đạo đoạn trừ, tức xưa nay đối với các pháp đó chưa từng được giải thoát. Nhờ sự sanh ấy, nên các Thánh giả này ở trong chỗ đoạn trừ phiền não do kiến đạo đoạn, có thể phân biệt đúng đắn. Nghĩa là nơi Na-lạc-ca, ta đã vĩnh viễn dứt hết, cho đến không còn bị đọa nơi nẻo ác. Lại có thể nhận biết rõ: Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu. Lại có thể nhận biết rõ: Ta nay đã đoạn trừ các phiền não hiện có như thế, như thế. Lại, theo chỗ mong muốn, nên có thể vì kẻ khác được "Ký biệt", sẽ tạo sự kiến lập. lại quán xét kỹ mà "Ký biệt. Lại có thể ở nơi hiện quán các Thánh đế, do huệ không điên đảo nên

chánh thức kiến lập.

Lại, đối với pháp trên đây, theo chỗ ứng hợp với xứ chưa lìa dục. Do đạo thế gian lần lượt tu tập có thể lìa dục kia, cho đến có thể ở nơi xứ Vô sở hữu lìa dục, tác chứng. Các Thánh giả này dùng Trí xuất thế gian hậu sở đắc các Trí thế tục, lúc lìa các dục, nên biết đòng với chỗ tạo tác lìa dục không phải là Thánh đạo kia, thì chỉ có thể tổn phục chủng tử của phiền não, không phải cho là vĩnh viễn đoạn từ. Trí thế tục này là Trí xuất thế gian hậu sở đắc, nên nói Trí này cũng là thế gian cũng là xuất thế gian, không nên hoàn toàn gọi là thế gian.

Lại, tu tập Trí này lược có bốn đạo:

1. Đạo phương tiện.
2. Đạo vô gián.
3. Đạo giải thoát.
4. Đạo thắng tiến.

Nơi tất cả địa, tu đạo đoạn trừ chín phẩm phiền não bậc thượng, theo số phẩm, mỗi mỗi đều có sai biệt, có thể tùy thuận đoạn trừ. Đó gọi là đạo thứ nhất.

Có thể đoạn từ không gián đoạn, là đạo thứ hai. Đoạn từ liên tục rồi là đạo thứ ba. Tiếp sau nơi sự đoạn từ ấy là đạo thứ tư. Đạo thắng tiến này lại có hai thứ:

1. Hoặc có vô gián là đoạn phẩm còn lại, tu đạo phương tiện. Ở đây, đối với phẩm trước gọi là đạo thắng tiến, đối với chỗ đoạn sau gọi là đạo phương tiện.

2. Hoặc có vô gián không tu phương tiện, chỉ đối với phẩm trước sanh tưởng như chân, không cầu tiến hơn, hoặc trụ nơi phóng dật, hoặc đối với chỗ đã đoạn, dùng Trí quan sát để lại quán xét. Hoặc có khi chỉ dùng "Tác ý tứ sát" mà xét tìm. Nên biết đạo này chỉ gọi là thắng tiến. Trừ định vị chí, tất cả cận phần còn lại trong địa chỉ có Tục trí, không có Trí xuất thế gian. Vì sao? Vì do địa vị chí là tâm định đầu tiên nơi Tĩnh lự thứ nhất. Tâm định hiện có trên đều trước có định, nên Thánh đệ tử từ đấy trở lên, chỉ dựa nơi căn bản, tu Trí xuất thế, không dựa nơi cận phần.

Các Trí hiện có trong hữu thứ nhất đều thuộc về Tục trí. Vì sao? Vì nơi xứ kia, tác ý cùng với tác ý của Thánh trí xuất thế gian không đồng phận, chỉ tạo chỗ thâu nhận các định có tưởng nơi tác ý xuất thế gian của hành Phi tưởng phi phi tưởng. Khởi đầu từ địa học cho đến nơi các Trí thế tục này, nên biết đều gọi là Tục trí của giai đoạn giữa.

Ở trong thân bậc A-la-hán, tất cả giải thoát vô lậu thanh tịnh hiện có, đối với hết thảy phiền não trói buộc, tất cả Tận trí, Vô sanh trí cùng các Trí thế tục thuộc về công đức của hết thảy thần thông còn lại, đều thuộc Trí thế tục của giai đoạn sau.

Lại nữa, Trí thế tục nơi ba giai đoạn đầu giữa sau của các Bồ tát: nghĩa là từ địa hành thắng giải cho đến tất cả Trí thế tục hiện có của địa đạt đến cứu cánh.

Giai đoạn đầu: Là địa hành thắng giải.

Giai đoạn giữa: Là từ địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh, cho đến địa hành quyết định.

Giai đoạn sau: Là địa đạt đến cứu cánh.

Lại, các Bồ tát ở trong các địa khởi hai thứ hành:

1. Hành có tưởng hý luận sai biệt.
2. Hành lìa tưởng hý luận hiện hành.

Giống với xuất thế gian, khéo tu Trí ấy nên đạt được Trí thế tục hậu sở đắc gồm thâu Trí không chướng ngại.

Lại, các Bồ-tát có Nguyện trí cùng với Như-lai, giống như các Trí thế tục, hơn hẳn các Thanh văn, Độc giác đạt được tất cả Nguyện trí các thần thông, và Không trí v.v… nên biết cũng thế. Do các Bồ tát, với công đức hiện có đều dựa nơi chủng tánh của mười lực mà chuyển. Hàng Nhị thừa thì không như thế.

Lại nữa, như vậy là đã nói về các Trí thế tục của ba giai đoạn đầu giữa sau. Ba giai đoạn đầu giữa sau nơi các Trí xuất thế gian, phần tiếp theo sẽ nối. Nghĩa là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo, hoặc Kiến đạo của phẩm Pháp trí đối trị các hoặc của cõi Dục do Kiến đạo đoạn trừ. Hoặc Kiến đạo của phẩm Loại trí, đối trị hoặc của cõi Sắc, Vô sắc, do Kiến đạo đoạn trừ.

Hỏi: Hết thảy loại trí lúc hiện tiền đều có thể phân biệt, nhận biết về cõi Sắc, Vô sắc không?

Đáp: Nếu có hành giả, từng đối với các pháp hiện có nơi hai cõi Sắc, Vô sắc, khéo lãnh hội, khéo tư duy, khéo giữ lấy tướng, thì có thể phân biệt, nhận biết. Nếu không như thế thì không thể.

Các Trí còn lại, hoặc ở nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc tại phẩm Xa-ma-tha, thuộc về hai phẩm Pháp trí, Loại trí.

Lại, đối với Kiến đạo, lúc Trí thứ nhất sanh, các Trí khác nhân đấy có thể sanh khởi chỗ thâu nhận của duyên, nên hết thảy Kiến đạo đều được tăng trưởng, tức nơi sát na này đều gọi là đắc. Ở đây, đắc rồi, vào lúc sau

dần dần theo thứ lớp hiện tiền. Nên biết Kiến đạo này là đạo thắng tiến.

Ở trong Tu đạo, nếu có tu tập đạo xuất thế gian mà lìa dục, nên biết như trước đã nói về đạo phương tiện v.v…, đều là xuất thế. Nếu ở trong các Thánh đế như Khổ, có tưởng hý luận mà hiện hành, là Trí thế tục. Lìa tưởng hý luận mà hiện hành, là Trí xuất thế. Vì đối với các đế, do tưởng có tướng khéo giữ lấy tướng. Vì như lúc trước đã tu tập vô số Trí vi diệu đã thấy đã biết. Vì do các hành khéo chán lìa của thế gian khiến tâm chán lìa. Vì thọ dụng vô số pháp lạc thượng diệu, nên các Thánh giả này cũng tu đạo lìa dục của thế gian để lìa các dục.

Trong địa vô học, tức như đã nói về Trí xuất thế gian. Giải thoát do tu đạo đoạn trừ hoặc, nên hết sức thanh tịnh.

Lại, Trí xuất thế có thể làm nơi chốn nương dựa, nắm giữ tất cả công đức thế gian. Có thể khiến cho tất cả các công đức hiện có nơi địa trên, địa dưới đều tự tại chuyển. Như thế gọi là thứ lớp sanh khởi của Trí xuất thế gian nơi ba giai đoạn trước giữa sau.

Lại nữa, các Thần cảnh trí, hoặc do gia hạnh đắc, hoặc sanh đắc.

Gia hạnh đắc: Như phàm phu, hàng hữu học sinh nơi cõi này, cùng với quả tu tập hiện có của các Bồ-tát vô học.

Sanh đắc: Là sanh nơi cõi Sắc, do trước đã tu tập làm nhân duyên, nên về sau sanh trong cõi ấy, tức liền đạt được.

Lại có chư Thiên và loài người nơi cõi Dục, do một phần quả phước đã đem đến, như vua Mạn-đà-đa v.v…

Lại, nơi nẻo Bàng sanh, như các loài chim bay v.v…, thâu nhận chúng đồng phận như thế, nên như có được thần thông. Một lần cõi Quỷ cũng lại như vậy.

Lại có uy đức của chú thuật, cỏ thuốc cũng như thần thông. Như tạo huyễn hoặc sai khiến tử thi v.v… tức do đạo lý sai biệt như thế. Bốn thần thông còn lại, với những sai biệt hiện có, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, thế nào là pháp của đối tượng nhận thức? Nghĩa là, tất cả pháp đều là đối tượng nhận thức, các thức là chủ thể nhận thức. Do năm thứ tướng, nên các thức có sai biệt. Như chỗ ứng hợp đã kiến lập đối tượng nhận thức. Những gì là năm thứ tướng? Đó là:

1. Dựa nơi duyên sai biệt.
2. Vui buồn sai biệt.
3. Hơn kém sai biệt.

4. Tâm sở sai biệt.

5. Chướng trị sanh sai biệt.

- Thế nào là dựa nơi duyên sai biệt? Nghĩa là do chỗ dựa, do đối tượng duyên sai biệt, nên kiến lập sáu thức như nhãn thức v.v… có sai biệt. Nhãn thức "Liễu biệt" về cảnh giới của các sắc. Các thức còn lại, mỗi mỗi thức đều liễu biệt về cảnh giới của chính mình. Ý thức liễu biệt về tất cả nhãn sắc cho đến ý pháp dùng làm cảnh giới.

- Thế nào là vui buồn sai biệt? Nghĩa là thức tương ưng với khổ thọ gọi là buồn. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo pháp ưu khổ, không vừa ý. Lạc thọ tương ưng với thức gọi là vui. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo các pháp hỷ lạc vừa ý. Thọ không khổ không lạc tương ưng với thức, gọi là không vui, không buồn. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo các pháp xả thọ không phải hai.

- Thế nào là hơn kém sai biệt? Nghĩa là pháp bất thiện cùng với pháp hữu phú vô ký tương ưng với thức gọi là kém. Ở đây có thể liễu biệt về các pháp nơi đối tượng hành của các thức nhiễm ô.

Pháp thiện tương ưng với thức gọi là hơn. Ở đây có thể liễu biệt về tất cả các pháp nơi đối tượng hành của các thức thiện.

Pháp vô ký tương ưng với thức gọi là không hơn không kém. Ở đây có thể liễu biệt về pháp nơi đối tượng hành của mình.

- Thế nào là tâm sở sai biệt? Nghĩa là có tâm sở dấy khởi khắp nơi các tâm. Lại có tâm sở dấy khởi khắp nơi tâm thiện. Các tâm sở còn lại, nên biết như trong phần pháp hữu lậu ở trước đã nói rõ về tướng của chúng.

Dấy khởi khắp nơi các tâm lại có năm thứ:: Tác ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, như nơi phần địa ý ở trước đã nói về tướng của chúng.

Dấy khởi khắp nơi tâm thiện lại có mười thứ: Hổ, Thẹn, Không tham, Không sân, Không si, Tín, Tinh tấn, Không phóng dật, Bất hại, Xả.

Mười pháp như thế, hoặc nơi địa định hoặc nơi địa không định, tâm thiện đều có. Trong tâm của địa định lại tăng khinh an, không phóng dật v.v… chỉ là pháp giả. Các pháp này tương ưng với thức đều có thể nhận biết rõ về pháp của tất cả cảnh.

- Thế nào là chướng trị sanh sai biệt? Nghĩa là chướng đối tượng được đối trị có mười lăm tâm. Đó là: Hệ thuộc cõi Dục gồm có năm tâm: Kiến khổ, Kiến tập, Kiến diệt, Kiến đạo và Tu đạo đoạn. Như hệ thuộc cõi Dục gồm có năm tâm, hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc nên biết cũng thế. Chủ thể đối trị là tâm, tức tâm thứ mười sáu, nghĩa là các tâm học, vô học vô lậu.

Như thế, thức của đối tượng và chủ thể đối trị theo chỗ ứng hợp đều có thể liễu biệt về pháp nơi đối tượng hành của mình.

Lại nữa, sanh có sai biệt lược có năm thứ:

1. Hành sanh cõi Dục.
2. Hành sanh cõi Sắc.
3. Hành sanh cõi Vô sắc.
4. Sanh đến địa trên.
5. Sanh trở lại địa dưới.

- Hành sanh cõi Dục: Là từ hệ thuộc nơi cõi Dục, tâm hoặc thiện hoặc nhiễm ô hoặc vô phú vô ký không gián đoạn, hiện hữu khắp tất cả tâm hệ thuộc cõi Dục sanh khởi. Đó gọi là thức của cõi Dục sanh khởi có sai biệt. Như hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, với ba tâm của tự địa không gián đoạn, đều sanh ba tâm của tự địa.

Nếu trước chưa khởi Tinh lự vô sắc, lúc đầu muốn sanh, cần từ tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, theo chỗ ưa thích các tâm của địa trên cùng tâm học, vô học nhằm khởi hiện tiền. Do trước đã khéo giữ lấy hành tướng kia, nên đối với các tâm ấy như ý có thể dấy khởi. Như vậy, các tâm của địa trên còn lại, đã khởi không gián đoạn, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại từ tâm vô ký của cõi Dục không gián đoạn, thì tâm thiện của cõi Sắc sanh. Như quả của cõi sắc, tâm biến hóa của cõi Dục, tức từ tâm thiện của cõi Sắc không gián đoạn. Ở đây, tâm vô ký của cõi Dục sanh.

Lại nói tâm này là cõi Dục: Nên biết là loại ảnh tượng kia, không phải là tự tánh.

Lại, ở cõi Dục mất đi, lúc sanh nơi địa trên, tâm thiện, tâm vô ký của cõi Dục không gián đoạn, thì tâm nhiễm ô của địa trên sanh. Nghĩa là sanh nơi Tĩnh lự thứ nhất cho đến cõi Hữu đảnh. Do biết sanh tương tục của tất cả xứ đều là tâm nhiễm ô mới được hoặc cũ. Như vậy nên biết, các thức sanh đến địa trên, quyết định nơi đối tượng hành của mình sanh khởi sai biệt.

Lại, các phàm phu lúc thối chuyển định vô sắc, Tĩnh lự thế gian đã đạt được từ trước, do tâm nhiễm ô hiện tiền nên thối chuyển. Tâm nhiễm ô của địa dưới ấy, từ tâm thiện, tâm nhiễm ô của địa trên không gián đoạn sanh.

Lại từ địa trên mất đi, lúc sanh nơi địa dưới, từ tất cả tâm thiện, tâm nhiễm ô, tâm vô ký của địa trên không gián đoạn, chỉ có tâm nhiễm ô của

địa dưới sanh.

Như thế nên biết, các thức trở lại sanh nơi địa dưới, quyết định nơi đối tượng hành của mình sanh khởi có sai biệt. Như vậy, do chướng trị sanh sai biệt, nên các thức quyết định đối với chốn hành của chính mình, liễu biệt về các pháp đã nhận thức có sai biệt.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 70

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn

Đoạn 4:

Lại nữa, các Trí sáng tỏ có năm thắng lợi:

1. Có thể ở nơi đối tượng nhận thức diệt trừ tất cả tối tăm.

2. Có thể đem các công đức thế gian xuất thế gian vui thích thâu nhận nơi chỗ nương dựa là thân.

3. Có thể chánh quán, thấy rõ nghĩa chưa thấy.

4. Có thể ở trong hiện pháp ban cho an lạc bậc nhất.

5. Sau khi thân hoại, có thể dự vào nẻo thứ nhất.

Lại nữa, do mười lăm thứ đức có sai biệt, nên các trí sáng tỏ hơn hẳn ánh sáng ban ngoài. Những gì là mười lăm đức? Đó là:

- Ánh sáng bên ngoài dùng Sắc làm tánh. Ánh sáng của các Trí dùng Huệ làm tánh.

- Ánh sáng bên ngoài có thể làm hại sự ngăn che bên ngoài. Ánh sáng của các Trí có thể làm hại sự ngăn che bên trong.

- Như vậy, phi thường được yêu thích, thường được yêu thích. Không thể phân cho khắp các hữu tình, có thể phân cho khắp các hữu tình. Xuất hiện rồi trở lại ẩn mất, xuất hiện rồi không mất. Có sắc, không sắc. Thô, tế. Có tối tăm trái nhau, không có tối tăm trái nhau. Động, chẳng động. Không thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Dẫn các chúng sanh hướng đến chốn từng hướng đến, dẫn các chúng sanh hướng đến chốn chưa từng hướng đến. Không thể khai phát tất cả chỗ che phủ, có thể khai phát tất cả chỗ che phủ. Không thể ẩn giấu nơi đã hiển bày, có thể ẩn giấu nơi đã hiển bày. Không thể phát khởi vô lượng ánh sáng soi chiếu, có thể phát khởi vô lượng ánh sáng soi chiếu. Trái hại nơi nhận thức, không trái hại nơi nhận thức, nên biết cũng thế.

Lại nữa, có ba thứ điều phục thiện:

1. Trừ diệt.

2. Chế phục.

3. Loại bỏ tùy miên. Lại có ba thứ tịch tĩnh:

1. Các tầm tư ác không thể nhiễu loạn.

2. Không bị các tướng làm động loạn.

3. Nơi bên trong tự nhiên thường hỷ lạc.

Lại có ba thứ dừng lặng:

1. Dừng lặng của thân.

2. Dừng lặng của ngữ.

3. Dừng lặng của ý.

Lại có ba thứ Phạm chí:

1. Phạm chí hướng đến.

2. Phạm chí trụ nơi quả.

3. Phạm chí đạt đến cứu cánh.

Như vậy, Sa-môn cũng có ba loại. Lại có ba loại Bà-la-môn:

1. Bà-la-môn giả danh.

2. Bà-la-môn chủng tánh.

3. Bà-la-môn chánh hành.

Lại nữa, do bốn nhân duyên nên khiến Thi-la bị hoại. Thi-la bị hoại nên pháp thiện nương dựa nơi chỗ ứng hợp của Thi-la để sanh khởi đều không được sanh. Bốn nhân duyên là:

1. Đối với tội "vô dư" dấy khởi hủy phạm. Đối với tội "hữu dư" không sám hối, dứt trừ.

2. Đối với các chỗ đã phạm, không nhớ nghĩ đến.

3. Ở trong chỗ không phạm chấp là có phạm.

4. Ở trong chỗ có phạm chấp là không phạm.

Do bốn nhân duyên nên gọi là Giới đầy đủ. Tức cùng trái với bốn thứ trên, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên khiến Giới được thọ thanh tịnh đầy đủ:

1. Thanh tịnh do trợ bạn.

2. Thanh tịnh do tự tánh.

- Thế nào gọi là Thanh tịnh do trợ bạn? Nghĩa là kiến thanh tịnh, phép tắc thanh tịnh, mạng thanh tịnh.

- Thế nào là Thanh tịnh do tự tánh? Nghĩa là cung kính tùy học đủ

phần. Tùy học lại có sai biệt. Tức do ba nhân duyên khiến Giới đã thọ thanh tịnh đầy đủ:

1. Ý lạc thanh tịnh.

2. Mạng thanh tịnh.

3. Hành thanh tịnh.

- Thế nào là Ý lạc thanh tịnh? Nghĩa là vì giải thoát nên tu hành phạm hạnh, không phải vì cầu được sanh thiên.

- Thế nào là Mạng thanh tịnh? Nghĩa là như pháp cầu xin để tự sanh sống.

- Thế nào như pháp cầu xin để tự sanh sống? Nghĩa là như chỗ nên cầu, như chỗ nên theo cầu để cầu xin.

- Thế nào gọi là như chỗ nên cầu? Nghĩa là không dối trá để có chỗ cầu. Cũng không nói lời thêu dệt để có chỗ cầu. Cũng không hiện bày tướng để có chỗ cầu. Cũng không đè ép bức bách để có chỗ cầu. Cũng không dùng lợi để trông mong nơi lợi.

- Thế nào gọi là như chỗ nên theo cầu? Nghĩa là trừ năm thứ nơi chốn không nên hành để có chỗ cầu.

- Thế nào là Hành thanh tịnh? Tức là tin sâu xa về chỗ phạm, tức có quả không đáng yêu thích. Hoặc hành hoặc trụ luôn giữ niệm tư duy, trọn không cố phạm. Nếu như có chỗ phạm, tức liền theo kẻ khác như pháp sám hối dứt trừ, thề nơi vị lai ngăn giữ kiên cố.

Lại nữa, nếu có Bí-sô muốn siêng năng gia hạnh, giữ kín căn môn, nên dùng bốn tướng để nhận biết rõ về lỗi lầm của vọng niệm, cùng dùng bốn tướng để nhận biết rõ về tác ý không như lý.

Thế nào là bốn tướng để nhận biết rõ về lỗi lầm của vọng niệm?

1. Thiếu niệm.

2. Niệm kém.

3. Mất niệm.

4. Niệm loạn.

Thiếu niệm: Nghĩa là đối với pháp giữ kín các căn môn, không lắng nghe, không thọ nhận, không khéo biết rõ.

Niệm kém: Tức đối với pháp kia, tuy có lắng nghe, thọ nhận, khéo biết rõ, nhưng không thường xuyên hành tác, không phải là sự tạo tác dốc sức, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều.

Mất niệm: Nghĩa là, tuy tu tập, cũng tu tập nhiều, nhưng hoặc có khi

không nhận biết đúng đắn để hành trì.

Niệm loạn: Nghĩa là, ở trong chỗ không tạp nhiễm sanh khởi tưởng tạp nhiễm; trong chỗ tạp nhiễm sanh tưởng không tạp nhiễm.

- Thế nào là dùng bốn tướng để nhận biết rõ về tác ý không như lý?

1. Nhân sanh phiền não.

2 Cùng tương ưng với tạp nhiễm sanh.

3. Hủy hoại xấu hổ.

4. Khởi phạm thác loạn.

- Nhân sanh phiền não: Nghĩa là như có một hữu tình, chấp giữ nơi tướng, chấp giữ nơi các thứ "tùy hảo", do nhân duyên ấy nên đối với xứ sở này, pháp ác, bất thiện theo tâm tràn ra.

- Cùng tương ưng với tạp nhiễm sanh: Tức cùng với pháp ác, bất thiện kia cùng hành hiện tiền.

- Hủy hoại xấu hổ: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với điều nên xấu hổ nhưng không biết xấu hổ. Lại đối với pháp ác bất thiện kia, lúc hiện tiền mà không có xấu hổ.

- Khởi phạm thác loạn: Tức nhân nơi tâm không biết xấu hổ kia, hoặc phạm nơi tội đã phạm, hoặc suy xét để bỏ chỗ đã học.

Lại nữa, đối với việc ăn uống, biết rõ về lượng, siêng năng tu hành, đoạn trừ tám xứ, mới gọi là biết rõ về lượng đầy đủ, đối với sự ăn uống. Những gì là tám? Đó là:

1. Tham đắm về ăn uống.

2. Tham đắm về tự thân.

3. Mạng căn hoại diệt.

4. Đói kém.

5. Thân nặng.

6. Mang bệnh.

7. Mạng không thanh tịnh.

8. Mưu cầu nhiều về cơ nghiệp.

Lại nữa, người thường siêng năng tu tập Du-già giác ngộ, phải đoạn trừ tám xứ, mới được gọi là thường siêng năng tu tập Du-già giác ngộ, chánh hành đầy đủ. Những gì là tám? Đó là:

1. Do oai nghi nên thân khổ nhọc.

2. Tham ái việc ngồi nằm, vui thích ngủ nghỉ.

3. Theo tướng tạp nhiễm.

4. Không siêng năng tu tập pháp đối trị tạp nhiễm.

5. Phi thời mà thức.

6. Bỏ hết mà thức.

7. Phi thời mà ngủ.

8. Bỏ hết mà ngủ.

Lại nữa, dựa vào sáu thứ xuất ly, nên biết đã kiến lập các địa xuất ly. Những gì là sáu thứ? Đó là:

1. Xuất ly không tùy thuận.

2. Xuất ly thiếu sót.

3. Xuất ly nơi nhà.

4. Xuất ly không viên mãn.

5. Xuất ly địa dưới.

6. Xuất ly Tát-ca-da.

Xuất ly không tùy thuận: Nghĩa là năm thứ nương dựa:

1. Không tùy thuận nẻo.

2. Không tùy thuận sanh.

3. Không tùy thuận tinh tấn.

4. Không tùy thuận chướng ngại.

5. Không tùy thuận ái lạc.

Xuất ly thiếu sót: Là thiếu bốn thứ duyên:

1. Thiếu bạn thân.

2. Thiếu lắng nghe.

3. Thiếu do ẩn mất. Hoặc giáo hoặc chứng đều ẩn mất.

4. Thiếu ngọa cụ của thí chủ.

Lại nữa, do bốn thứ lực sanh pháp thiện dục:

1. Do lực của duyên.

2. Do lực của nhân.

3. Do lực của trí.

4. Do lực của hành.

Lại nữa, do bốn thứ viên mãn, nên ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, xuất gia viên mãn:

1. Hình tướng viên mãn. Nghĩa là có thể tùy thuận không nhiễm ô nơi không có đối tượng tạp nhiễm.

2. Nghiệp viên mãn: Tức như Phật thuyết pháp khéo tùy thuận.

3. Ý lạc viên mãn.

4. Trụ xứ viên mãn.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết luật nghi của Thi-la viên mãn:

1. Không đọa lạc.

2. Có thể xuất ly.

3. Không thể chê trách.

4. Không thiếu sót, mất mát.

5. Không cho là đủ.

Lại nữa, dựa vào hai thứ đối trị, nên biết bốn thứ luật nghi gốc. Hai thứ đối trị:

1. Lực xét chọn.

2. Lực tu tập. Bốn thứ Luật nghi gốc:

1. Giữ gìn đối với cảnh giới.

2. Giữ gìn đối với phiền não.

3. Giữ gìn đối với triền.

4. Giữ gìn đối với tùy miên.

- Giữ gìn đối với cảnh giới: Nghĩa là lúc trụ nơi tịch tĩnh, siêng năng tu hành, dùng niệm tự giữ đối với các cảnh giới, tâm không trôi tan.

- Giữ gìn đối với phiền não: Nghĩa là lúc cùng hành vị du hành, đối với các cảnh giới đều xa lìa tham ái, tức phân biệt điều ấy, không giữ lấy tướng, cho đến tâm không buông thả.

- Nếu như bấy giờ chấp giữ nơi tướng ấy, lại khởi tùy giác, chấp giữ các "tùy hảo", tức liền đối với chúng tu tập hành ngăn giữ. Do lực tu tập nên giữ gìn nhãn căn. Đó gọi là giữ gìn đối với triền.

- Chứng sự gìn giữ nhãn căn, đó gọi là giữ gìn đối với tùy miên.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết đối với ăn uống biết lượng viên mãn:

1. Dựa nơi sự đối trị.

2. Xa lìa nơi đối tượng bị đối trị.

3. Dựa nơi chỗ tự tạo nghiệp.

4. Dựa nơi xứ.

5. Phân biệt.

Ở đây, thọ nhận lâu: đói dấy khởi. Thọ nhận khổ: ăn uống dấy khởi. Vỗ về, nuôi dưỡng: Phạm hạnh tăng trưởng. Lực: Có thể trừ bỏ chỗ cần đối

trị. Vui: Là hiện pháp lạc trụ. Không tội: Là phước điền thanh tịnh.

An ổn trụ: Là phiền não khổ đoạn trừ, có thể tác chứng, nên tùy miên giảm thiểu. Vô gián, ân trọng, hai thứ gia hạnh nên tinh tấn viên mãn. Gia hạnh ân trọng: Nghĩa là lúc đi đứng ngồi nằm mà thành tựu đầy đủ. Ở trong cái thứ nhất, thứ hai, thứ tư, rất thích hợp cho lúc ngồi. Trong cái thứ ba, thích hợp cho lúc đi. Trong cái thứ năm, thích hợp cho cả hai. Gia hạnh vô gián: Nghĩa là nơi ban ngày cùng phần đầu, phần sau của đêm nên thường tỉnh thức. Nơi phần giữa của đêm là chính thức hành tập ngủ nghỉ. Vì lìa chỗ giống với sư tử là trong thời gian dài rất nặng nề, mất niệm do ngủ nghỉ liên tục, nên hai chân xếp chông lên nhau, cho đến tư duy khởi tưởng chính thức hành tập ngủ nghỉ.

Lại nữa, nên ở nơi năm xứ nhận biết về lượng, nhận biết đúng mà trụ.

1. Nơi xứ hành.
2. Nơi xứ quán.
3. Nơi xứ thâu nhận lợi dưỡng, sự cung kính.
4. Nơi xứ thọ dụng các vật dụng nuôi sống.
5. Nơi xứ gia hạnh phẩm thiện.

Do xứ thứ nhất, nên trọn không du hành đến xứ không phải là chốn hành. Cũng không nên ra đi vào lúc chiều tối.

Do xứ thứ hai, nên trước không tác ý mà xem xét, thì phải mau chóng thâu giữ các căn. Nếu trước có tác ý mà xem xét, thì khéo trụ nơi niệm.

Do xứ thứ ba, nên nếu được thọ nhận cùng lúc được kẻ khác kính lễ, thân tướng phải có đủ oai nghi thuận hợp.

Do xứ thứ tư, nên việc thọ dụng y bát cùng các thức ăn uống đều nhận biết về lượng.

Do xứ thứ năm, nên nếu ở chốn tịch tĩnh thì vào ban ngày là kinh hành, ngồi thiền. Hoặc đi, hoặc trụ, hoặc ngồi, hoặc thức đều khó nhận biết về lượng. Về ban đêm, công việc ngủ nghỉ cũng khéo nhận biết về lượng. Nếu có tu tập, quyết trạch về luận nghĩa, hoặc nói năng hoặc im lặng, cũng khéo nhận biết về lượng. Vì khiến cho hai thứ chỗ dựa thích hợp để trừ bỏ ngủ nghỉ cùng các thứ mệt mỏi cũng khéo nhận biết về lượng.

Lại nữa, như có Bí-sô siêng năng tu thần túc, lược do bốn chi gồm thâu các hành đoạn:

1. Chi tu tập.
2. Chi chứng đạt thắng tiến.
3. Chi thông đạt việc giữ gìn đối với tùy phiền não.

4. Chi dẫn phát có thể làm tịnh tùy phiền não.

- Chi tu tập: Là dục, tinh tấn. Vì sao? Vì dựa nơi dục, tinh tấn để tu thần túc.

- Chi chứng đạt thắng tiến: Là tín, khinh an. Vì sao? Vì do chứng đạt thắng tiến, nên dùng tâm tin thanh tịnh tin nơi giải thoát trên hết. Do khinh an nên dứt trừ mọi thô trọng nơi thân tâm hiện có.

- Chi thông đạt việc giữ gìn đối với tùy phiền não: Là niệm, chánh tri. Vì sao? Vì do chánh niệm nên ngăn giữ tùy hoặc của Chỉ, Quán chưa sanh. Do chánh tri nên thông tỏ tùy hoặc của Chỉ, Quán đã sanh.

- Chi dẫn phát có thể làm tịnh tùy phiền não: Là tư và xả. Vì sao? Vì do tư nên thúc đẩy tâm hôn trầm. Do xả nên nếu tâm trạo cử thì thâu giữ ở bên trong.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, đối với định chứng đắc làm duyên tăng thượng:

1. Lắng nghe, xét kỹ.

2. Được sự dạy trao đúng đắn.

3. Đời trước đã thường xuyên hành tập.

4. Đầy đủ kiến văn.

- Lắng nghe, xét kỹ: Là phát khởi vui thích mong muốn, sanh tâm tin tịnh lắng nghe Chánh pháp. Do nhân ấy duyên ấy nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Được sự dạy trao đúng đắn: Tức nhân nơi sự dạy trao thứ lớp, dạy trao thuận hợp, nên phát khởi tinh tấn dũng mãnh mà trụ không gián đoạn. Luôn gắn liền nơi Bồ đề phần, siêng năng tạo phương tiện tu tập mà trụ. Do nhân ấy, duyên ấy nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Đời trước đã thường xuyên hành tập: Nghĩa là trong đời trước, sanh nơi gần gũi đối với các Tĩnh lự, các Đẳng chí luôn đã chứng nhập. Do nhân duyên này nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Đầy đủ kiến văn: Tức nghe nhiều biết rộng, giữ lấy, tích tập kiến văn. Tức đối với pháp kia, ở riêng nơi chốn vắng lặng, tư du, lường tính, quan sát, xét kỹ. Do nhân duyên này nên đạt được tâm tánh một cảnh.

Lại nữa, có bảy thứ pháp, vì muốn chứng đắc Tam-ma-địa, nên nhận biết rõ, đúng đắn:

1. Nhân thối chuyển định trong.

2. Nhân thối chuyển định ngoài.

3. Thối chuyển định trong.

4. Thối chuyển định ngoài.

5. Thối chuyển định trong và nhân đối trị.

6. Thối chuyển định ngoài và nhân đối trị.

7. Dựa, giữ hai thứ đối trị kia.

- Nhân thối chuyển định trong: Là biếng trễ.

- Nhân thối chuyển định ngoài: Là trạo cử.

- Thối chuyển định trong: Là hôn trầm, thùy miên.

- Thối chuyển định ngoài: Là đối với năm dục diệu, tâm bị tán loạn.

- Thối chuyển định trong và nhân đối trị: Là khéo giữ lấy tướng để quan sát chính thức.

- Thối chuyển định ngoài và nhân đối trị: Tức đối với thân quan sát về bất tịnh.

Dựa, giữ hai thứ đối trị kia: Là tướng về ánh sáng.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Tập trụ? Nghĩa là quán thân này, từ đời quá khứ, cùng các thứ ăn uống nơi hiện mà sanh.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Diệt trụ? Là quán thân này, nơi đời vị lai là pháp tử, diệt.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Tập Diệt trụ? Là quán thân này, nơi đời hiện tại, do duyên ăn uống nên tăng trưởng trụ lâu, tất sẽ hủy hoại.

Nơi thân hữu: Là đối với thân này khéo trụ nơi niệm kia. Đối với thân Chân như, hoặc chỉ là Trí xuất thế gian.

Nghĩa là do nơi đạo Xa-ma-tha bên trong. Hoặc chỉ là Kiến xuất thế gian: Nghĩa là do đạo Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc chỉ là nhớ nghĩ: Là do đạo xuất thế gian hậu sở đắc ấy.

Thế nào là đối với thân, trụ nơi không chỗ dựa? Nghĩa là dựa nơi các định, tu tập niệm trụ. Tức đối với định kia không có ái vị, cho đến không có trụ chấp.

Thế nào là đối với thế gian không có chấp thủ? Nghĩa là đối với bốn điên đảo đã vĩnh viễn đoạn dứt. Do vĩnh viễn đoạn dứt nên đối với thân v.v… kia hoàn toàn không chấp giữ là tịnh, lạc, ngã, thường.

Lại nữa, nương dựa để nêu đặt, kiến lập năm thứ Bổ-đặc-già-la, là:

1. Các phàm phu hỷ lạc, vui thích.

2. Hành giả kiến tích vui thích vì chướng ngại đã đoạn.

3. Hành giả kiến thú vui thích giải thoát.

4. Hành giả kiến thú đạt đến cứu cánh.

5. Hành giả kiến tích đạt đến cứu cánh.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la phàm phu vui thích hỷ lạc? Nên biết loại này có ba:

Vui thích dục sanh hỷ lạc. Vui thích định có tầm có tứ sanh hỷ lạc. Vui thích định không tầm có tứ sanh hỷ lạc.

Vui thích định không tầm không tứ sanh hỷ lạc có sai biệt.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la hành kiến tích, vui thích vì chướng ngại đã đoạn? Nên biết loại này có hai thứ:

- Vui thích vì chướng phiền não đã đoạn.

- Vui thích vì chướng định đã đoạn.

Có sai biệt: Bổ-đặc-già-la vui thích vì chướng phiền não đã đoạn: Đối với hiện pháp lạc trụ, chưa được đã được. Đối với tất cả loại đẳng chí có tưởng, chưa được thì đã được. Nghĩa là đối với chỗ dựa cùng sự quán xét nơi đối tượng nhận thức có sai biệt.

Bổ-đặc-già-la vui thích vì chướng định đã đoạn: Đối với tất cả thắng xứ, chưa được, đã được. Cùng đối với tất cả biến xứ, chưa được, đã được.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la hành kiến thú vui thích giải thoát? Nghĩa là các ngoại đạo khởi kiến giải như vầy: Ngã là không có. Ngã sở là không có. Ngã sẽ không có. Ngã sở sẽ không có. Họ đối với kiến giải ấy chưa được, đã được.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la hành kiến thú đạt đến cứu cánh? Là đối với xứ Phi tưởng phi phi tưởng, chưa được, đã được.

- Thế nào là Bổ-đặc-già-la hành kiến tính đạt đến cứu cánh? Nghĩa là đối với sáu xúc xứ vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, chứng thọ cứu cánh.

Đó gọi là nương dựa để nêu đặt, kiến lập năm thứ Bổ-đặc-già-la. Lại nữa, Ô ba sách ca có ba thứ đức:

1. Thanh tịnh.

2. Có thể tạo tác.

3. Có thể dẫn phát.

Thanh tịnh: Là ý lạc thanh tịnh. Giới hạnh thanh tịnh. Chứng thanh tịnh.

- Ý lạc thanh tịnh: Nghĩa là đối với Phật bảo v.v… xa lìa nghi hoặc, không mong cầu sự việc thế gian, chỉ tạo an lành.

- Giới hạnh thanh tịnh: Nghĩa là có thể hành viên mãn học xứ hiện có.

- Chứng thanh tịnh: Nghĩa là có thể chứng đắc thanh tịnh thế gian xuất thế gian.

Có thể thực hiện các sự việc do Tam bảo tạo ra, nên gọi là có thể tạo tác.

Có thể dẫn phát Trí của pháp đồng, pháp chẳng đồng, nên gọi là có thể dẫn phát.

Lại nữa, có ba thứ pháp:

1. Pháp nghe.
2. Pháp hành.
3. Pháp chứng cứu cánh.

Lại, pháp của ngoại đạo là thuyết giảng điên đảo. Giới cấm hiện có không phải là có thể hiện thấy. Nương dựa nơi nguyện tà mà tu phạm hạnh. Các thứ Đẳng chí hiện có có nhiều phiền não nóng bức không phải là cứu cánh. Không thể hướng đến cứu cánh, không thể xuất ly, nên cùng với các ngoại đạo, cùng với các phàm phu. Chánh pháp của chư Phật cùng với pháp kia là trái nhau, là thuyết giảng về chân thiện, là có thể hiện thấy, cho đến bậc Trí tự nội chứng đắc.

Lại nữa, thứ lớp được xả của các dục sẽ nêu bày rõ. Trước, chỗ nên tạo tác, do đấy nên được. Nghĩa là do bố thí, trì giới, đối với dục ấy có thể đạt được, nghĩa là ở trên cõi Trời. Do đấy thọ dụng nghĩa là do ái vị. Do đấy nên xả, nghĩa là do lỗi lầm, tai họa. Như đấy sai biệt là xả bỏ nơi dục sự và dục phiền não, nghĩa là do xuất ly, xa lìa công năng.

Lại, nếu hiển bày pháp của phẩm thanh tịnh, tức nên xưng tán bốn quả Sa-môn, từ chúng quyết định không có thối chuyển, hoặc đạt xuất thế gian.

Lại nữa, do ba nhân duyên, các vị đồng phạm hạnh phải nên hòa hợp, loại bỏ kẻ phạm giới:

1. Vì nhằm giúp đỡ kẻ khác.
2. Vì kẻ ấy không kham nổi là hàng pháp khí trên hết.
3. Vì kẻ ấy có thể khiến cho Tăng chúng không có uy đức.

Lại nữa, do bốn nhân duyên khiến đối với Thi-la sanh yêu thích sâu xa:

1. Do thầy chỉ dạy xa lìa hai biên, chế lập chỗ học.
2. Do tự nội không có các phiền não mãnh liệt như tham v.v
3. Do trợ bạn hết sức hòa nhã dễ cùng trụ.

4. Do gia hạnh không trụ nơi biếng trễ. Lại nữa, có bốn thứ quan sát Thi-la:

1. Do cùng trụ, tin biết là có.

2. Đối với ách nạn, tin biết là bền chắc.

3. Do sự việc thế gian, tin biết là không thiếu sót.

4. Do quyết trạch về ngôn luận, tin biết không luyến tiếc, kiến giải không hoại.

Thế nào là tâm hướng đến xa lìa? Nghĩa là lúc trụ nơi chốn ồn ào, náo nhiệt.

Thế nào là tâm hướng đến xuất ly? Là ở nơi làng xóm mà du hóa.

Thế nào là tâm hướng đến Niết-bàn? Là tướng Xa-ma-tha ở nơi chốn tịch tĩnh.

Lại có sai biệt: Nghĩa là dựa vào sự xa rời phiền não, nói là hướng đến xa lìa. Dựa vào việc ra khỏi sanh tử, nói là hướng đến xuất ly. Dựa vào việc nhập cảnh giới Niết bàn, nói là hướng tới Niết bàn.

Tất cả thọ cùng tương tục diệt, nên gọi là không ảnh, gọi là tịch diệt. Ba khổ vĩnh viễn lìa nên gọi là tịch tĩnh. Phiền não bùng cháy, mọi thứ nóng bức ấy đều vĩnh viễn dứt nên gọi là trong mát. Đạt được dấu tích vô thượng nên gọi là chân phạm.

Lại nữa, do ba lỗi lầm nên không thể lắng nghe Chánh pháp thuận hợp:

1. Tán loạn.

2. Ngu si.

3. Không cung kính.

Lại nữa, có năm thứ tướng, là vật dụng tốt cho văn, tu:

1. Tâm khiêm tốn.

2. Tâm phụng hành.

3. Tâm thâu nhận nghĩa.

4. Tâm khéo thâu nhận nghĩa.

5. Tâm cung kính.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, lược có năm thứ công đức của đại sư. Nếu có đại sư thành tựu đầy đủ tức có thể che khuất hẳn các sư Bà-la-môn, Sa-môn của ngoại đạo. Những gì là năm? Đó là:

1. Đối với các Giới hạnh trọn không sai lầm.

2. Khéo kiến lập pháp.

3. Khéo chế lập các thứ học.

4. Ở trong việc khéo kiến lập pháp, khéo chế lập các thứ học, tùy chỗ nghi hoặc đều có thể khéo đoạn trừ.

5. Chỉ dạy, trao truyền nẻo xuất ly.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên chỉ có đạo này là có thể đạt được xuất ly, nghĩa là không ngã kiến:

1. Chưa từng được.

2. Hiện có thể đối trị các phiền não.

3. Hiện đối với giải thoát không có sợ hãi.

Lại nữa, có bốn thứ hoan hỷ:

1. Hoan hỷ kiệm ước.

2. Hoan hỷ tích tập phạm hạnh.

3. Hoan hỷ không có hối hận.

4. Hoan hỷ vui thích tu tập, đoạn trừ.

Hoan hỷ thứ nhất có thể dẫn đến an lạc do ít dục. Hoan hỷ thứ hai có thể dẫn an lạc do xa lìa. Hoan hỷ thứ ba có thể dẫn đến an lạc của Tam ma địa. Hoan hỷ thứ tư có thể dẫn đến an lạc của Tam Bồ đề.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên pháp của Phật Thế Tôn gọi là khéo nêu giảng:

1. Ngôn từ, câu văn đều thanh nhã, đẹp đẽ.

2. Dễ có thể thông đạt.

Do hai nhân duyên nên dễ có thể thông đạt:

1. Hoặc văn hoặc nghĩa, dễ nhận biết rõ.

2. Biết rõ về nẻo xuất ly v.v…

Do hai nhân duyên nên gọi là xuất ly:

1. Xuất ly đi đến nẻo thiện.

2. Xuất ly hướng đến Tam Bồ đề. Do hai nhân duyên hướng đến Tam Bồ đề:

1. Không nghi hoặc.

2. Không thể hủy hoại.

Do hai nhân duyên nên không thể hủy hoại:

1. Thấy không thể hủy hoại.

2. Có Tốt-đổ-ba (tháp miếu).

Do hai nhân duyên nên có Tốt-đổ-ba:

1. Chứng kiên trụ.

2. Có chỗ có thể nương dựa.

Do hai nhân duyên gọi là có chỗ có thể nương dựa:

1. Dựa nơi Trí, không dựa nơi Thức.

2. Đại sư là Như lai Ứng Đẳng Chánh Giác.

Do hai nhân duyên nên Đại sư là Như lai Ứng Đẳng Chánh Giác:

1. Đoạn trừ tất cả nghi.

2. Hành tà không thể đạt được.

Lại nữa, có bốn thứ pháp có thể làm chướng ngại việc đoạn trừ:

1. Không chán lìa.

2. Trí chưa thành thục.

3. Tán loạn.

4. Hôn trầm.

Nên biết huệ nhãn đối với việc tạo ác gọi là mù. Đối với việc tạo phước gọi là có cấu uế. Đối với các ngoại đạo gọi là có màng che.

Lại nữa, tu pháp Niệm trụ, nên nhận biết rõ đúng về mười một pháp tạp nhiễm:

1. Tham.

2. Sân.

3. Si.

4. Tụ.

5. Tán.

6. Trầm.

7. Trạo.

8. Tướng tùy phiền não.

9. Không vui thích xa lìa.

10. Ái vị.

11. Tăng thượng mạn.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên đạo xuất thế gian dùng đạo thế gian làm trợ bạn:

1. Ngăn giấu các cái.

2. Chế phục phần xa.

3. Chán bỏ sự hủ hoại.

4. Pháp lực được thấm nhuần.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết Như Lai đã chứng đắc thiên nhãn hiện hành khắp nơi cảnh nghĩa của tất cả hữu tình:

1. Hiện thấy hữu tình trụ, tạo, có thể chiêu cảm nghiệp của tất cả cõi
2. Hiện thấy hữu tình trụ nơi vô số vô lượng xứ sanh.
3. Hiện thấy hữu tình có trung hữu tử sanh.
4. Hiện thấy hữu tình không có trung hữu tử sanh.

Lại nữa, người siêng năng tu hành, vì nhằm chứng đắc các pháp vì nhằm thông đạt các pháp, có bảy thứ lần lượt có thể chứng đắc, thông đạt:

1. Đối với vị thuyết pháp phải cung kính thừa sự.
2. Đã thừa sự rồi, thì dốc sức lắng nghe pháp.
3. Đã lắng nghe pháp rồi, thì "pháp tùy pháp hành".
4. "Pháp tùy pháp hành" nên tâm được trụ gồm thâu chánh phương tiện.
5. Gồm thâu chánh phương tiện nên phát khởi siêng năng tinh tấn.
6. Phát khởi siêng năng tinh tấn nên xa lìa tâm trong ngoài không bình đẳng, khởi xử phương tiện, hai thứ chướng ngại của pháp, tài sản đã được thanh tịnh.
7. Chướng ngại được thanh tịnh, nên đối với Tam ma địa không sanh ái vị, lìa tăng thượng mạn.

Lại nữa, vì nhằm đối trị chín thứ cần được đối trị, nên tu bốn thứ niệm trụ. Chín thứ cần được đối trị:

1. Không chán lìa.
2. Không tác ý.
3. Dứt bỏ quán tùy phiền não.
4. Hôn trầm.
5. Không kham nổi việc tiếp xúc với khó khăn.
6. Đối với pháp thấp kém lại biết đủ.
7. Quên mất sự chỉ dạy, trao truyền.
8. Hủy phạm giới cấm.
9. Dứt bỏ pháp thiện.

Lại nữa, các vị xuất gia có năm lỗi lầm:

1. Lỗi lầm không hỷ lạc.
2. Lỗi lầm tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính.
3. Lỗi lầm do tìm cầu thân thuộc.

4. Lỗi lầm của khinh miệt.

5. Lỗi lầm của tăng thượng mạn.

Các người tại gia, nên biết cũng có năm thứ lỗi lầm:

1. Lỗi lầm do tham chấp.

2. Lỗi lầm do quen gần có thể tạo chướng ngại cho các thứ mong muốn.

3. Lỗi lầm do thâu nhận.

4. Lỗi lầm do tạo tác hành ác.

5. Lỗi lầm do không tạo hành thiện.

Lại nữa, kẻ ngu tối có bốn thứ tướng:

1. Không tạo tác việc thiện.

2. Tạo tác hành ác.

3. Hai thứ đã hành tác lẫn lộn.

4. Tuy lại hoàn toàn tạo tác hành thiện, nhưng ở đấy không biết rõ như thật.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Huệ không quyết định.

2. Huệ quyết định tà vạy.

3. Không khởi gia hạnh.

4. Hành tác gian trá.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Hoan hỷ nơi phi xứ.

2. Sầu lo nơi phi xứ.

3. Quyết định gian khổ.

4. Trước không quán xét.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Tư duy tà vạy.

2. Phát khởi tà vạy.

3. Thực hiện công sức phần nhiều không quả.

4. Do nhân duyên này nên sanh nhiều sầu than.

Lại, các kẻ ngu tối đa phần ít phước, vận nghiệp mỏng, kém.

Lại nữa, do năm pháp tương tợ, nên biển lớn sanh tử được mang tên là Biển lớn:

1. Tương tợ về xứ sở vô biên.

2. Tương tợ về sự sâu rộng.

3. Tương tợ về sự khó lội qua.

4. Tương tợ về không thể uống.

5. Tương tợ về chỗ dựa của vật báu lớn.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên đối với các thứ tài thí, pháp thí là hơn:

1. Tài thí, ở trong thân kẻ khác phát khởi hành ác. Pháp thí quyết định khởi các hành thiện.

2. Tài thí, ở trong thân kẻ khác phát khởi phiền não. Pháp thí có thể khiến đối trị phiền não.

3. Tài thí, ở trong thân kẻ khác, dẫn phát liên tục an lạc có tội. Pháp thí có thể khiến dẫn phát liên tục an lạc vô tội.

4. Tài thí, hoặc Phật hiện thế, hoặc Phật không hiện thế, đều dễ có thể đạt được. Pháp thí, nếu không có chư Phật xuất hiện ở thế gian thì khó có thể đạt được.

5. Tài thí thì thí mà có tận cùng, còn pháp thí thì vô tận.

Lại nữa, nên khiến năm tâm theo mình, tự tại mà chuyển, không nên khiến mình theo các tâm kia tự tại mà chuyển. Những gì là năm? Đó là:

1. Tâm của phương tiện hành ác, ở trong hành ác hướng nhập mãnh liệt.

2. Tâm của phương tiện hành thiện, ở trong hành thiện hướng nhập không mãnh liệt.

3. Tâm của phương tiện tìm cầu các dục, ở trong phi pháp hung bạo truy cầu các dục, hướng nhập mãnh liệt.

4. Tâm của phương tiện thọ dụng các dục, sanh khởi tham nhiễm sâu xa, cho đến không nhận thấy lỗi lầm tai họa, không biết nẻo xuất ly, chỉ hướng nhập thọ dụng.

5. Tâm của phương tiện xuất ly, xa lìa, ở trong sự xuất ly xa lìa, mau chóng thối chuyển. Ở trong các dục, hoặc ở trong các ái vị của Tĩnh lự mau chóng hướng nhập.

Lại nữa, do năm thứ tướng, các phiền não làm mê hoặc hơn hẳn đối với quỷ làm mê hoặc:

1. Nếu bị một quỷ làm mê hoặc, tức chỉ bị một quỷ ấy làm mê hoặc. Nếu bị một phiền não làm mê hoặc, tất bị vô lượng phiền não làm mê hoặc.

2. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng

buộc hại, hoặc dùng các vật dụng sinh sống, hoặc dùng các thứ thuốc, dễ có thể trị liệu. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc thì không thể trị liệu.

3. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì đối với thời gian bị mê hoặc dễ có thể nhận biết riêng, kể cả trẻ con cũng có thể biết rõ. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, sẽ đối với thời gian bị mê hoặc khó có thể nhận biết riêng. Bậc thông tuệ thế gian hãy còn không thể biết rõ.

4. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì sự mê hoặc này là khách, dễ có thể hàng phục, không phải là câu sanh, không tức do sự mê hoặc ấy trở thành tự tánh. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, thì sự mê lầm này không phải là khách, khó có thể hàng phục, mà là "câu sanh", tức do sự mê hoặc kia nên thành tự tánh.

5. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì không cùng kết với tất cả hữu tình khác. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, tất cùng kết chung với tất cả hữu tình khác.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô tư duy không như lý, lường xét hư vọng, cho là đế, là thật, nên kiến lập có ngã. Nên biết, chấp này lược có năm thứ lỗi lầm hư dối:

1. Tùy thuận chuyển theo giáo pháp của ngoại đạo.

2. Thâu nhận vọng kiến của ngoại đạo.

3. Nếu như không thuận với ngoại đạo mà chuyển, nhưng đối với họ cùng là đồng pháp.

4. Nếu tùy chuyển theo giáo pháp của ngoại đạo, nên liền tu hành đạo không xuất ly.

5. Tuy không tùy thuận ngoại đạo để chuyển, nhưng đối với đồng pháp lại chuyển ngược thành dị pháp.

Lại có hai nhân duyên:

1. Đối với nhân duyên của hiện quán đế khởi hành tà vạy.

2. Đối với hiện quán đế khởi hành tà vạy.

Lại nữa, nương dựa nơi hành dục hành phước, lần lượt đồng cư hành, có sáu thứ tạp nhiễm ái sân, bốn thứ xứ nương dựa, năm thứ đối trị.

Thế nào là sáu thứ tạp nhiễm ái, sân? Đó là:

1. Tham cảnh giới: Do sự quen gần ấy nên có thể gây chướng ngại cho những mong muốn.

2. Giận dữ của oán ghét: Do đấy nên đối với các hữu tình oán phát khởi ghét, giận.

3. Thuận theo tham: Do đấy nên đối với kẻ khác, vâng nhận sự chỉ

dạy, không được tự tại, hoặc đối với hữu tình hành tác rộng khắp với đủ loại não hại, bức bách.

4. Giận dữ tăng thượng: Do đấy nên ở nơi trụ xứ của các hữu tình muốn có nhiều hoan hỷ, an lạc tăng thượng, không muốn khiến họ được hưng thạnh, chỉ muốn tự mình đạt được, cùng khởi xen tạp vô số ganh ghét, không nhẫn, không vui thích biến dị.

5, 6: Có tham về công đức, có giận dữ vì lỗi lầm: Do nhân duyên ấy nên tâm không bình đẳng. Ở trong Tăng chúng tuy hành huệ thí, tu các nghiệp phước, nhưng thường tìm cầu vô số sai biệt. Hoặc tạo tác, không tạo tác, hoặc làm điều xấu ác, tâm mang lo khổ, không trụ an ổn.

Thế nào là bốn thứ xứ nương dựa? Nghĩa là cảnh giới thứ nhất là xứ nương dựa. Các hữu tình còn lại là xứ nương dựa.

Lại, hai xứ nương dựa đầu đều khởi một phần tạp nhiễm. Xứ nương dựa còn lại đều khởi đủ phần tạp nhiễm.

Thế nào là năm thứ đối trị? Đó là:

1. Bất tịnh.
2. Từ.
3. Bi.
4. Hỷ.
5. Xả.

Lại có môn khác về sáu thứ tạp nhiễm ái giận, năm thứ đối trị.

Những gì là sáu thứ?

1. Sự tham.
2. Sự sân.
3. Tham sân si tạp nhiễm tham.
4. Không tham không sân không si không tạp nhiễm sân.
5. Không tham không sân không si không tạp nhiễm tham.
6. Tham sân si tạp nhiễm sân.

Những gì là năm thứ đối trị? Nghĩa là bất tịnh cùng với từ và ba thứ tác ý:

1. Tác ý tạp nhiễm không điên đảo.
2. Tác ý không tạp nhiễm không điên đảo.
3. Tác ý tạp nhiễm không tạp nhiễm, không điên đảo, tâm dứt bỏ tham sân.

Lại nữa, có bốn thứ Bổ-đặc-già-la, nên biết xuất gia đạt được năm

thứ công đức. Những gì là bốn thứ Bổ-đặc-già-la? Đó là:

1. Tự nương dựa nơi mình.

2. Nương dựa nơi kẻ khác.

3. Đã thành thục.

4. Chưa thành thục.

- Thế nào là nên biết xuất gia đạt được năm thứ công đức? Nghĩa là:

1. Bổ-đặc-già-la tự nương dựa nơi mình, do xuất gia, nên từ bỏ sự cung cấp của cải, vật báu của vua quan v.v… nương nơi Thi-la thanh tịnh không chung. Đó gọi là đạt được công đức thứ nhất.

2. Bổ-đặc-già-la nương dựa nơi kẻ khác, do xuất gia nên dứt bỏ sự tùy thuộc kẻ khác, không tự tại mà chuyển, đạt được chỗ tự nương dựa, không tùy theo kẻ khác, được tự tại chuyển. Đó gọi là đạt được công đức thứ hai.

3. Bổ-đặc-già-la đã thành thục, do xuất gia, nếu không có kiết khác, tức liền đạt được biên vực tận cùng của tất cả khổ. Đó gọi là đạt được công đức thứ ba.

4. Nếu có kiết khác tức liền đạt được biên vực khổ của nẻo ác. Đó gọi là đạt được công đức thứ tư.

5. Bổ-đặc-già-la chưa thành thục, do xuất gia, nên ở trong hiện pháp giải thoát khỏi vô lượng sự bức bách do ưu khổ hiện có nơi đời sống gia đình, tích tập vô lượng thiện căn rộng lớn của phần thuận giải thoát, có thể khiến thành thục nối tiếp nơi vị lai. Đó gọi là đạt được công đức thứ năm.

Lại nữa, có ba thứ khổ cùng chín thứ tướng, nên biết là đã gắn liền với các hành hữu lậu.

Thế nào là ba thứ khổ? Đó là Khổ khổ cho đến Hoại khổ.

Thế nào là chín thứ tướng? Nghĩa là mỗi mỗi khổ đều có ba tướng gắn liền với tất cả pháp hành hữu lậu, nên có chín tướng:

1. Chỗ tùy buộc của tử.

2. Chỗ tùy buộc của nhân dấy khởi nẻo ác.

3. Chỗ tùy buộc của sanh nơi các nẻo ác.

4. Pháp vô thường.

5. Pháp Khổ ở trong Vô thường.

6. Pháp Vô ngã ở trong Khổ.

7. Hành thuận ái vị sanh trụ lạc.

8. Biến hoại khổ.

9. Tức do biến hoại như thế là tánh khổ. Người có trí xem đó không phải là pháp xuất ly.

Lại nữa, nếu có Bí-sô thành tựu bốn chi, là vị chủ của đại chúng, mới có thể dạy khuyên thuận hợp, thâu dẫn đồ chúng hiện có, tu hành chánh hạnh tự lợi tự tha. Những gì là bốn chi? Đó là:

1. Giải thoát tùy phiền não.

2. Không lìa chánh trí.

3. Vì khiến cho tất cả pháp thiện đã sanh được trụ vững, không quên mất, cần tu tập viên mãn bội tăng rộng lớn, nên thâu gồm, nhận giữ.

4. Vì khiến cho tất cả pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, nên thâu gồm, nhận giữ.

- Thế nào là Bí-sô giải thoát tùy phiền não? Tức là giải thoát năm thứ tùy phiền não. Đó là:

1. Tư duy luyến mộ đời sống gia đình.

2. Hủy phạm giới cấm.

3. Nhớ nghĩ chỗ thọ nhận trước, cùng hành phân biệt, tác ý không đúng đắn.

4. Tham đắm nơi cảnh giới hiện có của vị lai, phát khởi tham, lo.

5. Đối với pháp thì bỏn xẻn, tiếc lẫn.

Nếu các hàng phàm ngu đối với tự tướng của sắc do bốn đại chủng tạo, không nhận biết đúng như thật, cho đó là cha mẹ vợ con của mình cho đến bằng hữu, quan lớn, thân thuộc cùng anh em v.v…, ở nơi chỗ chỉ là hình sắc, cho là vui cười v.v…, ở nơi chỗ chỉ là động tác hiện có của thân ngữ, thì khởi tưởng hữu tình, tác ý cùng hành. Do nhân duyên ấy nên khởi phân biệt sai lạc, vọng chấp những thứ kia là của mình. Do nhân duyên phân biệt vọng chấp ấy, nên phát sanh vô số tư duy luyến mộ về đời sống gia đình. Các bậc có trí nhận biết rõ, chỉ có tự tướng của các sắc, không có tưởng hữu tình nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ nhất.

Lại, các hàng phàm ngu không nhận biết đúng như thật về tướng của phàm ngu và tướng của bậc Trí. Do không nhận biết đúng như thật, nên đã tư duy, nói năng, hành tác các điều ác, các chỗ hiện hành nơi nghiệp thân ngữ ý đều không thanh tịnh, cũng không có chánh mạng của Giới luật thanh tịnh. Các bậc có trí đều nhận biết đúng như thật, nên biết tất cả cùng với các thứ trên là trái nhau, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ hai.

Lại, các hàng phàm phu, ở nơi không phải như lý không thể nhận biết đúng như thật là không phải như lý. Ở nơi như lý, cũng không thể nhận biết

đúng như thật là như lý. Đối với các pháp hợp ý thuận theo tham dục đã thọ nhận trước, tác ý không đúng đắn, khởi tầm tứ dục, chấp chặt không bỏ, không dứt, không loại trừ hẳn. Đối với pháp không hợp ý, vì thuận theo giận dữ, khởi tầm tứ sân. Đối với pháp thuận theo hại, không hợp ý, khởi tầm tứ hại. Phần còn lại như trước đã nói.

Các bậc có trí, đối với chỗ như lý, đều có thể nhận biết đúng như thật đây là như lý. Đối với chỗ không như lý, có thể nhận biết đúng như thật đây là không như lý. Đối với chỗ đã thọ nhận trước, như trước đã nói về các pháp sai biệt. Hoặc không nhớ nghĩ, hoặc chánh tư duy, hoặc không mất niệm, nơi đối tượng duyên kia không khởi tầm dục, cho đến không khởi tầm hại. Nếu như có sanh khởi thì không chấp giữ chặt, nói rộng như trước. Nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ ba.

Lại, các hàng phàm ngu, đối với công đức phòng hộ các căn, không nhận biết đúng như thật. Không ngăn giữ đối với các lỗi lầm tai họa, cũng không nhận biết đúng như thật, đối với biệt cảnh hiện tiền của đời hiện tại, phát sanh sân, ái tạp nhiễm. Tâm ấy đối với cảnh giới của các sắc v.v… hợp ý, mong muốn mến mộ được thấy. Đối với cảnh giới của sắc v.v… không thể yêu thích tâm sanh chán bỏ. Nơi cảnh vừa ý tâm sanh mong cầu, mến mộ. Đó gọi là tham. Kẻ mang tham ấy, nếu khi cảnh giới kia biến hoại, tâm liền buồn bực, đó gọi là ưu. Các bậc có trí, nơi tất cả đạo lý, nên biết thảy đều trái nhau với đây, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ tư.

Lại, các hàng phàm ngu, ở trong các thứ tham dục không phải là Chánh pháp, không thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm tai họa của chúng, thường bị chìm nổi do bốn thứ keo kiệt khác, lại dấy khởi keo kiệt về pháp. Các bậc có trí, đối với những thứ lỗi lầm tai họa kia đều có thể nhận biết đúng như thật. Đối với bốn thứ keo kiệt còn lại hãy còn không sanh khởi, nếu như có khởi tâm xả thì trọn không chấp chặt, huống hồ là khởi keo kiệt về pháp. Bậc có trí ấy đã xa lìa sự keo kiệt về pháp như thế, nếu gặp các hữu tình ưa thích pháp, tức vì họ tuyên thuyết các kinh, luật, luận do bậc Đại sư đã thuyết giảng, là Thánh giáo tương ưng, khiến họ thọ trì, rộng vì họ phân biệt, khai thị liên tục, trọn không ẩn giấu, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ năm. Đó gọi là Bí-sô thành tựu chi thứ 1: Giải thoát tùy phiền não.

- Thế nào là Bí-sô không lìa chánh trí? Nghĩa là có bốn trí. Những gì là bốn trí? Nghĩa là dựa nơi sự lìa nhiễm đầu tiên, nối tiếp thông đạt về tám chi Thánh đạo, kiến lập Trí thứ nhất. Dựa nơi sự chứng thành đầy đủ tám chi Thánh đạo để kiến lập ba Trí còn lại. Nghĩa là có Bí sô trụ nơi phần vị

phàm phu, khởi tư duy: Chỉ ở trong Thánh pháp Tỳ nại da của chư Phật, Thế Tôn mới có tám chi Thánh đạo, không phải trong pháp nơi dị luận của các ngoại đạo có đạo như thế. Nếu ở nơi xứ ấy có tám chi Thánh đạo, tức ở nơi xứ ấy có quả Sa-môn, có các Sa-môn cùng nghĩa Sa-môn, đó là Niết bàn. Ta nay vì nhằm chứng đắc quả Sa- môn, nghĩa Sa-môn của Sa-môn, nên phải phát khởi việc tu tập tám chi Thánh đạo, khiến được thanh tịnh. Do hành như thế, nên ở trong tám chi Thánh đạo đạt được Trí hiện có.

Đó gọi là dựa nơi sự thông đạt tám chi Thánh đạo kiến lập Trí thứ nhất. Tức do Trí này làm chỗ nương dựa để kiến lập. Vì nhằm chứng đắc, thành tựu đầy đủ như chỗ thông tỏ về tám chi Thánh đạo, nên tinh tấn dũng mãnh tu ba Trí còn lại, là Trí do Văn tạo thành, Trí do Tư tạo thành và Trí do Tu tạo thành. Vị kia vì siêng năng tu tập Trí do Văn tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh, nên cầu nghe Chánh pháp. Nếu có người nêu giảng pháp Tỳ-nại-da do Đức Như Lai chứng đắc, tức liền đi đến nơi ấy cung kính nghe nhận, hoan hỷ chứng đắc pháp diệu thiện rộng lớn thuộc về xuất ly.

Tự tướng cao vượt hơn nên gọi là rộng lớn. Tự tánh không tội nên gọi là diệu thiện. Tương ưng với Niết-bàn nên gọi là thuộc về xuất ly.

Lại vì siêng năng tu tập Trí do Tư tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh. Nếu biết xứ ấy có các Bí-sô trì kinh, luật, luận, thường cùng tập hội để xét đoán, quyết trạch về nghĩa chánh yếu, ẩn mật sâu xa trong ba tạng, tức liền đi đến nơi đó, thỉnh vấn về các đế. Vị ấy tức vì nhằm kiến lập tự tướng hiện có của các đế, nên tạo phương tiện chứng đắc, trước chưa giác ngộ khiến được giác ngộ, nếu đã giác ngộ thì mở bày chỉ bảo khiến nhận biết. Tức nơi một nghĩa, văn tự có sai biệt, thì tạo phương tiện khuyên dẫn khiến không quên mất.

Lại, đối với các đế tương ưng với vô ngã, là chỗ dựa để chứng đắc câu nghĩa thâm diệu, nên dùng huệ thông đạt, rộng vì họ khai thị pháp cú vi diệu tương ưng với tánh Không đã được Như Lai thuyết giảng. Do nhân duyên này nên vị kia đã chứng đắc hai trí do Văn, Tư tạo thành, đạt được thanh tịnh.

Lại siêng năng tu tập Trí do Tu tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh, nên đối với nội thân tuần tự quán thân, cho đến nói rộng là tu bốn niệm trụ, đều nên biết rõ. Như vậy gọi là dựa nơi sự chứng đắc, thành tựu đầy đủ tám chi Thánh đạo để kiến lập ba Trí.

Đó gọi là Bí-sô thành tựu chi thứ hai: Không lìa chánh trí.

- Thế nào là Bí-sô, vì khiến cho pháp thiện hiện có đã sanh trụ vững

không quên, nói rộng cho đến thâu gồm, nhận giữ? Nghĩa là các Bí-sô, dựa nơi tài sản, thực phẩm bên cạnh các thí chủ có niềm tin thanh tịnh, theo như lượng nhận lấy các vật như y phục v.v…, gọi là nhận giữ. Vì sao? Vì các Bí-sô do nhân duyên này, nên thân không yếu kém, tâm có năng lực, tâm không nhiễm não, pháp thiện đã sanh tăng trưởng, không thối mất.

- Thế nào là Bí-sô, vì khiến cho tất cả pháp thiện chưa sanh được sanh khởi nên gồm thâu, nhận giữ? Nghĩa là các Bí-sô tuổi cao, đức trọng, giới hạnh thanh tịnh, nhận biết rõ về pháp hỷ lạc hiện có của Niết bàn, đối với các thứ hỷ lạc khác là tối thượng, bậc nhất, nên đã khéo tu tập Thánh đạo, lìa tăng thượng mạn. Nếu có Bí-sô, có thể đối với chư vị ấy lễ kính, thừa sự, khéo nói, tùy hỷ, lìa mọi dua nịnh, quanh co, không cầu tâm vượt hơn. Ở đây có thể sanh các pháp kia, gọi là nhận giữ. Vì sao? Vì các Bí-sô kia, do lúc tùy chuyển đúng đắn như thế, nên nơi từng thời gian, từ chư vị kia đạt được sự chỉ dạy khuyên bảo, trao truyền, có thể phát khởi hoan hỷ thù thắng, có thể khiến cho tất cả pháp phần Bồ đề diệu thiện chưa sanh, mau chóng được sanh khởi.

Bốn chi như thế, phân biệt thành mười một. Mười một cùng với bốn là bình đẳng.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 71

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Thanh Văn

Đoạn 5:

Lại nữa, có bảy thứ nghĩa:

1. Nghĩa nên suy xét.
2. Nghĩa nên gồm thâu.
3. Nghĩa nên xa lánh.
4. Nghĩa nên dẫn dắt.
5. Nghĩa nên ngăn chặn.
6. Nghĩa nên duy trì.
7. Nghĩa nên phát khởi. Lại nữa, có bảy thứ hỷ:

1. Hỷ do Văn dẫn phát.
2. Hỷ do Tư dẫn phát.
3. Hỷ do Tu dẫn phát.
4. Hỷ do lìa cái dẫn phát.
5. Hỷ do nghị luận dẫn phát.
6. Hỷ do nhớ nghĩ về tự công đức dẫn phát.
7. Hỷ do đối với các thứ thấp kém không sanh biết đủ dẫn phát. Lại nữa, có năm thứ pháp:

1. Pháp giáo hóa.
2. Pháp hành trì.
3. Pháp thâu nhận.
4. Pháp thọ dụng.
5. Pháp chứng đắc.

Lại nữa, gồm đủ ba thứ đức, mới có thể khéo có được tài sản:

1. Đức do cung.
2. Đức do tên.
3. Đức do trúng đích.

Cùng có hai đức:
1. Tánh bền chắc.
2. Khéo tạo được cứu cánh.
Tên có một đức: Là khéo tạo được cứu cánh.
Trúng đích có ba đức:
1. Công xảo cứu cánh.
2. Công xảo quen tập.
3. Công xảo sư học.
Lại nữa, sự giáo háo của Như lai có ba thứ:
1. Giáo hóa trong thời gian dài.
2. Giáo hóa không gián đoạn.
3. Giáo hóa không thuyết giảng trùng lặp.
Lại nữa, vô lượng pháp giáo của Như lai đều do ba thứ lý thú:
1. Do lý thú của nghĩa có sai biệt.
2. Do lý thú của Văn có sai biệt.
3. Do lý thú của khó giải thích có sai biệt.
Lại nữa, phàm là người hội nhập nơi đạo cần có năm thứ đối trị:
1. Đối trị ánh sáng rực rỡ.
2. Đối trị gian nan hiểm trở.
3. Đối trị nơi sông suối.
4. Đối trị nơi khô cạn.
5. Đối trị thân lao nhọc.
Lại nữa, Thi la có hai thứ tướng có thể đi đến nẻo thiện:
1. Thi-la thâu nhận.
2. Thi-la không thiếu sót.
Lại nữa, các kẻ thọ dục, ở trong hiện pháp có ba thứ nghĩa:
1. Truy tìm của cải, vật báu.
2. Giữ gìn tài sản, vật báu.
3. Tham đắm thọ dụng.
Lại nữa, thọ mạng biến hoại có hai thứ:
1. Biến hoại thô.
2. Biến hoại tế.
Phần vị biến hoại cũng có hai thứ:

1. Thô.

2. Tế.

Lại nữa, Trí có hai đức:

1. Đức hành nghĩa đúng đắn.

2. Đức của tự tánh.

- Đức hành nghĩa đúng đắn: Là chánh hành mau chóng, chánh hành quyết định, chánh hành vi tế.

- Đức của tự tánh: Tức là địa định, không thể thối chuyển. Là đã khéo tu tập pháp xuất thế gian, đối với chỗ hành của chính mình không có trở ngại, hơn hẳn tất cả thiện căn tự loại còn lại, hơn hẳn tất cả thiện căn tha loại.

Lại nữa, có ba thứ luyến tiếc, tu bốn niệm trụ có thể đối trị:

1. Luyến tiếc về trợ bạn.

2. Luyến tiếc về lợi dưỡng.

3. Luyến tiếc về hữu sau.

Lại nữa, gia hạnh, hiện quán, tương tục.

Đối trị dục tham, vô minh là gia hạnh. Hiện thấy đế an lập, phi an lập là hiện quán. Đã lìa dục, chưa lìa dục là tương tục.

Lại, nương, địa, phẩm, chưa tu định, đã tu, chưa được, được. Chướng của chỗ dựa thanh tịnh. Chướng của tác ý thanh tịnh. Tức đối trị chướng kia.

Lại nữa, như nói "Sáu thứ hiện quán, là hiện quán của Tư cho đến hiện quán cứu cánh.

Hỏi: Hiện quán của Tư có tướng gì?

Đáp: Nếu hữu tình thành tựu hiện quán Tư, tức có thể quyết định biết rõ về các hành vô thường, tất cả hành khổ, các pháp vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh.

Trụ nơi phần vị phàm phu, đã có thể chứng đắc quyết định như thế, không phải các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm cùng các loại khổ có thể như pháp dẫn đoạt.

Hỏi: Hiện quán của Tín có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán Tín: Hoặc là phàm phu, hoặc không phải là phàm phu, hoặc ở nơi hiện pháp, hoặc ở trong hiện pháp và hậu pháp, trọn không vọng xưng là đại sư khác, là pháp khéo thuyết giảng khác, là Tăng hành chân chánh khác.

Hỏi: Hiện quán của Giới có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán về Giới, thì người ấy trọn không còn có thể cho đến cố tâm giết hại loài Bàng sanh, không cho mà lấy, hành tập dục tà, biết mà nói dối, uống rượu làm bằng gạo v.v… nơi các chốn phóng dật.

Hỏi: Trí hiện quán hiện quán về đế có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu Trí hiện quán hiện quán về đế, thì trọn không còn có thể dựa nơi các vọng kiến mà có tạo tác, đối với chỗ đã tự chứng mà có nghi hoặc, đối với các xứ sanh mà có tham nhiễm, tướng thế gian hiện hành cho là thanh tịnh. Phỉ báng Thanh- văn, Độc giác, Đại thừa, tạo nghiệp của nẻo ác, huống hồ là có thể tạo các nghiệp vô gián như hại cha mẹ v.v… cho đến không thể sanh nơi hữu thứ tám.

Hỏi: Trí hiện quán biên, hiện quán về đế có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu Trí hiện quán biên, hiện quán về đế, thì người ấy trọn không đối với chỗ cật vấn của kẻ khác kia mà sanh sợ hãi.

Hỏi: Hiện quán về cứu cánh có tướng gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán về cứu cánh, thì người đó trọn không thể phạm đối với năm xứ, cũng lại không thể cho đến cố ý đoạn mạng sống các bàng sanh, không cho mà lấy, hành phi phạm hạnh, tập pháp dâm dục, biết mà nói dối, tích tập tài sản, vật báu, các vật dụng của dục diệu để thọ dụng. Cũng không sợ hãi không thể ghi sự, cũng không vọng chấp nơi khổ vui hiện có. Tự tạo, tha tạo, tự tha cùng tạo, phi tự phi tha làm nhân mà sanh. Các loại như thế, nên biết đó gọi là các tướng của hiện quán.

Hỏi: Hiện quán của Tư, tự tánh là gì?

Đáp: Huệ do Tư phẩm thượng tạo thành là tự tánh. Hoặc huệ ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần là tự tánh.

Hỏi: Hiện quán của Tín, tự tánh là gì?

Đáp: Tín thanh tịnh thế gian xuất thế gian, duyên nơi phẩm thượng thuộc cảnh của Tam bảo, là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần làm tự tánh.

Hỏi: Hiện quán của Giới, tự tánh là gì?

Đáp: Nghiệp thân, ngữ được Thánh yêu thích là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần là tự tánh.

Hỏi: Trí hiện quán hiện quán về đế, tự tánh là gì?

Đáp: Huệ duyên nơi cảnh của đế phi an lập, là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần, là tự tánh.

Hỏi: Hiện quán về cứu cánh, tự tánh là gì?

Đáp: Tận trí, Vô sanh trí là tự tánh. Hoặc điều ấy cùng hành với pháp Bồ đề phần, là tự tánh.

Hỏi: Sáu hiện quán này, bao nhiêu thứ là thuộc cõi Dục, cho đến bao nhiêu thứ là không hệ thuộc?

Đáp: Một thứ chỉ hệ thuộc cõi Dục. Một phần của một thứ, hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc. Tức một phần này cùng ba thứ còn lại, bốn thứ này là không hệ thuộc. Một thứ thì hệ thuộc chung cùng không hệ thuộc.

Hỏi: Sáu hiện quán này, có mấy thứ dựa nơi vị chí, dựa nơi cái gì để đạt được? Có mấy thứ cho đến dựa nơi xứ Vô sở hữu, dựa vào cái gì để đạt được?

Đáp: Một thứ dựa vào không chỗ dựa có thể đạt được. Số còn lại dựa vào tất cả chỗ dựa có thể đạt được.

Lại, ba thứ dựa vào năm chỗ dựa sanh, một phần của một thứ cũng thế.

Hỏi: Nếu trí hiện quán, hiện quán về đế, lìa các tướng nên gọi là không phân biệt. Vì sao dựa nơi chỗ dựa có tầm có tứ có thể đạt được?

Đáp: Do người kia tư duy về chân như nơi Tĩnh lự toàn phần như tầm, tứ v.v… để nhập định, thế nên tuy dựa nơi Tĩnh lự có tầm có tứ mà có thể đạt được. Nhưng là lìa tướng không có phân biệt.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ duyên nơi Thế tục đế? Bao nhiêu thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế?

Đáp: Một thứ duyên nơi Thế tục đế cùng một phần của một loại. Một thứ không có đối tượng duyên. Hai thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế an lập cùng một phần của một loại. Một thứ duyên nơi Thắng nghĩa đế phi an lập cùng một phần của một loại.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có tướng, bao nhiêu thứ vô tướng?

Đáp: Bốn thứ có tướng, một thứ vô tướng, một thứ cũng có tướng, cũng vô tướng.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có phân biệt, bao nhiêu thứ không phân biệt?

Đáp: Như có tướng, không tướng, nên biết có phân biệt không phân biệt cũng thế.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là Hỷ cùng hành, bao nhiêu

thứ là Lạc cùng hành, bao nhiêu thứ là Xả cùng hành?

Đáp: Hiện quán thứ nhất chỉ là Hỷ cùng hành. Các thứ còn lại thì chung cho Hỷ Lạc Xả cùng hành.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng hoại, bao nhiêu thứ là đối trị bằng đoạn, bao nhiêu thứ là đối trị bằng nắm giữ, bao nhiêu thứ là đối trị phần xa?

Đáp: Hai thứ chỉ là đối trị do đoạn, một thứ thì chung cho đối trị bằng đoạn, nắm giữ, phần xa, một thứ thì chung cho đối trị bằng nắm giữ và phần xa. Hai thứ thì không đối trị.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng chế phục các triền, bao nhiêu thứ là đối trị bằng vĩnh viễn loại trừ tùy miên?

Đáp: Ba thứ là đối trị bằng chế phục các triền, một thứ là cùng đối trị chung bằng hai loại, hai thứ cùng không đối trị.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ là đối trị bằng đoạn trừ phiền não nơi phẩm thượng trung hạ của mỗi địa?

Đáp: Một thứ. Các thứ còn lại tùy thuận theo đấy làm trợ bạn, không phải đối trị bằng đoạn trừ.

Hỏi: Sáu hiện quán, đạt được chín biến tri. Nghĩa là:

- Phiền não thuộc cõi Dục do Kiến Khổ Tập, được đoạn nên lập Biến tri thứ nhất.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Khổ Tập đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ hai.

- Phiền não thuộc cõi Dục, do Kiến Diệt đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ ba.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Diệt đoạn, được đoạn nên lập Biến tri thứ tư.

- Phiền não thuộc cõi Dục do Kiến Đạo đoạn, đã đoạn nên lập Biến tri thứ năm.

- Phiền não thuộc cõi Sắc, Vô sắc do Kiến Đạo đoạn, đã đoạn nên lập Biến tri thứ sáu.

- Kiết hạ phần được đoạn, nên lập Biến tri thứ bảy.

- Sắc tham được đoạn, nên lập Biến tri thứ tám.

- Vô sắc tham được đoạn, nên lập Biến tri thứ chín.

Vậy sáu hiện quán này, thứ nào được quả của bao nhiêu Biến tri?

Đáp: Một thứ được quả của chín thứ Biến tri. Các thứ còn lại không

được quả của các Biến tri kia.

Hỏi: Các hiện quán này, có thể làm đối trị đoạn trừ phiền não, là chúng sanh rồi mới tạo đối trị, đoạn trừ, hay là chúng chưa sanh?

Đáp: Ở đây chẳng phải là chưa sanh. Tuy nói sanh rồi nhưng không phải là thời gian sau. Nên biết đối trị lúc đoạn trừ phiền não, lúc sanh là bình đẳng, bình đẳng. Tức vào bấy giờ, giả nêu đặt, nói đối trị các phiền não đã sanh.

Hỏi: Các hiện quán này, thứ nào được bao nhiêu quả?

Đáp: Một thứ được tất cả bốn quả. Một thứ được quả Sa môn viên mãn. Các thứ còn lại, khi ấy là được một trợ bạn, là được hành trước.

Hỏi: Các hiện quán này, bao nhiêu thứ có thể chuyển căn?

Đáp: Trừ một thứ, là tất cả các thứ còn lại.

Hỏi: Hiện quán của Tư, nên nói là đạo nghiệp gì? Cho đến hiện quán về cứu cánh, nên nói là tạo nghiệp gì?

Đáp: . Hiện quán của Tư, nên nói là có thể sanh pháp thiện của phẩm thanh tịnh thuộc về chánh hạnh, là nghiệp. Có thể sanh hoan hỷ không tội, là nghiệp. Có thể chuyển tất cả chỗ nghi ngờ, là nghiệp. Có thể hướng nhập tu tập công đức, là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán còn lại, là nghiệp. Có thể đi tới hết thảy nẻo thiện, là nghiệp.

Hiện quán của Tín, do ý lạc, nên ở trong Tam bảo có thể sanh thắng giải bất động, là nghiệp, chánh hành thanh tịnh, là nghiệp. Một phần có thể đi đến nẻo thiện, là nghiệp.

Hiện quán của Giới, giải thoát các khổ của nẻo ác, là nghiệp.

Trí hiện quán hiện quán về đế, có thể đạt được tất cả quả Sa-môn, là nghiệp. Có thể dẫn phát tất cả công đức thanh tịnh, là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán còn lại, là nghiệp. Có thể ở nơi nẻo thiện hỗ trợ chiêu cảm quả cùng dị thục sáng sạch, là nghiệp.

Trí hiện quán biên, hiện quán về đế, có thể ở trong tất cả đế an lập khéo léo hỏi đáp là nghiệp. Huệ mau chóng thông đạt là nghiệp. Có thể dẫn đến hiện quán sau này, là nghiệp.

Hiện quán về cứu cánh: Có thể dẫn đến hiện pháp lạc trụ bậc nhất, là nghiệp. Giải thoát tất cả khổ lớn của sanh tử, là nghiệp. Giữ vững lấy thân sau cùng, là nghiệp.

Hỏi: Hiện quán của Tư có bao nhiêu loại? Cho đến hiện quán về cứu cánh có bao nhiêu loại?

Đáp: Hiện quán của Tư nên biết có vô lượng loại. Nghĩa là:

Tư về Khế kinh. Tư về ứng tụng. Tư về Ký biệt. Cho đến Tư về Phương quảng, pháp Vị tằng hữu, Luận nghị. Tư về Khổ. Tư về Tập Diệt Đạo. Tư về Chân như, Thật đế, Pháp giới. Tư về Uẩn xứ giới. Tư về thừa Thanh văn v.v… Tư về Đại thừa. Các loại như thế nên biết về sai biệt có vô lượng Tư.

Hiện quán của Tín cũng có vô lượng loại. Nghĩa là nhớ nghĩ đúng về vô lượng chư Phật Chánh đẳng Chánh giác nơi quá khứ cùng Pháp và Tăng. Như đối với quá khứ, thì hiện tại vị lai cũng thế. Lại, nhớ nghĩ đúng về chư Như lai cùng Pháp, Tăng hiện có trong thế giới này cùng vô lượng thế giới của mười phương khác, theo sự nhớ nghĩ đúng đắn có từng ấy số lượng, cũng có từng ấy hiện quán về Tín với thể, phẩm, số sai biệt.

Hiện quán của Giới cũng có vô lượng loại.

Nghĩa là tùy theo sự xa lìa tánh tội của mười thứ nghiệp đạo bất thiện với nhiều loại sai biệt. Lại, tùy theo sự tương tục cũng có nhiều loại. Nghĩa là thân Dự lưu cho đến A-la-hán, thân Độc giác Bồ đề, Như lai có vô lượng sai biệt.

Trí hiện quán hiện quán về đế cũng có vô lượng loại. Nghĩa là pháp Bồ đề phần như Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Đạo chi, với vô lượng sai biệt.

Như Trí hiện quán hiện quán về đế, nên biết hiện quán về đế của Trí hiện quán biên, hiện quán về cứu cánh, cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán này, do tên gọi như thế, do chỗ an lập của ngôn thuyết như thế, nên nói là tự tánh của chúng, nên nói không phải là tự tánh của chúng?

Đáp: Theo thế tục, nên nói là tự tánh của chúng. Theo Đệ nhất nghĩa, nên nói không phải là tự tánh của chúng. Vì sao? Vì nghĩa của tất cả pháp là "pháp nhĩ" không thể nêu bày.

Hỏi: Hiện quán của Tư là nhân gì, quả gì? Như thế cho đến hiện quán về cứu cánh là nhân gì, quả gì?

Đáp: Hiện quán của tư dùng Phật xuất hiện ở đời, thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tương tục thành thục, tác ý như lý làm nhân. Lấy chỗ tạo nghiệp làm quả.

Như hiện quán của Tư, hết thảy hiện quán nên biết cũng thế. Ở đây có sai biệt: Hiện quán của Tín cũng dùng các hiện quán khác làm nhân. Hiện quán của Giới cũng thế.

Trí hiện quán hiện quán về đế cũng dùng hiện quán của Tư làm nhân.

Cũng dùng thiện căn của phần Thuận quyết trạch làm nhân. Cũng dùng Tự chủng tánh làm nhân.

Trí hiện quán biên hiện quán về đế cũng dùng Trí hiện quán hiện quán về đế làm nhân. Hiện quán về cứu cánh cũng vậy.

Hỏi: Sáu hiện quán, bảy tác ý, tức như tác ý liễu tướng v.v… Vậy sáu hiện quán gồm thâu bảy tác ý, hay bảy tác ý gồm thâu sáu hiện quán?

Đáp: Hai hiện quán gồm thâu tác ý không phải. Một hiện quán gồm thâu là gồm thâu tác ý lạc. Một hiện quán gồm thâu là gồm thâu tác ý quan sát, tác ý lạc. Một hiện quán gồm thâu tác ý xa lìa, gồm thâu tác ý quả của gia hạnh cứu cánh. Tác ý còn lại nên biết là thuộc về đẳng lưu của hiện quán, không phải hiện quán gồm thâu, đó là tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải.

Hỏi: Trí vô biên tế cùng với thiện căn của phần thuận quyết trạch thuộc về hiện quán nào?

Đáp: Không phải các hiện quán gồm thâu, nên biết là đẳng lưu của hiện quán.

Hỏi: Các hiện quán của Tư cũng là hiện quán của Tín chăng?

Hoặc nếu là hiện quán của Tín cũng là hiện quán của Tư chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có hiện quán của Tư không phải là hiện quán của Tín. Nghĩa là, trừ Tư duyên nơi vật báu quyết định, còn lại là các Tư duyên quyết định.

2. Hoặc có hiện quán của Tín không phải là hiện quán của Tư. Nghĩa là duyên nơi Tín do văn tu tạo thành của báu.

3. Hoặc có hiện quán của Tư cũng là hiện quán của Tín. Nghĩa là Tư duyên nơi báu quyết định.

4. Hoặc có không phải là hiện quán của Tư, cũng không phải là hiện quán của Tín. Nghĩa là trừ các tướng đã có trên.

Do đạo lý này nên biết phần còn lại cũng nên tạo ra bốn trường hợp. Lại có vô lượng một hành thuận với trường hợp trước, thuận với trường hợp sau nơi đạo lý của bốn trường hợp.

Dựa nơi đạo lý quyết trạch của địa Thanh văn đều nên nhận biết rõ.

Lại nữa, xan (keo kiệt) cùng với cấu (cấu uế) hợp gọi là xan cấu. Do tám thứ cấu nhiễm ô tâm tương tục, có thể cùng với xan kia tạo nên xứ an đủ, do đó chúng được gọi là xan cấu.

Những gì là tám thứ?

1. Đối với huệ thí, trước không thường xuyên tập, ở trong hiện pháp

ái trọng của cải, thức ăn uống.

2. Đối với thân mạng hết sức ái trọng luyến tiếc, nhưng không quan tâm tới đời sau.

3. Cùng với xan luôn cùng dừng trụ, tùy thuận.

4. Thấy ruộng được thí không có công đức thù thắng cùng phân biệt chọn lựa ruộng phước.

5. Đối với từ bi, trước không thường hành tập, cùng ở nơi xứ kia không thấy đức hơn hẳn.

6. Do các thứ của cải, vật báu khó có thể tích tập nên luôn hành tập tưởng về chúng, sanh lười trễ, biếng nhác.

7. Chấp giữ nơi kiến, cùng cho huệ xả có tạp nhiễm.

8. Mong cầu của cải, vật báu mà hành huệ thí cùng hồi hướng nơi chúng.

Lại nữa, có năm thứ hành gọi là điều phục thiện:

1. Hành chiêu cảm của cải, giàu có.

2. Hành chiêu cảm về nẻo thiện.

3. Hành chiêu cảm không khổ.

4. Hành chiêu cảm tự nghĩa.

5. Hành chiêu cảm tha nghĩa.

- Hành chiêu cảm của cải, giàu có: Là sự phước nghiệp của tánh thí.

- Hành chiêu cảm về nẻo thiện: Là sự phước nghiệp của tánh giới.

- Hành chiêu cảm không khổ: Là sự phước nghiệp của tánh tu.

- Hành chiêu cảm tự nghĩa: Là đạo Thanh văn, Độc giác.

- Hành chiêu cảm tha nghĩa: Là đạo Bồ tát. Vì đạt được chúng nên tu năm tưởng:

1. Ở trong các dục tu tưởng bất tịnh.

2. Đối với thân mạng tu tưởng mau chóng hoại diệt.

3. Ở trong cõi dục tu tưởng có sợ hãi.

4. Ở trong các hành tu tưởng vô thường.

5. Đối với các chúng sanh tu tưởng thương xót. Lại nữa, sẽ giải thích về kinh Đề Hồ Dụ.

Thế nào là nhận biết rõ về Khế kinh cho đến luận nghị? Nghĩa là lược do năm tướng:

1. Nhận biết rõ về giả danh.

2. Nhận biết rõ về chỗ thâu nhận.

3. Nhận biết rõ về thứ lớp.

4. Nhận biết rõ về Thánh giáo.

5. Nhận biết rõ về chốn dựa.

- Thế nào là nhận biết rõ về giả danh? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về sự thiết lập pháp môn danh, tưởng có sai biệt.

- Thế nào là nhận biết rõ về chỗ thâu nhận? Nghĩa là có thẻ nhận biết rõ về danh thân, cú thân, văn thân, do đấy nếu rõ về pháp môn sai biệt.

- Thế là nhận biết rõ về thứ lớp? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về thứ lớp hiện có từ pháp môn này đến pháp môn kia, từ câu này đến câu kia.

- Thế nào là nhận biết rõ về Thánh giáo? Tức có thê nhận biết rõ về pháp môn như thế, Đức Như lai đã giảng nói, hoặc đệ tử của Phật đã thuyết giảng, hoặc thuyết giảng cho hàng tại gia, hoặc thuyết giảng cho hàng xuất gia.

- Thế nào là nhận biết rõ về chốn dựa? Là có thể nhận biết rõ về pháp môn như thế là dựa nơi tự lợi mà nói. Pháp môn như thế là dựa nơi lợi tha mà nói. Pháp môn như thế, cho đến là khiến cho hàng trời người đạt được lợi ích an lạc nên nêu giảng.

Như vậy gọi là lược do năm thứ tướng, nhận biết rõ về Khế kinh cho đến luận nghị.

- Thế nào là nhận biết rõ về ngữ nghĩa của các thứ kia? Cũng do năm tướng:

1. Nhận biết rõ về duyên khởi.

2. Nhận biết rõ về câu sai biệt.

3. Nhận biết rõ về thứ lớp.

4. Nhận biết rõ về đạo lý.

5. Nhận biết rõ về nghĩa tóm lược.

- Thế nào là nhận biết rõ về duyên khởi? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về một phần nơi đối tượng giáo hóa ứng hợp với nghĩa thị hiện, cho đến một phần nơi đối tượng giáo hóa ứng hợp với nghĩa vui mừng.

- Thế nào là nhận biết rõ về câu sai biệt? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về sự dạy, giải của tướng khác, môn khác với ngôn từ, phẩm loại sai biệt.

- Thế nào là nhận biết rõ về thứ lớp? Là có thể nhận biết rõ về thứ lớp giải thích, thứ lớp thành lập, thứ lớp viên mãn.

- Thế nào là nhận biết rõ về đạo lý? Nghĩa là có thể nhận biết rõ về

bốn thứ đạo lý:

1. Đạo lý quán đãi.

2. Đạo lý chứng thành.

3. Đạo lý tác dụng.

4. Đạo lý pháp nhĩ.

- Thế nào là nhận biết rõ về nghĩa tóm lược? Là có thể nhận biết rõ đây là ngôn ngữ tương ưng của Uẩn. Đây là ngôn ngữ tương ưng của Giới, Xứ, Duyên khởi, Xứ phi xứ, Đế. Đây là ngôn ngữ tương ưng của Niệm trụ, cho đến đây là ngôn ngữ tương ưng của tám chi Thánh đạo. Đây là ngôn ngữ tương ưng của Nghiệp. Đây là ngôn ngữ tương ưng của Phiền não. Đây là ngôn ngữ tương ưng của ba học như giới tăng thượng học v.v…

Lại nữa, thế nào là biết thời? Nghĩa là do năm tướng:

1. Thông tỏ về tạp nhiễm đang hiện tiền.

2. Thông tỏ về tạp nhiễm sắp hiện tiền.

3. Thông tỏ về phần vị không tạp nhiễm.

4. Tác ý đối trị cùng khởi.

5. Tác ý đối trị.

Lại nữa, thế nào là biết lượng? Nghĩa là đối với các việc ăn uống, cho đến nói rộng.

Nên biết ở đây, lược nói về hai thứ xét đoán về tánh tùy thuận:

1. Tánh tùy thuận nhận giữ.

2. Tánh tùy thuận tinh tấn.

- Tánh tùy thuận nhận giữ: Là đối với các việc ăn uống nếm nuốt v.v… luôn khéo nhận biết về lượng.

- Tánh tùy thuận tinh tấn: Là đối với các việc hoặc đi hoặc trụ cho đến nói rộng, luôn khéo nhận biết về lượng.

Ở đây, thế nào là đối với việc ăn uống khéo nhận biết về lượng. Nghĩa là ở trong việc nhận lấy và thọ dụng đều khéo nhận biết về lượng.

Ở trong việc nhận lấy, khéo nhận biết về lượng: Nghĩa là, lúc này nên nhận, theo đấy nên nhận, chốn ấy nên nhận, ngang với đây nên nhận…

Ở trong việc thọ dụng, khéo nhận biết về lượng: Nghĩa là, như chỗ đã nhận, ở trong lúc này nên có thể thọ dụng.

Ở trong thời gian nào nên có thể thọ dụng? Nghĩa là như trước đã nói, phần đầu của ngày là thời gian thọ dụng.

Ở nơi xứ nào nên có thể thọ dụng? Nghĩa là, ở nơi xứ sở thích hợp,

hoặc ở nơi đạo tràng, hoặc tại xóm lang.

Nơi vật dụng nào nên thọ dụng? Nghĩa là, như trước đã nói về vật thanh tịnh v.v…, Đức Như lai đã cho phép.

Ngang với mức nào nên thọ dụng? Nghĩa là khéo nhận biết về lượng nên có thể thọ dụng, chớ khiến đói phiền, chớ nên không thuận với sự xét đoán, chớ khiến các giới khởi không bình đẳng.

- Thế nào là đối với việc siêng năng, tinh tấn khéo nhận biết về lượng? Nghĩa là, nơi thời gian này, xứ này, sự việc này, ngang bằng với đây, nên siêng năng tinh tấn.

Nơi những thời gian nào nên siêng năng tinh tấn? Nghĩa là đối với thời gian nên làm mà làm, cho đến đối với thời gian nên thôi ngủ nghỉ thì thôi ngủ nghỉ.

Đối với nơi chốn nào nên siêng năng tinh tấn? Nghĩa là, ở nơi chốn núi rừng vắng lặng, hoặc tại đạo tràng, hoặc ở nội viện, hoặc chốn kinh hành, nên tu tinh tấn.

Nơi những sự việc nào nên tu tinh tấn? Nghĩa là, nên siêng năng hành, siêng năng trụ, cho đến siêng năng thôi dứt ngủ nghỉ, mệt nhọc.

Ngang bằng với gì nên tu tinh tấn hiện có? Nghĩa là, khéo nhận biết về lượng mà tu tinh tấn, chớ nhân đấy mà quá hôn trầm, quá trạo cử?

Lại nữa, thế nào là khéo nhận biết về chúng Sát-đế-lợi? Nghĩa là, khéo nhận biết rõ về chúng Sát-đế-lợi, với tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế, ăn uống như thế, cho đến biên vực của thọ mạng như thế.

Như vậy cho đến khéo nhận biết về các chúng Trưởng giả, Cư sĩ v.v…

- Thế nào là khéo nhận biết về các chúng Sa-môn? Nghĩa là có thể khéo nhận biết về tên gọi của chúng ấy là như thế. Đây là thiếu niên, đây là trưởng niên, đây là lão niên. Đây là vị trì kinh, cho đến đây là vị có thể trì luận. Khéo nhận biết đây là sư Du-già.

Lại nữa, thế nào là khéo nhận biết về ta, ở trong ấy phải nên đi đến nơi, cho đến nên im lặng? Nghĩa là, nếu lược nói, vì đấy nên đi tới, cho đến nên im lặng, cùng như đấy nên đi tới, cho đến nên im lặng.

Do việc làm gì nên đi đến chúng tại gia, cho đến nên im lặng? Nghĩa là vì cầu xin các thứ vật dụng nuôi sống. Hoặc lại vì khiến cho kẻ chưa tin thì tin, đã tin rồi thì tăng trưởng. Hoặc vì để thăm hỏi, an ủi khi họ gặp phải các khổ do bệnh tật nặng. Hoặc vì để mở bày, dứt bỏ các sự sầu lo. Hoặc

vì để lần lượt hòa giải các kẻ oán đối, chống trái nhau. Hoặc là để tùy thuận sự việc được tạo tác của kẻ khác. Hoặc lại vì chỗ khuyến thỉnh của người khác. Hoặc vì đi theo các vị Quỹ phạm sư, Thân giáo sư, đồng phạm hạnh. Hoặc vì sự việc tạo tác, gây dựng cho Tăng chúng. Do đó nên đi đến nơi chúng tại gia cho đến im lặng.

- Thế nào là nhận biết rõ nên đi đến như thế? Nghĩa là như nơi địa Thanh văn đã nói về tướng.

- Thế nào là nhận biết rõ nên trụ như thế? Tức là đi đến nơi rồi không nên vào liền, tới gần cửa bên trong nên thong thả mà trụ. Hoặc không nghi, lo, từ từ đi vào nhà, đến chỗ cùng gặp, theo sự chấp thuận mà trụ. trước nói lời thăm hỏi an ủi, diện mạo vui vẻ, xa lìa mọi cau có mới hiện bày lời thân ái.

- Thế nào là nhận biết rõ nên an tọa như thế? Nghĩa là Đức Phật đã cho phép, tùy chỗ ngồi như pháp hiện có, giữ đúng oai nghi, đoan nghiêm mà ngồi.

- Thế nào là nhận biết rõ nên nói giảng như thế? Nghĩa là khéo nhận biết rõ như thời, như lý, như lượng, tịch tĩnh, ngay thẳng mà nói.

Thời có ba loại:

1. Vui thích nghe, không phải là không vui thích nghe. Không vui thích nghe: Nghĩa là như có một người, hoặc do đói khát, hoặc thân mỏi mệt, hoặc bị bức não do gió nóng v.v… Đó gọi là thời thứ nhất.

2. An trụ như pháp, đúng oai nghi, không phải là không oai nghi. Hoặc lại có kẻ, tuy vui thích muốn nghe, nhưng không có oai nghi. Trụ không oai nghi: Nghĩa là không nên lập làm người ngồi để nghe thuyết giảng, trừ người ấy bị bệnh nặng, như nơi kinh Biệt giải thoát đã nói rộng về tướng. Là thời thứ hai.

3. Tâm không có nhiễm não, không phải là tâm nhiễm não. Tâm nhiễm não: Nghĩa là như có một người tâm vội vàng, đối với các sự việc luôn cực nhọc hết mực. Hoặc buông thả, hoặc tán loạn, hoặc lại lẫn lộn, hoặc là tôi tớ của kẻ khác, hoặc tạo nghiệp, hoặc lại sát sanh, hoặc là kẻ oán địch. Là thời thứ ba.

Lý có ba loại: Nghĩa là có cầu thỉnh, cầu thỉnh như pháp, cầu thỉnh như lượng, mới vì họ tuyên thuyết như pháp; vì thuyết giảng có nghĩa lợi.

Do ba thứ tướng nên biết là như lượng:

1. Không tán loạn, không hỗn tạp mà có chỗ thuyết giảng.

2. Câu văn viên mãn tuyên thuyết các pháp.

3. Phàm chỗ tuyên thuyết, ngôn từ không nên trùng lặp. Nghĩa là không nói lặp lại ngôn từ hiện có, hoặc các lời nói vô dụng phi nghĩa hãy còn không nói chút ít, huống hồ là nói nhiều.

Nên biết tịch tĩnh cũng có ba loại:

1. Oai nghi tịch tĩnh.

2. Ngôn âm tịch tĩnh.

3. Tâm ý tịch tĩnh.

- Oai nghi tịch tĩnh: Nghĩa là các căn tịch tĩnh, không có vội gấp, cũng không phấn khích quá mức, các chi tiết bất động mà có nói năng.

- Ngôn âm tịch tĩnh: Âm thanh được nêu bày không quá cao, cũng không quá gấp.

- Tâm ý tịch tĩnh: Tức tuy bị xúc não cũng không sanh giận dữ, mà có giảng nói, huống chi là không bị xúc não, lại không có tâm nhiễm mà có chỗ nêu bày.

Lại, lời nói ngay thẳng cũng có ba loại: Nghĩa là như đúng lúc, nói đúng lúc, cho đến lúc nói lời vắng lặng. Hoặc do từ trước đã hành tập phương tiện theo tánh mà nói. Hoặc do nơi hiện pháp thường xuyên hành tập tác ý gia hạnh mà nói. Hoặc do yêu thích học xứ, dùng lực xét chọn mà tự điều phục mới có chỗ nêu bày. Nơi tất cả thời không có hư dối, hoặc ẩn giấu hoặc hiển bày, những điều nói ra đều không hai.

Thế nào là nhận biết rõ nên im lặng? Nghĩa là khéo nhận biết rõ ở trong năm thời phải nên im lặng:

1. Thời gian người nói đang nêu bày, nếu người nghe kia cố tạo ra lời nói khác, hiện tướng náo loạn, bấy giờ người nói phải nên im lặng.

2. Thời gian người nói đang giảng nói, nếu người nghe kia nói lời bác bỏ, chấm dứt không muốn nghe, bấy giờ người nêu giảng nên im lặng.

3. Thời gian người nói đang nói, nêu, nếu người nghe kia đối với người thuyết giảng khởi tâm tìm kiếm lỗi lầm, phát lời trái ngược, tranh chấp, hiện tướng chống đối, bấy giờ người giảng nói nên im lặng.

4. Thí chủ đem các thứ y phục, thức ăn uống v.v… đến, hết lòng thỉnh cầu, bấy giờ người thọ nhận phải nên im lặng chấp thuận.

5. Nếu có kẻ tranh luận đến để cùng tranh biện, bấy giờ luận giả phải nên im lặng để nghe họ nêu bày.

Lại nữa, lại do ba tướng nên tự nhận biết rõ về chỗ tin tưởng hiện có của mình, cho đến là kẻ thiện nam:

1. Do chỗ dựa.

2. Do tự tánh.

3. Do thời phần.

- Thế nào là do chỗ dựa, nên nhận biết rõ về sự tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật, nếu sự việc là chỗ nương dựa của niềm tin, tin duyên nơi đấy sanh, nên biết sự việc ấy quyết định là chỗ dựa cho sự tin tưởng của mình.

- Thế nào là do tự tánh, nên nhận biết rõ về chỗ tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật về chỗ tin tưởng hiện có của mình thuộc phẩm thượng trung hạ.

- Thế nào là do thời phần nên nhận biết rõ về chỗ tin tưởng của mình? Nghĩa là nhận biết đúng như thật vào thời gian ấy mình đã có được sự tin tưởng ấy.

Như nhận biết rõ về Tin, nhận biết rõ về Giới, về Biện v.v… phần sau đều sẽ nhận biết. Ở đây, Tin là chi Hướng nhập. Giới là chi Xa- ma-tha đã nhập. Nghe là chi Tỳ-bát-xá-na. Xả là chi tư lương của Xa- ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Huệ do nội tư tạo thành, cùng thuận theo sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền của kẻ khác, là chi có thể thâu nhận cả

Chỉ (Xa-ma-tha), Quán (Tỳ-bát-xá-na). Nương dựa vào đấy nên chứng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cùng có thể chứng đắc các quả Sa-môn. Nơi chỗ tự chứng đắc với các nghĩa sâu xa vi tế, nếu có gia hạn dục sanh nghi hoặc, vì đoạn trừ nghi, nên như chỗ đã chứng đắc, vì các kẻ kia mà nêu bày rõ.

Lại vì nhằm hàng phục các luận giả đối địch, nên cần có biện tài. Đối với kẻ khác, lúc thân ngữ dấy khởi hành tà, cần có tánh của hàng thiện nam thuộc về nhẫn nhục, nhu hòa.

Lại nữa, do ba nhân duyên nên phát sanh không tin:

1. Do không chánh tri về công đức của Tam bảo.

2. Do hành theo kiến giải của ngoại đạo.

3. Chưa được gặp ba thứ thần biến của chư Phật và Thánh đệ tử, tùy theo một loại để được điều phục.

Lại nữa, do ba nhân duyên nên không thể luôn đi đến vườn rừng tịch tĩnh:

1. Do chỗ trói buộc của phóng dật và biếng nhác.

2. Do có nhiều sự việc hành tác.

3. Do người tin thuận.

Lại nữa, do ba nhân duyên làm tánh nên không thích chỗ đã học hiểu

tới nơi kẻ khác:

1. Tánh không biết sợ hãi.

2. Tánh cao ngạo, kiêu mạn.

3. Dựa nơi văn tự.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thích thân cận kẻ khác:

1. Tánh không thông sáng, lanh lợi.

2. Tánh không phải là phước điền.

3. Không có vui thích, mong muốn tột bậc.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thích thỉnh vấn kẻ khác:

1. Đối với pháp không thân thiện.

2. Đối với nghĩa không thân thiện.

3. Đối với cả hai thứ đều không thân thiện. Do ba nhân duyên nên không thể lắng nghe kỹ:

1. Nhiều tầm, tứ.

2. Nhiều sự việc.

3. Nhiều các thứ cái, triền khiến tâm tạp nhiễm.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể quyết định nhận giữ:

1. Không lắng nghe.

2. Lắng nghe điều xấu ác.

3. Huệ thù thắng bị che lấp.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể quán xét các pháp:

1. Vui chấp nơi hý luận.

2. Yêu thích ở chốn ồn tạp.

3. Không thành tựu huệ quán xét kỹ.

Do ba nhân duyên làm tánh nên không thể theo pháp hành pháp:

1. Do luyến tiếc thân mạng.

2. Do nơi lực tăng thượng kia nên vui thích, tham đắm lợi dưỡng.

3. Do vui thích, tham chấp nơi sự cung kính.

Do ba nhân duyên nên không vui thích tu hành hạnh lợi tha:

1. Tánh thuộc chủng tánh thấp kém.

2. Tâm bi còn mỏng, ít.

3. Không có uy lực.

Như thế, phẩm Bạch cùng với ba thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, các Thánh đệ tử, không phải là một mà có rất nhiều, đủ loại sự việc du quán có thể đạt được. Đó là:

- Du quán nơi bến sông.
- Du quán nơi hang núi.
- Du quán nơi nẻo quỷ.

Vô số các loại du quán như thế, về sự có thể đạt được.

Hỏi: Do nhân duyên nào, các bậc Đại Thanh văn đã được thần thông, mới đi đến cõi quỷ cật vấn các quỷ. Là từ nghiệp báo trước, là vì trừ bỏ tự nghi, là vì tạo lợi ích cho chúng sanh? Nếu vì trừ bỏ tự nghi, vì đã chứng đắc thần thông là không hợp đạo lý. Nếu vì tạo lợi ích cho chúng sanh thì phải nói vì sao tạo lợi ích cho chúng sanh?

Đáp: Vì tạo lợi ích cho chúng sanh. Nghĩa là nhằm tạo lợi ích cho các Ngạ quỷ này cùng các chúng sanh khác. Vì sao? Vì do lực thần thông nên khiến các Ngạ quỷ nhớ nghĩ về đời trước, tự nói về nghiệp ác do thân trước đã tạo, nên sanh hối tiếc chán lìa sâu xa. Nhân đấy, vì họ giảng nói pháp, liền có thể lãnh nhận tỏ ngộ. Do nhân duyên ấy nên mau chóng lìa bỏ cõi quỷ. Như vậy gọi là tạo lợi ích cho các quỷ.

Các bậc Đại Thanh văn đã được thần thông, nghe các Quỷ nói về việc thọ nhận vô số quả khổ não do nghiệp ác đã tạo từ đời trước, bèn trở lại nhân gian lần lượt nêu bày. Kẻ khác đã nghe rồi, tâm sanh chán bỏ, đoạn ác tu thiện. Như thế gọi là tạo lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, do sáu thứ tướng, nên biết các sắc của hành dục gọi là thô. Những gì là sáu tướng? Đó là:

1. Rất nhiều nên thô.
2. Trầm trọng nên thô.
3. Bất tịnh nên thô.
4. Cứng chắc nên thô.
5. Biến hoại nên thô.
6. Không tùy tâm chuyển, nên thô.

Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không nhắc đến nữa. Lại, văn của các quyết trạch nơi địa Độc giác cũng không nêu nữa.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 72

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về phần quyết trạch của địa Thanh văn. Phần quyết trạch của địa Bồ tát nay sẽ nói.

Nghĩa là như thành lập chủng tánh Thanh văn, nên biết thành lập chủng tánh Bồ tát cũng lại như thế.

Lại nữa, có mười thứ phát tâm:

1. Phát tâm thọ nhận thế tục.
2. Phát tâm đạt được pháp tánh.
3. Phát tâm không quyết định.
4. Phát tâm quyết định.
5. Phát tâm không thanh tịnh.
6. Phát tâm thanh tịnh.
7. Phát tâm yếu kém.
8. Phát tâm mạnh mẽ.
9. Phát tâm chưa thành quả.
10. Phát tâm đã thành quả.

- Phát tâm thọ nhận thế tục: Nghĩa là phát tâm hiện có của các Bồ tát chưa nhập vị chánh tánh ly sanh của Bồ tát.

- Phát tâm đạt được pháp tánh: Là phát tâm hiện có của các Bồ tát đã nhập quả vị chánh tánh ly sanh của Bồ tát cùng các Thanh văn hồi hướng Bồ đề.

- Phát tâm không quyết định: Là phát tâm hiện có của hữu tình không phải chủng tánh Bồ tát, nếu là chủng tánh Bồ tát thì đã lại thối chuyển.

- Cùng với phát tâm trên trái nhau, nên biết đó là phát tâm quyết định.

- Phát tâm không thanh tịnh: Nghĩa là như có một hữu tình hoặc tùy theo kẻ khác mà chuyển, hoặc bị lấn hiếp bức bách không xét không lường, hoặc sợ nạn vua quan, hoặc sợ nạn giặc cướp, hoặc sợ nạn quỷ yêu, hoặc

sợ thối chuyển, hoặc vì sự sống, hoặc vì nhân duyên được lợi dưỡng, sự cung kính, hoặc lại dối trá, các loại như thế mà phát tâm, nên biết đều gọi là phát tâm không thanh tịnh.

- Phát tâm cùng cùng với trên trái nhau, nên biết đó là phát tâm thanh tịnh.

- Phát tâm yếu kém: Nghĩa là như có một hữu tình đã phát tâm Bồ tát, nhưng bị các triền tham sân si che phủ, nên bỏ nơi hành chánh, ở với hành tà.

- Phát tâm trái hẳn với trên, gọi là phát tâm mạnh mẽ.

- Phát tâm thành quả: Nghĩa là phát tâm hiện có từ địa Thắng giải hành cho đến địa thứ.

- Phát tâm đã thành quả: Là phát tâm hiện có của địa Như lai. Như Đức Thế Tôn nói: Ta đã giải thoát hành khó hành. Ta đối với tất cả hành khó hành đã hoàn toàn giải thoát. Chánh nguyện của mình đã viên mãn, cũng khiến cho kẻ khác hướng đến chứng đắc Bồ-đề.

Mười phát tâm này có bao nhiêu thứ nhiễm ô, bao nhiêu thứ không nhiễm ô, văn quyết trạch rộng lại không nhắc đến nữa.

Lại nữa, có bốn thứ tâm, Bồ tát phải nên thường xuyên tùy hộ:

1. Tâm do Văn, Tư tạo thành.

2. Tâm Bi.

3. Tâm tư lương.

4. Tâm do Tu tạo thành.

Lại nữa, Bồ tát có chín chánh hành, dựa nơi tự nghĩa cùng với tha nghĩa:

1. Chánh hành đối với sanh tử.

2. Chánh hành đối với hữu tình.

3. Chánh hành đối với chính mình.

4. Chánh hành đối với các dục.

5. Chánh hành nơi ba nghiệp thân khẩu ý.

6. Chánh hành đối với hữu tình không nên tổn não.

7. Chánh hành đối với việc tu tập pháp thiện không gián đoạn.

8. Chánh hành đối với Xa-ma-tha nơi nội tâm.

9. Chánh hành đối với pháp Tỳ-bát-xá-na của Huệ tăng thượng.

- Thế nào là Bồ-tát, ở trong sanh tử, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người bệnh, đối với bệnh hiện có, đối với mọi khổ vui cay đắng.

- Thế nào là Bồ-tát, đối với các hữu tình, hành nơi chánh hành?

Nghĩa là như lương y đối với người có bệnh.

- Thế nào là Bồ-tát, đối với tự thể, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như gia trưởng khéo léo đối với trẻ em chưa thành tựu.

- Thế nào là Bồ-tát, ở trong các dục, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như thương chủ hành xử nơi công việc mua bán đối với các thứ hàng hóa.

- Thế nào là Bồ-tát, đối với ba nghiệp thân ngữ ý, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người giặt nhuộm quần áo đối với các thứ y phục.

- Thế nào là Bồ-tát, đối với hữu tình không nên tổn não, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người cha lành đối với các trẻ con, trẻ em lỡ phóng các thứ bất tịnh lên trên người mình.

- Thế nào là Bồ-tát, ở trong sự tu tập các pháp thiện không gián đoạn, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người cầu lửa, dốc thi công đối với vật cho lửa.

- Thế nào là Bồ-tát, ở trong pháp Xa-ma-tha của nội tâm, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người chủ kia đối với việc có thể đem của cải ủy thác cho người có thể giao phó.

- Thế nào là Bồ-tát, ở trong pháp Tỳ-bát-xá-na của Huệ tăng thượng, hành nơi chánh hành? Nghĩa là như người khéo tạo huyễn đối với các sự huyễn.

Văn quyết trạch còn lại không nhắc đến nữa.

Lại nữa, nếu ở trong năm thứ chúng hữu tình, lúc dấy khởi hành tà, gọi là không thương xót, không có sự thương cảm:

1. Đối với kẻ cầu xin.
2. Đối với người bị nguy ách.
3. Đối với người có ân.
4. Đối với người ưa thích an lạc.
5. Đối với kẻ ưa thích pháp.

- Nói cầu xin, lược có năm loại:

1. Cầu thức ăn uống.
2. Cầu y phục.
3. Cầu phòng nhà.
4. Cầu các vật dụng, thuốc men trị bệnh.
5. Cầu được cứu giúp.

- Về nguy ách cũng có năm thứ:

1. Sống trong khó khăn thiếu hiếm.

2. Trụ trong mê loạn.

3. Cầu được quay về nương dựa.

4. Cùng bị từ bỏ.

5. Đến lạy lục hầu hạ.

- Về kẻ có ân cũng có năm loại:

1. Mẹ.

2. Cha.

3. Vợ con.

4. Nô tỳ, kẻ sai bảo.

5. Bạn bè, anh em, thân thuộc, quan chức.

- Về người ưa thích an lạc cũng có năm loại:

1. An lạc do yêu thích sự nghiệp hưng thạnh.

2. An lạc do yêu thích sự nghiệp hưng thạnh không trái lìa.

3. An lạc do yêu thích việc xa lìa khổ thời tiết biến dị.

4. An lạc do yêu thích việc dứt hết các thứ mệt nhọc.

5. An lạc do yêu thích cầu thăng tiến.

- Vui thích pháp cũng có năm loại:

1. Vui thích giảng nói Chánh pháp.

2. Vui thích thọ trì đọc tụng.

3. Vui thích luận nghị, quyết trạch.

4. Vui thích chỉ dạy khuyên bảo trao truyền.

5. Vui thích "pháp tùy pháp hành".

Ở đây, hành tà: Nghĩa là ở trong đó, hoặc tạo gia hạnh, hoặc không hành gia hạnh, hoặc không gia hạnh tạo lợi ích, hoặc gia hạnh bình thường. Nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, ở trong hữu tình có năm thứ tánh không gắng nhận lãnh, nếu các hữu tình tạo nên các tánh ấy thì chư Phật Như lai hãy còn khó hóa độ, huống chi là các Bồ tát.

Hoặc lại có trường hợp khác: Chư Phật Như lai, tuy muốn đối với những kẻ ấy tạo nghĩa lợi lạc, nhưng họ không thể lãnh thọ các sự nghĩa lợi lạc đã được tạo ra, lại đối với chỗ tạo tác có thể gây chướng ngại. Huống chi là các Bồ tát đối với các trường hợp khác ấy.

Những gì là năm thứ tánh? Đó là:

1. Tánh không gắng nhận đối với thanh tịnh.

2. Tánh không gắng nhận đối với gia hạnh.

3. Tánh không gắng nhận đối với quả đã thành tựu đầy đủ.

4. Tánh không gắng nhận đối với gia hạnh cùng quả kia đã thành tựu đầy đủ.

5. Tánh không gắng nhận đối với việc thâu giữ tạo lợi ích.

- Tánh không gắng nhận đối với thanh tịnh: Nghĩa là như có một hữu tình, bản tánh không có pháp Bát-niết-bàn.

- Tánh không gắng nhận đối với gia hạnh: Nghĩa là như có một hữu tình, cùng với pháp Bát-niết-bàn nối tiếp đã thành thục, ở đấy, tạo tác tích tập không gián đoạn, có thể gây chướng ngại cho nghiệp chánh gia hạnh. Do nhân duyên ấy nên ở trong hiện pháp không có khả năng gắng tu chánh phương tiện.

- Tánh không gắng nhận đối với quả kia đã thành tựu đầy đủ: Nghĩa là như có một hữu tình, đồng với pháp Bát-niết-bàn nối tiếp chưa thành thục, không tạo tác không tích tập các thứ có thể làm chướng ngại cho nghiệp chánh gia hạnh. Do nhân duyên ấy nên không có công năng thành tựu đầy đủ quả kia.

- Tánh không gắng nhận đối với gia hạnh cùng quả kia đã thành tựu đầy đủ: Nghĩa là như có một hữu tình, đồng với pháp Bát-niết-bàn nối tiếp chưa thành thục, ở đấy tạo tác tích tập không gián đoạn, có thể gây chướng ngại cho nghiệp chánh gia hạnh. Do nhân duyên ấy nên đều không thể gắng nhận cả hai thứ.

- Tánh không thể gắng nhận đối với việc thâu giữ tạo lợi ích: Nghĩa là như có một hữu tình, ở đấy đã tạo tác tích tập không gián đoạn, có thể chiêu cảm nghiệp nhất định thọ nhận bần cùng, thiếu thốn, khổ não. Do nhân duyên này, nên ở trong hiện pháp, không có khả năng gắng nhận khiến kẻ ấy giàu có, an vui, không còn thiếu thốn.

Cùng với năm thứ trên trái nhau, nên biết đó là năm thứ tánh có thể gắng nhận.

Lại nữa, nếu muốn nhận biết rõ về nghĩa chân thật, thì trước nên nhận biết rõ, lược có năm sự. Tụng nêu:

Nêu chung, phân biệt riêng
Sự thế tục có thật
Hoặc sanh hoặc là dị
Các thứ sắc cùng hành.

Những gì là năm sự?

1. Tướng.

2. Danh.

3. Phân biệt.

4. Chân như.

5. Chánh trí.

- Những gì là tướng? Nghĩa là nếu lược nói tức sự việc của xứ nói năng bàn bạc an đủ hiện có.

- Những gì là danh? Nghĩa là đối với tướng tăng ngữ hiện có.

- Những gì là phân biệt? Nghĩa là các tâm, tâm sở hiện có trong hành của ba cõi.

- Những gì là chân như? Nghĩa là pháp vô ngã được hiển bày nơi Thánh trí đã hành, không phải là tất cả sự việc của xứ nói năng bàn bạc an đủ.

- Những gì là chánh trí? Lược có hai thứ:

1. Chánh trí chỉ là xuất thế gian.

2. Chánh trí thế gian, xuất thế gian.

- Thế nào gọi là chánh trí chỉ là xuất thế gian? Nghĩa là do Trí ấy nên hàng Nhị thừa và chư Bồ tát thông đạt chân như. Lại do Trí ấy nên các Bồ tát kia, nơi năm minh xứ khéo tu tập phương tiện, trụ nhiều nơi Trí chân như biến hành tất cả như thế, nên mau chóng chứng đắc viên mãn Sở tri chướng được thanh tịnh.

- Thế nào gọi là chánh trí thế gian, xuất thế gian? Nghĩa là hàng Nhị thừa, dùng chánh trí thứ nhất thông đạt chân như rồi, do đấy, sau đạt được chánh trí thế gian xuất thế gian, ở trong các đế an lập, khiến tâm chán sợ các thứ lỗi lầm tai họa của ba cõi, tham ái về vị tịch tĩnh nơi ba cõi.

Lại, do phần nhiều an trụ nơi Trí ấy, nên mau chóng chứng đắc viên mãn là Phiền não chướng được thanh tịnh.

Lại, tức Trí này chưa từng được nghĩa gọi là xuất thế gian. Do duyên nơi tướng của ngôn thuyết làm nghĩa của cảnh giới nên cũng gọi là thế gian. Vì vậy, gọi là thế gian xuất thế gian.

Đức Thế Tôn dựa nơi mật ý này nên nói: Ta nói có Trí thế gian, có Trí xuất thế gian, có Trí thế gian xuất thế gian. Nếu Trí thuộc về phân biệt, chỉ gọi là thế gian. Trí thuộc về chánh trí thứ nhất, chỉ gọi là xuất thế gian. Trí thuộc về chánh trí thứ hai, gọi chung là thế gian xuất thế gian.

Hỏi: Tướng nên nói là có chăng? Nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Vì như tự tánh giả lập sai biệt nên lập như thế, phải nói là có chăng?

Đáp: Như thế phải nói là không.

Hỏi: Vì như phân biệt về cảnh của đối tượng hành, như thế nên nói là có chăng?

Đáp: Như thế nên nói là có.

Như thế, Bồ tát đối với tướng có tánh đạt được thiện xảo, ở trong các tướng, khéo ghi nhận là có, khéo ghi nhận là không, khéo ghi nhận là cũng có cũng không, khéo ghi nhận là phi hữu phi không. Các Bồ tát do khéo "ký biệt" như thế, nên xa lìa hai biên tăng ích tổn giảm, hành nơi Trung đạo, khéo nói về pháp giới.

Hỏi: Tướng này là do nghĩa của ngôn thuyết nên nói là có, hay là do lìa nghĩa của ngôn thuyết nên nói là có?

Đáp: Cùng do hai nghĩa nên nói là có. Vì sao? Vì nếu như ngôn ngữ an lập nơi xứ đủ, như thế do nghĩa của ngôn thuyết nên nói là có. Nếu như do tự tánh sai biệt giả lập nghĩa không thành tựu, như vậy do lìa nghĩa của ngôn thuyết nên nói là có. Như tướng, phân biệt về danh cũng thế.

Hỏi: Chân như, chánh trí, nên nói là có chăng? Nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Tướng, nên nói là thật có, nên nói là giả có?

Đáp: Thật có trong hành nên nói là thật có. Giả có trong hành, nên nói là giả có. Có tướng nơi các hành cũng có hai thứ.

Hỏi: Danh, nên nói là thật có, nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là giả có. Chỉ ở trong tướng giả nêu đặt.

Hỏi: Phân biệt, nên nói là thật có, nên nói là giả có?

Đáp: Hai thứ cùng có.

Hỏi: Chân như nên nói là thật có, nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là thật có, vì thuộc về thắng nghĩa.

Hỏi: Chánh trí, nên nói là thật có, nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là cùng có cả hai.

Ở đây, Trí là thật có. Nếu quyến thuộc của Trí là các tâm, tâm sở cũng gọi là Trí thì gọi đó là giả, nên có hai thứ.

Hỏi: Tướng, nên nói là có của thế tục, nên nói là có của thắng nghĩa?

Đáp: Nên nói là có của thế tục. Do hai nhân duyên:

1. Khởi tạp nhiễm.

2. Vật được thiết lập.

Hỏi: Danh, nên nói là có của thế tục, nên nói là có của thắng nghĩa?

Đáp: Nên nói là có của thế tục. Do ba nhân duyên:

1. Khởi tạp nhiễm.

2. Vật được nêu đặt.

3. Chỗ dựa của ngôn thuyết.

Hỏi: Phân biệt, nên nói là có của thế tục, nên nói là có của thắng nghĩa?

Đáp: Nên nói là có của thế tục. Do bốn nhân duyên:

1. Khởi tạp nhiễm.

2. Vật được nêu đặt.

3. Tùy miên của ngôn thuyết.

5. Tùy giác của ngôn thuyết.

Hỏi: Chân như, nên nói là có của thế tục, nên nói là có của ngôn thuyết?

Đáp: Nên nói là có của thắng nghĩa. Là tánh của cảnh nơi đối tượng duyên thanh tịnh.

Hỏi: Chánh trí, nên nói là có của thế tục, nên nói là có của thắng nghĩa?

Đáp: Chánh trí thứ nhất, nên nói là có của thắng nghĩa. Chánh trí thứ hai nên nói là cùng có.

Hỏi: Tướng, nên nói là do cái gì sanh?

Đáp: Nên nói tướng được sanh cùng chỗ sanh của phân biệt trước.

Hỏi: Danh, nên nói là do cái gì sanh?

Đáp: Nên nói là do dục của Bổ đặc già la sanh. Hỏi: Phân biệt, nên nói là do gì sanh?

Đáp: Nên nói là không sanh.

Hỏi: Chánh trí, nên nói là do gì sanh?

Đáp: Nên nói là do lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý nên chánh trí được sanh.

Hỏi: Tướng cùng với Danh, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Cùng không thể nói. Vì sao? Vì cùng có lỗi. Khác, có lỗi gì?

Danh nên thật có. Không khác có lỗi gì? Nếu lúc giữ lấy Tướng, nên cũng giữ lấy Danh.

Hỏi: Tướng cùng với phân biệt, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Cùng không thể nói. Vì sao? Vì cùng có lỗi. Khác có lỗi gì? Phân biệt nên không phải tướng làm tánh. Không khác có lỗi gì? Lìa ngoài phân biệt, các tướng hiện có nên dùng phân biệt làm tánh.

Hỏi: Tướng cùng với Chân như, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Cùng không thể nói. Vì sao? Vì cùng có lỗi. Khác, có lỗi gì?

Thắng nghĩa của các tướng nên không phải tức Chân như.

Lại, người tu quán, nên bỏ các tướng, cầu riêng Chân như. Lại, lúc ở nơi Chân như đạt được Chánh giác, không nên ở nơi tướng cũng đạt được Chánh giác. Không khác có lỗi gì? Như Chân như không có sai biệt, tất cả tướng cũng nên không sai biệt. Lại, lúc được tướng, nên được Chân như. Lại, lúc được Chân như, cũng như được tướng nên không thanh tịnh. Như các hành trên có cộng tướng là vô thường, khổ, vô ngã, tuy lại là có, nhưng không thể nói cùng với các hành kia, hoặc khác hoặc không khác. lại, như thân tâm thô trọng, khinh an, tuy lại là có, nhưng không thể nói cùng với thân tâm kia hoặc khác hoặc không khác.

Lại, như chủng tử trong pháp thiện, ác, vô ký, tuy là có nhưng không thể nói cùng với các pháp kia, hoặc khác hoặc không khác. Vì sao? Vì cùng có lỗi.

Lại, như hư không hiện hữu khắp tất cả, nên đối với các sắc xứ tuy có hư không, nhưng không thể nói cùng với các sắc kia hoặc khác hoặc không khác. Vì sao? Vì cùng có lỗi. Khác có lỗi gì? Không hiện hữu khắp tất cả, tức hư không nên là vô thường. Không khác có lỗi gì? Lìa sắc thì hư không nên không thật có. Trong đây, đạo lý như chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Nơi thừa Thanh văn, có xứ Đức Thế Tôn dựa nơi các hành để hiển bày không khác, cũng không phải là không khác, là đạo lý ký biệt. Như nói Bí-sô "thủ" không phải tức uẩn, cũng không lìa uẩn. Ở đây, dục tham gọi là "thủ".

Không khác có lỗi gì? Là lỗi phỉ báng pháp thiện, vô ký trong uẩn là không thanh tịnh. Khác có lỗi gì? Là lỗi ở trong các thủ tăng ích tánh thường không thanh tịnh.

Như đạo lý Tướng cùng với Chân như không khác, không phải là không khác, thì Danh, Phân biệt, Chánh trí cùng với Chân như nên biết cũng thế.

Hỏi: Tướng cùng với Chánh trí, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Như cùng với Phân biệt, đều không thể nói.

Hỏi: Danh cùng với Chánh trí, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Phân biệt cùng với Chánh trí, nên nói là khác, nên nói là không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Tướng có tướng gì?

Đáp: Tướng phân biệt hiện có.

Hỏi: Danh có tướng gì?

Đáp: Tướng làm chỗ dựa của ngôn thuyết.

Hỏi: Phân biệt có tướng gì?

Đáp: Tướng là tướng của đối tượng hành.

Hỏi: Chân như có tướng gì?

Đáp: Tướng nơi đối tượng hành của Chánh trí.

Hỏi: Chánh trí có tướng gì?

Đáp: Nên biết tướng này có vô số hành tướng, vô lượng hành tướng. Do phân biệt nên hành tướng là vô số, vô lượng. Tức như: tướng sắc, tướng tâm, tướng tâm sở hữu, tướng tâm bất tương ưng hành, tướng vô vi, tướng uẩn, tướng giới, tướng xứ, tướng duyên khởi, tướng xứ phi xứ, tướng căn, tướng đế, tướng niệm trụ, tướng chánh đoạn, tướng thần túc, tướng căn, tướng lực, tướng giác chi, tướng đạo chi, tướng hành tích, tướng pháp tích, tướng Xa-ma-tha, tướng Tỳ-bát-xá-na, tướng cử, tướng xả, tướng duyên, tướng dựa, tướng địa, tướng thủy, tướng hỏa, tướng phong, tướng không, tướng thức, tướng thế giới này, tướng thế giới kia, tướng mặt trời, tướng mặt trăng, tướng Na-lạc-ca, tướng Bàng sanh, tướng Ngạ quỷ, tướng Người, tướng Trời Tứ đại vương chúng, tướng Trời Ba mươi ba, tướng Trời Dạ-ma, tướng Trời Đổ-sử-đa, tướng Trời Lạc hóa, tướng Trời Tha hóa tự tại, tướng Tĩnh lự thứ nhất, tướng Tĩnh lự thứ hai, tướng Tĩnh lự thứ ba, tướng Tĩnh lự thứ tư, tướng Xứ không vô biên, tướng Xứ thức vô biên, tướng Xứ vô sở hữu, tướng Xứ phi tưởng phi phi tưởng, tướng khởi, tướng

tận, tướng có, tướng không có, tướng tạp nhiễm, tướng thanh tịnh, tướng thấy nghe hiểu biết, tướng tìm cầu đã được, tướng tâm tùy tầm tứ. Các loại như thế là vô lượng tướng còn lại.

Lại có sáu tướng:

1. Tướng có tướng.

2. Tướng không tướng.

3. Tướng hẹp nhỏ.

4. Tướng rộng lớn.

5. Tướng vô lượng.

6. Tướng vô sở hữu.

- Thế nào là tướng có tướng? Nghĩa là tướng hiện có hiểu rõ về Sự, Danh, Phân biệt.

- Thế nào là tướng không tướng? Là tướng hiện có không hiểu rõ về Sự, Danh, Phân biệt.

- Thế nào là tướng hẹp nhỏ? Là tướng hiện có của sự phân biệt thuộc cõi Dục.

- Thế nào là tướng rộng lớn? Là tướng hiện có của sự phân biệt thuộc cõi Sắc.

- Thế nào là tướng vô lượng? Là tướng hiện có của sự phân biệt thuộc xứ Không Thức vô biên nơi cõi Vô sắc.

- Thế nào là tướng Vô sở hữu? Là tướng hiện có của sự phân biệt thuộc xứ Vô sở hữu nơi cõi Vô sắc.

Lại có năm tướng khác:

1. Tướng Tướng.

2. Tướng Danh.

3. Tướng Phân biệt.

4. Tướng Chân như.

5. Tướng Chánh trí. Lại có hai tướng khác:

1. Tướng Bản tánh.

2. Tướng Ảnh tượng.

- Thế nào là tướng Bản tánh? Là tướng đã sanh cùng tướng đã thành do phân biệt trước đã sanh.

- Thế nào là tướng Ảnh tượng? Là tướng do biến kế dấy khởi, đã hiện thắng giải, không trụ nơi bản tánh.

Hỏi: Danh có hành tướng gì?

Đáp: Do uy lực của Tướng, nên Danh cũng có vô số vô lượng hành tướng.

Lại, nếu lược nói thì có mười hai thứ:

1. Danh giả nói.

2. Danh thật sự.

3. Danh chủng loại tương ưng.

4. Danh đều tương ưng riêng.

5. Danh theo đức.

6. Danh giả lập.

7. Danh cùng sở tri (đối tượng nhận thức).

8. Danh không cùng sở tri.

9. Danh hiển bày rõ.

10. Danh không hiển bày rõ.

11. Danh chung.

12. Danh riêng.

Hỏi: Phân biệt có hành tướng gì?

Đáp: Do uy lực của Tướng, Danh, nên Phân biệt cũng có vô số vô lượng hành tướng. Nếu lược nói, nên biết có bảy thứ:

1. Phân biệt có tướng.

2. Phân biệt không tướng.

3. Phân biệt nơi cảnh giới tự nhiên.

4. Phân biệt tìm cầu.

6. Phân biệt quán xét.

7. Phân biệt không nhiễm ô.

Hỏi: Chân như có hành tướng gì?

Đáp: Hành tướng của tướng ấy là không thể nêu bày.

Hỏi: Chánh trí có hành tướng gì?

Đáp: Nếu là Chánh trí xuất thế gian thì tướng ấy cũng có hành tướng không thể nêu bày. Còn nếu là Chánh trí thế gian xuất thế gian thì có hành tướng giữ lấy đế an lập.

Lại nữa, hoặc tướng, hoặc ảnh tượng, hoặc hiển hiện, hoặc có, hý luận, hoặc Tát-ca-da, hoặc hữu vi, hoặc do Tư tạo nên, hoặc duyên sanh. Những thứ như thế là sự sai biệt của tướng.

Hoặc Danh hoặc Tướng, hoặc nêu đặt, hoặc giả ngôn thuyết, hoặc thế

tục, hoặc giả lập, hoặc ngôn luận. Các loại như thế là sự sai biệt của danh.

Hoặc phân biệt, hoặc tư duy, hoặc biến kế, hoặc đạo tà, hoặc hành tà, hoặc vượt dòng, hoặc giữ lấy không đúng đắn. Các loại như thế là sự sai biệt của Phân biệt.

Hoặc Chân như, hoặc Thật tánh, hoặc tánh đế, hoặc tánh không điên đảo, hoặc tánh chẳng điên đảo, hoặc Giới không hý luận, hoặc Giới vô tướng, hoặc Pháp giới, hoặc Thật tế. Các thứ như thế là chỗ sai biệt của Chân như.

Hoặc Chánh trí, hoặc Chánh huệ, hoặc Chánh giác, hoặc Chánh đạo, hoặc Chánh hành, hoặc Chánh lưu, hoặc Chánh thủ, các thứ như thế là chỗ sai biệt của Chánh trí.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu là sắc, bao nhiêu là tâm, bao nhiêu là tâm sở hữu, bao nhiêu là tâm bất tương ưng hành, bao nhiêu là vô vi?

Đáp: Tướng chung cho cả năm thứ. Danh chỉ là tâm bất tương ưng hành. Phân biệt, Chánh trí chung cho tâm và tâm sở hữu. Chân như chỉ là vô vi.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ thuộc về uẩn, không thuộc về uẩn?

Đáp: Tất cả đều thuộc về Giới, Xứ.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ thuộc về duyên khởi? Bao nhiêu thứ không thuộc về duyên khởi?

Đáp: Ba thứ thuộc về duyên khởi. Tướng thì thuộc về, không thuộc về. Chân như không thuộc về.

Như duyên khởi gồm thâu, xứ phi xứ gồm thâu, cùng với căn gồm thâu, nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ thuộc về đế? Bao nhiêu thứ không thuộc về đế?

Đáp: Đế có hai thứ: Đế an lập, đế phi an lập.

Đế an lập: Là bốn Thánh đế. Đế phi an lập: Là Chân như.

Ở đây, ba thứ là thuộc về đế an lập. Tướng cũng thuộc về, cũng không thuộc về. Chân như chỉ thuộc về đế phi an lập.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ thuộc về nhân duyên? Bao nhiêu thứ thuộc về đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên?

Đáp:

- Tướng thuộc về tất cả duyên.

- Danh thuộc về đẳng vô gián duyên.

- Phân biệt, chánh trí thuộc về bốn duyên.

- Chân như chỉ thuộc về sở duyên duyên.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ thuộc về chỗ dựa nơi pháp? Bao nhiêu thứ thuộc về chỗ dựa nơi nghĩa, chỗ dựa nơi kinh liễu nghĩa, chỗ dựa nơi trí?

Đáp:

- Tướng thuộc về chỗ dựa nơi ba thứ.

- Danh chỉ thuộc về chỗ dựa nơi pháp.

- Như tướng, phân biệt cũng thế.

- Chân như, đối tượng hành của trí, nên thuộc về chỗ dựa nơi nghĩa.

- Chánh trí chỉ thuộc về chỗ dựa nơi trí.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ có sắc, không sắc?

Đáp:

- Tướng chung cho hai thứ.

- Phân biệt, chánh trí chỉ là không sắc.

- Danh và chân như đều không phải là hai thứ. Là giả có nên không thể nói.

Như có sắc không sắc, có kiến không kiến, có đối không đối cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu là hữu lậu, bao nhiêu là vô lậu?

Đáp:

- Tướng thì chung cho hai thứ hữu lậu, vô lậu.

- Hai thứ chỉ là hữu lậu.

- Hai thứ chỉ là vô lậu.

Chân như là nghĩa nơi đối tượng duyên của lậu dứt hết, nên gọi là vô lậu. Chẳng phải là nghĩa của tướng lậu dứt hết. Chánh trí là nghĩa đối trị lậu tận, nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp:

- Tướng thỉ chung cho cả hai thứ hữu vi, vô vi.

- Ba thứ chỉ là hữu vi.

- Chân như chỉ là vô vi. Là nghĩa các hành nơi đối tượng duyên đã tịch tĩnh, không phải nghĩa tướng tịch tĩnh của các hành.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là có tranh, bao nhiêu thứ là không tranh?

Đáp:

- Tướng thỉ chung cho cả hai.

- Hai thứ chỉ là có tranh.

- Hai thứ chỉ là không tranh.

Như hữu lậu vô lậu, đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

Như có tranh không tranh, thì có ái vị không ái vị, dựa nơi đắm chấp, dựa nơi xuất ly, nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là thế gian, bao nhiêu thứ là xuất thế gian?

Đáp:

- Ba thứ là thế gian.

- Chân như là xuất thế gian

- Chánh trí, một phần chỉ là xuất thế gian, một phần là chung cho thế gian-xuất thế gian.

Chân như là nghĩa đối tượng duyên của tất cả ngôn thuyết, hý luận đều tịch tĩnh, nên gọi là xuất thế gian, không phải là nghĩa vượt quá tướng của ngôn thuyết, hý luận.

Như thế gian-xuất thế gian thì lệ thuộc - không lệ thuộc, nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là trong, bao nhiêu thứ là ngoài?

Đáp:

- Tướng thỉ chung cho cả trong, ngoài.

- Danh chỉ là ngoài.

- Phân biệt thuộc về sanh, nên chung cho cả hai.

- Chân như không phải là hai thứ trong, ngoài.

- Như phân biệt, chánh trí cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là thô, bao nhiêu thứ là tế?

Đáp:

- Ba thứ chung cho cả hai thô, tế.

- Chân như chỉ là tế, tức nghĩa khó nhận thức, không phải là nghĩa cũng giảm dần đến cực nhỏ.

- Chánh trí chỉ là tế, là nghĩa hành tế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là kém, bao nhiêu thứ là hơn?

Đáp:

- Ba thứ là chung cho cả hai.

- Chân như chỉ là hơn, là nghĩa đối tượng duyên thanh tịnh, không phải là tướng từ thấp kém thắng tiến.

- Chánh trí chỉ là hơn, là nghĩa chân như là đối tượng hành.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là xa, bao nhiêu thứ là gần?

Đáp:

- Một thứ do xứ xa thời xa, nên cùng chung cho cả hai.

- Danh, phân biệt, chánh trí, do thời xa nên đều chung cho cả hai.

- Chân như do cả xa gần đều không phải là hai thứ ấy vì là vô vi.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là có chấp thọ, bao nhiêu thứ là không chấp thọ?

Đáp:

- Tướng thì chung cho cả hai.

- Danh, phân biệt, chánh trí là không chấp thọ.

- Chân như thì cùng không phải đối với cả hai.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là đồng phận, bao nhiêu thứ là bỉ đồng phận?

Đáp:

- Tướng thì chung cho cả hai (đồng phận, bỉ đồng phận).

- Bốn thứ còn lại đều không phải đối với cả hai. Vì chỉ dựa nơi các căn có sắc để kiến lập đồng phận, bỉ đồng phận.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là nhân, bao nhiêu thứ không phải là nhân?

Đáp: Bốn thứ là nhân, chân như không phải là nhân. Như nhân- không phải là nhân, thì quả-không phải quả, có nhân không có nhân, có quả không có quả, nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là dị thục, bao nhiêu thứ là không dị thục?

Đáp:

- Tướng thì chung cho cả hai.

- Danh không phải dị thục.

- Phân biệt thì chung cho cả hai.

- Chân như thì cũng không phải đối với cả hai.

- Chánh trí không phải là dị thục.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ có dị thục, bao nhiêu thứ không có dị thục?

Đáp:

- Tướng, phân biệt thì chung cho cả hai.

- Danh không có dị thục. Chánh trí nhất định không có dị thục.

- Chân như thì cũng không phải đối với cả hai.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ có đối tượng duyên, bao nhiêu thứ không có đối tượng duyên?

Đáp:

- Tướng thì chung cho cả hai.

- Danh không có đối tượng duyên.

- Phân biệt, chánh trí cùng có đối tượng duyên.

- Chân như thì cùng không phải đối với cả hai.

Như có đối tượng duyên, không có đối tượng duyên, thì tương ưng không tương ưng, có hành không hành, có chỗ dựa không chỗ dựa, nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là hữu thượng, bao nhiêu thứ là vô thượng?

Đáp: Bốn thứ là hữu thượng. Chân như là vô thượng, là nghĩa của đối tượng duyên thanh tịnh vô vi.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là ba đời, bao nhiêu thứ không phải là ba đời?

Đáp: Bốn thứ thỉ chung cho cả ba đời. Chân như thì không phải là ba đời.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ là hệ thuộc cõi Dục? Bao nhiêu thứ là hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc? Bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp:

Ba thứ hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Hệ thuộc cõi Vô sắc cũng thế. Một thứ chánh trí, nếu chỉ là xuất thế gian thì không hệ thuộc.

Nếu là thế gian - xuất thế gian thì chung cả hệ thuộc, không hệ thuộc.

Chân như thì cũng không phải đối với cả hai.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, vô ký?

Đáp:

- Tướng và phân biệt thì chung cho cả ba.

- Danh chỉ là vô ký. Chánh trí chỉ là thiện.

- Chân như chỉ là thiện, là nghĩa của đối tượng duyên thiện xảo thanh tịnh, không phải là nghĩa của tướng có thể gồm sinh quả khả ái.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ là do Văn tạo thành, là cảnh do Văn tạo thành? Bao nhiêu thứ là do Tư tạo thành, là cảnh do Tư tạo thành? Bao nhiêu thứ là do Tu tạo thành, là cảnh do Tu tạo thành?

Đáp:

- Tướng và phân biệt là ba thứ, là cảnh của ba thứ.

- Danh là do Văn, Tư tạo thành, là cảnh của ba thứ.

- Chân như chỉ là cảnh do Tu tạo thành.

- Chánh trí là do Tu tạo thành, là cảnh của ba thứ.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ là Không, là cảnh của Không? Bao nhiêu thứ là Vô nguyện, là cảnh của Vô nguyện? Bao nhiêu thứ là Vô tướng, là cảnh của Vô tướng?

Đáp:

- Tướng thì chung cả ba thứ, cũng là cảnh của ba thứ.

- Danh không phải là ba thứ, là cảnh của hai thứ.

- Phân biệt thì chung cả ba thứ, là cảnh của hai thứ.

- Chân như không phải là ba thứ, là cảnh của Không, Vô tướng.

- Chánh trí thì chung cả ba thứ, là cảnh nơi đối tượng hành của Không.

Nếu không sai biệt, thì nói chung là Không, Vô nguyện, Vô tướng. Nên biết ở đây là chung cho cả Văn, Tư, Tu tạo thành, làm tánh. Nếu chỉ dùng tên gọi Tam-ma-địa để nêu bày, thì nên biết ở đây chỉ là Tu tạo thành, làm tánh, chung cho thế gian xuất thế gian. Nếu chỉ dùng tên gọi môn giải thoát để tuyên thuyết, thì nên biết ở đây chỉ là Tu tạo thành xuất thế gian, làm tánh.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ là Giới tăng thượng, là quyến thuộc của Giới tăng thượng? Bao nhiêu thứ là Tâm tăng thượng, là đối tượng hành của Tâm tăng thượng? Bao nhiêu thứ là Huệ tăng thượng, là đối tượng hành của Huệ tăng thượng?

Đáp:

- Tướng là Giới tăng thượng, là quyến thuộc của Giới tăng thượng.

Là Tâm, Huệ tăng thượng, cũng là đối tượng hành của Tâm, Huệ.

- Danh là quyến thuộc của Giới, cũng là đối tượng hành của Tâm, Huệ tăng thượng.

- Phân biệt là Tâm, Huệ tăng thượng, cũng là đối tượng hành của Tâm, Huệ, là quyến thuộc của Giới tăng thượng.

- Chân như là đối tượng hành của Tâm, Huệ tăng thượng, không phải là ba thứ.

- Chánh trí là Tâm, Huệ tăng thượng, cũng là đối tượng hành của Tâm, Huệ, là quyến thuộc của Giới tăng thượng.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học, phi vô học?

Đáp:

- Tướng và phân biệt thì chung cả ba thứ.

- Danh chỉ là phi học phi vô học.

- Chân như cũng chỉ là phi học phi vô học. Là vô vi.

- Chánh trí thì chung cả học, vô học.

Hỏi: Năm sự như thế: Bao nhiêu thứ là do kiến đạo đoạn? Bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn? Bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp:

- Tướng thì chung cho tất cả.

- Danh chỉ là do tu đạo đoạn.

- Phân biệt thì chung cả kiến đạo, tu đạo đoạn.

- Chân như thì không đoạn. Chánh trí cũng chỉ là không đoạn.

Hỏi: Duyên nơi tướng làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Tu bốn.

Hỏi: Duyên nơi danh làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Một pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên nơi phân biệt làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Tu ba: là Thọ, Tâm, Pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên nơi chân như làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Tu một: là Pháp niệm trụ.

Lại, tư duy về chân như thân tướng, cũng tu hoại. Duyên nơi Pháp niệm trụ, với tướng của Thọ Tâm Pháp, nên biết cũng thế.

Hỏi: Duyên nơi chánh trí làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Tu ba, như nói về phân biệt.

Hỏi: Duyên nơi tướng làm cảnh, nên nói là có thể bỏ pháp ác bất thiện đã sanh, chưa sanh? Nên nói là không thể bỏ chăng?

Đáp: Nên nói là đoạn trừ chế phục, nên bỏ. Không phải là vĩnh viễn loại trừ tùy miên, nên bỏ.

Như tướng, thì danh, phân biệt cũng thế. Duyên nơi chân như, chánh trí làm cảnh, nên nói cũng do vĩnh viễn loại trừ tùy miên, nên bỏ.

Hỏi: Trong năm sự này, tư duy bao nhiêu sự thì có thể nhập nơi định thuộc Tĩnh lự thứ nhất của thế gian?

Đáp: Tư duy về tướng, danh, phân biệt hệ thuộc cõi Dục và hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất.

Như vậy, tư duy về tướng, danh, phân biệt hệ thuộc địa dưới, cùng hệ thuộc địa của Tĩnh lự thứ hai, có thế nhập Tĩnh lự thứ hai của thế gian.

Như thế, Tĩnh lự Vô sắc còn lại, như chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Trong năm sự ấy, tư duy về bao nhiêu sự có thể nhập nơi địa của Tĩnh lự thứ nhất xuất thế gian?

Đáp: Tức tư duy về tướng, danh, phân biệt, chân như hệ thuộc cõi Dục cùng hệ thuộc nơi địa của Tĩnh lự thứ nhất.

Như thế cho đến xứ Vô sở hữu, như chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy. Xứ Phi tưởng, phi phi tưởng, bản tánh là "pháp như thế" nên chỉ là thế gian.

Hỏi: Tướng hệ thuộc xứ Phi tưởng, phi phi tưởng, nên nói là tướng chăng?

Đáp: Nên nói là tướng vô tưởng, cũng gọi là tướng vi tế.

Hỏi: Trong năm sự ấy, các pháp như Tín dùng gì làm tự tánh, dùng gì làm đối tượng duyên, ở nơi nào làm tăng thượng để được mang tên là căn?

Đáp: Phân biệt làm tự tánh. Danh, tướng làm đối tượng duyên. Ở nơi chân như, chánh trí làm tăng thượng nên được mang tên là căn. Mang tên là lực cũng thế.

Hỏi: Ở trong phần vị nào được mang tên là Lực?

Đáp: Tức căn như Tín v.v… không phải là chỗ xâm lấn, lẫn lộn của bất tín v.v… Nếu thành pháp không xen tạp, thì khi chuyển gọi là lực. Như căn và lực, nếu đặt tên gọi Bồ đề chi, làm giác chi, đây là giác chi thế gian, dùng phân biệt làm tự tánh.

Nếu dựa nơi tên gọi Bồ đề chi làm giác chi, thì đây là giác chi xuất thế gian, dùng chánh trí làm tự tánh, chân như làm đối tượng duyên, ở nơi giác ngộ về đế an lập làm tăng thượng.

Lại, các đạo chi như chánh kiến v.v…, nếu là thế gian thì như trước đã nói, nên biết. Nếu là xuất thế gian thì dùng chánh trí làm tự tánh, trừ các chi giới, chân như an lập phi an lập làm đối tượng duyên. Ở nơi hiện pháp lạc trụ của sự chứng đắc tất cả lậu tận làm tăng thượng.

Như các đạo chi, thì Hành tích, Pháp tích, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên biết cũng thế.

Ở đây, Hành tích dựa nơi độn căn, lợi căn, đã được chưa được hiện pháp lạc trụ để kiến lập có sai biệt. Hoặc các Pháp tích, dựa nơi khả năng nhận giữ Chánh pháp của thế tục, thắng nghĩa, nên kiến lập có sai biệt. Nghĩa là do nhận giữ Giới tăng thượng nơi Chánh pháp của thế tục, nên kiến lập hai loại đầu. Do nhận giữ Tâm, Huệ tăng thượng còn lại nơi Chánh pháp của thắng nghĩa nên kiến lập hai loại sau.

Lại do nghĩa nơi cảnh của đối tượng duyên không tán loạn cùng nghĩa quán xét về cảnh kia nên kiến lập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Dựa nơi tướng cùng hai thứ phược thô trọng có thể giải thoát, nên lập tám thứ giải thoát. Ở trong năm sự, dùng sự gì làm tự tánh? Dùng sự gì làm đối tượng duyên? Ở nơi sự gì làm tăng thượng?

Đáp:

- Dùng chánh trí thế gian - xuất thế gian làm tự tánh.

- Giải thoát thứ nhất và giải thoát thứ hai, ở trong các sắc, dùng tướng của hiển sắc cùng tướng của chân như làm đối tượng duyên. Giải thoát thứ ba, ở trong các sắc dùng tướng thâu nhận và tướng của chân như kia làm đối tượng duyên. Bốn thứ giải thoát tiếp theo, đều dùng tự tướng cùng chân như kia làm đối tượng duyên. Giải thoát thứ tám, không có đối tượng duyên.

- Ở nơi có thể dẫn phát tất cả công đức của thần thông bậc Thánh làm tăng thượng.

Lại, người tu Quán, nơi tướng của các sắc và tướng vô sắc, được tự tại vì chỗ chướng ngại của chướng được đoạn trừ, nên khởi hành Quán này.

Trong các thắng xứ, bốn thứ trước như hai thứ giải thoát đầu. Bốn thứ sau như giải thoát thứ ba. Do tướng của các sắc khó có thể hơn, nên lúc ở trong sự ấy, đã có thể thắng, chế phục. Nơi tướng vô sắc cũng được tự tại thù thắng.

Lại, ở đây nói thắng tri, thắng kiến: Nghĩa là các Thánh giả do tác ý đúng đắn, tư duy về tướng chân như của các sắc, nên được tri kiến thù thắng. Nếu là các phàm phu tức không thể như thế.

Hỏi: Nếu vậy thì phàm phu vì sao gọi là thắng?

Đáp: Do ba thứ tưởng. Nghĩa là nơi sắc tịnh, bất tịnh, do lần lượt hành tưởng tương đảo lần lượt đợi nhau. Nơi sắc tịnh, bất tịnh, do lần lượt hành tưởng tương tùy, lần lượt cùng tùy nhau. Nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tưởng nhất vị thanh tịnh, nên thắng sau cùng này, cả phàm phu, Thánh giả đều cùng đạt được.

Lại, mười biến xứ, do lực nơi đối tượng duyên của thắng xứ, nên biết về tướng của biến xứ.

Ở đây có sai biệt: Cũng dùng tướng của đại chủng làm đối tượng duyên, cùng tướng của chân như kia làm đối tượng duyên.

Lại, dùng tướng của xứ Không, Thức vô biên làm đối tượng duyên, cùng tướng của chân như kia làm đối tượng duyên.

Nếu không như thế, thì do đối tượng được nương dựa không hiện bày đủ khắp, nên chủ thể nương dựa không thể đạt được sự thành tựu đầy đủ khắp. Do cảnh giới của đối tượng duyên là tướng của chân như nơi đối tượng duyên kia đã hiện bày hết sức đầy đủ, nên được gọi là "đầy khắp". Do uy lực của hai thứ "đầy khắp" thù thắng nên khiến các giải thoát cũng được thanh tịnh. Lại có thể dẫn phát tất cả công đức của thần thông các Thánh.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 73

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

Xét chọn lấy tự tánh
Tất cả hữu thế gian
Chân tầm tư thật trí
Mật ý cùng thứ lớp.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ thuộc về đế?

Đáp:

- Tướng thuộc về bốn đế an lập.
- Danh thuộc về một Khổ đế.
- Phân biệt thuộc về ba đế, trừ Diệt đế.
- Chân như thuộc về bốn đế phi an lập.
- Chánh trí duyên nơi cảnh của đế an lập phi an lập, thuộc về Đạo đế.

Hỏi: Các tướng là danh chăng? Nếu như là danh cũng là tướng chăng?

Đáp: Các danh đều là tướng. Có tướng nhưng chẳng phải là danh.

Nghĩa là bốn tướng còn lại, trừ tướng của danh.

Phần còn lại, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Hỏi: Các tướng đều là tướng của tướng chăng? Nếu như là tướng của tướng, cũng là tướng chăng?

Đáp: Tướng của các tướng đều là tướng. Có tướng chẳng phải là tướng của tướng, nghĩa là bốn tướng như danh v.v…

Hỏi: Nếu phân biệt về tướng của tướng nơi tất cả danh tướng, cùng hợp cùng dựa mà phân biệt chăng? Nếu như phân biệt danh tướng nơi tất cả tướng của tướng cùng hợp cùng dựa mà phân biệt chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có phân biệt tướng của tướng không phải là danh tướng cùng hợp cùng dựa mà khởi phân biệt. Nghĩa là phân biệt không biết rõ về danh nơi

tướng của tướng hiện có. Lại ở nơi các tướng đã nhổ sạch tên gọi Tùy miên.

2. Có phân biệt danh tướng, không phải là tướng của tướng cùng hợp cùng dựa mà khởi phân biệt. Nghĩa là phân biệt chưa biết rõ về sự nơi danh tướng hiện có.

3. Cùng với trên trái nhau là trường hợp cùng là.

4. Trừ từng ấy tướng nêu trên là trường hợp cùng chẳng phải là.

Hỏi: Nếu tư duy về chân như tức là quán chân như chăng? Nếu là quán chân như tức là tư duy về chân như chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có tư duy về chân như, không phải là quán chân như. Nghĩa là do tác ý như lý thuộc về phân biệt, để tư duy về chân như, chỉ thấy tướng của chân như, không thấy chân như thật. Cho đến chưa tới phần vị thông đạt đúng đắn, cùng thông tỏ tác ý sau tư duy về chân như an lập.

2. Có quán chân như, không phải là tư duy về chân như. Nghĩa là lúc thông tỏ về chân như, do thắng nghĩa nên không phải tư duy về tướng kia.

3. Có tư duy về chân như, cũng là quán chân như. Nghĩa là thông tỏ về tư duy nối tiếp sau đối với chân như phi an lập.

4. Có không phải tư duy về chân như, cũng không phải là quán chân như. Nghĩa là lìa tác ý đã dẫn dắt như lý, tư duy về các tướng.

Hỏi: Nếu tư duy về tướng, tức quán tướng ấy chăng? Nếu như quán tướng ấy, tức tư duy về tướng chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có tư duy về tướng, không phải là quán tướng ấy. Tức là trường hợp thứ hai ở trước.

2. Có quán tướng ấy, không phải là tư duy về tướng. Tức là trường hợp 1 ở trước.

3. Có tư duy về tướng, cũng là quán tướng ấy. Tức là trường hợp 4 ở trước.

4. Có không phải tư duy về tướng, cũng không phải quán tướng ấy. Tức trường hợp 3 ở trước.

Hỏi: Năm sự như thế là gồm thâu tất cả pháp, hay là không như vậy?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tất cả pháp kia nên nói là dùng gì làm tự tánh?

Đáp: Tự tánh của các pháp là không thể ngôn thuyết.

Hỏi: Nên quán về tướng của các pháp kia như thế nào?

Đáp: Như tướng của sự huyễn, chẳng phải là hoàn toàn không có.

Ví như sự huyễn có tánh của sự huyễn, không có tánh của voi, ngựa, xe cộ, đi bộ, mạt ni, trân châu, vàng bạc v.v… Như vậy, thể tánh của các pháp chỉ có danh, tướng có thể đạt được, không có tự tánh sai biệt để nêu đặt, hiển hiện tướng có thể thủ đắc, do tự tánh của danh tướng nơi tướng thật không thể đạt được.

Như tướng, thì danh, tự tánh của danh, phân biệt, tự tánh của phân biệt, chân như, tự tánh của chân như, nên biết cũng thế.

Chánh trí do danh của chánh trí, tự tánh của chánh trí thật không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nơi tất cả chủng loại tùy theo tự tánh của ngôn thuyết không thành tựu. Nếu cho tự tánh của các tướng được an lập, tức xứng hợp nơi lượng để giả lập danh ngôn, thì danh ngôn giả này đã dựa nơi tướng mà lập, tức là ở nơi tướng, giả lập danh, trước nên có sự hiểu biết về chúng.

Như đã lập danh, lại ở nơi một tướng được lập danh ngôn có rất nhiều, có sai biệt, nên thể tánh có rất nhiều sai biệt. Thế nên danh ngôn dựa nơi tướng mà lập là không hợp đạo lý.

Nếu cho các tướng như an lập danh, do uy lực của danh nên tự tánh của tướng khởi. Thế thì tướng kia giả lập danh, trước lẽ ra không có tự tánh. Tự tánh đã không có thì danh ngôn được giả lập cũng phải không có. Vì vậy, hai thứ cùng thành không lỗi.

Lại, danh ngôn giả có nhiều thứ, có sai biệt nên thể tánh có nhiều thứ sai biệt.

Lại, dựa nơi lỗi khác, do các tướng kia chỉ dựa nơi cái khác để giả kiến lập. Vì thế, hết thảy danh ngôn giả lập như tự tánh của chúng là không hợp đạo lý. Cũng như chỗ dấy khởi vô số loại huyễn. Ví như người huyễn tạo tác vô số loại sĩ phu huyễn, như các loại nam, nữ, voi, ngựa, gấu, bi v.v… không phải các loại kia, như tướng mạo của chúng thật có thể tánh. Như vậy, các tướng không xứng hợp với danh ngôn với thể tánh có thật, nên biết cũng thế. Nếu cho lìa tướng kia cùng danh ngôn, vì hai thứ hòa hợp nên có tự tánh sanh. Tự tánh kia đối với các tướng, hoặc đối với danh ngôn, hoặc ở giữa hai thứ ấy, nên hiện bày có thể đạt được. Nhưng vì không thể đạt được, do đó chỗ nêu đặt này không hợp đạo lý.

Do nhân duyên ấy nên tự tánh theo ngôn thuyết, nơi tất cả chủng loại đều không thật có. Nếu cho danh ngôn có thể hiển bày tự tánh, cũng không hợp lý. Hoặc giữ lấy, không giữ lấy danh ngôn giả lập đều cùng có lỗi. Nếu giữ lấy tướng nơi danh ngôn đã giả lập, tức sự hiển bày không thành. Nếu không giữ lấy tướng nơi danh ngôn giả lập, thì không có sự danh ngôn là

không hợp lý.

Lại, như trước đã nói về chỗ lập danh ngôn có rất nhiều thứ, có sai biệt, tức thể tánh có rất nhiều sự sai biệt, thành lỗi lớn.

Lại, dụ về soi chiếu rõ không tương tự nên không hợp đạo lý. Không tương tự: Là nhân duyên soi chiếu rõ nơi tất cả sự không có sai biệt, vô số cũng thế, có thể giữ lấy nhân duyên nơi các danh ngôn không như vậy.

Hỏi: Không thể ngôn thuyết trong không thể ngôn thuyết, thì ngôn thuyết đã hiện bày có thể đạt được, do đó pháp tánh không thể ngôn thuyết là không hợp đạo lý. Lại, người tạo huyễn đã tạo ra vô số hình loại huyễn hóa, tuy hình loại kia không phải như tánh của chúng, nhưng có vô số chủ thể tạo ra sự huyễn như tự tánh của chúng, thế nên thí dụ cũng không tương tự?

Đáp: Lúc chánh thức lập tông không thể ngôn thuyết, ngôn thuyết cũng đã được ngăn dứt. Vì khiến nhận biết rõ về nghĩa như thế, nên tạo phương tiện nêu đặt thí dụ, không phải là không tương tự. Tuy ngôn thuyết giả gọi không phải như tánh của chúng, cũng không thể nói nghĩa chẳng phải là không có.

Hỏi: Nếu sự của các tướng giả lập danh ngôn tức liền được có, nếu không giả lập tức không thể có. Nếu như vậy thì dụ có thể tương tự, không thể nói nêu tính cũng hợp đạo lý. Nếu không như thế thì không thể nói nêu tính tức là không có gì cả.

Đáp: Như thế là do trước đã khởi tám thứ phân biệt, nên nơi đời hiện tại ba thứ sự sanh, như nơi phần Bản địa đã nói về tướng của chúng. Tức từ chỗ sanh ba thứ sự ấy lại khởi phân biệt. Do đạo lý này nên các pháp tạp nhiễm lần lượt nối tiếp không có đoạn dứt. Vì nhân duyên đó nên dụ kia là tương tự.

Phân biệt giả lập nếu lúc đoạn dứt, các pháp tạp nhiễm đều có thể diệt theo, để chứng đắc Thánh trí. Đây là lượng nên không thể nói nêu tính cũng chẳng không có gì cả.

Hỏi: Nếu vào bấy giờ, phân biệt giả lập thảy đều đoạn dứt, tức lúc ấy sự tướng diệt theo. Như thế, tùy theo một đạt được Thánh trí, tất cả tướng, danh, phân biệt gồm thâu số lượng tình, vô tình, sự vật trong ngoài đều nên vĩnh viễn diệt. Ví như người huyễn tạo tác sự huyễn.

Đáp: Các vật như tướng v.v… hoặc do không cùng phân biệt làm nhân, hoặc lại do cùng phân biệt làm nhân. Nếu do không cùng phân biệt dấy khởi không phân biệt, thì các pháp kia cũng diệt theo. Nếu là chỗ dấy khởi của cùng phân biệt, thì phân biệt tuy không do sự phân biệt khác để

nhận giữ, nhưng không vĩnh viễn diệt. Nếu không như thế thì sự phân biệt của kẻ khác phải không có quả. Pháp kia tuy không diệt mà được thanh tịnh, nên ở trong sự kia, chánh kiến thanh tịnh. Ví như rất nhiều người tu hành quán, ở trong một sự việc, do tâm định nên trí có được vô số thắng giải, kiến giải khác có thể đạt được. pháp kia cũng như thế.

Hỏi: Năm sự như thế, bao nhiêu thứ là đối tướng giữ lấy, bao nhiêu thứ là chủ thể giữ lấy?

Đáp: Ba thứ là đối tượng được giữ lấy. Phân biệt, chánh trí cũng là chủ thể giữ lấy, cũng là đối tượng được giữ lấy.

Hỏi: Năm sự như thế, nên biết có bao nhiêu thứ giữ lấy nghĩa của đối tượng hành?

Đáp: Lược có ba thứ:

1. Có ngôn, có tướng giữ lấy nghĩa của đối tượng hành.

2. Không ngôn, có tướng giữ lấy nghĩa của đối tượng hành.

3. Không ngôn, không tướng giữ lấy nghĩa của đối tượng hành.

Ở đây, loại thứ nhất là ngôn thuyết tùy giác giữ lấy cảnh của đối tượng hành. Loại thứ hai là ngôn thuyết tùy miên giữ lấy cảnh của đối tượng hành. Loại thứ ba là ở nơi ngôn thuyết lìa tùy miên giữ lấy cảnh của đối tượng hành.

Lại, hai thứ đều là giữ lấy của thế tục đế, một thứ sau là giữ lấy của Thắng nghĩa đế.

Lại có sự giữ lấy đạt được về sau do xa lìa ngôn thuyết tùy miên, giữ lấy chung tất cả cảnh của đối tượng hành đã được giữ lấy thuộc về hai đế. Nghĩa là trí thế gian xuất thế gian dùng đế an lập làm đối tượng hành, nên kiến lập trí kia dùng chung hai đế làm cảnh của đối tượng hành.

Hai thứ giữ lấy này, nên biết do hai nhân duyên, được thành tánh thế gian xuất thế gian. Nghĩa là từng được, chưa từng được, dựa nơi ngôn thuyết, không dựa nơi ngôn thuyết.

Hỏi: Giữ lấy có tướng, thế gian cùng thành. Giữ lấy không tướng, thì không chỗ cùng thành. Vậy do nhân duyên nào gọi là giữ lấy không tướng? Không nhân không duyên là không hợp đạo lý.

Đáp: Danh ngôn thế tục huân tập giữ lấy quả, là giữ lấy có tướng, là chỗ cùng thành của thế gian, có thể khiến tạp nhiễm. Trí kiến thắng nghĩa huân tập giữ lấy quả, là giữ lấy vô tướng, không phải là chỗ cùng thành của thế gian, nên có thể khiến thanh tịnh. Do đó, hai thứ này có nhân có duyên. Như mắt, nếu có bệnh như màng che v.v… nên liền có tướng màng che như

vòng lông tóc hiện tiền có thể đạt được. Nếu không có bệnh kia tức không thể đạt được vòng lông tóc ấy, chỉ có tự tánh không có giữ lấy điên đảo.

Hỏi: Nơi cảnh giới không tướng, nếu giữ lấy tướng ấy, không phải là giữ lấy không tướng. Nếu không có đối tượng được giữ lấy cũng không thể thành giữ lấy không tướng. Nếu thế, vì sao gọi là giữ lấy không tướng?

Đáp: Ngôn thuyết tùy miên đã xa lìa, nên sự giữ lấy này tuy lại giữ lấy cảnh giới không tướng, không giữ lấy tướng, nên thành giữ lấy không tướng.

Hỏi: Nếu không tạo nên được, vì sao thành giữ lấy?

Đáp: Tuy không tạo nên được các tướng sai biệt, có chỗ tăng ích, nhưng do giữ lấy vô tướng, nên được thành giữ lấy.

Hỏi: Nếu không tạo nên được, không chỗ tăng ích, thì tướng trạng giữ lấy này làm sao có thể nhận biết?

Đáp: Giữ lấy thắng nghĩa, giữ lấy vô tướng, nên năm thứ sự tướng đều có thể hiển hiện, dùng làm tướng.

Hỏi: Nếu không phân minh có thể lập làm giữ lấy, vì sao không thừa nhận các sự giữ lấy diệt không?

Đáp: Diệt không, không có nghĩa tu tạo, không phải là người tu quán dựa nơi diệt không để có chỗ tu tạo.

Hỏi: Nếu như thế, làm sao chứng biết tướng ấy?

Đáp: Do chỗ chứng biết của trí tự nội chứng.

Hỏi: Nếu như thế, sao không như chỗ đã chứng kia ký biệt như vậy?

Đáp: Chỗ chứng bên trong này không phải là xứ an đủ của các danh ngôn.

Hỏi: Nếu trước không có trí nhận biết về vô tướng, do không có nên cũng không luôn hành tập nghĩa của trí vô tướng. Không luôn hành tập nên biết trí vô tướng đã không có nhân kia, nên không được sanh?

Đáp: Có tướng cũng được làm nhân của vô tướng, tùy thuận nơi chúng. Như trí thế gian làm duyên sanh trí xuất thế gian, trí hữu lậu làm duyên sanh trí vô lậu, định có tâm làm duyên sanh định không tâm. Đây cũng như thế.

Hỏi: Các trí như Khổ, Đức Thế Tôn nói là được nhân thanh tịnh. Nếu trí như Khổ v.v…, đối với các đế như Khổ v.v… phân biệt về Khổ v.v… nên thành có tướng. Nếu các trí không phân biệt về Khổ v.v… thì không phải là có. Chúng đã không có thì vì sao có thể đạt thanh tịnh rốt ráo?

Đáp: Do lực tăng thượng của trí vô tướng, nên ở trong các đế là hoàn

toàn thanh tịnh, trí phân biệt chung nơi thế gian xuất thế gian sanh, tức gọi là đã đoạn phiền não của đối tượng cần đoạn trừ. Trí vô tướng kia là nhân của trí như Khổ v.v… chính thức có thể đoạn dứt phiền não cần được đoạn. Ở trong nhân ấy, giả lập tên gọi quả, tức giả nói đây là trí như Khổ v.v…, thế nên không có lỗi.

Hỏi: Trước nói đối tượng giữ lấy là quả của chủ thế giữ lấy. Tức chủ thể giữ lấy này nên nói là quả gì?

Đáp: Hai thứ ấy lần lượt lại cùng làm quả.

Hỏi: Nếu cảnh của đối tượng nhận thức là vô thường, tích tập nối tiếp nhiều vô lượng không hiện thấy, làm sao người tu hành quán duyên nơi đấy làm cảnh, cùng khiến chuyển diệt?

Đáp: Đối với lực tăng thượng của Văn, Tư kia nên đạt được Tam-ma-địa. Do nhân duyên ấy nên khiến ảnh tượng nơi năm thứ cảnh giới của Tam-ma-địa hiện tiền. Tức duyên nơi sự này dùng làm cảnh giới. Trừ bỏ điều ấy nên chúng được chuyển diệt.

Hỏi: Trừ bỏ năm thứ cảnh giới của đối tượng nhận thức, nên nói là tướng gì?

Đáp: Niết bàn vô vi của chuyển y vô thượng dùng làm tướng ấy. Thế nào là Niết-bàn? Nghĩa là pháp giới thanh tịnh, các khổ của phiền não đã vĩnh viễn vắng lặng, không phải là nghĩa diệt không.

Hỏi: Nếu chỉ là các khổ của phiền não vĩnh viễn vắng lặng gọi là Niết bàn, thì do nhân duyên nào không phải là nghĩa diệt không?

Đáp: Như thủy giới bên ngoài chỉ lìa đục ngầu là được tánh trong lặng, không phải là lúc lìa đục không có tánh trong lặng. Lại như vàng ròng chỉ lìa sự cứng chắc là được tánh mềm mại thích hợp, không phải lúc lìa sự cứng chắc kia, không có tánh mềm mại thích hợp.

Lại như hư không chỉ khi các thứ chướng ngại như mây, sương mù vắng lặng thì được tánh thanh tịnh, không phải lúc không có sự vắng lặng kia thì tánh thanh tịnh cũng không chỗ có. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

Thế nào gọi là Pháp giới thanh tịnh? Nghĩa là tu chánh trí nên vĩnh viễn dứt trừ các tướng, chứng đắc chân như. Ví như có người ở trong lúc ngủ nằm mộng, tự thấy thân mình bị dòng thác lớn cuốn trôi, nhận chìm. Vì muốn vượt dòng thác như thế nên phát khởi đại tinh tấn. Tức do phát khởi tinh tấn lớn nên bỗng nhiên thức giấc. Đã thức giấc rồi, đối với dòng thác kia đều không còn thấy. Đạo lý dứt trừ tướng nên biết cũng thế.

Hỏi: Vì tức nơi ngôn thuyết này, khi tùy miên chính thức đoạn dứt,

các tướng được trừ bỏ, hay là đoạn dứt rồi, sau mới trừ bỏ?

Đáp: Lúc đoạn dứt, lúc trừ bỏ, là hoàn toàn bình đẳng, như đạo lý lên xuống nơi hai đầu của cái cân. Lại như vẽ hình tượng, màu sắc lúc hoại thì hình tướng cũng diệt theo. Cũng như ví dụ trước về mắt bị bệnh, lúc bệnh dứt thì các tướng như vòng lông tóc cũng diệt theo.

Lúc hết bệnh, lúc trừ bỏ là bình đẳng hoàn toàn. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

Hỏi: Hành giả tu Quán làm thế nào trừ bỏ tướng nơi cảnh của đối tượng duyên?

Đáp: Do tâm chánh định, đối với các ảnh tượng nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức, trước quan sát kỹ, sau do lực của tác ý thắng nghĩa, nên chuyển bỏ có tướng, chuyển được không tướng. Không tướng này chuyển lại có năm phần vị:

1. Phần vị còn thiếu.

2. Phần vị đủ khắp.

3. Phần vị có động.

4. Phần vị có gia hạnh.

5. Phần vị thành tựu viên mãn.

Hỏi: Thành tựu viên mãn như vậy, tướng ấy là thế nào?

Đáp: Không bị tất cả phiền não, tất cả tai họa lấn bức, lẫn lộn, rốt ráo không còn phiền não, chỗ dựa là thanh tịnh nên gọi là thành tựu viên mãn. Tức ở đây lại là đối tượng hành của nghĩa chân thật hoàn toàn thanh tịnh. Là đối tượng hành của tất cả hiện lượng, tất cả tự tại.

Hỏi: Nơi sự thành tựu viên mãn này kiến lập bao nhiêu thừa?

Chứng đắc vào lúc nào?

Đáp: Tùy vào sự chứng đắc của ba thứ căn sai biệt, nên kiến lập ba thừa, nhưng hai thừa kia dùng đạo quả Giác ngộ vô thượng làm căn bản. Lại, hai thừa kia theo duyên sai biệt, theo chỗ thành thục không quyết định, nên khi chứng đắc về lượng cũng không quyết định.

Thừa sau cùng kia, cần trải qua ba thứ vô số đại kiếp mới có thể chứng đắc, dựa vào sự đoạn trừ riêng ba thứ thô trọng. Những gì gọi là ba thứ thô trọng?

1. Phẩm Nẻo ác không an lạc: Là thô trọng tại "Da". Do đoạn trừ chúng nên không đi đến nẻo ác. Lúc tu gia hạnh không bị không an lạc xen tạp gián cách.

2. Phẩm Phiền não chướng: Là thô trọng tại "Thịt". Do đoạn trừ

chúng, nên tất cả chủng loại phiền não cực vi tế cũng không hiện hành, nhưng chưa loại bỏ vĩnh viễn hết thảy tùy miên.

3. Phẩm Sở tri chướng: Là thô trọng tại tâm. do đoạn trừ chúng nên vĩnh viễn loại bỏ tất cả tùy miên hiện có. Đối khắp tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức không còn chướng ngại, trí tự tại mà chuyển.

Lại nữa, thế nào là lập thừa Thanh văn? Nghĩa là do ba nhân duyên:

1. Biến hóa.

2. Thệ nguyện.

3. Pháp tánh.

- Do biến hóa: Nghĩa là tùy theo uy lực của các thứ đối tượng được hóa độ kia, Đức Như Lai hóa tác Thanh văn biến hóa.

- Do thệ nguyện: Nghĩa là có Bổ đặc già la, đối với thừa Thanh văn đã phát thệ nguyện, tức kiến lập người ấy làm Thanh văn.

- Do pháp tánh: Nghĩa là có Bổ đặc già la, bản tánh xưa nay từ bi mỏng yếu, đối với các sự khổ sanh sợ hãi sâu xa. Do hai nhân ấy, nên đối với sự việc lợi tha không hết lòng yêu thích, không phải vì sự việc ấy mà vui thích ở nơi sanh tử. Hữu tình kia do an trụ nơi pháp tánh ấy nên lập làm Thanh văn.

Lại, biết rõ về pháp tánh, nghĩa là ở trong tất cả đế an lập phần nhiều tu tập hành "Bố úy" chuyển. Do nhân duyên này nên chứng đắc viên mãn.

Như thừa Thanh văn thừa, Độc giác cũng vậy.

Ra đời, không có Phật ở thế gian, mà chứng đắc Chánh giác.

Cùng với đây sai biệt, tức trái hẳn với ba nhân duyên trên, nên biết là Bồ tát.

Lại nữa, thế nào là Thanh văn hoại mất Chánh pháp cùng Tỳ-nại- da? Nghĩa là có Thanh văn cho chỉ không có phiền não thiêu đốt, gọi là tịch diệt, sanh sợ hãi lớn, cho là ta sẽ đoạn, ta sẽ vĩnh viễn bị hoại, ta sẽ không có. Ví như có người thân mang bệnh nhiệt, ở trong chỗ không bệnh đều không nhận biết riêng, cho là khi bệnh khởi thì toàn thân diệt theo, liền sanh sợ hãi: Ta thà không thoát khỏi bệnh nhiệt như thế. Đó gọi là hoại mất. Do thí dụ này, thì Thanh văn hoại mất nên biết cũng thế.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát hoại mất Đại thừa? Nghĩa là có Bồ tát, nghe nói tất cả pháp thâm diệu, vô tánh, tức chấp tất cả phiền não thiêu đốt tự tánh vốn không, cho mình không có bệnh nặng sanh tử. Ví như có người ở nơi thân mình sanh khởi bệnh nhiệt, cho là không bệnh, đối với bệnh nhiệt ấy không thể giải thoát, gọi là hoại mất.

Do thí dụ này, tức Bồ tát bị hoại mất Đại thừa nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như vậy: Bao nhiêu thứ là Tát-ca-da? Bao nhiêu thứ không phải là Tát-ca-da?

Đáp:

- Tướng thì chung cho cả hai.

- Hai thứ là Tát-ca-da. Một thứ không phải là Tát-ca-da.

- Chân như thì đều không thể nói.

Như Tát-ca-da, hữu cùng thế gian nên biết cũng thế.

Hỏi: Năm sự như thế, với bốn thứ chân thật, ở đây sự nào gồm thâu bao nhiêu thứ chân thật?

Đáp:

- Chân thật do thế gian tạo thành, chân thật do đạo lý tạo thành thuộc về ba sự.

- Chân thật nơi đối tượng hành của trí khiến phiền não chướng thanh tịnh, chân thật nơi đối tượng hành của trí khiến sở tri chướng được thanh tịnh thuộc về hai sự.

Hỏi: Năm sự như thế, với bốn thứ tầm tư, ở đây sự nào gồm thâu bao nhiêu tầm tư?

Đáp: Tác ý như lý tương ưng với phân biệt gồm thâu chung bốn thứ tầm tư.

Hỏi: Năm sự như thế, với bốn thứ biến trí như thật, ở đây sự nào gồm thâu bao nhiêu biến trí như thật?

Đáp: Tất cả đều thuộc về chánh trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa vào mật ý nào để nói tất cả pháp đều không có hai?

Đáp: Tức dựa nơi chỗ nêu bày về năm sự như thế. Do tự tánh của tục đế nói về không tự tánh. Do tướng biệt, biệt nói về có tự tánh.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa vào mật ý nào để nói tất cả pháp đều không có tự tánh?

Đáp: Do dựa nơi uy lực của các thứ đối tượng được hóa độ kia, nên nói ba thứ tánh không tự tánh:

1. Tánh của tướng không tự tánh.

2. Tánh của sanh không tự tánh.

3. Tánh của thắng nghĩa không tự tánh.

- Thế nào là tánh của tướng không tự tánh? Là tự tánh của tất cả pháp

thế tục được ngôn thuyết.

- Thế nào là tánh của sanh không tự tánh? Là tất cả hành nơi các duyên đã sanh lực của duyên nên có, không phải tự nhiên có, thế nên gọi là tánh của sanh không tự tánh.

- Thế nào là tánh của thắng nghĩa không tự tánh? Là tướng của nghĩa chân thật đã xa lìa pháp, ở đây do thắng nghĩa nên nói không tự tánh.

Như Bí-sô hành quán, đối với đống xương lớn sanh khởi thắng giải giả, không thể trừ bỏ hết, nên đối với đống xương ấy, tướng của thắng nghĩa không tự tánh luôn chuyển không gián đoạn.

Như thế, nên biết về tánh của thắng nghĩa không tự tánh.

Ở đây, năm sự không phải do tánh của tướng không tự tánh nên nói là không tự tánh, nhưng do tánh của sanh không tự tánh, tánh của thắng nghĩa không tự tánh, theo chỗ ứng hợp, nói là không tự tánh.

Nghĩa là tướng, danh, phân biệt, chánh trí đều do hai thứ tánh không tự tánh. Chân như thì không do tánh không tự tánh để nói không tự tánh. Vì vậy, Đức Thế Tôn dựa vào mật ý này, ở trong Già tha đã nói: Ta nói một đế, lại không đế thứ hai.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa vào mật ý nào để nói: Tất cả pháp không sanh không diệt, xưa nay là vắng lặng, tự tánh là Niết bàn?

Đáp: Dựa vào tánh của tướng không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Tất cả pháp là đồng với hư không?

Đáp: Cũng dựa nơi tánh của tướng không tự tánh.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Tất cả pháp đều như huyễn v.v…?

Đáp: Dựa nơi tánh của sanh không tự tánh, tánh của thắng nghĩa không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi mật ý nào để nói: Cùng tùy quán sắc cho đến thức có vô thường?

Đáp: Dựa nơi tánh của tướng không tự tánh để nói như thế. Vì sao? Vì muốn nói cùng tùy quán thường không có, nên nói cùng tùy quán có vô thường.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Cùng tùy quán sắc cho đến thức đều có khổ?

Đáp: Dựa vào tánh của sanh không tự tánh, cùng tánh của thắng nghĩa không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Cùng tùy quán tức các pháp kia đều không?

Đáp: Tức dựa nơi tánh của sanh không tự tánh, tánh của thắng nghĩa không tự tánh. Tánh không tự tánh của các pháp do xa lìa tướng để nói như thế.

Như dựa nơi tánh xa lìa, nói chúng là không. Dựa nơi tánh tướng khác để nói là vô ngã, nên biết cũng thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi mật ý nào để nói: Sắc cho đến thức nên quán như lý, nên lường xét kỹ, cho đến quán chúng không phải là có hiển hiện?

Đáp: Dựa nơi tánh của tướng không tự tánh để nói như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi mật ý nào để nói: Các pháp kia là hư giả, không hiển hiện thật?

Đáp: Dựa nơi tánh của sanh không tự tánh cùng tánh của thắng nghĩa không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Thế Tôn hôm nay nên biết xứ này, nghĩa là ở trong ấy nhãn đã vĩnh viễn vắng lặng, xa lìa tưởng sắc, cho đến ý vĩnh viễn vắng lặng, xa lìa tưởng pháp?

Đáp: Đều không dựa vào tánh không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Do các pháp kia nên ở nơi tất cả xứ trừ bỏ hết thảy tưởng, trời Đế thích v.v… cũng không thể nhận biết. Vị ấy dựa vào xứ nào mà khởi Tĩnh lự?

Đáp: Đều không dựa nơi tánh không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa vào mật ý nào để nói: Có thể tùy thuận nơi xứ hỷ, ưu, xả, với nhãn nhận biết sắc, cho đến ý nhận biết pháp, trong đó không đế, không thật, không không điên đảo, không chẳng điên đảo, lại nói có đế của Thánh xuất hiện nơi thế gian?

Đáp: Dựa nơi tất cả tánh không tự tánh, hoặc không dựa nơi tánh không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi mật ý nào để nói về Tĩnh lự, về cảnh giới của Tĩnh lự, về chư Phật, về cảnh giới của chư Phật, đều là không thể nghĩ bàn?

Đáp: Dựa nơi tất cả tánh không tự tánh, hoặc không dựa nơi tánh không tự tánh để nói như thế.

Hỏi: Năm sự như vậy, do duyên gì, đầu tiên kiến lập tướng, cho đến sau cùng kiến lập chánh trí?

Đáp: Nếu không có sự kia mà nêu đặt nơi danh là không hợp đạo lý. Nên ở đây, theo thứ lớp nêu đặt về danh. Do danh này nên thiết lập tự tánh, thiết lập sai biệt. Cũng theo thứ lớp ấy thiết lập phân biệt. Do phân biệt nên hoặc phân biệt về tướng, hoặc phân biệt về danh, hoặc cùng phân biệt cả hai. Vì ba pháp ấy hiển bày phẩm tạp nhiễm với thứ lớp trọn đủ. Từ đấy, mới thuận tu phẩm thanh tịnh, tức quán chân như của các pháp tạp nhiễm hiện có kia. Do chánh trí nên có thể quan sát đúng đắn, có thể đạt được thanh tịnh. Do hai thứ này hiển bày thứ lớp viên mãn của phẩm thanh tịnh, vì vậy hiển thị thứ lớp như thế.

Như vậy, ở trong phần nghĩa chân thật đã nêu bày quyết trạch về sự. Nếu muốn nhận biết rõ về nghĩa chân thật, thì đối với ba tự tánh lại nên tu Quán. Tụng nêu:

Nêu chung, phân biệt riêng
Duyên sai biệt, nương dựa
Cũng chấp trước vi tế
Cùng chấp tánh như danh.

- Thế nào gọi là ba thứ tự tánh? Đó là:

1. Tự tánh của Biến kế sở chấp.

2. Tự tánh của Y tha khởi.

3. Tự tánh của Viên thành thật.

- Thế nào là tự tánh của Biến kế sở chấp? Nghĩa là tùy theo ngôn thuyết, dựa nơi danh ngôn giả để kiến lập tự tánh.

- Thế nào là tự tánh của Y tha khởi? Nghĩa là từ các duyên sanh khởi tự tánh.

- Thế nào là tự tánh của Viên thành thật? Nghĩa là chân như của các pháp. Là đối tượng hành của Thánh trí. Là cảnh giới của Thánh trí. Là đối tượng duyên của Thánh trí. Cho đến có thể khiến chứng đắc thanh tịnh, có thể khiến giải thoát sự trói buộc của tất cả tướng, cùng sự trói buộc của thô, trọng. Cũng khiến dẫn phát hết thảy công đức.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, duyên nơi gì nên nhận biết?

Đáp: Duyên nơi tướng, danh cùng liên hệ nên nhận biết.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi, duyên nơi gì nên nhận biết?

Đáp: Duyên nơi chỗ chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp nên nhận biết.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật, duyên nơi gì nên nhận biết?

Đáp: Duyên nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, ở trong tự tánh của

Y tha khởi rốt ráo không thật, nên nhận biết.

Đức Thế Tôn trong kinh khác nói: Duyên nơi tự tánh của Biến kế sở chấp không chấp trước, nên biết về tánh ấy. Là dựa nơi thanh tịnh được chứng đắc để nói, không dựa nơi tướng để nói. Nay, trong nghĩa này, nên biết là dựa nơi tướng để nói.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp có bao nhiêu thứ?

Đáp: Lược có năm thứ:

1. Tự tánh của Biến kế nghĩa.

2. Tự tánh của Biến kế danh.

3. Tự tánh của Biến kế tạp nhiễm.

4. Tự tánh của Biến kế thanh tịnh.

5. Tự tánh của Biến kế phi tạp nhiễm, thanh tịnh.

- Thế nào là tự tánh của Biến kế nghĩa? Nghĩa là có bốn thứ:

1. Tự tướng của Biến kế.

2. Tướng sai biệt của Biến kế.

3. Tướng nơi đối tượng giữ lấy của Biến kế.

4. Tướng nơi chủ thể giữ lấy của Biến kế.

- Tự tướng của Biến kế: Là Biến kế nơi sự này là tự tánh của sắc, cho đến sự này là tự tánh của thức. Sự này là tự tánh của mắt, cho đến sự này là tự tánh của pháp.

- Tướng sai biệt của Biến kế: Nghĩa là Biến kế nơi sắc này là hợp ý, sắc này là không phải vừa ý, không phải không vừa ý. Sắc này là có kiến, sắc này là không kiến. Sắc này là có đối, sắc này là không đối. Sắc này là hữu lậu, sắc này là vô lậu. Sắc này là hữu vi, sắc này là vô vi. Các loại như thế nơi đạo lý sai biệt, là những sai biệt hiện có của Biến kế nơi sắc ấy.

Như sắc, thì các uẩn còn lại, tất cả xứ v.v… nên biết cũng thế.

- Tướng nơi đối tượng giữ lấy của Biến kế: Tức Biến kế nơi sắc này là đối tượng được giữ lấy của tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Lại, Biến kế nơi thọ tưởng hành thức này là đối tượng dược giữ lấy của ý nơi cõi Dục. Đây là đối tượng được giữ lấy của ý nơi cõi Sắc. Đây là đối tượng được giữ lấy của ý nơi cõi Vô sắc. Đây là đối tượng được giữ lấy của ý không hệ thuộc.

- Tướng nơi chủ thể giữ lấy của Biến kế: Nghĩa là Biến kế nơi sắc này là sắc thuộc chủ thể giữ lấy. Sắc này là thanh hương vị xúc pháp thuộc chủ thể giữ lấy.

Lại, Biến kế nơi thọ tưởng hành thức này là sắc thuộc chủ thể giữ lấy. Đây là thanh hương vị xúc pháp thuộc chủ thể giữ lấy.

- Thế nào là tự tánh của Biến kế danh? Nghĩa là có hai thứ:

1. Không sai biệt.

2. Có sai biệt.

- Không sai biệt: Là Biến kế nơi danh hiện có của tất cả pháp.

- Có sai biệt: Là Biến kế nơi sanh này là sắc, danh này là thọ, danh này là tưởng, danh này là hành, danh này là thức. Các loại như vậy là vô lượng cô số pháp sai biệt, trông đó mỗi mỗi thứ đều có danh riêng.

- Thế nào là tự tánh của Biến kế tạp nhiễm? Nghĩa là Biến kế nơi sắc này có tham có sân có si, không thể xa lìa sự trói buộc của tham sân si.

Lại không cùng tương ưng với tất cả pháp thiện như tín v.v…

Lại nữa, Biến kế nơi thọ này, tưởng này, hành này, thức này có tham có sân có si, không thể xa lìa sự hệ thuộc nơi tham sân si. Lại không cùng tương ưng với tất cả pháp thiện như tín v.v…

- Thế nào là tự tánh của Biến kế thanh tịnh? Nghĩa là cùng với trên đây trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

- Thế nào là tự tánh của Biến kế phi tạp nhiễm, thanh tịnh? Nghĩa là Biến kế nơi sắc này là đối tượng được giữ lấy, đây là chủ thể giữ lấy. Biến kế nơi thọ tưởng hành thức này là đối tượng được giữ lấy, đây là chủ thể giữ lấy. Lại ở trong tất cả pháp vô ký, Biến kế nơi các pháp vô ký hiện có.

Lại nữa, tự tánh của Biến kế sở chấp, nên biết lại có năm thứ:

1. Tự tánh dựa nơi danh Biến kế nghĩa.

2. Tự tánh dựa nơi nghĩa Biến kế danh.

3. Tự tánh dựa nơi danh Biến kế danh.

4. Tự tánh dựa nơi nghĩa Biến kế nghĩa.

5. Tự tánh dựa nơi cả hai, Biến kế cả hai.

- Thế nào là tự tánh dựa nơi danh Biến kế nghĩa? Là Biến kế nơi sự danh của sắc này có thật tánh của sắc. Biến kế nơi sự danh của thọ tưởng hành thức này có thật tánh của thọ tưởng hành thức.

- Thế nào là tự tánh dựa nơi nghĩa Biến kế danh? Là Biến kế nơi sự này gọi là sắc, hoặc không gọi là sắc. Biến kế nơi sự này gọi là thọ tưởng hành thức, hoặc không gọi là thọ tưởng hành thức.

- Thế nào là tự tánh dựa nơi danh Biến kế danh? Là không rõ về sự của sức, phân biệt về danh của sắc mà khởi Biến kế không rõ về sự của thọ

tưởng hành thức, phân biệt về danh của thọ tưởng hành thức mà khởi Biến chấp.

- Thế nào là tự tánh dựa nơi nghĩa Biến kế nghĩa? Là không rõ về danh của sắc, do không rõ về danh nên phân biệt sự của sắc mà khởi Biến kế. Không rõ về danh của thọ tưởng hành thức, do không rõ về danh nên phân biệt sự của thọ tưởng hành thức mà khởi Biến kế.

- Thế nào là tự tánh dựa nơi cả hai, Biến kế cả hai? Là Biến kế nơi sự này là tự tánh của sắc, gọi đó là sắc. Biến kế nơi sự này là tự tánh của thọ tưởng hành thức, gọi là thọ tưởng hành thức.

Lại nữa, chỗ chấp nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, nên biết hiện có hai thứ:

1. Chấp về gia hạnh.

2. Chấp về danh nêu đặt.

- Chấp về gia hạnh, nên biết lại có năm thứ:

1. Gia hạnh tham ái.

2. Gia hạnh giận dữ.

3. Gia hạnh hợp hội.

4. Gia hạnh biệt ly.

5. Gia hạnh xả tùy ban cho.

- Chấp về danh nêu đặt, nên biết lại có hai thứ:

1. Không phải do văn tự tạo nên.

2. Do văn tự tạo nên.

- Không phải do văn tự tạo nên: Nghĩa là chấp đây là vật gì, thế nào là vật này, vật này là gì, vật này vì sao?

- Do văn tự tạo nên: Nghĩa là chấp đây là vật này, vật này như thế hoặc là sắc, cho đến hoặc là thức, hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc vô ký v.v…

Lại nữa, chấp trước vi tế, nên biết có năm thứ:

1. Nơi vô thường, chấp là thường.

2. Nơi khổ, chấp là lạc.

3. Nơi bất tịnh, chấp là tịnh.

4. Nơi vô ngã, chấp là ngã.

5. Ở trong các tướng, tự tánh của Biến kế sở chấp đã chấp. Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết hàng phàm ngu như danh, như ngôn, nơi sự của đối tượng được giảng giải chấp có tự tánh.

Vì sao? Nghĩa là nhân nêu câu hỏi: Sự này dùng gì để làm tự tánh?

Đáp: Sự này là tự tánh của sắc, không phải là danh của sắc. Hoặc đáp: Sự này là tự tánh của thọ tưởng hành thức, không phải là danh của thọ tưởng hành thức.

Lại nữa, một mình ở nơi chốn vắng lặng, siêng năng tinh tấn quán xét tự tướng cộng tướng của các pháp, tầm tư về sắc ấy là tướng của sắc, không phải là danh của sắc. Hoặc tầm tư về sự này là tướng của thọ tưởng hành thức, không phải là danh của thọ tưởng hành thức.

Lại nữa, nơi sự của sắc này tìm cầu tướng của sắc, lúc không thể được liền sanh không vui, không phải tìm cầu danh của sắc, lúc không thể đạt được. hoặc nơi sự của thọ tưởng hành thức ấy tìm cầu tướng của chúng, lúc không thể đạt được liền sanh không vui, không phải cầu tìm danh của thọ tưởng hành thức, lúc không thể đạt được.

Lại nữa, lời ở nơi danh chuyển, danh ở nơi nghĩa chuyển. Ở đây, hoặc danh có thể hiển bày nghĩa của tự tướng. Không phải ở đây có thể hiển bày nghĩa của tướng sai biệt. Không phải ở đây có thể hiển bày nghĩa của tướng thuộc đối tượng được giữ lấy. Không phải ở đây có thể hiển bày nghĩa của tướng thuộc chủ thể giữ lấy. Hoặc danh, cho đến có thể hiển bày nghĩa của tướng thuộc chủ thể giữ lấy. Không phải ở đây có thể hiển bày cho đến nghĩa của tự tướng.

Hoặc tức danh kia ở nơi nghĩa của tự tướng chuyển. Cũng ở nơi, cho đến nghĩa của tướng thuộc chủ thể giữ lấy, chuyển. Các danh còn lại này đều hành giải riêng, theo nghĩa mà chuyển, nên không thể đạt được. Ở đây là không hợp lý. Như vậy, lại ở trong danh hiện có của nghĩa đều riêng chuyển. Hoặc danh ở nơi nghĩa của tự tướng chuyển, cho đến hoặc danh ở nơi nghĩa của tướng thuộc chủ thể nhận lấy, chuyển. Danh này là ở nơi có nghĩa chuyển chăng? Hay là ở nơi không nghĩa chuyển? Ở nơi có nghĩa chuyển lại không hợp lý. Không hợp lý này, như trước, trong phần quán năm sự đã biện giải. Nếu ở nơi không nghĩa chuyển, tức là danh này ở nơi nghĩa vô tướng chuyển, lý kia liền đến. Nếu ở nơi nghĩa vô tướng chuyển thì nghĩa phi hữu này chỉ có thể hiển bày chỉ rõ về chỗ tăng ích của mình, nếu giữ lấy tăng ích tức là chấp trước. Do đó, như danh như ngôn, ở nơi sự của đối tượng được giảng giải đã chấp trước tự tánh, lý ấy đã thành.

Lại nữa, tất cả hàng phàm ngu, ở trong các tướng bị trói buộc nơi danh ngôn, nên biết như danh như ngôn, nơi sự của đối tượng được nêu giảng đã vọng chấp tự tánh.

Hỏi: Do duyên nào nên nhận biết ở trong các tướng bị trói buộc nơi

danh ngôn?

Đáp: Do lý, giáo.

- Thế nào là do lý? Nghĩa là nếu lìa danh ngôn thì ở trong các sự, vui thích không thể đạt được. nếu danh ngôn cùng ở trong các sự thì vui thích có thể đạt được, là một đạo lý.

Lại, lần lượt cùng nương dựa mà sanh. Vì sao? Vì sự làm chỗ nương dựa cho danh ngôn được sanh. Danh ngôn làm chỗ dựa cho sự có thể được sanh. Tức các thế gian chính là dựa nơi có sự mới được sanh khởi danh ngôn phân biệt, chẳng phải ở nơi không sự khởi phân biệt ấy. Như vậy nên biết, sự làm chỗ dựa cho danh ngôn được sanh.

Như về Tĩnh lự, lúc là nội Tĩnh lự, danh ngôn của ý như như tác ý tư duy. Như vậy như vậy, có sự được nhận biết, ảnh tượng đồng phận sanh khởi phương tiện, vận hành hiện tiền. Như thế nên biết, danh ngôn làm chỗ dựa cho sự có thể được sanh. Lại, ở nơi danh ngôn, lúc tu tập đối trị, nếu đặt yên tâm nơi cảnh giới vô tướng thì tất cả tướng đều không hiện tiền. Nếu không đặt yên tâm nơi cảnh giới vô tướng, không tùy theo chỗ mong muốn, nên tâm bị các tướng làm cho chuyển biến trôi nổi. Do đạo lý ấy, nên biết đối với tướng, danh ngôn là trói buộc.

- Thế nào là do giáo? Như Đức Thế Tôn nói:

Phàm phu từ ngu tối Nơi tướng bị ngôn buộc Mâu ni thoát ngôn buộc Nơi tướng được tự tại

Hành giả thấy thanh tịnh An trụ nơi chân trí

Đối tự tánh không đắc Không thấy chỗ dựa kia Do chân trí thanh tịnh Nói đấy là chân minh

Hai chấp không tương ưng Nên gọi là không hai.

Lại, như phàm phu ở trong các uẩn khéo nhận biết là vô ngã, tuy quán trong uẩn, chỗ kiến lập ngã chỉ là giả có, không phải là không ở nơi ngã chấp kia đã tùy chuyển, do tùy miên ấy chưa vĩnh viễn đoạn dứt, tức đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 74

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

Gồm thâu tri vô tánh
Mật ý cùng sở hành
Thông đạt và tùy nhập
Sai biệt dựa là sau.

Hỏi: Năm pháp, như tướng của ba thứ tự tánh, tự tánh thứ nhất, trong năm pháp, thuộc về những pháp nào?

Đáp: Đều không thuộc về.

Hỏi: Tự tánh thứ hai thuộc về bao nhiêu pháp?

Đáp: Thuộc về bốn pháp.

Hỏi: Tự tánh thứ ba thuộc về bao nhiêu pháp?

Đáp: Thuộc về một pháp.

Hỏi: Nếu tự tánh của Y tha khởi cũng thuộc về chánh trí, vì sao trước nói tự tánh của Y tha khởi duyên nơi chỗ chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp nên có thể nhận biết rõ?

Đáp: Ý kia chỉ nói về phần tạp nhiễm nơi tự tánh của Y tha khởi, không phải là phần thanh tịnh. Nếu là phần thanh tịnh tức biết duyên nơi chỗ không chấp kia, nên có thể nhận biết rõ.

Lại nữa, ba thứ tự tánh nơi ba thứ tánh không tự tánh (Tánh của tướng không tự tánh. Tánh của sanh không tự tánh và Tánh của thắng nghĩa không tự tánh): Do tánh tánh của tướng không tự tánh, nên tự tánh của Biến kế sở chấp nói là không tự tánh. Do tánh của sanh không tự tánh cùng tánh của thắng nghĩa không tự tánh, nên tự tánh của Y tha khởi nói là không tự tánh. Không phải tánh tự nhiên có. Không phải tánh của đối tượng duyên thanh tịnh. Chỉ do tánh của thắng nghĩa không tự tánh, nên tự tánh của Viên thành thật nói là không tự tánh. Vì sao? Vì do tự tánh này cũng là thắng nghĩa, cũng là chỗ hiển bày về tánh của tất cả pháp không tự tánh.

Hỏi: Ba thứ tự tánh, có nhiêu thứ nên nhận biết khắp?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ nên chứng đắc?

Đáp: Một thứ.

Lại nữa, do ba thứ tự tánh ấy, nên các nghĩa ẩn mật của tất cả kinh không liễu nghĩa đều nên quyết định rõ.

Nghĩa là, ngôn ngữ bí mật của các Như Lai cùng các Bồ tát, tùy theo yếu nghĩa hiện có của ngôn ngữ bí mật nơi vô lượng giáo, đều do ba thứ tự tánh như thế, nên tùy theo đấy quyết định rõ.

Hỏi: Như trong kinh nói về pháp Nhẫn vô sanh, làm sao kiến lập?

Đáp: Do ba tự tánh mà được kiến lập. Nghĩa là do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên lập Nhẫn vô sanh bản tánh. Do tự tánh của Y tha khởi, nên lập Nhẫn vô sanh tự nhiên. Do tự tánh của Viên thành thật, nên lập Nhẫn vô sanh phiền não cấu. Nên biết Nhẫn này không có thối chuyển.

Lại nữa, ba thứ môn giải thoát cũng do ba tự tánh mà được kiến lập. Nghĩa là do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên lập môn Giải thoát không. Do tự tánh của Y tha khởi, nên lập môn Giải thoát vô nguyện. Do tự tánh của Viên thành thật, nên lập môn Giải thoát vô tướng.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của những trí nào? Là trí phàm chăng, là trí Thánh chăng?

Đáp: Đều không phải là đối tượng hành của trí. Do vô tướng.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi là đối tượng hành của những trí nào?

Đáp: Là đối tượng hành của hai trí, nhưng không phải là đối tượng hành của Thánh trí xuất thế gian.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật là đối tượng hành của những trí nào?

Đáp: Chỉ là đối tượng hành của Thánh trí.

Hỏi: Các hành giả Quán, lúc thông đạt tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là hành nơi tướng chăng? Nên nói là hành nơi vô tướng chăng?

Đáp: Nếu khi dùng trí thế gian để thông đạt, nên nói là hành nơi tướng. Nếu lúc dùng trí xuất thế gian để thông đạt, nên nói là hành nơi vô tướng.

Như tự tánh của Biến kế sở chấp, thì tự tánh của Y tha khởi, tự tánh

của Viên thành thật, nên biết cũng thế.

Hỏi: Nếu hành giả hành Quán, lúc ngộ nhập như thật nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là đã tùy nhập những tự tánh nào?

Đáp: Là đã tùy nhập tự tánh của Viên thành thật.

Hỏi: Nếu hành giả hành Quán, lúc tùy nhập tự tánh của Viên thành thật, nên nói là đã trừ bỏ những tự tánh nào?

Đáp: Đã trừ bỏ tự tánh của Y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp có bao nhiêu thứ?

Đáp: Tùy ở trong tự tánh của Y tha khởi nêu đặt, kiến lập tự tánh với những phần lượng sai biệt hiện có, tức về số lượng nơi tự tánh của Biến kế sở chấp cũng thế. Do đó nên biết tự tánh của Biến kế sở chấp có vô lượng sai biệt.

Lại, ở trong tự tánh của Y tha khởi, nên biết có hai thứ chấp thuận tự tánh của Biến kế sở chấp:

1. Tùy giác.

2. Tùy miên của tập khí thường xuyên hành tập.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nên biết như chỗ sao biệt của phẩm loại tướng. Lại có hai thứ tự tánh của Y tha khởi:

1. Chỗ khởi chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp.

2. Tức không có chỗ dấy khởi chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nơi tất cả xứ đều là một vị. Tự tánh của Viên thành thật không có số phẩm an lạc sai biệt.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là nương dựa vào đâu?

Đáp: Nên nói là nương dựa vào ba sự: là tướng, danh và phân biệt.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi, nên nói là nương dựa vào đâu?

Đáp: Nên nói là dựa vào chỗ chấp thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp, cùng đẳng lưu của chính mình.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật, nên nói là nương dựa vào đâu?

Đáp: Nên nói là không chỗ an trụ, không chốn nương dựa. Lại nữa, tụng thâu tóm nêu:

Nếu không có tác nghiệp
Vi tế cùng vô thể gì?
Sanh chấp nhận biết rõ

Dụ nhiễm khổ, phân biệt.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là có lỗi

Đáp: Ở trong tự tánh của Y tha khởi, lẽ ra không có danh ngôn, không có chấp của danh ngôn. Điều ấy nếu không có thì không thể nhận biết về tạp nhiễm, thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Y tha khởi, nên nói là có lỗi gì?

Đáp: Không do công dụng, tức tất cả tạp nhiễm đều nên không có.

Ở đây nếu không có, thì sẽ không có thanh tịnh có thể nhận biết rõ.

Hỏi: Nếu không có tự tánh của Viên thành thật, nên nói là có lỗi gì?

Đáp: Tất cả phẩm thanh tịnh đều nên không thể nhận biết.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Năm nghiệp:

1. Có thể sanh tự tánh của Y tha khởi.

2. Nơi tánh kia có thể khởi ngôn thuyết.

3. Có thể sanh khởi chấp của Bổ đặc già la.

4. Có thể sanh khởi chấp pháp.

5. Có thể thâu nhận tập khí thô trọng của hai thứ chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm nghiệp:

1. Có thể sanh tánh của pháp tạp nhiễm hiện có.

2. Có thể làm chỗ dựa cho tự tánh của Biến kế sở chấp và tự tánh của Viên thành thật.

3. Có thể làm chỗ dựa cho việc chấp trước của Bổ-đặc-già-la.

4. Có thể làm chỗ dựa cho chấp pháp.

5. Có thể làm chỗ dựa cho tập khí thô trọng của hai thứ chấp kia.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật có thể tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm nghiệp. Do năm nghiệp này đối trị năm nghiệp của hai thứ kia, sanh khởi tánh của cảnh giới nơi đối tượng duyên.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nói là vi tế, nên nói là thô?

Đáp: Nên nói là vi tế. Như vi tế, thì khó thấy, khó biết rõ, nên biết cũng thế.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi, nên nói là vi tế, nên nói là thô?

Đáp: Nên nói là thô, nhưng là khó thấy, khó biết rõ.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật, nên nói là vi tế, nên nói là thô?

Đáp: Nên nói là hết sức vi tế.

Như hết sức vi tế thì hết sức khó nhận thấy, hết sức khó biết rõ, nên biết cũng thế.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ là vô thể có thể chuyển thành hữu thể?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là hữu thể, mấy thứ là vô thể có thể chuyển thành hữu thể, vô thể?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là hữu thể mà không thể chuyển? Đáp: Một thứ.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ là chẳng sanh, có thể sanh nơi sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là sanh, có thể sanh sanh nơi sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ là không sanh, không thể sanh sanh cùng chẳng sanh?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Tướng chấp không chấp nơi tự tánh của Biến kế sở chấp làm sao nên biết?

Đáp: Ở đây có hai thứ:

1. Giác ngộ của tánh kia, chấp hoặc không chấp.

2. Tùy miên của tánh kia, chấp hoặc không chấp.

Nếu do ngôn thuyết giả lập danh tự, suy tính khắp (Biến kế) về các pháp, quyết định tự tánh, nên biết đó gọi là giác ngộ của tánh kia đã chấp.

Nếu khéo nhận biết rõ chỉ có danh, biết chỉ là danh, các pháp kia không có tánh quyết định, nên biết đó gọi là đối với tánh kia không chấp.

Nếu chưa nhổ sạch tùy miên của tập khí kia, nên biết đối nơi tánh ấy có chấp của tùy miên, cho đến chưa xả bỏ phần thô trọng của tập khí, nếu vĩnh viễn đoạn trừ rồi, nên biết là không chấp.

Hỏi: Tướng chấp, không chấp nơi tự tánh của Y tha khởi, làm sao có thể nhận biết?

Đáp: Nếu do phần giác ngộ nơi tự tánh của Biến kế sở chấp đã chấp, lại suy tính khắp (Biến kế) các pháp kia tạo thành tự tánh thì đó gọi là chấp thứ nhất.

Nếu khéo nhận biết rõ chỉ có các tướng, không Biến kế để tạo thành tự tánh, thì đó gọi là không chấp.

Nếu đối với chỗ trói buộc của tướng chưa vĩnh viễn dứt sạch, ở trong

các tướng lúc có thủ đắc, đó gọi là chấp thứ hai.

Nếu đối với chỗ trói buộc của tướng đã vĩnh viễn dứt sạch, ở trong cảnh giới vô tướng nhận biết rõ, đúng, nên đối với tướng không thủ đắc, hoặc vào thời gian sau, như chỗ hiện có mà đạt được, nên biết là không chấp.

Hỏi: Tướng chấp, không chấp nơi tự tánh của Viên thành thật, làm sao có thể nhận biết?

Đáp: Tự tánh này không có chấp. Giới của tự tánh này không phải là xứ an đủ của chấp. Nếu đối với Giới ấy chưa đắc, chưa xúc, chưa tác chứng, khởi tăng thượng mạn về đắc, xúc, tác chứng, nên biết đó tức là chỗ chấp nơi tự tánh của Biến kế sở chấp cùng chỗ chấp nơi tự tánh của Y tha khởi nêu trên.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp, nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Nên nhận biết rõ đúng chỉ có danh, chỉ là chỗ chấp của sự suy tính khắp (Biến kế), không tướng, không tánh, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, xưa nay vắng lặng, tự tánh là Niết bàn, không quá khứ, không hiện tại, không vị lai, không trói buộc, không lìa trói buộc, không hệ thuộc, không giải thoát, không khổ không vui, không chẳng khổ chẳng vui, chỉ là một vị hiện hữu khắp tất cả xứ đều như hư không. Dùng vô lượng hành tướng như thế để nhận biết rõ, đúng về tự tánh của Biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi nên nhận biết như thế nào?

Đáp: Nên nhận biết rõ, đúng về tất cả đối tượng được nêu giảng là thuộc về sự hữu vi.

Thế nào là sự của tất cả đối tượng được nêu giảng? Đó là sự của Uẩn, của Giới, của Xứ. Sự của Duyên khởi. Sự của Xứ phi xứ. Sự của căn, của nghiệp, của phiền não, của Tùy phiền não. Sự của sanh, sự của nẻo ác, sự của nẻo thiện, sự của sanh sản, sự của loại sắc. Sự của cõi trời Tứ

Đại Vương chúng, cho đến sự của cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự của cõi trời Phạm Thiên, cho đến sự của cõi trời Sắc Cứu Cánh. Sự của xứ Không vô biên cho đến sự của xứ Phi tưởng phi phi tưởng. Sự của hành tùy tín, sự của hành tùy pháp, sự của thiện căn nơi phần thuận quyết trạch, sự của kiến đạo, sự của tu đạo, sự của quả Dự lưu, cho đến sự của quả A la hán. Sự của Độc giác, sự của Đẳng Chánh Giác, sự của Diệt tưởng thọ. Sự của đến bờ kia, sự của niệm trụ cho đến sự của tám đạo chi. Sự của Tĩnh lự vô lượng, định vô sắc, sự của tư tưởng, sự của tu tùy niệm. Sự của giải thoát, thắng xứ, biến xứ. Sự của lực, vô sở úy, nguyện trí, bất hộ, niệm trụ,

đại bi, tập khí đã hoàn toàn dứt trừ, các tướng tùy hảo, Nhất thiết chủng diệu trí nơi tất cả pháp Phật không chung.

Lại nên nhận biết rõ đồng nơi huyễn mộng, bóng sáng, tiếng vang nơi hang sâu, trăng trong nước. Ảnh tượng cùng biến hóa giống như đống bọt nổi, cũng như bọt nước, cũng như dợn nắng, cũng như thân cây chuối, như cuồng như say, như hại như oán, như dụ về đứa con giả với hộp chứa rắn độc. Là không, vô nguyện, xa lìa, không chấp giữ, hư dối không chắc thật. Những loại sai biệt như thế là vô lượng.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật nên nhận biết như thế nào? Đáp: Nên nhận biết rõ, đúng, như trước đã nói về tướng sai biệt.

Đó là chân như, thật tế, pháp giới, các loại như thế có vô lượng sai biệt.

Lại nên nhận biết rõ về những sai biệt khác nữa. Nghĩa là không hình sắc, không thể nhìn thấy, không nơi nương trụ, không chỗ vin dựa, không thể hiển hiện, không thể phân biệt rõ, không thể nêu đặt, không thể tuyên thuyết, lìa các hý luận, không lấy không bỏ. Các loại như thế có vô lượng sai biệt.

Hỏi: Ba tự tánh này, mấy thứ tự không nhiễm, có thể khiến tha nhiễm?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Mấy thứ tự thanh tịnh, có thể khiến tha thanh tịnh?

Đáp: Một thứ.

Như nhiễm, nên biết khổ cũng thế.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp dùng gì làm dụ?

Đáp: Ví như hư không.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi dùng gì làm dụ?

Đáp: Như hại như oán.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật dùng gì làm dụ?

Đáp: Ví như kho chứa các vật báu lớn vô tận nơi lòng đất.

Hỏi: Tự tánh của Biến kế sở chấp do cái gì nên Biến kế (suy tính khắp)?

Đáp: Do tự tánh của Y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh của Y tha khởi do cái gì nên Y tha (dựa nơi cái khác)?

Đáp: Do nhân duyên.

Hỏi: Tự tánh của Viên thành thật do cái gì nên Viên thành thật (thành

thật viên mãn)?

Đáp: Do các khổ của tất cả phiền não không thể tạp nhiễm. Lại do thường.

Hỏi: Như nói có thể giữ lấy nghĩa chân thật nơi huệ là không phân biệt. Làm sao có thể nhận biết tướng của không phân biệt? Là do không tác ý? Là do vượt quá tướng phân biệt kia? Là do không chỗ có? Là do chính là tánh kia? Là do nơi cảnh của đối tượng duyên tạo tác gia hạnh?

Nếu do không tác ý: Thì tướng không phân biệt kia cùng với tác ý như lý tương ưng, là không hợp đạo lý. Kẻ ngủ say, say cuồng, nên thành lỗi này.

Nếu do vượt quá tướng phân biệt kia: Thì vì sao không cùng với Thánh giáo trái nhau? Như nói các tâm, tâm sở hiện có nơi ba cõi đều là phân biệt?

Nếu do không chỗ có: Thì vì sao huệ ấy không thành, không phải tâm sở?

Nếu do chính là tánh kia: Thì vì sao huệ ấy không thành tự tánh của sắc, cùng không phải là tướng thông đạt?

Nếu do nơi cảnh của đối tượng duyên tạo gia hạnh: Thì vì sao hủy báng tánh của huệ không phân biệt là lìa gia hạnh?

Nếu các thứ như thế đều không hợp lý, làm sao có thể biết huệ không phân biệt?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng duyên lìa gia hạnh. Cảnh của đối tượng duyên này là chân như của các pháp, lìa tướng có không. Tức ở đây cũng là lìa các phân biệt. Do chỗ dẫn phát của uy lực trước, nên tuy lìa gia hạnh, nhưng nếu ở nơi đẳng trì của chân như tương ưng với lúc diệu huệ sanh, thì tướng của đối tượng duyên có thể giữ lấy sự tỏa chiếu hiện bày. Do đó, huệ này gọi là không phân biệt.

Như vậy là đã nói về phần Quyết trạch của Nghĩa chân thật. Do năm nhân duyên nên biết uy đức hiện có của Bồ tát là không thể nghĩ bàn. Những gì là năm?

1. Uy đức hiện có của Bồ tát vượt quá tất cả cảnh giới của tầm tư.

2. Uy đức hiện có của Bồ tát, các thí dụ của thế gian không thể diễn đạt được.

3. Uy đức hiện có của Bồ tát chỉ hệ thuộc nơi tâm khéo mài luyện trong suốt.

4. Uy đức hiện có của Bồ tát cùng với tâm nơi địa bất định hoàn toàn

không đồng phận.

5. Uy đức hiện có của Bồ tát hoàn toàn gắn bó với tâm của địa định.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có mười pháp hành, có thể khiến cho Bồ tát thành thục hữu tình. Những gì là mười pháp? Nghĩa là đối với pháp như Khế kinh v.v… thuộc về tạng Bồ tát tương ưng với Đại thừa, nên biên chép, thọ trì, cúng dường, huệ thí nơi kẻ khác. Nếu kẻ khác đang thuyết giảng thì cung kính lắng nghe. Hoặc tự nghiền ngẫm đọc xem. Hoặc lại lãnh nhận, nhận rồi, với âm điệu cao thấp mà đọc tụng rõ. Hoặc vì kẻ khác mà khai thị, nói rộng. Hoặc ở riêng nơi chốn vắng lặng, quán xét, tùy nhập tu tướng.

Hỏi: Mười thứ pháp hành như thế, bao nhiêu thứ có thể sinh đạo phước đức rộng lớn?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là đạo gia hạnh?

Đáp: Một thứ, là pháp hành thứ chín.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là đạo làm thanh tịnh chướng?

Đáp: Một thứ, là pháp hành thứ mười. Chủng loại như thế, văn quyết trạch còn lại không nhắc đến nữa.

Lại nữa, như nơi địa do Văn tạo thành, trong phần Nhiếp Đại thừa đã nói: Đại Bồ đề do năm thứ tương ưng, nên nhận biết rõ, nghĩa là:

1. Tự tánh.

2. Công năng.

3. Phương tiện.

4. Chuyển.

5. Hoàn.

Nhưng chưa phân biệt, nay sẽ giải thích.

-Thế nào là tự tánh của Đại Bồ đề? Nghĩa là chuyển y thù thắng đối với hàng Thanh văn, Độc giác. Nên biết chuyển y này lại có bốn thứ tướng:

1. Tướng là chỗ dựa của sanh chuyển.

2. Tướng là chỗ dựa của không sanh chuyển.

3. Tướng khéo quan sát về quả của đối tượng nhận biết.

4. Tướng của pháp giới thanh tịnh.

- Tướng là chỗ dựa của sanh chuyển: Là chỗ dựa của sanh chuyển thuộc đạo xuất thế gian nối tiếp của Phật. Nếu không như thế thì sự chuyển y này không đạt được. Đạo ấy lẽ ra sẽ không sanh không chuyển. Nếu xa lìa đạo kia mà có sự này thì trước lúc chưa chuyển y nên có sự này.

- Tướng là chỗ dựa của không sanh chuyển: Là chỗ dựa của tất cả phiền não cùng các tập khí không sanh chuyển. Nếu không như thế thì sự chuyển y này không đạt được. Tất cả phiền não cùng các tập khí liền có các duyên hòa hợp, không sanh không chuyển, nên không thể đạt được.

- Tướng khéo quan sát về quả của đối tượng nhận biết: Nghĩa là chuyển y này là khéo thông đạt về chỗ chân thật của đối tượng nhận biết, về quả chân như của đối tượng nhận thức. Nếu không như thế thì tự tánh của chư phật, lẽ ra lại quan sát, lại có đối tượng đoạn, lại có đối tượng diệt.

- Tướng của pháp giới thanh tịnh: Nghĩa là chuyển y này đã có thể trừ bỏ hẳn tất cả tướng, là chỗ hiển bày của pháp giới hoàn toàn thanh tịnh. Nếu không như thế thì ở đây nên là vô thường, nên có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y này là tướng thường trụ, không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, không thể nghĩ bàn này gọi là "không hai". Do năm thứ tương ưng nên nhận biết rõ:

1. Do tự tánh.

2. Do xứ.

3. Do trụ.

4. Do tánh một tánh khác.

5. Do sự tạo tác đã thành.

- Thế nào là do tự tánh nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là hoặc tức sắc hoặc lìa sắc, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức thọ tưởng hành thứ, hoặc lìa thọ tưởng hành thức, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức địa giới, hoặc lìa địa giới, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tức thủy giới, hỏa giới, phong giới, hoặc lìa thủy giới, hỏa giới, phong giới, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tức nhãn xứ, hoặc lìa nhãn xứ, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc lìa nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc có hoặc không phải có, như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do xứ nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là, tại cõi Dục hoặc lìa cõi Dục, như thế là không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lìa cõi Sắc cõi Vô sắc, như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc ở trong cõi Người, hoặc lìa trong cõi Người. Hoặc ở trên cõi Trời, hoặc lìa trên cõi Trời. Như thế là không thể nghĩ bàn.

Hoặc tại phương Đông, hoặc lìa phương Đông. Hoặc tại phương Nam Tây Bắc, phương hướng trên dưới, hoặc lìa phương Nam Tây Bắc, phương

hướng trên dưới. Như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do trụ nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là an trụ như vậy như vậy nơi lạc trụ của loại sắc. Như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ như vậy như vậy nơi trụ Xa-ma-tha của loại sắc. Như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi trụ có tâm, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi trụ không tâm, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi Thánh trụ của loại sắc như vậy, như thế là không thể nghĩ bàn.

An trụ nơi Thiên trụ, Phạm trụ của loại sắc như vậy, như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do một tánh khác tánh nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là tất cả Phật đồng an trụ trong một Giới vô lậu, và là một tánh và là khác tánh. Như thế là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là do sự tạo tác đã thành nên không thể nghĩ bàn? Nghĩa là Đức Như lai như vậy như vậy, đồng giới, đồng trí, uy lực dũng mãnh, trụ nơi cảnh giới vô lậu, dựa vào chuyển y này, có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Như thế là không thể nghĩ bàn.

Ở đây lại có hai nhân duyên, nên biết là không thể nghĩ bàn: Tức nghĩa lìa ngôn thuyết cùng vượt quá đường ngôn ngữ, nên là không thể nghĩ bàn. Lại do xuất thế gian, thế gian không có thể nêu thí dụ, thế nên là không thể nghĩ bàn.

- Thế nào là công năng của Đại Bồ đề? Nghĩa là nếu lược nói có mười tự tại, gọi là công năng: Tức là thọ mạng tự tại v.v… như nơi phần Bản địa đã nói.

- Thế nào là phương tiện của Đại Bồ đề? Nghĩa là nếu lược nói có bốn thứ hóa độ gọi là phương tiện:

1. Hữu tình chưa thành thục, khiến thành thục. Tạo hạnh Bồ tát để hóa độ.

2. Hữu tình đã thành thục, thì khiến giải thoát. Tức đối với Tam thiên đại thiên thế giới, trong hàng trăm câu chi châu Thiệm Bộ, cùng trong một lúc, dùng phương tiện thâu nhận vào sự hóa độ của Như lai.

3. Tức vì các hữu tình được hóa độ kia, nên làm Thanh văn để hóa độ.

4. Tức vì các hữu tình được hóa độ kia, nên làm Độc giác để hóa độ.

Nên biết, tất cả chư Phật Thế Tôn ở trong mười sự của bốn thứ biến

hóa này, công năng vô ngại, hiện bày khắp phương, giới.

- Thế nào là chuyển của Đại Bồ đề? Nên biết chuyển này lược có hai thứ:

1. Chuyển quyền thời.

2. Chuyển tất cánh.

- Chuyển quyền thời: Nghĩa là các hữu tình, cho đến chưa thành thục, chưa giải thoát, được chư Phật Thế Tôn vỗ về, an ủi chuyển có biến hóa.

- Chuyển tất cánh: Nghĩa là như tự tánh của chư Phật là vô tận, không thể nghĩ bàn, chuyển theo ánh sáng lớn. Như thế là có thể tạo ra đã làm của tất cả hữu tình chuyển.

- Thế nào là hoàn của Đại Bồ đề? Nên biết hoàn này cũng có hai thứ:

1. Hoàn quyền thời.

2. Hoàn tất cánh.

- Hoàn quyền thời: Là hữu tình được hóa độ đã thành thục, đã giải thoát, từ đấy, chư Phật Thế Tôn hiện Bát-niết-bàn không gián đoạn, không phải là diệt rốt ráo.

- Hoàn tất cánh: Nên biết là phiền não cùng các tập khí đã rốt ráo dứt hết, chỗ nương dựa kia là các khổ cũng hết.

Thế nào là người có thể tán thán, nơi trụ xứ của Như lai có thể tạo lợi ích? Nghĩa là theo chỗ tán thán chỉ hành tự lợi, không phải do tán thán nơi trụ xứ của Như-lai có chỗ tạo tác khác, cũng như tạo bình. Vì sao? Vì Đức Như lai ẩn thiện là hết sức thiểu dục.

Lại có hai thứ, nơi trụ xứ của Như lai, xưng dương tán thán pháp hết sức sâu xa kỳ lạ:

1. Khiến người tán thán thuần hành tự lợi sanh vô lượng phước.

2. Xa lìa tất cả chỗ cầu nơi trụ xứ của các Như lai mà tạo lợi ích. Nghĩa là nơi trụ xứ của Như lai, như như tán thán, như vậy như vậy thâu nhận tự lợi. Như như thâu nhận tự lợi, như vậy như vậy gọi là để cúng dường thâu nhận Như lai. Do nhân duyên này nên sanh phước tụ hết sức rộng lớn, vô tận.

Lại, chư Như lai có hai thứ sự:

1. Sự không hợp ý.

2. Sự hợp ý.

Lại nữa, do sáu thứ tướng, nên biết là lược gồm thâu công đức của Như lai:

1. Viên mãn.

2. Không cấu nhiễm.

3. Không động.

4. Không gì bằng.

5. Có thể tạo sự việc lợi ích cho hữu tình.

6. Công năng.

- Thế nào là viên mãn? Nghĩa là chư Như lai đã thành tựu tất cả công đức nơi ba cõi và xuất thế gian. Công đức xuất thế gian hiện có kia là vượt quá đường hành của tất cả ngôn ngữ. Do đó, Như lai, với mọi sự ca tụng, tán dương đều không thể diễn đạt hết được. Do nhân duyên ấy nên càng phải tán thán.

- Thế nào là không cấu nhiễm? Nghĩa là các công đức có bảy thứ cấu nhiễm:

1. Trụ.

2. Kiến.

3. Nghi.

4. Mạn.

5. Kiêu.

6. Tùy miên.

7. Keo kiệt.

Tất cả những thứ ấy, đối với Như lai là hoàn toàn không. Vì sao? Vì các công đức hiện có của Như lai không cần kẻ khác nhận biết, nghĩa là muốn (dục) khiến kẻ khác biết ta đã thành tựu công đức như thế.

Lại, đối với các công đức ấy không có kiến giải chấp trước, không có nghi hoặc là công đức hay là lỗi lầm, không đem công đức hiện có của mình là hơn hết để kiêu căng sanh vui mừng quá đáng, vì các công đức kia không phải là tùy miên của các phiền não, mà là đã hoàn toàn loại trừ phiền não cùng tập khí. Lại, đối với công đức không có tâm keo kiệt, tiếc lẫn, tức chớ khiến kẻ khác cùng được chứng đắc.

- Thế nào là không động? Nghĩa là các ngoại đạo đều không thể quấy động. Mọi thứ đạo tặc cũng không thể xâm đoạt. Tất cả thân thuộc cũng không thể hủy hoại. Mọi sức mạnh của vua quan, của lửa, nước, gió đều cũng không thể hủy hoại, không thể làm cho biến đổi.

Thọ mạng tuy hết cũng không thối chuyển. Do các công đức của Như lai là vô tận, vì thế nên không động.

- Thế nào là không gì sánh bằng? Nghĩa là các công đức hiện có của Như lai là hết sức rộng lớn, là hết mực tôn quý thù thắng, là vô cùng rất nhiều, là uy lực lớn lao. Hết thảy hữu tình, hoặc tịnh, bất tịnh đều không thể so sánh, thế nên là không gì bằng.

- Thế nào là có thể rạo ra sự việc lợi ích cho hữu tình? Nghĩa là xả bỏ sự an lạc hiện có hết sức lớn rộng, không tội đã đạt được, tạo phương tiện thị hiện gia hạnh lợi tha. Do đó có thể tạo sự việc lợi ích cho kẻ khác.

- Thế nào là công năng? Nghĩa là ở chỗ tạo sự việc lợi ích cho hữu tình, không chờ hành nguyện mà viên chứng. Trí gia hạnh kia là thân thuộc. Trí ấy nơi mọi thời gian luôn chuyên chí.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết chư Thiên không phải là chốn quy y. Những gì là năm?

1. Do hình tướng.

2. Do tự tánh.

3. Do tác nghiệp.

4. Do pháp nhĩ.

5. Do nhân quả.

- Thế nào là chư Thiên, do hình tướng nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là do không hiện thấy, không giao tiếp luận bàn. Do hình tướng bạo ác có sợ hãi. Do quen hành phóng dật có tham ái. Do xả bỏ lợi tha, không có tâm thương xót. Do không nhận biết rõ việc làm, việc không làm, nên nơi nghĩa chân thật không thông đạt.

- Thế nào là Như lai, do hình tướng nên là chốn quy y chân thật? Nghĩa là do hiện thấy, có sự giao tiếp bàn luận. Do hình tướng an nhiên không sợ hãi. Do không phóng dật, lìa mọi tham ái. Do thường không xả bỏ sự việc tạo ích cho hữu tình, có tâm thương xót. Do khéo nhận biết rõ việc làm, không làm, nên đối với nghĩa chân thật đã khéo thông tỏ.

Lại do năm tướng nên chỉ có Như lai là chốn quy y chân thật:

1. Vì tạo lợi ích cho tất cả hữu tình nên giữ lấy Bồ đề.

2. Vì có thể khéo chuyển pháp nhãn chân chánh.

3. Đối với các hữu tình ân, oán, tâm luôn bình đẳng tạo lợi ích.

4. Xả bỏ tất cả tham ái về nhà cửa, thân thuộc, thâu giữ các căn tịch tĩnh.

5. Có thể khéo trừ bỏ các nghi.

- Thế nào là chư Thiên, do tự tánh nên không phải là chốn quy y?

Nghĩa là chư Thiên kia, luôn thuận nơi lậu, tánh không điều phục thiện, mà có thể chế ngự, dẫn dắt kẻ khác là không hợp đạo lý.

Như lai thì hoàn toàn lìa bỏ tất cả lậu, tánh điều phục thiện nên có thể dẫn dắt giáo hóa tất cả hữu tình.

- Thế nào là chư Thiên, do tác nghiệp, nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là chư Thiên kia, thọ dụng các dục, an trụ nơi đấy làm nghiệp, tổn hại hữu tình, nghiệp ác có thể đạt được.

Như Lai, với Tĩnh lự rộng lớn, không cấu nhiễm, an trụ nơi đấy làm nghiệp, có thể tạo lợi ích cho hữu tình làm nghiệp.

- Thế nào là chư Thiên, do pháp nhĩ, nên không phải là nơi chốn quy y? Nghĩa là các sự việc an lành hưng thạnh của thế gian cùng xuất thế gian, hết thảy đều dựa nơi công sức của chính mình. Nếu lìa công sức, thì tuy đối với chư Thiên, hiện bày hết mực sự tôn kính cũng không thể đạt được. Tuy không có sự tôn kính, chỉ đạo công sức, tất có thể đạt được.

- Thế nào là chư Thiên, do nhân quả, nên không phải là chốn quy y? Nghĩa là thân của chư Thiên, vì do có thể chiêu cảm "nghiệp Trời" nên đã đạt được. Hay vì do cúng dường chư Thiên nên đạt được. Hay vì do không nhân nên đạt được?

Nếu do có thể chiêu cảm "Nghiệp Trời" nên đạt được, thì chỉ nên quy y chỗ tác nghiệp của chính mình, không phải là chư Thiên kia.

Nếu do không nhân nên đạt được, thì nên quy y nơi không nhân không nên quy y nơi chư Thiên.

Nếu do cúng dường chư Thiên nên được thân chư Thiên này, vì nên chỉ dùng cúng dường làm nhân, vì chư Thiên, hay là cả hai? Nếu chỉ cúng dường chư Thiên, theo chỗ cúng dường nên chiêu cảm được thân Trời, là chuyện không thể có. Nếu chỉ do chư Thiên cúng dường thì sự nêu đặt ấy là không, vì tuy không cúng dường chư Thiên, nhưng vẫn khiến kẻ kia đạt được thân Trời.

Nếu nói cùng do cả hai, nghĩa là do cúng dường thâu phục chư Thiên, theo chỗ xét nguyện đều khiến đạt được quả. Nếu thế thì bảy thứ quả đạt được của chỗ suy xét đều không quyết định, nên không hợp đạo lý.

Lại nữa, có bốn thứ thanh tịnh:

1. Danh thanh tịnh.

2. Ngữ thanh tịnh.

3. Tự tánh thanh tịnh.

4. Hình tướng thanh tịnh.

Lại, hình tướng này có uy đức lớn, đoạn dứt các lưới nghi, có thể khéo "ký biệt", việc khó hóa độ, có thể hóa độ. Trời người quy kính, khéo có thể chỉ dạy, dẫn dắt, chứng tánh xuất ly, hàng phục các ngoại đạo.

Lại nữa, làm sao nên nhận biết sự tưởng của sắc v.v…, chỗ thiết lập của sắc v.v… là giả danh có, không phải là vật thật có?

Nghĩa là các danh ngôn được tưởng huân tập là chỗ kiến lập thức, duyên nơi sự tưởng của sắc v.v… chấp là tánh của sắc v.v… Tánh này không phải là vật thật có, không phải là có của thắng nghĩa. Thế nên, như pháp tưởng của sắc ấy không phải là có chân thật, chỉ là tự tánh của Biến kế sở chấp, nên biết là giả có.

Nếu loại bỏ danh ngôn được tưởng huân tập làm chỗ kiến lập thức, như duyên nơi sự tưởng của sắc kia, tánh lìa ngôn thuyết, nên biết tánh này là vật thật có, là có của thắng nghĩa. Ở đây, đạo lý nơi ngôn luận thành lập, nên biết như ở địa Bồ tát đã nêu.

Nếu các danh ngôn được tưởng huân tập để kiến lập thức, duyên nơi tự tánh của Biến kế sở chấp làm cảnh, tức nói tánh này không phải là trong, không phải là ngoài, không phải là trung gian của trong ngoài, chút ít có thể đạt được. Không phải là đã sanh, không phải là sẽ sanh, không phải là đang sanh. Không phải là đã diệt, sẽ diệt, đang diệt. Xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn. Vì sao? Vì ở đây chỉ là giả có, không phải là có của thắng nghĩa. Nếu lìa danh ngôn là tự tánh của các pháp, nên biết tánh này là chỗ sanh tà chấp làm duyên của phàm phu, đã sanh sẽ sanh đang sanh, đã diệt sẽ diệt đang diệt. Nếu chưa đoạn trừ vĩnh viễn, chưa nhận biết khắp, nên thành tạp nhiễm. Nếu đã đoạn trừ hoàn toàn, đã nhận biết khắp, mới thành thanh tịnh.

Lại có bốn pháp có thể khiến Bồ tát gồm thâu đa văn chân chánh:

1. Đa văn về hành trì.

2. Đa văn về chứng đắc.

3. Đa văn về quả.

4. Đa văn về tịnh.

Như thứ lớp ấy là: Nguyện đạt Bồ đề, thân cận thiện hữu, theo lực xét chọn, trụ nơi chốn vắng lặng, nên biết về tướng.

Hỏi: Cảnh giới ý lạc của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có tánh.

Hỏi: Cảnh giới ý lạc tăng thượng của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có đức.

Hỏi: Cảnh giới thắng giải của các Bồ tát là thế nào?

Đáp: Đối với pháp của chư Phật tin hiểu, hiển bày có thể chứng đắc.

Hỏi: Sự thương xót của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Đối với các khổ hiện tiền nơi trụ xứ của các hữu tình, theo đấy sanh khởi thương xót.

Hỏi: Tâm Bi của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Đối với nhân của khổ hiện tiền nơi trụ xứ của các hữu tình theo đấy sanh khởi bi ai.

Hỏi: Huệ của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng nhận thức thông đạt như tánh hiện có.

Hỏi: Trí của các Bồ tát như thế nào?

Đáp: Nơi cảnh của đối tượng nhận thức thông đạt trọn vẹn như tánh hiện có.

Lại có ba thứ tư duy lỗi lầm:

1. Tư duy không rốt ráo.

2. Tư duy không phải xứ.

3. Tư duy điên đảo.

Lại nữa, như các Bồ tát thực hành Huệ thí, nên biết thí này do bảy thứ tướng mới được thanh tịnh:

1. Vật thí thanh tịnh.

2. Giới thanh tịnh.

3. Kiến thanh tịnh.

4. Tâm thanh tịnh.

5. Ngữ thanh tịnh.

6. Trí thanh tịnh.

7. Cấu uế thanh tịnh.

Sự thanh tịnh như thế, nên biết tất cả đều có mười tướng.

- Thế nào là mười tướng của vật thí thanh tịnh?

1. Thí rộng lớn: Nghĩa là có rất nhiều sai biệt.

2. Thí bình đẳng: Nghĩa là không tăng không giảm.

3. Thí hợp thời: Là ứng hợp chỗ vui thích kia.

4. Thí thượng diệu: Là đầy đủ về sắc v.v…

5. Thí thanh tịnh: Tức không phải là các vật bất tịnh uế tạp.

6. Thí như pháp: Là tương ưng với không tội.

7. Thí tùy lạc: Là tùy chỗ yêu thích của người cầu xin.

8. Thí lợi ích: Là theo chỗ thích hợp.

9. Thí hoặc tức thì hoặc dần dần: Là quán xét người cầu xin kia.

10. Thí không gián đoạn: Là thí không đoạn dứt.

- Thế nào là mười tướng của Giới thanh tịnh?

1. Phát khởi siêng năng tinh tấn, đạt được tài vật dùng để Huệ thí.

2. Tự tay hiện sức, có được tài vật mà dùng Huệ thí.

3. Lìa bỏ vật cấu nhiễm mà dùng Huệ thí.

4. Như pháp mà thí.

5. Như pháp đạt được tài vật mà hành Huệ thí.

6. Dứt trừ các ác mà hành Huệ thí.

7. Điều phục các căn mà hành Huệ thí.

8. Ân trọng, cung kính mà hành Huệ thí.

9. Tự tay hành thí.

10. Đối với hàng tôi tớ của mình, trước hành ân dưỡng, sau mới Huệ thí kẻ đến cầu xin.

- Thế nào là mười tướng của kiến thanh tịnh?

1. Không suy tính về mình mới có khả năng hành thí, hiện bày "ngã sở" mà hành Huệ thí.

2. Không đem mình so sánh với kẻ khác, cho mình là hơn, là bằng, là kém mà hành Huệ thí.

3. Không quán xét kẻ khác sẽ có báo đáp mà hành Huệ thí.

4. Không xem xét về vị lai sẽ đạt giàu vui thù diệu hơn hết mà hành Huệ thí.

5. Không xem thí hoàn toàn không có quả mà hành Huệ thí.

6. Không xem thí không có quả tương tợ mà Huệ thí.

7. Không xem thí có quả điên đảo mà hành Huệ thí.

8. Không xem việc giết hại là bạn bè thiện mà hành Huệ thí.

9. Không xem các tướng an lành, biến đổi ỳ lạ mà hành Huệ thí.

10. Không vì được danh tiếng, sự khen ngợi của thế gian mà hành Huệ thí.

- Thế nào là mười tướng của tâm thanh tịnh?

1. Tâm thương yêu mà hành Huệ thí: Là nhận giữ tự tánh đối với các hữu tình.

2. Tâm quý báu mà hành Huệ thí: Là đối với nơi chốn bố thí.

3. Tâm bình đẳng mà hành Huệ thí: Là đối với chỗ oán thân, hoặc không oán không thân.

4. Tâm điều phục cấu uế mà hành Huệ thí: Là đối với cấu uế của keo kiệt cùng cấu uế của sự cất chứa. Nên biết không thí cho kẻ khác gọi là cấu uế của keo kiệt. Tự mình không thọ dụng gọi là cấu uế của sự cất chứa.

5. Tâm vui thích mà hành Huệ thí. Nghĩa là do bảy tướng: Một là: Đối với người chưa đến cầu xin, khởi tâm hỷ lạc.

Hai là: Đối với kẻ đã đến cầu xin, mới thấy liền sanh tâm tịnh tín. Ba là: Vào lúc đang hành thí, sanh khởi tâm thích thú, an ổn.

Bốn là: Sanh tâm tĩnh định.

Năm là: Sanh tâm không cho là đủ. Sáu là: Sanh tâm không não hại.

Bảy là: Thí rồi không có tâm hối tiếc.

6. Tâm nhẫn nhục mà hành Huệ thí: Nghĩa là trong công việc ngăn chặn, hướng dẫn kẻ cầu xin, phải nên gắng nhẫn, cùng không chán mệt.

7. Dùng tâm từ mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với kẻ não hại.

8. Dùng tâm Bi mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với kẻ có khổ.

9. Dùng tâm Hỷ mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với người công đức.

10. Dùng tâm Xả mà hành Huệ thí, nghĩa là đối với trụ xứ của thân hữu.

- Thế nào là mười tướng của ngữ thanh tịnh?

1. Trước hết, đối với các vật thí, sẵn lòng ban cho kẻ cầu xin.

2. Kẻ cầu xin, nếu lúc đến nên nói: Thiện lai! Đến đây!

3. Xa lìa mọi sự nhăn nhó, mặt bình yên mà nhìn, vui vẻ mỉm cười, hỏi thăm.

4. Dùng lời dịu dàng, cởi mở luận bàn, an ủi kẻ cầu xin.

5. Từ đấy lời nói nối tiếp là sẽ thí cho các thứ của cải, vật dụng đáng yêu thích, rất vui vẻ với hành thí này.

6. Chánh thức phát khởi lời thí: Tôi nay thí giúp cho ông…

7. Kẻ kia nếu gây trở ngại, thì theo chỗ dung nạp để phân phát, không nói lời thô xấu.

8. Đối với kẻ cầu xin, hoặc đối mặt, hoặc quay lưng, đều không chê trách hoặc nhận xét.

9. Nếu không còn vật để thí, thì nên có lời xin lỗi, hứa khi có được sẽ hành thí tiếp.

10. Đối với kẻ cầu xin, trọn không đối diện trách mắng, xua đuổi, cười chê, đùa cợt.

- Những gì là mười tướng của trí thanh tịnh?

1. Do trí thanh tịnh nên Huệ thí.

2. Do trí thanh tịnh đối với kẻ cầu xin.

3. Do trí thanh tịnh đối với vật thí.

4. Do trí thanh tịnh đối với gia hạnh thí.

5. Do trí thanh tịnh nên dùng thí để thành thục hữu tình.

6. Do trí thanh tịnh đối với phương tiện thiện xảo.

7. Do trí thanh tịnh nên thấy lỗi lầm tai họa của các dục.

8. Do trí thanh tịnh dứt trừ cấu nhiễm.

9. Do trí thanh tịnh nên đối với bạn hoặc xa lìa hoặc thâu nhận.

10. Do trí thanh tịnh bao trùm khắp sáu phương.

- Do trí thanh tịnh nên Huệ thí: Nghĩa là đối với tên gọi khác của thí, đối với thể tướng của thí, đối với lời chỉ dạy của thí, đối với chỗ sai biệt của thí, đều nhận biết đúng như thật mà hành Huệ thí.

- Do trí thanh tịnh đối với kẻ cầu xin: Nghĩa là đối với tất cả hữu tình đều trụ nơi phước điền giác ngộ mà hành Huệ thí. Đối với các trường hợp hơn kém, được mất, ân oán v.v…, đều có thể khéo nhận biết rõ, theo chỗ mong muốn sai khác của kẻ đến cầu xin mà hành thí.

Lại, trước dùng các tài vật được bố thí, đối khắp hết thảy ý lạc của các loài hữu tình mà xả thí. Nếu các kẻ cầu xin, lúc tự nhiên nhận lấy, đều sanh tùy hỷ.

- Do trí thanh tịnh đối với vật bố thí: Nghĩa là đối với hết thảy xứ nghiệp công xảo, trí thiện xảo nên mau chóng có thể tích tập tài vật hiện có dùng để Huệ thí. Hoặc do chỗ thâu nhận của thiện căn, nghĩa là nơi đời trước. Hoặc nơi hiện pháp thọ nhận các tài vật do chiêu cảm mà có, dùng để Huệ thí. Hoặc phát khởi thần thông, hoặc do pháp nên thọ nhận các tài vật đưa đến, dùng để Huệ thí. Hoặc do kẻ khác tích tập tài vật hiện có dùng để Huệ thí. Như khuyên dẫn kẻ khác hoặc nhận giữ công việc kia.

- Do trí thanh tịnh đối với gia hạnh thí: Nghĩa là đối với gia hạnh thí đều có thể khéo nhận biết rõ, không khiến cho kẻ cầu xin thân tâm bị mệt mỏi. Tự tâm không nhiễm mà hành Huệ thí, khéo có thể phân phát khắp, thí cho người đến cầu xin, thí cho kẻ nghèo thiếu, thí cho người không nơi nương dựa, thí cho kẻ hành ác, thí cho kẻ hành diệu, thí cho hàng tôi tớ của mình. Tức đối với các kẻ nghèo thiếu thì thí của cải vừa hoặc nhiều, tùy

chỗ thích hợp, như hành thí theo phép tắc, không phải là không như phép tắc.

- Do trí thanh tịnh nên dùng thí để thành thục hữu tình: Nghĩa là khéo nhận biết rõ về thí có thể thành thục các hữu tình rồi nên hành Huệ thí. Đem các vật dùng để thí ban cho đại chúng cùng hành thí khắp, cũng khiến cho đại chúng sanh vô lượng phước. Lại, đối với kẻ bần cùng nhưng vui thích hành thí, thì dùng tài vật của mình ban phát cho kẻ ấy khiến họ hành thí. Hoặc có kẻ không nghèo, nhưng tâm vốn keo kiệt, tuy muốn bố thí mà không thể dùng tài sản của mình để hành thí, tức nên đem tài vật cho kẻ ấy để họ thực hành bố thí. Hoặc ở trong pháp Phật cùng Tăng điền muốn được tạo tác, liền đem của cải xả thí khiến họ được hành tác. Do nhân duyên này nên ở trong hai môn sanh vô lượng phước.

- Do trí thanh tịnh đối với phương tiện thiện xảo: Nghĩa là, hoặc do chỉ dạy, dẫn dắt khiến hành Huệ thí. Hoặc do sức mạnh bức bách khiến hành Huệ thí. Hoặc do lãnh ân nhân kia khiến hành Huệ thí. Hoặc do sanh sống nên khiến hành Huệ thí. Hoặc do thần lực mà hành Huệ thí.

- Do trí thanh tịnh thấy rõ những lỗi lầm tai họa của các dục: Nghĩa là, đối với những lỗi lầm, tai họa hiện có của các dục, nhận biết rõ đúng như thật rồi, nên hành Huệ thí.

Nghĩa là ở trong Khổ uẩn, hoặc có khi nhận biết rõ hai thứ lỗi lầm tai họa: 1. Hiện pháp. 2. Hậu pháp. Hoặc có khi nhận biết rõ năm thứ lỗi lầm tai họa, như nơi kinh "Ngũ chủng quá hoạn" đã nói. Hoặc có lúc nhận biết rõ sáu thứ lỗi lầm, tai họa. Nghĩa là các dục này là "tăng ngữ sợ hãi", các loại như thế nói rộng như nơi kinh. Hoặc có lúc nhận biết rõ bảy thứ lỗi lầm tai họa. Tức biết các dục là pháp vô thường, hư giả, dối vọng, hoại mất, ví như sự huyễn làm mê loạn kẻ ngu. Hoặc có khi nhận biết rõ tám thứ lỗi lầm, tai họa, nghĩa là biết các dục như hài cốt tan hoại, như kinh đã nói rộng, cho đến cũng như quả chín nơi đầu ngọn cây.

- Do trí thanh tịnh trừ cấu uế: Nghĩa là đối với việc dứt trừ mười bốn nghiệp cấu uế, đều nhận biết đúng như thật rồi, nên hành Huệ thí. Ở đây như trong kinh Thi Khư Lạc Ca đã nêu bày.

- Do trí thanh tịnh nên đối với bạn, hoặc xa lìa hoặc thâu nhận: Nghĩa là có thể khéo nhận biết, nên xa lìa bốn thứ bạn ác, thâu nhận bốn thứ bạn thiện mà hành Huệ thí. Ở đây cũng như nơi kinh Thi-khư- lạc-ca đã nói.

- Do trí thanh tịnh bao trùm khắp sáu phương: Nghĩa là che trùm sáu phương mà hành Huệ thí. Đây cũng như nơi kinh Thi-khư-lạc-ca đã nói rõ.

- Thế nào là mười tướng của cấu uế được thanh tịnh:

1. Xa lìa cấu uế của biếng nhác mà hành Huệ thí: Nghĩa là hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, hoặc thân mệt mỏi hoặc thân không mệt mỏi, hoặc thân yếu kém hoặc thân không yếu kém, mà luôn hành Huệ thí.

2. Xà lìa cấu uế của tham mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với tài vật.

3. Xa lìa cấu uế của sân mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với kẻ cầu xin.

4. Xa lìa cấu uế của si mà hành Huệ thí: Nghĩa là đối với nhân quả.

5. Xa lìa cấu uế của chướng mà hành Huệ thí. Nói cấu uế của chướng: Là bốn thứ chướng:

a. Không thường xuyên hành tập.

b. Thiếu thốn.

c. Tham đắm.

d. Xem quả.

6. Khéo phân phát khắp mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lìa cấu uế của phi đạo lý.

7. Do viên mãn mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lìa cấu uế của các thứ giảm thiểu. Nghĩa là: sự viên mãn, ý lạc viên mãn.

Sự viên mãn lại có bảy tướng:

Thứ nhất: Thí các sự thuộc tài sản. Thứ hai: Thí các sự thuộc về cõi nước. Thứ ba: Thí các sự thuộc hữu tình.

Thứ tư: Thí các sự thuộc về trang sức. Thứ năm: Thí các sự thuộc nhà cửa v.v… Thứ sáu: Thí các sự thuộc nơi ở.

Thứ bảy: Thí các sự thuộc nội thân.

Ý lạc viên mãn: Nghĩa là đối với nội thân cùng của cải vật báu bên ngoài, ý lạc đạt được tự tánh, không chấp trước.

8. Do thanh tịnh mà hành Huệ thí: Đây tức xa lìa cấu uế của không thanh tịnh. Nghĩa là do mười thứ thanh tịnh, tức không chấp trước, không giữ lấy v.v… như nơi phần Bản địa đã nói rộng.

9. Khéo quan sát mà hành Huệ thí: Đây tức xa lìa cấu uế của huệ ác. Nghĩa là quan sát vật thí. Quan sát ý lạc. Quan sát về ruộng thí.

- Quan sát vật thí: Nghĩa là quan sát sự thọ dụng hơn hẳn sự tích tụ. Quan sát Huệ thí hơn hẳn thọ dụng. Vì sao? Vì nếu chỉ tích tụ thì không thể đem lợi ích cho mình, không thể tạo lợi ích cho kẻ khác, không có lợi ích cho hiện pháp, hậu pháp. Nếu các Bồ tát chỉ tự thọ dụng, gọi là tự đạt lợi ích, không tạo lợi ích cho người khác, gọi là lợi của hiện pháp, không phải lợi của hậu pháp.

Nếu các Bồ tát có thể hành Huệ thí, liền tự phát sanh sự hoan hỷ rộng lớn, gọi là tự đạt lợi ích, gọi là tạo lợi ích cho kẻ khác. Gọi là lợi ích của Hiện pháp. Gọi là lợi ích của Hậu pháp.

- Quan sát ý lạc: Nên biết ý lạc lược có bốn thứ:

1. Ý lạc ở trong nhân không điên đảo.

2. Ý lạc ở trong quả không chấp trước.

3. Ý lạc thương xót đối với hữu tình.

4. Ý lạc đối với trí Nhất thiết trí viên mãn. Do các ý lạc như thế mà hành Huệ thí.

- Quan sát về ruộng thí: Nên biết lược do năm tướng: Một là: Nơi xứ này, cầu xin có thể đạt được.

Hai là: Nơi xứ này đã có kẻ cầu xin, lại thêm nghèo, thiếu.

Ba là: Nơi xứ này đã có nghèo thiếu, lại không chốn nương dựa.

Bốn là: Nơi xứ này đã có không chốn nương dựa, lại có kẻ hành hạnh ác. Đó gọi là ruộng thí.

Năm là: Nơi xứ này tuy không có những thứ ấy, nhưng có tu hành hạnh thiện có thể đạt được.

Do bảy thứ tướng nên biết không phải là ruộng thí:

Một là: Kẻ cầu xin là cực đại bạo ác, từng tạo sự oán hoại, quy y nơi oán hại mà có chỗ cầu.

Hai là: Khuyên làm sự thiện, trọn không thể đạt được.

Ba là: Tâm mang đầy nhiễm ô, làm việc nhiễm ô mà có cầu xin. Bốn là: Vì tổn não mà có cầu xin.

Năm là: Kẻ cầu xin hoặc tự là ma, hoặc là chỗ mê hoặc của ma, không phải là xứ cầu xin.

Sáu là: Cầu xin về cha mẹ, hoặc lại tùy một người, không phải là vật để thí.

Bảy là: Có thể tạo nên vô nghĩa.

Do các tướng ấy, nên biết đó gọi là quan sát về không phải ruộng thí.

10. Gồm đủ phương tiện về đức mà hành Huệ thí: Đây tức là xa lìa cấu uế của lỗi lầm không có phương tiện.

Ở đây, phương tiện là thường xuyên thực hành thí, không luyến tiếc thân mạng. Thương xót hữu tình, trí của nghĩa chân thật, thắng giải của Bồ đề Vô thượng, chỉ dạy dẫn dắt, dùng sức mạnh bức bách để điều phục, xứ nhận báo ân, sanh cùng thần lực.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 75

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 4:

Lại nữa, nên biết Tỳ-nại-da của Bồ tát lược có ba tụ:

Thứ nhất, tụ Tỳ-nại-da luật nghi giới, như Đức-Bạc-Già-Phạm đã vì các Thanh văn nhằm hóa độ hữu tình, lược nói về tướng của Tỳ-nại- da. Nên biết đấy tức là tụ Tỳ-nại-da.

Thế nào là tụ Tỳ-nại-da Nhiếp thiện pháp giới? Nghĩa là các Bồ tát đối với Giới Nhiếp pháp thiện, lúc siêng năng tu tập, lược ở nơi sáu tâm nên khéo quan sát. Những gì là sáu?

1. Tâm khinh miệt.

2. Tâm cùng hành với biếng nhác.

3. Tâm có che phủ.

4. Tâm dốc sức mệt mỏi.

5. Tâm tùy hành với bệnh.

6. Tâm tùy hành với chướng.

Lúc các Bồ tát ở trong pháp thiện, hiện có tâm khinh thường, tâm lăng miệt, không có tâm thắng giải, thì gọi là tâm khinh miệt. Nếu có lười trễ, kiêu căng, phóng dật trói buộc tâm thì gọi là tâm cùng hành với biếng nhác.

Hoặc tùy có một thứ cái như tham dục v.v…, hoặc các phiền não, Tùy phiền não vây buộc tâm, thì gọi là tâm có che phủ.

Hoặc trụ nơi tinh tấn tăng thượng dũng mãnh, thân tâm mệt mỏi, ảnh hưởng xấu đến tâm, thì gọi là tâm dốc sức mỏi mệt.

Hoặc có các bệnh tổn não nơi tâm, khiến không có năng lực, không thể gắng tu tập, gọi là tâm tùy hành với bệnh.

Hoặc có các chướng như vui thích luận bàn luôn gắn chặt nơi tâm thì gọi là tâm tùy hành với chướng.

Bồ tát ở trong sáu thứ tâm ấy nên quán xét đúng đắn: Ta ở nơi sáu

thứ tâm như thế, là có tùy theo một thứ hiện hành chăng? Hay là không có tùy theo?

Đối với ba tâm trước, Bồ tát hoàn toàn không nên sanh khởi. Nếu như đã sanh khởi thì không nên thọ nhận. Nếu có thọ nhận mà không trừ bỏ, lại hiện bày khắp tất cả, đều gọi là có tội.

Tâm dốc sức mệt mỏi, khi hiện tiền, do tâm này nên xả bỏ các phương tiện thiện. Hoặc là vừa dứt bỏ thân tâm mệt nhọc, nên đối với pháp thiện tu tập nhiều, nên biết là không tội.

Nếu đối với tất cả, lìa bỏ hoàn toàn, cho là ta đâu còn dùng siêng năng tinh tấn tu tập pháp thiện như thế, khiến ta hiện tại phải trụ nơi khổ này. Nếu như vậy, nên biết là có tội.

Tâm tùy hành với bệnh lúc hiện tiền, Bồ tát ở đấy không có tự tại, không tùy theo chỗ mong muốn, tu gia hạnh thiện, lìa bỏ, lại thọ nhận, nhưng không có tội.

Tâm tùy hành với chướng khi hiện tiền, nếu không theo mong muốn gắn chặt trong ấy, hoặc quán ở đấy có nghĩa lợi lớn, tuy lại thọ nhận nhưng không có tội.

Nếu theo chỗ mong muốn nên nhập vào đấy, hoặc quán trong đó không có nghĩa lợi, hoặc nghĩa lợi ít mà cố thọ nhận, nên biết là có tội.

Sáu tâm như thế, ba thứ trước sanh rồi mà thọ nhận, là hoàn toàn có tội.

Tâm tùy hành với bệnh, tuy lại thọ nhận, nhưng hoàn toàn là không tội. Hai tâm còn lại, nếu sanh khởi rồi mà thọ nhận, thì hoặc là có tội, hoặc là không tội.

Nếu các Bồ tát, ở trong Giới tạo lợi ích cho hữu tình, lúc siêng năng tu tập, nên quan sát đúng về sáu xứ gồm thâu hành. Đó là: Tự, tha, tài sản suy, tài sản thạnh, pháp suy, pháp thạnh.

- Nói tài sản suy: Nghĩa là các thứ y phục, thức ăn uống, chưa được thì không được, được rồi thì đoạn hại. Cùng với đây trái nhau, nên biết là tài sản thạnh.

- Nói pháp suy: Là trái, mất điều đã học. Đối với pháp cú vi diệu do Đức Như lai giảng nói thuộc về thắng nghĩa trước chưa được nghe, thì không được lắng nghe. Như không lắng nghe pháp trước chưa được nghe, cũng vậy, đối với pháp trước chưa tư duy, không được tư duy, tức có chướng ngại đối với việc lắng nghe, có chướng ngại đối với tư duy.

Giả như được nghe, được tư duy thì lại liền quên mất. Đối với pháp

thiện do tu tạo thành chưa chứng đắc, nhưng chưa có thể chứng, giả như chứng rồi thì lại thối chuyển. Cùng với đây trái nhau, nên biết đó là pháp thạnh.

Ở đây, nếu Bồ tát tạo pháp suy của chính mình, khiến kẻ khác tài sản thạnh, điều ấy không nên làm. Như khiến tài sản thạnh, thì khiến pháp thạnh cũng thế. Trong đó, nghĩa tức thuộc về chỗ trái, mất điều đã học, cùng có thể tùy thuận phần thuộc về chỗ trái, mất ấy. Hoặc thuộc về nơi pháp chứng đắc bị thối thất. Nên biết là pháp suy.

Lại, các Bồ tát tạo tài sản suy của chính mình, khiến kẻ khác tài sản thạnh, nếu tài sản thạnh này không dẫn đến pháp suy thì đây tức nên làm. Còn nếu dẫn đến pháp suy, thì điều ấy không nên làm. Như khiến tài sản thạnh, thì pháp thạnh cũng thế.

Lại, các Bồ tát tạo tài sản thạnh của chính mình, khiến kẻ khác tài sản thạnh, đây tức nên làm. Như khiến tài sản thạnh, thì pháp thạnh cũng thế.

Lại, các Bồ tát tạo pháp thạnh của chính mình, khiến kẻ khác tài sản thạnh, thì đây tức nên làm. Như khiến tài sản thạnh, thì pháp thạnh cũng thế.

Nơi các sự như vậy, nếu không tu hành, gọi là có tội. Nếu tu hành đúng đắn, đó gọi là không tội.

Như thế là vừa nói về Bồ tát đã thọ nhận ba thứ luật nghi, tóm lược nơi Tỳ-nại-da. Bồ tát ở trong ấy thường nên tác ý tư duy, tu học. Nếu có người, ở trong ba thứ Giới của Bồ tát đã thọ nhận ấy, theo đấy có chỗ thiếu sót, nên biết không phải là hộ, nên nói là Bồ tát không hộ luật nghi, không nên nói là hộ ba thứ Giới ấy. Do chỗ thâu giữ của luật nghi giới siêng năng tinh tấn giữ gìn (thủ hộ) thì cũng có thể tinh tấn giữ gìn hai thứ còn lại. Nếu có người đối với Giới ấy không thể giữ gìn, thì đối với hai thứ còn lại cũng không thể gìn giữ. Thế nên, nếu có trường hợp hủy hoại luật nghi giới thì gọi là hủy hoại tất cả luật nghi của Bồ tát. Nếu có người vì khiến kẻ khác nhận biết rõ, tùy thuận kẻ khác nên do kẻ khác khuyến khích, dẫn dắt thọ giới Bồ tát, không phải tự mình dấy khởi ý lạc tăng thượng, theo quán, theo xét, tự sanh tịnh tín, đối với các hữu tình trụ nơi tâm thương xót, yêu thích pháp thiện, thọ giới Bồ tát. Nên nói đây không phải là sự phòng hộ chân thật, cũng không phải là tu tập pháp thiện viên mãn, cũng không thể đạt được thắng lợi của quả kia. Cùng với đây trái nhau, nên biết mới gọi là sự phòng hộ chân thật, cũng có thể đạt được thắng lợi của quả kia.

Lại nữa, nếu có người không xả luật nghi như thế, nên biết nơi đời khác cũng được tùy chuyển, không phải như người xả kia.

Lại, nhân duyên của xả lược có bốn thứ:

1. Quyết định phát khởi tâm thọ nhận nơi tâm không đồng phận.

2. Hoặc ở trước một vị đại trượng phu có nhận thức riêng, cố ý phát khởi ngôn ngữ từ bỏ.

3. Hủy phạm chung riêng bốn thứ pháp tha thắng.

4. Hoặc do triền của phẩm tăng thượng, hủy phạm chung riêng, thuận theo bốn thứ pháp tha thắng.

Do nhân duyên này, nên biết là từ bỏ luật nghi Bồ tát. Nếu có trường hợp trở lại được tâm thọ thanh tịnh, thì nên thọ nhận trở lại.

Lại nữa, nếu có Bồ tát xuất gia, ngoại trừ ba y, các vật nuôi lớn hiện có, Đức Phật cho phép chứa cất những thứ thọ dụng của thân thuận với sự sống an lạc. Nếu cố tình xét chọn để thí cho người đến cầu xin, nên biết là không tội. Nếu chiếu cố đến phẩm thiện, không phải là chướng ngại của tham lam keo kiệt, nhưng không thí cho, cũng không có tội. Các thứ giấy lá (diệp chỉ) đã có biên chép Chánh pháp, như có chúng sanh kém hiểu biết đến xin, nếu cho họ, nên biết là có tội. Hoặc khuyên người khác thí cho, cũng gọi là có tội, trừ phi khởi tâm: "Ta nay đem cho kẻ kia là muốn xem thử họ đối với pháp thâm diệu có thể gắng thọ trì được chăng, có thể tin hiểu chăng?". Như thế thì không tội. Nếu dùng "diệp chỉ" biên chép các thứ "tương tợ Chánh pháp" cùng luận của ngoại đạo, hoặc trước đã biên chép trao tận tay cho chúng sanh tin hiểu kia, hoặc khuyên kẻ khác đem cho, nên biết là có tội. Bồ tát chỉ nên khuyên kẻ kia từ bỏ các dị luận hiện đang nắm giữ, hoặc khiến họ biên chép Thánh giáo của chư Phật. Hoặc tự mình muốn nhận biết kẻ kia là không chắc thật, thì không nên mở bày chỉ dẫn. Hoặc có "giấy lá" chưa biên chép, có người đến cầu xin, bấy giờ Bồ tát nên hỏi họ: "Ông nay dùng loại giấy này để làm gì?".

Nếu người kia đáp: "Tôi muốn chuyển bán để bổ sung cho việc mưu sinh". Trường hợp giấy này là để biên chép Chánh pháp thì không nên cho. Nếu Bồ tát có của cải, vật dụng thì nên cho họ tiền bạc. Nếu không có tiền bạc thì cả hai cùng không cho, cũng không có tội.

Người kia nếu đáp: "Tôi xin vật này là để biên chép Chánh pháp", thì Bồ tát nên đem giấy đó cho họ, bảo" "Tùy ý thọ dụng".

Kẻ kia, nếu muốn biên chép các thứ điển tịch thấp kém, thì không cho không có tội. Như biên chép loại sách thấp kém, cũng vậy. Nếu nhằm để biên chép kinh điển tối thắng, nếu không cho kẻ ấy, nên biết là có tội.

Hoặc các Bồ tát, nơi trụ xứ của các hữu tình có ân đối với bản thân mình, thì thuận theo tướng của ân, phát khởi tương tục ý lạc thân hữu, dùng

tâm có nhiễm, theo phương tiện thâu nhận, muốn tạo bè nhóm, nên biết là có tội.

Hoặc ở chỗ các hữu tình có oán đối, nếu tùy thuận tướng oán, nối tiếp phát khởi ý lạc oán thù, tâm có uế trược, nên biết là có tội.

Hoặc đối với các hữu tình không ân không oán, nối tiếp phát khởi ý lạc dung hòa, ý lạc buông bỏ, nên biết là có tội.

Hoặc có người hiện tiền cầu được xuất gia, Bồ tát lúc tùy thuận quán xét nơi kiếp có lỗi lầm đã có lỗi lầm, không độ cho xuất gia, nên biết là không tội.

Hoặc có người an trụ nơi tâm thương xót kẻ kia, tuy độ cho xuất gia cũng không có tội.

Như nói về xuất gia thì thọ Giới cụ túc, cùng tạo y chỉ, thâu nhận làm đồ chúng, nên biết cũng thế.

Do các hành tướng hiện có như vậy, nên biết ba thứ Giới uẩn của Bồ tát đều được viên mãn.

Lại nữa, trước đã nói rộng về thí v.v…, nay sẽ lược nói.

Nghĩa là bố thí hiện có của các Bồ tát, lược cùng với năm thứ công đức tương ưng, được nhập vào số bố thí đến bờ kia (Bố thí Ba-la-mật). Đó là:

1. Không vướng mắc.

2. Không luyến tiếc.

3. Không tội.

4. Không phân biệt.

5. Hồi hướng.

Như bố thí, thì Giới v.v… nên biết cũng thế.

- Không vướng mắc: Nghĩa là ở trong pháp chướng của Nhất thiết chủng thí v.v… đều không có trở ngại.

- Không luyến tiếc: Nghĩa là trong những pháp có nhiễm cùng quả của chúng, tâm đều không có hệ thuộc, vướng mắc.

- Không tội: Là xa lìa các thứ Tùy phiền não của Nhất thiết chủng thí v.v…

- Không phân biệt: Nghĩa là đối với thí v.v…, tự tánh của Biến kế sở chấp không quán xét.

- Hồi hướng: Là do các hành của tất cả thí v.v… nguyện đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Như thế, Bồ tát do năm đức ấy, thâu nhận tất cả Ba-la-mật-đa, gọi là Bồ tát thí, cho đến gọi là Bồ tát huệ, gọi là tất cả thí, cho đến gọi là tất cả huệ, gọi là gian nan thí, cho đến gọi là gian nan huệ. Nói rộng, tất cả kệ tụng tiêu biểu đều tùy theo đấy quyết định rõ hết thảy, đều như nơi phần Bản địa đã nêu.

Lại nữa, đối với Thí Ba-la-mật-đa, do trong và ngoài có mười thứ Tùy phiền não, đối trị chúng nên đạt được mười thứ thanh tịnh của Bố thí Ba-la-mật-đa, như nơi địa Bồ tát đã nói.

Do thứ lớp tăng một, dựa nơi môn ngoài, có năm thứ Tùy phiền não:

1. Tánh nhiễm não khắp.
2. Tánh từ bỏ.
3. Tánh không giữ vững điều đáng vui thích.
4. Tánh của ý trông mong không viên mãn.
5. Tánh không thành thục.

Dựa nơi môn trong, có năm thứ Tùy phiền não:

1. Tánh không xuất ly.
2. Tánh tạp nhiễm não hại.
3. Tánh không kém mỏng.
4. Tánh hiện tiền đọa lạc.
5. Tánh pháp tận diệt.

Lại nữa, trong phẩm Giới ở trước đã nói mười thứ Thi-la thanh tịnh. Nên biết một thứ đầu là thanh tịnh của ý lạc, chín thứ còn lại là thanh tịnh của gia hạnh. Ở trong gia hạnh lại có năm thứ:

1. Gia hạnh thiếu sót không gián đoạn.
2. Gia hạnh tu trị khắp.
3. Gia hạnh hồi hướng.
4. Gia hạnh trợ bạn.
5. Gia hạnh thủ hộ.

Loại Thi-la thanh tịnh thứ hai, thứ ba là gia hạnh 1. Loại Thi-la thanh tịnh thứ tư là gia hạnh 2. Loại Thi-la thanh tịnh thứ năm là gia hạnh 3. Loại Thi-la thanh tịnh thứ sáu, bảy, tám, chín là gia hạnh 4. Loại Thi-la thanh tịnh thứ mười là gia hạnh 5.

Lại nữa, trong mười thứ thanh tịnh của Nhẫn Ba-la-mật-đa, nên biết lược có hai thứ thanh tịnh:

- Chín thứ trước là thanh tịnh của lực xét chọn.

- Loại thứ mười gọi là thanh tịnh của lực tu tập.

Thanh tịnh của lực xét chọn lại có bốn thứ:

1. Thanh tịnh do xa lìa tội sanh.
2. Thanh tịnh do các pháp kia không hiện hành.
3. Thanh tịnh do không tội sanh.
4. Thanh tịnh do xa lìa nhân duyên kia.

Như thứ lớp, loại thanh tịnh 1, 2, 3 vừa nêu, mỗi thứ đều có ba thứ thanh tịnh trong Nhẫn Ba-la-mật-đa.

Nhân duyên không Nhẫn lại có ba loại:

1. Không hổ.
2. Không thẹn.
3. Tánh không thương xót.

Lại nữa, Tinh tấn Ba-la-mật-đa có mười thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh an xứ.
2. Thanh tịnh thuần thục.
3. Thanh tịnh sách phát.
4. Thanh tịnh phương tiện.
5. Thanh tịnh trụ không hư thời.
6. Thanh tịnh trụ không gian khổ.
7. Thanh tịnh xuất ly.
8. Thanh tịnh thâu nhận trợ bạn.
9. Thanh tịnh của thần thông mau chóng.
10. Thanh tịnh của tánh vô lậu.

Lại nữa, Tĩnh lự Ba-la-mật-đa có mười thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh thanh tịnh.
2. Thanh tịnh vô lậu.
3. Thanh tịnh của phương tiện căn bản.
4. Thanh tịnh của căn bản chứng đắc.
5. Thanh tịnh của phương tiện tự tại.
6. Thanh tịnh của trụ tự tại.
7. Thanh tịnh dẫn phát thần thông tự tại.
8. Thanh tịnh thành thục hữu tình tự tại.
9. Thanh tịnh tự tại hàng phục ngoại đạo.

10. Thanh tịnh ly hệ vô thượng.

Lại nữa, Huệ Ba-la-mật-đa có năm thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh thông đạt các tướng.
2. Thanh tịnh thông đạt duyên khởi.
3. Thanh tịnh thông đạt giáo đạo.
4. Thanh tịnh thông đạt sĩ dụng.
5. Thanh tịnh thông đạt chứng đắc.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát nơi thân trụ tuần tự quán thân? Nghĩa là nơi thân tướng lần lượt quán về thân chân như.

Như đối với thân, đối với thọ, tâm, pháp, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Thế nào là Bồ tát, vì khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh sẽ không sanh, nên sanh mong muốn, cho đến nói rộng. Nghĩa là nơi cảnh của chân như buộc tâm khiến trụ. Vì khiến cho tất cả tướng cùng các thứ thô trọng chưa được hiện tiền.

Bên trong chưa sanh, được không sanh nên sanh mong muốn, cho đến nói rộng.

Như khiến chưa sanh được không sanh, cũng vậy, đã sanh, đã được hiện tiền, nơi nội sanh, vì khiến đoạn trừ, nên nơi khả năng đối trị là pháp thiện hiện có, chưa sanh thì khiến sanh, đã sanh thì khiến trụ, cho đến nói rộng. Nên biết ở đây, nơi phần vị niệm trụ, đầu tiên là buộc tâm nơi cảnh của đối tượng duyên. Tiếp đến là ở nơi đối tượng duyên khiến tâm an trụ, siêng tu chánh đoạn. Tiếp theo, được định rồi, lại khiến định ấy khéo viên mãn, nên ở trong thần túc siêng tu gia hạnh.

Định viên mãn rồi, vì khiến cho tất cả tướng cùng các thô trọng được lìa trói buộc, nên dựa nơi các căn như tín v.v… tu tập đạo Gia hạnh. Trong đạo Gia hạnh, căn là phẩm hạ, lực là phẩm thượng. Như thế, tu tập đúng đắn đạo Gia hạnh rồi, thứ đến là được giác chi, thông đạt thật tế. Thấu đạt thật tế rồi, tiếp theo là tu đạo chi, dần dần cho đến chứng đắc đạo quả Giác ngộ vô thượng, nơi tất cả chướng đều được giải thoát.

Lại nữa, chỗ trói buộc của tướng, thô trọng, nên biết về sai biệt có mười bốn thứ:

1. Trói buộc của căn.
2. Trói buộc của cảnh.
3. Trói buộc của hữu tình lần lượt lại cùng tham ái.
4. Trói buộc của kiến lập. Nghĩa là các căn hiện có của khí thế gian,

dựa vào đấy mà chuyển nên gọi là kiến lập.

5. Trói buộc của cảnh nơi đối tượng nhận thức không trí.

6. Trói buộc của trí nơi chủ thể nhận thức không trí.

7. Trói buộc của ái nơi hữu sau.

8. Trói buộc của ái không hữu.

9. Trói buộc của chấp trước về nhân không bình đẳng cùng không nhân.

10. Trói buộc của tăng thượng mạn chứng đắc.

11. Trói buộc do tự tánh của Biến kế sở chấp.

12. Trói buộc nơi tự tánh của Bổ-đặc-già-la chấp trước.

13. Trói buộc nơi tăng thượng mạn nhận biết khắp của Bổ-đặc-già-la.

14. Trói buộc nơi tăng thượng mạn nhận biết khắp về pháp.

Lại nữa, Bồ tát dựa nơi không, siêng năng tu niệm trụ, lược ở trong sáu thứ trói buộc của vọng tưởng, sẽ khiến cho tâm mau chóng đạt được giải thoát. Những gì là sáu thứ trói buộc của tưởng? Đó là:

1. Đối với thân cho đến đối với pháp, phát khởi nội tưởng.

2. Ở trong đấy phát khởi ngoại tưởng.

3. Tức ở trong đó khởi tưởng nội, ngoại.

4. Nếu đối với vô số vô lượng các giới hữu tình trong mười phương nguyện khiến họ được giải thoát, nên tu tập niệm trụ. Ở đây lại dấy khởi các tưởng.

5. Nếu do đấy nên đối với cảnh như thân v.v… tuần tự quán xét mà trụ, trong ấy lại dấy khởi các tưởng.

6. Tức đối với thân tuần tự quán xét mà trụ, ở đấy lại phát khởi các tưởng.

Tức ở trong đấy tuần hoàn quán xét.

Lại có mười một thứ trói buộc của tưởng càng tiến về sau. Những gì là mười một thứ trói buộc của tưởng càng tiến về sau? Nghĩa là, đối với các trụ như thân v.v…, tuần tự quán về thân, ở trong các đế tạp nhiễm, thanh tịnh, đã dấy khởi tưởng về Đệ nhất nghĩa. Đó gọi là trói buộc thứ nhất.

Tức ở trong Đệ nhất nghĩa có tạp nhiễm, đã dấy khởi tưởng tạo tác. Đó là trói buộc thứ hai.

Tức ở trong Đệ nhất nghĩa thanh tịnh, đã dấy khởi tưởng không tạo tác. Đó là trói buộc thứ ba.

Tức ở trong Đệ nhất nghĩa không tạo tác, đã dấy khởi tưởng thường. Đó là trói buộc thứ tư.

Tức ở trong sự tạo tác tạp nhiễm, đã dấy khởi tưởng lưu chuyển.

Đấy là trói buộc thứ năm.

Tức ở trong thường, đã dấy khởi tưởng không biến dị. Đấy là trói buộc thứ sáu.

Tức ở trong lưu chuyển, do có khổ, có biến dị, nên đã dấy khởi tưởng tánh khổ. Đó là trói buộc thứ bảy.

Tức ở trong ấy, do tự tướng của sanh diệt trụ dị, là tự tướng có biến dị, nên đã dấy khởi tưởng về tự tướng kia. Đấy là trói buộc thứ tám.

Tức ở trong Đệ nhất nghĩa không biến dị cùng có biến dị, đã dấy khởi tưởng có thể gồm thâu tất cả pháp nhiễm ô, thanh tịnh. Đấy là trói buộc thứ chín.

Tức ở trong tất cả pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, đã dấy khởi tưởng "Ta hiện có không nhiễm tịnh". Đó là trói buộc thứ mười.

Tức đối với các pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, đã dấy khởi tưởng về tướng không tự tánh. Đó là trói buộc thứ mười một.

Do các Bồ tát, đối với sự trói buộc của tưởng nơi cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức của các hành càng tiến về sau ấy, đã quán xét đúng đắn, có thể dựa nơi Không, khéo tu tập niệm trụ, khiến tâm giải thoát, đối với sự trói buộc của tưởng ấy, được giải thoát, nên hết thảy trói buộc của tưởng đều được giải thoát.

Lại nữa, ở trong Đại thừa hoặc có một loại "ác thủ không" (chấp giữ sai lạc về không", nói như vầy: "Do thế tục nên tất cả đều có. Do thắng nghĩa nên hết thảy đều không". Nên nói với kẻ kia: "Trưởng lão! Thế nào là thế tục? Thế nào là thắng nghĩa?". Hỏi như vậy rồi, nếu kẻ kia đáp: "Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, đó gọi là thắng nghĩa. Nếu ở trong các pháp không tự tánh, tự tánh có thể đạt được, đó gọi là thế tục. Vì sao? Vì ở trong không chỗ có, kiến lập thế tục, giả nêu danh ngôn mà khởi ngôn thuyết". Nên nói với kẻ kia: "Chỗ mong muốn của ông là gì? Danh ngôn thế tục là từ nhân nên có tự tánh có thể đạt được! Hay danh ngôn thế tục chỉ là ngôn thuyết mà có? Nếu danh ngôn thế tục từ nhân mà có, thì danh ngôn thế tục từ nhân mà sanh, nhưng không phải là có, là không hợp đạo lý. Nếu danh ngôn thế tục chỉ là ngôn thuyết mà có, thì danh ngôn thế tục không sự mà có, là không hợp đạo lý!".

Lại nên bảo: "Trưởng lão! Do duyên nào, các thứ có thể đạt được, ở

đấy không có tự tánh?". Hỏi như vậy rồi, kẻ kia nếu đáp: "Do sự điên đảo, thì nên nói rõ: Chỗ mong muốn của ông là gì? Sự điên đảo này là có hay là không? Nếu nói là có, thì nói tất cả pháp do thắng nghĩa nên đều không có tự tánh, là không hợp đạo lý. Nếu nói là không, thì sự điên đảo, nên các thứ có thể đạt được, ở đấy không có tự tánh, là không hợp đạo lý".

Lại nữa, nên biết do năm tướng, nên khởi nhân duyên nêu bày, xét chọn kinh Đại thừa:

1. Vì đối với người thuyết giảng sanh cung kính, nên khởi sự nêu bày thứ nhất.

2. Vì gồm thâu các chúng, nên khởi sự nêu bày thứ hai.

3. Vì đối với Chánh pháp sanh tôn trọng, nên khởi sự nêu bày thứ ba.

4. Vì nhằm tường trình sự việc, nên khởi sự nêu bày thứ tư.

5. Vì muốn tuyên thuyết nghĩa chân thật cùng có nhiều tạo tác nên khởi sự nêu bày thứ năm.

Lại nữa, dựa nơi mười hai xứ, quán tự tướng, cộng tướng, nên có mười thứ tạo không điên đảo, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có. Nên biết ở đây có sáu thứ quán tự tướng, bốn thứ quán cộng tướng. Nghĩa là:

- Ở trong tướng giả lập của danh ngôn nơi mười hai xứ như nhãn v.v…, có thể nhận biết rõ khắp chỉ là tướng danh ngôn. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ nhất, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, đối với mười hai xứ, có thể thâu nhận, nhận biết rõ khắp về vô số tướng sanh do phân biệt hư vọng. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ hai, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, đối với mười hai xứ, có thể nhận biết rõ khắp về tướng dựa nơi nhân chuyển. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ ba, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, đối với mười hai xứ, có thể nhận biết rõ khắp về tướng cùng hoại chuyển. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ tư, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, đối với mười hai xứ, có thể nhận biết rõ khắp về tướng thanh tịnh chuyển. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ năm, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

Nên biết ở đây đã dựa vào hai thứ nghiệp, nên có hai thứ thanh tịnh:

1. Thanh tịnh sanh khởi.

2. Thanh tịnh tịch diệt.

- Lại nữa, đối với mười hai xứ, có thể nhận biết rõ khắp về tướng nơi xứ an túc của danh ngôn hiện có. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ sáu, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

Như thế là sáu thứ quán xét về tự tướng.

- Lại nữa, tức ở trong mười hai xứ như thế, có thể nhận biết rõ khắp về tự tánh của cộng tướng. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ bảy, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, tức ở trong mười hai xứ như vậy, có thể nhận biết rõ khắp về tướng nơi đối tượng hành không phân biệt của cộng tướng. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ tám, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, tức ở trong mười hai xứ như thế, có thể nhận biết rõ khắp về tướng nơi đối tượng hành thuộc pháp xuất thế gian của cộng tướng. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ chín, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

- Lại nữa, tức ở trong mười hai xứ như thế, có thể nhận biết rõ khắp về tướng nhân thanh tịnh của cộng tướng. Đó gọi là đạo không điên đảo thứ mười, có thể chứng đắc pháp Phật bất cộng hiện có.

Như vậy là bốn thứ quán xét về cộng tướng.

Lại nữa, nên biết do tám thứ thù thắng, nên nơi các trụ địa càng về sau thì chuyển thắng. Đó là:

1. Ý lạc thù thắng.
2. Tâm thanh tịnh thù thắng.
3. Bi thù thắng.
4. Ba la mật đa thù thắng.
5. Thành thục hữu tình thù thắng.
6. Thấy chư Phật, đi đến để thừa sự, cúng dường thù thắng.
7. Sanh thù thắng.
8. Thần lực thù thắng.

Lại nữa, Thắng nghĩa đế có năm thứ tướng:

1. Tướng lìa danh ngôn.
2. Tướng không hai.
3. Tướng vượt quá đối tượng hành của tầm tứ.
4. Tướng vượt quá tánh một-khác của các pháp.
5. Tướng một vị hiện bày khắp tất cả.

Tướng lìa danh ngôn, cùng tướng không hai của Thắng nghĩa đế, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Như Lý Thỉnh Vấn đã hỏi Bồ tát Giải Thậm Thâm Mật Ý:

- Tối Thắng Tử! Nói tất cả pháp không hai, thì tất cả pháp không hai ấy, những gì là tất cả pháp? Thế nào là không hai?

Bồ tát Giải Thậm Thâm Mật Ý nói với Bồ tát Như Lý Thỉnh Vấn: Này thiện nam! Tất cả pháp lược có hai loại: Một là hữu vi. Hai là vô vi. Trong đó, hữu vi không phải là hữu vi, không phải là vô vi. Vô vi cũng không phải là vô vi, không phải là hữu vi.

- Tối Thắng Tử! Như thế nào là hữu vi không phải là hữu vi, không phải là vô vi? Vô vi cũng không phải là vô vi, không phải là hữu vi?

- Này thiện nam! Nói hữu vi chính là câu giả nêu đặt của Đức Bổn Sư. Nếu là câu giả nêu đặt của Đức Bổn Sư, tức là chỗ tích tập ngôn từ nói năng của Biến kế. Nếu là chỗ tích tập ngôn từ nói năng của Biến kế tức là vô số ngôn từ nói năng của Biến kế, cứu cánh không thành thật, nên không phải là hữu vi.

- Này thiện nam! Nói vô vi tức cũng rơi vào ngôn từ. Nếu như lìa hữu vi thì vô vi ít có trường hợp được nói ra, về tướng cũng vậy. Nhưng không phải vô sự mà có chỗ nói năng.

Những gì là sự? Nghĩa là các Thánh giả, dùng Thánh trí, Thánh kiến lìa danh ngôn, nên hiện Đẳng Chánh Giác. Tức đối với pháp tánh lìa ngôn từ như thế, vì muốn khiến kẻ khác hiện Đẳng Chánh Giác, nên giả lập danh tưởng, gọi đó là hữu vi.

- Này thiện nam! Nói vô vi, cũng là câu giả nêu đặt của Đức Bổn Sư. Nếu là câu giả nêu đặt của Đức Bổn Sư tức là chỗ tích tập ngôn từ nói năng của Biến kế. Nếu là chỗ tích tập ngôn từ nói năng của Biến kế, tức là vô số ngôn từ nói năng của Biến kế, hoàn toàn không thành thật, nên không phải là vô vi.

- Này thiện nam! Nói hữu vi, tức cũng rơi vào ngôn từ. Nếu lìa vô vi thì hữu vi ít có trường hợp được nói ra, về tướng cũng vậy. Nhưng không phải vô sự mà có chỗ nói năng. Những gì là sự? Nghĩa là các Thánh giả, dùng Thánh trí, Thánh kiến lìa danh ngôn nên hiện Đẳng Chánh Giác. Tức đối với pháp tánh lìa ngôn từ như thế, vì muốn khiến kẻ khác hiện bày Đẳng Chánh Giác nên giả lập danh tưởng, gọi đó là vô vi.

- Này Tối Thắng Tử! Vì sao sự này, các Thánh giả kia dùng Thánh trí, Thánh kiến lìa danh ngôn, hiện bày Đẳng Chánh Giác, tức đối với pháp tánh lìa ngôn từ như thế, vì muốn khiến kẻ khác hiện bày Đẳng Chánh Giác

nên giả lập danh tưởng, hoặc cho là hữu vi, hoặc cho là vô vi?

- Này thiện nam! Như huyễn sư khéo léo, hoặc đệ tử của ông ta, đứng nơi ngã tư đường lớn, tích tập ngói, đá sỏi, cỏ, lá, cây gỗ v.v…, hiện làm vô số sự việc huyễn hóa. Đó là thân voi, thân ngựa, thân xe, thân bộ, mạt ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô v.v… vô số tài sản vật báu, kho lẫm như thế. Nếu các chúng sanh thuộc chủng loại ngu tối, căn độn, huệ ác, không hiểu biết, đối với các sự huyễn hóa từ gạch ngói, đá sỏi, cỏ lá, cây gỗ nêu trên, thấy rồi, nghe rồi, khởi niệm: Những thứ được trông thấy ở đây, là thật có thân voi, thật có thân ngựa, thân xe, thân bộ v.v… Như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, chấp trước sâu chặt, theo đấy khởi ngôn thuyết: chỉ đấy là đúng là thật, ngoài ra đều là ngu vọng. Kẻ kia vào thời gian sau lại nên quán xét. Nếu có chúng sanh thuộc chủng loại không phải ngu độn, là huệ thiện, có hiểu biết, đối với các sự huyễn hóa như trên, thấy rồi nghe rồi, khởi niệm như vầy: Những thứ được thấy ở đây là thân voi không thật, thân ngựa không thật, thân xe, thân bộ không thật… nhưng có huyễn trạng làm mê hoặc nhãn sự. Ở đây đã phát khởi tưởng thân voi lớn, hoặc tưởng thân voi lớn sai biệt, cho đến phát khởi tưởng về vô số của cải, vật báu, kho lẫm, hoặc tưởng về chủng loại kia có sai biệt, không như đã thấy, không như đã nghe, chấp trước sâu chặt, theo đấy khởi ngôn thuyết: chỉ đấy là đúng, thật, các thứ khác đều là ngu vọng. Vì muốn biểu thị để biết về nghĩa như thế, nên cũng ở trong đó, thuận khởi ngôn thuyết. Kẻ kia, vào thời gian sau không cần quán xét. Như vậy, nếu có chúng sanh là loại ngu tối, là loại phàm phu, chưa được huệ xuất thế gian của các Thánh, nơi pháp tánh lìa ngôn từ của tất cả pháp, không thể nhận biết rõ. Kẻ kia, đối với hết thảy pháp hữu vi vô vi, thấy rồi, nghe rồi, khởi niệm như vầy: Chỗ đạt được ở đây, quyết định là thật có hữu vi vô vi. Như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, chấp trước sâu chặt, thuận khởi ngôn thuyết: chỉ đấy là đúng, thật, các thứ khác đều là si vọng. Kẻ kia, vào thời gian sau lại nên quán xét. Nếu có chúng sanh không phải là loại ngu tối, đã thấy Thánh đế, đã được huệ xuất thế gian của các Thánh, đối với pháp tánh lìa ngôn từ của tất cả pháp, nhận biết rõ đúng như thật. Người này, đối với hết thảy hữu vi, vô vi, thấy rồi, nghe rồi, khởi niệm: Những thứ đạt được ở đây, quyết định hữu vi vô vi không thật, nhưng có phân biệt để khởi hành tướng, cũng như huyễn sự làm mê hoặc huệ giác. Trong ấy phát khởi tưởng là vô vi, hoặc tưởng là vô vi có sai biệt. Không như đã thấy, không như đã nghe, chấp trước sâu chặt, thuận khởi ngôn thuyết: chỉ đấy là đúng, thật, các thứ khác đều là si vọng. Vì muốn biểu thị để nhận biết về nghĩa như thế, nên cũng ở trong ấy, thuận khởi ngôn thuyết. Người này, vào thời gian sau không cần quán xét.

- Này thiện nam! Các Thánh giả kia, ở trong sự này, dùng Thánh trí, Thánh kiến lìa danh ngôn, hiện Đẳng Chánh Giác, tức đối với pháp tánh lìa ngôn từ như thế, vì muốn khiến kẻ khác hiện bày Đẳng Chánh Giác nên giả lập danh tướng, gọi đó là hữu vi, gọi đó là vô vi.

Bấy giờ, Bồ tát Giải Thậm Thâm Nghĩa Mật Ý, nhằm nói rõ lần nữa về nghĩa này, nên nói tụng:

Phật nói nghĩa lìa ngôn không hai Thâm diệu, không phải kẻ ngu hành
Kẻ ngu nơi đấy do si hoặc
Vui chấp hai dựa ngôn hý luận
Kẻ kia chẳng định hoặc tà định Lưu chuyển dài lâu khổ sanh tử Lại luận trái chánh trí như thế Sẽ sanh trong các loài bò dê.

Lại nữa, tướng vượt quá đối tượng hành nơi tầm tứ của Thắng nghĩa đế, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Pháp Dũng bạch Phật:

- Thế Tôn! Từ nơi phương Đông này, trải qua bảy mươi hai hằng hà sa thế giới, có thế giới tên là Cụ Đại Danh Xưng, Đức Như lai ở thế giới ấy hiệu là Quảng Đại Danh Xưng. Con, ngày trước là từ nơi cõi Phật đó phát nguyện đi đến thế giới này. Con lúc còn ở nơi cõi Phật kia, từng thấy một xứ có bảy vạn bảy ngàn ngoại đạo cùng các sư đứng đầu của họ, đồng một hội tọa, suy xét về tướng thuộc Thắng nghĩa đế của các pháp. Họ đã xét bàn, lường tính, quan sát, suy cầu khắp về tướng ấy, nhưng trọn không thể đạt được, chỉ trừ có vô số ý giải, ý giải biệt dị, ý giải biến dị, cùng chống trái nhau, cùng dấy khởi tranh luận, miệng nói lời mâu thuẫn, lại cùng kích bác, não hại, hủy hoại, thảy đều ly tán.

- Thế Tôn! Bấy giờ con riêng suy niệm: Như lai xuất hiện ở đời là hết sức kỳ diệu, hy hữu! Do xuất hiện ở đời, nên mới đối với tướng của Thắng nghĩa đế vượt quá đối tượng hành của tất cả tầm tứ như thế, đã có thông tỏ, tác chứng, có thể đạt được.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Pháp Dũng:

- Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Như ông đã nói, Như lai đối với tướng của Thắng nghĩa đế vượt quá tất cả tầm tứ, đã hiện bày Đẳng Chánh Giác. Hiện Đẳng Chánh Giác rồi, vì kẻ khác tuyên thuyết, hiển hiện, mở bày, giải thích, nêu đặt, làm sáng rõ. Vì sao? Vì Ta nói Thắng nghĩa, là các Thánh giả bên trong tự chứng đắc về đối tượng hành của tầm tứ, là điều các phàm phu lần lượt chứng đắc. Thế nên, này Pháp Dũng! Do đạo lý ấy nên biết, Thắng nghĩa vượt quá tất cả tướng nơi cảnh của tầm tứ.

Lại nữa, này Pháp Dũng! Ta nói Thắng nghĩa, đối tượng hành là không tướng, còn tầm tứ chỉ là hành nơi cảnh giới có tướng. Vì vậy, này

Pháp Dũng! Do đạo lý ấy nên biết, Thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tưởng của tầm tứ.

Lại nữa, này Pháp Dũng! Ta nói Thắng nghĩa là không thể ngôn thuyết. Tầm tứ chỉ hành nơi cảnh giới của ngôn thuyết. Thế nên, này Pháp Dũng! Do đạo lý ấy nên biết, Thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tướng của tầm tứ.

- Lại nữa, này Pháp Dũng! Ta nói Thắng nghĩa là dứt hẳn các biểu thị, còn tầm tứ chỉ hành nơi cảnh giới có biểu thị. Vì thế, này Pháp Dũng! Do đạo lý ấy nên biết, Thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tướng của tầm tứ.

- Lại nữa, này Pháp Dũng! Ta nói Thắng nghĩa dứt tuyệt mọi tranh luận, còn tầm tứ chỉ hành nơi cảnh giới có tranh luận. Thế nên, này Pháp Dũng! Do đạo lý ấy nên biết, Thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tướng của tầm tứ.

- Này Pháp Dũng! Nên biết, ví như có người trọn cả đời quen với vị cay đắng, đối với mỹ vị thượng diệu của mật ong ngọt thơm không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

Hoặc kẻ ở trong đêm dài sanh tử, do thắng giải của dục tham đối với các dục đang bùng cháy và bị chúng thiêu đốt, nên ở trong chỗ trừ diệt tướng của tất cả sắc thanh hương vị xúc, đạt được diệu lạc do xa lìa, đều không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

Hoặc kẻ ở trong đêm dài sanh tử, do thắng giải của ngôn thuyết, tức vui thích chấp trước các thứ ngôn thuyết hoa mỹ, thêu dệt của thế gian, nên đối với chỗ an lạc của sự tịch tĩnh bên trong, của sự "Thánh im lặng", đều không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

Hoặc kẻ ở trong đêm dài sanh tử, do thắng giải của sự thấy nghe hiểu biết luôn được biểu thị, tức vui thích chấp trước nơi các thứ biểu thị của thế gian, nên đối với việc đoạn trừ vĩnh viễn mọi thứ biểu thị, đạt được Niết bàn cứu cánh, Tát-ca-da-diệt, đều không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

- Này Pháp Dũng! Nên biết ví như có người ở trong đêm dài sanh tử, do có vô số thắng giải về tranh luận do ngã sở đã thâu nhận, liền vui thích chấp trước các thứ tranh luận của thế gian, nên đối với người của châu Bắc Câu Lô, không có ngã sở, không thâu nhận, lìa tranh luận, đều không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

Như vậy, này Pháp Dũng! Các người hành tầm tứ, đối với tướng của Thắng nghĩa đế vượt quá tất cả đối tượng hành của tầm tứ, đều không thể tìm xét, không thể so tính, không thể tin hiểu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lần nữa về ý nghĩa này, nên nói tụng:

Nội chứng đối tượng hành vô tướng Không thể ngôn thuyết, dứt biểu thị Thắng nghĩa đế dứt các tranh luận Vượt quá tất cả tướng tầm tứ.

Lại nữa, tướng của Thắng nghĩa đế vượt quá tánh một-khác của các pháp, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Thiện Thanh Tịnh Huệ bạch Phật:

- Thế Tôn! Thật hết sức kỳ diệu, cho đến Thế Tôn khéo giảng nói. Như Đức Thế Tôn đã nói về tướng của Thắng nghĩa đế, là tướng vi tế, sâu xa, vượt quá tánh một-khác của các pháp, khó có thể thông tỏ.

- Thế Tôn! Con tức ở đây từng thấy một xứ có chúng Bồ tát đang tu tập địa của hành thắng giải, đồng một hội tọa, đều cùng xét bàn về tướng của Thắng nghĩa đế, cùng tướng của các hành, tướng của tánh một-khác. Ở trong hội này, một loại Bồ tát cho rằng: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không có khác. Một loại Bồ tát thì cho: Không phải tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không có khác, mà là có khác nhau. Các Bồ tát còn lại thì do dự, nghi hoặc, lại nói: Các Bồ tát này, người nào nói đúng thật, vị nào nói không đúng thật? Ai là hành như lý? Ai là hành không như lý? Hoặc xướng lên lời này: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không có khác. Hoặc xướng lên lời này: Tướng của Thắng nghĩa đế khác với tướng của các hành.

Thế Tôn! Con thấy sự việc ấy rồi, riêng nghĩ: "Các thiện nam kia thật là ngu tối, chậm hiểu, không sáng tỏ, không khéo léo, không hành như lý, đối với Thắng nghĩa đế vi tế, sâu xa, vượt quá tướng nơi tánh một-khác của các hành, không thể giải thích.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Thiện Thanh Tịnh Huệ:

- Này thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói về các vị thiện nam kia, đối với Thắng nghĩa đế vốn vi tế, sâu xa, vượt quá tướng nơi tánh một-khác của các hành, không thể giải thích rõ. Vì sao?

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Vì không phải đối với các hành, lúc hành như thế gọi là có thể thông đạt tướng của Thắng nghĩa đế, hoặc đối với Thắng nghĩa đế mà có thể tác chứng? Vì sao? Vì nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không khác, thì lẽ ra nơi hiện thời, tất cả phàm phu đều đã kiến đế. Lại, các phàm phu lẽ ra đều đã có được phương tiện để đạt đến Niết bàn an ổn vô thượng, hoặc đã chứng đắc đạo quả Bồ đế tối thắng.

Nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn

toàn khác nhau, thì những người đã kiến đế, đối với tướng của các hành tức không thể trừ bỏ. Nếu không trừ bỏ tướng của các hành, thì đối với sự trói buộc của tướng không được giải thoát. Những kẻ kiến đế này, đối với sự trói buộc của các tướng không giải thoát, nên đối với sự trói buộc của thô trọng cũng không thể giải thoát. Do đối với hai thứ trói buộc đều không giải thoát, nên các kẻ đã kiến đế tức không thể đạt được phương tiện dẫn đến Niết-bàn an ổn vô thượng, hoặc không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác tối thượng.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Do nơi hiện thời, không phải các phàm phu đều đã kiến đế, không phải các phàm phu đã có thể đạt được phương tiện dẫn đến Niết-bàn an ổn vô thượng, cũng không phải đã chứng đắc đạo quả Bồ đề tối thượng, thế nên, tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành tướng đều không khác tướng là không hợp đạo lý. Nếu ở trong ấy, nói như thế này: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không khác nhau. Do đạo lý trên nên biết, tất cả không phải hành như lý, không như chánh lý.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Do nơi hiện thời, không phải các kẻ kiến đế, đối với tướng của các hành không thể trừ bỏ, nhưng có thể trừ bỏ. Không phải các kẻ kiến đế, đối với sự trói buộc của các tướng không thể giải thoát, nhưng có thể giải thoát. Không phải các kẻ kiến đế, đối với sự trói buộc của thô, trọng không thể giải thoát, nhưng có thể giải thoát. Do đối với hai thứ chướng có thể giải thoát, nên cũng có thể đạt được phương tiện dẫn đến Niết-bàn an ổn vô thượng, hoặc có thể chứng đắc đạo quả Bồ đề tối thượng. Thế nên, tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác nhau là không hợp đạo lý. Nếu ở trong ấy, nói như thế này: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác nhau là không hợp đạo lý. Nếu ở trong ấy, nói như thế này: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác nhau, do đạo lý trên nên biết, tất cả không phải là hành như lý, không như chánh lý.

- Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không khác nhau, thì như tướng của các hành rơi vào tướng tạp nhiễm, tướng của Thắng nghĩa đế này cũng nên rơi vào tướng tạp nhiễm như thế.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác biệt, thì không phải cộng tướng của tất cả hành tướng gọi là tướng của Thắng nghĩa đế. Do nơi hiện thời, tướng của Thắng nghĩa đế không rơi vào tướng tạp nhiễm, cộng tướng của các

hành gọi là tướng của Thắng nghĩa đế, thế nên tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không khác biệt là không hợp đạo lý.

Lại, tướng của Thắng nghĩa đế, cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác biệt cũng không hợp đạo lý. Nếu ở trong ấy nói lời như vầy: Tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không có khác. Hoặc tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác biệt. Do đạo lý nêu trên, nên biết tất cả không phải là hành như lý, không như chánh lý.

Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không khác nhau, như tướng của Thắng nghĩa đế đối với tướng của các hành không có sai biệt, thì tướng của tất cả hành cũng nên như thế là không có sai biệt. Hành giả tu Quán, ở trong các hành, như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, như chỗ đã hiểu, như chỗ dã biết, không nên vào thời gian sau lại cầu đạt Thắng nghĩa. Nếu tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành hoàn toàn khác biệt, thì lẽ ra không phải các hành chỉ là tánh vô ngã, chỉ là chỗ hiển hiện của không tự tánh là tướng của Thắng nghĩa.

Lại, nên cùng thời thành lập tướng riêng, nghĩa là tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Do nơi hiện thời, tất cả hành tướng đều có sai biệt, không phải là không sai biệt. Hành giả tu Quán, ở trong các hành, như chỗ đã thấy, đã nghe, đã hiểu, đã biết, lại vào thời gian sau còn cầu đạt Thắng nghĩa.

Lại, tức các hành chỉ là tánh vô ngã, chỉ là chỗ hiển hiện của không tự tánh, gọi là tướng của Thắng nghĩa. Lại không phải cùng thời hai tướng nhiễm tịnh được thành lập tướng riêng. Vì vậy, tướng của Thắng nghĩa đế cùng với tướng của các hành đều không có khác, hoặc hoàn toàn dị biệt, là không hợp đạo lý. Nếu ở trong đó nói lời như vầy: Tướng của Thắng nghĩa đế, cùng với tướng của các hành đều không có khác, hoặc hoàn toàn dị biệt, do đạo lý đã nêu, nên biết tất cả không phải là hành như lý, không như chánh lý.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Như loa bối, tánh là sắc trắng tươi không đổi, đã nêu đặt so với loa bối kia là tướng một, tướng khác. Như loa bối, tánh là sắc trắng tươi, thì sắc vàng của vàng ròng cũng lại như thế. Như âm thanh của đàn không, hầu, tánh hay đẹp, uyển chuyển, không đổi, đã nêu đặt so với âm thanh của đàn không, hầu kia là tướng một, tướng khác…

Lại như tất cả hành, tánh là vô thường. Tất cả pháp hữu lậu, tánh là

khổ, tất cả pháp nơi hữu tình, tánh là vô ngã, không đổi. Do nêu đặt nên so với các hành kia có tướng một, tướng khác.

Lại như tham nêu rõ là tướng không tịch tĩnh và tướng tạp nhiễm, không đổi. Do nêu đặt nên ở đây cùng với tham kia có tướng một, tướng khác. như nơi tham nêu rõ, thì nơi sân, si nêu rõ, nên biết cũng thế.

Như vậy, này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Tướng của Thắng nghĩa đế không thể nêu đặt cùng với tướng của các hành là tướng một, tướng khác.

- Này Thiện Thanh Tịnh Huệ! Ta đối với tướng của Thắng nghĩa đế, như thế là vi tế, là hết sức vi tế, là sâu xa, là hết sức sâu xa, là khó thông tỏ, là hết sức khó thông tỏ, vượt quá tướng nơi tánh một-khác của các pháp, đã hiện bày Chánh Đẳng giác. Hiện Đẳng giác rồi, lại vì người khác tuyên thuyết, hiển thị, mở rộng, giải thích, thiết lập, làm sáng tỏ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lần nữa về nghĩa này, nên nói tụng:

Tướng Thắng nghĩa giới hành Tướng lìa tánh một-khác

Nếu phân biệt một-khác Chẳng phải hành như lý Chúng sanh bị tướng buộc Cùng bị thô trọng buộc Cần siêng tu Chỉ Quán Mới đạt được giải thoát.

Lại nữa, tướng của Thắng nghĩa đế là một vị hiện bày khắp tất cả, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Đức Thế Tôn đã nói với Trưởng lão Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Ông ở trong Giới hữu tình, nhận biết bao nhiêu hữu tình mang lấy tăng thượng mạn, là chỗ chấp giữ của tăng thượng mạn, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ? Ông ở trong Giới hữu tình nhận biết bao nhiêu hữu tình lìa bỏ tăng thượng mạn, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ?

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

- Thế Tôn! Con nhận biết trong Giới hữu tình có phần ít hữu tình lìa bỏ tăng thượng mạn, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ.

Thế Tôn! Con nhận biết trong Giới hữu tình có vô lượng vô số hữu tình không thể nói hết, mang lấy tăng thượng mạn, là chỗ chấp giữ của tăng thượng mạn, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ.

- Thế Tôn! Vào một lúc nọ, con trụ ở chốn A-luyện-nhã, trong khu rừng có những đại thọ. Khi ấy, có số đông các Bí-sô cũng đang ở tại khu rừng này, trụ gần chỗ con. Con thấy các Bí-sô kia vào buổi chiều, lần lượt tụ tập, dựa vào hiện quán đã có được, đều nói về vô số pháp tướng, ký biệt chỗ đã lãnh hội. Trong đó, một loại Bí-sô do đắc uẩn, đắc tướng của uẩn,

đắc uẩn khởi, đắc uẩn tận, đắc uẩn diệt, đắc uẩn diệt-tác chứng, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ.

Như một loại này, do đắc uẩn, lại có một loại do đắc xứ, lại có một loại do đắc Duyên khởi, nên biết cũng thế.

Lại có một loại, do đắc về thức ăn, đắc tướng của thức ăn, đắc thức ăn khởi, tận, diệt, diệt-tác chứng, nên ký biệt chỗ đã hiểu rõ.

Lại có một loại, do đắc đế, đắc tướng của đế, đắc nhận biết khắp về đế, đắc vĩnh viễn đoạn trừ đế, đắc tác chứng đế, đắc tu tập đế, nên ký biệt chỗ đã lãnh hội.

Lại có một loại do đắc Giới, đắc tướng của Giới, đắc tánh vô số của Giới, đắc tánh của Giới không phải một, đắc Giới diệt, đắc Giới diệt-tác chứng, nên ký biệt chỗ đã lãnh hội.

Lại có một loại do đắc niệm trụ, đắc tướng của niệm trụ, đắc chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị của niệm trụ, đắc tu tập niệm trụ, đắc niệm trụ chưa sanh khiến sanh, đắc niệm trụ sanh rồi thì trụ vững, không quên, tu gấp bội tăng rộng, nên ký biệt chỗ đã lãnh hội.

Như có một loại đắc niệm trụ, lại có một loại đắc chánh đoạn, đắc thần túc, đắc các căn, đắc các lực, đắc giác chi, nên biết cũng thế.

Lại có một loại đắc tám chi Thánh đạo, đắc tướng của tám chi Thánh đạo, đắc chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị của tám chi Thánh đạo, đắc tu tập tám chi Thánh đạo, đắc tám chi Thánh đạo chưa sanh khiến sanh, đắc tám chi Thánh đạo sanh rồi trụ vững không quên, tu tập gấp bội, tăng rộng, nên ký biệt chỗ đã lãnh hội.

Bạch Thế Tôn! Con thấy các vị kia rồi, riêng suy niệm: Các Trưởng lão này dựa vào hiện quán có sở đắc, đều nói về vô số tướng pháp, ký biệt chỗ đã lãnh hội. Nên biết các Trưởng lão kia, tất cả đều mang lấy tăng thượng mạn, là chỗ chấp giữ của tăng thượng mạn, nên đối với tướng một vị hiện bày khắp tất cả của Thắng nghĩa đế, không thể hiểu rõ. Do đó, Thế Tôn thật là hết sức kỳ diệu, cho đến Thế Tôn khéo thuyết giảng.

Như Đức Thế Tôn nói, tướng của Thắng nghĩa đế là vi tế, hết sức vi tế, sâu xa, hết sức sâu xa, khó thông tỏ, hết sức khó thông tỏ, là tướng một vị hiện bày khắp tất cả.

Thế Tôn! Trong Thánh giáo này, các Bí-sô tu hành, đối với tướng của Thắng nghĩa đế là một vị hiện bày khắp tất cả, hãy còn khó thông tỏ, huống chi là các ngoại đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy, đúng vậy! Ta đối với tướng của Thắng nghĩa đế là vi tế, rất vi tế, là sâu xa, rất sâu xa, là khó thông tỏ, rất khó thông tỏ, là tướng một vị hiện bày khắp tất cả, đã hiện Chánh Đẳng Giác. Hiện Đẳng Giác rồi, vì kẻ khác tuyên thuyết, hiển thị, mở bày, giải thích, nêu đặt, làm sáng tỏ. Vì sao? Này Thiện Hiện! Ta đã hiển thị ở trong tất cả uẩn, nơi đối tượng duyên thanh tịnh là Thắng nghĩa đế. Ta đã hiển thị đối tượng duyên thanh tịnh, ở trong tất cả Xứ, Duyên khởi, Thực, Đế, Giới, Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Đạo chi, là Thắng nghĩa đế. Đối tượng duyên thanh tịnh này, ở trong tất cả uẩn là tướng một vị, tướng không biệt dị. Như ở trong uẩn, thì ở trong tất cả xứ, cho đến trong tất cả đạo chi, là tướng một vị, tướng không biệt dị.

Do đó, này Thiện Hiện! Vì đạo lý ấy nên biết, tướng của Thắng nghĩa đế là một vị hiện bày khắp tất cả.

- Lại nữa, này Thiện Hiện! Bí-sô tu hành quán, thông đạt tánh vô ngã của pháp nơi Thắng nghĩa chân như của một uẩn rồi, lại không tìm cầu chỗ đều dị biệt nơi tánh vô ngã của pháp thuộc Thắng nghĩa chân như của các uẩn, xứ, duyên khởi… còn lại, chỉ tức tùy nơi Thắng nghĩa chân như này, trí không hai làm chỗ dựa, nên đối với tướng một vị hiện bày khắp tất cả nơi Thắng nghĩa đế, xét kỹ, thủ chứng. Vì thế, này Thiện Hiện! Do đạo lý ấy, nên biết tướng của Thắng nghĩa đế là một vị hiện bày khắp tất cả.

- Lại nữa, này Thiện Hiện! Như các uẩn kia lần lượt là tướng khác, như các xứ, duyên khởi… kia lần lượt là tướng khác, hoặc tánh vô ngã của pháp nơi Thắng nghĩa chân như của tất cả pháp cũng là tướng khác, tức là tánh vô ngã của pháp nơi Thắng nghĩa chân như cũng nên có nhân, từ nhân sanh khởi. Nếu từ nhân sanh khởi nên là hữu vi. Nếu là hữu vi, nên không phải là Thắng nghĩa. Nếu không phải là Thắng nghĩa nên lại tìm cầu Thắng nghĩa đế khác.

- Này Thiện Hiện! Do tánh vô ngã của pháp nơi Thắng nghĩa chân như này không gọi là có nhân, không do nhân sanh, cũng không phải là hữu vi, là Thắng nghĩa đế. Đắc thắng nghĩa này rồi, nên lại không tìm cầu Thắng nghĩa đế khác. Chỉ có thời thường thường, thời hằng hằng, Như Lai xuất hiện ở đời. Nếu không xuất hiện ở đời, pháp tánh của các pháp vẫn an lập, pháp giới vẫn an trụ. Thế nên, này Thiện Hiện! Do đạo lý này, nên biết tướng của Thắng nghĩa đế là một vị hiện bày khắp tất cả.

- Này Thiện Hiện! Ví như vô số tướng khác trong sắc, không phải là một phẩm loại, còn hư không là không tướng, không phân biệt, không biến dị, là tướng một vị hiện bày khắp tất cả. Như vậy, tướng khác của tánh khác

trong tất cả pháp, còn tướng một vị hiện bày khắp tất cả của Thắng nghĩa đế, nên biết cũng như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lần nữa về nghĩa này, nên nói tụng:

"Tướng một vị hiện bày khắp này
Thắng nghĩa chư Phật nói không khác
Nếu ở trong ấy phân biệt khác
Chính là ngu si dựa thượng mạn".

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 76

Phần Nhiếp Quyết Trạch - Địa Bồ Tát

Đoạn 5:

Lại nữa, tướng của tâm ý thức, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Quảng Huệ thỉnh vấn Đức Phật:

- Như Đức Thế Tôn đã nói về Bồ tát đạt thiện xảo đối với bí mật của tâm ý thức, thì Bồ tát đạt thiện xảo đối với bí mật của tâm ý thức ấy, ngang bằng với gì để gọi là Bồ tát đạt thiện xảo đối với bí mật của tâm ý thức? Ngang bằng với gì, để Như lai thiết lập vị kia là Bồ tát đạt thiện xảo đối với bí mật của tâm ý thức?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ tát Quảng Huệ:

- Lành thay! Lành thay! Này Quảng Huệ! Ông nay đã có thể thỉnh vấn Như lai về nghĩa sâu xa như thế. Ông nay vì muốn tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng các hàng Trời, Người, A-tố-lạc v.v…, vì nhằm khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc, nên phát khởi thỉnh vấn ấy. Ông nên lắng nghe, Như lai sẽ vì ông nói về nghĩa bí mật của tâm ý thức.

Quảng Huệ nên biết! Nơi sáu nẻo sanh tử, các loài hữu tình kia rơi vào trong chúng các loài hữu tình kia, hoặc tại loài sanh từ trứng, hoặc tại loài sanh từ thai, hoặc tại loài sanh từ sự ẩm ướt, hoặc tại loài sanh từ biến hóa, thân phần sanh khởi. Trong đó, đầu tiên là tất cả chủng tử nơi tâm thức thành thục, lần lượt hòa hợp, tăng trưởng rộng lớn, dựa nơi hai thứ chấp thọ:

1. Chấp thọ của các căn có sắc cùng chỗ dựa.

2. Chấp thọ của tập khí nơi tướng, danh, phân biệt, ngôn thuyết, hý luận.

Trong cõi có sắc thì gồm đủ hai thứ chấp thọ. Trong cõi không sắc thì không gồm đủ hai thứ.

Lại nữa, này Quảng Huệ! Thức này cũng gọi là thức A-đà-na. Vì sao? Vì do thức này đối với thân luôn theo đuổi, chấp giữ.

Cũng gọi là thức A-lại-da. Vì sao? Vì do thức này đối với thân đã thâu nhận, ẩn chứa đồng nghĩa an nguy.

Cũng gọi là Tâm. Vì sao? Vì do thức này đã tích tập các thứ sắc thanh hương vị xúc, làm cho tăng trưởng hơn nữa.

- Lại nữa, này Quảng Huệ! Thức A-đà-na làm chỗ dựa, làm chỗ kiến lập, nên sáu thức thân chuyển, nghĩa nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Trong ấy có thức, là nhãn cùng với sắc làm duyên sanh nhãn thức, cùng với nhãn thức cùng tùy hành, đồng thời đồng cảnh có ý thức phân biệt chuyển. Có thức, là nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức. Cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cùng tùy hành, đồng thời đồng cảnh có ý thức phân biệt chuyển.

- Này Quảng Huệ! Nếu nơi bấy giờ, một nhãn thức chuyển, tức vào lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt cùng với nhãn thức đồng đối tượng hành chuyển. Nếu nơi bấy giờ, có hai, ba, bốn, năm các thức thân chuyển, tức nơi lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt, cùng với năm thức thân đồng đối tượng hành, chuyển.

- Này Quảng Huệ! Ví như dòng thác lớn nước chảy xiết, nếu có một lớp sóng sanh duyên hiện tiền, thì chỉ có một lớp sóng chuyển. Nếu có hai hoặc nhiều lớp sóng sanh duyên hiện tiền, thì có nhiều lớp sóng chuyển, nhưng nước của dòng thác này tự loại luôn chảy không dứt, không hết.

Lại, như mặt gương hoàn toàn sáng sạch, nếu có một ảnh sanh duyên hiện tiền, thì chỉ có một ảnh khởi. Nếu hai hoặc nhiều ảnh sanh duyên hiện tiền, thì có nhiều ảnh khởi, không phải mặt gương này chuyển biến làm ảnh, cũng không thọ dụng diệt tận có thể đạt được.

- Như vậy, này Quảng Huệ! Do giống với dòng thác, thức A-đà-na làm chỗ dựa, làm chỗ kiến lập. nếu vào bấy giờ có một nhãn thức sanh duyên hiện tiền, tức nơi lúc ấy, một nhãn thức chuyển. Nếu như vào bấy giờ, cho đến có năm thức thân sanh duyên hiện tiền, tức nơi lúc ấy, năm thức thân chuyển.

- Này Quảng Huệ! Như thế, Bồ tát tuy do trí pháp trụ làm chỗ dựa, để kiến lập, nên có thiện xảo đối với bí mật của tâm ý thức, nhưng các Như lai không cho là ngang với đây để thiết lập là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tất cả bí mật của tâm ý thức.

- Này Quảng Huệ! Nếu các Bồ tát đối với bên trong đều riêng, như thật không thấy A-đà-na, không thấy thức A-đà-na, không thấy A- lại-da, không thấy thức A-lại-da, không thấy tích tập, không thấy tâm, không thấy nhãn sắc cùng nhãn thức, không thấy nhĩ thanh cùng nhĩ thức, không thấy tỷ hương cùng tỷ thức, không thấy thiệt vị cùng thiệt thức, không thấy thân

xúc cùng thân thức, không thấy ý pháp cùng ý thức. Đó gọi là Bồ tát đạt thiện xảo nơi Thắng nghĩa. Đức Như lai thiết lập đấy là Bồ tát đạt thiện xảo nơi Thắng nghĩa.

- Này Quảng Huệ! Ngang với đây gọi là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tất cả bí mật của tâm ý thức. Đức Như lai cũng cho ngang với đây để thiết lập là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tất cả bí mật của tâm ý thức.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lần nữa về nghĩa ấy nên nói tụng:

Thức A đà na sâu xa, tế

Tất cả chủng tử như dòng thác Ta nơi phàm ngu không khai diễn Sợ họ phân biệt chấp làm ngã.

Lại nữa, tướng của tất cả pháp, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Đức Bản thỉnh vấn Phật:

- Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói về Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp, thì Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp ấy, ngang bằng với gì để gọi là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp? Đức Như lai cho ngang với gì để thiết lập đấy là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Đức Bản:

- Lành thay! Lành thay! Này Đức Bản! Ông nay mới có thể thỉnh vấn Như lai về nghĩa sâu xa như thế. Ông nay vì muốn tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng các hàng Trời, Người, A-tố-lạc, vì nhằm khiến đạt được nghĩa lợi an lạc, nên phát khởi thỉnh vấn. Ông nên lắng nghe, Như lai sẽ vì ông giảng nói về tướng của các pháp. Nghĩa là tướng của các pháp lược có ba thứ:

1. Tướng Biến kế sở chấp.
2. Tướng Y tha khởi.
3. Tướng Viên thành thật.

- Thế nào là tướng Biến kế sở chấp của các pháp? Nghĩa là tự tánh sai biệt giả an lập nơi danh của tất cả pháp, cho đến vì khiến tùy khởi ngôn thuyết.

- Thế nào là tướng Y-tha khởi của các pháp? Nghĩa là tự tánh duyên sanh của tất cả pháp. Tức đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh. Nghĩa là vô minh duyên hành cho đến chiêu tập uẩn thuần khổ lớn.

- Thế nào là tướng Viên thành thật của các pháp? Nghĩa là chân như bình đẳng của tất cả pháp. Đối với chân như này, các chúng Bồ tát tinh tấn dũng mãnh làm nhân duyên, tác ý như lý, tư duy không đảo, làm nhân

duyên, nên mới có thể thông tỏ. Nơi chỗ thông tỏ này, dần dần tu tập, cho đến mới chứng đắc viên mãn Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

- Lại nữa, này Đức Bản! Như người bị nhặm mắt, trong mắt hiện có những vướng bận của màng che mắt. Tướng Biến kế sở chấp, nên biết cũng thế.

Như người bị nhặm mắt, màng che làm rối loạn các tướng. Hoặc có những vùng tóc lông, rất nhiều chấm nhỏ như hạt mè. Hoặc lại có các tướng xanh vàng đỏ trắng sai biệt. Tướng Y tha khởi, nên biết cũng thế.

Như người mắt thanh tịnh, xa lìa mọi thứ che chắn, vướng bận trong mắt. Tức bản tánh của mắt tịnh này là nơi đối tượng hành không có cảnh giới rối loạn. Tướng Viên thành thật nên biết cũng thế.

- Lại nữa, này Đức Bản! Ví như vật báu Phả-chi-ca thanh tịnh, nếu cùng với sắc nhiễm màu xanh hòa hợp, tức giống với hình tượng vật báu Mạt-ni đế thanh đại thanh. Do chấp giữ sai lạc về vật báu Mạt-ni-đế thanh đại thanh, nên hữu tình bị lầm, lộn. Nếu cùng với sắc nhiễm màu đỏ hòa hợp, tức giống với hình tượng vật báu Mạt-ni hổ phách. Do chấp giữ sai lạc về vật báu Mạt-ni hổ phách, nên hữu tình bị lầm, lộn. Nếu cùng với sắc nhiễm màu lục hòa hợp, tức giống với hình tượng vật báu Mạt-ni-mạt-la-yết-đa. Do chấp giữ sai lạc về vật báu Mạt-ni-mạt-la yết-đa, nên hữu tình bị lầm, lộn. Nếu cùng với sắc nhiễm màu vàng hòa hợp, tức giống với hình tượng vàng. Do chấp giữ sai lạc về hình tượng vàng ròng, nên hữu tình bị lầm, lộn.

- Như vậy, này Đức Bản! Như vật báu Phả-chi-ca thanh tịnh kia hiện có sắc nhiễm tương ưng, thì tập khí nơi ngôn thuyết của tướng Biến kế sở chấp trên tướng Y tha khởi, nên biết cũng thế.

Như vật báu Phả chi ca thanh tịnh kia làm rõ hiện có sự chấp sao lạc về đế thanh, đại thanh, hổ phách, mạt la yết-đa, vàng v.v…, thì chỗ chấp của tướng Biến kế sở chấp trên tướng Y-tha khởi, nên biết cũng thế.

Như vật báu Phả-chi-ca thanh tịnh kia, tướng Y tha khởi nên biết cũng thế.

Như vật báu Phả-chi-ca thanh tịnh kia, trên ấy hiện có các tướng như đế thanh, đại thanh, hổ-phách, mạt-la-yết-đa, vàng ròng v.v…, nơi thường thường thời, nơi hằng hằng thời, không có chân thật, tánh không tự tánh. Tức tướng Y tha khởi, trên ấy do tướng Biến kế sở chấp, nơi thường thường thời, nơi hằng hằng thời, không có chân thật, tánh không tự tánh. Tướng Viên thành thật, nên biết cũng thế.

- Lại nữa, này Đức Bản! Tướng, danh tương ưng dùng làm duyên,

nên tướng Biến kế sở chấp có thể nhận biết rõ. Tướng Y tha khởi trên tướng Biến kế sở chấp có thể nhận biết rõ. Tướng Y tha khởi trên tướng Biến kế sở chấp, chấp dùng làm duyên, nên tướng Y tha khởi có thể nhận biết rõ. Tướng Y tha khởi trên tướng Biến kế sở chấp, không chấp dùng làm duyên, nên tướng Viên thành thật có thể nhận biết rõ.

- Lại nữa, này Đức Bản! Nếu các Bồ tát có thể đối với tướng Y tha khởi của các pháp nêu trên, nhận biết rõ đúng như thật về tướng Biến kế sở chấp, tức có thể nhận biết rõ đúng về tất cả pháp vô tướng. Nếu các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về tướng Y tha khởi, tức có thể nhận biết rõ đúng như thật về tướng tạp nhiễm của tất cả pháp. Nếu các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về tướng Viên thành thật, tức có thể nhận biết rõ đúng như thật về tướng thanh tịnh của tất cả pháp.

- Lại nữa, này Đức Bản! Nếu các Bồ tát đối với tướng Y tha khởi nêu trên nhận biết rõ đúng như thật về pháp vô tướng, tức có thể đoạn dứt tướng tạp nhiễm nơi pháp. Nếu có thể đoạn dứt tướng tạp nhiễm nơi pháp, tức có thể chứng đắc tướng thanh tịnh nơi pháp.

- Như thế, này Đức Bản! Do các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về tướng Biến kế sở chấp, tướng Y tha khởi, tướng Viên thành thật, nên cũng nhận biết rõ đúng như thật về các pháp vô tướng, về tướng tạp nhiễm nơi pháp, về tướng thanh tịnh nơi pháp.

Nhận biết rõ đúng như thật về pháp vô tướng, nên đoạn dứt tất cả tướng tạp nhiễm nơi pháp. Đoạn dứt tướng tạp nhiễm nơi tất cả pháp, nên chứng đắc tướng thanh tịnh nơi tất cả pháp.

Ngang với đây gọi là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp. Như lai cho ngang với đấy để thiết lập vị ấy là Bồ tát đạt thiện xảo đối với tướng của các pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nêu rõ lần nữa về nghĩa này, nên nói tụng:

Nếu không biết rõ pháp vô tướng Pháp tướng tạp nhiễm không thể đoạn

Không đoạn tướng tạp nhiễm nơi pháp Hoại chứng pháp tướng tịnh vi diệu Không quán những lỗi lầm các hành Lỗi lầm phóng dật hại chúng sanh Biếng trễ trong pháp trụ pháp động Không có hoại mất đáng thương xót.

Lại nữa, tướng không tự tánh của các pháp, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh bạch Phật:

- Thế Tôn! Con từng ở riêng một mình nơi chốn tịch tĩnh, tâm sanh

tầm tư như vầy: Đức Thế Tôn dùng vô lượng môn, từng thuyết giảng về tự tướng hiện có của các uẩn, như tướng sanh, tướng diệt, về sự vĩnh viễn đoạn dứt, nhận biết khắp. Như nói về các uẩn, thì các xứ, duyên khởi, các thứ thực cũng vậy. Dùng vô lượng môn, từng thuyết giảng về tự tượng hiện có của các đế, nhận biết khắp, vĩnh viễn đoạn dứt, tác chứng, tu tập. Dùng vô lượng môn, từng nêu giảng về tự tướng hiện có của các Giới, tánh của vô số Giới, tánh không phải một Giới, nhận biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ. Dùng vô lượng môn, từng giảng nói về tự tướng hiện có của niệm trụ, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, cùng do tu tập, chưa sanh khiến sanh, sanh rồi trụ vững, không quên, tu tập gấp bội, tăng trưởng rộng lớn. Như nói về niệm trụ, thì chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi cũng lại như thế. Dùng vô lượng môn, từng giảng nói về tự tướng hiện có của tám chi Thánh đạo, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, cùng do tu tập, chưa sanh khiến sanh, sanh rồi trụ vững không quên, tu tập gấp bội, tăng trưởng rộng lớn.

Đức Thế Tôn lại nói tất cả các pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh là Niết-bàn. Con chưa rõ Đức Thế Tôn dựa nơi mật ý nào để nói như thế: Tất cả các pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết bàn?

Con nay xin thỉnh vấn Đức Như lai về nghĩa này. Kính mong Đức Như Lai thương xót, giải thích về mật ý hiện có.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh:

- Lành thay! Lành thay! Này Thắng Nghĩa Sanh! Chỗ tầm tư của ông rất là đúng lý! Này thiện nam! Ông nay đã có thể thỉnh vấn Như lai về nghĩa sâu xa như thế, vì nhằm tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, vì thương xót thế gian cùng các hàng Trời, Người, A-tố-lạc, vì khiến đạt được nghĩa lợi an lạc, nên phát khởi lời thỉnh vấn ấy. Ông nên lắng nghe, Như lai sẽ vì ông giải thích về mật ý hiện có của chỗ nói tất cả các pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết bàn.

- Này Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết Như lai đã dựa vào mật ý của ba thứ tánh không tự tánh để nói: Tất cả các pháp đều không tự tánh. Đó là:

1. Tánh của tướng không tự tánh.
2. Tánh của sanh không tự tánh.
3. Tánh của Thắng nghĩa không tự tánh.

- Này thiện nam!

- Thế nào là tánh của tướng không tự tánh nơi các pháp? Đó là tướng Biến kế sở chấp của các pháp. Vì sao? Vì do giả danh an lập làm tướng,

không phải do tự tướng an lập làm tướng, thế nên gọi là tánh của tướng không tự tánh.

- Thế nào là tánh của sanh không tự tánh nơi các pháp? Đó là tướng Y tha khởi của các pháp. Vì sao? Vì ở đây do sức duyên của Y tha nên có, không phải tự nhiên có. Do vậy nên gọi là tánh của sanh không tự tánh.

- Thế nào là tánh của Thắng nghĩa không tự tánh nơi các pháp? Đó là các pháp do tánh của sanh không tự tánh, nên gọi là tánh không tự tánh. Tức pháp duyên sanh cũng gọi là tánh của Thắng nghĩa không tự tánh. Vì sao? Vì ở trong các pháp, nếu là cảnh giới của đối tượng duyên thanh tịnh, Ta hiển thị chúng, dùng làm tánh của Thắng nghĩa không tự tánh. Tướng Y tha khởi không phải là cảnh giới của đối tượng duyên thanh tịnh, thế nên cũng gọi là tánh của Thắng nghĩa không tự tánh.

Lại có tướng Viên thành thật của các pháp, cũng gọi là tánh của Thắng nghĩa không tự tánh. Vì sao? Vì tánh của pháp vô ngã nơi tất cả các pháp gọi là Thắng nghĩa, cũng được gọi là tánh không tự tánh, do Thắng nghĩa đế của các pháp ấy là chỗ hiển bày của tánh không tự tánh. Do nhân duyên ấy, nên gọi là tánh của Thắng nghĩa không tự tánh.

- Này thiện nam! Ví như hoa đốm nơi hư không, tánh của tướng không tự tánh nên biết cũng thế. Ví như huyễn tượng, tánh của sanh không tự tánh nên biết cũng thế. Tánh của một phần Thắng nghĩa không tự tánh nên biết cũng vậy. Ví như hư không chỉ là chỗ hiển bày các sắc vô tánh, hiện hữu khắp tất cả xứ, tánh của một phần Thắng nghĩa không tự tánh nên biết cũng vậy. Là chỗ hiển bày của tánh nơi pháp vô ngã, hiện hữu khắp tất cả.

- Này thiện nam! Như lai đã dựa vào mật ý của ba thứ tánh không tự tánh như thế để nói tất cả các pháp đều không tự tánh.

- Này Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết, ta dựa vào mật ý nơi tánh của tướng không tự tánh, để nói tất cả các pháp không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn. Vì sao? Vì nếu tự tướng của pháp đều không thật có, tức không có sanh, nếu không có sanh tức không có diệt. Nếu không sanh không diệt tức xưa nay tịch tĩnh. Nếu xưa nay tịch tĩnh tức tự tánh là Niết-bàn, trong đó đều không có một phần ít hiện có lại có thể khiến Bát-niết-bàn. Do đó, Ta dựa vào mật ý nơi tánh của tướng không tự tánh để nói tất cả các pháp không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn.

- Này thiện nam! Ta cũng dựa vào mật ý nơi tánh của Thắng nghĩa không tự tánh, là chỗ hiển bày tánh của pháp vô ngã, để nói tất cả các pháp

không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết bàn. Vì sao? Vì chỗ hiển bày tánh của pháp vô ngã, là tánh của thắng nghĩa không tự tánh, nơi thường thường thời, nơi hằng hằng thời, pháp tánh của các pháp an trụ nơi vô vi, hết thảy tạp nhiễm đều không tương ưng. Nên nơi thường thường thời, nơi hằng hằng thời, pháp tánh của các pháp đều an lạc nên vô vi, do vô vi nên không sanh không diệt. Hết thảy tạp nhiễm không tương ưng, nên xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết bàn. Thế nên, ta dựa vào mật ý nơi tánh của Thắng nghĩa không tự tánh, là chỗ hiển bày tánh của pháp vô ngã, để nói: Tất cả các pháp không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn.

- Lại nữa, này Thắng Nghĩa Sanh! Không phải do các loài hữu tình trong thế giới hữu tình, quán riêng về tự tánh của Biến kế sở chấp nơi chúng làm tự tánh. Cũng không phải do quán riêng về tự tánh của Y tha khởi cùng tự tánh của Viên thành thật nơi chúng làm tự tánh, nên ta lập ba thứ tánh không tự tánh. Nhưng do các hữu tình đối với tự tánh của Y tha khởi cùng tự tánh của Viên thành thật nêu trên, tăng trưởng tự tánh của Biến kế sở chấp, nên ta lập ba thứ tánh không tự tánh. Do tướng nơi tự tánh của Biến kế sở chấp, nên các hữu tình kia, ở trong tự tánh của Y tha khởi cùng tự tánh của Viên thành thật, theo đấy khởi ngôn thuyết. Như như tùy khởi ngôn thuyết, như vậy như vậy, do ngôn thuyết huân tập tâm, hoặc do ngôn thuyết tùy giác, hoặc do ngôn thuyết tùy miên, nên ở trong tự tánh của Y tha khởi cùng tự tánh của Viên thành thật nêu trên, chấp trước nơi tướng thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp. Như như chấp trước, như vậy như vậy, đối với tự tánh của Y tha khởi cùng tự tánh của Viên thành thật nêu trên, chấp trước tự tánh của Biến kế sở chấp. Do nhân duyên ấy, tức hoặc bị phiền não tạp nhiễm cấu nhiễm, nên ở trong sanh tử, qua thời gian dài dong ruổi, lưu chuyển không có dừng nghỉ. Hoặc ở nơi Na-lạc-ca, hoặc tại Bàng sanh, hoặc tại Ngạ quỷ, hoặc nơi cõi Trời, hoặc tại A-tố-lạc, hoặc trong cõi Người, thọ các khổ não.

- Lại nữa, này Thắng Nghĩa sanh! nếu các hữu tình từ xưa đến nay chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm thanh tịnh chướng, chưa thành thục nối tiếp, chưa tu nhiều Thắng giải, chưa có thể tích tập hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ, nên Như lai vì họ, đã dựa vào tánh của sanh không tự tánh, tuyên thuyết các pháp. Họ được nghe rồi, có thể ở trong hết thảy hành duyên sanh, tùy phần hiểu rõ về vô thường không hằng, là pháp biến hoại, không an ổn. Hiểu rõ như thế rồi, đối với tất cả hành tâm sanh sợ hãi, dấy khởi sự chán bỏ sâu xa. Tâm sanh sợ hãi, dấy khởi sự chán bỏ sâu xa rồi, thì ngăn chặn các ác, đối với các pháp ác có thể không tạo tác, đối với

các pháp thiện có thể siêng năng tu tập. Tu tập nhân thiện, nên chưa gieo trồng thiện căn thì có thể gieo trồng, chưa làm thanh tịnh chướng thì có thể khiến thành thục. Do nhân duyên ấy, nên tu tập nhiều Thắng giải, cũng tích tập nhiều hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ. Các hữu tình kia, tuy đã gieo trồng các thiện căn như thế, cho đến tích tập hai thứ tư lương là phước đức, trí huệ, nhưng ở trong tánh của sanh không tự tánh, chưa thể nhận biết rõ đúng như thật về tánh của tướng không tự tánh, cùng hai thứ tánh của Thắng nghĩa không tự tánh. Nơi hết thảy hành chưa thể chán lìa đúng đắn, chưa lìa dục đúng đắn, chưa giải thoát đúng đắn, chưa giải thoát khắp đối với phiền não tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp đối với nghiệp tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp các sanh tạp nhiễm.

- Như lai vì họ lại thuyết giảng pháp yếu. Nghĩa là tánh của tướng không tự tánh cùng tánh của Thắng nghĩa không tự tánh. Vì nhằm khiến cho họ đối với hết thảy hành có thể chán lìa đúng đắn, lìa bỏ dục một cách đúng đắn, giải thoát chân chánh, vượt quá tất cả phiền não tạp nhiễm, vượt quá hết thảy nghiệp tạp nhiễm, vượt quá hết thảy sanh tạp nhiễm. Các hữu tình kia lãnh hội pháp được thuyết giảng như thế rồi, ở trong tánh của sanh không tự tánh, có thể tin hiểu đúng về tánh của tướng không tự tánh cùng tánh của Thắng nghĩa không tự tánh, xét chọn tư duy, thông đạt đúng như thật. Ở trong tự tánh của Y tha khởi, có thể không chấp trước nơi tướng thuộc tự tánh của Biến kế sở chấp. Do ngôn thuyết không huân tập trí. Do ngôn thuyết không tùy giác về trí. Do ngôn thuyết lìa tùy miên nơi trí, nên có thể diệt bỏ tướng Y tha khởi. Ở trong hiện pháp, sức của trí được giữ vững, có thể vĩnh viễn đoạn dứt nhân của đời vị lai. Do nhân duyên ấy, nên đối với tất cả hành có thể chán bỏ đúng đắn, có thể lìa dục đúng đắn, có thể đạt giải thoát chân chánh, có thể giải thoát khắp ba thứ tạp nhiễm của phiền não, nghiệp và sanh.

- Lại nữa, này Thắng Nghĩa Sanh! Các hữu tình thuộc chủng tánh của thừa Thanh văn, cũng do đạo này, hành tích này, nên chứng đắc Niết bàn an ổn vô thượng.

Các hữu tình thuộc chủng tánh của thừa Độc giác, các hữu tình thuộc chủng tánh của thừa Như lai, cũng do đạo này, hành tích này, nên chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng. Hết thảy Thanh văn, Độc giác, Bồ tát đều cùng một đạo thanh tịnh diệu này, đều đồng một thanh tịnh cứu cánh này, lại không có nẻo thứ hai.

- Như lai dựa nơi mật ý của điều ấy, để nói chỉ có một thừa. Không phải ở trong tất cả hữu tình giới không có vô số chủng tánh của hữu tình,

hoặc tánh căn độn, hoặc tánh căn trung, hoặc tánh căn lợi có sai biệt.

- Này thiện nam! Nếu hữu tình thuộc chủng tánh Thanh văn hoàn toàn thủ chứng, thì tuy nhờ chư Phật thiết lập vô số phương tiện giáo hóa dẫn dắt, gia hạnh dũng mãnh, vẫn trọn không thể khiến sẽ an tọa nơi đạo tràng, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Vì sao? Vì do các hữu tình kia xưa nay chỉ có chủng tánh thấp kém, toàn bộ từ bi đều mỏng yếu, hoàn toàn sợ hãi các khổ. Do họ từ bi toàn bộ đều mỏng yếu, thế nên đã hoàn toàn dứt bỏ việc tạo lợi ích cho các chúng sanh. Do họ hoàn toàn sợ hãi các khổ, thế nên đã hoàn toàn dứt bỏ việc phát khởi các hành tạo tác. Như lai trọn không nói về trường hợp hoàn toàn dứt bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sanh, hoàn toàn từ bỏ việc phát khởi các hành tạo tác, sẽ an tọa nơi đạo tràng, có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Do đó gọi họ là "Thanh văn hoàn toàn thú tịch". Nếu các hữu tình thuộc chủng tánh của Thanh văn hồi hướng Bồ đề, Như lai cũng dùng môn khác để gọi là Bồ tát. Vì sao? Vì các vị ấy đã giải thoát phiền não chướng rồi, hoặc nhờ chư Phật lúc cùng giác ngộ, đối với sở tri chướng, tâm họ cũng có thể sẽ được giải thoát. Do các vị ấy đầu tiên là tự lợi ích, tu tập gia hạnh, thoát phiền não chướng, thế nên Như Lai thiết lập họ là chủng tánh Thanh văn.

- Lại nữa, này Thắng Nghĩa Sanh! Như thế, ở trong giáo pháp thiện đã được thuyết minh của ý lạc thanh tịnh tột bậc, do Như lai đã khéo giảng nói, khéo chế lập pháp, Tỳ-nại-da, các loài hữu tình ý lãnh hội về vô số sai biệt có thể đạt được.

- Này thiện nam! Như lai chỉ dựa nơi ba thứ tánh của tự tánh như thế, do ý sâu kín, nên đối với chỗ tuyên thuyết các kinh không liễu nghĩa, dùng tướng ẩn mật để giảng nói về các pháp yếu. Nghĩa là tất cả pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn.

Ở trong kinh ấy, nếu các hữu tình đã gieo trồng thiện căn phẩm thượng, đã làm thanh tịnh các chướng, đã thành thục nối tiếp, đã tu nhiều Thắng giải, đã có thể tích tập hai thứ tư lương là phước đức, trí huệ thuộc phẩm thượng, các hữu tình kia nếu đã lắng nghe pháp như thế rồi, đối với các ngôn thuyết nơi mật ý thâm diệu của Như lai đều hiểu rõ đúng như thật. Đối với pháp như thế, sanh tin hiểu sâu xa, đối với nghĩa như thế, dùng huệ không điên đảo, thông tỏ đúng như thật. Dựa nơi sự thông tỏ ấy, đã khéo tu tập, nên mau chóng có thể chứng đắc hết sức trọn vẹn, cũng đối với trụ xứ của Như lai, sanh tịnh tín sâu xa, biết là Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đối với tất cả pháp đã hiện bày Đẳng Chánh Giác.

Nếu các hữu tình đã gieo trồng thiện căn thuộc phẩm thượng, đã làm

thanh tịnh các chướng, đã thành thục nối tiếp, đã tu tập nhiều Thắng giải, nhưng chưa có thể tích tập hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ thuộc phẩm thượng, bản tánh ngay thẳng, là loại ngay thẳng, tuy không có năng lực để xét chọn, phế lập, nhưng không trụ trong kiến thủ của mình. Các hữu tình kia nếu được lắng nghe pháp như thế rồi, đối với các ngôn thuyết bí mật thâm diệu của Như lai, tuy không có năng lực để hiểu rõ đúng như thật, nhưng ở nơi pháp này có thể sanh Thắng giải, phát khởi tín thanh tịnh, tin kinh điển này là Như lai nêu giảng, là thâm diệu, là hiện rõ sự thâm diệu, không-tánh tương ưng, khó thấy khó ngộ, không thể tầm tư, không phải là cảnh giới thuộc đối tượng hành của các tầm tư, hết sức vi tế, là chỗ hiểu rõ của các bậc trí thông sáng, xét kỹ, ở trong nghĩa đã được thuyết giảng của kinh điển này, tự khiêm cung mà trụ, nói như vầy: Bồ đề của chư Phật là hết sức thâm diệu. Pháp tánh của các pháp cũng vô cùng sâu xa, chỉ Phật, Như lai mới có thể khéo thông đạt, không phải là chỗ có thể hiểu rõ của chúng ta. Chư Phật Như lai, vì vô số hữu tình thắng giải kia chuyển Chánh pháp giáo hóa. Tri kiến của chư Phật Như lai là vô biên, còn tri kiến của chúng ta giống như dấu chân bò.

Các hữu tình kia, đối với kinh điển này, tuy có thể cung kính, vì kẻ khác tuyên thuyết, biên chép, hộ trì, mở đọc, lưu hành khắp, ân cần cúng dường, thọ tụng ôn tập, nhưng vẫn chưa có thể dùng tướng tu kia phát khởi gia hạnh. Do đối với ngôn từ được thuyết giảng từ mật ý thâm diệu của Như lai, đã không thể thông đạt. Do nhân duyên ấy, nên các hữu tình kia cũng có thể tăng trưởng hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ, đối với sự nối tiếp về sau chưa thành thục, cũng có thể thành thục.

Nếu các hữu tình, nói rộng cho đến chưa có thể tích tập hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ thuộc phẩm thượng, tánh không ngay thẳng, không phải là loại ngay thẳng, thật thà, tuy có năng lực xét chọn, phế lập, nhưng lại trụ trong kiến thủ của mình. Các vị ấy nếu lắng nghe pháp như thế rồi, đối với ngôn thuyết từ mật ý sâu xa của Như lai, không có năng lực để có thể hiểu rõ đúng như thật, đối với pháp như thế tuy sanh tin hiểu, nhưng đối với nghĩa như thế thì tùy theo ngôn từ chấp trước, cho tất cả các pháp quyết định đều là không tự tánh, quyết định không sanh không diệt, quyết định xưa nay là tịch tĩnh, quyết định tự tánh là Niết bàn. Do nhân duyên này, nên đối với tất cả pháp, đạt được vô kiến cùng vô tướng kiến. Do đạt được như thế, nên bác bỏ, cho tất cả tướng đều là vô tướng, phủ nhận tướng Biến kế sở chấp, tướng Y tha khởi, tướng Viên thành thật của các pháp. Vì sao? Vì do có tướng Y tha khởi, cùng tướng Viên thành thật, nên tướng Biến kế sở chấp mới có thể thiết lập. Nếu đối với tướng Y tha

khởi và tướng Viên thành thật, thấy là vô tướng, thì kẻ kia cũng bài bác tướng Biến kế sở chấp, thế nên gọi họ là bác bỏ ba tướng. Tuy đối với pháp của Như lai dấy khởi tưởng pháp, nhưng ở trong phi nghĩa khởi tưởng là nghĩa. Do đối với pháp của Như Lai khởi tưởng pháp, cùng ở trong phi nghĩa khởi tưởng nghĩa, nên ở trong "pháp thị", nắm giữ là pháp thị, ở trong phi nghĩa nắm giữ là nghĩa. Kẻ ấy, tuy đối với pháp khởi tin hiểu, nên phước đức tăng trưởng, nhưng đối với phi nghĩa dấy khởi chấp trước, nên trí huệ thối thất. Trí huệ thối thất nên thối thất vô lượng pháp thiện rộng lớn.

Lại có hữu tình từ nơi người kia lắng nghe, lãnh hội, cho pháp là pháp, cho phi nghĩa là nghĩa, hoặc tùy theo kiến giải kia, tức đối với pháp khởi tưởng pháp, ở trong phi nghĩa dấy khởi tưởng nghĩa, chấp pháp là pháp, phi nghĩa là nghĩa. Do nhân duyên này, nên biết là giống với kẻ trước kia, thối thất pháp thiện.

Hoặc có hữu tình không tùy thuận kiến giải nọ, từ nơi kẻ kia hốt nhiên được nghe: Tất cả các pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn, liền sanh sợ hãi. Sanh sợ hãi rồi, nói lời như thế này: "Đây không phải là lời Phật nói, là lời của Ma". Hiểu như vậy xong, bèn đối với kinh điển này, hủy báng, bài bác. Do nhân duyên ấy, nên có sự suy tổn lớn, tiếp xúc với nghiệp chướng lớn. Vì thế, Như lai nói, nếu có hữu tình đối với tất cả tướng khởi kiến vô tướng, ở trong phi nghĩa nêu bày là nghĩa, là dấy khởi phương tiện của nghiệp chướng rộng lớn, do kẻ ấy đã dẫn đưa vô lượng chúng sanh khiến họ gây tạo nghiệp chướng lớn.

- Này thiện nam! Nếu các hữu tình chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm thanh tịnh các chướng, chưa thành thục nối tiếp, không có nhiều Thắng giải, chưa tích tập hai thứ tư lương là phước đức và trí huệ, tánh không chất trực, không phải là loại chất trực, tuy có năng lực xét chọn phế lập, nhưng thường trụ trong kiến thủ của mình. Hữu tình ấy nếu được nghe pháp như thế rồi, không thể hiểu đúng như thật về những ngôn thuyết từ mật ý sâu xa của Như Lai, nên đối với pháp ấy không sanh tin hiểu, ở trong pháp ấy khởi tưởng là phi pháp, ở trong nghĩa ấy khởi tưởng là phi nghĩa, ở trong pháp ấy chấp là phi pháp, ở trong nghĩa ấy chấp là phi nghĩa, nói như vầy: Đây chẳng phải là lời Phật, là lời của Ma nói. Tạo sự hiểu biết như thế rồi, đối với kinh điển này hủy báng, chống đối, cho là hư giả, dùng đủ cách để bài bác, chê bai kinh điển như thế, đối với những người tin hiểu kinh điển này khởi tưởng oán địch. Kẻ ấy trước đã bị các nghiệp chướng ngăn che, do nhân duyên này, nên lại bị nghiệp chướng ngăn che sâu dày hơn nữa. Nghiệp chướng như thế, lúc đầu dễ nêu đặt, cho đến ngang với trăm ngàn

câu chi-na-dũ-đa kiếp, không có kỳ hạn thoát khỏi.

- Này thiện nam! Như thế là ở trong giáo pháp thiện, được thuyết giảng từ ý lạc thanh tịnh tột bậc, đối với pháp, Tỳ-nại-da do Như lai khéo giảng nói, khéo chế lập, đã có ý giải của các loại hữu tình như thế với vô số sai biệt, có thể biết được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lần nữa về nghĩa ấy, nên nói tụng:

Tất cả các pháp đều vô tánh Không sanh không diệt xưa nay tịch Tự tánh các pháp hằng Niết-bàn

Ai có trí nói không mật ý

Tướng, sanh, thắng nghĩa không tự tánh Như thế, ta đều đã hiển thị

Nếu không biết Phật mật ý này Hoại mất chánh đạo không thể đến Dựa các đạo tịnh được thanh tịnh Chỉ dựa nơi một, không thứ hai Nên ở trong ấy lập một thừa

Không tánh hữu tình, không sai biệt

Trong giới chúng sanh, vô lượng sanh Chỉ độ một thân hướng tịch diệt

Đại bi dũng mãnh chứng Niết bàn Không bỏ chúng sanh, rất khó được Giới vô lậu vi diệu khó suy

Trong đó giải thoát cùng không khác Tất cả nghĩa thành lìa hoặc, khổ

Hai thứ thuyết khác là thường lạc.

Lúc này, Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh lại bạch Phật:

- Thế Tôn! Ngôn ngữ nơi mật ý của chư Phật Như lai là hết sức kỳ lạ, hy hữu, cho đến vi diệu, vi diệu tột bậc, sâu xa, hết mực sâu xa, khó thông đạt, hết sức khó thông đạt. Như thế là hôm nay con đã nhận lãnh, hiểu rõ nghĩa do Đức Thế Tôn nêu giảng. Nếu ở trong hành tướng là chỗ dựa của tướng thuộc Biến kế sở chấp, là chỗ hành của phân biệt, giả danh an lập, cho là sắc uẩn, hoặc tướng của tự tánh, hoặc tướng sai khác. Giả danh an lập, cho là sắc uẩn, hoặc tướng của tự tánh, hoặc tướng sai khác. giả danh an lập là sắc uẩn sanh, là sắc uẩn diệt, cùng là sắc uẩn vĩnh viễn được đoạn trừ, nhận biết khắp, hoặc tướng của tự tánh, hoặc tướng sai biệt. Đó gọi là tướng Biến kế sở chấp. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của tướng không tự tánh nơi các pháp. Hoặc tức hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt. Đó gọi là tướng Y tha khởi. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của sanh không tự tánh cùng một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh nơi các pháp.

Như thế là hôm nay con đã lãnh hội, lý giải nghĩa do Đức Thế Tôn thuyết giảng. Nếu tức ở trong các hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt này, do tướng Biến kế sở chấp không thành thật, tức tánh của tự tánh không tự tánh ấy, là đối tượng duyên thanh tịnh của chân như nơi pháp vô ngã. Đó gọi là tướng Viên thành thật. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh.

Như đối với sắc uẩn, thì đối với các uẩn còn lại đều nên nói rộng. Như đối với các uẩn, thì đối với mười hai xứ, trong mỗi mỗi xứ, đều nên nói rộng. Đối với mười hai hữu chi, trong mỗi mỗi chi, đều nên nói rộng. Đối với bốn thứ thực (ăn), trong mỗi mỗi thứ thực, đều nên nói rộng. Đối với sáu Giới, mười tám Giới, trong mỗi mỗi Giới, đều nên nói rộng. Như vậy, con nay đã lãnh hội, đã lý giải nghĩa do Đức Thế Tôn nêu giảng. Nếu ở trong hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của sự phân biệt, giả danh an lập cho là Khổ đế, Khổ đế được nhận biết khắp, hoặc tướng của tự tánh, hoặc tướng sai biệt. Đó gọi là tướng Biến kế sở chấp. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của tướng không tự tánh nơi các pháp. Nếu tức đối với hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt, đó gọi là tướng Y tha khởi. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của sanh không tự tánh cùng một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh nơi các pháp.

Như thế là hôm nay con đã lãnh hội, đã hiểu nghĩa do Đức Thế Tôn thuyết giảng. Nếu tức ở trong hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt, do tướng Biến kế sở chấp không thành thật, tức tánh của tự tánh không tự tánh này, là đối tượng duyên thanh tịnh của chân như nơi pháp vô ngã. Đó gọi là tướng Viên thành thật. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh.

Như đối với Khổ đế, cũng vậy, đối với các đế khác đều nên nói rộng. Như đối với Thánh đế, cũng vậy, đối với các niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, trong đó mỗi mỗi thứ đều nên nói rộng.

Như thế là hôm nay con đã lãnh hội, lý giải nghĩa do Đức Thế Tôn thuyết giảng. Nếu ở trong các hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt, giả danh an lập, cho là chánh định, cùng là chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị của chánh định. Hoặc chánh định được tu tập, chưa sanh khiến sanh, sanh rồi thì trụ vững không quên, tu tập gấp bội, tăng trưởng rộng lớn. Hoặc tướng của tự tánh, hoặc tướng

sai biệt, đó gọi là tướng Biến kế sở chấp. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của tướng không tự tánh.

Hoặc tức nơi hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt, đó gọi là tướng Y tha khởi. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập tánh của sanh không tự tánh và một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh nơi các pháp.

Như thế là hôm nay con đã lãnh hội, hiểu rõ nghĩa do Đức Thế Tôn giảng nói. Nếu ở trong hành tướng là chỗ dựa của tướng Biến kế sở chấp, là đối tượng hành của phân biệt, do tướng của Biến kế sở chấp không thành thật, tức tánh của tự tánh không tự tánh này, là đối tượng duyên thanh tịnh của chân như nơi pháp vô ngã, đó gọi là tướng Viên thành thật. Đức Thế Tôn đã dựa vào đấy để thiết lập một phần tánh của Thắng nghĩa không tự tánh nơi các pháp.

- Thế Tôn! Ví như thuốc Tỳ thấp phược, thì trong tất cả phương tán dược, tiên dược đều nên an xứ. Như vậy, Đức Thế Tôn, dựa nơi các pháp đều không tự tánh ấy, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn, nên ngôn giáo liễu nghĩa của tánh không tự tánh hiện bày khắp nơi tất cả kinh không liễu nghĩa, đều nên an xứ. Thế Tôn! Như nền của bức họa rực rỡ, hiện bày khắp nơi tất cả công việc bôi màu vẽ, đều cùng một vị, hoặc xanh hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng, lại có thể hiển phát công việc bôi màu vẽ. Như vậy, Đức Thế Tôn dựa vào các pháp đều không tự tánh ấy, nói rộng cho đến tự tánh là Niết-bàn, nên ngôn giáo liễu nghĩa của tánh không tự tánh hiện bày khắp nơi tất cả kinh không liễu nghĩa, đều đồng một vị, lại có thể hiển phát chỗ không liễu nghĩa trong các kinh kia.

- Thế Tôn! Ví như những quả bánh của tất cả các thức ăn ngon đã nấu chín, bên trong đặt thêm thục tô, lại sanh hương vị thù thắng. Như vậy, Đức Thế Tôn đã dựa vào các pháp đều không có tự tánh ấy, nói rộng cho đến tự tánh là Niết-bàn, nên ngôn giáo liễu nghĩa của tánh không tự tánh đặt yên nơi tất cả kinh không liễu nghĩa, sanh hoan hỷ thù thắng.

- Thế Tôn! Ví như hư không, hiện hữu khắp nơi tất cả xứ, đều đồng một vị, không gây chướng ngại cho tất cả sự việc hành tác. Như vậy, Đức Thế Tôn dựa vào các pháp đều không tự tánh ấy, nói rộng cho đến tự tánh là Niết-bàn, nên ngôn giáo liễu nghĩa của tánh không tự tánh, hiện hữu khắp nơi tất cả kinh không liễu nghĩa, đều đồng một vị, không gây trở ngại cho công việc tu tập của các vị Đại thừa cùng hết thảy hàng Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nay đã có thể khéo lãnh hội nghĩa lời nơi mật ý thâm diệu do Như lai thuyết giảng. Lại đối nơi nghĩa ấy khéo nêu ra các thí dụ. Này Thắng Nghĩa Sanh! Như vậy như vậy lại không có khác. Như vậy như vậy, ông nên thọ trì.

Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh lại bạch Phật:

- Thế Tôn! Đầu tiên, vào một thời, tại trong rừng Thi-Lộc, xứ Tiên nhân đọa, thuộc nước Ba-la-nê-tư, chỉ là chư vị phát nguyện hướng đến thừa Thanh văn, Đức Thế Tôn đã dùng tướng của bốn đế để chuyển Chánh pháp luân, tuy là hết sức kỳ diệu, hy hữu, vì chư Thiên, Nhân nơi tất cả thế gian, không một ai có thể chuyển như pháp, nhưng vào thời gian Pháp luân được chuyển kia là hữu thượng, là có dung lượng, là chưa liễu nghĩa, là xứ sở an túc của các tranh luận.

- Đức Thế Tôn trước đây, trong thời kỳ thứ hai, chỉ vì chư vị phát nguyện hướng đến Đại thừa, dựa nơi tất cả pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn, dùng tướng ẩn mật để chuyển Chánh pháp luân, tuy lại hết sức kỳ diệu, hết sức hy hữu. Nhưng vào thời gian Pháp luân được chuyển, cũng là hữu thượng, có chỗ dung nạp thọ nhận, cũng chưa là liễu nghĩa, là xứ sở an túc của các tranh luận.

- Thế Tôn! Hôm nay, trong thời kỳ thứ ba, khắp vì hữu tình phát nguyện hướng đến tất cả thừa, dựa nơi tất cả pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn, tánh không tự tánh, dùng tướng hiển bày rõ để chuyển Chánh pháp luân, là kỳ diệu bậc nhất, là hết sức hy hữu. Pháp luân được Đức Thế Tôn chuyển hôm nay là vô thượng, là không có dung nạp thọ nhận, là liễu nghĩa đích thực, không phải là xứ sở an túc của các tranh luận.

- Thế Tôn! Nếu các thiện nam hoặc thiện nữ, đối với ngôn giáo liễu nghĩa thâm diệu do Như lai đã thuyết giảng, dựa nơi tất cả pháp đều không tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh là Niết-bàn, nghe rồi thì tin hiểu, biên chép, hộ trì, cúng dường, lưu hành rộng khắp, thọ tụng ôn tập, tư duy như lý, dùng tướng tu kia phát khởi gia hạnh, thì sanh bao nhiêu phước đức?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh:

- Này Thắng Nghĩa sanh! Các thiện nam hoặc thiện nữ ấy, phước đức được sanh là vô lượng vô số, khó có thể thí dụ, nhận biết. Như lai nay sẽ vì ông lược nói phần ít. Như đất có trên móng tay so với đất nơi đại địa, trăm phần không đạt được một, ngàn phần không đạt được một, trăm ngàn phần không đạt được một, cho đến ô-ba-ni-sát đàm phần cũng không đạt được

một. Hoặc như nước có trong vũng chân bò so với nước trong bốn biển lớn…

Như vậy, đối với các kinh không liễu nghĩa, nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho đến dùng tướng tu kia phát khởi gia hạnh, thì chỗ công đức đạt được, so với chỗ công đức được tích tập do đối với kinh giáo liễu nghĩa, nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho đến dùng tướng tu kia phát khởi gia hạnh, thì trăm phần không đạt được một, nói rộng cho đến ô-ba-ni-sát đàm phần cùng không đạt được một.

Lúc này, Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh lại bạch Phật:

- Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải thâm mật này, nên gọi tên là gì, giáo pháp này con sẽ phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ tát Thắng Nghĩa Sanh:

- Này thiện nam! Pháp môn này gọi là giáo pháp Thắng nghĩa liễu nghĩa, đối với giáo pháp như thế, ông nên phụng trì.

Lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp Thắng nghĩa liễu nghĩa này, trong chúng hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ đề Vô thượng. Trăm ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đạt pháp nhãn thanh tịnh. Một trăm năm mươi ngàn Thanh văn vĩnh viễn dứt hết các lậu, tâm được giải thoát. Bảy mươi lăm ngàn Bồ tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sanh.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 77

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 6:

Lại nữa, dựa nơi pháp giả an lập, phân biệt giải nói về đạo Xa- ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thuộc về Du-già, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Từ Thị bạch Phật:

Thế Tôn! Bồ tát dựa vào cái gì, trụ vào đâu, để ở trong Đại thừa, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Đức Phật bảo Bồ tát Từ Thị:

- Này thiện nam! Nên biết pháp giả an lập cùng không xả bỏ nguyện đạt Chánh Đẳng Giác vô thượng của Bồ tát là chỗ dựa, chỗ an trụ, để ở trong Đại thừa, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

- Thế Tôn! Như nói bốn thứ cảnh sự nơi đối tượng duyên:

1. Cảnh sự nơi đối tượng duyên của ảnh tượng có phân biệt.
2. Cảnh sự nơi đối tượng duyên của ảnh tượng không phân biệt.
3. Cảnh sự nơi đối tượng duyên của sự biên tế.
4. Cảnh sự nơi đối tượng duyên của các hành tác đã thành tựu đầy đủ.

Ở trong bốn thứ ấy, bao nhiêu thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên

của Xa-ma-tha? Bao nhiêu thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên của Tỳ- bát-xá-na? Bao nhiêu thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên của cả hai?

- Này thiện nam! Một thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên của Xa-ma-tha, là ảnh tượng không phân biệt. Một thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên của Tỳ-bát-xá-na, là ảnh tượng có phân biệt. Hai thứ là cảnh sự nơi đối tượng duyên của cả hai, là sự biên tế và hành tác đã thành tựu đầy đủ.

Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát dựa vào bốn thứ cảnh sự nơi đối tượng duyên của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, để có thể cầu đạt Xa-ma- tha, có thể khéo hành Tỳ-bát-xá-na?

- Này thiện nam! Như Ta vì các Bồ tát, đã giảng nói về pháp giả an

lập, đó là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sanh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị. Bồ tát đối với các pháp ấy, khéo lắng nghe, khéo thọ trì: lời khéo thông suốt, ý khéo tìm xét, kiến khéo thông đạt. Tức đối với pháp, như chỗ khéo tư duy, ở riêng nơi chốn vắng lặng, tác ý tư duy.

Lại, tức đối với tâm có thể tư duy ấy, nội tâm nối tiếp tác ý tư duy. Chánh hành, an trụ nhiều như thế, khởi thân và tâm khinh an. Đó gọi là Xa-ma-tha. Như vậy là Bồ tát có thể cầu đạt Xa-ma-tha.

Bồ tát kia, do đạt được thân tâm khinh an làm chỗ dựa, tức đối với ảnh tượng nơi đối tượng hành của nội Tam-ma-địa, như pháp đã khéo tư duy, quan sát, thắng giải, lìa bỏ tướng của tâm, tức ở trong nghĩa đã nhận biết nơi ảnh tượng của Tam-ma-địa như thế, có thể xét chọn đúng đắn, xét chọn tột cùng, tầm tư trọn khắp, do xét trọn khắp. Hoặc nhẫn, hoặc vui, hoặc huệ, hoặc kiến, hoặc quán. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na. Như thế là Bồ tát có thể khéo hành Tỳ-bát-xá-na.

Thế Tôn! Nếu các Bồ tát duyên nơi tâm làm cảnh, nội tâm tư duy, cho đến chưa được tác ý hiện có của thân tâm khinh an, nên gọi là những gì?

- Này thiện nam! Không phải là tác ý của Xa-ma-tha, mà là tác ý tùy thuận tương ưng với thắng giải của Xa-ma-tha.

Thế Tôn! Nếu các Bồ tát, cho đến chưa nhận được thân tâm khinh an, đối với ảnh tượng nơi đối tượng duyên của nội Tam-ma-địa, như các pháp hiện có đã tư duy, tác ý tư duy. Tác ý như thế nên gọi là những gì?

- Này thiện nam! Không phải là tác ý của Tỳ-bát-xá-na, mà là tác ý tùy thuận tương ưng với thắng giải của Tỳ-bát-xá-na.

Thế Tôn! Đạo Xa-ma-tha, cùng với đạo Tỳ-bát-xá-na, nên nói là có khác, hay nên nói là không khác?

- Này thiện nam! Nên nói không phải là có khác, không phải là không khác. Vì sao không phải là có khác? Vì do cảnh nơi đối tượng duyên của Tỳ-bát-xá-na là đối tượng duyên của tâm. Vì sao không phải là không khác? Vì có ảnh tượng phân biệt không phải là đối tượng duyên.

Thế Tôn! Ảnh tượng nơi đối tượng hành của các Tỳ-bát-xá-na, Tam-ma-địa, so với tâm ấy, nên nói là có khác, nên nói là không khác?

- Này thiện nam! Nên nói là không khác. Vì sao? Vì do ảnh tượng kia chỉ là thức. Này thiện nam! Như lai nói đối tượng duyên của thức chỉ là chỗ hiện bày của thức.

Thế Tôn! Nếu ảnh tượng nơi đối tượng hành kia, cùng với tâm ấy không có khác, vì sao tâm ấy trở lại thấy tâm ấy?

- Này thiện nam! Ở đây không có phần ít pháp nào có thể thấy phần ít pháp. Nhưng tức tâm ấy lúc sanh như thế, tức có ảnh tượng như thế hiển hiện. Này thiện nam! Như dựa vào mặt gương thanh tịnh đã khéo làm cho trong suốt, dùng "chất" làm duyên trở lại thấy "bản chất", nhưng cho là ta nay thấy ảnh tượng, cùng cho là lìa "chất" thì có riêng ảnh tượng của đối tượng hành hiển hiện. Như thế, tâm ấy lúc sanh, giống như có khác với ảnh tượng hiển hiện nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa.

Thế Tôn! Nếu các hữu tình theo tự tánh mà trụ, duyên nơi ảnh tượng của đối tượng hành thuộc tâm như sắc v.v… thì chúng cùng với tâm này cũng là không khác chăng?

- Này thiện nam! Cũng không có khác. Nhưng các kẻ ngu tối, do nhận biết điên đảo, nên đối với các ảnh tượng không thể nhận biết đúng như thật, chỉ là thức, tạo sự hiểu biết điên đảo.

Thế Tôn! Ngang với gì, nên nói là Bồ tát hoàn toàn tu tập về Tỳ-bát-xá-na?

- Này thiện nam! Nếu tác ý nối tiếp chỉ là tâm tư duy không gián đoạn.

Thế Tôn! Ngang với mức nào, nên nói Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na của Bồ tát hòa hợp cùng chuyển?

- Này thiện nam! Nếu chánh tư duy, tâm tánh một cảnh. Thế Tôn! Thế nào là tướng của tâm?

- Này thiện nam! Nghĩa là ảnh tượng có phân biệt nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa, là đối tượng duyên của Tỳ-bát-xá-na.

Thế Tôn! Thế nào là tâm không gián đoạn?

- Này thiện nam! Nghĩa là duyên nơi tâm của ảnh tượng kia, là đối tượng duyên của Xa-ma-tha.

Thế Tôn! Thế nào là tâm tánh một cảnh?

- Này thiện nam! Nghĩa là thông tỏ ảnh tượng nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa chỉ là thức. Hoặc thông tỏ điều ấy rồi, lại tư duy như tánh.

Thế Tôn! Tỳ-bát-xá-na gồm có bao nhiêu thứ?

- Này thiện nam! Lược có ba thứ:

1. Tỳ-bát-xá-na có tướng.
2. Tỳ-bát-xá-na tầm cầu.
3. Tỳ-bát-xá-na tứ sát.

Thế nào là Tỳ-bát-xá-na có tướng? Nghĩa là Tỳ-bát-xá-na của ảnh tượng có phân biệt nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa thuần tư duy.

Thế nào là Tỳ-bát-xá-na tầm cầu? Là Tỳ-bát-xá-na, do huệ nên hiện bày khắp trong tất cả pháp kia chưa khéo hiểu rõ, vì để khéo hiểu rõ, nên tác ý tư duy.

Thế nào là Tỳ-bát-xá-na tứ sát? Là Tỳ-bát-xá-na, do huệ nên hiện bày khắp trong tất cả pháp kia chưa khéo hiểu rõ, vì để khéo chứng đắc hoàn toàn giải thoát, nên tác ý tư duy.

Thế Tôn! Xa-ma-tha này gồm có bao nhiêu thứ?

- Này thiện nam! Tức do tùy nơi tâm không gián đoạn kia, nên biết ở đây cũng có ba thứ.

Lại có tám thứ, nghĩa là Tĩnh lự thứ nhất cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng, mỗi loại định đều có một thứ Xa-ma-tha.

Lại có bốn thứ: Nghĩa là bốn tâm vô lượng Từ Bi Hỷ Xả, mỗi tâm đều có một thứ Xa-ma-tha.

Thế Tôn! Như nói dựa nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại nói không dựa nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Thế nào gọi là dựa nơi pháp? Thế nào lại gọi là không dựa nơi pháp?

- Này thiện nam! Nếu tùy theo tướng của pháp đã thọ nhận, đã tư duy, nhưng đối với nghĩa ấy, đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thì gọi là dựa nơi pháp. Nếu không đợi nơi tướng của pháp hiện có đã thọ nhận, đã tư duy, chỉ nương dựa vào sự dạy khuyên bảo, trao truyền của kẻ khác, nhưng đối với nghĩa ấy, đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Tức như quán về máu bầm xanh cùng máu mủ rữa nát. Hoặc tất cả hành đều là vô thường. Hoặc các hành khổ. Hoặc tất cả pháp đều không có ngã. Hoặc Niết-bàn là tịch tĩnh rốt ráo. Các loại Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá- na như thế gọi là không dựa nơi pháp.

Do dựa nơi pháp, đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, Như lai thiết lập Bồ tát tùy pháp hành, là tánh lợi căn.

Do không dựa nơi pháp, đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, Như lai thiết lập Bồ tát tùy tín hành, là tánh độn căn.

Thế Tôn! Như nói duyên riêng nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại nói duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Thế nào là duyên riêng nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Thế nào lại gọi là duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát duyên nơi các pháp đều riêng biệt,

như Khế kinh v.v… đối với pháp như đã thọ nhận, đã tư duy, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là duyên riêng nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Nếu các Bồ tát tức duyên nơi tất cả pháp như Khế kinh v.v…, tập hợp làm một nhóm, một khối, một phần, một tụ, tác ý tư duy, thì tất cả pháp này tùy thuận chân như, hướng tới chân như, sắp nhập chân như, tùy thuận Bồ đề, tùy thuận Niết-bàn, thuận theo chuyển y cùng hướng tới nẻo ấy. Nếu sắp nhập nơi đấy thì tất cả pháp này sẽ tuyên thuyết vô lượng vô số pháp thiện. Tư duy như thế và tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá- na, đó gọi là duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế Tôn! Như nói duyên nhỏ, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại nói duyên lớn, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại nói duyên vô lượng, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Thế nào gọi là duyên nhỏ, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Thế nào gọi là duyên lớn, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Thế nào lại gọi là duyên vô lượng, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

- Này thiện nam! Nếu duyên đều riêng nơi Khế kinh, cho đến đều riêng nơi luận nghị, làm một nhóm v.v…, tác ý tư duy, nên biết đó gọi là duyên nhỏ, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Nếu duyên, cho đến các pháp đã thọ nhận, đã tư duy như Khế kinh v.v… làm một nhóm v.v…, tác ý tư duy, không phải duyên đều riêng, nên biết đó gọi là duyên lớn, chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Nếu duyên nơi vô lượng giáo pháp của Như lai, vô lượng pháp cú, văn tự, vô lượng huệ càng về sau càng tỏa chiếu rõ, làm một nhóm v.v…, tác ý tư duy, không phải duyên cho đến đã thọ nhận, đã tư duy. Nên biết đó gọi là duyên vô lượng, chung, nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế Tôn! Bồ tát ngang với mức gì được gọi là duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

- Này thiện nam! Do năm duyên, nên biết gọi là đạt được:

1. Vào lúc tư duy, từng sát na sát na, làm tiêu tan chỗ dựa của tất cả thô trọng.

2. Lìa vô số tưởng, đạt được an lạc nơi pháp lạc.

3. Hiểu rõ tướng không sai biệt của mười phương với vô lượng ánh sáng pháp.

4. Chỗ hành tác đã thành tựu đầy đủ, tương ưng với phần tịnh. Tướng không phân biệt luôn hiện tiền.

5. Vì khiến Pháp thân được thành tựu viên mãn, nên thâu nhận nhân diệu càng về sau càng thù thắng.

Thế Tôn! Duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này, nên biết từ đâu gọi là thông đạt? Từ đâu gọi là đắc?

- Này thiện nam! Từ địa thứ nhất là địa Cực hỷ, gọi là thông đạt.

Từ địa thứ ba là địa Phát quang mới gọi là đắc.

Này thiện nam! Bồ tát mới hành trì cũng ở trong đó tùy học tác ý, tuy chưa đáng khen ngợi, nhưng không nên biếng nhác, bỏ dở giữa chừng.

Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này, thế nào gọi là Tam-ma địa có tầm có tứ? Thế nào gọi là Tam-ma -địa không tầm chỉ có tứ? Thế nào gọi là Tam-ma-địa không tầm không tứ?

- Này thiện nam! Đối với như chỗ nhận lấy tướng của pháp tầm tứ, nếu có thô hiển bày, được nhận lãnh khi quán xét các pháp khác Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

Nếu đối với tướng kia, tuy không có phần thô hiển bày, nhận lãnh, để quán xét, nhưng có phần vi tế nơi ánh sáng kia, nhớ nghĩ, nhận lãnh, quán xét các pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Tam-ma- địa không tầm chỉ có tứ.

Nếu tức đối với tướng của tất cả pháp kia đều không tác ý, để nhận lãnh, quán xét các pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Tam- ma-địa không tầm không tứ.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tầm cầu, đó gọi là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

Nếu có Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tứ sát, đó gọi là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ.

Nếu duyên chung nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Tam-ma-địa không tầm không tứ.

Thế Tôn! Thế nào là tướng chỉ? Thế nào là tướng cử? Thế nào là tướng xả?

- Này thiện nam! Nếu tâm trạo cử, hoặc lúc sợ trạo cử, tác ý về các pháp đáng chán bỏ, cùng tác ý của tâm không gián đoạn kia, đó gọi là tướng của chỉ.

Nếu tâm hôn trầm, hoặc lúc sợ hôn trầm, tác ý về các pháp đáng vui thích, cùng tác ý về tướng của tâm kia, đó gọi là tướng của cử.

Hoặc nơi toàn bộ đạo của chỉ, hoặc nơi toàn bộ đạo của quán, hoặc nơi đạo cả hai cùng vận hành, hai tùy phiền não lúc tạo nhiễm ô, các tác ý

không dụng công, cùng tác ý hiện có trong tâm tự nhiên chuyển, đó gọi là tướng của xả.

Thế Tôn! Các chúng Bồ tát tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na biết pháp biết nghĩa. Thế nào là biết pháp? Thế nào là biết nghĩa?

- Này thiện nam! Các Bồ tát kia, do năm thứ tướng nên nhận biết rõ về pháp:

1. Biết về danh.
2. Biết về cú.
3. Biết về văn.
4. Biết về riêng.
5. Biết về chung.

Thế nào gọi là danh? Nghĩa là ở trong tất cả pháp nhiễm tịnh, giả nêu đặt tưởng của tự tánh đã an lập.

Thế nào gọi là cú? Tức ở trong chỗ tụ tập của danh kia, có thể theo đấy nêu rõ các nghĩa nhiễm tịnh, dựa, giữ để kiến lập.

Thế nào là văn? Tức là các chữ của hai chỗ nương dựa kia.

Thế nào là đối với chúng đều nhận biết rõ riêng biệt? Nghĩa là do tác ý của đối tượng duyên đều riêng.

Thế nào là đối với chúng đều nhận biết rõ chung hợp? Tức là do tác ý của đối tượng duyên chung hợp.

Như thế, tất cả phần chung tóm lược làm một, gọi là biết pháp, như vậy gọi là Bồ tát biết pháp.

Này thiện nam! Các Bồ tát kia, do mười thứ tướng nên nhận biết rõ về nghĩa:

1. Biết tận cùng về tánh hiện có.
2. Biết tánh như hiện có.
3. Biết nghĩa của chủ thể giữ lấy.
4. Biết nghĩa của đối tượng được giữ lấy.
5. Biết nghĩa kiến lập.
6. Biết nghĩa thọ dụng.
7. Biết nghĩa điên đảo.
8. Biết nghĩa không điên đảo.
9. Biết nghĩa tạp nhiễm.
10. Biết nghĩa thanh tịnh.

Này thiện nam! Tận cùng về tánh hiện có: Là biên vực riêng nơi tất cả phẩm hiện có trong các pháp tạp nhiễm, thanh tịnh. Đó gọi là trong ấy, tận cùng về tánh hiện có. Như năm số uẩn, sáu số nội xứ, sáu số ngoại xứ.

- Tánh như hiện có: Tức chân như hiện có trong tất cả pháp nhiễm tịnh. Đó gọi là trong ấy, tánh như hiện có.

Ở đây lại có bảy thứ:

1. Chân như lưu chuyển: Nghĩa là tánh của tất cả hành không có trước sau.

2. Chân như của tướng: Là tánh vô ngã của tất cả pháp hữu tình cùng tánh vô ngã của pháp.

3. Chân như liễu biệt: Tức tất cả hành chỉ là tánh của thức.

4. Chân như an lập: Nghĩa là các Thánh đế Khổ, do Như lai đã giảng nói.

5. Chân như hành tà: Là các Thánh đế Tập, do Như lai thuyết giảng.

6. Chân như thanh tịnh: Là các Thánh đế Diệt, do Như lai thuyết giảng.

7. Chân như hành chánh: Là các Thánh đế Đạo, do Như lai thuyết giảng.

Nên biết trong ấy, do chân như lưu chuyển, chân như an lập, chân như hành tà, nên tất cả hữu tình bình đẳng, bình đẳng. Do chân như của tướng, chân như liễu biệt, nên tất cả các pháp đều bình đẳng, bình đẳng. Do chân như thanh tịnh, nên tất cả hàng Thanh văn Bồ đề, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đều bình đẳng, bình đẳng. Do chân như hành chánh, nên huệ thuộc về Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, do lắng nghe Chánh pháp, duyên nơi cảnh giới chung, đều bình đẳng, bình đẳng.

Nghĩa của chủ thể giữ lấy: Tức năm sắc xứ bên trong, hoặc tâm ý thức cùng các tâm sở.

Nghĩa của đối tượng được giữ lấy: Là sáu xứ bên ngoài.

Lại, nghĩa của chủ thể giữ lấy cũng là nghĩa của đối tượng được giữ lấy.

Nghĩa kiến lập: Tức là khí thế giới, trong đó có thể kiến lập được tất cả Giới của các hữu tình. Như ruộng đất một thôn. Hoặc ruộng đất trăm thôn, ngàn thôn, trăm ngàn thôn. Hoặc một vùng đất lớn đến biên vực của biển. Hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn vùng đất lớn như thế. Hoặc một châu Thiệm Bộ. Hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn lần. Hoặc một đến bốn đại châu. Hoặc trăm, ngàn, trăm ngàn lần. Hoặc một tiểu thiên thế

giới. Hoặc một trung thiên thế giới. Hoặc một tam thiên đại thiên thế giới. Hoặc vô số tam thiên đại thiên thế giới…

Nghĩa thọ dụng: Tức chư Như lai đã nói về các loài hữu tình, vì thọ dụng nên thâu nhận các vật dụng nuôi sống.

Nghĩa điên đảo: Tức đối với các nghĩa như nghĩa của chủ thể giữ lấy kia, tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo, vô thường chấp là thường, khổ chấp là lạc, bất tịnh chấp là tịnh, vô ngã chấp là ngã.

Nghĩa không điên đảo: Tức cùng với trên trái nhau, có thể đối trị chúng, nên biết về tướng.

Nghĩa tạp nhiễm: Là ba thứ tạp nhiễm trong ba cõi:

1. Tạp nhiễm của phiền não.
2. Tạp nhiễm của nghiệp.
3. Tạp nhiễm của sanh.

Nghĩa thanh tịnh: Là pháp Bồ đề phần lìa trói buộc hiện có đối với ba thứ tạp nhiễm như thế.

- Này thiện nam! Nên biết mười thứ như thế là gồm thâu khắp hết thảy các nghĩa.

- Lại nữa, này thiện nam! Các Bồ tát kia, do có thể nhận biết rõ về năm thứ nghĩa, nên gọi là biết nghĩa:

1. Nhận biết khắp về sự.
2. Nhận biết khắp về nghĩa.
3. Nhận biết khắp về nhân.
4. Được nhận biết khắp về quả.
5. Đối với các điều ấy đều hiểu rõ.

Nhận biết khắp về sự: Nên biết tức là tất cả đối tượng được nhận thức, đấy là hoặc các uẩn, hoặc các xứ nội, hoặc các xứ ngoại.

Nhận biết khắp về nghĩa: Là cho đến các phẩm loại sai biệt hiện có nơi cảnh nên nhận biết. Hoặc là thế tục. Hoặc là Thắng nghĩa. Hoặc là công đức. Hoặc là lỗi lầm. Là duyên. Là đời. Hoặc tướng sanh, trụ, hoại. Hoặc như bệnh v.v… hoặc Khổ, Tập v.v… Hoặc chân như, thật đế, pháp giới. Hoặc rộng, lược. Hoặc ghi nhận toàn bộ. Hoặc ghi nhận phân biệt. Hoặc ghi nhận hỏi ngược lại. Hoặc ghi nhận để yêu. Hoặc ẩn mật. Hoặc hiển bày. Các loại như thế, nên biết tất cả được gọi là nhận biết khắp về nghĩa.

Nhận biết khắp về nhân: Nên biết tức là có thể giữ lấy hai pháp Bồ đề phần trước, nghĩa là các niệm trụ, các chánh đoạn.

Được nhận biết khắp về quả: Nghĩa là Tỳ-nại-da đoạn trừ tham sân si. Các quả Sa môn đã vĩnh viễn dứt hết tất cả tham sân si. Cùng chư Như lai đã nói về Thanh văn, Như lai, với các công đức thế gian xuất thế gian hiện có, hoặc chung hoặc không chung.

Đối với các điều ấy đều hiểu rõ: Tức ở trong pháp tác chứng ấy, các trí giải thoát rộng vì những kẻ khác thuyết giảng, biểu dương, khai thị.

- Này thiện nam! Năm nghĩa như thế, nên biết là đã gồm thâu khắp tất cả các nghĩa.

- Lại nữa, này thiện nam! Các Bồ tát kia, do có thể nhận biết rõ bốn thứ nghĩa nên gọi là biết nghĩa:

1. Nghĩa chấp thọ của t âm.
2. Nghĩa lãnh nạp.
3. Nghĩa liễu biệt.
4. Nghĩa tạp nhiễm, thanh tịnh.

- Này thiện nam! Bốn nghĩa như thế, nên biết là đã gồm thâu khắp tất cả nghĩa.

- Lại nữa, này thiện nam! Các Bồ tát kia, do có thể nhận biết rõ về ba thứ nghĩa, nên gọi là biết nghĩa:

1. Nghĩa của văn.
2. Nghĩa của nghĩa.
3. Nghĩa của Giới.

Nghĩa của văn: Tức là danh thân v.v… Nghĩa của nghĩa: Nên biết lại có mười thứ:

1. Tướng chân thật.
2. Tướng nhận biết khắp.
3. Tướng vĩnh viễn đoạn trừ.
4. Tướng tác chứng.
5. Tướng tu tập.
6. Tướng sai biệt của các phẩm thuộc tướng chân thật kia.
7. Tướng cùng hệ thuộc chủ thể nương dựa và đối tượng được nương dựa.
8. Tướng của pháp chướng ngại đối với sự nhận biết khắp.
9. Tướng của pháp tùy thuận kia.
10. Tướng công đức, lỗi lầm của sự nhận biết khắp cùng không nhận biết khắp.

Nghĩa của Giới: Nghĩa là năm thứ Giới:

1. Khí thế giới.
2. Giới hữu tình.
3. Giới pháp.
4. Giới được điều phục.
5. Giới điều phục gia hạnh.

Này thiện nam! Năm nghĩa như thế, nên biết là đã gồm thâu khắp tất cả các nghĩa.

Thế Tôn! Hoặc Huệ do Văn tạo thanh, nhận biết rõ về nghĩa ấy. Hoặc Huệ do Tư tạo thành, nhận biết rõ về nghĩa ấy. Hoặc Huệ do Tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tạo thanh, nhận biết rõ về nghĩa ấy. Ở đây có sai biệt gì?

- Này thiện nam! Huệ do Văn tạo thành nương dựa nơi Văn, lãnh hội, chỉ như chỗ thuyết giảng, ý nghĩa sâu xa chưa hoàn toàn, chưa hiện tiền tùy thuận giải thoát, chưa có thể nhận lãnh thành nghĩa giải thoát. Huệ do Tư tạo thành cũng dựa nơi Văn, không chỉ như chỗ thuyết giảng mà ý nghĩa sâu xa cũng hoàn toàn, nhưng chưa hiện tiền, chuyển

thuận theo giải thoát, chưa thể nhận lãnh thành nghĩa giải thoát.

Nếu Huệ do các Bồ tát tu tập tạo thành, cùng dựa nơi Văn, cũng không dựa nơi Văn, cũng như chỗ thuyết giảng, ý nghĩa sâu xa có thể hoàn toàn. Ảnh tượng nơi đối hành của Tam-ma-địa đồng phận thuộc sự của đối tượng nhận đã hiện tiền, rất thuận với giải thoát rồi, có thể nhận lãnh thành nghĩa giải thoát.

- Này thiện nam! Đó gọi là ba thứ sai biệt của biết nghĩa.

Thế Tôn! Các chúng Bồ tát tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na biết pháp biết nghĩa. Vậy thế nào là trí, thế nào là kiến?

- Này thiện nam! Như lai đã dùng vô lượng môn, tuyên thuyết về hai thứ trí, kiến có sai biệt. Nay sẽ vì ông lược nói về tướng.

Nếu diệu huệ hiện có duyên nơi pháp chung, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là trí. Nếu diệu huệ hiện có duyên khởi nơi pháp riêng, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là kiến.

Thế Tôn! Các chúng Bồ tát tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, do tác ý gì, về những gì, thế nào gọi là trừ bỏ các tướng?

- Này thiện nam! Do tác ý chân như, trừ bỏ tướng của pháp, cùng với tướng của nghĩa. Nếu đối với danh cùng tự tánh của danh, lúc không thủ đắc, cũng không quán tướng của chỗ dựa kia, để trừ bỏ như thế.

Như đối với danh, thì đối với cú, với văn, đối với tất cả nghĩa, nên

biết cũng thế. Cho đến Giới, tự tánh của Giới, lúc không thủ đắc, cũng không quán tướng của chỗ dựa kia để trừ bỏ như thế.

Thế Tôn! Những sự nhận biết rõ về tướng nơi nghĩa chân như, vậy tướng chân như ấy cũng có thể loại bỏ chăng?

- Này thiện nam! Ở trong chỗ nhận biết rõ về nghĩa của chân như đều không có tướng, cũng không có chỗ thủ đắc, vậy sẽ loại bỏ chỗ nào?

- Này thiện nam! Như lai lúc nói nhận biết rõ nghĩa của chân như, có thể điều phục tướng nơi nghĩa của tất cả pháp, không phải ở đây là thông đạt về chỗ còn lại có thể điều phục.

Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói dụ về vật chứa nước đục, dụ về tấm gương không sạch, dụ về suối ao chảy vòng quanh, tức không nhận lấy việc quan sát ảnh tướng của gương mặt mình. Nếu gắng nhận lấy, thì sẽ cùng với trên trái nhau. Như vậy, nếu có người không khéo tu tâm, tức không gắng nhận lấy việc quán xét đúng như thật về chân như hiện có. Nếu khéo tu tâm, gắng nhận lấy sự quán xét, vậy ở đây nói những gì là tâm có thể quán xét, dựa nơi chân như nào để nói như thế?

- Này thiện nam! Ở đây nói ba thứ tâm có thể quán xét: là tâm có thể quán xét do Văn tạo thành, tâm có thể quán xét do Tư tạo thành và tâm có thể quán xét do Tu tạo thành, cùng dựa nơi chân như liễu biệt để nói như thế.

Thế Tôn! Bồ tát nhận biết rõ về pháp, nghĩa như thế, là loại bỏ các tướng, siêng tu gia hạnh, có bao nhiêu thứ tướng khó có thể trừ bỏ, cái gì có thể trừ bỏ?

- Này thiện nam! Có mười thứ tướng-không, có thể trừ bỏ. Đó là:

1. Nhận biết rõ về nghĩa của pháp: Có vô số tướng của văn tự. Ở đây, do tất cả pháp không, có thể chính thức trừ bỏ.

2. Nhận biết rõ về nghĩa của chân như an lập: Có tướng của tánh sanh diệt trụ dị nối tiếp, tùy chuyển. Ở đây, do tướng không cùng không không có trước sau, có thể chánh thức trừ bỏ.

3. Nhận biết rõ về nghĩa của chủ thể giữ lấy: Có tướng luyến tiếc thân và tướng ngã mạn. Ở đây, do nội không và không vô sở đắc, có thể chính thức trừ bỏ.

4. Nhận biết rõ về nghĩa của đối tượng được giữ lấy: Có tướng lưu luyến về tài sản. Ở đây, do ngoại không, có thể chính thức trừ bỏ.

5. Nhận biết rõ về nghĩa thọ dụng: Tức nam nữ, thừa sự vật dụng nuôi sống nối tiếp, có tướng an lạc bên trong và tướng tịnh diệu bên ngoài.

Ở đây, do nội ngoại không cùng bản tánh không, có thể chánh thức trừ bỏ.

6. Nhận biết rõ về nghĩa kiến lập: Có vô lượng tướng. Ở đây, do đại không, có thể chánh thức trừ bỏ.

7. Nhận biết rõ về vô sắc: Có tướng nội tịch tĩnh giải thoát. Ở đây, do hữu vi không, có thể chánh thức trừ bỏ.

8. Nhận biết rõ về nghĩa của tướng chân như: Có tướng vô ngã của Bổ-đặc-già-la, tướng của pháp vô ngã, hoặc chỉ là tướng của thức cùng tướng của Thắng nghĩa. Ở đây, do tất cánh không, vô tánh không, tánh không tự tánh không cùng Thắng nghĩa không, có thể chánh thức trừ bỏ.

9. Nhận biết rõ về nghĩa của chân như thanh tịnh: Có tướng vô vi, tướng không biến dị. Ở đây, do vô vi không, vô biến dị không, có thể chánh thức trừ bỏ.

10. Tức đối với các tướng kia, tác ý tư duy, đối trị không tánh, có tướng của không tánh. Ở đây, do không không, có thể chánh thức trừ bỏ.

Thế Tôn! Mười thứ tướng lúc trừ bỏ như thế là trừ bỏ những gì? Từ những tướng gì mà được giải thoát?

- Này thiện nam! Trừ bỏ tướng thuộc ảnh tượng nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa, từ tướng trói buộc của tạp nhiễm mà được giải thoát, tướng giải thoát kia cũng được trừ bỏ.

- Này thiện nam! Nên biết là căn cứ theo chỗ thù thắng để nói các không như thế đối trị các tướng như thế, không phải là không cho mỗi mỗi thứ có thể đối trị tất cả tướng. Ví như vô minh không phải là không thể sanh ra các pháp tạp nhiễm cho đến lão tử, nhưng căn cứ theo chỗ vượt trội, chỉ nói có thể sanh nơi hành, do các hành này là duyên gần gũi. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

Thế Tôn! Trong đây, những gì là không, là tướng của không tánh chung hợp? Nếu các Bồ tát nhận biết rõ như thế rồi, không có hoại mất, nơi tướng của không tánh, lìa bỏ tăng thượng mạn?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ tát Từ Thị:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nay đã có thể thỉnh vấn Như lai về nghĩa sâu xa như thế, khiến các Bồ tát đối với tướng của không tánh không có hoại mất. Vì sao?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát đối với tướng của không tánh có hoại mất, tức bị hoại mất tất cả pháp Đại thừa. Thế nên ông phải hết sức lắng nghe, Như lai sẽ vì ông thuyết giảng về tướng của không tánh chung hợp.

- Này thiện nam! Nếu ở trong tướng của Y tha khởi cùng tướng của Viên thành thật, tất cả phẩm loại tạp nhiễm, thanh tịnh nơi tướng của Biến kế sở chấp, tánh đều rốt ráo xa lìa, cùng không thủ đắc. Như thế gọi là tướng của không tánh chung hợp trong Đại thừa.

Thế Tôn! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này có thể gồm thâu bao nhiêu thứ Tam-ma-địa thù thắng?

- Này thiện nam! Như Như lai đã nói về vô lượng Thanh văn, Bồ tát, Như lai, có vô lượng thứ Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết, tất cả đều thuộc về pháp này.

Thế Tôn! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này dùng gì làm nhân?

- Này thiện nam! Thi-la thanh tịnh, và chánh kiến do Văn, Tư tạo thành, dùng làm nhân.

Thế Tôn! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này lấy gì làm quả?

- Này thiện nam! Tâm khéo thanh tịnh, huệ khéo thanh tịnh được lấy làm quả.

Lại nữa, này thiện nam! Hết thảy pháp thiện thế gian xuất thế gian hiện có nơi tất cả Thanh văn cùng Như Lai, nên biết đều là quả đã đạt được của pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này.

Thế Tôn! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này tọa những hành nghiệp gì?

- Này thiện nam! Pháp này có thể giải thoát hai thứ trói buộc làm nghiệp. Đó là:

1. Trói buộc của tướng.
2. Trói buộc của thô, trọng.

Thế Tôn! Như Đức Phật đã nói về năm thứ hệ thuộc, trong đó có mấy thứ là chướng ngại của Xa-ma-tha? Có mấy thứ là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na? Mấy thứ là chướng ngại cho cả hai?

- Này thiện nam! Lưu luyến thân mạng, tài sản là chướng ngại của Xa-ma-tha. Đối với các Thánh giáo không được thuận theo sự mong muốn, là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na. Vui thích cùng tạp trụ đối với thiểu hỷ tác, nên biết là chướng ngại đối với cả hai.

Do chướng ngại thứ nhất, nên không thể tạo sự tu tập. Do chướng ngại thứ hai nên chỗ tu gia hạnh không đạt đến cứu cánh.

Thế Tôn! Ở trong năm thứ ngăn che (cái), bao nhiêu thứ là chướng của Xa-ma-tha? Bao nhiêu thứ là chướng của Tỳ-bát-xá-na? Bao nhiêu thứ là chướng của cả hai?

- Này thiện nam! Trạo cử-ố tác là chướng ngại của Xa-ma-tha. Hôn trầm-thùy miên là chướng ngại của Tỳ-bát-xá-na. Tham dục, sân hận, nên biết là chướng ngại của cả hai.

Thế Tôn! Ngang với gì gọi là đạt được đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn?

- Này thiện nam! Cho đến hôn trầm, thùy miên hiện có, chánh thức được trừ bỏ hoàn toàn, ngang với đấy được gọi là đạt được đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn.

Thế Tôn! Ngang với mức gì gọi là đạt được đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn?

- Này thiện nam! Cho đến trạo cử, ố tác hiện có đều chánh thức trừ bỏ hoàn toàn, ngang đấy được gọi là đạt đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn.

Thế Tôn! Nếu các Bồ tát đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na lúc hiện tiền, nên biết là có bao nhiêu thứ pháp tán động nơi tâm?

- Này thiện nam! Nên biết là có năm thứ:

1. Tán động của tác ý.
2. Tán động của ngoại tâm.
3. Tán động của nội tâm.
4. Tán động của tướng.
5. Tán động của thô trọng.

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát xả bỏ tác ý tương ưng với Đại thừa, rơi vào trong các tác ý tương ưng với hàng Nhị thừa, nên biết đó gọi là tán động của tác ý.

Nếu ở trong các tùy phiền não của tầm tứ hiện có nơi các tướng tạp loạn của năm thứ dục diệu bên ngoài, cùng ở nơi cảnh của đối tượng duyên bên ngoài, buông tâm lưu tán, nên biết đó gọi là tán động của ngoại tâm.

Hoặc do hôn trầm, cùng do thùy miên, hoặc do chìm đắm, hoặc do ái vị Tam-ma-bát-đề, hoặc do tùy theo một thứ nơi các tùy phiền não của Tam-ma-bát-đề, làm nhiễm ô, nên biết đó gọi là tán động của nội tâm.

Nếu dựa vào tướng bên ngoài, đối với các tướng nơi đối tượng hành của đẳng trì bên trong tác ý tư duy, đó gọi là tán động của tướng.

Hoặc nội tác ý, làm duyên sanh khởi các thọ hiện có, do thô trọng nơi thân chấp ngã khởi mạn, nên biết đó gọi là tán động của thô trọng.

Thế Tôn! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này, từ địa Bồ tát thứ nhất cho đến địa Như Lai, có thể đối trị chướng nào?

- Này thiện nam! Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này, ở trong địa thứ nhất, đối trị chướng tạp nhiễm sanh khởi do nghiệp phiền não thuộc nẻo ác. Nơi địa thứ hai, đối trị chướng ngại của sự sai phạm nhầm lẫn vi tế hiện hành. Trong địa thứ ba, đối trị chướng ngại của dục tham. Nơi địa thứ tư, đối trị chướng ngại do tham ái định và tham ái pháp. Trong địa thứ năm, đối trị chướng ngại cho sanh tử, Niết-bàn là hoàn toàn trái ngược. Nơi địa thứ sáu, đối trị chướng ngại của tướng hiện hành nhiều. Trong địa thứ bảy, đối trị chướng ngại của tướng vi tế hiện hành. Nơi địa thứ tám, đối trị chướng ngại do tạo công dụng nơi vô tướng, cùng chướng ngại không được tự tại nơi hữu tướng. Trong địa thứ chín, đối trị chướng ngại do đối với các thứ ngôn từ thiện xảo không được tự tại. Nơi địa thứ mười, đối trị chướng ngại không được chứng đắc Pháp thân viên mãn.

- Này thiện nam! Pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na này, ở địa Như Lai đã đối trị chướng phiền não và chướng sở tri rất vi tế, hết sức rất vi tế. Do có thể vĩnh viễn loại bỏ chướng ngại như thế, nên chứng đắc rốt ráo tất cả trí kiến không vướng mắc, không ngăn ngại, dựa nơi sự tạo tác thành tựu đối tượng duyên viên mãn, kiến lập Pháp thân thanh tịnh tột cùng.

Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát dựa nơi pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na siêng năng tu tập, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, dựa nơi bảy chân như, ở trong các pháp như đã nghe, đã tư duy, do tâm định vượt trội, nên ở trong tánh của chân như đã khéo thẩm định, khéo lường xét, khéo an lập, bên trong chánh tư duy, cùng chánh tư duy nơi chân như. Tâm đối với tất cả tướng vi tế hiện hành hãy còn có thể dứt bỏ, huống chi là tướng thô.

- Này thiện nam! Nói tướng vi tế: Nghĩa là tướng chấp thọ của tâm. Hoặc tướng lãnh nạp, hoặc tướng liễu biệt, hoặc tướng tạp nhiễm thanh tịnh, hoặc tướng bên trong, hoặc tướng bên ngoài, hoặc tướng trong ngoài. Hoặc cho là ta sẽ tu hành tất cả tướng tạo lợi ích cho hữu tình. Hoặc tướng của chánh trí, hoặc tướng của chân như, hoặc tướng của Khổ Tập Diệt Đạo, hoặc tướng hữu vi, hoặc tướng vô vi. Hoặc tướng hữu thường, hoặc tướng vô thường, hoặc tướng của tánh khổ có biến dị, hoặc tướng của tánh khổ không biến dị. Hoặc tướng của hữu vi dị tướng, hoặc tướng của hữu vi đồng tướng. Hoặc tướng nhận biết tất cả là tất cả rồi có tất cả. Hoặc tướng vô ngã của Bổ-đặc-già-la. Hoặc tướng của pháp vô ngã. Đối với các tướng ấy hiện hành, tâm có thể dứt bỏ. Bồ tát đã trụ nhiều nơi hành như thế, nên qua nhiều thời gian nối tiếp, từ chỗ tán động của tất cả ngăn che trói buộc, tâm khéo

tu tập đối trị. Từ đấy trở về sau, nơi bảy chân như có bảy trí thông đạt sanh khởi, đều riêng biệt do tự nội chứng đắc, gọi là kiến đạo. Do đã đạt được trí ấy, nên gọi là nhập chánh tánh ly sanh của Bồ tát, sanh nơi nhà Như lai, chứng đắc địa thứ nhất, lại có thể thọ dụng thắng đức của địa này. Bồ tát, do lúc trước đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na nên đã có được hai thứ đối tượng duyên:

1. Đối tượng duyên có phân biệt ảnh tượng.

2. Đối tượng duyên không phân biệt ảnh tượng.

Bồ tát, nơi hiện thời đã đạt được kiến đạo, nên lại chứng đắc đối tượng duyên của biên vực sự. Lại ở trong tất cả địa càng về sau, tiến tu về tu đạo, tức nơi ba thứ đối tượng duyên như thế, tác ý tư duy. Ví như có người dùng cái nêm nhỏ để lấy ra cái nêm lớn, Bồ tát như thế là dựa vào việc dùng nêm để lấy nêm ra, tức dùng gia hạnh loại bỏ tướng bên trong, nên tất cả tướng tùy thuận phần tạp nhiễm thảy đều trừ bỏ. Tướng được trừ rồi nên thô trọng cũng được loại bỏ, vĩnh viễn dứt hết tất cả tướng thô trọng. Lần lượt ở trong các địa về sau, như pháp luyện vàng để tu luyện nơi tâm, cho đến chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Lại đạt được đối tượng duyên hành tác thành tựu viên mãn.

- Này thiện nam! Như thế là Bồ tát, nơi nội Chỉ, Quán, tu tập chân chánh, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát tu hành dẫn phát huy đức lớn rộng?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát khéo nhận biết về sáu xứ, liền có thể dẫn phát uy đức rộng lớn hiện có của Bồ tát:

1. Khéo nhận biết về tâm sanh.

2. Khéo nhận biết về tâm trụ.

3. Khéo nhận biết về tâm xuất.

4. Khéo nhận biết về tâm đăng.

5. Khéo nhận biết về tâm giảm.

6. Khéo nhận biết về phương tiện.

- Thế nào là khéo nhận biết về tâm sanh? Nghĩa là nhận biết đúng như thật về mười sáu tâm hành sanh khởi có sai biệt. Đó gọi là khéo nhận biết về tâm sanh. Mười sáu tâm hành sanh khởi có sai biệt là:

1. Thức sanh của vật chứa trụ vững không thể hiểu biết. Tức là thức A-đà-na.

2. Thức sanh nơi đối tượng duyên của vô số hành tướng. Nghĩa là ý thức phân biệt, tức thì nhận lấy tất cả cảnh giới như sắc v.v… cùng ý thức

phân biệt, tức thì nhận lấy cảnh giới trong ngoài đều hiểu rõ, thọ nhận, hoặc tức thì nơi một niệm, nơi khoảnh khắc nháy mắt, hiện nhập nhiều định, thấy nhiều cõi Phật, thấy nhiều Như lai.

3. Thức sanh nơi đối tượng duyên của tướng nhỏ. Nghĩa là thức hệ thuộc cõi Dục.

4. Thức sanh nơi đối tượng duyên của tướng lớn. Tức là thức hệ thuộc cõi Sắc.

5. Thức sanh nơi đối tượng duyên của tướng vô lượng. Là thức hệ thuộc xứ Không, thức Vô biên.

6. Thức sanh nơi đối tượng duyên của tướng vi tế. Tức là thức hệ thuộc xứ Vô sở hữu.

7. Thức sanh nơi đối tượng duyên của tướng biên vực tận cùng. Tức là thức hệ thuộc xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

8. Thức sanh vô tướng. Là thức xuất thế gian cùng thức duyên diệt.

9. Thức sanh nơi khổ cùng hành. Là thức của nẻo Na-lạc-ca.

10. Thức sanh nơi tạp thọ cùng hành. Tức là thức của Dục hành.

11. Thức sanh nơi hỷ cùng hành. Tức là thức của hai Tĩnh lự đầu.

12. Thức sanh nơi lạc cùng hành. Là thức của Tĩnh lự thứ ba.

13. Thức sanh của không khổ không lạc cùng hành. Là thức của từ Tĩnh lự thứ tư cho đến thức của xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

14. Thức sanh nơi nhiễm ô cùng hành. Là thức tương ưng với các phiền não và tùy phiền não.

15. Thức sanh nơi thiện cùng hành. Là thức tương ưng với tín v.v…

16. Thức sanh nơi vô ký cùng hành. Là thức cùng không tương ưng với cả hai phía.

Thế nào là khéo nhận biết về tâm trụ? Tức là nhận biết đúng như thật về chân như liễu biệt.

Thế nào là khéo nhận biết về tâm xuất? Là nhận biết đúng như thật về việc ra khỏi hai thứ trói buộc: trói buộc của tướng và trói buộc của thô trọng. Ở đây, do có thể khéo nhận biết nên khiến tâm đã xuất ly như thế.

Thế nào là khéo nhận biết về tâm tăng? Là nhận biết đúng như thật vết tâm là chủ thể đối trị sự trói buộc của tướng và của thô trọng. Khi tâm kia tăng trưởng, tâm kia tích tập, thì chủ thể đối trị cũng được tăng trưởng, cũng được tích tập, gọi là khéo nhận biết về tâm tăng.

Thế nào là khéo nhận biết về tâm giảm? Là nhận biết đúng như thật

về tâm kia là đối tượng đối trị chỗ tạp nhiễm của thô trọng và tướng. Khi tâm suy thoái, tổn giảm thì đối tượng được đối trị cũng suy thoái, cũng tổn giảm, gọi là khéo nhận biết về tâm giảm.

Thế nào là khéo nhận biết về gia hạnh? Là nhận biết đúng như thật về giải thoát, thắng xứ cùng biến xứ, hoặc tu tập, hoặc dứt bỏ.

- Này thiện nam! Như thế là các Bồ tát, đối với uy đức rộng lớn của các Bồ tát, hoặc đã dẫn phát, hoặc sẽ dẫn phát, hoặc đang dẫn phát.

Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói, ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y, tất cả các thọ đều hoàn toàn được diệt trừ. Vậy những gì là các thọ, ở đây được vĩnh viễn dứt trừ?

- Này thiện nam! Nói tóm gọn, có hai thứ thọ đã được diệt trừ hoàn toàn. Đó là:

1. Thọ của thô trọng là chỗ dựa.

2. Thọ của cảnh giới nơi quả kia.

Thọ của thô trọng là chỗ dựa, nên biết có bốn thứ:

1. Thọ của chỗ dựa có sắc.

2. Thọ của chỗ dựa không sắc.

3. Thọ của thô trọng nơi quả đã thành mãn.

4. Thọ của thô trọng nơi quả chưa thành mãn. Thọ của quả đã thành mãn: Là thọ hiện tại.

Thọ của quả chưa thành mãn: Là thọ của nhân vị lai. Thọ của cảnh giới của quả kia cũng có bốn thứ:

1. Thọ nương dựa, giữ gìn.

2. Thọ các vật dụng nuôi sống.

3. Thọ của thọ dụng.

4. Thọ luyến tiếc.

Ở trong Giới Niết-bàn Hữu dư y, thọ của quả chưa thành mãn, tất cả đã diệt. Lãnh nhận thọ sanh do đối trị minh xúc, lãnh nhận thọ cùng có, hoặc lại là thọ của quả đã thành mãn kia.

Lại, hai thứ thọ, tất cả đã diệt, chỉ hiện nhận lãnh thọ do minh xúc sanh. Ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y, lúc Bát-niết-bàn, thì các thứ ấy cũng vĩnh viễn dứt trừ. Thế nên nói ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y, hết thảy các thọ đều hoàn toàn vắng bặt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói lời ấy xong, liền bảo Bồ tát Từ Thị:

- Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nay đã khéo có thể

nương dựa nơi đạo Du-già hết mực thanh tịnh vi diệu, viên mãn, thỉnh vấn Như lai. Ông đối với Du-già đã quyết định đạt được thiện xảo tột cùng. Như lai đã vì ông tuyên thuyết về đạo Du-già viên mãn, vi diệu, thanh tịnh tột bậc. Tất cả bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai hiện có đã thuyết giảng, sẽ thuyết giảng đều cũng như thế. Các thiện nam, thiện nữ đều nên dựa nơi sự tinh tấn dũng mãnh ấy để tu học đúng đắn.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn nêu rõ lần nữa về nghĩa ấy, nên nói tụng:

Ở trong pháp giả lập Du già
Nếu hành phóng dật, mất nghĩa lớn
Nương dựa pháp ấy cùng Du già
Nếu tu tập đúng, đắc Đại giác
Kiến có thủ đắc, cầu khỏi nạn
Hoặc cho kiến ấy là đắc pháp
Từ Thị! Cách xa Du già kia
Ví như đại địa cùng hư không
Lợi sanh kiến cố nhưng không tạo
Ngộ rồi siêng tu lợi hữu tình
Bậc trí tạo lượng cùng kiếp này
Nên được hỷ lìa nhiễm tối thượng
Nếu người vì dục mà thuyết pháp
Gọi là bỏ dục lại nhận dục
Ngu si được pháp báu vô giá
Trở lại du hành mà cầu xin
Nơi tranh chấp, hý luận ồn tạp
Nên bỏ, phát khởi tinh tấn thượng
Vì độ chư Thiên cùng thế gian
Nơi Du già này ông nên học.

Khi ấy, Bồ tát Từ Thị lại bạch Phật:

- Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải thâm mật này, giáo pháp ấy nên gọi là gì, con sẽ phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ tát Từ Thị:

- Đây gọi là giáo pháp của Du-già liễu nghĩa. Đối với giáo pháp Du già liễu nghĩa này, ông nên theo đấy mà phụng trì.

Lúc thuyết giảng xong giáo pháp Du-già liễu nghĩa này, trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm Bồ đề, ba trăm ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, đối với các pháp, đạt pháp nhãn thanh tịnh, một trăm năm mươi

ngàn Thanh văn, các lậu vĩnh viễn dứt sạch, tâm được giải thoát, bảy mươi lăm ngàn Bồ tát đạt được tác ý Du-già rộng lớn.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 78

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 7:

Lại nữa, dựa nơi thừa giả lập, phân biệt giải nói về Đại thừa như thật, nên biết như trong kinh Giải Thâm Mật, Bồ tát Quán Tự Tại bạch Phật:

- Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói về mười địa của Bồ tát, đó là địa Cực hỷ, địa Ly cấu, địa Phát quang, địa Diệm huệ, địa Cực nan thắng, địa Hiện tiền, địa Viễn hành, địa Bất động, địa Thiện huệ và địa Pháp vân. Lại nói Phật địa là địa thứ mười một.

Các địa như thế, có bao nhiêu thứ là thanh tịnh, bao nhiêu phần gồm thâu?

Đức Phật bảo Bồ tát Quán Tự Tại:

- Này thiện nam! Nên biết các địa có bốn thứ thanh tịnh, mười một phần gồm thâu. Thế nào là bốn thứ thanh tịnh có thể gồm thâu các địa? Đó là:

1. Thanh tịnh của ý lạc tăng thượng, gồm thâu địa thứ nhất.
2. Thanh tịnh của Giới tăng thượng, gồm thâu địa thứ hai.
3. Thanh tịnh của tâm tăng thượng, gồm thâu địa thứ ba.
4. Thanh tịnh của huệ tăng thượng, đối với các địa càng về sau càng thêm thắng diệu, nên biết có thể gồm thâu từ địa thứ tư cho đến Phật địa.

Này thiện nam! Nên biết bốn thứ thanh tịnh như thế đã gồm thâu khắp các địa.

Thế nào là mười một thứ phần có thể gồm thâu các địa? Nghĩa là các Bồ tát, trước ở nơi địa Thắng giải hành, dựa nơi mười pháp hành hết sức khéo tu tập nhẫn Thắng giải, vượt quá địa kia, chứng nhập chánh tánh ly sanh của Bồ tát. Các Bồ tát kia, do nhân duyên ấy nên viên mãn phần này, nhưng chưa thể ở trong chỗ nhầm lẫn, hủy phạm vi tế hiện hành, nhận biết đúng đắn mà trụ. Vì duyên cớ ấy, nên ở trong phần này cũng chưa viên mãn.

Vì khiến cho phần ấy được viên mãn, nên siêng năng tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, do nhân duyên này nên viên mãn được phần đó, nhưng chưa thể viên mãn được các thứ đẳng trì, đẳng chí thế gian, cùng viên mãn các Đà-la-ni văn, trì. Như thế là ở trong phần ấy cũng chưa viên mãn.

Vì khiến được viên mãn, nên tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, nhân đấy nên viên mãn được phần này, nhưng chưa thể khiến theo chỗ đạt được các pháp Bồ đề phần, tâm trụ tu tập nhiều, chưa thể xả bỏ tham ái các đẳng chí cùng tham ái pháp. Do nhân duyên ấy, nên ở trong phần này cũng chưa viên mãn.

Vì khiến cho phần đó được viên mãn nên tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, nhân đấy viên mãn được phần này, nhưng chưa thể đối với đạo lý của các đế quan sát đúng như thật. Lại chưa thể đối với sanh tử, Niết-bàn, loại bỏ tác ý hoàn toàn trái ngược. Lại chưa có thể tu tập pháp Bồ đề phần thuộc về phương tiện. Vì thế, nên ở trong phần ấy cũng chưa viên mãn. Nhằm khiến cho phần này được viên mãn, nên siêng năng tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, do nhân duyên này, nên phần ấy được viên mãn, nhưng chưa thể ở nơi sanh tử lưu chuyển, quán xét đúng như thật.

Lại do đối với các thứ sanh tử kia, sanh nhiều chán lìa, chưa thể trụ nhiều nơi tác ý vô tướng, do đấy nên ở trong phần này cũng chưa viên mãn.

Nhằm khiến được viên mãn, nên lại tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, nhân đó nên viên mãn được phần này, nhưng chưa thể khiến cho tác ý vô tướng không thiếu sót, không gián đoạn, trụ nơi tu tập nhiều. Vì vậy, ở trong phần này cũng chưa được viên mãn.

Nhằm khiến cho chóng viên mãn, nên siêng năng, tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các Bồ tát kia, do nhân duyên ấy, nên phần này được viên mãn, nhưng chưa thể ở trong trụ vô tướng, lìa bỏ công dụng. Lại chưa có thể đối với tướng đạt được tự tại. Vì thế, nên ở trong phần này cũng chưa viên mãn.

Nhằm khiến đạt được viên mãn, nên càng tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Các vị Bồ tát kia, do nhân duyên ấy nên phần này đã được viên mãn. Nhưng chưa có thể ở trong tất cả phẩm loại thuộc tên gọi khác nơi các tướng, với những lời chỉ dạy sai biệt nêu rõ về pháp đạt được tự tại lớn. Do đấy, nên trong phần này cũng chưa được viên mãn.

Vì để cho phần đó được viên mãn nên lại tinh tấn tu tập liền có thể chứng đắc. Các vị Bồ tát kia, nhờ đấy nên phần này được viên mãn, nhưng

vẫn chưa thể đạt được diệu trí, diệu kiến không vướng mắc, không ngăn ngại, hiện hữu khắp nơi tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức. Với nhân duyên như thế, nên ở trong phần này cũng chưa viên mãn, lại càng siêng năng tinh tấn tu tập, liền có thể chứng đắc. Như vậy là phần này đã được viên mãn. Do phần này viên mãn, nên tất cả phần đều được viên mãn.

- Này thiện nam! Nên biết mười một phần như thế đã gồm thâu khắp các địa.

- Thế Tôn! Do duyên nào, địa đầu tiên gọi là địa Cực hỷ, cho đến do duyên nào gọi là Phật địa?

- Này thiện nam! Thành tựu nghĩa lớn, đạt được pháp xuất thế gian chưa từng được, tâm sanh đại hoan hỷ, do đó, địa đầu tiên mang tên là địa Cực hỷ.

Xa lìa tất cả chỗ phạm giới vi tế, thế nên địa thứ hai mang tên là địa Ly cấu. Do Bồ tát đã đạt được Tam-ma-địa cùng Đà-la-ni văn trì, có thể làm chỗ dựa cho vô lượng ánh sáng trí huệ, vì vậy địa thứ ba mang tên là địa Phát quang. Vì các Bồ tát kia đã đắc pháp Bồ đề phần, trí như ngọn lửa sáng chói thiêu đốt các phiền não, thế nên địa thứ tư mang tên là địa Diệm huệ.

Bồ tát đối với các pháp phần Bồ đề kia, theo phương tiện tu tập, vô cùng khó khăn mới đạt được tự tại, vì vậy địa thứ năm được gọi là địa Cực nan thắng.

Hiện tiền quan sát các hành, lại ở nơi vô tướng tu nhiều tác ý mới được hiện tiền. Do đó, địa thứ sáu mang tên là địa Hiền tiền. Có thể từ xa chứng nhập tác ý vô tướng không thiếu sót, không gián đoạn, đều cùng tiếp cận với địa thanh tịnh, thế nên địa thứ bảy mang tên là địa Viễn hành.

Do nơi vô tướng đạt được không dụng công, nên ở trong các tướng không bị các phiền não hiện hành làm cho lay động. Vì thế, địa thứ tám được gọi là địa Bất động.

Nơi tất cả thứ thuyết pháp tự tại, đạt được trí huệ rộng lớn vô lượng, do đó địa thứ chín có tên là địa Thiện huệ.

Pháp thân viên mãn, đối với thô trọng nơi thân, rộng lớn như hư không, ví như đám mây lớn đều có thể che trùm khắp, do đó địa thứ mười có tên là địa Pháp vân.

Đoạn trừ vĩnh viễn phiền não hết sức vi tế, cùng đoạn trừ sở tri chướng, không còn vướng mắc, trở ngại nơi tất cả chủng loại thuộc cảnh giới của đối tượng nhận thức, hiện Đẳng Chánh Giác, thế nên địa thứ mười một gọi là Phật địa.

Thế Tôn! Nơi các địa này, có bao nhiêu thứ ngu si, bao nhiêu thứ thô trọng là đối tượng được đối trị?

- Này thiện nam! Trong các địa này, có hai mươi hai thứ ngu si, mười một thứ thô trọng, là đối tượng được đối trị.

- Tức nơi địa thứ nhất có hai thứ ngu si:

1. Ngu si chấp trước hữu tình và pháp.

2. Ngu si của tạp nhiễm nơi nẻo ác.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Nơi địa thứ hai có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của nhầm lẫn, sai phạm vi tế.

2. Ngu si của vô số nẻo nghiệp.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Nơi địa thứ ba có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của dục tham.

2. Ngu si của Đà la ni Văn trì gồm đủ.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ tư có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của tham ái về đẳng chí.

2. Ngu si của tham ái về pháp.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ năm có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của tác ý hoàn toàn dứt bỏ sanh tử.

2. Ngu si của tác ý hoàn toàn hướng đến Niết bàn. Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ sáu có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của hiện tiền quán xét các hành lưu chuyển.

2. Ngu si của tướng nhiều hiện hành.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ bảy có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của tướng vi tế hiện hành.

2. Ngu si của phương tiện tác ý hoàn toàn vô tướng. Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ tám có hai thứ ngu si:

1. Ngu si do đối với vô tướng tạo công dụng.

2. Ngu si do tự tại đối với tướng.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ chín có hai thứ ngu si:

1. Ngu si do đối với vô lượng pháp được thuyết giảng, vô lượng văn tự của pháp cú, càng về sau, Huệ biện biệt, Đà-la-ni tự tại.

2. Ngu si của biện tài tự tại.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Địa thứ mười có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của đại thần thông.

2. Ngu si của việc ngộ nhập bí mật vi tế.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Nơi địa Như lai có hai thứ ngu si:

1. Ngu si của chấp trước hết sức vi tế nơi tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức.

2. Ngu si của chướng ngại hết sức vi tế.

Cùng với phần thô trọng kia, là đối tượng được đối trị.

- Này thiện nam! Do hai mươi hai thứ ngu si ấy, cùng mười một thứ thô trọng, nên an lập các địa, lìa các thứ trói buộc kia, chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng.

Thế Tôn! Đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng là hết sức kỳ diệu, hy hữu, cho đến thành tựu quả lớn, lợi lớn, khiến các Bồ tát có thể phá trừ màng lưới ngu si lớn rộng như thế, có thể vượt qua rừng rậm thô trọng rộng lớn như thế, hiện tiền chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng. Thế Tôn! Các địa như thế, có bao nhiêu thứ thù thắng được an lập?

- Này thiện nam! Lược có tám thứ thù thắng được an lập:

1. Ý lạc tăng thượng, thanh tịnh.

2. Tâm thanh tịnh.

3. Bi thanh tịnh.

4. Đến bờ giác thanh tịnh.

5. Thấy Phật, cúng dường, thừa sự thanh tịnh.

6. Thành thục hữu tình thanh tịnh.

7. Sanh thanh tịnh.

8. Uy đức thanh tịnh.

- Này thiện nam! Ở trong địa thứ nhất, hiện có ý lạc tăng thượng

thanh tịnh, cho đến uy đức thanh tịnh. Các địa càng về sau, cho đến Phật địa, đều hiện có ý lạc tăng thượng thanh tịnh cho đến uy đức thanh tịnh, nên biết các thanh tịnh ấy lần lượt tăng hơn, chỉ nơi Phật địa trừ sanh thanh tịnh.

Lại, trong địa thứ nhất, công đức hiện có, đối với các địa trên đều có bình đẳng, nên biết công đức của tự địa là thù thắng. Hết thảy công đức nơi mười địa Bồ tát đều là hữu thượng. Công đức của Phật địa nên biết là vô thượng.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào nên nói Bồ tát sanh nơi các hữu là hết sức thù thắng?

- Này thiện nam! Do bốn nhân duyên:

1. Chỗ tập khởi của thiện căn là hết sức thanh tịnh.
2. Lực cố ý xét chọn đã được giữ lấy.
3. Thương xót cứu độ các chúng sanh.
4. Tự mình có thể không nhiễm, dứt trừ cấu nhiễm của kẻ khác.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào nên nói các Bồ tát hoằng nguyện rộng lớn, nguyện diệu, nguyện thắng?

- Này thiện nam! Do bốn nhân duyên. Nghĩa là các Bồ tát có thể khéo nhận biết rõ về Niết-bàn lạc trụ, có thể hành mau chóng chứng đắc, nhưng lại từ bỏ mau chóng chứng đắc, lạc trụ. Tâm không duyên, không đối phát khởi đại nguyện. Vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, nên ở trong vô số thời gian lâu dài, chịu nhiều khổ lớn. Do đó, Như lai nói các Bồ tát kia hành nguyện rộng lớn, nguyện diệu, nguyện thắng.

Thế Tôn! Các Bồ tát ấy gồm có bao nhiêu thứ sự nên học?

- Này thiện nam! Sự học của Bồ tát lược có sáu thứ. Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Tĩnh lự, Huệ ba-la-mật.

Thế Tôn! Sáu thứ sự nên học như vậy, bao nhiêu thứ thuộc về Giới học tăng thượng? Bao nhiêu thứ thuộc về Tâm học tăng thượng? Bao nhiêu thứ là thuộc về Huệ học tăng thượng?

- Này thiện nam! Nên biết:

Ba thứ đầu chỉ là thuộc về Giới học tăng thượng.

Một thứ Tĩnh lự chỉ là thuộc về Tâm học tăng thượng. Một thứ huệ là thuộc về Huệ học tăng thượng.

Tinh tấn thì hiện hữu khắp tất cả.

Thế Tôn! Sáu thứ sự nên học như vậy, bao nhiêu thứ là thuộc về tư lương phước đức? Bao nhiêu thứ là thuộc về tư lương trí huệ?

- Này thiện nam! Nếu thuộc về Giới học tăng thượng, đó gọi là thuộc về tư lương phước đức. Nếu thuộc về Huệ học tăng thượng, đó gọi là thuộc về tư lương trí huệ. Như lai nói hai thứ tinh tấn Tĩnh lự hiện hữu khắp tất cả.

Thế Tôn! Ở trong sáu thứ sự nên học ấy, Bồ tát phải nên tu học như thế nào?

- Này thiện nam! Do năm thứ tướng, tức phải nên tu học:

1. Đầu tiên, ở trong giáo pháp chân chánh vi diệu, tương ưng với Ba-la-mật-đa của tạng Bồ tát, Bồ tát tin hiểu mãnh liệt.

2. Tiếp theo, nơi mười thứ pháp hành, diệu trí do Văn, Tư, Tu tạo thành, tinh tấn tu tập.

3. Tùy thuận, hộ trì tâm Bồ đề.

4. Thân cận các bậc thiện tri thức chân chánh.

5. Siêng năng tu tập phẩm thiện không gián đoạn.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào nên thiết lập các sự nên học như thế, số lượng chỉ có sáu?

- Này thiện nam! Do hai nhân duyên:

1. Vì tạo lợi ích cho các hữu tình.

2. Vì nhằm đối trị các phiền não.

Nên biết, ba thứ trước là nhằm tạo lợi ích cho hữu tình, ba thứ sau là nhằm đối trị tất cả phiền não.

Ba thứ trước là tạo lợi ích cho các hữu tình: Nghĩa là các Bồ tát do bố thí nên thâu giữ các vật dụng nuôi sống, đem lại lợi ích cho các hữu tình. Do trì giới nên không hành tổn hại, bức bách, não loạn đối với lợi ích các hữu tình. Do nhẫn nhục nên đối với các sự tổn hại, não loạn các hữu tình có thể nhẫn thọ, tạo lợi ích cho họ.

Ba thứ sau là đối trị các phiền não: Tức các Bồ tát do tinh tấn, nên tuy chưa vĩnh viễn hàng phục tất cả phiền não, chưa vĩnh viễn loại bỏ hết thảy tùy miên, nhưng có thể dũng mãnh tu tập các phẩm thiện, các thứ phiền não kia không thể khuynh động phần gia hạnh của phẩm thiện. Do Tĩnh lự nên chế phục hoàn toàn các phiền não. Do Bát nhã nên hoàn toàn loại trừ các tùy miên.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào nên thiết lập các Ba-la-mật-đa còn lại, số lượng chỉ có bốn?

- Này thiện nam! Vì làm trợ bạn cho sáu thứ Ba-la-mật-đa trước. Nghĩa là các Bồ tát đối với ba thứ Ba-la-mật trước đã gồm thâu hữu tình,

dùng các nhiếp sự làm phương tiện thiện xảo để thâu nhận họ, đặt yên nơi phẩm thiện. Thế nên Như lai nói phương tiện thiện xảo Ba-la- mật-đa làm trợ bạn cho ba thứ trước.

Nếu các Bồ tát ở trong hiện pháp có nhiều phiền não, không có đủ khả năng tu tập không gián đoạn, ý lạc yếu kém nên chỉ thắng giải về cõi dưới. Nơi nội tâm trụ không thể gắng sức, đối với tạng Bồ tát không thể lãnh hội, duyên nơi thiện để tu tập. Tĩnh lự hiện có không thể dẫn phát huệ xuất thế gian. Các Bồ tát ấy, liền thâu tóm phần ít nơi tư lương phước đức yếu kém, vì đời vị lai khiến các phiền não giảm thiểu, tâm sanh chánh nguyện, như thế gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa. Do nguyện này nên phiền não trở nên mỏng, yếu, có thể tu tinh tấn. Thế nên Như lai nói Nguyện Ba-la-mật-đa làm trợ bạn cho Tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Nếu các Bồ tát thân cận các bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên, nên chuyển ý lạc yếu kém thành ý lạc vượt trội, cũng có thể đạt được thắng giải về cõi trên, như thế gọi là Lực Ba-la-mật-đa. Do lực này nên đối với nội tâm trụ có thể gắng sức thực hiện. Vì vậy, Như lai nói Lực Ba-la-mật-đa làm trợ bạn cho Tĩnh lự Ba-la-mật-đa.

Hoặc các Bồ tát đối với tạng Bồ tát đã có thể lãnh hội, duyên nơi thiện để tu tập, nên có thể phát khởi Tĩnh lự, như thế gọi là Trí Ba-la- mật-đa. Do trí này nên có thể gắng sức dẫn phát huệ xuất thế gian, thế nên Như lai nói Trí Ba-la-mật-đa làm trợ bạn cho Huệ Ba-la-mật-đa.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào nên tuyên thuyết sáu thứ Ba-la-mật-đa theo thứ lớp như thế?

- Này thiện nam! Có thể vì các thứ về sau làm chỗ dựa để dẫn phát. Nghĩa là các Bồ tát, nếu đối với thân mạng, tài sản không còn tiếc lẫn, tức có thể thọ trì giới cấm thanh tịnh. Vì hộ giới cấm nên tu nhẫn nhục rồi, tức có thể phát khởi tinh tấn. Phát khởi tinh tấn rồi, tức có thể hoàn thành Tĩnh lự. Đầy đủ Tĩnh lự rồi, liền có thể đạt được Huệ xuất thế gian. Do đó, Như lai nói các Ba-la-mật-đa theo thứ lớp như vậy.

Thế Tôn! Sáu thứ Ba-la-mật-đa như thế, mỗi thứ đều có bao nhiêu thứ phẩm loại sai biệt?

- Này thiện nam! Đều có ba thứ: Ba thứ của Bố thí:

1. Tài thí.
2. Pháp thí.
3. Vô úy thí.

Ba thứ của Trì giới:

1. Chuyển xả Giới bất thiện.

2. Chuyển sanh Giới thiện.

3. Chuyển sanh Giới tạo lợi ích cho hữu tình.

Ba thứ của Nhẫn nhục:

1. Nhẫn chịu đối với oán hại.

2. Nhẫn an thọ khổ.

3. Nhẫn quán xét đúng pháp.

Ba thứ của Tinh tấn:

1. Tinh tấn gồm đủ áo giáp.

2. Tinh tấn gia hạnh chuyển sanh pháp thiện.

3. Tinh tấn gia hạnh tạo lợi ích cho hữu tình.

Ba thứ của Tĩnh lự:

1. Tĩnh lự không phân biệt, tịch tĩnh, hết sức tịch tĩnh, không tội nên đối trị các khổ của phiền não, vui trụ.

2. Tĩnh lự dẫn phát công đức.

3. Tĩnh lự dẫn phát tạo lợi ích cho hữu tình.

Ba thứ của Huệ:

1. Huệ duyên nơi thế tục đế.

2. Huệ duyên nơi Thắng nghĩa đế.

3. Huệ duyên tạo lợi ích cho hữu tình.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào, nên Ba-la-mật-đa được gọi là Ba-la-mật-đa?

- Này thiện nam! Do năm nhân duyên:

1. Không nhiễm chấp.

2. Không luyến tiếc.

3. Không tội lỗi.

4. Không phân biệt.

5. Hồi hướng đúng đắn.

Không nhiễm chấp: Tức không nhiễm chấp các sự việc trái với Ba-la-mật-đa.

Không luyến tiếc: Nghĩa là đối với dị thục nơi các quả của tất cả Ba-la-mật-đa, cùng trong sự báo ân, tâm không bị trói buộc.

Không tội lỗi: Là đối với pháp Ba-la-mật-đa tiếp nối như thế, luôn lìa đẳng hành không phải phương tiện của các thứ tạp nhiễm.

Không phân biệt: Là đối với Ba-la-mật-đa như thế, không theo như ngôn từ chấp trước về tự tướng.

Hồi hướng đúng đắn: Là đem các pháp Ba-la-mật-đa đã tạo tác, đã tích tập được, hồi hướng cầu đạt quả Đại Bồ đề Vô thượng.

Thế Tôn! Những gì gọi là các sự này lược có sáu thứ?

- Này thiện nam! Nên biết các sự này lược có sáu thứ:

1. Ở trong các thứ dục lạc, như vui thích mong muốn tài sản, giàu có tự tại, chỉ thấy rõ phần công đức cùng với thắng lợi.

2. Ở trong chỗ thuận theo sự vui thích, buông thả thân ngữ ý mà hiện hành, chỉ thấy rõ phần công đức cùng thắng lợi.

3. Ở trong chỗ bị kẻ khác khinh miệt, không thể nhẫn nhục, chỉ thấy rõ phần công đức cùng thắng lợi.

4. Ở trong chỗ không siêng năng tu tập, chỉ tham chấp dục lạc, chỉ thấy rõ phần công đức cùng thắng lợi.

5. Đối với nơi chốn hành tạp loạn, náo nhiệt nơi thế gian, chỉ thấy rõ phần công đức cùng thắng lợi.

6. Đối với các thứ thất nghe hiểu biết nơi ngôn thuyết, hý luận, chỉ thấy rõ phần công đức cùng thắng lợi.

Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như thế, những gì là dị thục của quả?

- Này thiện nam! Nên biết ở đây cũng lược có sáu thứ:

1. Được tài sản giàu có lớn.

2. Vãng sanh nẻo thiện.

3. Không oán không hoại, có nhiều hỷ lạc.

4. Làm chủ chúng sanh.

5. Thân không não hại.

6. Có tộc họ danh giá.

Thế Tôn! Những gì gọi là pháp tạp nhiễm xen lẫn của Ba-la-mật-đa?

- Này thiện nam! Nên biết lược do bốn thứ gia hạnh:

1. Gia hạnh không tâm bi.

2. Gia hạnh không như lý.

3. Gia hạnh không thường xuyên.

4. Gia hạnh không ân trọng.

Gia hạnh không như lý: nghĩa là lúc tu tập pháp Ba-la-mật-đa khác, đối với pháp Ba-la-mật-đa còn lại, xa lìa chỗ hoại mất.

Thế Tôn! Những gì gọi là hành không phải là phương tiện?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát, lúc dùng Ba-la-mật-đa tạo lợi ích cho chúng sanh, chỉ thâu giữ vật dụng, tài sản để tạo lợi ích, liền cho là biết đủ, mà không khiến họ ra khỏi chốn bất thiện, ở yên nơi chốn thiện. Như thế gọi là hành phi phương tiện. Vì sao? Này thiện nam! Vì đối với chúng sanh không phải chỉ hành mỗi sự việc ấy, gọi là tạo lợi ích thật sự. Ví như phẫn uế, hoặc nhiều hoặc ít, hoàn toàn không thể khiến thành thơm sạch. Như vậy, chúng sanh do hành khổ nên tánh ấy là khổ. Không có phương tiện, chỉ dùng vật dụng, của cải thì chỉ tạm đem lại lợi ích có thể khiến thành vui. Chỉ có ở yên trong pháp diệu thiện, mới có thể được gọi là tạo lợi ích bậc nhất.

Thế Tôn! Hết thảy pháp Ba-la-mật-đa như thế, có bao nhiêu thứ thanh tịnh?

- Này thiện nam! Như lai hoàn toàn không nói các Ba-la-mật-đa, trừ năm tướng nêu trên, còn có những thanh tịnh khác. Nhưng Như lai tức dựa nơi các sự như thế, sẽ nói chung, riêng về tướng thanh tịnh của Ba-la-mật-đa.

Nói chung về tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật-đa, nên biết có bảy thứ. Đó là:

1. Bồ tát đối với các pháp ấy không cầu kẻ khác biết.
2. Đối với các pháp ấy, thấy rồi không sanh chấp trước.
3. Tức đối với các pháp như thế không sanh nghi hoặc.
4. Hoàn toàn không tự khen mình, chê bai, khinh miệt kẻ khác.
5. Hoàn toàn không kiêu ngạo, phóng dật.
6. Hoàn toàn không do thiếu, có sở đắc, liền sanh biết đủ.
7. Hoàn toàn không do các pháp ấy, để đối với kẻ khác phát khởi ganh ghét, keo kiệt, tiếc lẫn.

Nói riêng về tướng thanh tịnh của tất cả pháp Ba-la-mật-đa cũng có bảy thứ. Những gì là bảy? Nghĩa là các Bồ tát, như Như lai đã nói về bảy thứ tướng thanh tịnh của Bố thí, tùy thuận tu hành:

1. Do vật thí thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.
2. Do Giới thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.
3. Do kiến thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.
4. Do tâm thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.
5. Do ngữ thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.

6. Do trí thanh tịnh, hành thí thanh tịnh.

7. Do cấu uế được thanh tịnh, hành thí thanh tịnh. Đó gọi là bảy thứ tướng thanh tịnh của Bố thí.

Lại, các Bồ tát có thể khéo nhận biết rõ về tất cả học xứ của luật nghi được chế lập. Có thể khéo nhận biết rõ về nẻo xuất ly chỗ hủy phạm đối với Thi-la luôn đủ, Thi-la kiên cố, Thi-la thường tác, Thi-la thường chuyển, thọ học tất cả học xứ hiện có. Đó gọi là bảy thứ thường thanh tịnh của Trì giới.

Nếu các Bồ tát đối với dị thục nơi quả nghiệp hiện có của chính mình, sanh khởi sự tin dựa sâu xa. Hết thảy sự việc không tạo lợi ích hiện có, lúc hiện tiền, không sanh khởi giận dữ, cũng không trở lại mạ lỵ. Không sân, không đả kích, không sợ, không đùa, không dùng vô số các sự việc không lợi ích để gia hại đáp trả, không mang tâm oán kết.

Nếu khi được can ngăn, không khiến phiền giận, cũng lại không chờ kẻ khác đến khuyên can. Không do sợ hãi tâm có nhiễm ái mà hành nhẫn nhục. Không do tạo ân mà liền buông bỏ. Đó gọi là bảy thứ tướng thanh tịnh của Nhẫn nhục.

Hoặc các Bồ tát thông tỏ tánh bình đẳng của Tinh tấn, không do dũng mãnh, siêng năng tinh tấn, nên tự đề cao, xem thường kẻ khác. Gồm đủ uy lực lớn. Có đủ tinh tấn lớn. Có đủ khả năng để thực hiện. Kiên cố dũng mãnh, đối với các pháp thiện trọn không xả bỏ. Như thế gọi là bảy thứ tướng thanh tịnh của Tinh tấn.

Hoặc các Bồ tát có Tĩnh lự-Tam-ma-địa khéo thông đạt tướng, có Tĩnh lự-Tam-ma-địa viên mãn, có Tĩnh lự-Tam-ma-địa cùng phần, có Tĩnh lự-Tam-ma-địa vận chuyển, có Tĩnh-lự-Tam-ma-địa không chỗ dựa, có Tĩnh lự-Tam-ma-địa khéo tu trị, có Tĩnh lự-Tam ma địa đối với tạng Bồ tát lãnh hội, duyên dựa để tu tập vô lượng. Như thế gọi là bảy thứ tướng thanh tịnh của Tĩnh lự.

Nếu các Bồ tát xa lìa hai biên tăng ích, tổn giảm, hành nơi Trung đạo, đó gọi là Huệ. Do huệ này nên nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa của môn giải thoát, tức là ba môn giải thoát Không, Vô nguyện, Vô tướng.

Nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa có tự tánh, tức là ba thứ tự tánh: Biến kế sở chấp, Y tha khởi, Viên thành thật.

Nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa không tự tánh, tức là ba thứ không tự tánh: Tướng, Sanh, Thắng nghĩa.

Nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa của thế tục đế, tức là năm minh xứ.

Nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa của Thắng nghĩa đế, tức là bảy chân như. Lại không phân biệt, lìa các hý luận, thuần một nghĩa lý sâu xa, nhiều chốn an trụ, vô lượng pháp chung làm đối tượng duyên, cùng Tỳ bát xá na. Có thể khéo thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành. Đó gọi là bảy thứ tướng thanh tịnh của Huệ.

Thế Tôn! Năm tướng như thế đều có nghĩa gì?

- Này thiện nam! Nên biết tướng kia có năm thứ hành nghiệp. Nghĩa là các Bồ tát do không nhiễm chấp, nên ở trong hiện pháp, nơi chỗ tu tập Ba-la-mật-đa thường xuyên cẩn trọng, siêng tu gia hạnh, không có phong dật. Do không luyến tiếc, nên thâu nhận nhân không phóng dật của vị lai. Do không tội lỗi, nên có thể tu tập chân chánh các pháp Ba-la-mật-đa viên mãn cực thiện, thanh tịnh cực thiện, trắng sạch cực thiện. Vì không phân biệt nên phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa mau chóng viên mãn. Do hồi hướng đúng đắn, nên tất cả xứ sanh Ba-la- mật-đa, cùng dị thục của các quả đáng yêu thích kia đều được vô tận, cho đến đạt Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Thế Tôn! Như thế là đã nói về Ba-la-mật-đa.

Vậy:

- Thế nào là hết sức rộng lớn?
- Thế nào là không nhiễm ô?
- Thế nào là hết sức sáng thạnh?
- Thế nào là không thể động?
- Thế nào là thanh tịnh tột bậc?

Này thiện nam! Tánh không nhiễm chấp, tánh không luyến tiếc, tánh hồi hướng đúng đắn, là hết sức rộng lớn.

Tánh không tội lỗi, tánh không phân biệt, hành tác xét chọn, không có nhiễm ô, là hết sức sáng thạnh.

Đã nhập nơi địa của pháp không thối chuyển, gọi là không thể động. Nếu mười địa gồm thâu, Phật địa gồm thâu, gọi là thanh tịnh tột bậc.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào, nên Bồ tát đã đạt được các quả đáng yêu thích của Ba-la-mật-đa, cùng các dị thục thường không có tận, Ba-la-mật-đa cũng không có tận?

- Này thiện nam! Do lần lượt cùng dựa nương để sanh khởi, tu tập không gián đoạn.

Thế Tôn! Do nhân duyên nào, các Bồ tát ấy tin sâu, yêu thích Ba- la-mật-đa, không phải do ở nơi Ba-la-mật-đa như thế đạt được dị thục của các

quả đáng yêu thích?

- Này thiện nam! Do năm nhân duyên:

1. Ba-la-mật-đa là nhân của hỷ lạc tăng thượng tột cùng.

2. Ba-la-mật-đa là nhân tạo lợi ích rốt ráo cho tất cả tự, tha.

3. Ba-la-mật-đa là nhân của dị thục nơi quả khả ái thuộc đời vị lai.

4. Ba-la-mật-đa không phải là sự việc làm chỗ dựa cho các tạp nhiễm.

5. Ba-la-mật-đa không phải là pháp hoàn toàn biến hoại.

Thế Tôn! Tất cả Ba-la-mật-đa như thế, đều có bao nhiêu thứ uy đức tối thắng?

- Này thiện nam! Nên biết tất cả Ba-la-mật-đa đều có bốn thứ uy đức tối thắng:

1. Đối với Ba-la-mật-đa này, lúc đang tu tập có thể xả bỏ keo kiệt, phạm giới, tâm giận dữ, biếng nhác, tán loạn, đối trị "kiến thú".

2. Vào lúc đang tu tập các pháp ấy, có thể làm tư lương chân thật cho đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

3. Lúc đang tu tập, ở trong hiện pháp có thể tự thâu nhận lợi ích cho hữu tình.

4. Lúc đang tu tập, đối với vị lai có thể đạt được dị thục của các quả đáng yêu thích rộng lớn, vô tận.

Thế Tôn! Tất cả pháp Ba-la-mật-đa như thế, lấy gì làm nhân, làm quả, làm nghĩa lợi?

Này thiện nam! Nên biết tất cả Ba-la-mật-đa:

- Đại bi làm nhân.

- Dị thục của các quả vi diệu khả ái, đem lại lợi ích cho tất cả hữu tình, làm quả.

- Viên mãn đạo quả Đại Bồ đề Vô thượng làm đại nghĩa lợi.

Thế Tôn! Nếu các Bồ tát gồm đủ tất cả tài sản vật báu vô tận, thành tựu đại bi, vì sao thế gian hiện có các chúng sanh bần cùng như thế?

- Này thiện nam! Các chúng sanh ấy do lỗi lầm của tự nghiệp. Nếu không như thế, thì Bồ tát luôn mang tâm tạo lợi ích cho kẻ khác, lại thường đầy đủ tài sản vật báu vô tận. Nếu các chúng sanh không tự tạo nghiệp ác có thể làm chướng ngại, thì sao có thế gian bần khổ có thể có được? Ví như Ngạ quỷ bị sự khát do nóng bức bách nơi thân, nhưng thấy nước của biển cả thảy đều khô cạn. Đấy không phải là lỗi của biển cả, mà là lỗi lầm nơi

tự nghiệp của các Ngạ quỷ. Như vậy, Bồ tát bố thí tài sản, vật báu cũng như biển cả, không có lỗi lầm; lỗi lầm là do tự nghiệp của các chúng sanh, giống như lực của nghiệp ác do Ngạ quỷ tự tạo khiến chúng không có quả.

Thế Tôn! Bồ tát dùng những Ba-la-mật-đa nào để giữ lấy tánh không tự tánh của các pháp?

- Này thiện nam! Bồ tát dùng Bát nhã Ba-la-mật-đa để có thể giữ lấy tánh không tự tánh của các pháp.

Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật-đa có thể nhận lấy tánh không tự tánh, vì sao không nhận lấy tánh có tự tánh?

- Này thiện nam! Như Lai hoàn toàn không nói dùng tánh không tự tánh để nhận lấy tánh không tự tánh. Nhưng tánh không tự tánh lìa các văn tự, tự nội chứng đắc, vì không thể xả bỏ ngôn thuyết, văn tự mà có thể nêu bày, thế nên Như lai nói Bát nhã Ba-la-mật-đa có thể nhận lấy tánh không tự tánh của các pháp.

Thế Tôn! Như Đức Phật đã nói về Ba-la-mật-đa, Cận Ba-la-mật- đa, Đại Ba-la-mật-đa. Vậy thế nào là Ba-la-mật-đa? Thế nào là Cận Ba-la-mật-đa? Thế nào là Đại Ba-la-mật-đa?

- Này thiện nam! Nếu các Bồ tát trải qua vô lượng thời gian, tu hạnh bố thí v.v…, thành tựu pháp thiện, nhưng các phiền não vẫn còn hiện hành, chưa có thể chế phục, lại bị chúng chế ngự, nghĩa là ở nơi địa Hành thắng giải, lúc thắng giải bậc hạ, bậc trung chuyển biến. Đó gọi là Ba-la-mật-đa.

Lại, các Bồ tát ở nơi vô lượng thời gian tu hạnh bố thí v.v… lần lượt lại tăng thượng, thành tựu pháp thiện, nhưng các phiền não vẫn còn hiện hành, ở đây Bồ tát có thể chế phục chúng, không phải bị chúng chế ngự, nghĩa là từ địa thứ nhất trở lên. Đó gọi là Cận Ba-la-mật-đa.

Lại, các Bồ tát ở nơi vô lượng thời gian tu hạnh bố thí v.v… lại chuyển tăng thượng, thành tựu pháp thiện, hết thảy phiền não đều không còn hiện hành, nghĩa là từ tám địa trở lên. Đó gọi là Đại Ba-la- mật-đa.

Thế Tôn! Trong các địa này, các phiền não-tùy miên có thể có bao nhiêu thứ?

- Này thiện nam! Lược có ba thứ:

1. Tùy miên hại bạn: Nghĩa là đối với năm địa trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì các phiền não không cùng sanh hiện hành là trợ bạn cho các phiền não cùng sanh hiện hành. Bấy giờ, chúng hoàn toàn không hiện hữu lại nữa. Thế nên gọi là tùy miên hại bạn.

2. Tùy miên yếu kém: Tức ở trong địa thứ sáu, địa thứ bảy hiện hành

vi tế. Nếu tu tập, điều phục, thì chúng không hiện hành.

3. Tùy miên vi tế: Tức ở nơi địa thứ tám trở lên. Từ đấy trở đi, tất cả phiền não không còn hiện hành, chỉ có sở tri chướng làm chỗ dựa.

Thế Tôn! Các tùy miên ấy, bao nhiêu thứ là chỗ hiển thị của việc đoạn trừ thô trọng?

- Này thiện nam! Chỉ do hai thứ: Nghĩa là do việc đoạn trừ thô trọng, tại ngoài da, hiển thị hai loại đầu. Lại do việc đoạn trừ thô trọng tại trong da, hiển thị loại thứ ba. Nếu đoạn trừ thô trọng tại nơi xương thì Như lai nói vĩnh viễn lìa bỏ tất cả tùy miên, lập tại Phật địa.

Thế Tôn! Phải trải qua bao nhiêu kiếp không thể tính kể, mới có thể đoạn trừ thô trọng như thế?

- Này thiện nam! Trải qua ba đại không thể tính kể kiếp, hoặc vô lượng kiếp. Đó là năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, một thời, nửa thời, chốc lát, nháy mắt, sát na lượng kiếp không thể tính kể.

Thế Tôn! Các vị Bồ tát này, ở trong các địa, đối với các phiền não đã sanh, nên biết là tướng gì, lỗi lầm gì, đức gì?

- Này thiện nam! Là tướng không nhiễm ô. Vì sao? Vì các Bồ tát ấy ở trong địa thứ nhất, quyết định đối với tất cả các pháp nơi pháp giới đã khéo thông đạt. Do nhân duyên này nên Bồ tát cần nhận biết nơi chốn dấy khởi phiền não, không phải là không nhận biết. Thế nên gọi là tướng không nhiễm ô.

Ở trong tự thân, khổ không thể sanh, nên không có lỗi lầm. Bồ tát đối với phiền não sanh khởi như thế, nơi Giới hữu tình có thể đoạn trừ nhân khổ. Do đó, Bồ tát có vô lượng công đức, là hết sức kỳ diệu.

Thế Tôn! Bồ đề Vô thượng mới có công đức nghĩa lợi lớn như thế. Nay các Bồ tát, đối với phiền não sanh khởi, hãy còn hơn hẳn thiện căn của hàng Nhị thừa và tất cả hữu tình, huống chi là vô lượng công đức còn lại.

Thế Tôn! Như Đức Như lai đã nói, hoặc là thừa Thanh văn, hoặc lại Đại thừa, chỉ là một thừa. Ở đây có mật ý gì?

- Này thiện nam! Như Như lai ở trong thừa Thanh văn kia, đã tuyên thuyết về tự tánh của vô số các pháp. Đó là năm uẩn, hoặc sáu xứ trong, hoặc sáu xứ ngoài. Các loại như thế, ở trong Đại thừa, tức nói pháp kia đồng một pháp giới, đồng một nghĩa lý sâu xa. Như lai không nói tánh sai biệt của thừa, ở đó hoặc có như nói đối với nghĩa vọng khởi phân biệt, một loại tăng ích, một loại tổn giảm.

Lại, đối với đạo lý sai biệt của các thừa, nghĩa là cùng trái nhau. Như

vậy lần lượt thay nhau dấy khởi tranh luận. Như vậy gọi là mật ý ở đây.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nêu rõ lần nữa về nghĩa ấy, nên nói tụng:

Các địa gồm thâu tướng, đối trị
Sanh nguyện thù thắng cùng các học
Do dựa Phật nói là Đại thừa
Nơi ấy khéo tu thành Đại giác
Tuyên thuyết vô số tánh các pháp
Lại nói đều đồng một diệu lý
Tức nơi thừa dưới hoặc thừa trên
Nên Ta nói thừa tánh không khác
Như nói nơi nghĩa vọng phân biệt
Hoặc có tăng ích, hoặc tổn giảm
Tức hai thứ ấy cùng trái nhau
Ngu si ý giải thành tranh, trái.

Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải thâm mật này, phần này gọi là giáo pháp gì, con nên phụng trì như thế nào?

- Này thiện nam! Phần này gọi là giáo pháp liễu nghĩa của các địa Ba la mật đa, ông nên theo như thế mà phụng trì.

Lúc thuyết giảng giáo pháp liễu nghĩa của các địa Ba-la-mật-đa này, ở trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ tát đều được Tam-ma-địa Đại thừa Quang minh của Bồ tát.

Lại nữa, tức dựa nơi thừa giả an lập, phân biệt về sự đã tạo tác, thành tựu của Như lai, nên biết như trong kinh Giải-Thâm-Mật, Bồ tát Ma-ha-tát Mạn Thù Thất Lợi thỉnh vấn Phật:

Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói về Pháp thân của Như lai. Vậy Pháp thân của Như lai có những tướng gì?

Đức Phật bảo Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Này thiện nam! Nếu đối với các địa Ba-la-mật-đa, khéo tu xuất ly, chuyển y thành đủ, đó gọi là tướng Pháp thân của Như lai. Nên biết tướng này có hai nhân duyên nên không thể nghĩ bàn, là không hý luận, không chỗ tạo tác. Nhưng các chúng sanh thì chấp trước hý luận, có chỗ tạo tác.

Thế Tôn! Thanh văn, Độc giác đạt được chuyển y, cũng gọi là Pháp thân chăng?

- Này thiện nam! Không gọi là Pháp thân. Thế Tôn! Nên gọi là thân gì?

- Này thiện nam! Gọi là thân giải thoát. Do thân giải thoát, nên nói

tất cả Thanh văn, Độc giác, cùng với các Như lai là bình đẳng, bình đẳng. Do Pháp thân nên nói có sai biệt. Pháp thân của Như lai có sai biệt, là sai biệt của vô lượng công đức tối thắng, toán số, thí dụ đều không thể đạt được.

Thế Tôn! Con phải làm thế nào để biết được tướng sanh khởi của Như lai?

- Này thiện nam! Tất cả Hóa thân tác nghiệp của Như lai, như thế giới khởi hết thảy chủng loại, công đức của Như lai tạo mọi trang nghiêm, trụ trì làm tướng. Nên biết tướng của Hóa thân có sanh khởi, còn tướng của Pháp thân thì không có sanh khởi.

Thế Tôn! Làm thế nào để có thể nhận biết Hóa thân thị hiện phương tiện thiện xảo?

- Này thiện nam! Hiện hữu khắp trong tất cả tham thiên đại thiên quốc độ Phật, hoặc nơi các trường hợp tìm cầu, thừa nhận của vương gia tăng thượng, hoặc nơi gia đình đại phước điền, đồng thời nhập thai, đản sanh, trưởng thành, thọ dục, xuất gia thị hiện hành khổ, xả bỏ khổ hạnh, thành Đẳng Chánh Giác, thứ lớp thị hiện như thế. Đó gọi là Như lai với phương tiện thiện xảo thị hiện Hóa thân.

Thế Tôn! Tất cả thân Như lai gồm có bao nhiêu thứ được trụ trì với ngôn âm sai biệt? Do ngôn âm này, nên các hữu tình được hóa độ, kẻ chưa thành thục thì khiến cho thành thục. Người đã thành thục rồi, thì duyên nơi đấy làm cảnh, mau được giải thoát?

- Này thiện nam! Ngôn âm của Như lai lược có ba loại:

1. Khế kinh.
2. Điều phục.
3. Bản mẫu.

Thế Tôn! Thế nào là Khế kinh? Thế nào là Điều phục? Thế nào là Bản mẫu?

- Này thiện nam! Nếu đối với xứ này, Như lai dựa vào các nhiếp sự để hiển thị các pháp, đó gọi là Khế kinh. Nghĩa là dựa nơi bốn sự, hoặc dựa nơi chín sự, hoặc lại dựa vào hai mươi chín sự.

Những gì là bốn sự? Đó là:

1. Sự lắng nghe.
2. Sự quy hướng.
3. Sự tu học.
4. Sự Bồ đề.

Những gì là chín sự? Đó là:

1. Sự thiết lập hữu tình.
2. Sự thọ dụng của hữu tình kia.
3. Sự sanh khởi của hữu tình.
4. Sự sanh rồi trụ của hữu tình.
5. Sự nhiễm tịnh của hữu tình.
6. Sự sai biệt của hữu tình.
7. Sự của chủ thể tuyên thuyết.
8. Sự của đối tượng được tuyên thuyết.
9. Sự của các chúng hội.

Những gì gọi là hai mươi chín sự? Nghĩa là dựa nơi phẩm tạp nhiễm, có sự gồm thâu các hành, có sự thứ lớp tùy chuyển. Tức ở trong ấy tạo tưởng hữu tình rồi, đối với đời vị lai có sự của nhân lưu chuyển. Tạo tưởng pháp xong, đối với đời vị lai có sự của nhân lưu chuyển.

Dựa vào phẩm thanh tịnh, có sự buộc giữ niệm nơi đối tượng duyên. Tức ở trong đó, có sự siêng năng tinh tấn. Sự tâm an trụ. Sự hiện pháp lạc trụ. Sự vượt quá tất cả phương tiện của duyên khổ. Sự nhận biết khắp điều ấy. Ở đây lại có ba thứ:

1. Nơi chốn thuộc chỗ dựa của sự nhận biết khắp điên đảo.

2. Nơi chốn thuộc chỗ dựa của sự nhận biết khắp hành tà, dựa nơi hữu tình, ngoài tưởng về hữu tình.

3. Nơi chốn thuộc chỗ dựa của sự nhận biết khắp, bên trong lìa tăng thượng mạn.

Sự tu tập xứ nương dựa. Sự tác chứng. sự tu tập. Sự khiến kẻ kia kiên cố. Sự của hành tướng kia. Sự của đối tượng duyên kia. Sự thiện xảo quán xét, đã đoạn, chưa đoạn. Sự tán loạn kia. Sự không tán loạn. Sự của nơi dựa không tán loạn. Sự không bỏ tu tập gia hạnh khó nhọc. Sự tu tập thắng lợi. Sự bền chắc kia. Sự gồm thâu Thánh hạnh. Sự gồm thâu quyến thuộc của phẩm Thánh. Sự thông đạt chân thật. Sự chứng đắc Niết-bàn. Sự ở trong pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng, chánh kiến thế gian vượt hơn hẳn đỉnh cao chánh kiến của tất cả ngoại đạo đạt được, cùng sự tức ở đây không tu tập nên thối chuyển. Ở trong pháp Tỳ

-nại-da khéo thuyết giảng, không tu tập nên gọi là thối chuyển, không phải thấy lỗi lầm nên gọi là thối chuyển.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu ở nơi xứ ấy, Như lai dựa vào hàng Thanh văn và các Bồ tát, hiển thị biệt giải thoát cùng pháp tương ưng với

biệt giải thoát. Đó gọi là Điều phục.

Thế Tôn! Biệt giải thoát của Bồ tát có bao nhiêu tướng được gồm thâu?

- Này thiện nam! Nên biết có bảy tướng:

1. Tuyên thuyết sự thọ nhận phép tắc.
2. Tuyên thuyết sự tùy thuận tha thắng.
3. Tuyên thuyết sự tùy thuận hủy phạm.
4. Tuyên thuyết tự tánh có phạm.
5. Tuyên thuyết tự tánh không phạm.
6. Tuyên thuyết ra khỏi chỗ đã phạm.
7. Tuyên thuyết xả bỏ luật nghi.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu ở nơi xứ này, Như lai dùng mười một thứ tướng để quyết định phân biệt, hiển thị các pháp. Đó gọi là Bản mẫu.

Những gì gọi là mười một thứ tướng? Đó là:

1. Tướng thế tục.
2. Tướng Thắng nghĩa.
3. Tướng nơi đối tượng duyên của pháp Bồ đề phần.
4. Tướng của hành.
5. Tướng của tự tánh.
6. Tướng của quả kia.
7. Tướng lãnh nhận khai thị.
8. Tướng của pháp chướng ngại.
9. Tướng của pháp tùy thuận.
10. Tướng lỗi lầm tai họa.
11. Tướng thắng lợi.

Tướng thế tục, nên biết có ba thứ:

1. Tuyên thuyết về Bổ-đặc-già-la.
2. Tuyên thuyết về tự tánh của Biến kế sở chấp.
3. Tuyên thuyết về hành nghiệp tác dụng của các pháp. Tướng thắng nghĩa, nên biết là nêu rõ về bảy thứ chân như.

Tướng nơi đối tượng duyên của pháp Bồ đề phần, nên biết là nêu rõ khắp tất cả chủng loại sự của đối tượng nhận thức.

Tướng của hành, nên biết là nêu rõ về tám hành quán. Đó là:

1. Đế thật.

2. An trụ.

3. Lỗi lầm.

4. Công đức.

5. Lý thú.

6. Lưu chuyển.

7. Đạo lý.

8. Chung riêng.

Đế thật: Tức là các pháp chân như.

An trụ: Nghĩa là, hoặc an lập Bổ-đặc-già-la. Hoặc lại an lập tự tánh Biến kế sở chấp của các pháp. Hoặc lại an lập Ký biệt hoàn toàn phân biệt dẫn đến phản vấn. Hoặc lại an lập Ký biệt ẩn mật, hiển bày có sai biệt.

Lỗi lầm: Nghĩa là Như lai nêu rõ về các pháp tạp nhiễm có vô lượng môn lỗi lầm, tai họa sai biệt.

Công đức: Tức Như lai nêu rõ về các pháp thanh tịnh có vô lượng môn thắng lợi sai biệt.

Lý thú: Nên biết có sáu thứ:

1. Lý thú của chân nghĩa.

2. Lý thú chứng đắc.

3. Lý thú chỉ dạy dẫn dắt.

4. Lý thú xa lìa hai biên.

5. Lý thú không thể nghĩ bàn.

6. Lý thú của ý hướng.

Lưu chuyển: Đó là ba đời, ba tướng hữu vi cùng bốn thứ duyên.

Đạo lý: Nên biết có bốn thứ:

1. Đạo lý quán đãi.

2. Đạo lý tác dụng.

3. Đạo lý chứng thành.

4. Đạo lý pháp nhĩ.

Đạo lý quán đãi: Là hoặc nhân hoặc duyên, có thể sanh các hành cùng khởi thuận thuyết.

Đạo lý tác dụng: Là hoặc nhân hoặc duyên, có thể đạt được các pháp, hoặc có thể thành tựu, hoặc lại sanh rồi tạo các nghiệp dụng.

Đạo lý chứng thành: Là hoặc nhân hoặc duyên có thể khiến cho nghĩa đã lập, đã nói, đã nêu lên được thành lập, khiến giác ngộ chân chánh.

Lại, đạo lý này lược có hai thứ:

1. Thanh tịnh.
2. Không thanh tịnh.

Do năm thứ tướng, gọi là thanh tịnh. Do bảy thứ tướng, gọi là không thanh tịnh.

Thế nào là do năm thứ tướng gọi là thanh tịnh? Đó là:

1. Tướng hiện thấy chỗ đạt được.
2. Tướng nương dựa nơi hiện thấy chỗ đạt được.
3. Tướng thí dụ của tự loại dẫn khởi.
4. Tướng Viên thành thật.
5. Tướng ngôn giáo khéo thanh tịnh.

Tướng hiện thấy chỗ đạt được: Nghĩa là tất cả hành, tánh đều là vô thường. Tất cả hành, tánh đều là khổ. Tất cả pháp, tánh đều là vô ngã. Đây là hiện lượng của thế gian đạt được. Các loại như vậy gọi là tướng hiện thấy chỗ đạt được.

Tướng nương dựa nơi hiện thấy chỗ đạt được: Nghĩa là tất cả hành, tánh đều là sát na. Tánh đời khác có. Tánh của nghiệp tịnh, bất tịnh không hoại mất. Do hành kia có thể dựa nơi tánh vô thường thô, hiện có thể đạt được. Do các hữu tình có vô số sai biệt, dựa nơi vô số nghiệp hiện có thể đạt được. Do các hữu tình hoặc vui hoặc khổ với các hành nghiệp tịnh, bất tịnh dùng làm chỗ dựa, hiện có thể đạt được. Vì nhân duyên ấy, nên đối với các sự việc không hiện thấy thì có thể so sánh, lường tính. Các loại như thế gọi là Tướng nương dựa nơi hiện thấy chỗ đạt được.

Tướng thí dụ của tự loại dẫn khởi: Nghĩa là ở trong tụ của các hành trong ngoài, dẫn khởi các thứ cùng nhận biết rõ của thế gian về sanh tử đã có được, dùng làm thí dụ. Dẫn khởi các thứ cùng nhận biết rõ của thế gian về vô số tướng khổ như sanh đã có được, dùng làm thí dụ. Dẫn khởi các thứ cùng nhận biết rõ của thế gian về tướng không tự tại đã có được, dùng làm thí dụ. Lại ở bên ngoài dẫn khởi các thứ cùng nhận biết rõ của thế gian về sự suy thạnh đã có được, dùng làm thí dụ. Những loại như vậy, nên biết gọi là Tướng thí dụ của tự loại dẫn khởi. Tướng Viên thành thật: Nghĩa là, tức Tướng hiện thấy chỗ đạt được, hoặc Tướng nương dựa nơi hiện thấy chỗ đạt được, hoặc Tướng thí dụ của tự loại dẫn khởi, đối với chỗ thành lập, quyết định có thể

thành. Nên biết đó gọi là Tướng Viên thành thật.

Tướng ngôn giáo khéo thanh tịnh: Là chỗ tuyên thuyết của Nhất thiết

trí. Như nói Niết-bàn là tịch tĩnh rốt ráo. Các loại như thế, nên biết gọi là Tướng ngôn giáo khéo thanh tịnh.

Này thiện nam! Do năm thứ tướng như thế, nên gọi là đạo lý khéo quan sát thanh tịnh. Do thanh tịnh nên có thể tu tập.

Thế Tôn! Tướng của Nhất thiết trí, nên biết có bao nhiêu thứ?

- Này thiện nam! Lược có năm thứ:

1. Nếu có Nhất thiết trí xuất hiện ở thế gian, thì tiếng vang không đâu là không nghe khắp.

2. Thành tựu ba mươi hai thứ tướng của bậc Đại trượng phu.

3. Đầy đủ mười lực, có thể đoạn trừ hết thảy nghi hoặc của tất cả chúng sanh.

4. Gồm đủ bốn thứ vô sở úy, tuyên thuyết Chánh pháp, không bị tất cả các luận khác chế ngự, nhưng có thể hàng phục mọi tà luận.

5.. Ở trong pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng, tám chi Thánh đạo, bốn quả Sa môn v.v… đều hiện có thể chứng đắc. Sanh như thế, tướng, đoạn trừ lưới nghi, không phải bị kẻ khác khuất phục mà có thể hàng phục kẻ khác, Thánh đạo Sa-môn hiện có thể chứng đắc. Năm thứ như thế, nên biết gọi là tướng của Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Đạo lý chứng thành như thế, do hiện lượng, do tỷ lượng, do Thánh giáo lượng, do năm thứ tướng gọi là thanh tịnh.

Thế nào là do bảy thứ tướng gọi là không thanh tịnh?

1. Tướng còn lại ấy, đồng loại có thể đạt được.

2. Tướng còn lại này, dị loại có thể đạt được.

3. Tướng của tất cả đồng loại có thể đạt được.

4. Tướng của tất cả dị loại có thể đạt được.

5. Tướng thí dụ của dị loại dẫn khởi.

6. Tướng không phải Viên thành thật.

7. Tướng ngôn giáo không khéo thanh tịnh.

Nếu ý thức của tất cả pháp nhận biết về tánh, đó gọi là tướng của tất cả đồng loại có thể đạt được.

Nếu tướng, tánh, nghiệp pháp của tất cả pháp, là nhân quả nơi dị tướng, do thuận nơi mỗi mỗi dị tướng như thế, quyết định lần lượt đều là dị tướng, đó gọi là Tướng của tất cả dị loại có thể đạt được.

Này thiện nam! Nếu ở đây, tướng đồng loại còn lại có thể đạt được cùng trong thí dụ có tất cả tướng dị loại, do nhân duyên ấy, nên ở chỗ thành

lập không quyết định. Đó gọi là Tướng không phải Viên thành thật.

Lại, đối với tướng còn lại ấy, dị loại có thể đạt được, cùng trong thí dụ có tất cả tướng đồng loại, do nhân duyên này, nên ở chỗ thành lập không quyết định, nên cũng gọi là Tướng không phải Viên thành thật. Vì không phải là Viên thành thật, không phải là đạo lý thanh tịnh khéo quán xét, vì không thanh tịnh nên không tu tập. Hoặc Tướng thí dụ của dị loại dẫn khởi, hoặc Tướng không phải ngôn giáo thanh tịnh, nên biết về thể tánh đều không thanh tịnh.

- Đạo lý pháp nhĩ: Nghĩa là Như lai xuất hiện ở đời, hoặc không xuất hiện ở đời, thì pháp tánh luôn an trụ, pháp trụ nơi pháp giới. Đó gọi là Đạo lý pháp nhĩ.

Chung riêng: Nghĩa là trước nói chung về một câu pháp xong, càng về sau, các câu đều phân biệt, hiển bày rốt ráo có sai biệt.

Tướng của tự tánh: Nghĩa là Như lai đã nói có hành, có duyên, có thể nhận lấy pháp Bồ đề phần hiện có, tức là niệm trụ v.v… Như thế gọi là Tướng của tự tánh.

Tướng của quả kia: Nghĩa là các thứ phiền não, hoặc do thế gian, hoặc do xuất thế gian đoạn trừ, cùng chỗ dẫn phát công đức của các quả thế gian, xuất thế gian. Như thế gọi là Tướng của quả kia.

Tướng lãnh nhận, khai thị: Tức đối với pháp kia, dùng trí giải thoát để lãnh nhận, cùng rộng vì kẻ khác nêu bày, khai thị. Như thế gọi là Tướng lãnh nhận, khai thị.

Tướng của pháp chướng ngại: Nghĩa là đối với việc tu pháp Bồ đề phần, có thể tùy theo chướng ngại nơi các pháp nhiễm ô. Đó gọi là Tướng của pháp chướng ngại.

Tướng của pháp tùy thuận: Nghĩa là đối với chỗ tạo tác nhiều pháp kia luôn tùy thuận. Đó gọi là Tướng của pháp tùy thuận.

Tướng lỗi lầm tai họa: Nên biết, tức những lỗi lầm hiện có nơi các pháp chướng ngại kia. Đó gọi là tướng lỗi lầm tai họa.

Tướng thắng lợi: Nên biết, tức các công đức hiện có nơi các pháp tùy thuận kia. Đó gọi là Tướng thắng lợi.

Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

- Thế Tôn! Kính mong Như lai vì các Bồ tát, lược nói về Khế kinh, Điều phục, Bản mẫu với nghĩa Đà-la-ni không chung với ngoại đạo. Do nghĩa của Đà-la-ni không chung này, khiến các Bồ tát được nhập vào mật ý thâm diệu của các pháp do Như lai giảng nói.

Đức Phật bảo Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Này thiện nam! Ông nay hãy lắng nghe, Như lai sẽ vì ông lược nói về nghĩa của Đà-la-ni không chung, khiến các Bồ tát, đối với ngon từ của mật ý do Như lai đã nói, có thể khéo ngộ nhập.

Này thiện nam! Hoặc pháp tạp nhiễm, hoặc pháp thanh tịnh, Như lai nói tất cả đều không tác dụng, cũng hoàn toàn không có Bổ-đặc-già la, do tất cả chủng loại đều lìa chỗ tạo tác. Không phải pháp tạp nhiễm trước nhiễm sau tịnh. Không phải pháp thanh tịnh sau tịnh trước nhiễm. Hàng phàm phu, đối với thân thô trọng, chấp trước các pháp nơi tự tánh của Bổ-đặc-già-la có sai biệt. Theo mắt vọng thấy dùng làm duyên, chấp ngã, ngã sở. Do vọng này nên cho là ta (Ngã) thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta tiếp xúc, ta nhận biết, ta ăn, ta làm, ta nhiễm, ta tịnh. Các loại như thế chuyển theo gia hạnh tà. Nếu có người nhận biết đúng như thật như vậy, liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ thân thô trọng, đạt được pháp không trụ nơi tất cả phiền não, hết sức thanh tịnh, lìa các hý luận, vô vi làm chỗ dựa, không có gia hạnh.

Này thiện nam! Nên biết, đó gọi là lược nói về nghĩa của Đà-la-ni không chung.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nêu rõ lần nữa về nghĩa này, nên nói tụng:

Tất cả pháp tạp nhiễm, thanh tịnh Đều không tác dụng sổ thủ thú Do Ta nêu rõ lìa tạo tác

Nhiễm ô thanh tịnh không trước sau Nơi thân thô trọng theo mắt thấy Làm duyên chấp ngã cùng ngã sở Do vọng ấy cho là ta thấy v.v…

Ta ăn, Ta làm, Ta nhiễm tịnh Nếu biết đúng như thật như thế Mới dứt hẳn được thân thô trọng

Được không nhiễm tịnh, không hý luận Vô vi nương dựa, không gia hạnh.

Lúc này, Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi lại bạch Phật:

Thế Tôn! Làm sao có thể nhận biết tướng sanh khởi của tâm các Như Lai?

Đức Phật bảo Bồ tát Mạn Thù Thất Lợi:

- Này thiện nam! Phàm là Như lai, thì không có tâm ý thức sanh khởi, hiển bày, nhưng các Như lai có pháp sanh khởi của tâm không gia hạnh, nên biết sự này cũng như biến hóa.

Thế Tôn! Nếu Pháp thân của các Như lai xa lìa tất cả gia hạnh, đã

không có gia hạnh, làm gì mà có pháp sanh khởi của tâm?

- Này thiện nam! Trước do tu tập lực gia hạnh của phương tiện Bát nhã, nên có tâm sanh khởi. Này thiện nam! Ví như đang nhập nơi thùy miên không tâm, không phải ở nơi lúc thức mà tạo gia hạnh. Do trước đã tạo uy lực của gia hạnh mà lại tỉnh giấc.

Lại như đang ở trong định Diệt tận, không phải ở nơi khởi định mà tạo gia hạnh, do trước đã tạo uy lực của gia hạnh, nên trở lại từ định khởi. Như từ giấc ngủ cùng định Diệt tận, tâm lại sanh khởi, như thế, Như lai do trước đã tu tập phương tiện Bát nhã với lực gia hạnh, nên biết lại có tâm pháp sanh khởi.

Thế Tôn! Hóa thân của Như lai, nên nói là có tâm hay là không tâm?

- Này thiện nam! Không phải là có tâm, cũng không phải là không tâm. Vì sao? Vì không có tâm tự dựa, để có tâm dựa vào kẻ khác.

Thế Tôn! Đối tượng hành của Như lai, nghĩa là vô lượng công đức không thể nghĩ bàn cùng có của tất cả chủng loại Như lai, dùng để trang nghiêm, làm thanh tịnh cõi Phật.

Cảnh giới của Như lai, tất cả chủng loại nơi năm Giới sai biệt.

Những gì là năm Giới? Đó là:

1. Giới hữu tình.
2. Thế giới.
3. Pháp giới.
4. Giới điều phục.
5. Giới của phương tiện điều phục. Như thế gọi là hai thứ có sai biệt.

Thế Tôn! Như lai thành Đẳng Chánh Giác, chuyển Chánh pháp luân, nhập Đại Niết-bàn, ba thứ như thế, nên biết về tướng gì?

- Này thiện nam! Nên biết ba thứ ấy đều là tướng không hai.

Nghĩa là không phải thành Đẳng Chánh Giác, không phải không thành Đẳng Chánh Giác. Không phải chuyển Chánh pháp luân, không phải không chuyển Chánh pháp luân, không phải nhập Đại Niết-bàn, không phải không nhập Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì Pháp thân của Như lai là hoàn toàn thanh tịnh, còn Hóa thân của Như lai thì thường thị hiện.

Thế Tôn! Các loài hữu tình chỉ đối với Hóa thân, thấy nghe, phụng sự, sanh các công đức. Như lai đối với các hữu tình ấy có nhân duyên gì?

- Này thiện nam! Như lai là nhân duyên của đối tượng duyên tăng thượng nơi các hữu tình kia. Lại, Hóa thân kia là nơi chốn trụ trì của diệu lực thuộc Như lai.

Thế Tôn! Cùng không có gia hạnh, do nhân duyên nào, Pháp thân của Như lai vì các hữu tình phóng ra ánh sáng đại trí, cùng xuất sanh vô lượng ảnh tượng của Hóa thân. Còn thân giải thoát của Thanh văn, Độc giác thì không có sự việc như thế?

- Này thiện nam! Ví như cùng không có gia hạnh, từ nơi vầng mặt trời, mặt trăng, hai thứ Phả-chi-ca-báu nước, lửa đã phóng ra ánh sáng lớn, không phải là loại nước, lửa khác. Báu Phả-chi-ca nghĩa là chỗ trụ giữ của hữu tình có uy đức lớn, là sức tăng thượng nơi nghiệp của các hữu tình.

Lại, như từ chỗ đẽo gọt, làm đẹp thêm cho ngọc báu Mạt-ni của người thợ điêu khắc thiện xảo, ngọc báu ấy hiện ra hình tượng những đường vân in nổi bật, không từ những người thợ điêu khắc không lành nghề khác. Như thế, duyên nơi phương tiện Bát nhã của vô lượng pháp giới, hết sức khéo tu tập trau giồi, tích tụ thành Pháp thân của Như lai, từ đấy có thể phóng ra ánh sáng đại trí cùng xuất phát vô số hình tượng Hóa thân, không phải chỉ từ thân giải thoát kia có được sự kiện ấy.

Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói, uy đức trụ giữ của Bồ tát, Như lai, khiến cho các chúng sanh ở trong cõi Dục được sanh nơi các gia đình đại phú quý như các tộc họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, thân người, tài sản, vật báu không gì là không viên mãn. Hoặc sanh nơi các cõi Trời thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tất cả thân mạng, tài sản đều viên mãn, có thể đạt được.

Thế Tôn! Ở đây có mật ý gì?

- Này thiện nam! Uy đức được trụ giữ của Bồ tát, Như lai, hoặc đạo hoặc hành, đối với tất cả xứ, có thể khiến cho chúng sanh đạt được thân mạng, tài sản đều viên mãn, tức tùy chỗ ứng hợp, vì họ tuyên thuyết đạo này hành này.

Nếu có người, có thể đối với đạo ấy hành ấy, tu hành đúng đắn, thì nơi tất cả xứ tất đạt được thân mạng, tài sản không gì là không đầy đủ. Nếu có chúng sanh đối với đạo ấy hành ấy, chống đối, khinh chê, lại ở nơi trụ xứ của Như lai khởi tâm tổn não cùng tâm giận dữ, thì sau khi mạng chung, nơi tất cả xứ, chỗ đạt được thân mạng, tài sản thảy đều thua kém.

Này thiện nam! Do nhân duyên ấy, nên biết uy đức được trụ giữ của Như lai và các Bồ tát, không phải chỉ có thể khiến cho thân mạng, tài sản luôn viên mãn, mà cũng khiến cho thân mạng, tài sản của chúng sanh bị thua kém.

Thế Tôn! Trong các cõi tạp uế, sự việc gì dễ đạt được, sự việc gì khó đạt được? Trong các cõi thanh tịnh, sự việc gì dễ đạt được, sự việc gì khó

đạt được?

- Này thiện nam! Trong các cõi tạp uế, có tám sự dễ đạt được, hai sự khó đạt được.

Những gì gọi là tám sự dễ đạt được? Đó là:

1. Ngoại đạo.
2. Chúng sanh có khổ.
3. Chủng tánh, gia thế hưng suy sai biệt.
4. Hành các hành ác.
5. Hủy phạm Thi-la.
6. Nẻo ác.
7. Thừa thấp.
8. Ý lạc gia hạnh nơi Bồ tát yếu kém. Những gì gọi là hai thứ khó đạt được? Đó là:

1. Nơi chốn du hóa, tích tập của Bồ tát về gia hạnh ý lạc tăng thượng.
2. Như lai xuất hiện ở đời.

Này thiện nam! Nơi các cõi thanh tịnh, cùng với trên trái nhau, nên biết có tám sự rất khó đạt được và hai sự dễ đạt được.

Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải thâm mật này, phần đây gọi là giáo pháp gì, con nên phụng trì như thế nào?

- Này thiện nam! Phần này gọi là "Giáo pháp liễu nghĩa của Như lai thành tựu mọi sự hành tác", ông nên theo đấy mà phụng trì.

Lúc thuyết giảng xong phần "Giáo pháp liễu nghĩa…" này, trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ tát Ma-ha-tát đều đạt được Pháp thân chứng giác viên mãn.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 79

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

Đoạn 8:

Như thế là đã nói về phần Quyết trạch của phẩm công đức.

Hỏi: Như nói về năm thứ vô lượng, tức là Giới Hữu tình vô lượng v.v... Vật tất cả thế giới kia, nên nói là bình đẳng bình đẳng, hay là có sai biệt?

Đáp: Nên nói là có sai biệt. Các thế giới kia lại có hai thứ:

1. Thanh tịnh.

2. Không thanh tịnh.

Ở trong thế giới thanh tịnh không có các nẻo Na-lạc-ca, Bàng sanh, Ngạ quỹ, cũng không có Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng không có khổ thọ có thể đạt được. Chỉ thuần là Tăng Bồ tát an trụ trong ấy, thế nên gọi là Thế giới thanh tịnh. Bồ tát đã nhập nơi địa thứ ba, do lực tự tại của nguyện nên được thọ sanh nơi thế giới thanh tịnh kia. Thế giới thanh tịnh không có phàm phu, cùng Thanh Văn, độc giác không phải là phàm phu, hoặc Bồ tát phàm phu được sanh nơi ấy.

Hỏi: Nếu không có Bồ tát phàm phu cùng Thanh Văn, độc giác không phải là phàm phu được sanh nơi thế giới ấy, thì do nhân duyên gì, trong giáo pháp của Bồ tát đã nói như vầy: Nếu Bồ tát có ý nguyện đối với thế giới kia, như thế thì tất cả đều được vãng sanh?

Đáp: Vì nhằm hóa độ các chủng loại biếng nhác nơi chúng sanh được hóa độ chưa tích tập thiện căn, nên mật ý nêu bày như thế. Vì sao? Vì các chúng sanh kia do có được sự khuyên gắng như vậy, lúc ấy liền dứt bỏ biếng trễ, ở trong pháp thiện siêng tu Gia hạnh, từ đấy dần dần có thể sanh nơi thế giới kia, sẽ được pháp tánh. Nên biết đó gọi là Mật ý ở đây.

Lại nữa, Bồ tát dựa nơi bốn thứ Trụ, có thể thành tựu bốn sự.

Những gì là bốn Trụ? Đó là:

1. Trụ Cực hoan hỷ.

2. Trụ Giới tăng thượng.

3. Trụ Tâm tăng thượng.

4. Trụ Huệ tăng thượng.

Thế nào là Trụ Cực hoan hỷ? Nghĩa là các Bồ tát theo chỗ an trụ, đã nhập nơi địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, đối với trụ xứ của Tam bảo, không dựa vào ý lạc thanh tịnh của duyên khác.

Thế nào là Trụ Giới tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát, tức ở nơi Trụ Cực hoan hỷ như thế, từ đấy trở lên, theo chỗ an trụ, gồm đủ Tánh Thi la, xa lìa hết thảy sự phạm giới do keo kiệt, tiếc lẫn, tức dùng Giới xả viên mãn như vậy, hồi hướng nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Thế nào là Trụ Tâm tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát tức nương nơi Trụ Giới tăng thượng như thế, từ đấy trở lên, theo chỗ an trụ, lìa bỏ tham cõi dục, đạt được Tĩnh lự cùng các đẳng chí, trụ an nơi từ bi, đối với các chúng sanh, tùy theo năng lực, luôn chánh hành như thật.

Thế nào là Trụ Huệ tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát tức nương nơi Trụ Tâm tăng thượng như thế, từ đấy trở lên, theo chỗ an trụ, dần dần có thể đạt được chỗ thiện xảo của pháp Bồ đề phần, của các đế, của duyên khởi, của Trí của an lập do pháp Bất cộng, vượt quá Trí chứng đắc chung của tất cả Thanh Văn, độc giác.

Ở đây, Trí được an lập do pháp Bất cộng: Tức ở trong Tạng Bồ tát, là Trí ngôn từ của mật ý, là Trí của đế phi an lập, và Trí của đế an lập.

Ở đây, Trí được chứng đắc chung: Nghĩa là Trí được chứng đắc dựa nơi duyên khởi.

Thế nào là dựa nơi bốn Trụ này, có thể thành tựu bốn sự?

Tức là các Bồ tát nương dựa vào Trụ thứ nhất, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, trọn không từ bỏ tâm đại Bồ đề. Dựa nơi Trụ thứ hai, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, tự thân của đời vị lai, với tài sản vật báu nơi phẩm thiện, luôn càng tăng trưởng. Dựa vào Trụ thứ ba, vì muốn đem lại lợi ích cho các Hữu tình, nên chuyển các Tĩnh lự, do lực của đại nguyện, sanh trở lại nơi cõi dục, nhưng không bị các phiền não của dục triền làm nhiễm ô. Dựa vào Trụ thứ tư, đối với tất cả pháp, thông đạt chỗ an lập mà được thiện xảo, vì độ chúng sanh nên phát khởi thệ nguyện, thọ nơi sanh tử. Nhân nơi thệ nguyện này, liền có thể tích tập tư lương rộng lớn. Tức do sự thanh tịnh của Trụ này làm nhân, không chờ nơi Trụ khác, cũng không do sự chỉ dạy trao truyền khuyên bảo khác, mau chóng có thể chứng đắc Diệu Trí của Như lai.

Hỏi: Bồ tát nên nói gì gọi là Khổ? Đáp: Do chúng sanh bị tổn não là Khổ. Hỏi: Bồ tát nên nói gì gọi là vui?

Đáp: Chúng sanh được lợi ích là vui.

Hỏi: Bồ tát nên nói là dùng gì gọi để Tác ý?

Đáp: Ngộ nhập biên vực của cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức, cùng tạo tất cả sự việc lợi ích cho chúng sanh, dùng làm Tác ý.

Hỏi: Bồ tát nên nói là dùng gì làm Trụ?

Đáp: Dùng không phân biệt làm Trụ.

Lại nữa, Bồ tát lược có bốn chướng thuộc phẩm thượng, nếu không dứt trừ sạch thì trọn không thể hội nhập nơi địa Bồ tát cùng địa tiếp theo. Những gì là bốn thứ chướng? Đó là:

1. Ở trong các Tỳ-nại-da của Bồ tát khởi nhiễm ô, trái phạm
2. Hủy báng diệu pháp tương ưng của đại Thừa.
3. Chưa tích tập thiện căn.
4. Có Tâm nhiễm Ái.

Vì nhằm đối trị bốn chướng như thế, lại có bốn thứ pháp trừ sạch chướng. Đó là:

1. Đối khắp trụ xứ của chư Như lai trong mười phương, thâm tâm khẩn thiết phát lồ sám hối lỗi lầm.
2. Đối khắp tất cả hữu tình trong mười phương, vì nhằm đem lại lợi ích cho họ, nên khuyến thỉnh tất cả Như lai thuyết pháp.
3. Đối khắp tất cả hữu tình trong mười phương, với những công đức họ đã tạo được, đều sanh tùy hỷ.
4. Phàm tất cả thiện căn được sanh khởi, thảy đều hồi hướng nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Lại nữa, Bồ tát đã nhập đại địa, có bốn thứ nạn vi tế, cần được nhận biết khắp về chúng để có thể đoạn trừ các Tùy phiền não. Những gì là bốn? Đó là:

1. Pháp Ái.
2. Tác ý tương ưng với Thanh Văn, Độc giác.
3. Tham đắm vị nơi đẳng chí.
4. Hành nghiệp của các ma.

Ở trong các Tướng, các Tâm hiện có, nếu tán động trôi nổi, nên biết đều là Hành nghiệp của các Ma.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ nhất, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là vượt quá địa của các phàm phu, đã nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ tát. Do đã nhập, nên không gọi là phàm phu. Vượt quá tất cả sự sợ hãi hiện có, đạt được pháp vô thượng chưa từng được, nên thường có thể an trụ nơi Trụ cực hoan hỷ.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ hai, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là ở trong Tỳ-nại-da, đạt được pháp như thế, tức dứt bỏ tự tánh nơi đối tượng tu học của tất cả Thanh Văn, có thể đối với ba nghiệp thân ngữ ý hiện hành thanh tịnh, có thể xa lìa mọi cấu uế của sự phạm giới.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ ba, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là bên trong đạt được đạo Xa-ma-tha mạnh mẽ, do đấy nên chứng đắc Trí cảnh sáng tỏ.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ tư, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là bên trong đạt được đạo Tỳ-bát-xá-na mạnh mẽ, Trí cảnh được kiến lập, có thể thiêu đốt các phiền não. Do đấy nên có thể đối với hết thảy pháp phần Bồ đề hiện có, như chỗ chứng đắc, đều an lập thiện xảo.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ năm, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là vượt quá tất cả Trí Thế gian, vượt quá Trí của tất cả Thanh Văn, độc giác, nên có thể tiến lên ngộ nhập đạo Cực nan thắng của đế không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ sáu, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là ngộ nhập đạo lý duyên khởi sâu xa, nên đối với tất cả Hành, trụ nơi Tưởng chán bỏ, nơi Giới vô tướng luôn trụ nhiều, hướng tới tác ý tư duy.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ bảy, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Gia hạnh không có gián đoạn, thiếu sót, nơi cảnh giới vô tướng tác ý, có thể hội nhập cực xa, đối với đạo Gia hạnh đã đạt đến cứu cánh.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ tám, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Tác ý của cảnh giới vô tướng, không gia hạnh, không công dụng, đạt được tự nhiên không có dao động. Nơi tất cả tướng đạt được tự tại, nên trụ nơi địa thanh tịnh.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ chín, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Danh thân, Cú thân, Văn thân đạt được tự tại. Lại đạt được Huệ vô tội, rộng lớn vô lượng. Lại chứng đắc vô ngại giải lớn rộng, nên có thể làm vui thích tâm của tất cả chúng sanh, gọi là đại Pháp

sư.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ mười, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đã đạt được sự an nhiên tự tại lớn đồng với tất cả Như Lai. Đã đạt được đại Pháp thân như mây. Đã chứng đắc hết thảy đại thần thông, cũng gọi là Như Lai.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa Như Lai, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói tức Pháp thân đã được chứng đắc ấy lại khéo thanh tịnh, thành tựu viên mãn tột cùng, Trí kiến thanh tịnh, vĩnh viễn xa lìa tất cả loại Phiền não chướng cùng sở tri chướng.

Hỏi: Nơi các địa ấy, tạo tu như thế nào?

Đáp: Hoặc các Bồ tát trụ nơi địa Hành Thắng giải, dựa nơi mười địa tu mười pháp hành.

Hỏi: Nơi các địa ấy, chứng đắc như thế nào?

Đáp: Hoặc các Bồ tát chứng nhập chánh tánh ly sanh của Bồ tát, lại chứng đắc ý lạc thanh tịnh, bấy giờ tức thì chứng đắc tất cả các địa.

Hỏi: Những gì gọi là Đẳng lưu của các địa?

Đáp: Trong tất cả địa, chứng đắc các đạo Gia hạnh trở về sau với các uy đức hiện có.

Hỏi: Nơi các địa ấy, thế nào là thành tựu viên mãn?

Đáp: Hoặc các Bồ tát ở trong mỗi mỗi địa của các địa kia, trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp, theo chỗ xưng tán uy đức của các địa, đối với uy đức ấy, tự nhiên có thể chứng đắc.

Hỏi: Như nói năm thứ nhập chánh tánh ly sanh. Ở đây, Thanh Văn nhập chánh tánh ly sanh, hoặc Bồ tát nhập chánh tánh ly sanh, cùng nơi Pháp giới thông đạt như thật. Nên biết hai thứ ấy có sai biệt như thế nào?

Đáp: Lược nói về Pháp giới có hai thứ tướng:

1. Tướng sai biệt.

2. Tự tướng.

Tướng sai biệt: Nghĩa là Tướng thường trụ cùng Tướng Tịch tĩnh.

- Tướng thường trụ: Là Pháp tánh xưa nay không sanh cùng Pháp tánh vô tận.

- Tướng Tịch tĩnh: Là Pháp tánh lìa mọi trói buộc của phiền não khổ.

Nói Tự tướng: Nghĩa là ở trong tất cả pháp thuộc về Tướng, Danh, Phân biệt, Chân như, Chánh trí, do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên tự tánh không phải là tánh vô ngã của pháp thành thật. Trong đây, Thanh Văn do

tướng sai biệt để thông đạt Pháp giới, nhập chánh tánh ly sanh, không do Tự tướng để thông đạt. Vì tưởng không ẩn mất và tưởng An ổn, nên ở trong Pháp giới đạt được Tịch tĩnh, đối với tất cả Hành hoàn toàn phát khởi tưởng chán bỏ. Lại không thể đối với Tướng kia cùng chỗ gồm thâu tánh của các pháp, không thành pháp thật, để nhận biết rõ đúng như thật về tánh vô ngã. Tức chỉ ở trong định của Pháp giới ấy, do tác ý sai biệt duyên nơi Pháp giới. Tâm vô tướng chuyển, không phải do tác ý duyên nơi Tự tướng kia. Hoặc lại nhân nơi người khác đã tuyên thuyết về tự tướng của Pháp giới, nghe rồi một phần hồi hướng về Bồ đề Thanh Văn, gian khổ cực đại, sau đấy mới ngộ nhập. Đã nhập được rồi thì tinh tấn tu tập. Một phần thì hoàn toàn là Thanh Văn thủ chứng, hết sức gian khổ mới có thể ngộ nhập chút ít, nhưng không nhập rồi tinh tấn tu tập.

Hoặc các Bồ tát cùng do hai Tướng thông đạt Pháp giới, nhập nơi chánh tánh ly sanh của Bồ tát. Nhập ly sanh rồi, phần nhiều an trụ, tác ý duyên nơi tự tướng của Pháp giới. Vì sao? Vì do đối với Pháp giới, lúc tác ý nhiều, duyên nơi tướng sai biệt thì mau chóng hướng tới Niết-bàn, trụ nhiều nơi ấy thì đối với đạo quả chánh đẳng chánh giác vô thượng, không phải là chánh phương tiện. Nên biết tuy cùng thông đạt Pháp giới, nhưng do nhân duyên này mà có sai biệt.

Hỏi: Như nói ba Luân thanh tịnh của ba đời. Vậy thế nào là ba Luân thanh tịnh của ba đời?

Đáp: Do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên đối với các pháp bình đẳng, bình đẳng của quá khứ hiện tại vị lai, lúc dùng Huệ như thật quán xét đúng đắn, ở trong pháp quá khứ hiện tại vị lai không có lưu luyến, trông mong, nhiễm vướng. Đó gọi là ba Luân thanh tịnh của ba đời.

Hỏi: Như trước đã nói về một trăm bốn mươi pháp Bất cộng của Phật. Các Kinh khác lại nói mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy, pháp Phật Nghĩa là an lập như thế nào?

Đáp: Nghĩa là Bí sô A-la-hán, các Lậu đã vĩnh viễn dứt hết, mới đi vào xóm làng du hành khất thực. Hoặc có lúc cùng với các thứ voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ chung đường mà đi. Hoặc đi vào rừng rậm, giẫm đạp quanh vùng gai gốc. Hoặc cả hai chân nhảy vượt qua hầm, hào. Hoặc bước vào các nhà cửa phi pháp như thế, bị các "Mẫu ấp" mời dẫn phi lý. Hoặc ở nơi A-lan-nhã từ bỏ đường chánh, đi theo nẻo tà ác. Hoặc cùng với giặc trộm, các thứ dữ như sư tử, chó sói, hổ, báo chung đường mà đi. Những loại như thế, các A-la-hán hiện có lỗi lầm.

Như Lai đối với tất cả những thứ ấy là hoàn toàn không có lỗi lầm.

Lại, A-la-hán, hoặc vào một lúc du hành nơi A-lan-nhã, trong rừng có nhiều đại thọ, lạc mất đường đi, hoặc vào nhà trống vắng, lớn tiếng gọi kêu, từ xa đều nghe. Hoặc lại nhân nơi lỗi lầm của Tập khí, tâm không nhiễm ô, nhưng hở môi, lộ răng, cứ như thế mà cười. Các loại như vậy, chư vị A-la-hán hiện có âm thanh bộc lộ. Như Lai đối với các thứ ấy là hoàn toàn không có. Lại, các A-la-hán, hoặc vào một thời, do quên niệm, nên đối với sự việc đã làm mà có mất hết. Như Lai đối với các sự việc như thế hoàn toàn không hề có.

Lại, các A-la-hán, ở trong cảnh giới sanh tử hữu dư y, hoàn toàn phát khởi tưởng chán bỏ, ở trong cảnh giới Niết bàn vô dư y hoàn toàn phát khởi tưởng tịch tĩnh. Như Lai đối với Niết bàn Hữu y kia không có tưởng sai biệt, an trụ nơi xa bình đẳng bậc nhất.

Lại, các A-la-hán nếu nhập nơi đẳng chí, tức gọi là định. Nếu ra khỏi đẳng chí tức không gọi là định. Như Lai thì đối khắp trong tất cả phần vị, Tâm không lúc nào là không định.

Lại, các A-la-hán, không khéo xét chọn mà liền dứt bỏ sự nghiệp đem lại lợi ích cho chúng sanh. Các loại như thế, tức không khéo xét chọn mà liền dứt bỏ v.v..., Như Lai đều hoàn toàn không hề có. Lại, các A-la-hán dựa nơi Sở tri chướng được thanh tịnh, do chưa đạt được pháp không thối thất đối với Dục, Tinh tấn, Niệm, Định, Huệ cùng Giải thoát tri kiến. Bảy thứ pháp thối thất như thế, Như Lai hoàn toàn không có.

Lại, các A-la-hán, hoặc vào một lúc, thân nghiệp thiện chuyển. Hoặc vào một lúc, nghiệp Vô ký chuyển. Như đối với Thân nghiệp, thì Ngữ nghiệp, Ý nghiệp nên biết cũng thế. Như Lai nơi ba nghiệp, Trí tiền hành, Trí tùy chuyển, không có nghiệp Vô ký. Trí phát khởi nên gọi là Trí tiền hành. Trí cùng hành nên gọi là Trí tùy chuyển.

Lại, các A-la-hán, ở trong các sự được nhận biết của ba đời, không thể đột nhiên tác ý liền hiểu rõ, thế nên Trí kiến gọi là có vướng mắc. Không thể đối với tất cả, lãnh hội đúng đắn, trọn vẹn, thế nên Trí kiến gọi là có trở ngại. Như Lai đối khắp cảnh giới của ba đời, đột nhiên tác ý liền có thể hiểu rõ, đúng về tất cả cảnh nơi đối tượng nhận thức có sai biệt. Do đó nói mười tám thứ ấy gọi là Pháp Phật bất cộng.

Ở đây, bốn thứ đầu là Pháp không quên mất cùng nhổ trừ những thứ thuộc về Tập khí. Một thứ tiếp theo là thuộc về Đại Bi. Phần còn lại nên biết là thuộc về Nhất thiết chủng diệu Trí.

Lại nữa, đức Thế Tôn ở trong các Kinh khác đã nói về Tùy hảo. Vì khiến cho các chúng sinh được hóa độ sinh khởi tin tưởng thanh tịnh, nên

đã hiển thị, nhưng đối với chúng không lập tướng. Về sự an lập các Tướng, như nơi Phẩm kiến lập đã hiển bày rộng. Từ nơi "Tùy hảo" này nên biết phân ra các Tùy hảo kia. Lại nữa, Bồ tát hành tà, Bồ tát hành chánh phải nên nhận biết rõ. Bồ tát hành chánh, với những thắng lợi phải nên nhận biết rõ.

Bồ tát ở trong hành chánh, an lập hành tướng của pháp trụ, hành thiện, hành bình đẳng của hành pháp phải nên nhận biết rõ. Bồ tát có thể sanh khởi thí dụ của tín tịnh phải nên nhận biết rõ. Bồ tát ở trong hành chánh an lập việc tu học phải nên nhận biết rõ. Đối với việc tu học của các Thanh Văn, Bồ tát, có những thù thắng, sai biệt phải nên nhận biết rõ. Ở trong chỗ nên tu học của các Bồ tát, khéo học Trí thế gian xuất thế gian hiện có của Bồ tát nhằm tạo các sự lợi ích cho kẻ khác, phải nên nhận biết rõ. Tức ở trong chỗ chỉ dạy, trao truyền của Bồ tát, Thanh Văn đã học, phải nên nhận biết rõ. Sa-môn không khéo học, phải nên nhận biết rõ. Sa-môn khéo học, phải nên nhận biết rõ. Người trụ nơi Luật nghi thế tục, phải nên nhận biết rõ. Người trụ nơi Luật nghi thắng nghĩa phải nên nhận biết rõ.

Đối với các phương tiện điều phục của Như Lai, phải nên nhận biết rõ. Đối với lời Mật ý phải nên nhận biết rõ. Ở trong chỗ chỉ dạy trao truyền của Tạng Bồ tát, với những thắng giải, thắng lợi, phải nên nhận biết rõ. Như thế là lược nêu phần chỉ dạy trao truyền hiện có trong Tạng Bồ tát.

Thế nào là hành tà?

Nên biết, lược nói càng về sau dẫn phát có tám thứ tướng:

1. Hành tà có thể làm thối chuyển tư lương trí huệ.

2. Hành tà làm thối chuyển tư lương Trí huệ, nên có thể khiến quên niệm.

3. Hành tà do quên niệm nên có thể hủy hoại pháp bạch.

4. Hành tà hủy hoại pháp bạch nên có thể khiến ý ác hiện hành, không phải oai nghi của Bồ tát.

5. Hành tà của ý ác hiện hành nên có thể khiến khó điều phục.

6. Hành tà khó điều phục nên có thể khiến hành nơi phi đạo.

7. Hành tà hành nơi phi đạo nên có thể khiến gần gũi nơi nẻo không hiền thiện.

8. Hành tà gần gũi nơi nẻo không hiền thiện, nên có thể khiến Bồ tát không đúng như nghĩa.

Lại nữa, Bồ đề dùng Huệ làm Thể. Huệ có thể dẫn phát tất cả Ba- la-mật-đa còn lại. Do đó, lúc Huệ khởi hành tà, nên biết Bồ tát đối với Bồ đề

kia cùng khả năng dẫn phát các pháp Bồ đề đều khởi hành tà.

Có bốn thứ pháp có thể khiến cho Tư lương Trí huệ của Bồ tát bị thối chuyển. Đó là:

1. Tự mình không lắng nghe.
2. Không khiến kẻ khác lắng nghe.
3. Sự lắng nghe bị chướng ngại.
4. Điên đảo chấp trước mà có lắng nghe.

Dựa nơi bốn thứ pháp ấy, có thể khiến cho Tư lương Trí huệ bị thối chuyển.

Do bốn pháp này, nên ở trong hiện pháp hoặc nơi hậu pháp, lại sanh bốn thứ pháp trái với Trí. Đó là:

1. Không nhận biết rõ.
2. Các duyên thiếu kém.
3. Có thể sanh giận si, phi phước.
4. Điên đảo.

Do Tự mình không lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hiện pháp không nhận biết rõ. Do không khiến kẻ khác lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hậu pháp, các duyên luôn thiếu kém. Do sự lắng nghe bị chướng ngại làm chỗ dựa, nên có thể sinh khởi giận si phi phước nơi hậu pháp. Do điên đảo chấp trước mà có lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hậu pháp lại thêm điên đảo.

Tự mình không lắng nghe: Là ghét bỏ đối với pháp, ghét bỏ đối với Hữu tình, cùng ghét bỏ cả hai.

Không khiến kẻ lắng nghe: Là do sợ Trí của kẻ khác vượt hơn, do có kiêu ngạo, do sợ kẻ khác khinh chê.

Sự lắng nghe bị chướng ngại: Là phỉ báng nơi pháp cùng Hữu tình. Hối, dối loạn cùng dẫn dắt, nên không khiến thưa thỉnh và chấp nhận, tạo phương tiện chê bai người có thể lắng nghe.

Điên đảo chấp trước mà lắng nghe: Là dựa nơi sự thông đạt nhận hiểu nêu bày xấu ác của mình, chấp trước sự thông đạt nhận hiểu nêu bày thiện, dựa nơi sự khéo thông đạt, nhận hiểu, nêu bày của kẻ khác, chấp trước sự thông đạt, nhận hiểu, nêu bày xấu ác. Ở đây, nếu tự mình không lắng nghe, hoặc không khiến kẻ khác lắng nghe, hoặc sự lắng nghe bị chướng ngại, ba pháp như thế phần nhiều có thể khiến thối mất tư lương trí huệ do Văn tạo thành.

Điên đảo chấp trước mà có lắng nghe, phần nhiều có thể khiến thối

mất Tư lương trí huệ do Tư, Tu tạo thành.

Lại nữa, có bốn thứ pháp có thể khiến cho Bồ tát quên mất chánh niệm. Những gì là bốn? Nghĩa là bốn xứ mê loạn đối với bốn thứ hữu tình:

1. Đối với hữu tình cử tội.
2. Đối với hữu tình giáo hóa, dẫn dắt.
3. Đối với hữu tình muốn tạo lợi ích.
4. Đối với hữu tình có đức.

Nghĩa là, đối với hạng đồng phạm hạnh, là chỗ mê loạn về lỗi lầm của chính mình. Đối với hạng học hiện tiền, là mê loạn về học xứ. Đối với pháp đại thừa kia, người muốn thắng giải, kẻ muốn hành đúng, hiển bày không sai biệt, phân biệt nêu bật các lỗi lầm, mê phát khởi mê loạn về thắng giải, hành đúng. Đối với hữu tình có thể thuyết pháp, là mê loạn về sự làm rõ Mật xứ hiện có.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, có thể khiến cho Bồ tát hủy hoại pháp trắng sạch. Nghĩa là cùng với kẻ khác cạnh tranh về lực tăng thượng nên dấy khởi Gia hạnh phi xứ của các pháp trắng. Tuy khởi gia hạnh của nơi chốn pháp trắng, nhưng có ba thứ lỗi lầm của Hành tà:

1. Lỗi lầm của nhiễm chấp.
2. Lỗi lầm của ác kiến.
3. Lỗi lầm của thọ trì.

Do hai nhân duyên, nên biết lỗi lầm của chấp trước:

1. Thọ dụng tà vạy.
2. Nhiều xứ hỗn tạp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm của ác kiến:

1. Hữu tình phỉ báng, bài bác chánh pháp.
2. Đối với không phải chánh pháp thì hiển bày, chấp trước là chánh pháp.

Do hai nhân duyên, nên biết lỗi lầm của thọ trì:

1. Thọ trì hẹp, nhỏ, chỉ là Kinh không Liễu nghĩa.
2. Đối với các Kinh Liễu nghĩa chưa từng nghe, lãnh nhận thì càng phỉ báng, bài bác.

Lại nữa, Bồ tát có bốn thứ, là ý ác hiện hành, không phải là oai nghi của Bồ tát:

1. Ý ác hiện hành, đối với bậc đại sư sanh khởi không tin thuận, trái với sự kính học.

2. Ý ác hiện hành, đối với hạng đồng phạm hạnh, thâu nhận, nêu tội người có thể dạy khuyên, phát lồ như thật trái với lỗi lầm của mình.

3. Ý ác hiện hành trái với tinh tấn, ở trong các pháp thiện của phước trí lớn.

4. Ý ác hiện hành trái với khả năng có thể khiến cho chướng ngại của mình được thanh tịnh, ở trong thắng giải sâu xa lớn rộng.

Do ba thứ Tướng nên biết, đối với bậc đại sư, đã sanh khởi không tin thuận. Nghĩa là đối với Hữu thể tôn thắng được Trí. Do ba thứ Tướng nên biết không phát lồ như thật về lỗi lầm của mình:

1. Đối với các Hữu tình được thâu nhận kia, hiển thị tà vọng mình là bậc tôn thắng, nhân đấy phát khởi Tâm kiêu ngạo.

2. Đối với các Hữu tình có thể nêu tội thì che lấp chỗ trái phạm.

3. Đối với các Hữu tình có thể dạy khuyên, nhân họ xua đuổi sức tăng thượng, nên dấy khởi tâm uế trược, tạo sự tổn não.

Do hai thứ Tướng, nên biết là thối mất việc phát khởi tinh tấn đối với các pháp thiện. Nghĩa là đối với các Hữu tình có phước trí lớn, tham ái vướng mắc nơi lợi dưỡng, sự cung kính, cùng vui thích với điều ấy.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, có thể khiến cho Bồ tát khó có thể điều phục. Nghĩa là đối với sự tu tập chân chánh, có bốn thứ chướng ngại:

1. Đối với sự lắng nghe chấp là cứu cánh.

2. Đối với sự chỉ dạy trao truyền, nhận hiểu sai lầm.

3. Đối với Giới luật, an trụ không đúng đắn, có nhiều hối hận.

4. Đối với tự kiến, an trụ nơi kiến thủ.

Nghĩa là chỉ lắng nghe với Tâm không tịch tĩnh, nên đối với chỗ lắng nghe chấp là cứu cánh. Do đối với sự dạy khuyên, phân biệt điên đảo nên đối với chỗ chỉ dạy trao truyền đã nhận hiểu dựa vào sai lầm. Do đối với Giới luật phần nhiều hành trì thiếu sót, nhưng thọ dụng tín thí nên có hối hận. Cùng với Hữu tình thù thắng dấy khởi tranh chấp, nên đối với tự kiến phần nhiều trụ nơi kiến thủ.

Hữu tình thù thắng: Là thù thắng trong việc điều phục căn cùng đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, Bồ tát có bốn thứ, đối với các Hữu tình hành nơi phi đạo:

1. Đối với các Hữu tình chưa an lập sự tin tưởng thanh tịnh, nhưng không vì họ thuyết giảng.

2. Đối với các Hữu tình thuộc Thừa thấp mong cầu đại Thừa, Bồ tát không tùy chỗ thích hợp để có nêu giảng, dẫn dắt.

3. Đối với các Hữu tình thuộc đại Thừa mà mong cầu Thừa thấp, Bồ tát không thuận theo phương thức ấy để có sự nêu giảng.

4. Đối với các Hữu tình trụ nơi Giới cấm, không trụ nơi Giới cấm, tham ái nơi bè nhóm, thuyết giảng không bình đẳng.

Do ba thứ Tướng nên biết đó gọi là an trụ nơi Giới cấm:

1. Hành nghiệp không có lỗi lầm.

2. Thi-la không có thiếu sót.

3. Cung kính pháp đã học.

Do hai thứ Tướng nên biết đó gọi là không trụ nơi Giới cấm:

1. Thi-la thiếu sót.

2. Không cung kính pháp đã học.

Lại nữa, Bồ tát do gần gũi với kẻ không hiền thiện nên thối mất bốn sự:

1. Thối mất nơi Thừa.

2. Thối mất nẻo Gia hạnh trong việc tạo lợi ích cho Hữu tình.

3. Thối mất Thánh giáo.

4. Thối mất việc tu tập các pháp thiện không gián đoạn. Lại nữa, có bốn thứ, Bồ tát không như nơi nghĩa kia. Đó là:

1. Nhận giữ chánh pháp.

2. Trụ nơi A-luyện-nhã.

3. Siêng tu nghiệp phước.

4. Cai quản đại chúng.

Nghĩa là các Bồ tát muốn khiến người tin phục, tuy nhận giữ chánh pháp, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát vì cầu tiếng khen, tuy trụ nơi A-luyện-nhã, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát tâm chuyên chấp buộc nơi quả có nhiễm, tuy siêng tu nghiệp phước, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát tâm chuyên buộc chấp nơi sự cúng dường, tiếng tăm, tuy cai quản đại chúng, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia.

Lại nữa, thế nào là hành chánh? Nghĩa là trái nhau với các tướng trên, lìa lỗi lầm riêng, nêu rõ sự đối trị, nên biết càng về sau sẽ dẫn phát tám thứ hành tướng, đó gọi là hành chánh. Đã nói do tự mình không lắng nghe, khiến Trí thối mất. Ở đây là do nhân duyên gì? Do hữu tình đối với chánh pháp không hiển bày sự cung kính. Do sự hủy phạm ấy, nếu không hủy

phạm cũng không thắng giải, thế nên thối mất.

Lại nói, do không khiến nghe nên Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do muốn khiến kẻ khác hiển bày sự tin phục. Vì hủy phạm ấy, giả như không hủy phạm thì hồi hướng nơi pháp tà, thế nên thối mất.

Lại nói, do sự nghe, lãnh hội bị chướng ngại khiến Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do chỗ hiển bày là không muốn, không nghe, không thọ trì. Vì hủy phạm ấy, giả như không hủy phạm thì cũng biếng nhác, lười trễ, thế nên thối mất. Lại nói, do chấp trước tà vạy mà có lắng nghe, khiến Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do nơi tu hành không thấy công đức, chỉ nghe theo ngôn thuyết, cho là cứu cánh được hiển bày. Vì hủy phạm này, giả như không hủy phạm, thì Trí không thành thật, do đấy nên thối mất.

Lại nói, do nơi người nêu tội mê loạn đối với lỗi lầm của chính mình khiến niệm quên mất. Đây là do nhân duyên gì? Do ở trong sự trọng, sợ hãi bị suy tổn, ở trong sự nhẹ sợ hãi bị quở trách, nên nêu đặt vọng ngữ được hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do chướng của nghiệp nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì do chướng ngại của sự hủy phạm nên có quên mất.

Lại nói, do mê loạn về Học xứ, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do không phải tự tánh, chuyển theo kiến chấp hư vọng được hiển bày. Vì hủy phạm này, do chướng ngại của nghiệp nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì do chướng ngại của sự hủy phạm nên có quên mất.

Lại nói, do đối với đại Thừa, mê loạn nơi Thắng giải, chánh hành, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do nơi Bồ tát không sanh cung kính, ẩn giấu đức thật được hiển bày. Vì sự hủy phạm ấy, do chướng ngại của nghiệp, nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì cũng do chướng ngại của sự hủy phạm nên có chỗ quên mất.

Lại nói, do mê loạn nơi xứ mật hiểu, ẩn, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do muốn khiến đối với đại Thừa không sanh vui thích được hiển bày. Vì sự hủy phạm ấy, do chướng của nghiệp nên có quên mất. Nếu như không hủy phạm thì cũng do chướng ngại của sự hủy phạm mà có quên mất.

Lại nói, do Gia hạnh phi xứ, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do vui thích với lợi nhỏ hơn của mình, không chuyển, lắng nghe Thừa thấp, Tâm không khiêm tốn đã hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do không thể đạt được các pháp trắng sạch chưa từng đạt, nên đối với chỗ

nghe, nhận, sinh ra chậm chạp, tức đối với pháp mình đạt được bị thối chuyển.

Lại nói, do lỗi lầm của Ái nhiễm, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do đối với các thứ lợi dưỡng có được lúc đang là tại gia không sanh biết đủ, hiển bày các pháp dối trá có trông mong. Vì sự hủy phạm này, do không lắng nghe pháp chưa được nghe, các hành nghiệp phần nhiều khinh suất, tán loạn, nên đối với Tam ma địa không thể chứng đắc.

Lại nói, do lỗi lầm của Ác kiến, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do mang sẵn ý ác khi nhìn xem kẻ khác, đối với các Thanh Văn đã học đại Thừa, tâm kia đã hiện rõ sự điên đảo. Do sự hủy phạm ấy, do không hành đúng đắn, đã dẫn đến suy tổn. Do dối gạt kẻ khác đã dẫn đến suy tổn. Lại nói, do lỗi lầm của sự thọ trì, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do ở trong ý nghĩa sâu xa nơi Trí của Như Lai, khởi kiêu mạn về đẳng giác đã hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do hủy báng chánh pháp nên dẫn đến suy tổn, do ở trong ý nghĩa sâu xa nơi Trí của Như Lai đã suy lường tà vạy nên dẫn đến suy tổn.

Lại nói, do đối với pháp đã học không hết sức cung kính, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do nơi chỗ trái phạm không phát lồ, không nêu bày để sám hối, không trừ bỏ ố tác đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với đối tượng duyên có tán loạn, nên hành không rõ ràng.

Lại nói, do hiển bày không như thật về lỗi lầm của mình, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do đối với thân mạng tài sản có sự luyến tiếc, vui thích với ngôn ngữ không thật đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với Thánh giáo có sự tán loạn, nên hành không rõ ràng.

Lại nói, do đối với nhân duyên của tinh tấn sinh khởi biếng nhác, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do không gắng nhẫn chịu đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với các khổ không thể gắng nhẫn, do đối với các pháp thiện có chỗ tán loạn, nên Hành không sáng rõ.

Lại nói, do nhân duyên của chướng tịnh, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do đối với đại Thừa, không có Thắng giải của ý lạc tăng thượng đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với Thừa rộng lớn có chỗ tán loạn, nên Hành không sáng rõ. Lại nói, do chỉ lắng nghe về cứu cánh, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do chỉ xem thấy chỗ nạn luận đã tránh thoát, thắng lợi nơi sự lắng nghe đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy nên hiển bày, chỉ rõ chỗ dối trá nơi hàng thiện hữu giữ pháp.

Lại nói, do đối với sự chỉ dạy trao truyền, nhận hiểu không thích hợp,

nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do không gắng thọ nhận giáo pháp, kiên trì đối với chỗ trái phạm, không kính điều được chỉ dạy, trao truyền đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên hiển bày chỉ rõ, chỗ dối trá nơi hàng thiện hữu trụ nơi A-luyện-nhã.

Lại nói, do nơi Thi-la không an trụ vững chắc, hối hận, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do đối với pháp đã học không gắng cung kính, giả nhận tín thí đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy nên chỗ dối trá được hiển bày, chỉ rõ nơi việc thiện hữu siêng tu nghiệp phước. Lại nói, do nơi tự kiến an trụ vào kiến thủ, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do đối với trụ xứ của các Bồ tát hành Ba-la-mật-đa thanh tịnh, không sanh cung kính, không muốn chiêm ngưỡng, không muốn thân cận, không muốn lắng nghe, không theo pháp hành đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên chỗ dối trá đã được hiển bày chỉ rõ nơi hàng thiện hữu cai quản chúng.

Lại nói, do không nêu bày rõ, không tùy thuận để nêu bày, không thuận nơi nghĩa để nói, không thuyết giảng bình đẳng, hành nơi phi đạo. Đây là nhân duyên gì? Do trước sau nêu bày chán mệt, Tâm không bình đẳng, đối với chỗ tuyên thuyết không biết phương tiện. Thắng giải về Thừa thấp, tâm có ái nhiễm, dạy khuyên đồ chúng hành Gia hạnh đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, do thiện căn không viên mãn, do không thâu nhận thiện căn rộng lớn, do dứt bỏ thiện căn rộng lớn, nên sanh phi phước, dối gạt các loài hữu tình được hóa độ.

Lại nói, do bốn thứ gần gũi hạng không hiền thiện, nên thối mất bốn sự. Đây là nhân duyên gì? Do keo kiệt, tiếc lẫn, ít hiểu biết, không khéo hội nhập Thánh giáo, đối với những lời Phật giảng nói không chịu lắng nghe đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên không tu tập thiện căn, sợ hãi nơi khổ của sinh tử, đối với sự nghiệp lợi tha không thể tạo tác. Thiện căn, nhỏ hẹp nên ở trong các pháp khởi nghi hoặc, nên có thối mất.

Lại nói, do nơi bốn thứ, Bồ tát muốn cầu sự tin phục, muốn cầu tiếng khen, muốn cầu quả nhiễm, muốn cầu cúng dường, thừa sự, tiếng tăm, là các Bồ tát không như nơi nghĩa kia. Đây là nhân duyên gì? Do cùng Ngã ái, cùng đối với tội vi tế không thấy sợ hãi, cùng với vô ngã kia không phải là thắng giải, cùng không chú tâm đến lợi tha. Đối với sanh tử, Niết-bàn hoàn toàn quán thấy lỗi lầm, công đức, ở trong hiện pháp, vui thích cùng tạp trụ. Đối với đời vị lai ham thích giàu sang, thâu nhận của cải, giáo pháp đã hiện rõ. Do sự hủy phạm này, dối hiện tự thân có thể giữ pháp đúng đắn, cho đến cai quản chúng.

Lại nữa, thế nào là thắng lợi của Hành đúng đắn? Đây cũng có bốn thứ, càng về sau nên biết rõ.

Bồ tát hành đúng đắn như thế, có thể tích tập Tư lương Phước, Trí, dùng đấy làm chỗ dựa, khiến chướng ngại được thanh tịnh. Dùng đấy làm chỗ dựa, đối với tất cả môn tập thành pháp trắng. Dùng đấy làm chỗ dựa, dấy khởi tất cả thứ gia hạnh, tạo lợi ích cho hữu tình, nên lại có thể sanh trưởng vô lượng phước.

Lại có bốn pháp, có thể khiến tích tập Tư lương Phước, Trí. Đó là:

1. Dựa nơi hành đúng đắn ấy, cúng dường thừa sự chư Phật Như lai.
2. Văn thanh tịnh.
3. Tư thanh tịnh.
4. Tu thanh tịnh.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho chướng ngại thanh tịnh:

1. Đối với thừa, tự nhiên không động.
2. Đối với các hữu tình, xa lìa nhân duyên không hành tác.
3. Xa lìa nhân duyên của hành tà vạy.
4. Xa lìa nhân duyên khiến hành chánh không viên mãn.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho tất cả môn tập thành pháp trắng:

1. Tu tập các pháp do tu tạo thành.
2. Thành thục hữu tình, tức do tu tạo thành.
3. Gắng nhẫn các sự việc khó, tức do Văn, Tư tạo thành.

Lại có bốn pháp, có thể khiến tạo tác tất cả sự việc đem lại lợi lạc cho hữu tình. Nghĩa là đối với bốn xứ, cứu vớt hữu tình. Đó là:

1. Đối với xứ nghi hoặc, do dự.
2. Đối với xứ hết sức uế tạp xấu ác, hướng tới điên đảo.
3. Đối với xứ tin hiểu theo thừa thấp.
4. Đối với xứ khởi Tâm giận dữ, ghét bỏ Thánh giáo.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát ở trong hành chánh, lúc hiện tại chuyển, cũng đạt được công đức thắng lợi như thế? Nghĩa là gồm đủ hành tướng pháp trụ, hành thiện, hành bình đẳng trong pháp hành.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ pháp hành? Đây là hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát, phàm chỗ tu hành không vượt chánh pháp. Thế nên gọi là đầy đủ pháp hành. Nên biết hành này có năm hành tướng:

1. Đối với các hữu tình không tạo lợi ích, thích hành theo hành ác, thương xót thâu nhận, nhằm khiến họ đi vào nẻo thiện.

2. Đối với các hữu tình trụ ngoài chủng tánh, duyên thiếu kém, khuyên họ khiến phát khởi Tâm Bồ đề.

3. Ở trong các pháp Ba-la-mật-đa thù thắng, tự nhận biết rõ.

4. Đối với xứ tôn trọng, phát khởi gia hạnh cung kính, lễ bái.

5. Đối với các hữu tình là ngoại đạo, oán địch, luôn an trụ nơi Thánh giáo, không nghiêng động.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Hành bình đẳng? Đây là Hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát, đối khắp tất cả sự việc tạo lợi ích cho Hữu tình, luôn tu hành bình đẳng. Do đấy gọi là gồm đủ Hành bình đẳng. Nên biết Hành này có tám Hành tướng.

1. Đối với các hữu tình luôn thân ái bình đẳng.

2. Đối với các hữu tình, dùng thân không nhiễm ô, không sai biệt, đời không sai biệt, cầu không sai biệt, tâm thân ái bình đẳng an ủi, khuyến dụ.

3. Lìa bỏ những thứ ồn tạp, dung mạo thư thái, vui vẻ, đối với điều đã đảm nhận, luôn có thể hành hóa bình đẳng.

4. Đối với các pháp chưa đảm nhận, đều có thể bình đẳng giữ lấy.

5. Đối với tất cả khổ đều gắng nhẫn bình đẳng.

6. Đối với vô lượng phương tiện điều phục, luôn có thể bình đẳng cầu đạt.

7. Lần lượt lại cùng bình đẳng nơi chánh ngữ, nơi ngôn ngữ gắng nhẫn.

8. Tất cả thiện căn đều bình đẳng hồi hướng nơi đạo quả Đại Bồ đề.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Hành thiện? Đây là Hành tướng gì?

Nghĩa là các Bồ tát, đối nội, thành thục các pháp Phật, đối ngoại, thành tựu đầy đủ các hữu tình, tu tập hành thiện. Do đó gọi là gồm đủ Hành thiện. Nên biết Hành này có bảy Hành tướng:

1. Không chỗ nương dựa mà hành Huệ thí.

2. Không chỗ nương dựa mà trì giới.

3. Do Tâm thương xót mà tu Nhẫn.

4. Không phải đối với phần ít mà tu Tinh tấn.

5. Vì tạo lợi ích cho các xứ hữu tình nên tu Tĩnh lự.

6. Kiến giải không tương ưng, nên tu diệu huệ.

7. Thành thục phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Pháp trụ? Đây là Hành tướng gì? Nghĩa là

các Bồ tát không phải chỉ tìm cầu, cho là cứu cánh. Không phải chỉ đọc tụng, cho là cứu cánh. Không phải chỉ tuyên thuyết, cho là cứu cánh. Không phải chỉ Tầm Tứ cho là cứu cánh. Mà ở trong Xa-ma-tha thù thắng của nội tâm tu tập đúng đắn, phát khởi phương tiện siêng năng, tu hành bình đẳng. Thế nên gọi là gồm đủ Pháp trụ. Nên biết Trụ này có mười hai hành tướng:

1. Ở trong chỗ trụ nơi Giới cấm, không trụ nơi Giới cấm, có thể chỉ dạy, trao truyền, đều không phân biệt.

2. Dùng đấy làm chỗ dựa, cung kính lãnh nhận chỗ đã chỉ dạy truyền trao.

3. Dùng đấy làm chỗ dựa, Thân xa lìa.

4. Dùng đấy làm chỗ dựa, Tâm xa lìa.

5. Dùng đấy làm chỗ dựa, Tác ý tương ưng vượt quá Thừa Thanh Văn. Tác ý tư duy tương ưng với đại Thừa.

6. Dùng đấy làm chỗ dựa, không lìa bỏ gánh nặng đối với các hữu tình, luôn cùng dừng trụ với họ.

7. Dùng đấy làm chỗ dựa, lãnh nhận uy đức nơi quả tu tập tư lương phước trí lớn rộng của thế gian thanh tịnh.

8. Nơi Trí thế gian không cho là biết đủ, để tìm cầu, tu trị Trí xuất thế gian.

Lại, Trí thanh tịnh đoạn trừ bốn thứ lỗi lầm, nên cai quản đại chúng:

1. Lỗi lầm do không thể gắng nhẫn các thứ xúc não.

2. Lỗi lầm do không quyết định nêu bày sự chỉ dạy, trao truyền.

3. Lỗi lầm do chỗ tạo tác không như lời nói.

4. Lỗi lầm của Tâm có ái nhiễm.

Bốn thứ như thế cùng với tám thứ trước hợp thành mười hai Hành tướng.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát có thể sinh khởi tịnh tín, nơi các thí dụ hiện có?

Nghĩa là các Bồ tát, từ khi mới phát tâm, thời gian đầu giữa sau, làm chỗ nương dựa cho việc dẫn phát thiện căn của các chúng sanh, nên đối khắp tất cả hoặc ân hoặc oán, tâm không vướng mắc, cũng như đại địa. Nhưng các Bồ tát không phải như kẻ tầm thường trong đại địa mà chuyển. Chúng sanh nương vào đấy, tự hiện bày công sức mới được sống còn. Nhưng các Bồ tát sinh trưởng thiện căn, tịnh tín hoan hỉ, có thể làm cho tươi thắm cũng như đại thủy. Mà các Bồ tát không phải như đại thủy, cùng với các thứ lúa má được thu hoạch thành thục trái nhau. Vì các Bồ tát muốn

thành thục các thiện căn, nên đối với pháp đáng chán bỏ, sanh khởi sự chán bỏ sâu xa, có thể thiêu đốt chúng, nên cũng như đại hỏa. Nhưng các Bồ tát không phải đại hỏa, cùng với các cõi Phật tập hội trái nhau. Vì các Bồ tát có thể khiến cho người thiện căn đã thành thục, dẫn phát, tụ tập xúc đắc giải thoát. Do có thể phát khởi sự chỉ dạy trao truyền đúng đắn, nên ví như đại phong. Nhưng các Bồ tát không phải như đại phong, có thể dẫn phát rồi, chung quy là diệt tận.

Tức các Bồ tát khiến cho pháp trắng của chính mình càng thêm tăng thạnh, cũng như trăng sáng. Nhưng các Bồ tát không phải là trăng sáng, chỉ ở nơi phần trắng mới chiếu soi sáng tỏ, còn nơi phần đen thì không. Vì các Bồ tát, về tướng luôn bình đẳng, ở trong phần trắng đen nơi tất cả pháp, Trí đều soi sáng khắp, cũng như vầng mặt trời. Nhưng các Bồ tát không phải là vầng mặt trời sợ A-tu-la-la-hỗ-la nắm bắt tức liền xoay chuyển. Vì các Bồ tát, trong tất cả nẻo, hoàn toàn không sợ hãi chỗ nắm giữ, làm xoay chuyển của phiền não, nên ví như Sư tử. Nhưng các Bồ tát không phải như Sư tử vốn khiếp sợ đối với khối đồ vác lớn, nên như Rồng khéo điều phục. Nhưng các Bồ tát không phải như voi quý, nếu gặp phải lợi, suy, lời nói mềm dịu không mềm dịu, hoặc vui hoặc khổ, tức vì đấy mà có nhiễm đắm của yêu thích, giận dữ. Vì các Bồ tát đối với các pháp thế gian không bị nhiễm đắm theo sự yêu thích, giận dữ, nên như Hoa sen hồng. Nhưng các Bồ tát không phải như Hoa sen hồng, đã bị đoạn cành rồi thì không sanh trưởng nữa. Vì các Bồ tát, tuy đã chế ngự phiền não, do chỗ nhận giữ nơi sức của thiện căn, nên lại sanh trưởng ở trong sanh tử, cũng như đại thọ gốc chưa tổn hoại. Nhưng các Bồ tát không phải như đại thọ, gốc vào thời gian sau nhất định sẽ bị tổn hoại. Vì các Bồ tát, với thiện căn hiện có, hồi hướng nơi đại Bồ đề Niết-bàn, nên ví như các dòng sông chảy vào biển cả. Nhưng các Bồ tát không phải như các dòng sông chảy vào biển cả, tức thành tánh của Biển. Vì các Bồ tát nương dựa nơi Niết-bàn cùng đại Bồ đề, với diệu lực của các thiện căn, nên hiển bày diệu dụng, cũng như chư Thiên dựa nơi núi Tô-mê mà trụ. Nhưng các Bồ tát không phải như chư Thiên trụ nơi Tô-mê-lô, ở trong sự việc của mình chuyên hành phóng dật, thọ nhiều hoan lạc. Vì các Bồ tát, với phương tiện Bát nhã đã thâu giữ, nên thành tựu đầy đủ mọi hành tác của chư Phật, nên ví như quần thần giúp sức đại vương. Nhưng các Bồ tát không phải như quần thần giúp sức đại vương, vì lợi ích của chính mình nên bảo hộ người trong nước. Vì các Bồ tát không chú trọng đến lợi mình, thâu giữ che chở chúng sinh cũng như vầng mây lớn. Nhưng các Bồ tát không phải như vầng mây lớn, không thể thành tựu rốt ráo đối với lúa má được thu hoạch. Vì các Bồ tát sanh trưởng các pháp Bồ đề phần

một cách rốt ráo, nên như chuyển Luân vương xuất hiện ở đời. Nhưng các Bồ tát không phải như Luân vương không có chúng đại trượng phu thứ hai. Vì các Bồ tát giải thoát bình đẳng, thiện căn sanh khởi nhiều đồng xuất hiện, như báu Mạt ni. Nhưng các Bồ tát không phải như ngọc báu Mạt-ni, cùng với Ca-lý-sa-bát-noa hết sức không tương tự. Vì các Bồ tát nhập nơi cảnh giới vô lậu, mọi hành tác bình đẳng, thọ lạc bình đẳng, nên ví như chư Thiên đã vào Rừng tạp. Nhưng các Bồ tát không phải như chư Thiên đã vào rừng tạp, phiền não tăng trưởng, đương lai sẽ bị thối, đọa. Vì các Bồ tát đã chế ngự các phiền não, không có thối, đọa, các phiền não hiện có, như các thứ độc đã được chú thuật hàng phục. Nhưng các phiền não hiện có của các Bồ tát, không phải như các độc đã bị chú thuật chế ngự, chỉ không bị hại, lại không có các đức khác. Vì các Bồ tát, do phiền não của mình có thể tạo ra lợi ích cho chúng sanh. Nên phiền não này, như các đống phân uế trong thành lớn. Công đức hiện có của Bồ tát như thế, phần thô đồng với các sự việc cùng được nhận biết của thế gian nên được làm dụ. Nhưng công đức ấy do thù thắng nên không có thí dụ. Vì thế nên biết, công đức của Bồ tát, tất cả thí dụ đều không thể đạt đến.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 80

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát.

Đoạn 9:

Lại nữa, thế nào là Bồ tát, ở trong Hành đúng đắn, an lập chỗ Học? Nghĩa là các Bồ tát đầy đủ Pháp trụ, đối với đạo lý của Thế tục đế, đã nói về "Không liễu nghĩa", không phải là Kinh điển tương ưng của Thừa Thanh Văn làm chỗ dựa. Đã tạo sự dựa giữ, đã tạo thiện xảo, mà lại vượt qua chỗ tương ưng với Tánh không thâm diệu tương ưng với đại thừa. Dựa nơi đạo lý của thế tục. Thắng nghĩa đế, đã nói về "Liễu nghĩa", lúc có thể dựa nơi Kinh điển siêng năng tu học, gọi là tu học như lý chánh cần. Lúc như lý siêng năng tu học như thế, gọi là tu hành đúng đắn về thắng hành trung đạo. Vì sao? Vì do chánh pháp này xuyên suốt mười ba Hành trung đạo:

1. Xuyên suốt Tánh không của hữu tình.
2. Xuyên suốt Tánh vô ngã của hữu tình.
3. Xuyên suốt Tánh không của Pháp.
4. Xuyên suốt Tánh vô ngã của Pháp.
5. Xuyên suốt Biên tăng ích.
6. Xuyên suốt Biên tổn giảm.
7. Xuyên suốt quán hiện pháp.
8. Xuyên suốt quán hiện pháp, hồi hướng tánh đại Bồ đề.
9. Xuyên suốt các khổ của phiền não nơi Hành giả như thế, không vây buộc tánh của Tâm.
10. Xuyên suốt Thắng giải sai biệt của hai vô ngã.
11. Xuyên suốt tánh vô ngã trước, là tánh của nhân sau.
12. Xuyên suốt đến biên vực nơi tánh không.
13. Xuyên suốt, tức uy đức của pháp kia.

- Thế nào là Xuyên suốt Tánh không của Hữu tình?

Nghĩa là do một thứ tướng không thể thủ đắc đã hiện rõ. Ở đây, không thể thủ đắc: Tức là đối với ba thứ Sự:

1. Sự của hữu tình.

2. Sự sai biệt của hữu tình.

3. Sự thọ dụng của hữu tình.

Hoặc trong hoặc ngoài, hoặc trung gia, Biến kế sở chấp của hàng ngu phu cho là Thật ngã đều không thể đạt được.

- Thế nào là xuyên suốt Tánh vô ngã của hữu tình?

Nghĩa là do chỉ một tướng, có thể thủ đắc đã hiện rõ. Ở đây, có thể thủ đắc: Tức đối với ba Sự kia, chỗ Biến kế của hàng ngu phu, trong các pháp duyên sanh, thật tánh thường trụ không thể thủ đắc, chỗ suy tính của hàng ngu phu cho Ngã của với Tướng Tánh, đạo lý ấy có thể thủ đắc.

- Thế nào là xuyên suốt Tánh không của Pháp?

Nghĩa là chỉ do một Tướng, không thể thủ đắc đã hiện rõ. Ở đây, không thể thủ đắc: Tức đối với sự kia đã giữ lấy Tánh vô thường, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc trung gian, Biến kế sở chấp của hàng ngu phu cho tự tánh của ngôn thuyết đều không thể thủ đắc.

- Thế nào là xuyên suốt Tánh vô ngã của Pháp?

Nghĩa là chỉ do một tướng, có thể thủ đắc đã hiện rõ. Ở đây, có thể thủ đắc: Tức đối với đạo lý của sự kia, có thể thủ đắc đối tượng hành của Thánh Trí.

Lại, tức đối với chỗ chứng đắc của Tự nội kia, không thể dùng ngôn từ vì người khác tuyên thuyết. Sự chứng đắc kia, do sáu Tướng, đối với Biến kế sở chấp của hàng phàm ngu, cho tự tánh của ngôn thuyết là dị tướng có thể thủ đắc. Những gì là sáu Tướng:

1. Không thể tự tầm, tư.

2. Không thể nêu bày, chỉ rõ cho kẻ khác.

3. Vượt quá nẻo hành của Sắc căn.

4. Vượt quá tất cả Tướng.

5. Vượt quá đối tượng hành của Thức.

6. Vượt quá nẻo hành của Phiền não.

- Thế nào là xuyên suốt Biên tăng ích? Nghĩa là do hai thứ Tướng:

1. Tăng ích sai biệt đã hiện rõ.

2. Tăng ích tự tánh đã hiện rõ.

Những gì gọi là Tăng ích sai biệt? Nghĩa là do càng về sau, lần lượt có tám Tướng:

1. Tức Tăng ích chấp thường đối với sư kia.

2. Tăng ích chấp vô thường.

3. Tăng ích chấp Thường làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp Ngã.

4. Tăng ích chấp vô thường làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp vô ngã.

5. Tăng ích chấp vô ngã làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp Tâm chân thật.

6. Tăng ích chấp Ngã làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp Tâm không chân thật. Phần này lại có hai thứ:

1. Quyết định.

2. Tầm cầu.

Tầm cầu: Nghĩa là chỗ dựa của Biến kế cùng pháp tương ưng của Biến kế, ở trong đối tượng được đối trị là pháp tạp nhiễm, do năm thứ lỗi lầm:

1. Lỗi lầm của điên đảo.

2. Lỗi lầm của hý luận.

3. Lỗi lầm do phát khởi Hành ác.

4. Lỗi lầm của Thô trọng.

5. Lỗi lầm của Tánh vô thường,

Cùng ở trong pháp thanh tịnh của chủ thể đối trị kia.

7. Tăng ích chấp Tâm chân thật làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp Thiện v.v..., cho đến Tăng ích chấp thanh tịnh.

8. Tăng ích chấp Tâm không chân thật làm chỗ dựa cho Tăng ích chấp không thiện v.v... cho đến Tăng ích chấp tạp nhiễm.

Đó gọi là tám thứ Tăng ích sai biệt.

Trong đây, Bồ tát đối với các Tăng ích kia đều không chấp trước, không khuyên kẻ khác chấp, cũng không khen ngợi.

- Những gì gọi là Tăng ích tự tánh?

Nghĩa là từ Tăng ích sai biệt làm chỗ dựa, do Biến kế sở chấp của các ngu phu cho ngôn thuyết hiện có là Tăng ích tự tánh. Tức đối với Tăng ích của các sự kia cho là có.

- Thế nào là xuyên suốt Biên tổn giảm?

Nghĩa là do một Tướng tổn giảm thật sự đã hiện có. Ở đây, Tổn giảm thật sự: Tức đối với tánh vô ngã của pháp tà kia, phát khởi Thắng giải, chấp trước tất cả thứ tướng của hết thảy pháp đều không thật có.

- Thế nào là xuyên suốt Quán Hiện pháp?

Nghĩa là do ba thứ Tướng:

1. Tức ở trong chỗ an lập hữu vi, vô vi nơi chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị đối với sự kia cùng sự sanh thứ tư, tự tánh không thể thủ đắc đã hiện rõ.

2. Chỗ sai biệt kia không thể thủ đắc đã hiện rõ.

3. Tức chỗ thường xuyên hành tập kia, Trí thông tỏ đúng như thật đã hiện rõ.

Ở đây, Tự tánh không thể thủ đắc: Là tự tánh Biến kế sở chấp của hàng ngu phu.

Sai biệt không thể thủ đắc: Tức tự tánh kia với hai phần sanh diệt tập thành không thể thủ đắc.

Ở đây, Trí thông tỏ: Tức sự thông tỏ của Trí được chứng đắc do Gia hạnh tự nội, thuộc tướng của Tự tánh kia không tác ý, không xét chọn.

- Thế nào là xuyên suốt Quán hiện pháp, hồi hướng tánh đại Bồ đề?

Nghĩa là do một thứ Tướng, xét chọn về chỗ đạt được nơi chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị không dứt.

Ở đây, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị: Tức không là đối trị phiền não. Vô nguyện là đối trị hữu nguyện. Vô tướng là đối trị các Tướng. Tất cả như thế gọi là không tạo tác.

Đây lại là đối trị nghiệp của Hữu sau, cũng là sanh thân lưu chuyển, đối trị sát na sanh lưu chuyển, gọi là diệt phiền não hành không tự tánh. Đây lại dùng sanh tử lưu chuyển làm đối tượng được đối trị. Nếu các Bồ tát do sự đối trị này nên khởi xét chọn không đoạn trừ đối tượng được đối trị. Ở đây là do thương xót các chúng sanh nên mong cầu đại Bồ đề.

- Thế nào là xuyên suốt các khổ của phiền não nơi hành giả như thế, không vây buộc tánh của Tâm?

Nghĩa là do một thứ Tướng, tuy không vĩnh viễn đoạn trừ pháp của đối tượng được đối trị, nhưng có thể thông đạt đúng như thật.

Ở đây, thông đạt đúng như thật: Tức đối với pháp kia, do pháp vô ngã, nên gia hạnh quán tự tánh kia là không nhiễm, không khổ.

- Thế nào là xuyên suốt sai biệt? Nghĩa là do bốn thứ tướng:

1. Kiến sai biệt đã hiện rõ.

2. Tức ở đây là sai biệt tổn giảm cực xa đã hiện rõ.

3. Sai biệt đối với việc đoạn trừ mê lầm đã hiện rõ.

4. Sai biệt đối với tâm mê lầm đã hiện rõ.

Ở đây, kiến sai biệt: Là hữu tình trụ nơi vô ngã cùng Niết-bàn đối với

vị lai, thân khởi Tăng thượng mạn đoạn diệt.

Lại, quan sát nơi đối tượng được giữ lấy, đối với tự tánh của ngôn thuyết thuộc chủ thể giữ lấy, hoàn toàn xa lìa. Vì thuộc về Tánh không, không quan sát, nên gọi là không khéo quan sát cảnh giới của đối tượng nhận thức, do chấp trước các pháp nên cầu phiền não đoạn dứt. Nhưng các Bồ tát thì không như thế.

Ở đây, sai biệt của tổn giảm cực xa: Nghĩa là hữu tình trụ nơi vô ngã, đối với Ngã kiến, hàng phàm phu hạ, trung, lại hạ, do hai nhân duyên là khổ, không giải thoát, nên trụ yên nơi khổ. Hai thứ chấp trước trước sau hoại mất, nhưng các Bồ tát thì không như thế.

Ở đây, sai biệt nơi việc đoạn trừ mê lầm: Là hữu tình trụ nơi vô ngã, chấp pháp vô ngã không tự tánh, nên liền sanh kinh sợ, cho không có tự tánh của ngôn thuyết, truy cầu đoạn diệt, nhưng các Bồ tát thì không như thế.

Ở đây, sai biệt nơi Tâm mê lầm: Nghĩa là, đối với việc đoạn trừ mê lầm như thế, hữu tình trụ nơi vô ngã, đối với Biến kế của chính mình đã khởi cảnh giới, là chỗ điên đảo của tưởng điên đảo v.v... Nhưng các Bồ tát thì không như thế.

- Thế nào là xuyên suốt Tánh nhân? Nghĩa là do hai thứ Tướng:

1. Quan sát chủ thể giữ lấy, đã hiện rõ.

2. Sự quan sát kia thông đạt như thật, đã hiện rõ.

Ở đây, quan sát chủ thể giữ lấy: Tức quan sát Trí vô ngã ấy. Tự tánh xa lìa ngôn thuyết, xa lìa sự phân biệt kia, nên xả bỏ Tướng, nên có sát na.

Ở đây, sự quan sát kia thông đạt như thật: Là quan sát hai thứ chủ thể giữ lấy cùng đối tượng được giữ lấy, tác ý như lý, tư duy làm nhân, đều là nội chứng riêng, quyết định Trí sanh.

- Thế nào là xuyên suốt đến biên vực nơi tánh không?

Nghĩa là do một thứ Tướng, tức Trí vô ngã của pháp kia hiển hiện như thật.

Ở đây, hiển hiện như thật: Là hiển hiện tướng tương tợ của phiền não, nghiệp, là pháp không thể ngôn thuyết, tự tánh lìa ngôn thuyết. Không chấp trước như thế nên có sát na.

- Thế nào là xuyên suốt, tức uy đức của Tánh không kia?

Nghĩa là do một thứ Tướng, đối trị đoạn trừ nghiệp, phiền não đã hiện rõ.

Ở đây, đoạn trừ: Là nơi sát-na kia, tưởng ánh sáng sanh, có thể đoạn

trừ tất cả các nghiệp, phiền não được tích tập từ thời vô thỉ đến nay.

Lại nữa, có bao nhiêu thứ Thanh văn? Đối tượng học của Thanh văn, của Bồ tát có sai biệt gì?

Nghĩa là có bốn thứ Thanh văn. Đối tượng học của Thanh văn và đối tượng học của Bồ tát, nên biết có mười ba thứ sai biệt.

Những gì gọi là bốn thứ Thanh văn? Đó là:

1. Thanh văn biến hóa.
2. Thanh văn Tăng thượng mạn.
3. Thanh văn hồi hướng Bồ đề.
4. Thanh văn hoàn toàn thủ chứng.

Thanh Văn biến hóa: Vì nhằm hóa độ, do đối tượng được hóa độ là các hữu tình, nên hoặc các Bồ tát hoặc các Như lai hóa làm Thanh văn.

Thanh văn Tăng thượng mạn: Tức chỉ do Trí vô ngã của hữu tình cùng Trí vô ngã chấp trước pháp tà, cho là thanh tịnh.

Thanh văn hồi hướng Bồ đề: Tức là, từ xưa nay, chủng tánh từ bi là hết sức yếu kém. Do thân cận nơi Trụ Như lai, nên ở trong pháp Phật rộng lớn, dấy khởi Tưởng công đức lớn, huân tu tương tục, tuy đạt đến cứu cánh, trụ nơi cảnh giới vô lậu, nhưng nhờ chư Phật giác ngộ, theo phương tiện dẫn nhập, mở bày, dìu dắt. Do nhân này, nên liền có thể phát khởi, hướng tới Bồ đề rộng lớn. Chư vị ấy, đối với Bồ đề rộng lớn như thế, tuy có thể phát nguyện hướng đến, nhưng do vui thích tịch diệt, nên đối với Gia hạnh ấy trở thành hết sức chậm chạp, không như người có chủng tánh Phật mới lần đầu phát tâm.

Thanh văn hoàn toàn thủ chứng: Nghĩa là từ xưa nay, chủng tánh từ bi là hết sức yếu kém, hoàn toàn dứt bỏ sự việc tạo lợi ích cho chúng sanh, đối với khổ của sanh tử thì rất sợ hãi, ý lạc chỉ có an trụ nơi Niết-bàn, rốt ráo không thể hướng tới đạo quả đại Bồ đề.

Như hai Vương tử, xứ sanh tương tợ, bình đẳng thọ nhận hoan lạc của Vương gia. Vị thứ nhất, đối với triều chính, thi luận các xứ công xảo thảy đều khéo nhận biết. Vị Vương tử thứ hai thì không như thế. Hai vị Vương tử kia, chỉ do phần sai biệt này, không phải do sự thọ dụng hoan lạc của Vương gia.

Như vậy, ở trong cảnh giới vô lậu, các chúng Bồ tát, so với hàng Thanh văn hoàn toàn thủ chứng, nên biết là có sai biệt.

Nên biết là hai loại kia lại có sai biệt: Sai biệt về ý lạc, về pháp trắng được tập thành, về Trí tập thành, về chủng loại, về chủng tánh, về giữ vững

chủng tánh, về Gia hạnh, về uy đức, về hành đúng đắn, về phước điền, về sai biệt thù thắng, về nhân quả, về chỗ nương dựa của sanh.

Thanh văn hoàn toàn thủ chứng từ bỏ các hành tạp nhiễm nơi sự việc tạo lợi ích cho hữu tình, ý lạc hoàn toàn an trụ nơi tịch tĩnh. Bồ tát tuy có cấu nhiễm, nhưng so với hàng Thanh văn kia là trái nhau.

Lại, hàng Thanh văn kia chỉ là tự thân được tăng trưởng, pháp trắng hẹp, nhỏ. Bồ tát vì muốn tăng trưởng an lạc cho tất cả hữu tình, nên pháp trắng là vô lượng.

Lại, hàng Thanh văn kia, do Trí vô vi, chỉ là trừ bỏ phiền não của tự thân. Bồ tát vì khắp tất cả các loài hữu tình trong mười phương.

Lại, hàng Thanh văn kia, tuy duyên nơi cảnh của pháp giải thoát tối thắng, tác ý tập thành, nhưng không phải là Phật tử. Bồ tát tuy duyên nơi các hành thấp kém thuộc cảnh của pháp hữu tình, tác ý tập thành, nhưng là Phật tử.

Lại, hàng Thanh văn kia, tuy siêng năng tinh tấn, đối với đế thiện xảo, tâm khéo an định, nhưng không thành tựu tướng chủng tánh của Phật, chư Phật Thế Tôn không thể thâu nhận. Nhưng các Bồ tát so với hàng Thanh văn kia là trái nhau.

Lại, hàng Thanh văn kia đạt đến cứu cánh, căn tuy thành thục, nhưng đối với đời vị lai không thể hành tác Phật sự. Bồ tát với Tâm ban đầu, nơi sát na sinh xong liền có thể tạo tác. lại, hàng Thanh văn kia tuy đạt đến cứu cánh, nhưng không được chư Thiên, người v.v... cúng dường, tán thán, như Bồ tát tu hành trụ nơi nghiệp đầu tiên. Các Bồ tát tuy chưa đạt đến quả vị cứu cánh, nhưng uy đức và trí huệ của chư vị che lấn hẳn tất cả hàng Thanh văn, Độc giác.

Lại, hàng Thanh văn kia trị liệu bệnh phiền não với trí huệ là thuốc hay, tuy đã thành tựu đầy đủ, nhưng không thể trị các bệnh phiền não của tất cả chúng sanh. Các Bồ tát so với hàng Thanh văn ấy là trái nhau, do có thể tu tập, hành thắng nghĩa nơi sự nghiệp tạo lợi ích cho kẻ khác.

Lại, hàng Thanh văn kia tuy đạt đến cứu cánh, đối với các hữu tình, ánh sáng của Trí tỏa chiếu, không phải là phước điền chân thật của chư Thiên cùng thế gian khác, như là các Bồ tát chưa dứt trừ hết phiền não.

Lại, đối với Thanh văn, trong tất cả thời, Như lai là tối thắng. Ở trong chỗ tối thắng, các chúng Bồ tát lại càng tối thắng. Chư vị kia do đối với điều ấy là chỗ tập thành.

Lại, do hai duyên, nên biết chư vị Bồ tát là hơn:

1. Có thể thành thục các hữu tình.

2. Cũng có thể thành thục các pháp Phật.

Do nhân duyên ấy nên chiêu cảm quả Bồ đề, theo chỗ thành thục các loài hữu tình, có thể khiến họ giải thoát. Ví như có người có thể làm việc, có thể thành thục, trí huệ hiểu biết thật ít có, không phải như kẻ kia điềm nhiên mà ăn, dùng. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.

Lại, hàng Thanh văn kia, tuy lại hoàn toàn thọ học, tu tập nhân của pháp thanh tịnh, cũng được vô lượng thiện hữu thâu nhận, nhưng không thể dẫn đến quả đại Bồ đề.

Các chúng Bồ tát so với hàng Thanh văn kia là trái nhau, mà có thể dẫn phát.

Lại, các Thanh văn dựa nơi Bồ tát sanh, không phải các Bồ tát dựa nơi hàng Thanh văn kia.

- Lại nữa, thế nào là do Trí thế gian xuất thế gian, có thể tạo các việc lợi ích cho kẻ khác?

Nghĩa là các Bồ tát đối khắp mười phương, hoặc du hóa nơi thế giới, hoặc du hóa nơi cõi nước, hoặc du hóa nơi các loài. Hoặc khuyến thỉnh kẻ khác làm đại lương y, khéo có thể trị liệu các thứ phiền não, quỷ quái buộc chặt nơi hữu tình. Vì không có gì hơn, tuyên thuyết đạo thanh tịnh của ba học.

- Thế nào là Trí thế gian? Nghĩa là đối với phần tạp nhiễm hiện có của phẩm Thô, có thể đối trị khiến chúng dừng dứt. Đối với phẩm trung, có thể đối trị, chế phục chúng.

- Thế nào gọi là phần tạp nhiễm của phẩm Thô?

Nghĩa là người tại gia, tánh hành tham sân si. Các người xuất gia, tánh nương dựa nơi Kiến, cùng tánh nương dựa nơi tác ý bất chánh làm chỗ dựa cho họ, tánh nguyện nương dựa nơi Hữu sau. Do bốn điên đảo chung riêng, nên đối với pháp phi giải thoát chấp là Tánh nương dựa của Giải thoát.

- Thế nào là phần tạp nhiễm của phẩm Trung?

Nghĩa là đã dừng dứt phần tạp nhiễm của phẩm Thô, lần lượt đối trị riêng làm chỗ dựa. Đối với Tánh nương dựa nơi Triền tham sân si của các cảnh giới, ở nơi đối tượng duyên kia chánh thức buộc giữ niệm, khiến kẻ không định, tâm được an định. siêng năng tinh tấn tu tập các pháp Bồ đề phần, mới có thể chế phục.

Nếu không dựa vào sự tu tập ấy, mà tự dựa cậy để khởi lên, nên ở nơi

đối tượng duyên buộc giữ tâm khiến trụ, tinh tấn dũng mãnh, từ nơi trụ ấy, có thể thâu nhận đúng đắn. Thâu nhận, an trụ, nên ở trong chỗ tích tụ, do sự nắm giữ hợp nhất, phiền não chuyển liền có thể chế phục. Từ đấy, vì nhằm đoạn trừ đối tượng được đối trị của pháp xuất thế gian, nên nương dựa nơi sự đối trị, tức khiển trụ vững chắc. Nhân đấy, có thể hàng phục chỗ ngu tối của các duyên khởi, chỗ ngu tối nơi tánh vô ngã của hữu tình, cùng chỗ ngu tối nơi tánh vô ngã của pháp. Từ đấy, có thể đối với tà đạo, chánh đạo đều được quyết định. Do tướng như thế, nên biết phần tạp nhiễm của phẩm thô, phẩm trung đã dừng dứt, được chế phục. Trí có thể đối trị, đó gọi là Trí thế gian.

- Thế nào là Trí xuất thế gian?

Nghĩa là đã chế phục phần tạp nhiễm nơi Triền tham sân si như thế rồi, lại có thể đối trị phần tạp nhiễm hiện có của Tùy miên vi tế. Trí chân thật này gọi là Trí xuất thế gian.

Đây lại là thế nào? Tức là dựa nơi ba xứ thiện xảo chế phục. Đối trị kia là: Thiện xảo của duyên khởi, Thiện xảo nơi Thắng giải vô ngã của hữu tình và Thiện xảo nơi Thắng giải vô ngã của pháp. Vì nhằm vượt qua hoàn toàn các thứ tạp nhiễm, để đối trị bốn thứ "không hiểu biết", không đợi sự chỉ dạy của kẻ khác, nên ở bên trong, siêng năng quan sát tự tâm. Bốn thứ không hiểu biết là:

1. Không hiểu biết về cộng tướng.

2. Không hiểu biết về tự tướng.

3. Không hiểu biết về Tướng tạp nhiễm.

4. Không hiểu biết về Tướng thanh tịnh. Do ba thứ Tướng nên biết Cộng tướng của Tâm:

1. Đối với duyên sinh, không hiện tiền, không tác dụng.

2. Đối với hiện tại, chỉ một sát na không tác dụng.

3. Đối với Tham v.v tự duyên đã sanh, không phải tâm tạo tác Do ba thứ Tướng, nên biết Tự tướng của Tâm:

1. Như trước đã nói, tự tánh của ngôn thuyết là không thể thủ đắc.

2. Như trước, do sáu thứ Tướng, nên có thể đạt được như thật.

3. Tất cả Thánh giả, về chỗ đạt được của Trí là không sai biệt.

Do ba thứ tướng, nên nhận biết tướng tạp nhiễm của Tâm:

1. Sanh.

2. Chuyển.

3. Hành.

Ở trong các nẻo, vô số tự thể sanh, nên gọi là sanh tạp nhiễm. Tức ở trong ấy sinh, là sát na tự nhiên có lưu chuyển. Hết thảy đối tượng duyên khó ngầm chuyển. Thế mạnh của tham ái đã chuyển nên gọi là chuyển tạp nhiễm. Nếu đối với Hành kia, hoặc Hành như thế, gọi là hành tạp nhiễm. Nghĩa là nơi một thời hành trong thiện. Hoặc nơi một thời hành bất thiện. Hoặc nơi một thời hành trong cảnh giới. Hoặc nơi một thời hành trong tạo nghiệp. Hoặc nơi một thời hành trong phiền não. Lại ở nơi phiền não, hành tham sân v.v…, không quyết định hành sai trái. Tức ở đây Hành có tham rồi lại Hành không tham. Hành không tham rồi, lại hành có Tham. Lại, ở trong pháp tùy thuận Lạc v.v... được làm hiện hành tăng thượng. Lại sanh tự khổ, đoạn hoại các Lạc, không do chấp trước, chỉ do điên đảo. Do đấy, dẫn phát các khổ của tự thân không có chán đủ. Hoặc ở trong phần thiện, vào lúc đặt yên, tức liền từ bỏ xét cầu chỗ thiếu sót, vì khiến cho bất thiện hiện hành trước nên đối với chỗ thiếu sót kia cùng ở trong sự suy thạnh bị các thứ Ái, giận làm cho tổn não.

Lại, theo sức mạnh của phóng dật, tất cả chỗ tạo tác các thiện, căn bản đều khiến tổn hoại.

Lại, do quá vui chấp nơi cảnh như Sắc v.v... nên tuy ở trong cảnh giới cam lồ hết sức lợi ích, luôn được xét chọn, nhưng khó có thể an lập. Ở trong nghĩa ấy, thị hiện chỗ nêu đặt thí dụ giả hợp, sự ấy nên biết.

Do ba thứ Tướng, nên biết Tướng thanh tịnh của Tâm:

1. Tướng không đạt được.

2. Tướng vô vi.

3. Tướng chủng tánh.

Nếu do biệt dị như lý siêng tu, cầu tâm thanh tịnh không thể chứng đắc. Hoặc do như lý siêng tu như thế, liền có thể chứng đắc. Lại không quán thấy tự tánh của ngôn thuyết, thấy tướng chân như. Ở đây do chín thứ tướng nên quán tướng vô vi:

1. Không hành nơi thế gian.

2. Không phải như tại định diệt tận, tự tánh của ngôn thuyết không thể thủ đắc. Tướng chân như có thể đạt được là Tướng không hai.

3. Không phải là tướng của sanh thân.

4. Vượt quá tướng tự tánh của Nhân sanh thân.

5. Vượt quá sinh của vị lai.

6. Vượt quá chết mất.

7. Vượt quá sát na lần lượt không xa lìa.

8. Vượt quá nẻo chuyển đổi.

9. Vượt quá hành của phiền não, nghiệp.

Tại đây, Tướng chủng tánh, nên biết là tướng của Giới vô học, ở trong hiện pháp vượt quá năm Sự:

1. Vượt quá đối tượng được tạo tác.

2. Vượt quá phi đối tượng được tạo tác.

3. Vượt quá Gia hạnh của đối tượng được tạo tác.

4. Vượt quá phi Gia hạnh của đối tượng được tạo tác.

5. Vượt quá gia hạnh của phi đối tượng được tạo tác. Ở trong Hậu pháp vượt quá sáu Sự:

1. Vượt quá chủ thể phát khởi Hành hữu sau.

2. Vượt quá Hành kia.

3. Vượt quá quả sanh của Hành kia.

4. Vượt quá sự suy thạnh dựa nơi Hành kia.

5. Vượt quá, ở trong sự dao động của tất cả Vô ký là chỗ dựa của Hành kia, tu học, mong nguyện, thọ dụng.

6. Vượt quá tự thể sai biệt là chỗ dựa của Hành kia.

Lại do bốn Vị, chín tướng, nên biết Tướng chủng tánh. Những gì là bốn Vị? Đó là:

1. Phần vị không thanh tịnh.

2. Vị thanh tịnh.

3. Vị thông đạt.

4. Vị cứu cánh.

- Thế nào là chín Tướng? Nghĩa là nơi Vị không thanh tịnh, đối với tất cả Tướng cùng tùy hành. Ví như hư không. Hoặc nơi Vị thanh tịnh, bình đẳng một hương vị cùng thân tâm xa lìa. Hoặc nơi Vị thông đạt, tùy thuận hướng đến cứu cánh. Do tất cả phiền não, tự tánh là lìa hệ thuộc, lìa cấu nhiễm, nên vượt quá Tát-ca-da-kiến, cùng vượt quá kiến kia là căn bản nơi các kiến thú ác. Hoặc nơi Vị cứu cánh, an lạc thành tựu đầy đủ, cùng vượt quá ba thứ biến hoại. Những gì gọi là ba thứ biến hoại? Đó là:

1. Biến hoại của Già chết.

2. Biến hoại của Xứ điên đảo.

3. Biến hoại của Thanh tịnh bị thối mất.

- Lại nữa, thế nào là đối tượng học của Thanh Văn ở trong sự chỉ dạy trao truyền của Bồ tát?

Nghĩa là các Tỳ-nại-da tham, ưu, là Gia hạnh của Giới học tăng thượng. Tác ý chán lo là Gia hạnh của Tâm học tăng thượng. Tánh vô ngã của hữu tình, hoặc Tánh vô ngã của pháp, là gia hạnh của Huệ học tăng thượng.

Ở đây, tham ưu là chủ thể phát khởi sự hủy phạm hiện có.

Lại, như đang không trừ bỏ, như đã không trừ bỏ. Như đang trừ bỏ, như đã trừ bỏ. Do bốn Tướng ấy, nên biết Tự tâm tác ý không như lý, nên đã dấy khởi tham dục, Tát-ca-da kiến cùng với giận dữ. Nếu do cảnh giới, hoặc lại do kẻ khác mà khởi vọng chấp, như thế gọi là "đang không trừ bỏ". Nếu do cảnh giới, hoặc do kẻ khác dùng gia hạnh dẫn đoạt không tạo lợi ích, như thế gọi là "đã không trừ bỏ".

Do tùy một thứ không trừ bỏ kia, nên biết tùy một cũng không trừ bỏ. Do tùy một thứ trừ bỏ, nên biết tùy một cũng lại trừ bỏ.

Lại, nếu không trừ bỏ, thì tuy trụ nơi Luật nghi, nhưng đối với Giới tăng thượng hãy còn gọi là hủy phạm, huống hồ là an trụ nơi không Luật nghi.

Lại, Tâm học tăng thượng, nơi cảnh của đối tượng duyên bị tán loạn, lầm lạc, là khả năng gây chướng ngại cho việc dựa nơi vô ngã của hữu tình, tu Huệ tăng thượng. Tát-ca-da kiến là khả năng tạo chướng ngại cho việc dựa nơi vô ngã của pháp tu Huệ tăng thượng. Tự tánh sai biệt phân biệt chấp buộc là khả năng tạo chướng ngại đối với ba Học ấy. Trong khi chánh thức tu trừ có tám thứ trái ngược với pháp Học, có tám thứ tùy thuận với pháp Học. Những gì là tám thứ trái ngược. Đó là:

1. Tham đắm, chấp trước không thật.
2. Tham đắm, chấp trước nên bị trói buộc.
3. Bị trói buộc nên chướng ngại.
4. Chướng ngại nên cấu nhiễm.
5. Cấu nhiễm nên bị tai họa, đánh đập.
6. Bị đánh đập nên có thương tích.
7. Bị thương tích nên nhiệt não.
8. Nhiệt não nên các bệnh phiền não khó có thể trị liệu. Cùng với các thứ trên trái nhau, nên biết tức là tám thứ tùy thuận pháp Học.

- Lại nữa, thế nào là Sa-môn không khéo Học? Nghĩa là nên biết có ba thứ:

1. Sa môn không quan tâm, quán xét.
2. Hình tướng đồng phận.

3. Phép tắc, chánh mạng, thọ dụng, gia hạnh, giới kiến, ý lạc đều không đồng phận.

Nếu hồi hướng thì vật dụng nuôi sống là Giới tăng thượng. Hình tướng đồng phận là Tâm tăng thượng cùng Huệ tăng thượng. Hình tướng đồng phận là ý lạc của Hành kia không đồng phận. Nếu hồi hướng thì tiếng khen là chi Xa-ma-tha, đồng phận là chi Tỳ-bát-xá-na. Đồng phận là cùng tu cả hai chi. Đồng phận là chùng chi Tư lương. Đồng phận là ý lạc không đồng phận.

Lại nữa, thế nào là Sa-môn khéo học? Nên biết do bốn thứ Tướng:

1. Gia hạnh.

2. Ý lạc.

3. Thông đạt.

4. Hướng tới cứu cánh.

Ở trong hiện pháp, do Gia hạnh chán bỏ, ở trong đời trước do Gia hạnh thành thục nối tiếp, nên biết là Gia hạnh viên mãn.

Do ý lạc thắng giải về tánh vô ngã của pháp. Hoặc là đối tượng nên đạt được. Hoặc là chủ thể nên đạt được, đối với tự tánh của hai thứ ngôn thuyết ấy không chấp trước, nên ý nghĩa sâu xa đang tìm cầu, không chỉ tùy thuận nơi ngôn từ, nên biết là ý lạc viên mãn. Hoặc nơi pháp chân như, do không duyên nơi Trí khác để thông đạt tự tánh không tạp nhiễm, nên đối với báu thế tục cùng sanh tử thế tục, Niết-bàn giải thoát, tự tánh trói buộc là không chỗ thủ đắc, nên biết là thông đạt viên mãn.

Đã khéo tu tập đối trị tất cả tạp nhiễm, lại đối với chân như không đoạn hoại, cùng có thể thắng phục, nên biết là hướng tới cứu cánh đã viên mãn.

Lại nữa, Sa-môn không khéo Học, do ba thứ Tướng nên biết họ gọi là không như nơi nghĩa kia:

1. Ý lạc suy tổn, Gia hạnh đầy đủ.

2. Ý lạc đầy đủ, Gia hạnh suy tổn.

3. Ý lạc suy tổn, Gia hạnh suy tổn.

Ở đây, Ý lạc suy tổn, Gia hạnh đầy đủ, lại có ba thứ:

1. Có thể lắng nghe, chỉ cho đây là biết đủ.

2. Có thể nêu bày, chỉ cho đây là biết đủ.

3. Có thể chứng đắc Tam-ma-địa thế gian, mà sanh tham ái nơi vị, chỉ cho đây là biết đủ.

Nếu là Sa-môn khéo học thì chỉ do một Tướng, nên biết là Ý lạc đầy đủ, Gia hạnh đầy đủ.

- Lại nữa, thế nào là trụ nơi Luật nghi thế tục?

Nên biết là có bốn thứ Tướng. Nghĩa là, tuy thành tựu sáu chi Thi La nhưng bị hai thứ tổn hại làm tổn hại Thi-la: Tức do Triền Tát-ca- da-kiến cùng nơi hủy phạm, xuất ly không nhận biết rõ. Tuy xa lìa hai thứ lỗi lầm ấy, nhưng chưa đạt được Luật nghi thanh tịnh của thế gian, không thể chế phục Tát-ca-da-kiến. Tuy đã đạt được Luật nghi thanh tịnh của thế gian, đã chế phục Tát-ca-da-kiến, nhưng không làm tổn giảm sự sợ hãi tánh vô ngã của pháp thường xuyên hành tập, tổn hại Thi-la. Tuy xa lìa hết thảy lỗi lầm còn lại, nhưng bị Thắng giải vô ngã của pháp tà cùng Tăng thượng mạn tổn hoại Thi-la.

- Lại nữa, thế nào là Trụ nơi Luật nghi Thắng nghĩa?

Nghĩa là Thi la xuất thế gian đã thành tựu, hết thảy phiền não không tương ưng, có thể đối trị ba cõi.

Lại, ở trong bốn thứ Trụ Luật nghi, các pháp hý luận hiện bày chỗ có thể đạt được, nếu có thể làm tịch tĩnh tướng của chúng, nên biết đó gọi là Thi-la vô lậu.

- Thế nào gọi là các pháp hý luận?

Nghĩa là ở trong Trụ luật nghi thứ nhất, ngã chấp có thể đạt được. Nếu là Ngã sở chấp, hoặc tạo hủy phạm, hoặc không tạo hủy phạm. Hoặc cố suy xét chỗ tạo Gia hạnh, hoặc không phải là Gia hạnh ấy. Hoặc nhận biết đúng mà hành. Hoặc không hành như kia. Hoặc mất niệm mà hành. Hoặc không hành như thế. Ở trong Trụ luật nghi thứ hai, phần Thô trọng của phẩm Tát-ca-da-kiến tùy hành. Hoặc danh có thể đạt được. Hoặc Sắc có thể đạt được. Hoặc tướng sanh của vị lai. Hoặc hiện tại vô tướng. Hoặc Triền đã tịch tĩnh. Hoặc tùy miên nên Triền kia không tịch tĩnh. Hoặc hữu tình chấp vô ngã. Hoặc hữu tình dứt bỏ chấp. Hoặc tánh đã chấp ở trong chấp vô ngã của hữu tình kia. Hoặc không phải là Tánh đã chấp. Hoặc do đấy nên ở trong sắc chấp hữu tình. Hoặc giả thiết kia được khen ngợi là khéo nắm giữ. Hoặc có thể giả thiết ngôn ngữ của Tâm, giả thiết khen ngợi là khéo nắm giữ.

Ở trong Trụ Luật nghi thứ ba, hoặc sanh lên trên nên là thế gian. Hoặc xả bỏ phần dưới nên không phải là thế gian. Hoặc nương dựa nơi Tam-ma-địa. Hoặc nương dựa nơi các dục. Hoặc cậy nêu nơi Thi-la của chính mình. Hoặc khinh miệt Thi-la của kẻ khác. Ở trong Trụ Luật nghi thứ tư, hoặc cho Thi-la của ta là thanh tịnh. Hoặc do tự tánh sai biệt phân biệt, nên phân

biệt Thi-la. Các pháp hý luận như thế v.v... ở trong Giới vô lậu thảy đều vắng lặng.

Lại, tức cùng với nghĩa ấy tương ưng, dựa nơi ba Học thanh tịnh nên biết chỗ nói về Già-tha (Kệ). Nên biết vì khiến cho Tư lương phước đức, các thứ trần cấu mỏng nhỏ dần, sự thâu nhận nơi bậc Thiện sĩ không hoại mất. Tư lương trí huệ, ở nơi xứ thâm diệu khởi Thắng giải. Do hai nhân duyên nên nhập giáo pháp của Như lai:

1. do Trí của pháp trụ, phân biệt, nhận rõ một cách sâu xa.

2. do Trí chân thật khéo quyết định.

- Lại nữa, thế nào là phương tiện điều phục của Như lai?

Nên biết ở đây có hai thứ: Là Tự thể đồng phận và Thắng giải đồng phận.

Lại, hiện đồng phận là khiến cho Tâm an trụ thọ giáo, cùng dựa nơi sự chỉ dạy, trao truyền mà xuất ly.

Lại, Gia hạnh thanh tịnh đúng đắn, để chỉ dạy, dẫn dắt, trao truyền nên biết lại có bốn thứ:

1. Chỉ dạy dẫn dắt đối với phần tạp nhiễm, thanh tịnh, do kinh sợ, nên chuyển y.

2. Xa lìa nhân duyên chỉ dạy, dẫn dắt của tạp nhiễm.

3. Xa lìa nhân duyên chỉ dạy, dẫn dắt khiến kinh sợ đối với thanh tịnh.

4. Chỉ dạy dẫn dắt nơi hiện pháp lạc trụ bậc nhất. Ở đây, nhân duyên của tạp nhiễm có hai loại:

1. Do phân biệt chấp tự tánh của ngôn thuyết thế tục và tự tánh tạp nhiễm.

2. Do phân biệt chấp công đức và lỗi lầm kia có sai biệt.

Do hai thứ Tướng nên biết nhân duyên kinh sợ đối với sự dẫn dắt thanh tịnh:

1. Do đối với sự dẫn dắt thanh tịnh trước sau có phân biệt tạp nhiễm.

2. Do phân biệt xa lìa tạp nhiễm.

Do hai thứ Tướng nên biết nhân duyên kinh sợ đối với Niết bàn thanh tịnh:

1. Do chấp nơi tự tánh của ngôn thuyết thế tục.

2. Do ở trong Tưởng Tăng ngữ của Niết-bàn, tạo tưởng hiện có của Tâm.

Lại, đối với tưởng hiện có của Tâm tịch tĩnh, nếu tưởng Tăng ngữ nhận biết rõ khắp, nên đối với hai nhân duyên kia đều xa lìa, nên biết đó là Trụ nơi Gia hạnh chỉ dạy, dẫn dắt thứ nhất.

Lại nữa, thế nào gọi là ngôn ngữ mật ý?

Nghĩa là Trí của Tướng không hai. Là khả năng ngộ nhập tất cả Tướng của ngôn ngữ mật ý.

- Thế nào là Tướng không hai?

Là các Sự của danh ngôn nơi xứ an túc, do tự tánh của chúng là không chỗ có, nên không phải là danh ngôn huân tập nơi Tưởng mà có tự tánh đã hành, nên nói là không hai. Đối với không hai này nếu khởi hai chấp gọi là tạp nhiễm. Nếu không có hai chấp gọi là thanh tịnh.

Lại, không phải tất cả sự của danh ngôn nơi xứ an túc, do ngôn thuyết của thế tục kia huân tập nơi tưởng thuộc tự tánh đã hành không chỗ có, nên không phải là ngôn thuyết kia huân tập nơi Trí, thuộc tự tánh đã hành nên có, nên nói là không hai. Đối với không hai này, nếu khởi hai chấp, gọi là tạp nhiễm. Nếu không có hai chấp, gọi là thanh tịnh.

Do tướng không hai này, nên biết là ngộ nhập tất cả ngôn ngữ mật ý của Như lai.

Ở đây, do năm thứ Tướng gọi là Luận viên mãn. Tức ở trong sự chỉ dạy trao truyền, do năm thứ tướng, gọi là Quả viên mãn. Do năm thứ tướng, gọi là Thắng lợi viên mãn của Quả. Nên biết đều dựa nơi ngôn ngữ mật ý.

- Thế nào là do năm thứ Tướng gọi là Luận viên mãn? Đó là:

1. Hoặc do tướng ấy nên tuyên thuyết.
2. Hoặc là tuyên thuyết.
3. Hoặc đối tượng được tuyên thuyết.
4. Hoặc tuyên thuyết như thế.
5. Hoặc Sự tuyên thuyết kia, viên mãn như vậy.

- Thế nào là do năm thứ Tướng, gọi là Quả viên mãn? Đó là:

1. Giới Niết-bàn vô dư y.
2. Hoặc Giới Niết-bàn hữu dư y.
3. Hoặc Thánh đạo viên mãn.
4. Hoặc thắng oán trong.
5. Hoặc thắng oán ngoài, viên mãn như vậy.

- Thế nào là do năm thứ Tướng, gọi là thắng lợi viên mãn của Quả?

1. Cúng dường bậc đại sư.

2. Báo ân của Tín thí.

3. Vượt khổ của sanh tử.

4. Đối với phước điền, tánh không có thối chuyển.

5. Từ nơi pháp hóa sanh, gọi là con của Như lai, nương dựa nơi Như lai.

Lại nữa, thế nào là ở trong sự chỉ dạy trao truyền của Tạng Bồ tát, đạt thắng giải thắng lợi? Nên biết do năm thứ Tướng:

1. Lúc kiến lập Nhân, tức có thể tỏa sáng che phủ, chiêu cảm nhân tăng thượng của sự giàu sanh lớn.

2. Do chuyển y.

3. Tức ở nơi xứ ấy, tạo vật chứa cho sự nêu giảng.

4. Tạo vật chứa cho người nêu giảng.

5. Vào lúc bỏ thân mạng, được thấy nghiệp thanh tịnh.

Do năm thứ Tướng, nên biết sự tỏa sáng che phủ, chiêu cảm nhân tăng thượng của sự giàu sang lớn:

1. Nhân này có thể dẫn đến quả hữu lượng, vô lượng.

2. Pháp hữu tận, vô tận.

3. Chiêu cảm an lạc rộng lớn, không rộng lớn.

4. Là tư lương của Trí, là tự tánh của Trí.

5. Do đây có thể dẫn phát kia.

Lại do xa lìa sáu thứ lỗi lầm, nên biết là thân hành.

- Những gì gọi là sáu thứ lỗi lầm? Đó là:

1. Lỗi lầm của Tướng sầu lo.

2. Lỗi lầm do không nhận biết rõ về thường hành tập.

3. Lỗi lầm do hai thứ Tướng oai nghi.

4. Lỗi lầm ba thứ cùng tướng sợ hãi.

5. Lỗi lầm do hai thứ Tướng Át-lý-sất-trá.

6. Lỗi lầm do Thân không điều hòa, thuận hợp.

- Lại vào lúc cùng vui mừng, ủy lạo, xa lìa năm thứ lỗi lầm, nên biết là Ngữ hành. Những gì gọi là năm thứ lỗi lầm? Đó là:

1. Lỗi lầm do khiếp sợ.

2. Lỗi lầm do thô ác.

3. Lỗi lầm do từ bỏ lời Phật, tạo hý luận không tương ưng.

4. Lỗi lầm do không tán thán Như lai.

5. Lỗi lầm do đối với kẻ đồng pháp không thể hiện sự dẫn dạy, can gián.

- Lại, vào lúc hiểu rõ sự ký biệt, xa lìa năm thứ lỗi lầm, nên biết là Ngữ hành. Những gì là năm thứ lỗi lầm? Đó là:

1. Lỗi lầm do quên mất niệm đối với chỗ đã chứng đắc.

2. Lỗi lầm do ngôn ngữ trước sau mâu thuẫn nhau.

3. Lỗi lầm do đạo lý mâu thuẫn.

4. Lỗi lầm của chư Thiên kính tin Thánh giáo quở trách.

5. Lỗi lầm do Như lai quở trách.

Lại do xa lìa năm thứ lỗi lầm, nên biết là Ý hành: Tức dựa vào nghĩa của hiện pháp, có bốn thứ trước. Dựa vào nghĩa của hậu pháp có loại thứ năm. Những gì gọi là năm thứ lỗi lầm? Đó là:

1. Lỗi lầm do không nhẫn. Không thể nhẫn thọ sự việc không tạo lợi ích cho quá khứ, hiện tại.

2. Lỗi lầm do che giấu. Do che giấu nên Ố tác (Hối) thiêu đốt não hại.

3. Lỗi lầm do tham nhiễm. Mong cầu các dục cùng thọ dụng chúng, nên mong cầu xuất ly oán.

4. Lỗi lầm do quên niệm. Thâu nhận không chánh kiến, nên đối với sự đoạn trừ, tâm mê loạn.

5. Lỗi lầm do nguyện mong. Do tự khinh chê, xa lìa chỗ gia bị rộng lớn của chư Phật, Bồ tát, xa lìa nguyện vi diệu về quốc độ của chư Phật.

Do ý lạc vi tế dẫn phát pháp của chư Phật, nên đối với tất cả pháp thù thắng hưng thạnh của thế gian có sai biệt, khởi tâm kiêu mạn, cùng do nguyện kia, nên đối với thắng giải thắng lợi nơi sự chỉ dạy trao truyền của Tạng Bồ tát có phân biệt, trong vô lượng nêu dẫn giải thích, nên biết có vô lượng vô số thắng giải thắng lợi.

Ở trong địa này, phần Văn Quyết Trạch còn lại, không nhắc đến nữa.

Phần Nhiếp Quyết Trạch Hai Địa Hữu Dư Y và Vô Dư Y.

Như thế là đã nói phần Quyết Trạch của địa Bồ tát.

Phần Quyết Trạch của hai địa Hữu dư y và Vô dư y, nay sẽ nói.

Tụng nêu:

Ly hệ cùng Thọ hành
Chuyển y trụ sai biệt
Có thường lạc thù thắng

Dị tánh cùng tự tại.

Hỏi: Ở trong Giới Niết bàn hữu dư y, lúc hiện tại chuyển, tất cả phiền não nên nói là "Ly hệ" chăng? Nên nói là không ly hệ chăng?

Đáp: Nên nói là "Ly hệ".

Hỏi: Đối với tất cả khổ, nên nói là ly hệ chăng? Nên nói là không ly hệ chăng?

Đáp: Nên nói là cũng ly hệ, cũng không ly hệ. Vì sao? Vì nếu vị lai sanh các khổ hiện có, nên nói là ly hệ. Nếu hiện tại sanh khổ hiện có của Tâm, cũng nên nói là ly hệ. Nếu trong hiện thân, khổ do đói khát, khổ do Giới không bình đẳng, khổ do thời tiết biến hoại, cùng các khổ bức bách hiện có khác, nên nói là không ly hệ. Đây là do Hành hiện tiền, không phải là chỗ trói buộc của các phiền não.

Hỏi: Nếu tất cả A-la-hán đều được Tâm tự tại, do nhân duyên gì không xả bỏ thọ hành nhập Bát-niết-bàn, tuy bị khổ bức mà trụ lâu?

Đáp: Do công năng có sai biệt. Vì sao? Vì có một phần A-la-hán có thể xả bỏ thọ hành, một phần không thể. Có một phần A-la-hán có thể tăng thọ hành, một phần không thể.

Hỏi: Nếu A-la-hán, như trước hiện có sáu xứ sanh khởi. Tức trụ như thế nối tiếp không diệt, không có biến dị. Lại có những gì là Tánh của chuyển y khác, nhưng không phải sáu xứ nối tiếp mà chuyển. Nếu lại không có chuyển y khác, thì do nhân duyên gì, hai thứ nương dựa trước sau tương tợ, nhưng hiện tại, thời sau, phiền não không chuyển, chỉ Thánh đạo chuyển?

Đáp: Các A-la-hán thật có chuyển y. Nhưng chuyển y này cùng với sáu xứ kia, tánh khác không khác đều không thể nói. Vì sao? Vì do chuyển y này là chỗ hiển bày của chân như thanh tịnh, chân như chủng tánh, chân như chủng tử, chân như tập thành. Nhưng các chân như kia cùng với sáu xứ ấy, tánh khác không khác đều không thể nói. Nghĩa của "không thể nói" như trước đã biện giải. Thế nên, nếu hỏi chỗ chuyển y đạt được cùng với sáu xứ kia là khác hay chẳng khác, là hỏi không như lý. Nếu chuyển y này không có Thể tánh, nên có lỗi lầm như trước đã nói, nghĩa là A-la-hán nên hành phiền não. Đạo lý không hành. Do đó, nên biết có Tánh chuyển y, đức Thế Tôn dựa vào Thể tánh của chuyển y này, mật ý nói:

Trong Tự tánh Biến kế
Do có chấp không chấp
Nơi hai thứ Tập khí
Thành tạp nhiễm, thanh tịnh.

Đây tức Giới Hữu lậu
Đây tức Giới vô lậu
Đây tức là chuyển y
Thanh tịnh không gì hơn.

Như người thợ chuyên giết mổ bò hoặc học trò của ông ta, dùng dao bén nhọn sát hại con vật rồi, thì hết thảy các thứ nơi nội thân như xương thịt gân mạch thảy đều bị cắt đứt, băm chặt, xẻ phân. Lại dùng da căng ra che lên trên. Nên nói con bò này cùng với da không phải là lìa, không phải là hợp.

Như thế, các A-la-hán đã được chuyển y, do lưỡi dao bén là Huệ cắt đứt hẳn tất cả mọi trói buộc nơi tùy miên, nơi triền của Tùy phiền não rồi, nên nói là cùng với sáu xứ da không phải là lìa, không phải là hợp.

Lại, các vị Hành quán đã chuyển y, tuy giữ lấy các Tướng, nên biết, so với chỗ giữ lấy ở trước là có sai biệt. Tướng được giữ lấy này cũng như tự nội đã chứng đắc của chân như, không thể dùng ngôn thuyết để chỉ rõ cho kẻ khác biết tướng đã quán của mình là như thế như thế.

Hỏi: Các A-la-hán trụ trong Giới Niết-bàn hữu dư y là trụ nơi những tâm nào, ở nơi Giới Bát-niết-bàn Vô dư y sẽ Bát-niết-bàn?

Đáp: Nơi tất cả Tướng, không tư duy nữa, chỉ chánh tư duy nơi Giới vô tướng chân thật, dần nhập diệt định, diệt các Thức chuyển v.v..., tiếp theo, Thức dị thục xả bỏ chỗ nương dựa. Do Thức dị thục không có giữ lấy, nên các Thức chuyển v.v... không được sanh trở lại, chỉ trừ chân pháp giới thanh tịnh, vô vi, lìa cấu nhiễm là tồn tại. Ở trong Giới này, Bát-niết-bàn rồi, không bị đọa trở lại nơi số lượng của các loài Thiên, Long, dược xoa, hoặc Kiền đạt phược, hoặc Khẩn-nại-lạc, A-tố-lạc, hoặc người v.v... Nói tóm lại, hữu tình hiện có, giả tưởng, nêu đặt, khắp nơi tất cả cõi trong mười phương, tất cả đường, tất cả đời, tất cả sanh loại, tất cả được thân, tất cả thắng sinh, trong tất cả địa, không phải chư vị A-la-hán ấy trở lại đọa nơi các số lượng kia. Vì sao? Vì do Giới chân thật ấy đã lìa mọi Hý luận, chỉ là sự thành tựu đầy đủ nơi nội tự chứng.

Hỏi: Ở trong giới Niết-bàn hữu dư y, hoặc trong giới Niết-bàn Vô dư y, các vị A-la-hán đã Bát-niết-bàn, có sai biệt gì?

Đáp: Trụ nơi hữu dư y còn rơi tại các số. Trụ nơi Vô dư y không còn rơi rớt nơi các số. Trụ nơi hữu dư y còn có các khổ. Trụ nơi Vô dư y, vĩnh viễn lìa các khổ. Trụ nơi hữu dư y, chỗ được chuyển y vẫn còn cùng với sáu xứ cùng tương ưng. Trụ nơi Vô dư y, vĩnh viễn không còn tương ưng.

Hỏi: Nếu ở trong Giới-niết-bàn Vô dư y đã Bát-niết-bàn, thì sự

chuyển y hiện có, vĩnh viễn cùng với sáu xứ không tương ưng, tức chư vị ấy đã không có sáu xứ làm chỗ dựa, làm sao mà trụ?

Đáp: Không phải các A-la-hán đã được chuyển y với sáu xứ làm nhân, nhưng các vị ấy chỉ dùng để duyên nơi cảnh của chân như, tu đạo làm nhân, thế nên sáu xứ hoặc có hoặc không, hãy còn không chuyển y thành tánh biến dị, huống hồ là bị rơi mất. Lại nữa, Giới này không phải là đối tượng được nhận biết khắp, không phải là đối tượng nên đoạn trừ, nen không thể diệt.

Hỏi: Ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y Bát-niết-bàn rồi, chỗ chuyển y đã đạt được, nên nói là có, nên nói là không có?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Nên nói là Tướng gì?

Đáp: Là Tướng không hý luận. Lại, khéo làm thanh tịnh Pháp giới là Tướng.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói là có?

Đáp: Ở trong Giới-niết-bàn hữu dư y cùng Vô dư y, thì tánh của chuyển y ấy đều là pháp không động. Do pháp không động, nên trước có sau không là không hợp đạo lý.

Lại, tánh của pháp này không phải là các duyên sanh, không sanh không diệt, nhưng ví như tánh của nước lắng trong. Ví như Tánh đã điều hợp của vàng ròng. Ví như tánh của hư không lìa mọi mây mù. Thế nên chuyển y nên nói là có.

Hỏi: Nên nói là Thường, nên nói là vô thường?

Đáp: Nên nói là Thường.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói là Thường?

Đáp: Là chỗ hiển bày của chân như thanh tịnh. Không phải là duyên sinh, nên không sinh diệt.

Hỏi: Nên nói là Lạc, nên nói là không lạc?

Đáp: Do thắng nghĩa Lạc, nên nói là Lạc, không phải do thọ Lạc nên nói là Lạc. Vì sao? Vì tất cả phiền não cùng chỗ sanh khổ đều đã vượt thoát.

Hỏi: Ở trong Giới Niết bàn Vô dư y Bát-niết-bàn, là có phần ít sai biệt nơi ý nghĩa sâu xa thù dị chăng?

Đáp: Hết thảy là không có. Vì sao? Vì trong Giới này, không phải có thể an lập được phẩm hạ trung thượng. Không thể nêu đặt cao thấp hơn kém. Đây là Như lai, đây là Thanh văn v.v...

Hỏi: Do nhân duyên nào, không có sai biệt? Vì sao? Vì các Thanh

Văn v.v... có chướng ngại còn sót lại, ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y mà Bát Niết-bàn. Còn Phật thì tất cả chướng ngại đều hoàn toàn không có?

Đáp: Trụ trong Giới Niết-bàn hữu dư y, có thể an lập được là có chướng ngại, không chướng ngại. Còn trụ trong Giới Niết-bàn Vô dư y thì rốt ráo không có chướng ngại có thể an lập sai biệt. Vì sao? Vì ở trong Giới ấy, tất cả các Tướng cùng các thứ Thô trọng đều hoàn toàn dứt hẳn, đều vĩnh viễn vắng lặng. Vì sao? Vì các A-la-hán, khi trụ nơi Giới Niết-bàn hữu dư y, hết thảy các tướng không phải đều hoàn toàn diệt hết. Thô trọng của dị thục cũng không phải vĩnh viễn vắng lặng. Do đấy, các vị kia nói là có tập khí phiền não. Tức quán đối với tướng kia cùng thô trọng, an lập có chướng ngại. Lúc trụ nơi Giới Niết-bàn Vô dư y, chư vị kia vĩnh viễn không có nữa. Do đấy nên biết, ở trong Giới ấy, không có sai biệt về có chướng, không chướng.

Hỏi: Nếu trong Giới này, vĩnh viễn không có chướng, như các Như lai lìa tất cả chướng, A-la-hán v.v... cũng lại như vậy. Do nhân duyên nào, các vị A-la-hán không đồng với Như lai làm các Phật sự?

Đáp: Chư vị A-la-hán thiếu chỗ tu gốc là Thệ nguyện rộng lớn. Lại, chủng loại, chủng tánh của chư vị ấy là như thế, nên A-la-hán quyết định không có khởi ý lạc trở lại, mà Bát Niết-bàn. Do đó không thể làm các Phật sự.

Hỏi: Ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y, Bát Niết-bàn, cảnh giới vô lậu hiện có, so với các sắc, nên nói là có khác, nên nói là không khác?

Đáp: Nên nói là không phải khác, cũng không phải là không khác.

Như cùng với các sắc, thì cùng với các thọ v.v..., nên biết cũng thế. Cùng với tất cả hành, tất cả cõi, cùng với tất cả nẻo, cũng lại như vậy.

Hỏi: Ở trong Giới Niết bàn Vô dư y mà Bát Niết-bàn, đối với các pháp như Sắc v.v... nên nói là đạt được tự tại, nên nói là không đạt được tự tại?

Đáp: Nên nói là đạt được tự tại

Hỏi: Chỗ tự tại đạt được ấy, nên nói là có thể hiện tiền, nên nói là không thể hiện tiền?

Đáp: Một phần có thể hiện tiền, một phần không thể hiện tiền. Nghĩa là các Như Lai, ở trong Giới Niết-bàn Vô dư y, Bát Niết bàn rồi, có thể hiện tiền. Chư vị còn lại, thì không thể khiến cho hiện tiền.

Hỏi: Nếu trong Giới ấy lìa các hý luận, do nhân duyên này nên không rơi vào các Số. Vì sao lại có thể khởi hiện tiền?

Đáp: Do trước đã phát khởi nguyện chân chánh rộng lớn. Lại do tu tập cùng với uy lực của tạo tương tợ kia. Ví như người đang nhập định diệt tận, tuy không có niệm này: Ta ở nơi diệt định sẽ có thể hoàn xuất, hoặc xuất rồi trụ. Nhưng do lực gia hạnh của thời trước, nên trở lại từ định xuất, dựa nơi Hành có Tâm mà khởi du hành. Nên biết, đạo lý ở đây cũng thế.

Hỏi: Thanh văn Hồi Hướng Bồ Đề, là trụ nơi Giới Niết-bàn Vô dư y, có thể phát khởi, hướng tới đạo quả đại Bồ đề chăng? Hay là trụ nơi Giới Niết bàn hữu dư y?

Đáp: Chỉ trụ trong Giới Niết-bàn hữu dư y mới có thể có sự việc này. Vì sao? Vì do trong Giới Niết bàn Vô dư y đã xa lìa hết thảy sự việc phát khởi, tất cả công dụng thảy đều dừng dứt.

Hỏi: Nếu chỉ trụ trong Giới Niết-bàn hữu dư y, mới có thể phát khởi hướng đến đạo quả đại Bồ đề vô thượng. Vì sao chỉ do một đời liền có thể chứng đắc đạo quả Giác ngộ vô thượng? Vì sao? Vì như A- la-hán hãy còn không có một đời còn lại, huống hồ là sẽ có nhiều đời nối tiếp?

Đáp: Do chư vị kia cần phải tăng các hành thọ, mới có thể thành tựu đầy đủ. đức Thế Tôn phần nhiều dựa vào Thanh Văn Hồi Hướng Bồ đề này, mật ý nêu bày: Vật loại thiện nam nếu có khéo tu tập bốn Thần túc rồi, có thể trụ một kiếp, hoặc khác một kiếp. Khác một kiếp, ở đây ý nói quá hơn một kiếp.

Chư vị kia tuy đã tăng ích hành thọ như thế, có thể phát khởi hướng tới đạo quả Giác ngộ vô thượng, nhưng chỗ tu tập hết sức là chậm chạp, vì vui thích nơi Niết-bàn. Không như Bồ tát mới phát tâm khởi nghiệp. Chư vị kia đã tăng ích hành thọ mạng như thế rồi, giữ lại căn thân hữu, riêng tạo Hóa thân, với người đồng pháp thì theo phương tiện, trước là thị hiện, ở nơi Giới Niết-bàn Vô dư y mà Bát Niết-bàn. Do nhân duyên này, nên đều khởi niệm: Ta là Tôn giả v.v... ở nơi Giới Niết-bàn Vô dư y đã Bát Niết-bàn. Chư vị ấy do chỗ lưu giữ thân có căn thật, tức ở trong Châu Thiệm Bộ của cõi này, theo chỗ vui thích, xa lìa mà trụ, tất cả chư Thiên hãy còn không thể thấy, huống chi là các chúng sanh khác. Chư vị ấy, đối với Niết bàn phần nhiều vui thích trụ, nơi việc du hành khắp các thế giới kia, gần gũi, cúng dường Phật, Bồ tát cùng tu tập tư lương Bồ đề phần, trong các Thánh đạo, nếu khi buông thả thì chư Phật, Bồ tát luôn luôn khiến cho giác ngộ. Được giác ngộ rồi, nên đối với con đường tu hành có thể không phóng dật.

Hỏi: Nếu A-la-hán hồi hướng Bồ đề, liền có thể chứng đắc đạo quả chánh đẳng chánh giác vô thượng. Vậy do nhân duyên nào, tất cả A-la-hán không đều hồi hướng nơi Bồ đề vô thượng?

Đáp: Do chủng tánh của A-la-hán có sai biệt. Nghĩa là, hoặc thấy có các A-la-hán câu phần giải thoát. Hoặc lại thấy có chỉ là Huệ giải thoát, nơi Giới Niết-bàn Vô dư y mà Bát Niết-bàn. Do đó nên biết, do chủng tánh kia có sai biệt, nên chẳng phải tất cả A-la-hán đều có thể hồi hướng nơi Bồ đề vô thượng.

Lại nữa, Thanh văn hồi hướng Bồ đề, hoặc ở nơi quả vị hữu học tức có thể dứt bỏ nguyện cầu Thanh văn. Hoặc ở nơi vị vô học mới có thể từ bỏ. Do căn tánh của chư vị có sai biệt, nên chỗ đợi các duyên cũng có sai biệt.

Như Thanh văn hồi hướng Bồ đề, do gặp được duyên nên hành nơi Thừa vô thượng mà Bát Niết-bàn. Như thế, Bồ tát nếu bị Như lai cùng các Bồ tát từ bỏ, nhân bị từ bỏ nên nếu gặp phải trường hợp cầu Thừa thấp kém mà Bát Niết-bàn càng nặng, nên hành theo Thừa thấp mà Bát Niết-bàn. Nhưng không có, không có việc chư Phật Bồ tát buông thả như thế, dứt bỏ đối với Bồ tát, nhất định là không có điều ấy.

Lại nữa, Thanh văn hồi hướng Bồ đề, nếu tùy chứng đắc đạo quả chánh đẳng chánh giác vô thượng, bấy giờ tức đồng với Như lai, ở nơi Giới Niết-bàn Vô dư y mà Bát Niết-bàn.

Hỏi: Thanh Văn hồi hướng Bồ đề, từ xưa đến nay, nên nói là chủng tánh Thanh Văn, nên nói là chủng tánh Bồ tát?

Đáp: Nên nói là chủng tánh Bất định. Ví như an lập các loài hữu tình có tụ bất định, ở trong tụ pháp tánh Bát Niết bàn. Nên biết đây là chủng tánh Bất định.

Lại nữa, chư vị kia, lúc ở nơi trụ xứ này chuyển, như không có sợ về chết, như vậy cũng không có sợ hãi về già bệnh v.v... Như lai cũng thế. Như lai cùng với chư vị còn lại, ở nơi Giới Niết-bàn Vô dư y Bát Niết-bàn, tức khắp mười phương Giới nên biết là cứu cánh không thể nghĩ bàn, thường xuyên hiện tạo các sự việc lợi ích cho tất cả hữu tình. Như trong Tam-ma-địa Thủ Lăng Nghiêm đã nói dụ về Huyễn sư, hoặc dụ về Thương chủ, hoặc dụ về Thuyền sư. Nên biết đạo lý ở đây cũng thế. Đó gọi là bí mật tối cực của Như lai. Ở đấy, cùng vô số bí mật sai biệt khác của Như lai, Bồ tát tu tập nơi địa thắng giải hành, lúc chuyển theo Nhẫn hạ, tùy chỗ thắng giải sai biệt mà chuyển. Từ chuyển này, thắng tiến nhập nơi địa Tịnh ý lạc tăng thượng. Như thế cho đến ở trong chín địa lần lượt tăng tiến với thắng giải thanh tịnh. Nơi địa thứ mười, đối với thắng giải này là thanh tịnh cực thiện. Ở trong các Bí mật kia của Như lai, các vị Bồ tát này nên tùy chuyển đúng đắn. Nên biết Bí mật như thế của Như lai là không thể nghĩ

bàn, không thể suy lường, vượt quá tất cả cảnh giới suy lường.

Hỏi: Đối với việc quyết trạch pháp, nghĩa chung là thế nào?

Đáp: Do phẩm loại sai biệt.

Mà kiến lập các pháp. Tức nơi thích nạn kia. Phân biệt cùng một Hành.

Như thế nên biết về nghĩa chung ở đây. Ở trong địa này, phần Văn Quyết Trạch còn lại không hiện bày lần nữa. Nên biết ở trong mỗi mỗi địa kia đều có vô lượng Quyết Trạch sai biệt. Ta nay lại lược khai thị phần ít. Do nơi phạm vi này, do nơi sở học này, do nơi chỉ dạy, dẫn dắt này, các bậc hữu trí nên suy xét về loại khác.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 81

Phần Gồm Thâu Giải Thích 1

Như vậy là đã nói về Phần Nhiếp Quyết Trạch (Thâu tóm, quyết đoán, lựa chọn). Thế nào là Gồm Thâu Giải Thích? (Nhiếp Thích). Tụng tổng quát nêu:

Thể thích Văn nghĩa pháp
Khởi nghĩa nan sư tiếp
Nói chúng nghe tán Phật
Lược rộng học thắng lợi.

Thế nào là Thể? Là thể của khế kinh, lược có hai thứ:

1. Văn.
2. Nghĩa.

Văn là đối tượng được nương dựa. Nghĩa là chủ thể nương dựa. Hai thứ như thế gọi chung là tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Thế nào là Giải thích? Nghĩa là lược có năm thứ:

1. Pháp.
2. Đẳng khởi.
3. Nghĩa.
4. Thích nạn.
5. Thứ lớp.

Thế nào là Văn? Tức có sáu thứ:

1. Danh thân.
2. Cú thân.
3. Tự thân.
4. Ngữ.
5. Hành tướng.
6. Cơ thỉnh.

Danh thân: Là Tăng ngữ cùng nhận biết. Đây lại lược nêu có mười hai thứ:

1. Danh giả lập.
2. Danh thật sự.
3. Danh tương ưng với đồng loại.
4. Danh tương ưng với dị loại.
5. Danh tùy đức.
6. Danh giả thuyết.
7. Danh đồng chỗ biết rõ.
8. Danh không đồng chỗ biết rõ.
9. Danh hiển bày.
10. Danh không hiển bày.
11. Danh tóm lược.
12. Danh nêu rộng.

Danh giả lập: Nghĩa là, bên trong giả lập các sanh như Ngã, hữu tình, Thọ mạng v.v... Bên ngoài, giả lập các danh như Bình, Áo v.v...

Danh thật sự: Tức ở trong nghĩa của các căn như Mắt v.v..., Sắc v.v... lập danh như Mắt v.v...

Danh tương ưng với đồng loại: Là các danh của đại chủng v.v.. như Sắc thọ nơi hữu tình.

Danh tương ưng với dị loại: Là các danh như Phật trao đức thuận màu xanh, vàng v.v...

Danh tùy đức: Là các danh như: Biến ngại nên gọi là Sắc. Lãnh nạp nên gọi là Thọ. Phát ra ánh sáng nên gọi là Mặt trời v.v...

Danh giả thuyết: Là kêu nghèo gọi là giàu. Hoặc nơi nghĩa không quán đối hiện có khác, an lập các danh.

Danh đồng chỗ biết rõ: Là cùng chỗ hiểu về tưởng. Cùng trái với đây là danh không đồng chỗ biết rõ.

Danh hiển bày: Tức nghĩa của danh ấy dễ hiểu.

Danh không hiển bày: Tức nghĩa của danh ấy khó hiểu. Như minh chú Đạt-la-nhị-trà v.v...

Danh tóm lược: Là danh có một chữ. Danh nêu rộng : Là danh có nhiều chữ.

Cú thân: Nghĩa là danh tự viên mãn. Đây lại có sáu thứ:

1. Câu không viên mãn.
2. Câu viên mãn.

3. Câu của đối tượng được thành.

4. Câu của chủ thể tạo thành.

5. Câu nêu lên.

6. Câu giải thích.

Câu không viên mãn: Là văn không rốt ráo, nghĩa không rốt ráo.

Nên biết lại do câu thứ hai nên mới được viên mãn. Như nói:

Các thứ ác, chớ làm

Các thứ thiện, phụng hành Khéo điều phục tự tâm

Là Thánh giáo chư Phật.

Nếu chỉ nói "Các Ác" tức văn không rốt ráo. Nếu nói "Các thứ Ác" thì nghĩa không rốt ráo. Lại thêm "chớ làm" mới được viên mãn, tức câu viên mãn.

Câu của đối tượng được thành: Là câu trước do câu sau mới được thành lập. Như nói:

Các Hành vô thường Pháp có khởi, tận Sanh tất nên diệt Tịch kia là vui.

Ở đây, vì thành các Hành vô thường, nên tiếp theo nói: Pháp có khởi tận. Trước là đối tượng thành, tức là câu của đối tượng được tạo thành. Sau là chủ thể thành, tức là câu của chủ thể tạo thành.

Câu nêu lên: Như nói Tánh thiện.

Câu giải thích: Nghĩa là đang hướng tới bậc Thiện sĩ.

Tự thân: Nghĩa là Danh, Cú, hoặc rốt ráo hoặc không rốt ráo, với chỗ dựa là bốn mươi chín chữ.

Ở đây, dục là danh đứng đầu. Danh là câu đứng đầu. Câu tất có Danh. Danh tất có chữ. Nếu chỉ một chữ tất không thành câu. Lại, hoặc có chữ, Danh không gồm thâu, tức chỉ có chữ, không danh.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên thiết lập ba thứ Thân như danh v.v..?

Đáp: Vì khiến lãnh nhận các thọ sinh ra do các Tăng ngữ xúc.

Hỏi: Danh là nghĩa gì?

Đáp: Có thể khiến cho các thứ chủng loại cùng được nhận biết rõ, nên gọi là danh. Lại có thể khiến cho ý tạo ra vô số tướng, nên gọi là danh. Lại do chỗ kêu gọi của ngôn ngữ nên gọi là danh. Thâu nhận các danh hiển bày rõ rốt ráo không hiện thấy nghĩa, gọi là câu (cú). Tùy hiểu danh, câu, gọi là văn.

Như đức Thế Tôn nói: Tăng ngữ, đường Tăng ngữ, cho đến nói rộng.

Ở đây, Tăng ngữ: Nghĩa là tất cả chúng đồng loại tương ưng nơi danh.

Tăng ngữ lộ (đường Tăng ngữ): Nghĩa là cùng với chúng đồng loại muốn (dục) có thể khởi các đồng loại kia.

Từ: Là lời tương ưng kia. Lại, tức lời này đều khác đối với các thứ xứ kia. Hoặc nêu lên hoặc giải thích về xứ là chỗ dựa kia gọi là con đường của Tăng ngữ.

Nêu đặt: Nghĩa là mỗi mỗi phân biệt, nêu đặt kiến lập nơi chốn của chỗ dựa kia, gọi là con đường kia.

Dục tức là từ, không có dục riêng, đây tức là con đường nêu đặt Tăng ngữ.

Lại, danh thân v.v... lược có sáu thứ xứ nương dựa:

1. Pháp.
2. Nghĩa.
3. Hữu tình.
4. Thời.
5. Số.
6. Xứ sở.

Phân biệt rộng về chúng, nên biết như nơi địa do văn tạo thành đã nêu.

Ngữ: Nên biết lược gồm tám phần: Nghĩa là Tiên thủ, Mỹ diệu v.v... do Ngữ kia cùng tương ưng với văn, câu, cho đến thường cậy nơi phần Tư lương nên có thể thuyết giảng chánh pháp. Tám phần là:

- Ngữ Tiên thủ: Hướng tới cung Niết bàn là đứng đầu trước hết (Tiên thủ).
- Ngữ mỹ diệu: Là tiếng kia trong, đẹp như âm thanh của Yết-la-tần-ca.
- Ngữ hiển liễu: Nghĩa là lời, câu, văn đều thiện xảo.
- Ngữ dễ hiểu: Tức nói năng khéo biện giải.
- Ngữ vui thích nghe: Là nêu dẫn nghĩa pháp.
- Ngữ vô y: Là không dựa vào hy vọng kẻ khác tin mình.
- Ngữ không trái nghịch: Là nêu giảng biết rõ về lượng.
- Ngữ vô biên: Là thiện xảo, rộng lớn.

Tám thứ ngữ như thế, nên biết là lược gồm đủ ba đức:

1. Đức hướng tới. Là loại thứ nhất.
2. Đức Tự Thể. Là hai loại tiếp theo.

3. Đức Gia Hạnh. Là năm loại còn lại.

Tương ưng: Là thứ lớp của Danh, Cú, Văn thân khéo an lập. Lại dựa nơi sự tương ưng của bốn thứ đạo lý.

Trợ bạn: Là có thể thành thứ lớp.

Tùy thuận: Là giải thích theo thứ lớp. Thanh triệt: Là Văn, Câu hiển bày rõ.

Hỗ trợ thanh tịnh: Là khéo nhập nơi các Tâm.

Tương xứng: Như Chúng hội, Ứng cúng, Xứng pháp, Dẫn nghĩa, Thuận giữ.

Thường cậy nơi phần Tư lương: Là đều xét kỹ chỗ tạo tác để thường xuyên được tạo tác, gọi là thường nhờ vào.

Phần kia: Là chánh kiến v.v... Đây là tư lương của pháp kia. Hành tướng: Nghĩa là các Uẩn tương ưng, các Giới tương ưng, các

Xứ tương ưng, Duyên khởi tương ưng, Xứ phi xứ tương ưng, Niệm trụ tương ưng.

Các ngôn ngữ tương ưng như thế, hoặc do Thanh văn giảng nói, hoặc do Như lai thuyết giảng, hoặc do Bồ tát nêu giảng. Đó gọi là Hành tướng.

Cơ thỉnh: Là nhân nơi cơ duyên thưa hỏi mà khởi ngôn thuyết. Ở đây, lại do căn v.v... có sai biệt, nên biết có hai mươi bảy thứ hữu tình. Do căn sai biệt nên thành hai loại:

1. Độn căn.

2. Lợi căn.

Do Hành sai biệt nên thành bẩy loại: Nghĩa là Hành tham v.v... như nơi địa Thanh Văn đã nêu.

Do chúng sai biệt nên thành hai loại:

1. Chúng tại gia.

2. Chúng xuất gia.

Do Nguyện sai biệt nên thành ba loại:

1. Thanh văn.

2. Độc giác.

3. Bồ tát.

Do có thể cứu độ, không thể cứu độ sai biệt, nên thành hai loại:

1. Pháp Bát Niết bàn.

2. Pháp không Bát Niết-bàn.

Do Gia hạnh sai biệt, nên thành chín loại:

1. Đã nhập chánh pháp.

2. Chưa nhập chánh pháp.

3. Có chướng ngại.

4. Không chướng ngại.

5. Đã thành thục.

6. Chưa thành thục.

7. Trói buộc đủ.

8. Không trói buộc đủ.

9. Không trói buộc.

Do chủng loại sai biệt, nên thành hai loại:

1. Người.

2. Phi nhân.

Sáu thứ Văn như thế gồm chung có bốn Tướng được gọi là Văn:

1. Tướng của đối tượng thuyết giảng: Là danh, thân v.v... và Hành tướng là sau.

2. Tướng được tạo tác: Là cơ thỉnh gồm thâu hai mươi bảy loại hữu tình.

3. Tướng của chủ thể nêu giảng: Là Ngữ.

4. Tướng của người nêu giảng: Là Thanh Văn, Bồ tát cùng với Như lai.

Sáu thứ như thế đều hiển bày nơi Văn, nếu thiếu một thứ thì không thể hiển bày nghĩa. Do có thể hiển bày nghĩa, thế nên gọi là Văn.

Thế nào là Nghĩa? Nên biết lược có mười thứ:

1. Nghĩa của địa.

2. Nghĩa của Tướng.

3. Nghĩa của Tác ý v.v...

4. Nghĩa của xứ nương dựa.

5. Nghĩa quá hoạn.

6. Nghĩa thắng lợi.

7. Nghĩa của đối tượng được đối trị.

8. Nghĩa của chủ thể đối trị.

9. Nghĩa tóm lược.

10. Nghĩa nêu rộng.

Nghĩa của địa: Lược có năm địa:

1. Địa Tư lương.
2. Địa Gia hạnh.
3. Địa Kiến.
4. Địa Tu.
5. Địa Cứu cánh.

Lại, phân biệt rộng có mười bảy địa: địa năm Thức thân là đầu, địa vô dư y là sau cùng.

Nghĩa của Tướng: Nên biết có năm thứ Tướng:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.
3. Tướng giả lập.
4. Tướng nhân.
5. Tướng quả.

Năm tướng như thế, như nơi địa do Tư tạo thành đã biện giải.

Lại có năm Tướng:

1. Tướng môn khác.
2. Tướng du già.
3. Tướng chuyển dị.
4. Tướng tạp nhiễm.
5. Tướng thanh tịnh.

Năm tướng như thế, nên biết như nhiều chỗ trước đây đã phân biệt.

Lại có năm tướng:

1. Tướng sở thuyên.
2. Tướng năng thuyên.
3. Tướng tương ưng với hai thứ ấy.
4. Tướng chấp trước.
5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyên (đối tượng được giảng giải): Là năm pháp như

Tướng v.v... như trong năm sự đã nói.

Tướng năng thuyên (chủ thể giảng giải): Tức là đối với sự nương dựa nơi danh v.v... kia vì muốn tùy thuận nêu bày về tự tánh sai biệt theo ngôn ngữ hiện có. Nên biết đây tức là Tướng của Tự tánh Biến kế sở chấp.

Tự tánh của Biến kế sở chấp này, có tên gọi sai biệt, đó là cũng gọi là Biến kế sở chấp, cũng gọi là hòa hợp tạo thành, cũng gọi là Tướng đã

tăng ích, cũng gọi là chỗ chấp hư vọng, cũng gọi là ngôn thuyết được hiển bày, cũng gọi là Gia hạnh của văn tự, cũng gọi là chỉ có âm thanh, cũng gọi là không có thể tướng. Các loại sai biệt như thế, nên biết.

Tướng tương ưng với hai thứ ấy: Là sở thuyên, năng thuyên lại cùng tương ưng. Tức tự tánh của Biến kế sở chấp nắm giữ chỗ nương dựa.

Tướng chấp trước: Nghĩa là Biến kế sở chấp nơi các hàng phàm ngu từ vô thỉ đến giờ nối tiếp lưu chuyển chấp trước nơi tự tánh cùng tùy miên kia.

Tướng không chấp trước: Là đã kiến đế, nhận biết rõ như thật. Về tướng của Biến kế sở chấp cùng tập khí của nó, đạt giải thoát. Nếu phân biệt đúng, như nơi địa do Tư tạo thành, nên biết về Tướng.

Nghĩa của Tác ý v.v...: Nghĩa là bảy thứ Tác ý, tức như Tác ý Liễu tướng v.v... như nơi địa Thanh văn ở trước đã nói.

Lại có mười Trí:

1. Khổ Trí.
2. Tập Trí.
3. Diệt Trí.
4. Đạo Trí.
5. Pháp Trí.
6. Chủng loại Trí.
7. Tha tâm Trí.
8. Thế tục Trí.
9. Tận Trí.
10. Vô sanh Trí.

Đây cũng như nơi địa Thanh văn ở trước đã biện giải.

Lại có sáu Thức thân: Đó là Nhãn Thức cho đến Ý Thức, như nơi địa năm Thức thân cùng ý địa ở trước đã nêu rõ.

Lại có chín thứ Biến Tri:

1. Biến Tri do đoạn, do kiến khổ tập thuộc cõi dục đoạn trừ.
2. Biến Tri do đoạn, do kiến khổ tập thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.
3. Biến Tri do đoạn, do kiến diệt thuộc cõi dục đoạn trừ.
4. Biến Tri do đoạn, do kiến diệt thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.
5. Biến Tri do đoạn, do kiến đạo thuộc cõi dục đoạn trừ.
6. Biến Tri do đoạn, do kiến đạo thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.

7. Biến Tri do đoạn trừ kiết thuận hạ phần.

8. Biến Tri do sắc tham đã dứt hết.

9. Biến Tri do vô sắc tham đã dứt hết.

Như nơi địa Tam-ma-hí-đa đã biện giải về Tướng của chúng. Lại có ba môn Giải thoát là Không, Vô nguyện, Vô tướng. Nơi địa Tam-ma-hí-đa đã biện biệt về Tướng.

Ở đây phải nên phân biệt các pháp có bao nhiêu thứ là:

- Đối tượng tư duy của Tác ý.
- Đối tượng nhận biết của Trí.
- Đối tượng nhận thức của Thức.
- Đối tượng Biến Tri của Biến Tri.
- Đối tượng giải thoát của môn giải thoát.

Dùng vô lượng môn Quán như thế nên quán các pháp. Nghĩa của xứ nương dựa: Lược có ba thứ:

1. Xứ nương dựa của Sự.
2. Xứ nương dựa của Thời.
3. Xứ nương dựa của Hữu tình.

Xứ nương dựa của Sự: Lại có ba loại:

1. Xứ nương dựa của Sự căn bản.
2. Xứ nương dựa của Sự được phương tiện.
3. Xứ nương dựa của Sự thương xót kẻ khác.

Xứ nương dựa của Sự căn bản lại có sáu thứ:

1. Nẻo thiện.
2. Nẻo ác.
3. Thối đọa.
4. Thăng tiến.
5. Sanh tử.
6. Niết bàn.

Xứ nương dựa của Sự được phương tiện lại có mười hai thứ, tức là mười hai thứ Hành:

1. Hành dục.
2. Hành lìa.
3. Hành thiện.
4. Hành bất thiện.

5. Hành khổ.

6. Hành không khổ.

7. Hành thuận phần thối.

8. Hành thuận phần tiến.

9. Hành tạp nhiễm.

10. Hành thanh tịnh.

11. Hành tự nghĩa.

12. Hành tha nghĩa.

Xứ nương dựa của Sự thương xót kẻ khác lại có năm thứ:

1. Khiến lìa dục.

2. Thị hiện.

3. Chỉ dạy, dẫn dắt.

4. Khen ngợi, khuyên gắng.

5. Vui mừng.

Ở đây, nẻo thiện: Là hàng Trời, người. Nẻo ác: Là các tướng ác.

Thối đọa: Lại có hai thứ:

1. Không trái với kẻ khác.

2. Trái với kẻ khác.

Loại đầu, nghĩa là tự nhiên thọ mạng thối giảm. Như thọ mạng thối giảm, thì sắc lực, tài sản, sự an lạc, danh tiếng, biện tài thối giảm, nên biết cũng thế.

Trái với kẻ khác: Là tộc họ thối giảm. Tự tại tăng thượng thối giảm. Uy thế của tông tộc giảm thiểu. Lời nói không uy nghiêm. Trí huệ xấu kém. Không thể đạt được sắc thanh hương vị xúc rộng lớn. Ở trong mọi sự thọ dụng, tâm không vui thích. Các loại như vậy gọi là thối đọa. Cùng với đây trái nhau, theo chỗ ứng hợp, gọi là thăng tiến.

Sanh tử: Là thối đọa, thăng tiến nơi nẻo ác, nẻo thiện. Niết bàn: Là hai Giới Niết-bàn Hữu dư y và Vô dư y. Hành dục: Tức như trong mười thứ thọ dụng đã nói.

Hành lìa: Tức đối với sự thọ dụng kia nhận biết về vô thường v.v... nên chán bỏ mà xuất gia, thọ trì Giới cấm, giữ gìn căn môn v.v...

Hành thiện: Là Hành thí, giới, tu thiện hữu lậu. Hành bất thiện: Là ba thứ Hành Ác.

Hành khổ: Là các loại Hành lộ hình, không y phục v.v... cho đến nói rộng.

Hành không khổ: Nghĩa là không từ bỏ những an lạc hiện có đạt được đúng như pháp, xa lìa hai biên (Biên hành thọ dụng dục lạc và Biên hành thọ dụng tự khổ) nương dựa Trung đạo, truy cầu như pháp, thọ dụng chính đáng các sự như y phục v.v...

Hành thuận phần thối: Là Hành hiện có, có thể tạo chướng ngại cho các sự việc thăng tiến như thọ mạng v.v...

Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là Hành thuận phần biến.

Như nơi kinh Anh Vũ đã nói.

Hành tạp nhiễm: Lược có ba thứ:

1. Tạp nhiễm của Nghiệp.
2. Tạp nhiễm của Phiền não.
3. Tạp nhiễm của Lưu chuyển.

Nên biết ở đây có chín trường hợp căn bản: Nghĩa là Tạp nhiễm của Nghiệp có ba trường hợp: Tham dục, Sân hận, Ngu si.

Tạp nhiễm của Phiền não có bốn: Là bốn thứ điên đảo. Tạp nhiễm của Lưu chuyển có hai: Vô minh, Hữu Ái.

Vì sao? Vì do ba căn bất thiện sinh khởi vô số tạp nhiễm của nghiệp. Do bốn điên đảo, có thể phát sinh vô số tạp nhiễm của phiền não. Phiền não sanh rồi, do môn vô minh, nên các người xuất gia có thể sinh khởi vô số tạp nhiễm của lưu chuyển. Do môn hữu ái, nên các người tại gia có thể sinh khởi vô số tạp nhiễm của lưu chuyển.

Hành thanh tịnh: Lược có ba học, năm địa.

Năm địa, tức địa Tư lương cho đến địa Cứu cánh, như trước đã nói. Nên biết học cùng có chín trường hợp căn bản: Nghĩa là Giới học tăng thượng và Tâm học tăng thượng, có không tham, không sân, không si, tại địa Tư lương cùng địa Gia hạnh. Huệ học tăng thượng có bốn thứ không điên đảo, minh và giải thoát, tại Kiến địa, Tu địa cùng địa cứu cánh.

Hành tự nghĩa: Tức là Hành tự lợi. Như Thanh Văn, độc giác, tuy hoặc có lúc khởi Hành lợi tha, nhưng nơi bản nguyện không chỉ lợi tha, thế nên chỗ Hành gọi là Hành tự nghĩa.

Hành tha nghĩa: Là Hành lợi tha. Như Phật, Bồ tát, vì nhằm đem lại lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, cho đến nói rộng.

Khiến lìa dục: Là quở trách các Hành của sáu thứ phẩm Hắc, hiện rõ lỗi lầm khiến lìa ái dục.

Thị hiện: Là vì khiến thọ học hành phẩm Bạch, nên thị hiện bốn thứ đạo lý chân thật.

Chỉ dạy, dẫn dắt: Nghĩa là thị hiện rồi, được tin hiểu, đặt yên nơi Học xứ, khiến thọ hành đúng đắn. Do đối với Hành kia đã được tự tại, nên thưa thỉnh: Con hôm nay nên làm việc gì? Kính mong chỉ dạy. Bồ tát nhân đấy, bảo: Các ông hôm nay, nơi sự việc như thế như thế, nên hành tác chân chánh.

Khen ngợi, khuyên gắng:

Tức như hữu tình kia, ở trong chỗ nhận thức, hành động, đạt được, tâm sanh thối chuyển, bấy giờ Bồ tát khen ngợi, khuyến khích, thúc đẩy, khiến Tâm họ thêm uy lực đối với các sự việc kia có thể thực hiện được.

Vui mừng: Nghĩa là hữu tình kia, nơi pháp tùy pháp, hành đúng đắn, dũng mãnh, Bồ tát tức nên như thật khen ngợi khiến họ hoan hỉ.

Lại nữa, khiến lìa dục, thị hiện: Hoặc có trường hợp khiến lìa dục mà không thị hiện. Như chỉ dạy, dẫn dắt kẻ khác khiến lìa dục nhưng bảo họ: "Như Tôi đã nói về chỗ không nên làm. Ông nay nhất định là không nên làm nữa" Hoặc dọa kẻ ấy: "Ông nếu hành tác, thì tôi tất sẽ làm như vậy như vậy!".

Hoặc có trường hợp thị hiện nhưng không khiến lìa dục. Như người ở giữa, thị hiện công đức cùng với lỗi lầm, nhưng chưa có thể ngăn chận khiến lìa lỗi lầm.

Hoặc có trường hợp khiến lìa dục, cũng thị hiện. Như chỉ rõ lỗi lầm kia khiến kẻ ấy lìa dục.

Chỉ dạy, dẫn dắt, khen ngợi, khuyên gắng: Nghĩa là đầu tiên chưa thọ học, khiến kẻ kia thọ học. Đã thọ học rồi, chưa thăng tiến lên thì khiến thăng tiến.

Vui mừng: Nếu đáng vui mừng, vì lúc vui mừng có năm thắng lợi:

1. Khiến kẻ kia đối với chỗ chứng đắc của mình, Tâm được quyết định.

2. Khiến kẻ khác đối với công đức của chỗ chứng đắc ấy sanh tâm hướng chứng.

3. Khiến kẻ phỉ báng tâm được thanh tịnh.

4. Khiến kẻ không thanh tịnh, Tâm trụ ở trong xứ ấy.

5. Khiến kẻ thanh tịnh lại càng tăng trưởng.

Hoặc có hữu tình vui mừng về sự việc thiện của kẻ khác, nên biết là sự tạo tác tăng trưởng có thể chiêu cảm nghiệp sanh Thiên hợp ý. Hoặc mạng chung rồi, theo chỗ sanh kia, luôn được nghe các âm thanh hay đẹp, vừa ý, tất cả cảnh giới thảy đều vừa ý.

Lại nữa, Hành dục, hoặc có thể chiêu cảm nẻo Thiện. Như vì dục nên tạo nghiệp thiện sau. Hoặc có thể chiêu cảm nẻo Ác. Như dùng phi pháp thâu nhận các dục.

Hành lìa, hoặc có hủy phạm: Có thể chiêu cảm nẻo Ác. Nếu có thể thành tựu đầy đủ, có thể chiêu cảm nẻo thiện, cùng có thể tạo tư lương cho Niết bàn.

Hành thiện: Có thể chiêu cảm nẻo thiện cùng tạo tư lương cho Niết bàn.

Hành bất thiện: Có thể chiêu cảm nẻo Ác.

Hành khổ: Có thể chiêu cảm nẻo Ác, do dựa nơi tà kiến, tự làm khổ cho thân.

Hành không khổ: Có thể tạo ra Tư lương của Niết-bàn.

Hành thuận phần thoái, hành thuận phần tiến, theo chỗ ứng hợp, hoặc thối đọa, hoặc thăng tiến.

Hành tạp nhiễm: Có thể chiêu cảm sanh tử. Hành thanh tịnh: Có thể chứng đắc Niết-bàn.

Hành tự nghĩa: Chỉ khiến tự thân đi đến nẻo thiện, đạt được thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Hành tha nghĩa: Cùng khiến tự, tha đi đến nẻo thiện, đạt được thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Như thế, trong ba sự, sự căn bản có sáu thứ, tức thứ nhất là nẻo thiện, cho đến sau cùng là Niết-bàn. Sự được phương tiện có mười hai thứ, tức là mười hai Hành. Sự thương xót kẻ khác có năm thứ, nghĩa là do năm thứ thương xót chúng sanh.

Ở đây, do sức tăng thượng của sự căn bản, dựa vào mười hai Hành, theo như chỗ ứng hợp khiến kẻ khác lìa dục, cho đến vui mừng.

Xứ nương dựa của Thời: Tức lược có ba thứ ngôn sự:

1. Ngôn sự của Quá khứ.
2. Ngôn sự của Hiện tại.
3. Ngôn sự của Vị lai. Như nơi kinh đã nói rộng.

Xứ nương dựa của hữu tình: Nghĩa là hai mươi bảy thứ hữu tình như độn căn v.v..., nên nhận biết về Tướng.

Tức dựa vào các điều đã nêu bày như trên như thế, hoặc Sự, hoặc Thời, hoặc hữu tình, chư Phật Thế Tôn ban bố, lưu hành Thánh giáo, do đó chúng được gọi là xứ nương dựa.

Nghĩa Quá hoạn: Nói tóm tắt, đối với nghĩa nên hủy chán mà khởi hủy chán, hoặc là pháp hoặc là người.

Nghĩa thắng lợi: Nói tóm tắt, đối với nghĩa nên xưng tán mà khởi xưng tán, hoặc là pháp hoặc là người.

Nghĩa của đối tượng được đối trị: Nói tóm gọn, là tất cả Hành tạp nhiễm.

Nghĩa của chủ thể đối trị: Nói tóm gọn, là tất cả Hành thanh tịnh. Như tham là đối tượng được đối trị. Bất tịnh là chủ thể đối trị. Sân là đối tượng được đối trị. Từ là chủ thể đối trị. Như thế v.v..., đều nên nhận biết.

Nghĩa tóm lược: Tức tuyên thuyết các pháp tương ưng với đồng loại.

Nghĩa nêu rộng: Tức tuyên thuyết các pháp tương ưng với dị loại. Lại nữa, thuyết giảng Kinh không liễu nghĩa. Thuyết giảng Kinh liễu nghĩa.

Lại nữa, có hai thứ Nghĩa tóm lược:

1. Tóm lược về Danh.
2. Tóm lược về Nghĩa.

Như Nghĩa tóm lược, Nghĩa nêu rộng cũng có hai thứ:

1. Nêu rộng về Danh.
2. Nêu rộng về Nghĩa.

Như đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-tử:

Pháp Như lai đã nêu giảng, hoặc tóm lược hoặc nêu rộng, nhưng người tỏ ngộ là rất khó có thể đạt được. Nói rộng như nơi kinh. Nên biết ở đây, hiển bày đức Thế Tôn, ở trong khế kinh thì Văn rộng Nghĩa lược. Còn ở trong Kệ Tụng thì Nghĩa rộng Văn lược. Để gồm thâu mười Nghĩa, nên Kệ nêu:

Các Địa, Tướng, Tác ý.
Xứ dựa, đức, không đức.
Đối tượng, chủ thể trị.
Nghĩa rộng, lược nên biết.

Lại nữa, như thế là đã lược nói về Thể tánh của Phật giáo nơi mười thứ nghĩa rồi, các vị thuyết pháp nên dựa nơi Thánh giáo, tìm cầu mười thứ, hoặc đủ hoặc không đủ. Đã tự tìm cầu xong, nên vì kẻ khác thuyết giảng.

Như vậy là đã kiến lập văn nghĩa của các kinh là Thể xong, các vị thuyết giảng pháp nên dùng năm Tướng, tùy thuận giải thích tất cả kinh Phật. Nghĩa là đầu tiên nên lược nói Pháp cốt yếu. Tiếp theo nên tuyên thuyết về Đẳng khởi. Thứ đến nên nêu rõ về Nghĩa. Sau đấy nên Giải thích phần khó. Sau cùng là biện biệt về thứ lớp.

Pháp: Lược có mười hai thứ, nghĩa là mười hai Phần giáo như khế kinh v.v...

Khế kinh: Tức nghĩa Quán xuyến, xuyên suốt. Là phần văn xuôi thuyết giảng trực tiếp, đa phần thâu nhận thể tánh của những ý nghĩa sâu xa.

Ứng tụng: Là sau phần văn xuôi, tuyên thuyết về kệ. Lại lược nêu lên chỗ thuyết giảng không liễu nghĩa nơi kinh.

Ký biệt: Là phân biệt rộng, tóm lược nghĩa đã nêu. Lại ghi nhận xứ sanh của đệ tử đã qua đời.

Phúng tụng: Là dùng câu để thuyết giảng. Hoặc dùng hai câu, ba, bốn, năm, sáu câu để thuyết giảng.

Tự thuyết: Là không thưa hỏi mà thuyết giảng. Vì khiến cho đệ tử được thắng giải. Vì khiến cho các hữu tình được giao hóa thuộc phẩm thượng an trụ nơi lý thù thắng, nên tự nhiên mà nói. Như kinh nói: Đức Thế Tôn hôm nay tự nhiên tuyên thuyết v.v...

Duyên khởi: Nghĩa là có thưa thỉnh nên thuyết giảng.

Như kinh nói: Một thời, đức Thế Tôn dựa nơi Hắc-lộc-tử, vì các Bí-sô nêu giảng pháp yếu. Lại dựa vào nhân của Biệt giải thoát dấy khởi đạo, Tỳ-nại-da gồm thâu các ngôn thuyết hiện có. Lại, ở nơi xứ ấy, thuyết giảng ngôn ngữ như thế, đức Thế Tôn dựa nơi các nhân duyên như vậy như vậy, dựa vào các sự việc như vậy như vậy, để thuyết giảng theo ngôn ngữ như vậy như vậy.

Thí dụ: Là Kinh có thí dụ. Do thí dụ nên nghĩa ẩn tàng được sáng rõ.

Bản sự: Nghĩa là trừ Bản sanh, tuyên thuyết các sự việc hiện có của thời trước.

Bản sanh: Nghĩa là tuyên thuyết về tự thân nơi đời quá khứ, thời gian hành hạnh Bồ tát, là sự Bản sanh của mình.

Phương Quảng: Là thuyết giảng về đạo Bồ tát. Như nói về bốn hạnh Bồ tát của bảy địa, cùng nói về một trăm bốn mươi thứ pháp Phật bất cộng của chư Phật. Nghĩa là bốn thứ Nhất Thiết chủng thanh tịnh, cho đến Nhất Thiết chủng diệu Trí, như nơi địa Bồ tát đã nói rộng.

Lại nữa, pháp này là rộng, nhiều, rất cao lớn, thời gian dài, xa, hết sức dũng mãnh, trải qua ba A-tăng-xí-da đại kiếp mới được thành mãn, nên gọi là Phương Quảng.

Pháp vị Tằng Hữu: Nghĩa là chư Như lai, hoặc các Thanh văn, hoặc các vị tại gia, thuyết giảng pháp hy hữu, kỳ diệu. Như trong các kinh, nhân

nơi sự việc hy hữu, nên khởi việc thuyết giảng.

Luận Nghị: Nghĩa là các kinh điển tuần tự nghiên cứu sâu về Ma-đát-ly-ca (Luận). Vả lại, như tất cả kinh Liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lý-ca. Tức là ở nơi xứ ấy, đức Thế Tôn tự phân biệt rộng về Thể tướng của các pháp. Lại, ở nơi xứ ấy, các Thánh đệ tử đã kiến đế tích, dựa vào chỗ chứng đắc của mình, phân biệt thuận hợp về Thể tướng của các pháp. Đây cũng gọi là Ma-đát-lý-ca. tức Ma-đát-lý-ca này cũng gọi là A-Tỳ-đạt-ma.

Cũng như nơi thế gian, tất cả sách vở, toán số, thi luận v.v... đều có Ma-đát-lý-ca. Nên biết trong kinh, tuần tự nghiên cứu sâu về Thể tướng của các pháp, cũng lại như vậy.

Lại như các chữ, nếu không có Ma-đát-lý-ca tức không sáng rõ. Như vậy, mười hai phần Thánh giáo như khế kinh v.v... nếu không kiến lập Thể tướng của các pháp, tức không sáng rõ, nếu kiến lập rồi, tức được sáng rõ.

Lại, tuyên thuyết về Pháp tướng không tạp loạn, thế nên Ma-đát-lý-ca này cũng gọi là A-Tỳ-đạt-ma.

Lại, dựa vào Ma-đát-lý-ca này, các việc giải thích nghĩa của các Kinh còn lại cũng gọi là Luận nghị.

Đẳng khởi: Nghĩa là do ba thứ xứ nương dựa: Hoặc Sự, hoặc Thời, hoặc hữu tình, theo chỗ ứng hợp, nên thuyết giảng. Tức là hữu tình như thế, có Hành như thế, vì khiến họ lìa dục cho đến vui mừng, nên đã thuyết đẳng khởi.

Tiếp theo nên nói về nghĩa. Nghĩa, lược có hai thứ:

1. Nghĩa chung.
2. Nghĩa riêng.

Do bốn thứ Tướng, nên nói về nghĩa chung:

1. Dẫn kinh Liễu nghĩa.
2. Phân biệt sự rốt ráo.
3. Hành.
4. Quả.

Hành lại có hai thứ:

1. Hành tà.
2. Hành chánh.

Quả cũng có hai loại:

1. Quả của Hành chánh.
2. Quả của Hành tà.

Do bốn thứ Tướng nên nói về nghĩa riêng:

1. Phân biệt về Danh sai biệt.
2. Phân biệt về Tướng của Tự thể.
3. Giải thích rõ về ngôn từ.
4. Nêu môn Nghĩa sai biệt.

Giải thích rõ về ngôn từ, lại do năm thứ phương tiện:

1. Do Tướng.
2. Do Tự tánh.
3. Do Nghiệp.
4. Do Pháp.
5. Do Nhân quả.

Nêu môn Nghĩa sai biệt, nên biết lại do năm Tướng;

1. Tự tánh sai biệt.
2. Cõi sai biệt.
3. Thời sai biệt.
4. Phần vị sai biệt.
5. Hữu tình sai biệt.

Ở đây, Tự tánh sai biệt, nghĩa là:

- Tự tánh của Sắc có mười Sắc xứ sai biệt.
- Tự tánh của Thọ có ba Thọ sai biệt.
- Tự tánh của Tưởng có sáu Tưởng sai biệt.
- Tự tánh của Hành có ba Hành sai biệt.
- Tự tánh của Thức có sáu Thức sai biệt.

Các loại như thế, nên biết là Tự tánh sai biệt của các pháp.

Cõi sai biệt: Là cõi dục có sai biệt, cõi sắc có sai biệt, cõi vô sắc có sai biệt.

Thời sai biệt: Là thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai có sai biệt.

Phần vị sai biệt: Nên biết có hai mươi lăm thứ phần vị sai biệt: Ba phần vị hạ, trung, thượng sai biệt.

Ba phần vị khổ, vui, không khổ không vui sai biệt. Ba phần vị thiện, bất thiện, Vô ký sai biệt.

Ba phần vị Văn, Tư, Tu sai biệt.

Ba phần vị Giới, Tâm, Huệ tăng thượng sai biệt. Hai phần vị Trong, Ngoài sai biệt.

Hai phần vị đối tượng giữ lấy, chủ thể giữ lấy sai biệt. Hai phần vị đối tượng đối trị, chủ thể đối trị sai biệt. Hai phần vị Hiện tiền, Không hiện tiền sai biệt.

Hai phần vị Nhân Quả sai biệt.

Hữu tình sai biệt: Như trước đã nói về hai mươi bảy loại hữu tình, nên biết là sai biệt.

Thích nạn: Hoặc tự nêu vấn nạn, hoặc kẻ khác nêu vấn nạn đều nên giải thích. Nên biết các vấn nạn này lược do năm Tướng:

1. Vì chưa rõ nghĩa cần được hiển bày. Như nói: Văn này có nghĩa gì?

2. Lời trái nhau. Như nói: Vì sao đức Thế Tôn, trước nêu giảng khác, nay nêu giảng khác?

3. Đạo lý trái nhau: Như có khi hiển thị nghĩa trái nhau so với bốn đạo lý.

4. Hiển bày không quyết định. Như nói: Do đâu đức Thế Tôn đối với một loại nghĩa, nơi vô số môn khác của các xứ kia, đã hiển bày sai biệt?

5. Cứu cánh không hiện thấy. Như nói: Nội Ngã có thể tánh gì, có sắc tướng gì, mà nói là thường hằng, không có biến đổi, chánh trụ như thế?

Các loại tướng vấn nạn như vậy, nên biết.

Đối với năm loại vấn nạn ấy, tùy theo thứ lớp phải nên giải thích.

Nghĩa là, nơi vấn nạn không rõ nghĩa, nên tạo phương tiện hiển bày. Đối với vấn nạn do lời nói trái nhau thì hiển thị ý nghĩa sâu xa, tùy thuận thông tỏ.

Như đối với vấn nạn do lời nói trái nhau, đã hiển thị ý nghĩa sâu xa, tùy thuận thông tỏ, thì đối với các vấn nạn do hiển bày không quyết định, do cứu cánh không hiện thấy, nên biết cũng như thế.

Đối với vấn nạn do đạo lý trái nhau, hoặc dùng dị giáo để phê phán, hoặc lại thị hiện bốn thứ đạo lý, hoặc lại thị hiện nhân quả tương ưng. Đó là lời này hoặc là quả tăng, hoặc là nhân tăng. Lại, đối với việc Giải thích vấn nạn nên thiết lập bốn thứ ghi nhận:

1. Ghi nhận hoàn toàn. Nghĩa là người đến thưa hỏi vì như lý thì kiến lập không điên đảo về tướng tánh của các pháp.

2. Ghi nhận phân biệt: Nghĩa là người đến thưa hỏi vì như lý hoặc không như lý, thì khai thị tướng tánh của các pháp có sai biệt.

3. Ghi nhận bằng cách hỏi lại: Nghĩa là vì khiến cho kẻ thưa hỏi theo Hý luận kia tự nhận lấy lỗi lầm của mình.

4. Ghi nhận bằng cách để qua một bên. Do bốn nhân duyên nên ghi nhận bằng cách im lặng để qua một bên. Nghĩa là không có Thể tánh, hết sức sâu xa v.v... như nơi địa do tư tạo thành ở trước đã nói rõ về tướng.

Lại như có người hỏi, Như lai sau khi diệt độ là có, không v.v... Ở đây, đối với lý sâu xa hiện có của thế tục cùng thắng nghĩa đế, đều không nên ghi nhận. Do đó gọi sự việc kia là ghi nhận bằng cách để qua một bên.

Trong ấy, đức Như lai căn cứ nơi Thắng nghĩa đế, tánh không phải là có nên không thể ký biệt. Căn cứ nơi Thế tục đế, đạo của chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa là trái nhau, nên Quả kia vĩnh viễn đoạn, không thành thật nên cũng không thể ghi nhận Như lai sau khi diệt độ là có không v.v...

Thứ lớp: Lược có ba thứ:

1. Thứ lớp viên mãn.
2. Thứ lớp giải thích.
3. Thứ lớp có thể thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ lớp này, nên lược dẫn Thánh giáo. Như đức Thế Tôn nói: "Ta ngày trước xuất gia hết sức là "Thạnh mỹ", thạnh mỹ bậc nhất, thạnh mỹ tối cực." Lời này là hiển thị về thứ lớp viên mãn của "Thạnh mỹ".

Lại nói: "Ta từng ở nơi cung của vua cha là Tịnh Phạn, dung mạo đoan nghiêm, cho đến nói rộng. Lời này là hiển thị về thứ lớp giải thích của "Thạnh mỹ".

Lại nói: "Vì nghĩa gì nên xuất gia thạnh mỹ"? Do thấy rõ các pháp như già, bệnh, chết v.v... Lời này là hiển thị về thứ lớp có thể thành.

Lại như trong Kinh lược nói về các pháp. Như nói: Ba Thọ là Lạc thọ, Khổ thọ, Bất khổ Bất lạc thọ. Các loại như thế chỉ hiển thị thứ lớp viên mãn. Do câu còn lại khiến thọ ấy viên mãn, nên gọi là viên mãn.

Như Thọ, bốn đế cũng vậy. Nghĩa là trước nói một câu, càng về sau thuận theo thứ lớp tuyên thuyết.

Thứ lớp có thể thành lại có hai thứ: Hoặc dùng câu trước thành lập câu sau. Hoặc dùng câu sau thành lập câu trước. Thứ lớp giải thích nên biết cũng thế,

Sư: Nghĩa là thành tựu mười pháp, gọi là Sư thuyết pháp, các tướng viên mãn. Mười pháp là:

1. Khéo đối với Pháp, Nghĩa. Tức đối với sáu thứ Pháp, mười thứ Nghĩa đều khéo có thể hiểu rõ.

2. Có thể tuyên thuyết rộng. Nghĩa là hiểu biết nhiều, nghe giữ, tích tập điều đã hiểu biết.

3. Đầy đủ vô úy: Nghĩa là ở trong đại chúng thù thắng như sát đế lợi v.v... tuyên thuyết chánh pháp, không chút khiếp sợ.

4. Ngôn từ thiện xảo: Là Ngữ công viên mãn, tám chi thành tựu, ngôn từ đầy đủ, ở nơi chúng thuyết pháp.

Ngữ công viên mãn: Tức là Văn, Cú tương ưng, hỗ trợ, cho đến nói rộng.

Tám chi thành tựu: Nghĩa là ngôn ngữ này đứng đầu là hay đẹp v.v... cho đến nói rộng.

5. Khéo tạo phương tiện thuyết giảng: Nghĩa là hai mươi thứ phương tiện thiện xảo để tuyên thuyết chánh pháp. Như do lúc ân trọng v.v...

6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành: Nghĩa là không chỉ lắng nghe, cho là cứu cánh, mà như chỗ thuyết giảng, theo đấy hành trì.

7. Đầy đủ oai nghi: Nghĩa là khi thuyết pháp, tay chân không loạn, đầu không dao động, mặt không biến đổi, mũi không đổi khác. Lui tới qua lại, oai nghi thuận hợp.

8. Tinh tấn dũng mãnh: Là luôn vui thích lắng nghe pháp chưa được nghe. Đối với pháp đã nghe càng khiến thêm sáng tịnh. Không bỏ Du già, không bỏ Tác ý, Tâm không lìa bỏ Xa-ma-tha bên trong.

9. Không có chán mệt: Tức vì bốn chúng nêu rộng pháp diệu, thân tâm không mệt mỏi.

10. Đầy đủ đức Nhẫn: Nghĩa là đối với những lời mắng, đùa, chê, trách, trọn không đáp trả. Nếu bị khinh thường, không sanh buồn giận, cho đến nói rộng.

Thuyết chúng: Nghĩa là ở nơi năm chúng nêu bày tám thứ ngôn ngữ: Tám thứ ngôn ngữ:

1. Ngôn ngữ có thể tạo vui thích.
2. Ngôn ngữ khéo mở bày, phát khởi.
3. Ngôn ngữ khéo giải thích vấn nạn.
4. Ngôn ngữ khéo phân tích.
5. Ngôn ngữ khéo thuận nhập.
6. Ngôn ngữ nêu dẫn chứng khác.
7. Ngôn ngữ biện tài thù thắng.
8. Ngôn ngữ thuận theo tông chỉ.

Năm chúng là:

1. Chúng tại gia.
2. Chúng xuất gia.
3. Chúng tịnh tín.
4. Chúng tà ác.
5. Chúng ở giữa.

Ngôn ngữ có thể tạo vui thích: Nên biết có năm Tướng:

1. Làm rõ nhân.
2. Có thí dụ.
3. Vật dụng để nói đầy đủ.
4. Văn, Cú đẹp đẽ.
5. Ngôn từ hiển bày.

Ngôn ngữ khéo mở bày, phát khởi: Là mở bày nghĩa sâu ẩn khiến hiển lược. Biện giải nghĩa hiển lược khiến chúng càng sâu ẩn.

Ngôn ngữ khéo giải thích vấn nạn: Nói tóm tắt, nên biết lìa năm thứ vấn nạn là khéo thành tựu.

Ngôn ngữ khéo phân tích: Đối với mỗi mỗi pháp, dựa nơi đạo lý tăng một, cho đến tách ra làm mười thứ, hoặc lại vượt hơn. Như dựa vào ba pháp thuyết, hoặc dựa vào bốn Niệm trụ, cho đến nói rộng.

Ngôn ngữ khéo thuận nhập: Chỉ khéo hiển hiện, giải thích các pháp như khế kinh, Ứng tụng v.v... hoàn toàn không dẫn các thứ Tà Luận của ngoại đạo khác.

Ngôn ngữ nêu dẫn chứng khác: Là nêu dẫn các kinh khác để thành lập chỗ thuyết giảng.

Ngôn ngữ biện tài thù thắng: Là tùy chỗ nhận lấy, khéo phân biệt về nghĩa.

Ngôn ngữ thuận theo tông chỉ: Là dựa nơi Ma-đát-lý-ca để phân biệt, hiển bày. Hoặc dựa nơi các ngôn giáo đã được thuyết giảng thuận hợp còn lại đây đó, giải thích như lý.

Lại nữa, ở nơi chúng tại gia nên dựa vào sự trừ bỏ các hành ác, tán thán các hành thiện, hiện nói chánh pháp khiến họ dừng dứt cùng tiến tu. Ở nơi chúng xuất gia, nên dựa vào ba học như Giới tăng thượng, hiện nói chánh pháp, khiến mau chóng vui thích.

Đối với chúng tịnh tín v.v... nên dựa vào uy đức rộng lớn của Thánh giáo, hiện nói chánh pháp, theo như thứ lớp khiến họ càng tăng thượng,

khiến chúng ở giữa sanh khởi tịnh tín.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 82

Phần Gồm Thâu Giải Thích 2

Người nghe: Nghĩa là vị thuyết pháp như thế, lúc thuyết giảng chánh pháp, nên tạo "An xứ" đối với kẻ khác, khiến họ trụ nơi cung kính, lắng nghe thuận hợp.

Thế nào là An xứ? Nghĩa là hoặc do một Nhân, hoặc cho đến mười Nhân.

Một Nhân: Là cung kính nghe pháp, hiền tiền có thể chứng lợi ích an lạc. Ở đây, có bốn trường hợp như có lợi ích không phải là an lạc v.v... như trong phần Pháp Thọ của địa Bồ tát đã nói.

Hai Nhân: Là khéo kiến lập tất cả pháp.

Khéo kiến lập: Tức là lìa các lỗi lầm, nên gồm đủ nghĩa lớn. Lại vì người thuyết giảng, người nghe đã nêu bày sự khó nhọc nên có quả thù thắng. Nếu không như thế, thì chủ thể thuyết giảng, chủ thể lắng nghe đều là uổng công đối với việc làm của mình. Vì công sức được nêu bày là hư giả nên không có quả.

Ba Nhân: Cung kính nghe pháp, có thể khiến cho chúng sanh xả bỏ nẻo ác, đạt được nẻo thiện, mau chóng có thể dẫn thâu nhận của Niết bàn. Ba sự như thế, chính là do cung kính nghe pháp mới được.

Bốn Nhân:

1. Cung kính nghe pháp, có thể khéo thông tỏ các pháp như Khế Kinh v.v...

2. Chánh pháp như thế, có thể khiến cho chúng sanh xả bỏ các thứ bất thiện, thâu nhận các thứ thiện. Nếu người khéo lắng nghe, tức có thể tinh tấn, hoặc xả bỏ, hoặc thọ nhận.

3. Do xả bỏ, thọ nhận, nên lìa bỏ nhân Ác, là chỗ gây tạo khổ về sau.

4. Do sự nhận bỏ nhân thiện ác ấy nên mau chóng chứng đắc Niết-bàn.

Năm Nhân: Nghĩa là đức Phật Thế Tôn thuyết giảng chánh pháp, có nhân duyên, có xuất ly, có nương hướng, có dũng mãnh, có thần biến. Các

câu như thế, như trong phần "Gồm thâu môn khác" sẽ phân biệt rộng. Lại có năm Nhân:

1. Ta sẽ nghe pháp chưa được nghe.

2. Ta sẽ nghe rồi nghiên cứu.

3. Ta sẽ đoạn trừ lưới nghi.

4. Ta sẽ dứt bỏ các kiến chấp.

5. Ta sẽ dùng Huệ để thông đạt tất cả câu nghĩa thâm diệu. Chư Phật Thế Tôn nêu giảng năm thứ này là hiển bày phương tiện thanh tịnh của Huệ do Văn-Tư-Tu tạo thành. Nghĩa là hai thứ đầu là hiển bày Huệ do Văn tạo nên. Hai thứ tiếp theo là hiển bày Huệ do Tư

tạo thành. Một thứ sau cùng là hiển bày Huệ do Tu tạo thành,

Sáu Nhân:

1. Vì muốn kính báo ân đức của đại sư. Nghĩa là đức Phật Thế Tôn đã vì chúng nên hành nơi vô lượng hạnh khổ khó làm, mới tìm được pháp này. Vì sao hôm nay chúng ta không lắng nghe?

2. Quán xét nghĩa lợi của mình. Nghĩa là chánh pháp của Phật có hiện nghĩa lợi.

3. Cứu cánh có thể lìa bỏ tất cả nhiệt não.

4. Khéo thuận theo phép tắc chân chánh.

5. Dễ có thể thấy rõ.

6. Các hàng thông tuệ nội chứng đối tượng được nhận biết.

Bảy Nhân: Nghĩa là Ta sẽ tu tập bảy thứ chánh pháp. Ta sẽ biết pháp, biết nghĩa, nên muốn khéo nhận biết về chỗ sai biệt cao thấp của các Hữu tình.

Tám Nhân:

1. Pháp Phật dễ đạt được, cho đến vì hạng Chiên-đà-la v.v... mà mở bày chỉ rõ.

2. Dễ có thể tu học, đi đứng ngồi nằm đều có thể tu được.

3. Dẫn phát nghĩa lợi. Tức có thể dẫn phát sanh tăng thượng quả, quyết định quả thù thắng.

4. Phần đầu thiện.

5. Phần giữa thiện.

6. Phần sau thiện.

7. Chiêu cảm quả an lạc hiện tại.

8. Dẫn phát quả an lạc về sau.

Chín Nhân: Nghĩa là có thể giải thoát chín thứ sự bức bách của thế gian:

1. Có thể ra khỏi lao ngục lớn sanh tử.

2. Đoạn trừ vĩnh viễn những thứ trói buộc cứng chắc như tham v.v...

3. Dứt bỏ sự bần cùng đối với bảy tài sản, kiến lập sự giàu có của bảy tài sản.

4. Vượt qua sự thiếu thốn các hành thiện nghe chánh pháp, kiến lập sự phong phú các hành thiện nghe chánh pháp.

5. Diệt trừ vô minh tối tăm, phát khởi trí huệ sáng tỏ.

6. Vượt qua bốn dòng thác, tiến lên bờ Niết-bàn.

7. Cứu cánh có thể trị liệu bệnh phiền não.

8. Giải thoát khỏi hết thảy mạng lưới tham ái.

9. Có thể vượt qua rừng rậm, đồng trống vắng sanh tử từ vô thủy.

Trong các thứ lao ngục thì lao ngục sanh tử là thứ nhất, thế nên nói trước.

Mười Nhân:

1. Cung kính nghe pháp đạt được lực xét chọn. Do đấy có thể thọ nhận thắng lợi của việc nghe pháp. Như pháp cầu đạt tài sản, không dùng phi pháp, thấy rõ lỗi lầm tai học của chúng mà thọ dụng.

2. Khéo nhận biết về nẻo xuất ly. Nghĩa là của cải, vật báu bị mất mát không buồn không lo, cũng không oán trách, cho đến nói rộng. Quyến thuộc lìa, hoại, hoặc gặp phải bệnh khổ, không quá buồn than, cũng không sầu não, cho đến nói rộng.

3. Ở trong các dục, thấy rõ lỗi lầm tai họa của chúng, cũng thấy được công đức tối thắng của nẻo xuất ly. Xuất gia thanh tịnh, lìa bỏ mọi tham vướng về ngọa cụ thượng diệu, cho đến có thể chứng đắc các Tĩnh lự vi diệu.

4. Cung kính nghe pháp, mau chóng chứng giải thuận hợp các pháp duyên khởi rộng lớn, thâm diệu, tương tợ. Lại có thể dẫn phát thiện căn lớn lao, hoan hỷ xuất ly. Như đức Thế Tôn nói: "Thánh đệ tử của ta, chuyên tâm nghiêng tai lắng nghe chánh pháp, có thể đoạn trừ năm pháp, có thể tu tập bảy pháp, mau chóng viên mãn"

5. Các Thánh đệ tử cung kính nghe pháp, các pháp Tập hiện có đều thành pháp diệt.

6. Hiểu chánh pháp rồi, xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sanh mất pháp chân chánh.

7. Có thể dẫn thâu chứng đắc quả dự lưu, là tư lương tối thắng, cho đến chứng đắc quả A-la-hán, cùng có thể dẫn thâu quả A-la-hán làm tư lương tối thắng.

8. Có thể dẫn thâu tư lương cho bậc Độc giác.

9. Có thể khéo dẫn thâu tư lương cho đạo quả chánh Đẳng chánh giác vô thượng.

10. Có thể dẫn phát tất cả đẳng chí, đẳng trì, Tĩnh lự giải thoát thế gian xuất thế gian.

Tán thán Phật lược, rộng:

Nghĩa là Sư thuyết pháp, khi sắp khai diễn rộng, trước nên tán thán Phật. Tán thán có hai loại:

1. Tóm lược.

2. Nêu rộng.

Tán thán tóm lược về Phật: Do năm thứ Tướng phải nên nhận biết rõ:

1. Sắc diệu.

2. Tịch tĩnh.

3. Trí thù thắng.

4. Hành chánh.

5. Uy đức.

Sắc diệu: Là ba mươi hai tướng đại trượng phu cùng tám mươi tùy hảo.

Tịch tĩnh: Là khéo có thể ngầm giữ gìn các căn môn, cùng có thể vĩnh viễn trừ sạch các thứ tập khí phiền não.

Trí thù thắng: Nghĩa là đối với các pháp thế gian cùng không phải pháp thế gian, thảy đều không vướng, không ngại.

Hành chánh: Tức các hành chánh về tự lợi, lợi tha đều viên mãn. Uy đức: Nghĩa là các thứ thần thông diệu dụng của chư Như lai. Lại có sáu thứ tán thán tóm lược về Như lai:

1. Công đức viên mãn.

2. Lìa mọi cấu nhiễm.

3. Không có uế trược.

4. Không gì sánh bằng.

5. Chỉ đem lại lợi lạc cho hữu tình là Hành nghiệp.

6. Đối với nghiệp dụng ấy đều có khả năng hành hóa. Phân biệt rộng các nghĩa trên như nơi Phần Nhiếp quyết trạch. Tán thán rộng về Phật:

Nghĩa là đức Phật Thế Tôn có vô biên danh xưng, uy đức vô lượng, có thể hiện bày ánh sáng, phát khởi trí sáng. Có thể trừ bỏ tối tăm, vĩnh viễn diệt hết tất cả mọi nẻo u ám của loài vô trí. Thành tựu mắt sáng, đầy đủ ba mắt, thấy Thắng nghĩa đế, nhận biết rõ các Thánh đế không gì sánh bằng. Thành tựu Giới cấm, Giới viên mãn, Giới kỳ túc. Như thế là bậc tôn quý trong loài hai chân. Trong các bậc điều ngự là tối thắng tối thượng. Trong chúng Sa-môn là thù diệu, tột cùng. Là châu báu khó có được của các thế gian. Như thế là bậc thương xót, là bậc đại bi, là bậc vui vì nghĩa, là bậc cầu lợi ích, là bậc thường bi mẫn.

Như thế là Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp. Nơi nghĩa sáng rõ, có thể khéo quyết định. Phàm có tạo tác đều dựa nơi Nghĩa. Như thế là có thể chứng đắc tất cả nghĩa chưa được chứng. Do trước chứng tám chi Thánh đạo, nên tự nhiên chứng , nên khéo có thể chế lập phạm hạnh thù thắng chưa từng lập. Là bậc nhận biết về Trung đạo, là bậc chứng đạo, là bậc chỉ rõ đạo, là bậc thuyết giảng đạo, là bậc dẫn đường. Như thế là sư tử trong loài người, lìa mọi sợ hãi. Là Ngưu vương trong loài người, điều khiển đại chúng, là bậc nắm giữ cai quản trong loài người, là hàng thượng thủ của đại chúng. Là Long vương trong loài người, không hề nhầm lẫn. Là Ngựa quý trong loài người, tâm khéo điều phục. Là bậc Tối thắng trong loài người, gia thế, tộc họ che trùm cả mọi người. Là bậc Tối thượng trong loài người, giới chánh, trí hành uy đức thắng diệu bao trùm cả muôn vật. Là Hoa sen trong loài người, tám pháp thế gian không thể cấu nhiễm.

Như thế là bậc không ai sánh bằng, vì không gì có thể sánh. Là bậc Vô đẳng đẳng, là bậc so với quá khứ hiện tại vị lai không gì hơn, là tối đệ nhất. Là tối thượng đối với các hữu tình. Là đại tiên vương, Giới hạnh kỳ túc, thời gian dài lâu tích tập phạm hạnh thù thắng, chứng đắc đạo của các bậc Đại tiên xứ đã chứng đắc. Là bậc tối thắng, đối với các thứ Ma như ngoại đạo, phiền não v.v... đều có thể thắng vượt. Là bậc đại Mâu Ni, không hề có các thứ trạo cử, kiêu mạn. Cùng với ba tịch tĩnh tương ưng đầy đủ, nên tất cả sự sanh không thể dẫn đoạt, các thứ dị luận cũng không dẫn đoạt. Là bậc khéo tắm gội, nên vĩnh viễn lìa các pháp Ác. Là bậc đến bờ Giác, nên vượt qua hết thảy mọi thân tướng.

Như Lai ứng chánh đẳng giác như thế, cho đến nói rộng. Là Bạc-già-phạm, như thế là pháp bạch viên mãn. Là bậc Nhất Thiết Trí, chủ là tất cả pháp, pháp không quên mất. Đối với các hữu tình là tối thắng kiên cố, mọi thứ khổ vui không nhiễm loạn nơi Tâm. Là bậc khéo điều phục, vì luôn giữ kín các căn môn hoàn toàn viên mãn. Là bậc tịch tĩnh, vì thọ trì Thi-la luôn

khéo viên mãn. Là bậc an ổn, vì đã hội nhập nơi địa quyết định. Là bậc Bát Niết-bàn, vì đã chứng đắc Bồ đề. Là bậc đã nhổ sạch mũi tên độc, vì đã nhổ hết mũi tên tham ái. Là bậc điều phục pháp chưa điều phục, bậc làm tịch tĩnh pháp chưa tịch tĩnh, như trước đã nói. An ủi tất cả kẻ không an ổn: Là khéo có thể an lập các phàm phu, khiến họ chứng đắc quả dự lưu, Nhất lai.

Làm vắng lặng tất cả pháp chưa vắng lặng: Là khéo có thể kiến lập, trụ nơi hai quả đầu, khiến chứng đắc quả Bất Hoàn và A-la-hán. Là bậc không bị gông cùm, bậc ra khỏi hầm lửa, bậc vượt qua hào sâu, bậc chế lập các thứ cầu đạt, bậc không nghiêng động, bậc bẻ gãy ngọn cờ kiêu mạn, bậc đại thường trụ. Như thế là A-la-hán, các Lậu vĩnh viễn dứt hết, như trước đã nói rộng, cho đến dứt hết các hữu kiết.

Như thế là vĩnh viễn đoạn trừ năm chi, thành tựu sáu chi, nói rộng cho đến Trượng phu tối thượng tích tập thuần thiện.

Như thế là bậc khéo nhận biết pháp, cho đến là bậc khéo nhận biết về hữu tình có hơn kém.

Như thế là Đại Sa-môn, đại Bà-la-môn, lìa cấu, không cấu uế, Lương y, Thương chủ. Là bậc thắng quán, là chỗ dựa của thế gian, là bậc tôn quý của chúng sanh.

Ở đây, lìa cấu: Là đoạn trừ phiền não chướng. Không cấu uế: Là đoạn trừ Sở tri chướng.

Lại, vĩnh viễn dứt sạch tập khí, nên gọi là không cấu uế. Ngày đêm sáu lượt quán xét thế gian, nên gọi là Thắng quán.

Như thế là bậc Nhất Thiết chủng thiện thanh tịnh, là bậc trang nghiêm thân bằng tướng đại Trượng phu cùng các thứ tùy hảo. Là bậc đại lực vì gồm đủ mười lực, là bậc Vô sở úy vì có đủ bốn vô úy. Là bậc đại bi, là bậc đối với ba Niệm trụ khéo trụ nơi Niệm, là bậc thành tựu ba thứ pháp không hộ, pháp không quên mất, vĩnh viễn loại trừ tập khí của tất cả phiền não, là bậc gồm đủ Nhất Thiết chủng Trí vi diệu.

Ở đây, Đại Bi, là trải qua thời gian dài tích tập, nghĩa là Kinh qua ba A-tăng-xí-da đại kiếp mới chứng đắc được.

Lại nữa, dựa duyên nơi tất cả hữu tình, duyên nơi tất cả loại khổ làm cảnh giới, nên đối với hết thảy lợi dưỡng, tổn não, biến dị của tất cả chúng sanh, đều không chuyển đổi. Đối với các hữu tình luôn chuyển hợp bình đẳng.

Lại nữa, ở đây, các Sư thuyết pháp, nên đối với sự an lập như thế để giải thích pháp tướng của kinh. Trước nên tìm cầu hoặc Văn hoặc Nghĩa. Tiếp theo, lại vì kẻ khác chuyển năm thứ giải thích như trước đã nói về đạo

lý giải thích, tuyên thuyết chánh pháp. Lại nên theo sự an lập như vậy, tự thân trước hết là đối với tướng của vị thuyết pháp đã nêu giảng. Nghĩa là mười thứ viên mãn như nghĩa, pháp thiện v.v... Tự an lập như vậy rồi, nên khởi các phẩm loại ngôn thuyết, tức ở nơi năm đại chúng, dùng tám thứ ngôn từ có thể đem lại vui thích như trước đã nói, vì các chúng thuyết pháp. Lại, tạo "an xứ" cho kẻ khác, khiến họ trụ nơi sự cung kính, lắng nghe thuận hợp.

Lại, trước nên tán thán công đức của bậc Đại sư. Nếu có đầy đủ năm phần thuyết giảng chánh pháp như thế, nên biết cũng như năm phần âm nhạc, có thể khiến cho mình người sanh vui thích lớn, lại có thể dẫn phát lợi ích cho tự, tha.

Nếu có thể khéo tu học như thế rồi, nên biết là đã gồm đủ năm thứ thắng lợi:

1. Đối với nghĩa của lời Phật nói, hiểu rõ không khó.

2. Có thể khéo thuyết giảng đầy đủ tướng của các pháp.

3. Có thể khéo phát khởi sự hoan hỷ rộng lớn nối tiếp của mình và người.

4. Có thể dẫn đến nẻo khéo xuất ly, cho đến được khen ngợi khắp trong cõi người, trời.

5. Có thể sanh khởi vô lượng công đức.

Lại nữa, như trong kinh nói, trụ nơi Học thắng lợi, nên biết kinh này, Văn nghĩa là Thể.

Văn: Nghĩa là kinh này nói: "Bí-sô các ông phải nên an trụ, tu học thắng lợi."

Ở đây có mười hai chữ, bốn chữ gọi là một câu. Như vậy tức gồm thâu danh cú tự thân, ngôn thuyết trong đó, là tướng của Học xứ, tức gồm thâu Hành tướng. Ngôn thuyết của Như lai gốc vì Bí-sô thỉnh vấn, tức gồm thâu "Cơ thỉnh". Ngôn âm của Như lai giảng nói, tức gồm thâu nơi Ngữ. Do đó, kinh này một câu gồm thâu đủ sáu Văn. Như thế, Huệ là đứng đầu, cùng trong các câu đều tùy theo tướng nên biết.

Nghĩa: Tức trong nghĩa của địa chỉ nói địa Thanh văn, hoặc đủ năm địa.

Kinh nói Học thắng lợi: Là địa Tư lương. Huệ là đứng đầu: Là địa Gia hạnh. Giải thoát kiên cố, Niệm là tăng thượng: Là địa Kiến, địa Tu, địa Cứu cánh. Đó gọi là Nghĩa của địa.

Ở trong nghĩa của Tướng, Học thắng lợi, là tự tướng của Giới. Huệ

đứng đầu, là gồm đủ hai thứ tướng, tức ở trong trợ bạn, chỗ dựa nơi tự tướng của Huệ, chỉ tự thể của Huệ là tự tướng của Huệ, còn đối tượng duyên, trợ bạn, chỗ dựa của Huệ gọi là cộng tướng.

Giải thoát kiên cố: Nghĩa là vĩnh viễn lìa mọi thứ thô trọng của tất cả phiền não, là tự tướng của giải thoát.

Niệm là tăng thượng: Là tự tướng của Niệm. Đó gọi là Nghĩa của Tướng.

Trong Nghĩa của Tác ý, Học thắng lợi: Chẳng phải các Tác ý, chỉ hiển bày tác ý kiến lập xứ sở. Huệ là đứng đầu, nên biết là Tác ý Liễu tướng thắng giải.

Giải thoát kiên cố: Là hiển thị các tác ý: Xa lìa, gồm thâu lạc, phương tiện cứu cánh, quả của phương tiện cứu cánh.

Niệm là tăng thượng: Nên biết, đây là hiển bày tác ý quan sát. Đó gọi là Nghĩa của tác ý. Do đạo lý này, nên ở trong Trí v.v... nên tùy thuận kiến lập.

Trong nghĩa của xứ nương dựa, dựa nơi Hành thanh tịnh thuộc về Học xứ của Niết-bàn, theo chỗ ứng hợp, phát khởi chỉ dạy dẫn dắt. Đó là chỉ dạy, dẫn dắt cho đến vui mừng. Nên biết ở đây cũng có chung Hành thiện v.v... theo chỗ tối thắng, chỉ nói Hành thanh tịnh.

Hữu tình xuất gia là xứ nương dựa của hữu tình.

Lại, dựa vào tất cả hữu tình như độn căn v.v... phải nên vui mừng. Lại, đối với thời quá khứ, hiện tại phải nên vui mừng đã chứng đắc, đang chứng đắc. Đối với thời hiện tại khởi thị hiện. Đối với thời vị lai khởi chỉ dạy, dẫn dắt cùng tán thán, khuyên gắng. Đó gọi là Nghĩa của xứ nương dựa.

Trong Nghĩa của thắng lợi: Tức tu ba Học, mau chóng được viên mãn là nghĩa của thắng lợi.

Trong nghĩa của lỗi lầm tai họa, tức người xuất gia không nên hành nơi hành khác, không nên để dành các tài sản vật dụng khác.

Trong nghĩa của đối tượng được đối trị, tức là Phạm Thi-la, vô trí, phiền não cùng quên mất niệm. Nên biết giữ gìn Thi-la v.v... tức là Nghĩa của chủ thể đối trị.

Lại, tất cả Hành tạp nhiễm đều là đối tượng được đối trị. Các Hành như ba Học v.v... đều là chủ thể đối trị.

Ở trong nghĩa tóm lược: Tức trụ nơi Học thắng lợi, cho đến Niệm là tăng thượng, đây là lược nêu về Tông, gọi là nghĩa tóm lược. Nên biết, tức

phân biệt điều ấy gọi là Nghĩa nêu rộng. Đó gọi là Nghĩa lược, rộng. Ngoại trừ chúng thì không có gì vượt hơn hay tăng thêm.

Lại nữa, ở trong phần giải thích, Pháp nghĩa là mười hai phần Giáo, nên biết đấy là thuộc về khế kinh, lại là Ký biệt do liễu nghĩa.

Đẳng khởi:

Nghĩa là phải nên nói về xứ sở nương dựa, vì nhằm tự hiển bày lực của Trí biến hành, nên phát khởi Kinh này.

Lại, vì hiển thị sự siêng năng tu tập hành thanh tịnh, cùng hiển thị lần nữa về của cải, lợi lạc, khiến các hữu tình được hóa độ tin hiểu, dựa nơi trụ học thắng lợi, tinh tấn tu tập chóng được viên mãn ba Học thắng lợi.

Lại vì hiển thị Thể của bốn loại Bí-sô, ở đây kinh nói: Học thắng lợi là khiến xa lìa chủng tánh, hiện rõ tướng là Thể của Bí-sô. Cùng khiến xa lìa sự chấp thuận phép tắc hiện có, giữ gìn nghiêm ngặt oai nghi là Thể của Bí-sô. Huệ là đứng đầu: Là khiến xa lìa chấp trước về tiếng khen hư vọng, xưng tán về Thể của Bí-sô. Giải thoát kiên cố, Niệm là tăng thượng: Là khuyên khiến tu tập chân thật, hành đúng đắn là Thể của Bí-sô. Vì sao? Vì nếu có Bí-sô yêu thích tiếng khen v.v..., tuy tự gắng sức nghe nhận chánh pháp, nhưng Huệ không tăng trưởng. Nếu có Bí-sô xa lìa các lỗi lầm đã nêu ở trước, liền ở trong chánh giải thoát thâu nhận hành đúng đắn, chân thật, có thể nhận lấy sự khuyến khích dẫn dắt. Lại vì kẻ đối với các pháp thấp kém sanh biết đủ, nên khuyên họ khiến dần dần tu học tăng tiến. Vì kẻ thích truy cầu, thuận theo văn chương, chú thuật của thế gian, đối với giới luật hành trì chậm chạp, thì nói về Học thắng lợi. Vì người giữ gìn Thi-la, xả bỏ đa văn, thì nói Huệ là đứng đầu. Vì người chỉ đối với Văn, Tư sanh biết đủ, thì nói về Giải thoát kiên cố. Vì kẻ đối với Giới Huệ giải thoát khởi tăng thượng mạn, thì nói về Niệm là tăng thượng. Các loại như thế đều gọi là đẳng khởi.

Nghĩa: Tức trong nghĩa tổng quát, nên biết kinh này tuyên thuyết về Hành chánh cùng quả của Hành chánh. Như thế, ba Học như Giới v.v... nên biết đó gọi là biên vực của Học.

Lại nói: Người trụ như vậy, đây là hiển bày về chánh phương tiện, thuộc về bốn thứ Du-già.

Lại nói: Người trụ nơi ba Học như thế, đây là hiển bày về quả của Hành chân chánh. Ở đây, tin tưởng, mong muốn là trước, thân giữ Thi- la, nghe nhận tinh tấn, Huệ cùng phương tiện.

Ở trong Nghĩa cá biệt, nói về Học là siêng năng tinh tấn, hành như Thánh giáo, hoặc tập hoặc tu, gọi đó là sai biệt. Thân ngữ thanh tịnh, chánh

mạng hiện hành, là tự tánh của Học. Do tu tập hiển phát các Hành chánh về Thi-la, nhẫn nhục v.v... nên gọi là Học. Lại vì tịch tĩnh, cùng vì trong lành mát mẻ, tức tiến tập trừ diệt phiền não, nên gọi là Học. Các loại như thế là giải thoát rõ về danh ngôn.

Lại nên như trước nói về Tướng, Tự tánh, Nghiệp, Pháp cùng

Nhân quả. Trong môn Nghĩa sai biệt, tự tánh sai biệt: Tức Học thắng lợi là hiển thị bảy phẩm Thi-la, hoặc hơn hai trăm năm mươi Học xứ.

Cõi sai biệt: Tức trong Hành của cõi dục có Luật nghi Biệt giải thoát. Trong Hành của cõi Sắc, Vô sắc có Luật nghi Tĩnh lự. Còn Luật nghi vô lậu thì không hệ thuộc nơi cõi.

Thời sai biệt: Nghĩa là Học thắng lợi tức quá khứ đã học, vị lai sẽ học, hiện tại đang học. Học thắng lợi này, nên biết đối với ba đời luôn bình đẳng không khác.

Phần vị sai biệt: Tức hữu tình đã nhập chánh pháp, các Học thắng lợi, người chưa thành thục là phần vị thấp. Người đang thành thục là phần vị trung. Người đã thành thục là phần vị trên. Nếu tâm không vui thích gắng sức tu tập các phạm hạnh, thì Học thắng lợi này là phần vị khổ. Nếu tâm vui thích, không tự gắng sức tu tập phạm hạnh, thì Học thắng lợi này là phần vị lạc. Nếu đối với phạm hạnh, không vui thích, không phải không vui thích, thì Học thắng lợi này là phần vị không khổ không lạc.

Lại, Học thắng lợi đều là phần vị thiện, không phải phần vị bất thiện, không phải phần vị Vô ký.

Nếu nghe nhận, đó gọi là phần vị nghe. Nếu tư duy, đó gọi là phần vị Tư. Nếu tu tập, đó gọi là phần vị Tu.

Nếu chưa chứng đắc Huệ, Tâm tăng thượng, thì chỉ là phần vị Giới tăng thượng. Nếu chứng đắc, cũng gọi là hai phần vị Huệ, Tâm tăng thượng. Các loại như thế là phần vị sai biệt.

Hữu tình sai biệt: Ở đây ý nói về hữu tình xuất gia, hoặc là độn căn, hoặc là lợi căn, hoặc là hành tham v.v... hoặc hành đẳng phần, hoặc hành bạc trần, chỉ là Thanh văn, không phải các độc giác, không phải các Bồ tát. Do các độc giác kia giác ngộ riêng. Bồ tát Giải thoát là kiên cố, nên không nói cùng trụ nơi tu học thắng lợi.

Lại nữa, ở đây chỉ nói người Bát Niết-bàn là pháp, người đã nhập chánh pháp, người không có chướng ngại, cũng là người bị đủ trói buộc không bị đủ trói buộc, không phải không bị trói buộc, chỉ là người, không phải Trời. Các loại như thế gọi là hữu tình sai biệt. Như đối với Học thắng lợi, thì đối với tánh của Huệ là đứng đầu, đối với tánh của Giải thoát kiên

cố, đối với tánh của Niệm là tăng thượng, theo chỗ ứng hợp, nên biết đều có năm thứ sai biệt.

Ở đây, thắng lợi: Là công đức tăng tiến viên mãn, gọi đó là sai biệt. Như nói: Nên quán mười thứ thắng lợi, là tự tánh của chúng. Pháp này có thể tạo được lợi ích, nên đáng khen ngợi, do đó gọi là thắng lợi.

Lại nữa, pháp này xưng tán chỗ tùy thuận, nên gọi là thắng lợi.

Môn sai biệt, nên biết là mười thứ sai biệt. Nghĩa là có thể thâu nhận nơi Tăng, khiến Tăng tinh tấn, thành khẩn, cho đến nói rộng.

Ở đây, Bí-sô: Là Sa-môn lìa bỏ pháp nhà, hướng đến không nhà v.v... gọi đó là sai biệt. Đầy đủ Luật nghi Biệt giải thoát, chúng đồng phận là tự tánh. Nơi hình sắc kia, siêng năng tinh tấn, sợ hãi nẻo Ác, tự phòng giữ, thâu giữ không tổn hại, nên gọi là Bí-sô.

Môn sai biệt: Nghĩa là Sát-đế-lợi v.v... có sai biệt. Tộc họ trên, tộc họ dưới sai biệt. Thiếu niên, trung niên, lão niên sai biệt. Nên biết là môn sai biệt.

Ở đây, Trụ: Là thuận theo nơi thời, tinh tấn tu tập, gọi đó là sai biệt. Tự tánh của trụ này lìa chỗ nói về Học, không có pháp riêng, vô số oai nghi, thâu nhận thời phần, nên gọi là Trụ. Đây là lời chỉ dạy.

Môn sai biệt: Là uy nghi sai biệt. Phần sớm, phần giữa, phần sau sai biệt. Ngày đêm sai biệt. Nên biết, đó gọi là môn Trụ sai biệt.

Ở đây, Huệ: Là Trí kiến làm sáng rõ hiện quán v.v..., gọi đó là sai biệt. Tâm sở hữu pháp xét chọn pháp tướng, là tự tánh. Lời chỉ dạy: Là tánh lựa chọn. Đối trị không trí nên gọi là Huệ. Lại, đều là các phẩm riêng, có thể nhận biết rõ, nên gọi đó là Huệ. Lại có thể hiển bày rõ các thứ thông tuệ, là tánh của thông tuệ, nên gọi là Huệ.

Môn sai biệt: Theo chỗ ứng hợp, an lập như trước.

Ở đây, Giải thoát: Là vĩnh viễn đoạn dứt, lìa trói buộc, thanh tịnh diệt tận, lìa dục v.v..., gọi đó là sai biệt.

Tự tánh: Là thô trọng hoàn toàn được loại trừ, phiền não vĩnh viễn dứt hết.

Lời chỉ dạy: Nghĩa là có thể thoát khỏi vô số sự trói buộc của tham v.v…, nên gọi là Giải thoát.

Lại nữa, đức Thế Tôn vì vô số sự tịch tĩnh nên nêu bày. Ở đây dùng làm thể tánh của tịch tĩnh, nên gọi là Giải thoát.

Môn sai biệt: Là Giải thoát đợi thời, Giải thoát bất động, Giải thoát do kiến đạo đoạn, Giải thoát do Tu đạo đoạn, Giải thoát hành dục, Giải

thoát hành sắc, Giải thoát hành vô sắc. Các loại như thế là Môn nghĩa sai biệt, như trước nên biết.

Ở đây, Niệm: Là Tâm không quên mất, được ghi nhớ sáng rõ, gọi đó là sai biệt.

Tự tánh: Là Tâm sở Hữu pháp.

Lời chỉ dạy: Truy tìm nhớ nghĩ các pháp, nên gọi là Niệm.

Lại, theo chỗ sự việc trải qua, tùy nơi tác ý, do đấy có thể khiến ghi nhớ sáng rõ, nên gọi là Niệm.

Môn sai biệt: Là Tùy niệm Phật, tuỳ niệm Pháp v.v..., cho đến nói rộng về sáu thứ Tùy niệm. Như Niệm trụ sai biệt như thế, nên biết là nói rộng về sai biệt.

Lại nữa, như trước, theo chỗ ứng hợp, nên biết về sai biệt. Lại nữa, ở trong phần giải thích vấn nạn:

Hỏi: Trụ nơi Học thắng lợi có nghĩa là gì?

Đáp: Tăng ngữ này hiển thị đối với Giới học tăng thượng thấy rõ công đức thù thắng an trụ.

Hỏi: Huệ là đứng đầu, là nghĩa thế nào?

Đáp: Tăng ngữ này hiển thị, ở trong các căn, Huệ căn là thứ nhất.

Hỏi: Giải thoát kiên cố, là nghĩa thế nào?

Đáp: Tăng ngữ này hiển thị các thứ phiền não do Kiến đạo, Tu đạo đoạn trừ đã vĩnh viễn dứt hết.

Hỏi: Niệm là tăng thượng, là nghĩa thế nào?

Đáp: Tăng ngữ này hiển thị, đối với pháp ít, thiếu, thấp kém không sanh biết đủ.

Hỏi: Ở trong kinh khác, thứ lớp của ba Học, đức Thế Tôn nói khác. Vì sao ở đây Giới tăng thượng nói sau Huệ tăng thượng, không phải là Tâm tăng thượng?

Đáp: Ở đây là hiển thị về "Trụ Học thắng lợi". Do ngôn thuyết này hiển bày Huệ do Văn v.v... tạo thành, thâu nhận không hối v.v..., do đấy lần lượt đạt được Tam-ma-địa, tức là hiển thị Tâm học tăng thượng. Như đức Thế Tôn nói: Đối với năm căn này, có thể thâu nhận tột bậc về các đối tượng được thâu nhận, đó là Huệ căn. Do các Bí-sô thành tựu Huệ căn, cho đến có thể tu tập định căn, như thế cho đến thành tựu định căn, nên biết đều là lực của Huệ căn. Nay trong kinh này, đức Thế Tôn hiển thị Huệ căn là nhân dẫn khởi Tam-ma-địa, cùng là nhân dẫn đoạn phiền não, nên Tâm học tăng thượng và Huệ học tăng thượng được nói cùng lúc.

Hỏi: Trong Kinh khác, nói tu tập ba Học thắng tiến viên mãn. Vì sao không nói Tâm học tăng thượng, tu tập viên mãn?

Đáp: Như trước đã nói, nên biết ở đây đạo lý cũng thế.

Hỏi: Do đâu ở đây chỉ nói "Trụ học thắng lợi", không nói Trụ Huệ thắng lợi, Trụ giải thoát thắng lợi v.v...?

Đáp: Ở trong phần thấp kém, khuyên giữ lấy thắng lợi. Nên biết cũng khiến cho các hữu tình được hóa độ ở trong pháp thắng diệu thâu nhận thắng lợi. Lại thâu nhận nơi Tăng, khiến Tăng tinh tấn, thành khẩn, cùng với mười thứ thắng lợi sáng rõ, dễ hiểu, dễ có thể ngộ nhập. Do đó chỉ nói "Trụ học thắng lợi".

Hỏi: Phàm là giải thoát, ở trong các pháp là thù thắng bậc nhất. Do nhân duyên nào chỉ nói "Trụ Huệ là đứng đầu", không nói Trụ Giải thoát là đứng đầu?

Đáp: Ở trong phần thấp kém khuyên chọn lấy Tánh đứng đầu. Nên biết cũng khiến cho các hữu tình được hóa độ ở trong pháp thắng diệu thâu nhận tánh đứng đầu. Lại, đối với giải thoát, hiển thị công đức sai biệt không chung. Những gì gọi là công đức sai biệt không chung? Nghĩa là đối với vô thường nơi biên Huệ vô thượng, Giải thoát là thường nên là rất kiên cố.

Hỏi: Những gì gọi là Trụ học thắng lợi?

Đáp: Như đã thiết lập trong các Học xứ, quán mười thắng lợi, luôn giữ Thi-la, giữ vững Thi-la, thường tạo thường chuyển. Như thế gọi là Trụ học thắng lợi.

Hỏi: "Thâu nhận nơi Tăng v.v...", các câu ấy có nghĩa gì?

Đáp: Thâu nhận nơi Tăng: Là câu chung.

Khiến Tăng tinh tấn, thành khẩn: Là khiến lìa thọ dụng biên dục lạc.

Khiến Tăng an lạc: Là khiến lìa thọ dụng biên tự khổ.

Người chưa tịnh tín, khiến tịnh tín. Người chưa nhập chánh pháp khiến nhập chánh pháp. Người đã tịnh tín, khiến được tăng trưởng. Người đã nhập chánh pháp, khiến thành thục. Kẻ khó điều phục, khiến được điều phục. Người phạm Thi-la, khéo tạo sự lìa bỏ, khiến hổ thẹn, trụ nơi an lạc. Người trì giới thanh tịnh, khiến không hối. Người phòng giữ lậu của hiện pháp, tùy thuận dứt trừ triền phiền não. Kẻ loại bỏ Lậu của hậu pháp, nên dừng dứt nguyện tà, tu tập phạm hạnh, tùy thuận đoạn dứt vĩnh viễn tùy miên của Hoặc. Vì khiến cho nhiều người trụ lâu nơi phạm hạnh, chuyển được tăng rộng, cho đến vì các hàng người, Trời, khéo khai thị đúng đắn, là nhằm khiến cho Thánh giáo luôn nối tiếp trong thời gian dài, không bị

đoạn dứt.

Như vậy, mười thứ thắng lợi lược thâu làm ba, tức ba thứ này chia rộng làm mười.

Những gì là ba? Đó là:

1. Khiến Tăng trụ không nhiễm ô.
2. Khiến Tăng trụ được an lạc.
3. Khiến Thánh giáo của Phật tùy chuyển theo thời gian dài.

Ở đây, do bảy thứ Tùy hộ, hiển thị trụ không nhiễm ô cùng trụ được an lạc. Bảy thứ Tùy hộ là:

1. Tùy hộ kính dưỡng.
2. Tùy hộ tự hành khổ.
3. Tùy hộ của cải vật dụng thiếu thốn.
4. Tùy hộ lần lượt cùng tiếp xúc.
5. Tùy hộ Tâm truy biến.
6. Tùy hộ Triền phiền não.
7. Tùy hộ nguyện tà.

Một câu sau cùng là hiển thị Thánh giáo tùy chuyển nơi thời gian dài.

Thế nào là thường giữ Thi-la? Nghĩa là không xả bỏ Học xứ. Thế nào là giữ vững Thi-la? Nghĩa là không hủy phạm Học xứ. Thế nào là thường tạo tác? Nghĩa là đối với Học xứ không có vượt phá.

Thế nào là thường chuyển? Nghĩa là nếu vượt phá rồi trở lại thanh tịnh.

Thế nào là thọ học Học xứ? Là theo học đủ các Học xứ.

Như thế là Hành giả thường giữ Thi-la, giữ vững Thi-la, nghe chánh pháp rồi, ở riêng nơi chốn vắng lặng, giữ niệm tư duy, lường tính, quan sát, vì nhằm hướng cầu Tâm, Huệ tăng thượng, dựa nơi Huệ diệu do Văn Tư Tu sinh khởi, có thể chứng đắc Giải thoát. Tánh của Giải thoát là pháp không thối chuyển, nên gọi là kiên cố, là quả của Thánh Trí xuất thế gian.

Lại, Hành giả này, do lực của chánh niệm, tự quán xét kỹ về uẩn Thi-la của mình là viên mãn chăng? Ta đối với các pháp là có chánh Huệ khéo thông đạt chăng? Ta đối với Giải thoát là khéo chứng đắc chăng? Như thế là nương dựa vào lực của chánh niệm, giữ đủ Học thắng lợi, phát khởi Huệ đứng đầu, chứng đắc giải thoát kiên cố.

Lại, chánh niệm này lược có ba thứ. Nghĩa là hoặc nhân nơi thuyết pháp. Hoặc dựa vào sự chỉ dạy, trao truyền. Hoặc do quan sát nên làm

không nên làm.

Hỏi: Đức Thế Tôn thuyết Giới có vô lượng thứ: Nghĩa là Giới sự thiện, Giới Bí-sô, Giới cận trụ, Giới Tĩnh lự, Giới đẳng trì, Giới được Thánh yêu thích. Các Giới như thế, nay dựa vào gì để nói "Trụ học thắng lợi"?

Đáp: Dựa nơi Giới Bí-sô, do là tối thắng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói Huệ cũng có nhiều thứ. Nghĩa là Huệ do Văn tạo thành. Huệ do Tư tạo thành. Huệ do tu tạo thành. Nay dựa nơi Huệ nào để nói trụ Huệ đứng đầu?

Đáp: Dựa đủ cả ba Huệ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói Giải thoát cũng có nhiều thứ. Nghĩa là Giải thoát thế gian, Giải thoát xuất thế gian, Giải thoát hữu học, Giải thoát vô học, Giải thoát có thể động, Giải thoát không thể động. Các loại như thế, nay dựa vào gì để nói Trụ Giải thoát kiên cố?

Đáp: Dựa nơi Giải thoát xuất thế gian bất động.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói Niệm cũng có vô lượng thứ. Như Niệm đối với thân trụ, Niệm nơi thọ trụ, Niệm nơi tâm trụ, Niệm nơi pháp trụ cùng các thứ Tùy niệm v.v... Nay ở đây, dựa vào Niệm nào để nói Niệm là tăng thượng?

Đáp: Căn cứ theo chỗ thù thắng mà nói, là dựa vào Tùy niệm quan sát nên làm không nên làm.

Lại nữa, ở trong thứ lớp, trước nên an trụ nơi Thi-la của Bí-sô. Tiếp theo, nên nghe nhận chánh pháp của Như Lai. Thứ nữa, nên tác ý tư duy như lý. Hành giả như thế, do trì giới thanh tịnh, không có ưu hối. Do không Hối v.v..., nên lần lượt sanh định. Do chánh phương tiện gồm thâu trí huệ, tác ý như lý chánh tư duy, nên Tâm học tăng thượng mau chóng thành mãn. Như thế gọi là thứ lớp viên mãn. Trước trước sau sau dần viên mãn.

Có thể thành thứ lớp: Nghĩa là do trụ học thắng lợi, có thể thành Huệ là đứng đầu. Do Huệ là đứng đầu, nên có thể thành Giải thoát kiên cố.

Thế nào là có thể đạt được Trụ học thắng lợi? Cho đến có thể thành Giải thoát kiên cố?

Nghĩa là do Niệm là tăng thượng, như thế gọi là có thể thành thứ lớp.

Lại, trụ tu tập ba Học như thế , mau chóng được viên mãn. Đây cũng gọi là có thể thành thứ lớp.

Giải thích thứ lớp: Nghĩa là có thể khéo dạy khuyên đệ tử Thanh văn tất cả các sự nên làm không nên làm, nên gọi là đại sư.

Lại có thể hóa độ, dẫn dắt vô lượng chúng sanh khiến khổ được vắng

lặng, nên gọi là đại sư.

Lại vì diệt trừ ngoại đạo tà uế xuất hiện nơi thế gian, nên gọi là đại sư.

Từ kẻ khác, lắng nghe âm thanh của chánh pháp, lại có thể khiến người khác nghe âm thanh của chánh pháp, nên gọi là Thanh văn.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên chỉ vì Thanh Văn nói "Trụ học thắng lợi" ?

Đáp: Do chúng Thanh văn là những người con chân thật, tùy thuận tu học của Phật, Thế Tôn.

Ở đây, Pháp: Nên biết là tuyên thuyết về danh cú văn thân. Học xứ: Là chỗ nêu rõ về năm tụ hủy phạm.

Đầy đủ sự thương xót: Nghĩa là trong đêm dài sanh tử, nơi trụ xứ của các Hữu tình, luôn hiện bày các tâm vô lượng như Từ v.v...

Gồm đủ đại bi: Là có thể cứu đọ nhiều pháp khổ của vô lượng chúng sanh.

Vui thích nghĩa lợi: Là có thể đem lại cho chúng sanh nhiều pháp lạc.

Cầu lợi ích: Là có thể ban cho chúng sanh vô lượng phẩm loại pháp diệu thiện.

Hằng thương xót: Là có thể nhổ sạch vô lượng các pháp ác, bất thiện của chúng sanh.

Vì khiến cho nhiều người trụ lâu nơi phạm hạnh: Là dựa nơi tộc họ Sát-đế-lợi để nói.

Chuyển tăng rộng: Tức dựa nơi chủng loại hữu tình như thế càng về sau, càng thêm rộng, để nói.

Cho đến vì chư Thiên, người: Nghĩa là dựa nơi các hàng có uy lực kia để nói.

Ở đây, hiển bày chỉ rõ đại bi của đức Thế Tôn là che trùm khắp tất cả, chẳng phải chỉ một phần, là khéo khai thị đúng đắn: Nghĩa là như nơi Tánh hiện có, và tận cùng nơi Tánh hiện có.

Tuyên thuyết chánh pháp: Là mười hai phần giáo, nghe nhận nghiên cứu tìm hiểu, lãnh giữ đọc tụng, ở chốn tĩnh tư duy.

Chánh pháp như thế là có thể khiến ông được lợi ích: Là dựa nơi Giới tăng thượng để nói.

Như thế, có thể khiến cho ông an lạc: Tức là không nương dựa nơi hành không tự tại, gian khó, khổ não.

Như thế, có thể khiến ông được lợi ích an lạc: Nghĩa là người lìa dục, với hành của Tâm tăng thượng, hành của Huệ tăng thượng. Hành này là thiện, nên gọi là lợi ích. Có thể tạo nên lợi ích nên gọi là An lạc.

Lại nữa, nếu ở nơi xứ này, đức Thế Tôn khen ngợi công đức của hạnh đầu đà, đó gọi là lợi ích. Hoặc ở nơi xứ này, đức Thế Tôn cho phép thọ nhận trăm vị thức ăn uống, trăm ngàn y phục, đó gọi là An lạc. Hoặc ở xứ đức Thế Tôn chế lập ba Học, như thế gọi là lợi ích An lạc.

Lại nói đức Như lai ở trong các pháp, dùng các thứ Huệ kia để khéo quán xét: Hoặc vì lợi ích, hoặc vì an lạc, hoặc vì cả lợi ích an lạc, là dựa nơi Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Huệ học tăng thượng để nói. Nên biết ở đây có hai nhân duyên gọi là khéo quán xét:

1. Nơi đêm dài sanh tử thường xuyên hành tập, nhận biết rõ khắp.

2. Giác ngộ đúng đắn, thuận hợp.

Đối với các thứ Giải thoát kia khéo chứng đắc: Là dựa nơi Tâm tăng thượng, Huệ tăng thượng mà nói. Do hai nhân duyên gọi là khéo chứng đắc:

1. Đạt đến cứu cánh.

2. Đạt pháp bất hoàn, pháp không thối chuyển.

Uẩn Thi-la của ta không viên mãn: Là hoặc đối với Thi-la chỉ tu tập một phần, hoặc không nương dựa.

Thi-la viên mãn như thế, tu tập Giới của các địa định.

Ta đối với các pháp không khéo quán xét: Do hai thứ Tướng, như trước nên biết.

Ta đối với Giải thoát không khéo chứng đắc: Do hai thứ chứng đắc, như trước nên biết.

Ta, nơi chỗ nên nói đã nói như thế: Là tổng kết phần trước, tóm lược chỗ nêu lên cùng phân biệt rộng.

Lại nữa, do sáu thứ Tướng, nên phải Giải thích tất cả khế kinh:

1. Nhận biết khắp về Sự.

2. Lìa bỏ hành Ác cùng các phiền não, Tùy phiền não.

3. Thọ học khéo hành.

4. Do các Hành như bệnh v.v..., Trí thông đạt nhận biết khắp.

5. Do nơi quả kia.

6. Do mình và người lãnh nhận quả kia.

Do sáu Tướng này cùng do Tướng đã được kiến lập như trước nên

khéo giải thích tất cả Kinh điển.

Ở đây, Sự: Là Uẩn, Giới, Xứ, Duyên khởi, Niệm trụ cùng Chánh đoạn.

Quả kia: Nghĩa là Chán bỏ, Lìa dục, Giải thoát cùng khắp.

Giải thoát Mình, người lãnh nhận quả kia: Nghĩa là sự sanh của ta đã hết.

Các loại như thế, gọi là Phần Gồm Thâu Giải Thích.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 83

Phần Gồm Thâu Dị Môn 1

Như vậy là đã nói về phần Gồm thâu giải thích: Thế nào là Gồm thâu dị môn? Tụng tổng quát nêu:

Phẩm trắng cùng phẩm đen.
Tuyên thuyết về dị môn
Là khai ngộ nghĩa giác
Tụng lược, chung nên biết.

Tụng riêng nêu:

Sư, đệ nhất nhị Huệ
Bốn thứ cùng khéo nói
Cũng có cả nhân duyên
Đạo Thí, Giới nói rộng.

Ở đây, đại sư, đó là đức Như lai. Sư nối tiếp tức là đệ tử thứ nhất, như Tôn giả Xá-lợi-tử kia v.v...

Nói Tập sư: Tức là Quỹ-phạm-sư, hoặc Thân-giáo-sư, hoặc người đồng pháp, là người có thể khai ngộ, người khiến nhớ nghĩ. Đại sư tức là người lập Thánh giáo. Thiện sư tức là người truyền Thánh giáo. Tập sư tức là người tùy thuận Thánh giáo, "khai, hứa, chế, chỉ" (mở ra, cho phép, chế lập, ngăn cấm) tất cả nên làm không nên làm, thường xuyên chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, chuyển đổi. Nên biết tức là người có thể nêu bày, truyền nói cùng tùy thuyết.

Trừ đuổi tạo tác không nên làm, gọi là "Năng tưởng".

Vui mừng, an ủi tạo tác sự việc nên làm, gọi là "Thắng tưởng". Đối với hai sự trước có thể mở bày, chỉ rõ, gọi là "Chí tưởng".

Theo chỗ sanh khởi tất cả nghi hoặc đều có thể loại trừ, gọi là "Năng đạo". Ố tác ưu hối đều có thể loại bỏ, gọi là "Thắng đạo". Hết thảy phiền não cùng Tùy phiền não đều có thể diệt tận, gọi là "Chí đạo".

Đối với các nghi hoặc có thể đoạn trừ: Tức là nghĩa chưa hiển bày có thể làm cho hiển phát. Nghĩa đã hiển phát thì khiến cho sáng, tịnh. Câu

nghĩa sâu xa dùng Huệ thông tỏ, nên khai thị rộng. Thệ, hứa là làm quỹ phạm, tôn trọng chỗ nương dựa nên gọi là Bạn thứ hai. Bạn tùy chuyển, gọi là thiện hữu. Xưa trước đồng ở nơi nhà, an vui, gọi là tri thức. Cha mẹ, tông thân hệ thuộc cùng nhau gọi là thương xót. Nếu không phải quyến thuộc mà thí ân huệ, gọi là người có ân.

Nói Nghĩa lợi: Tức sự việc được cầu đạt có thể dẫn đến nghĩa lợi.

Vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích nghĩa lợi.

Nói Lợi ích: Tức là hành thiện, vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích lợi ích.

Nói An lạc: Tức là an ổn trụ nơi nghĩa của thân tâm, tăng ích, vui thích vì điều ấy nên gọi là vui thích an lạc.

Dựa nơi lạc của hiện pháp, gọi là vui thích an ổn. Dựa nơi an lạc của hậu pháp, gọi là vui thích an ổn tương ưng.

Nơi tất cả sự hiện bày tùy tùng đúng đắn, nên gọi là tin thuận. Hoặc tức đối với nơi chốn của hữu tình kia mà phát khởi, nên gọi là Tin. Mở bày công đức ấy, cùng với uy lực nơi Huệ thù thắng rồi, tức đối với xứ sở của pháp kia mà khởi thuận theo môn lý, nên gọi là tịnh tín. Tức do sức tăng thượng như thế, nên lông thân như dựng lên, thường khóc rơi lệ. Các sự việc như vậy là tướng của Tịnh tín.

Nghe rõ uy lực của công đức kia xong, ở trong các oai nghi như hành, trụ, thường xuyên tin chúng thật có công đức, nên gọi là tin thuật.

Chỗ gọi là dục: Tức hoặc ở xứ sở ấy vui thích tạo tác, vui thích đạt được.

Nói Tinh tấn: Là phát khởi Gia hạnh với tâm dũng mãnh. Nói thúc đẩy khuyên gắng: Tức đã dũng mãnh rồi, đối với gia hạnh kia chánh cần tu tập.

Nói Cương quyết: Là phát khởi tinh tấn rồi, trọn không biếng nhác bỏ bê, không hoại không thối.

Nói Vượt hơn: Là tinh tấn cẩn trọng.

Nói Uy lực: Là quá phần đêm, hoặc trước đó một canh, mặc áo giáp, nên phát khởi tinh tấn.

Nói phấn phát: Như chỗ mặc áo giáp phát khởi siêng năng tinh tấn, hoặc lại thăng tiến uy lực dũng mãnh. Phát khởi siêng năng tinh tấn thấy rõ thắng lợi hiện có nơi quả kia nên gọi là dũng mãnh. Vào lúc siêng năng tu tập có thể gắng nhẫn thọ mọi thứ lạnh lẽo của mưa gió, nên gọi là dũng cảm. Do khéo nhận biết rõ về trước sau có sai biệt, nên ở trong chỗ chứng

đắc thắng thượng sai biệt kia, sanh tin thuận sâu xa đối với tinh tấn hiện có, gọi là khó chế phục. Ở trong chỗ chứng đắc ít ỏi, thấp kém có sai biệt, tiến tu điều thiện, không khiếp sợ, nên gọi là không biết đủ.

Nói Tâm gắng sức: Nghĩa là đối với tinh tấn, các nơi chốn chướng ngại hiện có, với tất cả phiền não cùng tùy phiền não nơi các sự việc của Ma, tâm luôn luôn xét biết để tĩnh dứt.

Nói thường hằng: Tức ở trong sự Gia hạnh chân chánh ấy, có thể thường tu tạo, không xả bỏ trọng trách.

Nói chánh tín: Nghĩa là đối với lúc đại sư thuyết giảng chánh pháp, nơi chánh pháp ấy đã lắng nghe rồi, đạt được tịnh tín.

Không phóng dật: Là được tin rồi, ở trong việc vui thích xuất ly pháp chướng ngại, luôn phòng hộ nơi Tâm, thường xuyên phát khởi tu tập pháp thiện.

Nói du Già: Là thọ trì đọc tụng, hỏi bàn, quyết trạch, tu tập Gia hạnh đúng đắn.

Nói tư duy: Là theo chỗ thọ trì nghĩa pháp cứu cánh, quan sát xét kỹ.

Nói nhớ nghĩ: Là đối với tất cả nghĩa pháp của chỗ quan sát đều có thể không quên mất. Ở trong chỗ tạo tác, nêu giảng đã lâu xa, có thể tùy niệm đúng đắn.

Nói Tầm Tư: Tức dựa nơi nghĩa của pháp thuận hợp như thế, khởi tầm tư hiện có như xuất ly v.v...

Chỗ gọi là Trí: Tức là Diệu Huệ của gia hạnh xuất thế gian. Gọi là Giải: Tức diệu huệ của chánh thể xuất thế gian.

Gọi là Huệ: Là Huệ xuất thế gian đã chứng đắc, thời gian sau đạt diệu Huệ thế gian.

Nói quan sát: Là do tác ý quan sát không điên đảo. Quan sát xét kỹ đã đoạn, chưa đoạn, hữu dư vô dư.

Nói phạm hạnh: Nghĩa là tám chi Thánh đạo, cùng với sự xa lìa pháp hành tập dâm dục không phải là chánh phạm hạnh.

Lại nói an trụ nơi phạm hạnh khác: Là ba mươi bảy pháp Bồ đề phần. Các pháp ấy do ba xứ thâu nhận. Nghĩa là do:

- Xa-ma-tha.
- Tỳ-bát-xá-na.
- Tu Thân niệm.

Như chỗ ứng hợp về tự tánh, về phẩm loại. Ở đây, tín niệm cùng chung với hai phẩm.

Lại nữa, tức bậc đại sư này cũng gọi là thứ nhất. Hành Tự nghĩa nên cũng gọi là Tôn quý. Hành tha nghĩa nên cũng gọi là Thắng. Hành cả hai nghĩa nên cũng gọi là Thượng. Ngăn cho tất cả các ngoại đạo, nên cũng gọi là vô thượng. Che trùm tất cả Thừa hạ, trung của Thanh văn, Độc giác.

Lại có sai biệt:

- Nói bậc nhất: Là cùng với các thế gian khéo viên mãn.
- Nói là Tôn: Là cùng với các Thanh Văn khéo viên mãn.
- Nói là Thắng: Là cùng với các độc giác khéo viên mãn.
- Nói là Thượng: Là đối với phiền não chướng đã được thanh tịnh.
- Nói vô thượng: Là đối với sở tri chướng đã được thanh tịnh.

Lại có sai biệt:

- Nói bậc nhất: Là đối với Hành dục khéo được viên mãn.
- Nói là Tôn: Là đối với Hành sắc khéo đạt được viên mãn.
- Nói là Thắng: Là đối với Hành vô sắc khéo đạt được viên mãn.
- Nói là Thượng: Là vượt quá tất cả ba cõi thế gian, khéo viên mãn.
- Nói vô thượng: Là đối với xuất thế gian khéo đạt được viên mãn.
- Hữu tình không chân: Như Rắn v.v...
- Hữu tình hai chân: Như Người v.v...
- Hữu tình bốn chân: Như Bò v.v...
- Hữu tình nhiều chân: Như loài có trăm chân v.v...
- Hữu tình có Sắc: Là từ cõi dục cho đến Tĩnh lự thứ tư.
- Hữu tình không Sắc: Là từ xứ không vô biên cho đến xứ phi tưởng phi phi tưởng.
- Hữu tình có tưởng: Là từ cõi dục cho đến xứ vô sở hữu, trừ cõi Trời vô tưởng.
- Hữu tình vô tưởng: Là cõi Trời vô tưởng.
- Hữu tình Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng: Là sanh thiên hiện có của xứ phi tưởng phi phi tưởng.

Như thế là lược nói về phẩm loại sai biệt, hiển thị ba thứ bậc nhất của Như lai. Nghĩa là do cử động, do nương dựa và do Tâm. Lại nữa, có thể đạt được Huệ: Nghĩa là gồm thâu chung tất cả thiện huệ hiện có, có thể dẫn đến nghĩa lợi.

Sanh trưởng, tăng ích Huệ rộng lớn: Là phẩm hạ trung thượng tăng tiến có sai biệt.

Huệ thanh tịnh: Là Huệ đã thành thục do trải qua nhiều thời gian

thường xuyên hành tập từ đời trước.

Huệ thành biện: Là đối với các phiền não đã nhận biết khắp cùng đoạn trừ vĩnh viễn.

Huệ viên mãn: Tức Huệ thiện này đã đạt đến cứu cánh.

Huệ không thối chuyển: Tức Huệ thiện này thành pháp không thối chuyển, xuất ly rốt ráo.

Nói Huệ mẫn tiệp: Là mau chóng nhận biết rõ.

Nói Huệ nhanh nhạy: Là Huệ không bị vướng mắc, trở ngại.

Nói Huệ thông lợi: Là toàn bộ chỗ hiện có, như chỗ hiện có đều khéo nhận biết rõ.

Nói Huệ xuất ly: Là đối với pháp xuất ly, lìa dục thế gian có thể khéo nhận biết rõ.

Huệ quyết trạch: Là đối với các pháp lìa dục xuất thế gian có thể nhận biết rõ.

Huệ thâm diệu: Là đối với các pháp tùy thuận duyên khởi, tương ưng với nẻo không sâu xa, đều có thể nhận biết rõ. Lại đối với hết thảy câu nghĩa thâm diệu đều có thể khéo thông đạt như thật.

Ở đây, Huệ của Như lai có thể chế lập Huệ của Thanh văn v.v..., đối với chỗ chế lập có thể tùy thuận biết rõ.

Lại, đại Huệ: Tức Huệ này, trong thời gian dài thường xuyên hành tập.

Huệ rộng lớn: Tức cảnh giới nơi đối tượng hành của Huệ ấy là vô lượng vô biên.

Huệ không gì sánh bằng: Là các thứ Huệ khác không thể so sánh. Mạt-ni hiển phát nơi báu Tỳ-lưu-ly của Luân vương khiến sáng tịnh. Cùng với điều kia tương ưng, nên gọi là Huệ báu, đều được thành tựu.

Lại, Huệ nhãn: Là Huệ câu sanh.

Nói Huệ minh: Là chỗ dẫn của kẻ khác, tức chỗ dẫn của kẻ khác về Huệ gia hạnh thiện.

Nói Huệ quang: Tức Huệ do Văn Tư gia hạnh tạo thành. Nói Huệ diệu: Tức Huệ này do Tu tạo thành.

Nói Huệ đăng (đèn Huệ): Tức đối với kinh điển thâm diệu do Như lai thuyết giảng đã được khai thị để kiến lập v.v...

Nói Huệ cự (đuốc Huệ): Là đối với giáo pháp, theo lượng, theo thời có thể tùy chuyển.

Nói Huệ chiếu: Tức đối với các thứ pháp hiện có kia, dùng diệu Huệ ấy có thể khéo nhận biết rõ. Tuy đã khéo nhận biết rõ, nhưng tùy theo tha chuyển, chưa Thân chứng.

Huệ không tối tăm: Tức là Thân tác chứng.

Huệ căn kia: Là các Huệ hiện có của sức tăng thượng, đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác, có thể nhận biết rõ khắp.

Nói Huệ lực: Là sức tăng thượng, đối với chỗ chứng đắc sau trước có sai biệt của mình đều có thể nhận biết rõ khắp, do đạo lý của pháp nơi Huệ không thối khuất.

Nói Huệ tài: Là có thể chiêu cảm, dẫn phát mọi sự giàu sang tối thắng tự tại, theo đấy, tự tâm đạt được tùy chuyển.

Lại, Huệ báu này, đối với tất cả tài sản là thù thắng bậc nhất, có thể làm nhân căn bản cho hết thảy của cải, châu báu nơi thế gian.

Như nói Huệ kiếm cùng Huệ đao: Nghĩa là có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả kiết.

Nói Huệ trượng (Huệ như chiếc gậy): Tức có thể phòng giữ từ xa tất cả phiền não nơi Thiên Ma ác.

Nói Huệ bí (Huệ như dây cương ngựa): Tức ý căn buông thả như ngựa nơi đất của hành thiện mà dong ruổi. Huệ không rơi mất, khiến các phần thân không bị tan hoại.

Huệ như bờ tường: Tức đối khắp tất cả, chỉ một môn chuyển. Huệ như bậc thềm: Là đạo Gia hạnh.

Huệ như cung điện: Là đạt đến cứu cánh.

Vì muốn hiển thị ba thứ như bờ tường v.v... lại nói ba thứ, đó là Giới Trí, vô số Giới Trí, không phải một Giới Trí.

Lại, chánh kiến: Là lại có thể thông đạt pháp chân thật.

Huệ Hữu học: Là tác ý như lý, lại có thể dẫn phát Tâm khéo giải thoát, Huệ khéo giải thoát.

Lại nơi thời gian sau, các Huệ hữu học, nghĩa là thuộc quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn.

Các Huệ vô học, tức thuộc về Bồ đề của A-la-hán. Hoặc thuộc về Bồ đề của các Độc giác. Hoặc thuộc về Bồ đề vô thượng tối thắng của chư Như lai.

Thế nào là Giới Trí?

Nghĩa là có thể nhận biết rõ về vô số Giới. Nếu có thể nhận biết rõ về mười tám Giới, gọi là không phải một Giới Trí. Nhận biết rõ về vô số phẩm

loại của Giới kia, gọi là vô số Giới Trí, thông đạt nhận biết về phẩm loại có sai biệt của hữu tình hướng địa nơi Giới kia.

Lại vi tế: Là có thể nhập nơi nghĩa sâu xa, chân thật.

Nói đều xét kỹ: Là gồm đủ khả năng chứng nhập tất cả nghĩa. Nói thông sáng: Là cùng với Huệ dẫn phát tương ưng.

Nói Duệ triết (thông tỏ sáng suốt): Là cùng với Huệ câu sanh tương ưng.

Hoặc lại có thể chuyển đổi mắt này: Là có thể giữ lấy sự việc hiện thấy.

Trí: Là có thể giữ lấy sự việc không hiện. Minh: Là ngộ nhập tận cùng sự việc hiện có. Giác: Là ngộ nhập sự việc như hiện có.

Nói hành Nghĩa: Là thuộc về pháp thiện do Tư tạo thành. Nói hành Pháp: Là thuộc về pháp thiện do Văn tạo thành. Nói hành Thiện: Là thuộc về pháp thiện do thí giới tạo thành. Hành điều nhu: Là thuộc về pháp thiện do Tu tạo thành.

Lại nữa, nói thiện thuyết: Là các Văn, Cú khéo viên mãn. Nói thiện giác: Là có thể khéo hiện bày nghĩa đẳng giác. Nói xuất ly: Là đạo thế gian đoạn trừ các khổ, được xuất ly.

Hướng đẳng giác: Là đạo xuất thế vì vượt khỏi các khổ, nên có thể hiện bày đẳng giác chân thật.

Không sai biệt: Là thầy và đệ tử thuyết giảng về văn nghĩa cùng thấm nhuần nên không trái nhau.

Có Tốt đổ ba (Tháp): Là tất cả ngoại đạo, Thiên ma cùng thế gian khác đều không thể làm cho nghiêng động.

Nói có chỗ dựa: Là gồm đủ bốn y (bốn sự nương dựa) không tan hoại.

Đại sư Như lai ứng Chánh đẳng giác: Là giáo pháp thiện thanh tịnh đã được thuyết giảng.

Các câu ở đây lược hiển bày bốn thứ thiện thuyết pháp. Luật viên mãn tột cùng: Tức hai câu đầu hiển bày Văn nghĩa viên mãn. Hai câu tiếp hiển bày Quả viên mãn. Ba câu tiếp sau hiển bày về Hành viên mãn. Một câu sau cùng hiển bày về Sư viên mãn.

Lại nữa, Pháp của đức Phật Thế Tôn có nhân duyên: Nghĩa là có Duyên khởi, chế lập tất cả Học xứ.

Có xuất ly: Là có phạm rồi, chế lập trở lại như pháp xuất ly.

Nói có chỗ dựa: Là do bốn thứ nương dựa để chế lập, vượt quá tất cả các thứ hủy phạm của Giới ác.

Có siêu vượt: Là chế lập xa lìa hai biên thọ dụng dục lạc và tự Hành khổ, thuận theo sĩ dụng khiến thành tựu.

Có thần biến: Là do ba thứ thần biến đã hiện. Vì khiến mau chóng đạt được thần thông, chế lập không gián đoạn chánh giáo trao truyền.

Lại nữa, Giải thoát xả bỏ: Là hồi hướng Niết-bàn, nên ở trong Quả thí không có chấp, buộc.

Thường buông tay: Là cẩn trọng thí rộng.

Vui thích dứt bỏ: Là trước thí, đang thí, sau khi thí, ý vui vẻ thanh tịnh, không hối tiếc.

Thí cúng tế: Là hoàn toàn như pháp, không dùng sự hung bạo để tích tập của cải, vật dụng. Nơi mọi thời gian, thường xuyên xả thí đủ khắp chốn các vật dụng được thí.

Xả viên mãn: Là đối với phước điền mà phụng hiến.

Ở trong Huệ thí vui thích phân chia khắp: Nghĩa là đối với cha mẹ, vợ con, luôn bình đẳng phân bố.

Như thế, tất cả gồm có sáu Thí:

1. Thí không chỗ dựa.
2. Thí rộng lớn.
3. Thí hoan hỷ.
4. Thí thường xuyên.
5. Thí điền khí.
6. Thí thâu nhận quyến thuộc.

Ở đây là dựa nơi phẩm loại, thời xứ bố thí mà nói. Lại nữa, nói rộng về Giới, Tụng nêu:

Pháp Thi la giáo sanh
Đủ Giới luật nói rộng.

- Nói Thi-la: Nghĩa là có thể đạt tịch tĩnh. Vì tội hủy phạm tịnh giới là phiền não nóng bức. Lại cùng với nghĩa trong lành mát mẻ tương ưng.

- Nói Luật nghi: Là xa lìa tướng của Tự thể.

- Nói Cụ túc: Là thâu nhận chính đáng, không hối.

- Nói Thanh tịnh: Là thâu nhận Tam-ma-địa hiện hành. Lại nói Thiện: Là có thể thâu nhận quả đáng yêu thích.

- Nói không Tội: Là có thể thâu nhận lợi ích tự tha.

- Nói không Hại: Nghĩa là có thể chống trái các sự việc nắm giữ đao gậy, tranh chấp, đánh nhau.

- Nói Tùy thuận: Là tùy thuận chứng đắc các Quả Sa-môn cùng các thứ công đức thù thắng hiện có khác.

- Nói Ẩn giấu: Là thường ẩn giấu pháp thiện của mình.

- Nói Hiển phát: Là thường phát lồ pháp ác của mình.

- Nói Đoan nghiêm: Là thâu nhận đủ các vật dụng trang nghiêm của Sa-môn hiện có như các thứ thiểu dục v.v...

- Nói Phước điền: Là thâu nhận đức viên mãn của tịnh mạng phép tắc thuộc chánh kiến.

- Nói không nóng bức: Là chính thức xa lìa biên tự hành khổ.

- Nói không não hại: Là xa lìa biên thọ dụng dục lạc.

- Nói không hối: Là chính thức xa lìa các sự việc nhiễm ô, lo buồn không vui.

Lại nữa, thiện thuyết pháp: Là thuộc về đạo lý, nên nhận giữ thắng đức.

Tỳ-nại-da: Là thuận theo tất cả phiền não đã vắng lặng.

Gọi là Thánh giả: Là xa lìa hết thảy pháp nhiễm ô xen tạp, khiến chúng không sanh.

- Lại nói Thiện: Là có thể đem đến quả đáng yêu thích, vô tội.

- Nói nên hành tập: Là nên tập gần.

- Nói Lành thay: Là sự xưng tán của các Thánh Hiền.

Lại nữa, nói Giáo sanh: Nghĩa là như có một Hữu tình, cho đến nói rộng về phẩm đen phẩm trắng, nên biết như trong địa có Tầm có Tứ đã quảng diễn.

Lại nữa, nói đủ giới v.v... đều là nói rộng: Nghĩa là an trụ nơi đủ giới, cũng có thể giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát, cho đến nói rộng. Hộ trì kín đáo các căn môn. Hoặc giữ gìn niệm, hoặc thường nhờ vào Niệm, cho đến nói rộng.

Đối với việc ăn uống biết lượng. Đối với các thức ăn uống xét chọn mà ăn. Không vì quá vui thích, không vì kiêu dật, cho đến nói rộng. Tiến dừng, qua lại, chánh tri mà trụ, cho đến nói rộng. Tất cả phần nói rộng như thế, nên biết như nơi địa Thanh Văn.

Lại nữa, nói rộng về đạo, Tụng nêu:

Niệm trụ, Chánh đoạn Thần túc,
Căn lực Giác chi, Đạo chi Vô lượng là sau.

Vì nhằm siêng tu bốn Niệm Trụ, nên phát khởi mãnh liệt phẩm

thượng.

Dục: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các lỗi lầm của tác ý bất chánh.

- Nói Tinh tấn: Là vì đoạn trừ các thứ lỗi lầm của chậm trễ.

- Nói Sách cần: Là vì đoạn trừ các lỗi lầm của hai thứ Tùy phiền não là Hôn trầm, Trạo cử.

- Nói dũng mãnh: Là không tự xem thường.

- Nói dũng cảm: Là có thể kháng cự kẻ địch bên ngoài.

Không thể chế phục: Là đối với phần thiếu sót, thấp kém không sanh biết đủ.

- Nói Chánh niệm: Là không quên chỉ dạy, trao truyền.

- Nói Chánh tri: Là có thể không hủy phạm chỗ đã hủy phạm.

- Không phóng dật: Là không xả bỏ gánh nặng thiện.

- Trụ nơi nóng sáng: Là có thể tu tập pháp đối trị biếng nhác.

- Nói Chánh giải: Là có thể tu tập pháp đối trị hủy phạm.

- Niệm thành tựu đầy đủ: Là có thể tu tập pháp đối trị quên niệm.

- Điều phục thế gian: Là có thể tu tập đối trị đúng tất cả pháp thế gian như Tham, Ưu. Ở đây, hiển thị các Bí-sô siêng tu Niệm trụ phải nên tu tập bốn thứ đối trị.

Lại nữa, ở trong các Chánh đoạn, các Thần túc, các tên gọi của sợ hãi hiện có, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn.

Lại nữa, đối với Như lai, an lập chánh tín, nói rộng nên biết như trong Phần Nhiếp Quyết Trạch. An trụ có uy lực có tinh tấn có dũng mãnh, nói rộng nên biết như nơi địa Bồ tát.

Lại nữa, xét chọn các pháp, xét chọn tột cùng, tầm tứ đủ khắp, quan sát đủ khắp, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn.

Đã được tác ý chân thật, vô lậu, nên duyên nơi cảnh của Thánh đế, tương ưng với tất cả tác ý vô lậu, gọi là Trạch pháp.

Nói xét chọn: Là giữ lấy chung tất cả chủng loại pháp khổ là Khổ Thánh đế.

Xét chọn tột cùng: Là đều phân biệt riêng nhận lấy các khổ, nghĩa là sanh khổ, già khổ v.v...

Hết sức xét chọn pháp: Là dựa nơi xứ này, xét chọn các pháp như khế kinh v.v... Vì sao? Vì nương dựa nơi đấy, nên biết trước tu tập, tạo tác.

Lại xét chọn: Là thẩm định, hiểu rõ.

Xét chọn tột cùng: Nghĩa là thẩm định cùng hiểu rõ. Hết sức xét chọn

pháp: Là thẩm định gần hiểu rõ.

Trước là tìm cầu đạo. Nay là quyết định đạo. Lại có sai biệt: Nói Hiểu rõ: Là đối với sự được nhận biết, tác ý phát ngộ.

Cùng Hiểu rõ: Là đã phát ngộ rồi, theo phương tiện tìm cầu. Gần Hiểu rõ: Là cầu rồi quyết định.

Lại nữa, Huệ sáng rõ: Là phân biệt, nhận biết rõ về Thể.

Thông đạt: Là thông tỏ sự việc được nhận biết. Lại có sai biệt: Huệ sáng rõ: Là nhận biết rõ về tự tướng.

Thông đạt: Là nhận biết rõ về cộng tướng.

Xét kỹ: Là có thể định giữ lấy. Hết thảy chỗ hiện có, như chỗ hiện có, trước sau lần lượt tăng bội rộng lớn.

Giác: Là Huệ câu sanh có thể xét chọn. Minh: Là Huệ do tu tập đạt được.

Huệ hạnh: Là có thể phân biệt tăng thượng, như thọ trì đọc tụng, hỏi bàn, quyết trạch thù thắng. Tức đối với nghĩa kia chuyển tăng sáng rõ, siêng tu tập Huệ.

Tỳ-bát-xá-na: Tức đối với nghĩa đã phân biệt rõ ở trước, quán xét kỹ

Hội nhập: Là trước tầm tư nơi cảnh của đối tượng duyên, tác ý tư duy, tâm hội nhập.

Nạp thọ: Là đối với khả năng thâu nhận kia. Suy tầm: Là giữ lấy các tướng ấy.

Hết sức suy tầm: Nghĩa là giữ lấy các thứ tùy hảo kia. Lại có sai biệt:

Suy tầm: Nghĩa là Tâm tìm cầu.

Hết sức suy tầm: Nghĩa là Tâm dò xét.

Suy tầm tột cùng: Tức đối với chỗ được mất, suy tạo tầm tư, hết sức đối chiếu, tính toán.

Thánh giáo làm chỗ dựa, để khởi tìm cầu, gọi là tầm tư.

Hiện lượng làm chỗ dựa, gọi là tư duy. Tỷ lượng làm chỗ dựa gọi là phân biệt.

Chán lìa: Là ý lạc tăng thượng, ở trong sự xa lìa khởi quyết định. Xa lìa: Là từ nơi biên khác nhận xa lìa.

Tùy lìa: Nghĩa là thọ nhận rồi, sau có thể theo đấy giữ gìn Thi-la kia.

Hoàn lìa: Là lầm phạm rồi, tức có thể như pháp mà sám hối dứt trừ. Từ đấy về sau, Luật nghi lặng dứt, tùy hộ Thi-la. Lặng dứt: Là do gồm đủ sự nhẫn nhục, nhu hòa. Luật nghi: Là do gồm đủ thiểu dục, Tâm từ v.v...

Giữ kín căn môn: Là tự nhiên không tạo tác.

Không tạo tác: Do kẻ khác không tạo tác.

Không hành: Do đang nhận biết rõ không hiện hành. Không phạm: Là không do mất niệm mà hiện hành. Cầu cống: Do đấy làm chỗ dựa để vượt qua pháp Ác.

Thuyền bè: Là dựa nơi sự đối trị, thệ nguyện có thể chuyên chở kẻ si cuồng mất đạo kia, khiến vượt qua pháp chướng ngại, chống trái.

Không vui thích: Là đối với việc xa lìa ý lạc tăng thượng là hết sức đầy đủ.

Không trái vượt: Nghĩa là ở trong tất cả chúng đã học, không hủy phạm, không từ bỏ.

Không khác với trái vượt: Là đối với một phần, không phá hủy, không từ bỏ.

Chỗ gọi là Niệm: Là trụ nơi Tâm.

Nói cùng niệm: Là cùng trụ nơi Tâm kia.

Như thế nói rộng, nên tùy theo chín thứ Tâm trụ sai biệt. Như nơi địa Thanh văn, nên biết về Tướng.

Lại nữa, Tụng nêu:

Trí tuyên thuyết thiện dục
Sáng rõ riêng xa trần
Giải thích như các bệnh
Ngã đoạn hết các sanh
Cùng thiên, chúng sanh đời
Nương nơi Ngã tạo tác.

- Trí: Là Huệ nghe ngôn thuyết là trước hết.
- Kiến: Là Huệ thấy ngôn thuyết là trước hết.
- Giác: Là Huệ biết ngôn thuyết là trước hết.
- Tri: Là Huệ nhận rõ ngôn thuyết là trước hết.
- Trí: Là nhận biết cảnh không hiện thấy.
- Kiến: Là thấy cảnh trước hiện tại hiện thấy.
- Minh: Là hiểu trái với Vô minh.
- Giác: Là Trí của nghĩa thật có.
- Giác: Là Trí không tăng ích, không phải thật có.
- Huệ: Là Huệ câu sanh, sanh đắc.
- Minh: Là Huệ do hành tập gia hạnh tạo thành.

Hiện quán: Là đối với pháp hiện quán bên trong rồi, ở trong các pháp thảy đều hiện thấy, không duyên nơi Trí kẻ khác.

Lại nữa, tuyên thuyết: Là nhân kẻ khác thưa hỏi, vì họ ký biệt.

- Thiết lập: Là do lời nói và dục, thứ lớp nêu ra khắp về danh cú văn thân.

- An lập: Là thứ lớp nêu ra khắp, rồi tóm lược vì kẻ khác giảng nói.

- Phân biệt: Là lược nói rồi phân biệt, khai thị, giải thích nghĩa lý sâu xa.

- Khai thị: Là kẻ khác lần lượt sanh nghi hoặc, đều có thể trừ bỏ.

- Hiển phát: Là tự thông đạt về câu nghĩa sâu xa, vì kẻ khác hiển bày chỉ rõ.

- Giáo: Là không nhân kẻ khác phát khởi thỉnh vấn, do thương xót nên thuyết pháp, khai thị.

- Khai thị khắp: Là diễn nói không gián đoạn, không tạo nên vị thầy nhỏ bé, không chỗ ẩn giấu.

Lại nữa, phần đầu thiện: Là lúc lắng nghe sanh hoan hỷ.

Phần giữa thiện: Là lúc tu hành không có gian khổ, xa lìa hai Biên, dựa nơi trung đạo hành trì.

Phần sau thiện: Là lìa các thứ cấu uế, hết sức rốt ráo. Cùng tất cả lìa dục rốt ráo là Biên sau.

Nghĩa diệu: Là có thể dẫn phát lợi ích an lạc.

Văn khéo léo: Là khéo nối kết Danh thân v.v... cùng ngữ đầy đủ viên mãn.

Thuần nhất: Là không cùng chung với tất cả ngoại đạo. Viên mãn: Là không hạn lượng, hết sức tôn thắng.

Thanh tịnh: Là tự tánh Giải thoát. Trắng sạch: Là Giải thoát tương tục.

Phạm hạnh: Là tám Thánh đạo chi. Nên biết đạo này do thuần nhất cùng chỗ nêu rõ của bốn thứ diệu tướng.

Lắng nghe rõ: Nghĩa là đối với pháp của tướng như thế, khuyên khiến nghe kỹ.

Nên khéo khẩn khoản: Là khuyên khiến tư duy như lý, cẩn trọng, không điên đảo, không gián đoạn.

Lại nữa, mong muốn mãnh liệt: Nghĩa là ta do đâu, ở nơi xứ sở kia, cho đến nói rộng.

Ái mãnh liệt: Là ở trong chỗ tu gia hạnh đúng đắn.

Vui thích mãnh liệt: Là đối với vị thuyết giảng cùng với đại sư luôn tôn trọng.

Tin mãnh liệt: Là đối với sự chỉ dạy, trao truyền giáo pháp.

Lại nữa, có thể sáng rõ: Là vì mau chóng chứng đắc Thông Huệ, trọn không tự vô sự, kéo dài, sau mới phát khởi siêng năng tinh tấn. Thuận-du-già: Là tùy theo giáo pháp tôn quý hoặc bằng hoặc hơn mà tu Gia hạnh, trọn không giảm, kém.

Có thể vĩnh viễn đoạn trừ: Tức có thể tu tập đối trị phiền não. Có thể ở nơi vắng lặng: Là dựa vào biên vực ngọa cụ hiện có, xa lìa mà ở, tu Tam-ma-địa khiến hiện tiền. Dựa nơi Tam-ma-địa tu tập đối trị.

Lại nữa, Riêng một mình: Là hành xử xa lìa biên vực ngọa cụ, không có loại thứ hai, nhưng an trụ.

Nói xa lìa: Tức là các tác ý nhiễm ô, Vô ký không hiện hành.

Không buông thả: Nghĩa là đối với các Tầm Tư về pháp Ác như dục v.v..., luôn phòng hộ Tâm, lại ở trong pháp thiện, tự an xử.

Nói sáng rõ: Tức như trước đã nói.

Nói phát khiển: Là dứt trừ năm thứ ngăn che (Cái), bên trong giữ lấy Tâm. Lại do đấy nên phát khởi, thúc đẩy khiến Tâm hướng tới xứ an ổn vô thượng.

Lại nữa, xa lìa phiền não cấu uế: Bụi bặm (phiền não): Là ngã mạn có gián đoạn, không gián đoạn hiện chuyển, có thể gây chướng ngại nơi hiện quán của Trí đã sanh, chưa đạt cứu cánh.

Cấu uế: Là phẩm kia cùng những thô trọng hiện có của phẩm do kiến đạo đoạn, đều khiến chúng vĩnh viễn không còn nên gọi là xa lìa phiền não cấu uế.

Lại nữa, bụi bặm: Đó là Ngã mạn cùng tất cả phiền não do kiến đạo đoạn.

Cấu uế: Là hai thứ thô trọng hiện có.

Ở trong các pháp: Tức ở trong tự tướng, cộng tướng nơi pháp đã trụ

Nói Pháp nhãn: Là hiện chứng như thật chỉ có pháp Huệ. Nói thấy pháp: Là đối với khổ v.v…, thấy đúng như thật.

Nói đắc pháp: Là theo đấy chứng đắc quả Sa-môn.

Nói biết pháp: Nghĩa là chứng đắc rồi, đối với chỗ chứng đắc ấy có thể tự nhận biết rõ ta là dự lưu, ta đã chứng đắc pháp không thối đọa.

Pháp chí thành: Là lực tăng thượng của Hiện quán về đế nên đạt được chứng tịnh. Đối với Phật Pháp Tăng cùng Giới do tự mình đạt được, được bậc Thánh yêu thích, dùng chánh tín, hành chí thành như thật.

Vượt qua Hoặc: Là đối với chỗ tự chứng đắc.

Vượt qua Nghi: Là đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác. Không phải Duyên nơi kẻ khác:

Là đối với chỗ tự chứng đắc trong pháp này, không phải chỉ tùy theo kẻ khác để lắng nghe.

Không phải chỗ dẫn dắt khác: Là đối với Thánh giáo hiện có của Đại Sư, không bị dị luận của tất cả ngoại đạo dẫn đoạt.

Ở trong các pháp đạt vô sở úy: Là đối với chỗ tự chứng đắc, nếu có kẻ khác cật vấn, không hề sợ hãi.

Nói Nghịch lưu: Là đã lên Thánh đạo.

Nói Hướng tới: Nghĩa là ghi nhận thần thông cứu cánh, đi đến, hướng tới, không còn thối chuyển.

Lại có sai biệt, nên biết kiến lập hai thứ pháp thế tục và thắng nghĩa.

Lại nữa, như nói có bệnh, cho đến nói rộng.

Thế nào là hiển thị pháp kia như bệnh v.v...? Không phải chỉ nói pháp kia giống như bệnh nặng, cho đến nói rộng.

Nhưng người tu hành, trước dùng hành như thật như vô thường v.v... ở trong sự việc kia, chê trách đúng như thật, khởi tư duy: Đây như là bệnh, rất đáng chán lìa. Vì muốn cùng với pháp kia không hòa hợp, thế nên tiếp theo nói Hành vô thường v.v..., hiển thị đúng như thật, quan sát về Quả kia.

Nói vô thường: Là hiển hiện sanh thân cùng với sát-na đều lần lượt thay nhau.

Sát-na lần lượt thay nhau: Do các sự tiếp xúc, dấy khởi kia đều hết, nên các thứ thọ nhận dấy khởi kia đều thấy sự tương tục này. Do chẳng phải là không hiện thấy, không phải duyên nơi Trí khác. Chỗ gọi là khổ: Có hai thứ khổ. Nghĩa là các khổ như sanh v.v... cùng các Thọ hiện có đều nói là khổ. Hai thứ khổ này, như chỗ ứng hợp, do thấy sanh thân lần lượt có, nên được ngộ nhập. Nghĩa là Tử không gián đoạn có sanh thân sinh, sinh rồi lại có các khổ như Già v.v..., do đó nói là vô thường. Nên khổ do thấy sanh thân lần lượt có, nên ngộ nhập tánh khổ.

Thế nào là các Thọ hiện có đều nói là khổ?

Nghĩa là các Lạc thọ biên hoại nên khổ. Tất cả khổ thọ sanh trụ nên khổ. Phi khổ lạc thọ. Thể là pháp vô thường diệt hoại, nên nói là khổ.

Ở đây, Lạc thọ do vô thường nên tất có biến hoại. Hết thảy khổ thọ do vô thường nên sanh trụ nối tiếp đều khởi khổ. Phi khổ lạc thọ đã diệt hoại do vô thường nên nói đó là khổ.

Pháp diệt hoại đã sanh khởi cũng gọi là khổ. Pháp diệt hoại này với hai chỗ theo đuổi kia, cùng với hai tương ưng, nên cũng gọi là khổ. Thế nào là nên quán Lạc thọ là khổ? Nghĩa là do thọ này là Tùy miên Tham. Do Tùy miên nên phải nhận lấy khổ nơi vị lai. Ở trong hiện pháp có thể sanh Hoại khổ. Như vậy, nên quán Lạc thọ là khổ.

Thế nào là nên quán khổ thọ như mũi tên? Nghĩa là như mũi tên độc, cho đến hiện tiền thường não hoại.

Phi khổ lạc thọ, Thể là pháp vô thường, diệt hoại: Nghĩa là đã diệt tức là vô thường, chưa diệt là pháp diệt hoại. Nếu vô thường, từ đấy lại sanh hoặc lạc hoặc khổ. Pháp diệt hoại thì trọn không giải thoát hai thứ khổ, lạc.

Chỗ gọi là Không: Là pháp chân thật, không thường không hằng, không gì là không biến dịch.

Nói Vô ngã: Là xa lìa ngã, là các duyên sanh, là không tự tại Lại nữa, Giải thích: Là có thể hiển thị tự tánh kia.

Khai thị: Tức là hiển thị điều này nên nhận biết khắp, điều này nên vĩnh viễn đoạn trừ v.v... có sai biệt.

Hiển bày rõ: Nghĩa là có thể hiển thị chỗ thành lỗi lầm do hoặc không đoạn trừ vĩnh viễn, hoặc không nhận biết khắp.

Liễu: Là Tác ý liễu tướng. Giải: Tức là Tác ý thắng giải. Tri: Nghĩa là Tác ý xa lìa v.v...

Cùng hiểu rõ: Là hiểu rõ về Tự tướng. Gần hiểu rõ: Là hiểu rõ về Cộng tướng.

Trí sáng hiểu rõ: Là hiểu rõ về chỗ hiện có. Thông đạt: Là hiểu rõ như chỗ hiện có.

Tiếp xúc: Nghĩa là đối với tám Thánh đạo chi, thuộc về phạm hạnh.

Tác chứng: Là đối với Niết-bàn của Quả kia.

Lại nữa, Ngã: Là đối với Ngã, Ngã sở của năm Thủ uẩn, thấy hành hiện tiền.

Nói Hữu tình: Nghĩa là các Hiền thánh nhận biết rõ như thật chỉ có pháp này, lại không có khác. Lại đối với pháp kia có tham ái, chấp trước.

Nói Ý sanh: Tức đây là Tánh chủng loại của Ý.

Ma-nạp-phược-ca: Nghĩa là nương dựa nơi Ý, hoặc cao hoặc thấp.

Nói nuôi dưỡng: Là có thể tăng trưởng nghiệp của Hữu sau. Có thể tạo tác tất cả dụng của sĩ phu.

Bổ-đặc-già-la: Là có thể thường xuyên đi đến nhận lấy các nẻo sanh tử không chán đủ.

Nói Mạng: Là thọ mạng hòa hợp hiện sống còn. Nói Sanh: Là pháp hiện có như Sanh tử v.v...

Lại nữa, nên đoạn trừ các Ái, dứt bỏ các Kiết: Nghĩa là, lúc vừa đối với Thánh đế đạt được Hiện quán, liền có thể đoạn trừ vĩnh viễn ba Kiết, đối với Ái của Hữu sau nơi tất cả xứ không còn hiện hành nữa. Hành giả kia, vào thời gian sau thường xuyên siêng tu tùy quán sanh diệt. Lại có thể đoạn trừ vĩnh viễn rốt ráo các Mạn, do đó nói là "Có thể tu tập đúng đắn, đoạn trừ hoàn toàn các Mạn". Là hiện quán chân chánh, nên Tùy miên Ái kia, hết thảy đều đoạn dứt hẳn. Do nhân duyên này, các khổ của vị lai, các pháp của Hữu sau, không còn hiện trở lại nữa. Lại có thể hoàn toàn tạo được biên vực tận cùng của khổ.

Lại nữa, sự sanh của ta đã hết: Tức là Hữu thứ tám.

Phạm hạnh đã lập: Là đối với Thánh đạo, tu tập rốt ráo nên không còn thối mất.

Việc làm đã hoàn thành: Nghĩa là hết thảy Kiết đã hoàn toàn trừ bỏ sạch, tất cả đạo quả đã chứng đắc.

Không thọ Hữu sau: Là đối với bảy Hữu cũng vĩnh viễn dứt hết. Lại, sự sanh của ta đã hết: Có hai thứ sanh;

1. Sanh của Sanh thân. Đây như trước đã nói.
2. Sanh của Phiền não. Đây thì mỏng, nhỏ nên cũng gọi là hết.

Đây tức "Ký biệt" về hai quả đầu.

Phạm hạnh đã lập: Tức là Quả Bất hoàn. Phi phạm hạnh như

Tham thì đây đã vĩnh viễn đoạn dứt.

Việc làm đã hoàn thành, không thọ Hữu sau: Là quả A-la-hán.

Nên biết ở đây là "Ký biệt" về bốn thứ Hành tướng hiểu rõ.

Lại nữa, cùng Thiên thế gian: Là câu nêu chung. Ở đây có hai thứ:

1. Cùng với Ma.
2. Cùng với Phạm. Cùng với Sa-môn, Bà-la-môn.

Chúng sanh: Nghĩa là các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, sanh trong cõi người, mong cầu Ma, Phạm mà tu hành.

Cùng chư Thiên, nhân, chúng sanh: Là ở trong cõi Trời, trừ Ma cùng

Phạm. Ở trong cõi người, trừ Sa-môn, Bà-la-môn.

Như thế là tổng kết về giải thoát ba buộc, xuất ly dục tham.

Lại, Tỳ-nại-da đoạn siêu vượt: Là Tỳ-nại-da, do tác ý liễu tướng thắng giải, đoạn trừ do tác ý xa lìa v.v... siêu vượt do tác ý phương tiện Quả cứu cánh.

Nói Ly hệ: Là lìa chín Kiết.

Nói Giải thoát: Là Giải thoát tất cả sanh, lão v.v...

Lìa điên đảo: Là do Kiến đạo.

Chỗ gọi là nhiều: Là do Tu đạo. Do tu tập nhiều tu đạo kia nên gọi là nhiều.

Nói Lợi ích: Là các Hành thiện. Nói An lạc: Là hành không tổn não.

Nói Thương xót: Là như có một hữu tình, do các Hành thiện, hành không tổn não, thương xót đối với kẻ khác, là sự việc được cầu mong, có thể dẫn đến nghĩa lợi, nên gọi đó là Nghĩa. Đáng yêu thích, không có tội.

Vì lợi ích an lạc:

Nghĩa là đối với sự việc kia, dấy khởi hành thiện hiện có, hành không tổn não.

Chỗ gọi là người: Nghĩa là hàng Sát-đế-lợi v.v... Hoặc có khi nhân Phật xuất hiện thế gian, khéo thuyết giảng chánh pháp, Tăng khéo tu hành, có thể tạo nhiều lợi ích, có thể đem lại nhiều an lạc. Hoặc chỉ tạo lợi ích an lạc, vì thương xót thế gian. Hoặc chỉ vì kẻ khác tạo lợi ích an lạc. Hoặc vì cả hai thứ. Do đó nói là nghĩa lợi kia tạo lợi ích an lạc.

Ở đây chỉ nói Trời và Người: Vì hai loại ấy có uy lực, có thể hiểu rõ về nghĩa kia, tu tập hành chánh.

Lại nữa, nương dựa: Nghĩa là năm Thủ Uẩn cùng với sự thọ nhận thuộc về bảy thứ, tức là cha mẹ cùng vợ con v.v...

Chỗ gọi là Thủ: Nghĩa là các dục tham cũng gọi là Thủ. Do không an lập cùng an lập nên nói có bốn Thủ tâm. Xứ dựa: Nghĩa là bốn Thức trụ.

Nói Thức Trụ: Tức là các phiền não có thể hướng tới chỗ dựa, tức gọi là Triền. Phẩm thô trọng kia gọi là Tùy miên. Như thế gọi là nương dựa. Xứ nương dựa của Thủ tâm, chấp trước Tùy miên ở trong Hữu Thức thân này cùng tất cả tướng bên ngoài: Nghĩa là ở trong tướng nơi cảnh giới thuộc nhân duyên của Ngã, Ngã sở, Ngã mạn chấp trước tùy miên.

Lại nữa, Hành của Ngã, Ngã sở: Tức là Tát-ca-da-kiến.

Nói Ngã mạn: Tức Mạn này, tức các Triền kia gọi là chấp trước. Tức thô trọng kia gọi là Tùy miên. Chấp trước phần nhiều là các ngoại đạo. Tùy

miên thì chung cả hai.

Lại nữa, Tụng nêu:

Như lai, tưởng vô thường
Để sa sợ vô vi
Không có, không tương tục
Không vô thường, vô dư.

Như lai Ứng đẳng chánh giác v.v... Như kinh đã phân biệt.

Chỗ gọi là Ứng: Là Ứng cúng dường. Minh hành viên mãn: Đó là ba Minh bao trùm Hành, Hành hành thảy đều viên mãn. Lại, bốn thứ pháp của Tâm tăng thượng nơi hiện pháp lạc trụ thảy đều viên mãn. Trước là Hành hành, sau là Hành trụ.

Ở đây, nghiệp thân ngữ ý thanh tịnh hiện hành. Chánh mạng là hành viên mãn. Giữ kín căn môn, là ngăn chận viên mãn. Do hai thứ này hiển thị ba thứ Bất hộ, pháp không quên mất của Như lai. Do không tạo lỗi lầm, nên Tĩnh lự thế gian ngăn chận tự hành khổ.

Nói Thiện Thệ: Nghĩa là ở trong đêm dài sanh tử luôn gồm đủ tất cả thứ nơi hai công đức tự lợi lợi tha.

Thế gian giải: Nghĩa là đối với tất cả chủng loại hữu tình nơi thế gian cùng khí thế gian đều khéo thông đạt. Do khéo ngộ nhập hữu tình thế gian làm chỗ dựa. Biên vực trước sau, Túc trụ, Sanh tử làm chỗ dựa, tất cả thời có tám vạn bốn ngàn hành sai biệt. Đối với khí thế gian, nghĩa là mười phương thế giới như phương Đông v.v... với vô biên thành hoại đều khéo nhận biết rõ.

Lại đối với các pháp của thế gian, tự tánh, nhân duyên, Ái vị, lỗi lầm tai họa, nẻo xuất ly, hành có thể hướng tới v.v... đều khéo nhận biết.

Vô thượng trượng phu, điều Ngự sĩ: Là Trí không gì sánh bằng, không gì vượt hơn. Ở trong hiện pháp là đại trượng phu, đa phần điều phục vô lượng trượng phu, là tối đệ nhất, là tôn thắng tột cùng.

Thiên nhân sư: Do thiên nhân kia hiểu rõ nghĩa thâm diệu, siêng tu hành chánh đáng, có năng lực.

Nói Phật đà: Nghĩa là đoạn trừ rốt ráo tất cả phiền não cùng các tập khí, hiện đẳng chánh Giác là đạo quả Bồ đề vô thượng.

Bạc-Già-Phạm: Là thản nhiên an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, tự nhiên có uy lực lớn, trừ diệt hết thảy quân Ma.

Ở đây, Như lai là nêu bày chung, đầu tiên. Ứng chánh đẳng giác, nghĩa là vĩnh viễn giải thoát tất cả Phiền não chướng cùng Sở tri chướng.

Ở trong chỗ riêng, lược có hai thứ, đó là đức chung và đức không chung. Nơi đức chung lại nói giải thoát các Phiền não chướng và Sở tri chướng. Từ câu Minh Hành viên mãn v.v... còn lại là đức không chung.

Lại nữa, ở trong tưởng vô thường nơi Tố-đát-lãm tu trì, nghĩa là hoặc tu hoặc tập, cho đến nói rộng. Tu quả nghĩa là tất cả dục tham, cho đến nói rộng. Tu sai biệt nghĩa là thí dụ sai biệt. Tu phương tiện, nghĩa là hoặc trụ nơi A-luyện-nhã cho đến nói rộng.

Ở đây, hoặc Tu: Nghĩa là do Tác ý liễu tướng. Hoặc Tập: Nghĩa là do Tác ý Thắng giải.

Nhiều tu tập: Nghĩa là do các Tác ý còn lại.

Lại, hoặc Tu: Nghĩa là đối với sự việc của đối tượng nhận biết, phát khởi hướng tới.

Hoặc Tập: Là tu Gia hạnh cẩn trọng không gián đoạn. Nhiều tu tập: Là ở trong thời gian dài tu tập thành thục. Là xứ: Là tạo chỗ dựa.

Là sự: Là tạo đối tượng duyên. Tùy thuận: Là do tác ý tư duy.

Thường xuyên tập: Là được theo chỗ mong muốn, không gian khó.

Khéo thâu nhận: Là lắng nghe chánh pháp.

Khéo phát khởi: Là đối với bên trong, tác ý tư duy như lý. Lại khéo thâu nhận: Là tác ý cẩn trọng.

Khéo phát khởi: Là tác ý không gián đoạn. Lại, khéo thâu nhận: Là đạt đến cứu cánh. Khéo phát khởi: Là gia hạnh chánh đáng. Tùy thuận dục tham, nên nói về Trạo cử.

Tùy thuận sắc tham, nên nói về Mạn. Thuận vô sắc tham, nên nói Vô minh. Dứt trừ cội rễ: Là diệt trừ Tùy miên.

Bẻ gãy cành nhánh: Là pháp thiện của địa dưới, do tùy miên kia đã đoạn dứt, không tăng trưởng. Dùng Tưởng vô thường làm đối tượng duyên, hiển thị tưởng vô thường. Tự tâm tác ý quán vô thường.

Đài gác: Là giải thoát cùng hành với tưởng vô thường. Rường cột: Là dựa nơi nhân kia.

Dấu chân voi: Là đối với các tưởng như Bất tịnh là bậc nhất, vì đối tượng duyên rộng lớn.

Lưu chú: Là nhân giải thoát cùng hành với Tưởng vô thường, có thể hướng đến Niết bàn.

Mặt trời xuất hiện: Nghĩa là có thể đối trị Vô minh tối tăm. Như Luân vương: Là tưởng vô thường của bậc vô học.

Như Thành vương: Là các tưởng còn lại.

Lại, hoặc ở nơi A-luyện-nhã, hoặc ở nơi cội cây, hoặc ở nơi nhà trống vắng, hoặc ở nơi khoảng đất trống. Do chọn lấy cội cây là để ngăn che v.v... Tức gồm thâu việc xa lìa tất cả ngọa cụ.

Chỉ có tánh của Sắc là vô thường: Tức là chỉ có Sắc, hoàn toàn không có Ngã. Như thế là tu Gia hạnh đúng đắn.

Lại nữa, lược có bốn thứ chướng ngại đi đến đạo, hai thứ đạo. Nghĩa là do nghi nên không thể phát khởi, hướng tới. Tuy lại phát khởi, hướng tới, nhưng do Tầm Tư tà vạy nên đi đến xứ khác. Do tầm tư của phần tà thấy hành, nên tuy không có sự việc này, nhưng không thể gắng nhận sự chỉ dạy, khuyên bảo trao truyền.

Chỗ gọi là Phẫn: Là kẻ khác can ngăn lúc tranh chấp.

Nói khổ não: Nghĩa là người xuất gia không được tự tại, nơi các hành thô xấu, khó khăn, cấm đoán.

Nói không vui thích: Là các sự giận dữ xen tạp. Hai thứ này cũng như hầm, khe.

Lại, hai thứ ấy có thể tạo chướng ngại nơi đường đi. Tuy không có sự việc ấy, nhưng do lợi dưỡng cùng sự cung kính, nên vào nơi "sơn lâm" có thể bị chướng ngại.

Nói Mãnh liệt: Là ở nơi rừng rậm sâu. Vì sao? Vì tuy xả bỏ sự việc đã thâu nhận, nhưng không thể xả bỏ chốn ấy.

Lại nữa, nói có sợ hãi: Nghĩa là có giặc trộm cùng kẻ gian trá.

Nói có lo sợ: Nghĩa là đi vào chốn rừng rậm, có các thứ khủng bố của thú dữ cùng phi nhân.

Nói có đâm, chích: Là tất cả xứ có nhiều độc hại đâm, chích. Nói lạc đường: Là đi đến xứ khác.

Nói đường xấu: Là không bằng phẳng.

Năm thứ như thế là hiển bày lỗi lầm của đường đi.

Gian dối hướng đến nẻo Ác: Là hiển thị lỗi lầm của nẻo, cõi.

Lạc đường, đường xấu mà đi, cùng thân cận không phải bậc thiến sĩ: Là hiển thị lỗi lầm hiện có của hữu tình có thể đi đường. Các thứ giặc trộm v.v... gọi là không phải bậc thiện sĩ.

Lại nữa, không động: Nghĩa là tất cả tướng đều xa lìa.

Không chuyển: Là tham ái đã dứt hết, nơi các cảnh giới không còn chuyển biến.

Khó thấy: Là sâu xa.

Cam lồ: Là sanh lão bệnh tử đều vĩnh viễn dứt hết.

An ổn: Là vượt qua các tai họa, sợ hãi của tất cả người cùng phi nhân.

Trong lành mát mẻ: Là tất cả khổ não đều vắng lặng, nên hết sức trong mát.

Sự việc thiện: Là cảnh nơi đối tượng duyên của hiện pháp lạc trụ.

Hướng đến an lành: Là đoạn trừ tất cả phiền não nơi cảnh của đối tượng duyên.

Không sầu lo: Là vượt quá tất cả Ái, phi Ái. Lại, chứng đắc rồi không hoại mất.

Không chết mất: Là thường trụ nên không thối chuyển.

Không bùng cháy: Là thanh tịnh.

Không nhiệt não: Là chỗ mong muốn bị thiếu thốn vĩnh viễn dừng dứt.

Không bệnh: Là tất cả bệnh, các ung nhọt đều hoàn toàn vắng lặng.

Không động loạn: Nghĩa là mọi thứ động loạn đều dứt hết.

Niết-bàn: Nghĩa là tất cả sự nương dựa đều vắng lặng. Lại nữa, Ngã do đâu không có? Ngã sở do đâu không có?

Nghĩa là căn cứ nơi đời vị lai, đối với pháp thuộc về tánh của Ngã, Ngã sở, thuộc về nội xứ ngoại xứ, Thể tánh của tự nội cùng sự việc được thâu nhận, mong cầu không sanh. Lại hiển thị chỗ mong cầu nương dựa không sanh, cùng mong cầu dựa nơi thọ kia không sanh.

Ngã sẽ không có, Ngã sở sẽ không có: Nghĩa là căn cứ nơi đời hiện tại mà nói. Đây là quán vô thường diệt. Trước là quán nơi Trạch diệt. Lại, trước chỉ có hy vọng. Sau, nơi nhân hiện tại, quán tánh vô thường.

Lại nữa, không tương tục: Là chết mất rồi, sau thì Thức khác không sanh.

Nói không Thủ: Nghĩa là Thức không chỗ trụ, không có hướng nhập nơi sự danh sắc, nên Tự thể vĩnh viễn không sanh.

Không sanh trưởng: Là không có danh sắc, lại tăng rộng.

Nói tất cả Hành đều dừng lặng: Nghĩa là năm Uẩn đều dừng dứt. Lại nữa, chỗ gọi là không: Là lìa tất cả phiền não.

Không chỗ thủ đắc: Là lìa hết thảy tướng hiện có. Nói Ái dứt hết: Là không mong cầu sự việc vị lai. Nói lìa dục: Là hiện tại không thọ dụng Hỷ lạc.

Chỗ gọi là diệt: Là các phiền não còn lại đều đoạn dứt. Nói Niết-bàn:

Là vô dư y.

Lại nữa, nói vô thường: Là pháp hư bại của tánh hủy hoại. Nói Hữu vi: Là chỗ tầm tư dựa nơi biên vực trước.

Nói tạo tác: Là chỗ hy vọng dựa nơi biên vực sau.

Nói Duyên sanh: Là dựa nơi sức của các nhân duyên của hiện thế đã sanh khởi.

Pháp có tận: Nghĩa là một phần tận. Pháp có mất: Là toàn phần diệt tận.

Lại, Pháp có tận: Nghĩa là toàn phần diệt tận. Pháp có mất: Nghĩa là biên hoại tương tục.

Pháp có lìa dục: Là tương ưng với lỗi lầm, tai họa. Pháp có diệt: Là tất cả pháp hữu vi đều có xuất ly. Lại nữa, đoạn vô dư: Là câu nêu chung.

Vĩnh viễn trừ bỏ: Là các Triền được đoạn trừ.

Vĩnh viễn biến đổi, loại bỏ: Là Tùy miên được đoạn dứt. Nói Vĩnh viễn dứt sạch: Là quá khứ giải thoát.

Vĩnh viễn lìa dục: Là hiện tại giải thoát. Nói Vĩnh viễn diệt: Là vị lai giải thoát. Vĩnh viễn tịch tĩnh: Là do kiến đạo.

Vĩnh viễn diệt mất: Là do tu đạo.

Nên biết ở đây do hai thứ đạo đoạn trừ sự phiền não, là hiển bày việc đoạn trừ rốt ráo.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 84

Phần Gồm Thâu Dị Môn 2

Lại nữa, Tụng nêu:

Dục, ba thứ mời thỉnh
Pháp Tăng cùng Huệ thí
Chán, Phạm chí, vô thường
Tụ mạt là ở sau.

Các dục vô thường, hư giả không thật:

Là nơi các dục nêu bày điên đảo. Do bốn thứ sự điên đảo ấy, nên biết ở đây hư dối nên vô ngã. Giả nên Bất tịnh. Không thật nên khổ. Do nơi xứ này, Lạc là không thật. Nhưng các dục kia giống như thường cùng hiện, gọi là pháp vọng, là sự điên đảo.

Vì sao các dục gọi là pháp vọng? Vì hiển bày nghĩa này đã nói về dụ sự huyễn, tuy vô thường nhưng giống như hiển hiện.

Đồng với pháp kia là dối hoặc kẻ ngu tối:

Nghĩa là kẻ ngu si không hiểu biết, đối với các dục kia không nhận biết đúng như thật, nên ở trong đêm dài sanh tử luôn bị lừa dối, sanh nhiễm chấp sâu xa, bị khổ biến hoại bức bách. Các bậc thông tuệ thì không như thế vì đều nhận biết đúng như thật.

Lại, các dục kia dụ cho xương khô: Khiến không ăn no. dụ cho cục thịt: Vì có nhiều chỗ chung. Dụ cho đuốc cỏ: Là nhân của hành ác, hành phi pháp. Dụ cho một phần than lửa: Là tăng trưởng đại nhiệt não của dục Ái. Dụ cho Rắn độc lớn: Vì là chỗ xa lìa của các bậc Thánh Hiền. Dụ cho điều có được trong mộng: Vì mau chóng tan hoại. Dụ cho các vật trang sức được nhờ mượn: Vì nhờ vào các duyên. Dụ cho quả chín muồi nơi đầu ngọn cây: Là nơi chốn nguy vong. Lại bất tịnh: Là câu nêu chung.

Nói xú uế: Thọ dụng ăn uống là thành biến hoại. Phân, nước tiểu bất tịnh là chỗ được tạo thành của biến hoại, nên gọi là xú uế. Các thứ biến hoại được tạo thành như máu thịt v.v... nên gọi là sanh xú.

Đáng chán, trái: Là thọ dụng dâm dục biến hoại được thành đáng ghét

bỏ.

Lại nữa, nên mời gọi: Căn cứ nơi sự xả bỏ tài sản thế gian.

Nên phụng thỉnh: Là căn cứ nơi sự dứt hết tham ái, muốn cầu quả báo thế nên mời gọi. Muốn cầu giải thoát, thế nên phụng thỉnh.

Nên chấp tay: Tức là hai sự lúc mới thỉnh.

Nên hòa kính: Nên hành lễ bái, hỏi thăm v.v... Nên có thể cùng với Giới kia thấy đồng.

Phước điền vô thượng nơi thế gian nên phụng thí: Là đối với quả của Huệ thí kia là vô lượng.

Lại nữa, khéo thuyết giảng: Là văn nghĩa xảo diệu. Hiện thấy: Là ở trong hiện pháp có thể chứng đắc. Không nóng bức: Là lìa phiền não.

Không thời: Là ra khỏi ba đời.

Khó dẫn phát: Là lão bệnh tử không thể dẫn dắt.

Khó thấy: Là trong các nẻo như cõi Trời v.v... không thể thấy. Bên trong tự chứng đắc: Là chỉ tin nơi kẻ khác, là không thể chứng đắc.

Các bậc có Trí: Là bậc hữu học, vô học.

Là nhà, là châu, là sự cứu giúp, là nơi quay về, là nẻo, cõi: Do các câu về sau giải thích câu lùi về trước, hiển bày nghĩa xuất ly. Lại có thể nhận biết rõ về bốn Thánh đế, nên gọi là Chánh kiến.

Nói sanh khởi: Là nơi tất cả thời đều có thể sanh.

Đã sanh khởi: Là đối với đời quá khứ, trụ nơi quả vị vô học.

Nay sanh khởi: Là đối với đời hiện tại, hoặc đã chứng đắc, hoặc tu viên mãn.

Sẽ sanh khởi: Là hoặc chưa chứng đắc, hoặc siêng năng tu tập, nên tu nên tập.

Nên tu tập nhiều: Là theo chỗ ứng hợp, như trước nên biết. Nên tùy hộ: Là xa lìa việc thuận theo pháp thối đọa.

Nói nên tiếp xúc: Là do thể của thân.

Nên tác chứng: Hoặc Quả, hoặc Thắng trí, như nói: "Ta đã chứng đạo".

Hợp thời mà thuyết giảng: Hoặc nhận biết rõ kẻ kia nguyện vui thích muốn nghe, cùng gắng sức lãnh hội, mới có thể vì họ giảng nói, an tọa nơi tòa thấp v.v... đó gọi là thời gian ứng hợp, nên nêu bày việc làm lúc trước.

Nếu nhận biết rõ những kẻ kia là hạng tăng thượng rồi, tức liền cẩn trọng theo khả năng, đem hết những gì mình hiện có. Vì họ thuyết pháp. Vì

muốn khai thị các thứ nghĩa chưa từng có với những sai biệt kia, không phải chỉ nêu những lời đẹp đẽ tạo sự vui thích thuyết giảng mà thôi.

Thứ lớp: Là mở bày, chỉ rõ về nghĩa.

Theo chỗ kín đáo: Là nêu ra phần khó khăn trở ngại. Tùy hợp: Là hiển bày việc giải thích phần kia.

Khiến hoan hỷ: Là sự hóa độ, thọ nhận giáo pháp. Khiến yêu thích: Là nêu trong nơi chốn hóa độ.

Khiến vui vẻ thích thú: Là giáo hóa kẻ phỉ báng.

Khen ngợi, khuyên gắng: Là cầu đạt đức thật ký. Do xứng thuận tâm phát khởi ngôn âm của mình, đề cao, khen ngợi.

Trách cứ, trừ bỏ: Quán xét lỗi lầm thật kia. Do Tâm không giận dữ phát khởi ngôn âm của mình nêu bày, chỉ rõ sự quở trách.

Đạo lý: Là gồm đủ bốn đạo lý. Tức là đạo lý quán đãi, đạo lý tác dụng, đạo lý pháp nhĩ và đạo lý chứng thành.

Có ích: Là đối với nơi chốn tạo tác, không dứt bỏ. Không lẫn lộn: Là không tạp loạn, có quan hệ.

Có pháp: Là có thể dẫn đến nghĩa. Dựa nơi khổ v.v... có vô lượng thứ xuất ly, xa lìa pháp đã sanh.

Như chúng hội: Là tùy theo bốn thứ hội chúng như Sát-đế-lợi v.v... có thể đạt được.

Do Tâm Từ: Là muốn khiến cho kẻ kia đạt được nghĩa an lạc.

Tâm lợi ích: Là làm thế nào sẽ khiến, nếu có người cẩn trọng lắng nghe chánh pháp, đều được tỏ ngộ, hiểu rõ, đạt được lợi ích lớn.

Tâm thương xót: Là nhằm khiến cho kẻ kia tu pháp, tùy pháp hành.

Không chỗ dựa: Là không vì lợi dưỡng, sự cung kính, tiếng tăm.

Nghĩa là không dựa vào các sự việc như y phục, sự kính lễ v.v... chỉ muốn khiến cho kẻ khác ngộ nhập chánh pháp. Lại không đối với kẻ khác có sự khinh miệt, cho đến nói rộng.

Không tự cao: Là không vì lợi dưỡng, sự cung kính mà nói như vầy: Chỉ ta là có thể nhận biết về pháp, luật như thế, không phải là các ông! Cho đến nói rộng, khen ngợi công đức của mình, nói bàn về lỗi lầm của kẻ khác.

Nơi các thời gian, nên lắng nghe pháp: Đến lúc như thế nên tự quán xét. Ta nay nói pháp, có nhiều chỗ tạo tác. Lúc kẻ khác nói pháp, nên nhận biết rõ, đúng, chớ khiến ta ở trong ấy sẽ là chướng ngại. Tức liền cẩn trọng, đem tâm khiêm tốn, an tọa nơi tòa thấp, đầy đủ oai nghi, theo chỗ thích hợp, lắng nghe chánh pháp, khởi tướng cung kính. Vì muốn tỏ ngộ nghĩa

trước chưa hiểu, nên khởi sự thưa hỏi. Nếu không hiểu, ngộ, hoặc lại chìm trong nghi hoặc thì trọn không chê trách. Đối với kẻ hơn thì cung kính, tùy thuận. Đối với kẻ ngang hoặc kém, do cung kính pháp nên cũng không xem thường. Đối với Pháp sư thuyết giảng, sanh khởi sự tôn trọng sâu xa.

Như vị thuyết pháp: Là sẽ đạt được lợi ích của quả lớn vô thượng.

Không khinh thường pháp: Là không nên nói: Đây không phải là văn tự chương câu hay đẹp. Mọi văn cú hiện có thảy đều thô thiển.

Không khinh pháp sư: Là không nói: Vị ấy đối với ta là thuộc về tộc họ thấp kém.

Không tự khinh: Là không nói lời: Ta đối với việc lãnh hội pháp là không có năng lực! Đối với sự chứng đắc, không nên có sự khiếp sợ.

Tâm phụng giáo: Là Tâm không não loạn, chỉ muốn cầu hiểu biết.

Tâm nhất hướng: Là nhằm nhận, hiểu về văn cú có sai biệt. Nghiêng tai lắng nghe: Vì muốn nhận biết rõ về âm vận sai biệt. Tu trị ý: Vì muốn ngộ nhập nghĩa thâm diệu.

Nơi tất cả Tâm, không lúc nào là không giữ niệm: Vì muốn nhận hiểu không gián đoạn về nghĩa của âm vận văn cú, không gì là không nhận biết rõ. Không gì là không thông đạt, mà không lỗi lầm.

Lại nữa, nói Hành đúng đắn: Là câu nêu tổng quát. Hành hợp lý: Là trụ nơi quả hữu học.

Hành chất trực: Là trụ nơi hướng đạo.

Hành hòa kính: Là bậc vô học kia, do chỉ đối với chánh pháp cùng các học xứ của Đại sư luôn cung kính sâu xa.

Hành tùy pháp: Là vào lúc nhân chuyển pháp, hành theo pháp, do nghe âm thanh khác, nên bên trong tư duy đúng như lý.

Lại, Hành hợp lý: Là chánh đạo kia cùng Hành của quả diệt. Hành chất trực: Là như Thánh giáo kia, tu tập hành trì đúng đắn,

không dua nịnh, không dối gạt, hiển hiện như thật.

Hành hòa kính: Là cùng với sáu kiên pháp cùng tương ưng. Hành tùy pháp: Là Hành pháp theo pháp nơi các bậc A-la-hán các Lậu đã vĩnh viễn dứt hết, cho đến nói rộng. Rốt ráo tột cùng, cho đến nói rộng. Cũng gọi là xuất ly, vượt ra khỏi hầm, hào. Vượt qua hầm, hào, cho đến nói rộng. Vĩnh viễn đoạn dứt năm chi, thành tựu sáu chi, cho đến nói rộng, đạt được pháp dự lưu, không điên đảo rơi rớt, quyết định hướng đến ba Quả Bồ đề, cho đến nói rộng. Như thế, tất cả ở trong Phần Nhiếp sự thuộc Tự xứ sẽ nói rộng. Lại, con của Đại sư: Là câu nêu chung.

Sanh từ bụng: Là xét chọn, loại trừ con của hàng phàm phu thấp kém.

Sanh từ miệng: Là theo âm thanh thuyết pháp mà sanh ra.

Sanh từ Pháp: Là chỗ sanh của Pháp tùy pháp hành, tác ý như lý. Hóa từ Pháp: Là từ đường Pháp thân mà được thành lập pháp tương tợ.

Pháp đẳng phần: Là thọ dụng pháp tương tợ nơi tài sản, vật báu của pháp vô lậu... các câu như thế là hiển thị sanh tăng thượng viên mãn, cùng pháp tương tợ của bậc cha mẹ, sanh viên mãn. Nghĩa là câu đầu tức ở trong sự tăng thượng kia, sanh viên mãn, ngăn chận lỗi lầm của vật chứa đựng. Câu thứ hai, ngăn chận sự sanh từ tinh huyết bất tịnh kia. Câu thứ ba ngăn chận sự sanh của dục tham phi chánh pháp. Ba câu như vậy, là hiển thị sanh tăng thượng, viên mãn. Câu thứ tư, hiển thị pháp tương tợ của Tự thể. Câu thứ năm hiển thị việc thọ dụng pháp tương tợ. Hai câu như vậy là hiển thị pháp tương tợ của cha, sinh viên mãn.

Lại, nêu bày: Là duyên. Tích tập: Là nhân.

Duyên tăng thượng nên gọi là chủng loại kia. Nhân tăng thượng nên gọi là sự sanh kia. Tuy chỗ sanh của Nhân phải nhờ vào uy lực của duyên mới được sanh khởi, vì sự nương dựa kia. Lại ở trong ấy, câu sau giải thích câu trước.

Lại khéo thấy: Là câu nêu chung.

Nói khéo nhận biết: Là nhận biết về pháp, nghĩa. Khéo tư duy: Là như nơi chánh lý mà tư duy.

Khéo hành Huệ sáng: Là nhận biết toàn phần. Khéo thông đạt: Là nhận biết như thật.

Do hai câu sau hiển bày Tánh khéo thấy. Do hai câu trước hiển bày về Gia hạnh kia.

Lại nói bậc Thánh: Là vô lậu.

Cùng tại Thánh giả: Là trong sự nối tiếp.

Nói xuất ly: Là xuất ly tất cả khổ của ba cõi.

Nói quyết đạt: Là xuất ly rốt ráo không thối chuyển.

Lại nữa, các pháp đều lấy đức Thế Tôn làm gốc: do đức Phật Thế Tôn là bậc đầu tiên hiện đẳng giác.

Đức Thế Tôn là Mắt: Là hiện đẳng giác rồi, vì chư Thiên, người v.v... mở bày, chỉ rõ.

Đức Thế Tôn là chỗ dựa: Là trong pháp đã nêu giảng, theo chỗ sanh khởi tất cả nghi hoặc đều có thể loại trừ.

Lại, đức Phật Thế Tôn có thể làm mắt: Tức là có thể dẫn phát Huệ

câu sanh.

Có thể làm Trí: Là có thể dẫn phát Huệ Gia hạnh.

Có thể làm Nghĩa: Tức có thể dẫn phát Huệ do Tư tạo thành. Có thể làm Pháp: Tức có thể dẫn phát Huệ do Văn tạo thành.

Nghĩa không hiển bày rõ, có thể quyết đoán: Tất cả nghi hoặc đều có thể đoạn trừ.

Có thể làm chỗ dựa cho tất cả Nghĩa: Là có thể dẫn phát tất cả sự hưng thạnh của thế gian cùng xuất thế gian.

Lại nữa, chán: Nghĩa là ở nơi Kiến đạo.

Nói lìa dục: Tức ở nơi Tu đạo, lìa dục rốt ráo.

Chỗ gọi là diệt: Nghĩa là đối với bậc vô học, tất cả chỗ dựa đều diệt hết. Hai thứ trước là ở nơi vị Gia hạnh tu tập hành chán bỏ cùng Hành lìa dục. Một thứ sau là ở nơi vị vô học, Hành nơi Hành diệt trừ.

Lại nói chán: Là do kiến đế, nên đối với tất cả Hành thảy đều chán trái.

Nói lìa dục: Là do nơi Tu đạo vĩnh viễn đoạn trừ Tham.

Nói Giải thoát: Là do lìa Tham, nên hoàn toàn an ổn. Đối với các phiền não khác, Tâm được giải thoát.

Giải thoát khắp: Là phiền não được đoạn trừ, đối với các khổ như sanh v.v... đều được giải thoát khắp.

Lại nữa, đó là Bà-la-môn, rốt ráo đến bờ kia. Dứt trừ các Ác, đó là về tướng.

Không do dự: Là đối với chỗ tự chứng đắc lìa mọi nghi hoặc.

Đoạn các thứ tạo ác: Đối với việc nên làm, không gì là không làm. Việc không nên làm thì không có làm.

Lìa những tham ái: Là không có Ái của lợi dưỡng, cung kính. Nơi Hữu, phi Hữu vướng mắc, không có Tùy miên: Là Tùy miên đã vĩnh viễn dứt trừ. Nên biết ở đây, hoặc là đời hiện tại, hoặc là đời vị lai, gọi đó là Hữu. Nơi đời quá khứ gọi là phi Hữu. Do các câu ấy, quan sát thuận hợp về tướng của Bà-la-môn. Do ba câu trước hiển thị về đa văn cùng với chánh tri, quan sát về tướng. Hoặc cho là tu tập phẩm thiện không đúng đắn.

Lại hiển thị một câu thứ tư, quan sát về tướng. Ở đây, chấp trước, tức là tám thứ chấp trước. Ở trong phi Hữu tạo chấp trước nơi sầu lo. Ở trong Hữu thuộc về đời hiện tại, có năm thứ chấp trước:

1. Tạo tu trị.

2. Tạo cứu hộ.

3. Tạo Ngã sở.

4. Tạo cao thắng.

5. Hành thấp kém.

Ở trong Hữu thuộc đời vị lai, tạo hành tạo động chung nơi ba Xứ. Tạo dày nặng hết mực. Tạo vị ngọt hết mực.

Tạo sầu lo: Là chỗ yêu thích bị biến hoại. Tạo Tu trị: Là nuôi dưỡng , thâu chứa.

Tạo cứu hộ: Là đối với Xứ bức não cầu tạo cứu giúp. Tạo Ngã sở: Là chấp làm Ngã sở.

Tạo cao thắng: Cho ta là hơn mà khởi kiêu mạn. Như đức Thế Tôn nói: Chúng sanh nơi thế gian, mạn là ngọn cờ cao.

Hành thấp kém: Tức cho ta là kém mà khởi kiêu mạn. Nói tạo hành: Là mong cầu Ái nơi đời vị lai.

Nói tạo động: Là đã hy vọng rồi, tạo phương tiện để truy cầu. Tạo dày nặng hết mực: Là chỗ yêu thích không thể ăn dùng. Tức các thứ vàng bạc v.v... có thể giữ lấy, trao đổi.

Tạo vị ngọt hết mực: Là có thể ăn dùng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là năm câu này lược hiển bày về được đạo, quả đạo, tác chứng.

Đó là Bà-la-môn: Là lược hiển bày về được đạo.

Không do dự cùng đoạn trừ các thứ tạo ác, lìa các tham ái, đối với hữu, phi hữu chấp trước, không có Tùy miên: Các câu như thế là lược hiển bày về tác chứng đạt được quả đạo. Nơi ghi nhận chỗ hiểu rõ, các nghi hoặc đã đoạn. Ở trong chỗ Hành, hành tất cả pháp quên mất đều dứt. Đối với đời vị lai, nhân khổ đã đoạn. Nhân khổ của hiện tại là thô trọng cũng đoạn.

Chỗ gọi là Hữu: Tức ở trong nghĩa này, nên biết đối với Tác ý các tướng là thuộc về ba cõi.

Nói phi Hữu: Là tác ý tư duy đối với cõi vô tướng.

Chỗ gọi là chấp trước: Tức trong nghĩa ấy là tham sân si.

Như nơi định vô tướng, các bậc Hữu học cũng có Tùy miên. Không phải A-la-hán có được Tầm Tư hý luận vướng mắc nơi tưởng. Bốn thứ tạp nhiễm: Hai thứ trước là phẩm xuất gia. Hai thứ sau là phẩm tại gia. Do có Tùy miên chấp trước nên chúng được sanh khởi. Các người xuất gia do truy cầu nhớ nghĩ về cảnh đã từng trải qua, nên có Tầm Tư hiện hành động loạn, có Hý luận.

Các người tại gia trụ nơi cảnh hiện tiền, có vướng có tưởng, do có nhiễm chấp giữ lấy các Tướng.

Lại có hai thứ nhân duyên tạp nhiễm. Nghĩa là tác ý không như lý cùng thuận theo pháp của xứ kia. Do nhân duyên này, nên pháp kia được sanh khởi. Thế nên nói đây là nhân duyên kia. Lại nữa, vô thường hiện có đều là khổ. Nghĩa như thế nào? Như có chúng đồng phận vô thường: Có các khổ như sanh, già v.v... sinh khởi. Hoặc dựa nơi các xúc có các thọ: Các pháp kia đều biến hoại, sanh rồi liền diệt, nên nói các thọ thảy đều là khổ. hoặc có pháp khổ như sanh v.v... cùng có pháp khổ như Hoại v.v... chúng đều vô ngã, tự không phải là Ngã. Ở nơi xứ sở này cũng không có Ngã. Do đấy thâu nhận Hành không, vô ngã.

Lại hiểu rõ: Là Huệ do Văn tạo thành. Các Trí luận đã nói như thế.

Cùng hiểu rõ: Là Huệ do Tư tạo thành.

Hiểu rõ kỹ lưỡng: Là Huệ do Tu tạo thành. Tức ở trong Hành của ba Huệ như thế, các Nhẫn hiện có gọi là vui thích. Hoặc cùng vui thích, hoặc vui thích khắp.

Lại có Tùy quán vô thường, Tùy quán đoạn, Tùy quán lìa dục, Tùy quán diệt: Như nơi địa Thanh văn đã phân biệt rộng.

Lại, chỗ tổn hại của sức vô thường, cho đến nói rộng. Nên biết văn lược tăng một là hiển bày về vô thường v.v... có sai biệt. Chướng ngại có sai biệt là sau, như chỗ ứng hợp.

Vì muốn đạt được chỗ chưa được: Là đầu tiên được. Hoặc trước là chỗ chứng đắc có thấp kém, nên đối với phần trên tác chứng có sai biệt: Nghĩa là đối với chỗ đoạn trừ mà tác chứng.

Nói quán xét: Đây là nói về Huệ. Nói Thẩm lự: Là nói về Tam-ma-địa.

Quan sát như lý: Đây là nói về hai pháp chuyển không điên đảo. Tuy thật không có mà hiển hiện: Là ở trong ấy thật không có Lạc.

Hư: Là không, vô ngã. Ngụy: Là Bất tịnh.

Không chắc chắn: Là vô thường.

Đây tức hiển thị không có bốn điên đảo.

Lại nữa, Sắc như bọt nước tụ lại: Là mau chóng tăng giảm. Sanh từ thủy giới. Suy xét về vị ăn uống sanh từ nước, không thể bóp nặn, mài xát không phải như nắm bùn đất có thể khiến chuyển biến, tạo tác vật khác. Thế nên nói là không thể nặn, bóp.

Lại, thật không phải tích tụ, mà hiển hiện tợ như tích tụ. Có thể phát

khởi sự hiểu biết các một hữu tình.

Thọ nhận dụ về bọt nổi: Là do ba hòa hợp sanh, không trụ lâu, chắc, là pháp tương tợ.

Nói như đất: Đó là chỗ sanh dựa của các căn. Nói như mây: Nghĩa là các cảnh giới.

Nói như mưa: Đó là các Thức. Như mưa tạt mạnh: Đó là các Xúc.

Như bọt nước nổi: Đó là các Thọ, mau chóng khởi, tàn, không trụ chắc bền.

Tưởng đồng dợn nắng: Là tánh động của Gió táp, vô lượng thứ cùng biến đổi sanh, khiến nơi đối tượng duyên phát khởi điên đảo, khiến nơi cảnh giới hiển bày rõ hết mực. Do sự phân biệt về tướng như nam nữ v.v... nên thành sai biệt.

Thế nào là Hành giống như cây chuối? Như người mắt sáng: Là các Thánh đệ tử.

Nói nhọn bén: Là Huệ diệu như đao.

Nói đi vào Rừng: Là đối với năm nẻo khởi ý duyên dựa nơi vô số tự tánh thuộc các khổ sai biệt, đồng gây trồng pháp.

Vì Thủ là trụ cây chuối thẳng đứng: Là Ngã kiên của người tạo tác, người thọ nhận.

Chặt đứt từ gốc: Là đoạn trừ Ngã kiến.

Bẻ phá cành lá: Là xét chọn thật vi tế, chỉ có vô số các Hành như Tư v.v... là pháp sai biệt.

Trong ấy đều không chỗ đạt được: Nghĩa là pháp kia trải qua thời gian không trụ chắc chắn.

Huống chi là chắc thật: Tức huống chi có Thật ngã thường hằng khác nơi kẻ tạo tác, người thọ nhận mà có thể thấy được.

Thế nào là Thức như sự huyễn?

Nói kẻ huyễn: Là tùy nơi hành phước, phi phước, bất động. Thức trụ nơi ngã tư đường: Là trụ nơi bốn Thức trụ.

Tạo tác bốn thứ sự Huyễn hóa: Nghĩa là voi, ngựa v.v...

Như thân voi v.v... tuy hiện có thể thấy, nhưng không phải là các sự của thân voi chân thật. Như thế nên biết, tùy theo hành phước, phi phước, bất động, Thức trụ nơi bốn Thức trụ, tuy có tướng Ngã có thể thấy của kẻ tạo tác cùng kẻ thọ nhận, nhưng không phải là Tánh ngã chân thật có thể đạt được.

Lại, Thức, nơi bên trong ẩn giấu tánh thật, bên ngoài hiện tướng khác, cũng như hình tượng huyễn.

Lại nữa, đã nói về dị môn của phẩm Bạch. Dị môn của phẩm Hắc, nay sẽ nói. Tụng nêu:

Sanh Lão Tử cùng Tạng
Đáng vui cùng Phiền não
Nói rộng Tham Sân Si
Thiếu cùng với sai biệt.

Chỗ gọi là Sanh: Là đầu tiền kiết sanh, tức vị danh Sắc cùng sanh. Tức là Thai tạng viên mãn. Xuất nghĩa là ra khỏi thai. Hiện nghĩa là trẻ con cho đến phần vị thiếu niên, trung niên.

Khởi: Là cho đến phần vị Lão niên tột cùng,

Lại Uẩn đạt được: Là Giới đạt được của phần vị danh sắc. Tức ở trong phần vị này có được chủng tử kia.

Nói xứ đắc: Là danh sắc tăng trưởng nơi sáu xứ viên mãn. Các Uẩn hiện: Là từ khi ra khỏi Thai cho đến phần vị Già.

Mạng căn khởi: Là xả bỏ chúng đồng phận cũ, nhận lấy chúng đồng phận mới.

Lại nữa, nói té ngã: Là lúc tuổi tác già suy đi đứng, lui tới phần nhiều bị vấp ngã.

Nói đầu bạc: Là tóc lông biến đổi thành màu bạc trắng. Nói nhiều nếp nhăn: Là da lần lượt nhăn nheo.

Nói suy kém cùng cực: Là lúc tuổi tác già nua, suy yếu, không còn tươi tắn như trước.

Nói hư hoại: Là mọi sức lực khỏe khoắn đều không có.

Lưng còng khòm: Là thân hình cúi thấp về trước, phải dựa vào gậy mà đi.

Có nhiều chấm đen hiện nơi thân: Là những nốt ruồi xanh đen xen lẫn khắp chi thể.

Nói Già cả tối tăm: Là đối với các việc làm, đi đứng v.v... đều không có nhiều năng lực.

Nói suy yếu: Là các căn đối với cảnh đều không thể hành tác. Nói suy thoái: Là Trí huệ nhớ nghĩ đều hết khả năng.

Suy thoái khắp: Là các căn cùng trải qua những niệm kia, chỉ trong nháy mắt đều tổn giảm dần.

Các căn chín muồi: Tức các căn suy phế, không còn có thể hoạt động.

Các Hành hư hoại: Là chỗ dựa của căn trải qua thời gian lâu. Thể hủ bại: Tức nói về Tánh kia suy biến.

Lại nữa, chết mất: Là xả bỏ thân hình. Chung cuộc: Là lúc sắp qua đời.

Táng: Là vào lúc ấy thi hài vẫn còn.

Chết mất: Là hoặc vào lúc ấy thi hài đã diệt hẳn. Lại, Táng: Là căn cứ nơi Sắc thân.

Chết mất: Là căn cứ nơi danh thân.

Thọ mạng thối lui, hơi ấm thối lui: Là thời gian sắp sửa mạng chung, Tâm khác vẫn còn.

Mạng căn diệt: Là tất cả thọ lượng đều cùng tận. Tử: Là Thức kia đã từ bỏ trái tim nơi ngực.

Tồ-lạc (Người chết): Là từ khi chết trở về sau, hoặc bảy ngày, hoặc lại trải qua hai ba lần bảy ngày.

Lại nữa, hết thảy hàng phàm phu ngu tối, đối với sáu xứ kia, do chấp Ngã nên gọi là Tạng. Chấp Ngã sở nên gọi là Hộ. Do Tát-ca-da dùng làm căn bản, đều khác với "kiến thú" thế gian, có sai biệt. Ngã mạn nơi Ái tăng thượng hiện hành, nên gọi là Phú. Sáu xứ hiện có, thuận nơi Lạc thọ, có tham dục nên gọi là Vị. Sáu xứ hiện có, thuận nơi Khổ thọ, có giận dữ nên gọi là Kiết. Sáu xứ hiện có, thuận nơi không khổ không lạc thọ, có ngu si nên gọi là Hợp.

Sáu xứ hiện có, đối với đời quá khứ, có lưu luyến, nên gọi là Tùy miên. Sáu xứ hiện có, đối với đời vị lai, có trông mong nên gọi là hệ thuộc. Sáu xứ hiện có, đối với đời hiện tại, có tham đắm cấu nhiễm nên gọi là chấp trước.

Sáu xứ, đối với tự thâu nhận thân khác, chấp làm Ngã sở. Sáu xứ ở trong chỗ hơn kém không tự thâu nhận khác, dựa nơi chủng loại mạn, phát khởi mạn. Nơi địa bất định hệ thuộc cõi dục, phát khởi mong cầu càng về sau hiện có. Nơi địa định thuộc cõi Sắc, vô sắc, như chỗ ứng hợp, do rộng lớn, vi diệu, nên phát khởi dày nặng.

Dựa nơi Sắc thanh hương vị xúc của phẩm tại gia, do ái vị quyến thuộc đã theo đuổi gắn chặt, nên phát khởi vị ngọt.

Dựa nơi sáu xứ của phẩm xuất gia, do phiền não như biếng nhác, phóng dật, nên đối khắp tất cả, không thể lìa bỏ.

Lại nữa, đáng vui, đáng thích, đáng yêu, hợp ý: Nên biết bốn câu này lược hiển bày sự việc khả ái. Sự việc khả ái ấy lược có ba thứ:

1. Sự việc có thể mong cầu.

2. Sự việc có thể tầm tư.

3. Sự việc có thể tham đắm, chấp trước.

Sự việc khả ái của vị lai có thể mong cầu, nên gọi là đáng vui.

Sự việc khả ái của quá khứ chỉ đáng mong muốn, nên chỉ có thể ưa thích, gọi là đáng thích.

Sự việc khả ái của hiện tại lược có hai loại:

1. Sự của cảnh giới.

2. Sự lãnh nhận.

Nếu sự của cảnh giới đáng yêu thích nên gọi là đáng yêu. Hoặc sự lãnh nhận đáng yêu thích, gọi là hợp ý.

Như vậy, chỗ nói về các sự đáng yêu, hoặc quá khứ hoặc vị lai hoặc hiện tại, hoặc cảnh giới hoặc lãnh nhận, có sai biệt. Hoặc gọi là sự việc có thể mong cầu. Hoặc gọi là sự việc có thể Tầm Tư. Hoặc gọi là sự việc có thể tham đắm chấp trước. Thế nên nêu bày tất cả các câu sai biệt như vậy.

Lại đáng vui: Là căn cứ nơi đời vị lai, có thể mong cầu.

Đáng thích: Là căn cứ nơi đời hiện tại, hiện có thể mong muốn vui thích không chán đủ.

Hợp ý: Là căn cứ nơi đời quá khứ, theo niệm vừa ý mà truy tìm nhớ nghĩ.

Đáng yêu: Là căn cứ nơi Tướng của Sắc diệu, thâu tóm chung ba đời đều đáng yêu.

Lại, đáng mong muốn: Là ghi nhớ niệm vừa ý. Dục dẫn khởi: Là hệ thuộc cõi dục.

Hoặc lại tùy thuận hai thứ thọ dụng dục sai biệt. Có thể nhiễm chấp: Là xứ sở của Tham.

Lại nữa, đối với năm thứ Sự có thể hòa hợp, nên gọi là Kiết. Năm thứ Sự là:

1. Sự của đối tượng Kiết.

2. Sự của chủ thể Kiết.

3. Sự của tội lỗi.

4. Sự đẳng lưu.

5. Sự hướng đến.

Đối tượng duyên của các Kiết gọi là Sự của đối tượng Kiết. Vì sao? Vì do Ái, giận, đều ở nơi đối tượng duyên, theo tướng sai biệt mà hòa hợp.

Tức các Kiết kia lần lượt cùng dẫn phát mà hòa hợp, nên gọi là Sự của chủ thể Kiết.

Nhân duyên của các Kiết, ở trong hiện pháp có thể sinh tội lỗi, cho đến lãnh nhận. Từ chỗ sanh tâm pháp ưu khổ kia, do nhân duyên này, có thể hòa hợp, nên gọi là Sự của tội lỗi. Là nhân sinh thành của Tham v.v... mãnh liệt nơi đời vị lai, mà hòa hợp, nên gọi là sự đẳng lưu. Có thể sinh nơi năm nẻo, ở trong các nẻo có thể hòa hợp, nên gọi là sự hướng đến. Do nhân duyên ấy, tự hành hành ác, gặp phải vô số các khổ như bị đánh đập, trói buộc, trách mắng, xua đuổi, mà sanh khởi, nên gọi là có thể tự tổn hại. Nếu không tự gặp, mà khiến kẻ khác gặp, gọi là có thể tổn hại kẻ khác. Hoặc do kẻ kia nên tự tha cùng gặp, gọi là có thể cùng tổn hại.

Có thể sanh tội của hiện pháp: Nghĩa là do kẻ kia cố gặp, như chỗ nói về vô số sự khổ, nhưng không quyết định đi đến các nẻo Ác.

Có thể sanh tội của hậu pháp: Tức là do kẻ kia, nên tuy ở nơi hiện pháp, kẻ khác không biết, nhưng có thể làm nhân đi đến các nẻo Ác.

Có thể sanh tội của hiện pháp, hậu pháp: Nghĩa là gồm đủ hai thứ. Ở trong hiện pháp mang giữ nhiều nhiễm chấp, chỗ mong muốn không thành, sanh ra vô số tâm pháp sầu khổ, lại, nơi đời vị lai đi đến các nẻo Ác. Kiết tuy vô lượng, căn cứ theo chỗ nổi bật mà nói, lược có chín Kiết. Lại căn cứ nơi nghĩa không thuận theo chỗ mong muốn, nên nói có ba thứ trói buộc, tức là tham sân si dựa vào ba thọ. Do nhân duyên kia, tức tuy muốn thoát khỏi chúng, nhưng không thể thoát, nên gọi là trói buộc.

Lại, phần thô trọng của phẩm phiền não, với chỗ theo đuổi của chủng tử gọi là Tùy miên, là nghĩa tùy buộc, là nghĩa vi tế, chọn lấy phần căn bản chỉ có bảy thứ.

Lại từ phiền não sanh, gần gũi với phiền não, theo đấy não loạn Tâm, nên gọi là Tùy phiền não. Trừ bảy Tùy miên, tất cả pháp nhiễm ô Tâm còn lại đều là Tùy phiền não.

Lại, là nghĩa hiện khởi nối tiếp không đoạn dứt, nên gọi là Triền.

Triền có tám thứ, tức như không hổ v.v...

Lại, chúng có thể khiến chuyển thành phẩm thượng, tương tục khởi, có thể khiến cho thân tâm không còn năng lực, nên gọi là "Chu ngột". Như ruộng đất bị ngập mặn, không thể gieo cấy trồng trọt.

Lại, xứ sở khác, nên chỗ sanh nghi kia có sai biệt, tức nói năm gốc Tâm. Sai biệt như Tham v.v... nên nói có ba thứ.

Lại, chúng có thể khiến không thanh tịnh nên gọi là cấu uế.

Lại, nơi các môn xứ luôn đầy dẫy, nên gọi là "Nhĩ già". Luôn có thể não hại nên cũng gọi là "Nhĩ già".

Lại, chúng có thể khiến cho không tịch tĩnh, nên gọi là mũi tên. Như bị tên độc găm vào người, nếu khi chưa nhổ ra thì phần nhiều không tịch tĩnh.

Lại có thể gây chướng ngại cho Xả, có Hý luận, nên gọi là Sở hữu.

Lại, hành phi pháp, hành không bình đẳng hiện tiền, nên gọi là Hành ác.

Lại có thể cùng dấy khởi các Hành ác của tất cả phiền não, nên gọi là Căn. Lại có thể xuất sanh sự sanh của vị lai nên gọi là Lậu. Lại, đã sanh rồi, do già, chết v.v... khiến bị thiếu thốn, nên gọi là hết sạch.

Lại, không yêu thích thì gặp gỡ, chỗ yêu thích thì trái lìa, tham cầu lợi dưỡng bị thiêu đốt, nên gọi là đốt cháy. Lại có thể khiến sầu than khổ não, nên gọi là Não. Lại có thể khiến thuận theo dòng chảy mà chìm nổi nên gọi là Bộc lưu. Lại dựa vào biên vực trước, có thể làm phương tiện thuận lợi cho sự lưu chuyển của sanh tử nơi hiện pháp, nên gọi là Ách. Lại dựa vào hiện tại, có thể làm phương tiện thuận lợi cho vị lai, nên gọi là Thủ.

Lại khó lãnh hội nên gọi là hệ thuộc. Lại, đối với sự việc nơi đối tượng nhận thức, có thể gây trở ngại cho Trí, nên gọi là Ái. Lại, so với cõi Sắc, vô sắc thì cõi dục là phần dưới. So với Tu đạo thì Kiến đạo là phần dưới. Do căn cứ nơi hai phần dưới này có sai biệt, theo chỗ thích hợp, gọi là năm chướng phần dưới, cũng gọi là năm Kiết phần dưới. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là năm Kiết phần trên.

Lại nói là Rừng: Là có sinh vô số khổ uẩn. Thể tánh do gần với Ái nên chúng được tăng trưởng, gọi là "Trù lâm".

Lại có thể phát khởi vô số thứ phẫn nộ gay gắt như tranh chấp, kiện tụng v.v..., nên gọi là Tránh.

Là chỗ đối trị của Minh, nên gọi là Hắc. Có thể dẫn đến khổ nên gọi là vô nghĩa. Không có chỗ dụng, nên gọi là Tệ. Tánh thấp kém, nhiễm ô nên gọi là có tội. Không nên quen gần, nên gọi là nên xa lìa. Hủy phạm Giới thanh tịnh đã thọ, nên gọi là phạm Thi-la.

Lại, pháp Ác: Nghĩa là không hổ không thẹn rất mãnh liệt, không tin Phật cùng hủy báng Hiền Thánh, tương ưng với Tà kiến. Hoặc lại có vô số pháp Ác hiện hành. Lại có Tâm tham dục, giận dữ v.v... cho đến nói rộng.

Nên biết ở đây, bên trong hư hoại, bên ngoài mang tướng Sa-môn, nên bên trong không có pháp Sa-môn. Cũng như cây to, vỏ bên ngoài còn

chắc đẹp, nhưng bên trong bị trùng ăn ruỗng cả.

Sanh sản thấp: Đã nói rộng như trong Pháp môn Hạ sản và không Hạ sản.

Loài ốc sanh nơi nước: Là chỗ nghe nhận cùng với nước tương tợ, trừ khát ái. Hoặc các Bí-sô phạm Giới cấm v.v..., như loài ốc kia làm uế đục nước trong. Thế nên, cũng như có loài ốc thì nước không thể dùng uống, nên xa lìa.

Tiếng ốc, chó đi: Nghĩa là các Bí-sô hành tập hành Ác, lúc thọ nhận các thứ lợi dưỡng, ngọa cụ v.v... tự xưng niên lạp là bậc nhất.

Thật không phải Sa-môn, xưng là Sa-môn: Đã mất phần Sa-môn xưng là có phần Sa-môn. Thật sự mang giữ dục Ác, mà tự xưng nói ta là Sa-môn đích thật bậc nhất.

Phi phạm hạnh: Thật không phải là xa lìa pháp dâm dục cấu uế, mà tự xưng nói là ta đã xa lìa.

Lại, mất tánh Bí-sô, mà tự xưng có tánh Bí-sô. Do đó gọi là vọng xưng phạm hạnh. Thật không phải là Sa-môn, mà tự xưng nói ta là Sa- môn chân thật bậc nhất. Thế nên gọi là vọng xưng Sa-môn.

Lại, xả bỏ chỗ đã thọ nhận, nên gọi là phạm Thi-la. Trước bỏ pháp Ác, lại nhận lấy trở lại, nên gọi là pháp ác.

Hình tướng, ý lạc cùng không tương xứng. Do nhân duyên này nên gọi là bên trong hư hoại. Theo chỗ mong muốn mà hành, trụ nên gọi là sản sinh thấp kém. Hủy nhục chỗ đã nghe hiểu nên gọi là loài ốc sanh nơi nước. Do thọ dụng sai lạc các thứ tín thí, nên gọi là "tiếng ốc, chó đi". Ngôn thuyết tà vạy, nên gọi là vọng xưng Sa-môn, phạm hạnh.

Lại có tham-sân-si phẫn hận v.v..., cho đến nói rộng về các thứ sự chi li, vụn vặt, trong phần nhiếp sự sẽ nói rộng.

Lại có pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, sanh, lão, cho đến thiêu đốt. Theo nơi xứ sở, tức ở trong phần kia sẽ nói rộng.

Lại nữa, Nhiễm: Là vui thích chấp trước nơi thọ dụng. Chấp trước: Tức đối với pháp kia không chỗ luyến tiếc.

Tham ăn uống: Là trông mong các sự thọ dụng đạt được nơi vị lai. Nuốt vào: Là chỗ nuốt thâu của các thứ phiền não trợ bạn còn lại.

Mê muội: Tức tiếp sao sẽ nói.

Tham đắm vướng mắc: Là chấp chặt điều đã đạt được, không hề có sự suy tính.

Tham cầu: Là siêng gia hạnh để truy cầu điều chưa được.

Dục: Là đối với pháp đã đạt được, chưa đạt được, đều mong cầu đạt được cùng thọ dụng.

Tham: Là đối với sự thọ dụng, vui thích chấp chặt.

Thân thuộc cùng yêu thích: Như trong chỗ thân thuộc, chỗ yêu thích nên biết về tướng của chúng.

Tạng: Là ở trong tự thể thuộc về bên trong, đã yêu thích. Hộ: Là yêu thích ở trong sự nối tiếp của kẻ khác.

Chấp: Là yêu thích ở trong Ngã sở. Khát: Là mong cầu tăng gấp bội.

Chỗ nhiễm: Là ở nơi xứ Tham.

Chỗ kiêu mạn: Là nơi chốn trú ngụ của bảy thứ kiêu mạn.

Chỗ dục: Là nơi chốn cư ngụ của vô số phẩm loại thọ dụng tham dục.

Chỗ thân thuộc: Là nơi chốn tùy thuộc của các sự yêu thích luyến tiếc về quá khứ.

Chỗ yêu thích: Là nơi chốn tùy thuộc của các thứ yêu thích, vui mừng nơi hiện tại.

Lại, trong hiện pháp, thường xuyên quen gần với Ái, gọi là thân thuộc. Chỗ phát sanh Ái do thường hành tập nơi đời trước gọi là yêu thích.

Chỗ mê muội: Là không thể ở trong ấy quán xét về công đức cùng lỗi lầm.

Chỗ tham chấp: Là nơi chốn trú ngụ của Tâm tham đắm dục lạc. Chỗ trói buộc vướng mắc: Là nơi chốn cư ngụ của tham sân si.

Chỗ mong cầu: Là khả năng sinh khởi Ái.

Chỗ trói buộc, lệ thuộc: Là nơi chốn cư trú của tất cả Kiết, Là kẻ Ác tạo tác: Là có thể hòa hợp với pháp bất thiện.

Vì khiến hiện tiền mà vui thích: Nghĩa là dùng ngôn ngữ mà truy cầu.

Vì khiến chứng đắc mà vội vàng, chăm chú: Là sanh tham đắm nơi thân nên truy cầu.

Tham đắm chấp trước mà trụ: Là được rồi thì ôm giữ không bỏ. Cùng nhiễm: Là đối với Lạc thọ, khởi tham dục.

Cùng ghét: Là đối với Khổ thọ, dấy khởi giận dữ. Cùng ngu tối: Là đối với ba Thọ, dấy khởi ngu si. Luyến tiếc: Là đối với quá khứ.

Buộc giữ Tâm: Là đối với vị lai.

Khó nhọc: Tức là do nhân duyên kia nên đang khởi truy cầu.

Đốt cháy: Là quả của dục đạt được nên khởi Tâm nhiễm ô. Thiêu đốt: Là chỗ mong muốn bị suy tổn, khởi Tâm nhiễm ô. Não: Là chỗ đạt được bị

biến hoại.

Vì cầu đảo: Là hiển thị chỗ chấp giữ Ái an lành.

Vì xúc đối: Là hiển thị sự chấp giữ Ái va chạm, nắm cầm. Vì mong cầu: Là hiển thị sự chấp giữ Ái tạo lợi lạc.

Vì vui mừng: Là hiển thị chỗ chấp giữ Ái hiện có của tư duy như ý. Lại, đối với các dục, Tâm kia hướng nhập thanh tịnh, cho đến nói rộng. Đối với năm thứ xuất ly Giới, nên biết như nơi địa Tam-ma-hí-đa ở trước đã nói.

Nói Kiêu căng: Tức cùng với ba thứ kiêu tương ưng.

Hết sức kiêu căng: Là nương dựa nơi kiêu, ở trong khắp các pháp Ác bất thiện, có thể hiến tâm không phòng hộ.

Hướng tới kiêu căng: Là đối với nhân duyên hiện có của kiêu căng, thọ học chuyển.

Ở trong các dục, sanh các kiêu: Là không quán xét lỗi lầm nơi dục được thọ dụng.

Bình an: Là tự tướng của Lạc thọ. Lãnh nhận: Là cộng tướng của các thọ.

Hướng tới thọ: Là tướng nhân của thọ còn lại.

Lại, các Tham như dục tham, chấp chặt, trở ngại, tham ăn uống v.v..., như nơi địa do Văn tạo thành đã nêu.

Lại nữa, nói bên trong cấu uế:

Nghĩa là đối với phần oán, ý lạc giữ chặt không bỏ.

Bên trong có lo sợ: Là đối với chỗ yêu thích phải trụ nơi chướng ngại.

Bên trong có đối địch: Là có thể dẫn phát nơi chốn không yêu thích.

Bên trong có oán địch: Là có thể dẫn phát nơi chốn không thích hợp.

Lại, không thể mừng, không thể vui, không thể yêu thích. Chuyển ngược lại là có thể mừng v.v..., như trước nên biết.

Lại nói khổ: Nghĩa là tự tánh kia là khổ. cũng tùy theo nhớ nghĩ khổ.

Tổn hại: Nghĩa là khổ hiện tiền.

Trái nghịch: Là đối với ba đời, tư duy về khổ. Không thuận ý: Là khổ hiện có, có thể tổn hại.

Lại, khổ mãnh liệt, buộc chặt, cay đắng, không vừa ý v.v..., như nơi phần nhiếp sự sẽ nói rộng.

Lại, bạo ác: Là câu nêu chung.

Loại trùng độc cắn chích: Là lời nói thô ác bức bách.

Chữ, lời oán đối: Là tạo văn tự không có chỗ dựa trái với ngôn ngữ thô ác.

Oán giận: Là hủy nhục chỗ dựa.

Phát giận dữ: Là nói ra lời hiển phát ý lạc xấu ác. Sân hại: Là dùng tay v.v... mà gia hại.

Nhăn nhó mà trụ: Là giận hại rồi, sau đấy mặt mày cau có, im lặng mà trụ.

Sanh giận dữ khắp: Là thường xuyên nhớ nghĩ về tướng không lợi ích, ôm oán hận sâu, não loạn tâm. Hoặc sanh phiền não, não loạn tâm kia. Do nhân duyên ấy nên trụ nơi khổ. Như nói Bí-sô biếng nhác, xen lẫn các ác, nên trụ nơi các khổ.

Có khổ: Là kẻ kia thâu nhận khổ của vị lai.

Có thiếu thốn: Là kẻ kia xa lìa các phẩm thiện.

Có tai họa: Là kẻ kia có thể bị nhân của sự mê lầm khác. Có nóng bức: Là vào thời gian sau phát khởi nhiệt não.

Lại, nói khổ: Là câu nêu tổng quát. Có khổ: Là sầu khổ tương ưng.

Có thiếu thốn: Là lạc thọ bị biến hoại.

Có tai họa: Là ở trong thọ không khổ không lạc, đối với hai thứ không được giải thoát.

Có nóng bức: Là đối với Lạc v.v..., như chỗ thích hợp, có lửa tham sân si. Lại, đối với quá khứ có khổ, đối với vị lai có thiếu thốn.

Lại, Hại: Là hiển thị việc thâu nhận hiềm oán phẩm thượng. Địch, oán: Như trước đã nói.

Lại, hàng phục, diệt trừ: Là cùng với sĩ dụng chưa sanh, sanh khởi trái nhau.

Hủy hoại: Là cùng với sĩ dụng sanh rồi, trụ nơi trái nhau.

Bị kẻ khác thắng vượt: Là cùng với công năng chưa sanh, sanh khởi trái nhau.

Rơi rớt sau kẻ khác: Là cùng với công năng đã sanh, trụ nơi trái ngược.

Lại, không hàng phục, trừ diệt, không hủy hoại, không phải chỗ thắng vượt, có chỗ thắng vượt, các câu như thế, do các câu trước, về nghĩa nên biết.

Lại nữa, ở nơi đời trước không Trí: Nghĩa là không nhận biết rõ về tánh của pháp vô thường nơi các Hành quá khứ.

Nơi đời sau không Trí: Là không nhận biết rõ về tánh của pháp tận diệt nơi các Hành hiện tại.

Nơi đời trước sau không Trí: Là không nhận biết rõ về tánh của pháp sẽ sanh cùng tánh của pháp sẽ sanh rồi sẽ diệt nơi các Hành vị lai.

Kẻ kia, đối với việc không nhận biết rõ như thế: Tức dựa nơi đời trước v.v..., khởi tư duy không như lý: Ta, ở nơi đời quá khứ là từng có chăng? Cho đến nói rộng. Ta là ai, ai sẽ là ta? Nay, hữu tình này từ đâu mà đến? Ở đây, chết rồi sẽ đi tới chốn nào? Như thế là dựa nơi đời trước sau, tác ý không như lý. Đối với tánh của pháp vô thường như vậy, ngu si không rõ. Ở trong các Hành gắn chặt với Ngã kiến. Ở trong ở ngoài, cùng nơi hai thứ, chỉ có pháp tánh là không thể nhận biết rõ.

Trong, nghĩa là nội xứ. Ngoài nghĩa là ngoại tích. Trong ngoài tức là trụ xứ của căn cùng với pháp xứ. Do các pháp kia, ở bên trong có thể đạt được. Lại là thuộc về ngoại xứ.

Đối với Nghiệp, không Trí: Là đối với các Nghiệp, chỉ có Tánh của Hành không thể nhận biết rõ, mà suy tính sai lạc ta là kẻ tạo tác.

Đối với dị thục, không Trí: Là đối với hữu tình thế gian và Khí thế gian, hoặc nơi cảnh giới khác, là nhân của nghiệp dấy khởi, vọng chấp Tự tại là kẻ tạo tác, kẻ sanh khởi.

Đối với dị thục của Nghiệp, không Trí: Nghĩa là ngu tối đối khắp tất cả, theo nẻo tà kiến phỉ báng nghiệp quả. Đây tức nêu rõ phàm phu, ngoại đạo, ở trong các pháp hiện có không Trí.

Đối với Phật, không Trí: Là không nhận biết rõ về Pháp thân cùng các Hình tướng của Như lai.

Đối với Pháp, không Trí: Là không nhận biết rõ về tướng như khéo thuyết giảng v.v...

Đối với Tăng, không Trí: Là không nhận biết rõ về tướng như hành thiện v.v...

Đối với Khổ v.v..., không Trí: Là như các Kinh đã phân biệt về Tướng cùng trong mười sáu Hành đều không nhận biết rõ.

Đối với Nhân, không Trí: Nghĩa là ở trong các chi Hữu như Vô minh, có thể làm Tánh của nhân hiện có cho Hành, đã không nhận biết rõ.

Đối với Nhân đã sanh, không Trí: Là ở trong các chi Hữu như Hành v.v..., từ nhân như Vô minh v.v... đã sanh tánh, không nhận biết rõ.

Lại, đối với pháp của phẩm tạp nhiễm, thanh tịnh, nghĩa là thiện, bất thiện, có tội, không tội, lỗi lầm, công đức. Tương ưng nên tùy thuận đen

trắng: Nghĩa là Vô minh, phần minh. Đen, dị thục của đen. Trắng, dị thục của Trắng. Cùng phần có đối: Nghĩa là đen trắng, dị thục của đen trắng. Tất cả như thế đều từ nhân duyên sanh, nên gọi là Duyên sanh. Đối với tất cả điều ấy đều không nhận biết rõ, nên gọi là Không Trí.

Hoặc đối với sáu xúc xứ không thể thông tỏ khắp đúng như thật: Nghĩa là ở trong sáu xứ, thuận theo các xúc đã sanh như lạc thọ v.v..., chúng đã diệt, vắng lặng, mà không thể nhận biết rõ khắp như thật.

Lại, Gia hạnh này, Trí kiến hiện quán không thể thông đạt đúng như thật đối với pháp: Nghĩa là đối với pháp kia không nhận biết như thật.

Ở đây, đối với pháp kia: Là đối với như chỗ đã thuyết giảng, hoặc chỗ chưa thuyết giảng.

Không nhận biết: Là đối với điều không hiện thấy. Không thấy: Là đối với điều hiện thấy, hiện tiền.

Không hiện quán: Là đối với chỗ chứng đắc như thật không do duyên khác.

Đen tối: Là đối với sự thật kia không nhận biết đúng đắn. Ngu si: Là đối với sự không thật, vọng sanh tăng ích.

Vô minh: Là đối với sự việc nơi đối tượng nhận thức, không thể thiện xảo. Nơi các xứ kia không nhận biết rõ, đúng đắn. Tức ở trong nghĩa đã nêu giảng kia, cùng với danh cú văn thân, đều không thể hiểu rõ.

Hôn ám: Là Tà kiến hành tác phỉ báng tất cả. Lại, không mất nên bị chướng ngại, ngăn che, nói rộng như nơi Phần Nhiếp Sự. Lại, che phủ, ẩn mất, tối tăm, tối tăm khắp v.v..., nói rộng như nơi khế kinh nói về Ái.

Không cung kính: Là không tu tập cung kính. Không tôn trọng: Là không tin nơi đức kia.

Không quý chuộng: Là khiến cho chỗ mong muốn kia có thiếu thốn.

Không cúng dường: Là không hành thí các thứ lợi dưỡng.

Lại, không cung kính cho đến không cúng dường: Nên biết là câu sau lần lượt giải thích câu trước.

Lại, không cung kính, không tôn trọng, không tin là có mà lắng nghe pháp v.v..., nói rộng như nơi Phần Nhiếp Quyết Trạch.

Lại, không vâng nghe: Là không muốn nghe. Không nghe kỹ: Là Tâm tán loạn.

Tâm không trụ nơi phụng giáo: Là không muốn tu hành.

Không tu tập hành chánh: Là đối với pháp tùy pháp hành, không như ý lạc tu hành chánh đáng.

Lại không thọ học chuyển: Là đối với Thánh giáo của đại sư không thể chứng đắc.

Lại ưa thích ngủ nghỉ, sanh mạng luống qua: Là câu nêu chung.

Đường quyên (không thật): Là không thể tu tập nhân đi đến nẻo thiện.

Không Quả: Là không thể đạt được quả của nẻo thiện kia. Không nghĩa: Là không thể tu tập đạt được nhân của Niết-bàn. Không lợi: Là không thể đạt được quả của Niết-bàn.

Lại hỏi: Ít bệnh, ít não chăng? Là cảnh giới, thảy đều bình đẳng. Ít hành nghiệp chăng? Là hành nghiệp Gia hạnh không gì là không bình đẳng.

Đi đứng nhẹ nhàng, thuận lợi chăng: Là mong cần ăn uống, đã ăn uống rồi thì tiêu hóa dễ dàng.

Lại dốc sức, vui thích cùng không tội, như nơi địa Thanh văn, phần nói về ăn uống biết lượng đã nêu rõ tướng.

Lại, không xét chọn, không hết sức xét chọn, nói rộng như nơi địa Thanh văn.

Lại, không tư duy, không nêu xét v.v…, nói rộng cũng như nơi địa Thanh văn.

Lại nữa, thiếu: Là không tương ưng với lượng cao rộng. Nhỏ: Là tương ưng với lượng thấp, hẹp.

Ít: Là chỉ thọ nhận lượng ngôn thuyết của thế gian. Lại nữa, hoặc nơi dị môn: Là tự tướng có sai biệt. Hoặc ý nghĩa sâu xa: Là tướng tục có sai biệt.

Hoặc thù dị: Là tướng nhân có sai biệt.

Như thế gọi là Phần Gồm Thâu dị môn: Dị môn như vậy, ở trong các kinh, theo chỗ hiển bày rõ lớn, nói nhiều dụng: Là tóm lược rồi chọn tập, chỉ rõ nghĩa sai biệt. Ngoài ra, vô lượng chư Phật, Thế Tôn đã nói về dị môn cùng nghĩa có sai biệt. Do nơi lãnh vực này, do sở học này, do ngôn giáo này, phải nên siêng năng tinh tấn xét chọn riêng biệt về dị môn, dị nghĩa, an lập, hiển thị.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 85

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất

Đoạn 1:

Như vậy là đã nói về phần Gồm thâu dị môn.

- Thế nào là Nhiếp sự (gồm thâu sự)? Nghĩa là do ba xứ nên biết Nhiếp sự:

1. Sự Tố-đát-lãm.
2. Sự Tỳ-nại-da.
3. Sự Ma-đát-lý-ca.

- Thế nào là sự Tố-đát-lãm? Nghĩa là do hai mươi bốn xứ lược gồm thâu tất cả Khế kinh:

1. Khế kinh biệt giải thoát.
2. Khế kinh sự.
3. Khế kinh tương ưng với Thanh văn.
4. Khế kinh tương ưng với Đại thừa.
5. Khế kinh nghĩa chưa hiển bày rõ khiến hiển bày rõ.
6. Khế kinh nghĩa đã hiển bày rõ lại khiến sáng tịnh.
7. Khế kinh đã tạo từ thời trước.
8. Khế kinh xưng tán.
9. Khế kinh hiển thị phẩm đen.
10. Khế kinh hiển thị phẩm trắng.
11. Khế kinh không liễu nghĩa.
12. Khế kinh liễu nghĩa.
13. Khế kinh nghĩa lược, văn cú rộng.
14. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú lược.
15. Khế kinh nghĩa lược, văn cú lược.
16. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú rộng.

17. Khế kinh nghĩa sâu, văn cú cạn.

18. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú sâu.

19. Khế kinh nghĩa sâu, văn cú sâu.

20. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú cạn.

21. Khế kinh xa lìa lỗi lầm của vị lai.

22. Khế kinh xa lìa lỗi lầm hiện tiền.

23. Khế kinh trừ bỏ chỗ sanh nghi hoặc.

24. Khế kinh vì khiến cho Chánh pháp trụ lâu.

Khế kinh biệt giải thoát: Nghĩa là ở trong ấy, dựa nơi năm tụ phạm cùng ra khỏi năm tụ phạm để nói hơn một trăm năm mươi học xứ, vì khiến cho các thiện nam tự thọ nhận siêng năng tinh tấn tu học.

Khế kinh sự: Nghĩa là bốn A-cấp-ma:

1. Tạp A-cấp-ma.

2. Trung A-cấp-ma.

3. Trường A-cấp-ma.

4. Tăng nhất A-cấp-ma.

- Tạp A-cấp-ma: Nghĩa là ở trong đó, Đức Thế Tôn quán đối nơi các đối tượng được hóa độ kia, tuyên thuyết Như-lai cùng các đệ tử đã nêu giảng về các thứ tương ưng: Tương ưng của uẩn giới xứ. Tương ưng của duyên khởi, thực, đế. Tương ưng của niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi, niệm xuất nhập tức, học, chứng tịnh.

Lại dựa nơi tám chúng để nói về các tương ưng. Về sau, người kết tập, vì khiến cho Thánh giáo trụ lâu, nên kết tụng Ốt-đà-nam, tùy chỗ thích hợp, thứ lớp sắp đặt. Nên biết tất cả tương ưng như thế, lược do ba tướng. Những gì là ba? Đó là:

1. Chủ thể thuyết giảng.

2. Đối tượng được thuyết giảng.

3. Đối tượng được nghe thuyết giảng.

Nếu Như lai, hoặc đệ tử của Như-lai, là chủ thể thuyết giảng. Như phần đã nêu giảng của Phật, phần đã nêu giảng của đệ tử,

hoặc đối tượng đã nhận biết rõ, hoặc chủ thể đã nhận biết rõ, là đối tượng được thuyết giảng. Như phần tương ưng của năm thủ uẩn, sáu xứ, nhân duyên, cùng phần đạo phẩm. Nếu là chúng các Bí-sô, chúng Thiên ma v.v…, là đối tượng được nghe thuyết giảng.

Như kết tập phẩm, như vậy, vì tất cả thô lược, nêu lên, chủ thể thuyết

giảng, đối tượng được thuyết giảng, đối tượng được nghe thuyết giảng, tức tất cả sự, giáo tương ưng kia, tập hợp xen lẫn, thế nên gọi là

Tạp A-cấp-ma. Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng tướng xử trung khác mà thuyết giảng, thế nên gọi là Trung A-cấp-ma.

Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng tướng rộng dài khác mà thuyết giảng, thế nên gọi là Trường A-cấp-ma.

Tức giáo pháp tương ưng kia, lại dùng đạo lý của phần số tăng dần 1, 2, 3 v.v… mà thuyết giảng, do đó gọi là Tăng nhất A-cấp-ma.

Như vậy, bốn thứ "thầy trò" lần lượt truyền đến ngày nay. Do đạo lý ấy, thế nên gọi là A-cấp-ma. Đó gọi là Khế kinh sự.

Ở trong mười hai phần giáo, trừ phần Phương quảng, các phần còn lại gọi là Khế kinh tương ưng với Thanh văn. Tức phẩm Phương quảng gọi là Khế kinh tương ưng với Đại thừa. Ở đây, phân biệt về nghĩa như trước nên biết. Bốn thứ khế kinh như thế, do hai mươi thứ Khế kinh còn lại như khế kinh nghĩa chưa hiển bày rõ khiến hiển bày rõ v.v…, theo chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng. Từ đấy về sau, dựa vào chỗ nêu giảng nơi bốn Khế kinh này, sẽ nói về Ma-đát-lý-ca của khế kinh, vì nhằm quyết trạch chỗ thuyết giảng, nêu rõ, khen ngợi của Đức Như lai về khế kinh của bậc Thánh trước. Ví như không có chữ của "Bản mẫu" thì nghĩa không sáng rõ. Như thế thì "Bản mẫu" không gồm thâu nơi kinh nghĩa kia ẩn giấu nên nghĩa không sáng rõ. Cùng với đây trái nhau tức sáng rõ nghĩa. Do đó gọi là Ma-đát-lý-ca.

Tụng tổng quát nêu:

Giới lược giáo tưởng hành
Chóng thông nhân đoạn chi
Hai phẩm trí sự sanh
Không chán, thiểu dục trụ.

Tụng riêng nêu:

Giới nêu hành trước quan sát quả
Tưởng ngu vô thường cùng định giới
Hai loại thứ lớp phải nên biết
Phi đoạn phi thường cùng nhiễm tịnh.

Có bốn thứ hữu tình được hóa độ. Trước thường hành tập nơi giải thoát tà vạy theo cảnh giới tập thành do kiến chấp. Những gì là bốn? Nghĩa là ở trong tự thể của hữu trước, đời trước, thân trước, chỗ đạt được trước, lắng nghe thường kiến không phải Chánh pháp tăng thượng. Do sức tăng thượng của tác ý không như lý, nên đối với hiện tại, do chúng làm nhân, do

chúng làm duyên nên thường hành tập theo giải thoát tà vạy, nơi cảnh giới tập thành do kiến chấp. Như nói do thường kiến, thì do đoạn kiến, do hiện pháp Niết-bàn kiến, do Tát-ca-da-kiến, nói rộng cũng thế.

Ở đây, Đức Thế Tôn do sức tăng thượng của vô số trí lực thắng giải, vô số trí lực của cảnh giới, nên tìm cầu thắng giải trước kia cùng cảnh giới sau ấy, như chỗ thích ứng, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia, nên phần nhiều là chuyển bốn thứ giáo pháp. Hoặc vì trí khác chưa được thành thục, khiến cho thành thục. Trí đã thành thục thì khiến họ giải thoát khỏi các phiền não.

Vì hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ nhất, thuyết giảng nhân diệt nên hành diệt. Do môn hành tận, nói về tánh vô thường, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia. Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ hai, thuyết giảng nhân tập nên hành tập. Do môn hành khởi, nêu giảng về tánh vô thường, vì để điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ ba, do môn các hành khổ, chuyển giáo pháp chân chánh, vì nhằm điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Vì tùy theo hữu tình của cảnh giới tà vạy thứ tư, hoặc lìa các hành khởi hành của Tát-ca-da-kiến, do môn các hành không, chuyển giáo pháp chân chánh. Hoặc tức nơi các hành khởi hành của Tát-ca-da-kiến, do môn vô ngã chuyển giáo pháp chân chánh, vì nhằm điều phục cảnh giới giải thoát tà vạy kia.

Lại nữa, Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lược do ba thứ chi không không chung, nên không chung với ngoại đạo, gắn liền với số khéo thuyết giảng:

1. Tuyên thuyết về giải thoát cứu cánh chân thật.
2. Tuyên thuyết tức phương tiện của giải thoát kia.
3. Tuyên thuyết tức chỗ chứng đắc của tự nội nơi giải thoát kia.

- Thế nào là Giải thoát cứu cánh chân thật? Nghĩa là giải thoát rốt ráo cùng tất cả giải thoát, tức là quả của kiến đạo, cùng quả của tu đạo thuộc thế gian xuất thế gian đạt được sau đấy. Ở đây, quả của kiến đạo, nhân nơi rốt ráo nên được gọi là chân thật, nhưng không phải là cứu cánh. Đối với tất cả giải thoát, cũng có chỗ cần tạo tác.

Lại, Giải thoát có ba thứ:

1. Giải thoát của thế gian.
2. Giải thoát của bậc hữu học.

3. Giải thoát của bậc vô học.

Giải thoát của thế gian không phải là chân thật, vì có thối chuyển.

Giải thoát của bậc hữu học tuy là chân thật nhưng không phải là cứu cánh, vì còn có chỗ tạo tác. Nên biết giải thoát còn lại là gồm đủ hai thứ.

- Thế nào là Phương tiện? Nghĩa là ở trong các hành, dựa vào như tánh hiện có, cùng hết cả tánh hiện có, tu tưởng Vô thường. Dựa nơi Vô thường, tu tưởng Khổ. Dựa nơi Khổ, tu tưởng Không, Vô ngã. Nhân đấy được nhập nơi hiện quán đế. Do quan sát đúng đắn về cảnh của đối tượng nhận thức, nên đạt được chánh kiến. Do chánh kiến này làm chỗ dựa, nên trong phần vị tu đạo, đối khắp các hành, trụ nơi tưởng chán nghịch.

Hành giả vào lúc trụ ấy, tuy do tương ưng với thọ, nhớ nghĩ tư duy không hiện tiền nơi cảnh hiện tiền sáng rõ, nhưng không sanh hỷ. Do sức tăng thượng của hỷ không sanh, nên hành giả kia, vào lúc hành, tức ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên thuộc thọ kia không sanh nhiễm vướng. Hành giả, đối với tất cả cảnh giới đã cầu đạt, được ở trong ấy, hãy còn không mong cầu, huống chi là tham đắm, vướng mắc.

Hành giả do hoặc trụ hoặc hành như thế, nên đối với triền hỷ tham, mau chong có thể diệt hết, tâm thanh tịnh an trụ.

Lại, tức đối với chỗ đắc đạo như thế, tu tập rất nhiều làm nhân duyên, nên vĩnh viễn nhổ sạch tùy miên, thô trọng của phẩm kia, đạt được Giải thoát cứu cánh chân thật. Nên biết tức là tâm hoàn toàn giải thoát.

- Thế nào là Tự nội chứng đắc? Nên biết có bốn thứ tướng. Nếu vào lúc giải thoát của bậc hữu học chuyển, do hai thứ tướng nên huệ bên trong xúc chứng. Nghĩa là ta đã diệt hết các hành đã sanh trong các nẻo ác. Lại, ta đã dứt trừ hết các hành đã sanh của hữu sau còn lại nơi bảy đời, hai đời, một đời. Lại, ta đã trụ nơi đạo, có thể đạt đến cứu cánh, hoàn toàn không thối chuyển.

Nếu vào lúc giải thoát của bậc vô học chuyển, tức do hai thứ tướng như thế nên nội huệ xúc chứng. Nghĩa là ta đã hành tác để đoạn trừ tất cả phiền não còn lại nơi sự cầu học. Ta nay hãy không còn một đời nào nữa, huống chi là hai đời, bảy đời.

Lại, tùy chỗ vui thích, cũng có thể vì kẻ khác ký biệt như như thật.

Như thế gọi là Tự nội chứng đắc.

Lại nữa, tức giải thoát kia có hai thứ pháp tiền hành:

1. Pháp tiền hành của kiến.

2. Pháp tiền hành của đạo quả.

Pháp tiền hành của kiến: Nghĩa là do giải thoát cùng lực tăng thượng của sự chứng đắc nơi phương tiện tự nội kia, từ ngôn âm của kẻ khác khởi thiện diệu do Văn Tư Tu tạo thành, tác ý như lý, chưa nhập chánh tánh ly sanh thì có thể nhập chánh tánh ly sanh, đạt được chánh kiến xuất thế thấy đúng như thật.

Pháp tiền hành của đạo quả: Nghĩa là đạt được chánh kiến như thế rồi, lại khởi chánh tư duy còn lại, hoặc đồng thời sanh, hoặc thời sau sanh, nhập tiền hành của đạo là đoạn trừ các phiền não còn lại.

Lại nữa, vì muốn chứng đắc giải thoát chưa chứng đắc, nên phải quán xét tám sự. Nghĩa ở trong các hành, quan sát nẻo xuất ly các thứ lỗi lầm tai họa của ái vị, cùng lãnh hội, tư duy, quán xét kiến đạo, tu đạo của lực xét chọn. Ở trong các hành, lúc quán xét về ái vị, có thể khéo thông tỏ tự tướng hiện có của các hành ái vị. Tức đối với các hành, lúc quán xét về lỗi lầm tai họa, có thể khéo nhận biết rõ về cộng tướng của các thứ lỗi lầm tai họa nơi phần vị của ba thọ. Nghĩa là ở trong ấy rất ít ái vị, và nhiều các thứ lỗi lầm tai họa. Như thế là nhận biết rõ về sự nhiễm chấp ái vị có nhiều các thứ lỗi lầm tai họa cùng tương ưng rồi, ở trong tất cả hành của ái vị, theo chỗ sanh khởi phiền não dục tham, tức có thể trừ diệt, chế phục, đoạn bỏ. Đối với dục tham nay không hiện hành nên gọi là đoạn, không phải là vĩnh viễn lìa dục nên gọi là đoạn.

Lại, đối với sự kia, tâm chưa giải thoát. Hoặc đối với tùy miên hoàn toàn siêu vượt, mới vĩnh viễn lìa dục, tâm được giải thoát. Đó gọi là một môn quán xét sai biệt.

Lại, người tu hành, đối với các hành kia, lúc quán xét đúng đắn, trước dùng huệ do Văn tạo thành, như A-cấp-ma, nhận biết rõ về thể của hành là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên không cùng vô ngã. Hành giả tùy theo Thánh giáo, đạt thắng như thế, thông tỏ như thế. Đã thông tỏ rồi, lại dùng suy tính tương ưng với tư duy, tạo thành tác ý vi tế. Tức đối với cảnh kia nhận biết rõ như thật. Do sức tăng thượng của sự thông tỏ, nhận biết rõ như vậy, nên đối với luận pháp hiện hành tương ưng với phiền não kia, cùng các thứ lỗi lầm tai họa hiện có của đương lai đều quán xét đúng như thật. Do lực xét chọn làm chỗ dựa, nên nếu lại sanh khởi nhưng không thật vướng mắc, tức có thể lìa bỏ. Hành giả, do thông tỏ, nhận biết rõ như thế cùng lực xét chọn, tu tập nhiều, nên có thể nhập chánh tánh ly sanh. Đã nhập chánh tánh ly sanh rồi, do sức của tu đạo, nên dần lìa các dục. Hành giả do hai thứ lực xét chọn, kiến đạo, theo chỗ thích hợp, đoạn trừ các phiền não, tức là đoạn trừ khiến chúng không hiện hành cùng đoạn một phần. Do

sức của tu đạo nên lìa dục rốt ráo. Như vậy, do hai thứ trước nên dần dần lìa dục tham. Do sức của tu đạo, tâm được giải thoát.

Lại nữa, có hai thứ quả đoạn trừ phiền não và quả khổ diệt:

1. Quả do kiến đạo đoạn. Do chứng đắc quả ấy, nên có thể tự nhận biết rõ: Ta đã vĩnh viễn trừ bỏ các nẻo ác Na-lạc-ca, Bàng sanh, Ngạ quỷ. Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu là pháp không thối đọa, cho đến nói rộng.

2. Quả do tu đạo đoạn. Do chứng đắc quả ấy, nên có thể tự nhận biết rõ: Ta là thân sau cùng, tạm thời được giữ lấy. Hữu thứ hai v.v… vĩnh viễn không còn chuyển nữa.

Lại có hai thứ Khổ diệt:

1. Khổ diệt của vị lai, hiện tại là nhân.

2. Khổ diệt của hiện tại, quá khứ là nhân.

Lại có hai thứ Khổ diệt:

1. Khổ diệt của tâm.

2. Khổ diệt của thân.

Lại có hai thứ Khổ diệt:

1. Khổ diệt của hoại khổ, khổ khổ.

2. Khổ diệt của hành khổ.

Lại có hai thứ Khổ diệt:

1. Khổ diệt của nghiệp quả phi ái.

2. Khổ diệt của nghiệp quả khả ái.

Lại có phần ít các Thánh đệ tử đã kiến đế tích. Tuy đã vượt quá sự sợ hãi hiện có về khổ nơi các nẻo ác, nhưng do chưa vĩnh viễn dứt hết, tất cả kiết, nên tâm vẫn còn có sự sợ hãi về sanh già chết đối với đời vị lai cùng các phàm phu. Vì nhằm đoạn trừ sự sợ hãi ấy mà có thể phát khởi mong muốn mãnh liệt, cho đến chánh niệm cùng không phóng dật, siêng tu hành Quán.

Lại nữa, có hai thứ tướng của kẻ ngu tối. Đó là:

1. Đối với chỗ nên cầu đạt, không nhận biết như thật.

2. Đối với chỗ không phải nên cầu đạt, thì lại sanh khởi.

Những gì gọi là chỗ nên cầu đạt? Đó là Niết bàn, các hành hoàn toàn vắng lặng. Nhưng các kẻ ngu, đối với các hành không sanh đời vị lai đều không mong muốn. Đối với các hành sanh, chỉ có vui thích. Do nhân duyên ấy, tức đối với chỗ nên cầu đạt cùng các hành sanh các khổ hiện có, không nhận biết như thật.

Những gì gọi là không phải chỗ nên cầu đạt nhưng lại sanh khởi? Không phải là chỗ cầu đạt? Nghĩa là già bệnh chết, không yêu thương mà gặp gỡ, chỗ yêu thương mà biệt ly, chỗ mong muốn thiếu thốn sầu than ưu khổ, vô số nhiệt não. Kẻ kia, đối với các hành sanh khởi như thế lại sanh vui thích. Ở trong tất cả hành sanh là gốc, khởi sự vui thích, chấp trước sâu xa. Đối với các nghiệp hiện có, sanh là gốc, tạo tác, tích tập. Do nhân duyên này nên đối với khổ có sanh cùng các khổ sai biệt của già bệnh chết, sanh là gốc, không được giải thoát. Như vậy gọi là không phải chỗ nên cầu đạt mà lại sanh khởi.

Lại nữa, ở trong các hành, có bốn thứ quyết định:

1. Quyết định Vô thường.
2. Quyết định Khổ.
3. Quyết định Không.
4. Quyết định Vô ngã.

- Thế nào là Quyết định vô thường của các hành? Do ba thứ tướng, nên biết các hành quá khứ vị lai hãy còn nhất định là vô thường, huống chi là hiện tại. Những gì là ba? Đó là:

1. Trước không mà có.
2. Trước có mà không.
3. Khởi, diệt tương ưng.

Nếu hành vị lai, trước chỗ chưa có, nhất định không phải là có: Tức nên không phải trước không mà có. Như thế, nên không phải là quyết định vô thường. Do pháp kia lúc trước nêu đặt không phải có, không phải có là trước, thời gian sau mới có, thế nên các hành vị lai quyết định vô thường.

Nếu hành hiện tại từ duyên sanh rồi, quyết định là có: Tức nên không phải trước có mà không, các hành vị lai liền nên không phải là quyết định vô thường. Các hành hiện tại cũng nên không cùng với khởi diệt tương ưng. Do hành hiện tại, từ duyên sanh rồi, không phải là quyết định có. Do có là trước, nêu đặt không phải có, thế nên các hành quá khứ quyết định vô thường. Như thế, các hành hiện tại, nhân nơi hành vị lai trước không mà có, nhân nơi hành quá khứ trước có mà không. Do sợ nêu đặt khởi diệt tương ưng, thế nên nói nên biết các hành khứ lai, tánh vô thường hãy còn quyết định, huống chi là hiện tại. Đó gọi là Quyết định vô thường của các hành.

- Thế nào là Quyết định tánh khổ của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hãy còn là pháp khổ như sanh v.v…, huống chi là hiện tại. Vì sao?

Vì các hành quá khứ là khổ đã đi qua, các hành vị lai là khổ chưa đến. Các hành hiện tại là khổ hiện tiền. Đó gọi là Quyết định tánh khổ của các hành?

- Thế nào là Quyết định tánh không của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hãy còn định là tánh không, huống chi là hiện tại. Vì sao? Vì các hành vị lai về tánh chưa có, do đấy nên không. Các hành quá khứ, về tánh đã diệt, do đấy nên không. Các hành hiện tại tuy có, nhưng chưa là nghĩa của Diệt đế, tánh của Thắng nghĩa là chỗ xa lìa, do đấy nên không. Đó gọi là quyết định tánh không của các hành.

- Thế nào là Quyết định vô ngã của các hành? Nghĩa là các hành khứ lai hãy còn định rõ là vô ngã, huống chi là hiện tại. Vì sao? Vì các hành vị lai không phải là tướng của ngã, vì chưa hiện tiền. Các hành quá khứ không phải là tướng của ngã, vì đã vượt qua. Các hành hiện tại không phải là tướng của ngã, vì đang hiện tiền. Đó gọi là Quyết định vô ngã của các hành.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là Vô thường:

1. Do đời quá khứ đã diệt hoại.

2. Do đời hiện tại, vị lai là pháp nên diệt hoại. Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là Khổ:

1. Là pháp khổ như sanh v.v…

2. Là tánh của ba khổ.

Tướng của các khổ này, như trước nên biết.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là không:

1. Tánh lìa rốt ráo là không.

2. Tánh sau mới lìa là không.

Tánh lìa rốt ráo là không: Là trong các hành, tánh của ngã, ngã sở rốt ráo là không.

Tánh sau mới lìa là không: Nghĩa là, đối với mọi thứ phiền não đã đoạn, trong tâm giải thoát, tất cả phiền não thảy đều là không.

Lại do hai tướng, nên biết các hành quyết định là Vô ngã:

1. Các hành, tánh ở ngoài các chủng loại.

2. Các hành từ các duyên sanh không tự tại.

Lại do mười tướng nên biết bốn tướng quyết định của các hành. Nghĩa là do: Hư hoại. Biến đổi. Tướng biệt ly. Tướng của tánh ứng pháp. Không đáng yêu thích. Tướng không an ổn. Nên xa lìa. Tướng của tướng khác. Các tướng như thế, như nơi địa Thanh văn ở trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, dựa trong đạo xuất thế tu tác ý, có năm cảnh giới của phẩm

Ly hệ:

1. Cảnh giới đoạn trừ.
2. Cảnh giới không dục.
3. Cảnh giới diệt.
4. Cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y.
5. Cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Nghĩa là các hành được đoạn trừ do kiến đạo đoạn, gọi là cảnh giới đoạn trừ. Các hành được đoạn trừ do tu đạo đoạn, gọi là cảnh giới không dục. Tức ở đây chỉ là "Hữu dư y", nên gọi là cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y. Ở đây dựa vào diệt, nên gọi là cảnh giới diệt, cũng gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Tức năm cảnh giới này, do tất cả hành đã vĩnh viễn tịch tĩnh, nên gọi là các hành đã dứt. Do sự chấp trước của ngã, ngã sở, ngã mạn cùng với các tùy miên đều đã xa lìa, nên gọi là không. Do tất cả tướng đều đã xa lìa nên gọi là không chỗ thủ đắc. Ở trong cảnh giới đoạn trừ, tất cả tham ái hiện có ở trên thuận theo pháp hữu lậu đều xa lìa, nên gọi là ái dứt hết. Ở trong cảnh giới không dục, dục tham hiện có đều xa lìa, nên gọi là không dục. Ở trong cảnh giới diệt, cùng trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y, Vô dư y, theo chỗ ứng hợp đều vĩnh viễn dứt trừ, nên đều tịch tĩnh, tùy nơi thứ lớp kia, được gọi là diệt, cũng gọi là Niết-bàn.

Lại, ở trong cảnh giới đoạn trừ, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu chán lìa.

Nơi cảnh giới không dục, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu lìa dục.

Nơi cảnh giới diệt, chưa được, vì khiến được siêng năng tu tập, nên gọi là đối với các hành tu diệt.

Lại nữa, vì tâm giải thoát siêng năng tu tập, có hai thứ lần lượt:

1. Lần lượt của trí.
2. Lần lượt nơi quả của trí.

- Thế nào là lần lượt của trí? Nghĩa là ở trong các hành, trước khởi trí vô thường, do đạo lý sanh diệt kia xét chọn, nên sau đấy đối với hành tương ưng với sanh kia, quán là pháp sanh pháp già, cho đến là pháp sầu khổ, nhiệt não, do nhân duyên này, nên tất cả đều khổ. Đây tức dựa nơi trí vô thường ở trước, sanh trí khổ sau.

Lại, các hành kia do là pháp sanh, cho đến là pháp nhiệt não, tức là tử sanh duyên khởi, lần lượt lưu chuyển, do đạo lý của hành tướng không

được tự tại, nên không có ngã. Đây tức dựa vào trí khổ ở trước, sanh trí vô ngã sau.

Như vậy, quán vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Đó gọi là lần lượt của trí.

- Thế nào gọi là lần lượt nơi quả của trí? Nghĩa là chán lìa dục, nên giải thoát, giải thoát khắp.

- Thế nào là chán? Tức là hiện tiền có đối trị, nên khởi tưởng chán nghịch, khiến các phiền não không còn hiện hành.

- Thế nào là lìa dục? Nghĩa là do tu tập tâm chán lìa, nên tuy ở chỗ đối trị không tác ý tư duy, nhưng đối với cảnh của tất cả sự ái nhiễm, tham không còn hiện hành. Đây là do sức tăng thượng của sự chế phục, đoạn trừ.

- Thế nào là giải thoát? Tức ở nơi sự đối trị bằng chế phục, đoạn trừ ấy, tu tập nhiều, nên vĩnh viễn nhổ sạch các tùy miên. Như thế gọi là chán lìa dục, giải thoát thứ nhất có sai biệt.

Lại có sai biệt: Nghĩa là đối với phần vị chán nơi cảnh giới đoạn trừ hết sức thành mãn, nên gọi là chán. Tức nương dựa nơi chán, trừ xứ Phi tưởng phi phi tưởng, nơi các địa dưới còn lại lúc được lìa dục, thiết lập phần vị lìa dục, nên gọi là lìa dục. Đối với xứ Phi tưởng phi phi tưởng, lúc được lìa dục, thiết lập phần vị giải thoát, nên gọi là giải thoát. Đó gọi là chán lìa dục, giải thoát thứ hai có sai biệt.

- Thế nào là giải thoát khắp? Tức là do giải thoát các thứ tạp nhiễm của phiền não như thế, nên tạp nhiễm của các khổ như sanh cũng được giải thoát khắp. Đó gọi là giải thoát khắp.

Như vậy, do sức tăng thượng của trí, nên ở trong các hành khởi chán bỏ. Do hành tập chán bỏ nên được lìa dục. Do hành tập lìa dục nên được giải thoát cùng giải thoát khắp. Như vậy gọi là lần lượt nơi quả của trí.

Ở đây lại có bốn thứ chấp tà vạy, đó là:

1. Chấp tà vạy của kiến.
2. Chấp tà vạy của mạn.
3. Chấp tà vạy của tự nội.
4. Chấp tà vạy của giáo pháp khác.

- Chấp tà vạy của kiến: Nghĩa là ở trong các hành, chấp ngã, ngã sở.

- Chấp tà vạy của mạn: Tức ở trong các hành dấy khởi ngã mạn, chấp chỗ chấp tà vạy của kiến ở trước, gây chướng ngại cho hiện quán về tế. Sau, do chấp tà vạy của ngã mạn, gây chướng ngại cho việc đoạn trừ phiền não do tu đạo đoạn.

- Chấp tà vạy của tự nội: Nghĩa là ở riêng nơi chốn vắng vẻ, do phân biệt không đúng đắn làm chỗ dựa, nên chấp có thật ngã, hoặc chấp tà vạy của kiến, hoặc chấp tà vạy của mạn.

- Chấp tà vạy của giáo pháp khác: Nghĩa là do giáo pháp khác nên khởi tà chấp: Tức đây là ngã, đây là hành của ngã sở, ngã mạn chuyển.

Lại, đối với bên trong khởi phân biệt không đúng đắn, chấp ngã, ngã sở, gọi là nội tà chấp, cũng gọi là tà chấp phi giáo pháp khác. Tất cả tà chấp như thế đều vĩnh viễn đoạn dứt, nên biết đó gọi là quả của trí.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết các hành không phải là đoạn, không phải là thường. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Do hành không trụ làm nhân.
2. Nhân sanh rồi không trụ.
3. Nhân của các hành vị lai, tánh vắng lặng.

Ở đây, nhân của các hành vô thường, nên nhân sanh rồi trụ là không thể thủ đắc, nên biết các hành không phải là thường. Có thể sanh các hành vị lai, nhân hiện tại tánh diệt, nên biết các hành không phải là đoạn.

Lại có bốn duyên, có thể khiến cho các hành lần lượt lưu chuyển.

Đó là:

1. Nhân duyên.
2. Đẳng vô gián duyên.
3. Sở duyên duyên.
4. Tăng thượng duyên.

Tức bốn duyên này lược có hai thứ:

1. Nhân .
2. Duyên.

- Nhân chỉ cho nhân duyên. Ba thứ còn lại chỉ cho duyên. Lại, nhân duyên là chủng tử của các hành.

- Đẳng vô gián duyên: Tức là sáu thức trước cũng đẳng vô gián diệt của pháp tương ưng. Sáu thức sau cùng với đẳng vô gián sanh của pháp tương ưng.

- Sở duyên duyên: Là năm thức thân cùng do năm biệt cảnh làm đối tượng duyên (sở duyên). Thức thân thứ sáu, dùng tất cả pháp làm đối tượng duyên.

- Tăng thượng duyên: Nghĩa là năm thức cùng dùng chỗ dựa riêng biệt như mắt v.v… làm duyên tăng thượng, cùng dùng tác ý có thể sanh

làm duyên tăng thượng duyên. Thức thân ý cùng dùng thân bốn đại chủng và tác ý có thể sanh làm duyên tăng thượng.

Lại, nghiệp đã tạo ở trước, so với quả ái phi ái đã sanh, nên biết cũng là tăng thượng duyên. Như vậy, tư lương so với đạo, đạo so với đắc Niết-bàn, nên biết cũng là thuộc về tăng thượng duyên.

Lại nữa, do ba thứ sự, hai thứ tương ưng, nên quán xét về tạp nhiễm, thanh tịnh.

Thế nào là do ba thứ sự, quán xét tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh?

Đó là:

1. Ở trong các hành, quán xét về nhân duyên tạp nhiễm. Tức quán ái vị kia là ái vị.

2. Ở trong các hành, quán xét về nhân duyên thanh tịnh. Tức quán các lỗi lầm tai họa kia là lỗi lầm tai họa.

3. Ở trong các hành, quán xét về thanh tịnh. Tức quán sự xuất ly kia là nẻo xuất ly.

Như thế, tất cả tóm lược chung làm một, gọi là do ba sự, quán xét về tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh.

Thế nào là do hai thứ tướng, quán xét về tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? Đó là:

1. Do như tánh hiện có.

2. Do dứt hết tánh hiện có.

- Như tánh hiện có: Tức là ở trong các hành, hoặc ái vị, hoặc lỗi lầm tai họa, hoặc là xuất ly.

- Dứt hết tánh hiện có: Nghĩa là ở trong các hành dứt hết ái vị hiện có, dứt hết lỗi lầm tai họa hiện có, dứt hết xuất ly hiện có. Ở đây, quán xét các hành là duyên sanh lạc sanh hỷ. Đó gọi là đối với ái vị kia.

Lại, ái vị này hết sức là nhỏ hẹp. Như thế, do hai thứ tướng, quán xét ái vị hiện có như tánh hiện có.

Lại quán xét các hành là pháp vô thường, khổ, biến hoại. Đó gọi là đối với lỗi lầm tai họa kia. Lại, lỗi lầm tai họa này là hết sức rộng lớn. Như thế là do hai thứ tướng, quán xét các lỗi lầm tai họa như tánh hiện có.

Lại quán xét ở trong các hành, dục tham đã diệt, đã đoạn, đã ra khỏi. Đó gọi là đối với nẻo xuất ly kia. Lại, nẻo xuất ly này là tịch tĩnh, là an ổn rốt ráo vô thượng. Như vậy, do hai thứ tướng quán xét về nẻo xuất ly như tánh hiện có.

Lại, tức ái vị này, tức lỗi lầm tai họa này, tức nẻo xuất ly này, ở trong

các hành, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, đều quan sát, xét kỹ. Nên biết đó gọi là, đối với các pháp kia, tức ái vị, lỗi lầm tai họa, nẻo xuất ly-quán xét như tánh hiện có.

Lại, vì nhằm nhận biết rõ thể tánh của ba sự như thế là có, nên biết có ba thứ hữu tình riêng:

1. Chúng hữu tình đối với các dục nhiễm vướng.

2. Chúng hữu tình đối với các dục xa lìa.

3. Chúng hữu tình đối với các dục lìa trói buộc.

Đối với ba xứ ấy, lại có ba thứ thế gian ngu si. Nghĩa là hoặc Thiên thế gian, hoặc Sa-môn Bà-la-môn, hoặc chư Thiên, Nhân. Ba thứ thế gian như thế, do ba nhân duyên, nên biết đã an lập:

1. Do được dục tự tại cùng tịnh tự tại. Nghĩa là thế gian của hoặc Ma hoặc Phạm.

2. Do siêng năng tu đạt được nhân kia. Nghĩa là như Sa-môn, Bà-la-môn.

3. Hướng đến vô số nhân quả của nghiệp. Nghĩa là như chư Thiên, Nhân.

Lại, đối với ba xứ này, theo chỗ ứng hợp, có thể đoạn trừ, tác chứng. Có hai thứ đạo lìa bốn tâm điên đảo, nghĩa là đã nhập kiến địa cùng ở nơi tu đạo trên, tu tập nhiều, an trụ.

Lại, hai thứ đạo ấy, có bốn thứ tướng, là quả giải thoát của tâm:

1. Tướng giải thoát khỏi trói buộc của tham sân.

2. Tướng xuất ly của dục tham đã diệt đoạn.

3. Tướng lìa trói buộc của chín kiết.

4. Tướng giải thoát khỏi các khổ như sanh v.v…

Ở đây, ba tướng trước hiển thị giải thoát phiền não của xứ thân, một tương sau hiển thị giải thoát các khổ của xứ quả.

Nơi nghĩa này, ví như có người ở tại lao ngục bị nhiều thứ trói buộc. Đó là hoặc cây, hoặc dây, hoặc xiềng sắt, lại sai kẻ khác khiến phòng giữ người này… Như vậy, người kia bị tất cả các thứ trói buộc, nếu có thể thoát được, mới gọi là từ hết thảy mọi trói buộc mà được giải thoát. Như thế, đối với ba xứ nơi thế gian kia, hữu tình ngu si bị vô số thứ trói buộc, nên biết tức ví như sự trói buộc của tham sân si. Kẻ kia giữ lấy điều cấm, ví như không tầm tư đúng đắn cùng chưa vĩnh viễn dứt bỏ tùy miên của phiền não. Không tầm tư đúng đắn, nên hãy còn không khiến chuyển động, huống chi

là được lìa dục, mà lánh xa. Tùy miên của phiền não chưa vĩnh viễn dứt trừ, nên tuy phương tiện của đạo thế gian đã được lánh xa đến cõi Hữu đảnh, sau chấp sắp trở lại.

Dục diệu khả ái ví như chín kiết. Do kiết kia nên khiến hữu tình ở nơi sanh tử, tự nhiên vui thích chấp trước, đối với sự trói buộc của chính mình không muốn giải thoát. Hữu tình kia, đã bị vô số thứ trói buộc buộc chặt hết sức như thế, lại có bốn thứ ma oán, theo chỗ mong muốn, dùng các khổ như sanh v.v… mà gia hại.

Nếu có thể từ các thứ trói buộc kia khéo giải thoát, mới có thể gọi là từ tất cả sự trói buộc mà được giải thoát.

Lại nữa, tụng nêu:

Lược giáo, giáo quả, trọn gắn số
Ba trí chấp đoạn buộc, giải thoát
Kiến, mạn, tạp nhiễm, tịnh nêu câu
Xa lìa bốn, đủ ba viên mãn.

Do ba nhân duyên, có các Thanh văn đi đến chỗ Đại sư, xin lược chỉ dạy trao truyền. Những gì là ba?

1. Hạng chỉ cho đa văn là cứu cánh.

2. Hạng đối với các hành khác mà chán bỏ. Sanh kiến giải như vầy: Chỉ lược nghe pháp, đủ để đạt được tự nghĩa, đâu cần dựa vào đa văn, cho là cứu cánh. Chính là tu hành đúng đắn là sự thật. Lại dứt bỏ đa văn là dục cứu cánh.

3. Hạng có sợ hãi đối với chỗ tạo tác nhiều của phần nhập môn. Vì do phương tiện khéo léo mà được nhập.

Hoặc có trường hợp tức kẻ kia đã ở nơi nhiều pháp khéo lắng nghe, suy xét. Kẻ kia suy niệm: Ta đối với nhiều pháp đã khéo lắng nghe, suy xét. Nếu ta hôm nay đều đã lắng nghe, suy xét các pháp đã đạt được dùng làm chỗ nương dựa. Đối với cảnh của tâm trụ cùng cảnh giải thoát muốn giữ lấy tâm, sẽ không khiến ta tác ý tán loạn, vì như thế thì tâm trụ hãy còn không thể đạt được, huống chi là giải thoát.

Lại, ở trong tất cả pháp đã lắng nghe, đã suy xét, nếu không được quyết định, thì sẽ dựa vào cái gì để mau chóng chứng đắc thông huệ? Sẽ dựa vào cái gì để mau chóng được xuất ly? Sẽ duyên nơi cảnh gì mà được tâm an trụ? Sẽ duyên nơi cảnh gì mà được giải thoát?

Kẻ kia đã tự không quyết định như thế, nên hoặc đối với Đại sư, hoặc đệ tử của Như lai hiện tiền được nhiều người biết đến, thấy rồi tức liền đi tới, xin lược chỉ dạy, trao truyền.

Lại nữa, nên biết chỉ dạy trao truyền đúng đắn có bốn thứ quả của tự nghĩa đạt được. Nghĩa là vì sự xuất gia này , cùng xuất gia như thế. Tức hình tướng đầy đủ. Hành nghiệp đầy đủ. Ý lạc đầy đủ. Xứ bỏ, lấy đầy đủ. Dựa vào đấy nên có thể đắc vô thượng, đắc hiện pháp, đắc tự nhiên, đắc nội chứng.

Lại nữa, có sáu thứ chết:

1. Chết quá khứ.
2. Chết hiện tại.
3. Chết không điều phục.
4. Chết điều phục.
5. Chết đồng phận.
6. Chết không đồng phận.

- Chết quá khứ: Nghĩa là các hành quá khứ mất, cho đến mạng căn diệt nên chết.

- Chết hiện tại: Nghĩa là các hành hiện tại mất, cho đến mạng căn diệt nên chết.

- Chết không điều phục: Nghĩa là đối với đời quá khứ không điều không phục. Hành có tùy miên, lần lượt là tùy miên. Thế tục nói là tùy miên của sĩ phu, mà mạng chung rồi, ở nơi đời hiện tại kiết sanh tương tục, thuộc về hành có tùy miên, tự thể mà được sanh khởi. Đối với đời hiện tại, cho đến thọ mạng hết cũng lại như thế. Không điều không phục, nói rộng cho đến mạng chung rồi, tự thể của vị lai lại được sanh khởi. Lại có thể thâu nhận lấy hành có tùy miên. Do thâu nhận lấy chúng dùng làm nhân, nên liền bị các khổ như sanh v.v… trói buộc, cũng bị sự trói buộc lớn như tham v.v… buộc chặt.

- Chết điều phục: Tức là đối với đời hiện tại đã điều đã phục, không có tùy miên. Mạng chung rồi, tự thể của vị lai không sanh khởi nữa, cũng không thâu giữ lấy hành có tùy miên, không thâu giữ lấy chúng dùng làm nhân, nên giải thoát các khổ như sanh có sai biệt, cũng lại giải thoát sự trói buộc lớn như tham v.v…

- Chết đồng phận: Nghĩa là như quá khứ không điều không phục từng xả bỏ thân mạng, đối với đời hiện tại cũng lại như thế mà xả bỏ thân mạng. Nên biết như vậy gọi là chết đồng phận, gọi là chết tương tợ, gọi là chết tùy thuận.

Hoặc đối với quá khứ không điều không phục, xả bỏ thân mạng rồi, đối với đời hiện tại đã điều đã phục mà xả bỏ thân mạng, nên biết đấy gọi

là chết không đồng phận, chết không tương tợ, chết không tùy thuận.

Hoặc đối với hiện tại, hành có tùy miên, lần lượt là tùy miên, mà lúc mạng chung, như chết quá khứ, gọi là chết đồng phận, cùng chết tùy thuận, không như quá khứ, lúc mạng chung, không thể thâu giữ lấy các hành đồng phận của chỗ kiết sanh tương tục nơi vị lai.

Lại, sáu thứ chết này, nên biết có hai thứ tướng:

1. Tướng lỗi lầm tai họa của các hành lưu chuyển.
2. Tướng thắng lợi của các hành hoàn diệt.

Nếu đối với quá khứ cùng đối với hiện tại không điều không phục, đồng phận mà chết. Lại, đối với vị lai nhận lấy các khổ như sanh v.v…, cùng bị phiền não như tham v.v… trói buộc, gọi là tướng lỗi lầm tai họa của các hành lưu chuyển.

Nếu đối với hiện tại đã điều đã phục, chết không đồng phận, lại nơi vị lai không nhận lấy các khổ, giải thoát khỏi sự trói buộc của tất cả phiền não, gọi là tướng thắng lợi của hành hoàn diệt.

Lại nữa, do tám thứ tướng, được nhập ở trong số sĩ phu của ngôn thuyết thế tục do các hành sanh khởi. Đó là:

1. Tên gọi như thế.
2. Chủng loại như thế.
3. Tộc họ như thế.
4. Ăn uống như thế.
5. Lãnh nhận như thế, hoặc khổ hoặc vui.
6. Sống lâu như thế.
7. Trụ nhiều như thế.
8. Biên vực của thọ lượng hiện có như thế.

Các tướng như vậy, ở trong túc trụ niệm của địa Bồ tát, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, do ba thứ tướng, ở trong các hành, nên biết vô ngã nơi biến trí cùng đoạn. Đó là:

1. Biến trí nơi trong.
2. Biến trí nơi ngoài.
3. Biến trí nơi trong ngoài.

Đoạn cũng như thế, theo chỗ ứng hợp. Đó là các hành đều không có ngã, không có ngã sở, cũng không có hỗ tương hệ thuộc khác. như thế nên biết, đối với trong ngoài cùng biến trí và đoạn.

Ở đây, do trí pháp trụ đạt được quyết định, biến trí thường tập như thế nên xả bỏ tùy miên hiện có tương ưng kia, đạt được đoạn trừ rốt ráo. Nên biết trong đó, vì đối với các hành chưa được biến trí, khiến đạt được, nên Đại sư Như lai thuyết giảng Chánh pháp cốt yếu. Nếu đối với các hành đã được biến trí nhưng chưa vĩnh viễn đoạn trừ, vì khiến chỉ đối với biến trí đã đạt được như trước, nên luôn hành tập, được vĩnh viễn đoạn trừ, lại thêm khuyên dẫn.

Lại nữa, ở trong sanh tử mà lưu chuyển: có ba thứ trói buộc. Do sự trói buộc này nên tâm khó giải thoát. Nên biết ở đây chỉ có Pháp-Luật khéo thuyết giảng mới có thể khiến giải thoát, không phải do thuyết ác. Những gì là ba? Đó là:

1. Các sự hữu lậu đã trói buộc của các kiết còn lại, trừ kiết ái.
2. Các sự hữu lậu đã cấu nhiễm của kiết ái.
3. Các hành có thể sanh hữu sau của vị lai.

Đối với ba thứ trói buộc này, do ba nhân duyên nên tâm khó giải thoát. Đó là:

1. Do vô số.
2. Do bền chắc, nên đáng yêu thích.
3. Do vi tế.

Lại do năm tướng khiến hữu sau bị trói buộc. Nên biết có năm ngã mạn hiện hành:

1. Chỗ dựa.
2. Đối tượng duyên.
3. Trợ bạn.
4. Tự tánh.
5. Nhân quả.

Nên biết ở đây, Tát-ca-da-kiến dùng làm chỗ dựa. Chấp ngã nơi vị lai, hoặc sẽ là có, hoặc sẽ là không có, do có không có làm cảnh của đối tượng duyên. Trong đó, không có làm cảnh của đối tượng duyên chỉ có một loại, còn có làm, đối tượng duyên thì có năm loại:

1. Ngã sẽ có sắc.
2. Ngã sẽ không sắc.
3. Ngã sẽ có tưởng.
4. Ngã sẽ không tưởng.
5. Ngã sẽ phi có tưởng, phi không tưởng.

Hết thảy như thế gồm thâu chung làm một, hợp có sáu thứ cảnh giới của đối tượng duyên.

- Nói trợ bạn: Nghĩa là tâm động loạn.

- Nói tự tánh: Là nêu riêng hành tướng là tự tướng kia. Tự tánh của hý luận là cộng tướng kia. Tất cả phiền não là tánh hý luận.

- Tánh nhân quả: Nghĩa là có thể chiêu cảm sanh là tánh của nhân. Tạo tác nghiệp là sự theo đuổi của hành ái.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết tâm khéo giải thoát. Đó là:

1. Đối với các hành nhận biết rõ khắp.

2. Đối với các hành tương ưng với các phiền não đã đoạn trừ, được tác chứng.

3. Phiền não đoạn rồi, nơi tất cả xứ, an trụ lìa ái.

Lại ở trong ấy, do bốn thứ hành nên ở trong các hành có thể nhận biết rõ khắp như tánh hiện có. Nghĩa là vô thường v.v…

Do mười một hành, nên ở trong các hành có thể nhận biết rõ khắp hết thảy tánh hiện có. Tức là quá khứ, vị lai v.v…, như trước đã nói rộng.

Lại nữa, có hai thứ, năm thứ tạp nhiễm cùng năm thứ tướng nhân.

Hai thứ như thế, các hàng hữu học nên biết nên đoạn. Các bậc vô học đã biết đã đoạn. Những gì là hai? Đó là:

1. Tạp nhiễm của kiến.

2. Tạp nhiễm của mạn.

Hai thứ này, nên biết thành năm thứ sai biệt: Tức là do hành, triền, tùy miên. Những gì là năm? Đó là:

1. Chấp ngã.

2. Chấp ngã sở.

3. Ngã mạn.

4. Chấp trước.

5. Tùy miên.

Nên biết trong đó, ba thứ chấp ngã, ngã sở, ngã mạn là chỗ nương dựa. Nơi sự của đối tượng duyên cố chấp, chấp giữ chỉ có đế này là thật, các thứ khác đều là hư vọng. Nên biết ở đây, do lý của triền gọi là chấp trước. Tức chủng tử kia, theo chỗ buộc nối tiếp gọi là tùy miên.

Lại, có thức thân cùng sự bên ngoài, nên biết là tướng của năm thứ nhân kia. Nghĩa là tướng nhân của chấp ngã, cho đến tướng nhân của tùy miên. Tức tướng nhân này lại có hai thứ:

1. Tướng nhân của đối tượng duyên.

2. Tướng nhân của nhân duyên.

Chấp ngã, ngã mạn, do có thức thân, là tướng nhân của đối tượng duyên. Chấp ngã sở, do chung hai thứ, là tướng nhân của đối tượng duyên. Chấp trước kia, do nghe không phải Chánh pháp, tác ý không như lý, cùng tùy miên kia, là tướng nhân của nhân duyên. Tùy miên ấy, do không nhận biết rõ đúng như thật về phiền não của các hành, các triền thường xuyên hành tập, là tướng nhân của nhân duyên.

Lại nữa, có bốn thứ chúng hữu tình, nên biết trong đó an lập tạp nhiễm. Đó là:

1. Chúng hữu tình ngoại đạo.

2. Chúng hữu tình là phàm phu của pháp này.

3. Chúng hữu tình hữu học.

4. Chúng hữu tình vô học.

Trong chúng hữu tình ngoại đạo có đủ tất cả. Nơi chúng hữu tình là phàm phu của pháp này, bốn thứ có thể đạt được cùng tướng nhân kia và chấp trước một phần tướng nhân, nhưng chấp trước không thể đạt được.

Trong chúng hữu tình hữu học: Hai thứ chấp ngã, ngã sở cùng tướng nhân của ngã chấp trước tùy miên đều không thể thủ đắc và ngã mạn chấp trước cùng tướng nhân kia, nhưng có tùy miên của ngã mạn có thể đạt được.

Nơi chúng hữu tình vô học: Tất cả đều không thể thủ đắc.

Lại, chúng hữu tình ngoại đạo gồm hành hiện có. Chúng không bị đoạn trừ. Chúng hữu tình là phàm phu của pháp này đã tu các hành, chính là đoạn chúng nhưng chưa có thể đoạn, chưa thấy như thật. Chúng hữu tình hữu học đã đoạn một phần, vì đoạn phần còn lại nên lại tu hành chánh, tuy thấy như thật, nhưng không tự xưng: Ta đã có thể thấy. Cũng chưa đạt được tận trí, vô sanh trí.

Chúng hữu tình vô học, tất cả đã đoạn, ở trong các hành, tự nêu bày: Ta đã thấy như thật.

Lại nữa, có tám thứ câu nói thanh tịnh. Những gì là tám? Nghĩa là do vượt quá kiến, mạn, nên gọi là hai thứ câu nói thanh tịnh vượt quá ý. Do đoạn trừ tướng nhân kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh trừ tướng. Do đoạn trừ chấp trước kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh tịch tĩnh. Do đoạn dứt tùy miên kia, nên gọi là câu nói thanh tịnh khéo giải thoát.

Lại nữa, hàng hữu có hai thứ câu nói thanh tịnh. Nghĩa là ở trong tất cả hành của hữu sau, do đạo lý không hiện hành, nên gọi là đã cắt đứt tham

ái, cùng chuyển ba kiết. Bậc vô học có hai câu nói thanh tịnh. Tức là dứt mạn, hiện quán, cùng tất cả tùy miên tham ái của gốc khổ đã vĩnh viễn dứt trừ, nên gọi là đã tạo biên vực khổ.

Như thế, tất cả gồm thâu chung làm một, hợp có tám thứ câu nói thanh tịnh.

Lại nữa, do bốn chi nên xa lìa đầy đủ, gọi là khéo gồm đủ. Những gì là bốn? Đó là:

1. Không có phần thứ hai mà trụ.

2. Ở nơi biên vực ngọa cụ.

3. Thân kia xa lìa.

4. Tâm kia xa lìa.

Nghĩa là, nơi cảnh giới của gia đình đã sanh các tướng tầm tư về tham dục giận dữ, thảy đều xa lìa. Dựa vào không phóng dật, phòng giữ nơi tâm. Lại do năm tướng, phát khởi siêng năng tinh tấn, mau chóng chứng đắc thông huệ:

1. Người có uy lực, do mặc áo giáp tinh tấn.

2. Người có tinh tán, do gia hạnh tinh tấn.

3. Người có dũng mãnh, do ở trong pháp rộng lớn, tinh tấn không khiếp nhược.

4. Người có kiên trì, do tinh tấn, đối với nóng lạnh, ruồi muỗi v.v… đều không thể làm cho khuynh động.

5. Người không bỏ gánh nặng thiện, do tinh tấn đối với phần thấp kém không hề biết đủ.

Lại vì nhằm đoạn trừ các thứ tùy phiền não như hôn trầm, thùy miên, trạo cử, ố tác, như thứ lớp nơi phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nguyện hành Chỉ, Quán đúng đắn không có hoại mất.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng, có ba thứ miên mãn. Đó là:

1. Hành viên mãn.

2. Quả viên mãn.

3. Sư viên mãn.

- Hành viên mãn: Nghĩa là vì xúc chứng nơi cảnh giới đoạn trừ, không dục, tịch diệt, nên lắng nghe Chánh pháp, vì kẻ khác diễn nói, tự tu hành chân chánh, pháp tùy pháp hành. Đó gọi là Hành viên mãn.

- Quả viên mãn: Tức do sức tăng thượng của pháp tùy pháp hành này,

nên tâm khéo giải thoát, lại có thể chứng đắc Niết bàn của hiện pháp. Đó gọi là Quả viên mãn.

- Sư viên mãn: Nghĩa là có thể dẫn phát pháp của tất cả phạm hạnh, đều do Đức Thế Tôn làm căn bản, đều do Đức Thế Tôn chuyển pháp nhãn, đều dùng Đức Thế Tôn làm chỗ dựa. Do Đức Như Lai xuất thế có giáo pháp có thể nhận biết, nên nói Đức Thế Tôn là căn bản của sự viên mãn kia.

Phật xuất hiện ở đời đã quán đối các hữu tình được hóa độ kia, thuyết pháp nhãn chân chánh, sư cùng đệ tử lần lượt truyền nối tiếp, nên nói Đức Thế Tôn chuyển pháp nhãn chân chánh. Chuyển pháp nhãn rồi, nếu có người ở trong ấy sanh các nghi hoặc, thì chỉ dựa nơi Đức Thế Tôn mới có thể quyết định rõ, nên nói Đức Thế Tôn là chỗ nương dựa.

Lại, sư thuyết pháp lược có hai loại:

1. Do giáo pháp.
2. Do chứng đắc.

Ở đây, do từ bỏ kẻ khác nghe Chánh pháp rồi mà nêu giảng, là dựa vào sự chứng đắc nơi đạo học, đạo vô học rồi tuyên thuyết.

-oOo-